LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 181

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

SỐ 2036
(QUYỂN 3 →22)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2036

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 3

CHU CHIÊU VƯƠNG (Kỷ Sửu, Quý Sửu)

Tên là Hà con của Khương Vương. Vương đạo suy vi, ông tuần thú phía Nam, do thuyền bị chìm và ông mất. Ông trị vì được năm mươi mốt năm.

Ngày tám tháng tư năm thứ hai mươi lăm, Bậc Đại Thánh hiện điềm lành Voi trắng, cỡi mây đi xuống, đất chấn động bảy cách. Ngài giáng trần trong thai, đi vào từ hông bên phải, chứ đâu như cầu vòng xuất hiện, biểu trưng Thánh Nhân nhập diệt.

THẾ TÔN GIÁNG SINH:

Giáp Dần: Ngày tám tháng hai, Thế Tôn đản sinh dưới bóng cây Sa-la-xoa, trong vườn Lâm-tỳ-ni ở nước Ca-tỳ-la-vệ. Ngài xuất thai từ hông bên phải của hoàng hậu Ma-gia. Ngài thuộc dòng dõi Sát-lợi, cha là Tịnh Phạn thiên, mẹ là Đại Thanh Tịnh. Lúc ngài sinh có chín con rồng phun nước tắm. Sau khi tắm trong bồn vàng xong, ngài bước đi bảy bước và nói: "Ta thọ thân lần này là lần sau cùng, trên trời dưới đất chỉ ta là bậc tôn quý".

Ngài có ba mươi hai tướng đại nhân, thân tướng đẹp đẽ, vô cùng trang nghiêm. Ba mươi hai tướng tốt này, các kinh ghi chép có phần khác nhau. Nay chỉ y cứ theo một thuyết; ba mươi hai tướng đó là:

1. Lòng bàn chân bằng phẳng, đầy đặn.
2. Dưới bàn chân có một ngàn nan hoa như bánh xe.
3. Tay mềm dẻo như lụa Đâu-la.
4. Giữa các ngón tay có lớp màng mỏng như ngỗng chúa.

5. Các ngón tay thon dài.
6. Gót chân đầy đặn.
7. Mu bàn chân nổi cao.
8. Hai cánh tay căng tròn.
9. Hai bắp chân đầy đặn như bắp chân nai chúa Y-ni-diên.
10. Nam căn ẩn kín bên trong như Tượng vương, Mã vương.
11. Lông trên thân màu xanh xoay qua phải.
12. Lông tóc đều xoáy lên trên.
13. Da trên thân màu vàng.
14. Da mịn không dính bụi.
15. Bảy nơi đều đầy đặn.
16. Vai, cổ rất đẹp.
17. Hai nách đầy.
18. Dung nghi hồng hào.
19. Thân tướng đoan nghiêm.
20. Toàn thân tròn trịa.
21. Cằm, ngực như Sư tử.
22. Ánh sáng trên thân chiếu xa một trượng.
23. Răng trắng, đều, khít.
24. Bốn mươi cái răng sáng sạch.
25. Cổ họng thường có tân dịch thượng vị.
26. Lưỡi che kín cả mặt.
27. Tiếng Phạm âm tấn-già.
28. Tướng mắt xanh biếc.
29. Mắt như Ngưu vương.
30. Mặt như trăng tròn.
31. Lông trắng giữa hai chân mày.
32. Tướng nhục kế trên đỉnh đầu.

Lại có tám mươi vẻ đẹp tùy hình, như trong kinh Bát-nhã... có nói rất đầy đủ.

Bính Thìn: Thái tử được ba tuổi, phụ vương dẫn ngài vào lễ miếu thờ thần, tượng thần đều đứng cả dậy, phụ vương thất kinh thốt lên: Con ta quả thật là Bậc Thiên Trung Thiên.

Canh Thân: Thái tử được bảy tuổi đến bái kiến các danh sư để học tập thư điển thế gian.

Quý Hợi: Thái tử được mười tuổi, cùng mấy anh em trong dòng tộc thử sức. Ngài dùng tay nhấc bổng một con voi ở ngoài thành, bắn tên xuyên thủng bảy lớp trống sắt.

THẾ TÔN XUẤT GIA:

Giáp Tý: Thái tử dạo chơi bốn cửa thành thấy các cảnh sinh, lão, bệnh, tử.

Ngài dạo chơi cửa Bắc gặp một người xuất gia, trong tâm rất vui mừng. Đêm tám tháng hai, Tịnh cư thiên cảnh báo rằng: Thời gian Thái tử xuất gia đã đến! Ngài liền cỡi ngựa vượt thành, đến núi Bàn-đặc, dùng kiếm cắt tóc, vào vùng A-lam-ca ở Di-lâu sơn tu tập Vô sở hữu xứ định.

Mậu Dần: Ở đây ghi theo thuyết: Sáu năm khổ hạnh, ba mươi tuổi thành đạo.

Có thuyết nói: Xuất gia ngày tám tháng mười hai. Các bộ phái đều có những thuyết rất khác nhau. Trong sớ của ngài Huyền Tán nói: Tổng hợp các dị thuyết ấy, đúc kết thành hai thuyết sau:

Tiểu thừa bộ: Mười chín tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo. Trong kinh Bản Khởi, Nhân Duyên, cũng nói mười chín tuổi xuất gia. Trong kinh Tư Duy Vô Tướng Tam-muội nói: Ba mươi tuổi thành đạo. Trong Trí Độ Luận cũng nói mười chín tuổi xuất gia, nhưng không nói thành đạo vào lúc nào.

Đức Phật trụ thế chính xác là tám mươi năm. Có thuyết nói: mười chín tuổi xuất gia, năm năm thờ tiên nhân tu lạc hạnh, sáu năm tu khổ hạnh, ba mươi tuổi thành đạo. Đại Trí Độ Luận theo thuyết này.

Tiểu thừa và Đại thừa bộ: Hai mươi chín tuổi xuất gia, ba mươi lăm tuổi thành đạo. Trong Tăng Nhất A-hàm, Trung A-hàm và Tạp A-hàm, kinh Xuất Diệu và Tu Mật Luận đều nói hai mươi chín tuổi xuất gia.

Kinh Bi Hoa, Thiện Kiến luận nói: Ba mươi lăm tuổi thành đạo. Trong kinh Bản Khởi nói: Ba mươi lăm tuổi thành đạo.

Trong bài kệ dẫn kinh của Bồ-đề-lưu-chi ghi:

Tám năm làm anh nhi
Bảy năm làm đồng tử
Bốn năm học ngũ minh
Mười năm hưởng dục lạc,
Sáu năm tu khổ hạnh
Ba mươi lăm tuổi thành đạo
Trong bốn mươi lăm năm
Giáo hóa khắp chúng sinh.

Ngài Chân Đế và trong Tây Vực ký đều nói y như đây. Kinh Kim Quang Minh, kinh Báo Ân... đều nói Phật thọ tám mươi tuổi. Nếu mất

năm Giáp Tý thì ngài mới bảy mươi chín tuổi.

(Giải thích sơ lược bài kệ:

Ngũ minh: Du-già luận giải thích:

1- Nội minh: Có hai loại tướng:

a. Hiển bày quả của chánh nhân.

b. Những gì đã làm thì không mất, những gì chưa làm thì không có được.

2. Nhân minh: Có hai loại tướng:

a. Bẻ gãy tha luận.

b. Thoát khỏi tha luận.

3. Thanh minh: Có hai loại tướng:

a. An lập cảnh giới. Và khả năng thành lập.

b. Ngôn ngữ khéo léo.

4. Y phương minh: Có bốn loại tướng:

a. Khéo léo nêu bày cái gốc của bệnh.

b. Khéo léo chỉ bày nguyên nhân của bệnh.

c. Chỉ bày cách trị rồi lại phát sinh.

d. Chỉ bày cách trị rồi không tái sinh.

5. Công xảo minh: Các thiện pháp trong thế gian.

Giải thích về tam đoan và lục nghệ:

- Tam đoan:

a. Có tài về văn chương.

b. Có tài về võ thuật.

c. Có tài về biện luận.

- Lục nghệ:

a. Lễ: Khiêm cung với người lớn kẻ nhỏ.

b. Nhạc: Biết suốt về phong tục.

c. Thư: Có bát thể và lục thư.

c. Số: Thông suốt toán số.

d. Xạ: Có tài bắn giỏi.

e. Ngự: Khéo điều phục voi.

Khi còn trong cung, Thế Tôn vốn bẩm tính nhân từ, khiêm cung, đó là lễ. Ngài hiểu khắp phong tục các xứ, đó là nhạc. Hiểu thấu sáu mươi bốn thư tịch, đó là thư. Thông suốt một trăm hai mươi phép toán số, đó là số. Bắn thủng chín lớp trống sắt, đó là xạ. Xách nổi con voi lớn cản đường, đó là ngự (còn lại như kinh luận có nói rất rõ).

MỤC VƯƠNG (Canh Thìn)

Tên là Mãn, con của Chiêu Vương, dùng Tháo Phụ làm ngự sử, khi đi thì có tám ngựa kéo xe, một ngày đi cả ngàn dặm (có ghi chép đầy đủ trong Chu Sử). Ông trị vì được năm mươi lăm năm (năm mươi tuổi lên ngôi, thọ một trăm lẻ bốn tuổi). Ông lập ra Phủ hình. Vua ban lệnh cho phủ hầu Lữ Cấp làm tư khấu, tăng hình nhẹ, giảm hình nặng. Căn cứ ngũ hình lập thành ba ngàn hình phạt. Trong đó tội thích chữ lên mặt, tội cắt mũi mỗi thứ một ngàn hình phạt. Tội chặt chân là năm trăm hình phạt. Tội nhốt trong cung là ba trăm, tội bị đày là hai trăm. Đây gọi là Hiếu kinh phủ hình. Thời bấy giờ có tượng gỗ (khối lỗi) (làm từ Yển sư, xong mới hiến cho vua) và hóa nhân (Bắc Sơn nói: Bấy giờ có hóa nhân từ Tây Vực đến. Người này có thể thay núi, châu; dời thành ấp, vào trong nước lửa, xuyên qua vách núi, thiên biến vạn hóa, không sao lường nổi. Nhà vua tôn kính họ như bậc Thánh, xây dựng Trung thiên đài cho họ ở. Đó là hóa thân của Văn-thù và Mục-kiền-liên, nhưng vua chẳng hề biết họ là đệ tử của Phật).

THẾ TÔN THÀNH ĐẠO (Quý Mùi)

Sau khi tu hết sáu năm khổ hạnh, ngài đến sông Hy Ni Liên tắm rửa, nhận bát sữa của người nữ chăn bò, ngài đến dưới cội Bồ-đề, lấy cỏ Kiết tường trải làm tòa Kim cang, tư duy bốn mươi chín ngày đêm liền thành Chánh giác, hiệu là Thiên Nhân Sư, viên mãn Nhất Thiết Trí. Ngài trụ thế giáo hóa suốt bốn mươi chín năm, giảng thyết đủ ba thời kỳ là Sơ thiện, Trung thiện và Hậu thiện. Ngài dùng nghĩa lý có không để phá chấp có chấp không, lìa Nhị biên, trụ trung đạo, tùy theo căn cơ chúng sinh lợi hay độn mà thuyết pháp giáo hóa khiến họ tấn tu. Vì vậy ngài khai diễn phương tiện thành tám mươi bốn ngàn pháp môn tu, cứu độ khắp chúng sinh, chỉ họ thấy lý nhân quả, đoạn ác làm lành, chỉ cho họ thấy đâu là phàm tình, đâu là Thánh quả. Chúng sinh từ đây có người để nương tựa.

Giáp Thân: Ngài bắt đầu vào vườn Lộc uyển độ năm Tỳ-kheo, độ ông Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp cùng một ngàn người xuất gia.

Ất Dậu: Đức Phật thuyết pháp cho rồng, quỷ... ở núi Tượng đầu.

Bính Tuất: Đức Phật độ Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên cùng hai trăm năm mươi người nữa xuất gia.

Đinh Hợi: Trưởng giả Tu-đạt lót vàng mua vườn Kỳ-đà, dựng lập tinh xá cúng dường cho Phật.

Mậu Tý: Đức Phật nói pháp khổ hạnh, giảng kinh Bát-nhã... cho

Bồ-tát Bà-đà-hòa tại nước Câu-da-ni.

Kỷ Sửu: Đức Phật thuyết pháp cho vua Thuần-chân-đà-la... ở tại Liễu sơn.

Canh Dần: Đức Phật thuyết pháp cho A-quật-ma tại khu đầm lầy và ngài lên cung trời Đao-lợi.

NGUỒN GỐC CỦA TƯỢNG CHIÊN ĐÀN:

Sau khi thành đạo được tám năm, Đức Phật lên cung trời Đao-lợi, nói pháp cho mẹ ngài suốt ba tháng. Bấy giờ quốc vương nước Ưu-điền rất ái mộ và thương nhớ ngài. Vua sai ông Mục-kiền-liên và Tỳ-thủ-yết-ma thiên hóa làm người tạc tượng bay lên cung trời nhìn ngắm nghi dung tướng tốt của Phật, rồi dùng gỗ Chiên-đàn khắc tượng của ngài để cúng dường. Sau ba tháng thuyết pháp, Đức Phật về lại nhân gian. Vua, đại thần cùng muôn dân trong nước đều đi nghênh đón Phật. Lúc ấy tượng Chiên-đàn liền bay bổng lên không trung, tiến tới trước Phật chắp tay thăm hỏi. Phật xoa đầu tượng và thọ ký rằng: Sau khi ta diệt độ một ngàn năm, ông hãy qua nước Chấn Đán làm lợi ích khắp trời người.

Tân Mão: Phật trở về nước Ma-kiệt thuyết pháp cho vua Phất-sa...

THẾ TÔN THUYẾT PHÁP:

Nhâm Thìn: Phật giảng thuyết kinh Tu Hành Bản Khởi cho ngài Di-lặc.

Quý Tỵ: Phật trở về nước Ca-tỳ-la thuyết pháp cho phụ vương (kinh Phổ Diệu có ghi lại việc này).

Mậu Tuất: Phật nói kinh Đại tập... trong Dục giới và Sắc giới.

Kỷ Hợi: Phật bắt đầu thuyết pháp tám bộ Bát-nhã trong mười sáu hội.

Tân Sửu: Phật bắt đầu thúc liễm đồ chúng, lập ra giới luật.

Bính Ngọ: Em của Phật là A-nan bắt đầu xuất gia.

Tân Hợi: A-nan thỉnh Phật độ Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề... xuất gia.

Giáp Tý hai mươi chín. (Tân Mùi): Phật thuyết kinh Kim Quang Minh, cùng Pháp Hoa... trên hội Linh sơn. Năm này Thế Tôn niêm hoa thị chúng. Bấy giờ cả trăm vạn trời, người đều mờ mịt chẳng hiểu, chỉ có Kim Sắc Đầu-đà (Ca-diếp) phá nhan mỉm cười. Thế Tôn nói: Ta có Chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn Diệu Tâm, Pháp môn vi diệu thật tướng vô tướng, nay giao phó cho ông, ông phải khéo giữ gìn! Đồng thời truyền cho A-nan là người thứ hai kế thừa việc truyền pháp giáo hóa.

Nghe ta nói kệ:

Pháp vốn là pháp vô pháp
Pháp vô pháp thảy đều là pháp
Ngày nay trao phó vô pháp này
Pháp pháp đâu từng chỉ là pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ xong, lại bảo Ca-diếp rằng: Nay Ta đem Kim lũ Tăng-già-lê trao truyền cho ông, ông giao lại cho bổ xứ Từ Thị, chớ để dứt mất. (Việc niêm hoa sẽ nói đến trong phần quốc vương nước kinh hỏi Phật Tuệ Thiền sư. Trong ấy có đoạn "Tôi thấy trong kinh Quốc Vương Vấn Phật..." "... vì kinh này phần nhiều nói đến việc của quốc vương, kinh được cất giữ trong Mật phủ, nên người đời sau chẳng hề được nghe.")

THẾ TÔN NHẬP NIẾT BÀN:

Nhâm Thân: Ngày rằm tháng hai, Thế Tôn nhập Niết-bàn. Phật ứng thế bảy mươi chín năm. Việc Hóa độ đã xong. Ngài an tụ dưới cây Sa-la bên dòng sông kinh Sa-bạt-đề tại nước Câu-thi-na. Sau khi giảng kinh Niết-bàn và Di Giáo xong. Đức Phật an trụ trong ánh quang minh Thường tịch diệt tên là Đại Niết-bàn, ngài nằm nghiêng về bên phải. Đêm ấy, không gian hoàn toàn vắng lặng, không một tiếng động. Sau đó trà-tỳ kim thân ngài, thâu được tám hộc bốn đấu xá-lợi. (Trong đoạn trước và đoạn sau kinh Niết-bàn ghi lại việc này rất rõ).

Bấy giờ, hư không xuất hiện một cầu vồng trắng có mười hai đường xuyên suốt từ Bắc qua Nam, tụ hoài chẳng tan. Mục Vương hỏi thái sử Hỗ Đa rằng: Đó là điềm gì?

Đa đáp: Phương Tây có Bậc Đại Thánh Nhân diệt độ, nên hư không hiện tướng suy này.

Vua nói: Trẫm thường lo sợ người này, nay ông ấy diệt độ rồi, Trẫm còn lo lắng gì nữa!

Bấy giờ, các quốc vương Tây Trúc dùng gỗ thơm trà-tỳ kim thân, chia xá-lợi dựng tháp cúng dường. Tính ra ở Chấn Đán an trí xá-lợi tổng cộng mười chín nơi.

Ất Hợi: Cung vương: Tên là Ế Hỗ, con của Mục Vương. Ông rất có đức và sáng suốt, trị vì được mười hai năm. Vua thường chu du ở vùng kinh thượng. Mật Khương Công có ba nữ tỳ theo hầu, Khương Công nhận hết mà chẳng dâng vua, vì thế mà vua giết Mật).

Đinh Hợi: Ý Vương: Tên là Hy con của Cung vương, đạo nhà Chu suy, ông bị Thi Nhân mưu sát, dời đô về Hòe Lý, sau lại dời về Phế

Khâu. Ông trị vì được hai mươi lăm năm (vua thứ năm của Tề là Ai Công hoang dâm vô độ, vua ra lệnh nướng sống ông ấy).

HIẾU VƯƠNG (Nhâm Thân)

Tên là Tịnh Phương, em của Cung Vương, chú của Ý Vương. Thời vua này các nước láng giềng tiến dâng con hổ dài hai thước, lại tiến dâng bốn con tê giác. Ông trị vì được mười lăm năm.

TỔ 1: MA HA CA DIẾP (Bính Thìn)

Ngài thuộc dòng Bà-la-môn, người nước Ma-kiệt-đà. Cha là Ẩm Trạch, mẹ là Hương Chí. Trong tiền kiếp ngài vốn là thợ luyện vàng, rất giỏi phân biệt tính chất vàng khiến ai nấy đều khâm phục.

Trong Phú Pháp Truyện chép: Trong nhiều kiếp lâu xa về trước, thời của Phật Tỳ-bà-thi, sau khi Phật Niết-bàn, bốn chúng dựng tháp cúng dường. Trong tháp có pho tượng Phật được phết vàng, nhưng lâu ngày nên pho tượng bị khuyết lở ở phần mặt. Khi ấy có cô gái nhà nghèo cầm một đồng tiền vàng đến nhà ngài nhờ ngài nấu chảy để phết lại tượng Phật. Công việc hoàn thành, nhân đó hai người cùng nguyện rằng: "Hai chúng tôi nguyện là tri kỷ, thương nhau như vợ chồng". Do nhân duyên đó, nên trong chín mươi mốt kiếp thân ngài đều có màu vàng. Sau sinh về cõi trời Phạm thiên, hết phước ở Phạm thiên, chết và sinh vào nhà của Bà-la-môn ở nước Ma-kiệt-đà với tên là Ca-diếp-ba. Ca-diếp-ba, Hán dịch là Ẩm Quang Thắng Tôn, bởi vì thân ngài có màu vàng nên mới đặt tên đó. Từ nhỏ ngài đã quyết chí cầu xuất gia, vượt thoát ba cõi, ngài đến đảnh lễ Phật. Phật bảo: Lành thay! Tỳ-kheo hãy đến đây! hãy cạo bỏ râu tóc, quấn đắp ca-sa!

Trong chúng hội, Phật thường khen ngài là người có hạnh Đầu-đà bậc nhất. Phật lại nói: "Ta đem Pháp nhãn thanh tịnh giao phó cho ông, ông phải khéo lưu truyền chớ để đoạn dứt".

Kinh Niết-bàn chép: "Khi ấy Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn, nhưng Ca-diếp không có mặt trong chúng hội."

Thiền sư Tung (Động Sơn Hiểu Thông) có lời bình đoạn này trong Chánh Tông Ký như sau: Trong hội đầu tiên của kinh Niết-bàn, Phật bảo chư Tỳ-kheo: "Các ông không nên suy nghĩ như thế. Chánh pháp vô lượng mà ta vốn có, nay ta giao phó cho Ma-ha Ca-diếp. Ông ấy là chỗ nương tựa vững chắc cho các ông. Nhưng Chánh tông này, Thánh nhân chỉ mật truyền cho nhau, các ông không thể biết được ta truyền khi nào và truyền ở đâu". Căn cứ đoạn kinh văn này thì Phật nói kinh Pháp

Hoa rồi sau đó nói kinh Niết-bàn. Như vậy hội Pháp hoa, Ca-diếp có tham dự, còn hội Niết-bàn thì không. Tôi cho rằng lúc truyền trao chánh pháp chính là thời gian ở khoảng giữa của hai hội ấy. Hoặc cũng có thể cho rằng, đã phú pháp trong lần niêm hoa trong hội Linh sơn. Có thuyết lại nói: Phó pháp trước tháp Đa tử. Thế nhưng chưa thấy kinh luận nào nói đến việc này. Tôi chỉ đưa ra vài ý kiến như vậy, nhưng cũng không dám chắc là hoàn toàn chính xác."

Phật bảo các vị đại đệ tử: Khi nào Ca-diếp đến, các ông bảo ông ấy tuyên dương Chánh pháp nhãn tạng.

Bấy giờ, Ca-diếp đang ở trong động Tân-bát-la trên núi Kỳ-xà-quật, ngài nhìn thấy ánh quang minh sáng rực, nên liền vào Tam-muội, dùng Thiên nhãn thanh tịnh nhìa thấy Thế Tôn nhập Niết-bàn bên dòng sông Hy liên, bèn bảo với đồ chúng rằng: "Như Lai Niết-bàn rồi! Sao mà vội thế"!

Thế rồi ngài cùng đồ chúng tức tốc đến rừng Sa-la. Đến nơi, ngài khóc than rất thống thiết. Từ trong kim quan Phật duỗi hai bàn chân ra để an ủi ngài.

Lúc ấy, ngài bảo chư Tỳ-kheo: Phật đã được trà-tỳ xong, kim cang xá-lợi không phải là việc của chúng ta, mà nhiệm vụ chúng ta là phải kết tập pháp nhãn ngay, đừng để đoạn dứt. Ngài bèn nói kệ:

Đệ tử của Như Lai
Chớ vội nhập Niết-bàn
Người đã được thần thông
Nên đến để kết tập.

Khi đó những vị đã chứng đắc thần thông đều nhóm họp trong động Tân-bát-la trên nùi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương xá. Lúc ấy A-nan chưa sạch lậu hoặc, nên không được tham dự. Ngay đó ông tinh tấn tu tập thiền định, chứng quả A-la-hán và được mời tham dự.

Ca-diếp thưa chúng hội rằng: "Tỳ-kheo A-nan là người nghe nhiều lại có trí tuệ nhớ lâu bậc nhất. Ông lại thường theo Phật, tu phạm hạnh thanh tịnh. Phật pháp chảy vào tai ông ấy chẳng khác nào nước rót vào bình không rơi ra ngoài một giọt. Phật đã từng ngợi khen ông ấy là người thông minh bậc nhất, nên mời A-nan kết tập kinh tạng."

Chúng hội đều lặng yên đồng ý. Ca-diếp bảo A-nan: "Ông nay nên tuyên dương pháp tạng". A-nan nghe vậy liền nhận lời. Ngài quán sát tâm của chúng hội rồi nói kệ rằng:

Chư quyến thuộc Tỳ-kheo
Vắng Phật chẳng trang nghiêm

Ví như trong hư không
Nhiều sao mà không trăng.

Nói bài kệ ấy xong, ngài đảnh lễ đại chúng rồi lên tòa thuyết rằng: "Chính tôi được nghe, hôm đó Phật ở tại...nói kinh..." cho đến "trời, người... đều kính lễ vâng làm."

Bấy giờ Ca-diếp hỏi đại chúng: Đại đức A-nan tụng đọc có chỗ nào sai lầm chăng? Chúng hội đồng thanh đáp: Chẳng khác những lời Thế Tôn đã nói.

Ca-diếp bảo A-nan rằng: Ta nay tuổi cũng đã cao, không sống được bao lâu nữa, nay ta đem chánh pháp giao phó cho ông, ông gắng mà giữ gìn, nghe ta nói kệ đây:

Tất cả pháp từ xưa đến nay
Chẳng phải pháp chẳng phải phi pháp
Tại sao ở ngay trong một pháp
Lại có pháp lại có phi pháp.

Nói kệ xong, ngài bèn mang y Tăng-già-lê vào nhập định ở núi Kê túc đợi đến Phật Di-lặc ra đời. Bấy giờ là năm Bính Thìn, đời Chu Hiếu Vương năm thứ năm.

TẦN PHI TỬ:

Giáp Tý ba mươi. (Đinh Mão)

Cha ông là con cháu của Cao Dương. Ban đầu Nữ Tu, Đại Nghiệp, Đại Phí làm tướng phò tá vua Thuấn. Mãnh Hý, Trung Diễn là huyền tôn của Đại Liêm, hình thù là mình chim, nói tiếng người, làm chức ngự trung cho Thái Vũ nhà Ân. Ban đầu Liêm vào đất Tần, về sau đến Bá Ế giúp vua Vũ trị thủy có công, nên được vua Thuấn ban cho họ Doanh. Phi Tử là con cháu người này. Chu Hiếu Vương sai ông chăn ngựa, sau được phong ở đất Tần với hiệu là Tần Doanh, sau này có Đức Công ở Ung thành (huyện Long thành, Tần châu). Đến Mục Công sau này mới xưng bá. Đến Chiêu Công, Tương Công thì xưng vương. Từ Phi Tử đến Tần Hầu, Công, Bá, Tần Trọng, Trang, Bình, Văn, Tuyên, Xuất, Vũ, Đức, Tuyên, Thành, Mục, Khương, Cung, Hoàn, Tương, Tuệ, Điệu, Lệ, Táo, Hoài, Linh, Giản, Tuệ, Xuất, Hiến, Hiếu, Tuệ, Văn Vương, Vũ Vương, Chiêu Vương. Tổng cộng ba mươi hai đời vua trị vì sáu trăm ba mươi tám năm.

DI VƯƠNG

Tên là Tiếp, con thứ của Ý Vương. Vương thất nhà Chu suy đồi.

Chư hầu triều kiến, ông xuống khỏi ngai nghênh đón họ. Ông trị vì mười sáu năm.

LỆ VƯƠNG: (Quý Mùi)

Tên là Hồ, con của Di Vương. Ông bạo ngược vô đạo, muôn dân làm loạn nổi lên giết ông ở đất Trệ. Chu Bá, Triệu Bá trị vì cả thảy năm mươi mốt năm.

TỔ 2: A NAN (Quý Tỵ)

Ngài thuộc dòng Sát-đế-lợi ở thành Vương xá. Cha là Hộc Phạn vương. Ngài là em chú bác với Phật. Tiếng Phạm là A-nan-đà, Hán dịch là Khánh Hỷ hay Hoan Hỷ, vì ngài đản sinh vào đêm Như Lai thành đạo nên có tên như thế. Ngài là người học rộng nghe nhiều, có một trí nhớ vô ngại. Thế Tôn thường ngợi khen ngài là người Tổng trì bậc nhất. Thêm vào đó, do đời trước tích tụ công đức, nên đời này ông lãnh nạp pháp tạng không hề sai sót chẳng khác nào nước chảy vào trong bình. Vì thế Phật bảo ông làm thị giả.

Vua A-xà-thế có lần thưa ngài rằng: Bạch nhân giả! Như Lai, Ca-diếp hai vị thầy tôn kính đều đã nhập Niết-bàn nhưng con chưa được thấy hai vị ấy nhập Niết-bàn. Khi nào nhân giả sắp nhập Niết-bàn, xin nhân giả đến từ biệt con.

Tôn giả A-nan hứa khả.

Về sau, A-nan tự nghĩ: "Thân ta tạm bợ giống bọt nước tụ lại, lại càng già yếu đâu thể sống mãi." Ngài lại suy nghĩ: "Ta có hứa với vua A-xà-thế." Vì thế ngài bèn đến cung vua và nói: Ta sắp nhập Niết-bàn, nên đến đây từ biệt nhà vua. Người giữ cửa nói: Đợi vua thức dậy, ông hãy thưa "A nan nói". Khi vua thức dậy, ông thực lại dùm tôi"

Bấy giờ, vua mộng thấy có một bảo cái bằng bảy báu vô cùng trang nghiêm, đẹp lạ, lại có ngàn muôn ức người vây quanh chiêm ngưỡng. Bỗng có một trận gió mưa ào ào ập tới xô ngã bảo cái, trân bảo Anh lạc đều rơi cả xuống đất. Trong lòng nhà vua vô cùng kinh hãi.

Đến khi thức dậy nghe người giữ cửa thuật lại việc trên, nhà vua nghe xong khóc thương thảm thiết, động cả đất trời. Vua liền tức tốc đến thành Tỳ-xá-ly, chợt thấy A-nan đang ngồi kiết già trên thuyền ở giữa sông Hằng, nhà vua đảnh lễ rồi nói kệ rằng:

Lạy Đấng tam giới tôn
Bỏ con ở nơi này
Tạm nương sức bi nguyện

Xin chớ vội Niết-bàn.

Lúc này vua Tỳ-xá-ly cũng ở bên kia bờ sông đảnh lễ và nói kệ:

Tôn giả sao quá nhanh
Vào đạo tràng tịch diệt
Xin dừng lại giây lát
Để con được cúng dường.

Ngài thấy hai vua đều đến khuyến thỉnh, bèn nói kệ rằng:

Hai vua ở an vui
Chớ nên sầu bi khổ
Tôi an tịnh Niết-bàn
Vì không còn lậu hoặc.

A-nan lại suy nghĩ: "Nếu ta nhập Niết-bàn ở một nước, thì nước kia nổi lên tranh giành, thật là không nên, chi bằng nay ta đem tâm bình đẳng để hóa độ loài hữu tình vậy." Nghĩ thế rồi ngài liền nhập Niết-bàn ngay giữa dòng sông Hằng. Bấy giờ núi sông đại địa chấn động sáu cách. Năm trăm Tiên nhân trong Tuyết sơn thấy điềm lạ ấy liền bay đến đảnh lễ dưới chân A-nan, họ quỳ và thưa rằng: "chúng con theo Trưởng lão sẽ chứng được Phật pháp, ngưỡng mong Tôn giả thùy từ độ thoát chúng con!"

A-nan lặng yên nhận lời cầu thỉnh, ngài liền biến sông Hằng thành mặt đất bằng vàng ròng, làm đạo tràng diễn thuyết đại pháp cho Tiên nhân. A-nan lại nghĩ: Những vị đệ tử đã được độ thoát, nên đến đây nhóm họp. Chỉ trong khoảnh khắc năm trăm La-hán từ trên không đáp xuống, liền xuất gia thọ Cụ túc cho Tiên nhân. Trong chúng tiên nhân có hai vị La-hán. một người tên là Thương-na-hòa-tu, người kia tên là Mạt-điền-để-ca. A-nan biết họ là bậc Pháp khí, bèn bảo họ rằng: Xưa Như Lai đem đại Pháp nhãn truyền trao cho Đại Ca-diếp, khi Ca-diếp nhập định thì truyền lại cho ta. Ta nay sắp nhập diệt nên ta truyền lại cho các ông, các ông nên thọ nhận những gì ta đã dạy, nghe ta nói kệ đây:

Xưa nay truyền hữu pháp
Truyền rồi nói không pháp
Mỗi mỗi phải tự ngộ
Ngộ rồi không không pháp.

A-nan truyền Pháp nhãn tạng xong, toàn thân bay bổng lên hư không, hiện mười tám tướng biến hóa, nhập vào Tam-muội Long phấn tấn, chia thân mình làm bốn phần. Một phần cho cõi trời Đao-lợi. Một phần cho Ta-kiệt-la Long cung. Một phần cho quốc vương Tỳ-xá-ly. Một phần cho quốc vương A-xà-thế. Bốn nơi ấy đều dựng tháp cúng

dường.

Bấy giờ là năm Quý Tỵ, đời Chu Lệ Vương năm thứ mười.

Tân Hợi: Thế Tôn nhập diệt được một trăm năm.

THƯỢNG TỌA BỘ, ĐẠI CHÚNG BỘ:

Truyện viết: Trăm năm về trước, các vị truyền thừa dòng pháp dù có dị pháp nhưng pháp vị chỉ là một. Năm vị truyền giáo, đầu tiên là Ca-diếp-ba truyền cho A-nan. A-nan truyền cho Thương-na-hòa-tu. Thương-na-hòa-tu truyền cho Ưu-ba-cúc-đa. Ưu-ba-cúc-đa truyền cho Mạt-điền-để-ca. Từ đó về sau một trăm năm, pháp vị ấy dần dần không còn chan hòa như nước với sữa mà bắt đầu chia chẻ làm nhiều phái. Mỗi Tông đều có một thấy biết riêng biệt, phân chia thành nhiều bộ phái, cũng từ đó xuất hiện hai bộ phái tiêu biểu.

- Thượng tọa bộ: Cuối cùng lập thành mười một bộ phái:

1. Thuyết nhất thiết hữu bộ.
2. Thượng tọa bộ.
3. Độc tử bộ.
4. Pháp thượng bộ.
5. Hiền trụ bộ.
6. Chánh lượng bộ.
7. Mật lâm sơn bộ.
8. Hóa địa bộ.
9. Pháp tạng bộ.
10. Ẩm quang bộ.
11. Kinh lượng bộ.

- Đại chúng bộ: Trong ba trăm năm trở lại đây các bộ phái cứ thế mà cùng nhau chia chẻ. Đại chúng bộ cuối cùng lập riêng thành chín bộ phái:

1. Đại chúng bộ.
2. Nhất thiết bộ.
3. Thuyết xuất thế bộ.
4. Kê dận bộ.
5. Đa văn bộ.
6. Thuyết giả bộ.
7. Chế đa sơn bộ.
8. Tây sơn trụ bộ.
9. Bắc sơn trụ bộ.

Than ôi! Chánh pháp thêm lụa bằng dây gai, pháp vị thêm sữa

bằng nước lã, những người mến mộ đạo pháp phải rối bời vì quá nhiều mấu chốt khác nhau, chẳng biết ai đúng ai sai. Thương thay!

Giáp Tý ba mươi mốt (Canh Thân)

Niên hiệu Cộng Hòa năm đầu, vua mất, Khi còn sống, vua vốn vô đạo lại hủy báng. Trăm họ không dám nói đến chánh đạo, giữa đường gặp nhau chỉ lấy mắt mà nhìn. Do đó dân làm phản, giết vua ở đất Trệ. Chu Bá, Triệu Bá cùng nắm chánh sự, lấy niên hiệu là Công Hòa, trị vì được mười bốn năm.

TUYÊN VƯƠNG. (Giáp Tuất)

Tên là Tĩnh, con của Lệ Vương. Ban đầu vua chạy đến đất Trệ, Thái tử trốn trong nhà của Triệu Công. Muôn dân vây khốn, Triệu Công phải dùng con mình thay thế, nhờ đó Thái tử mới thoát. Đến khi trưởng thành, Chu Bá, Triệu Bá lập ông làm vua. Ông sửa sang lại phong tục đã có trong thời Văn Vương, Vũ vương, Thành Vương, Khương Vương. Chư hầu khôi phục lại Tông thất nhà Chu. Bấy giờ thiên hạ đại hạn, vua tự trách mình, sáu năm sau mới có mưa. Ông trị vì được bốn mươi sáu năm. Vua cùng quần thần, sử quan sửa chữ cổ của Thương Hiệt thành loại chữ Đại Triện. (Ngày nay ở Thạch cổ có mấy chữ. Đến đời Tống, Tô Thức chỉ giải được vài chữ).

Ất Mùi: Trịnh Hoàn Công: Tên là Hữu. Con út của Lệ Vương, em của Tuyên Vương. Ban đầu được phong ở đất Trịnh (Nay là huyện Hoa Âm), sau dời về Vinh Dương (nay là Tân Trịnh). Đến em của U Công là Quân, Ất mới làm vua. Từ Hoàn Công xuống đến Vũ, Trang, Lệ, Chiêu, Điệp, Anh, Lệ, Mục, Linh, Tương, Điệu, Thành, Ly, Giản, Định, Hiến, Thanh, Ai, Cung, Nhu, Quân, Ất. Tổng cộng hai mươi ba đời vua, trị vì hai trăm tám mươi mốt năm.

TỔ 3: THƯƠNG NA HÒA TU:

Ngài thuộc dòng dõi Tỳ-xá-đa, người ở nước Ma-đột-la, hay còn gọi là Xá-na-bà-tư. Cha là Lâm Thắng, mẹ là Kiều-xà-da. Ngài ở trong thai sáu năm mới sinh. Tiếng Phạm là Thương-mặc-ca, Hán dịch là Tự Nhiên Phục, đó là tên của một loài cỏ rất đẹp, có chín nhánh ở Tây Vực. Nếu có Thánh nhân xuất thế, thì loài cỏ này sẽ mọc ở nơi đất sạch. Lúc Tổ ra đời thì có loài cỏ này xuất hiện.

Xưa kia, khi Phật hành hóa đến nước Ma-đột-la. Ngài nhìn thấy một khu rừng xanh tốt, cành là sum suê, bèn nói với A-nan rằng: Rừng này tên là Ưu-la-trà. Sau khi ta diệt độ một trăm năm, sẽ có Tỳ-kheo

Thương-na-hòa-tu chuyển diệu pháp ngay nơi này.

Một trăm năm sau, quả nhiên Tổ đản sinh, xuất gia, chứng đạo và được Tôn giả A-nan truyền trao pháp nhãn, giáo hóa quần sinh. Và cuối cùng ngài dừng chân tại khu rừng ấy thuyết pháp hàng phục hai con rồng phun lửa quy thuận Phật pháp. Nhân đó loài rồng này dâng vùng đất đó cho ngài dựng tinh xá.

Sau khi hóa duyên đã lâu, Tổ nghĩ: Ta nên truyền trao Chánh pháp. Thế rồi ngài vân du đến nước Trá-lợi, gặp được Ưu-ba-cúc-đa. Ngài thấy Cúc-đa là người có thể tin cậy, nhân đó ngài hỏi Cúc-đa rằng:

- Ngươi được bao nhiêu tuổi?

- Bạch thầy, con được mười bảy tuổi.

- Thân ngươi mười bảy tuổi hay tánh ngươi mười bảy tuổi?

Cúc-đa bèn hỏi lại:

- Đầu thầy tóc bạc, vậy tóc thầy bạc hay tâm thầy bạc?

- Tóc ta bạc không phải tâm ta bạc.

- Con cũng vậy, thân con mười bảy tuổi chứ không phải tâm con mười bảy tuổi.

Hòa-tu biết ngài là bậc Pháp thí. Ba năm sau Tổ thế phát và thọ Cụ túc cho ngài. Tổ nói: Xưa Như Lai đem Chánh pháp nhãn tạng vô thượng truyền cho Ca-diếp, cứ thế mà triển chuyển đến ta, nay ta sẽ truyền cho ông, ông chớ để đoạn dứt. Ông phải nhớ kỹ lời ta dạy, nghe ta nói kệ đây:

Phi pháp cũng phi tâm
Không tâm cũng không pháp
Khi nói tâm pháp ấy
Pháp ấy phi tâm pháp.

Nói kệ xong, ngài vào ở ẩn trong núi Nam Tượng Bạch ở nước Kế Tân. Về sau, từ trong Tam-muội, ngài thấy năm trăm đồ chúng đệ tử của Cúc-đa thường hay giải đãi. Tổ bèn đến nơi, hiện Long phấn Tam-muội để điều phục họ, mà nói kệ rằng:

Thông đạt không đây kia
Chí Thánh không hay dở
Người trừ tâm khinh mạn
Chứng được A-la-hán.

Năm trăm Tỳ-kheo nghe kệ xong, thực hành đúng như vậy, rốt cuộc chứng được quả A-la-hán. Tổ bèn hiện mười tám tướng biến hóa, dùng Hỏa quang Tam-muội đốt thân. Tôn giả Cúc-đa thâu lấy xá-lợi,

an táng ở núi Phạm-ca-la. Năm trăm Tỳ-kheo đều cầm phan nghênh đón đến tận núi, rồi xây tháp cúng dường. Bấy giờ nhằm đời Chu Tuyên Vương năm thứ hai mươi hai, năm Ất Mùi.

VUA GIẾT ĐỖ BÁ BỊ BÁO ỨNG:

Kỷ Mùi: Vua vô cớ giết Đỗ Bá, một hôm đi ra ruộng thấy Đỗ Bá cầm cung bắn ngay tim mình. Vua thất kinh, té khỏi xe, gãy xương sống rồi chết. (Việc này có ghi trong Mặc Tử Truyện).

Canh Thân: U Vương: Tên là Cung Niết, con của Tuyên Vương. Vua sủng ái Bao Tự, sinh ra Bá Phục. Ông phế Thái tử là Thân Hầu rồi lập Bá Phục làm vua. Bao Tự thường không cười, vua bèn nghĩ kế đốt lửa hiệu, đánh trống, chư hầu tưởng có biến bèn kéo quân đến, hóa ra không có giặc. Bao Tự thấy thế cười vang, vua vô cùng thích thú. Về sau Thân Hầu cùng giặc Khuyển Nhung xua quân đánh vua ở Ky sơn, vua đốt lửa làm hiệu nhưng chư hầu chẳng ai đến cả. Thế là vua đành chết ở dưới núi. Từ đó lập Thái tử Tuyên Cửu làm vua để tế tự chu thất. Ông trị vì được mười một năm.

Canh Ngọ: Huề Vương: Tên là Bá Phục con thứ của U Vương. Bình Tây Nhung giết vua, Bá Phục lên ngôi, muôn dân không phục, chưa đầy một năm thì bị phế.

Đông Chu: Gồm hai mươi bốn đời vua, đóng đô ở Lạc Dương .

BÌNH VƯƠNG: (Tân Mùi)

Tên là Nghi Cữu, là Thái tử của U Vương do Thần Hầu lập lên. Ông dời kinh đô về Lạc Dương ở phía Đông để lánh nạn, trị vì được năm mươi mốt năm.

Nhân Thân: Chư hầu lạm dụng quyền chánh, xưng bá khắp nơi.

Tân Mão: Thế Tôn diệt độ được hai trăm năm.

TỔ 4: ƯU BA CÚC ĐA:

Ngài thuộc dòng Thủ-đà-la, người nước Trá-lợi. Ngài còn có tên là Ưu-ba-quật-đa hay Ô-ba-cúc-đa. Cha là Thiện Ý. Ngài xuất gia năm mười bảy tuổi, hai mươi tuổi thì chứng quả. Ngài đi khắp nơi để hoằng hóa, thậm chí đến tới nước Ma-đột-la. Những người được độ đông không kể xiết. Vì thế cung quỷ bị chấn động, ma Ba-tuần rất lo sợ, nên dùng hết ma lực để hủy hoại chánh pháp. Tổ liền nhập chánh định Long phấn tấn để quán sát duyên do. Ba-tuần rình xem, thấy ngài nhập định bèn đem vòng Anh lạc quàng vào cổ ngài. Đến khi xuất định, ngài dùng

thần lực biến ba thây chết: Người, chó, và rắn thành tràng hoa rồi dùng lời diệu ngọt dụ Ba-tuần rằng: Ngươi đem chuỗi Anh lạc tặng ta, thật là vật đáng quý, ta nay có tràng hoa xin biếu lại cho ông đây!

Ba-tuần nghe xong mừng rỡ đưa cổ ra đón nhận. Tràng hoa liền biến thành ba thây chết hôi hám, giòi bọ nhung nhúc, thối không thể tả. Ba-tuần nhàm gớm, sầu khổ vô cùng, dùng hết thần lực nhưng không sao rút đầu ra được, bèn mang cả lên Lục Dục thiên cầu cứu vua trời, rồi lại đến Phạm vương cầu cứu nhưng không thể nào thoát ra được.

Chư Thiên bảo rằng: Đó là thần thông do đệ tử Phật biến hóa ra bọn tôi là hàng phàm lậu làm sao giải trừ được!

Ba-tuần nói: Thế thì làm sao bây giờ?

Phạm vương nói: Ông nên quy phục Tôn giả thì sẽ được giải cứu ngay. Và Phạm vương nói kệ khuyên Ba-tuần rằng:

Nếu ngã xuống đất
Từ đất đứng dậy
Lìa đất muốn dậy
Trọn không thể được.

Ba-tuần nghe dạy xong liền rời khỏi cung trời xuống đảnh lễ Tôn giả, chí thành sám hối.

Ngài hỏi: Từ nay trở đi, ông còn làm loạn chánh pháp của Như Lai nữa không?

Ba-tuần thưa: Con thề hồi tâm Phật đạo, vĩnh viễn dứt bỏ các việc bất thiện.

Tổ bảo: Nếu vậy thì ông hãy tự xướng rằng: Con quy y Tam bảo.

Ba-tuần chấp tay xướng đúng ba lần như vậy. Xướng xong tràng hoa liền rơi xuống đất. Ba-tuần vui mừng hớn hở, đảnh lễ Tôn giả, rồi nói kệ rằng:

Cúi lạy đấng Chánh định
Đệ tử Thánh Thập Lực (Phật)
Con nay nguyện quay đầu
Không làm kẻ thấp kém.

Tại đây, những người được Tôn giả dẫn dắt, giáo hóa đến chứng quả là nhiều nhất. Khi độ được một người, thì ngài dùng một cái thẻ tre để vào ngôi nhà đá. Ngôi nhà đó dài mười tám khủy tay, rộng mười hai khủy tay, thế mà qua một thời gian, thẻ tre đầy ắp cả ngôi nhà.

Sau cùng có người con của một trưởng giả tên là Hương Chúng, đến đảnh lễ và xin ngài xuất gia. Tổ hỏi rằng:

- Thân ông xuất gia hay tâm ông xuất gia?

- Con nay xuất gia chẳng vì thân tâm.

- Chẳng vì thân tâm thì ai là người xuất gia?

Phàm là người xuất gia thì không còn ngã và ngã sở, do không còn ngã và ngã sở nên tâm chẳng sinh diệt. Tâm không sinh diệt tức là thường đạo. Chư Phật cũng chính là cái thường đạo ấy. Tâm không hình tướng, thể ấy cũng như vậy.

Tổ nói: Ngay lúc ông đại ngộ thì tâm tự thông đạt, ông nên nương tựa Phật, Pháp, Tăng truyền thừa Thánh chủng.

Ngay đó Tổ bèn xuống tóc, truyền trao Cụ túc giới cho ông, và nói với ông rằng: Cha ông có lần mộng thấy mặt trời bằng vàng, nhân đó mà sinh ông, nay ta đổi tên ông là Đề-đa-ca. Tổ lại bảo: Như Lai đem đại Pháp nhãn tạng lần lượt trao truyền đến ta, nay ta truyền trao lại cho ông, nghe ta nói kệ đây:

Tâm từ xưa đến nay
Bản tâm chẳng có pháp
Có pháp có bản tâm
Chẳng tâm chẳng bản pháp.

Truyền thuyết xong. Ngài bay bổng lên hư không, hiện mười tám tướng biến hóa, xong về lại bổn tòa kiết già mà tịch. Đề-đa-ca lấy thẻ tre trong nhà đá làm vật để trà-tỳ Tổ. Trà-tỳ xong ngài thâu lấy xá-lợi, dựng tháp cúng dường. Bấy giờ là năm Canh Tý, nhằm đời Chu Bình Vương năm thứ ba mươi.

Kỷ Mùi: Chu Bình Vương năm thứ bốn mươi chín, tức là Lỗ Ẩn Công năm đầu. Bộ Xuân Thu Biên Niên của Khổng Tử, bắt đầu ghi chép từ đây.

Nhâm Thân: Hoàn Vương: Tên là Lâm, cháu của Bình Vương. Vì Thái tử Tiết chết sớm, nên lập ông làm vua. Ông trị vì được hai mươi ba năm.

TRANG VƯƠNG:

Giáp Tý ba mươi ba (Ất Dậu): Trang Vương tên là Đà, con của Hoàn Vương, trị vì được mười lăm năm.

TỔ 5: ĐỀ ĐA CA. (Ất Sửu)

Ngài là người nước Ma-già-đà. Lúc sơ sinh, phụ thân ngài mộng thấy mặt trời vàng xuất hiện trong nhà, chiếu ánh sáng khắp cả trời đất. Lại thấy phía trước nhà có một ngọn núi cao có bảy món báu trang sức. Trên đỉnh núi có dòng suối nước trong vắt, chảy tràn bốn phía.

Sau này, ngài gặp được Tôn giả Cúc-đa, Tôn giả giải thích rằng: Núi báu ấy chính là thân ta. Suối nước tuôn chảy là dòng pháp vô tận. Mặt trời mọc trong nhà ông, là hiện tướng nhập đạo của ông hôm nay, ánh sáng chiếu khắp trời đất là trí tuệ siêu việt của ông.

Tôn giả vốn có tên là Hương Chúng, nhân điềm lành ấy nên tổ Ưu-ba-cúc-đa đổi tên ngài là Đề-đa-ca.

Tiếng Phạm là Đề-đa-ca, Hán dịch là Thông Chân Lượng.

Đề-đa-ca nghe thầy mình nói xong, vui mừng khấp khởi và xướng kệ rằng:

Vòi vọi núi bảy báu
Thường tuôn suối trí tuệ
Chuyển thành vị Chân pháp
Hay độ người có duyên.

Tôn giả Cúc-đa cũng nói kệ rằng:

Pháp ta truyền cho ông
Sẽ hiện trí tuệ lớn
Mặt trời mọc trong nhà
Chiếu sáng khắp trời đất.

Đề-đa-ca nghe bài kệ nhiệm mầu của thầy xong liền làm lễ rồi phụng trì.

Về sau, ngài đến vùng Trung Ấn Độ, tại đây có tám ngàn vị Đại tiên, trong đó Di-già-ca làm Thượng thủ. Nghe ngài đến, Di-già-ca thống lãnh Tiên chúng đến đảnh lễ ngài và nói: Xưa tôi cùng thầy đồng sinh trên cõi Phạm thiên, tôi gặp Tiên nhân A-tư-đà truyền trao phép tiên, thầy gặp đệ tử Phật dạy cho thiền định. Từ đó đến nay tôi và thầy đã xa nhau đến sáu kiếp.

Tôn giả nói: Xa nhau chừng ấy kiếp quả thật không sai, nay ông có thể bỏ tà quy chánh để thâm nhập Phật thừa được rồi đó.

Di-già-ca nói: Thuở ấy Tiên nhân A-tư-đà thọ ký với tôi rằng: Sáu kiếp sau ông sẽ gặp người đồng học và chứng quả vô lậu. Ngày nay gặp nhau, lẽ đâu lại chẳng phải là túc duyên đó sao! Xin thầy Từ bi độ tôi giải thoát.

Tôn giả liền độ Di-già-ca xuất gia, trao truyền Thánh giới. Chúng Tiên nhân còn lại bắt đầu muốn sinh tâm ngã mạn. Tôn giả hiện đại thần thông, khiến họ phát khởi tín tâm. Bấy giờ tất cả Tiên chúng ấy phát tâm Bồ-đề đồng loạt xuất gia. Tôn giả bảo Di-già-ca rằng: Xưa Như Lai đem đại pháp Nhãn tạng mật truyền cho tổ Ca-diếp, cứ thế mà lần lượt truyền trao đến ta. Nay ta truyền lại cho ông, ông phải giữ gìn

truyền trao, chớ để dứt mất, rồi ngài nói kệ:

Thông đạt gốc tâm pháp
Không pháp không phi pháp
Ngộ rồi đồng chưa ngộ
Không tâm cũng không pháp.

Nói kệ xong. Ngài bay bổng lên hư không, hiện mười tám tướng biến hóa, dùng Hỏa quang Tam-muội tự đốt thân. Di-già-ca cùng tám ngàn Tỳ-kheo thâu lấy xá-lợi, dựng tháp tại núi Bàn-trà mà cúng dường. Bấy giờ là năm Kỷ Sửu, nhằm đời Chu Trang vương năm thứ năm.

Canh Tý: Hy Vương, tên là Hồ Tề, còn có tên là Ly, con của Trang Vương, ông trị vì được năm năm.

Ngũ Bá lần lượt ra đời: Trung Dung Tử nói: Bá có nghĩa là Giả, vì dùng uy lực và hình phạt để phòng bị cho việc chánh sự, khiến cho nhân nghĩa không vươn lên được. Tần, Hán đều là bá đạo. Thời Xuân thu xưng bá gồm có năm nước. Tả truyện ghi: Tề Hoàn Công chín lần hội hợp chư hầu nhằm thống nhất thiên hạ. Khổng Tử gọi ông là người đứng đầu trong Ngũ bá. Tấn Văn Công mời Thiên tử đến Hà Dương để triều kiến chư hầu. Tần Mục Công do đánh Trịnh và bị thua ở đất Hào nên hối lỗi tu đức. Tống Tương Công minh ước ở Lộc Thượng, cầu chư hầu ở Sở, người nước Sở đồng ý. Sở Trang Công thống lãnh chư hầu đánh Trần, rồi lập Trần Linh Công, chư hầu đều quy phục.

Ất Tỵ: Tuệ Vương, tên là Lãng, con của Hy Vương. Ban đầu Trang Vương sủng ái người phi họ Cơ sinh được một người con là Đồi. Đồi được ân sủng nhưng sau thì tạo phản. Vua chạy sang Trịnh. Trịnh Bá đánh và giết chết Đồi rồi lập lại vua. Bấy giờ Tề Hoàn Công đánh Sở Tử vì tội Bao Mao không triều cống nhà Chu.

Giáp Tý ba mươi bốn: Tuệ Vương trụ vì được hai mươi lăm năm.

TƯƠNG VƯƠNG: (Canh Ngọ)

Tên là Trịnh, con của Tuệ Vương. Khi Tử Đới làm loạn, vua chạy sang Trịnh, Tấn Văn Công giết chết Tử Đới lập ông làm vua. Ông trị vì được ba mươi ba năm.

Tân Mùi: Thế Tôn nhập diệt được ba trăm năm (Sau thời gian này, Bồ-tát Long Thọ tạo Trung luận... để phá trừ các thứ tà kiến. Sau nữa, có các đại Luận sư như Đề-bà... tạo Bách luận... để hoằng dương giáo nghĩa Đại thừa).

TỔ 6: DI GIÀ CA (Giáp Thân)

Ngài là người ở Trung Ấn Độ. Sau khi đắc pháp, ngài du hóa đến các nước ở Bắc Thiên Trúc giáo hóa chúng sinh. Một hôm ngài nhìn thấy trên thành có vầng mây màu vàng bèn nói: Đó là khí tượng của bậc Đạo nhân, trong thành tất có đại sĩ nối pháp của ta.

Thế rồi ngài bèn vào thành. Khi vào đến chợ bỗng thấy một người tay cầm bình rượu, đón ngài lại rồi hỏi:

- Thầy từ phương nào đến đây? Muốn đi về đâu?
- Ta từ tự tâm đến, muốn đi về nơi không xứ sở.
- Thầy biết vật trong tay tôi chăng?
- Đó là cái bình dơ nhưng đựng đồ sạch.
- Thầy biết tôi không?
- Ta thì chẳng biết, biết thì chẳng phải là ta.

Ngài lại bảo:

- Ông thử nói tên họ, ta sẽ chỉ cho ông biết cái nhân đời trước.

Người ấy bèn nói kệ đáp rằng:

Tôi từ vô lượng kiếp
Đến sinh trong nước này
Vốn họ Phả-la-đọa
Tên là Bà-tu-mật.

Nghe xong, Ngài nói: Thầy ta là Tôn giả Đề-đa-ca nói rằng: Xưa kia Thế Tôn vân du đến Bắc Ấn Độ có bảo với A-nan: "Sau khi ta diệt độ ba trăm năm, trong nước này có một Thánh nhân ra đời. Ông ấy họ Phả-la-đọa, tên là Bà-tu-mật, sẽ làm Tổ thứ bảy của Thiền tông." Thế Tôn đã thọ ký cho ông rồi, ông nên xuất gia đi.

Người ấy nghe thế liền đặt bình rượu xuống đất. Lạy ngài, rồi đứng sang một bên thưa: Con nhớ lại kiếp xưa, con từng làm thí chủ cúng dường Phật một bảo tòa. Đức Phật đó thọ ký con rằng: Ông sẽ ở trong giáo phái của Phật Thích-ca vào thời Hiền kiếp mà xiển dương chánh pháp". Ngày nay thật phù hớp với lời của thầy, xin thầy Từ bi độ thoát cho con.

Ngài liền thế phát và truyền đủ tướng cho Bà-tu-mật, rồi nói với ông rằng: Chánh pháp nhãn tạng nay sẽ truyền lại cho ông, ông chớ để đoạn dứt.

Rồi ngài nói kệ rằng:

Không tâm không thể được
Nói được chẳng phải pháp
Nếu rõ tâm phi tâm

Mới hiểu tâm tâm pháp.

Nói kệ xong, ngài nhập vào Tam-muội Sư tử phấn tấn bay bổng lên hư không cao bằng bảy cây Đa-la, sau đó về lại bản tòa, hóa ra lửa tự đốt thân. Bà-tu-mật thâu nhặt xá-lợi để trong bình bảy báu, xây tháp đặt trên tầng cao nhất má cúng dường. Bấy giờ là năm Giáp Thân, nhằm đời Chu Tương Vương năm thứ mười lăm.

Quý Mão: Khoảnh Vương: Tên là Nhâm Thần, con của Tương Vương. Ông trị vì được sáu năm. (Lúc này Sở Trang Vương mới xưng bá).

Kỷ Dậu: Khuông Vương: Tên là Ban, con của Khoảnh Vương, trị vì được sáu năm.

Nhâm Tý: Có thuyết nói: Năm này là năm Thế Tôn nhập diệt. Phá tà luận dẫn lầm.

ĐỊNH VƯƠNG: (Ất Mão)

Tên là Du, con của Khuông Vương, trị vì được hai mươi mốt năm. Sở Tử hỏi cửu đỉnh (chín đỉnh) lớn hay nhỏ, nặng hay nhẹ.

LÃO ĐAM SINH Ở NƯỚC SỞ (Đinh Tỵ)

Ngày mười bốn tháng chín năm này, Lão Đam sinh ở thôn Khúc nhân làng Lại, huyện Khổ, quận Trần thuộc nước Sở. Ngụy Thư chép: Cha Lão Đam họ Hàn, tên là Càn, tự là Nguyên Tất, mẹ là Tinh Phu. Ông ở trong thai tám mươi năm, sinh dưới gốc cây Lý, nhân đó đặt ông họ Lý. Ông tên là Nhĩ, tự là Dương Bá. Thân ông cao bốn thước sáu tấc, trán dồ, mày rậm, trái lại môi thì sứt, mũi thì gãy, nhọn, háng rộng, tai không có vành, đầu tóc bờm xờm, nhân đó mới lấy thụy là Đam. Có điều gì nghi ngờ thì tự mình biết lấy, mối đạo ấp ủ trong lòng, ba đức quý thường thấy trong công việc. Đó là từ, kiệm và khiêm nhường.

Năm Kỷ Mão đời Cảnh Vương, có khí tía nổi lên ngay môn quan, nhân đó ông muốn đi Lưu Sa. Bấy giờ có hàm quan lệnh là Doãn Hỷ biết ông và xin thỉnh giáo. Lão Đam nhân đó mới soạn đạo đức kinh gồm hai thiên, tổng cộng năm ngàn lời. Nội dung đều bàn về đại đạo. Soan xong ông tiếp tục đến Lưu Sa và mất ở Hòe Lý. Năm ông tám mươi bốn tuổi, có lần Tần Dật đến viếng thăm, gọi ba lần ông mới chịu ra tiếp, vì ông biết nhà Chu sắp mất thiên hạ.

Giáp Tý ba mươi lăm: Mộ ông tại Hòe Lý về phía Tây nam ba mươi dặm, phía Bắc sông Vị (nay là huyện Hưng bình). Phật sinh trước ông ba trăm bốn mươi lăm năm (?).

TỔ 7: BÀ TU MẬT (Tân Mùi)

Ngài họ Phả-la-đọa. Sinh trưởng tại Bắc Thiên Trúc. Ngài thường mặc áo quần sạch sẽ, tay cầm bầu rượu ngao du khắp xóm làng. Có lúc thì ngâm nga, có khi thì hò hét, mọi người cho ngài là người điên.

Đến khi gặp tổ Di-già-ca nói lại lời huyền ký của Như Lai, ngài liền tỉnh ngộ tiền duyên, vứt bầu rượu xuất gia, thọ pháp.

Thế rồi ngài hoằng hóa đến nước Ca-ma-la, xiển dương Phật pháp.

Một hôm, trước pháp tòa bỗng xuất hiện một Trí giả lớn tiếng tự xưng: Tôi là Phật-đà-nan-đề, hôm nay quyết luận nghĩa với thầy!

Ngài bảo: Này Nhân giả! Nếu luận thì chẳng phải nghĩa, nếu là nghĩa thì chẳng phải luận. Nếu nghĩ đến luận nghĩa thì trọn chẳng phải nghĩa luận.

Nan-đề biết ngài là người luận nghĩa thù thắng, liền khởi tâm kính phục và thưa: Con nguyện cầu đạo, nhận lãnh pháp vị Cam lồ.

Ngài bèn xuống tóc xuất gia và truyền Cụ túc giới cho Nan-đề. Ngài lại bảo ông rằng: Nay ta truyền trao Chánh pháp nhãn tạng của Như Lai cho ông, ông phải thường giữ gìn, rồi ngài nói kệ:

Tâm đồng cõi hư không
Pháp ngang bằng hư không
Khi chứng được hư không
Không pháp không phi pháp.

Nói kệ xong, ngài nhập vào Từ tâm Tam-muội. Bấy giờ Phạm Vương, Đế Thích cùng chúng các cõi trời đều đến đảnh lễ nói kệ rằng:

Trong Thánh tổ Hiền kiếp
Ngài là Tổ thứ bảy
Tôn giả thương xót con
Xin diễn nói Phật địa.

Ngài liền xuất định dạy họ rằng: Pháp mà ta chứng đắc không phải có, nếu các ông muốn biết Phật địa (quả Phật) cần phải lìa có, không.

Nói lời ấy xong, ngài lại nhập định hiện tướng Niết-bàn. Nan-đề dựng tháp bảy báu ngay nơi pháp tòa ấy để an táng toàn thân ngài. Bấy giờ là năm Tân Mùi, nhằm đời Chu Định Vương năm thứ mười bảy.

Bính Tý: Giản Vương: Tên là Di, con của Định Vương, trị vì được mười bốn năm.

Đinh Sửu: Lão Tử làm quan cho nhà Chu, giữ chức thủ tàng. Bấy giờ ông được hai mươi hai tuổi.

Kỷ Sửu: Lão Tử chuyển sang làm Thái sử lịnh, bấy giờ ông đã ba mươi bốn tuổi. Có thuyết nói: Giữ chức trụ hạ sử. Từ đó đến năm mươi bốn năm sau không đổi chức nữa, bấy giờ người ta gọi ông là quan ở ẩn. Giản Vương năm thứ mười bốn tức Lỗ Tương Công năm đầu.

LINH VƯƠNG: (Canh Dần)

Tên là Tiết Tâm, con của Giản Vương, vừa sinh ra đã có râu mép. Ông trị vì được hai mươi bảy năm. Năm thứ hai mươi mốt, thì Lão Tử đã năm mươi lăm tuổi.

KHỔNG TỬ SINH Ở NƯỚC LỖ. (Canh Tuất)

Ông sinh ngày bốn tháng mười một đời Lỗ Tương Công năm thứ hai mươi mốt, tại nước Lỗ (nay là thôn Phổ xương, làng Bình, ấp Trâu thuộc Duyện châu) ông là hậu duệ đời thứ chín của Ẩn Công.

Theo Ân Bản Kỷ ghi: Cha ông họ Thúc Lương, tên là Hột, là người đứng đầu trong ấp Trâu. Cha ông lấy con gái họ Trâu, sinh được Mạnh Bì, nhưng Bì vốn bất tài. Sau lấy con gái họ Nhan tên là Trưng. Hai người lên cầu Thần ở núi Ni khâu, nhân đó sinh ra Khổng Tử. Vừa sinh ra ông đã có tóc. Thân ông cao chín thước sáu tấc, lưng dài mười vi (năm thước), tay dài qua gối, mắt xanh, miệng rộng, dáng mặt như rồng, trán vuông, mắt phụng, hàm én, râu rồng, nhìn như hổ. Người ông có đức trung hòa, y phục tao nhã nhưng uy nghiêm, sắc diện ôn hòa nhưng quả quyết. Ông có bốn mươi hai đức tướng tiêu biểu như Thế Gia, nên từ đó đổi thành họ Khổng, tên Khâu, tự là Trọng Ni. Đến đời Đường Huyền Tông ông được ban thụy là Văn Tuyên Vương. Tổ tiên ông là hậu duệ của nhà Ân, đến đời ông Hột thì dời về đất Lỗ, và đổi họ là Thúc Lương. Về sau Khổng Tử truy tìm họ tên của tổ tiên ngày xưa, lấy chữ Tử kết hợp với chữ Nhất và đổi thành họ Khổng. Đó đủ thấy rằng ông không quên nguồn cội tổ tiên.

Sở học của ông vượt xa thầy bạn, tự nhiên trở thành bậc anh tài lỗi lạc xuất chúng. Thánh đức vời vợi, người đời gọi ông là ông vua sáng suốt. Ông suốt đời nêu tỏ đạo lớn, dạy dỗ mọi người.

Lỗ Ai Công năm thứ mười một, ông từ Vệ trở về Lỗ, soạn văn, giảng dạy ở bến Chu tứ, thuật lại phong tục hiến chương, văn võ từ thời Nghiêu, Thuấn, san định sử nước Lỗ, soạn bộ Xuân Thu, ghi chép những việc trong hai trăm bốn mươi hai năm, bắt đầu từ năm Kỷ Mùi đời Chu Bình Vương, Lỗ Ẩn Công, đến năm Nhâm Tuất đời Lỗ Ai Công thì chấm dứt. Trong đó ông thuật rõ những việc suy tàn của Vương thất,

những chư hầu xưng bá, những việc khen, chê, được, mất... cuối cùng kết thúc ở câu "bắt được Kỳ lân". Học trò ông sau này, có đến năm người viết truyện, đó là Tả Khâu Minh, Công Dương Cao, Cốc Lương Xích, Trâu thị và Giáp thị.

Ông san định ba trăm câu kinh thi, vịnh quốc phong, Nhã, Tụng luận về đạo chánh biến, sau này phân thành Tứ thư. Kinh thi lấy Quan Nhã làm đầu, trước tiên nói về đạo vợ chồng, kế đến luận về đạo cha con, vua tôi, tam cang, thuận nghịch, luận về chánh sự, định lại thượng thư, cả thảy gồm một trăm thiên. Bắt đầu từ Nhị điển, đến Tam vương điển, những lối văn như: Mô, Thệ, Cáo đều nói đến rất rõ. Sau khi nhà Tần đốt sách, Nho học nhà Hán mới khôi phục lại những khẩu truyền ấy. Vì vậy đã mất đi hơn hai mươi thiên. Lễ nhạc có hai thiên, lễ ký có bốn mươi chín thiên, trong đó Khúc lễ đứng đầu. Kết thúc nói về tang phục dựa theo tinh thần hiếu đễ. Việc lập vua trị nước đều nói đến rất đầy đủ. Truyện thì có Từ Sinh là người đứng đầu. Chu Lễ thì có Lục quan, Quân vương có đến một trăm bảy mươi lăm vị. Luận về tông miếu xã tắc, vương hầu về những lễ nghi, cách thức trong triều, hầu như tất cả nghi thức cúng tế đều nói rất đầy đủ. Về kinh dịch thì bắt đầu từ thái cực, sinh ra lưỡng nghi, tứ tượng, bát quái, từ đó vạn vật phát sinh. Ông soạn Thập Dực Thi để giải thích rất rõ. Đó là: Thượng hệ, hạ hệ, thượng thoán, hạ thoán, thượng tượng, hạ tượng, văn ngôn, thuyết quái, tự quái, tạp quái. Những người được truyền thừa xưa nay rất đông. Học trò của ông cả thảy ba ngàn người. Những người đỗ đạt có bảy mươi hai vị, phân thành bốn khoa, mười triết. Đức hạnh thì có Nhan Hồi, Mẫn Tổn, Nhiễm Canh, Trọng Cung. Tài ăn nói có Tể Dư, Đoan Mộc, Tứ. Chánh sự có Nhiễm Cầu, Trọng Do. Văn học có Ngôn Yển, Bốc Thương, Tử Lý, Bá Ngư, Tôn Hấp, Tử Tư đều là những người trong số đó. Ông thọ bảy mươi ba tuổi. Phật trước ông hai trăm chín mươi chín năm (?).

Tân Hợi: Thế Tôn diệt độ được bốn trăm năm (Bấy giờ các đại Luận sư ở nước Ca-thấp-di-la dựa vào Pháp Trí Luận soạn ra Tỳ-bà-sa Luận).

CẢNH VƯƠNG: (Đinh Tỵ)

Tên là Quý, con thứ của Linh vương, trị vì được hai mươi lăm năm.

TỔ 8: PHẬT ĐÀ NAN ĐỀ:

Giáp Tý ba mươi sáu (Bính Dần).

Ngài thuộc dòng họ Cù-đàm, sinh trưởng tại nước Ca-ma-la. Trên đầu ngài có nhục kế, biện tài vô ngại. Thuở ấy ngài gặp Tôn giả Bà-tu-mật và xuất gia thọ giới. Sau, nhận lãnh đồ chúng, hoằng hóa đến nhà họ Tỳ-xá-la trong nước Đề-ca, ngài thấy trong nhà ấy có vòng hào quang màu trắng xông thẳng lên trời, ngài nói với đồ chúng rằng: Trong nhà này có Thánh nhân, tuy miệng không nói một lời nhưng là bậc Đại thừa pháp khí, chân không bước khỏi nhà nhưng biết tất cả việc tịnh uế.

Vừa nói xong, trưởng giả từ trong nhà đi ra đảnh lễ và hỏi thăm ngài cần điều gì không. Ngài bảo:

- Ta đến tìm một người Thị giả.

Trưởng giả thưa: Con có một đứa con trai tên là Phục-đà-mật-đa, nay đã năm mươi năm nhưng nó chưa từng nói một lời, chưa từng đi nửa bước.

Ngài bảo: Người mà ông nói đến đó đích thực là đệ tử của ta.

Trưởng giả mời ngài vào nhà, vừa thấy ngài, Phục-đà-mật-đa liền ngồi dậy đảnh lễ mà nói kệ rằng:

Cha mẹ chẳng phải thân?
Ai là người chí thân
Chư Phật chẳng phải đạo? (Của tôi)
Ai là bậc Chí đạo.

Ngài liền dùng kệ trả lời:

Lời ông cùng tâm thân
Cha mẹ đâu thể sánh
Hạnh ông hợp với đạo
Chư Phật chính là tâm,
Ngoại cầu Phật có tướng
Đâu có giống với ông
Ông muốn biết bổn tâm
Chẳng hợp cũng chẳng lìa.

Phục-đà-mật-đa nghe bài kệ nhiệm mầu của ngài xong, liền bước đi bảy bước. Ngài nói: Đứa con này thuở xưa từng gặp Phật, phát bi nguyện rộng lớn, nghĩ đến tình cảm cha mẹ khó lìa, nên chẳng nói chẳng đi.

Bấy giờ, trưởng giả cho con xuất gia. Ngài liền truyền trao giới pháp cho Phục-đà-mật-đa, rồi bảo ông rằng: Nay ta đem Chánh pháp nhãn tạng của Như Lai truyền lại cho ông, ông chớ để đoạn dứt, ngài bèn nói kệ:

Hư không chẳng trong ngoài
Tâm pháp cũng như vậy
Nếu liễu đạt hư không
Là đạt lý chân như.

Mật-đa nhận lãnh bài kệ của thầy mình xong, liền dùng kệ ngợi khen rằng:

Thầy tôi trong Thiên tổ
Hiện là vị thứ tám
Giáo hóa chúng vô lượng
Tất chứng A-la-hán.

Bấy giờ Tôn giả Phật-đà-nan-đề liền hiện thần thông biến hóa, xong trở về lại bổn tòa an nhiên mà tịch diệt. Toàn chúng dựng bảo tháp an táng toàn thân ngài. Bấy giờ là năm Bính Dần nhằm đời Chu Cảnh Vương năm thứ mười.

Ất Hợi: Bấy giờ Khổng Tử được hai mươi sáu tuổi, đi vào Chu Thất hỏi Lão Đam về lễ nghĩa. Lão Đam bấy giờ đã bảy mươi chín tuổi.

Kỷ Mão: Lão Đam mất trong năm này, thọ tám mươi bốn tuổi.

Tân Tỵ: Tháng tư thì vua mất. Lưu Tử, Đan Tử lập Mãnh làm vua. Tháng sáu, Tử Triêu làm loạn. Tháng mười, Tấn thâu nạp vua ở Vương thành. Tháng mười một, Mãnh mất (Đó là Điệu Vương).

KÍNH VƯƠNG: (Nhâm Ngọ)

Tên là Cái, em của Điệu Vương. Lưu Hiến Công, Đản Tử, Mục Công, Hàn Tuyên... đánh phạt Tử Triêu, lập ông làm vua. Ông trị vì được bốn mươi ba năm.

Ất Dậu: Mùa đông giết Đan, đánh đuổi Vương Tử Triêu chạy vào thành nhà Chu. Từ đó gọi thành của vua là Tây Chu, thành của nhà Chu (Thiên Tử) là Đông Chu.

Nhâm Thìn: Chu Kính Vương năm thứ mười một, chính là Lỗ Định Công năm đầu.

Tân Sửu: Khổng Tử làm quan tư khấu nước Lỗ. Bấy giờ ông đã năm mươi hai tuổi rồi.

Quý Mão: Khổng Tử bỏ Lỗ sang Vệ.

Ất Tỵ: Khổng Tử qua Tống qua Trần.

Mậu Thân: Khổng Tử vi hành sang Tống.

Kỷ Dậu: Khổng Tử bị vây khốn ở Trần.

Canh Tuất: Chu Kính Vương năm thứ hai mươi tám chính là Lỗ Ai

Công năm thứ mười một. Khổng Tử từ Vệ trở về Lỗ, soạn bộ Xuân Thu, san định Lục Kinh. Bấy giờ ông đã sáu mươi mốt tuổi.

TỔ 9: PHỤC ĐÀ MẬT ĐA: (Giáp Dần)

Ngài thuộc dòng họ Tỳ-xá-la, sinh trưởng tại nước Đề-ca. Sau khi được Tôn giả Phật-đà-nan-đề truyền trao chánh pháp, ngài hoằng hóa đến xứ Trung Ấn Độ. Bấy giờ có trưởng giả tên là Hương Cái dẫn đứa con đến đảnh lễ Tôn giả và thưa rằng: Đứa trẻ này ở trong thai sáu mươi năm, nhân đó tôi đặt tên nó là Nan Sinh. Trước đây tôi từng gặp một vị Tiên đến xem tướng nó rồi bảo rằng: Thằng bé này tướng mạo phi phàm, sẽ làm bậc Pháp khí. Nay gặp được Tôn giả xin ngài cho nó xuất gia.

Thế rồi Tôn giả liền xuống tóc truyền giới cho Nan Sinh. Trong buổi lễ Yết-ma, bỗng có ánh quang minh chiếu soi chỗ Nan Sinh ngồi, lại có ba mươi hạt xá-lợi hiện ngay trước mặt. Từ đó ngài tinh tấn tu hành quên cả mỏi mệt. Sau khi đắc pháp, Tôn giả bảo ngài: Nay ta đem đại Pháp nhãn tạng của Như Lai giao phó cho ông, ông phải khéo giữ gìn. Ngài bèn nói kệ:

Chân lý vốn không tên
Nhân tên bày chân lý
Nhận được pháp chân thật
Chẳng chân cũng chẳng ngụy.

Sau khi truyền pháp xong, Tôn giả bèn nhập diệt tận chánh định mà Niết-bàn. Đồ chúng dùng dầu thơm chiên-đàn trà-tỳ thân thể của ngài, thâu lấy xá-lợi dựng tháp cúng dường tại chùa Na-lan-đà. Bấy giờ là năm Giáp Dần, nhằm đời Chu Kính Vương năm thứ ba mươi ba.

Canh Thân: Khổng Tử kết thúc cuộc đời viết lách của mình bằng câu "bắt được Kỳ lân".

Nhâm Tuất: Chu Kính Vương năm thứ bốn mươi, chính là Lỗ Ai Công năm thứ mười sáu. Ngày tám tháng tư năm này, Khổng Tử mất tại Khúc phụ. Năm thứ bốn mươi ba, nước Ngô bị diệt vong.

Giáp Tý ba mươi bảy (Bính Dần): Nguyên Vương: Tên là Nhân, con của Kính Vương, trị vì được tám năm (Việt Vương Câu Tiễn bắt đầu xưng bá).

TRINH ĐỊNH VƯƠN: (Quý Dậu)

Tên là Giới, con của Nguyên Vương, trị vì được hai mươi tám năm.

Tân Mão: Thế Tôn diệt độ được năm trăm năm.

TỔ 10: HIẾP TÔN GIẢ: (Kỷ Hợi)

Ngài tục danh là Nan Sinh, sinh trưởng tại Trung Ấn Độ. Lúc ngài sắp chào đời, phụ thân ngài nằm mộng thấy có một con voi trắng từ bên ngoài đi thẳng vào nhà. Trên lưng voi chở một bảo tọa, trong bảo tọa có một hạt minh châu. Ánh sáng hạt minh châu chiếu sáng cả bốn phía. Ông giật mình tỉnh giấc thì đúng lúc ngài ra đời.

Về sau ngài gặp được Tôn giả Phục-đà và được thâu nhận làm Thị giả. Cũng từ đó ngài tinh tấn tu hành chưa từng ngủ nghỉ, suốt ngày đêm chưa từng đặt lưng xuống chiếu. Vì thế người bấy giờ gọi ngài là Hiếp Tôn giả.

Sau khi lãnh thọ chánh pháp xong, ngài vân du khắp nơi để hoằng hóa. Một hôm đến nước Hoa Thị, ngài tạm nghỉ dưới bóng cây đại thụ. Khi ấy ngài lấy tay chỉ xuống mặt đất rồi bảo đại chúng: Khi nào đất này biến thành màu vàng sẽ có Thánh nhân đến đây dự hội.

Ngài vừa nói dứt lời, mặt đất bỗng biến thành màu vàng, lát sau có một thanh niên con nhà trưởng giả tên là Phú-na-dạ-xa đứng trước ngài chắp tay đảnh lễ. Nhân đó ngài hỏi rằng:

- Ông từ đâu đến đây?

Người kia mới thưa:

- Tâm con chẳng đến đi.
- Ông trụ ở đâu?
- Tâm con chẳng phải dừng.
- Ông chẳng an định sao?
- Chư Phật cũng như vậy.
- Ông chẳng phải chư Phật?
- Chư Phật cũng chẳng phải.

Nhân đó Tôn giả nói kệ rằng:

Đất này hóa màu vàng
Biết có Thánh nhân đến
Ngồi dưới cội Bồ-đề
Hoa giác sẽ nở rộ.

Phú-na-dạ-xa cũng nói kệ:

Thầy ngồi trên đất vàng
Thường nói nghĩa chân thật
Ánh sáng chiếu qua con
Khiến con nhập chánh định.

Tôn giả biết rõ ý của Phú-na-dạ-xa, nên ngài liền cho xuất gia và truyền trao giới pháp.

Một hôm ngài bảo Phú-na-dạ-xa rằng: Đại Pháp nhãn tạng của Như Lai nay ta truyền trao cho ông, ông phải khéo giữ gìn. Và ngài nói kệ:

Chân thể vốn sẵn chân
Từ chân nói lý có.
Chứng được pháp Chân chân
Không đi cũng chẳng dừng.

Truyền pháp xong, Tôn giả liền hiện thần thông biến hóa, nhập Niết-bàn tự dùng lửa đốt thân. Bốn chúng dùng túi vãi đựng xá-lợi dựng tháp khắp nơi để cúng dường. Bấy giờ là năm Kỷ Hợi, nhằm đời Trinh Định Vương năm thứ hai mươi bảy.

Tân Sửu: Khảo Vương: Tên là Ngôi (còn có tên là Ngỗi) con của Trinh Vương, ông trị vì được mười bảy năm.

Bính Thìn: Uy Liệt Vương: Tên là Ngọ, con của Khảo Vương, ông ở ngôi được hai mươi bốn năm.

Giáp Tý ba mươi tám. Uy Liệt Vương năm thứ mười chín, Ngụy chiêu đãi hiền sĩ, đức độ của Ngụy Văn Hầu ban bố từ đây.

Đinh Sửu: Bộ Thông Giám ra đời do Tư Mã Quang của đời Tống gom tập lại.

Mậu Dần: Vua Tấn phong Triệu, Ngụy, Hàn làm chư hầu. Từ đây được gọi là Thất Hùng (Bảy nước hùng mạnh).

■

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG

QUYỂN 4

MẬU DẦN: HÀN, NGỤY, TRIỆU.

Lôi thị nói: Ngụy, Triệu, Hàn, Tề, Yên, Sở và Tần được gọi là thất hùng phong ở đất Hàn. Từ Vũ Tử đến Vương An gồm mười hai đời vua, trị vì được một trăm chín mươi sáu năm.

Ngụy Vũ Tử: Con cháu của Tất Công Vạn, cùng họ với nhà Chu. Sau khi Vũ Vương diệt nhà Ân, ông được phong ở đất Tất. Thời bấy giờ có lần Tần Vương muốn đánh Ngụy. Lại có thuyết nói rằng: Bấy giờ Văn Hầu Sư, Điền Tử Phương thọ học kinh với Tử hạ, lấy nghĩa đãi khách, chặt bỏ cổng làng ,vua lạy các bậc Hiền sĩ, người dân trong nước khen vua là bậc nhân nghĩa. Vua tôi đều thuận hòa, chưa từng có xung đột. Thời ấy có những bậc hiền tài như: Mạnh Thuần, Trâu Diễn, Thuần Vu Khôn.

Thời của Tuệ Vương, ông ấy có người con gái biến thành đàn ông.

Cha của Vũ Tử là Tất Vạn thờ vua Tấn, Tấn Hiến Công phong ông ở đất Ngụy thuộc quận Hà Đông. Đến đời Diệu Công thì ông ở Giáng Dương. Bấy giờ văn võ khôi phục nhà Ngụy. Từ Tất Vạn đến Vương Giả gồm chín đời vua, trị vì tổng cộng một trăm năm. Cuối cùng bị Tần Thủy Hoàng thôn tính.

Triệu Vũ Tử: Cha ông cùng vua Tần đồng một ông tổ. Hai con của vua Ân là Phi và Liêm rất ghét Quý Thắng. (Quý thắng là tiên tổ của nước Triệu). Về sau cha ông làm ngự sử cho Mục Vương và được phong ở thành Triệu, nhân đó mới đổi thành họ Triệu. Đến kính hầu thì đóng đô ở Hàm Đan. Về sau đến đời đại vương gia thì bị tướng của Tần là Vương Bôn tiêu diệt. Cả thảy gồm mười một đời, trị vì tổng cộng một trăm tám mươi bảy năm. Còn những chư hầu như: Tề, Sở, Yên, Tần đã chú thích ở phần trên.

AN VƯƠNG: (Canh Thìn)

An Vương: Tên là Kiêu, còn có tên là Long, con của Uy Liệt Vương. Ông trị vì được hai mươi sáu năm.

Tân Tỵ: Năm thứ hai nước Tấn bị chia làm ba. Bấy giờ Triệu Ngụy và Hàn đồng mưu diệt Tấn và chia ba nước này.

Bính Thân: Tề bị diệt vong.

TỔ 11: PHÚ NA DẠ NA: (Mậu Tuất)

Ngài họ Cù-đàm, người nước Hoa Thị, cha là Bảo Thân. Sau khi đắc pháp với Hiếp Tôn giả, ngài hoằng hóa đến nước Ba-la-nại. Bấy giờ có một Đại sĩ tên là Mã Minh đến nghênh đón và đảnh lễ ngài. Nhân đó Mã Minh nói với ngài:

- Tôi muốn biết Phật, vậy thế nào là Phật?

- Ông muốn biết Phật nhưng lại chẳng biết ai là Phật.

- Phật còn chưa biết thì làm sao biết được đó đích thị là Phật được!

- Đã không biết Phật thì làm sao biết được đó chẳng phải là Phật?

Mã Minh nói: Nghĩa của thầy là nghĩa Cưa.

Ngài nói: Nghĩa của ông là nghĩa Cây.

Ngài hỏi lại: Nghĩa Cưa là thế nào?

- Đâu khác với thầy.

Mã Minh lại hỏi: Vậy thế nào là nghĩa Cây?

Ngài đáp: Ông bị ta cưa ngã rồi!

Mã Minh nhân đó hoát nhiên tỉnh ngộ, bèn đảnh lễ quy y, xin ngài xuống tóc. Ngài bảo chúng rằng: Vị Đại sĩ này thuở xưa làm quốc vương nước Tỳ-xá-ly. Trong nước ấy có một người trần truồng như ngựa. Nhà vua thương cảm bèn vận dụng thần lực biến mình thành con tằm nhả tơ, người kia nhờ đó mà có áo quần để mặc. Về sau nhà vua ấy mất và sinh trong vùng Trung Ấn Độ. Lúc ông ấy sinh ra loài ngựa cảm kích bèn hý vang, nhân đó người ta gọi ông là Mã Minh. Như Lai có huyền ký rằng: "Sau khi ta diệt độ sáu trăm năm sẽ có một Hiền giả tên là Mã Minh ở tại thành Ba-la-nại xô dẹp các thứ tà đạo, kế thừa đạo pháp của Ta, giáo hóa vô lượng hữu tình." Chính là lúc này vậy.

Lúc ấy ngài bảo Mã Minh rằng: Đại Pháp nhãn tạng của Như Lai, nay ta sẽ giao phó cho ông. Ngài bèn nói kệ:

Mê ngộ như ẩn hiện
Tối sáng chẳng rời nhau

Nay trao pháp ẩn hiện
Chẳng một cũng chẳng hai.

Phó pháp xong, ngài bèn hóa hiện thần thông, an nhiên thị tịch. Mã Minh cùng đồ chúng xây tháp an táng chân thân của ngài. Bấy giờ là năm Mậu Tuất, nhằm đời Chu An Vương năm thứ mười chín.

Bính Ngọ: Liệt Vương: Tên là Hỷ, con của An Vương. Thời bấy giờ trời mưa trút xuống theo cả lá cây Lịch. Ông trị vì được bảy năm. Năm này có nhật thực.

HIỂN VƯƠNG: (Quý Sửu)

Tên là Biển, con của Liệt Vương. Ông trị vì được bốn mươi tám năm. Bấy giờ Tô Tần đi du thuyết sáu nước.

Giáp Dần: Năm thứ hai, Tần Tuệ mới xưng vương.

Giáp Tý ba mươi chín: Vua trị vì được mười hai năm.

Tân Mùi: Thế Tôn diệt độ được sáu trăm năm.

TỔ 12: MÃ MINH ĐẠI SĨ: (Giáp Ngọ)

Ngài sinh trưởng tại nước Ba-la-nại, ngài còn có hiệu là Công Thắng, bởi vì công đức hữu vi, vô vi của ngài thảy đều vô cùng thù thắng.

Sau khi đắc pháp với Tôn giả Dạ-xa, ngài vân du đến nước Hoa Thị chuyển bánh xe diệu pháp. Một hôm có một ông già đến trước pháp hội, bỗng nhiên ngã lăn ra đất, ngài bảo chúng rằng: Đây không phải là chuyện thường, chắc sẽ có điềm lạ gì đây!

Vừa nói dứt lời, ngài chẳng còn thấy ông già đâu cả. Chợt thấy ngay chỗ ấy hiện ra một người nước da sáng như vàng, người ấy lại hóa thành một người con gái xinh đẹp, lấy tay chỉ ngài nói kệ rằng:

Cúi đầu lạy trưởng lão
Hiện nhận lời Phật ghi
Nay ở ngay xứ này
Diễn nói Đệ nhất nghĩa.

Nói kệ xong trong chớp mắt chẳng thấy người con gái ấy đâu cả. Ngài bảo mọi người: Lát nữa đây sẽ có ma đến đấu sức với ta đây! Bỗng nhiên mưa gió ầm ầm, trời đất mù mịt.

Ngài nói: Đích thị là ma đến rồi, ta sẽ trừ khử chúng đây.

Nói xong ngài chỉ tay lên hư không, hư không bỗng hiện ra con rồng vàng to lớn, nó phát khởi oai thần chấn động cả núi non. Ngài vẫn nghiễm nhiên ngồi trên tòa, ma thuật dần dần biến mất.

Bảy ngày sau, bỗng có một con trùng nhỏ, nép dưới chỗ ngồi của ngài. Ngài đưa tay bắt con trùng ấy đưa cho mọi người xem và nói: Đây là trá hình của ma đến đây nghe trộm pháp của ta.

Ngài bèn ném nó ra và bảo nó đi đi, nhưng con trùng ấy vẫn nằm im không cựa quậy. Thấy thế ngài bèn bảo: Ngươi hãy quy y Tam bảo thì liền có được thần thông. Con trùng liền hiện lại nguyên hình, đảnh lễ ngài cầu xin sám hối.

Ngài hỏi:

- Ngươi tên gì? Có bao nhiêu quyến thuộc?

Ma thưa: Con tên là Ca-tỳ-ma-la, có đến ba ngàn quyến thuộc.

- Ngươi vận hết thần lực biến hóa được những gì?

- Con hóa biển cả bao la thành vật nhỏ xíu.

- Thế ngươi có hóa được tánh biển chăng?

- Thưa, thế nào là tánh biển? Con chưa từng biết đến.

Ngài liền giải thích tánh biển cho nó nghe và nói: Núi sông quả đất đều nương tánh ấy mà an lập, Tam-muội lục thông cũng đều từ tánh ấy mà có.

Tỳ-ma-la nghe xong liền phát khởi tín tâm, dẫn cả ba ngàn đồ chúng xin ngài xuất gia. Ngài liền triệu tập năm trăm La-hán truyền giới cho họ, rồi bảo Tỳ-ma-la rằng: Đại Pháp nhãn tạng của Như Lai nay ta giao phó cho ông, ông hãy nghe ta nói kệ đây:

Ẩn hiện vốn pháp này
Sáng tối nguyên chẳng hai
Nay truyền pháp liễu ngộ
Chẳng lấy cũng chẳng lìa.

Truyền pháp xong, ngài bèn nhập vào Long phấn tấn Tam-muội, toàn thân bay bổng lên hư không, sáng rỡ như mặt trời, rồi sau tịch diệt. Bốn chúng đem chân thể ngài an táng trong Long tháp. Bấy giờ là năm Giáp Ngọ, nhằm đời Chu Hiển vương năm thứ bốn mươi hai.

Tân Sửu: Thận Tịnh Vương: Tên là Định, con của Hiển Vương. Ông trị vì được sáu năm. Bấy giờ sáu nước đều tự xưng vương.

NOÃN VƯƠNG: (Đinh Mùi)

Tên là Diên, con của Thận Tịnh Vương, trị vì được năm mươi chín năm. Bấy giờ Đông Chu, Tây Chu tự phân ra để cai trị, bị chư hầu xâm lấn, vua chẳng khác thường dân. Vua phải dời đô, thái tử cai trị Đông Chu.

Giáp Tý bốn mươi: Vua trị vì được mười tám năm.

Bính Tý: Năm thứ ba mươi, Tống bị diệt vong.

TỔ 13: CA TỲ MA LA:

Ngài người nước Hoa Thị, ban đầu học theo ngoại đạo, rất giỏi về Dị luận, đồ chúng có đến ba ngàn người.

Sau khi đắc pháp với Tôn giả Mã Minh, ngài dẫn đồ chúng kéo đến Tây Ấn Độ hoằng hóa. Bấy giờ có thái tử tên là Vân Tự Tại rất ngưỡng mộ danh tiếng của ngài và thỉnh ngài vào cung để cúng dường. Ngài bảo: Đức Phật có dạy: Sa-môn không được gần gủi thân cận với quốc vương, đại thần cùng các nhà quyền thế.

Thái tử thưa: Bạch Tôn giả! Hiện nay phía Bắc quốc thành của con có một ngọn núi lớn, trong núi có một hang đá rất yên tĩnh, thầy có thể thiền định ở đó chăng?

Ngài nói: Được.

Thế rồi ngài bèn đi vào núi ấy. Đi được vài dặm, bỗng gặp một con rắn to dài, ngài vẫn cứ đi thẳng mà chẳng thèm ngó đến. Con rắn bèn quấn quanh thân ngài. Nhân đó ngài truyền thọ Tam quy cho nó. Con rắn nghe xong liền bò đi.

Ngài định đến hang núi bỗng gặp một ông già mặc toàn đồ trắng bước ra chấp tay thưa hỏi. Ngài bèn hỏi: Ông ở nơi nào?

Ông già thưa: Xưa con từng làm Tỳ-kheo rất thích sự yên tĩnh, bấy giờ có một Tỳ-kheo sơ cơ nhiều lần đến thưa hỏi, nhưng con thấy phiền toái đã không đáp mà lại nổi tâm sân hận, vì vậy sau khi mạng chung, con đọa làm thân rắn ở trong hang này, tính đến nay đã một ngàn năm rồi. Ngày nay may mắn được gặp Tôn giả, được nghe giới pháp, nên con đến đây cảm tạ ngài.

Ngài hỏi: Trong núi này còn có ai nữa không?

Ông già đáp: Cách núi này mười dặm về phía Bắc có một tàng cây Đại thụ che cả năm trăm con rồng lớn, người đứng đầu trong số đó tên là Long Thọ, ông ấy thường nói pháp cho rồng nghe, con cũng thường đến đó nghe pháp.

Nghe thế rồi, ngài bèn dẫn đồ chúng đến nơi ấy. Long Thọ liền đi ra nghênh đón ngài rồi nói:

- Núi sâu vắng vẻ là nơi ở của rồng rắn, Đại đức chí tôn đến đây làm gì cho nhọc công!

Ta chẳng phải là bậc Chí tôn, ta đến đây chỉ để học hỏi Hiền giả thôi mà!

Long Thọ lặng yên nghĩ thầm rằng: Ông thầy này đã chứng được Quyết định tánh, đạo nhãn đã sáng chưa? Phải là bậc Đại thánh kế thừa chân tông chăng?

Ngài liền bảo: Tuy ông nghĩ thầm trong tâm nhưng ta đã biết cả rồi, chỉ cần ông xuất gia thì lo gì ta chẳng phải là Thánh!

Long Thọ nghe xong sám hối, tạ lỗi. Ngài liền xuất gia và truyền trao giới pháp cho Long Thọ cùng năm trăm con rồng. Ngài lại bảo Long Thọ rằng: Nay ta đem đại Pháp nhãn tạng của Như Lai phó chúc cho ông, hãy nghe ta nói kệ đây:

Pháp chẳng ẩn chẳng hiện
Nói là chân thật tế
Ngộ pháp ẩn hiển này
Chẳng ngu cũng chẳng trí.

Truyền pháp xong, ngài liền hiện thần thông biến hóa, dùng lửa tự đốt thân. Long Thọ cùng đồ chúng thâu lấy xá-lợi ngũ sắc dựng tháp an táng. Bấy giờ là năm Nhâm Thìn, nhằm đời Chu Noãn Vương năm thứ bốn mươi sáu.

Ất Tỵ: Vua cùng sáu nước đánh Tần, Chiêu vương nổi giận xua quân đánh Tây Chu. Vua hoảng sợ đầu hàng Tần, dâng hết đất đai. Năm ấy Tần sai tướng quân họ Cầu đánh Chu, cướp lấy cửu đỉnh. Vua Chu sinh bệnh mà chết. Trong tám trăm sáu mươi bảy năm ấy, có ba trăm hai mươi lăm năm được ghi chép trong Xuân Thu. Nhà Chu đến đây bị diệt vong.

Triều đại nhà Chu gồm ba mươi bảy đời vua, trị vì cả thảy tám trăm sáu mươi bảy năm.

NHÀ TẦN

Lôi Thị nói: Chiêu Tương, Hiếu Văn, Trang Tương, Thỉ Hoàng, Hồ Hợi, Tử Anh, triều đại nhà Tần có sáu đời vua trị vì được bốn mươi chín năm.

Bính Ngọ: Chiêu Tương Vương, tên là Tắc, con của Tuệ Văn Vương, họ Doanh. Vương Hỏa Đức đóng đô ở Hàm Dương (nay là Kinh triệu). Ông trị vì được năm năm. Đến khi Thỉ Hoàng lập Hồ Hợi là hết. Ông xưng bá được năm mươi mốt năm.

Tân Hợi: Thế Tôn diệt độ được bảy trăm năm.

Hiếu Văn Vương: Tên là Mậu, con của Chiêu Vương. Năm đầu tiên lên ngôi, ông tu chỉnh lại công thần của tiên vương, hậu đãi vương thân quốc thích, bày ra vườn tược để giải tang chế! Ông trị vì được ba tháng, vận số là một năm.

Nhâm Tý: Trang Tương Vương: Tên là Sở, con của Hiếu Văn

Vương. Ông dùng Lã Bất Vi làm tướng, trị vì được ba năm. Năm sau (Quý Sửu) có nhật thực.

TẦN THỈ HOÀNG: (Ất Mão)

Tên là Chánh, con của Trang Tương Vương. Ông sinh ngày một tháng giêng năm thứ bốn mươi tám đời Chiêu Vương, tại Hàm đan. Năm mười ba tuổi, Trang Tương mất, ông lên kế ngôi làm Tần Vương, tự lấy hiệu là Thỉ Hoàng, với ý định làm chủ thiên hạ đến muôn đời, ông tự xưng mình là Trẫm, sửa đổi niên hiệu. Phẩm vật triều cống, được theo phép mới bắt đầu từ ngày một tháng hai. Y phục cờ xí vẫn giữ nguyên màu đen. Đặt ra chức thủ úy giám, xây Trường thành, gọi dân là hắc thủ (đầu đen, dân đen); dùng Lã Bất Vi, Triệu Cao, Lý Tư làm tướng văn, Mông Điền, Dạch Khởi, Vương Tiển làm tướng võ, ông thôn tính sáu nước thống nhất thiên hạ. Chia đất nước thành ba mươi sáu quận. Từ đó về sau ông càng kiêu căng, phóng túng, chu du khắp thiên hạ. Lần chu du đến Cối kê, Lăng gia, trở về đến Sa khâu thì bỗng phát bệnh. Tháng bảy năm Bính Thân, ông mất ở Bình đài, thọ năm mươi tuổi, trị vì được ba mươi bảy năm.

Giáp Tý bốn mươi mốt: Vua hạ lệnh đuổi khách của chư hầu, Lý Tư can ngăn, ông mới thôi không đuổi nữa.

Tân Mùi: Tiêu diệt Hàn.

Quý Dậu: Tiêu diệt Triệu.

Bính Tý: Tiêu diệt Ngụy.

Mậu Dần: Tiêu diệt Sở.

Kỷ Mão: Bắt sống vua nước Yên là Hy.

Canh Thìn: Tiêu diệt Tề.

Nhâm Ngọ: Năm thứ hai mươi tám, vua tuần thú các quận huyện ở phía Đông, lên đến vùng núi Trâu dịch, đất Lang gia, khắc vào vách đá để ca tụng đức. Lại lên núi Thái dựng đá, phong miếu thờ. Khi ấy gặp lúc gió mưa, ông bèn tránh mưa dưới cây Tùng. Nhân đó ông phong cây Tùng chức ngũ đại phu. Ông lại sai Từ Phúc cầu tiên.

SA MÔN THẤT LỢI PHÒNG ... mười tám hóa nhân

Sa-môn Thất Lợi Phòng... cả thảy mười tám người từ Tây Vực đến Trung Quốc, nhà vua rất ghét những người khác tộc này nên bắt nhốt hết trong ngục. Bỗng có vị thần Kim cang đập tan cửa ngục rồi đưa họ ra ngoài. Vua thấy thế vô cùng sợ hãi, từ đó hậu đãi họ. Thời bấy giờ quốc sự rối bời, lòng người chẳng thuận.

Đinh Hợi: Xây Trường thành.
Mậu Tý: Đốt sách.
Kỷ Sửu: Chôn học trò, dựng cung A Phòng.

TỔ 14: LONG THỌ TÔN GIẢ:

Ngài còn có tên là Long Thắng, sinh trưởng tại miền Tây Ấn Độ. Sau khi đắc pháp với Tôn giả Tỳ-ma-la, ngài vân du hoằng hóa đến vùng Nam Ấn. Dân chúng xứ này hầu hết chỉ sùng tín phước nghiệp. Khi nghe Tôn giả diễn nói diệu pháp, họ bảo nhau rằng: Bọn ta chỉ có phước nghiệp thế gian là trên hết, chỉ nói suông về Phật tánh nhưng có ai thấy được Phật tánh đâu?

Ngài nói: Các ông muốn thấy được Phật tánh, thì trước tiên hãy dứt bỏ tâm ngã mạn.

Họ liền hỏi: Thế Phật tánh lớn hay nhỏ?

Ngài đáp: Nó chẳng lớn, chẳng nhỏ, chẳng rộng, chẳng hẹp, không phước, không báo, chẳng chết, chẳng sống.

Khi nghe ngài diễn nói lý tối thắng, họ đều chuyển tâm. Từ ngay pháp tòa, ngài liền hóa thân tự tại như vầng trăng tròn, tất cả mọi người chỉ nghe pháp âm mà chẳng thấy hình bóng ngài đâu cả. Bấy giờ trong chúng ấy có một người con của trưởng giả, tên là Ca-na-đề-bà hỏi dân chúng rằng:

- Các ông biết tướng đó chăng?

Họ đáp:

- Mắt chưa từng thấy, làm sao nói biết được.

Đó chính là Tôn giả hiện thể tướng của Phật tánh cho chúng ta thấy đấy! Vì sao biết chắc như vậy? Bởi vì Vô tướng Tam-muội giống như mặt trăng tròn, nghĩa là Phật tánh rỗng rang như bầu trời sáng rỡ.

Đề-bà nói dứt lời, mặt trăng ấy liền ẩn mất, Tôn giả về lại bổn tòa rồi nói kệ rằng:

Thân hiện tướng trăng tròn
Để bày thể chư Phật
Nói pháp không hình thể
Để thấy không thanh, sắc.

Nhóm người ấy nghe kệ xong đều cầu xin ngài xuất gia, cầu đạo giải thoát. Thế rồi ngài xuống tóc và thỉnh Thánh tăng truyền giới pháp cho họ.

Trong nước này trước đây có một ngoại đạo, dạy cho hơn năm ngàn người biết làm huyễn thuật. Dân chúng đều rất tôn sùng ông. Thế

mà Tôn giả đã cảm hóa được tất cả khiến họ hồi tâm quy y Tam bảo.

Sau này ngài trước tác các bộ luận như Đại Trí Độ Luận, Trung Luận, Thập Nhị Môn Luận lưu truyền cho hậu thế.

Một hôm ngài gọi vị đệ tử thượng thủ của mình là Ca-na-đề-bà đến và dặn dò rằng: Nay ta đem đại Pháp nhãn tạng của Như Lai giao phó cho ông, hãy nghe ta nói kệ đây:

Để rõ pháp ẩn hiện
Mới nói pháp giải thoát
Với pháp tâm chẳng chứng
Không giận cũng không vui.

Truyền pháp xong, ngài nhập vào Nguyệt luân Tam-muội, hiện đủ thần biến, rồi trở về lại bản tòa an nhiên nhập diệt. Ca-na-đề-bà cùng bốn chúng dựng bảo tháp an trí chân thân ngài. Bấy giờ là năm Kỷ Sửu, nhằm đời Tần Thủy Hoàng năm thứ ba mươi lăm.

Nhâm thìn: Nhị thế Hồ Hợi: Con thứ của Thủy Hoàng. Khi vua mất, Lý Tư giấu kín, chỉ có Triệu Cao và Hồ Hợi biết tin. Triệu Cao làm di chiếu giả, giết Phù Tô lập ông lên làm vua. Hồ Hợi lên ngôi năm hai mươi mốt tuổi, trị vì được ba năm.

Quý Tỵ: Lưu Quý khởi binh ở đất Bái, Hạng Vũ khởi binh ở Giang Đông, thống lãnh chư hầu cùng đánh Tần. Trần Thắng, Ngô Quảng cũng khởi binh, thiên hạ đại loạn.

Giáp Ngọ: Vua bị Triệu Cao giết tại cung Vọng di.

Tam Thế Tử Anh: Con của Phù Tô. Đầu tiên Triệu Cao sai Tế Diêm Lạc giết Nhị Thế, giành lấy ngọc tỷ, nhưng trăm quan chẳng ai phục tùng. Quân tướng xông lên điện, có ba người muốn giết ông. Triệu Cao biết ngôi vua không thể về tay mình, bèn lập Tử Anh lên ngôi. Tử Anh giết Triệu Cao tại Tề cung, tru di cả ba họ.

Sau đó Bái Công dẫn quân vào đến Quan trung, Tử Anh liền đưa cổ chịu tội, dâng ngọc tỷ, ngựa trắng, xa giá đều hàng Bái Công ở ngoài thành. Tử Anh làm vua được bốn mươi sáu ngày. Bái Công vào đến Hàm Dương, ra lệnh niêm phong cung thất, kho đụn, rồi dẫn quân ra Bá thượng. Hạng Vũ vào đến Quan trung liền giết Tử Anh. Nhà Tần đến đây chấm dứt.

Tần Thủy Hoàng năm thứ hai sáu, thống nhất thiên hạ, ở ngôi vua được mười lăm năm, sau bị nhà Hán diệt.

TÂY HÁN VĂN ĐẾ:

Lôi Thị nói: Nhà Hán từ Cao, Tuệ, Lã, Văn, Cảnh, Vũ, Chiêu,

Xương, Ấp, Tuyên, Nguyên, Thành, Ái, Bình, Nhụ cả thảy mười bốn đời vua, trị vì hai trăm mười bốn năm.

Ất Mùi: Cao Tổ: Tên là Bang, tự là Quý, họ Lưu. Vương Hỏa Đức trị vì mười hai năm. Ban đầu dùng chính sách nhà Tần. Thái sơ năm đầu chuyển qua dùng chính sách nhà Hạ. Ông đóng đô ở Trường An (nay là Kinh triệu). Ông sinh ra và lớn lên tại làng Trung dương, Phong bái. Người ông có sóng mũi cao, mặt rồng (tướng của vua), bắp đùi bên trái có bảy mươi hai nốt ruồi đen. Ban đầu ông làm đình trưởng ở Tứ thượng, đan phụ Lã Công gả con gái cho ông. Nhân một hôm ông dẫn tội phạm về triều, nhưng qua khỏi Ky sơn đến Phong tây thì ông phóng thích hết. Trong số đó có mười tám tráng sĩ tình nguyện đi theo ông. Thế rồi ông dẫn bọn họ đến khu đầm trong núi, chém chết con bạch xà nằm ngang giữa đường. Sau đó người ta thấy có một bà lão khóc than rằng: Ôi! Bạch đế con ta bị Xích đế chém chết rồi!

Tần Nhị Thế năm đầu, từ áo vải khởi binh đất Bái và sau này đã diệt được nhà Tần lập ra nhà Hán. Ông dùng Tiêu Hà làm tướng văn, Hàn Tín là tướng võ, Trương Lương làm mưu sĩ. Ba người ấy là Tam Kiệt của nhà Hán. Ông cùng họ diệt Hạng Vũ ở Ô giang. Ông sinh vào đời Tần Chiêu Vương năm thứ bốn mươi sáu, thọ sáu mươi hai tuổi. Ông bình định được thiên hạ sau mối loạn nhà Tần. Tháng tư năm Đinh Mùi, ông mất tại cung Trường Lạc, an táng tại Trường lăng.

Tây Sở Bá Vương Hạng Vũ: Tên là Tịch người ở Hạ Tương, là cháu của tướng Sở là Hạng Yên. Ông cao tám thước, mắt có hai đồng tử, sức của ông có thể nhổ cả núi, nhấc nổi đỉnh, anh em của Ngô Trung rất kiêng nể ông.

Tần Nhị Thế năm đầu, theo Lưu Bang và cha là Hạng Lương khởi binh tiến đánh phía Đông, ba năm sau thì diệt được Tần, tự lấy hiệu là Tây Sở, đóng đô ở Bành thành. Làm vua được năm năm, bấy giờ nhà Hán hội họp chư hầu ở Cai hạ, nổi lên đánh ông, đuổi đến Ô giang, cùng đường ông đành tự vẫn.

Bính Thân: Tháng mười năm thứ hai, năm ngôi sao tụ lại ở giếng phía Đông. Tháng mười một vua triệu tập các phụ lão trong huyện đặt ra ba chương hình pháp. Kẻ nào phạm tội giết người thì bị tội chết. Kẻ nào làm tổn thương hoặc đàn áp người khác thì bị trách tội. Ông bãi bỏ hết hình pháp nhà Tần. Năm đó, Hạng Vũ sai Anh Bố giết Nghĩa Đế ở huyện Sâm.

Đinh Dậu: Diệt ba nước Hàn, Triệu Ngụy.

Mậu Tuất: Diệt Tề.

Kỷ Hợi: Diệt Yên, ông cùng Hạng Vũ giao ước lấy Hồng Cấu làm ranh giới chia đôi thiên hạ.

Canh Tý: Hội họp chư tướng vây Hạng Vũ ở Cai hạ, Ngu Cơ tự vẫn.

Tân Sửu: Đổi Hàm Dương thành Trường An.

Đinh Mùi: Hiếu Tuệ Doanh: Tự là Nhật Mãn, con của Cao Tổ, mẹ là Lã Thị. Năm mười bảy tuổi lên ngôi, thấy mẹ quá tàn ác, bèn sai người đến xin thái hậu rằng: "Con quyết không thể cai trị thiên hạ". Thế rồi ông lao vào tửu sắc, dâm lạc. Tháng tám năm Giáp Dần mất ở cung Vị Ương , được an táng ở An lăng, thọ hai mươi bốn tuổi. Ông trị vì được bảy năm. Bấy giờ mới có ống Địch (Do Khâu Trọng làm ra, Địch có nghĩa là rửa sạch, rửa sạch các thứ tà uế, thay vào đó là các thứ tao nhã, ngay thẳng. Long địch có bảy lỗ, Trúc địch có năm lỗ và Khương địch có ba lỗ).

Quý Sửu: Vua xây dựng Trường An, chợ phía Tây, chỉnh sửa lại kho đụn.

Giáp Dần: Cao Hậu: Tên là Trĩ, họ Lã, con gái của Đan Phụ Lã Công. Thiếu Đế còn nhỏ, thái hậu lâm triều giải quyết triều chính, lập Chư Lã làm vương, muốn làm chủ thiên hạ. Nhiều lần gây thù với họ Lưu. Lưu Chương, Chu Bột giết Chư Lã. Bà trị vì được tám năm, thọ bảy mươi mốt tuổi.

Ất Mão: Đất chấn động. Tháng sáu có nhật thực. Phát hành đồng tiền bảy thù.

Bính Thìn: Mùa Thu thấy sao xuất hiện vào ban ngày.

Mậu Ngọ: Năm thứ năm, Nam Việt Vương tự xưng Vũ Đế.

Kỷ Mùi: Mùa Xuân, thấy sao xuất hiện vào ban ngày. Phát hành đồng tiền năm phân.

Canh Thân: Tháng giêng có nhật thực.

Nhâm Tuất: Văn Đế tên là Hoàn, con thứ của Cao Tổ, mẹ là Bạc Cơ. Ban đầu Lã Hậu phong Chư Lã làm vua. Trần Bình, Chu Bột, Lưu Chương giết Chư Lã cùng ba ngàn người khác rồi lập Văn Đế. Tính ông khoan dung, ôn hòa, thận trọng, liêm khiết, ăn mặc không xa hoa, nên thời bấy giờ bá tánh rất giàu có lại an vui. Từ khi lên ngôi, ông đã xuống hai mươi bảy chiếu chỉ làm lợi nước an dân. Ông mất năm Giáp Thân tại cung Vị Ương , an táng tại Bá lăng, thọ bốn mươi sáu tuổi, ông trị vì được hai mươi ba năm.

Giáp Tý bốn mươi hai: Văn Đế năm thứ ba.

TỔ 15: CA NA ĐỀ BÀ:

Ngài họ Tỳ-xá-la, sinh trưởng tại Nam Ấn Độ. Ban đầu ngài thích làm phước thiện, rất giỏi về tài biện luận. Về sau, ngài gặp được Long Thọ Đại sĩ. Vừa bước đến cửa, Long Thọ biết đạy là người trí, bèn sai thị giả múc một bát nước đầy để ở ngay lối vào. Đề-bà thấy thế bèn lấy cây kim bỏ vào bát nước rồi tới thẳng yết kiến Tổ. Thầy trò gặp nhau vui vẻ lãnh hội. Long Thọ liền giảng pháp cho ngài nghe. Long Thọ chẳng rời khỏi tòa mà hóa hiện thành tướng trăng tròn, chỉ nghe tiếng thuyết pháp mà chẳng thấy Tổ đâu cả. Ngài bảo mọi người rằng: Điềm lành này là Tổ muốn nêu bày Phật tánh để chứng minh rằng thuyết pháp chẳng có hình tướng.

Sau khi đắc pháp ngài đến nước Tỳ-la để thuyết pháp giáo hóa. Trong nước ấy có ông Trưởng giả tên là Phạm Ma Tịnh Đức. Một hôm trong vườn nhà ông nảy sinh một thứ nấm lạ, mùi vị rất ngon. Thế nhưng chỉ có ông và người con thứ hai là La-hầu-la-đa là nhổ được nấm, ngoài ra không ai nhổ được cả. Hai người cứ nhổ ăn hoài mà nấm chẳng hết.

Bấy giờ ngài biết được túc nhân của trưởng giả nên liền đến nhà ông. Gặp ngài trưởng giả hỏi duyên cớ vì sao như vậy, thì ngài đáp: Thuở xưa, nhà ông từng cúng dường cho một Tỳ-kheo, thế nhưng Tỳ-kheo ấy đạo nhãn chưa sáng, luống nhận của tín thí, cho nên phải thọ quả báo làm cây nấm. Lúc đó chỉ có ông và con ông tinh tấn cúng dường, nên ngày nay chỉ có hai người hưởng phước, mọi người còn lại thì không hưởng được.

Ngài lại hỏi: Trưởng giả năm nay đã bao nhiêu tuổi rồi?

- Dạ bảy mươi chín tuổi.

Tôn giả bèn nói kệ:

Nhập đạo chẳng thông lý
Thọ thân đền tín thí
Khi ông tám mươi mốt tuổi
Cây này thôi sinh nấm.

Trưởng giả nghe ngài nói xong khấp khởi vui mừng, vô cùng thán phục, ông nói:

- Con nay đã già yếu không thể theo hầu hạ ngài được, con xin cho thằng con thứ hai theo thầy xuất gia, mong thầy hứa khả.

Ngài nói: Xưa Như Lai thọ ký cho đứa trẻ này trong năm trăm kiếp thứ hai sẽ làm đại giáo chủ. Nay gặp nhau đây thật là khế hợp với duyên xưa.

Thế rồi ngài xuống tóc và cho La-hầu-la-đa theo làm thị giả.

Ngài hoằng hóa đến thành Ba-liên-phất, gặp lúc ngoại đạo ở đây hưng thịnh, từ lâu đã làm cho Phật pháp lu mờ. Ngài bèn cầm trường phan vào thẳng trong chúng ngoại đạo, bọn họ hỏi ngài rằng:

- Sao ông không đến trước?
- Sao ông không đến sau?
- Ông giống một người hèn.
- Ông giống một người tốt.

Bọn họ lại hỏi:

- Ông hiểu được pháp gì?
- Ông chẳng hiểu pháp gì cả.
- Tôi muốn được làm Phật.
- Rõ ràng tôi đã được làm Phật.
- Ông chẳng hợp với Phật.

Ngài nói: Ta đã chứng đắc nguyên đạo, con ông chẳng được gì cả.

- Tôi vốn chẳng được, thì làm sao nói được.

Ngài nói: Sở dĩ ông có ngã nên trọn không chứng đắc, do ta vô ngã nên tự nhiên chứng được.

Người ấy cảm tạ ngài và chịu khuất phục, bèn hỏi ngài rằng:

- Thế ông tên gì?
- Ta tên là Ca-na-đề-bà.

Ngoại đạo này vốn từ lâu đã được nghe danh ngài nên liền đảnh lễ, sám hối. Bấy giờ trong chúng hội ấy cũng vẫn còn cùng nhau vấn nạn. Ngài dùng biện tài vô ngại hàng phục tất cả, do đó ngoại đạo đều quy phục.

Một hôm ngài gọi đệ tử Thượng thủ La-hầu-la-đa đến dặn dò rồi truyền Pháp nhãn tạng, ngài thuyết kệ:

Xưa đối người truyền pháp
Diễn nói lý giải thoát
Với pháp thật không chứng
Không cuối cũng không đầu.

Nói kệ xong, ngài nhập Phấn tấn Tam-muội an định thân tâm. Phóng tám luồng hào quang rồi quy tịch. La-hầu-la-đa cùng bốn chúng xây tháp cúng dường. Bấy giờ là năm Canh Thìn, nhằm đời Tiền Hán Văn Đế năm thứ mười chín.

Ất Dậu: Cảnh Đế: Tên là Khải, con của Văn Đế, mẹ ông họ Đậu, ba mươi hai tuổi lên ngôi, rất thích tư tưởng của Hoàng Tử và Lão Tử. Ông ra lệnh cho mọi người trong cung phải đọc tụng hai bộ sách ấy.

Nhân đó ông đổi hai bộ sách này thành kinh. Năm Canh Tý, ông mất ở cung Vị Ương . An táng tại Dương lăng, thọ bốn mươi tám tuổi. Ông trị vì được mười sáu năm.

Đinh Hợi: Ba năm dùng chánh sách của Triệu Thố nên bảy nước chư hầu làm phản. Ông sai Chu Á Phu đem ba mươi sáu tướng dẹp loạn chư hầu. Sau ông dùng mưu của Viên Áng, chém Triệu Thố để tạ lỗi bảy nước chư hầu. Thiên hạ nhờ đó được thái bình.

Tân Hợi: Thế Tôn diệt độ tám trăm năm.

Mậu Tuất:Vua bãi bỏ hình pháp đánh bằng roi, định lại hình pháp đáng bằng trượng. Ông sợ Chu Á Phu có công lớn (nên muốn giam Phu vào ngục, Phu hộc máu mà chết).

VŨ ĐẾ:

Tên là Triệt, bắt đầu lập niên hiệu. Ông là con giữa của Cảnh Đế, mẹ là Vương phu nhân. Ông từng bói quẻ và quẻ ứng là bảy mươi hai thì hết mạng. Quả nhiên ông mất tại điện Ngũ tộ vào năm bảy mươi hai tuổi, an táng tại Mậu lăng. Ông lên ngôi năm mười bảy tuổi, trị vì được năm mươi bốn năm. Ông dựa theo Vận Lịch Đồ lấy Tân Sửu làm năm đầu. Bấy giờ Đông Phương Sóc làm chức Thái Sử.

Ất Tỵ: Vua thích phép tiên, ông rất kính trọng những người như: Phương Sĩ, Văn Thành, Ngũ Lợi... năm này vua đúc tiền nửa lượng. Ông rất ưa lấn đất, hiếu sát. Ông sai những người như Tư Mã Thiên... làm biên niên sử của Hán Thái Tổ, lấy tháng giêng làm tháng đầu năm. Y phục vẫn ưa chuộng màu vàng. Số thì dùng số năm, ông mở ra chức thái học, tu sửa lại nơi tế tự, định lại luật của âm nhạc làm ra thi nhạc, dựng phong, thiền để tế lễ quỷ thần. Sau khi nối nghiệp nhà Chu, hiệu lệnh, văn chương đều ghi chép lại rất rõ ràng.

Đinh Mùi: Đổi niên hiệu là Nguyên Quang.

Quý Sửu: Đổi niên hiệu là Quang Sóc.

Kỷ Mùi: Đổi niên hiệu là Quang Thú. Bấy giờ Vương An ở Hoài nam, Vương Tứ ở Hành sơn, rắp tâm làm phản hai người bị giết, đồng thời liên lụy đến mấy vạn người khác.

Canh Thân: Vua dùng Tôn Khoan làm tướng văn; Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh làm tướng võ. Phía Bắc thì chinh phạt Hung Nô, mở mang đất đai vùng Hà sóc, lại bình định mối loạn của Việt Vương ở phía Nam. Phía Đông thì chinh phục Triều Tiên đặt thành quận huyện, phía Tây thì chinh phục được năm nước. Bắt sống Côn Gia Vương và Hưu Xà Vương. Sau đó sai Trương Khiên qua nước Thân Độc ở phía Tây để tìm giáo lý

nhà Phật. Cuối cùng ông ấy cũng tìm được.

Giáp Tý bốn mươi ba: Tháng tư vua bắt đầu làm bài cáo vỗ an muôn dân. Loại thư tịch này phát xuất từ đây.

Ất Sửu: Đổi niên hiệu là Quang Đỉnh.

TỔ 16: LA HẦU LA ĐA: (Mậu Thìn)

Ngài sinh trưởng tại nước Ca-tỳ-la. Sau khi đắc pháp ,ngài hoằng hóa đến thành Thất-la-phiệt. Nơi đây có con sông tên là Kim hà, nước rất sạch và ngọt. Giữa dòng sông lại hiện ra bóng của năm Đức Phật. Thấy thế, ngài bảo đồ chúng rằng: Thượng nguồn sông này cách đây khoảng năm trăm dặm, có vị Thánh nhân tên là Tăng-già-nan-đề hiện đang cư trú trên ấy. Xưa Phật từng nói: Một ngàn năm sau ông ấy sẽ tiếp nối dòng Thánh.

Nói xong ngài bèn dẫn đồ chúng ngược dòng đi lên. Đến nơi quả nhiên thấy Tăng-già-nan-đề đang tọa thiền. Ngài cùng đồ chúng phải đứng chờ. Đến hai mươi mốt ngày sau Nan-đề mới xuất định. Ngài bèn hỏi Nan-đề:

- Thân ông định hay tâm ông định?
- Thân tâm đều định.
- Thân tâm đều định, sao lại có xuất nhập?

Tuy có xuất nhập nhưng chẳng mất tướng định. Ví như vàng ở trong giếng thể của nó thường vắng lặng.

Ngài hỏi: Như vàng ở trong giếng và vàng ra khỏi giếng, thể của nó không có động tĩnh, thì vật gì ra vào?

Ông nói: Vàng không động tĩnh, thì vật gì ra vào, rõ ràng ông đã thừa nhận vàng có ra vào rồi, mà thể của vàng vốn chẳng phải động tĩnh.

Ngài hỏi: Nếu vàng ở trong giếng thì vật gì ra? Nếu vàng ra khỏi giếng thì vật gì ở trong giếng?

- Nếu vàng ra khỏi giếng thì vật trong giếng chẳng phải vàng.
- Nếu vàng ở trong giếng thì vật ra ngoài ấy, chẳng phải là vật.

Ngài nói:

- Nghĩa này không đúng.
- Nghĩa kia chẳng nhầm.
- Nghĩa này rơi rớt.
- Nghĩa kia chẳng thành.

Ngài nói: Nghĩa của ông không thành chủ nghĩa của ta thành rồi.

Nghĩa của ông tuy thành nhưng pháp vốn không có ngã.

Ngài nói: Nghĩa của ta thành nên ta không có ngã.

- Tôi cũng vô ngã thì thành nghĩa gì?

- Do ta vô ngã nên thành tựu nghĩa của ông.

Nan-đề hỏi lại: Nhân giả thờ vị Thánh nào mà được cái vô ngã đó?

Ngài nói: Thầy ta là Ca-na-đề-bà đã chứng đắc cái vô ngã này.

Nan-đề liền tán thán: Cúi đầu đảnh lễ thầy Đề-bà, người đã tác thành Nhân giả! Nhân giả là người vô ngã, nên con muốn thờ Nhân giả.

Ngài nói: Ta đã vô ngã, mà ông lại thấy có ngã. Nếu như ông muốn thờ ta thì phải biết ta vốn chẳng có ngã.

Nghe vậy, tâm Nan-đề bỗng nhiên rỗng rang, liền đảnh lễ ngài và cầu xuất gia.

Ngài bảo: Tâm ông tự tại, đâu phải do ta trói buộc!

Nói xong ngài dùng tay phải nâng bình bát vàng lên đến Phạm cung, lấy cơm thơm trên cõi ấy về phân phát cho đại chúng. Thế nhưng mọi người bỗng sinh tâm nhàm gớm.

Ngài nói: Đó không phải là lỗi của ta mà bản nghiệp của họ chiêu cảm thế thôi.

Sau đó ngài sai Tăng-già-nan-đề phân tòa và hai thầy trò cùng ăn. Mọi người thấy thế rất lấy làm lạ. Ngài bèn nói:

- Sở dĩ các ông không ăn được là do khởi cái tâm đó. Các ông nên biết rằng người cùng ngồi ăn với ta hiện nay chính là Bà-la Thọ Vương Như Lai trong quá khứ. Ông ấy vì xót thương hữu tình nên giáng thế. Trong Trang nghiêm kiếp, bọn ông đã chứng đến quả thứ ba nhưng chưa chứng vô lậu quả.

Đại chúng nghi hoặc nói: Với thần lực của thầy thì có thể tin được, nhưng nói người kia là Phật trong quá khứ thì thật đáng nghi ngờ.

La-hầu-la-đa biết đại chúng sinh tâm ngã mạn, ngài bèn nói: Thế Tôn còn trụ thế thì thế giới bằng phẳng, không có gò, nổng, sông, khe, mương, rạch, nước đều có vị ngọt, cây cối đều sum sê, quốc độ đều giàu có, không có tám thứ khổ, người người đều thực hành mười điều thiện. Từ khi Phật Niết-bàn tại Song lâm đến nay đã trải qua hơn tám trăm năm. Thế giới bấy giờ gồ ghề, cây cối héo úa, con người đánh mất tín tâm, chánh niệm ngày càng mai một. Họ chẳng tin Chân như, lại ưa thích thần lực.

Nói xong ngài dùng tay phải thọc sâu xuống lòng đất đến lớp Kim cang luân, lấy nước Cam lồ, đựng trong bình lưu ly đem về giữa chúng

hội. Mọi người nhìn thấy liền khâm phục, đảnh lễ sám hối.

Bấy giờ ngài gọi Tăng-già-nan-đề đến dặn dò rồi truyền trao pháp nhãn. Ngài nói kệ:

Nơi pháp thật không chứng
Chẳng giữ cũng chẳng lìa
Chẳng có tướng có, không
Trong ngoài nương đâu khởi?

Truyền pháp xong, ngài an nhiên thị tịch. Nan-đề cùng bốn chúng dựng tháp cúng dường. Bấy giờ là năm Mậu Thìn. Nhằm đời Tiền Hán Vũ Đế năm thứ hai mươi tám.

Tân Mùi: Đổi niên hiệu là Nguyên Phong.

Đinh Sửu: Đổi niên hiệu là Thái Sơ.

Tân Tỵ: Đổi niên hiệu là Thiên Hán.

Ất Dậu: Đổi niên hiệu là Thái Thỉ.

Kỷ Sửu: Đổi niên hiệu là Chinh Hòa.

Canh Dần: Vu Tào làm loạn, Giang Sung... trói Tào ở cung Thái tử. Thái tử và hoàng hậu lập mưu chém chết. Sung và Thừa ướng Lưu Khuất Ly đại chiến ở Trường An , người chết trận có đến mấy vạn.

CHIÊU ĐẾ: (Ất Mùi)

Tên là Phất, con của Vũ Đế, mẹ là Triệu Tiệp Dư. Ông lên ngôi năm chín tuổi. Bấy giờ Hoắc Quang nhận di chiếu, dùng Chu Công phụ chánh. Đến tháng tư năm Mậu Thân, ông mất tại cung Vị Ương, an táng ở Bình lăng, thọ hai mươi hai tuổi. Ông trị vì được mười ba năm, đổi niên hiệu là Thỉ Nguyên.

Tân Sửu: Đổi niên hiệu là Nguyên Phụng. Năm này An cùng Hoắc Quang tranh quyền, cuối cùng vua cũng biết được Quang là người trung liệt.

Đinh Mùi: Đổi niên hiệu là Nguyên Bình.

TỔ 17: TĂNG GIÀ NAN ĐỀ:

Ngài là Hoàng tử con vua bảo Trang Nghiêm ở thành Thất-la-phiệt. Ngài sinh chưa bao lâu đã biết nói và thường khen ngợi những việc Phật pháp. Năm bảy tuổi ngài chán thú vui ở đời, dùng kệ xin cha mẹ xuất gia:

Cúi đầu lễ cha lành
Cung kính lạy mẹ hiền
Nay con muốn xuất gia

Xin sót thương hứa khả.

Cha mẹ ngài ra sức cấm cản, không cho. Ngài liền nhịn ăn cả ngày nài nỉ cho được. Cuối cùng cha mẹ ngài cũng đồng ý cho xuất gia với điều kiện ở riêng trong cung, với hiệu là Tăng-già-nan-đề. Cha mẹ ngài lại mời Sa-môn Thiền-lợi-đa về dạy Phật pháp. Cứ thế ngài tu hành trong mười chín năm, chưa từng lười mỏi, ngài thường tự suy nghĩ: Thân còn ở trong Vương cung làm sao gọi là xuất gia được.

Nhân một buổi chiều khi hoàng hôn dần khuất, ngài chợt thấy có một con đường bằng phẳng, bỗng nhiên ngài cứ từ từ mà tiến tới. Đi được hơn mười dặm, phía trước hiện ra một ngọn núi, trong núi có một cái hang, ngài bèn vào tọa thiền trong ấy.

Cha mẹ ngài biết mất con, vua liền đuổi Thiền-lợi-đa ra khỏi nước. Ngài cho người tìm kiếm khắp nơi nhưng chẳng tìm ra tung tích.

Trải qua mười năm sau, sau khi ngài được đắc pháp và được thọ ký, ngài hoằng hóa đến nước Ma-đề.

Một hôm bỗng có một luồng gió mát lạnh thổi đến, tất cả đồ chúng ai nấy đều cảm thấy sảng khoái vô cùng, nhưng chẳng biết nguyên do, ngài nói: Đây là ngọn gió đạo đức, sẽ có Thánh nhân ra đời tiếp nối ngọn đèn của Tổ.

Nói xong ngài dùng thần lực dẫn cả chúng hội băng ngang qua núi. Chỉ trong tích tắc, cả chúng đều đến dưới một ngọn núi. Ngài bảo đồ chúng: Trên đỉnh núi này có mây màu tía giống như cái lọng, chắc chắn Thánh nhân cư trú trên ấy.

Thế rồi thầy trò vượt qua những con đường núi quanh co, phải mất khá lâu mới lên tới đỉnh. Đến nơi ngài thấy có một ngôi nhà trên núi, lại thấy một đồng tử cầm một cái gương tròn lớn đi thẳng về phía ngài, ngài bèn hỏi:

- Ngươi bao nhiêu tuổi rồi?

- Dạ một trăm tuổi.

- Ngươi bé thế này sao trăm tuổi được?

- Tôi chẳng cần biết, đúng một trăm tuổi mà.

- Ngươi có căn lành hay chăng?

- Phật nói: Người sống trăm tuổi mà chẳng hiểu cơ duyên chư Phật, chẳng bằng chỉ sống ngày mà hiểu thấu tột cùng.

- Vật ngươi cầm trong tay, ý muốn nói gì?

Gương tròn lớn chư Phật
Trong ngoài không vết nhơ
Hai người cùng được thấy

Tâm mắt thảy như nhau.

Cha mẹ thấy đứa con mình ứng đối như vậy liền đồng ý cho con xuất gia. Ngài nhận đứa bé ấy dẫn về chỗ của mình, xuất gia, truyền giới và lấy hiệu là Già-da-xá-đa.

Một hôm gió thổi linh treo trên điện Phật phát ra tiếng, ngài hỏi:

- Linh kêu hay gió kêu?

Xá-đa đáp: Chẳng phải gió, chẳng phải linh, mà tâm con kêu đấy.

- Vậy tâm ông lại là cái gì?

- Thảy đều vắng lặng.

Ngài khen: Hay thay! Hay thay! Người kế thừa đạo của ta chẳng phải ông thì còn ai nữa! Ngài liền phú pháp cho Xá-đa và nói kệ:

Đất tâm vốn không sinh
Do đất từ duyên khởi
Duyên, giống chẳng ngại nhau
Hoa trái cũng như thế.

Truyền pháp xong, ngài dùng tay phải nắm nhánh cây mà thị tịch.

Đồ chúng cùng nói: “Thầy ta thị tịch dưới tàng cây, cũng là điềm che mát cho kẻ mai hậu vậy”. Toàn chúng định đem toàn thân của ngài lên vùng đất cao mà dựng tháp, nhưng sức lực của chừng ấy người vẫn nâng không nổi, nên dựng tháp ngay dưới tàng cây ấy. Bấy giờ là năm Đinh Mùi, nhằm đời Tiền Hán Chiêu Đế năm thứ mười ba.

Mậu Thân: Xương Ấp Vương: Tên là Hạ, con của Ai Vương, cháu của Vũ Vương, ông trị vì được hai mươi bảy ngày. Ông vốn ngông cuồng phóng túng, hoang dâm vô độ, phạm đến một ngàn một trăm hai mươi bảy tội. Bấy giờ Hoắc Quang và Điền Diên Niên thưa với thái hậu lột lấy ngọc tỷ, đuổi không cho làm vua. Xương Ấp bị giáng xuống làm Hải Hôn Hầu. Sau giết Xương ấp, quần thần có đến hơn hai trăm người không có khả năng phụ chính. Lúc ấy chỉ có Vương Kiết Cung có mấy lời can ngăn nên được miễn tội.

TUYÊN ĐẾ:

Tên là Tuân, ông đổi niên hiệu là Bản Thỉ, ông là Tằng Tôn của Vũ Đế, cháu của thái tử Lệ, vừa sinh ra dưới chân đã có lông. Lúc đầu ông có tên là Bệnh Dĩ, khi thái tử bị mối loạn của Vu Tào, Dĩ còn nằm trong nôi, nhờ Bính Kiết cứu và nuôi ở Lữ đình. Ngoại Gia Hoắc Quang phế Xương Ấp, tâu với thái hậu rồi ra ngoài thành tìm ông, đón về làm

vua. Bấy giờ các phương xa đều đến triều cống, ông lấy hiệu là Trung Hưng chủ. Tháng mười hai năm Nhâm Thân, ông mất ở cung Vị Ương, thọ bốn mươi ba tuổi, an táng tại Đỗ lăng. Ông trị vì được hai mươi bốn năm. Thời bấy giờ một thạch lúa trị giá năm tiền.

Nhâm Tý: Đổi niên hiệu là Địa Tiết.

Bính Thìn: Đổi niên hiệu là Nguyên Khang.

Canh Thân: Đổi niên hiệu là Thần Tước.

Giáp Tý bốn mươi bốn: Đổi niên hiệu là Ngũ Phụng.

Mậu Thìn: Đổi niên hiệu là Cam Lồ.

Tân Mùi: Vua lớn lên trong nhân gian, nên hiểu được cảnh đói nghèo tật bệnh của họ. Ngụy Tương, Bính Kiết làm tướng văn, Hoàng Bá, Cung Toại làm thái thú. Theo lời tâu của Cảnh Thọ Xương, nên vua hằng ngày ban cơm để cứu giúp dân nghèo.

Năm này Thế Tôn đã diệt độ được chín trăm năm.

LUẬN SƯ VÔ TRƯỚC, THIÊN THÂN:

Thời bấy giờ trong nước Phú-lậu-xoa thuộc Bắc Thiên Trúc có một đại Luận sư tên là Kiều-thi-ca. Ba người con ông đồng một hiệu là Bà-tô-bàn-đậu, Hán dịch là Thiên Thân. Con trưởng tên là A-tăng-khư, Hán dịch là Vô Trước. Ngài là người đầu tiên xiển dương giáo nghĩa Đại thừa. Tại đại giảng đường trong nước A-du-xà, quốc vương này đã thỉnh Bồ-tát Di-lặc giảng thuyết Du-già luận. Nội dung nói rất rõ về năm phần và nghĩa của mười bảy Địa.

Người con thứ tên là Phạt-tô-bạn-tẩu, Hán dịch là Thế Thân. Trước kia ông học giáo lý Tiểu thừa, viết Câu-xá Luận, về sau ông theo anh ông diễn thuyết Chân tông, viết những bộ luận như Duy Thức... nghiên cứu rất sâu về nghĩa Đại thừa.

Người con nhỏ nhất tên là Tỷ lân trì Phất-bà-đề, Hán dịch là Sư Tử Giác. Ông này soạn Tập Luận, giải thích rất sâu rộng về nghĩa lý Đại thừa.

Kỳ lạ thay! Ba người đều hoằng dương trung đạo, danh tiếng vang dội khắp năm xứ, rừng Chiên-đàn vi diệu đâu thể dung chứa gai gốc. Một đời tri túc, về nguồn đúng hẹn, giáng thế luận đạo huyền, tung tích khó tường tận.

Nhâm Thân: Đổi niên hiệu là Hoàng Long.

Quý Dậu: Nguyên Đế: Tên là Thích, con của Tuyên Đế, lên ngôi năm hai mươi bảy tuổi, ông đổi niên hiệu là Sơ Nguyên. Tháng năm năm Mậu Tý, ông mất ở cung Vị Ương , an táng ở Vị lăng, thọ bốn mươi

ba tuổi. Bấy giờ dùng Nho giáo, ông trị vì được mười sáu năm.

Mậu Dần: Đổi niên hiệu là Vĩnh Quang.

Quý Mùi: Đổi niên hiệu là Kiến Chiêu.

Mậu Tý: Đổi niên hiệu là Cánh Ninh.

THÀNH ĐẾ: (Kỷ Sửu)

Tên là Ngao, tự là Thái Tôn, con của Nguyên Đế, hai mươi tuổi lên ngôi, đổi niên hiệu là Kiến Thỉ. Ông dùng Chư Cửu, Vương Phụng... làm liệt hầu, lại gia phong làm tướng văn. Bấy giờ ngũ hầu chuyên quyền, hiền thần đều lui về ở ẩn. Tháng ba năm Giáp Dần, ông mất ở cung Vị Ương , trị vì được hai mươi sáu năm, an táng ở Diên Lăng, thọ bốn mươi lăm tuổi.

Quý Tỵ: Đổi niên hiệu là Hà Bình.

Đinh Dậu: Đổi niên hiệu là Dương Sóc.

Tân Sửu: Đổi niên hiệu là Hồng Gia.

Thời bấy giờ đại phu Quang Lộc, Lưu Hướng, Phó Tỷ xem trong Điển tịch thấy có kinh Phật rải rác trong ấy.

Kỷ Tỵ: Đổi niên hiệu là Vĩnh Thỉ.

TỔ 18: GIÀ DA XÁ ĐA:

Ngài họ Uất-đầu-lam, sinh trưởng tại nước Ma-đề, cha là Thiên Cái, mẹ là Phương Thánh. Bà có lần nằm mộng thấy vị Thần cầm cái gương sáng đến, nhân đó mà mang thai. Ngài ở trong thai bảy ngày thì ra đời. Thân thể ngài sáng như lưu ly, từ nhỏ chưa từng tắm rửa, mà thân thể vẫn thường sạch và có mùi thơm. Lúc nhỏ đã thích ở những nơi vắng lặng, lời nói tỏ ra chẳng phải trẻ con.

Một hôm ngài cầm tấm gương tròn sáng đi chơi, gặp Tôn giả Nan-đề và đắc pháp. Sau khi đắc pháp ngài dẫn đồ chúng du hóa đến nước Đại Nguyệt Thị.

Hôm nọ trên đường du hóa, ngài nhìn thấy trên nhà của một Bà-la-môn xuất hiện luồng khí rất lạ, ngài liền đi vào nhà ấy. Chủ nhà là Cưu-ma-la-đa mới hỏi ngài.

- Đây là đồ chúng của ai vậy?

- Đây là đệ tử Phật.

Người kia nghe nói đến Phật thì trong tâm bỗng nhiên vô cùng kính sợ, bèn chạy thẳng vào nhà và đóng sập cửa lại. Ngài đứng đợi giây lâu rồi đưa tay gõ cửa, La-đa từ trong nhà nói vọng ra:

- Nhà này không có người.

Ngài liền hỏi: Thế người trả lời không? Người đó là ai?

La-đa nghe nói biết ngài chẳng phải người thường bèn mở cửa mời ngài vào nhà. Ngài nói:

Xưa Thế Tôn thọ ký rằng: Sau khi ta diệt độ một ngàn năm sẽ có bậc Đại sĩ xuất hiện ở nước Nguyệt Thị. Ông ấy sẽ kế thừa việc hoằng pháp độ sinh. Hôm nay ông gặp ta quả đúng như vận may ấy.

Ngay lúc ấy Cưu-ma-la-đa phát được Túc mạng trí, liền đảnh lễ xin xuất gia. Sau khi truyền cụ túc giới ngài truyền trao đại Pháp nhãn cho La-đa và nói kệ:

Có giống có đất tâm
Nhân duyên hay nảy mầm
Với duyên chẳng hề ngại
Hiện đời sinh chẳng sinh.

Truyền pháp xong, ngài bay bổng lên hư không, hiện mười tám tướng biến hóa, dùng Hỏa quang Tam-muội tự đốt thân mình. Ma-la-đa cùng bốn chúng thâu lấy xá-lợi dựng tháp cúng dường. Bấy giờ là năm Mậu Thân, nhằm đời Tiền Hán Thành Đế năm thứ hai mươi.

Kỷ Dậu: Đổi niên hiệu là Nguyên Diên.

Quý Sửu: Đổi niên hiệu là Tuy Hòa.

Trong năm này, Đô thủy sứ giả Lưu Hướng gom tập Liệt Tiên truyện, khi kiểm duyệt kho sách thấy có hơn sáu mươi quyển kinh Phật bằng tiếng Phạm, liền đem biên tập vào Tiên truyện. Như thế đủ biết, từ nhà Chu đến thời kỳ này con người chưa biết đến Phật pháp.

Ất Mão: Ai Đế: Tên là Hân, là thứ tôn của Nguyên Đế, con của Định Đào Cung Vương. Ông lên ngôi năm mười chín tuổi, đổi niên hiệu là Kiến Bình. Tháng sáu năm thứ sáu (Canh Thân) mất ở cung Vị Ương, an táng ở Nghĩa lăng, thọ hai mươi lăm tuổi, ông trị vì được sáu năm.

Kỷ Mùi: Đổi niên hiệu là Nguyên Thọ, năm này Cảnh Hiến đi sứ Tây Vực, vua nước Đại Nguyệt Thị, ra lệnh cho Mộc Tử Khẩu Đầu dâng kinh Phật.

Tân Dậu: Bình Đế: Tên là Diễn, là thứ tôn của Nguyên Đế, con của Trung Sơn Hiếu Vương Hưng. Mới ba tuổi được phong làm vua, ông đổi niên hiệu là Nguyên Thỉ. Tháng chín niên hiệu Nguyên Thọ thứ hai, ông lên ngôi, bấy giờ chỉ mới chín tuổi, quyền chính trong triều do Vương Mãng nắm giữ. Năm Kỷ Sửu, ông mất ở cung Vị Ương , an táng tại Khương lăng, thọ mười bốn tuổi. Ông trị vì được năm năm. Ông gia phong Vương Mãng làm đại tư mã, lại thăng lên chức thái phó, ban hiệu là An Hán Công.

Giáp Tý bốn mươi lăm: Vua lập con gái Vương Mãng làm hoàng hậu, Mãng được gia phong làm tể hành.

Bính Dần: Nhụ Tử Anh: Là Huyền tôn của Tuyên Đế, con của Quảng Thích Hầu Hiển. Khi Mãng chuốc thuốc độc giết Bình Đế thì Anh còn ở trong nôi, Anh lên ngôi năm hai tuổi. Ban đầu Vương Mãng phụ chánh theo kiểu của Chu Công, nhưng sự thật chẳng khác gì làm thiên tử. Bắt quan dân phải xưng là thần (bề tôi), đến năm Mậu Thìn thì vua mất, ông trị vì được ba năm.

Mậu thìn: Đổi niên hiệu là Sơ Thỉ. Năm này Vương Mãng dối trá ngụy tạo điềm lành rồi lên ngôi.

TÂN THẤT VƯƠNG MÃNG:

Ông họ Vương, đóng đô ở Trường An, tháng mười hai đổi niên hiệu là Kiến Bình.

Lôi thị nói: Mãng, Huyền, Bồn Tử trị vì cả thảy mười tám năm.

Kỷ Tỵ: Vương Mãng tự là Cự Quân, em của Vương Hoàng Hậu, cậu của Thành Đế, con của Vương Mạn, người ở Nguyên thành. Ban đầu được phong làm Tân Đô Hầu, dùng con gái làm Chánh Đế Hậu, sau soán đoạt ngôi vua. Ông lấy quốc hiệu là Đại Tân. Đến niên hiệu Đại Hoàng năm thứ tư, bị quân sư Hán Quang Vũ giết chết, ông trị vì được mười lăm năm, đổi niên hiệu là Kiến Quốc.

Giáp Tuất: Đổi niên hiệu là Thiên Phụng.

Canh Thìn: Đổi niên hiệu là Địa Hoàng.

TỔ 19 CƯU MA LA ĐA:

Ngài là con của Bà-la-môn ở nước Đại Nguyệt Thị. Khi xưa ngài làm chúng nhân ở cõi Tự tại thiên (cõi trời thứ sáu trong Dục giới), thấy Bồ-tát Anh Lạc thân tướng trang nghiêm liền khởi tâm ái, nên đọa xuống Đao-lợi thiên (cõi trời thứ hai trong Dục giới). Ở đây ngài nghe đại Luận sư Kiều-thi-ca diễn thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa, cho đó là pháp thù thắng, nên được sinh lên Phạm thiên (Sắc giới). Do ngài là bậc lợi căn, giỏi diễn thuyết pháp yếu, nên chư Thiên tôn ngài là Đạo sư để kế vị Thiên chủ.

Bấy giờ tổ Già-da-xá-đa đến, ngài liền giáng sinh xuống nước Nguyệt Thị. Sau khi đắc pháp. Ngài hoằng hóa đến vùng Trung Ấn. Ở đây ngài gặp vị Đại sĩ tên là Xà-dạ-đa đến lễ bái và hỏi rằng: Nhà con cha mẹ đều kính tín Tam bảo nhưng sao lại gặp phải nhiều bệnh hoạn, làm việc gì cũng không được như ý muốn. Còn nhà hàng xóm gần con

từ lâu làm nghề đồ tể, nhưng thân thể thường khỏe mạnh, làm việc gì cũng thành đạt. Như vậy người kia có được may mắn gì, còn con sao lại bất hạnh đến như vậy?

Ngài liền giải thích: Việc ấy có gì đáng nghi, vả lại quả báo thiện ác thông cả ba đời. Con người ta chỉ thấy người nhân nghĩa chết sớm, kẻ bạo ngược được sống lâu, kẻ ngỗ nghịch được an lành, người nhân nghĩa thì bị tai ương, liền cho rằng không có nhân quả, chẳng có tội phước. Nhưng lại đâu biết nhân quả theo nhau như bóng với hình, chẳng hề có mảy may sai chạy, dù trải qua trăm ngàn vạn kiếp cũng không bao giờ mất.

Bấy giờ, Xà-dạ-đa nghe những lời ấy xong liền hết nghi ngờ. Ngài nói: Mê lầm do thức mà có, thức lại dựa vào bất giác, bất giác lại nương vào tâm, nhưng tâm vốn thanh tịnh, không sinh diệt, chẳng tạo tác, không có báo ứng, chẳng có hơn thua, nó vắng lặng như thế, linh diệu như thế. Nếu ông thể nhập được pháp môn này thì đồng với chư Phật. Tất cả thiện ác, hữu vi vô vi đều như mộng như huyễn.

Xà-dạ-đa nghe xong liền lãnh hội được diệu lý, khai mở được túc tuệ, bèn khẩn cầu xuất gia, sau khi dạ đa thọ Cụ túc, ngài bảo Dạ-đa rằng: Giờ tịch diệt của ta đã đến, ông nên tiếp tục việc hoằng hóa của ta. Ngài bèn truyền trao Pháp nhãn tạng cho Dạ-đa và nói kệ:

Trên tánh vốn không sinh
Với người cầu nói sinh
Với pháp đã vô đắc
Lo gì hiểu chẳng hiểu.

Ngài lại nói: Đây là bài kệ của Diệu Âm Như Lai nói ra khi thấy được bản tánh thanh tịnh, ông nên truyền trao cho hậu học. Nói xong ngài ngồi trên tòa dùng tay vuốt mặt, mặt ngài như đóa sen hồng nở rộ, phóng đại quang minh chiếu khắp chúng hội, rồi an nhiên thị tịch. Xà-dạ-đa cùng đồ chúng dựng tháp cúng dường. Bấy giờ là năm Nhâm Ngọ, nhằm đời Tân Thất năm thứ mười bốn.

Quý Mùi: Hoài Dương Lưu Huyền: Tự là Thánh Công, là cháu bảy đời của Cảnh Đế, anh họ của Quang Vũ. Cảnh Đế sinh Trường Sa Vương Phát, Phát sinh Xuân Lăng Hầu Mãi, Mãi sinh Đối Hầu Hùng Cừ, Cừ sinh Thương Ngô Thái Thú Lợi, Lợi sinh Tử Trương Tử, Trương sinh Thánh Công, lập ông làm vua. Ông vốn nhu nhược, thấy quần thần thì khiếp sợ đến toát mồ hôi, miệng ú ớ không thành tiếng. Năm thứ hai, nhân thả ngựa ngao du vùng Giao hạ bị quần thần bức tử mà chết. Quang Vũ sai Đặng Vũ an táng ông ở Bá lăng. Ông trị vì được hai năm,

đổi niên hiệu là Cảnh Thỉ.

Giáp Thân: Lưu Bồn Tử: Người ở đất Thức thuộc Thái sơn, là hâu duệ của Dương Thành Vương Chương, ông là con của Hiến Vũ Hầu Manh. Lúc đầu cùng Phàn Sùng khởi binh ở đất cử, liên kết với bọn Chu Mi nổi lên đánh Mãng. Kiến Vũ năm thứ ba, đầu hàng Quang Vũ, được phong làm Triệu Vương. Ông trị vì được một năm.

ĐÔNG HÁN MINH ĐẾ:

Ông họ Lưu, Vương Hỏa Đức đóng đô ở Lạc Dương , Lôi Thị nói: Quang, Minh, Chương, Hòa, Thương, An, Bắc Hương, Thuận Xung, Chất, Hoàn, Linh, Hiến, cả thảy mười ba đời vua, trị vì được một trăm chín mươi lăm năm.

Ất Dậu: Thế Tổ Quang Vũ Đế: Tên là Tú, tự là Văn Thúc, người đất Nam sái. Ông là cháu chín đời của Cao Tổ. Con của Cảnh Đế là Trường Sa Vương Phát sinh ra Xuân Lăng Hầu Mãi, Mãi sinh ra Uất Lâm Thái Thú Ngoại, Ngoại sinh ra Cự Lộc Đô Úy Hồi, Hồi sinh ra Nam Đốn Lịnh Khâm. Con của Khâm sinh ra ông. Vừa sinh ra có ánh sáng màu đỏ chiếu sáng cả nhà. Lớn lên ông dùng chính sách của Nghiêm Tử để phục hưng lại nhà Hán. Ông lên ngôi ở Cao nam, sau dời đô về đất Lạc. Tháng hai năm Đinh Tỵ mất trước điện Nam cung, thọ sáu mươi hai tuổi, an táng ở Nguyên lăng. Ông trị vì được ba mươi ba năm, đổi niên hiệu là Kiến Vũ.

Mậu Tuất: Vua phong Khổng Tử làm Bao Thành Hầu.

Tân Hợi: Thế Tôn diệt độ được một ngàn năm. Từ đây về sau các vị Đại Bồ-tát hộ pháp lần lượt xuất thế tạo luận.

Bính Thìn: Đổi niên hiệu là Trung Nguyên. Ở Kinh sư xuất hiện dòng suối nước ngọt, uống vào thì bệnh tật thuyên giảm nhanh chóng.

Mậu Ngọ: Minh đế: Tên là Trang, con thứ tư của Quang Vũ. Mới mười tuổi đã đọc thông Xuân Thu, ba mươi tuổi lên ngôi, đại hưng Nho học. Năm Ất Hợi mất ở trước điện Đông cung thọ bốn mươi tám tuổi, an táng ở Hiển tiết lăng. Ông trị vì được mười tám năm, đổi niên hiệu là Vĩnh Bình.

VUA NẰM MỘNG THẤY NGƯỜI BẰNG VÀNG (Tân Dậu)

Vua nằm mộng thấy một người bằng vàng cao sáu thước, cổ đeo vầng mặt trời, bay vào trong sân điện. Sáng dậy vua triệu tập quần thần để đoán mộng. Bấy giờ thông nhân là Phó Nghị tâu: Thần xem trong Chu Thư Dị Ký, trong ấy có ghi: Ngày tám tháng tư năm Giáp Dần niên

hiệu Chiêu Vương thứ hai mươi bốn, thời tiết vẫn bình thường, bỗng có trận cuồng phong thổi tới chấn động cả cung điện, nhà cửa. Đêm ấy có ánh sáng năm màu xuyên thẳng lên hư không, vòng qua hướng Tây tạo thành cầu vồng có màu xanh, hồng. Vua hỏi Thái Sử Tô Do: Đó là điềm gì?

Do thưa:

- Tây Phương có Đại Thánh nhân ra đời.
- Đối với thiên hạ, ông ấy là người thế nào?
- Bấy giờ thì không có, nhưng một ngàn năm sau, thanh giáo của ông ấy trùm khắp nước này. Vua sai thợ đục đá khắc ghi lại việc này, chôn ở trước đền Thiên từ (miếu thờ trời) ở Nam giao. Tính theo năm thì đến năm Tân Dậu hiện nay là đúng một ngàn không trăm mười năm. Điềm mà nhà vua mộng thấy chính là việc này.

Vua tin đó là sự thật, liền sai trung lang tướng Thái Âm, Bác sĩ Vương Tuân, Tần Cảnh... cả thảy mười tám người qua phía Tây để tìm hiểu Phật giáo. Đến nước Đại Nguyệt Thị quả nhiên gặp hai ngài: Ca-diếp Ma-đằng và Trúc Pháp Lan chở tượng Phật bằng lông cừu trắng, do vua nước Ưu-điền tạc và kinh Tứ Thập Nhị Chương, Âm bèn nghênh đón hai ngài về Lạc Dương .

Giáp Tý bốn mươi sáu.

GIÁO PHÁP TRUYỀN SANG ĐÔNG BỘ: (Mậu Thìn)

Ngày ba mươi tháng mười hai, Thái Âm... đưa hai Sa-môn ấy về đến Lạc Dương , vua ban lệnh đặt tượng Phật ở Thanh Lương đài Hiển tiết lăng và cửa Tây thành Lạc Dương để cho dân chúng chiêm ngưỡng. Kinh bằng tiếng Phạm và tiếng Hán được an trí ở thạch thất Lan đài.

MA ĐẰNG, TRÚC PHÁP LAN:

Vua xuống chiếu an trí tượng của Thế Tôn ở Tiết lăng và Thanh Lương đài để cúng dường. Vua lại dựng chùa ở bên ngoài Ung môn ở phía Tây thành để Ma-đằng và Trúc Pháp Lan ở. Nhân có con ngựa trắng chở kinh sang, nên vua lấy tên chùa là Bạch Mã .

Đầu tiên, hai ngài dịch bộ kinh Tứ Thập Nhị Chương, vua xa giá đến chùa, hai ngài cùng thưa: Thưa bệ hạ! Phía Đông của chùa là hội quán gì?

Vua nói: Xưa có một cái gò vô cớ nổi cao lên, để lại dấu tích như vậy. Ban đêm có ánh sáng lạ, nhân dân gọi đó là Mã thánh. Từ đó họ thờ cúng và nghi đó là Thần của Lạc Dương .

Ma-đằng nói: Căn cứ trong Kim Tàng Thuyên bên Thiên Trúc có ghi: A-dục Vương an trí xá-lợi của Như Lai có đến tám mươi bốn ngàn nơi rải rác khắp thiên hạ. Riêng địa phận của Chi Na Chấn Đán có mười chín chỗ. Đây là một trong số đó. Vua nghe thất kinh, liền xa giá đến nơi ấy, bấy giờ hai ngài cùng đi theo. Đến nơi hai ngài lễ lạy. Bỗng có một luồng ánh sáng hình tròn xuất hiện trên gò đất ấy. Ba lần hiện hào quang, thị vệ đều hô "Vạn tuế". Nhà vua vui mừng nói: Nếu chẳng gặp được hai vị Đại sĩ, thì làm sao biết được Thánh nhân để lại điềm lành này!

Vua liền xuống chiếu xây tháp ngay trên gò đất đó. Bấy giờ theo sự chỉ dẫn của hai ngài, tháp được xây cao đến chín tầng, cả thảy hai trăm thước. Năm sau hào quang lại xuất hiên, lại thấy có cánh tay sắc vàng thò ra trên đỉnh tháp dài hơn một thước. Hình thể cánh tay giống như Lưu ly, hương trời tỏa ra thơm ngát. Vua liền xa giá đến lễ lạy. Ánh sáng ấy cứ vòng quanh theo chân vua, từ giờ Ngọ đến giờ Thân mới hết.

Canh ngọ: Pháp Lan dịch xong kinh Thập Địa Đoạn Kiết.

Tân Mùi: Sở Vương Anh là em của vua, học theo Hoàng, Lão và Phật giáo, dựng lên đồ sấm nhằm mưu phản. Phế Tỷ, Đan Dương phải tự sát, liên lụy đến hơn ngàn người.

THÍCH ĐẠO SO TÀI ĐỐT KINH: (Nhâm Thân)

Ngày một tháng giêng năm này, bọn đạo sĩ trên Ngũ nhạc như Tự Thiện Tín... dâng sớ muốn so tài. Bấy giờ Nam nhạc có Đạo sĩ Tự Thiện Tín..., Tây nhạc có Đạo sĩ Lưu Chánh Niệm... , Bắc nhạc có Đạo sĩ Hoàn Văn Đô... Đông nhạc có Đạo sĩ Tiêu Đức Tâm... Tung nhạc có đạo sĩ Lã Tuệ Thông,... đạo sĩ Phí Thúc Tài, Kỳ Văn Tín... ở các núi khác, tổng cộng một ngàn ba trăm mười người dâng biểu tấu. Vua nhận biểu tấu, sai Thượng thư Lệnh Tống Tường dẫn bọn họ vào cung Trường lạc. Vua bảo bọn họ: Ngày mười lăm tháng này tập trung tại chùa Bạch Mã, dựng đàn đốt kinh để kiểm nghiệm.

Bấy giờ bọn đạo sĩ đem tới nào là Chân Nguyên, Ngũ Quyết, Phù Lục... cả thảy năm trăm lẻ chín quyển. Mao Thành Tử cùng hai mươi bảy đạo gia khác đem đến hai trăm ba mươi lăm quyển. Tổng cộng hết thảy đến bảy trăm bốn mươi tám quyển, đặt cả tên đàn. Bọn đạo sĩ của Tự và Phí đốt hương chú nguyện xong dùng lửa đốt kinh sách của bọn này cháy sạch. Tự và Phí bị cảm mà chết. Kế đến đem kinh bằng tiếng Phạm (kinh Phật) đốt, lửa cháy hừng hực nhưng kinh vẫn y nguyên như

đỉnh, đã không cháy lại càng sáng đẹp hơn. Khi ấy Pháp sư Ma-đằng vận dụng thần thông bay lên hư không nói kệ rằng:

Ta chẳng phải Sư tử
Đèn chẳng bằng Nhật nguyệt
Ao đâu như biển lớn
Gò đâu sánh núi cao,
Mây pháp trùm thế giới
Giống thiện tất nảy mầm
Mở bày pháp hy hữu
Giáo hóa khắp quần sinh.

Kế đến ngài giảng thuyết đến những việc thù thắng như Pháp Giới Tạng, thần thông diệu dụng, làm chấn động lòng người. thế là quan dân khẩn cầu xuất gia đông không kể xiết. Bấy giờ quan Tư không Dương Thành Hầu Lưu Thiện Tuấn cùng hơn một ngàn người khác xuất gia cầu học. Đạo sĩ của Tứ Nhạc là Lã Tuệ Thông, cùng sáu trăm hai mươi tám người khác tháo trâm, cắt tóc. Phu nhân Vương Tiệp Dư cùng hơn hai trăm ba mươi cung nhân bỏ tục quy chân. Đạo sĩ Nam Nhạc an táng Tự Thiện Tín, nên chưa được xuống tóc. Sau đó Minh Đế thiết trai, hai ngài đích thân xuống tóc cho bọn họ, vua ban cho họ y, bát. Từ đó hai ngài mở rộng Huyền tông, độ khắp Tăng, Ni, dựng mười chùa cao, bảy ngôi ngoài thành để chư Tăng ở, ba ngôi trong thành dành riêng chư Ni. Danh từ Chùa được phát xuất từ đây. Việc này có ghi rõ trong Phật Đạo Luận.

Trong Thạch Thất Luận chép: Giáo pháp của bậc Thánh nhân bên Tây Vực xưa kia, không phải những Đấng Quân Vương suy đồi của nhà Chu, quốc vương bạo tàn nhà Tần học được. Thế mà hai ba đời Minh chủ của Tây Hán lại có duyên gặp được. Nhưng Thánh giáo cũng đâu phải chỉ hiện trong mộng của Hiển Tông. Tất cả những bậc cao Tăng xưa nay đều cố công tìm cầu Thánh nhân, thế mà Thế Tôn diệt độ hơn cả ngàn năm giáo pháp của ngài mới truyền đến. Xưa nay chưa từng có ai khảo chứng trứ tác cái đức của Hiển Tông , nhưng tất có người cảm nhận được cái lý của Thánh nhân. Đó là cái lý do chung để tôi viết luận.

Lưỡng Hán (Đông Hán và Tây Hán) có được thiên hạ, truyền được mười bốn đời. Thế nhưng những vị vua có đức thì chỉ có hai Tổ, bốn Tông mà thôi. Hai Tổ là những bậc Minh chủ bậc nhất, nên cố nhiên không bàn đến. Còn như ba Tông, mỗi Tông đều có cái hay, cái đẹp nhưng cũng không quên đi cái xấu, cái tệ của họ được. Chỉ có Hiển

Tông là người đức độ vẹn toàn nhất. Có cái đẹp khiêm cung, cần kiệm của Thái Tông và cái tính tao nhã, uy nghiêm lại càng vượt xa hơn ông ấy. Có công kinh lược bốn loại Man Di của Thế Tông, nhưng lại không có cái tệ hoang dâm, xa xỉ của Thế Tông. Có cái sáng suốt về chính trị của Trung Tông, mà cái đức tôn trọng Nho học càng vượt xa hơn ông ấy. Sở dĩ có được như vậy là nhờ ông hội đủ sở trường của ba Tông nhưng lại không có sở đoản của ba Tông. Thế nên Ban Cố, Phó Nghị đều ca tụng công lao và đức độ của ông, cho ông là người làm đất nước thạnh trị nhất trong dòng tộc nhà Hán. Thế nhưng Học giả ở đời không tin lời của Ban Cố, Phó Nghị, mà họ chỉ thấy suông Chung Ly, Ý Phó cho tính cách nhà vua xét việc cạn cợt, chú trọng đến những gì tai nghe, mắt thấy mà thôi, rồi lấy đó làm cái chính để ghi chép lại cuộc đời của Hiển Tông . Than ôi! Lẽ đâu chỉ thuần bàn một khía cạnh ấy thôi ư?

Xưa kia Trọng Ni bình chương thảo luận về Ngũ đế, Tam vương, chỉnh sửa tận tường rồi lưu lại cho hậu thế. Nhưng đến nay thì sách ấy không còn. Sau khi bạo chúa nhà Tần thiêu hủy, Thế Tông chỉ có thể đưa ra được chừng đó chứng cứ mà thôi.

Đến đời Hiển Tông mới bắt đầu đích thân thi hành Nho thuật, tôn dưỡng Tam bảo, Ngũ canh, cúng trời tế thần. Vua ngồi ngay thẳng tự giảng đạo, các nhà Nho cầm kinh vấn nạn. Lúc bấy giờ những kẻ sĩ tài cao học rộng đều ngồi nơi cửa mà nhìn, nghe. Bọn họ có đến cả ức vạn người. Bao la thay! Mênh mông thay!

Từ thời Tam đại đến nay, nho phong rất hưng thịnh, nhưng đâu sánh kịp với thời Vĩnh Bình. Từ thời Chương Hòa về sau, các Nho gia mở quan thự, truyền đạo, trứ tác có đến ngàn hơn. Bởi vì sự hoằng hóa trong thời Vĩnh Bình, vẫn còn chịu ảnh hưởng bởi sự thịnh trị của nhà Chu. Ban đầu dù cũng kiện cáo rối bời, nhưng khi vua lâm triều thực thi chánh sự quyết đoán tinh nghiêm, nên thiện ác đều phân minh rành rọt, chẳng khác nào Khổng Tử làm quan tư khấu chỉ trong bảy ngày mà giết Thiếu Chánh Mão, vừa đến Giáp Cốc đã giết sạch bọn Xương Ưu (con hát). Việc ấy thật không thể dùng cái giả nhân, giả thứ nho nhỏ được. Đó gọi là xét việc cạn cợt tất bị lỗi lầm. Tôi cho rằng, giả sử Khổng Tử có tái sinh tất cũng phải thốt lên rằng: Hiển Tông ! Ta thật không được như vậy!

Vì sao? Bởi vì Hiển Tông hội đủ cái hay của ba Tông Tây Hán, tự mình thi hành cái đạo của Đế Vương xưa, nhờ đó mà sáng suốt, ứng hợp với Phật đạo của ta, mà Thánh giáo nhân đây phổ cập khắp xứ Trung Hạ. Hình thức nội dung chẳng khác Nho gia nhưng thi thiết khắp thiên

hạ bằng những việc thiện, lẽ đâu đó là chuyện ngẫu nhiên ư!

TỔ 20: XÀ DẠ ĐA: (Giáp Tuất)

Ngài sinh trưởng tại Bắc Thiên Trúc. Ngài vốn có một trí tuệ uyên thâm, độ người cũng vô lượng. Về sau ngài dẫn đồ chúng đến thành La duyệt xiển dương Đốn giáo. Ở tại thành này hiện có một học chúng rất ưa biện luận. Người dẫn đầu trong số đó tên là Bà-tu-bàn-đầu (Hán dịnh là Biến Hành). Ông mỗi ngày chỉ ăn một bửa, chẳng từng đặt lưng xuống chiếu, lạy Phật đủ sáu thời. Tâm ông thanh tịnh chẳng có ý mong cầu, nên mọi người ai cũng quy phục.

Khi ngài muốn độ ông ấy, trước tiên ngài hỏi đồ chúng ông ta rằng: Ông Biến Hành Đầu-đà này hay tu hành Phạm hạnh, ông ấy có thể chứng đắc Phật đạo chăng?

- Thầy tôi tinh tấn, sao lại không chứng!

- Thầy ông cách đạo xa lắm. Giả sử ông ấy thực hành khổ hạnh đến trần kiếp, cũng đều là gốc của hư vọng.

- Tôn giả có được đức hạnh gì mà chê thầy của tôi?

Ngài đáp: Ta không cầu đạo, cũng chẳng điên đảo, ta chẳng lạy Phật, cũng chẳng khinh mạn, ta không ngồi hoài, cũng chẳng giải đãi, chẳng ăn một bữa, cũng chẳng ăn hoài, ta chẳng biết đủ, ta chẳng tham cầu, tâm chẳng hy vọng, đó gọi là đạo.

Biến Hành nghe thế, liền phát vô lậu trí vui mừng ngợi khen. Tôn giả lại hỏi họ rằng: Các ông hiểu lời ta nói không? Sở dĩ ta nói như vậy là vì những người có tâm cầu đạo tha thiết, như sợi dây đàn hễ căng quá tất đứt, thế nên ta không khen ông ấy là muốn ông ta an trụ trong An lạc địa, thể nhập vào trí của chư Phật.

Ngài lại hỏi Biến Hành:

- Ta vừa đối đáp với bọn họ, bài bác việc làm của ông, ông không phiền não đấy chứ?

- Con nhớ lại bảy kiếp trước, con sinh trong nước An lạc, con thờ Trí giả Nguyệt Tịnh, Nguyệt Tịnh thọ ký cho con rằng: “Không bao lâu nữa, ông sẽ chứng quả Tư-đà-hàm.” Bấy giờ có Bồ-tát Đại Quang Minh xuất thế. Vì già yếu nên con chống gậy vào lễ Bồ-tát. Thầy con nạt con rằng: “Con nít khinh cha già, sao ông dốt đến thế!”

Khi ấy con cảm thấy mình không có lỗi, bèn xin thầy chỉ dạy. Thầy con bảo rằng: “Ông lạy Bồ-tát Đại Quang Minh, sao lại đem gậy dựa vào vách có vẽ hình Phật?Do tội ngã mạn này nên ông đánh mất hai quả vị. Từ đó con tự trách mình, ăn năn hối lỗi. Mãi đến ngày nay,

con xem những điều tốt xấu như gió như tiếng vang, huống vì ngày nay con được uống pháp vị Cam lồ Vô thượng, lẽ đâu lại sinh phiền não sao! Ngưỡng mong đấng Đại từ xót thương đem đạo mầu chỉ dạy cho con.

Ngài nói: Từ lâu ông đã gieo trồng biết bao công đức, ông sẽ kế thừa tông môn của ta. Hãy nghe ta nói kệ:

Nói ra hợp vô sinh
Đồng với tánh pháp giới
Nếu hiểu được như thế
Thông đạt cả sự lý.

Truyền pháp xong, ngài chẳng rời khỏi tòa, lặng lẽ quy tịch. Bà-tu-bàn-đầu cùng đồ chúng trà-tỳ chân thân thâu lấy xá-lợi, dựng tháp cúng dường. Bấy giờ là năm Giáp Tuất, nhằm đời Hậu Hán Minh Đế năm thứ mười bảy.

■

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 5

ĐÔNG HÁN

Bính Tý: Chương Đế, tên là Thản, con thứ năm của Minh Đế, mười chín tuổi lên ngôi, đổi niên hiệu là Kiến Sơ. Tháng một năm Mậu Tý ông mất ở điện Chương Đức, an táng tại Kính lăng, thọ ba mươi mốt tuổi, trị vì được mười ba năm.

Canh Thìn: Vua sai Trịnh Huyền... làm Bạch hổ thông.

Giáp Thân: Đổi niên hiệu là Nguyên Hòa. Thứ sử Từ châu là Vương Cảnh dâng vua hình người bằng vàng, vua khen đẹp. Tiên đế cho đó là ân của Phật (việc này có ghi trong Hán thư). Năm này có những điềm lành như thần tước, phượng hoàng, bạch hổ, bạch điểu (chim sẻ thần, phượng hoàng, hổ trắng, chim trắng).

Đinh Hợi: Đổi niên hiệu là Chương Hòa.

Kỷ Sửu: Hòa Đế: Tên là Triệu con thứ tư của Chương Đế, mười tuổi lên ngôi, đổi niên hiệu là Vĩnh Nguyên. Năm Ất Tỵ ông mất trước điện Chương Đức, an táng tại Thận lăng, thọ hai mươi bảy tuổi, trị vì được mười bảy năm.

Ất Tỵ: Đổi niên hiệu là Nguyên Hưng.

Bính Ngọ: Thương Đế: Tên là Long, con út của Hòa Đế, sau khi sinh hơn được một trăm ngày thì lên ngôi. Tháng mười hai niên hiệu Nguyên Hưng năm đầu, đổi niên hiệu là Diên Bình. Bấy giờ Đặng thái hậu lâm triều giải quyết chánh sự. Tháng tám năm sau ông mất ở trước điện Sùng Đức, an táng ở Khương lăng, thọ hai tuổi, trị vì được một năm.

1. An Đế: (Đinh Mùi)

Tên là Hựu cháu của Chương Đế, con của Thanh Hà Hiếu Vương Khánh, mười ba tuổi lên ngôi, đổi niên hiệu là Vĩnh Sơ. Tháng hai năm Ất Sửu, nhân đi tuần thú phía Đông, đến đất Diệp mất luôn trên xa giá,

an táng ở Cung lăng, thọ ba mươi hai tuổi, trị vì mười chín năm.

Giáp dần: Đổi niên hiệu là Nguyên Sơ.

2. Tổ 21: Bà-tu-bàn-đầu: (Đinh Tỵ)

Ngài họ Tỳ-xá-khư, sinh trưởng tại thành La duyệt. Cha là Quang Cái, mẹ là Nghiêm Nhất. Gia đình Quang Cái rất giàu có nhưng không có con. Cha mẹ ngài cùng đi lễ tháp Phật cầu con nối dõi. Một hôm bà nằm mộng thấy mình nuốt hai hạt châu một sáng một tối, tỉnh dậy bà biết mình có thai. Bảy ngày sau, có một La-hán tên là Hiền Chúng đến nhà hai ông bà. Quang Cái ra lạy chào hỏi, Hiền Chúng ngồi ngay thẳng để ông lễ lạy. Kế đến bà Nghiêm Nhất ra lạy chào, Hiền Chúng liền tránh sang một bên cung kính chào lại và nói: Tôi xin đảnh lễ lại Pháp thân Đại sĩ.

Quang Cái chẳng hiểu nguyên do, bèn cầm hạt bảo châu quỳ xuống dâng cho Hiền Chúng, để thử thực hư thế nào, Hiền Chúng liền nhận châu, nhưng không cảm tạ. Quang Cái không thể nhẫn nại được nữa bèn hỏi: Tôi là chồng, dâng châu cho ngài mà ngài chẳng đoái hoài đến, vợ tôi có đức gì mà Tôn giả tránh sang một bên?

Hiền Chúng đáp: Ta nhận ông lễ lạy, nhận châu của ông là tôn trọng phước báo của ông. Còn vợ ông đang mang thai Thánh nhân, ngày sau sẽ làm mặt trời trí tuệ soi sáng thế gian, cho nên ta phải tránh sang một bên, chứ ta không có ý trọng nữ khinh nam.

Hiền Chúng lại nói: Vợ ông sẽ sinh đôi, một đứa tên là Bà-tu-bàn-đầu, là người mà ta tôn kính. Đứa kia tên là Sô-ni, (Hán dịch là Lã Thước Tử). Xưa kia khi Như Lai tu hành tại Tuyết sơn, Sô-ni làm tổ trên đỉnh đầu Phật để che nắng che mưa cho ngài. Khi Phật đã thành đạo, nhờ phước báo ấy nên Sô-ni làm vua nước Na-đề. Phật thọ ký cho ông ấy rằng: "Trong năm mươi năm sau khi ta Niết-bàn, ông sẽ sinh trong nhà của Tỳ-xá-khư ở thành La duyệt, đồng bào thai với Thánh nhân". Nay quả thật không sai.

Quả nhiên một tháng sau, bà sinh ra hai đứa con, năm mười lăm tuổi, Bà-tu-bàn-đầu đảnh lễ La-hán Quang Độ xin xuất gia, do phước báo chiêu cảm lại được Bồ-tát Tỳ-bà-ha truyền trao giới pháp.

Sau khi đắc pháp với Tôn giả Xà-dạ-đa, ngài du hóa đến nước Na-đề. Quốc vương nước này tên là Thường Tự Tại, ông có hai người con. Con trưởng tên là Ma-ha-la, con thứ tên là Ma-noa-la. Quốc vương Na-đề hỏi ngài:

- Đất đai phong tục ở thành La duyệt so với nơi này giống nhau

hay khác nhau?

- Ở thành La duyệt từng có ba vị Phật xuất thế, còn đất nước nhà vua hiện nay có hai Tôn giả giáo hóa.

- Hai Tôn giả ấy là ai?

Phật thọ ký: Trong năm trăm năm thứ hai có Thần lực Đại sĩ xuất gia tiếp nối dòng Thánh. Ông ấy chính là con thứ của nhà vua, Ma-noa-la. Tôi tuy đức mỏng nhưng cũng cố dẫn dắt người này.

Nếu quả đúng như lời ngài vừa nói, thì con xin cho nó xuất gia làm Sa-môn.

Ngài nói: Lành thay! Đại vương! Ông nên theo ý chỉ của Phật.

Sau khi Ma-noa-la xuất gia thọ giới. Ngài liền phú pháp cho và nói kệ rằng:

Bọt huyễn đồng không ngại
Tại sao chẳng liễu ngộ
Đạt pháp ngay trong ấy
Chẳng xưa cũng chẳng nay.

Sau khi truyền pháp xong, ngài bay bổng lên hư không cao đến nửa do-tuần, ngồi yên trên ấy. Bốn chúng thấy vậy liền ngước lên cầu thỉnh. Ngài liền hạ thấp xuống ngồi kiết già mà thị tịch. Ma-noa-la cùng bốn chúng trà-tỳ, thâu lấy xá-lợi, dựng tháp cúng dường. Bấy giờ là năm Đinh Tỵ, nhằm đời Hậu Hán An Đế năm thứ mười một.

Canh Thân: Đổi niên hiệu là Vĩnh Ninh.

Tân Dậu: Đổi niên hiệu là Kiến Quang.

Nhâm Tuất: Đổi niên hiệu là Diên Quang.

Giáp Tý bốn mươi bảy: Vua trị vì được mười tám năm.

Bính Dần: Bắc Vương Hầu: Tên là Ý, cháu của Chương Đế, con của Tề Bắc Vương Thọ, do Diêm thái hậu lập lên làm vua. Tháng ba năm này lên ngôi, đến tháng mười thì mất. Ông trị vì được hai trăm bảy mươi hai ngày.

Thuận Đế: Tên là Bảo, con của An Đế, mười một tuổi lên ngôi, cha con Lương Thương nắm triều chính. Ông đổi niên hiệu là Vĩnh Kiến. Tháng tám năm Giáp Thân mất trước điện Ngọc đường thọ ba mươi tuổi, an táng ở Hiến lăng. Vĩnh Ninh năm đầu ông còn làm thái tử, ông trị vì được mười chín năm.

Nhâm Thân: Đổi niên hiệu là Dương Gia.

Bính Tý: Đổi niên hiệu là Vĩnh Hòa.

Nhâm Ngọ: Đổi niên hiệu là Hán An.

Giáp Thân: Đổi niên hiệu là Kiến Khương.

Ất Dậu: Xung Đế: Tên là Bính, con của Thuận Đế, mẹ là Ngu Quý. Tháng tám năm Giáp Thân niên hiệu Kiến Khương ông lên ngôi, bấy giờ chỉ mới hai tuổi. Ông đổi niên hiệu là Vĩnh Gia. Bấy giờ Lương thái hậu lâm triều, Lương Dực làm phụ chánh. Tháng ba năm sau ông mất ở trước điện Ngọc đường, an táng ở Hoài lăng, thọ ba tuổi, trị vì được một năm.

Bính Tuất: Chất Đế: Tên là Toản, là Huyền tôn của Chương Đế, con của Bột Hải Dương Hồng, lên ngôi năm tám tuổi, đổi niên hiệu là Bản Sơ. Bẩm tính rất thông minh, có lần thiết triều, ông gặp Lương Dực, ông gọi: Bạt Hổ tướng quân! Lương Dực rất ghét, nên chuốc thuốc độc ông ở trước điện Ngọc đường, an táng tại Tĩnh lăng, thọ chín tuổi, trị vì được một năm.

3. Hoàn Đế: (Đinh Hợi)

Tên là Chí, là Tằng tôn của Chương Đế, con của Lãi Ngô Hầu Dực, ông lên ngôi năm mười lăm tuổi, Lương Dực làm phụ chánh, ông đổi niên hiệu là Kiến Hòa. Năm Đinh Mùi niên hiệu Vĩnh Khương, ông mất trước điện Đức dương, an táng tại Tuyên lăng, thọ ba mươi sáu tuổi, trị vì được hai mươi mốt năm.

4. Sa-môn An Thế Cao đến Lạc Dương:

Sa-môn An Thanh, tự là Thế Cao, người nước An Tức. Ngài vốn là thế tử sắp được truyền ngôi, nhưng nhường lại cho thúc phụ rồi bỏ nước xuất gia. Sau đó ngài đến kinh đô Lạc Dương , dịch được hai mươi chín bộ kinh, tổng cộng một trăm bảy mươi sáu quyển. Ngài kết thúc sự nghiệp phiên dịch vào đời Linh Đế niên hiệu Kiến Ninh năm thứ ba.

Có một lần ngài cùng mọi người đi thuyền đến đất Cung thuộc Lô sơn. Thuyền ghé vào một cái miếu, mọi người đều vào trong miếu lạy Thần, vì cho rằng Thần rất linh, thường nổi gió để thuyền bè qua lại. Trên thuyền có một người xin Thần miếu một cây trúc. Nhưng Thần này chưa đồng ý mà người kia đã chặt, nên Thần nổi giận lật úp thuyền, đưa cây trúc ấy về chỗ cũ. Những người qua lại thấy chuyện ấy sợ toát mồ hôi. Người trên thuyền của ngài liền đem lễ vật đến lễ lạy cầu phước. Thần miếu liền nói: Trên thuyền có vị Sa-môn, các người không cùng ông ấy đến đây đấy chứ?

Ngài bèn đến dưới miếu, Thần gắng gượng nói chuyện với ngài, rồi khóc mà nói rằng: Nhà đệ tử ở tại hồ này, trong phạm vi một ngàn dặm quanh đây thuộc quyền cai quản của con. Do đời trước quá sân hận

nên đời này con mắc phải quả báo hình hài xấu xí. Lại nữa mai này mất đi tất sinh vào địa ngục. Nay có một ngàn tấm lụa mềm, cùng vô số đồ trang sức, xin ngài đem số của cải này dựng chùa xây tháp làm phước cho con nơi âm cảnh.

Ngài liền đồng ý. Ngài lại bảo Thần miếu:

- Ông hãy hiện hình để ta xem ông khổ sở thế nào?

- Hình hài con xấu xí, con thật không dám.

- Thì ông cứ lần lượt hiện cho ta xem đi!

Thế rồi thần miếu bắt đầu hiện nguyên hình, chiếc đầu to bự dưới bức trướng là đầu của con mãng xà to lớn. Thấy thế ngài liền dùng Phạm chú chú nguyện cho nó. Con mãng xà rơi lệ, rồi không thấy đâu nữa.

Thuyền của ngài chuẩn bị đi, thì bỗng có một thiếu niên quỳ ở trước thuyền. Ngài niệm chú, nó liền đi mất. Mọi người trên thuyền hỏi: Thằng bé đó là ai? Ngài đáp: Đó là Thần miếu đã thoát khỏi hình mãng xà, nên đến đây cảm tạ.

Sau đó ngài đến Duyện châu dựng chùa, đó là ngôi chùa Đại An ngày nay. Do ngài lập ra, nên lấy tên ngài đặt tên chùa. Đây cũng là ngôi chùa tháp đầu tiên ở Giang hoài.

Canh Dần: Đổi niên hiệu là Hòa Bình. Trong năm này có vị Sa-môn nước Nguyệt Chi là Chi-lâu-ca-sấm (cũng gọi là Chi-sấm) đến Lạc Dương. Từ nhỏ ngài vốn học nhiều ngôn ngữ, thông thạo Hán tự, nên ngài cũng dịch kinh. Tính đến niên hiệu Trung Bình. ngài dịch được hai mươi mốt bộ tổng cộng sáu mươi ba quyển. Niên hiệu Vĩnh Hưng năm đầu, Hoàn Đế đúc tượng Phật bằng vàng, cùng tượng của Lão Tử đặt trong cung, dùng trăm thứ vật báu kết thành hoa che phủ phía trên. Ông đích thân lễ lạy thờ cúng. Cho nên thời bấy giờ bá tánh hưởng ứng theo, thờ Phật vô kể.

Tân Mão: Đổi niên hiệu là Nguyên Gia. Đến năm này, Thế Tôn diệt độ được một ngàn một trăm năm.

Quý Tỵ: Đổi niên hiệu là Vĩnh Hưng.

Ất Mùi: Đổi niên hiệu là Vĩnh Thọ.

Mậu Tuất: Đổi niên hiệu là Diên Hy.

5. Tổ 22: Ma-noa-la: (Kỷ Tỵ)

Ngài là con của Thường Tự Tại Vương vua nước Na Đế. Năm ba mươi tuổi ngài gặp tổ Bà-tu-bàn-đầu, sau khi được Tổ độ xuất gia, truyền trao chánh pháp, ngài hoằng hóa đến vùng Tây Ấn.

Quốc vương nước này thuộc dòng dõi Cù-đàm, tên là Đắc Độ. Từ lâu ông vua này đã quy y Phật pháp, tu hành rất tinh tấn.

Một hôm, từ dưới đất bỗng hiện ra một cái tháp nhỏ, ngay chỗ vua tu hành. Vua muốn bưng lên đem về cung để cúng dường, nhưng không ai nhấc lên nổi. Cuối cùng vua liền mở đại hội, triệu tập ba chúng: Phạm hạnh, Thiền quán và Chú thuật đến để hỏi duyên do. Bấy giờ ngài cũng đến dự đại hội. Ba chúng hội ấy không ai giải được sự kỳ diệu đó. Ngài bèn nói với nhà vua về nguồn gốc của bảo tháp ấy là do A-dục Vương kiến tạo và hôm nay xuất hiện ở đây, chính là nhờ phước lực của nhà vua.

Nghe xong những lời ấy, vua liền thốt lên: Bậc chí Thánh khó gặp, thú vui ở đời đâu thể bền lâu.

Nói xong, vua truyền ngôi cho thái tử, theo ngài xuất gia, chỉ bảy ngày sau ông liền chứng quả La-hán. Bấy giờ ngài an ủi, dặn dò vua rằng: Ông ở lại nước này tự mình gắng độ người, hiện nay ở thành kia có bậc Đại pháp khí, ta phải đến đó độ ông ấy.

Vua nói: Thầy ứng tích khắp mười phương, chỉ cần khởi niệm là đến ngay, đâu cần phải nhọc công đi qua bên ấy.

Ngài nói: Đúng vậy.

Thế rồi ngài đốt hương, từ nước này nói vọng sang nước Nguyệt Thị mà bảo với Tỳ-kheo Hạc lặc -na rằng: Ông ở tại nước kia giáo hóa dẫn dắt chúng Hạc, đạo quả của ông sắp thành tựu, ông nên tự biết như thế.

Bấy giờ ở nước Nguyệt Thị, Hạc lặc -na đang nói kinh cho quốc vương Bảo Ấn nghe. Bỗng thấy hương lạ kết thành chuỗi dài, vua này liền hỏi: Đó là điềm gì vậy?

Lặc-na đáp: Đó là Tổ sư Ma-noa-la người truyền tâm ấn Phật từ Tây Ấn sắp đến, nên trước hiện hương này để làm tin.

- Thầy ấy thần lực thế nào?

- Vị thầy này từ lâu được Phật thọ ký sẽ tuyên dương diệu pháp, hoằng hóa muôn dân trong nước này.

Khi ấy vua cùng Hặc-lặc-na đảnh lễ ngài từ xa. Ngài biết họ đã đảnh lễ, bèn từ giả Tỳ-kheo Đắc Độ, đi qua nước Nguyệt Thị, để vua và Hạc lặc -na cúng dường.

Sau đó Hạc lặc -na hỏi ngài rằng: Con ở trong rừng này đã chín năm, hiện có một đệ tử tên là Long Tử. Từ nhỏ ông ấy vốn rất thông minh, con đã quán khắp ba đời tìm hiểu nguyên do gốc tích người này nhưng không tìm ra.

Ngài nói: Trong kiếp thứ năm, người này sinh trong nhà Bà-la-môn của nước Diệu Hỷ, ông ấy từng đem gỗ Chiên-đàn cúng dường để làm dùi chuông. Nhờ phước báo đó nên ông ấy vô cùng thông minh, mọi người đều kính ngưỡng.

- Con có duyên gì mà làm bạn với chúng Hạc?

Trong kiếp thứ tư, ông từng làm Tỳ-kheo. Có một lần đi phó hội tại Long cung, chúng đệ tử của ông đều muốn đi theo, nhưng ông quán sát-năm trăm người đó không có người nào đủ phước đức để thọ nhận sự cúng dường mầu nhiệm đó, nên không cho họ đi. Bấy giờ bọn họ nói rằng "Thầy thường giảng: Đối với vật thực bình đẳng thế nào đối với pháp cũng bình đẳng thế ấy, mà nay thầy làm không đúng như vậy, có gì là sáng suốt đâu". Nghe vậy ông bèn dẫn cả bọn họ cùng đi.

Từ đó ông bỏ cõi này thọ sinh cõi kia, trong khắp các nước, còn năm trăm đệ tử của ông do phước ít đức mỏng nên phải sinh trong loài có cánh. Do ân huệ ngày trước nên đời này họ cảm mến luôn ở bên ông.

Hạc lặc -na nghe xong hỏi ngài rằng: Có phương tiện gì khiến họ giải thoát kiếp hạc không?

Ta có pháp bảo vô lượng, ông nên lắng nghe nhận lãnh để giáo hóa hậu thế, rồi ngài nói kệ:

Tâm theo muôn cảnh chuyển
Nơi chuyển thật thâm sâu
Theo dòng nhận được tánh
Không mừng cũng không lo.

Khi ấy năm trăm con hạc nghe bài kệ ấy xong, vỗ cánh kêu vang rồi biến mất. Ngài ngồi kiết già an nhiên thị tịch. Hạc lặc -na cùng quốc vương bảo ấn dựng tháp cúng dường. Bấy giờ là năm Ất Tỵ, nhằm đời Hậu Hán Hoàn Đế năm thứ mười chín.

Đinh Mùi: Đổi niên hiệu là Vĩnh Khương. Phật giáo truyền vào Trung Quốc đã được một trăm năm.

6. Linh Đế: (Mậu Thân)

Tên là Hoằng, huyền tôn của Chương Đế, con của Độc Bình hầu Trành. Ông lên ngôi năm mười hai tuổi, đổi niên hiệu là Kiến Ninh. Tháng tư năm Kỷ Tỵ, ông mất ở Nam cung, an táng ở Văn lăng, thọ ba mươi bốn tuổi, trị vì được hai mươi hai năm.

Nhâm Tý: Đổi niên hiệu là Hy Bình.

7. Trúc Phật Sóc đến Lạc Dương: (Quý Sửu).

Năm này, Sa-môn nước Thiên Trúc là Trúc Phật Sóc đến Lạc Dương . Ngài dịch Đạo Hành Bát-nhã Kinh. Ngài ít chú trọng đến văn từ chỉ cốt giữ nội dung, thông suốt sâu xa được ý kinh. Đến niên hiệu Quang Hòa, ngài cùng Chi-sấm dịch Ban-chu Tam-muội kinh, cả thảy ba quyển. Cũng trong năm này, Ưu-bà-tắc Đô Úy An Lập người nước An Tức đến Lạc Dương. Ông cùng Thanh Tín Sĩ, Nghiêm Phật Điều dịch được bảy bộ kinh. Bấy giờ lại có Sa-môn Chi Diệu, Khương Cự, Khương Mãnh, Tường Đàm Quả, Trúc Đại Lực đều là những người rất giỏi ngôn ngữ Trung Quốc, họ dịch được cả thảy hơn ba trăm bộ kinh vào cuối đời Hán.

Bính Thìn: Vua xuống chiếu khắc Ngũ kinh, an trí bên ngoài cửa thái học.

Mậu Ngọ: Đổi niên hiệu là Quang Hòa.

8. Giặc khăn vàng làm phản:

* Giáp Tý bốn mươi tám: Đổi niên hiệu là Trung Bình. Trong năm này giặc Khăn vàng bắt đầu nổi loạn. Ban đầu Trương Giác ở Cư lộc giả thuật trị bệnh mưu đồ tạo phản. Giác tự xưng là Đại Hiền Lương Sư, lại tự xưng là Hoàng Thiên. Chỉ trong vòng mấy năm đã quy tụ được ba trăm sáu mươi ngàn người. Bọn họ đều chít khăn vàng. Năm Giáp Tý đồng loạt nổi lên giết người. Năm Quý Mùi niên hiệu Kiến An, họ đốt phá các quận huyện, vua tôi đều khiếp sợ. Vua bèn cử Tả Trung lang tướng Hoàng Phủ Tung chinh phạt, Trương Giác lâm bệnh rồi chết. Vua cho đào xác đem lên chém. Hai người em của Trương Giác bị bại trận và bị chém nốt, bêu đầu tại Kinh sư.

Mậu Thìn: Ky Trù tự xưng Thiên tử khởi binh làm loạn.

Kỷ Tỵ: Ở Ích châu, tướng giặc Khăn vàng là Mã Tướng tự xưng thiên tử. Giặc Khăn vàng nổi loạn phá ngục, mua quan, hoạn quan Bốc Thuyền Thị chuyên quyền, thiên hạ đại loạn.

Hồng Nông Vương: Tên là Biện, con của Linh Đế, lên ngôi và đổi niên hiệu là Quang Hy. Viên Thiệu bắt hết bọn hoạn quan, bất kể già trẻ đều đem chém sạch. Vua đổi niên hiệu là Chiêu Ninh. Thái Nguyên Mục Đổng Trác vào triều, phế vua là Hồng Nông Vương, sau giết luôn, rồi lập Trần Lưu Vương làm Thiếu đế. Biện trị vì được một trăm bảy mươi ngày.

9. Hiến Đế: (Canh Ngọ)

Tên là Hiệp, con giữa của Linh Đế. Tháng chín niên hiệu Chiêu Ninh năm thứ chín, Đổng Trác phế hoàng tử Biện lập làm vua. Ông lên ngôi lúc chín tuổi, đổi niên hiệu là Sơ Bình. Ông trị vì được ba mươi năm. Bấy giờ Đổng Trác tự xưng là Thái sư, dọn đất dời đô về Trường An . Được ba năm thì Vương Doãn, Lã Bố lập mưu giết Trác, tru di cả họ.

10. Mâu Tử và Lý Hoặc Luận: (Quý Dậu)

Không rõ họ tên ông là gì, người đời gọi ông là Mâu Tử. Mâu Tử học tập kinh truyện của chư tử, sách chẳng kể lớn nhỏ không thứ nào mà không thích. Tuy ông không ưa binh pháp nhưng vẫn đọc. Dù đọc sách thần tiên bất tử nhưng ông lại không tin, cho đó là những thứ dối trá.

Hồi ấy, sau khi Linh Đế băng hà, thiên hạ nhiễu loạn, chỉ có Giao châu là tạm yên mà thôi. Người lạ từ phương Bắc đều đến đây để ở, phần nhiều họ luyện phép tịch cốc trường sinh của thần tiên. Mâu Tử thường lấy Ngũ Kinh vấn nạn họ, nhưng đạo gia, thuật sĩ chẳng ai dám đối đáp.

Trước đó, Mâu Tử đem mẹ đi lánh nạn. Năm hai mươi sáu tuổi ông trở về Thương ngô để cưới vợ. Thái thú Thương ngô nghe ông là người hiếu học, nên đến thăm hỏi và mời ông ra làm quan. Bấy giờ tuổi mới lớn lại ham học, hơn nữa thấy thời thế loạn lạc, nên ông không muốn làm quan và cuối cùng không đến.

Thời bấy giờ các châu, quận nghi ngờ nhau, đường đi cách trở không thông. Thái thú cho ông là người học rộng biết nhiều, nên sai ông đi Kinh châu dâng lễ. Mâu Tử nghĩ rằng, vinh tước dễ nhường nhưng sứ mệnh khó từ, nên nhận lời.

Khi ấy lại gặp chuyện: Em của Châu Mục làm thái thú Dự Chương bị trung lang tướng Trức Dung giết chết, Châu Mục bèn sai kỵ đô úy Lưu Ngạn đem binh báo thù. Nhưng sợ cõi ngoài nghi nhau, không tiến binh được bèn nói với Mâu Tử rằng: Em tôi bị nghịch tặc hãm hại, nỗi đau cốt nhục giằng xé tâm can, tôi từng sai Lưu đô úy đi, nhưng sợ cõi ngoài nghi nan, người không qua được. Tôi biết ông là người văn võ song toàn lại có tài ứng đối. Nay tôi muốn đánh dẹp họ, mượn đường Linh Lăng, Quế Dương làm thông lộ, ý ông thế nào? Mâu Tử liền đồng ý. Lúc sắp đi thì được tin mẹ mất, rốt cuộc cũng không đi được.

Bẵng đi một thời gian, ông tự than: Lão tử dứt thánh bỏ trí, tu thân giữ chân, vạn vật không ngăn được chí của ông, thiên hạ không

đổi được niềm vui của ông, Thiên tử không được bề tôi, chư hầu không được người bạn! Quả thật đáng quý!

Thế rồi ông dốc chí vào Phật đạo, nghiền ngẫm năm ngàn lời của Lão Tử, ngậm huyền diệu làm rượu ngon, giỡn Ngũ kinh làm đàn sáo. Bọn thế tục hầu hết cho ông là người không phải đạo, bảo ông là người bỏ Ngũ kinh mà theo đạo khác. Ông muốn tranh cãi với họ nhưng nghĩ không đúng đạo, muốn lặng im thì lại không thể được, nên dùng giấy bút lược dẫn vài lời của Thánh hiền để biện giải cho họ thấy và lấy tên là Mâu Tử Lý Hoặc.

Hỏi: Do đâu mà được gọi là Phật? Phật là thế nào?

Mâu Tử đáp: Phật nghĩa là Giác, cũng như nói Thần Tam hoàng, Thánh Ngũ đế. Phật là nguyên tổ của đạo đức, là bậc chí tôn của Thần minh. Sở dĩ Phật được tôn xưng là Giác, bởi vì ngài tự tại biến hóa, phân thân chia hình, khi còn khi mất, hoặc lớn hoặc nhỏ, khi tròn khi vuông, hoặc già hoặc trẻ, lúc ẩn lúc hiện. Dẫm lên lửa mà không phỏng, đạp trên đao mà không đứt, ở trong dơ uế mà chẳng hề bị nhiễm. Ở trong họa hoạn mà chẳng bị tai ương, chẳng đi mà đến, chẳng làm mà tỏ rõ, nên gọi là Phật.

Hỏi: Thế nào gọi là Đạo? Đạo là cái gì?

Đáp: Đạo có nghĩa là dẫn dắt. Dẫn dắt con người đến chỗ vô vi. Dẫn họ đến chỗ vô tiền, dắt họ đến nơi vô hậu. Nâng lên thì không vật gì trên nữa, đè xuống thì không vật gì thấp hơn. Nhìn thì chẳng thấy hình, nghe thì chẳng có tiếng. Bốn biển bao la nhưng nó nằm ngoài, sợi tơ nhỏ nhiệm nhưng nó nằm trong. Thế nên gọi là Đạo.

Hỏi: Khổng Tử lấy Ngũ Kinh làm Đạo giáo, có thể ôm lấy mà tụng, lót chân mà đi. Nay ông lại nói đạo vốn hư vô, thoáng hiện, không thấy được ý, không chỉ ra hình, đâu không khác với Thánh nhân đó sau?

Đáp: Ông không nên xem trọng cái thực hành được, coi nhẹ những điều ít thấy, mê theo vật bên ngoài, đánh mất tình thức bên trong. Hành động mà không mất đạo đức, cũng giống như điều chỉnh dây đàn mà chẳng mất cung thương. Đạo trời vận theo bốn mùa, con người noi theo Ngũ thường. Lão Tử nói: Có một vật do nhiều thứ cấu thành, sinh trước trời đất, có thể cho nó là mẹ của Thiên hạ, ta chẳng biết đặt tên nó là gì, nên tạm gọi là Đạo. Đạo mà làm thành vật, thì ở nhà có thể thờ cha mẹ, làm quan thì cai trị muôn dân, ở một mình thì tu thân, đạp lên mà đi, thì đi khắp cả trời đất, bỏ mà chẳng dùng thì nó tiêu nhưng chẳng mất. Thế nên ông không hiểu được cũng đâu có gì lạ!

Hỏi: Điều thật nhất thì không hoa hòe, từ hay nhất thì không lòe loẹt, ngôn từ đơn giản nhưng sự thành tựu lại tốt đẹp, hành động ít nhưng thành đạt tỏ rõ. Thế nên châu ngọc tuy ít nhưng quý, gạch ngói dù nhiều nhưng thường. Thánh nhân soạn ra bảy kinh, không hơn ba vạn lời, nhưng mọi sự đều gồm đủ. Nay kinh Phật có đến vạn quyển, tính ra có đến mấy ức lời. Sức của một người không thể kham hết, kẻ hèn này nghĩ rằng quá nhiều như vậy thì vốn phiền toái mà lại chẳng trọng yếu!

Mâu Tử đáp: Sông biển sở dĩ khác với mương rạch là vì nó sâu rộng. Ngũ nhạc sở dĩ khác với gò đồi vì nó cao to. Nếu cao không vượt hơn núi đồi, thì con dê què mới lên tới đỉnh, sâu không vượt quá đáy khe, thì con nít mới lặn đến đáy. Kỳ lân không ở trong vườn chuồng, cá kình không bơi lội trong khe chỉ sâu vài nhận. Mổ bụng con trai ba tất để tìm hạt châu minh nguyệt, lục lọi trong tổ chim trên cây chỉ, cây táo để tìm trứng của phượng hoàng tất không tìm được. Vì sao vậy? Vì vật nhỏ không thể dung chứa được cái lớn. Còn như kinh Phật ghi chép những việc cả ức năm về trước, lại nói đến những điều quan trọng cho muôn đời. Khi Thái Tổ chưa khởi, Thái thỉ chưa sinh, càn khôn bắt đầu hình thành, trong cái khoảng ấy mảy trần không thể nắm, sợi tơ không thể lọt, thì Phật đã trùm khắp bên ngoài cái rộng lớn ấy, chia chẻ bên trong cái nhiệm mầu ấy rồi. Những điều ấy đều ghi lại hết thảy. Thế nên kinh Phật có đến vạn quyển, gồm mấy ức lời, muôn sự đều đủ đầy, vạn duyên đều sung túc. Thế sao ông bảo rằng không quan trọng! Dù rằng chẳng phải một người kham hết, ví như người đến bờ sông uống nước, no bụng thì tự biết đủ rồi, chứ làm sao biết được nước còn lại là bao nhiêu!

Hỏi: Kinh Phật quá nhiều nay tôi chỉ muốn được lý chính yếu, bỏ cái dư thừa, ông cứ nói thẳng, chẳng cần quanh co.

Đáp: Không được! Theo lẽ thường, mặt trời, mặt trăng đều sáng nhưng mỗi vật chiếu soi không giống. Hai mươi tám ngôi sao, mỗi sao đều có chủ, trăm thứ cỏ thuốc cùng sinh nhưng mỗi thứ trị mỗi bệnh. Áo hồ cừu thì dùng vào mùa lạnh, áo vải sợi mặc vào mùa nóng, xe thuyền tuy khác đường nhưng đều để dùng đi lại. Khổng Tử không cho Ngũ Kinh là hoàn bị, nên lại soạn thêm Xuân Thu, Hiếu Kinh, đó là muốn mở rộng đạo thuật, thu phục lòng người. Kinh Phật tuy nhiều nhưng cứu cánh chỉ là một. Thí như bảy loại điển tịch dù khác nhau, nhưng cái quan trọng là đạo đức nhân nghĩa cũng chỉ là một. Sở dĩ nói đến hiếu nhiều là tùy thuận lòng người thực hành đạo hiếu. Như Tử Trương, Tử

Du cùng hỏi đạo hiếu, nhưng Trọng Ni trả lời mỗi người một khác. Đó là đánh vào điểm yếu của họ, chứ làm gì có bỏ đâu!

Hỏi: Phật đạo chí tôn chí đại, thế tại sao Nghiêu Thuấn, Chu, Khổng không tu theo? Trong bảy loại điển tịch không thấy nói đến. Ông vốn đam mê thi thư, ưa thích lễ nhạc, sao nay lại thích Phật đạo, vui với dị thuật, như thế đâu chẳng phải là vượt quá cái hay cái đẹp của Thánh nhân đó sao? Trộm nghĩ ông không nên như vậy!

Đáp: Kinh thư đâu hẳn là lời của Khổng Tử. Thuốc đâu hẳn là thuật của Biển Thước. Thứ gì hợp nghĩa thì noi theo, thuốc làm giảm bệnh mới là thứ tốt. Người quân tử phải học hết những cái hay để trưởng dưỡng thân mình. Tử Cống nói: Phu Tử hà tất phải có vị thầy cố định sao? Nghiêu thờ Doãn Thọ, Thuấn thờ Vụ Thành, Đán học Lã Vọng, Khâu học Lão Đam, những việc ấy cũng đâu thấy ghi trong bảy kinh! Bốn vị ấy tuy là Thánh, nhưng nếu đem sánh với Phật thì cũng giống như nai trắng sánh với kỳ lân, chim yến sánh với phượng hoàng. Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng mà còn phải học, huống gì thân Phật tướng tốt, thần lực biến hóa khôn lường, lẽ đâu bỏ mà không học theo ư? Ngũ kinh ghi chép vẫn còn thiếu sót, kinh Phật không ghi thì có gì lạ mà phải nghi?

Hỏi: Ông nói Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đâu không quá kỳ dị với con người đó sao! Tôi nghĩ đó là nói quá lời, chứ sự thật thì không có!

Đáp: Ngạn ngữ có câu: Thấy thì ít mà lấy làm lạ thì nhiều, thấy lạc đà lại bảo là ngựa gù lưng. Lông mày vua Nghiêu có tám màu, mắt vua Thuấn có hai đồng tử, Cao Đào ăn thì mổ như chim, Văn Vương có bốn vú, tai vua Vũ có ba lỗ, Chu Công lưng gù, Phục Hy có mũi rồng, Trọng Ni có tướng Phản Vũ (đỉnh lõm), Lão Tử mắt đen, mũi có hai cây trụ, tay nắm mười đồng tiền, chân kẹp mười đồng tiền. Đó chẳng phải là kỳ dị với con người đó sao! Vậy thì tướng tốt của Phật có gì phải nghi!

Hỏi: Trong Hiếu Kinh nói: Thân thể, tóc tai do cha mẹ cho, phận làm con đâu dám hủy hoại. Tăng Tử trước khi mất mới dang tay dang chân. Nay Sa-môn cạo đầu, đâu chẳng phải trái với lời dạy của Thánh nhân đó ư? Đó chẳng phải là người con hiếu thảo. Ông thường thích luận phải trái, bình thẳng cong, đâu không trái với lẽ thiện đó sao?

Đáp: Phàm chê Thánh hiền là bất nhân, bình không trúng là bất trí, bất nhân bất trí thì lấy gì để tu đức? Đức mà không gieo trồng được thì chỉ là bọn người để mua vui. Như vậy đâu phải dễ dàng bàn luận! Xưa nước Tề có người bơi thuyền qua sông, cha ông ấy bị rơi xuống nước. Người con nắm tay cha mình kéo lên, rồi giộng ngược đầu ông

xuống cho nước trào ra. Nhờ đó mà cha ông tỉnh lại. Phàm giộng ngược đầu cha mình xuống đất, thì còn tội bất hiếu nào lớn hơn nữa! Nhưng làm như vậy là cứu sống cha mình. Còn nếu như cứ đứng khoanh tay, tu theo cái đạo hiếu bất di bất dịch ấy, thì cha mình tất chết đuối.

Khổng Tử nói: Có thể thích hợp với đạo, nhưng chưa hẳn thích hợp với quyền hạn. Đó gọi là thực hành đúng lúc. Vả lại Hiếu kinh cũng nói: Tiên vương là người có đức cao, đạo sâu, mà Thái Bá lại cắt tóc, rạch thân, tự mình làm theo khổ kế của Ngô Việt, trái với tinh thần coi trọng thân thể, tóc tai. Thế nhưng Khổng Tử lại khen ông ấy, lại bảo rằng ông ta là người có đức cao. Trọng Ni không vì việc ông ta cắt tóc mà chê ông ấy. Từ đó mà xét, nếu người có đức cao thì họ không câu nệ vào tiểu tiết. Sa-môn bỏ gia tài, vợ con, chẳng nghe thanh nhìn sắc, có thể nói họ là người vất bỏ nhiều nhất. Như vậy đâu có trái lời Thánh nhân, đâu nghịch với đạo hiếu đâu! Dự Nhượng nuốt than, Sơn Thân; Nhiếp Chính rạch mặt hủy mình, Bá Cơ dẫm lửa, Cao Hành hủy phá mặt mày, người quân tử mạnh dạn chết vì nghĩa, chẳng nghe ai chê họ hủy thân, chết uổng. Sa-môn cạo bỏ râu tóc, nhưng so với bốn người ấy có đáng là bao!

Hỏi: Phàm người có phước thì không gì hơn có con nối dõi, phàm bất hiếu thì không gì hơn không người kế tự, Sa-môn bỏ vợ con, vứt của cải, trọn đời không cưới vợ, đâu không phải là trái với phước hạnh, hiếu hạnh đó ư? Tự làm khổ mà chẳng có gì dị kỳ, tự nâng mình lên nhưng có gì khác thường đâu?

Đáp: Phàm bên trái dài thì bên phải tất ngắn, phía trước lớn thì phía sau tất nhỏ. Mạnh Công Xước làm lão thần của Triệu Ngụy thì hơn hẳn, nhưng đâu thể làm đại phu nước Đằng, nước Tiết. Vợ con, của cải là những thứ thừa thải của đời, trong sạch khiêm cung là lẽ nhiệm mầu của đạo. Lão Tử nói: Danh phận và bản thân cái nào quý hơn? Bản thân và của cải thứ nào nhiều hơn? Lại nói: Ta xem Di phong của ba đời (Hạ, Thượng, Chu), xét đạo thuật của Nho, Mặc, tụng thi thư, tu lễ tiết trọng nhân nghĩa, sống trong sạch, người trong làng noi theo, tiếng thơm đồn khắp. Đó là những việc làm của kẻ sĩ bậc trung, những người điềm đạm chẳng cần đoái hoài đến. Thế nên trước kia thì có Ngọc Tùy, sau này thì có Hô Hổ (Cọp gầm), thấy nó đi ngang nhưng chẳng ai dám bắt. Vì sao? Bởi vì trước mất mạng rồi sau mới được lợi. Hứa Do ở trong tổ chim trên cây, Bá Di, Thúc Tề chết đói trên núi Thủ Dương, nhưng Khổng Tử khen các ông ấy là kẻ hiền sĩ. Cầu nhân được nhân chính là vậy, mà chẳng nghe ai chê mấy ông ấy là người không có con nối dõi,

chẳng có của tiêu xài, Sa-môn tu đạo giữ đức để đổi cái vui của kẻ du sĩ, quay về với bản tánh thuần lương để thay cái thú vợ con. Nếu họ chẳng phải dị kỳ thì còn ai dị kỳ nữa, họ chẳng phải khác thường thì còn ai khác thường nữa!

Hỏi: Hoàng đế chế ra y áo, đặt ra trang phục, Ky Tử lập ra chuẩn mực áo mão phải lấy năm việc làm đầu, Khổng Tử soạn Hiếu Kinh, trang phục phải lấy ba đức làm trọng. Lại nói: Áo mão chỉnh tề là trọng cái thấy của con mắt. Nguyên Hiến tuy nghèo nhưng chẳng lìa cái mũ hoa. Tử Lộ gặp nạn nhưng chẳng quên áo xấu. Nay Sa-môn cạo bỏ râu tóc, quấn đắp vải đỏ. Thấy người khác chẳng thực hành cái lễ nghi đứng, quỳ, không có cái nghi dung khéo léo, đâu chẳng phải là trái với pháp chế ăn mặc, nghịch với trang sức trang phục đó sao?

Đáp: Lão Tử nói: Đức mà cao là không có đức, do đó mới có đức; đức mà thấp là không mất đức, do đó mà không có đức. Thời Tam hoàng con người ăn thịt thú, mặc da lông, ở trong tổ, trú trong hang, chuộng cái chất phác, lẽ đâu lại phải đội mũ Chương phủ, mặc áo Khúc cừu chăng? Thế nhưng ai nấy đều khen họ là mười hai người có đức mà lại đôn hậu, chánh tín mà lại vô vi. Hạnh của Sa-môn tương tợ với mấy người ấy.

Hỏi: Theo như ông nói, thì phép tắc của hoàng đế Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng chẳng lẽ bỏ đi không đáng noi theo sao?

Đáp: Hễ thấy rộng thì không mê mờ, nghe nhiều thì không lầm lẫn. Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng sửa trị việc đời, Phật và Lão Tử lập chí vô vi. Trọng Ni bôn ba hơn bảy mươi nước, Hứa Do nghe được nhường ngôi phải xuống sông rửa tai, đạo của người quân tử có khi tiến khi thoái, có lúc nín, có lúc nói, chẳng thiên theo tánh, chẳng lụy theo tình. Thế nên cái quý của đạo là ở chỗ vận dụng, chứ làm gì có bỏ không theo!

Hỏi: Đạo Phật nói: Con người chết rồi đầu thai trở lại, tôi không tin việc ấy có thật!

Đáp: Con người lúc sắp chết, gia quyến của họ ngẩng cổ lên nóc nhà gọi họ. Họ chết rồi thì gọi ai vậy?

- Đó là gọi hồn phách của họ.

- Thần thức trở lại thì họ sống, còn không trở lại thì thần thức ấy đi đâu?

- Thành quỷ thần.

Mâu Tử nói: Đúng thế! Quỷ thần cố nhiên là không diệt, chỉ có thân ta tự tan rã mà thôi. Thân giống như gốc, lá của ngũ cốc, thần thức giống như trái hạt của ngũ cốc. Gốc lá có sinh tất có tử. Trái hạt

lẽ đâu cũng có ngày tận diệt ư? Khi đắc đạo thì chỉ có thân bị tàn diệt mà thôi.

Lão Tử nói: Ta có nỗi to lớn vì ta có thân. Nếu ta không có thân, thì chẳng có gì phải lo lắng. Lại nói: Công thành danh toại thì lui thân, đó là đạo trời.

Lại hỏi: Vì đạo cũng chết, không vì đạo cũng chết, có gì khác nhau đâu!

Mâu tử đáp: Đó gọi là: "Không có điều tốt của một ngày mà lại muốn hỏi đến cái hay cả đời" là thế. Người có đạo dù cũng chết nhưng thần thức về nhà phước, kẻ làm ác cũng chết nhưng thần thức phải chịu những tai ương. Kẻ ngu thì mê mờ với những việc đã thành, người trí thì biết trước những gì chưa nảy sinh. Có đạo và không có đạo như vàng sánh với cỏ, họa và phước chẳng khác nào trắng sánh với đen, sao lại không khác nhau? Ông nói sao nghe dễ dàng đến thế!

Hỏi: Khổng tử nói: Chưa thể thờ người làm sao thờ quỷ? Chưa biết sống, làm sao biết chết? Đó là điều mà Thánh nhân ghi lại. Nay nhà Phật chưa gì liền nói đến việc sống chết việc quỷ thần, đó e rằng không phải là những lới của Thánh triết. Phàm người hành đạo cần phải thanh nhàn đạm bạc, dốc chí vào những gì thực tiễn nhất, nay cớ sao ông lại nói đến sống chết làm loạn chí người, nói chuyện quỷ thần là những chuyện thừa thải?

Đáp: Như lời ông nói, đó gọi là chỉ thấy bên ngoài mà không biết bên trong. Khổng Tử bị bệnh, Tử Lộ không hỏi nguyên nhân đó là muốn khỏa lấp đó thôi. Hiếu kinh có nói: Lập ra Tông miếu, thờ cúng quỷ thần, cúng tế Xuân Thu, theo mùa mà tế. Lại nói yêu kính việc sống, xót thương việc chết. Đó chẳng phải là dạy con người thờ cúng quỷ thần, biết sống chết đó sao? Chu Công thỉnh mệnh cho Vũ vương rằng: Đán này đa tài đa nghệ, có thể thờ được quỷ thần. Như vậy thì con đường sống chết mà kinh Phật nói đến lẽ đâu chẳng phải là chuyện đó sao! Lão Tử nói: Đã biết được đứa con này tất giữ được người mẹ kia. Thân đến chết cũng không nguy. Lại nói: Dùng ánh sáng của đạo, trở về lại ánh sáng của mình, không để thân phải ương lụy. Nơi mà sống chết thú hướng đến, chỗ mà cát hung an trụ, chính là đây. Điều quan trọng để đến với đạo là quý ở trạng thái vắng lặng. Nhà Phật lẽ đâu lại ưa nói nhiều sao! Ông đến gạn hỏi, lẽ đâu ta lại không đáp. Chuông trống đâu phải tự kêu được, mà có người đánh mới phát tiếng.

Hỏi: Khổng Tử nói: Di Định mà có vua, đâu bằng Chư Hạ mất vua. Mạnh Tử chê Trần Tương khi ông này lại đi học thuật của Hứa

Hành rằng: "Ta nghe dùng Hạ để thay đổi Di, chứ chưa từng nghe dùng Di để thay đổi Hạ". Từ nhỏ ông đã học đạo của Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng mà này vất bỏ lại học thuật của Di Địch, lẽ đâu không phải là lầm lẫn đó chăng?

Đáp: Nói vậy thì tôi chưa hiểu những lời nằm ngoài đại đạo mà thôi. Nếu ông nói vậy, thì đó mới chỉ thấy được cái vẻ đẹp của lễ chế mà mê mờ với cái thật của đạo đức, chỉ thấy ánh sáng của đèn đuốc mà không thấy được mặt trời rực rỡ trên thiên đình. Khổng Tử từng nói: Uốn nắn thói đời cho thẳng. Mạnh Kha cũng nói: Mau chóng làm cho chuyên nhất.

Xưa, Khổng Tử muốn ở Cửu Di, bèn nói: Người quân tử ở trong Di Địch có gì là thấp hèn đâu! Đến khi Trọng Ni không được trọng dụng ở Lỗ, Vệ, Mạnh Kha không được trọng dụng ở Tề, Lương. Lẽ đâu lại làm quan trong Di Địch sao! Vua Vũ xuất thân từ giống Tây Khương nhưng là bậc Thánh triết. Cổ Tẩu sinh ra vua Thuấn nhưng chỉ là đồ để mua vui, Do Dư xuất thân từ nước Địch nhưng làm bá ở Tần; Quản Thúc, Thái Thúc xuất thân từ đất Hà đất Lạc nhưng lưu danh ở đời. Truyện chép: Sao Bắc thần ở giữa trời, phía Bắc loài người. Theo đó mà xét, thì đất nhà Hán chưa hẳn là giữa trời. Những gì kinh Phật nói đến thì trên dưới đều cùng khắp, những loài có máu huyết thảy đều là Phật cả. Vì thế mà ta tôn kính, học hỏi, cần gì phải bỏ đạo của Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng! Vàng ngọc chẳng làm tổn thương nhau, ngọc tùy ngọc bích chẳng cản trở nhau. Ông cho người ta lầm lẫn, hay tự ông lầm lẫn thế!

Hỏi: Khổng Tử nói: Xa xỉ thì không khiêm tốn, tiết kiệm thì thành hẹp hòi, nếu so với không khiêm tốn thì thà rằng nên hẹp hòi một chút còn hơn. Ngự Tôn nói: Cần kiệm thì đức quy tụ, xa xỉ thì ác cực lớn. Nay nhà Phật lấy cái không tài sản, bố thí làm danh phận, ban phát của cải cho người làm điều quý trọng, lẽ đâu lại có phước ư?

Đáp: Kia một thời, đây một lúc. Trọng Ni ghét xa xỉ mà không có lễ. Ngự Tôn chê Trang Công là người bủn xỉn, chứ đâu cấm bố thí. Vua Thuấn cày ruộng ở Lịch sơn nhưng ân huệ không đến tới các châu, lý. Thái Công mổ trâu nhưng ân huệ không đến tới vợ con. Đến khi được trọng dụng thì ân tràn tám hướng, huệ rải bốn biển. Giàu có nhiều của, quý là ở chỗ hay ban cho. Nghèo cùng khốn khổ, quý là ở chỗ hành đạo. Hứa Do chẳng tham bốn biển, Bá Di chẳng tham đất nước, Ngu Liễu bỏ tước phong vạn hộ cứu cái gấp của kẻ nghèo cùng. Những người ấy họ đều có chí riêng của họ. Hy Phụ Ky nhờ cái ân ban bố mâm cơm mà được ngôi làng để trọ, Tuyên Mãnh nhờ cái huệ bố thí một bữa cơm mà

giữ được tấm thân vô giá. Ban bố cho cõi âm dù không có ý mong cầu, nhưng phước báo ở cõi dương rõ ràng như trời sáng. Huống gì ban của cải, phát ý tốt thì công đức ấy vời vợi như núi Tung, núi Thái, mênh mang như biển cả sông sâu. Người ôm mang trong lòng điều tốt, thì quả tốt báo ứng, kẻ cưu mang điều xấu thì tai ương đáp đền. Tôi chưa từng thấy ai gieo lúa nước mà được lúa cạn, ban họa mà được phước.

Hỏi: Con người ở đời không ai mà chẳng thích giàu sang, ghét nghèo hèn, ưa nhàn rỗi, ghét lao nhọc. Hoàng Đế dưỡng tính bằng Ngũ hào, Khổng Tử ăn thì chẳng chê nem chê chả. Nay Sa-môn mặc áo đỏ, mỗi ngày ăn một bữa, đóng kín lục tình, tự cho mình đã xong việc đời, nếu vậy thì có gì để nương tựa đâu?

Đáp: Giàu và sang là điều người ta ham muốn, thế nhưng vốn không đáng có được mà có được thì không nhận. Nghèo và hèn là điều mà người ta rất ghét, thế nhưng vốn không đáng được mà được nó thì không bỏ. Lão Tử nói: Năm sắc thường làm người ta mờ mắt, năm âm làm con người ta điếc tai, năm vị làm con người tê lưỡi; cỡi ngựa, ngồi xe, cuốc cày, săn bắn làm lòng người phát cuồng, của cải khó được làm hành động người ta trở ngại. Thánh nhân chú trọng trong tâm chứ không quý ở con mắt. Những lời ấy lẽ đâu hư dối ư! Liễu Hạ Tuệ không vì địa vị Tam công mà thay đổi cung cách của mình, Đoàn Thiên Mộc không vì bản thân mình mà thay đổi cái giàu có của Ngụy Văn. Hứa Do Sào Phủ làm tổ trên cây mà ở, tự cho mình an ổn hơn ngồi trên ngai vàng, Bá Di Thúc Tề chết đói trên núi Thủ Dương nhưng tự cho mình no đủ hơn Văn, Vũ. Đó là vì mỗi người đắc chí với chính mình, lẽ đâu lại không có gì để nương tựa ư!

Hỏi: Nếu kinh Phật thâm sâu, mầu nhiệm, sao ông không đem bàn trong triều đình, luận với quân vương, tu trong khuê môn, trao cho bè bạn mà lại học kinh truyện, đọc chư tử?

Đáp: Ông chưa biết được nguồn nước mà đã hỏi đến dòng nước. Phàm mâm đậu thì lại đặt trên cửa thành, cờ xí lại cắm ở sân triều, mặc áo Hồ cừu để đương đầu với Nhụy Tân, mặc áo vải thô để ngăn đón Hoàng Chung, thảy đều đẹp cả! Nhưng không đúng chỗ chẳng hợp thời. Thế nên đem cái thuật của Khổng Tử vào nơi cửa Thương Ưởng, ban cái thuyết của Mạnh Kha vào đến sân Tô, Trương. Công lao đâu chỉ tính bằng phân, tấc mà phải kể đến trượng, thước. Lão Tử nói: Bậc Thượng sĩ nghe đạo thì siêng năng thực hành, bậc trung sĩ nghe đạo thì thoạt nhớ thoạt quên, kẻ hạ sĩ nghe đạo thì cười ngất rồi bỏ đi. Ta rất sợ những kẻ cười ngất ấy, thế nên không luận bàn. Khi khát nước, đâu phải đến sông

biển mới uống no. Nước trong suối giếng chẳng lẽ không đã khát sao! Thế nên ta lại học kinh học truyện là thế.

Hỏi: Lão Tử nói: Người biết thì không nói, hễ nói là không biết. Lại nói: Người giỏi biện luận phải làm như mình là kẻ ấp úng, người quá khôn, khéo phải làm như mình là người vụng về. Người quân tử hổ thẹn khi lời nói vượt quá hành động. Nếu Sa-môn thấu đạt đến đạo rồi, sao không ngồi yên mà thực hành, lại bàn thị phi, luận phải quấy? Tôi cho rằng đức hạnh ấy thật quá kém!

Đáp: Sang Xuân bị đói rét là do Thu này không chịu ăn, Hoàng Chung hợp với lạnh, Nhuy Tân hợp với nóng, chuẩn bị sẵn dù sớm nhưng khỏi bị coi là kẻ ngu. Lão Tử nói: Đối với người đắc đạo thì chẳng cần nói năng, người chưa đắc đạo không nói thì sao biết được! Đạo lớn một lời mà thiên hạ thảy đều vui. Đó chẳng phải là hùng biện đấy ư? Ông cho rằng Lão Tử không hùng biện sao? "Công thành danh toại thì lui thân, đó là đạo trời". Thân đã lui rồi thì làm sao nói? Nay Sa-môn chưa đắc đạo, sao chẳng được nói? Lão Tử cũng giảng đạo kia mà! Nếu như ông ấy không nói năng thì năm ngàn lời làm sao thuật lại? Nếu biết mà không nói thì còn tạm chấp nhận, chứ đã không biết mà lại không hay nói thì đó thật là người ngu. Thế nên, hay nói mà không hay làm là thầy của một nước. Hay làm mà không hay nói là vật dụng của đất nước. Hay làm hay nói là vật báu của nước nhà. Ba thứ ấy đều công dụng biện bày của nó, chẳng lẽ lại là đức kém sao! Chỉ có những người không thể nói được, không thể làm được mới là hạng kém cỏi tầm thường.

Hỏi: Như lời ông nói thì phải học hành, biện bác, thấu đạt, trau chuốc, nói năng, bàn luận suông, lẽ đâu lại sửa được tánh tình, thực hành đạo đức được chăng?

Đáp: Có gì mà phải khó hiểu đến thế! Phàm nói năng, biện bác đều phải có lúc. Cừ Viện nói: Nước có đạo thì ngay thẳng, nước không có đạo thì cong vẹo mà phải thường lo lắng. Ninh Vũ Tử cũng nói: Nước có đạo thì trí, nước không có đạo thì ngu. Khổng Tử nói: Người đáng cùng ta bàn luận mà ta không bàn luận cùng họ, là ta đánh mất người; người không đáng cùng ta bàn luận mà ta lại bàn luận với họ, là ta phí lời. Thế nên trí hay ngu tự biết hợp thời, nói năng bàn luận đều phải có mục đích. Thế vì cớ gì chỉ nói năng bàn luận mà chẳng thực hành!

Hỏi: Ông nói: Đạo Phật chí tôn, rất thích vô vi, rất ưa đạm bạc, nhưng học sĩ thế gian thường khinh chê, họ bảo rằng, những lời lẽ ông nói rỗng tuếch khó dùng, trống không khó tin là tại sao vậy?

Đáp: Vị ngon tất không hợp khẩu nhiều người, tiếng lớn tất không

hợp tai nhiều người. Cổ nhân làm ra Hàm Trì, lập ra Đại Đồng, chế ra tiêu, thiều, ngâm vịnh Cửu thành, chẳng có ai hòa theo được. Sử dụng cây đàn của Trịnh, Vệ, ca ngâm âm điệu của thế tục đương thời, thì lẽ tất nhiên chẳng mong nhưng có người bè theo phụ họa. Thế nên Tống Ngọc nói: Khách ca khúc Hạ Lý ở đất Trình có đến ngàn người hòa theo. Dẫn Cung đánh gốc, mọi người chẳng ai ứng đáp. Những người đó chỉ vui với âm tà mà chẳng hiểu gì âm hưởng tao nhã. Hàn Phi cậy cái thấy như ống nhòm của mình mà chê Nghiêu Thuấn, Tiếp Dư ỷ cái biết như sợi lông mà đả khích Trọng Ni. Đó là những kẻ chỉ mê cái nhỏ mà không hiểu được cái lớn. Phàm nghe Thanh, Thương mà bảo đó là Giốc, thì đó chẳng phải là lỗi của dây đàn mà chính là người nghe không phân biệt được. Thấy ngọc hòa, ngọc bích mà cho là sỏi đá, thì ấy chẳng phải ngọc bích tầm thường mà chính là người thấy không sáng suốt. Con rắn thần bị chặt đầu nhưng lại mọc đầu khác, đâu thể bảo người ta không có quyền chặt! Con rùa Linh phát mộng ở Tống Nguyên nhưng đâu tránh khỏi tay lưới của Dự Thư. Đạo lớn vô vi kẻ thế tục đâu thể biết được. Đạo lớn ấy chẳng vì tiếng khen mà sang, chẳng do tiếng chê mà hèn. Dùng hay không là do đạo trời, hành hay không thì phải đúng lúc, tín hay không là ở nơi con người.

Hỏi: Ông lấy kinh truyện để giảng nói lý nhà Phật, ngôn từ phong phú mà nghĩa lý lại rõ ràng, văn chương hùng hồn mà nói thật khôn khéo, nêu bày được diệu lý chân thành, đó quả là tài hùng biện của ông vậy!

Đáp: Ta đâu có hùng biện! Đó chỉ là hiểu biết rộng thì không lầm lẫn đấy mà!

Hỏi: Có cách gì để thấy biết rộng không?

Đáp: Đều từ kinh Phật cả. Lúc ta chưa hiểu Phật pháp, lầm lẫn còn hơn ông. Dù tụng Ngũ Kinh nhưng lại cho rằng đó chỉ là hoa chưa kết thành trái. Ta đã xem qua kinh Phật, nghiền ngẫm cái hay của Lão Tử, giữa bản tánh điềm đạm, quán cái hạnh vô vi, quay lại nhìn thấy việc đời cũng giống như đến giếng trời mà dòm xuống khe hang, lên núi Tung, núi Thái mà nhìn gò đồi vậy.

Ngũ Kinh thì có ngũ vị, Phật đạo thì có ngũ cốc. Từ khi ta nghe đạo đến nay chẳng khác vén mây mù để thấy mặt trời sáng rỡ, giống như cầm đuốc lớn đi vào nhà tối vậy.

Hỏi: Ông dùng ngôn từ trong kinh truyện, vận dụng cái hay cái đẹp để ngợi khen công hạnh của Phật tuyên bày cái đức của Phật. Cao thì vút tận mây xanh, rộng thì tràn lan đại địa. Như thế có quá xa cội

nguồn có vượt quá sự thật chăng? Mà kẻ hèn như tôi chê bai có ảnh hưởng gì không?

Đáp: Ôi! Những gì mà ta ngợi khen Phật, chẳng khác nào lấy một hạt bụi bám trên núi Tung, núi Thái, lượm một móc sương ném xuống sông biển. Những gì ông hủy báng cũng như cầm trái bầu mà muốn múc cạn đại dương, cầm cày bừa mà muốn san bằng Côn lôn vậy. Đưa một tay để che mặt trời, nắm cục đất mà muốn lấp cửa sông vậy! Ta khen nhưng chẳng thể làm cho Phật cao hơn, mà ông chê cũng không làm Phật thấp hơn được!

Luận rằng: Lý Hoặc Luận của Mâu Tử gồm ba mươi bảy Thiên. Luật sư Tăng Hựu đời Lương chép vào Hoằng Minh Tập. Có thể nói bộ luận này ra đời đến nay lâu xa vô cùng. Xem ông ấy tôn sùng đạo đức, biện hoặc, chánh tà, chế phục kẻ ngã mạn, phát huy nguồn sáng đại giáo, quả thật là người quân tử nhìn xa trông rộng. Vào thời ấy, dòng nước Phật pháp của ta mới nhỏ giọt, những Sa-môn từ Tây Vực chấn tích đến Trung Quốc không quá mười người kể từ Ma-đằng, Pháp Lan trở xuống. Cả thảy hơn ba trăm quyển kinh mới lần lượt xuất hiện, nhưng đều là giáo lý Tiểu thừa. Còn như các bộ kinh Đại thừa vi diệu đều chưa có mặt. Mâu Tử chính là người thấu được huyền lý, khế tâm tông Phật, đắc pháp vị sâu xa như thế. Nếu so ông với các vị ở cuối nhà Hán như: Nhĩ Hành, Trần Nguyên Long, Khổng Bắc Hải, thì những người này chỉ dựa suông vào thiên tài kỳ dị của mình chứ trọn đời chưa nghe được đạo. Bất quá họ là kẻ sĩ thế tục rồi chết mà thôi. Thế nhưng Mâu Tử cho họ là những người tài giỏi. Chỉ tiếc rằng bộ sách này của ông không thể ghi lại đầy đủ được, tôi chỉ trích lấy hai mươi thiên thêm vào đây để thành đề tài để cùng tham luận, đại để là những mối nghi ngờ của thế gian. Dù Thế Tôn còn trụ thế, vẫn không thể thiếu những câu giải đáp mối nghi ngờ như thế này, huống gì ngày nay cách xa thời Phật đã hơn hai ngàn năm rồi, mà muốn cho thiên hạ bao la này đều phát khởi chánh tín, có phải là việc dễ thành tựu không? Thế nên, không thể không lưu truyền bộ luận này cho hậu thế.

11. Sử quan Phạm Hoa luận về họ Thích:

Sử Quan Phạm Hoa luận trong Hán thư Tây Vực truyện rằng: Phong tục, đất đai của Tây Vực sử sách trước đây chưa từng nói đến. Trương Khiên ôm cái hoài bảo muốn vượt xa, Ban Siêu nuôi cái chí Phong hầu , cuối cùng họ cũng lập được công, thu phục ngoại bang ở phía Tây xa xôi kia. Từ khi dùng binh hùng để thu phục, dùng của cải

để mua chuộc, các ngoại bang ấy không nước nào là không hiến dâng cho triều đình những phẩm ngon vật lạ. Họ dãi nắng dầm mưa đi về phía Đông để triều kiến thiên tử. Thế nên triều đình lúc bấy giờ đặt ra chức quan Mậu dĩ để đảm trách việc đó. Lại dựng đô thành để giữ, thống soái nắm giữ quyền hành.

Về sau Cam Anh bèn trèo đèo lội suối, vượt qua nước An Tức đến tận vùng biển để dò xét Đại Tần. Cách ngũ môn Dương quan hơn bốn mươi ngàn dặm, đất đai phong tục ở đây ông đều biết cả. Chẳng hạn như tập tục trong khu vực ấy nhiều ít tốt xấu thế nào, phẩm vật mà khu ấy sản xuất, có gì đặc biệt, núi sông suối đồi bắt nguồn từ đầu, khí hậu nóng lạnh khắc nghiệt hay không; đường núi, đường khe, đường bộ, đường thủy qua lại thế nào, các thứ bệnh tật như nóng lạnh, đau đầu, trúng gió, các chứng về tà ma... đều ghi chép hết tất cả để nghiên cứu dò tìm ra gốc gác. Còn như việc hoằng truyền phi thường của đạo Phật khởi nguyên từ nước Thân Độc đến đời Lưỡng Hán mới ghi (Đông Hán, Tây Hán) nhưng chẳng mấy chính xác. Trương Khiên ghi chép về đất đai rộng lớn bao nhiêu, thời tiết nóng lạnh, cỡi voi giao chiến... Ban Siêu tuy cũng là một trong những người phụng trì Phật đạo không sát phạt, nhưng công lớn dùng văn hay pháp thiện dẫn dắt con người của nhà Phật đều không thấy ghi chép. Tôi nghe nói nước ấy đất đai rộng lớn đến Trung thổ, đuốc ngọc, khí linh, Thánh nhân đều xuất thế quy tụ, là nơi hiền triết ra đời. Dấu tích dị thường tất đạo lý hơn người, cảm nghiệm rõ ràng tất mọi việc vượt xa trần thế, nhưng Khiên, Siêu đều chưa từng nghe đến. Đó chẳng phải là đạo mầu vần xoay, hé mở cửa huyền, đâm chồi nẩy lộc đó sao! Nếu không phải như vậy thì tại sao lại dị thường đến thế!

Vào thời Hán, đến Sở Vương Anh mới bắt đầu thịnh hành việc trai giới. Hoàn Đế lại dùng Bảo Cái trang nghiêm tượng Phật, đem những nghĩa lý nhiệm mầu chưa dịch làm sáng tỏ ra hết, hiểu thấu những di huấn của Phật, buông bỏ ưu phiền khiến lòng vắng lặng, Không Tông Hữu Tông đều gồm đủ cả.

Vả lại đạo Phật chuộng nhân nghĩa ghét giết hại, cứu giúp mọi người tôn sùng cái thiện, cho nên những bậc quân tử tài ba phần nhiều rất thích. Thế nhưng những việc dị thường của Phật đạo nếu chưa trải qua thì không khỏi nghi hoặc. Dù có tài biện bác như Trâu Diễn, Đàm Thiên, có tài luận bàn như Trang Chu, Oa Giác vẫn không đủ nêu được một phần trong muôn một. Lại nữa thần thức sinh diệt, nhân quả theo nhau, phần nhiều họ chỉ nửa hiểu nửa không nên ai nấy đều nghi hoặc.

Do có bản chất dẫn thế tục không ngừng, dắt muôn vật không dứt, nhân điều mọi người cùng theo, bỏ điều người ta nghi hoặc, nên đạo lớn liền thông. Phạm Hoa tự là Úy Tông, sinh vào cuối đời Tấn, làm quan đời Tống. Phàm những sử sách bàn luận về họ Thích đều bắt đầu từ ông.

12. Viên Hoằng luận về Phật:

Viên Hoằng luận trong Hán kỷ rằng: (Vĩnh Bình năm thứ mười một): Phù Đồ tức là Phật. Nước Thiên Trúc bên Tây Vực có Phật đạo. Phật, Hán dịch là Giác, đem cái thấy biết của mình giác ngộ quần sinh. Giáo pháp của Phật lấy việc tu thiện, tâm từ là chính, không sát sinh chuyên giữ lòng thanh tịnh. Những vị tu chân chính ấy được gọi là Sa-môn. Sa-môn, Hán dịch là Tức Tâm, tức là dứt bỏ cái tâm ham muốn, quy tâm về vô vi. Phật lại cho rằng thần thức của người chết không mất, tùy theo nghiệp lực mà thọ lại thân khác. Lúc sống ta làm những việc thiện ác thảy đều có báo ứng. Thế nên đạo Phật rất chú trọng đến việc làm lành, tu đức, để tôi luyện cho tinh thần, khi đạt đến vô vi thì thành Phật.

Thân Phật cao một thước sáu tấc, toàn thân có màu vàng ròng, trên cổ thường phát ra ánh sáng như mặt trời, mặt trăng. Phật biến hóa khôn lường không nơi nào mà không đến được, thế nên ngài hóa được muôn vật cứu khắp quần sinh.

Đầu tiên, Minh Đế nằm mộng thấy người bằng vàng cao to, trên cổ phát ra ánh sáng như mặt trời, mặt trăng. Vua đem điềm mộng hỏi quần thần. Có người bảo: Tây phương có vị thần tên là Phật, hình thể của vị ấy cao to. Nhân đó vua sai sứ đến Thiên Trúc học hỏi đạo thuật của người này, rồi vẽ hình tượng vị ấy mang về nước, đồng thời đem về hơn mấy ngàn vạn quyển kinh. Đạo Phật lấy hư vô làm Tông, vật lớn vật nhỏ trong vũ trụ bao la thảy đều thống nhiếp tất cả. Diễn nói thì rộng lớn bao la, nhưng điều cần cầu là ở bên trong cái nhất thể, điều cần tỏ là nhìn xem sự vật bên ngoài. Người thế tục có khi cho là hư dối, nhưng xét đến chỗ huyền vi thì đạo Phật thâm đạt sâu xa vô cùng khó lường biết được. Thế nên vương công, đại thần thấy những việc sinh tử báo ứng thảy đều khiếp sợ, rồi tự sửa mình.

Cư sĩ Tô Đông Pha của bản triều ta có nói: “Đó chính là lời nói chứng tỏ Trung Quốc bắt đầu biết có Phật.”

Dù lời tôi nói rất thiển cận, nhưng cũng lược nêu đầy đủ. Người trong đồng hoang bắt được con nai, liền đem mổ thịt nướng ăn. Từ đó về sau mọi người dù ăn không biết bao nhiêu trăm thứ vị ngon vào bụng,

nhưng mùi ngon ngọt của thịt nai vẫn không mảy may mất vị, chẳng khác nào như lúc đang ăn vậy.

Trong Hán Kỷ, Viên Hoằng luận về Phật, người ta ít thấy được toàn bài. Trong Đông Pha Đại Toàn Tập có ghi: Thuyết Viên Hoằng luận về Phật chính là thái tử Đường Chương Hoàn chú trong Hán Thư Sở Vương Anh Truyện. Nay sở dĩ dẫn trong Hán Kỷ, vì lấy cả thiên này là phần chính trong đó.

Giáp Tuất: Đổi niên hiệu là Hưng Bình.

Ất Hợi: Một thạch lúa bằng hai mươi lăm vạn tiền. Lúa mạch và đậu, một thạch là hai mươi vạn tiền.

Bính Tý: Đổi niên hiệu là Kiến An, vua về đất Lạc ở phía Đông.

Đinh Sửu: Tào Công dời đô về Hứa xương, Tháo làm quan tư không, Lưu Bị làm châu mục Dự châu. Trong năm này Hòa thượng Thiên Tuế Bảo Chưởng từ Tây Vực đến Trung Quốc.

13. Khương Mãnh, Trúc Đại Lực đến Kinh đô:

Mậu Dần: Sa-môn Khương Mãnh, Trúc Đại Lực dịch Tứ Đế và những bộ kinh khác như Hưng Khởi Bản Hạnh... cả thảy sáu bộ, gồm mười một quyển, dịch tại Lạc Dương.

Tân Tỵ: Tào Tháo cùng tướng của Viên Thiệu là Nhan Lương đánh nhau ở Quan độ, bị Quan Vân Trường đánh ngã ngựa, Tháo xua quân đâm chết Nhan Lương.

Ất Sửu: Chu Du nước Ngô phá Tào trong trận Xích Bích.

14. Tổ 23: Hạc lặc -na:

(Lặc-na là tiếng Phạm, Hạc là tiếng Trung Quốc. Do Tôn giả xuất thế thường được bầy Hạc mến mộ nên gọi ngài là Hạc lặc -na).

Ngài thuộc dòng dõi Bà-la-môn, sinh trưởng tại nước Nguyệt Thị. Cha là Thiên Thắng, mẹ là Kim Quang. Nhà ông Thiên Thắng giàu có nhưng không có con. Một hôm ông bà đến trước Kim tràng thờ bảy Phật để cầu con. Đêm ấy bà mộng thấy có một thần đồng tay cầm vòng vàng đứng trên núi Tu-di đi đến và nói: “Ta đến đây!”. Khi thức dậy bà biết mình có thai.

Năm bảy tuổi, ngài dạo chơi trong xóm, thấy một đền thờ, thờ dâm thần, bèn vào miếu nạt rằng: Ông khéo đặt bày họa phước lừa gạt người ta, hằng năm tốn hao súc vật, tổn hại của cải không biết bao nhiêu mà kể!

Ngài quở xong, ngôi miếu bỗng nhiên sụp đổ. Từ đó dân chúng

trong làng gọi ngài là Thánh con.

Năm hai mươi hai tuổi ngài xuất gia. Năm ba mươi tuổi gặp được Tôn giả Ma-noa-la và được truyền trao pháp nhãn. Sau đó ngài hoằng hóa đến vùng Trung Ấn. Quốc vương nước này tên là Vô Úy Hải, rất sùng tín Phật đạo, ngài thường vào cung diễn nói Phật pháp cho vua nghe. Có một lần vua bỗng thấy có hai người mặc đồ trắng đến lễ lạy ngài, vua bèn hỏi:

- Hai người đó là ai?

- Đó là Nhật Thiên tử và Nguyệt Thiên tử, trước đây ta từng nói pháp cho họ nghe, nên nay họ đến để lễ tạ.

Lát sau không thấy họ đâu cả, mà chỉ ngửi thấy mùi thơm rất lạ. Vua hỏi:

- Cõi nước của Nhật, Nguyệt cả thảy rộng bao nhiêu?

- Bằng thế giới của một ngàn Phật Thích-ca giáo hóa, mỗi một thế giới có hằng sa Nhật, Nguyệt. Dù ta diễn nói rộng đến đâu cũng không sao nói hết.

Vua nghe ngài nói, trong lòng vô cùng vui mừng. Bấy giờ ngài diễn nói đạo pháp vô thượng, độ những người có căn duyên. Đệ tử thượng thủ của ngài là Long Tử, nhưng ông này mất sớm. Long Tử có người anh là Sư Tử, vốn là người học rộng nhớ dai, thờ Bà-la-môn. Thầy ông quy tịch, em ông cũng mất, Sư Tử bèn đến quy y ngài và hỏi rằng:

- Con muốn cầu đạo, phải dụng tâm thế nào?

- Ông muốn cầu đạo phải không có chỗ dụng tâm.

- Đã không có chỗ dụng tâm thì ai làm Phật sự?

- Nếu ông có dụng tâm tất không có công đức, nếu ông không làm, đó mới chính là Phật sự, kinh ghi: “Ta làm công đức nhưng vốn vô ngã.”

Sư tử nghe đến đây liền thể nhập vào Phật tuệ. Bấy giờ ngài bỗng chỉ hướng Đông bắc rồi hỏi:

- Đó là khí tượng gì?

- Con thấy một luồng khí như cầu vồng trắng xuyên suốt trời đất, lại thấy năm đường khí đen bắt ngang trong ấy.

- Điềm ấy thế nào?

- Không thể biết được.

Ngài nói: Sau khi ta diệt độ năm mươi năm, tai nạn xảy ra ở Bắc Thiên Trúc liên lụy đến thân ông, ông nên nhớ kỹ. Ta sắp đi đây. Nay ta đem pháp nhãn giao phó cho ông, ông phải khéo tự giữ gìn, nghe ta

nói kệ:

Khi nhận được tâm tánh
Mới nói chẳng nghĩ bàn
Rõ ràng không nắm bắt
Khi được chớ nói biết.

Tỳ-kheo Sư Tử nghe kệ xong vô cùng vui mừng, nhưng ngài chưa biết phải bị nạn gì, Tôn giả bèn mật chỉ cho ngài. Nói xong Tôn giả hiện mười tám tướng biến hóa rồi thị tịch. Sư Tử trà-tỳ phân chia xá-lợi, ai nấy đều muốn dựng tháp cúng dường. Tôn giả lại hiện trên hư không nói kệ rằng:

Một pháp tất cả pháp
Tất cả nằm trong một
Thân ta chẳng có không
Sao phân tất cả pháp.

Đại chúng nghe xong liền không phân chia nữa, bèn dựng tháp lớn ở đạo tràng Đà đô. Bấy giờ là năm Kỷ Sửu, nhằm đời Hậu Hán Hiến Đế năm thứ hai mươi.

15. Đạo giáo bắt đầu làm ra Linh bảo Tiếu Chương:

Bính Thân: Trương Lăng là khách đất Thục, ở núi Hộc Minh soạn ra kinh này, lại tạo ra Chương Tiếu Đạo Thư gồm hai mươi bốn quyển, để mê hoặc bá tánh. Lăng truyền lại cho Tử Hành, Hành truyền cho Tử Lỗ. Ba người ấy tự xưng là Tam sư. Kết cấu với giặc cướp mưu đồ làm phản. Sau đó Tào Tháo xua binh đến đất Thục, bọn họ đều ra đầu hàng. Bọn giặc áo vàng bị giết sạch. Quỷ pháp của ba kẻ họ Trương phát xuất từ đây.

Kỷ Hợi: Tháng giêng Ngụy Vương Tào Công mất. Con ông là Phi lên nối ngôi. Tháng ba, đổi niên hiệu là Kiến Khương. Tháng mười Hiến đế truyền ngôi thiên tử cho Phi, lấy quốc hiệu là Ngụy, đổi niên hiệu là Hoàng Sơ. Phi Phong đế làm Sơn Dương Công, bốn người con của ông ta được phong làm liệt hầu. Niên hiệu Thanh Long năm thứ ba, Sơn Dương Công mới mất, thọ năm mươi bốn tuổi. Phi dùng nghi thức của thiên tử nhà Hán an táng ông tại Thiền lăng.

Đông Hán gồm mười hai đời vua, trị vì được một trăm chín mươi lăm năm.

TAM QUỐC:

Thục và Ngô chép kèm trong niên kỷ của Ngụy.

Ngụy: Gồm năm đời vua, Vương Thổ Đức họ Tào, đóng đô ở đất Nghiệp.

Lôi Thị nói: Ngụy Vũ, Văn, Minh, Tề Phương, Cao Quý, Trần Lưu thì về tay nhà Tấn. Năm đời vua trị vì bốn mươi tám năm.

16. Ngụy Vũ Đế: (Canh Tý)

Tên là Tháo, tự Mạnh Đức, người đất Bái, hậu duệ của Hán tướng Quốc Tham. Ông làm tướng nhà Hán, phá giặc khăn vàng bình định thiên hạ, tự soạn bộ binh thư gồm ba mươi sáu quyển, lại chú giải Tôn tử binh pháp. Hán phong ông làm Ngụy Vương, thọ sáu mươi sáu tuổi, an táng ở Cao lăng, Lạc Dương , thụy là Thái Tổ Vũ Hoàng Đế.

Văn Đế: Tên là Phi tự là Tử Hoàn, con của Vũ Đế, nhận ngôi thiên tử từ nhà Hán, tháng năm năm Đinh Mùi mất ở điện Gia Phúc, an táng ở Thủ lăng, thọ bốn mươi tuổi. Ông đổi niên hiệu là Hoàng Sơ, trị vì được bảy năm.

17. Thục Tiên chủ: (Tân Sửu)

Ông họ Lưu, gồm hai đời vua, đóng đô ở đất Thục. Lôi thị nói: Thục có hai đời vua, trị vì tổng cộng bốn mươi bốn năm.

Tiên chủ: Tên là Bị, tự Huyền Đức, người ở Trác quận, là cháu của Hán Cảnh Đế, con của Trung sơn Tĩnh Vương Thắng. Ba lần ông đến lều tranh mời Gia Cát Lượng làm mưu tướng, Quan Vũ, Trương Phi làm tướng võ. Ông dựng lên nhà Thục được ba năm, mất ở cung Vĩnh an, an táng ở Tuệ lăng, thọ sáu mươi ba tuổi, thụy là Chiêu Liệt Đại Đế. Ông đổi niên hiệu là Chương Vũ.

Ngô: Họ Tôn, đóng đô ở Kim lăng. Lôi thị nói: Quyền, Lượng, Hưu, Hạo bốn đời vua trị vì sáu mươi hai năm.

18. Ngô Đại Đế: (Nhâm Dần)

Tên là Quyền, tự là Trọng Mưu, con của Hán tướng quân Kiên Hậu Duệ của Cái Tôn Vũ Tử, người ở Phú xuân, Ngô quận. Hoàng Long năm đầu, lên ngôi ở Nam giao, dời đô về Kiến nghiệp. Thái nguyên năm thứ hai, đổi niên hiệu là Thần Phụng. Đến tháng tư thì mất, an táng ở Tương lăng, thọ bảy mươi mốt tuổi, thụy là Đại Đế. Ông đổi niên hiệu là Hoàng Vũ, trị vì ba mươi mốt năm.

Luận rằng: Từ nhà Hán đến nay, thiên hạ được thống nhất. Sau niên hiệu Kiến An. Thiên hạ mới phân thành thế chân vạc. Viên, Tào tranh nhau ở Trung nguyên; Lưu, Tôn giành nhau ở Giang hiệp. Bụi lấp Ngũ nhạc, mây dồn chín châu. Hoặc có người truyền được hai đời rồi mở nghiệp Đế, hoặc có người chia thành ba đời rồi mở nghiệp Bá. Do đó mới khiến họ Ngụy ép Thiên tử, ra lệnh chư hầu, họ Lưu dựa vào Kiếm cát, bảo hộ Đế vương; họ Tôn anh lược cát cứ Trường Giang, Hoành Vũ mưu mẹo, Ngọa Long uy lực, hùng cứ một phương đua nhau thôn tính. Ai nấy đều giành giật đất đai cố giữ bờ cõi, lôi kéo kẻ hào kiệt để làm tay chân, hậu đãi kẻ tài năng lấy khách làm quốc bảo, thầy giỏi pháp hay từ đây mà khởi. Tăng Hội đến đất Ngô, xá-lợi diệu linh sáng ngời vùng Giang tả, Ca- la đến đất Ngụy, luật cấm liền mở rộng ở Lạc đô. Ngũ giới, Tam quy từ đây đại thịnh, chùa tháp từ đó mọc lên rất nhiều, dịch giả theo thời dùng đủ ngữ ngôn, phiên dịch nghĩa kinh, nêu bày danh mục. Thế nên mới có bản dịch nước Ngô, nước Thục, nước Tấn rất hay. Sự nghiệp phiên dịch sau này bắt nguồn từ đây, mà các dòng phái bị mất các bản dịch cũng trong thời này. Hơn nữa Tam quốc chia thành thế chân vạc, thì đâu chỉ có Tây Thục không chép niên đại. Nay đề cập đến niên kỷ của Đại Ngô, nhưng đạo tục trong Ngụy triều cũng nêu đủ trong ấy.

Giáp Thìn: Thục Hậu Chủ: Tên là Thiện, tự là Công Tự. Con của Tiên Chủ. Ông đổi niên hiệu là Kiến Hưng, trị vì được bốn mươi mốt năm, mất ở đất Lạc. Ngụy Thanh Long năm thứ hai, Vũ Hầu mất. Cảnh Nguyên năm thứ tư Thục hàng Ngụy, Thục bị diệt vong.

19. Sa-môn Duy-kỳ-nan và Ưu-bà-tắc Chi Khiêm:

Sa-môn Duy-kỳ-nan (Hán dịch là Chướng Ngại) là người Thiên Trúc. Ông cùng Sa-môn Trúc Luật Viêm đến quận Vũ Xương và dịch được hai bộ kinh. Đến khi Kỳ-nan mất, Luật Viêm ở lại Dương đô dịch được ba bộ kinh, gồm ba quyển. Bấy giờ Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, tự là Cung Minh, người nước Nguyệt Thị, bắt đầu đến Lạc ấp thọ học với Chi Lượng. Lượng tự là Kỷ Minh thọ học với Chi-sấm. Người thời bấy giờ cho rằng, kẻ học rộng nghe nhiều trong thiên hạ không ai giỏi hơn ba người họ Chi này. Khiêm là người học khắp điển thư, nhưng vì ông có thân hình nhỏ thó đen gầy, mắt có nhiều tròng trắng, đồng tử có màu vàng, nên người đương thời thường nói: Gã họ Chi, đồng tử có màu vàng, thân hình tuy nhỏ bé nhưng là cái túi trí tuệ. Đến khi đất Tiết rơi vào tay nước Ngô, Ngô chủ gặp được ông trong lòng vô cùng vui mừng,

bèn phong làm Bác sĩ, ông dịch được một trăm hai mươi chín bộ kinh, gồm một trăm năm mươi hai quyển.

20. Minh Đế: (Đinh Mùi)

Tên là Duệ, tự là Nguyên Trọng, con của Thông Ngộ Năng Văn. Ông đổi niên hiệu là Thái Hòa. Năm Canh Thân niên hiệu Cảnh Sơ thứ ba, mất ở điện Gia khúc, an táng ở Cao bình lăng, thọ ba mươi sáu tuổi, trị vì được mười ba năm.

21. Truyện về Tào Thực:

Trần Tư Vương Tào Thực, tự là Tử Kiến, con giữa của Vũ Đế. Năm mười tuổi ông đọc làu hơn mười vạn lời trong Thi Thư. Ông rất giỏi về tài học thuộc lòng. Thái Tổ lấy làm lạ bèn hỏi:

- Ngươi là thần đồng phải không?

- Phát ngôn thì thành luận, hạ bút thì thành chương, cứ thử xem khắc biết, chứ có gì là thần đồng đâu!

Lớn lên, ông thông thạo tất cả nghệ thuật của thế gian. Hàm Đan Thuần gặp ông kinh hãi thốt lên: Đáng làm người trời! Mỗi khi đọc kinh Phật, Thực không ngớt ngợi khen, cho kinh Phật là Tông cao nhất của đại đạo. Ông đọc kinh bằng bảy thanh, âm hưởng thăng trầm khúc chiết. Người đời đều bắt chước giọng đọc của ông.

Có một lần ông lên chơi ở Ngư sơn, nghe trong núi có một thứ âm thanh rất dị thường, thoang thoảng dịu dàng, uyển chuyển như gió thu, nhân đó ông liền mô phỏng theo âm thanh ấy soạn ra Phạm tán. Ngày nay trong pháp sự có điệu Ngưu sơn Phạm. Đó là thanh điệu do ông truyền lại.

Ban đầu Ngụy Vũ Đế muốn lập ông thừa kế, Thực bèn lao vào rượu chè tự hủy hoại mình, do đó ông tránh được cha truyền ngôi. Văn Đế rất ghét cái tài của ông, thường nhận chìm cái tài của ông mà không dùng đến. Ông có lần xin được thi tài nhưng Văn Đế không dám. Về sau, chỉ trong vòng mười một năm vua dời chỗ ở của ông đến ba lần. Thực càng nản chí, sau đó thì mất. Năm ba mươi mốt tuổi lần đầu tiên ông lên Ngư sơn, đến vùng Đông a, ông bùi ngùi có ý muốn chết ở đây, nên bèn đắp mộ, dặn dò con mình chỉ an táng sơ sài thôi. Lúc còn sống, Thực không tin Hoàng, Lão, nên viết Biện Đạo Luận để bày tỏ quan điểm của mình. Bộ luận ấy ngày nay được chép trong Hoằng Minh Tập thuộc Tạng Kinh.

Kỷ Dậu: Ngô xưng Đế, dời đô về Kiến Nghiệp, đổi niên hiệu là

Hoàng Long.

Nhâm Tý: Ngô đổi niên hiệu là Gia Hòa.

Quý Sửu: Đổi niên hiệu là Thanh Long.

Đinh Tỵ: Đổi niên hiệu là Cảnh Sơ, lấy tháng Sửu làm tháng giêng.

Mậu Ngọ: Thục đổi niên hiệu là Diên Hy. Ngô đổi niên hiệu là Xích Ô.

22. Tề Vương: (Canh Thân)

Tên là Phương, tự là Lan Khanh, Minh Đế không có con, mới nuôi con của Tần Vương là Tuân, mọi người trong cung đều không hay biết. Năm tám tuổi nối nghiệp nhà Ngụy. Đến niên hiệu Gia Bình thứ sáu, bị Tư Mã Ý phế. Ông trị vì được mười ba năm.

23. Khương Tăng Hội đến đất Ngô. (Tân Dậu)

Căn cứ Ngô Thư có ghi: Xích Ô năm thứ tư, có con của đại thừa tướng nước Khương Cư là họ Khương tên Tăng Hội đến đây. Ông bỏ tục xuất gia, lấy việc hoằng hóa làm sự nghiệp, du hóa đến Kiến khương dựng lều tranh và ở đó. Ông đúc tượng hành đạo, ban đầu người nước Ngô thấy ông, họ cho ông làm trò yêu dị. Bấy giờ có quan tâu với Ngô chủ, Ngô chủ muốn bắt nhốt ngài. Vua xuống chiếu dẫn ngài đến xét hỏi. Tăng Hội nói: Đại sư Như Lai diệt độ đã ngàn năm, nhưng linh cốt xá-lợi thần ứng khôn lường. Xưa A-dục vương phân xá-lợi ấy dựng tám mươi bốn ngàn tháp nhằm lưu lại dấu tích hoằng hóa của ngài.

Tôn Quyền cho ngài bịa đặt, liền nói: Ta được xá-lợi sẽ dựng tháp ngay, nếu quả thật không có ông sẽ bị quốc pháp gia hình.

Ngài xin Quyền thời hạn bảy ngày, rồi nói: Đại pháp thịnh hay suy chỉ phụ thuộc vào lần này, các ông phải phải nên gội rửa thân tâm, ăn chay khẩn cầu.

Đến hết kỳ hạn nhưng vẫn không có hiệu nghiệm. Ngài lại xin thêm bảy ngày nữa. Sau bảy ngày đó cũng chẳng có hiệu nghiệm, Quyền chuẩn bị hành hình ngài. Hội lặng yên suy nghĩ: Chư Phật chân từ, lẽ đâu trái với ước nguyện của ta chăng! Lại xin thêm bảy ngày nữa và lấy cái chết để khẩn cầu xá-lợi. Bảy ngày ấy cũng trôi qua nhưng vô hiệu nghiệm. Ai nấy đều khiếp sợ mất vía, năm hồi trống hành hình vừa dứt, bỗng nghe tiếng đàn cầm, đàn sắt khua vang, ngài đứng dậy nhìn vào trong bình thì ngũ sắc trong ấy phát ra tua tủa. Ngài liền hô lớn: Nguyện của ta thành rồi! Vua dân cùng đến mà xem!

Quyền cùng công khanh xúm nhau xem, rồi thốt lên:

- Quả là điềm lành ít có trong đời vậy!

Hội nói: Oai thần của xá-lợi, tất cả thế gian đều không thể hủy hoại được. Nghe vậy, Quyền bèn sai lực sĩ cầm chùy nện, cái chùy nát vụn mà quang minh xá-lợi chẳng hề hấn gì. Thế là ngài bèn dựng tháp, lập chùa, độ chúng. Nơi ấy được đặt tên là Phật Đà Lý, chùa hiệu là Kiến Sơ, Khương Tăng Hội trụ trì ở đó.

24. Hám Trạch luận về Phật:

Hám Trạch tự là Đức Nhuận, người ở Sơn âm, Cối kê. Gia đình làm nông nhưng Trạch rất hiếu học. Nhà nghèo không tiền ăn học, nên ông thường viết thuê cho người ta để lấy tiền trang trải. Những gì ông viết cho họ thảy đều thuộc lòng. Do đó ông là người học rộng biết nhiều. Ngu Phiên gặp ông bất giác khen rằng: Trò Hám là người ngay thẳng, xuất chúng, đáng làm môn hạ của Trọng Thư, Tử Vân.

Trạch làm quan nước Ngô, ông giữ chức thái tử thái phó. Khi Khương Tăng Hội vào đến đất Ngô. Ngô chủ hỏi ông rằng: Phật giáo lưu nhập Trung Quốc vào năm nào của nhà Hán? Vì duyên gì mà không lưu nhập đến đây?

Trạch đáp: Vĩnh Bình năm thứ mười một Phật pháp mới đến Trung Quốc. Tính đến niên hiệu Xích Ô thứ tư hiện nay là một trăm bảy mươi năm rồi. Vĩnh Bình năm thứ mười bốn, bọn đạo sĩ ở Ngũ nhạc như Chữ Thiện Tín... đã xin vua cùng so tài với các vị Tăng ở Tây Vực. Do Thiện Tín làm bậy nên bị chết. Học trò ông ấy đem thây ông an táng ở Nam nhạc. Từ đó vua ra lệnh hễ là người Trung Quốc thì không được xuất gia, nên không có người hoằng truyền đạo pháp. Hơn nữa do thời thế ly loạn, nên mãi đến năm này Phật pháp mới đến được nước ta.

Ngô chủ hỏi: Khổng Tử soạn ra điển thuật, giáo hóa người khác: Lão Trang tu thân tự vui một mình, dạo chơi nơi núi rừng, giữ tâm đạm bạc, thế sao họ không thờ Phật?

Trạch đáp: Khổng giáo và Lão giáo theo phép trời mà lập thuyết, nên chẳng dám trái với ý trời. Còn Phật giáo thì chư Thiên đều phụng hành mà chẳng dám trái lời Phật dạy. Từ đó mà xét thì ngài liền thấy sự kém thua (Trích từ Tông Bính Minh Phật Luận).

25. Tổ 24: Sư Tử Tôn giả:

Giáp Tý bốn mươi chín (Đinh Mão)

Ngài thuộc dòng dõi Bà-la-môn, sinh trưởng tại Trung Ấn. Sau khi

đắc pháp với Tôn giả Hạc lặc -na, ngài hoằng hóa đến nước Kế Tân.

Trong nước này có Sa-môn tên là Bà-lợi-ca, chuyên tu tập thiền quán. Môn đồ của Bà-lợi-ca chia làm năm chúng là thiền định, tri kiến, chấp tướng, xả tướng và tịnh khẩu. Ngài đến đây thuyết pháp giáo hóa họ, bốn chúng đều lặng yên tâm phục. Chỉ có chúng thiền định do Đạt-ma-đạt cầm đầu, nghe bốn chúng quy phục liền tức giận đến tìm ngài.

Ngài hỏi: Nhân giả tu tập thiền định cớ gì lại đến đây, đã đến đây rồi sao gọi là tập định được?

Đạt-ma-đạt đáp:

- Ta tuy đến đây nhưng tâm không loạn, định tùy người tập lẽ đâu ở tại xứ sở!

- Nhân giả đến, cái tập ấy cũng đến, đã không có xứ sở lẽ đâu lại do người tập?

- Định tập người chứ không phải người tập định, dù ta đến đây nhưng cái định ấy vẫn thường tập.

- Người chẳng phải tập định mà là định tập người, ngay lúc ông đến đây thì cái định ấy tập ai?

- Như minh châu sáng sạch trong ngoài đều không tỳ vết, nếu tập định thông đạt thì cũng giống như vậy.

- Nếu định đã thông đạt thì tất giống minh châu, nhưng nay tôi thấy Nhân giả không giống như minh châu!

- Hạt châu kia sáng sạch trong suốt, trong ngoài đều định. Tâm tôi không loạn thì cũng sạch như hạt châu kia.

Ngài nói:

Hạt châu ấy không có trong ngoài, nhân giả làm sao định được? Vật nhơ chẳng giao động, định này chẳng phải sạch.

Đạt-ma-đạt được ngài khai ngộ, tâm địa bỗng rỗng rang. Ngài nhiếp phục được cả năm chúng, từ đó danh tiếng vang xa.

Ngài mới dự định tìm người nối pháp, bỗng gặp một ông trưởng giả dẫn con mình đến và hỏi rằng:

- Thằng bé này tên là Tư-đà, từ khi sinh ra, tay trái cứ nắm chặt, đến nay lớn rồi nhưng cũng chẳng mở ra, xin Tôn giả từ bi chỉ rõ túc nhân đời trước của nó.

Ngài nhìn thằng bé rồi đưa tay ra và bảo:

- Trả hạt châu lại cho ta!

Thắng bé liền xòe bàn tay dâng hạt châu cho ngài. Mọi người thấy thế vô cùng ngạc nhiên. Ngài liền giải thích:

- Kiếp trước ta làm Tỳ-kheo, có một Thị giả tên là Bà-xá. Khi đó

ta có lần phó hội ở Long cung Tây Hải, thọ trai xong vua dâng cho ta hạt minh châu, ta giao hạt minh châu ấy cho Bà-xá giữ, nay nó trả lại cho ta, đó là lẽ thường thôi!

Trưởng giả nghe vậy bèn cho con mình xuất gia. Ngài liền truyền trao Cụ túc giới cho Tư-đa. Do có nhân duyên đời trước nên ngài đặt tên Tư-đa là Bà-xá-tư-đa. Sau đó ngài bảo Tư-đa rằng: Thầy ta có ngầm huyền ký cho ta, không bao lâu nữa ta sẽ bị nạn. Nay ta đem đại Pháp nhãn tạng của Như Lai truyền trao cho ông, ông phải khéo giữ gìn để giáo hóa hậu học. Rồi ngài nói kệ:

Ngay lúc nói tri kiến
Tri kiến đều là tâm
Tâm ấy là tri kiến
Tri kiến tức hiện nay.

Nói kệ xong, ngài đem Y Tăng-già-lê mật truyền cho Tư-đa, bảo ông phải đến nước khác tùy cơ diễn hóa. Tư-đà nhận lãnh lời thầy dạy lập tức đi về Nam Ấn. Bấy giờ là năm Đinh Mão, nhằm đời Ngụy Tề Vương Phương niên hiệu Nguyên Thỉ năm thứ tám.

Ngài biết rằng: Tai nạn không thể tránh khỏi, nên một mình ở lại nước Kế Tân. Bấy giờ trong nước này có hai ngoại đạo. Một người tên là Ma-mục-đa, người thứ hai tên là Đô-lạc-già. Hai người này học các huyễn thuật muốn cùng mưu đồ làm phản, bèn giả làm đệ tử Phật lẻn vào vương cung và bảo nhau rằng: Nếu việc không thành thì quy tội cho đệ tử Phật.

Cứ thế hai người dùng yêu thật gây họa không biết bao nhiêu mà kể, cuối cùng bị bại lộ. Vua nổi giận quát:

- Ta chí thành quy y Tam bảo, sao nay các ngươi cấu kết hại ta?

Vua liền ra lệnh đập phá chùa chiền, đánh đuổi Tăng chúng, rồi tự tay cầm kiếm đến chỗ của ngài hỏi rằng:

- Thầy chứng được ngũ ấm đều không chưa?

- Đã được.

- Ra khỏi sống chết chưa?

- Ra rồi.

- Đã ra khỏi sống chết vậy cho ta cái đầu được chăng?

- Thân này vốn chẳng phải của ta thì tiếc gì cái đầu.

Vua liền vung kiếm chặt đầu ngài. Từ nơi cổ ngài phun ra một dòng sữa trắng cao đến mấy thước. Cánh tay phải của vua cũng đứt lìa, bảy ngày sau vua băng hà.

Thái tử Quang Thủ lên ngôi, rồi than rằng: Cha ta vì cớ gì mà tự

chuốc lấy họa! Khi ấy có vị Tiên nhân tu ở núi Tượng bạch, ông hiểu thấu nhân quả, nên liền đến nói rõ túc nhân giải tỏa mối nghi cho Thái tử (việc này có ghi trong Thánh Trụ Tập và Bửu Lâm Truyện). Thái tử nghe xong liền đem báo thân của Tôn giả Sư Tử dựng tháp cúng dường.

Ngài phó pháp và tín y cho Bà-xá-tư-đà làm người chánh truyền. Ngoài ra đệ tử đắc pháp còn có Đạt-ma-đạt, vị này truyền được bốn đời, cả thảy hai mươi hai Tôn giả.

Khi ngài bị nạn là năm Kỷ Mão, nhằm đời Ngụy Cao Quý Hương Công.

Kỷ Tỵ: Đổi niên hiệu là Gia Bình.

26. Đàm-ma-ca-la... truyền bá Luật tạng:

Niên hiệu Gia Bình năm thứ hai, Đàm-ma-ca-la và Bà-phân-đà từ Tây Trúc đến Lạc Dương . Hai vị này cùng Khương Tăng Khải... dịch rất nhiều kinh. Trong Tứ Phần Luật sao chép: Từ nhà Hán đến nay, dòng pháp chảy tràn quốc độ. Tỳ-kheo chỉ cạo đầu nhưng chưa có luật nghi, ứng trai lễ sám giống như cúng tế. Đến đầu đời Tào Ngụy thì hành lễ giống như nghi thức nhà Hán. Trong khoảng niên hiệu Gia Bình, Đà-ma-ma-ca-la (Hán dịch là Tứ Thời) từ Thiên Trúc sang cùng Phạm tăng Đàm-vô-đức, Khương Tăng Tạng, Sư Địa Lê-trà-da là đệ tử đời thứ chín của A-du-xà, Tạng là người nối nghiệp thầy rất giỏi về Luật tông, chiếu theo nghi pháp chọn mười vị Tăng chấn hưng Luật tạng, nhưng lấy giới tâm làm điểm chính cho hàng ngày. Lại lập ra pháp Yết-ma thọ giới Cụ túc. Giới luật của Trung Hạ khởi nguyên từ đây.

Tân Mùi: Ngô đổi niên hiệu là Thái Nguyên, Thế Tôn diệt độ được một ngàn hai trăm năm.

Nhâm Thân: Ngô Vương: Tên là Lượng, tự là Tử Minh, con út của Tôn Quyền. Ông lên ngôi năm mười tuổi, đổi niên hiệu là Kiến Hưng, trị vì được bảy năm. Sau Tôn Lâm phế Lượng xuống làm Cối Kê Vương, lập anh ông là Tôn Hưu làm vua.

27. Cao Quý Hương Công: (Giáp Tuất)

Tên là Mao, tự là Sĩ Ngạn, cháu của Văn Đế, con của Đông Hải Định Vương Lâm. Năm Kỷ Mão bị Tư Mã Chiêu giết chết, thọ hai mươi tuổi. Ông đổi niên hiệu là Chánh Nguyên, trị vì được sáu năm.

Năm này Ngô đổi niên hiệu là Ngũ Phụng.

Bính Tý: Đổi niên hiệu là Cam Lộ. Ngô đổi niên hiệu là Thái

Bình.

Mậu Dần: Thục đổi niên hiệu là Cảnh Diệu.

Ngô Vương: Tên là Hưu, tự là Tử Liệt, con thứ sáu của Tôn Quyền, Tôn Lâm phế Lượng rồi lập ông. Ông đổi niên hiệu là Vĩnh An năm đầu, trị vì được sáu năm, thọ ba mươi tuổi.

28. Giặc loạn ở Kế tân, liên lụy đến Phật giáo:

Ất Mão: Bọn giặc ở nước Kế Tân mượn hình tướng Tỳ-kheo để làm loạn. Vua nổi giận cho rằng họ Thích vô ơn, bèn phá chùa đuổi tăng. Bấy giờ, Tổ thứ hai mươi bốn là Tôn giả Sư Tử bị nạn này mà mất.

29. Trần Lưu Vương

Tên là Hoán, cháu của Vũ Đế, con của Yên Vương Vũ. Tháng sáu năm này, tướng quân Tư Mã Sư giết Cao Quý Hương Công rồi lập Thường Đạo Hương Công làm vua (tức là Hoán).

Tháng hai niên hiệu Hàm Hy thứ hai, ông nhường ngôi cho Tấn Vương, Tấn Vương kiên quyết chối từ. Tháng tám thì ông mất. Bấy giờ Tôn Tấn Viêm kế vị. Vua nhường ngôi cho Viêm, Viêm lên ngôi lập ra Tây Tấn. Ông trị vì được năm năm.

30. Sa-môn Châu Sĩ Hành bắt đầu giảng kinh:

Tân Tỵ: Sa-môn Châu Sĩ Hành giảng kinh Đại Hành Bát-nhã ở Lạc Dương . Do bộ kinh này nghĩa lý thì đủ nhưng văn tự thiếu sót, nên ông liền đến nước Vu-điền để tìm nguyên bản. Ông là người đầu tiên giảng kinh trong thời Hán.

Quý Mùi: Thục đổi niên hiệu là Viêm Hưng. Tướng Ngụy là Đặng Ngãi đem binh đánh Thục, Hậu chủ dẫn quân ra hàng, nước Thục bị diệt vong.

Hai đời vua Hán ở đất Thục trị vì được bốn mươi ba năm. Sau bị Ngụy thôn tính.

Giáp Thân: Niên hiệu Hàm Hy năm đầu của Ngụy.

Ngô Vương: Tên là Hạo, tự là Nguyên Tông, con của Tôn Hòa. Ban đầu muôn dân tôn ông là Minh chủ, nhưng về sau ông dâm loạn, bạo ngược. Có lần ông cưa chặt đầu người hoặc róc da mặt, móc mắt tội nhân. Ông trị vì được mười bảy năm, mất ở Lạc Dương, thọ bốn mươi hai tuổi, đổi niên hiệu là Nguyên Hưng.

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 6

TÂY TẤN

Lôi thị nói: Tuyên, Cảnh, Văn, Vũ, Tuệ, Hoài, Mẫu Đế, Tây Tấn gồm bốn đời vua trị vì được năm mươi hai năm.

Cao Tổ Tuyên Đế: Tên là Ý, họ Tư Mã. Vương Kim Đức đóng đô ở Lạc Dương , tự là Trọng Đạt, người làng Ôn thuộc Hà nội. Ông là Hậu duệ của Cao Dương. Tổ là ông Tuyển làm Thái thú Dĩnh xuyên, cha là ông Phòng làm chức Phủ doãn ở Kinh triệu. Ông là con thứ của Phòng, thờ Ngụy Trung Liệt. Ông là người rất có tài, thọ bảy mươi ba tuổi, an táng ở Cao nguyên lăng.

Cảnh Đế: Tên là Sư, tự là Tử Nguyên, con trưởng của Tuyên Đế, thọ bốn mươi tám tuổi, mất ở Hứa Xương, an táng ở Tuấn Bình lăng.

Văn Đế: Tên là Chiêu, tự là Tử Thượng, em cùng mẹ với Cảnh Đế. Ông thọ năm mươi lăm tuổi, mất ở Lộ tẩm, an táng ở Tuấn bình lăng.

1. Tây Tấn Vũ Đế: (Ất Dậu)

Tên là Viêm, tự là An Thế, con trưởng của Văn Đế. Ông là người khoan dung, tài giỏi và nhân hậu, rất thích tư tưởng Trang Lão. Hàm Hy năm thứ hai nhận ngôi từ nhà Ngụy, phong Tấn Tân làm Trần Lưu Vương, dời đô về đất Nghiệp. Ông dùng nghi vệ của Thiên tử. Sau khi diệt được nước Ngô, ông trở nên xa xỉ phóng túng, hậu cung nuôi cả vạn người. Có lần ông cỡi xe hoa đến chỗ ngủ. Tháng tư năm Kỷ Dậu mất ở điện Hàm Chương , an táng ở Tuấn Dương lăng, thọ năm mươi lăm tuổi. Ông trị vì được hai mươi lăm năm, đổi niên hiệu là Đại Thỷ.

2. Tôn Hạo nước Ngô phá đền thần, chùa tháp:

Tôn Hạo nước Ngô vừa lên ngôi, đổi niên hiệu là Cam Lộ. Năm đầu, hạ lệnh phá tất cả đền thần, san bằng chùa tháp. Quan đại thần

can gián rằng: Tiên đế cảm ứng điềm lành nên xây chùa dựng tháp, bệ hạ không nên đập phá. Ông bèn sai bề tôi là Trương Dực đến bẩm báo việc này với Khương Tăng Hội. Hội dùng biện tài lý luận sắc bén, nên Dực không khuất phục ngài được, bèn trở về thưa với Hạo rằng: Hội là người tài cao học rộng. Tôn Hạo nghe vậy liền triệu ngài vào cung hỏi rằng: Phật nói: "Thiện ác báo ứng", ông có thể nói việc này cho ta nghe thử xem!

Ngài đáp: Bậc minh chủ dùng hiếu từ cai trị thiên hạ thì chẳng khác nào con quạ đỏ liệng giữa trời cao, già trẻ đều trông thấy; dùng nhân đức nuôi dưỡng muôn vật thì chẳng khác nào suối ngọt tuôn trào, cỏ cây đều xanh tốt. Làm lành tất có báo ứng, làm ác cũng lại như vậy. Thế nên, làm điều ác với quỷ thần thì bị quỷ thần tru diệt, làm ác với con người thì bị con người giết chết. Đó là điều Kinh Dịch gọi là "Tích thiện thì mãi an vui", Kinh Thi gọi là "Thích cầu phước chẳng ngừng". Dù đó là những lời nói rất hay đáng làm phép tắc noi theo của Nho gia, nhưng cũng chính là những lời giáo huấn sáng suốt của nhà Phật.

Hạo hỏi: Vậy thì Chu, Khổng đã sáng suốt rồi, cần gì phải dùng đến đạo Phật?

Ngài đáp: Chu, Khổng không muốn nói sâu xa hơn, thế nên nêu bày sơ lược bằng chứng như vậy, nhà Phật không dừng lại ở chỗ cạn cợt, nên chỉ bày tường tận những điều cốt yếu. Hai chủ thuyết đều tốt cả. Thánh nhân chỉ sợ rằng điều thiện không nhiều, bệ hạ lại ghét điều thiện là sao vậy?

Hạo không trả lời, liền ra lệnh bãi triều. Ngày kia quan túc vệ đào vườn gặp được tượng Phật bằng vàng, Hạo ra lệnh đặt tượng nơi ô uế rồi dùng các thứ bất tịnh tưới lên để mua vui. Bỗng nhiên Hạo bị bệnh xưng phù, ngày đêm rên rĩ. Thầy tướng đến đoán bệnh rằng: Bệ hạ xúc phạm đến thần đền, Hạo liền sai người cầu khẩn nơi miếu Thần nhưng không hiệu nghiệm. Bấy giờ trong cung có người thờ Phật thưa rằng: Sao không đối trước Phật mà cầu phước?

Hạo ngước nhìn rồi hỏi: Phật và Thần có gì khác đâu?

- Uy linh của Phật sánh với Thần cách nhau một trời một vực.

Hạo nghe đến đây bỗng tỉnh ngộ nói: Ta vì khinh mạn Phật tượng nên mới ra nông nỗi này! Hạo liền sai người thỉnh tượng vào khám thờ, bày phẩm vật cúng dường. Lại sai người mời Tăng Hội đến giảng pháp, sám hối. Hội liền giảng bày đạo huyền, ngài lại đem một trăm hai mươi đại nguyện của mình phân thành hai trăm năm mươi việc bắt Hạo thực hành trong bốn uy nghi đi đứng nằm ngồi để tăng trưởng thiện

tâm. Ngài lại truyền Tam quy, Ngũ giới cho Hạo. Lát sau bệnh của Hạo thuyên giảm hoàn toàn. Từ đó Hạo tôn thờ ngài làm thầy rồi tu bổ chùa tháp.

3. Trúc Pháp Hộ đến kinh đô:

Niên hiệu Thái Thỉ năm đầu, Sa-môn nước Nguyệt Thị hiệu là Đàm-ma-la-nại (Tấn dịch là Pháp Hộ) đến Lạc Dương . Ngài học thông đạo thuật của ba mươi sáu nước lại tinh thông quốc ngữ Trung Hoa. Từ Thiên Trúc, ngài chở vô số kinh của Bà-la-môn bằng tiếng Phạm qua đến Ngọc môn. Do ngài ở trong động Đôn hoàng, nên người thời bấy giờ gọi ngài là Đôn Hoàng Bồ-tát.

Về sau ngài du hóa đến Lạc ấp và Giang tả. Trong niên hiệu Vĩnh Gia, ngài ở đâu thì dịch kinh đến đó, chưa từng ngừng nghỉ. Bấy giờ có Ưu-bà-tắc Nhiếp Thừa Viễn ghi chép kinh văn phụ giúp ngài trong việc phiên dịch. Lúc bấy giờ ngài đã dịch khoảng bốn trăm quyển. Thừa Viễn mất, con ông là Đạo Chân làm theo lời dặn của cha mình theo hầu Pháp Hộ. Ngoài việc ghi chép cho ngài, Đạo Chân còn tự dịch được hơn sáu mươi quyển kinh. Thời ấy, Sa-môn nước Tấn là Thích Pháp Cự, Pháp Lập, Chi Mẫn Độ và Ưu-bà-tắc Vệ Sĩ Độ... cùng dịch rất nhiều kinh. Ngoài ra Pháp Cự, Pháp Lập... mỗi ngày cùng nhau tham duyệt chỉnh sửa, san định những điểm dị đồng trong các dịch phẩm rồi biên tập theo từng bộ loại. Tổng cộng đến hơn một trăm bốn mươi quyển.

Bấy giờ lại có Sa-môn Cương Lương, Lâu Chí, An Pháp Khâm, Trúc Thúc Lan, Bạch Pháp Tổ, Chi Pháp Độ... mỗi người tự dịch được rất nhiều bộ kinh khác. Thế nên từ thời Tây Tấn đến nay, công trình phiên dịch ngày càng hưng thịnh.

Luận rằng: Niên hiệu Hoàng Vũ năm đầu của nước Ngô, Lục Tích có lần nói: Từ đây cho đến sáu mươi năm sau, thiên hạ đi chung một đường, văn tự theo một ngôn ngữ. Đến niên hiệu Thái Khương, thì nước Ngô chấm dứt, thiên hạ quy về một mối”. Quả đúng như lời Lục Tích nói từ đó đến nay mới hai mươi năm, đến niên hiệu Vĩnh Ninh năm đầu, chánh đạo suy đồi, quần hùng nổi lên cát cứ. Triệu vương cướp lấy biên ải mưu đồ phản nghịch, soán ngôi trong triều Trương Quỹ cầu cạnh ngoại bang, chiếm lấy đất kinh, trong ngoài đều sôi động, mầm loạn từ đó dâng cao. Lưu Uyên do đó mà có được Bình Dương , Lý Hùng nhân đây mà được Tỉnh Lạc. Hoài đế phải bôn ba nơi đất khách. Mẫu hậu phải trốn đến Trường An . Đạo giáo bấy giờ hưng thịnh nhưng hai kinh đô đã tàn suy, pháp do con người truyền bá nhưng hai đế vương lại nhu

nhược. Muôn dân mất vua, lòng tin chẳng biết gởi vào đâu, trăm quan thất thủ, họ Thích cùng chẳng có nơi nương tựa. Bấy giờ có Sa-môn Trúc Pháp Hộ, Thích Pháp Cự,... quên thân lợi vật, dốc chí xiển dương, chẳng ngại gian lao, một lòng hoằng hóa.

Vào thời Tấn, Pháp Hộ dịch được rất nhiều kinh. Dù rằng nhà Tấn không làm được việc này, nhưng đích thực văn tài ở thời kỳ này, trứ tác. Việc phiên dịch truyền giáo ngày một lan xa. Thế nên lễ nhạc, áo mão ở đời Tấn mới được hoàn bị. Nguồn tin, giống đạo nối nhau hưng khởi.

Bính Tuất: Ngô đổi niên hiệu là Bảo Đỉnh.

Đinh Hợi: Phật giáo truyền về phía Đông này đã được hai trăm năm.

Kỷ Sửu: Ngô đổi niên hiệu là Kiến Hành.

Nhâm Thìn: Ngô đổi niên hiệu là Phượng Hoàng.

Ất Mùi: Đổi niên hiệu là Hàm Ninh (của Ngụy), Ngô đổi niên hiệu Thiên Sách.

Bính Thân: Ngô đổi niên hiệu là Thiên Tỷ, sang năm lại đổi niên hiệu là Thiên Kỷ.

Kỷ Hợi: Tháng chín, Khương Tăng Hội quy tịch.

Canh Tý: Ngụy đổi niên hiệu là Thái Khương, và tiêu diệt Ngô.

Nước Ngô gồm bốn đời, trị vì cả thảy sáu mươi năm, cuối cùng bị Tấn thôn tính thống nhất thiên hạ.

4. Duyên khởi về tháp của A-dục Vương ở Cối kê:

Ở Trung Quốc có người tên là Lưu Tát A, bị bệnh sắp chết. Thần thức xuống điện Diêm vương, bỗng gặp vị Tăng Ấn độ chỉ ông đến chỗ tháp A-dục vương ở Cối kê mà lạy sám hối. Đến khi tỉnh lại, Tát A liền xuất gia lấy đạo hiệu là Tuệ Đạt. Đạt liền đến Cối kê nhưng tìm khắp mà chẳng thấy tháp. Bỗng một đêm nọ, ông nghe dưới đất phát ra vô số âm thanh lạ, trong lòng ông lại thành khẩn tha thiết, nên ba ngày sau, một ngôi bảo tháp từ lòng đất hiện ra. Tháp cao một thước tư, rộng bảy tấc, bên trong có đầy đủ tượng Phật. Khi đã thấy được tháp, Đạt càng tinh cần lễ lạy sám hối, điềm lành ứng hiện không sao kể hết. Đó là ngọn tháp đầu tiên ở Minh châu.

5. Huệ Đế: (Canh Tuất)

Tên là Chung, tự là Chánh Độ, con thứ của Vũ Đế. Lúc sinh ra ông là người ngu đần chẳng phân biệt được đâu là lúa đâu là đậu. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Vĩnh Hy, cưới con gái Giả Sung là Nam Phong rồi

lập làm hoàng hậu. Ông dâm loạn, bạo ngược, bạo tàn, tru diệt đại thần, khiến thiên hạ đại loạn. Sau bị Tư Mã Việt chuốc thuốc độc và chết ở Hiển Dương , an táng tại Thái Dương lăng, thọ bốn mươi tám tuổi. Ông trị vì được mười bảy năm. Lại đổi niên hiệu là Nguyên Khương, sau đổi niên hiệu là Vĩnh Bình.

6. Bào Tĩnh soạn Tam Hoàng Kinh của Đạo gia:

Tam Hoàng kinh của Đạo gia do Bào Tĩnh soạn ra, gồm cả thảy mười bốn tờ. Trong ấy nói: Chư hầu hễ có được kinh văn này thì tất làm quốc vương, đại phu có được kinh này tất làm cha mẹ muôn dân, thứ dân có được kinh văn này thì của tiền dư dật, phụ nữ có được kinh văn này tất làm hoàng hậu. Về sau Bào Tĩnh phạm vào Quốc hủy nên bị giết (Đoạn này rút từ Tấn Sử).

Người đời sau đổi lại thành Tam Đỗng. Đến khoảng niên hiệu Trinh quán năm thứ hai mươi đời Đường, có một người tù ở Kiết châu là Vương thị vợ của Lưu Thiệu có Ngũ Nhạc Chân Tiên Đồ và Tam Hoàng kinh do Bào Tĩnh soạn. Bấy giờ quan Tư pháp tham quân ở Kiết châu là Kiết Biện, nhân kiểm tra bọn tù nhân, và tìm thấy hai thứ này ở chỗ Vương thị ở. Ông liền hạ lệnh cho Hình bộ lang trung Kỷ Hoài Nghiệp,... về kinh tìm bọn Đạo sĩ như Trương Tuệ Nguyên, Thành Vũ Anh... đến xét hỏi, thì mới được biết kinh này là của Đạo sĩ Bào Tĩnh trước đó soạn bậy ra, rồi mượn danh là Mặc tử soạn, chứ không phải là những người như Tuệ Nguyên... làm ra. Ông ra lệnh đem kinh ra đốt hết. Ông lại hạ lệnh truy tìm hết những bản kinh văn đó trong bọn Đạo sĩ và trong nhân dân. Mùa đông năm đó gom góp hết lại và đốt sạch trước sảnh Lễ bộ.

Giáp Dần: Điềm lành và tượng Phật đến ở nước Quy Tư. Đã trên (một ngàn hai trăm tám mươi lăm năm trên tượng Phật ở tại Tây Trúc. Trong năm này mới đến Khâu tư và tồn tại được sáu mươi tám năm).

7. Sa-môn Kỳ-vực người Thiên Trúc đến Lạc Dương:

Vĩnh Bình năm thứ tư. Sa-môn Kỳ-vực người Thiên Trúc đến Lạc Dương chỉ Sa-môn Trúc Pháp Uyên và nói: Vị Bồ-tát này từ loài dê đến đây. Lại chỉ Sa-môn Trúc Pháp Hưng và nói: Vị Bồ-tát này từ cõi trời đến đây. Rồi ngài nói tiếp: Tỳ-kheo ăn mặc lòe loẹt thật quá trái với giới luật. Hành động ấy không đúng với lời Phật dạy.

Ngài lại nhìn cung Thất đế đô rồi nói: Rất giống Đao-lợi thiên cung, thế nhưng người và trời khác nhau hẳn. Vét cạn sức dân để chạm khắc như thế này mà không thấy quá xa xỉ ư!

Chưa bao lâu Lạc Dương có loạn, ngài bèn từ giả về Thiên Trúc. Có đến mấy trăm người ngăn lại và mời ngài dùng cơm trưa rồi hãy đi, ngài liền đồng ý. Đến sáng hôm sau có đến hơn trăm nhà làm cơm khoản đãi, ngài phân thân đồng một lúc nhà nào cũng đến. Chủ nhà thấy ngài đến hết sức vui mừng.

Lúc ngài đi Lạc nam, Kỳ-vực chỉ đi rất thong thả mà người khác đuổi mãi chẳng kịp. Ngài liền dùng cây trượng vẽ trên đất mà nói: Bí quyết là ở chỗ này! Cũng trong ngày hôm đó có người ra thành Trường An thấy ngài ở trong chùa. Lại có người đi buôn tên là Hồ Thấp Đăng đêm đó lại gặp ngài ngủ ở Lưu sa. Bởi vì đó là thần tích của Sa-môn đi một bước đến vạn dặm.

Trước tiên ngài đến Giao Quảng, ở đây để lại rất nhiều việc linh dị. Về sau ngài đi Tương Dương, lúc ấy ngài muốn đi nhờ thuyền để qua sông, nhưng chủ thuyền thấy ngài là Tăng nhân nước Hồ nên khinh thường không cho đi. Đến khi thuyền cập bến, người ta đã thấy ngài đi ở phía trước. Giữa đường gặp hai con hổ chắn ngang, hai con hổ đang vểnh tai đập đuôi như muốn nhảy, ngài đến lấy tay xoa đầu nó, hai con hổ bước ra khỏi đường rồi đi mất. Mọi người nhìn thất thảy đều kính phục.

Canh Thân: Đổi niên hiệu là Vĩnh Khương.

Tân Dậu: Đổi niên hiệu là Vĩnh Ninh. Tháng giêng Triệu Vương là Luân soán ngôi và bị giết chết.

Mười sáu nước: Sau niên hiệu Vĩnh Ninh, đất nước Trung Hoa phân thành mười sáu nước. Nước Lương có ba nước. Yên có bốn, Triệu có hai, Tần có ba cùng Đại Hạ và Thục, hình thành mười sáu nước.

Lôi thị nói: Trương Quỹ chiếm lay đất Lương, lấy hiệu là Tiền lương, gồm chín đời vua, trị vì sáu mươi bảy năm, bị Phù Kiên thôn tính.

Lý đặt chiếm cứ Ích châu, lấy hiệu là Hậu Thục, gồm sáu đời vua, trị vì bốn mươi sáu năm, bị Hoàn Ôn tiêu diệt.

Lưu Uyên chiếm Bình Dương, lấy hiệu là Tiền Triệu, gồm bốn đời vua, trị vì hai mươi sáu năm, bị Thạch Lặc thôn tính.

Thạch Lặc chiếm nước Tương, lấy hiệu là Hậu Triệu gồm sáu đời vua, trị ba mươi hai năm, bị Nhiễm Mẫn tiêu diệt.

Phù Kiện chiếm Trường An, lấy niên hiệu là Tiền Tần, gồm năm đời vua, trị vì bốn mươi bốn năm, bị Diêu Trành làm phản.

Mộ Tuyển chiếm cứ đất Nghiệp, lấy hiệu là Tiền Yên, gồm hai đời vua, trị vì hai mươi hai năm, bị Phù Kiên diệt.

Diêu Trành chiếm Trường An, lấy hiệu là Hậu Tần, gồm ba đời vua, trị vì ba mươi hai năm, bị Lưu Dụ soán ngôi.

Ất Phục chiếm Kim Thành, lấy hiệu là Tây Tần, gồm bốn đời vua, trị vì hai mươi tám năm, bị Hách Liên tiêu diệt.

Lã Quang chiếm Cô tang, lấy hiệu là Hậu Lương, gồm bốn đời vua, trị vì mười ba năm, bị Diêu Hưng thôn tính.

Mộ Dung chiếm Sơn Trung, lấy hiệu là Hậu Yên, gồm bốn đời vua, trị vì bốn mươi hai năm, bị Phùng Bạt tiêu diệt.

Ô Hồ chiếm Quảng Vũ, lấy hiệu là Nam Lương, gồm ba đời vua, trị vì mười chín năm, bị Sí Bàn chiếm ngôi.

Mộ Đức chiếm Quảng Cố lấy hiệu là Nam Yên, gồm hai đời vua trị vì mười một năm, bị Lưu Dụ tiêu diệt.

Lý Cảo chiếm Đôn Hoàng, lấy hiệu là Tây Lương, gồm hai đời vua, trị vì hai mươi bốn năm, bị Mông Tốn tiêu diệt.

Mông Tốn chiếm Trương Dịch, lấy hiệu là Bắc Lương, gồm hai đời vua, trị vì ba mươi chín năm, bị Thác Bạt tiêu diệt.

Hách Liên chiếm Sóc Phương, lấy hiệu là Đại Hạ, gồm hai đời vua, trị vì hai mươi lăm năm, nhà Ngụy có thiên hạ.

Phùng Bạt chiếm Xương Lê, lấy hiệu là Bắc Yên, gồm hai đời vua, trị vì hai mươi tám năm, bị Ngụy diệt.

Đó là mười sáu nước trong thời Ngụy và Tấn.

Tiền Lương, Trương Quỹ: Tự là Sĩ Ngạn, người ở Yên Chi, An Định, là cháu mười bảy đời của Hán Trương Nhĩ. Vĩnh Ninh năm đầu làm thứ sử Lương châu. Trong năm Kiến Hưng tiếm ngôi làm vua, theo Tấn Vương Sóc ở ngôi mười ba năm. Niên hiệu Thái Nguyên, đời Tấn Vũ Đế thì bị tiêu diệt.

Nhâm Tuất: Đổi niên hiệu là Đại An.

Hậu Thục, Lý Đặt: Tự là Huyền Hưu, người ở Đãng cừ, Ba tây, cha ông là hậu duệ của Lẫm Quân. Từ sau mối loạn của Chi, Khương, ông lưu lạc đến đất Thục, tự xưng là Châu Mục Ích Châu, lấy tên nước là Thục, đổi niên hiệu là Kiến Sơ.

Quý Hợi: Thục Vũ Đế: Tên là Hùng, tự là Trọng Tuyển, con thứ ba của Lý Đặt, mẹ là La Thị. Năm ấy La Thượng giết Đặt rồi lập ông làm vua. Năm thứ hai mươi đổi niên hiệu là Kiến Hưng. Hàm Hòa năm thứ tám, trên đầu sinh một cái mụt nhọt, sáu ngày sau thì ông mất, thọ sáu mươi mốt tuổi.

Giáp Tý năm mươi: Đổi niên hiệu là Vĩnh Hưng.

Tiền Triệu Lưu Yên, tự là Nguyên Hải, là người Hung Nô, Tân

Hưng, hậu duệ của Mặc Đốn. Ban đầu Hán Tổ đem con gái tông tộc nhà Hán là công chúa gả cho Mặc Đốn để kết làm anh em. Do đó con cháu của Mặc đều lấy họ Lưu. Ông đóng đô ở Bình Dương , năm thứ sáu đổi niên hiệu là Quang Hy.

Bính Dần: Đổi niên hiệu là Quang Hy. Thục đổi niên hiệu là Yến Bình.

Đinh Mão: Hoài Đế tên là Sí, tự là Phong Độ, con thứ hai mươi lăm của Vũ Đế, từ nhỏ vốn đã có tư chất dị thường, ông lên ngôi đổi niên hiệu là Vĩnh Gia. Về sau vô cớ bị Lưu Thông bắt cầm tù, thọ ba mươi tuổi, trị vì được sáu năm.

Mậu Thìn: Triệu đổi niên hiệu là Vĩnh Phụng.

Canh Ngọ: Triệu Hòa tự là Huyền Thái, con của Uyên, thân cao tám thước. Sau khi lên ngôi ông đổi niên hiệu là Hà Thụy, chưa bao lâu bị Nhuệ Cảnh chém ở đài Quang cực.

Triệu: Lưu Thông, tự là Huyền Minh, con thứ tư của Lưu Uyên, tánh tình rất uy dũng hào kiệt. Ông lên ngôi xưng là nhà Hán, tự xưng mình là Chiêu Vũ Đế, đổi niên hiệu là Quang Hưng, trị vì được tám năm. Bấy giờ ở Hà đông xuất hiện loài sâu lớn đào xới đất ruộng nhưng không cắn phá lúa đậu. Khi ấy Cận Chuẩn cho người bắt đem chôn, tiếng khóc của chúng vang đến hơn mười dặm. Chúng lại đào đất chui ra, ăn sạch lúa đậu.

Tân Mùi: Hán đổi niên hiệu là Gia Bình.

8. Mẫn Đế: (Quý Dậu)

Tên là Nghiệp, tự là Ngạn Kỳ, cháu của Vũ Đế, con của Ngô Vương Yến. Khi mới lên ngôi, trong thành Trường An không đầy một trăm hộ, gai gốc mọc như rừng, quan chẳng có lễ phục, chỉ mặc áo vải mỏng thô, thiết triều nơi quan thự. Về sau, ông bị Lưu Thông cầm tù, cho ông mặc đồ lính cầm kích dẫn đường, giáng xuống làm Hoài an hầu, rồi bị hại ở đất Lạc, ông thọ mười tám tuổi, trị vì được bốn năm.

Lương: Trương Thật, tự là An Tốn, thọ bốn mươi tám tuổi, ở ngôi được năm năm, tự xưng là Chiêu Công.

9. Hai tượng Phật bằng đá là Duy-vệ và Ca-diếp xuất hiện ở đất Ngô:

Vào năm này, có hai tượng Phật bằng đá là Duy-vệ và Ca-diếp lênh đênh theo biển, trôi đến cửa khẩu Hổ độc, Tùng giang của đất Ngô. Thấy tượng nổi trôi từ xa, bọn đạo sĩ, thầy cúng liền đến vớt.

Nhưng lúc ấy phong ba bảo táp ầm ầm nổi lên, bọn họ không vớt được. Bấy giờ quan huyện Chu Ưng vốn là người chánh tín Phật pháp, ông liền cùng mấy người nữa đến vớt tượng lên. Lúc ấy hai tượng Phật xuôi dòng nước tự dạt vào, trên lưng tượng Phật lại thấy có bài minh. Khi vớt lên thuyền, bỗng nhiên tượng nhẹ như lông. Ông bèn an trí hai tượng tại chùa Thông huyền rồi lễ lạy cúng dường.(Nay là chùa Khai nguyên, việc này có ghi trong Châu Lâm truyện).

Giáp Thân: Mặt trời rơi xuống. Lại có ba mặt trời cùng xuất hiện ở hướng Tây. Sao Hán rơi xuống Bình Dương và hóa thành cục thịt.

Ất Hợi: Hán đổi niên hiệu là Kiến Nguyên.

Bính Tý: Hán đổi niên hiệu là Lân Gia.

ĐÔNG TẤN

Lôi thị nói: Nguyên, Minh, Thành, Khương, Mục, Ai, Phế, Giản, Vũ, An, Sở, Cung, Đông Tấn gồm mười một đời vua, trị vì một trăm bốn mươi năm.

10. Nguyên Đế: (Đinh sửu)

Tên là Duệ, họ Tư Mã. Vương Kim Đức dời đô về Kiến Nghiệp, để tránh tên húy của Mẫn Đế nên ông đổi kinh đô thành Kiến Khương , đổi niên hiệu là Kiến Vũ. Nguyên Đế tự là Cảnh Văn, tằng tôn của Tuyên Đế, con của Lang Da Vương Cận, sinh ở Lạc Dương. Khi Lưu Thông đánh phá Lạc Dương ông cùng vua dẫn nhau vượt qua phía Nam chiếm cứ vùng Giang đông. Ông mất trong điện vào năm Nhâm Ngọ, an táng ở Bình lăng, thọ bốn mươi bảy tuổi, trị vì được sáu năm.

Trong bài tựa có nói: Kinh chép: Ba cõi vô thường, hữu vi chẳng bền, ngôi đế vương của họ Tấn quan hệ lâu xa với vương thất của nhà Ngụy, đó là diệt họ Tào dẹp Tông thất, đặt ra kế sách đế vương để tỏ rõ kỳ tích của mình. Vàng theo đất mà chuyển, vận số là ở nơi chính mình. Bình định đất Thục, hàng phục đại Ngô, bước lên ngôi vua mà ban bố chính sách khoan dung, văn đã hòa bị mà võ cũng chu toàn. Trăm họ điêu linh, vương cung thất thủ, thiên hạ đại loạn cũng ở trong thời này. Bấy giờ đạo tục loạn ly, triều đình chẳng mưu cầu lâu dài. Chánh sự phải nhờ sông nước mà hưng đạo pháp phải nhờ thời thế mà khởi. Sa-môn tín sĩ bấy giờ tụ tập lại, nên mới có việc ghi chép, và lấy biệt hiệu là Đông Tấn.

Nguyên Đế là Tằng tôn của Tuyên Hoàng, con của Cung Vương Cận, Húy là Duệ, tự là Cảnh Văn. Lúc sinh ra, trong nhà ánh sáng lạ

chiếu khắp, tướng lông trắng mọc ngay bên trái đỉnh đầu. Ông giữ chức đô đốc coi về quân sự ở Dương châu phụ giúp thừa tướng. Sau khi Hoài Đế Mẫn Đế thất trận, trăm quan đều ly tán. Có người chạy đến Giang nam, có người bị bắt giết. Trường An bị thất thủ, vua bị đày ở Bình Dương . Thời bấy giờ Giang đông bỗng xuất hiện năm mặt trời cùng một lúc, ai nấy đều khuyên Duệ nên xưng Tấn vương, nắm giữ muôn dân để hợp điềm lành. Sau khi Mẫn đế mất, ông lên ngôi lấy niên hiệu là Kiến Vũ, đóng đô ở Kiến Nghiệp. Nhưng để tránh tên húy của Mẫn đế nên đổi thành kinh đô Kiến Khương. Trước đây trong niên hiệu Thái Khương năm thứ hai, cựu tướng nước Ngô là Quản Cung làm loạn, thái sử Ngũ Chấn bói xem và nói: Cung sắp diệt vong rồi! Nhưng năm thứ ba mươi tám ở Dương châu sẽ có thiên tử xuất thế. Đến lúc này thì quả đúng như lời của Ngũ Chấn nói.

Lại nữa, thời Tần Thủy Hoàng, người đoán khí vận nói: Năm trăm năm sau tại núi Kim lăng của đất Ngô sẽ có thiên tử xuất thế. Thủy Hoàng rất cấm kỵ chuyện ấy, nên phát binh đục phá Kim lăng thành từng đoạn và đổi tên núi là Phù lăng nhằm muốn cắt đứt vương nghiệp thiên tử đó. Từ Tần Chánh đến Tư Mã Duệ, cả thảy là năm trăm hai mươi sáu năm, bấy giờ nhà Tấn lên ngôi, làm chủ bốn biển. Vả lại, thời bấy giờ có bài đồng dao rằng: “Năm ngựa lội qua sông, một con hóa thành rồng”. Niên hiệu Vĩnh Gia, tông thất có loạn, chỉ có Lang Da, Tây Dương, Nhữ Nam, Nam Đốn, Bành Thành, năm vua này vượt đến được Giang Biểu, trong đó Duệ đứng đầu làm vua. Nên biết được làm vua thì trên phải cảm được linh diệu của trời, muốn dựng lập cơ đồ thì dưới phải nhờ vào địa thế. Địa dựa vào thế vua, nên Thủy Hoàng đục mà chẳng mất, trời giáng điềm linh, nên Lưu Diệu diệt mà chẳng tiệt. Từ Kiến Vũ đến Nguyên Hy cả thảy mười hai đời vua trị vì một trăm bốn mươi năm. Đạo tục của Hoa Hạ, Nhung Địch dịch kinh luận để lại cho đời đến sáu trăm quyển, mà việc hoằng pháp cũng rất hưng thịnh trong thời kỳ này.

Mậu Dần: Đổi niên hiệu là Đại Hưng.

Tiền Triệu: Lưu Diệu, tự là Vĩnh Minh, con cùng họ với Lưu Nguyên Hải. Từ nhỏ vốn mồ côi, nghèo khổ, được nuôi trong nhà của Nguyên Hải, sau được kế ngôi. Năm thứ mười hai, đổi niên hiệu là Quang Sơ năm đầu.

Ất Mão: Hậu Triệu: Thạch Lặc, tự là Thế Long, người ở Vũ hương, Thượng Đảng. Cha ông thuộc bộ tộc khác của Hung Nô. Năm mười bốn tuổi đến Lạc Dương , ở tại Tiếu thượng Đô môn. Vương Diễn biết ông

chẳng phải tầm thường nên nói: Nghe giọng nói của gã rợ Hồ này biết là người có chí lạ, sau này là mối họa cho thiên hạ". Diễn sai người đến bắt thì Lặc đã bỏ đi rồi. Về sau Lặc khởi binh chiếm nước Tương trong mười lăm năm, thọ sáu mươi tuổi. Ban đầu Lặc dùng chính sách bạo ngược, nhưng khi gặp sự linh diệu qua bình bát của Đồ Trừng và hoa sen của Trường Thanh thì Lặc hồi tâm nghe quần thần can gián. Đến đời con ông là ông Hổ là người mến mộ đạo đức tìm cầu người tài.

Tân Tỵ: Lương Mậu, tự là Thành Tốn, em của Trương Thật, trị vì được bốn năm.

Nhâm Ngọ: Đổi niên hiệu là Vĩnh Xương, vua buồn bực mà chết.

11. Sa-môn Kiết Hữu đến Kiến Khương:

Sa-môn Kiết Hữu, người Thiên Trúc đến Kiến Khương. Thừa tướng Vương Đạo gặp ngài liền nói: Người của bọn ta! Thái úy Dữu Lượng, Quang Lục, Chu Nghỉ, Đình Úy, Bá Di là những công khanh triều đình đều rất kết thân với ngài. Thanh danh của Hữu vang khắp kinh thành. Có lần ngài đã từng giải tỏa những uẩn khúc cho Vương Đạo. Khi ấy thượng thư Biện rất ngưỡng vọng ngài nên tìm đến thăm. Kiết Hữu gặp ông liền tỏ ra vẻ rất nghiêm nghị, có người thấy thế bèn hỏi vì sao như vậy, Hữu đáp: Bậc Vương Công dùng phong thái và đạo đức tiếp đãi người khác, mà Biện lại muốn dùng phép tắc uy nghiêm để tiếp vật, nên ta cũng phải làm như vậy để xứng với ông ấy.

Bá Di muốn tỏ rõ mình cho ngài thấy, nhưng làm hoài mà chẳng được. Hữu nói: Thi-lê-mật này (Hán dịch là Kiết Hữu) có thể được coi là người nhìn xa trông rộng! Di nghe vậy không ngớt lời khen ngài, cho ngài là người đứng vào bậc nhất.

Đại tướng quân Xử Trọng nghe Kiết Hữu là người danh giá của công hầu, nhưng lòng không phục. Đến khi gặp ngài thì bất giác Trọng chấp tay cung kính vái chào.

Chu Nghỉ bấy giờ làm quan Bộc xạ, tuyển chọn tướng tài để xung quân. Ông đi ngang qua chỗ Hữu rồi than: Lựa nhân tài cho triều đình, nếu tuyển được ông thì quả thật khiến ta không thẹn với người khác! Đến khi Nghỉ mất, Hữu thương ông là người cô độc, nên đến trước linh cửu ông tán tụng. Giọng ngài trong vắt, trầm bổng tận trời xanh. Ngài lại đọc mấy ngàn biến chú rồi bỏ đi.

Vương Đạo có lần giỡn với ngài rằng: "Nước ngoài mà có vua thì chỉ mình ông mà thôi. Hữu cười đáp: "Giả sử ta mà như ông, thì hôm

nay đâu thể có mặt ở đây. Bấy giờ người ta cho câu nói của ông là danh ngôn. Thời bấy giờ Kiết Hữu dịch Khổng Tước kinh sang Hán ngữ. Kiết Hữu tiếng Phạm là Thi-lê-mật. Ông là người nhường ngôi vua rồi xuất gia, giống như Ngô Thái Bá.

12. Minh Đế: (Quý Mùi)

Tên là Thiệu, tự là Đạo Kỳ, con trưởng của Nguyên Đế. Ông là người thông minh, quyết đoán, nên hay lấy yếu chế mạnh, gây dựng lại cơ nghiệp. Nhưng tiếc thay mệnh trời quá ngắn. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Thái Ninh, cho đến năm Thái Bình thì mất, an táng ở Bình lăng thọ hai mươi bảy tuổi, trị vì được ba năm.

Ất Dậu: Lương Tuấn tự là Công Kiến, con của Trương Thật, trị vì được hai mươi hai năm, thọ bốn mươi tuổi.

13. Tổ 25 Bà-xá-tư-đa:

Ngài thuộc dòng dõi Bà-la-môn, sinh trưởng tại nước Kế Tân, cha là Tịnh Hạnh, mẹ là Thường An Lạc. Hồi ấy mẹ ngài nằm mộng thấy lượm được cây kiếm thần, nhân đó mà mang thai. Khi sinh ra, ngài cứ nắm chặc bàn tay trái, đến khi gặp tổ Sư Tử nói rõ túc nhân mới mở tay ra và sau đó được Tổ mật truyền tâm ấn.

Sau khi đắc pháp, ngài hoằng hóa đến vùng Nam Ấn, khi đi ngang qua Trung Ấn, quốc vương nước này là Ca Thắng đón tiếp, lễ lạy cúng dường ngài. Khi ấy có ngoại đạo tên là Vô Ngã Tôn, trước đây cũng được vua tôn kính, nhưng hôm nay vì hiềm khích với ngài, nên muốn đến để nghị luận và nói nếu ngài may mắn thắng được ông, thì giữ nguyên sự ưu đãi của vua.

Trước mặt vua, ngoại đạo hỏi ngài rằng:

- Tôi hiểu mặc luận không dùng đến lời.

Ngài chống:

- Nếu chẳng dùng lời làm sao phân biệt ai thắng ai thua!
- Chẳng tranh hơn thua, chỉ lấy nghĩa luận.
- Ông lấy gì làm nghĩa?
- Lấy vô tâm làm nghĩa.
- Ông đã vô tâm thì làm sao có được nghĩa?
- Ta nói vô tâm, thì ngay tên gọi đó là phi nghĩa.
- Ông đã vô tâm, tên gọi ấy cũng phi nghĩa, ta nói phi tâm, ngay cái nghĩa ấy chẳng phải tên gọi.
- Ngay nghĩa ấy chẳng phải tên gọi, thì ai biện được nghĩa?

Ngài đáp:

- Tên gọi của ông vốn phi nghĩa, thì tên gọi ấy là cái gì?

- Vì biện bác cái phi nghĩa, nên tên ấy không có tên gọi.

- Tên gọi đã chẳng có tên gọi, nghĩa lại phi nghĩa, thì người biện luận là ai? Đang biện luận vật gì?

Cứ thế hỏi qua đáp lại đến năm mươi chín lần, ngoại đạo mới câm mồm khuất phục. Lúc ấy ngài bỗng nhiên quay mặt về hướng Bắc cung kính chắp tay, xúc động nói: Thầy ta Tôn giả Sư Tử hôm nay gặp nạn, thật xót xa thay! Thế rồi ngài từ giã vua đi về Nam Ấn. Đến Nam Ấn ngài ẩn tu trong hang núi.

Quốc vương xứ này tên là Thiên Đức nghe tin liền nghênh đón thỉnh ngài về cung cúng dường. Vua có hai người con, một đứa rất hung bạo mà sức lực lại mạnh mẽ, một đứa hiền từ nhưng cứ bệnh hoạn liên miên. Nhân đó ngài mới diễn thuyết về nhân quả, nhờ vậy vua mới hết mối nghi.

Bấy giờ có một bọn chú thuật rất ghét đạo của ngài bèn ngấm ngầm chuốc thuốc độc trong thức ăn. Ngài biết nhưng vẫn ăn, kẻ kia trái lại bị họa, thấy thế bọn họ liền xin ngài xuất gia. Ngài liền xuống tóc và cho thọ Cụ túc.

Sáu mươi năm sau, Thái Tử Đức Thắng lên ngôi, lại tin theo ngoại đạo làm khó dễ với ngài. Thái Tử Bất-như-mật-đa can gián nên bị Đức Thắng bắt hạ ngục. Vua triệu ngài vào cung rồi hỏi:

- Nước ta trong sạch không có yêu mị, pháp thầy đang hoằng hóa thuộc về tông nào?

- Nước của nhà vua từ xưa đến nay không có tà pháp, tông mà tôi chứng đắc là tông Phật.

- Phật đã diệt độ một ngàn hai trăm năm rồi, thầy có được tông này từ ai?

- Đại sĩ Ẩm Quang đích thân nhận được Phật tâm ấn, cứ thế lần lượt truyền đến Tổ thứ hai mươi bốn là Tôn giả Sư Tử, tôi đắc pháp từ người ấy.

- Ta nghe Tỳ-kheo Sư Tử không tránh được hành hình, sao có thể truyền pháp cho người sau được?

- Lúc chưa bị nạn, thầy tôi đã mật truyền tín y, kệ pháp cho tôi để minh chứng cho việc truyền thừa.

- Y ấy ở đâu?

Ngài liền lấy y trong túi vải đưa cho vua xem. Vua sai đem đốt. Ngũ sắc trong y sáng rực, lửa tàn mà y vẫn còn nguyên như cũ. Vua liền

ăn năn sám hối, thấy rõ người chân truyền của Tôn giả Sư Tử và ân xá cho Thái Tử . Thái Tử Bất-như-mật-đa liền xin ngài xuất gia. Ngài hỏi Thái Tử :

- Ông muốn xuất gia để làm việc gì?
- Con xuất gia chẳng làm việc đó.
- Chẳng làm việc gì?
- Chẳng làm việc thế tục.
- Vậy làm việc gì?
- Con làm việc Phật.

Ngài nghĩ: Thái Tử có trí tuệ siêu phàm, đây ắt hẳn là bậc Thánh giáng thế, nên liền cho Thái Tử xuất gia. Sau sáu năm Thái Tử tận tâm hầu hạ, ngài mới truyền Cụ túc giới. Trong lúc tác pháp Yết-ma truyền Cụ túc giới trong cung, đại địa chấn động, có rất nhiều điềm lạ ứng hiện. Một hôm ngài dặn dò Thái Tử rằng:

- Ta nay đã già yếu rồi, đâu thể trụ thế mãi, ông phải gắng hộ trì Chánh pháp nhãn tạng, phổ độ khắp hữu tình, hãy nghe ta nói kệ:

Thánh nhân nói tri kiến
Ngay cảnh không phải quấy
Nay ta ngộ bản tánh.
Không đạo cũng không lý.

Bất-như-mật-đa nhận lãnh kệ xong, lại thưa:

- Thế còn pháp y sao thầy không truyền?

Ngài đáp: Do bị nạn nên mới mượn pháp y này để làm minh chứng. Nay thân ông không bị nạn thì mượn pháp y làm gì. Chỉ cần ông giáo hóa khắp mười phương, thì ai nấy đều tự tin quy hướng.

Bất-như-mật-đa nghe ngài nói vậy liền đảnh lễ và lui ra. Ngài hóa hiện thần thông, dùng lửa Tam-muội tự đốt thân mình, xá-lợi cao đến một thước. Vua Đức Thắng bèn thâu xá-lợi dựng tháp cúng dường. Bấy giờ là năm Ất Dậu nhằm đời Đông Tấn Minh Đế niên hiệu Thái Ninh năm thứ ba.

14. Thành Đế:

Tên là Diễn, tự là Thế Căn , con trưởng của Minh Đế. Ông lên ngôi lúc năm tuổi, đổi niên hiệu là Hàm Hòa. Bấy giờ Dữu Hậu lâm triều giải quyết chánh sự. Ông thọ hai mươi lăm tuổi, trị vì được mười bảy năm.

15. Tam tạng Tuệ Lý đến Hàng châu:

Tam tạng Pháp sư Tuệ Lý là người Thiên Trúc đến Trung Hoa vào đời Đông Tấn niên hiệu Hàm Hòa năm đầu. Khi đến Hàng châu, thấy núi non hùng vĩ, tráng lệ, ngài bất giác thốt lên: Quả là ngọn núi nhỏ trong dãy Linh Thứu của Thiên Trúc nước ta, chẳng biết bay đến đây vào năm nào. Khi Phật còn tại thế, đây là nơi Tiên nhân ẩn tu, ngày nay chẳng biết có còn không?

Trong một hang động xưa có một con vượn trắng, ngài bèn gọi, con vượn nghe tiếng liền đi ra. Từ đó người ta mới tin là việc ấy có thật và lấy tên là núi Phi lai. Ngay trên núi này ngài dựng lên hai ngôi chùa, chùa phía trước lấy tên là Linh thứu, chùa phía sau lấy tên là Linh Ẩn. Ngài thường tĩnh tọa trong hang động, nên người bấy giờ gọi ngài là Lý Công Nham (động của ông Lý). Ngày nay bảo tháp an táng chân thân ngài cũng còn.

Mậu Tý: Triệu đổi niên hiệu là Thái Hòa.

Canh Dần: Hậu Triệu đổi niên hiệu là Kiến Bình.

Nhâm Thìn: Mộ Dung nước Yên lên ngôi vua.

Quý Tỵ: Thục Ban, tự là Thế Văn, con người anh của Hùng. Ban đầu làm quan giữ chức Nam bình tướng quân, về sau được lập làm Thái Tử . Khi Hùng bị bệnh, Ban lo hầu hạ. Hùng mất, Ban lên ngôi. Được một năm thì bị con Hùng là Việt giết chết. Ban thọ bốn mươi mốt tuổi.

Triệu Hoằng: Tự là Đại Nhã, con thứ của Thạch Lặc, lên ngôi được một năm, đổi niên hiệu là Kiến Hy, thọ bốn mươi hai tuổi.

Giáp Ngọ: Triệu Thạch Hổ, giết Hoằng rồi tự lên làm vua. Sau khi lên ngôi giết cả dòng họ của Lặc, đổi niên hiệu là Kiến Hy.

Ất Mùi: Đổi niên hiệu là Hàm Khương. Triệu đổi niên hiệu là Kiến Vũ.

Thục Kỳ, tự là Thế Vận, con thứ tư của Hùng, lên ngôi được ba năm đổi niên hiệu là Ngọc Hoàn. Về sau tự thắt cổ chết. Những người con của Hùng đều bị Thục Thọ giết hết.

Bính Thân: Hậu Triệu bị đại hạn, một đấu thóc trị giá bằng một cân vàng.

Mậu Tuất: Thục Thọ, tự là Vũ Khảo, con của Tương, em của Hùng, ông giết Kỳ rồi lên làm vua. Sáu năm sau đổi niên hiệu là Hán Hưng, lấy quốc hiệu là Hán.

16. Dữu Băng ra lệnh buộc Tăng phải lạy tục:

Hàm Hòa năm thứ sáu. Thành Đế tuổi còn nhỏ, bấy giờ Dữu Băng lấy danh nghĩa là cậu làm phụ chánh. Băng tâu với vua rằng, Sa-môn

phải lạy cả vua. Thượng thư lệnh Hà Sung... cùng nghị luận và phản đối Tăng không nên lạy vua. Sự việc này lại đưa qua lễ quan cùng bàn bạc. Các Bác sĩ (Học sĩ) cùng đồng ý với quan điểm của Hà Sung, nhưng bọn tay chân của Băng lại dựa vào uy thế của chủ ra sức phản đối.

Thượng thư lệnh Hà Sung, bộc xạ Chữ Dực, Gia Cát Khôi, thượng thư Phùng Hoài, Đới Quảng... tâu rằng: Thế tổ Vũ Hoàng đế dùng sự thịnh trị sáng suốt mà cải cách đất nước, túc tổ Minh Hoàng đế là bậc thông tuệ thấy suốt được lẽ huyền, vào thời đó lẽ đâu Sa-môn lại không dễ quỳ gối, nguyện xin nhà vua không nên thay đổi phép tắc tốt đẹp ấy, bởi vì đó là nguyện vọng chung của thiên hạ. Bọn thần nghĩ rằng: Nên tuân thủ thừa hành việc xưa để ân nghĩa ngày một to lớn.

Dữu Băng vẫn kiên quyết buộc Tăng phải lạy và xuống lệnh chế rằng: Phàm muôn phương chẳng giống, đạo mầu khó biện, đó là lẽ thường từ xưa đến nay. Chỉ thấy biết phiến diện thì thật ra chẳng có gì lạ, huống gì lễ nghi quỳ lạy đâu hẳn phải giữ nguyên như vậy. Lễ nghi ngày nay vốn là điều mà trước đây tiên vương sở dĩ ưa chuộng, lẽ đâu cứ phải cong gối mà ngồi, uốn lưng xúm xít với nhau như vậy ư? Điều đó tất có nguyên do, mà đã có nguyên do thì không thể thay đổi. Thế nhưng đặt ra lễ giáo lẽ đâu không có tình người chăng? Hơn nữa ngày nay quả thật có Phật hay là không có Phật? Nếu có thì Phật đạo ắt sâu rộng, nếu không thì đạo nghĩa làm sao giữ được. Giả sử ông tin đúng như vậy thì đó là việc thuộc phạm vi ở bên ngoài đất nước. Việc ngoài đất nước lẽ đâu người trong nước lại phải noi theo! Mà lại phải sửa thẳng thân hình, trái với phép thường, thay đổi lễ nghi, vất bỏ danh giáo, đó là điều tôi rất ngờ vực. Danh giáo vốn có từ xưa, trải qua trăm đời nhưng chưa từng phế bỏ. Nếu ngày, đêm chẳng nêu bày danh giáo thì hậu thế vẫn phải nghi ngờ, hễ nghi ngờ tất bị che lấp và lẽ xưa khó tìm lại được. Huống gì ngày nay cách xa thời ấy, lòng người lại mịt mờ, hoang mang chưa phân định được. Nếu bỏ lễ trong một triều đại, vứt giáo ngay lúc này tất khiến cho kẻ phàm tục phong lưu xem thường phép tắc. Đó lại là điều mà ta nghi ngờ! Giả sử ông tin đúng như vậy, giả sử ông có được như vậy, thì ta chắc sắp thấu hiểu được điều ấy với thần minh, được điều ấy trong lòng rồi. Phép tắc là khuôn mẫu rộng sâu, quyết không thể phế bỏ trong triều đình được. Phàm bọn ông đều là dân nhà Tấn, luận về tài trí thì vẫn còn là những người tầm thường, mà điều cần nói lại là việc không phải dễ dàng biện luận. Mượn áo mão chức quan để vượt quá phép tắc, chống lại những điều khác thế tục để coi thường lễ nghi, dựng thẳng hình hài trước bậc vua chúa lại là điều ta

không bao giờ chấp nhận được. Các ông đều là quan lại của đất nước, hiểu được lời này thì cần phải lường xét chỗ thâm sâu; bàn bạc sửa đổi thì cần phải thận trọng!

17. Hà Sung bàn không nên lạy tục:

Quốc điển nếu không đúng với sự thật thì tôi thuật lại làm gì. Hà Sung... cùng phản đối, dâng biểu trần tình rằng: Bọn thần ngu muội, chẳng đủ trí để tán dương Thánh chỉ, tuyên dương đại nghĩa. Cúi xin Thánh thượng minh xét, bọn thần run sợ khép nép xin được tìm hiểu tận tường về việc có Phật hay không có Phật. Đây vốn là việc chẳng phải bọn thần có khả năng quyết định. Thế nhưng xét trong sử sách ghi lại, tìm trong di mệnh quan trọng của Đế vương, thì năm giới cấm quả thật giúp đỡ cho vương thất rất nhiều trong việc giáo hóa muôn dân. Kẻ hèn thì danh phận rỡ ràng, người sang thì lặng lẽ hành động. Họ ban ân đức đến quên mình chỉ một lòng ôm đạo lý tinh vi huyền diệu.

Vả lại, từ nhà Hán đến nay, dù rằng vận pháp có lúc thịnh lúc suy, nhưng tệ xấu vẫn chưa manh nha vọng khởi. Đạo thần từ lâu nay vẫn không có cái đáng quý đó. Hễ nghị luận thì tất có hại mà cũng tất có lợi. Thần rất ngu muội, xin thật lòng đem chút móc sương tưới trên núi Thái, dùng giọt nước nhỏ nhoi vẩy trên ngôi vua.

Nếu như ngày nay ra lệnh cho họ lạy tức là hủy hoại phép xưa. Thói quen tu thiện sẽ mai một trong thời Thánh. Lề lối ấy vốn đã thành phong tục hằng ngay, nếu nay vứt đi tất khiến muôn dân oán sợ. Thần trong lòng trộm nghĩ đó là điều bất an. Thần vốn ngu muội, nên đâu dám dùng cái thấy biết thiên lệch của mình để ngờ vực Thánh giáo. Nhưng thần xin nói thẳng rằng, trải qua ba đời nay con người ngày càng sáng suốt hơn. Ngày nay nếu đặt ra những phép vua thật đầy đủ cho họ, thì con đường trong âm cảnh mới có thể không bị ngưng trệ. Vì thế mà thần xin bày tỏ ngu ý của mình, cúi xin Thánh ân minh xét.

Dữu Băng vẫn cho rằng không thể được, nên lại xuống lệnh chế rằng: Ta đã xét những lời trần tình đủ sự đủ lý của ông, những việc trong âm cảnh quả thật không phải dùng lời nói mà phô diễn hết được. Thế nhưng nếu so sánh, khảo xét về cái chung, thì phép thường của thần của người vốn vụng về mà lại có những điều cứ lặp đi lặp lại. Cả trăm đời vua đặt ra pháp chế, dù chữ nghĩa theo thời, nhưng chưa từng có điều gì định liệu khác tục, giáo hóa dối trá. Lẽ đâu đó là điều mà bậc Thánh đi trước chưa thể đạt, kẻ sáng suốt thời nay biết khắp chăng? Hơn nữa, cái khéo léo cạn cợt của năm giới xét cho cùng nó tương tợ luân thường

của con người, nhưng nếu đem so với lễ kính ở đời thì lễ được xem trọng hơn kính được tôn quý hơn. Đầu mối của việc sửa trị đều ở trong lễ kính. Vua của ngàn cỗ xe chẳng thích được tôn quý, dân của một thành nhỏ chẳng thích ty tiện, nhưng tôn ti, ấy chẳng cần phải sắp đặt. Lời dạy của vua không thể không trước sau như một được, nếu không tất loạn. Đó chính là điều mà hiến chương quốc pháp của những bậc Thánh đi trước đều thích nghi mà không nhầm lẫn. Những kẻ học rộng tài cao đều biết đủ việc ấy. Có những điều áp dụng trong gia quyến thì thích hợp, nhưng đem áp dụng khắp trong nước trong triều thì không được. Đó lẽ đâu chẳng phải là sâu xa ư? Ta đã xem xét những điều ông trình bày, nhưng quả thật ta chưa thể quyết chắc là có Phật hay không có Phật. Giả sử ông quyết chắc có, nhưng ta vẫn cho rằng việc ấy không thể định liệu như vậy được, huống gì đều không mà ông lại cố tình lưỡng lự.

Hà Sung lại trình tấu chương lần thứ ba và nói rằng: Bọn thần quả thật ngu muội, không hiểu được ý chỉ sâu xa, dẫu đến thâu đêm suốt sáng, trọn đời làm theo phép vua, cũng không dám dùng cái thấu biết thiển cận của mình mà làm loạn luân thường. Từ Hán, Ngụy đến Tấn chưa từng nghe có lời dị nghị; tôn ti, hiến pháp chưa lúc nào tạm thiếu sót. Nay Sa-môn chăm chăm giữ giới, nhưng nếu đem so với lễ kính thì chỉ là một mà thôi. Họ chuyên chú giữ giới đến mất mạng mà chẳng sợ, thì lẽ đâu họ lại dám dựa vào hình hài mà xem thường lễ kính sao? Mỗi lần đốt hương chú nguyện, việc trước tiên mà họ làm là cầu cho quốc dân an lạc. Như vậy họ là những người rất nhớ ơn đất nước. Họ thờ vua, tôn sùng lẽ thuận mà chẳng hề miễn cưỡng. Sở dĩ lễ nghi của họ đơn giản hơn là vì họ chỉ chuyên gìn giữ một pháp. Do đó mà Tiên thánh đương thời không thay đổi lễ nghi đối với họ. Thế nhưng lưới trời lồng lộng, thưa nhưng khó lọt, bọn thần trước sau như một vẫn cho rằng không nên để Sa-môn lạy người thế tục. Pháp vốn không thiếu, nên lấy điều gì có lợi mà ban phát cho họ, khiến kẻ hiền người ngu, ai dám không mang ơn quốc gia. Được như vậy thì trên có cái ân trời che đất chở, dưới có những người chăm chăm làm thiện. Thần xin bày tỏ cặn kẽ ngu ý của mình, cúi xin Thánh ân lượng xét.

Cuối cùng Dữu Băng mới chịu nghe theo.

Hà Sung tự là Thứ Đạo, người ở huyện Tiềm, Lô giang, ông là cháu của Ngụy Quang Lộc Đại Phu Yến. Từ nhỏ ông vốn đã nổi tiếng về văn hay chữ tốt. Lúc đầu ông làm phó quan cho Vương Đôn. Anh của Đôn làm quan ở Lô giang nhưng tham ô, Đôn có lần nói với ông rằng: “Anh ta vốn là quan quận thanh liêm, sĩ dân ở Lô giang đều ca ngợi

ông ấy". Hà Sung liền nghiêm sắc mặt nói: Sung này cũng là người Lô giang nhưng chưa hề nghe việc lạ ấy! Đôn nín lặng, khách khứa đều cảm thấy lo lắng, nhưng Hà Sung vẫn thản nhiên như không.

Thừa tướng Dữu Lượng có lần tiến cử ông với Minh Đế mà nói rằng: Hà Sung là người khí phách, khẳng khái được muôn dân ngưỡng vọng, nay nếu phong ông ấy làm phó lão thần để ghi chép mọi việc trong triều thì hay biết mấy!

Đến khi Hà Sung được phong làm thượng thư lệnh, người ta mới biết năng lực của ông, ông không hề ban bố ân huệ riêng cho bản thân mình, vì thế mà ai nấy đều kính trọng ông.

Hồi ấy, có lần Nguyễn Dụ nói giỡn với ông rằng: Chí của ông trùm khắp vũ trụ, cái dũng vượt hẳn người xưa. Hà Sung nghe vậy đăm chiêu suy xét. Dụ bèn nói: Ta lo toan một quận mấy ngàn hộ mà vẫn không có đủ khả năng, còn ông lo toan việc làm Phật lẽ đâu chẳng phải là trùm khắp đó ư!

Ông mất năm năm mươi lăm tuổi, hậu duệ của ông sau này thờ Phật rất nghiêm túc. Cháu ông như Thượng Chi, Điểm Dận... là những người dựng nghĩa lớn, xiển dương Phật pháp.

Quý Mão: Khương Đế: Tên là Nhạc, tự là Thế Đồn, em cùng mẹ với Thành Đế. Ông lên ngôi năm hai mươi mốt tuổi, đổi niên hiệu là Kiến Nguyên. Bấy giờ thừa tướng Dữu Lượng chuyên quyền. Về sau ông mất tại điện Thức càn, an táng ở Xương lăng, thọ hai mươi ba tuổi, trị vì được hai năm.

Giáp Thìn: Thục Thế tự là Tử Nhân, con trưởng của Thọ. Ông cao bảy thước chín tấc, lưng dài mười bốn vi. Cung cách cư xử của ông rất khôn khéo, lên ngôi được năm năm, đổi niên hiệu là Thái Hòa, sau mất ở Kiến Khương .

18. Mục Đế: (Ất Tỵ)

Tên là Đam, tự là Bành Tổ, con trưởng của Khương. Ông lên ngôi lúc hai tuổi, đổi niên hiệu là Vĩnh Hòa. Bấy giờ mẹ ông là Chử Hậu lâm triều giải quyết chánh sự, ông mất ở điện Hiển Dương, thọ mười chín tuổi, an táng ở lăng Vĩnh bình, trị vì được mười bảy năm.

Bính Ngọ: Thục đổi niên hiệu là Gia Ninh.

Đinh Mùi: Lương: Trương Trọng Hoa, tự là Đại Lâm, con thứ của Tuấn, thọ hai mươi bảy tuổi, trị vì được bảy năm.

Mậu Thân: Hậu Triệu: Phật Đồ Trừng can gián vua giết Thái Tử Tuyên.

Kỷ Dậu: Hậu Triệu đổi niên hiệu là Thái Ninh. Năm này vua lên ngôi. Sau khi vua mất, đất nước liền đại loạn.

Tiền Yên: Mộ Dung Tuyển, tự là Tử Anh, ông nội tên là Hội, tự là Dịch, người ở Tiên ty, Cức thành, Xương lê. Tiên tổ ông là hậu duệ có công, nhiều đời định cư ở Bắc di, được phong ấp ở đồng hoang Tử Mông. Đến đời Tấn được phong làm Yên Vương, dời đô về Long thành, rồi sinh ra Hoàng Tuyển, ông là con thứ của Hoàng, ở đất Nghiệp được mười một năm, thọ bốn mươi hai tuổi.

19. Phật Đồ Trừng thị tịch:

Phật Đồ Trừng là người Thiên Trúc, khi đến Lạc Dương ngài tự xưng mình đã một trăm tuổi. Ngài thường hít khí trời tự sống, có thể nhịn ăn trong nhiều ngày, giỏi trì chú sai khiến quỷ thần. Ngay hông ngài có một lỗ hổng, ngài thường dùng lụa nhét lại. Ban đêm đọc sách thì rút mảnh lụa ra, ánh sáng chiếu khắp cả nhà. Mỗi khi xuống suối ngài lôi cả ruột gan ra rửa ráy sạch sẽ rồi nhét lại vào trong bụng. Ngài nghe tiếng linh treo mà đoán điều lành dữ, không điều gì mà chẳng hiệu nghiệm.

Gặp lúc Lạc Dương bị giặc cướp nổi loạn, ngài ẩn cư ngoài đồng cỏ hoang xem xét thời thế. Bấy giờ Thạch Lặc đóng quân ở Các Pha giết hại muôn dân vô kể, ngài chống tích đến yết kiến Lặc, Lặc sai ngài trổ pháp thuật để biết cao thấp. Ngài bèn cầm bát nước đầy rồi chú nguyện, bỗng nhiên có một đóa sen xanh mọc ngay trong bát, ánh sáng chói lòa cả mắt. Từ đó Lặc cho ngài là bậc kỳ tài, vô cùng kính trọng ngài và giữ ngài lại trong quân.

Chưa được bao lâu, Lưu Diệu muốn đánh nhau với Thạch Lặc để phân định thắng thua, bọn tả hữu đều cho rằng không nên đánh. Lặc bèn hỏi ngài, ngài đáp: Âm thanh của tiếng linh trong quân trận báo rằng: “Tú Chi thế lệ cương, bộc cốc cù ngốc đương”. Đó là mật ngữ: “Tú chi” tức là quân; “Thế lệ cương” là xuất binh, “Bộc cốc” là chức quan của Lưu Diệu. “Cù ngốc đương” là bắt sống. Câu mật ngữ ấy ý nói: Ra quân thì bắt sống được Lưu Diệu. Ngài lại sai đồng tử trai giới ba ngày, lấy dầu mè trộn với phấn trắng của hột Yên chi, bôi trong lòng bàn tay rồi đưa cho đồng tử xem. Bỗng nhiên lòng bàn tay phát sáng, đồng tử kinh hãi kêu lên: “Có quân mã! Lại có một người da trắng bị sợi lụa đỏ trói chặc khủy tay! Ngài nói: Đó là Lưu Diệu.

Thạch Lặc bèn xuất quân đánh nhau, quả nhiên bắt sống được Lưu Diệu. Lặc bèn tự xưng là Triệu Vương, thi hành những nghi vệ của

Hoàng đế. Từ đó Lặc rất kính trọng ngài, mỗi khi muốn quyết định việc gì Lặc đều hỏi ý ngài rồi sau mới làm. Thạch Lặc mất, em ông là Quý Long lên ngôi, dời đô về Thành nghiệp, Long lại càng dốc tâm hầu hạ ngài. Long hạ lệnh áo ngài mặc phải dùng gấm lụa thượng hạng, đi lại phải có xa giá. Mỗi khi ngài đến triều, quan thường thị, ngự sử đều phải đẩy xa giá dìu ngài lên điện, Thái Tử công hầu đỡ ngài mà đi, khi vua xướng lên: Đại Hòa thượng! Thì bá quan văn võ đều phải đứng cả dậy. Vua lại sai quan tư không là Quý Nông sớm tối thăm hỏi ngài.

Bấy giờ Chi Đạo Lâm nghe vậy bèn nói: Ông Trừng lẽ đâu lại làm con chim Âu cho Quý Long chăng!

Đến khi quân Tấn chiếm lấy sông Hoài, sông Tứ, Quý Long giận mắng rằng: Ta thờ Phật cúng Tăng, trái lại gặp phải những bọn giặc cướp như thế này, pháp Phật quả chẳng linh diệu.

Ngài nghe vậy bèn vào yết kiến và nói: Bệ hạ tiền thân làm một người buôn, khi ngang qua chùa Kế Tân có thiết đại hội cúng dường. Trong hội ấy có sáu vị La-hán, ta là một trong số đó. Khi ấy có vị Thánh nói với người lái buôn rằng: Đàn-việt này mãn báo sẽ làm con gà, đó là vua của nước Tấn. Nay, bệ hạ làm Thiên tử, lẽ đâu chẳng phải nhờ thờ Phật cúng Tăng mà được đấy sao! Bờ cõi bị xâm chiếm là lẽ thường của đất nước, sao bệ hạ nổi giận phỉ báng Tam bảo, khởi lên những ác ý như vậy?

Quý Long nghe vậy ăn năn, hối cải, nhân đó hỏi ngài rằng: Pháp Phật không cho sát hại, trẫm nay nắm quyền sinh sát trong tay, sợ rằng làm trái lời Phật dạy! Ngài nói: Đế vương thờ Phật quan trọng là có tâm cung kính, cần kiệm, nhân từ, nhẫn nại, ngợi khen đạo pháp, chẳng làm kẻ bạo ngược, không giết người vô tội. Muôn dân có kẻ làm ác, giáo hóa nhưng họ chẳng chịu hối cải, như thế lẽ đâu không phạt họ chăng? Chỉ cần giết nhưng không quá lạm dụng, hành hình nhưng không thể không thương xót họ là được.

Thượng thư Trương Ly là người giàu có thờ Phật, nhưng hành động của ông đều không theo phép nước. Ngài nói với Trương Ly rằng: "Thờ Phật quan trọng là ở cái tâm thanh tịnh không ham muốn, ông tuy sửa chùa dựng tháp nhưng lòng tham không đáy thì có ích gì!

Khi sắp mất, ngài đến từ biệt Quý Long, Long thất kinh nói: Đại Hòa thượng bỏ ta mà đi, đất nước lâm nạn ta biết làm sao!

Ngài nói: Vào sinh ra tử là lẽ thường của đạo, sửa điều xấu, phân định điều tốt, đạo chẳng vì thế mà tăng hay giảm. Cái quý của đạo là hạnh phải chu toàn, cái quý của đức là không ngừng nghỉ. Nếu đức hạnh

không thiếu sót thì tuy chết nhưng vẫn sống, nếu không dẫu sống ngàn năm nào có ích gì! Thế nhưng có điều đáng tiếc rằng, đất nước noi theo lý Phật, dựng chùa cúng Tăng, đáng lý phải cầu phước lộc cho quốc gia, nhưng trái lại nhà vua ban bố chánh sách bạo ngược, thưởng phạt không công minh. Đó là điều trái với Thánh giáo, khiến cho quốc gia không tồn tại lâu dài.

Quý Long kêu khóc thảm thiết, ngài an nhiên thị tịch. Về sau có Sa-môn từ Ung châu tới, thấy Trừng vào Quan Trung, bèn kể lại cho Long nghe. Quý Long bèn khai quật mộ ngài thì chỉ thấy còn lại khối đá. Quý Long thất vọng bèn than: Thạch (đá) là họ của ta, đại Hòa thượng chôn ta lại đây mà đi rồi! Vận nước lẽ đâu trường tồn chăng?

Không bao lâu họ Thạch quả nhiên bị diệt. Đương thời ngài độ đến mấy ngàn vạn đệ tử. Hễ ngài ở đâu, thì muôn dân không dám hướng về phía ấy mà khạc nhổ. Mỗi khi gặp nhau, họ cùng bảo nhau rằng: Chớ khởi ác tâm, đại Hòa thượng biết tâm ông đó! Ngài hoằng đạo giáo hóa muôn dân cảm được lòng người kính phục như thế. Từ khi Phật giáo truyền về phía Đông, đến thời của ngài mới hưng thịnh.

Luận rằng: Đại Giác Liên Thiền sư nói: Lẽ nhiệm mầu của diệu đạo, Thánh nhân từng gởi gấm trong Chu Dịch. Từ khi có dân đến nay, tính thuần phát ấy chưa phai nhạt. Giáo huấn trong thời Tam hoàng giản dị nhưng giữ được phong thái nguyên vẹn, đó là mùa xuân. Đến lúc tâm tình con người ngày một bị đục khoét, thì giáo huấn trong thời Ngũ đế tường tận mà lại hoa mỹ, đó là mùa hạ. Thời và thế vốn khác tâm tình của con người cũng theo đó mà mỗi ngày một thay đổi, nên giáo huấn của Tam vương sâu kín mà lại uy nghiêm đó là mùa thu. Đến nhà Chu suy vi, pháp chế của tiên vương bị mai một, lễ nghĩa bị mờ phai. Đến Tần, Hán thì cái tệ lan tràn khắp nơi, đến nỗi trong thiên hạ có người chẳng muốn nghe. Lúc bầy giờ giáo pháp của Đức Thế Tôn chúng ta chảy tràn vào Đông Độ, nêu cao chân lý của tánh mạng, giáo dục con người mở rộng hạnh Từ bi, đó là mùa đông.

Sâu xa thay! Lời nói ấy! Xem ngài Phật Đồ Trừng lẻ loi một mình từ Tây Vực sang, gặp thời buổi của Thạch Lặc, Quý Long ngang tàng bạo ngược, ấy thế mà ngài thương xót họ, lập ra phép tắc, dùng lời lẽ nhiệm mầu, đức hạnh thanh cao dẫn dắt họ hành động theo đức hạnh Từ bi. Cuối cùng khiến hai kẻ bạo ngược ấy thay đổi nhân tâm, hòa thuận lòng người. Trời có bốn mùa vận hành để sinh trưởng vạn vật, giáo huấn của Thánh nhân cùng hỗ trợ cho họ, giúp họ an định thiên hạ chỉ có thế thôi!

Canh Tuất: Triệu Thạch Kỳ: Mới ba tháng lên ngôi, nước Tương đổi niên hiệu là Vĩnh Ninh, bỏ hiệu của Đế Vương; Lưu Hiển giết Kỳ, Nhiễm Mẫn phong Hiển làm đại thiền vu, xưng đế ở nước Tương, dẫn binh đánh thành Nghiệp, nhưng bị thua dẫn quân về. Ngụy bèn tiêu diệt nước Tương, giết Hiển cùng công khanh và đốt phá cung thất, dời dân nước này về đất Nghiệp. Đến Tân Hợi thì nước này hoàn toàn bị diệt vong.

Ngụy: Nhiễm Mẫn: Giết Thạch Hổ cùng mười tám người con cháu ông ấy và hai vạn người ở Hồ yết. Năm Nhâm Tý tiêu diệt nước Tương, giết Lưu Hiển. Về sau ông bị Mộ Dung Tuyển tiêu diệt. Tuyển giết Mẫn ở đất Hiết. Trong vòng bảy dặm thuộc Kính sơn cỏ cây đều khô héo, hạn đến nửa năm chẳng có nước mưa. Quốc dân cầu khẩn trời bèn mưa. Ngụy bị diệt vong.

Tân Hợi: Tiền Tần Phù Kiện: Tự là Kiến Nghiệp, con thứ ba của Hồng, người ở Lâm Vị, Lạc Dương. Tiên tổ ông là hậu duệ của Hữu Hổ. Cha ông tên Hồng, tự là Quảng Thế, vốn là tù trưởng của Tây nhung. Ban đầu ông ở với Thạch Hổ, sau giết Hồng cướp lấy mười vạn binh, tự xưng là Tần Vương. Tần vương sinh ra Phù Kiện, trên lưng Kiện có hai chữ "Thảo Phó", do đó mới đổi thành họ Phù, ông tiếm ngôi được bốn năm, đóng đô ở Trường An, đổi niên hiệu là Hoàng Thỉ, thọ hai mươi chín tuổi.

Phù Tử Lãng: Anh của Phù Kiên, vốn là người thanh khiết không muốn làm quan. Ông viết hai mươi thiên sách lấy tựa đề là Phù Tử. Nội dung cuốn sách phần nhiều ngợi khen Phật.

Thế Tôn diệt độ được một ngàn ba trăm năm.

Nhâm Tý: Yên đổi niên hiệu là Nguyên Tỷ.

Giáp Dần: Lương: Trương Tộ, đổi niên hiệu là Hòa Bình.

Ất Mão: Phù Sinh, tự là Trường Sinh, con thứ ba của Kiện. Lên ngôi được hai năm thì đổi niên hiệu là Thọ Quang. Năm thứ hai mươi ba bị Phù Kiên giết.

Lương: Trương Huyền Tịnh lên ngôi.

Đinh Tỵ: Đổi niên hiệu là Thăng Bình.

Phù Kiên: Tự là Vĩnh Cố, con của Hồng, ông là người mưu dũng trí lược, chiếm lấy khắp Trung nguyên, đem cả trăm vạn binh thảo phạt nước Tấn để trả thù sự thất bại của họ Thạch. Ông thọ bốn mươi tám tuổi, trị vì được hai mươi bảy năm, đổi niên hiệu là Vĩnh Hưng.

Yên: Đổi niên hiệu là Thọ Quang.

20. Thích Thiệp Công thị tịch:

Thích Thiệp Công là người đất Thục. Ông dự đoán rất linh nghiệm. Sau du hóa đến Trường An . Bấy giờ trời đại hạn, Phù Kiên bèn mời ngài cầu mưa. Ngài chú nguyện rồng hiện trong bát nước, mưa trút ầm ầm. Kiên khiếp sợ từ đó vô cùng kính ngài. Ngài không ăn ngũ cốc, mỗi ngày đi được năm trăm dặm. Năm ấy ngài mất, trời lại đại hạn. Phù Kiên nói với bí thư Chu Đồng rằng: "Thiệp Công còn sống, chắc Trẫm không đến nỗi hao tâm lo hạn hán như thế này!". Lời nói chứng tỏ Kiên ngưỡng vọng ngài đến mức nào.

Kỷ Mùi: Tần đổi hiệu là Cam Lộ.

Canh Thân: Yên: Mộ Dung Vi, tự là Cảnh Mậu, con thứ hai của Tuấn, tiếm ngôi được mười năm, đổi niên hiệu là Kiến Hy.

21. Y thuật của Sa-môn Vu Pháp Khai:

Sa-môn Vu Pháp Khai là đồ đệ của Lan Công. Sư rất giỏi về diệu nghĩa Pháp Hoa lại rất tinh tường về y thuật. Có lần gặp một phụ nữ bị đẻ khó nguy cấp nằm trên đường, Sư nói: Bệnh này rất dễ trị thôi! Chủ nhân này muốn mổ dê để tế thần, Sư sai đem thịt dê nấu canh dâng cúng. Nhân đó Sư thổi hơi vào, giây lát dùng màng ruột dê ấy gói đưa trẻ mang ra. Có người hỏi: Y thuật của Pháp sư cao minh, đơn giản, sao không dùng y thuật này làm nghề?

Sư đáp: Thấu rõ lục độ để trừ các bệnh của bốn loại ma, điều tiết cửu hầu để trị các chứng nóng lạnh, lợi mình lợi người như vậy, lẽ đâu lại không phải đó chăng!

22. Ai Đế: (Nhâm Tuất)

Tên là Phi, tự là Thiên Linh, con trưởng của Thành Đế. Ông lên ngôi đổi hiệu là Long Hòa, lại tu thân sửa mình. Về sau không ăn ngũ cốc chỉ uống thuốc trường sinh. Do uống quá độ nên trúng độc, mất ở Tây đường, an táng ở An bình lăng, thọ hai mươi lăm tuổi, trị vì được bốn năm.

Tượng Chiên-đàn: Sáu mươi tám năm trước, tượng này ở tại nước Quy Tư, mười bốn năm sau này tượng ở phủ Tây lương.

Quý Hợi: Đổi niên hiệu là Hưng Ninh.

Giáp Tý: Lương: Trương Thiên Tích lên ngôi. Tích là con út của Tuấn, Huyền Tịnh ủy thác chánh sự cho ông. Ông cùng quần thần mưu sát vua rồi tự lập. Đến năm Bính Tý thì bị Phù Kiên bắt sống.

23. Vua xuống chiếu mời Trúc Tiềm giảng kinh:

Năm này Ai Đế xuống chiếu mời Pháp sư Trúc Tiềm giảng kinh Bát-nhã ở trong cung. Có lần ngài mang cả guốc gỗ đi vào cung điện. Mọi người đều xúm lại xem và ngợi khen phong thái cốt cách đức độ của ngài. Hồi ấy không có tỉnh, chỉ có họp chợ và thiết triều, khi đó trong triều có Giản Văn làm phụ chánh, Lưu Đàm người nước Bái có lần gặp ngài trong phủ của Giản Văn, bèn giễu cợt rằng: Đạo nhân cũng đến cửa son chăng! Ngài đáp: Ông thấy nơi đây là cửa son, còn bần đạo chỉ thấy là lều cỏ thôi. Thế rồi ngài từ biệt Giản Văn trở về Diêm sơn. Chi Độn có lần gởi thơ nhờ ngài mua ngọn núi nhỏ ở Ốc châu để về ở ẩn, ngài phúc đáp rằng: Ngài muốn đến thì cứ đến, chứ xưa nay tôi chưa từng nghe chim mua núi làm tổ rồi về trú ẩn vậy.

Niên hiệu Ninh Khương năm thứ hai ngài mất. Vũ Đế xuống chiếu rằng: Pháp Thâm là người ngộ được diệu lý, giữ lòng vắng lặng, phong thái thanh cao, bỏ cái vinh tể tướng, học cái hạnh Sa-môn, ở trên núi cao vượt xa thế tục, dốc chí tu hành chưa từng giải đãi, một lòng nêu đạo giáo hóa quần sinh. Trẫm nay từ xa vọng tạ, trong lòng đau xót. Nay ban tặng mười vạn quan tiền, trợ giúp cho việc xây tháp.

Trúc Tiềm tự là Pháp Thâm. Những Sa-môn của Trung Quốc được vua ban lễ vật tống táng bắt đầu từ ngài.

24. Vua xuống chiếu mời Chi Độn tiếp tục giảng kinh:

Pháp sư Chi Độn, tự là Đạo Lâm, rất thân thiện với thái phó Tạ An, Hữu Quân Vương Hi Chi. Bấy giờ An ở Ngô Hưng, có lần gởi thư cho ngài, nói rằng: "Xa cách lâu ngày, nhớ thầy khôn nguôi, phương Bắc ấy càng xa xôi cách trở. Tôi biết thầy muốn trở về Diêm sơn ẩn mình tiến tu, tôi thật lấy làm xót xa. Đời người chẳng khác sự gởi gấm tạm bợ. Từ dạo bôn ba, gặp nhau chốc lát, nghĩa tình chừng như vơi cạn, trọn ngày tôi thấy rất buồn. May mắn được gặp thầy một lần, được thầy gội rửa những rối rắm trong lòng, dù chỉ một ngày mà tôi cảm thấy vui đến ngàn năm."

Đến khi Trúc Tiềm cáo từ về ở ẩn. Vua xuống chiếu mời Chi Độn tiếp tục giảng pháp ở trong cung. Những danh sĩ thời bấy giờ như: Ân Hạo, Hoằng Siêu, Tôn Xước, Bá Ngạn Biểu, Vương Kính Nhân, Hòa Sung, Vương Thản Chi, Viên Ngạn Bá rất thâm giao với ngài. Thiên hạ cứ tưởng rằng ngài là người nêu cao Thánh triết.

Lưu Hệ yết kiến ngài ở thành Bạch mã, cùng ngài luận về Trang Chu, cho rằng sống theo tính là tiêu dao. Độn đáp: Không đúng! Vua

Kiệt, Đạo Chích lấy cái ngang tàng bạo ngược làm tánh, như vậy cũng là tiêu dao sao? Vì thế mà ngài liền chú thích Thiên tiêu dao, học giả đều đồng ý quan điểm của ngài.

Vương Mông có lần suy nghĩ rất chính chắn, cặn kẻ rồi viết thành mấy trăm lời mang đến cho ngài xem. Ngài nói: Lâu lắm chẳng gặp nhau, nhưng thấy ông chẳng lớn thêm chút nào, sao vậy? Mông thẹn đến toát mồ hôi nói: Còn Hòa thượng thì thế nào?

Siêu có lần hỏi Tạ thái phó: Tài biện luận của Chi Độn so với Kê Trung Tán thì thế nào?

Thái phó đáp: Kê dẫu gắng hết sức chỉ phá được một nửa Chi Độn mà thôi.

- Thế so với Ân Hạo thì sao?

- Biện luận trùng trùng sợ phải chống đối. Siêu thì có chiều sâu thăm thẳm, Ân thì có cái đức biết thẹn.

Về sau Siêu kết thân với ngài, có lần gởi thư khen rằng: Lâm Công thấu rõ lý mầu, nêu cao huyền đạo, tỏ ngộ tự tâm, mấy trăm năm trở lại đây, người tiếp nối đại pháp khiến chân lý không tuyệt chính là người này.

Thái Hòa năm thứ hai, Phế Đế Hải Tây Công lên ngôi. Độn dâng biểu cáo từ lui về núi ở ẩn. Vua xuống chiếu ban cấp tiền của cho ngài, công khanh làm việc tiễn ngài ở Chinh lỗ đình.

Sái Tử Thúc đến chỗ ngài ngồi, ngài liền đứng dậy chào, Vạn nhiều lần đến nơi ngài ở, Tử Thúc đến bắt gặp, nắm cổ áo ném Vạn xuống đất, Vạn nói: "Cớ gì ông làm mất mặt ta?" Tử Thức đáp: "Trước đây ta chưa từng nể mặt ông kia mà!" Như vậy đủ thấy rằng những người đương thời mến mộ ngài biết bao.

Về già, ngài ẩn cư ở núi, lặng lẽ giảng kinh Duy-ma. Bấy giờ Hứa Tuân giảng kinh ở kinh đô. Chi Độn vốn thấu hiểu Đệ nhất nghĩa, nên khi giảng ai nấy đều nghe hiểu mà chẳng ai vấn nạn. Đến khi Hứa Tuân đến vấn nạn, nhưng lại chẳng hiểu diệu lý của ngài, thế là chủ khách cứ mãi vấn nạn nhau không dứt. Phần đông thính giả đều thông hiểu ý chỉ của ngài, nếu khởi ý cật vấn tức thời liền mất. Ngài trước tác những bộ luận như Tức Sắc Du Huyền Luận, Thánh Bất Biện Tri Luận...

Có người biếu ngài con ngựa, ngài nhận nuôi và nói: Ta chỉ yêu mến con tuấn mã này mà thôi. Lại có người tặng ngài con Hạc, ngài thả nó và nói: Con vật vùng vẫy giữa trời xanh, lẽ đâu chỉ làm vui cho tai mắt ư! Quân tử phải thấu hiểu nhiều lẽ!

Sau khi ngài mất, Đới Quỳ có lần đi ngang qua tháp của ngài, rồi

than: Âm đức chưa vang xa, mà cây cổ thụ trên mộ đã nhiều thế này rồi! Mới hay lý mầu rạng rỡ đâu mất theo khí vận.

25. Khích Siêu mến mộ Phật pháp:

Khích Siêu tự là Gia Tân, thuở nhỏ đã có tài mở mang thời thế, bàn luận những nghĩa lý tinh vi, nêu cao chí lớn mến mộ Phật pháp, chuyên chú hành trì. Hồi ấy đại tướng quân Hoàn Ôn cử ông làm tham quân. Vương Tuân là người đồng phủ với ông, Tuân làm chủ bạ (trông coi sổ sách). Siêu là người có râu hùm rất đẹp, Tuân có dáng người nhỏ thó. Người trong phủ thường nói: Người đẹp làm tham quân, người lùn làm chủ bạ, nên hay khiến một ông thì vui, một ông thì giận.

Có lần Tạ An, Vương Thản Chi đến phủ của Hoàn Ôn, Ôn trước đó sai Siêu nằm trong trướng phủ, nghe họ nói chuyện. Chẳng may gió lay màng trướng, An thấy ông bèn cười nói: Khích sống lại rồi! Đó gọi là khách vào màn gấm đấy! Siêu nghe vậy mỉm cười và trốn mất.

Chi Đạo Lâm có lần nói: "Ông ấy lập một công nhỏ cũng đủ để khởi đầu cho việc tham chánh". Đó đủ thấy rằng Lâm rất kính trọng ông ta.

Khích Siêu rất thân với Pháp sư Thải, có lần ông đoán Thải sẽ chết trước. Ông nói: Những việc báo ứng trong cõi u minh, sẽ báo ứng ngay đây. Quả nhiên Thải chết thật. Một đêm nọ, ông mộng thấy Thải về nói với ông rằng: Trước đây tôi với ông cùng nói việc báo ứng, nay quả thật không sai, xin ông chớ quên tu đức, để ngang hàng với các bậc thần minh. Nhờ vậy, từ đó Siêu càng tinh tấn tu đạo.

Ất Sửu: Tần đổi hiệu là Kiến Nguyên.

26. Phế Đế: (Bính Dần)

Tên là Dịch, tự là Diên Linh, em cùng mẹ với Ai Đế. Sau bị đại tư mã Hoàn Ôn phế làm Hải tây công. Ông mất ở đất Ngô vào tháng mười, thọ ba mươi lăm tuổi, ông lên ngôi đổi niên hiệu là Thái Hòa, trị vì được năm năm.

Đinh Mão: Phật giáo truyền sang Trung Quốc được ba trăm năm.

27. Pháp sư Thích Đạo An:

Sư họ Vệ, người ở Phù Liễu, Thường Sơn, là học trò của ngài Đồ Trừng. Sư vốn con nhà danh nho, từ nhỏ đã mồ côi cha mẹ, được người anh nuôi dưỡng. Thuở nhỏ đọc sách, chỉ cần đọc qua một lần là ngài nhớ vanh vách. Năm mười một tuổi xuất gia, khả năng thông minh của

ngài vượt trội, mỗi ngày nhớ cả vạn lời, là người nổi tiếng tài cao ở Truy Lâm.

Niên hiệu Khương Ninh năm đầu, ngài dựng tháp, đúc tượng Phật đồng tại chùa Đàn Khê ở Tương Dương , rồi ngài vác tượng Phật ấy mà đi, đến Phương Sơn mới dừng. Ánh sáng của tượng phát ra như đuốc, sáng rực cả bầu trời. Phút chốc ai nấy đều đến chiêm bái, tiếng khen hô vang chấn động cả hang núi.

Tần chủ Phù Kiên bèn đem vàng lấy được của ngoại quốc trang sức trên tượng Phật, lại dùng những sợi lụa bằng vàng có đính những hạt châu trang nghiêm trên tượng Phật. Mỗi lần giảng kinh pháp, ngài đều đem việc này làm minh chứng.

Một đêm nọ, ánh sáng trên tượng chiếu sáng khắp thất, ngài nhìn xem thì thấy trên đỉnh tượng có xá-lợi.

Tập Tạc Xỉ là cao sĩ ở Tương Dương, trước khi gặp ngài, ông ấy có viết thư thăm hỏi. Đến khi gặp ngài, ông ta tự xưng: Tứ Hải Tập Tạc Xỉ. Ngài đáp lại: Di Thiên Thích Đạo An. Hai người gặp nhau vô cùng hoan hỷ. Xỉ bèn viết thư tạ lỗi với Đông Sơn và khen An là bậc cao sĩ phi thường cái thế, chỉ hận là chưa một lần gặp mặt ông ấy.

Hiếu Vũ Đế nghe danh của ngài bèn xuống chiếu rằng: “Pháp sư đem đạo đức chiếu khắp cả trời, người, làm cho đại pháp lưu hành, làm chỗ dựa cho sinh linh. Pháp sư nên mỗi ngày nhận lộc như Vương công, quan lại địa phương theo mùa mà chu cấp tiền của cho ngài vậy.” Thế nhưng ngài một mực chối từ không nhận.

Không bao lâu, Phù Kiên đem binh vây hãm Tương Dương, rước được ngài rồi, trong lòng vô cùng mừng rỡ, Kiên nói với tả hữu rằng: Ta dùng mười vạn binh vây đánh Tương Dương, được một người rưỡi. Tả hữu hỏi: Người đó là ai? Kiên đáp: An là một người, Tập Tạc Xỉ là nửa người.

Khi ngài vào Quan trung, bấy giờ có hơn mười ngàn Sa-môn đều lấy họ của ngài. Ngài nói:

- Tôn ta làm thầy, đâu bằng xem như Phật còn tại thế. Sa-môn nên lấy họ Thích làm họ của chính mình. Trong kinh Tăng Nhất A-hàm có ghi: Bốn sông đổ ra biển, không còn tên gọi khác. Bốn họ khi xuất gia, được gọi là họ Thích. Như vậy mới phù hợp.” Từ đó ai nấy càng thêm kính trọng ngài.

Có một lần, quan giám điền nhặt được một cái đỉnh cổ, có thể chứa được hai mươi bảy đấu, bên trong có khắc hàng chữ Triện, trong triều chẳng ai đọc được. Vua đem hỏi ngài, ngài đáp: Đó là đỉnh do Lỗ

Tương Công đúc.

Từ đó Phù Kiên có lệnh: Tam Quán học sĩ nếu có điều gì nghi ngờ, không hiểu thì thưa hỏi với ngài. Vì vậy đương thời người trong nước đều nói: Học mà không thưa hỏi với Đạo An, thì nghĩa lý tất không khỏi nhầm lẫn.

Thời bấy giờ, đất đai của họ Phù, đông kéo dài đến Thượng hải, Tây tiếp giáp với Quy Tư, Nam bao trùm đến Tương Dương, Bắc nối liền với sa mạc, chỉ có Kiến Khương là chưa thu phục mà thôi. Phù Kiên cố ý muốn chiếm lấy Kiến Khương, nhưng quần thần đều can gián và không bằng lòng. Khi ấy thái úy Phù Dung lạy thỉnh ngài, nhờ ngài hãy vì sinh linh cứu giúp một lời, ngài bèn đồng ý.

Đợi đến khi Phù Kiên xa giá đến Đông uyển, Kiên ban lệnh cho ngài cùng lên ngồi xa giá. Bộc xạ Quyền Dực thấy thế bước ra can: Thần nghe Thiên tử ngồi xa giá thì kẻ hầu phải đẩy xe. Đạo An chỉ là Đạo sĩ, lẽ đâu lại được dự càn như vậy sao?

Kiên nổi giận mắng: An công đức cao vời, trẫm đem cả thiên hạ để đổi lấy cái vinh dự đẩy xe cho ông ấy còn chưa xứng với cái đức của ông ta! Rồi vua ra lệnh bảo Dực dìu ngài lên xa giá. Thế là Dực liền quỳ xuống đỡ ngài lên. Kiên quay lại nói với ngài rằng: Trẫm muốn cùng ông vân du qua Ngô, Việt ở phía Nam, chỉnh đốn lại ba quân để đi tuần thú, lên Cối kê để nhìn ngắm biển xanh, như thế không vui sao!

Ngài đáp: Bệ hạ là bậc ứng thiên ngự thế, giàu có đến tám châu, ở ngôi thiên tử thống lãnh bốn biển, nên đặt tâm ý trong cái vô vi để làm quốc gia hưng thịnh như thời Nghiêu, Thuấn. Nay bệ hạ muốn dùng trăm vạn hùng binh để đổi lấy khu đất khô khan cằn cỗi đó, thì đất đai ở Đông nam ấy thế đất đã thấp mà khí vượng lại rất xấu, xưa vua Thuấn, vua Vũ đến đó mà chẳng thấy trở về, Tần Thỉ Hoàng cũng vậy. Thần chưa thấy ai đến đó mà có may mắn trở về. Bình Dương Công Ý Thích, Thạch Việt là những trọng thần, hết lòng tận trung ái quốc. Những gì họ bàn đều đáng nghe được.

Kiên nói: Chẳng phải nơi ấy đất hẹp thành nhỏ, mà ta muốn nêu cao mệnh trời, mở mang vận lớn ở đó mà thôi. Thuận thời mà tuần thú, vả lại có những ý kiến xuất cách, giả sử đó là những lời luận bàn cao sâu, thì đế vương lẽ đâu lại không xét kỹ sao?

An nói: Nếu bệ hạ quyết lòng đến đó, thì nên đóng binh ở Lạc Dương, tôi luyện binh mã thật tinh nhuệ, truyền hịch đến Giang nam. Nếu bọn họ không quy phục thì đánh cũng không muộn". Nhưng Kiên không nghe. Thái Nguyên năm thứ bảy. Phù Kiên đích thân dẫn trăm

vạn bộ binh, kỵ binh đến Thọ Xuân, bị thứ sử Từ châu nước Tấn là Tạ Huyền đánh bại, cuối cùng chỉ còn một mình quay về.

Mỗi lần chú sớ nghĩa kinh ngài đều cầu tìm những bậc Thánh giám chứng. Một hôm cảm được Tôn giả Bàng My giáng thế. Ngài bèn đưa ra những điều lệ giảng dịch của mình thì giống hệt ý kiến của Tôn giả. Tôn giả hết lời khen ngợi, cho rằng hoàn toàn khế hợp tâm Phật. Tôn giả hứa sẽ ngầm hỗ trợ cho ngài hoằng hóa xiển dương. Ngài biết Tôn giả chính là Tân-đầu-lô. Nhân đó thiết trai cúng dường, tế tự. Ngày nay cách thức cúng Tân-đầu vốn khởi nguyên từ ngài.

Môn nhân đệ tử tiếp nối sự nghiệp của ngài có đến mấy mươi người. Trong đó có Pháp Ngộ là người nổi tiếng, truyền pháp đến Trường Sa, học trò có đến mấy trăm. Trong đó có Tư Ẩm là người mà Pháp Ngộ chẳng quan tâm đoái hoài gì đến. Đạo An thấy thế bèn gởi Tư Ẩm cho Phong Kinh nuôi dạy. Khi đó Pháp Ngộ mới ôm Phong Kinh vừa khóc vừa nói: Tôi nuôi chúng đã chẳng làm nên trò trống gì, mà lại làm thầy phải khổ tâm lo lắng như thế này! Nói xong Pháp Ngộ quỳ trước mặt ngài chân thành lắng nghe ngài khiển trách.

Ngày ba mươi tháng giêng năm Thái Nguyên thứ mười bốn, ngài sai đồ chúng tắm rửa cho mình. Đang khi ấy bỗng có một dị Tăng xuất hiện, bay ra bay vào nơi kẻ tường, ngài bèn hỏi vị Tăng ấy rằng mình sinh ở đâu. Vị Tăng ấy bèn chỉ tay về hướng Tây bắc, nơi ấy bỗng chốc mây trời tan biến, hiện ra những tòa lâu đài nguy nga tráng lệ như mới được dựng thành. Vị Tăng ấy nói: Đó là cõi trời Đâu-suất. Đêm nay có vài trăm tiểu đồng tắm xong thì đến đó. Ông cần biết trước để ngày sau cùng kết duyên với những bè bạn ứng chân đó.

Ngày tám tháng hai ngài ngồi kiết già, an nhiên thị tịch. Ngài có dung mạo thư thái nhưng mặt mày lại đen, là người học rộng giỏi văn chương, nên bấy giờ có câu ngạn ngữ: "Đạo nhân đen như sơn, làm kinh động bốn phương". Trên cánh tay trái của ngài có cục thịt vuông vức hơn một tấc, nổi cao như cái ấn, nên người đương thời gọi ngài là Ấn Thủ Bồ-tát.

Ngài trước tác Tăng Ni Quỹ Phạm và Pháp Môn Thanh Thức gồm hai mươi bốn điều, ai nấy đều tuân hành theo.

Luận rằng: Khi dòng pháp bắt đầu tuôn chảy vào Trung Quốc, từ Phật Đồ Trừng rồi đến Đạo An, từ Đạo An rồi đến Viễn Công, phép tắc hóa nghi của ba đạo sĩ này chưa có điều gì khác biệt. Thế nhưng bàn đến khí tiết cao thượng mà họ đã trang trải cho đời thì khiến ta phải rơi lệ, tại sao?

Đại để là như vầy: Kể từ khi nhà Tấn vượt sông. sau thời của Minh đế, dù rằng những Đế vương đương thời không nổi tiếng cho lắm, nhưng kỷ cương phép tắc của triều đình chưa hẳn thiếu sót. Vào thời ấy, Viễn Công tỏ rõ được sự thanh cao của mình, thiên tử đến Tầm dương xuống chiếu thỉnh mà ngài vẫn không xuống núi. Còn như Trừng Công và An Công là những người trọn đời dấn thân giáo hóa trong triều đình mà trọn chẳng mảy may luồn cúi, liên lụy vì đế vương. Quý Long và Phù Kiên kia đâu có dễ dàng để họ nằm yên trong núi sâu rừng thẳm, nhưng không vì thế mà hai ngài chịu quy phục hai kẻ ngang ngược ấy đó sao! Đó là điều mà người xưa gọi là "Thay đổi thời thế" là vậy. Ba đại sĩ ấy đều có cái khả năng tuyệt thế đó. Mạnh Kha tôn xưng Bá Di, Y Doãn, Liễu Hạ Huệ là Thánh nhân chính là vì đạo lý của họ ban trải muôn phương mà lại rất khéo hợp thời. Người đời nay cho rằng tiết tháo của Trừng Công, An Công không bằng Viễn Công, nhưng tôi thì không tin như vậy.

28. Tôn Xước:

Tôn Xước tự là Hưng Công, cha ông là người được vua Sở trọng vọng. Ông vốn là người học rộng nghe nhiều văn hay chữ tốt. Ông và Hứa Tuân ở Cao Dương là những người có chí khí cao thượng. Ban đầu ông ẩn cư ở Kê sơn, ngày ngày chỉ vui với suối rừng cây cỏ và trước tác Toại Sơ Phú để bày tỏ chí khí của mình. Có lần bạn ông là Đạo Lâm hỏi ông rằng: Anh so với Hứa thì thế nào?

Tôn Xước đáp: Hứa là người có tình cao chí lớn, từ lâu đệ tử đã khâm phục ông ấy.

Nhưng một khi ngâm vịnh thì Hứa rất khâm phục. Ông có lần làm bài Thiên Thai Phú, rồi nói với người bạn mình là Phạm Vinh Kỳ rằng: Anh hãy thử lật đất lên rồi tìm tiếng kim (một trong Bát âm) trong đó xem!

Vinh Kỳ đáp: Chỉ sợ rằng tiếng kim này không hợp là Cung Thương.

Thế nhưng mỗi lần gặp những câu thơ hay, Kỳ liền khen: Đúng là khẩu khí của bọn ta! Theo tôi thì có rất nhiều điều để bàn bạc, lựa chọn!...(Việc này có nói rất đầy đủ trong Hoằng Minh Tập).

Ông mất năm năm mươi tám tuổi. Sử thần từng khen Tôn Xước là người có khí tiết khiêm cung, vị tha, chứ không phải chỉ có những án thơ văn tao nhã suông mà thôi.

29. Hứa Tuân:

Hứa Tuân tự là Huyền Độ, người ở Cao Dương. Ông là tằng tôn của Ngụy Trung Lịnh Quân Duẫn. Lớn lên ông dốc chí học Phật, là người được các công khanh ở Giang Tả rất ngưỡng mộ.

Giản Văn Đế biết ông là người có phong cách thanh cao, nên vào những lúc trăng thanh gió mát thường mời ông đến đàm đạo về những diệu lý thanh tao. Họ say sưa luận bàn đến nổi quên cả đêm dài, đến sáng mà chẳng ai thấy mệt. Giản Văn Đế thường nói với thân hữu của ông rằng: Huyền Độ là người vừa có tài vừa nặng tình, những người như vậy không dễ gì có được!

Lưu Chân Trưởng có lần cùng luận bàn đạo huyền với ngài, từ những cuộc đàm đạo ấy mà hai người kết thân với nhau. Ông ấy thường bảo mọi người rằng: Ta chưa từng thấy Huyền Độ có mảy may tỏ ý xem thường Lệnh Doãn. Lại có lần ông nói: Trăng thanh gió mát thế này, ta không lúc nào không nhớ đến Huyền Độ.

Mậu Thìn: Vương Tuần cùng với em là Vương Hôn cải gia vi tự, nay chính là chùa Hổ khâu.

Canh Ngọ: Phù Kiên tiêu diệt Yên.

30. Hoàn Ôn vâng lời Ni:

Cuối năm này, có một vị Ni đến nhà Tư mã Hoàn Ôn, Ôn cung kính hầu hạ chẳng từng biếng trễ. Gặp lúc vị Ni này tắm, Ôn thấy cái bóng của cô ta cứ di chuyển không dừng, Ôn lấy làm lạ bèn lén nhìn, thì thấy vị Ni này cầm dao làm bộ dạng như rạch thân, chặt tay chân, lóc da thịt. Một lúc sau, vị Ni bước ra, Ôn bèn hỏi nguyên do, Ni đáp: Nếu ông muốn làm cho thỏa chí của mình (mưu đồ làm phản), thì thân ông sẽ như vậy đó.

Bấy giờ, Ôn chỉ mới rắp tâm có ý mưu cầu đại sự, nhưng khi nghe như vậy mới thất kinh, rồi bỏ ý định mưu phản. Sau đó vị Ni này cáo biệt ông mà đi (Trích từ Cảm Thông Lục).

31. Giản Văn Đế: (Tân Mùi)

Tên là Dực, tự là Đạo Vạn, con út của Nguyên Đế. Ông vốn là người thanh cao, hiểu biết, nhưng không có tài kinh bang tế thế. Về sau mất ở Đông đường, an táng ở Cao lăng, thọ năm mươi tuổi.

32. Vua xuống chiếu mời Trúc Pháp Khoáng nhương tinh giải hạn:

Vua đổi hiệu là Hàm An. Trong năm này sao chổi xuất hiện trong nước, vua xuống chiếu mời Trúc Pháp Khoáng nhương tinh giải hạn. Khoáng thưa: Bệ hạ nên tu thân tích đức, ban bố chánh sự để bù đắp chánh sự khiển trách của trời. Bần đạo sẽ gắng sức.

Vua nghe vậy bèn ăn chay, sám hối, tai nạn nhờ đó mà hết.

■

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 7

1. Đông Tấn Vũ Đế: (Quý Dậu)

Hiếu Vũ Đế tên là Diệu, tự là Xương Minh, con thứ ba của Giản Văn Đế. Lên ngôi năm mười tuổi, đổi niên hiệu là Ninh Khương. Bấy giờ thái hậu Sùng Đức lâm triều bố chánh. Tháng hai Hoàn Ôn đem binh đến triều với ý đồ không chịu làm bề tôi. Tháng ba ông bị bệnh lại đưa về Cô Thục. Đến tháng bảy thì ông mất. Em ông là Xung thay ông nắm giữ binh quyền, tận trung với Vương thất. Ông mất ở điện Thanh Thự, an táng ở Bình lăng thọ ba mươi lăm tuổi, trị vì được hai mươi bốn năm.

Bính Tý: Đổi niên hiệu là Thái Nguyên. Năm này tượng Phật bằng Chiên-đàn được đưa đến Trường An, an trí được mười bảy năm.

Quý Mùi: Hậu Tần: Diêu Trành, tự là Cảnh Mậu, người ở Nam An, Xích Đình Khương. Tiên tổ ông là hậu duệ của Hữu Ngu, cha ông là Dặc Trọng có tất cả hai mươi bốn người con, Trành là con út. Ban đầu ông làm quan dưới thời Phù Kiên, giữ chức Dương vũ tướng quân. Nhân vì Nam chinh bị bại đem quân về, bèn giết Phù Kiên, chiếm cứ Trường An rồi tiến ngôi. Ông ở ngôi tám năm, đổi niên hiệu là Kiến Hưng, thọ sáu mươi bốn tuổi.

Tây Tần: Khất Phục Quốc Nhân: Vốn là người ở Tây Dương. Tiên tổ ông rời khỏi Âm sơn từ thời Hán, sau quy hàng Phù Kiên, làm quan đến chức Nam thiền vu trấn dũng sĩ xuyên. Về sau đánh bại Phù Kiên rồi tự xưng Đại Thiền Vu Vương, đổi quốc hiệu là Tây Tần, chiếm cứ Kim thành rồi tiếm ngôi. Bốn năm sau (Ất Dậu) đổi niên hiệu là Kiến Hy.

Hậu Lương: Lữ Quang: Tự là Thế Minh, người ở Lạc Dương. Cha là Bà Lâu, làm quan dưới thời Phù Kiên đến chức thái úy, sinh ra Quang. Quang cao tám thước bốn tấc, mắt có hai đồng tử. Vương Mãnh gặp ông biết là người tài bèn tiến cử ông làm tướng, thống suất bảy vạn hùng binh Tây chinh. Ông dẫn binh hùng hơn bốn mươi nước, đến nước Quy

Tư thì rước được La-thập. Nửa chừng nghe tin Kiên chết, ông chiếm cứ Cô tang rồi xưng là Lương Châu Mục, ở ngôi được mười năm.

Hậu Lương: Mộ Dung Thùy, tự là Đạo Minh, em của Hoàng. Ông cao bảy thước năm tấc, tay dài quá gối, do sợ bị giết nên chạy sang Tần. Phù Kiên cử ông làm tướng, sai ông đem binh chinh phạt Tấn, cuối cùng bị bại, ông bèn chiếm cứ Trung sơn, đổi quốc hiệu là Yên, ở ngôi mười ba năm, thọ bảy mươi mốt tuổi.

Giáp Dần: Phù Phi, tự là Vĩnh Thúc, con thứ của Kiên, sau khi nghe Kiên mất, ông đem binh ra trấn giữ đất Nghiệp, chiếm cứ Tấn Dương , trị vì một năm, đổi niên hiệu là Đại An.

Hậu Tần đổi niên hiệu là Bạch Tước.

2. Pháp sư Tuệ Viễn ở Đông lâm:

Thái Nguyên năm thứ chín, do Tần bị loạn nên Pháp sư Tuệ Viễn về với Tấn. Ngài họ Giả, quê ở Nhạn Môn, thuở nhỏ vốn là nho sinh, học rộng, đọc khắp sách vở, lại rất tinh tường Chu Dịch, Trang Lão. Ngài cùng em mình là Tuệ Trì có lần nghe pháp trong pháp hội của Pháp sư Đạo An. Khi nghe được diệu pháp xuất thế, ngài vô cùng vui mừng rồi than: Chín phái của Nho gia đều có trấu cám! Thế rồi ngài cầu Đạo An xuất gia.

Môn đồ của ngài Đạo An có đến mấy ngàn người, ngài là đệ tử thượng thủ. Đến khi Quan Trung bị nhiễu loạn, Đạo An phải phân tán đồ chúng của mình, khi ấy Đạo An đem quy cũ, nhắc nhở dạy dỗ từng người một cách cặn kẻ, nhưng chỉ riêng ngài, thì Đạo An không nói lời nào cả. Ngài lấy làm lạ bèn hỏi, thì Đạo An nói: "Với con người bản lĩnh như ông, ta còn nói làm gì nữa!

Thế rồi từ Kinh châu, ngài đến La Phù, Tầm Dương , Khuông Sơn, thấy phong cảnh núi non Lô sơn thâm u, vắng lặng. Ngài vô cùng thích thú. Bấy giờ thái thú Hoàn Ôn bèn dựng tinh xá tại đây cho ngài ở. Một đêm nọ sấm gió bỗng nhiên nổi lên nhổ bật cả đại thụ, san bằng cả đất đá, biến nơi ấy thành khu đất bằng phẳng, lại thổi cả những cây gỗ lớn đến ngay nơi đó. Bấy giờ người ta cho rằng đó là do thần vận chuyển đến.

Hồi ấy thái úy Đào Khản trấn thủ Quảng châu, bấy giờ có một ngư phủ đánh cá ở biển vớt được tượng của ngài Văn-thù, bèn đưa đến chùa Hàn khê thờ tự. Chùa này có lần bị hỏa hoạn nhưng gian nhà thờ và tượng Bồ-tát chẳng hề bị cháy. Về sau, Khản ra trấn thủ tại Vũ Xương , bèn sai người thỉnh tượng ấy về Vũ Xương , nhưng có đến mười người

mà vẫn nhích tượng không lên. Cuối cùng họ phải tốn nhiều công sức mới đưa được tượng lên thuyền, nhưng thuyền liền bị chìm, pho tượng ấy cũng mất. Khi đó có bài ca dao rằng:

Khản chỉ là tướng tài
Tượng vốn là thần uy
Chỉ dùng tâm thành rước
Đâu thể dùng sức nghinh.

Đến khi ngài dựng chùa xong, thành tâm cầu khẩn, bấy giờ pho tượng ấy tự nhiên trôi đến.

Hồi đó nhà Tấn suy vi, kỳ tài trong thiên hạ hầu hết ẩn cư chẳng chịu ra làm quan, như Lưu Di Dân ở Bình Thành, Lôi Thứ Tông ở Dự Chương, Chu Tục Chi ở Nhạc Môn, Tất Dĩnh Chi ở Tân Sái, Tông Bính, Trương Sĩ Dân, Lý Nhạc...ở Nam Dương. Họ đều giao du theo ngài. Ngài cùng với hơn một ngàn Sa-môn khác kết thành Bạch Liên xã, đối trước tượng Phật Vô Lượng Thọ thiết trai phát nguyện kỳ hẹn sinh Tịnh độ.

Đến khi nghe tin Pháp sư La-thập vào Quan trung, ngài rất kính trọng tài năng, cốt cách của La-thập, nhiều lần viết thư thăm hỏi. Trong thư ngài nói: "Năm trước Viễn tôi nhận được thư của Diêu Hữu Quân, nhờ đó biết được đức độ của Nhân giả. Ngày ấy Nhân giả với tôi mỗi người một nơi, thế rồi ngài từ phương xa ấy mà du hóa đến xứ này. Lúc ấy chưa từng có thư từ qua lại, nhưng chỉ mới thoảng nghe, trong lòng tôi đã vô cùng mừng rỡ. Phút giây ôm hoài bảo mong Nhân giả đến nên trọn ngày mong ngóng. Chỉ lấy tình suông như thế này mà ngợi khen ý vị tao nhã chứ chưa biết cách nào đến Nhân giả được, dõi mắt ngóng trông ngày thêm khắc khoải. Phàm cây Chiên-đàn dời trồng nơi khác thì nơi ấy cỏ cây đều được xông thơm, ngọc Ma-ni mà phát sáng thì các thứ báu khác cũng được hấp thụ. Hơn nữa mãn nguyện mà không tư lợi cho riêng mình là cái đáng quý đến muôn đời sau. Long Thọ đâu chỉ khéo noi theo dấu trước! Nhưng nay xem ra cũng đã mai một lắm rồi! Nguyện xin Nhân giả thăng tòa trước tác, diễn giảng."

Ngài La-thập trả lời: Vốn chưa được gặp nhau đàm đạo, văn từ lại vô cùng cách biệt, con đường dẫn dắt đạo tâm không thông, cái duyên đắc ý nhau lại gãy đổ. Tôi hân hạnh đọc được mấy lời ngài ban tặng, chỉ lược nêu đạo đức, phong cách, thì xét ra làm sao đầy đủ hết được. Nhưng Thập tôi nghe qua một lời cũng đã hiểu thấu hết đạo phong của ngài vậy.

Kinh nói: Đời mạt pháp sau này, phương Đông sẽ có một Bồ-tát

ra đời hộ trì chánh pháp.

Thật đúng thay! Nhân giả là người khéo hoằng truyền mở mang việc ấy. Phàm tài năng có năm phương diện: Đó là phước báo, giới Luật, học rộng nghe nhiều, biện tài và trí tuệ siêu việt. Người nào đủ cả thì đạo pháp hưng long, nếu ai không đủ thì đạo pháp ngưng trệ. Nhân giả là người có đủ năm cái đáng quý đó. Vì thế tôi có mấy lời thăm hỏi, nhằm tỏ lòng tôi, nhưng e không làm sao báo đáp hết tấm lòng ưu ái mong chờ cho Nhân giả được.

Còn như việc vận pháp mai một, ngài muốn tôi lên pháp tòa diễn giảng, cũng như lòng mong mỏi tôi đến, thì tôi chỉ sợ tài hèn này không xứng, tôi rất lấy làm hổ thẹn.

Xưa nay muốn bày tỏ ý hướng, phải gặp nhau luận bàn mới mong bày tỏ hết được.

Ngài La-thập lại làm bài kệ gởi Tăng Tuệ Viễn rằng:

Từ lâu bỏ thế tục
Tâm đã nhiếp phục chưa?
Nếu chẳng còn dong ruổi
Thâm nhập thật tướng chưa?
Rốt cuộc trong vô tướng
Tâm chẳng còn thấy vui.
Nếu vui thiền, trí tuệ
Là pháp tánh không soi
Nó hư dối không thật
Chẳng phải nơi dừng tâm
Pháp Nhân giả đạt được
Nguyện xin nêu mấu chốt.

Ngài Tuệ Viễn dùng bài kệ phúc đáp rằng:

Đầu mối từ đâu khởi
Trong sinh, diệt, có, không
Mảy may chạy theo cảnh
Liền đạp đổ núi cao
Hoặc, tưởng lại theo nhau
Gặp lý tự sinh trệ
Nhân duyên tuy không chủ
Mở lối chẳng một đời
Lúc chưa thấu Tông tượng
Ai sẽ mở lối huyền?
Hỏi đến càng lo nghĩ

Hẹn nhau đến cuối đời.

(Lúc bấy giờ, Trung Quốc chưa có thuyết Niết-bàn thường trụ, nên chỉ nói: Thọ mạng nhiều kiếp lâu dài). Rồi Tuệ Viễn nói: Phật là bậc Chí Cực, Chí Cực thì không biến đổi, lý không biến đổi ấy lẽ đâu có điểm tận cùng chăng!

Thế rồi ngài trước tác Pháp Tánh Luận. Trong ấy đại khái nói: "Chí Cực lấy bất biến làm tánh, muốn thể đạt được tánh phải lấy thể làm tông."

La-thập đọc luận bất giác khen: Tuệ Viễn chưa đọc được kinh nhưng lý lẽ nhiệm mầu đã thấu hiểu cả, lẽ đâu không mầu nhiệm ư!

Tần Vương Diêu Hưng có lần gởi thư và ban tặng cho ngài tượng thêu bằng gấm lụa của nước Quy Tư, để tỏ lòng cung kính ngài. An Thành Hầu Diêu Tung dâng cho ngài tượng bằng châu ngọc và bộ Thích luận rồi nói: Đại Trí Luận Tân Ký là bộ luận do Long Mãnh trước tác, xin Pháp sư viết cho bài tựa để làm rạng rỡ cho muôn đời sau và để cho đạo nhân khắp nước cùng được thấy nghe.

Ngài cho rằng Đại Trí Luận văn nghĩa sâu rộng, nên khiêm nhường không nhận và ngài sao lại những điểm trọng yếu trong ấy thành hai mươi quyển, rồi viết bài tựa riêng cho phần này.

Bấy giờ Hoàn Huyền làm phụ chánh, khuyên An Đế sa thải Sa-môn, chiếu viết: Những Sa-môn nào có khả năng trước thuật Kinh Luận, diễn thuyết nghĩa lý thì cho phép nương nhờ cửa Phật tu tập, bằng không thì cho hoàn tục, còn Khuông sơn là nơi có những bậc đạo đức ẩn cư, nên chẳng cần phải kiểm nghiệm lựa chọn.

Ngài bèn viết thư gởi cho Huyền, trong thư có nói: Dương vận (lẽ sống) thì ngang dọc mà âm vận (cái chết) bị cướp mất. Do đó vua bèn đình chỉ chiếu chỉ đó.

Ngài từng kê cứu ý chỉ, cội nguồn của Thiền tông biệt truyền kể từ lúc sơ khai đến khi Tổ sư Đạt-ma sang thảy đều phù hợp.

Đào Uyên Minh ẩn cư tại Sài Tang, nhiều lần hỏi đạo với ngài, Minh rất cung kính và ngưỡng mộ ngài. Tạ Linh Vận muốn ghi tên nhập hội Bạch Liên xã, nhưng ngài không thâu nhận. Đến những việc như Tông Bích viết Minh Phật Luận, Nhan Diên Chi phân tích Đạt Tánh Luận, Chu Ngung bác bỏ Di Hạ Luận, Trịnh Đạo Tử viết Thần Bất Diệt Luận, đều nhờ ngài đính chính. Còn những bọn như Long An Trung, Hoàn Huyền, Trọng Thân, Dữu Băng muốn Sa-môn phải cung kính vương giả, thì trong triều dựa thế vua phần nhiều đồng ý với Hoàn Huyền, nhân đó vua hỏi ngài rằng: Đây là việc lớn của cả thời đại,

không thể khiến triều đình mất cả thể diện. Trẫm đã nhận được tám lá thư, họ có cùng quan điểm như ngài, ngài phải biện luận tận tường lý do không tôn kính ấy để giải tỏa mối nghi ngờ cho họ, khiến họ phải tuân thủ.

Ngài bèn trả lời thư và viết Sa-môn Bất Kính Vương Giả Luận, gồm năm thiên, nêu rõ lý do vì sao Sa-môn không lễ lạy vương giả.

Lúc đầu Huyền khăng khăng buộc Tăng lạy vua, nhưng đến khi nhận được bộ luận ấy, thì liền hoãn việc này lại, không bao lâu Hoàn Huyền sợ mất chức, bèn đổi ý và viết thư nói rằng: Pháp Phật sâu thẳm không lường biết được, Sa-môn một lòng thờ vua, muốn nêu cao lòng cung kính, nay mọi việc đã rõ ràng, cung cách của đạo nhân khiêm cung cao vời, nên Sa-môn không phải lạy vua.

An Đế thấy vậy liền đuổi Huyền về lại Tầm Dương, xuống chiếu mời ngài hoằng hóa đạo pháp. Phụ quốc Hà Vô Kỵ khuyên ngài ra giúp vua, nhưng ngài biện cớ bệnh tật kiên quyết chối từ, vua lại ban chiếu thăm hỏi vấn an, ra sắc lệnh cho thái thú Cửu giang mỗi năm phải cung cấp thóc lúa phẩm vật cho ngài. Ngài ở trên núi ba mươi năm chưa một lần xuống núi, bước vào nhà thế tục. Khi tiễn khách về ngài lấy Hổ Khê làm ranh giới. Em ngài là Tuệ Trì cũng là người có đức hạnh thanh cao, chúng trong Liên Xã có đến mấy ngàn người, Trì là người thượng thủ.

Thái úy Vương Tuân có lần hỏi thứ sử Dự Chương Phạm Ninh rằng: Viễn Công và Trì ai tài hơn? Ninh đáp: Anh em đều tài giỏi cả. Tuân nói: Chỉ cần được như người em tưởng đã hiếm lắm rồi, huống gì lại tài giỏi nữa ư!

Trước khi ngài mất, đồ chúng dâng mật cho ngài, ngài sợ phạm Luật , bèn sai đồ chúng kiểm lại trong Luật cho phép không, kiểm chưa hết quyển thì ngài đã chắp tay quay mặt về Tây an nhiên thị tịch, thọ tám mươi ba tuổi. Tác phẩm của ngài có Khuông Sơn Tập gồm ba mươi quyển, lưu hành ở đời.

Vào đời Tống, Minh giáo Đại sư Khế Tung đi ngang qua tổ đường thờ ngài, đề tặng sáu việc như sau:

1. Lục Tu Tĩnh là học giả của Dị giáo, nhưng ngài vẫn tiễn qua Hổ khê, chứng tỏ rằng ngài không vì người mà bỏ lời.

2. Đào Uyên Minh là kẻ nát rượu mà ngài vẫn giao du với ông ấy, chứng tỏ ngài là người không câu nệ tiểu tiết mà chỉ giữ lấy sự thành đạt của ông ấy.

3. Cao Tăng Bạt-đà do bày dị thuật nên bị đuổi nhưng ngài vẫn giữ lại và khen ngợi ông ấy, chứng tỏ ngài trọng người học thức để sửa

kẻ ghét người tài.

4. Tạ Linh Vận là người tạp tâm định kiến nên ngài không thâu nhận, về sau ông ấy quả nhiên chết bởi hình phạt, chứng tỏ ngài biết ông ấy là kẻ có tài, nhưng ngài lại thận trọng đến cách xử thế của ông ta.

5. Lư Tuần muốn làm phản, nhưng ngài cầm tay ông ấy mà cầu xin tình bạn cũ, chứng tỏ ngài tự tín đạo.

6. Hoàn Huyền Dương uy, nhưng ngài chống đối không khuất phục, chứng tỏ ngài có khí tiết lớn.

Hầu hết con người xưa nay không ai mà chẳng sợ uy, nhưng lại chịu nhục để được tránh khỏi, quên nghĩa nhưng lại tránh nghi, ưa danh nhưng lại mê muội sự thật, thích cái thế đông nhưng lại nhẫn nại một mình, muốn vun bồi sự nghiệp nhưng lại sợ liên lụy, ưa tự thị nhưng chẳng bằng người. Ai là người có đạo đức cao thượng trọn đời được kẻ tài giỏi tôn làm thầy; nhẫn chịu theo họ để được nghe vài lời? Ai là người có đức độ vượt trội, sống vui với đạo vị thanh cao, nhẫn chịu giao tiếp với kẻ say sưa rồi nêu cao sự thành đạt của họ? Ai là người có tính cách tôn quý khuất phục người tài, lạy khách bị đuổi rồi nêu cao tài năng của họ? Ai là người chống lại những kẻ sĩ nổi danh, không ban giáo pháp cho họ, nhưng lại xót thương đến cái kết cục của họ? Ai là người có cái đáng quý vì nghĩa chẳng lánh họa, hiếu kính với bạn xưa nhưng lại tự tín đạo của mình? Ai là người gặp cái uy của tướng soái, ở trong lúc bạo ngược chém giết, nhưng giữ được đạo vững vàng mà bảo toàn tiết tháo của mình?

Đó đủ thấy rằng Viễn Công là con người có tầm hiểu biết vượt xa người khác, là con người xuất chúng từ xưa đến nay vậy. Còn như công lao gánh vác đạo pháp, hoằng Dương Thánh giáo làm lợi ích trời, người, thì đâu thể dùng lời nói mà tóm thâu, diễn bày hết được. Ông ấy là Thánh ư? Là Hiền ư? Vòi vọi thay! Chí khí như núi cao, thổi mát cả đất trời, đó là thanh danh của Viễn Công. Sắc thu bốn biển, cao thẳng như núi thần, đó là khí tiết thanh cao của Viễn Công. Người, rồng, tăng, phượng vái chào nhóm họp, đó là nếp sống của Viễn Công. Mây trắng, hang hồng, cây ngà, cỏ ngọc là trụ xứ của Viễn Công.

3. Lưu Di Dân mất:

Lưu Trình Chi tự là Trọng Tư, người ở Bành thành, thuở nhỏ mất cha, ông phụng dưỡng mẹ hiền, lòng hiếu thảo ấy vang khắp thiên hạ. Ông là con người luôn giữ vững tiết tháo, không uốn mình theo thời thế.

Bản thân tuy nghèo khổ nhưng chắc do phước uy đời trước, nên khí tiết của ông mới thanh cao như vậy.

Tư đồ Vương Mật, Thừa tướng Hoàn Huyền, Thị trung Tạ Côn, Thái úy Lưu Dụ đều mến mộ tài năng của ông. Họ bàn nhau muốn tiến cử ông, nhưng Trình Chi một mực chối từ và ông đến Khuông sơn nương nhờ với Viễn Công. Gặp ông, Viễn hỏi: Bổng lộc quan triều cao vời như thế sao ông không làm quan?

Trình Chi đáp: Vua tôi nghi ngờ nhau, cái bướu thừa ngoài da lại thiếu (bổng lộc), nhà Tấn không có cái thế vững chắc như bàn thạch, lòng người lại có mối họa dễ vỡ như trứng, thì tôi làm quan sao được!

Viễn nghe ông nói như vậy, biết ông là người lỗi lạc. Thái úy cũng cho rằng không ai khuất phục được chí khí của ông, nên cùng công khanh bàn bạc tặng ông hiệu là Di Dân để nêu cao đức hạnh của ông.

Thời bấy giờ những người như Lôi Thứ Tông, Chu Tục Chi, Tất Dĩnh Chi, Trương Tú Thật, Tông Bích... cùng nương ngài Tuệ Viễn tu học. Viễn Công nói với họ: Các ông đến đây lẽ đâu lại quên con đường đi đến Tịnh độ chăng? Người có tín tâm rồi phải nên dốc lòng gắng sức tu trì chớ để liên lụy đến đời sau!

Khi ấy Trình Chi là người có tài văn chương nhất, nên ngài bảo ông ghi chép việc này và lấy tên là Liên xã Thệ Văn. Trong ấy nói rằng: "Ngày hai mươi tám tháng bảy năm này, Pháp sư Thích Tuệ Viễn, một lòng vì việc sinh tử, canh cánh trong lòng, ngày nay phát nguyện...". Thế rồi ngài dẫn những kẻ sĩ đã dứt lòng lo nghĩ việc tục, chánh tín Phật pháp như Lôi Thứ Tông, Lưu Trình Chi... cả thảy một trăm hai mươi ba người tập trung trước tượng Phật Vô Lượng Thọ trong tinh xá Bát-nhã đài tại Lô sơn, ngài đốt hương dâng hoa chân thành dâng cúng rồi phát nguyện rằng: Tất cả chúng hội hôm nay, đã rõ lý nhân duyên hóa sinh, đã thấu được sự truyền thừa của ba đời, đã phù hợp với nhân duyên chiêu cảm, như vậy thiện báo, ác báo đều hội đủ. Ngày nay chúng con kết giao với nhau để cùng tu tập, thấy rõ kỳ hạn vô thường quá ư cấp bách, thiện báo ác báo theo nhau thúc giục, biết mối nạn hiểm trở níu kéo. Thế nên tất cả nhân sĩ chúng con sớm tối cầu mong được ngài tế độ. Bởi vì thần có thể cảm được nhưng chẳng có dấu tích để nương cầu, cảm mà có cảnh giới thì cửa ngõ u huyền chỉ trong gang tấc. Nếu muốn cầu mà không có cảnh giới để thú hướng thì tất mênh mang mờ mịt chẳng biết đâu là bến bờ. Ngày nay chúng con may mắn không mưu cầu mà tự chiêu cảm được, thú hướng tâm về Tây phương, đọc tụng Kinh Luận , khai mở lòng tin, được như vậy thì tự tâm bừng sáng. Cơ

cảm ấy chẳng khác nào tỉnh thức giấc mộng, hơn một trăm người chúng con hân hoan cùng đến. Thế là mây mù vén sạch cảnh giới sáng lòa bỗng nhiên hiển hiện chẳng khác nào cảnh giới của thần cảm kiến lập nên. Công do lý hài hòa, sự chẳng do người chuyển vận. Đó mới chính thực là khải mở lòng thành, tìm cầu bạn hữu. Như vậy lẽ đâu chẳng chịu dốc tâm gắng sức, ngày nghĩ đêm suy, lại làm ngưng trệ mối lo nghĩ đó chăng! Thế nhưng cảnh duyên nhiều lớp, công phước chẳng đồng, dù sớm hẹn cùng nhau nhưng chiều về thì mỗi người một khác. Đó là điều mà thầy bạn tôi rất lấy làm xúc động!

Thế nên chúng con khẳng khái đợi lịnh, chỉnh áo sửa đàn, đồng lòng dốc tâm, hướng cõi Thanh lương, thề rằng từ nay cùng qua Cực Lạc. Nếu có ai bừng tỉnh việc đời bỏ thân đi trước thì người ấy là người đầu tiên bước lên cảnh giới xán lạn. Như vậy thì chẳng những chỉ quên đi núi cao vút tận mây xanh, mà còn phải quên luôn hang cùng sâu thẳm. Người trước dẫn đường, người sau cứ thế mà tiến lên, phải gắng sức chăm chăm trên con đường vạn dặm. Được như vậy thì sau đó mới khéo xét oai nghi, mở tâm khai trí, thấy rõ rằng sinh ấm do hóa sinh, thác sinh trong hoa sen, dạo chơi dưới cành ngọc mà ngâm vịnh, thi ca, tung áo linh phất phơ tám hướng, trọn đời trầm mình trong làn gió thơm, thể nhập quên mình mà cùng sinh linh hòa điệu, để tâm trong cái thoát tục mà tự an vui, nghe đến tam đồ rồi từ tạ, dạo ở thiên cung rồi chối dài, tiếp nối nguồn thiêng mà kế thừa nghi quỹ, chỉ vào hơi thở mà hẹn ngày vãng sinh. Tìm cầu con đường như thế này lẽ đâu lại không bao la thay!

4. Thời Tần Phù Kiên, đức tinh xuất hiện có được Đạo An, La-thập:

Thái nguyên năm đầu, thời Tần Phù Kiên rất thịnh, đức tinh nhiều lần xuất hiện, thái sử tâu rằng: Mai đây sẽ có người trí từ nước ngoài vào nước ta!

Đến khi Tần chủ đánh Tương Dương , rước được Pháp sư Đạo An, thì trong lòng vô cùng mừng rỡ, cho rằng ứng hợp với điềm linh. Nhưng Đạo An khiêm nhường không dám nhận. Nhân đó ngài khuyên Tần chủ nên nghênh đón Pháp sư Cưu-ma-la-thập ở nước Quy Tư. Phù Kiên liền nghe theo. Kiên bèn sai Phiêu Kỵ tướng quân Lữ Quang đem bảy vạn thiết kỵ tiến đánh Quy Tư và dặn rằng: Nếu bắt được La-thập thì đem binh về ngay.

Khi quân của Lữ Quang đến. La-thập nói với quốc vương nước

Quy Tư là Bạch Thuần rằng: Vận nước đổi thay rồi, hôm nay có giặc mạnh đem binh đến đây, nhà vua nên nghênh đón họ, chớ động binh đối địch.

Thuần không nghe bèn đem binh nghênh chiến, rốt cuộc bị Quang đánh cho đại bại. Lữ Quang bắt được La-thập, thấy ngài còn rất nhỏ tuổi, mới nói rằng: Ta sẽ gả con gái vua Quy Tư cho ông!

La-thập kiên quyết chối từ cho rằng không thể được. Quang bèn ép ngài uống rượu say rồi nhốt chung một phòng với cô gái ấy, bèn mất phẩm hạnh.

Đến khi Quang dẫn binh về thì giữa đường nghe Phù Kiên đại bại, nhân đó Quang chiếm cứ Cô Tang rồi xưng vương, cha con Quang nối nhau làm vua, nhưng rất tiếc họ là kẻ thiếu tài, không biết đạo. Vì vậy La-thập bèn giấu kín tài năng của mình, ở chung với bọn họ. Đến khi nước này bị diệt vong, lúc ấy ngài mới đứng ra hoằng Dương Phật pháp.

5. Tần chủ Diêu Trành bị báo ứng:

Diêu Trành là người Rợ Khương, ở Tây Nhung. Khi Phù Kiên bại trận, Trành làm chủ tướng thống lãnh thuộc hạ của mình nổi lên làm phản. Kiên đánh nhau với Trành nhưng bị thua và bị Trành thắt cổ giết chết trong chùa. Diêu Trành liền soán ngôi, dời đô về Ung Quan, đổi Trường An thành Thường An. Lên ngôi được tám năm, thì Phù Kiên thống lĩnh quỷ binh giữa ban ngày đột nhập vào cung lén giết Diêu Trành. Trành bị thương, máu ra hơn một thạch, sau đó thì chết. Con của Trành là Diêu Hưng lên nối ngôi, bỏ đế hiệu, xưng là Thiên vương. Sau đó, không bao lâu chiến tranh chấm dứt, thiên hạ thái bình. Bấy giờ có nhiều điềm lành xuất hiện, đến khi những đại thụ nối liền cành nhau bỗng mọc ở trước sân điện thì ai nấy đều bảo rằng, đó là điềm lành có trí giả vào nước. Thế là Hưng bèn sai Diêu Thạc Đức đem binh đánh Lữ Long nước Lương, đón ngài La-thập về. Tần chủ rất tôn kính ngài và tôn ngài làm quốc sư, để xiển Dương Kinh Luận. Nước Chấn Đán phiên dịch kinh điển đến thời Phù Kiên thì có thêm Cưu-ma-la-thập... Trong hai triều đại này, Tam tạng kinh, Luật, luận được dịch ra có đến hơn tám trăm quyển.

Ất Dậu: Phù Phi đổi niên hiệu là Đại An, Tây Tần đổi niên hiệu là Kiến Nghĩa.

6. Bắc Ngụy Đạo Vũ hoàng đế:

Họ là Thất Bạt, Vương Thủy Đức đóng đô ở Vân Trung.

Lôi Thị nói: Đạo Vũ, Minh Nguyên, Thái Vũ, Văn Thành, Hiến Văn, Hiếu Văn, Tuyên Vũ, Hiếu Minh, Hiếu Trang, Tiết Mẫn, Hậu Phế, Xuất Đế. Bắc Ngụy gồm mười hai đời vua, trị vì cả thảy một trăm bốn mươi chín năm.

Thái tổ Đạo Vũ Hoàng đế: Tên là Khuê, trước ông đã có mười một đời vua, quốc hiệu là Đại Tấn. Ban đầu Thát Bạt Cật Phần nhân cày ruộng ngoài đồng, bỗng gặp một Thiên nữ, nhân đó sinh ra Lực Vi, tức Thỉ Tổ của nước Ngụy là Thần Nguyên Hoàng đế.

Hồi ấy có lần Hoàng đế tránh nắng ở Ngũ Đài sơn, bỗng có một Phạm Tăng đến xin trải tọa cụ, Đế bằng lòng. Vị Tăng bèn trải tọa cụ ngay chỗ đất đó, bỗng thấy đầu tọa cụ vượt đến trăng sao, đuôi tọa cụ vờn trước mặt trời, mặt trăng, vuông vức năm trăm dặm, đều thuộc đất của Thánh nhân. Vi Tăng ấy chính là hóa thân của ngài Văn-thù.

Thỉ Tổ sinh ra Chương đế Tất Lộc, Lộc sinh ra Bình Đế Điệu, Điệu sinh ra Tư Đế Phất, Phất sinh Chiêu Đế Lộc Quan, Quan sinh Mục Đế Y Lư Bình, Bình sinh Văn Đế Uất Luật, Luật sinh Tuệ Đế Hạ Nộc, Nộc sinh Dương Đế Hột Na, Na sinh Liệt Đế Ế Hòe, Hòe sinh Chiêu Thành Đế Thập Dực Kiền. Mười một đời vua trên chưa vào tới Trung Quốc.

Xét trong thế lục thì tiên tổ của Khuê là hậu duệ của Hoàng đế. Ông là con của Xương Ý, được phong ở Bắc quốc. Nơi này có ngọn núi tên Đại tiên ty, từ đó mà lấy hiệu này. Khi Tây Tấn bị loạn, có Thát Bạt Lư là người nổi danh, ông vốn là người ở Lâu Phiền, được Tấn phong vương. Về sau bộ lạc bị phân tán, trải qua hơn sáu mươi năm đến đời cháu của Lư là Thập Dực Thiệp Khuê.

Ngụy thư chép: Khuê chính là Ngụy Thái tổ Đạo Vũ Đế. Thái Nguyên năm đầu, ông chiếm cứ ba mươi dặm ở phía Đông Sóc châu rồi xây thành dựng ấp, lấy hiệu là Hằng An, làm tướng quân hộ giá cho Phù Kiên. Sau Phù Kiên bị bại trận, ông lên ngôi với hiệu là Thái Tổ Đạo Vũ. Ông chết thì Minh Nguyên lên ngôi. Nguyên mất thì Thế tổ Thái Vũ Đế lên ngôi. Từ đây lại có thêm bốn vua nữa. Đến Thế Tông Hiếu Văn Đế thì dời đô về Lạc Dương, và đổi thành họ Nguyên. Ông bỏ y phục người Hồ, bỏ ngôn ngữ của kẻ cướp tôn sùng di phong của Hoa Hạ. Bấy giờ thiên hạ chỉ có hai nước, nên gọi là Nam bắc triều. Ban đầu Ngụy triều chưa biết Phật giáo, đến khi Thần Nguyên và Tấn sính ước với nhau, thì lúc này Ngụy mới tin hiểu Phật pháp. Thời ấy tăng có đến hơn hai trăm vạn, tự viện hơn ba mươi ngàn Sở, dịch Kinh Luật Luận

cả thảy hơn một ngàn chín trăm quyển. Từ xưa đến nay Phật pháp hưng thịnh không lúc nào bằng lúc này. Vua đổi niên hiệu rồi lên ngôi.

Bính Tuất: Tiền Tần Phù Đăng: Tự là Văn Cao, là cháu cùng họ với Kiên, trị vì được chín năm, đổi niên hiệu là Thái Sơ, thọ năm mươi hai tuổi.

Hậu Tần đổi niên hiệu là Kiến Sơ, vào Trường An rồi xưng đế.

Lương: Đổi hiệu là Đại An.

Yên: Đổi niên hiệu là Kiến Hưng.

Đinh Hợi: Tây Tần Khất Phục Càn Quy: là em của Quốc Nhân, trị vì hai mươi bốn năm, sau bị anh giết chết.

Mậu Tý: Tây Tần đổi niên hiệu là Thái Sơ, xưng vương ở Hà Nam.

7. Tổ 26 Bất-như-mật-đa:

Ngài là Thái Tử con vua Đức Thắng, sinh trưởng tại Nam Ấn. Sau khi đắc pháp với Tôn giả Bà-xá-tư-đa. Ngài đến Đông Ấn hoằng truyền giáo pháp.

Vua nước này tên là Kiên Cố đang thờ ngoại đạo Trường trảo Phạm chí làm thầy. Khi ngài sắp đến, vua cùng Phạm chí đều nhìn thấy một luồng khí trắng xuyên suốt từ trên xuống dưới. Vua hỏi:

- Đây là điềm lành gì vậy?

Phạm chí vốn biết trước ngài sẽ vào nước này và sợ rằng vua thân thiện ưu đãi ngài, bèn nói:

- Đó là điềm có ma đến, chứ làm gì có điềm lành!

Thế rồi Phạm chí bèn nhóm đồ chúng mình lại rồi bàn nhau hỏi rằng:

- Bất-như-mật-đa sắp vào đô thành, ai có thể chiết phục ông ấy?

Đệ tử nói: Bọn chúng con ai nấy đều biết chú thuật, có thể làm chấn động trời đất, ra vào trong nước lửa, thì thầy còn lo gì?

Khi đến thành, ngài nhìn thấy trên tường trong cung có luồng khí đen, ngài nói:

- Chỉ gặp nạn nhỏ mà thôi.

Ngài liền thẳng đến chỗ vua, vua hỏi:

- Thầy đến đây để làm việc gì?

- Ta đến để độ chúng sinh.

- Dùng pháp gì độ?

- Tùy theo từng loại mà dùng pháp để độ.

Bấy giờ Phạm chí nghe nói thế liền đùng đùng nổi giận, dùng

huyễn thuật hóa ra một trái núi lớn ập xuống đầu ngài. Ngài lấy tay chỉ, quả núi bay qua đè đầu bọn Phạm chí. Bọn Phạm chí khiếp vía lạy ngài xin tha. Ngài xót thương bọn họ ngu muội nên bị mê hoặc, ngài lấy tay chỉ lần nữa, trái núi ấy bỗng nhiên biến mất.

Thế rồi ngài diễn thuyết pháp yếu khiến vua và ai nấy đều quy hướng Chân thừa. Ngài lại nói với vua:

- Nước này sẽ có Thánh nhân kế thừa giáo pháp của ta!

Bấy giờ trong nước có một đồng tử con Bà-la-môn, khoảng hơn hai mươi tuổi. Đồng tử này từ nhỏ đã mồ côi cha mẹ, chẳng biết tên họ của mình là gì. Có khi tự xưng là Anh Lạc. Thế nên người bấy giờ gọi ông là Đồng tử Anh Lạc. Thường ngày Anh Lạc đi khắp xóm làng xin ăn qua ngày, hành trạng ấy chẳng khác Bồ-tát Thường Bất Khinh.

Có người hỏi: Sao anh đi nhanh thế?

Ông liền trả lời: Sao anh lại đi chậm thế!

Gặp lúc người hỏi: Anh họ gì?

Ông đáp: Cùng họ với anh.

Cứ thế thiên hạ chẳng hiểu ông là người thế nào.

Một hôm vua cùng ngài cùng ngồi xe đi ra khỏi thành, chợt thấy Anh Lạc cúi lạy phía trước. Ngài hỏi:

- Người nhớ được việc xưa chăng?

Anh Lạc đáp: Con nhớ trong nhiều kiếp về trước, con cùng thầy ở chung với nhau. Thuở ấy thầy giảng Ma-ha Bát-nhã, con chuyển Tu-đa-la thậm thâm. Việc ngày nay quả khế với duyên xưa.

Ngài nói với nhà vua:

- Vị đồng tử này chẳng phải người nào xa lạ, mà chính là hóa thân của Bồ-tát Đại Thế Chí. Sau vị Thánh này, sẽ xuất hiện hai vị, một vị giáo hóa ở Nam Ấn, một vị có duyên với nước Chấn Đán, chín năm sau ông ấy sẽ về lại nước này.

Do có duyên xưa, nên ngài đổi tên đồng tử thành Bát-nhã Đa-la. Khi cơ duyên sắp hết, ngài phó chúc chánh pháp nhãn tạng cho Đa-la và nói kệ:

Kho chân tánh tâm địa
Không đầu cũng không đuôi
Hợp duyên mà hóa vật
Phương tiện gọi là trí.

Phó pháp xong, ngài từ biệt vua và nói:

- Tôi hóa duyên đã xong, sẽ vào tịch diệt. Cầu mong nhà vua đừng quên ngoại hộ giáo pháp tối thượng thừa. Nói xong, ngài về lại trụ

xứ ngồi kiết già an nhiên thị tịch. Ngài dùng lửa Tam muôi tự đốt thân mình. Vua cùng Bát-nhã Đa-la thâu lấy xá-lợi dựng tháp an táng. Bấy giờ là năm Mậu Tý nhằm đời Đông Tấn Hiếu Vũ Đế niên hiệu Thái Nguyên năm thứ mười ba.

Kỷ Sửu: Hậu Lương đổi niên hiệu là Lân Gia.

Quý Tỵ: Thụy tượng Chiên-đàn dời đến Giang Nam , an trí được một trăm bảy mươi ba năm.

Giáp Ngọ: Tiền Tần Phù Sùng đổi niên hiệu là Diên Sơ. Tháng mười bị Càn Quy giết, nước này bị diệt vong.

Hậu Tần Diêu Hưng: Tự là Tử Lược, con trưởng của Diêu Trành. Ông lên ngôi tại Hòe Lý, đổi niên hiệu là Hoàng Sơ, thọ năm mươi lăm tuổi, trị vì được hai mươi hai năm.

8. An Đế:

Tên là Đức Sùng, con trưởng của Vũ Đế, sinh ra vốn bất tài, đến nỗi không phân biệt được nóng, lạnh, đói, khát. Ông mất ở Đông đường, an táng ở Bình lăng, thọ ba mươi hai tuổi. Một người con nữa tên là Nho Tông, mười lăm tuổi lên ngôi, trị vì được hai mươi hai năm.

Hậu Lương đổi niên hiệu là Long Phi, xưng là Lương Thiên Vương.

Hậu Yên: Mộ Dung Bảo, tự là Đạo Hựu, con thứ tư của Thừa, trị vì được hai năm, đổi niên hiệu là Vĩnh Khương, thọ bốn mươi bốn tuổi.

Bắc Ngụy đổi niên hiệu là Hoàng Thỉ, lập ra cờ xí của Thiên tử.

Nam Yên: Mộ Dung Đức tự là Huyền Minh, con út của Hoàng, thân cao tám thước hai tấc, dung mạo rất oai hùng. Sau khi Dung Bảo chết, ông chiếm cứ Hoạt đài, lấy hiệu là Yên Đô Quảng, tiếm vị được bảy năm, thọ năm mươi tuổi.

Nam Lương: Ngốc Phát Ô Cô, người ở Hà tây, Tiên ty. Cha ông cùng thời với Ngụy Vương. Tổ tám đời của ông là Thất Cô thống lãnh bộ tộc này, từ biên ải phía Bắc dời về Hà tây, Lữ Quang sai sứ tiến cử ông làm quan, giữ chức Ích châu mục. Ông tự xưng là Đại Thiền Vu Tây Bình Vương, đóng đô ở Quảng Vũ, sau dời về Lạc đô, đổi niên hiệu là Thái Sơ, tiếm ngôi được ba năm.

Bắc Lương: Chiếm cứ Trương Dịch, năm sau đổi niên hiệu là Thần Tỷ.

Tây Lương: Lý Cảo, tự là Huyền Thạnh, người ở Long Tây, Thành Kỷ; là cháu mười sáu đời của Hán tướng quân Lý Quảng. Ông nội ông là Yểm làm tướng dưới thời Trương Quỹ, nhân đó chiếm cứ Hà Hữu,

đến Cảo thì xưng là nước Lương, làm vua được mười bảy năm. Ông là tổ tám đời của Đường Thái Tông.

9. Trúc Tăng Lãng ở Thái sơn:

Trúc Tăng Lãng, người ở Kinh triệu, cả đời ngài chỉ làm một việc là chuyên tâm giảng thuyết Kinh Luận , sống đời đạm bạc, ý chí thoát tục. Đầu niên hiệu Hoàng Thỉ, ông lên Thái sơn rồi dựng am ở đó. Thời bấy giờ những người nghe danh ngài tìm đến học hỏi có đến hơn một trăm người. Đức độ của ngài vang xa, người tài từ ngàn dặm đua nhau đến thưa hỏi. Tiếng thơm đồn khắp, thiên tử của năm triều đều gởi thư thăm hỏi, ban tặng phẩm vật, thử hỏi còn ai nổi tiếng như ngài!

1. Phù Kiên gởi thư nói rằng: Hoàng Đế kính thăm Thái sơn Lãng Hòa thượng. Đại thánh theo thời, quyền linh xuất cách, che khắp mười phương, độ người vô lượng, ví như bốn biển trưởng dưỡng quần sinh, chẳng khác đất trời nuôi lớn vạn vật. Giáo dưỡng quần sinh, từ sống đến chết, lắng thần gởi mình trong cảnh giới vắng lặng nhiệm mầu. Trẫm nay phước mỏng, dù sinh cùng thời Thánh, nhưng xa cách muôn trùng, chẳng được cùng ngài đồng ngồi xa giá. Nay Trẫm sai sứ chuẩn bị ngựa xe cùng đến nghinh thỉnh, ngỏ hầu nhờ linh quang ngài che chở đất nước. Đồng thời xin dâng ngài mấy cân vàng tía để trang sức Phật tượng, ba mươi tấm tơ lụa gấm, cùng ba người nô bộc để quét dọn chùa triền. Mong ngài không từ chối, hoan hỷ nạp thọ, thiết tưởng mong ngài xét kỹ xem sâu, thấu được ý Trẫm. Sau khi thỉnh xong, theo lễ thầy trò hết lòng thờ phụng.

2. Tấn Vũ Đế gởi thư nói: Hoàng đế kính thăm Thái sơn Lãng Hòa thượng: Ngài đức sáng một thời, danh chấn động Đông nhạc. Trẫm mong được cùng Hòa thượng giáo dưỡng muôn dân. Ngài là người thấu tỏ lý mầu, mong hiểu được ý Trẫm. Trẫm nay sai sứ mang tặng một tượng Phật bằng ngọc châu năm màu, năm mươi tấm gấm quý, năm cái giỏ bằng ngà voi, năm bình bát bằng vàng. Sứ giả mang đến mong ngài thọ nhận.

3. Hậu Yên Thành Vũ Đế Mộ Dung Thùy gởi thư nói: Hoàng đế kính thăm Thái sơn Lãng Hòa thượng: Thần tâm vắng lặng nguồn linh mãi truyền, lòng từ che mát trăm nước. Hễ là hàm linh thì không ai là không được ban rưới. Trẫm nay thừa kế di phong thay người trước cai quản muôn dân, việc nước canh cánh bên lòng. Xưa Thục bất kính, Ngụy Vũ rất giận. Nay hai kẻ giặc ấy lại bất bình, Trẫm lẽ đâu ở yên chăng? Lại nữa Nguyên Nhung giết Hưng, ngông cuồng làm loạn. Hòa

thượng là người thấu hiểu được lý mầu, độ người chẳng ngại. Nguyện cho binh biến không đổ máu, bốn biển đều hàng phục. Được vậy Trẫm xin gởi lòng quy y, kính mãi không thôi. Nay Trẫm sai sứ mang tặng một trăm tấm lụa hiếm, ba y ca-sa, năm mươi cân gấm, xin Hòa thượng chú nguyện cho.

4. Thái tổ Đạo Vũ Hoàng Đế gởi thư nói: Hoàng đế kính thăm Thái sơn Lãng Hòa thượng. Trẫm nay được nhờ sự nhiệm mầu, uy linh của Thánh nhân nên phải kinh lược, nay thì đã hàng phục được Nguyên Nhung rồi. Hòa thượng đức ngang biển núi, thần toán cao xa, nhờ ngài giúp sức hàng phục được giặc giã. Trẫm nay sai sứ mang tặng hai mươi tấm lụa trắng, năm mươi tấm lông cừu trắng, ba bình bát bằng bạc. Sứ giả đưa đến mong ngài thọ nhận.

5. Nam Yên Mộ Dung Đức đã từng cùng ngài dựng chùa Thần thông. Đức gởi thư cho ngài và nói: Kính thăm Thái sơn Lãng Hòa thượng. Nay gặp lúc nước nhà nhiều nạn, tai họa dập dồn, vào năm Kiến Hy thuở xưa, Vương Thất Tây Việt nhờ Vũ vương mà lớn mạnh. Thần Vũ ngự thế mở rộng Đông Hạ, san bằng các thành nhỏ, mở mang lãnh địa đến Mông, Tô. Thiên hạ thật là may mắn! Thế nhưng trời chưa quên giáng họa, khi Vũ Vương vừa lên ngôi, đầu năm Vĩnh Khương thì phía Đông nghiêng, phía Tây ngã, kinh kỳ đảo điên. Mỗi khi nhớ đến cung thất uy nghiêm thuở xưa không khỏi ngậm ngùi rơi lệ. Trẫm vì thiếu đức mới sinh trong thời loạn lạc, khiến cho muôn dân chẳng phút giây nào an hưởng thái bình. May mắn được Hòa thượng xót thương mở tâm che chở. Trẫm nay sai sứ mang tặng trăm tấm lụa sống, cùng mượn lệnh Đông Tề Vương phong cấp cho ngài phẩm vật trong hai huyện ở Cao sơn. Thư chẳng hết lời, mong ngài chấp nhận nhã ý của Trẫm.

Thiên tử năm triều gởi thư thăm hỏi, ngài đều gởi thư phúc đáp. Nay, sợ dài dòng nên không sao lục hết được. Xin độc giả xem trong Đường Hoằng Minh Tập.

Đinh Dậu: Đổi niêu hiệu là Long An. Bắc Lương đổi niên hiệu là Thần Tỷ. Hậu Yên đổi niên hiệu là Vĩnh Khương.

Mậu Tuất: Mậu Yên: Mộ Dung Thạnh, tự là Đạo Vận, con thứ của Bảo, trị vì được ba năm, đổi niên hiệu là Kiến Bình, thọ hai mươi chín tuổi.

10. Vua Bắc Ngụy xuống chiếu chấn hưng Phật giáo:

Trong năm này vua Bắc Ngụy lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiên Hưng. Đạo Vũ hạ chiếu rằng: Từ khi Phật pháp hưng thịnh đến nay rất

là lâu xa, công lao cứu tế muôn dân trang trải khắp kẻ còn người mất. Dấu tích thần kỳ để lại đạo pháp đáng cho muôn dân tin tưởng cậy nhờ. Trẫm nay ban lệnh cho quan hữu ty phải nghiêm sức lại tượng Phật, sửa sang chùa chiền trong kinh đô, lệnh cho bọn tín hướng nơi nào có chùa tháp cũng phải tu bổ. Năm ấy vua dựng lên một chánh điện và một bảo tháp, gọi là Kỳ-xà Tu-di. Lại dựng riêng một thiền phòng và một pháp tòa, không kiến trúc nào mà không uy nghiêm tráng lệ.

Kỷ Hợi: Hậu Tần đổi niên hiệu là Hoằng Thỉ. Hậu Yên đổi niên hiệu là Trường Lạc. (Hậu Yên vương tự là Đạo Văn, con út của Thùy, trị vì được sáu năm, thọ hai mươi ba tuổi).

Hậu Yên: Lữ Toản đổi niên hiệu là Hàm Ninh. Bắc Lương đổi niên hiệu là Thiên Tỷ.

Canh Tý: Nam Lương: Lợi Lộc Cô: Em của Ô Cô, trị vì được hai năm, đổi niên hiệu là Kiến Hòa.

11. Pháp sư Cưu-ma-la-thập:

Trong năm này, Pháp sư Cưu-ma-la-thập thị tịch. Cưu-ma-la-thập, Hán dịch là Đồng Thọ, ngài là người Thiên Trúc. Gia thế của ngài có công rất lớn. Cha là Cưu-ma-la-viêm, vốn là người có khí tiết, bỏ ngôi vị tướng mà xuất gia. Quốc vương Quy Tư nghe ông là người tài giỏi bèn thỉnh làm quốc sư, rồi ép gả em gái của vua cho ông, nhân đó sinh ra ngài La-thập.

Mỗi ngày ngài đọc thuộc làu cả ngàn bài kệ, có đến hơn ba mươi ngàn lời. Các Tông phái thuộc Đại thừa, Tiểu thừa ngài đều tinh thông.

Thời Phù Tần, niên hiệu Kiến Nguyên thứ mười ba, đức tinh xuất hiện, Phù Kiên sai Lữ Quang đánh về phía Tây. Nửa chừng nghe Kiên bị bại, Quang bèn chiếm cứ Cô tang rồi xưng Lương Vương. Thế là Kiên chưa gặp được ngài.

Thời Diêu Tần, niên hiệu Hoằng Thỉ thứ ba, tháng ba, cây trước sân bỗng sinh hai cành liền nhau, trong vườn Tiêu dao, cây hành bỗng biến thành rau diếp, đó là điềm chứng tỏ có người tài vào đất nước. Tháng chín Lữ Long quy hàng. Ngày hai mươi tháng mười hai, vua nghênh đón ngài về ở tại vườn Tiêu dao. Diêu Hưng lấy lễ quốc sư mà hầu hạ ngài, tỏ ra vô cùng kính trọng, ân sủng ngài.

Ngài nhận chiếu của vua dịch Kinh Luận, cả thảy hơn ba trăm quyển. Học trò có đến ba ngàn người, trong đó có tám người rất nổi danh như Đạo Sinh, Tăng Triệu, Đạo Dung, Tăng Duệ, Đạo Hằng, Tăng

Ảnh, Tuệ Quán, Tuệ Nghiêm... mỗi người đều có trước thuật.

Có thể nói họ là những người hưng thịnh một thời, đến ngàn năm sau hãy còn chói sáng.

Ngài lại đề cử Đạo Xước làm tăng chánh để chỉnh lý tăng sự. Sa-môn Tăng Duệ là người tinh thông giáo điển, được theo ngài để dịch thuật, ghi chép.

Có lần ngài nói với Tăng Duệ rằng: Ngôn ngữ phương Tây rất chú trọng về văn thể. Thể vận cung thương ấy đã thể nhập trong điệu sáo, ngón đàn thật tuyệt vời. Ông thấy quân vương có những bài khen ngợi về đức độ, hay kinh kệ đều phỏng theo âm điệu thể loại này.

Có lúc ngài than: “Ta trước trước tác Đại thừa A-tỳ-đàm chẳng bằng Ca-chiên-diên”. Thời bấy giờ không có những người am hiểu như ngài, nhân đó ngài rất bùi ngùi rồi không viết nữa. Chỉ duy nhất ngài cùng Tần vương trước tác bộ Thật Tướng Luận gồm hai quyển. Những lúc chánh sự rảnh rỗi, Tần vương đều cùng ngài đối chiếu, soạn dịch, chỉnh sửa lại những chỗ sai lầm trong những bản kinh đã dịch trước đó. Ngài cũng từng giảng kinh tại chùa Thảo Đường, bấy giờ có đến mấy ngàn Sa-môn, triều thần cung kính lắng nghe.

Một hôm vua nói với ngài: Pháp sư là người tài cao hiểu rộng, là bậc vô song trong đất nước, lẽ đâu lại để cho giống pháp không người kế tục ư? Rồi vua bèn đem mười cung tần ép ngài phải nhận. Ngài lại tự nghĩ: “Mỗi lần ta giảng có hai đứa trẻ leo lên vai muốn làm chướng ngại ta”. Từ đó ngài không ở trong Tăng phòng, mà ở riêng tăng xá khác. Chư Tăng thấy vậy cũng bắt chước ngài. Thấy thế, ngài bưng bình bát đựng đầy kim, rồi bảo họ rằng: Nếu ai bắt chước ta ăn được món này, thì có thể cho dựng riêng tăng xá ở.

Nói xong ngài ăn kim giống như ăn cơm, chư Tăng thấy thế hổ thẹn và không dám bắt chước ngài nữa.

Khi ngài ở nước Quy Tư, quốc vương các nước lân cận cùng nhóm họp nghe pháp. Mỗi lần thỉnh ngài thuyết pháp, họ đồng quỳ sát đất trước tòa rồi thỉnh ngài bước trên vai họ mà thăng tòa.

Thuở nhỏ có lần ngài cùng mẹ mình yết kiến Tôn giả Bắc Sơn ở nước Đại Nguyệt Thị. Bắc Sơn nói với mẹ ngài rằng: Nếu khéo giữ gìn ông Sa-di này đến ba mươi lăm tuổi mà không phạm giới Luật, thì ông ấy độ người chẳng khác Ưu-ba-cúc-đa, bằng không ông ấy chỉ là một Pháp sư tài ba mà thôi!

Khi Thiền sư Bôi Độ ở tại Bành Thành, nghe ngài vào Quan trung mới than: Thuở xưa ta cùng người này ngao du, thế mà cách nhau đã ba

trăm năm rồi! Bây giờ dù có gặp nhau cũng không nhận ra, vì chưa phải lúc, thôi thì đợi đến kiếp sau vậy!

Ngài có lần thăng tòa nói: Ví như trong bùn nhơ sinh ra hoa sen, chỉ lấy hoa sen chớ có lấy bùn dơ!

Ngài ở nước Tần mới chín năm thì nhuốm bệnh, ngài đọc thần chú ba lần rồi sai đệ tử ở ngoài nước trì tụng để tự cứu mình. Sau đó ít lâu bệnh tình thuyên giảm. Thế rồi một hôm biết mình sức yếu, ngài nhóm họp đồ chúng rồi dặn dò: Các pháp theo nhau không dứt, nếu chưa đoạn sạch tâm duyên mới liên lụy đến đời sau. Thật đáng xót thương! Từ khi ta đem tài hèn dịch truyền Kinh Luận , duy chỉ còn bộ Thập Tụng Luật là chưa kịp san định. Nếu nghĩa lý của những dịch phẩm ấy khế hợp với tâm Phật, thì khi đốt thân lưỡi này không cháy.

Nói xong thì ngài thị tịch. Lúc trà-tỳ quả nhiên lưỡi ngài không cháy mà vẫn tươi sáng như sen hồng.

Luận rằng: Hán Quang Vũ sinh ở Nam Dương, thì Nam Dương không có kẻ hèn. La-thập đến Quan trung thì những bậc kỳ tài hội tụ. Thánh nhân ra đời đều có mục đích. Họ cùng đi với kẻ sĩ, theo bọn hạ lưu, thân cận tùy cơ mà khai hóa họ. Đó là điều đáng tin chớ không phải bịa đặt.

Từ Ngụy Tấn đến nay, đại pháp Mmờ mịt tối tăm. Khi Sa-môn bên Tây Vực đến, hiển hóa thần tích khắp nơi trong nước, dù cũng có những bậc kỳ tài kiệt xuất, nhưng phần nhiều cũng còn đóng khung, giam mình trong ngoại điển. Từ khi La-thập đến, đại pháp mới ào ào trào tuôn từ đó. Học giả mới bắt đầu dốc tâm vào Đại thừa, xem nhẹ Lão Trang. Sở dĩ được như vậy là do ngài La-thập thân chứng được các pháp môn. Đó lẽ đâu lại là sự bổ ích nhỏ chăng! Thế nhưng chỉ do túc chướng, nên khiến ngài chỉ ở Quan trung được có chín năm, hoài bão cưu mang trong lòng mười phần chưa thực hiện được một phần thì đã không kéo dài được tuổi thọ. Tần vương có công trợ giúp ngài La-thập mở mang đại pháp nhưng không có khả năng học tập thành tựu cái đáng quý như ngài.

Than ôi! Khiến ngài La-thập có đức độ chói sáng, có phạm hạnh thanh tịnh, đáp ứng hoài bão của ngài, khiến ngàn năm sau mãi mãi sáng lạng, làm một người mở mang đại giáo, dù Di-lặc tái thế có gì hơn đâu!

12. Tăng Chánh Đạo Xước:

Pháp sư Đạo Xước là người phụng trì giới Luật rất tinh nghiêm,

được Tần vương rất kính trọng. Từ khi ngài La-thập vào Quan trung, Tăng Ni có đến hơn một vạn. Nhưng trong đó phần nhiều không theo kỷ cương giới Luật . Tần vương rất lo lắng, bèn đặt ra chức Tăng chánh, rồi hạ chiếu rằng: Từ khi đại pháp truyền về phía Đông, thời nay là hưng thịnh nhất, Tăng ni quá nhiều nên cần đặt ra quy củ, thâu nhận người tài cao học rộng để làm khuôn phép cho họ. Pháp sư Đạo Xước từ nhỏ vốn có tài học rộng, về già lại có đức độ cao vời, đáng làm Tăng chánh. Nay chu cấp xe ngựa, kẻ hầu, bổng lộc bằng quan Thị trung. Truyền chiếu nuôi ngựa, sửa xe mỗi việc hai người. Lại tiến cử Tăng Thiên, Thiền Tuệ làm Duyệt Chúng, Pháp Khâm, Tuệ Bân làm Tăng lục. Nay cấp mỗi ban ba mươi người để phụ việc và để nhờ cậy trong lúc tuổi già.

13. Đạo Dung biện luận với Bà-la-môn:

Thời bấy giờ ở nước Sư tử có Bà-la-môn tên là Thông Minh, đứng đầu bọn ngoại đạo. Nghe ngài La-thập ở tại Quan trung, ông này bèn gởi thư đến xin được cùng Tăng biện luận. Sa-môn ở Quan trung nhìn nhau tỏ ý mình không đủ khả năng đó. Ngài La-thập bảo Pháp sư Đạo Dung: Ông có thể đảm trách việc này!

Dung mới nghĩ lại, kinh thư của ngoại đạo mình chưa từng đọc, nên ngầm sai người ghi chép tất cả tên mục của kinh ấy. Chỉ mới xem qua, ngài đã thuộc lòng, sau đó định ngày hẹn nhau nghị luận.

Ngày đó, Tần Vương cùng công khanh đều dự hội. Bà-la-môn này khoe khoang tài học rộng của mình. Đạo Dung bèn kể ra tất cả kinh thư của Bà-la-môn, cùng kinh sử của Tần nhiều gấp ba lần kinh của ngoại đạo. Ngài La-thập thừa thắng chế giễu Bà-la-môn rằng: Ông không nghe nói: Nước Tần có người học rộng chăng, mà dám xem thường vượt ngàn dặm đến biện luận?!

Thế là Bà-la-môn hổ thẹn lạy ngài Đạo Dung hai lạy rồi đi.

14. Đạo Hằng, Đạo Tiêu dâng biểu kháng chỉ xin tiếp tục hành đạo:

Pháp sư Đạo Hằng thuở nhỏ thờ người mẹ kế, lòng hiếu thảo vang khắp. Sau khi mẹ mất ngài theo Pháp sư La-thập xuất gia làm Sa-môn. La-thập rất mến tài năng của ngài. Ngài và Đạo Tiêu là những người rất nổi tiếng.

Tần vương được nghe hai người này có tài nghệ kinh luân bèn sai thượng thư Diêu Hiển tuyên chỉ khuyên hai người hoàn tục làm quan. Hằng, Tiêu dâng biểu trần tình nói: “Hán Quang Vũ thành tựu khí tiết

như Nghiêm Lăng, Ngụy Văn Đế bảo toàn cái thanh cao như Quản Ninh. Bệ hạ là bậc Thánh ngang trời, mỗi khi nghị luận thì muốn vượt xa hơn Nghiêu, Thuấn. Nay, ban cân đai, áo mão cho hai đạo nhân, thành ra tỏ mình thấp kém hơn Quang Vũ, Ngụy Văn rồi!"

Tần chủ lại nhờ La-thập, Đạo Xước... ra sức phủ dụ, nhằm quyết thỏa nguyện chủ ý của mình. La-thập, Đạo Xước... tấu chương, trình bày nói: "Chỉ có Thánh nhân mới là người hay thấu suốt chí hướng của thiên hạ. Hằng, Tiêu vốn dĩ đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo hoại sắc, nay bệ hạ muốn họ làm quan trong triều, thì đó chẳng phải là chí hướng của hai người ấy. Hơn nữa vương vị của Đại Tần thịnh trị, những người kỳ tài nối nhau xuất thế, còn như Hằng, Tiêu chưa hẳn là người trác việt".

Tần chủ lại hạ thư, bấy giờ toàn thể Tăng chúng đứng ra cầu xin, vua mới bằng lòng cho họ tu tiếp. Khi ấy Đạo Hằng than: "Danh vọng địa vị là sự liên lụy của nguồn đạo chân chính!", thế rồi Đạo Hằng cùng Đạo Tiêu bỏ thành vào thẳng núi Lương gia, trọn đời không ra nữa.

15. Pháp sư Tăng Duệ- Người mà Tăng trong bốn biển ngưỡng vọng:

Pháp sư Tăng Duệ từ nhỏ vốn đã nổi tiếng. Lớn lên xuất gia theo học với ngài La-thập, ngài là bậc diệu ngộ tuyệt luân. Tần chủ có lần hỏi quan tư đồ Diêu Tung rằng: Ông với Duệ Công ai vượt trội hơn? Tung đáp: Thần chưa được gần gũi ông ấy!

Đến khi Tần chủ triệu tập tất cả công khanh quần thần trong triều, thì thấy thần uy của ngài bao la, sâu xa. Tần chủ chỉ ngài và nói với Diêu Tung: Ông ấy là người mà tăng chúng trong bốn biển đều ngưỡng vọng đó!

Tăng Duệ giảng Thành Thật Luận, La-thập hỏi: Bộ luận này có bảy điểm phá chủ trương luận Tỳ-đàm, ông có thể biện giải được không?

Thế rồi Tăng Duệ ứng đáp hết tất cả những gì La-thập hỏi, thảy đều hợp ý với ngài La-thập. Thập khen: "Ông quả là người hiểu biết sâu xa, dịch thuật lại có một văn phong đặc cách, thì ta còn lo gì nữa!"

16. Pháp sư Tăng Triệu- Người san định Kinh Luận:

Pháp sư Tăng Triệu thuở nhỏ vì nhà nghèo, nên thường đi viết mướn cho người khác, nhờ đó mà ngài được xem khắp sử sách, lại càng rất rành về Lão Trang, nhưng cho rằng không sâu sắc. Năm hai mươi tuổi xuất gia làm Sa-môn, thanh danh chấn động cả Quan trung. Bấy

giờ ngài La-thập ở tại Cô tang, Tăng Triệu bèn đến y chỉ ngài. La-thập thường cùng ngài đàm luận, mới thất kinh thốt lên: Ông là bậc Long tượng của Phật pháp!

Sau ngài về Quan trung san định lại Kinh Luận, học giả bốn phương đua nhau đến học hỏi. Người học thưa hỏi, công kích ngài đều dùng lý luận sắc bén mà tháo gỡ mối nghi cho họ. Lối lý luận ấy vô cùng siêu xuất.

Ngài trước tác Bát-nhã Vô Tri Luận, La-thập đọc xong nói: Kiến giải của ta không bằng ông! Văn phong thật vô cùng mạch lạc!

Bộ luận ấy được truyền đến Khuông sơn, Lưu Di Dân cho rằng tài ngài chẳng khác Viễn Công, Viễn Công xem xong vỗ đùi khen: Quả là chưa từng có!

Ngài còn trước tác bộ Vật Bất Thiên Luận... đều là những bộ luận vô cùng trọng yếu. Tần chủ lại càng kính phục tuyệt bút của ngài và ban lệnh truyền bố khắp nước, ngài mất năm ba mươi hai tuổi. Đương thời ai cũng tiếc một bậc kỳ tài nhưng lại mất quá sớm.

Tân Sửu: Lương: Lữ Long đổi niên hiệu là Thần Đỉnh.

Bắc Lương: Thư Cứ Mông Tốn, vốn là người Hồ ở Lâm Tùng Lư Thủy, cha ông là Hung nô, sau Tốn giết Hâm chiếm lấy Trương Dịch, trị vì ba mươi ba năm, thọ sáu mươi sáu tuổi, đổi niên hiệu là Vĩnh An.

Hậu Lương: Mộ Dung Hy đổi niên hiệu là Quang Thỉ.

Nhâm Dần: Đổi niên hiệu là Nguyên Hưng.

Nam Lương: Nộc Đàn: Em của Lợi Lộc Cô, trị vì mười ba năm, thọ năm mươi lăm tuổi, đổi niên hiệu là Hoằng Xương.

17. Tôn giả Phất-đa-la:

Nguyên Hưng năm đầu Tôn giả Phất-đa-la, từ Thiên Trúc đến Tần. Bấy giờ có đến vài trăm Sa-môn theo ngài học tiếng Phạm. Khi đến ngài có mang theo bộ Luật Thập Tụng bằng tiếng Phạm. Ngài cùng với La-thập phiên dịch, nhưng đến nửa chừng thì Phất-đa-la thị tịch. Gặp lúc Sa-môn Đàm-ma-lưu-chi đến, ngài cũng là người rất giỏi về Luật . Tuệ Viễn ở Khuông sơn nghe ngài đến vô cùng hoan hỷ, bèn gởi thư về Quan trung khuyên ngài Lưu-chi tiếp tục dịch hoàn thành bộ Luật . Và Lưu-chi đã cùng ngài La-thập dịch hoàn tất. Đây là bước khởi đầu thúc đẩy tạng Luật sau này đầy đủ và hoàn chỉnh.

18. Tôn giả Phật-đà-da-xá:

Tôn giả Phật-đà-da-xá người Thiên Trúc đến Cô tang, nghe ngài

La-thập nhận cung nữ của Tần Vương, bèn than: Thập như gấm quý, Tần chủ có thể khiến ông ấy đi vào con đường gai góc chăng!

Thập nghe ngài từ phương xa lặn lội đến, sợ mình chưa gặp được, thì ngài quay về, nên khuyên Tần Vương nghênh đón. Sứ giả đến, Da-xá nói: Thánh chỉ từ xa đưa đến, lẽ ra bần đạo phải nhanh chóng đến triều, để tạ ơn đãi ngộ kẻ sĩ của nhà vua, nhưng nếu chẳng vì La-thập cầu thỉnh, thì bần đạo thà ở Bắc sơn còn hơn!

Sứ giả về thuật lại, Tần Vương càng vô cùng khâm phục ngài. Tần Vương lại sai sứ dùng đại lễ nghênh đón, bấy giờ Da-xá mới chịu tới. Tần vương ra ngoài biên ải đón rước ngài, dựng riêng tinh xá thỉnh ngài ở đó. Vua cúng dường khoản đãi ngài chẳng khác vua chúa, nhưng ngài đều từ chối không nhận bất cứ thứ gì. Mỗi ngày đến giờ ngọ ngài ăn một bữa mà thôi. Ngài rất tinh thông Tỳ-bà-sa luận và râu lại đỏ, nên thời bấy giờ người ta gọi ngài là Xích-tỳ Tỳ-bà-sa. Về sau ngài đến Khuông sơn, Viễn Công rất kính trọng ngài. Ngài lại đích thân dùng sắt tự đúc tháp trên ngọn núi Tử tiêu, rồi an trí xá-lợi chân thân của Như Lai trong đó. Tháp ấy ngày nay vẫn còn.

19. Hoàn Huyền xuống thư khiến Tăng lạy tục:

Nguyên Hưng năm thứ hai, Thái úy Hoàn Huyền từ lâu đã có âm mưu soán đoạt, đến khi được thăng làm tể phụ, liền dựa uy Tần chủ mà hạ thứ buộc Sa-môn phải lạy cả vua và lục thân. Huyền gởi tám lá thư, nêu lại sự việc Hà Sung, Dữu Băng bàn về việc Sa-môn không kính vua, rồi cho rằng: “Ý của Dữu là tôn trọng vua chứ chưa hẳn là muốn bỏ việc lễ lạy ấy. Còn Hà thì đưa ra thiên kiến để nhận chìm lễ giáo. Phàm Phật giáo hóa chúng sinh, tuy cũng đặt điều để làm mô phạm nhưng suy cho cùng vẫn vượt ngoài cái thấy nghe, vẫn lấy kính làm gốc. Về điểm này thì không khác, có khác chăng là sự kỳ vọng chớ không phải là bỏ sự cung kính. Lão tử có ba điều đáng quý như Vương hầu, điều mà ông ta coi trọng đều là ở chỗ ban cho đời một quy tắc chung. Như vậy lẽ đâu chỉ có Thánh nhân ở trên ngôi mới xứng với hai nghi thức đó chăng? Nhận được cái đức lớn của trời đất thì gọi là Sinh. Người thông suốt được đức lớn, sửa sang mọi sự chính là vua. Thế nên vua tôn ông ấy là bậc Thần kỳ, mà ông ấy lễ kính nhà vua cũng rất trịnh trọng. Đó lẽ đâu lại là sự kính trọng nhau một cách giả dối chăng? Lễ nghĩa thì chỉ dành riêng cho quân vương mà thôi.

Sa-môn đời đời tồn tại, ngày ngày được ân sủng, lẽ đâu chỉ biết nhận đức mà bỏ lễ, lấy huệ mà bỏ kính chăng?

Bấy giờ thượng thư Hoàn Khiêm, trung thư Vương Mật... can gián rằng: Nay Sa-môn trong tâm họ rất cung kính đâu thể gập thân làm lễ. Lại như Dục Vương lạy dưới chân Tỳ-kheo, Ngụy Văn Hầu bái Thiên Mộc, Hán Quang Vũ gặp Tử Lăng đều đâu để họ lạy mình, bọn họ còn như thế huống gì nay là Sa-môn!

Thế rồi Khiêm, Mật nhiều lần gởi thư trình bày với Viễn Công, Viễn than tiếc: Thương thay! Đây là đầu mối của sự đấu tranh, không vận dụng cái đáng quý có từ ngàn năm e rằng đại pháp sẽ bị mai một. Để việc xưa mãi còn lưu truyền, nên ngài trước tác bộ luận gồm năm thiên, nhằm cứu xét trình bày những quan điểm sâu kín, ngõ hầu những người sùng kính đạo Phật ngày sau cần nên đọc kỹ.

20. Luận về việc Sa-môn chẳng tôn kính vương giả:
Thiên thứ nhất: Tại gia.

Những người mà Phật giáo đề cập đến phần nhiều là những kẻ sĩ ra làm quan và những người ở ẩn. Những người này gồm có bốn hạng. Những ai hoằng truyền giáo pháp khai hóa muôn dân, thì công lao của họ ngang bằng với sự giáo hóa cai trị của đế vương. Còn như những người thấy rõ việc đời, nhận chân thời thế, thì không đời nào chẳng có, chỉ do hành động của họ có thi thiết hay không mà có hưng có phế, có ẩn, có hiển. Trong số đó, những người đáng được nói đến, nay xin đề cập vài lời.

Người tại gia phụng trì giáo pháp thì họ là dân thuận theo sự thay đổi. Tình cảm vẫn chưa thoát tục, dấu tích chẳng khác mọi người, thế nên họ có tấm lòng yêu thương do trời ban, noi theo lễ nghi của vua chúa. Lễ kính có gốc, từ đó mà thành giáo. Cái nhân của gốc lễ giáo ấy vốn do công từ đời trước, cho nên do người mẹ dạy họ biết thương yêu, khiến cho họ biết được cái ân tự nhiên đó. Từ người cha dạy họ biết lễ kính, khiến cho họ biết được sự kính trọng đó. Hai cái đáng quý đó sở dĩ có là do ngầm ứng. Sự tương ưng không phải ở đời nay thì cần phải nên truy tầm nguồn gốc của nó. Do đó người phạm tội phải dùng đến hình phạt để khiến cho họ sợ rồi sau đó họ mới thận trọng trong hành động. Người có công cần phải ban thưởng để làm cho họ vui rồi sau đó họ gắng sức làm. Đó đều là sự tương quan nhân quả mà trong giáo môn nói rất rõ. Nên thuận theo cái lề lối chung chứ đừng thay đổi cái tự nhiên ấy. Tại sao? Vì sở dĩ còn cái thân trong đời sau là do vinh tước trói buộc, nó sâu cứng là do ta chưa quên, vì vậy mới bị các thứ tình dục vây hãm, vui đùa trong thanh sắc, trầm mình trong thú vui thế gian,

không thể vượt khỏi để làm con người xuất cách. Do đó cần phải dạy họ kiểm xét lại hành vi của mình. Phạm vi của lễ giáo đều lấy đây làm bến bờ mà không thấu biết được những việc vượt ngoài thú vui ấy, không thấu rõ được việc vượt ngoài thì họ cùng thuận theo sự thay đổi. Vì vậy họ không thể nhận đức mà bỏ lễ, nhận ân mà quên kính. Vì vậy những người vui với di phong của Phật Thích-ca, trước tiên cung phụng cha mẹ rồi mới dâng cho vua. Còn những người xuất gia thì tất chờ mệnh lệnh rồi sau mới thuận theo đó mà làm. Nếu vua và cha mẹ có điều gì nghi ngờ thì họ liền quy ẩn đợi những người cùng chí hướng như mình. Đó là những người mà Phật giáo rất tôn trọng, họ chính là những con người giáo dưỡng nhân sinh, giúp vua giáo hóa cai trị.

Người viết lập ngôn như vậy là muốn nói đến những người cùng chí hướng như mình chứ không phân biệt kẻ trong hay người ngoài, nhằm nêu tỏ ba cái đáng quý đó. Tôi lược dẫn ý kinh, gởi gắm niềm hoài mong của mình, lược nêu vài lời như thế.

Thiên thứ hai: Xuất gia

Xuất gia là khách vượt ngoài xã hội, dấu tích vượt thoát khỏi cuộc đời. Chủ trương của họ là thấu hiểu được mọi sự âu lo trói buộc nơi thân, đoạn tuyệt thân để dứt mọi âu lo, biết thân trong nhiều đời do bẩm thọ mà có, chẳng thuận theo sự thay đổi để cầu chỗ thú hướng, cầu chỗ thú hướng chẳng do thuận theo sự thay đổi. Bởi vậy họ không xem trọng vật chất như những người thế tục. Dứt mọi âu lo không do ở việc duy trì thân mạng, do đó họ không chú trọng đến việc làm cho đời sống sung túc về vật chất. Lý này và hình hài trái nhau, đạo và tục nghịch nhau. Những người như thế là chính họ tự nguyện xuống tóc, lập chí, thay hình khác người thế tục. Thế nên, hễ là người xuất gia đều là những người lánh đời để sống với chí hướng của chính mình, làm cho khác thế tục để đạt được cái đạo cho mình. Làm cho khác thế tục thì lễ nghi của họ không giống như lễ nghi thế tục. Lánh đời thì dấu tích của họ cao thượng hơn người đời. Được như vậy, nên họ hay cứu vớt kẻ thế tục bị trầm luân, bạt độ những kẻ u mê trong nhiều kiếp. Họ thấu đạt sâu xa bờ bến của Tam thừa, mở rộng con đường cho trời người. Nếu như làm cho một người vẹn toàn đức độ, thì đạo hợp với lục thân, ân lưu khắp thiên hạ. Dù không ở trên ngôi vị vương hầu, nhưng cũng hợp với ngôi vua, cứu tế muôn dân. Thế nên bên trong tuy trái với cái đức kính trọng do trời ban mà không trái với hiếu kính, bên ngoài dù thiếu lòng kính trọng quân vương nhưng không mất sự tôn kính. Từ đó mà xét, thì sẽ thấy rằng, vượt quá cái đặc trưng của sự thay đổi để truy tìm nơi thú

hướng thì lý vốn sâu xa mà nghĩa lại vượt trội, cứ theo cái tệ để nói đến nhân nghĩa thì công nhỏ mà ân huệ cạn cợt. Nếu như vậy, thì cho dù sắp đối diện với Minh Sơn (xưa nói Minh Ách) để dạo chơi vẫn còn thấy hổ thẹn vì nghe tiếng đồn, huống gì là ngang bằng với sự hiếu kính của người dân thuận theo sự thay đổi, của người tài được nhận bổng lộc ư!

Thiên thứ ba: Cầu nơi thú hướng không thuận với sự thay đổi.

Hỏi: Theo chủ trương của Lão giáo, cho rằng đất trời hợp làm một là to lớn, vương hầu do thuận với cách thức mà được tôn quý, chết vì nghĩa, sống trong lễ. Nay Sa-môn lại chống đối với lễ kính cao thượng của bậc quân vương vạn thừa, việc ấy không được tước vương hầu mà lại nhận ân huệ của vua là sao vậy?

(Đoạn này không thấy chép phần trả lời)

Thiên thứ tư: Cách thức rốt ráo vốn không chung cùng.

Hỏi: Xem khắp trong sách sử ngày xưa, từ thời Thượng hoàng đến nay, những người ở trên ngôi vua, những người sống với đạo chưa hẳn khác nguồn gốc. Gốc vốn không thể là hai, thế nên từ trăm đời nay sử sách như nhau, đều cùng một mối. Đó gọi là chỉ có trời là lớn, duy chỉ có vua Nghiêu mới noi theo được. Do đó chẳng phải trí có điều không thấy suốt, tự thấy suốt ở bên trong, chẳng phải thấy suốt có điều không cùng tận, tự cùng tận cái vô lý. Từ đó mà suy thì, những gì vượt ngoài cái thấy nghe, rõ ràng không thể tin cậy được. Lý mà không thể tin cậy, thì cái rốt ráo của sự thú hướng có thể thấy rõ. Nay Sa-môn chẳng hiểu được ý văn nêu ra, lại lầm lẫn văn giáo, đã sai lầm mà lại cố cho là toàn vẹn. Nếu đưa ra được chứng cứ rõ ràng, thì đó quả là điều mà trong đời ít được nghe.

Đáp: Phàm Huyền tông khoáng đạt, thần đạo tinh vi, có thể theo lý mà tìm, theo sự mà hỏi. Đã vượt quá giáo thì phải theo thời mà kiểm chứng lại. Dù ứng thế có đủ hơn thua ngàn sai muôn khác, đến như giáo điển thành công là ở chỗ vận dụng, đều căn cứ ở lòng dân mà phân chia chung. Những điều mà trí không thể biết được lại chẳng liên quan những gì bên ngoài. Nếu vậy thì chẳng phải cái rốt ráo của lễ nghi cách thức không chung cùng, mà những điều chung cùng ấy không thể cùng tồn tại mà thôi. Vì vậy khi người xưa nói đến đạo lớn, thì năm lần thay đổi mới có thể nêu ra danh tánh, chín lần đổi thay mới có thể nói đến thưởng phạt. Đó mới chỉ là một thềm bực trong một quốc gia nhưng vẫn không thể định đoạt ngay được, huống gì là những điều vượt ngoài đất nước! Xin ông hãy suy xét lại mà mở rộng đến những gì thuộc phạm vi bên ngoài đó.

Những gì tồn tại bên ngoài bốn phương trời đất thì không bàn đến vì chẳng thể bàn được, nếu bàn tất sai. Những gì tồn tại bên trong bốn phương trời đất thì bàn nhưng không giảng giải vì chẳng thể giảng giải được, nếu giảng giải tất có người nghi hoặc. Như kinh Xuân Thu, các bậc Tiên vương chỉ giải bày mà không luận nghị, vì chẳng thể luận nghị được. Nếu luận nghị tất có kẻ làm loạn. Ba điều ấy đều là những điều vượt ngoài tai mắt. Những điều mấu chốt ấy lại là những điều chẳng liên quan đến những gì vượt ngoài thấy nghe. Từ đó muốn tìm cầu ý của Thánh nhân, thì cái đạo trong ngoài phải thích hợp và phải sáng suốt. Cái lý thường hằng phải lấy đạo pháp và danh giáo làm nền tảng. Chẳng hạn như: Như Lai và Nghiêu, Khổng dựng lập đạo lý tuy khác nhưng vẫn ngầm chịu ảnh hưởng với nhau. Kẻ ở ẩn và người làm quan kỳ thực khác xa nhưng rốt cuộc vẫn y hệt nhau. Cứ lý giải một cách tỉ mỉ thì sẽ thấy ngay mục đích sau cùng. Đứng về lý, có khi trước hợp rồi sau trái, có khi trước trái rồi sau hợp. Trước hợp rồi sau trái thì chư Phật Như Lai chính là mẫu người này. Trước trái rồi sau hợp, thì lịch Đại quân vương đạt đến cái rốt ráo của lễ nghi cách thức, chính là mẫu người này. Làm sao biết được? Như trong kinh chép: Phật có một phương pháp tự nhiên thần diệu, biến hóa muôn vật, quyền hiện bất cứ thân hình tùy theo cảnh giới mình đi đến. Có khi hiện làm Linh tiên, Chuyển luân, Thánh đế, có khi hiện làm khanh tướng, quốc sư, đạo sĩ. Những mẫu người đó đều do biến hiện, quốc vương quân tử chẳng biết được họ là ai. Đó gọi là trước hợp rồi sau trái.

Hoặc có những người mới dựng lên nghiệp lớn, nhưng công lao giáo hóa chưa thành tựu, dấu tích còn dở dang, cho nên những gì họ thọ nhận vốn không đồng nhau. Có người hy vọng công lao trong thân đời sau, có người hiển ứng ngay trong đời này. Những người thành tựu cơ nghiệp ngay trong đời Thánh vương cũng không làm sao kể hết. Dù dẫn dụ không giới hạn, nhưng con đường trở về tất gặp nhau. Đó gọi là trước trái rồi sau mới hợp.

Nếu trước trái rồi sau hợp thì những người dò bước chung đường tất không thể tự dừng trong cùng một khuôn phép. Nếu trước hợp rồi sau trái con đường cứu cánh của Phật Thích-ca cùng Nghiêu, Khổng không khác. Thử đoán xem thì có thể biết.

Thế nên, tự trái mà cầu hợp thì tất biết điểm hội nhập của lý tất đồng. Tự hợp mà cầu trái thì tất biết rốt ráo của cách thức vốn đa phương. Chỉ thấy hình hài không giống nhau, thì dù bôi lên trăm thứ son phấn vẫn thấy kinh hãi và kỳ dị. Từ đó mà xét thì đạo của trời đất, hiệu

quả hoàn toàn nằm trong sự vận hóa; đức của đế vương, lý hoàn toàn nằm trong sự thuận với lý chung. Nếu đem so sánh với giáo nghĩa siêu xuất, với tông chỉ bất biến, thì cố nhiên không thể định đoạt ngay được, mà sự hơn thua cũng có thể thấy ngay.

Thiên thứ năm: Hình hài hết nhưng thần thức không diệt.

Hỏi: Cốt lõi của luận cho rằng sự đổi thay chấm dứt là cùng tột. Thế nên người đạt đến cái tột cùng tất trái với sự đổi thay để cầu nơi thú hướng, cầu nơi thú hướng chẳng do thuận theo sự đổi thay. Vì vậy mới dẫn dụ lịch Đại quân vương khiến họ hòa đồng với Phật giáo, khiến cho đạo lý rốt ráo của lễ nghi phép tắc thuộc quyền quân vương nắm giữ. Đó là thoái thác một cách khéo léo, tự cho là lý chung. Nếu mong muốn như vậy thật cũng đáng làm, nhưng xét về lý thì không phải như vậy. Vì sao? Bởi vì phàm thọ bẩm khí chất dài nhất là một đời, khi sự sống ấy hết thì tan hoại và đồng với lúc không có. Thần thức tuy là một vật mầu nhiệm, vốn do âm Dương hóa sinh, đã hóa để hình thành cái sinh, tất hóa để hình thành cái chết, đã tụ để hình thành cái khởi đầu, tất tán để hình thành cái kết thúc. Từ đó mà suy, tất biết hình hài và thần thức đều do hóa sinh, căn nguyên của nó vốn không khác. Tinh vi hay thô thiển cũng cùng một khí chất, khởi đầu hay kết thúc vốn cùng một nấm mồ. Mồ mả vẹn toàn thì khí tụ mà lại linh diệu, mồ mả bị hoại thì khí tán mà lại hết linh. Tán thì trở lại nhận lấy căn nguyên, căn nguyên này hủy diệt thì trở về lại với lúc không có gì hết. Sự đắp đổi qua lại rốt cuộc chấm dứt, đó đều là lẽ tự nhiên ai có thể cưỡng chế lại được? Nếu trở về lại căn nguyên thì khác với khí chất, số mệnh mà thích hợp thì đồng với sự đổi thay, đó cũng là thần thức ở trong hình hài, giống như lửa ở trong cây, nếu sinh thì cùng sinh nếu diệt thì tất cùng diệt. Hình hài mất đi thì thần thức cũng tan biến vì chẳng có chỗ nương tựa, cây mà mục nát thì lửa cũng tắt ngấm vì không có nơi gá nương. Lý ấy quả đúng như vậy. Giả sử cái giống và cái khác vốn lờ mờ không nhận thấy được, thì cái có và cái không tất tồn tại trong cái tụ tán. Tụ và tán gọi chung cho sự biến đổi của khí chất, cho sự sống chết của muôn vật do biến hóa mà thành. Thế nên Trang Tử nói: "Con người còn sống thì khí chất tụ lại, khí tụ thì sống, khí tán thì chết. Nếu sống chết là đồng đẳng của tụ tán, thì ta đâu còn lo lắng gì!". Người xưa hay nói đến đạo, tất đã hội nhập với đạo, nếu quả đúng như vậy, thì đạo lý tột cùng nằm trong một đời, khi sự sống hết thì không hóa sinh, nghĩa lý này có thể rõ ràng như vậy.

Đáp: Thần thức là cái gì? Đó là vật vô cùng tinh vi mà lai rất linh

diệu. Nó vô cùng tinh vi nên chẳng thể có hình trạng để vẽ nên. Vì vậy Thánh nhân thường ví nó như một vật rất mầu nhiệm. Dù người tài giỏi bao nhiêu cũng không thể định đoạt được hình trạng của nó, không thể truy tìm được gốc gác thâm sâu của nó. Bởi vì khi bàn đến nó, người ta thường dựa vào cái thấy biết thiển cận, nên hay sinh nghi, phần nhiều cùng gây rối cho nhau. Những gì mà họ tự lừa dối nhau vốn cũng đã quá nhiều, muốn nói đến thần thức thì lại không thể nói được. Nay từ cái không thể nói được đó lại mượn vài lời để bàn luận sơ qua.

Thần thức vốn tương ưng viên mãn nhưng vô chủ thể, vô cùng vi diệu nhưng không có tên gọi, chỉ cảm ứng với vật để chuyển động, mượn tạm số mệnh để vận hành. Cảm ứng vật nhưng không phải là vật, thế nên vật đổi thay, nhưng nó thì bất diệt. Nó mượn tạm số mệnh nhưng không phải là số mệnh, nên số mệnh hết mà nó chẳng tuyệt cùng. Có tình thì có thể cảm vật, có thức thì có thể cầu số mệnh. Số mệnh có tinh có thô, cho nên bản tính của nó vốn khác biệt. Trí có sáng có tối nên cái thấy của trí vốn không đồng. Từ đó mà xét, thì sẽ thấy rằng, sự đổi thay là do theo tình mà cảm, thần thức là do thay đổi truyền nhau. Tình là me của đổi thay, thần là gốc của tình. Tình có con đường thể nhập với vật, thần có cái kết cuộc ngầm chuyển dời. Người thấu được đường đi tất về đến cuối đích, người mê mờ sự lý tất cứ chạy theo vật hoài.

Người xưa bàn đến đạo cũng chẳng ai giống ai, xin ông hãy nhận định và suy xét lại điều này. Trang Tử mở lời mầu nhiệm trong tông lớn, khế hợp với lời của hoàng đế, hình hài tuy đẹp nhưng chẳng đổi thay. Lại nói: Lửa truyền trong củi, cũng giống như thần thức thể nhập trong hình hài. Đây chỉ là gượng nói theo những vật hiện có chứ không phải truy tìm đồng loại sâu xa như nó.

Đứng về Như Lai mà luận, thì giả sử hình hài, thần thức đều thay đổi vốn do vận trời thì kẻ ngu người trí đều được bẩm thọ. Lại hỏi rằng những điều được thọ nhận ấy là hình hài thọ nhận hay thần thức thọ nhận? Nếu hình hài thọ nhận thì hễ hữu hình đều biến chuyển thành thần thức, nếu thần thức thọ nhận, thì đó là lấy thần truyền thần. Như vậy thì Đan Chu ngang hàng Thánh với Đế Nghiêu, Trùng Hoa cũng linh diệu như Cổ Tẩu, lý ấy có thể đúng chăng? Nếu không như vậy thì biết chắc rằng duyên ngầm hợp nhau là do đời trước, chia thành sáng tối là quyết định ngay trong lúc có hình hài. Cho dù sự linh diệu chuyển dời có xê xích, nhưng vẫn không thể thay đổi tính tự nhiên của bản tánh, huống gì hiện thân rồi lại trở về! Nếu đem nghiệm chứng với lý thì lời nói sâu kín nhưng có thể nêu bày; nếu đem so với sự thì có thể không bị

nhầm lẫn với cái chung.

Khi viết bộ luận này xong, sau đó có một vị khách lui về ở ẩn, nhân lúc tản bộ ngắm trăng thanh gió mát bỗng gặp tôi, tôi mời vị ấy về pháp đường. Nhân đó vị khách hỏi rằng: Theo những lời luận bàn khéo léo, có thể thấy rõ nẻo về của lễ kính. Tôi từng đọc luận này rất nhiều lần, một hôm thử nghiên cứu lại thì vẫn còn thấy một vài chỗ chưa hiểu thấu được. Ý của Luận chủ cho rằng, đức độ và lễ nghi của Sa-môn khác hẳn thế tục, danh phận và tài năng của đạo gia cống hiến trọn cho quân vương, cha mẹ. Vì vậy lược bớt lễ kính đối với hình hài. Điều mà nay tôi còn nghi là, sự nghiệp mà người cha sáng lập chưa thành tựu lại mong công lao được hiển hách lâu dài, được lưu truyền đến mai sau, nhưng phước báo hiện đời không có hiệu quả, quả báo đời sau còn lâu xa chưa có báo ứng, mà lại để cho vương công dâng cúng, tín sĩ quỳ lạy. Vốn không được ngôi vị đó mà lại nhận cái đức đó, bị trói buộc trong cái mưu tính ban đầu, luống nhận ân huệ của kẻ khác, thế có bị chê là kẻ lạm dụng không?

Luận chủ suy nghĩ giây lâu rồi nói: Nay xin ví dụ những kẻ hiền tài để giải thích việc này. Chẳng hạn như ở đây có người tôn thờ, thi hành mệnh lệnh của quân vương đương thời, học rộng nghe nhiều, vượt hẳn người tầm thường, thì thử hỏi nhà vua có chu cấp bổng lộc, áo quần, xe ngựa cho họ không?

\- Có.

Luận chủ nói tiếp: Những người ấy đáng học hỏi họ. Phàm những ai đáng được gọi là Sa-môn? Đó là những người khai mở cái u tối cho thế tục, mở rộng con đường mầu nhiệm trong sự đổi thay, rồi đem những gì thiên hạ lãng quên cùng đi với thiên hạ, khiến cho những kẻ có tham vọng cao xa phải uốn mình theo phong tục, khiến những kẻ yếu hèn cũng nhận chút ích lợi dư thừa. Nếu làm được như vậy thì dù nghiệp lớn chưa thành tựu, nhưng xem dấu tích trong mỗi bước đi của họ đủ thấy họ là người tài cao học rộng.

Thế nhưng, công lao của sự thay đổi chung, ích lợi của việc cống hiến đó vẫn không bị trói buộc trong tâm phát nguyện ban đầu, huống gì là công lao khó nhọc của cả ba nghiệp! Lại nữa người này hình hài dù có hoãn đãi nhưng tình thức không nương cậy trong cái trước mắt, xem tứ sự cúng dường như chim sẻ, con ruồi bay qua, như thế thì cái ân huệ như bọt nước nổi trôi kia lẽ đâu là chuyện phải đáng nói sao!

Bấy giờ khách khứa mới thấu tỏ được công lao của việc mở mang khai hóa, cái đạo thanh tịnh thân tâm, ai nấy đều vui vẻ, phất áo ngâm

vịnh rồi đi.

Giáp Thìn: Ngụy đổi hiệu là Thiên Tứ.

Ất Tỵ: Đổi niên hiệu là Nghĩa Hy.

Nam Yên: Mộ Dung Siêu đổi niên hiệu là Thái Thượng.

Hạ: Hách Liên Bột Bột: Tự là Khuất Cục, là hậu duệ Hung nô Hữu Hiền Vương Khứ Ty, là con của Lưu Vệ, cùng họ với Uyên. Ông cao tám thước năm tấc, lưng rộng mười vi. Ông chiếm cứ Hạ châu rồi tự xưng là Thiên Vương. Vốn tính hung bạo nên thường lấy việc chém giết làm vui, trị vì được hai mươi năm.

Tây Lương đổi niên hiệu là Kiến Sơ.

21. Phật-đà-bạt-đà bị đuổi:

Niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ hai, Tôn giả Phật-đà-bạt-đà người Thiên Trúc đến Trường An. La-thập nghe ngài đến liền vội vã ra nghênh đón, Thập chỉ hận rằng gặp ngài quá muộn. Hai người cùng nghị luận thật tâm đầu ý hợp. Bạt-đà hỏi La-thập.

- Dịch phẩm của ngài chưa vượt ra ý người, nhưng lại nổi tiếng là tại sao vậy?

- Thời gian qua tôi chỉ phụ giúp người học, ngài mới là người nổi tiếng đấy chứ!

Bạt-đà lần lượt khai thông hết những nghĩa lý chưa được sáng tỏ, khiến La-thập vô cùng kính phục.

Thái Tử Tần là Diêu Hoằng giữ ngài trong Đông cung cùng nghị luận Phật pháp với La-thập. La-thập hỏi:

- Thế nào là pháp không?

- Do nhiều vi trần kết thành sắc, sắc không có tự tánh, thế nên sắc tức không.

Hỏi tiếp: Đã dùng cực vi trần để phá sắc không, còn nay làm sao phá được một vi trần?

- Do một vi trần nên tất cả vi trần đều không, do tất cả vi trần nên một vi trần là không.

Sa-môn Bảo Vân dịch đoạn này nhưng không hiểu ý, nên cho rằng Bạt-đà chấp vi trần là thường, nên Bảo Vân hỏi lại vấn đề này, Bạt-đà đáp:

- Pháp chẳng có tự tánh, duyên khế hợp thì sinh. Duyên theo một vi trần nên có tất cả vi trần, mà vi trần vốn không có tự tánh, nên vi trần là không, lẽ đâu ông cho rằng chẳng thể phá được một vi trần sao!

Thời bấy giờ vua Tần mến mộ đạo Huyền nên Sa-môn ra vào cửa

cung có đến vài ngàn người. Bạt-đà cho rằng vận pháp quá ư suy đồi. Chợt gặp một đệ tử, ngài nói: Hôm qua ta thấy ở Thiên Trúc có năm con thuyền lớn cùng xuất phát, điềm ứng hợp đã đến rồi! Lại nữa đồ chúng của ngài tự nói đã chứng được Sơ quả. Tăng Chánh Đạo Xước nói: Phật không cho phép mình tự nói pháp mình chứng đắc, ngài nói năm con thuyền lớn là muốn nói đến cái gì? Đệ tử lại láo khoét lừa dối người khác, thật quá trái với giáo Luật !

Bạt-đà liền vượt sông vào Khuông sơn yết kiến Tuệ Viễn. Hai bên cùng nghị luận, Tuệ Viễn vẫn không khuất phục được ngài, Viễn càng rất đề cao ngài, nên gởi thư vào Quan trung để rửa sạch nỗi oan uổng của ngài.

Về sau, tại chùa Tạ Tư Không ở Giang đô, ngài dịch bộ kinh Hoa Nghiêm bản sáu mươi quyển. Lúc dịch kinh thấy có hai đồng tử mặc áo xanh, cứ mỗi sáng từ trong ao trước sân bước ra đốt hương, dâng nước hầu hạ bên ngài. Đến tối thì hai đồng tử về lại trong ao. Ngày nào cũng như vậy, đến khi dịch kinh xong, thì chẳng còn thấy hai đồng tử ấy nữa.

Đinh Mùi: Hạ đổi niên hiệu là Long Thăng.

Hậu Yên: Cao Vân, tự là Tử Vũ, con trưởng của Tuệ Văn Hy. Ông tự bảo mình là hậu duệ của Cao Dương, nhân đó lấy họ Cao Dương. Cao Hy mất, ông tiếm ngôi được một năm, đổi quốc hiệu là Đại Yên, đổi niên hiệu là Chánh Thỉ.

22. Mời Uyên Minh vào Liên xã:

Uyên Minh Đào Tiềm tự là Nguyên Lượng, vốn là huyện lệnh huyện Bành Trạch. Ông giải ấn từ quan lui về ở ẩn tại Sài Tang gần Lô sơn. Bấy giờ ông đến hỏi đạo với ngài Tuệ Viễn, Viễn mến phong thái khoáng đạt của ông nên mời ông gia nhập Liên xã. Đào Tiềm vốn ham uống rượu, nên nói với Tuệ Viễn rằng, cho ông uống rượu thì ông mới đến. Tuệ Viễn đồng ý. Đào Tiềm vào núi, nhưng do lâu ngày không có rượu, chịu hết nổi ông bỏ núi mà đi.

Mậu Thân: Nam Lương đổi niên hiệu là Gia Bình.

Bắc Yên: Phùng Bạt, tự là Văn Khởi, người ở Tín đô, Trường lạc. Lúc nhỏ ông có tên là Khất Trực Phạt. Cha ông là hậu duệ của Tất Vạn. Con cháu ông này đều nhận bổng lộc của Phùng Sư, nhân đó lấy họ Phùng làm họ của mình. Phùng Bạt rất giỏi uống rượu, uống hết một thạch mà chẳng say. Ban đầu ông làm quan cho Hậu Yên, nhân giết Mộ Dung Hy rồi lập Vân, nhưng Vân lại bị bề tôi là Ly Ban, Đào Nhân giết,

Bạt liền tiếm ngôi xưng là Yên Vương, đóng đô ở Xương Lê. Năm sau ông đổi niên hiệu là Thái Bình, trị vì được hai mươi mốt năm.

Kỷ Dậu: Tây Tần đổi niên hiệu là Canh Thỉ.

Ngụy: Minh Nguyên Hoàng Đế: Tên là Tự, là con trưởng của Đạo Vũ. Ông lên ngôi năm này, đổi niên hiệu là Vĩnh Hưng, trị vì được mười lăm năm, mất ở Tây cung, an táng ở Vân trung Kim lăng, thọ ba mươi hai tuổi.

23. Pháp Quả- Người đầu tiên được phong tước:

Sa-môn Pháp Quả là người có giới hạnh rất tinh nghiêm và là người khai diễn pháp tịch. Trong năm này, Minh Nguyên Hoàng Đế tiến cử ngài làm Tăng thống, lại ban tặng cho ngài hiệu là Phụ Quốc Nghi Thành Tử Trung Tín Hầu An Thành Công, nhưng ngài đều từ chối. Vua đích thân xa giá nơi ngài ở, thấy cửa ngõ chật hẹp xa giá qua không lọt, vua bèn ban lệnh mở rộng đường vào. Ngài là người được vua tôn kính thăm hỏi đến như thế. Ngài mất năm hơn tám mươi tuổi, vua ba lần đến viếng tang ngài và truy tặng hiệu là Lão Thọ Tướng Quân Triệu Hồ Linh Công.

24. Pháp Hiển- Người đầu tiên sang Tây Thiên thỉnh kinh: (Canh Tuất)

Trong năm này, Pháp sư Pháp Hiển từ Tây Vực trở về. Vào năm Long An thứ hai, Pháp Hiển cùng Tuệ Cảnh, Đàm Chỉnh... đi Tây Vực cầu pháp. Họ qua khỏi Lưu Sa thì lạc đường, bèn lấy mặt trời để phân định Đông Tây, cứ nhắm chỗ nào có xương người thì tiến tới. Gặp phải gió nóng ác quỷ nhưng chẳng nản lòng. Khi đến núi Thông Lãnh thì bị tuyết đóng dày đặc, rồng độc cản đường, họ cứ theo đường sỏi quanh co mà đi tới. Họ không kể gian lao, gặp núi cao vạn nhận thì làm thang leo qua, gặp dòng sông rộng đến tám mươi bộ, họ phải mất bảy ngày bứt dây rừng bện thành cầu mới qua được. Đó là những nơi mà Trương Khiên, Cam Anh của nhà Hán chưa hề đặt chân tới. Qua đến Tuyết sơn, thì Tuệ Cảnh lạnh đến cúm chân và chết. Ngài khóc lóc thảm thiết, cuối cùng nén lấy thương đau một mình đi tiếp. Ngài vượt qua ba mươi nước nữa mới đến được Trung Ấn. Khi cách thành Vương xá ba mươi dặm, ngài vào một ngôi chùa hỏi thăm đường đến núi Kỳ-xà-quật. Vị Tăng trong chùa nói: "Bây giờ sắp tối rồi, hơn nữa nơi ấy có rất nhiều sư tử ăn thịt người, ông không thể đến đó được."

Ngài tự nghĩ: Ta muốn chiêm bái đất Phật, chẳng may đến thì vừa

tối, đêm nay dù mất mạng ta vẫn không bao giờ thay đổi ý định. Thân này đâu phải là thứ mà ta mến tiếc, lẽ đâu lại sợ sư tử sao!

Nghĩ xong ngài đi, đến nơi thì trời đã tối. Ngài bèn vào núi, rơi lệ đảnh lễ và nói: Con thật chẳng biết vì sao mình đến được nơi này!

Lạy xong, ngài ngồi dưới gốc cây tụng kinh. Canh ba đêm ấy, Sư tử đến ngồi xổm cạnh ngài chực muốn ăn thịt. Ngài khoát tay đuổi đi và nói: Ngươi muốn ăn thịt ta thì đợi đến khi ta tụng kinh xong đã!

Sư tử nghe vậy vẫy đuôi đi mất, sáng hôm sau ngài quay lại chùa. Vị Tăng ấy chống tích trượng vái chào ngài nhưng chẳng nói gì cả mà từ từ ra đi. Lúc ấy có một thiếu niên đi đến, ngài hỏi vị Tăng ấy là ai? Thiếu niên đáp: Người ấy là Đầu-đà Đại Ca-diếp! Ngài nghe vậy liền đuổi theo đến sát núi, thấy hang núi có một phiến đá chặn ngang lối vào, thế là ngài không vào được.

Ngài đến Nam Ấn thỉnh được bộ Ma-ha Tăng-kỳ Luật và những bộ kinh như Niết-bàn... Ngài ở lại đây ba năm để học tiếng Phạm. Sau đó ngài đem kinh tượng đi cùng đoàn lái buôn về đến nước Sư tử. Những người đi cùng đều mất do gặp bão, ngài đành ở lại nước Sư tử. Gặp lúc có một người đem chiếc quạt bằng lục trắng dâng cúng Phật, thấy vậy ngài vô cùng cảm động nghĩ đến ngày quay về cố hương. Hai năm sau, ngài về đến Thanh châu. Thái thú Thanh châu là Lý Nghi đích thân đến nghênh đón rồi hộ tống ngài vào kinh đô.

Nhâm Tý: Tây Tần: Sí Bàn, con của Càn Quy, trị vì được mười sáu năm, đổi niên hiệu là Vĩnh Khương. Bắc Lương đổi niên hiệu là Huyền Thỉ.

25. Tam tạng Đàm-vô-sấm đến Cô tang:

Tam tạng Đàm-vô-sấm người Tây Vực từ nước Quy Tư đến Cô Tang. Bấy giờ Lương Vương Thư Cừ Mông Tốn vốn là người tôn sùng đạo Phật. Ngài ở lại đây rất lâu, nhờ đó tinh thông Hán ngữ. Ngài dịch những kinh như Đại Bát-niết-bàn, Đại Tập... có đến hơn sáu trăm ngàn lời. Nhưng do số phẩm trong kinh Niết-bàn chưa đủ, nên ngài lại quay về Tây Vực để tìm. Sau khi tìm được, ngài qua lại nước Lương và dịch thành bốn mươi hai quyển với hơn mười ngàn bài kệ. Ngài vốn là người có rất nhiều việc thần dị. Hồi ấy Thát Bạt Khuê, Vương Trung Sơn nghe danh ngài mong muốn được gặp một lần để lễ lạy học hỏi, nên bèn sai sứ đi đón ngài về, nhưng Mông Tốn không chịu để ngài đi. Khuê lại sai Cao Bình Công Lý Thuận đem lễ vật thăm hỏi Tốn Lương Vương; lại ban cho Cữu tích (ngựa xe, cung tên, y phục) và ra chỉ dụ rằng: "Đàm-

vô-sấm là người có đức độ bao la, Trẫm nay mong được gặp ông ấy một lần, nên sai sứ đem xa giá đến đón”.

Tốn nói: Thần quên thân phụng sự triều đình, trước đây thì xin giữ Sấm lại, còn bây đến lại muốn đuổi ông ấy đi. Ông ấy là thầy của thần, dù chết thần cũng không thể để ông ấy đi, mà ông ấy muốn đi cũng không thể được.

Thuận nói: Triều đình tôn kính ngài là người trung nghĩa nên đề cao ngài, ban những lễ vật đặc biệt. Nay ngài lại vì một đạo nhân mà làm tổn thương công lớn, không chịu nén giận trong một lúc lại phát ngôn những lời không nên phát ngôn ấy, đánh mất lòng tốt đãi ngộ của triều đình, tôi thiết nghĩ ngài không nên làm như vậy.

Tốn nói: Lời ông nói nghe thật hay đấy, nhưng e rằng tình cảm chẳng giúp gì được!

Tốn rốt cuộc không để ngài đi, thế là Thát Bạt Khuê đành nuốt hận chịu thua.

Đạo Tiến là người theo cầu ngài truyền Bồ-tát giới, ngài bảo: Ông hãy tự sám hối trong bảy ngày. Sám hối chưa xong, Tiến đến gặp ngài, ngài bỗng nạt, Tiến thưa: Đó là túc chướng Tiến bèn tinh tấn tu tập suốt ba năm, trong giấc mộng cảm được Thích-ca Thế Tôn đến truyền trao giới pháp. Cũng trong đêm ấy có hơn mười người cùng mộng thấy như Đạo Tiến. Bấy giờ, Đạo Tiến lại đến đảnh lễ ngài, từ xa thấy Tiến đến, ngài vô cùng hoan hỷ nói: Hay thay! Ông đã đắc giới rồi! Nay ta sẽ chứng minh cho ông. Sau đó ngài kiên quyết trở về Tây Vực, Tốn nghe liền nổi giận. Sau khi ngài đi, Tốn mật sai tay chân thân tín của mình giết chết ngài dọc đường.

Trong ngày rời khỏi thành, ngài nói với người tiễn mình rằng: Nghiệp đến rồi! Dẫu là bậc thượng Thánh cũng không thể tránh được, không phải ta thích chết mà là cố muốn đi xa để đừng ai nghe thấy!

Sau khi giết ngài không bao lâu, Mông Tốn chợt hồi tâm ăn năn sám hối. Ngày nọ, bỗng thấy con quỷ cầm kiếm đâm mình, Tốn chết, nước Lương bị Ngụy thôn tính.

Quý Sửu: Hạ đổi niên hiệu là Phượng Tường.

26. Pháp sư Đạo Sinh dựng đá làm đồ chúng:

Pháp sư Đạo Sinh là người diệu ngộ sâu xa. Bấy giờ phần sau của kinh Niết-bàn chưa lưu truyền đến Trung Quốc, ngài đã đọc thuộc làu, suy tự giây lâu rồi nói: “Nhất-xiển-đề sẽ thành Phật”. Do bộ kinh này chưa lưu hành đủ ở Trung Quốc, nên vào thời đó các học giả khác đều

công kích chủ trương của ngài cho là tà thuyết, chiếu theo Luật đuổi ngài đi. Ngài tác bạch chúng và thề rằng: Nếu những gì tôi nói không khế hợp nghĩa kinh thì nguyện thân này bị ác báo ngay trong hiện tiền, nếu quả thật khế hợp với tâm Phật thì nguyện rằng lúc tôi mất, thân tôi ngồi trên tòa Sư tử. Nói xong, ngài phất tay đi về phía Nam, vào trong núi Hổ Khâu dựng đá làm thính chúng nghe ngài giảng kinh Niết-bàn. Giảng đến đoạn Xiển-đề có Phật tánh, ngài hỏi: Những gì ta nói có khế hợp với tâm Phật không? Thính chúng bằng đá liền gật đầu tỏ vẻ đồng ý.

Về sau ngài vân du qua Khuông sơn, ở trong động Tiêu cảnh, nghe ngài Đàm-vô-sấm dịch lại kinh Niết-bàn, và phần sau của kinh được truyền đến Nam kinh, trong đó quả nhiên cũng nói Xiển-đề đều có Phật tánh. Ngài khôn xiết vui mừng bèn thề chết để phụng trì Phật pháp.

Giáp Dần: Ngụy đổi niên hiệu là Thần Thụy.

Bính Thìn, Đinh Tỵ: Hậu Tần, tên là Hoằng, con của Hưng lên ngôi được hai năm thì bị Lưu Dụ nhà tấn giết chết. Ông thọ ba mươi tuổi, đổi niên hiệu là Vĩnh Hòa. Ngụy đổi niên hiệu là Thái Thường.

Mậu Ngọ: Tây Lương: Lý Hâm, trị vì được ba năm, đổi niên hiệu là Gia Hưng.

Kỷ Mùi: Hạ đổi niên hiệu là Xương Vũ, năm sau đổi niên hiệu là Chân Hưng.

27. Cung Đế:

Tên là Đức Văn, ông lên ngôi đổi niên hiệu là Nguyên Hy. Ông là em cùng mẹ với An Đế. Vĩnh Sơ năm đầu, Lưu Dụ sai anh của hoàng hậu là Thúc Độ vượt tường vào giết ông. Ông thọ ba mươi sáu tuổi, an táng ở Bái lăng, trị vì được hai năm. Nhà Tấn bị diệt vong. Trong năm này Lương Chí Công ra đời.

Tây Tấn đóng đô ở Lạc Dương , gồm bốn đời vua, trị vì được ba mươi bảy năm, nhưng có lẫn lộn bọn Ngũ Hồ trong đó.

Đông Tấn đóng đô ở Kiến Nghiệp, gồm mười hai đời vua, trị vì một trăm bốn mươi năm. Cuối cùng đất nước về tay nhà Tống.

Canh Thân: Tây Tần đổi niên hiệu là Kiến Hoằng.

Tây Lương: Quan Quân Tuân đổi niên hiệu là Vĩnh Kiến. Năm thứ hai, Hà Tây Vương đánh vào Đôn Hoàng, Tuân bèn tự vẫn, đất nước bị diệt vong.

28. Đời Bắc Ngụy, Thôi Hạo tiến cử Khấu Khiêm Chi:

Bắc Ngụy, Thái Thường năm thứ năm, Quang Lộc Khanh Thôi Hạo bị dèm pha, vua bèn sai Hạo theo Công Quy Đệ nhân đó tu luyện thuật Phục Thực dưỡng tánh. Ban đầu đạo sĩ Khấu Khiêm Chi ở Tung sơn tu theo thuật của Trương Đạo Lăng và tự nói mình đã từng gặp Lão Tử giáng thế, vì vậy sai ông ta kế thừa thuật của Đạo Lăng và làm Thiên sư, truyền dạy cho ông thuật Tịch Cốc khinh thân, cùng Khoa giới gồm hai mươi quyển khiến ông làm trong sạch lại Đạo giáo. Lại gặp Thần nhân Lý Phả Văn và ông ấy tự xưng là Huyền Tôn của Lão Tử, Lão Tử trao cho ông ta Đồ Lục Chân Kinh hơn sáu mươi quyển và Phép Xuất Thiên Cung Tĩnh Luân. Khiêm Chi đem những sách ấy dâng lên Thái Vũ Đế. Trong triều cùng nhân dân phần nhiều không tin. Một mình Thôi Hạo tôn Khiêm Chi làm thầy và theo học pháp thuật. Hơn nữa Thượng thư lại khen ngợi việc ấy nên Thái Vũ Đế rất vui mừng, liền sai sứ đem châu ngọc, gấm lục, muông sinh đến tế ở Tung nhạc đón Khiêm Chi về. Chi lập Thiên sư Đạo tràng tại phía Nam Bình Thành, trên ấy lại lập một cái đài gồm năm cấp. Đồ chúng của đạo giáo từ đó rất thịnh.

Tống Tư Mã Văn Chánh Công nói: Sách của Lão Trang mục đích là muốn con người khi sống cũng như lúc chết đều được nhẹ nhàng, vì thế mà những người làm thần tiên đều ăn cháo tu luyện để cầu được nhẹ nhàng, luyện cây đá thành vàng bạc. Đó là loại pháp thuật vô cùng trái nghịch sự thật. Do đó Lưu Hâm bảy lần nêu cao Đạo gia liệt ngang hàng với Chư tử, thần tiên chỉ là bọn đạo thuật nghề nghiệp. Sau đó lại xuất hiện thuật cấm chú của bọn phù thủy. Đến Khiêm Chi thì hợp lại thành một. Mãi đến nay thì chẳng còn thấy nữa, vì bọn họ láo khoét quá mức. Thôi Hạo không tin sách của Phật, Lão nhưng lại tin những lời của Khiêm Chi, thật đáng tiếc thay! Xưa Tang Văn Trọng tế tự con chim Viên Cư bị Khổng Tử cho là kẻ bất trí. Còn như Khiêm Chi nếu đem so với việc thờ con chim Viên Cư thì còn hơn thế nữa!

Ba trăm thiên kinh thi, dùng một câu để khái quát hết cả, thì đó chính là "tư tưởng không xằng bậy". Người quân tử chọn lựa pháp thuật, lẽ đâu không cẩn thận sao!

29. Thiền sư Huyền Cao bị dèm pha:

Thiền sư Huyền Cao ở tại núi Mạch Tích, ngài rất thân thiện với Sa-môn Đàm Hoằng. Khi nghe Tôn giả Đàm Vô Tỳ là người rất tinh thông thiền quán, từ Bắc sơn vào đất Lương, ngài liền đến để cầu học.

Chỉ trong mười ngày, ngài liền lãnh hội được. Vô Tỳ hết lời khen ngợi ngài, cho ngài là người có trí tuệ vượt xa hơn mình. Đến khi Vô Tỳ trở về Tây Vực, lúc đó có một Tỳ-kheo quỷ quyệt, vì đố kỵ tài năng của ngài nên gièm pha với Hà Nam Vương Thế Tử Mạn rằng: Hiện nay Cao nhóm họp đồ chúng, ông ấy sẽ là mối hại cho đất nước.

Mạn tin lời của Tỳ-kheo kia nên muốn giết ngài, nhưng cha của Mạn không đồng ý. Mạn bèn đuổi ngài qua Hà Bắc, ngài ẩn cư trong núi Lâm Dương Đường. Núi này là nơi cư trú của Địa Tiên, đêm đêm thường có tiếng chuông tiếng khánh khua vang. Đệ tử của ngài có đến hơn trăm người, trong đó Huyền Thiệu là đệ tử xuất chúng và là người có thần lực. Có lần Thiệu lấy tay chỉ xuống đất, nơi ấy bỗng có nước phun ra, Thiệu lấy nước chu cấp cho chúng Tăng. Những người có thần lực như Huyền Thiệu có đến mười một người.

Bấy giờ Hà Nam Vương nghênh đón Đàm Hoằng vào triều, Hoằng liền hỏi vua vì sao đuổi Huyền Cao đi, ông ấy là bậc kỳ tài hiếm thấy trong thiên hạ. Vua nghe vậy liền dùng đại lễ đến đón ngài. Khi ngài sắp đi, cây cối trong núi bỗng nhiên gãy đổ ngổn ngang, đất đá bay tứ tung lấp cả đường xuống núi. Thấy thế ngài nói:

- Chí của ta là mở rộng đạo mầu, chứ giam mình trong hang núi này thì thật vô ích!

Nói xong bỗng thấy đường núi lại trống trải, ngài liền xuống núi. Vua ra tận vùng đất giao (biên giới) đón ngài và thờ làm thầy.

Sau đó ngài vân du đến đất Lương, Thư Cừ Mông Tốn đãi ngộ ngài vô cùng cẩn mẫn.

Đệ tử của ngài có người tên là Tăng Ấn tự nói mình đã chứng quả A-la-hán. Nghe vậy, ngài liền dùng thần lực khiến Tăng Ấn ở trong định thấy rõ vô tận thế giới khắp mười phương, lại làm cho Ấn nghe được pháp của chư Phật diễn thuyết, mỗi vị đều diễn nói khác nhau. Sau đó trong suốt mùa hạ, Ấn cố công tìm lại những gì mình đã thấy nhưng chẳng tìm được, từ đó Tăng Ấn hổ thẹn ăn năn sám hối.

Năm sau vua Ngụy sai sứ đến đón ngài vào Bình Thành. Bấy giờ Thát Bạt Đảo lên ngôi, ông này rất tôn kính ngài nên sai Thái Tử Hoãn thờ ngài làm thầy.

30. Tề trước tác bộ Ngụy Thư Phật Lão Chí:

Trong Ngụy Thư Phật Lão Chí đại khái nói rằng: Học thuật của họ Thích vốn đã được nghe đến từ thời Tiền Hán, thời Vũ Đế, trong niên hiệu Nguyên Thú, Hoắc Khứ Bệnh bắt được Tỳ Da Vương và người

vàng dài hơn một trượng. Đế cho đó là đại thần, mới an trí ở cung Cam tuyền đốt hương lễ bái. Đó là thời kỳ đầu tiên mà Phật đạo lưu thông trong đất nước.

Đến khi mở mang bờ cõi tiếp giáp Tây Vực, vua sai Trương Khiên đi sứ đến Đại Hạ, lúc trở về ông ấy nói: Trong nước Thân Độc Thiên Trúc có giáo pháp của họ Thích.

Thời Ai Đế, trong niên hiệu Nguyên Thọ, Cảnh Hiến được quốc vương nước Đại Nguyệt Thị truyền miệng cho ông kinh của họ Thích.

Thời Hậu Hán, Minh Đế nằm mộng thấy người bằng vàng, trên cổ phát ra ánh sáng, người ấy bay trong sân điện. Khi ấy Phó Nghị đem chuyện Phật nói cho vua nghe. Vua liền sai Trung lang tướng Thái Âm... đi sứ Thiên Trúc, chép lại những phép tắc mà họ Thích để lại, rồi cùng với Sa-môn Ca-diếp Ma-đằng và Trúc Pháp Lan trở về Lạc Dương. Bấy giờ trong nước có kinh Tứ Thập Nhị Chương và pho tượng đứng của Phật Thích-ca. Vua bèn sai thợ vẽ, vẽ lại pho tượng này rồi an trí ở Thanh Lương đài và Hiển Tiết lăng, còn kinh thì an trí trong Lan đài thạch thất.

Chữ Phù Đồ hay Phật-đà, hai âm này na ná nhau, Hán dịch là Tịnh Giác, ý nói người này diệt trừ hết cấu uế, khai sáng đạo mầu, là bậc Thánh thấu hiểu triệt để.

Ý chỉ của kinh Phật đại để nói rằng: Tất cả chúng sinh đều do hành nghiệp mà có thân, có ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai, thần thức thường hằng bất diệt, làm lành làm ác đều có báo ứng. Tích chứa nhiều nghiệp lành, tẩy trừ mọi thói xấu, trải qua vô số thân hình để toi luyện cho tâm thần được sáng suốt, cho đến khi vô sinh thì thành tựu Phật đạo. Trong quá trình tu tập, thứ lớp của tâm hành có cao có thấp đi từ duyên cạn cho đến duyên sâu, từ cái nhỏ nhặt mà thành cái to lớn, muốn thành tựu thì phải tích chứa nhân đức hiếu nghĩa, xả bỏ mọi thứ ham muốn, sống trong cảnh rỗng rang vắng lặng thì tự tâm bừng sáng. Thế nên người tu tâm trước tiên phải nương tựa Phật, Pháp, Tăng, đó gọi là Tam quy, cũng giống như Tam úy của người quân tử. Lại có ngũ giới là không sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối và uống rượu. Đại khái cũng giống như nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Người vâng giữ ngũ giới sẽ được sinh vào xứ sở tốt đẹp trong cõi trời, cõi người, kẻ phạm giới sẽ phải đọa trong các đường khổ như súc sinh, ngạ quỷ. Lại nữa có sáu con đường để thiện ác thác sinh.

Cách ăn mặt của đạo Phật, thì người này phải cạo bỏ râu tóc, buông bỏ mọi ràng buộc, từ bỏ gia đình, kết thầy trò với nhau, sống

đúng giới Luật , phải sống hòa thuận với nhau, phải rửa lòng tu tịnh, xin ăn để nuôi sống bản thân. Những người như thế được gọi là Sa-môn, hay Tăng môn. Hai âm này cũng na ná giống nhau. Căn nghiệp của mỗi người đều sai biệt, từ đó có Tam thừa, là Thanh văn, Duyên giác và Đại thừa. Do tiếp nhận giáo lý mà mình nương theo cao hay thấp để tiến đến đạo nên gọi là Tam thừa. Người thượng căn thì tu Lục độ thi thiết muôn hạnh, giáo hóa muôn người để làm cho mối đạo tồn tại lâu dài, bước lên được cảnh giới giác ngộ thì được gọi là Phật. Phật vốn có hiệu là Thích-ca Văn, Hán dịch là Năng Nhân, có nghĩa là đức viên đạo mãn, cứu độ muôn loài. Ngài giáng sinh làm Thái Tử con quốc vương Ca-tỳ-la-vệ ở Thiên Trúc, ngài sinh từ hông bên phải của hoàng hậu vào đêm mồng tám tháng tư. Tướng mạo có ba mươi hai tướng tốt siêu xuất dị kỳ. Khi sinh, trời xuất hiện ba mươi hai điềm lành tương ứng. Ngài nhập Niết-bàn vào ngày mười lăm tháng hai. Niết-bàn, Hán dịch là Diệt độ, hoặc cũng như nói Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, là người đã sáng suốt không còn thọ thân trong đời sau, không còn bị các thứ khổ trói buộc.

Lại nữa, chư Phật có hai nghĩa:

1. Chân thật: Thân thể mầu nhiệm vĩnh viễn chấm dứt mọi câu thúc ràng buộc, không thể dựa trên nơi an trú hiện tại mà định đoạt, không thể dựa trên thân hình tái sinh mà hạn lượng, người có cảm tất có ứng với chân thể thường hằng vắng lặng này.

2. Quyền ứng: Nghĩa là hòa quang cùng Lục đạo, đồng trần với muôn loài, sống chết tùy thời, dài ngắn tương ứng với chúng sinh. Hình hài do chiêu cảm mà sinh, thân thể thì chẳng phải thật có. Thân hình quyền hiện tuy chết nhưng chân thể vốn bất biến. Chỉ là do chúng ta không có sự cảm ứng mầu nhiệm nên không thể thường thấy chân thể ấy. Đó chứng tỏ là Phật có sinh nhưng không phải thật sinh, có diệt nhưng không phải thật diệt.

Sau khi Phật Niết-bàn, đồ chúng dùng gỗ thơm thiêu thân ngài, xương cốt phân thành vô số hạt lớn nhỏ như hạt gạo, đập chẳng nát, đốt chẳng cháy, mà lại có ánh sáng rất thần diệu, đó gọi là xá-lợi. Đệ tử ngài thâu lấy xá-lợi ấy phụng thờ, đốt hương, dâng hoa cúng dường, dựng cung cao chót vót để thờ, đó gọi là tháp, cũng như tông miếu vậy, nên thời ấy gọi là tháp miếu chính là thế.

Một trăm năm sau vua A-dục dùng thần lực phân xá-lợi của Phật, sai quỷ thần dựng tám mươi bốn ngàn tháp, an trí khắp thế giới chỉ trong vòng một ngày. Hiện nay ở Lạc Dương, Bành Thành, Cô Tang, Lâm Truy đều có chùa Dục vương, đó là do thừa hưởng di tích của vua A-

dục. Còn tượng móng tay và răng của Phật được lưu giữ ở Thiên Trúc. Những người qua lại nước này đều nhìn thấy.

Ban đầu Phật chỉ thuyết pháp, về sau mới có ghi chép. Những dấu móc, những đạo lý thâm sâu không thiếu sót điều gì. Thế nên Tam tạng và mười hai bộ kinh cũng mang rất nhiều sắc thái đặc trưng riêng biệt như chính phái của Đạo gia. Điểm kết quy của những đặc trưng đó đều lấy Tam thừa làm nền tảng. Về sau có các bậc La-hán, Bồ-tát nối nhau tạo luận, ngợi khen, làm sáng tỏ nghĩa kinh để phá dẹp ngoại đạo. Những bộ luận ấy dựa vào nghĩa lý cốt yếu của các bộ kinh tạng mà viết ra, giả lập những câu hỏi của ngoại đạo rồi dùng Phật pháp để giải thích. Những bộ Kinh Luận ấy lần lượt được truyền vào Trung Quốc, tính đến nay đã lưu hành rất rộng rãi.

Đầu đời Hán, Sa-môn đều mặc vải màu đỏ, về sau mới thay thế bằng các thứ vải tạp sắc.

Luận rằng: Thời Đường Thái Tông đã chỉnh sửa thư tịch đời Tấn, lại có người khuyên nên chỉnh sửa thư sử của bảy nước thời Nam Bắc triều. Thái Tông cho rằng thư tịch thời Nguyên, Ngụy rất rõ ràng chính xác, nên đặc biệt không sửa, đến nay xem lại thì quả đúng như thế.

Phàm điển giáo của Phật giáo, Lão giáo đối với chín phái của Nho gia thì họ thường cho là ngoại học, có khi cũng muốn gồm thâu thành một trong những phái của Nho gia. Nếu chẳng phải là người có trí tuệ siêu việt được huân tập từ đời trước, thì đời nay, vì nguyện lực mà tái lai không bao giờ có thể lần tìm được chút manh mối, huống gì là người thông đạt được chỉ thú thuật lại cội nguồn!

Phi thường thay! Ngụy Thư Phật Lão Chí! Như ngựa không cương mà vẫn chạy đúng giữa những vết đường khúc khuỷu, như xe không cờ mà vẫn băng ngang những tường lũy rêu xanh, ngựa xe thong dong nhìn thật sướng mắt! Thế nhưng Ngụy thư nêu cả ba Thánh nhân nhưng khó chuyển tải hết học thuật của họ, hòa đồng cùng bốn tác giả nhưng chưa thể hòa đồng tư tưởng của họ. Bộ sách này đặc biệt được hậu thế tin cậy, như thế chẳng phải tốt lắm rồi sao!

■

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 8

1. Tống Văn Đế: (Canh Thân)

Họ Lưu, đóng đô ở Kiến khương.

Lôi Thị nói: Cao, Thiếu, Văn, Vũ, Tiền, Minh, Hậu, Thuận, triều Tống gồm tám đời vua trị vì cả thảy sáu mươi năm.

Cao tổ Vũ Hoàng đế: Tên là Dụ, tự là Đức Dư. Thuở nhỏ có tên tự là Ký Nô, người ở làng Tuy Dư, huyện Bành Thành. Ông là em của Hán Cao, là cháu hai mươi đời của Sở Nguyên Vương Giao. Bành Thành vốn là kinh đô nước Sở, nên con cháu họ đều ở đây. Hoàng đế làm quan dưới đời nhà Tần giữ chức Thái úy. Ông vốn là người tài giỏi, mưu lược, mà lại thanh cao ít ham muốn. Nhà Tần dời về phía Đông, họ Lưu di cư sang Tấn Lăng, ông nhận ngôi từ nhà Tấn, trùng kiến lại Khương cung. Ông mất ở Tây điện, an táng ở Tưởng sơn thuộc huyện Kiến Khương, ban đầu an táng ở Ninh lăng. Ông thọ sáu mươi bảy tuổi, trị vì được ba năm.

Tây Tần: Đổi niên hiệu là Kiến Hoằng.

Tây Lương: Quan Quân Tuân đổi niên hiệu là Vĩnh Kiến.

Nhâm Tuất: Tháng tư, Hoàng đế băng hà.

Quý Hợi: Doanh Dương Vương Nghĩa Phù, đổi niên hiệu là Cảnh Bình. Phù thuở nhỏ có tự là Xa Binh, là con trưởng của Vũ Đế. Do hành động của ông ngang ngược nên bị Hoàng thái hậu giáng xuống làm Doanh Dương Vương. Ông mất năm mươi chín tuổi, trị vì được một năm.

Giáp Tý năm mươi mốt:

Văn Đế: Tên là Nghĩa Long, thuở nhỏ có tự là Xa Nhi là con thứ ba của Vũ Đế. Ông cao bảy thước năm tấc, vốn là người thông minh nhân hậu, khiêm cung, rất cần mẫn trong chánh sự. Những người làm chánh sự ở Giang tả chưa từng có ai giỏi như ông. Ông bị Trương Siêu giết tại Hợp điện, an táng ở Ninh lăng, thọ bốn mươi bảy tuổi, trị vì được ba mươi năm.

Ngụy Thế Tổ Thái Vũ Đế, tên là Đảo, là con trưởng của Minh

Nguyên, ông lên ngôi đổi niên hiệu là Thỉ Quang. Ông mất ở cung Vĩnh An, thọ bốn mươi lăm tuổi, trị vì hai mươi chín năm.

Ất Sửu: Hạ: Hách Liên Xương đổi niên hiệu là Thừa Quang. Bắc Yên có người con gái hóa thành con trai. Thôi Hao nước Ngụy tự ví mình với Trương Lương.

2. Thần Tăng Bôi Độ: (Canh Dần)

Nguyên Gia năm thứ ba, Thần tăng Bôi Độ bắt đầu rời khỏi Ký Châu. Ngài trông giống một người điên thoát tục, tay xách mười cái chén bằng gỗ, khi qua sông ngài ngồi trên ấy mà qua, nên người bấy giờ gọi ngài là Bôi Độ (người qua sông bằng chén). Có lần từ Mạnh Tân, ngài cỡi cái chén ấy vượt đến Kim lăng, bấy giờ ngài khoảng bốn mươi tuổi.

Tính tình ngài vui giận bất thường, lúc trời rét căm căm, ngài lại chui vào hố tuyết mà tắm, lại có lúc mang guốc trèo lên núi, hoặc đi chân không giữa chợ, trên vai gánh một bó lau. Có lần ngài đến chùa Diên hiền, Sa-môn Pháp Ý đón tiếp ngài rất niềm nở, kính cẩn. Có lúc bỗng nhiên ngài vứt hết đồ đạc bỏ chạy đuổi theo thuyền để đi nhờ, chủ thuyền không cho đi, ngài bèn cỡi chén qua sông.

Trong thôn Quảng Lăng có người họ Lý đang cúng trai phạn ngài liền đi vào, vứt bó lau trước sân rồi lên thẳng trai đường ngồi, mọi người trố mắt nhìn, nhưng ngài vẫn thản nhiên như không. Trong pháp hội có kẻ nổi giận, thấy bó lau nằm chướng mắt giữa đường đi bèn xách qua chỗ khác, nhưng dùng hết sức người mà chẳng nhấc lên nổi. Ăn cơm xong ngài xách bó lau đi và cười gọi: Tứ Thiên vương! Lúc ấy có đứa trẻ lén nhìn, thấy trong bó lau có bốn hài nhi cao chừng hơn một tấc, mặt mày vô cùng khôi ngô tuấn tú, bèn chạy đến tìm thì chẳng thấy đâu cả.

Trong lúc sinh tồn ngài hiển bày dấu tích như vậy, đến sau khi mất, có người vẫn thường thấy ngài.

Mậu Thìn: Tây Tân: Mộ Mạt đổi niên hiệu là Vĩnh Hoằng đến năm thứ hai bị Hạ diệt vong.

Hạ: Hách Liên Định lên ngôi được hai năm đổi niên hiệu là Thắng Quang, năm sau bị Ngụy tiêu diệt.

Bắc Lương: Đổi niên hiệu là Thừa Huyền, Ngụy đổi niên hiệu là Thần Gia.

3. Cầu-na Bạt-đà-la: (Kỷ Tỵ)

Tôn giả Cầu-na Bạt-đà-la người Thiên Trúc đến Kim lăng, Văn Đế nghe ngài đến liền sai sứ ra tận biên giới đón. Bạt-đà là người có thần thái thanh tao, Văn Đế nhìn thấy vô cùng mừng rỡ, liền ban chiếu chỉ thỉnh ngài ở tại chùa Kỳ hoàn. Vua nhiều lần thỉnh ngài vào cung cúng dường. Thời bấy giờ những người như: Bộc xạ Hà Thượng Chi, Vương Nghĩa Khương ở Bành Thành, Vương Nghĩa Tuyên ở Nam tiếu đều thờ ngài làm thầy, thỉnh ngài giảng Hoa Nghiêm. Do chưa thông Hán ngữ, nên ngài cầu Quan Âm Bồ-tát gia hộ cho ngài tăng trí lực, ban đêm ngài nằm mộng thấy thần lực sĩ đến thay đầu mình, sáng ra thấy cổ vẫn còn đau buốt. Từ đó ngài thông thạo Hán ngữ, liền thăng tòa giảng kinh. Do ngài là người diệu ngộ tông chỉ Đại thừa, nên người đương thời gọi ngài là Ma-ha-diễn (Đại thừa).

Tân Mùi: Bắc Lương đổi niên hiệu là Nghĩa Hòa.

Bắc Yên: Phùng Hoằng đổi niên hiệu là Đại Hưng. (Hoằng là em của Bạt, giết con của Bạt là Dực rồi tiếm ngôi được bảy năm).

Nhâm Thân: Ngụy đổi niên hiệu là Diên Hòa.

4. Vua xa giá đến chùa Đại Trang Nghiêm:

Năm thứ chín, Văn Đế xa giá đến chùa Đại Trang Nghiêm thiết đại hội. Vua cùng ngồi trong pháp hội với Tứ chúng. Đến khi thọ thực, đại chúng nghi là đã quá ngọ nên không ai dám cầm đũa. Vua nói: Mặt trời chỉ mới vừa đúng ngọ thôi! Trong chúng Pháp sư Đạo Sinh liền đứng dậy nói: Mặt trời sáng rực trên không, bây giờ mới đúng ngọ, sao lại bảo là quá ngọ được!

Nói xong Đạo Sinh bưng cơm ăn, đại chúng đồng loạt làm theo ngài. Vua thấy vậy vô cùng vui mừng bèn xuống chiếu giữ ngài lại trong kinh đô. Đương thời những người như Cự Công, Vương Hoằng, Phạm thái, Nhan Diên đều hân hoan kết bạn với ngài.

Khi gặp những đoạn kinh văn chưa thể đạt diệu chỉ của chư Phật, mà người học lại hay cố chấp những điều thấy nghe của mình, nhân đó ngài trước tác luận như Thiện Bất Báo Luận, Đốn Ngộ Thành Phật Luận, Nhị Đế Luận, Phật Tánh Hữu Thường Luận, Pháp Thân Vô Sắc Luận, Phật Vô Tịnh Độ Luận, Ứng Hữu Duyên Luận. Nội dung những bộ luận ấy là nêu bày những chủ thuyết cũ, phát huy diệu lý sâu xa của nó, nghĩa lý sáng rỡ chẳng khác trời trăng.

Tháng giêng năm sau, ngài thăng tòa thuyết pháp. Ngôn từ ngài diễn nói vô cùng thanh tao dễ hiểu, người nghe thảy đều tỏ ngộ, vui mừng. Ngay lúc ấy, bỗng nhiên cát bụi nổi lên mịt mù, ngài rời pháp

tòa ẩn mình mà thị tịch.

Quý Dậu: Bắc Lương: Mục Kiền con của Mông Tốn, làm vua được sáu năm đổi niên hiệu là Vĩnh Hòa.

5. Tạ Linh Vận làm phản:

Trong năm này, Tạ Linh Vận tạo phản bị chém và bêu đầu ở chợ. Hồi ấy Tạ Linh Vận nổi tiếng như Nhan Diên Chi, văn phong của ông súc tích tao nhã hơn cả Nhan Diên Chi nhưng tính thâm thúy thì không bằng ông ấy. Ông được tập phong là Khương Lạc hầu. Ở Cối kê, ông cùng ẩn sĩ Vương Hoằng Chi, Khổng Thuần Chi phóng túng vui chơi. Bấy giờ Thái thú Mạnh Khải là người phụng Phật rất tinh tấn, thường bị Linh Vận xem thường. Có lần Linh Vận nói với Khải: "Muốn đắc đạo thì phải tu tuệ, những văn nhân sinh Thiên sẽ sinh trước Linh Vận này, còn thành Phật tất sau ta".

Khải nghe vậy trong lòng căm tức vô cùng. Đến khi Khải được vào triều làm quan, còn ông nhiều lần bị chèn ép, chẳng được trọng dụng trong triều mà chỉ làm nội sử ở Lâm Xuyên. Trong quận, ông đi lại trái phép nên bị quan Hữu ty khiển trách. Bấy giờ quan Tư đồ sai tùng sự tùy châu là Trịnh Vọng Sinh đến bắt ông, Linh Vận bèn khởi binh tạo phản, nhưng kết quả không thành, bị Vọng Sinh đuổi theo bắt sống đưa về Đình úy. Văn Đế mến mộ tài năng của ông nên giảm cho tội chết, đày đi Quảng châu. Nhưng về sau ông lại tạo phản, Văn Đế ra lệnh chém bêu đầu ở chợ. Bấy giờ ông mới bốn mươi chín tuổi.

6. Tam tạng Cầu-na-bạt-ma: (Giáp Tuất)

Năm thứ mười một, Tam tạng Cầu-na-bạt-ma người Thiên Trúc nhường ngôi xuất gia. Ngài thấu đạt bốn bộ A-hàm, tinh thông Tam tạng, đọc thuộc làu đến mấy trăm vạn lời. Vương Tôn trong nước đều theo ngài thọ học và thọ Tam quy Ngũ giới. Ngài thường bảo Vương Tôn rằng: Đạo nằm trong sự tinh thông, gặp duyên thì liền ứng hiện, các ông nên nương tựa trong tâm từ bi, chớ khởi tâm xấu ác.

Quốc vương nước Du-xà-bà muốn xuất gia, theo thờ ngài Bạt-ma, quần thần hết lời van xin vua nhưng không được. Vua bảo người trong nước: Nếu ai dẫn dắt muôn dân trong nước theo Đại Hòa thượng thọ Tam quy Ngũ giới, không cho họ sát hại, cứu giúp kẻ nghèo túng, thì ta chịu nghe theo lời thỉnh cầu của các ông! Thế là quần thần, nhân dân đều cúi lạy tuân theo lệnh vua.

Bấy giờ danh tiếng của ngài vang khắp triều đình, Sa-môn Tuệ

Quán... thưa với Văn Đế, xin cho sứ đi đón ngài, Văn Đế liền xuống chiếu cho thứ sử Giao Châu sắm thuyền đi đón, Sa-môn Đạo Sung... lên thuyền ra biển đón ngài. khi Xung đến ngài vui vẻ cặp thuyền vào rồi hai người cùng về. Vua lại xuống chiếu cho sứ giả đánh xe đưa ngài về cung. Đạo Phật từ đó bắt đầu hưng thịnh.

Ngài thích phong cảnh núi non ở đây, cho rằng chẳng khác Linh Thứu, nên ngài ở lại đúng một năm. Trong chùa có điện Bảo Nguyệt, Bạt-ma vẽ tượng Định Quang Nho đồng trải tóc ở vách phía Đông, trông đẹp cực kỳ. Ban đêm bức tượng ấy bỗng phát sáng.

Có lần ngài nhập định rất lâu, Tăng trong chùa sai ông Sa-di đứng chờ ngài xuất định. Sa-di bỗng thấy có con sư tử trắng cứ trèo lên cây cột nhà mà giỡn, lại thấy trên không toàn là hoa sen xanh. Sa-di thất kinh bỏ chạy la toáng lên, Tăng chúng trong chùa chen nhau đến xem, thì thấy chẳng có gì cả.

Ngài đến Kim Lăng đàm đạo với Văn Đế, Văn Đế đón rước ngài vô cùng trọng thể, nhân đó vua hỏi ngài: Mỗi lần Quả nhân muốn trì trai, nhưng thân thường trở ngại không thỏa được chí nguyện. Pháp sư từ xa đến đây là điều may mắn của tệ bang, chẳng biết Pháp sư có điều gì chỉ dạy Quả nhân chăng!

Ngài đáp: Đạo ở nơi tâm chứ không nằm nơi việc làm, pháp do chính mình chứ không phải do người khác. Vả lại cách tu của Đế Vương không giống kẻ thất phu. Kẻ thất phu thân mọn danh hèn, lời nói không có uy đức, giả sử họ không khắc khổ hành trì, thì làm sao dùng được! Như Đế vương lấy bốn biển làm nhà, coi muôn dân như con, phát ngôn một lời tốt đẹp thì quan dân đều vui mừng, ban bố một việc tốt thì cả nước đều an vui, dùng hình mà không lấy mạng sống của họ, sai dịch mà không quá sức họ, thì mưa thuận gió hòa, lạnh nóng đúng thời, lúa thóc được mùa, dâu tằm xanh tốt. Cứ như thế mà trì trai, không giết hại sinh linh đã là một việc lợi ích to lớn, nếu trong một bữa ăn bảo toàn được một mạng sống của chúng sinh, rồi sau dần dần cứu tế khắp cả cũng đâu có gì khó!

Văn Đế nghe xong, vỗ ghế khen rằng: Kẻ thế tục mê diệu lý sâu xa, chúng Tăng bị ngưng trệ trong giáo điều trước mắt, còn những lời luận bàn của Pháp sư, thực đáng cùng với trời, người nghị luận.

Vua xuống chiếu mời ngài ở chùa Kỳ Hoàn giảng kinh Pháp Hoa. Mỗi ngày vua dẫn công khanh trong triều đến dưới pháp tòa nghe giảng. Pháp hội hưng thịnh như thế này trước đây chưa từng nghe đến. Tại chùa Kỳ Hoàn, ngài dịch Bồ-tát Thiện Giới Kinh... gồm mười tám quyển.

Năm Ất Hợi: Ngụy đổi niên hiệu là Thái Diên.

7. Kinh Doãn Tiêu Mô Chi xin vua dựng chùa đúc tượng:

Năm thứ mười hai Kinh Doãn Tiêu Mô Chi xin vua dựng chùa đúc tượng. Vua đem việc này hỏi Thị trung Hà Thượng Chi, sử bộ Dương Huyền Bảo rằng: Thuở nhỏ Trẫm đọc kinh không nhiều, ngày nay lại vô cùng bận bịu, những việc nhân quả Trẫm còn mù mờ chưa thông suốt, vì thế mà chẳng dám lập dị, Trẫm nay xin được kính tin những lời hay đẹp của các khanh.

Khi ấy, Phạm Thái, Tạ Linh Vận đều nói: Pháp độ của Lục kinh chủ yếu là cứu đời, như muốn cầu được diệu đạo thì phải lấy kinh Phật làm kim chỉ nam. Bệ hạ hãy xem Nhan Diên Chi phân tích Đạt Tánh Luận, Tông Bích vấn nạn Bạch Hắc Luận, chủ thuyết của hai ông ấy bao la, sáng rỡ, chí lý đáng được kính tin.

Vua nói: Nếu làm cho muôn dân trong nước đều thuần theo sự giáo hóa này, thì Trẫm đã ngồi cao an hưởng thái bình rồi, đâu còn việc gì làm nữa! Hôm qua Tiêu Mô Chi thỉnh chế, nay ta đem bàn bạc với các khanh, ủy thác cho các khanh lo liệu, các khanh tất phải đề phòng, ngăn chặn những kẻ lợi dụng, đừng để tổn hại đến công lớn, hãy cứ thế mà làm!

Thượng Chi thưa: Những kẻ thế tục đố kỵ nghe pháp Phật chẳng kính tin, thần là kẻ ngu muội một mình dốc sức quả thật thần sợ rằng có điều khiếm khuyết với Hoàng thượng, làm điếm nhục đại pháp. Nay Hoàng thượng lại nói mong được tưởng thưởng, thần nghĩ đi nghĩ lại cảm thấy hổ thẹn vô cùng. Thế nhưng những bậc anh tài hào kiệt trước nay chưa từng cô phụ chiếu chỉ nhà vua. Từ khi vượt sông qua lập nghiệp đến nay, những người như: Vương Tuân, Chu Nghĩ, Dữu Lượng, Vương Mông, Tạ An, Khích Siêu, Vương Thản Chi, Vương Cung, Vương Mật, Quách Văn, Tạ Thượng, Đới Lục, Hứa Tuân, cho đến những anh em mất tổ như Vương Nguyên, Lâm Côn Quý, Phạm Uông, Tôn Xước, Trương Huyền, Ân Khải có người làm quan đến chức tổ phụ, có người nổi danh ở đời, có người đặt mình trong cõi trời, cõi người, có người nêu cao dấu tích như mây trời ửng đỏ, nhưng họ đều hồi tâm quy y. Những người ấy chẳng khác nào như hoa lan thoảng nở, mối đạo sâu xa họ đều thông suốt, mà dấu tích cận kề Thánh nhân cũng rõ ràng không kém. Hoặc có người mà người thường không sao lường biết nổi. Còn như đạo tục trong những thời gần đây thì có thể so sánh nhau thì hiểu được. Nếu kể ra hết thì Di, Hạ, Hán, Ngụy, anh tài hào kiệt nối nhau xuất thế,

những người ấy không làm sao nêu ra hết được.

Ngài Tuệ Viễn nói: Đức Phật Thích-ca giáo hóa, không ai mà chẳng giáo hóa được. Đến với đạo bắt nguồn từ giáo lý mà việc giáo hóa quần sinh cũng là việc làm cần thiết, thần trộm nghĩ, lời nói ấy quả khế hợp thật lý. Vì sao vậy? Bởi vì trong làng có trăm nhà, mười người giữ Năm giới thì mười người ấy là những người thuần lương. Trong ấp có ngàn nhà, trăm người tu Thập thiện, thì họ là những người hòa kính hiếu thuận. Nếu đem lề lối ấy truyền dạy khắp nơi, thì ức ngàn nhà sẽ có trăm vạn người có nhân đức. Hễ làm một việc lành tức bỏ đi một việc ác. Bỏ một việc ác tức dứt bỏ được một hình phạt. Một nhà dứt được một hình phạt thì cả nước sẽ dứt được mười ngàn hình phạt. Đó là điều mà Hoàng thượng gọi là ngồi yên mà khiến thiên hạ thái bình là thế.

Thế nên ngài Đồ Trừng đến Triệu thì hai vua họ Thạch kia giảm bớt tánh hung bạo. Tháp linh phóng hào quang thì Phù Kiện mất đi tâm bạo ngược. Đạo mầu giáo hóa có thể thấy rõ ràng trước mắt. Mô Chi kính xin Hoàng thượng không hẳn là hoàn toàn sai quấy, chỉ vì những đạo tục làm tổn hại quốc khố vốn là những Tăng ni không có đạo hạnh, nhưng thật giả cũng khó phân, lấy hay bỏ cũng không phải dễ. Còn như gỗ, đá công cán dù tốn hao như vậy, nhưng việc trồng phước báo ân cũng không thể đoạn tuyệt ngay được. Thần mãi suy đi tính lại, tiến thoái lưỡng nan, hôm nay đối trước Hoàng thượng, được Hoàng thượng ân chuẩn, thần cảm tạ vô cùng.

Dương Huyền Bảo bước lên thưa: Những lời luận bàn ấy đúng là vượt xa cái học của trời, người, chẳng phải là điều mà ngu thần này can dự, nhưng thần e rằng cái thuật luận về binh hùng của Tần, Sở, cái kế thôn tính hết giang sơn của Tôn, Ngô đều không có ở đây.

Vua nói: Quả đúng như khanh nói, ở đây chẳng phải là binh khí giao chiến!

Thượng Chi liền thưa: Hễ lễ ẩn dật thì chiến sĩ cũng không còn, quý nhân đức thì binh khí cũng mất. Nếu cứ ưa chuộng cái chí như Tôn, Ngô động binh thôn tính thì tất đâu có được cái đạo của Nghiêu, Thuấn, chứ có riêng gì giáo lý họ Thích thôi đâu!

Vua rất hài lòng, nói với Thượng Chi: Họ Thích mà có khanh chẳng khác nào họ Khổng có được Quý Lộ!

Từ đó vua để tâm nghiên cứu giáo lý Phật đạo, trợ giúp cho việc hoằng hóa. Đến khi Nhan Diên Chi trước tác Ly Thức Luận và cách thức viết luận, vua liền ban chiếu mời Pháp sư Tuệ Nghiêm biện biệt

những điểm dị đồng. Vua tôi cùng thù tạc cả ngày, vua cười nói: Các khanh quả không thẹn với Chi, Hứa!

8. Vua xa giá đến Khúc Thủy: (Canh Tý)

Văn Đế xa giá đến Khúc Thủy, công khanh đều nhóm họp, vua ban lệnh cho họ làm thơ phú. Ngài Tuệ Quán làm xong trước dâng cho vua xem. Trong bài thơ có nhiều âm vận đặc biệt xuất chúng, vua vô cùng vui mừng đưa cho bá quan xem, ai nấy đều khâm phục tài năng của ngài. Có lần Tuệ Quán, Tuệ Nghiêm, Tạ Linh Vận... cùng san định kinh Niết-bàn, do có thêm bớt một vài từ trong kinh, đêm mộng thấy thần nhân đến quở trách rằng: "Ngươi dám đem cái thấy biết phàm tình xem thường, chỉnh sửa giáo huấn của Thánh nhân ư!" Tuệ Quán... thất kinh bèn thôi không sửa nữa.

9. Tuệ Lâm phỉ báng Phật giáo bị quả báo:

Bấy giờ có Tăng Tuệ Lâm cậy tài hiểu biết của mình thường cùng vua giải quyết việc triều chánh, nên đương thời Lâm có hiệu là Hắc Y Tể Tướng. Trong dinh thường có xe lọng, Lâm chẳng bao giờ đi bộ, thường tỏ ra kiêu mạn, gặp bọn công khanh mới chịu hàn huyên. Ông trước tác Bạch Hắc Luận nhằm hủy báng Phật giáo, nên ngay hiện đời mắc phải quả báo, da thịt bị lở loét khắp, qua năm sau thì chết.

Luận rằng: Kẻ thế trí biện thông thường được người đời hâm mộ, tôn vinh cho là người anh tài, nhưng với Phật thì người này là một trong tám nạn. Vì sao vậy? Bởi vì như Linh Vận cậy tài ngạo đời, tạo phản rồi bị tru di; như Tuệ Lâm bỏ hình tướng xuất gia cùng y Tăng-già-lê rồi can dự triều chính, việc làm ấy đã không đúng chánh pháp, lại cứ vin theo rồi hủy báng Phật, nên liền bị ác báo rồi chết. Than ôi! Tài trí thế gian rốt cuộc thành nạn, rõ như ban ngày! Như Tuệ Quán, Tuệ Nghiêm vọng dùng phàm tình coi thường chỉnh sửa Thánh điển, giả sử họ không gặp thần nhân quở trách, thì cái nạn thế trí cũng khó lòng tránh được. Bao la thay! Những lời mà Bạt-ma, Thượng Chi ứng đối với vua, có thể nói là tôn chỉ xuyên suốt tận cùng đại thể, mà sự hiểu biết vô cùng thấu đáo tinh vi. Những lời ấy đáng là mực thước cho thiên hạ.

10. Vua xuống chiếu thỉnh Pháp Viên trụ trì chùa Thiên Bảo:

Trong năm này Văn Đế ban chiếu tìm những Sa-môn có khả năng thuật lại nghĩa lý đốn ngộ của Pháp sư Đạo Sinh. Thứ sử Dữu Đăng Chi cho rằng Thích Pháp Viên trước đây từng được nghe giảng, bèn triệu

Pháp Viên đến thưa hỏi, Pháp Viên ứng đối biện giải vô cùng tinh thông rõ ràng. Hà Thượng Chi liền khen: Ôi! Sinh Công đã mất, những lời mật diệu của ông ấy cũng chẳng còn, nay lại được nghe những lời luận bàn mầu nhiệm này, đó gọi là trời không nỡ chôn vùi tài năng của ông ấy vậy.

Không bao lâu, chùa Thiên Bảo xây dựng hoàn thành, vua ban chiếu mời Pháp Viên trụ trì. Có lần Vương Cảnh Văn đến thăm, gặp lúc ngài đang giảng, Văn buộc miệng khen: Những điều ông ấy diễn thuyết ta chưa từng được nghe, những điều ông ấy nêu bày đều vượt ngoài kiến giải phàm tình, thật là bậc Long tượng trong Phật pháp.

Sau đó, chùa Tương Cung cũng xây dựng hoàn tất, vua lại mời ngài sang ở bên đó, vua thường xa giá đến đây nghe pháp. Phật pháp lúc này vô cùng hưng thịnh.

Canh Thìn: Ngụy Thái Vũ tên là Đảo lên ngôi, ông đổi niên hiệu là Thái Bình Chân Quân.

Nhâm Ngọ: Chân Quân năm thứ ba, vua Ngụy đến đàn tràng của Đạo giáo nhận Phù Lục.

11. Thôi Hạo dèm pha Thái Tử và Tăng Huyền Cao:

Giáp Thân: Trong năm này, Bắc Ngụy Thái Vũ bình định Trung nguyên, các nước ở Giang bắc đều quy phục. Khi ấy Khấu Khiêm Chi dựa thế Thôi Hạo làm Thiền sư, nên vua đổi niên hiệu là Chân Quân. Từ đó đến năm năm sau, Thôi Hạo tin thuật của họ Khấu, càng oán ghét họ Thích vô cùng. Khi ấy Thái tử Hoãn thờ Pháp sư Huyền Cao làm thầy, Thôi Hạo đố kỵ thái tử nên gièm pha với Thái Vũ, Vũ nghi ngờ thái tử nên ra lệnh bắt giam trong ngục tối đến chết mới thôi. Hoan bèn khẩn cầu ngài Huyền Cao. Ngài bèn soạn Kim Quang Minh Sám. Lúc đó Thái Vũ nằm mộng thấy tiên tổ về quở rằng: “Ông không nên nghe theo lời gièm pha mà nghi ngờ thái tử!

Tỉnh dậy, Thái Vũ đem giấc mộng nói với quần thần, quần thần đều cho là đúng, nên thái tử được miễn tội, vua đối xử như thường. Nhưng khi ấy Thôi Hạo sợ thái tử sẽ là điều bất lợi cho mình trong tương lai, nên thưa với Thái Vũ rằng: Trước đây thật sự thái tử không có âm mưu, nhưng kết giao với Huyền Cao dùng thuật triệu tiên đế để làm cho bệ hạ sợ. Nếu không giết sớm đi, tất là mối họa lớn sau này!

Thái Vũ nghe xong đùng đùng nổi giận, liền bắt Huyền Cao và Tuệ Sùng đem giết. Đệ tử của ngài là Huyền Sướng đang ở Vân Trung nghe ngài bị hại, liền tức tốc vượt sáu trăm dặm trong một ngày, đến

thành Ngụy gào khóc nói: Hòa thượng là bậc Thần lực, nay xin hãy vì con mà tỉnh lại! Bấy giờ ngài mở mắt và nói: Đại pháp ứng hóa tùy duyên mà thịnh suy, thịnh suy là do dấu tích hoằng hóa, nhưng đạo lý vẫn thường hằng như vậy. Chỉ tiếc rằng các ông sẽ làm như ta, hoặc sợ rằng còn hơn ta nữa! Riêng Huyền Sướng hãy đi về phía Nam. Sau khi các ông chết, giáo pháp sẽ hưng thịnh trở lại. Các ông phải khéo tu tâm chớ để sau này phải hối hận, nói xong ngài mất.

Bấy giờ Sa-môn Pháp Tiến khóc lóc kêu gào rằng: Thánh nhân bỏ đời, ta còn sống làm gì nữa! Nói xong bỗng thấy Huyền Cao ở trong mây, Tiến đảnh lễ khẩn cầu, Huyền cao nói: Ta chẳng quên tất cả, lẽ đâu lại bỏ ông ư! Tiến hỏi: Đại Hòa thượng và Sùng Công sẽ sinh ở đâu? Huyền Cao đáp: Ta sẽ vào nơi hiểm ác để cứu hộ chúng sinh, còn Tuệ Sùng đã về An dưỡng rồi! Nói xong chẳng còn thấy ngài đâu cả.

12. Thời Ngụy, Khấu Khiêm Chi tu theo thuật của Trương Lỗ:

Vào thời Thế Tổ, Đạo sĩ Khấu Khiêm Chi tự là Phụ Chân người Ung Châu, từ lâu thích đạo tiên, tu theo thuật của Trương Lỗ, đã ăn cháo uống thuốc nhiều năm nhưng không có hiệu nghiệm. Bấy giờ, có Tiên nhân Thành Công Hưng xin làm đệ tử của Khiêm Chi, hai người dẫn nhau vào ở trong động đá ở Hoa sơn. Hưng đi hái thuốc về cho Khiêm Chi uống, thuốc ấy có thể làm cho người ta không thấy đói. Hai người lại cùng vào động đá ở Tung sơn. Khi ấy bỗng có một Dị nhân hái thuốc đưa Khiêm Chi uống, nhưng thuốc ấy đều là trùng độc hôi thối. Khiêm Chi thấy thế hoảng sợ bỏ chạy. Hưng than: Ôi! Tiên sinh chưa phải là Tiên, chỉ đáng làm thầy của Đế Vương mà thôi!

Không bao lâu, Thành Công Hưng bỏ đi mất, Khiêm Chi thủ chí ở lại Tung sơn. Một hôm Khiêm Chi bỗng gặp một đại thần cỡi rồng đạp mây, dẫn theo cả trăm linh nhân bay đến tụ tập trên đỉnh núi. Đại thần tự xưng là Thái Thượng Lão Quân và nói với Khiêm Chi rằng: Từ khi Tiên sư Trương Lăng mất đến nay, địa giới có nhiều kẻ làm quan, ngươi là người xăm hình trên thân đúng phép, nên ta truyền ngôi vị Thiên sư và ban cho ngươi bộ Vân Trung Tân Khoa gồm hai mươi quyển. Từ khi có đạo đến nay, ta chưa truyền cho đời, người nên tuyên Dương bộ Tân Khoa của ta nhằm thanh chỉnh lại đạo giáo, trừ bỏ những phép tắc dối trá của bọn Tam Trương, như thuế lúa, thuế tiền và Thuật Nam Tử Hợp Khí. Đạo lớn trong sạch lẽ đâu lại có những việc như vậy sao! Bản thân ngươi phải lấy lễ độ làm đầu, thêm vào đó là việc ăn uống, đóng cửa tu luyện. Rồi Đại thần sai mười hai ngọc nữ đến núi Cửu nghi trao cho

Khiêm Chi khẩu quyết. Thế là Khiêm Chi học được thuật Tịch Cốc, nên khí lực dồi dào, nhan sắc sáng đẹp.

13. Ngụy Thái Vũ Xuống Chiếu giết Sa-môn: (Bính Tuất).

Nguyên Gia năm thứ hai mươi ba, tháng ba Ngụy Thái Vũ Tây chinh thảo phạt Trường An. Vũ cùng Thôi Hạo đều tin và kính trọng Khấu Kiêm Chi, cùng sùng tín đạo của ông ta. Riêng Hạo rất đố kỵ Phật giáo. Mỗi lần tâu với Ngụy chủ, ông đều cho Phật pháp hư dối, là mối tổn hại cho đời, nên diệt trừ đi.

Đến khi Ngụy chủ đánh Cái Ngô, tiến đến Trường An, Hạo vào chùa Phật, thấy Sa-môn uống rượu như quan, vào nơi ở thì thấy toàn là binh khí. Hạo trở ra thưa với Thái Vũ, Vũ nổi giận quát: "Những thứ ấy đâu phải là vật dụng của Sa-môn, bọn này chắc đồng mưu với Cái Ngô muốn làm loạn đây! Quát xong," Vũ sai quan Hữu ty tra xét và giết hết cả chùa. Khi kiểm tra tài sản thì thấy toàn vật dụng nấu rượu và những vật quý hiếm của những quan lại trong châu quận đã lấy từ những nhà giàu gởi vào, số ấy có đến vạn món, ngoài ra còn đào nhà để giấu phụ nữ. Nhân đó, Hạo nói với Thái Vũ: "Nên giết tất cả bọn Sa-môn trong thiên hạ, cùng hủy đốt hết kinh tượng". Thái Vũ liền nghe theo. Khấu Khiêm Chi hết lời can gián cho rằng không nên, nhưng Hạo chẳng nghe.

Đầu tiên bọn họ giết sạch Sa-môn ở Trường An và hủy đốt hết kinh tượng. Quay về cung, lại ra lệnh khắp trong nước đều phải làm như hình pháp ở Trường An. Thái Vũ hạ chiếu rằng: Xưa, vua chúa trong thời Hậu Hán tin theo những bọn tà ngụy, lừa dối mà làm loạn cả phép thường, từ xưa trong chín châu chưa từng có việc ấy. Láo khoét khoác lác là điều vốn không hợp tình người. Thời của Thúc, Quý, bọn họ đều mù cả, thế nên không dùng chánh sự để giáo hóa, lễ nghi đều bại hoại, khắp trong nước tâng bốc bọn Sa-môn cao như gò đồi. Nay, Trẫm kế thừa mệnh trời muốn trừ bỏ tà ngụy, định lại cho thẳng ngay, khôi phục lại nền chánh trị như thời Phục Hy, Thần Nông, tất cả những dấu tích còn lại đều phải trừ khử sạch. Từ nay về sau, nhà nào còn dám thờ Thần nước Hồ (Phật) cùng đúc tượng dù bằng đất, bằng đồng đều bị giết. Từ Vương Công trở xuống, nhà nào còn cấp dưỡng cho Sa-môn gia hạn cho đến ngày mười lăm tháng ba năm này, nếu quá hạn bị chém đầu. Quan Hữu ty bảo với tướng quân Chinh trấn, Thứ sử, phải đốt phá tất cả tượng và kinh của Phật giáo. Sa-môn bất kể lớn nhỏ đều đem chôn sống hết. Thái tử trước đây vốn ưa Phật pháp, nhiều lần can nhưng không nghe,

nay phải bắt nhốt. Nay ta hạ chiếu để trong nước nghe biết trước, mỗi người phải tự lo liệu phận sự của mình. Những Sa-môn nào trốn mất thì tha chết, chỉ thu lấy kinh tượng. Riêng tháp miếu trong địa phận đất Ngụy đều phải đập phá sạch.

14. Ngụy Thái Vũ nhận phù lục cho xây Tịnh luân cung:

Chân Quân năm thứ chín, Thiên Sư họ Khấu khuyên Thái Vũ cho xây Tịnh Luân Thiên cung ở phía Đông nam kinh đô. Họ Khấu tâu rằng: "Bệ hạ nhờ có Chân Quân ngự thế, mở mang những điều mà từ xưa chưa từng có. Bệ hạ nên nhận phù mệnh". Thái Vũ cho là đúng, bèn nhận phù lục, cho xây Tịnh Luân Thiên cung cao đến chọc trời, đến nỗi không còn nghe tiếng gà gáy, chó sủa, vì ông ta cho rằng xây cao như vậy để giao tiếp với thiên thần. Việc xây cất tốn hao tiền của, sức người không biết bao nhiêu mà kể. Xây hết một năm mà vẫn chưa xong, cũng trong lúc ấy Khấu Khiêm Chi bị bệnh mà chết, công việc xây cất đành dừng lại.

15. Thôi Hạo bị tru di: (Canh Dần)

Chân Quân năm thứ mười một. Thôi Hạo có lần thấy vợ là Quách Thị đọc kinh Kim Cang, liền giật lấy đem đốt hoặc vất vào nhà xí. Ban đầu Thôi Hạo làm quan tư đồ dưới triều Ngụy, nhờ tài thao lược, được vua sủng ái, nên chuyên đảm trách quyền hành trong triều. Thái Vũ cho Hạo làm chức giám bí thư. Trong bè đảng của Hạo, có kẻ quá đề cao Hạo, nên khuyên Hạo soạn quốc sử, khắc trên đá để nêu tỏ sự thật, Hạo liền nghe theo. Thế rồi bia đá được dựng ở Giao đàn, người qua kẻ lại đều cho là hay, nhưng người phương Bắc không ai mà chẳng oán hận, bèn gièm pha với Thái Vũ, cho rằng làm như vậy là phơi bày cái xấu xa của đất nước. Thái Vũ nổi giận sai quan Hữu ty kết tội Hạo. Hạo sợ khiếp vía đến nỗi tâm thần bấn loạn nói không ra lời. Vua liền bắt Hạo nhốt trong cũi xe đặt ở ven đường phía Nam thành, sai bọn vệ sĩ cùng người đi đường tiểu vào mặt Hạo. Tiếng la hét náo loạn khắp các nẻo đường. Hạo than: "Đây là quả báo của việc vất kinh, tiểu trên tượng do ta gây nên!"

Hạo bị lăng trì mà chết, bấy giờ Hạo đã bảy mươi tuổi. Hai nhà Thôi, Khấu bị tru di năm tộc, cùng một trăm hai mươi người khác gồm quan lại và bè đảng của họ. Khi còn sống, Hạo khuyên Ngụy chủ trừ khử họ Thích cùng đốt kinh hủy tượng, có lần đi trên đường, thấy bức tượng bị vứt ven đường, Hạo liền xuống xe tiểu trên tượng rồi mới đi.

Đến khi dòng họ bị tru di, thây Hạo chẳng ai nhặt cả. Do gây oán với muôn dân, nên lúc bấy giờ dân chúng chen nhau đến tiểu trên thây Hạo, đến lúc thân thể nát nhừ mới thôi.

Luận rằng: Thôi Hạo là kẻ bất tài, việc này Tư Mã Ôn có luận rất rõ. Đại loại là: Từ khi họ Thát Bạt dấy nghiệp ở Sa Tái, lúc còn chưa dời đô, bẩm tính vốn tàn nhẫn vô cùng, thích giết người như thích ăn uống món ngon vật lạ. Dòng họ Thôi Hạo cũng làm y như vậy. Đầu tiên là Thái tử Hoãn bị gièm pha, rồi Huyền Cao cùng đồ chúng của ngài bị giết. Đó cũng đủ thấy họ là những kẻ vô tội rồi! Đến khi bãi bỏ họ Thích, giết và chôn sống Sa-môn, lẽ đâu đó là thắng đạo ư! Họ Thát Bạt là kẻ cướp hung ác, mà Hạo là kẻ nắm quyền lại cũng dùng hình pháp tàn ác như vậy. Cuối cùng Hạo bị gièm pha, ngôi vị công lao cũng hết là do tội viết sử. Đời Đường sử gia bất quá nêu tỏ những quan thanh cao, phế bỏ những thứ con cháu hoang loạn mà thôi, giả sử có bị giết thì bất quá cũng chỉ một người. Còn như Hạo bị tru di đến năm tộc là sao vậy? Đó là vì gây oán sâu với những kẻ vô tội, thì tự chuốc lấy quả báo vô cùng dày. Đó gọi là mệnh thường của đạo trời không thể thay đổi được là thế. Đến như kinh tượng của họ Thích lẽ đâu làm thương tổn ông ấy chăng? Thế mà mỗi lần gặp, Hạo đều dừng xe, tiểu trên ấy xong rồi mới đi. Thế nhưng chưa kịp quay gót thì thây của Hạo cũng đã bị người đời tiểu lên cho đến nát nhừ mới thôi!

Than ôi! Hạo chẳng sợ lời Thánh nhân, khinh thường đạo trời nên mới ra nông nỗi như thế! Vì vậy trời trả báo cho ông ta ngay trước mắt để răn dạy người đời. Thế mà không răn chừa ư?

Tân Mão: Ngụy đổi niên hiệu là Chánh Bình. Thế Tôn đã diệt độ được một ngàn bốn trăm năm.

16. Sa-môn Đàm Thỉ đến Ngụy cứu Pháp nạn:

Năm Nguyên Hội đời Ngụy, Sa-môn Đàm Thỉ chấn tích đến cửa cung. Quan lại tâu với Thái Vũ: “Nên đem chém ngay”. Nhưng đao chém xuống mà ngài chẳng bị thương tổn. Quan lại tâu: “Nên dẫn lên điện để bệ hạ chém”. Bọn họ dẫn ngài lên điện, Thái Vũ rút kiếm đeo bên mình đích thân chém, nhưng cũng chẳng làm ngài bị thương, trái lại kiếm bị mẻ một đường như sợi tơ. Hạo lại sai bắt ngài bỏ vào chuồng cọp, cọp đều sợ hãi nằm bẹp mà chẳng dám nhìn. Bọn tả hữu lại xin Thiên sư vào chuồng cọp để thí nghiệm xem. Cọp thấy Thiên sư liền nhảy đến gầm gừ. Thái Vũ thất kinh bèn mời ngài lên điện, lạy tạ sám hối.

Trong Ngụy thư Phật Lão Chí chép: Sa-môn Tuệ Thỉ con nhà họ Trương ở Thanh hà, nghe ngài La-thập dịch kinh liền đến Trường An yết kiến La-thập, lại học Thiền định ở phía Bắc Bạch Cừ. Ban ngày, ngài vào thành nghe giảng, ban đêm về lại trụ xứ tọa thiền. Học giả ở Quan trung ai nấy đều khâm phục ngài. Khi Vũ Đế diệt họ Diêu xong, để con mình là Nghĩa Chân ở lại trấn giữ Trường An, khi Nghĩa Chân bị Hách Liên Khuất Cục đánh bại, bản thân Tuệ Thỉ cũng bị gươm đao nhưng chẳng hề hấn gì. Khuất Cục nổi giận triệu Thỉ đến dùng kiếm đeo bên mình để tự tay chém, nhưng cũng chẳng làm ngài chết, Cục liền thất kinh lạy tạ sám hối. Về sau ngài đến đất Ngụy hoằng hóa. Từ khi ngài tu tập thiền định cho đến lúc mất, trải qua hơn năm mươi năm nhưng chưa từng đặt lưng dính chiếu. Ngài thường đi chân không nhưng chân chẳng dính đất bùn mà trái lại càng thêm sáng đẹp. Vì thế người đương thời gọi ngài là Bạch Túc A Luyện Nhã. Khi ấy Thái Vũ vô cùng kính trọng ngài. Ngài biết trước giờ mất, nên tắm rửa sạch sẽ ngồi kiết già trên giường đồ chúng đứng chật bốn phía, rồi ngài an nhiên thị tịch. Sau khi tịch, mười ngày sau mà sắc diện của ngài vẫn không biến đổi. Hơn mười năm sau đồ chúng cải táng nhưng thi thể của ngài vẫn còn y nguyên, muôn dân đều rất lấy làm lạ. Trong ngày cải táng có đến hơn mười ngàn người đưa tiễn ngài, ai nấy đều mến tiếc khóc thương thảm thiết. Trung Thư Giám Cao Duẫn viết truyện ca ngợi đức độ của ngài.

Trong năm này Nguỵ, Thái Vũ bị bệnh ghẻ lỡ, mất ngày năm tháng hai.

Nhâm Thìn: Ngụy Văn Thành đế, tên là Tuấn, con trưởng của Cảnh Mục Đế. Ban đầu Thái tử Hoãn bị hại, nên lập Ngô vương lên ngôi, đổi niên hiệu là Chánh Bình, nhưng ngày một tháng mười Ngô vương cũng mất, nên lập Thái Tôn lên ngôi. Tuấn là con của Hoãn, ông lên ngôi đổi niên hiệu là Hưng An. Sau khi lên ngôi ông tỏ rõ là một vị vua đức độ thấy đời trước mê lầm bạc ác, nên ông ra sức khôi phục hoằng Dương Thánh đạo. Ông trị vì được mười hai năm, mất ở điện Thái hoa, thọ hai mươi sáu tuổi.

17. Ngụy xuống chiếu phục hưng Phật giáo:

Năm thứ hai mươi chín, Ngụy Thái Vũ băng hà, Ngô Vương lên ngôi, nhưng chưa được bao lâu cũng mất, đến Cao Tông Văn Thành Đế lên ngôi. Văn Thành Đế là cháu của Vũ Đế. Bấy giờ quần thần đều khuyên vua khôi phục lại Phật giáo, vua liền hạ chiếu rằng: Phàm là Đế Vương phải noi theo những điều sáng suốt, tỏ rõ được nhân nghĩa. Vua

phải thường ban huệ cho nhân dân, làm lợi ích cho mọi loài. Tuy ngày xưa vẫn còn những chính sách hà khắc, vì vậy mà Xuân Thu thích cái lễ tôn sùng sự sáng suốt, Tế Điển ghi những dòng tộc có công, huống gì Phật giáo! Công đức của Như Lai trùm khắp đại thiên, ân huệ của Như Lai chảy tràn cả đại địa. Những người truy nguyên nguồn gốc sinh tử đều khen là pháp quán thấu đáo, những người đọc văn nghĩa đều quý bởi pháp môn thâm sâu. Phật giáo dùng luật cấm để giúp vua thống trị, đem tánh thiện làm lợi ích cho kẻ trí người nhân, bài bác tà ngụy, khai diễn chánh giác. Thế nên từ xưa đến nay không ai mà chẳng tôn sùng, ưa chuộng, hơn nữa Phật giáo cũng là tôn giáo mà nước ta tôn thờ. Thế tổ Thái Vũ Hoàng Đế mở rộng biên cương đức trùm khắp chốn, Sa-môn đạo sĩ là những người thuần thành tu thiện. Những người như ngài Tuệ Thỉ, không có nơi xa nào mà họ không đặt chân đến. Phong tư và nghĩa khí của họ lúc nào cũng tỏa rộng bao la. Phàm núi cao sông sâu lẽ đâu lại để cho những bọn gian tà ung dung sống nhờ được sao! Do trong chùa để bè đảng hung bạo làm loạn nên tiên triều nhân đó mới tra xét bắt giết những kẻ có tội. Nhưng quan lại làm trái Thánh chỉ, cấm đoán tất cả. Ngày nay, Cảnh Mục Hoàng đế mỗi khi nhớ lại không khỏi bùi ngùi! Lại gặp phải lúc việc quân việc nước bề bộn nên chưa kịp khôi phục lại.

Trẫm nay thừa kế nghiệp lớn, làm vua vạn bang, muốn khôi phục nguyện vọng của tiên vương, làm hưng thịnh đạo pháp. Nay ban lệnh xuống khắp các châu quận, nơi nào có dân ở đều phải xây một ngôi chùa. Những ai mến mộ Phật pháp muốn làm Sa-môn, tính tình thuần hậu, dốc chí tu hành, là người hiểu biết trong hương lý đều cho xuất gia."

Thế là khắp nơi trong thiên hạ thừa tiếp chiếu chỉ rầm rộ thi hành. Những chùa, tháp, kinh, tượng trước đây đốt phá đều trùng tu lại tất cả.

Hồi ấy có Sa-môn Sư Hiền vốn là dòng Đế vương nước Kế Tân, ngài xuất gia rồi Đông du vào thành nước Lương đến đất Ngụy thì gặp phải lúc bãi bỏ Phật giáo, nên ngài mượn tạm nghề thuốc, thay hình giữ đạo. Đến ngày Phật giáo được phục hưng, ngài tiếp tục làm Sa-môn. Bạn đồng tu của ngài còn có năm người nữa. Hôm đó Cao Tông đích thân xuống tóc cho ngài và mời ngài làm Tăng Thống. Năm sau vua lại ban chiếu chỉ, ở ngay chùa lớn có năm cấp mà trước đây Thái tổ xây cho đạo giáo, nay vua đúc năm tượng Phật Thích-ca, mỗi tượng cao một trượng sáu an trí trong đó. Tính ra số vàng đỏ dùng đúc tượng đến hai

trăm năm mươi ngàn cân (Phần này trích từ Ngụy Thư Phật Lão Chí).

18. Vũ Đế: (Giáp Ngọ)

Tên là Tuấn, tự là Hữu Long, thuở nhỏ có tự là Đạo Nhân, là con trưởng của Văn Đế, ông là người thông minh dĩnh ngộ, văn võ song toàn, ông lên ngôi đổi niên hiệu là Hiếu Kiến, ông mất ở điện Ngọc chúc, thọ ba mươi lăm tuổi, trị vì được mười năm.

Ngụy đổi niên hiệu là Hưng Quang.

19. Tổ 27 Bát-nhã-đa-la:

Ngài sinh trưởng tại Đông Ấn, sau khi đắc pháp với Tôn giả Bất-như-mật-đa, ngài hoằng hóa đến vùng Nam Ấn.

Quốc vương xứ này tên là Hương Chí, là một vị vua rất sùng kính Phật pháp, tôn trọng cúng dường chúng Tăng. Trước đây vua từng cúng cho ngài hạt bảo châu vô giá.

Vua Hương Chí có ba người con rất khôi ngô tuấn tú và rất kính tín Phật pháp. Người con trưởng tên là Nguyệt Tịnh Đa-la, con thứ hai là Công Đức Đa-la và con thứ ba là Bồ-đề Đa-la.

Một hôm, ngài muốn thí nghiệm để biết tài trí của ba thái tử, bèn đưa hạt bảo châu và hỏi:

- Hạt châu này tròn sáng bậc nhất, trong thế gian còn có vật gì sánh với hạt châu này không?

Thái tử thứ nhất và thứ hai đều nói: Hạt châu này là quý nhất trong tất cả châu báu, nên không vật gì có thể sánh với nó. Chẳng phải đạo lực của Tôn giả thì ai có thể có được.

Riêng Bồ-đề Đa-la nói: Hạt châu này là vật báu của thế gian, chưa phải là vật tối thượng, trong tất cả các thứ báu thì Pháp bảo là tối thượng nhất. Hạt châu này là ánh sáng của thế gian chưa phải là ánh sáng tối thượng, trong tất cả các thứ ánh sáng thì ánh sáng của trí mới là tối thượng. Hạt châu này là sự sáng sạch của thế gian, chưa phải là tính sáng sạch tối thượng trong tất cả các thứ sáng sạch thì sự sáng sạch của tâm mới là tối thượng. Hạt châu này sáng sủa nhưng không tự thấy được, mà phải nhờ sự sáng suốt của trí để phân biệt. Khi đã phân biệt được rồi mới biết đó là hạt châu, khi biết được hạt châu mới hiểu được cái đáng quý của nó, khi mình biết cái đáng quý của nó thì vật báu đó chẳng tự biết nó vốn quý báu. Khi phân biệt được hạt châu, thì hạt châu chẳng tự biết nó là hạt châu. Hạt châu chẳng thể tự biết nó là hạt châu, mà phải nhờ hạt châu của trí mới phân biệt được hạt châu của thế gian.

Vật báu chẳng thể tự biết nó là báu, mà phải nhờ vật báu của trí để thấy rõ vật báu của pháp. Thế nên thầy có đạo thì báu của thầy liền hiện, chúng sinh có đạo thì vật báu của tâm cũng vậy.

Ngài khen trí tuệ biện tài của thái tử rồi hỏi tiếp:

- Trong tất cả các vật, vật gì không tướng?
- Trong tất cả các vật, chẳng khởi là không tướng.
- Trong tất cả các vật, vật gì là tối cao?
- Trong tất cả các vật, nhân ngã là tối cao.
- Trong tất cả các vật, vật gì là tối đại?
- trong tất cả các vật, Pháp tánh là tối đại.

Ngài biết Thái tử là bậc pháp khí kế thừa dòng pháp sau này, nhưng thời cơ chưa đến, nên ngài im lặng tỏ vẻ như không có việc gì.

Đến khi vua Hương Chí băng hà, mọi người đều gào khóc thảm thiết, chỉ có Thái tử Bồ-đề Đa-la ngồi nhập định suốt bảy ngày trước linh cữu.

Sau khi an táng cha mình xong, thái tử xin ngài xuất gia. Ngài đồng ý và cho thái tử thọ giới Cụ túc.

Một hôm ngài bảo Bồ-đề Đa-la rằng:

- Như Lai đem chánh pháp nhãn tạng truyền cho Tôn giả Đại Ca-diếp, cứ thế lần lượt truyền đến ta, nay phó chúc lại cho ông, hãy nghe ta nói kệ:

Đất tâm sinh muôn giống
Do sự lại sinh lý
Quả mãn Bồ-đề viên
Hoa nở sinh thế giới.

Phó pháp xong, ngài đứng thẳng trên tòa, duỗi thẳng hai tay, từ mỗi cánh tay phóng ra hai mươi bảy đạo hào quang ngũ sắc, ánh quang minh chói lòa. Toàn thân ngài bay bổng lên hư không, cao bằng bảy cây Đa-la, dùng lửa Tam-muội tự đốt thân mình. Từ trên không, xá-lợi của ngài tuôn xuống như mưa, Bồ-đề Đa-la cùng tứ chúng thâu lấy, dựng tháp cúng dường. Bấy giờ là năm Giáp Ngọ nhằm đời Tống Hiếu Vũ Đế, niên hiệu Hiếu Kiến năm đầu (Trong Chánh Tông Ký ghi: Đời Tống Hiếu Vũ. Chú thích: Lấy từ ngài Đạt-ma là năm sáu mươi bảy mà tính, thì Tôn giả Bát-nhã-đa-la tịch vào đời Tống Hiếu Vũ, niên hiệu Hiếu Kiến năm đầu. Truyền Đăng ghi: "Năm Đinh Dậu" là không đúng).

20. Vua xuống chiếu cầu thỉnh Cầu-na Bạt-đà-la:

Hiếu Kiến năm đầu, Tống Hiếu Vũ Đế đem binh diệt Nguyên Hung, Cầu-na Bạt-đà-la thấy vậy ẩn nấu trong nhân gian. Về sau, Vương Huyền Mô đóng quân ở Lương sơn, Hiếu Vũ ra lệnh trong ba quân ai tìm được Bạt-đà-la phải đánh xe ngựa đưa về gấp. Sau đó không lâu, bọn họ tìm được ngài, liền đón ngài về Kim lăng để gặp vua. Vua thấy ngài liền nói: Ta trông đợi ngài lâu lắm rồi, hôm nay mới được gặp, ngài từ dân gian trở về, không biết còn giận ta chăng?

Ngài đáp: Tôi đã quên rồi chỉ nhớ lúc duyên thuần thục gặp nhau ở đây mà thôi!

Vua an ủi thăm hỏi ngài, rồi nói đùa rằng: Ngài vẫn còn trách cứ vua chăng?

Ngài đáp: Người xưa chẳng quên một bữa cơm, vua nuôi tôi mười năm, lẽ đâu tôi dám quên nhanh vậy sao! Tôi luôn nhớ nghĩ phải theo bệ hạ để xin ngài tính phước cho đời sau.

Vua nghe vô cùng cảm động liền thôi không đùa nữa. Khi ấy, chùa Trung Hưng xây dựng hoàn tất, vua ban chiếu chỉ mời ngài trụ trì.

Có lần vua mở yến tiệc ở Đông phủ, công khanh đều tập họp đông đủ, vua mời ngài đến. Hiếu Vũ thấy ngài tóc bạc thân gầy bèn nói với Tạ Trang: Ma-ha-diễn có cơ biện, phải đùa với ông ấy tất biết được nguyên do.

Bạt-đà bước lên thềm, vua nói: Ma-ha-diễn không ngại đường xa đến đây, chỉ có điều... Ngài liền đáp ngay: Bần đạo là khách nhận bổng lộc triều đình ba mươi năm, ân đức quá sâu dày rồi, chỉ còn thiếu một điều là chết mà thôi!

Vua nghe vậy vô cùng vui mừng liền kéo chiếu lại ngồi cạnh ngài. Cả đại hội đều kinh ngạc.

Ất Mùi: Ngụy đổi niên hiệu là Đại An.

21. Vua xuống chiếu mời Đạo Tù làm pháp chủ chùa Tân An:

Hiếu Vũ xuống chiếu mời Sa-môn Đạo Tù làm pháp chủ Tân An và Trấn tự. Hồi ấy trong thời của Văn Đế, lý đốn ngộ của Tuệ Quán chẳng ai tinh thông, Quán thường cùng ngài đối đáp. Vua xuống chỉ mời ngài vào cung, rồi triệu tập những danh gia nổi tiếng lại nghe pháp. Đạo Tù giảng giải từ đầu đến cuối, nghĩa lý các pháp vô cùng sáng tỏ, người nghe đều khai ngộ. Có những người công kích, vấn nạn, ngài đều biện luận giải thích chiết phục tất cả. Vua vỗ đùi khen hay. Thế là ngài được mời làm pháp chủ trong thiên hạ, đủ thấy đương thời ngài rất được vua trọng dụng.

22. Pháp sư Bảo Lượng ở chùa Trung Hưng:

Pháp sư Bảo Lượng ở chùa Trung Hưng, Trung thư Viên Xán gặp ngài rất lấy làm lạ, bèn viết thư gởi cho thầy của ngài là Pháp sư Đạo Minh, đại khái nói: "Tôi thấy ngài Bảo Lượng chẳng phải là người thường, hằng ngày tôi được nghe những điều trước đây chưa từng nghe, tiếc rằng tôi nay đã già yếu! Thế nhưng hạt châu xuất hiện ở Hợp phố, người nước Ngụy nhặt lấy dâng cho vua, ngọc ấy hiện ở Hàm đan, rồi người nước Tần thỉnh về Hoa hạ, đủ biết vật báu trong thiên hạ đâu thể ai muốn giữ là được, mà phải vào tay người nào xứng hợp với nó".

Từ đó ngài càng được vua, quan kính trọng. Về già ngài trụ trì chùa Linh Vị, diễn giảng nổi tiếng ở Kinh ấp, đệ tử có đến hơn ba ngàn người. Ngài biện luận hoạt bát, văn phong lại sắc bèn, linh động, những người nghị luận với ngài nếu chưa thông lý, ngài đều giải thích cặn kẻ, tận tường, nên ai nấy đều thông suốt.

Đinh Dậu: Đổi niên hiệu là Đại Minh.

23. Rợ Khương Cao Xà làm phản, liên lụy đến Phật giáo:

Trong năm này Rợ Khương là Cao Xà làm phản, liên lụy đến Sa-môn. Đàm Tiêu liền hạ chiếu giao Sa-môn cho quan Hữu ty tra xét rồi sa thải. Vua đặt ra điều lệ, tiêu chuẩn, những Sa-môn nào chẳng giữ giới hạnh, không tinh cần tu tập, đều phải hoàn tục. Chiếu chỉ tuy nghiêm trọng nhưng rốt cuộc không thi hành.

Canh Tý: Ngụy đổi niên hiệu là Hòa Bình.

24. Quan Hữu ty Trần tấu với vua buộc Tăng phải lạy tục: (Nhâm Dần)

Tháng chín năm thứ sáu niên hiệu Đại Minh, quan Hữu ty Trần tấu: Thần nghe: Khoanh tay xúm xít đâu thể kỳ vọng được tôn vinh, bó gối ngồi quanh lẽ đâu đặt mình trong cung kính, thế mà lại đem tư cách ấy rao bày khắp bốn hướng, truyền đạt đến sáu phương! Thế nên dù là chi phái của Nho gia, dòng tộc của Mặc gia, đến như những kẻ kính trọng mẹ cha, đều noi theo lễ kính, phép tắc. Chỉ có đạo sĩ của Phật giáo là làm khác mà thôi. Bọn họ hủy bỏ lễ nghi, ngồi ngang với Vương tôn, đánh mất kỷ cương diệu kỳ của quốc gia, mê lầm cái thẩm mỹ cao tột. Thần nghe, Phật lấy khiêm cung tự sửa mình, lấy trung thuận làm đạo. Bất khinh Tỳ-kheo, gặp người đều lễ bái. Đại sĩ Mục-liên gặp bậc trưởng thượng thì lễ bái, chứ làm gì quỳ gối trước bốn chúng mà chẳng lễ lạy mẹ cha, dập đầu trước trưởng lão trong tông môn mà đờ người

trước vị vua vạn thừa đâu! Bởi vậy trong niên hiệu Hàm Khương đã nói về việc này, đến niên hiệu Nguyên Hưng cũng đã từng nêu lại, thế nhưng việc ấy cũng bị bè đảng vùi chôn, đạo lý cũng bị những kẻ ấy xô ngã. Nay, bệ hạ thanh trừ thì muôn dân rất khâm phục. Cửu Tiên dâng bảo vật, trăm thần đều phò giúp xã tắc, thế nhưng ở trong kinh kỳ đều là bọn dân không phải bề tôi, dưới thềm trong chương toàn là thứ khách chống lại lễ nghi, sợ rằng đó chẳng phải là điều làm mẫu mực cho quốc gia, làm khuôn phép cho thiên hạ.

Bọn thần tham nghị, cho rằng Sa-môn tiếp kiến quân vương đều phải dập đầu lễ lạy. Nếu dựa vào phong tục đã có, thì triều đình sẽ có một khuôn phép mẫu mực lưu truyền cho muôn đời sau, mà những ai đến đây cũng đều phải làm như thế.

Pháp sư Tăng Viễn nghe quan Hữu ty tấu xong, bèn than: “Ta đã cạo đầu làm Sa-môn, vốn là kẻ xuất gia cầu đạo, thì có liên lụy gì đến Đế vương!” Ngay ngày hôm đó, ngài phủi áo trở về núi rừng.

25. Chu Linh Kỳ gặp Thánh tăng:

Trong năm này, Chu Linh Kỳ vốn người ở quận Ngô, từ Cao Ly đi thuyền về, bỗng bị gió lớn thổi tạt vào một cù lao. Trên cù lao có núi, Kỳ bèn leo lên khoảng hơn mười dặm, ngửi thấy mùi cơm, mới biết trong ấy có chùa. Chùa này làm bằng bảy thứ báu, thấy Tăng đứng đến mấy lớp nhưng đều là tượng đá. Kỳ muốn trở lui thì nghe tiếng gọi, Kỳ liền lễ lạy và được ăn cơm. Mùi vị của cơm này thơm ngọt mà thế gian chưa từng có. Bỗng có người nói: Nơi này cách Kim Lăng hơn hai mươi ngàn dặm, anh có biết Đạo nhân Bôi Độ không?

Kỳ đáp: Dạ, có biết!

Người ấy lại chỉ qua vách phía Bắc, trên ấy có treo một cái túi, bình bát, tịnh bình và tích trượng, rồi nói: Đó là vật dụng của ông ấy, nay ta giao nó cho anh cùng một lá thư, người ấy lại lấy một cây gậy bằng trúc xanh đưa cho Kỳ và nói: Gặp Bôi Độ thì đưa hết cho ông ấy.

Người đó sai một Sa-di tiễn Kỳ ra thuyền, Sa-di bảo Kỳ chống cây gậy ấy xuống nước ở trước mũi thuyền. Chỉ ba ngày sau, Kỳ đến bến Thạch đầu, và chẳng còn thấy cây gậy đâu cả. Lúc đó ngài Bôi Độ cũng vừa đến. Sau khi nhận được cái bát, Bôi Độ cười vang và nói: Ta không thấy cái bát này đã bốn ngàn năm rồi! Nói xong tung bát lên hư không, lại đưa tay đón lấy rồi đi mất.

Bôi Độ nhiều lần thị tịch, nhưng sau đó người ta lại thấy ngài đi đây đó khắp nơi. Có lần ngài đến nhà Tề Hài, lại thấy ba đạo sĩ bạn

mình là Đạo Tuệ, Đỗ Thiên Kỳ, Thủy Khâu Hy cũng ở đó. Hài thất kinh liền đảnh lễ, ngài nói với Hài: Năm nay đại hung, ông chớ quên tu phước. Đạo nhân Pháp Ý là người có đức cao, có thể nhờ ông ấy giải nạn cho. Khi ấy bỗng có người trên xà cửa gọi ngài, ngài ngước lên nhìn thấy bèn cáo từ mọi người rồi đi, về sau không ai còn thấy ngài nữa.

26. Diêu Hưng kính trọng Thích Tăng Đạo: (Quý Mão).

Thích Tăng Đạo người ở Kinh Triệu, năm mười tuổi theo thầy xuất gia, là người tài cao học rộng, được Đế vương rất kính trọng.

Hồi ấy Diêu Hưng rất kính trọng ngài, ra vào cung thường ngồi cùng xa giá với vua. Về sau vua mến tài năng của ngài, bèn đích thân xây dựng chùa Lập Quang ở Thọ xuân rồi thỉnh ngài về giảng pháp. Thăng tòa xong ngài nói: "Phật xưa thác sinh trong vương cung, nhập diệt ở Song lâm. Từ đó đến nay đã hơn ngàn năm, dòng nước thuần tịnh đã vĩnh viễn ngưng chảy, ngọn gió trong lành đã không còn thổi nữa. Vườn Cấp cô độc biến thành gò đồi, trong vườn Lộc dã cỏ rậm hoang vu, chín mươi lăm thứ đạo bỗng chốc ngập tràn, quần sinh trong ba cõi đều lấy nhà lửa làm Tịnh độ, đâu biết Thượng thánh bùi ngùi, Đại sĩ rơi lệ!". Nói đến đây, ngài cảm động rơi nước mắt, bốn chúng thấy vậy ai cũng ngậm ngùi!

27. Phế Đế: (Ất Tỵ)

Tên là Nghiệp, thuở nhỏ có tự là Pháp Sư. Ông là con trưởng của Hiếu Vũ đế, bản tánh vốn bất nhân bất nghĩa, dâm loạn bạo ngược, bị sủng thần Thọ Tịch Chi giết. Ông mất ở điện Quang Hoa, thọ mười bảy tuổi trị vì được một năm.

28. Quốc vương nước Sơ Lặc tặng y ca-sa của Phật:

Trong thời Ngụy Văn Thành đế, cuối năm ấy, quốc vương nước Sơ Lặc sai sứ mang đến tặng vua một cái y ca-sa của Phật dài hơn hai trượng. Vua muốn biết có phải là y của Phật hay hay, nếu phải tất có điềm linh dị ứng hiện. Vua bèn đặt y trong lò lửa lớn, đốt cả ngày mà y vẫn không cháy. Thấy vậy vua vô cùng kinh hãi, từ đó hết lòng kính tín Phật pháp.

29. Minh Đế:

Tên là Hoặc, tự là Hưu Bính, thuở nhỏ có tự là Vinh Kỳ, là con thứ mười một của Văn Đế. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Thái Thỉ, thích thờ

quỷ thần, tàn khốc bạo ngược, ông mất ở điện Cảnh phước, thọ ba mươi bốn tuổi, trị vì được bảy năm.

Ngụy: Hiến Văn Đế: Tên là Hoằng, con của Văn Thành Đế ông trị vì được sáu năm rồi nhường ngôi lại cho thái tử, còn mình làm thái thượng hoàng. Ông mất năm hai mươi ba tuổi.

Bính Ngọ: Đổi niên hiệu là Vĩnh Quang. Ngụy đổi niên hiệu là Thiên An.

Đinh Mùi: Phật giáo được truyền vào Trung Quốc được bốn trăm năm. Ngụy đổi niên hiệu là Hoàng Hưng. Trong năm này, Ngụy dựng chùa Vĩnh Ninh gồm bảy cấp, cao hơn ba trăm thước, là ngôi chùa đồ sộ nhất thiên hạ. Lại đúc một tượng Phật Thích-ca bằng vàng đỏ, cao bốn mươi ba thước, tổng cộng hết một trăm ngàn cân vàng đỏ và sáu trăm cân vàng rồng. Lại dựng thêm một ngôi tháp đá có ba tầng.

30. Đại sĩ Bảo Chí:

Trong năm này Đại sĩ Bảo Chí thường qua lại vùng Hoàn sơn, Kiếm thủy. Ngài để tóc dài, đi chân không, mang túi gấm, người đời gọi là ngài là Chí Công. Diện mạo của ngài sáng đẹp, quắc thước lạ thường, móng tay móng chân giống như móng chim. Hồi ấy vợ của Dương thị là Chu Thị ở phía Đông Kim lăng, nghe trên cây có tiếng con nít khóc trong tổ nhạn, bèn leo lên nhặt đem về nuôi. Năm bảy tuổi, ngài theo đại Sa-môn Tăng Kiệm ở Chung sơn xuất gia, chuyên tu tập Thiền quán. Đến năm nay ngài bắt đầu du hóa. Ngài buộc cây phất tử dài hơn một thước vào cây gậy rồi vác đi, xóm làng nào ngài đi qua, bọn trẻ con thường ùa theo la ó ầm ĩ. Có khi ngài chỉ uống rượu suông, có lúc nhịn ăn trong nhiều ngày. Có lần gặp người ăn nêm cá, ngài bèn xin ăn, người ấy vẫn cho nhưng trong tâm tỏ ý khinh bỉ. Ngài liền mửa vào trong nước, nêm cá bỗng biến thành cá sống bơi lội. Lúc nào ngài cũng làm thơ, nhưng ban đầu chẳng ai hiểu được ngài muốn nói gì, nhưng về sau những lời ấy đều ứng nghiệm.

31. Thiệu Thạc, người ở Khương Cư:

Thiệu Thạc vốn là người nước Khương Cư. Diện mạo của ngài rất kỳ dị, miệng rộng mắt to, trông giống như một người điên, bọn trẻ con thường khinh khi trêu chọc ngài. Ngày nào ngài cũng theo bọn uống rượu vào quán nhậu nhẹt. Về sau ngài xuất gia với đạo hiệu là Thạc Công, kết thân với Đại sĩ Bảo Chí. Ngài đi lại bất kể ngày đêm, hễ khi nào muốn đi là đi.

Khi đến các huyện tại Ích châu, ngài nói toàn là chuyện tiếu, khiến ai cũng phát cười, nhân đó khuyên họ làm lành, ai nấy đều hoan hỷ làm theo. Lúc sắp mất ngài bảo Sa-môn Đạo Tiến: "Ông hãy đem thi thể ta đặt dưới gốc cây Tùng, nhưng phải mang guốc cho ta". Tiến hứa làm theo.

Sau khi ngài quy tịch, Tiến cho người khiên thi thể ngài đặt dưới cây tùng, nhưng hôm sau lại xem thì chẳng thấy đâu cả. Ngay lúc ấy có người từ huyện Bì đến và nói: Hôm qua tôi gặp Thạc Công mang một chiếc guốc đi trong chợ, ông ấy bảo tôi nói với Đạo Tiến rằng: Bọn trẻ khinh ta, chỉ cho ta mang một chiếc guốc!

Tiến nghe thất kinh, hỏi Sa-di, Sa-di thưa: Hôm đó lúc khiên thi thể đi, đánh rơi mất một chiếc, nhưng vì đi gấp quá nên không kịp lượm.

32. Vua xuống chiếu mời Tăng Cẩn làm Tăng Chánh:

Mậu Thân: Minh Đế hạ chiếu mời Tăng Cẩn làm Tăng Chánh trụ trì chùa Linh Căn. Vua có rất nhiều điều kiên kỵ, kẻ nào phạm đều phải bị giết. Mỗi lần như vậy, Cẩn đều can gián vua, nhờ đó có rất nhiều người được thoát chết.

Thời ấy, các vị danh sư ở Kinh ấp đưa ra nghĩa của Nhị Đế. Tổng cộng có ba Tông, nhưng mỗi Tông đều dựng lập khác nhau. Thấy vậy Chu Ngung ở Nhữ Nam bèn trước tác Tam Tông Luận nhằm đả thông những điểm khác nhau đó, nhưng sợ có người phê bình chỉ trích nên không dám lưu hành.

Thời đó Pháp sư Trí Lâm là người được trọng vọng nhất. Ngài bèn gởi thư cho Chu Ngung, nói: Tôi trộm nghe, Tam Tông Luận sâu xa huyền diệu, thấu đạt tình thức của chúng sinh, nghĩa lý bao la mà lại khoáng đạt, khế hợp với ý chư Phật, khiến cho ngọn đèn chánh pháp tỏa sáng, thật là lợi ích vô cùng! Giả sử đem quốc thành, vợ con bố thí làm sao so sánh kịp với bố thí pháp! Tôi nghe nói ông sợ bị phê bình nên muốn giấu kỹ, như vậy chẳng phải là tự trói mình trong chướng ngại, tự phơi bày cái tệ của mình đó sao!

Ngung nhận được thư hoảng sợ tỉnh ngộ, từ đó bộ luận này được lưu hành ở đời.

Tân Hợi: Nguyên Ngụy Văn Hoàng Đế: Tên là Hoằng, con trưởng của Hiến Văn Đế. Lúc sinh có nhiều điềm lành ứng hiện, ông lên ngôi năm năm tuổi, vốn là một ông vua có đức độ, khi ấy Mã thái hậu lâm triều bố chánh, đến năm mười bảy tuổi ông mới nắm quyền chánh. Ông

lên ngôi đổi niên hiệu là Diên Hưng, đổi thành họ Nguyên, dời đô về Lạc Dương , bỏ y phục người Hồ, ngôn ngữ của Phiên Man. Ông mất năm ba mươi ba tuổi, an táng ở Trường lăng, trị vì được hai mươi chín năm.

33. Ngụy Sử Thích Lão Chí:

Trong Thích Lão Chí viết: Ngụy Hiếu Văn Đế là bậc thiên Tử sáng suốt, năm tuổi nhận ngôi, mười tuổi thì nắm quyền chính. Thái Hòa thứ mười tám, vua dời đô về Lạc Dương, năm thứ hai mươi đổi thành họ Nguyên. Văn chương của ông gồm cả trăm thiên, nhiều nhất trong các vị vua từ trước đến nay. Lúc đầu hạ chiếu cho quan Hữu ty ghi chép, từ năm Thái Hòa về sau tự tay vua viết. Văn chương của các Đế vương từ xưa đến nay, không ai bằng ông. Ông bảy lần hạ chiếu chấn hưng Phật giáo, lại xây dựng hai ngôi, chùa Lộc dã và Lộc uyển. Phòng Tăng, thiền thất cực kỳ trang nghiêm, tráng lệ.

Nhâm Tý: Đổi niên hiệu là Thái Dự. Tháng tư vua băng hà, thái tử Dục lên ngôi, lúc này mới mười tuổi.

Quý Sửu: Hậu Phế Đế: Tên là Dục, tự là Đức Dung, là con trưởng của Minh Đế, do tính tình dâm loạn, bạo ngược nên bị phế xuống làm Thương Ngô Vương, sau bị Dương Vương Phu giết. Ông thọ mười lăm tuổi đổi niên hiệu là Nguyên Huy, trị vì được bốn năm.

Bính Thìn: Ngụy đổi niên hiệu là Thừa Minh.

Đinh Tỵ: Thuận Đế: Tên là Chuẩn, tự là Trọng Mô, thuở nhỏ có tự là Trí Quán, con thứ ba của Minh Đế. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Thăng Minh, bấy giờ Tiêu Đạo Thành làm Tư không, tổng quản việc quân việc nước. Tháng ba năm Mậu Ngọ dùng Thái phó làm tướng quốc, lại ban tặng cho ông Cửu Tích, rồi nhường ngôi cho Đạo Thành, ông trị vì được tám năm.

Ngụy đổi niên hiệu là Thái Hòa.

Nhà Tống gồm tám đời vua, trị vì được sáu mươi năm rồi nhường ngôi cho Tề.

34. Tề Thái Tổ: (Kỷ Mùi)

Lôi Thị nói: Cao, Vũ, Uất Lâm, Hải Lăng, Minh Đế, Đông Hôn và Hòa Đế, Tề gồm bảy đời vua, trị vì được hai mươi bốn năm.

Thái Tổ Cao Hoàng Đế: Tên là Đạo Thành, họ tiêu, tự là Thiệu Bá, thuở nhỏ có tự là Văn Tướng, ông là cháu hai mươi bốn đời của tướng quân Tiêu Hà. Ông nội là Chỉnh vượt sông định cư ở Tấn Lăng,

đó là người Lan Lăng, kế đó cha ông lên nối nghiệp làm quan dưới triều Tống, giữ chức Thái thú Hán Trung, nhân đó sinh ra ông. Ông có trán như rồng, tiếng nói như chuông, cũng làm quan dưới triều Tống, lập được công lớn. Thương Ngô Vương nhiều lần mưu hại ông, ông bèn nổi giận đem binh đánh Tống rồi làm Tề vương. Ông mất ở điện Lâm Quang, thọ năm mươi bốn tuổi, trị vì được bốn năm. Khi Thuận Đế nhường ngôi cho ông, Thuận Đế đưa tay lên trời khóc và nói: "Nguyện trong đời sau thân tôi đừng bao giờ sinh vào nhà Vương gia!" Ông lên ngôi, đổi niên hiệu là Kiến Nguyên.

35. Vua xa giá đến trụ xứ của Tăng Viễn: (Canh Thân)

Trong năm này Cao Tổ có việc phải qua Chung sơn, nhân đó vua ghé vào trụ xứ của Sa-môn Tăng Viễn. Khi ấy Viễn ngồi vào giường, lấy cớ vì bệnh tật già yếu nên không thể ra nghênh đón được. Cao Tổ muốn đến phòng để thăm ngài, nhưng tả hữu đều nói phòng ốc chật hẹp, kiệu lọng vào không được, vua bèn đợi ở ngoài, sai sứ vào trấn an ngài. Ngài mới đứng dậy đi ra.

Ngài ở trên núi hơn năm mươi năm, ban đầu còn ăn uống, nhưng hai mươi năm sau chỉ uống nước cháo. Thiên hạ đều ngưỡng vọng đức hạnh cao xa của ngài. Khi ngài quy tịch, Vũ Đế gởi thư cho Sa-môn Pháp Hiến và nói: Viễn Công vô thường, ngay đêm ấy đệ tử đã biết. Ngài bỏ nơi này thác sinh vào một nơi vô cùng an lạc, có rất nhiều phong cảnh đẹp lạ, Pháp sư không nên quá bi thương. Một hai ngày nữa, đệ tử đến gặp Pháp sư mới có thể thuật lại những điều tốt đẹp trong giấc mộng hôm qua được. Nay Pháp sư làm việc công đức, những phí tổn cần thiết đều phải cho đệ tử biết đủ.

36. Vũ Đế: (Quý Hợi)

Tên là Di, tự là Tuyên Viễn, con trưởng của Cao Đế, tính tình vốn tiết kiệm, ưa thích trữ quốc khố. Ông tích chứa trong quốc khố đến tám ức vạn đồng, vàng, bạc, lụa là không sao kể xiết. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Vĩnh Minh, mất ở điện Diên Xương, thọ năm mươi bốn tuổi, trị vì được mười một năm.

37. Vua ban chỉ mời Pháp Hiến, Huyền Sướng làm tăng chủ:

Giáp Tý năm mươi hai:

Vua ban sắc chỉ mời Pháp Hiến và Huyền Sướng làm Tăng chủ trong nước. Hôm đó hai ngài vào cung, khi đối đáp với vua chỉ xưng

tên và không ngồi. Còn Tăng Chung ở chùa Trung Hưng khi đối đáp với vua thì xưng là Bần đạo. Vũ Đế thấy lạ bèn hỏi Trung thư Vương Kiệm, Kiệm đáp: Thời Hán Phật pháp trong nước Ngụy chưa thịnh hành, truyện ký không thấy ghi chép việc này. Chỉ riêng đến Tống, Ngụy mới bắt đầu thịnh hành, khi ấy hầu hết Sa-môn đều xưng là Bần đạo nhưng ngồi trước vua. Vào thời Tấn, Dữu Băng, Hoàn Huyền đều muốn khuất phục họ thay đổi, nhưng cuối cùng không được và đến nay họ cũng xưng là Bần đạo.

Vua nói: Pháp Hiến và Huyền Sướng đạo hạnh cao vời như vậy mà vẫn xưng tên, Trẫm cũng xưng tên để đúng với lễ nghi và có thể lấy đây làm thể thức chung cho sau này vậy.

38. Huyền Sướng- người đầu tiên thuật Hoa Nghiêm Sớ.

Hồi ấy Pháp Hiến rất mến mộ Phật pháp, ngài bèn qua Tây Vực với mục đích thỉnh kinh. Từ Ba Thục, ngài ra khỏi Hà Nam, qua nước Nhuế Nhuế rồi đến Vu-điền. Ngài muốn vượt qua Thông Lãnh, nhưng đường Sạn đạo đã bị phá nên không qua được. Tại đây, ngài thỉnh được một cái răng của Phật, mười lăm hạt xá-lợi cùng kinh luận bằng tiếng Phạm, liền quay về.

Huyền Sướng vốn là người tinh thông Kinh Luật, tinh tường sử sách của Bách gia chư tử. Khi ấy Hoa Nghiêm chưa có ai chú sớ, ngài là người đầu tiên làm công việc này. Học giả sau này noi theo ngài mà trước thuật. Tài năng và đức độ của ngài cao xa, hoằng đạo giúp đời, có công lớn với đất nước. Vào lúc tuổi già, vua đặc biệt cho phép ngài ngồi kiệu khi vào điện. Người đương thời gọi ngài và Pháp Hiến là bậc hào kiệt của Phật giáo.

Minh Đế Tung Thiền sư luận rằng: Thời cận cổ, cao tăng yết kiến Thiên tử không xưng tên. Thiên tử gởi thư thì gọi họ là Sư, là Công. Tăng Viễn ở Chung sơn để loan xa của vua ngoài cửa. Ngài ngồi trong giường không ra tiếp giá, Tuệ Viễn ở Hổ Khuê gặp lúc thiên tử đi Tầm Dương có chiếu thỉnh nhưng ngài không xuống núi. Thiên tử đương thời tiếp đãi những người đó, tôn kính đức độ của họ. Thế nên đạo của Thánh nhân hưng thịnh là nhờ những người ưa chuộng kẻ có đức. Đạo Nho nói: "Tại sao quý trọng cái đức? Bởi vì đức gần gũi với đạo!"

Những người trong đời sau mến mộ các vị Cao tăng ấy, nên khi giao tiếp với Công khanh, đại phu vẫn không chuộng cái lễ nghi của bậc hạ sĩ. Dù họ làm quan hay ở ẩn thì những kẻ tầm thường không sao hiểu được họ, huống gì nói đến việc Tuệ Viễn yết kiến Thiên tử, hay Tăng

Viễn được vua đến thăm! Nhìn sự hưng thịnh của đạo pháp chúng ta, xem cách tu hành của người chúng ta, lẽ đâu như vậy là được rồi chăng? Giữ đạo pháp mà mình không phải là người tu theo đạo pháp, thì giữ đạo có ích gì! Mỗi khi nghĩ đến việc ấy tôi đều rơi lệ!

Bính Dần: Ngụy mới bắt đầu mặc triều phục, đi xa giá.

Kỷ Tỵ: Ngụy tế tự Viên Khâu, Phương Trạch, lập đền thờ Khổng Tử.

39. Bảo Chí hiển hóa trong ngục:

Vĩnh Minh năm thứ bảy, Vũ Đế nổi giận vì vua cho rằng Đại sĩ Bảo Chí mê hoặc mọi người, liền bắt giam trong ngục ở Kiến Khương. Ngày hôm đó, người trong nước đều thấy Bảo Chí đi lại trong chợ, trong thành, ngay đó quan lại kiểm tra thì vẫn thấy ngài ở trong ngục. Chiều đó, ngài nói với quan giữ cửa ngục: Ngoài cửa có hai xe chở thức ăn, đều dùng bát vàng đựng đầy cơm, ngươi có thể đến đó lấy.

Quả nhiên Thái tử Văn Tuệ, Cánh Lăng Vương đưa đồ cúng đến. Quan lịnh Kiến Khương là Lã Văn Hiển đem việc này nói vua nghe, vua bèn tạ tội rồi đón ngài vào cung. Sau đó vua có chỉ phải trừ khử ngài.

Bấy giờ hậu cung đãi yến tiệc cho bọn gia nhân, ngài cũng xếp hàng cùng mọi người đi ra, nhưng sau đó người ta lại vẫn thấy ngài hành đạo trong điện Hiển Dương , phía sau ngài còn có bảy hàng Tỳ-kheo tùy tùng. Vua thất kinh liền gọi quan đến hỏi, ông quan này thưa: Bảo Chí lâu nay qua lại bên ngoài hình trạng giống hệt Bảo Chí ở đây. Từ đó Vũ Đế vô cùng thần kính ngài.

Sau đó tại Hoa Lâm viên, ngài bỗng đội ba cái mũ một lần, người ta cũng không biết ở đâu ngài có. Sau đó không lâu thì Vũ đế băng hà, Thái tử Văn Tuệ và Dự Chương Vương cũng chết tiếp, quả đúng những dự đoán của ngài.

Sa-môn Bảo Lượng ở chùa Linh Vị muốn đem áo và khăn choàng dâng biếu ngài, nhưng chưa kịp nói, ngài bỗng sấn đến giựt khăn choàng rồi đi mất. Vương Trọng Hùng gặp ngài bèn hỏi: Ông là quan ở đâu đến đây? Ngài chẳng thèm trả lời mà mở ngay một tua vải bên trái đeo trên đầu gậy đưa cho Hùng. Trọng Hùng lúc đó chẳng hiểu gì cả, nhưng sau này quả nhiên ông giữ đến chức Thượng thư tả thừa.

Cuối năm Kiến Vũ, sáng sớm nào ngài cũng ra khỏi cửa thành. Hôm nọ, bỗng ngài vén áo quần chạy qua rồi la: Trên cửa có máu tanh!

Đến khi Minh đế bị hại, quả nhiên người ta dùng xe trâu chở vua

từ cửa thành này đi ra. Bọn hoạn quan cứ từ từ khiêng vua đi đến nhà để ngựa, máu trên cổ nhà vua vấy đầy ngạch cửa.

Hồi đó ở Uất Lâm có rất nhiều kẻ giết hại tông thất, cao sĩ Giang Tất rất lo lắng. Nam Khương Vương hỏi ngài, ngài liền lật úp lò hương rồi chỉ đống tro đổ ấy nói: Đều cháy thành tro như thế này!

Từ Lăng lúc còn nhỏ, cha ông dẫn đến yết kiến Bảo Chí. Ngài vỗ đầu đứa bé nói: Đây là con Kỳ lân đá trên trời! Quả nhiên sau này Lăng nổi tiếng ở đời.

40. Đàm Siêu thuyết pháp cho rồng nghe:

Sa-môn Đàm Siêu ở trên núi Linh Uyển thuộc Tiền Đường. Một đêm nọ, có Dị Nhân đến nói với ngài: Nước này muốn ngài ở lại làm phước cho sinh linh. Nhưng họ Dương giàu có kia vô cớ đục phá núi, phá hư nhà của bọn rồng, nên rồng nổi giận không làm mưa, đến nay đã hai trăm ngày rồi. Nay muốn Pháp sư qua đó một lần dạy dỗ bọn rồng, làm phước cho sinh linh, không biết ý ngài thế nào?

Siêu nói: Đây là việc của đàn việt, ta làm sao có thể làm được!

Thần nói: Sức của đệ tử có thể nổi mây nhưng không thể làm mưa được.

Siêu nghe vậy liền đồng ý đi. Ngài đến núi Xích Đình thuyết pháp cho rồng nghe. Bỗng chốc mưa to đổ xuống. Nhân đó ngài dừng lại ở Lâm Khê. Huyện lệnh nghe ngài ở đây liền sắm thuyền đến đón, nhưng ngay hôm đó ngài quay về lại Linh Uyển.

41. Cố Hoan trước tác Di Hạ Luận: (Tân Mùi).

Dật sĩ Cố Hoan ở ẩn không ra làm quan, ưa thích tư tưởng Hoàng Lão. Trong Nam Tử chép: Hoan cho rằng Phật giáo và Đạo giáo là dị học, thường phỉ báng chống đối nhau, nên Hoan bèn viết Di Hạ Luận. Đại loại trong đó nói: Biện thị phi phải căn cứ Thánh điển. Trong đạo kinh nói: Lão Tử vào cung, thác sinh trong thai của Hoàng hậu Tịnh Diệu là phu nhân quốc vương nước Duy-vệ bên Thiên Trúc. Nhân lúc Hoàng hậu ngủ trưa, Lão tử theo ánh sáng mặt trời vào trong miệng Tịnh Diệu mà bà chẳng hề hay biết. Ngài tám tháng tư năm sau, ông sinh ra từ nách phải của Hoàng hậu, chân vừa chạm đất liền đi bảy bước. Thế là đạo Phật từ đó bắt đầu hưng thịnh. Việc này trích từ Thiên Huyền Diệu .

Kinh Phật nói: Đức Thích-ca trải qua trần sa kiếp số mới thành Phật. Có khi làm Quốc sư, Đạo sĩ, Nho sĩ... đoạn này trích từ kinh Thụy

Ứng Bản Khởi.

Nếu đem so sánh, thì thời Ngũ Đế Tam Hoàng chưa nghe có Phật. Quốc sư, Đạo sĩ đâu hơn Lão, Trang. Giáo chủ rừng Nho ai vượt hơn Chu, Khổng. Nếu Khổng, Lão không phải là Thánh thì con ai xứng đáng! Nhưng những gì hai đoạn kinh trên nói dường như phù hợp nhau. Đạo tức là Phật, Phật tức là đạo. Thánh quả của họ thì như nhau, nhưng dấu tích thì trái ngược. Người thì hòa quang để chỉ rõ cái gần, người thì diệu linh để nêu bày điều xa. Đạo chảy toàn thiên hạ, nên không có nơi nào mà không đến. Trí bao trùm vạn vật, nên không vật nào mà không làm. Cảnh giới đi vào không đồng, nên việc làm tất khác biệt, từ đó hình thành cá tính của mỗi người, không thay đổi việc làm của mình. Bởi vậy thuận thời làm quan thì mang diện mạo của Hoa Hạ, cắt tóc quấn y thì mang dáng dấp của Khương Nhung; bảo toàn hình hài, giữ đúng lễ nghi noi theo cái gia phong nối tiếp việc thiện, hủy bỏ dung mạo, thay đổi hình hài nối gót cái học đoạn tuyệt việc ác, lẽ đâu một người thì đồng như người, một người khác với vật sao? Thánh nhân trong vô tận thế giới đời nào cũng hưng thịnh. Có người nêu tỏ Ngũ điển, có người ban bố Tam thừa, ở trong loài chim thì hót tiếng chim, ở trong loài thú thì gầm tiếng thú. Dạy Hoa Hạ thì nói ngôn ngữ Hoa Hạ, giáo hóa Man Di thì nói ngôn ngữ của Man Di. Thuyền xe đều để đi xa, nhưng có sự khác nhau giữa sông nước và đất liền. Phật Đạo có cùng sự đạt hóa, nhưng khác biệt là kẻ Di người Hạ. Nếu cho rằng giáo pháp như nhau, cách thức có thể thay đổi qua lại, thì xe có thể bơi dưới nước, thuyền có thể đi trên cạn chăng! Cứ xem kỹ tất nhận thấy ngay.

Sa-môn ôm cây ngồi đợi, Đạo sĩ cùng tranh giành nhau, lớn nhỏ đua nhau đâm chém. Người thì lấy một mối đạo rồi cho là hai, người thì trà trộn với thế tục rồi cho là một, khiên cưỡng cái dị mà cho là đồng, phá cái đồng làm thành cái dị, đó là đầu mối của sự tranh giành, là nguồn gốc của sự hỗn loạn. Tìm đến Đạo Thánh thì đồng, nhưng cách thức thì khác biệt, khởi đầu không có đầu, kết thúc không có cuối. Niết-bàn, hóa Tiên mỗi cách là một phương pháp. Phật thì gọi là Chánh Chân, Đạo thì gọi là Chánh Nhất. Nhất trở về với Vô tử, Chân trở về với Vô sinh, tên gọi thì trái ngược nhưng sự thật thì hợp nhau, có khác chăng là vô sinh dạy lý xa, Vô tử dạy việc gần. Pháp gần thì có thể tiến và yếu, pháp xa có thể thối và mạnh. Phật giáo thì hoa hòe mà lại rộng, Đạo giáo thì chất phác mà lại tinh. Tinh thì người thô không thể tin được, rộng thì người tinh không thể có được. Phật thì dùng ngôn từ hoa mỹ để dẫn dắt người, Đạo thì dùng sự thật để áp chế người, áp chế

thì người sáng suốt tự tiến tới, dẫn dắt thì kẻ mê muội tranh nhau tiến. Kinh Phật nhiều nhưng cạn cợt, kinh đạo ít nhưng lại thâm sâu. Thâm sâu thì cửa ngõ nhiệm mầu khó thấy, cạn cợt thì con đường ngay thẳng dễ theo. Đó là những lời luận bàn về hai đạo giáo ấy.

Thánh nhân không hạn lượng, vuông tròn mới có hình dáng nhất định. Vật dụng có công dụng khác nhau, thì giáo pháp cũng có cách thi thiết khác biệt. Phật có cách thức phá ác, Đạo có thủ thuật hưng thiện. Hưng thiện thì đề cao tính tự nhiên, phá ác thì quý trọng tính dõng mãnh. Dấu tích của Phật thì rõ ràng nhằm khai hóa muôn vật, dấu tích của đạo thì sâu mầu nhằm hoàn thiện chính mình. Sơ lược vài dòng đủ thấy hơn thua.

Cố Hoan tuy hòa đồng hai đạo, nhưng chủ yếu vẫn thiên lệch về Đạo giáo.

42. Tư đồ Viên Xán phản bác Di Hạ Luận:

Quan Tư đồ Viên Xán thay Sa-môn Thông Công phản bác Di Hạ Luận của Cố Hoan. Đại loại nói rằng: Mặt trời ngừng chiếu nhưng vì sao thì thường ngầm chiếu, điềm ứng hiện lúc Đản sinh là có trước Lão giáo, đâu phải vào cung mới ứng hiện điềm lành như vậy. Lại nữa những điều ấy sử sách Tây Vực ghi lại, vốn do kinh Phật diễn nói. Thế tục thuận theo cái lễ nghi cúi quỳ, đâu ưa cung cách ngồi ngay. Đạo giáo cho rằng đi quanh ba vòng là cung kính chứ đâu ưa gì cung cách quỳ xổm. Điều đó lẽ đâu chỉ có Nhung Địch còn phương này thì không chăng? Tương Đồng yết kiến vua phải quỳ gối mà lếch tới. Triệu Vương triều kiến Thiên tử nhà Chu phải đi ba vòng rồi sau mới đứng. Ngày nay Phật pháp thịnh hành nơi này, có khi giữ nguyên như vậy, có khi sửa đổi lại. Những kẻ sĩ có đức tin trong sạch thì dung mạo, y phục chẳng cần sửa đổi, những người dứt tâm thế tục thì diện mạo, y phục đều phải thay đổi. Thay đổi vốn là theo đạo mà không chạy theo thế tục. Nếp sống khác tục thì không còn sợ nhầm lẫn thế tục.

Khổng, Lão và Thích-ca về con người có khi giống nhau, nhưng xem mỗi người thi thiết đạo lý thì đạo tất khác biệt. Khổng giáo, Lão giáo lấy thế tục làm gốc, còn như họ Thích lấy xuất thế làm chính. Khởi đầu đã khác, thì kết quy cũng vậy. Lại nữa Hóa Tiên thì cho thay hình là cao, còn Niết-bàn thì lấy việc dưỡng thần làm trọng. Những người thay hình thì bạc đầu mới chịu tu, nhưng chưa tránh khỏi cái chết. Những người dưỡng thần thì hằng ngày làm cho mọi mê lầm vơi đi, mà lại vắng lặng thường trụ. Con đường của Niết-bàn là cảnh giới vô tử. Dưỡng thần

như vậy, sao ông bảo rằng đồng nhau?

Bấy giờ Hà Thường Thị Trấn Chi thấy Cô Hoan hòa đồng hai tôn giáo, ông hết sức bất bình, liền gởi thư cho Hoan kịch liệt phản đối cho rằng, Đạo giáo không đủ tư cách để ví với Phật giáo. Hoan trả lời thư nhưng vẫn ngoan cố bảo thủ thấy biết của mình. Trấn Chi lại gởi thêm một lá nữa, vạch trần những điều ông ta phản bác Phật giáo, cứu xét tận tường căn nguyên, cho rằng Hoan chẳng những hòa đồng Đạo giáo, Lão giáo mà còn xúc phạm cả đến Thích-ca, Lý Đam. Những người đáng kính ấy lẽ đâu chỉ là trò cười! Thế nhưng phô diễn Đức Phật nhiều bao nhiêu, thì càng làm yếu chỉ tinh túy càng mờ mịt bấy nhiêu. Đó gọi là "chạy thì mất dấu, trốn thì mất hình" làm sao tránh khỏi được!

Kế đó ông liền lược nêu vài điểm cận yếu nhằm chỉ ra điểm kết quy chung. Ông viết:

Phàm Thái Cực chia chẻ, Lưỡng Nghi vọng lập. Năm ấm hòa hợp mà có thân, hình hài thần thức đều không thật có. Thức do nhân ô nhiễm mà có, hình do duyên ái nhiễm mà sinh. Trước thời Tam Hoàng, dân chúng phần nhiều ngu dốt. Chỉ bọn ngu dốt thì chỉ biết ăn lông ở lỗ, uống máu mặc lông thú. Đạo vua tôi, cha con có gì hơn đâu, chẳng khác cầm thú, có thể sánh như trẻ con chẳng nhận thức được gì cả. Khi ấy đạo giáo chưa dạy dỗ họ, nhân nghĩa chưa thay đổi được họ. Đến khi họ bị chết chìm trong dòng thác dục lạc, tay chạm được bờ mới mong muốn được cứu vớt. Mong muốn được cứu vớt thì cầu việc lành, cầu việc lành thì Thánh ứng hiện, mà Thánh là cái gì? Đó là những người cảm vật mà đến. Đến mà chẳng tự đến, cảm mà chẳng tự cảm. Thường ở đây mà đến nơi kia. Đến nơi kia thì như gương sáng treo trên nhà cao, ở nơi này thì vạn tượng đồng quy y. Nên biết, Thiên Trúc là đất nước ở chính giữa Ta-bà, là nơi hội tụ những điều an lành, thuần thiện, nên hay chiêu cảm Chư Thánh Giáng Thế. Trung thổ nằm trong Đại thiên, Thánh ứng nơi ấy thì thanh danh chấn động ở đây. Hãy nhìn ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, làm sao lìa khoảng không gian ấy mà nghe được tiếng sấm sét? Việc gì phải ra đồng hoang nghe? Thế nên vật có cao thấp nhưng chẳng ngại cùng đường. Lưỡng nghi, tả hữu chẳng hại đến Thiên quân. Chẳng hại đến Thiên quân thì mây trùm cả giáo pháp, chẳng ngại cùng đường thì mưa tràn Di Hạ.

Đạo thì một mà hình thì hai. Đạo là chân mà hình là tục. Chân dù là một nhưng tục cũng vẫn là hai. Tận diệt cái hai để được cái một nhằm thích nghi với một pháp đó. Diệt Tục quy Chân tất trái với Tục. Vì vậy Như Lai đặt ra quỹ phạm, khéo lập khuôn phép đồng với phong tục. Giả

sử Khổng, Lão là Phật thì phải thao lược ngầm dẫn, vứt bỏ cái tâm hẹp hòi mà trồng nhân lập nghĩa, để gần gũi và thuận với lòng người. Do đó bảo toàn hình hài giữ việc tế tự thì ơn dội khắp lục thân. Độ sinh dưỡng tánh, tự ngã vượt ngoài muôn sự thì đó là tận thiện nhưng chưa phải tận mỹ, bởi vì còn đặt ra bến bờ, chưa thúc đẩy người sau, thì làm sao đem đạo sánh với Bồ-đề, đem thánh so với Thích-ca được!

Hơn nữa chỉ bày rõ ràng, thiết yếu mà lại rộng lớn. Thiết yếu mà hay rộng lớn thì có tinh có thô, có tinh có thô thì cương nhu là một. Thế nên bến bờ u huyền thật ra dễ thấy. Cứ theo đó thì người dùng trí mà chuyển thì dễ, kẻ dùng tay mà vận thì khó, lẽ đâu không bỏ cái khó để theo cái dễ chăng?

Kinh tịch của Đạo gia đơn giản cạn cợt, phần nhiều mang tính xuyên tạc, đến như Linh Bảo Diệu Chân vốn rút tỉa nghĩa lý từ Pháp Hoa rồi khéo léo đẽo gọt lại; như Thượng Thanh, Hoàng Đình chỉ chú trọng đến ăn uống, như nuốt lá uống sương, chỉ có bọn đạo giáo thực hành còn ngoài ra chẳng ai thấy có hiệu nghiệm. Đạo cũng thật khó đồng. Trong đó kinh dài nhất cũng chỉ đến năm ngàn lời, toàn không dùng được hoặc dùng trong cái vô vi, dùng trong cái vô vi cũng không khỏi trái với hữu vi. Đã trái với hữu vi thì ôm Linh chi để nuôi dưỡng cái gì?

Nhà Phật đưa ra Tam thừa, Chín phái đều tiếp nhận: Chín phái cùng tiếp nhận thì động tĩnh có cả ở đây. Lý của Thiền Tông là một trong Tam thừa, chứ chưa phải là lý tối cực. Kinh nói về Thiền rất vi diệu mà cảnh giới lại sâu xa tinh vi, theo đây mà tìm về lý Chân vẫn còn chưa tìm đến được. Nay nói: Đạo vốn ở chỗ “vô vi đắc nhất” mà thôi, nếu vô vi đắc nhất thì tức là bỏ những điều thích hợp từ ngàn năm, mà bỏ những điều thích hợp từ ngàn năm thì chẳng cần phải hô hào làm gì. Hễ những người thấy rõ mục đích hội nhập hay những người đạt đạo, phong lưu, nếu bỏ cái học tinh vi này chẳng phải là giải đãi đó sao! Lẽ đâu đó là cái “nơm” của Đạo giáo?

Tôi kính tìm những lời biện giải, nếu người không hiểu Phật thì cũng sẽ không hiểu được đạo.

Phản Loạn có một bài thơ nhờ Hoan đối đáp. Loạn viết:

Vận qua chừ sáng bừng bừng
Huyền thánh chừ mờ thăm thẳm
Đêm dài chừ mang mang
Ngàn sao chừ lấp lánh
Mặt trời sáng chừ soi cao

Đêm dài tối chừ tiêu tán
Phàm trục xe trừ khác gỗ
Buông níu dây chừ một việc
Nếu cứ mê chừ chẳng tỏ
Tăng thượng mạn chừ chạy xa
Giận xót xa chừ rối bời
Quá thiên trọng chừ đau khổ
Giỏi thi thố chừ tranh luận
Ai trách ai chừ trí tuệ.

Bấy giờ lại có Chu Thường Thị Chiêu Chi, Nhân Hà Trấn Chi gởi thư, liền viết từ chương cật vấn Di hạ luận, nhưng Chu viết nhiều hơn và lấy tên là Tư Di Hạ luận, lý giải từng câu từng chữ nhằm đả phá sự nhầm lẫn của Cố Hoan. Chu Ngung, Cao Tăng Tuệ Thông ở Nhữ Nam cũng viết nhằm phản bác Di Hạ luận. Tác phẩm của Hoan cuối cùng không tránh khỏi sai lầm.

Lại có Pháp sư Thiệu Chánh viết Nhị giáo luận đả phá, đại khái nói: "Phật thông suốt cội nguồn, đạo bảo tồn sự sống. Người ôm giữ sự sống thì ngưng trệ, người thấu tỏ cội nguồn thì thông suốt".

Nay đạo giáo nói: "Trường sinh bất tử", nói "Bổ thiên tào". Kỳ thực trái với ý chỉ mà Lão, Trang lập ngôn.

43. Mạnh Cảnh Dực viết Chánh Nhất Luận:

Thái tử Văn Tuệ và Cách Lăng vương tử Lương đều rất hâm mộ Phật pháp. Cách Lăng viết Tịnh Trụ Tử gồm bốn bộ hai mươi quyển để xiển Dương Phật giáo. Bấy giờ có Đạo sĩ Ngô Hưng, Mạnh Cảnh Dực là những người có tiếng tăm. Thái tử bèn triệu họ vào cung, lúc đó chúng Tăng đến dự rất đông. Tử Lương bảo Cảnh Dực lạy Phật, Cảnh Dực không lạy. Tử Lương lại đưa cho Cảnh Dực cuốn kinh Thập Địa để học, nhân đó Dực bèn viết Chánh Nhất luận.

Đại loại nói: "Phật dùng một âm diễn nói pháp, Lão Tử bao quát chữ một này làm khuôn phép cho thiên hạ. Chữ một này vô cùng mầu nhiệm nó rỗng rang sâu kín dứt tuyệt những gì có cảnh, nó biến hóa linh diệu, ứng hợp với cái vô cùng. Nó là vạn vật nhưng lại vô vi, ở trong số một nhưng chẳng phải số. Chẳng ai gọi tên nó được, mà chỉ gượng gọi là một. Đối với Phật là thật tướng, đối với đạo là Huyền Tẫn. Đại tượng của đạo chính là Pháp thân của Phật, dùng cái giữ không giữ đó mà giữ Pháp thân, lấy cái chấp vô chấp ấy mà chấp đại tượng. Vật có tám mươi bốn ngàn cách chuyển hóa, tức là tám mươi bốn ngàn pháp mà Phật nói,

pháp đạt đến vô cùng, chuyển hóa cũng đạt đến vô ương. Thềm bậc thì tùy duyên nhưng đạo quy về một. Quy về một tức là hồi hướng, hướng về chánh tức không còn tà. Cái thấy biết xằng bậy mà hết thì ức điều thiện ngày một tăng. Ba, năm, bốn, sáu tùy cái dụng của nó mà thi thiết. Nó đứng riêng không thay đổi, dứt sở học không còn âu lo. Thánh hiền nhiều kiếp xưa nay đều đi theo cái một này. Lão Thính chưa hẳn ở trong cái thường chia chẻ. Kẻ mê tự phân chia mà chưa thể hội nhập lại được. Tu khắp ức điều thiện, hễ tu khắp như vậy thì thành Thánh. Dù có mười hiệu hay ngàn danh xưng thì rốt cuộc cũng không thể tận cùng được. Không thể cùng tận thì lẽ đâu suy nghĩ luận bàn được ư?"

44. Trương Dung trước tác Môn Luật:

Tư đồ trung lang Trương Dung trước tác môn Luật, nói: "Đạo và Phật khế hợp không hai. Tôi thấy đạo sĩ và đạo nhân của Đạo giáo và Mặc gia kích bác nhau, thường hay biện luận thị phi với nhau. Xưa có con chim hồng bay ngang trời cao, do bay quá cao nên khó thấy rõ. Người nước Việt cho là con Le, người nước Sở thì cho là con Ất. Con người tự có Việt có Sở, còn chim Hồng chỉ là một mà thôi".

Viết xong, Dung gởi đến cho Chu Ngung ở Nhữ Nam, Ngung liền vấn nạn: "Hư vô pháp tánh, tính vắng lặng của nó tuy đồng, nhưng cách thức để đạt đến vắng lặng có thì sai biệt". Ông cho rằng "khế hợp không hai." Là khế hợp với hư vô hay là không hai với pháp tánh. Theo như túc hạ thấy thì vốn chỉ là một vật, nhưng đó lại là Hồng ất. Nếu cứ chạy theo Phật, Đạo, tất không vượt khỏi nhị biên, chưa biết kiến thức cao xa dựa vào đâu mà biết được nguồn gốc, lại cứ xem thường làm theo, như vậy mà cho là hay chăng?

Luận rằng: "Từ đời Hán, sử quan Phạm Hoa chỉ luận sơ lược họ Thích qua Tây Vực truyện. Còn như Tam quốc Chí của Trần Thọ thì vẫn để nguyên không luận bàn gì đến. Trong Tấn thư, Đường Thái Tông ghi chép vô số những hành trạng thần dị của Sa-môn nhưng chưa từng có một lời phỉ báng Phật, huống gì Phật giáo hoằng hóa từ Tấn đến Nam Bắc triều mới đại thịnh trong thiên hạ. Tài giỏi thay!" Ngụy thư do Lý Diên Thọ soạn. Đế vương công khanh đương thời những người phụng trì Phật pháp chưa từng kiêng kỵ mà không chép. Tuy chép nhưng chưa ai từng lấy con người để so sánh với Phật. Đến khi Cố Hoan viết luận thì công khanh thời ấy phê bình luận nghị hai giáo mà kể tội của Hoan.

Họ nói: "Hoan tuy hòa đồng hai tôn giáo nhưng kỳ thật vẫn thiên lệch về Đạo giáo".

Than ôi! Đúng gọi là bộ sử hay! Thấp kém thay! Hai bộ luận của Cố Hoan, Cảnh Dực chẳng khác nào ngày xưa có người lấy của báu trong hang đá chim yến, ai tin rằng trong đó có ngọc thật.

45. Ngụy xuống chiếu độ Tăng Ni: (Nhâm Thân).

Nguyên Ngụy, Thái Hòa thứ mười sáu, vua hạ chiếu rằng: "Cứ mồng tám tháng tư và ngày mười lăm tháng bảy hàng năm, cho phép châu lớn là một trăm người xuất gia làm Tăng Ni, châu vừa là năm mươi người, châu nhỏ là hai mươi người. Quan lại phải ghi chép lệnh chế này làm thông lệ hàng năm.

Tế tự Khổng Tử ở Trung Thư Tỉnh.

Giáp Tuất: Uất Lâm Vương tên là Chiếu Nghiệp, là con trưởng của Văn Tuệ, cháu của Vũ Đế, ông lên ngôi đổi niên hiệu là Long Xương.

Ban đầu, vua dâm loạn bạo ngược, Loan bèn giết vua rồi lập con của Thái tử là Chiên Văn. Chiên Văn lên ngôi đổi niên hiệu là Diên Hưng. Nhưng Văn cũng xa xỉ vô độ, chỉ trong mấy tháng đã tiêu sạch tiền của mà tiên quân tích trữ. Bấy giờ Tây Xương Hầu Loan theo lệnh của Thái hậu phế Văn rồi tự lập.

Minh đế: Tên là Loan, tự là Cảnh Thê, anh của Thái tổ, con của An Trinh Vương Đạo. Thuở nhỏ có tự là Huyền Khánh, tính ông hay đố kỵ, thích bói kiết hung lợi hại. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Kiến Vũ, mất ở điện Chánh Phước, thọ bốn mươi bảy tuổi, trị vì được năm năm. Sau đó lập Thái tử Bảo Quyển lên làm vua.

Bính Tý: Ngụy đổi họ Nguyên.

Mậu Dần: Đổi niên hiệu là Vĩnh Thái.

46. Đông Hôn Hầu: (Kỹ Mão)

Tên là Bảo Quyển, tự là Chánh Nghiêm, con thứ của Minh Đế. Từ khi lên ngôi, chẳng giao tiếp với quần thần, chỉ ăn chơi trác táng ở hậu cung. Chỉ trong một năm tiêu sạch cả quốc khố. Giá cả trong nước tăng gấp bội, người ta mua bán trao đổi bằng vàng. Ông cùng người phi họ Phan đúc hoa sen bằng vàng để lót đường khi đi. Hòa đế giết ông ở Chế châu, lại sai Tiêu Diễn đem binh đánh phạt, phế ông xuống làm Đông Hôn Hầu. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Vĩnh Nguyên, thọ mười chín tuổi, trị vì được hai năm.

Canh Thìn: Nguyên Ngụy: Tuyên Vũ tên là Kháp con thứ năm của Hiếu Văn Đế. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Cảnh Minh, bản tánh

rất mến mộ Phật pháp. Ông mất và được an táng ở lăng Cảnh Bình, trị vì được mười sáu năm.

47. Trần Hiển Minh trước tác bộ Hư Kinh:

Đạo sĩ Trần Hiển Minh vọng tạo Đạo Chân Bộ Hư Phẩm kinh gồm sáu mươi bốn thiên (trính từ Châu Lâm).

48 Hòa Đế: (Tân Tỵ).

Tên là Bảo Dung, tự là Trí Chiêu, con thứ tám của vua Minh Đế. Tiêu Diễn nghênh đón rồi lập ông ở Giang Lăng. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Trung Hưng. Tháng ba năm sau truyền ngôi cho nhà Lương. Lương Vũ Đế đưa ông xuống làm Ba Lăng Vương. Ông mất năm mười lăm tuổi, trị vì được một năm.

Tề Cao Đế Tiêu Đạo Thành nhận ngôi từ nhà tống vào tháng tư niên hiệu Thăng Minh thứ hai, truyền xuống được bảy đời vua, trị vì tổng công hai mươi bốn năm. Kẻ viết người dịch kể kể cả Đạo, Tục, Hoa, Nhung là hai mươi người. Kinh, Luật, Luận, truyện, lục... gồm bốn mươi bảy bộ, tổng cộng ba trăm năm mươi quyển.

49. Luật tạng của Tăng-già Bạt-đà-la:

Tương truyền rằng, sau khi Phật nhập Niết-bàn, Tôn giả Ưu-ba-ly liền kết tập luật tạng. Vào ngày rằm tháng bảy năm đó (năm Phật Niết-bàn). Sau khi chúng Tăng tự tứ xong, ngài dùng hương hoa cúng dường Luật tạng. Rồi chấm một chấm ở phía trước Luật tạng. Về sau, hằng năm chúng Thánh đều chấm một chấm.

Khi Tôn giả Ưu-ba-ly sắp nhập diệt, ngài truyền cho đệ tử là Đà tả câu. Đà tả câu truyền cho đệ tử là Tu câu. Tu câu truyền cho đệ tử là Tất Già bà. Tất Già Bà truyền cho đệ tử là Mục-kiền-liên Tử Đế tu. Đề tu truyền cho đệ tử là Chiên đà bạt xà. Cứ như thế thầy trò truyền cho nhau đến Pháp sư Tam Tạng. Pháp sư đem Luật tạng này đến Quảng châu, rồi theo thuyền trở về lại Thiên Trúc. Bấy giờ, Pháp sư đem luật tạng này truyền cho đệ tử là Tăng-già Bạt-đà-la.

Vào niên hiệu Vĩnh Minh thứ sáu, ngài cùng Sa-môn Tăng Y dịch Luật tạng này thành Thiện kiến Tỳ-bà-sa gồm một bộ mười tám quyển tại chùa Trúc lâm, Quảng châu. Ngày rằm tháng bảy năm thứ bảy (Canh Ngọ), sau khi tự tứ xong, ngài cũng làm như Pháp sư thuở trước, dùng hương hoa cúng dường luật tạng xong và chấm một chấm. Vào năm đó tính tổng cộng được chín trăm bảy mươi lăm chấm, mỗi chấm tượng

trưng cho một năm.

Đến niên hiệu Lương Đại đồng năm đầu, ẩn sĩ Triệu Bá Hưu ở trên Lô sơn gặp Luật sư khổ hạnh Hoằng Độ và được bộ Điển ký năm tháng này. Nhân đó Bá Hưu hỏi Hoằng Độ: Từ Vĩnh Minh thứ bảy về sau, tại sao không thấy chấm tiếp?

Hoằng Độ đáp: Từ Vĩnh Minh thứ bảy về trước đều là Thánh hiền đắc đạo tự tay chấm. Độ tôi là phàm phu chỉ nên phụng trì mà thôi, vì vậy không chấm nữa.

Nhân đó Bá Hưu căn cứ số chấm trong ấn tích đến niên hiệu Đại Đồng năm đầu, công được một ngàn không trăm hai mươi năm.

Ngày nay đem bộ luật này so sánh với những truyện ký của các học giả thì năm sinh năm diệt của Thế Tôn vốn không thống nhất. Đại loại là vì sông núi Tây Vực quá rộng, quốc độ lại nhiều, Phật giáo hóa cùng khắp, cho nên mỗi nơi có cách tính riêng. Đây là một trong những thuyết về niên đại của Phật, không thể bỏ được nên tôi phụ lục ở đây.

Triều đại nhà Tề gồm bảy đời vua, trị vì được hai mươi bốn năm rồi truyền ngôi cho nhà Lương.

■

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 9

1. Lương Vũ Đế:

Nhà Lương: Họ Tiêu, gồm bốn đời vua, đóng đô ở Kiến Khương.

Lôi Thị nói: Cao, Thái, Thế, Kính, nhà Lương gồm bốn đời vua, trị vì được năm mươi bảy năm.

Cao Tổ Vũ Hoàng đế: Tên là Diễn, tự là Thúc Đạt, người ở Nam Lan, Lăng Đô, cùng họ với Tề, cũng là cháu hai mươi bốn đời của Hán tướng quân Tiêu Hà. Cha ông là Thuận Chi, làm Lệnh doãn Đan dương, mẹ là Trương Thị. Ông sinh ra có tướng mạo rất kỳ vĩ. Đầu vuông trán rồng, trên cổ có vòng tròn sáng. Sau khi nhận ngôi từ nhà Tề, ông rất sùng kính Phật pháp. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Thiên Giám. Tướng hàng đầu là Hầu Cảnh làm phản, đem binh vây hãm ông ở Đài Thành, ông tuyệt thực rồi mất ở điện Tịnh Cư, thọ tám mươi sáu tuổi, trị vì bốn mươi tám năm.

Có người hỏi rằng: Lương Vũ Đế trọn đời phụng Phật nhưng lại bị chết khốn ở Đài thành. Vậy Phật pháp linh nghiệm ở chỗ nào?

Xin đáp rằng: Hễ có nghi tất có chê trách. Thân mạng con người do nghiệp lực quyết định. Nếu nghiệp trong đời trước đủ duyên hội tụ, thì thiện nghiệp đời này lẽ đâu đủ sức để giải tỏa được ư? Thế nên Văn Trọng Tử nói: Trai giới tu hành nhưng nước Lương bị nguy khốn, đâu phải lỗi của Thích-ca. Do lỗi lầm của Tề Phế đế nên mới gặp phải Hầu Cảnh vây khốn ở Đài thành. Lý của nghiệp đã rõ ràng như vậy, có gì phải nghi.

2. Đào Hoằng Cảnh viết Thái Thanh Kinh:

Thái Thanh kinh của Đạo gia và Chúng Tiếu Nghi gồm mười quyển do Đào Hoàng Cảnh vọng tạo vào đời Lương.

3. Vua ban chiếu cho Bảo Chí Tùy Tiện Giáo Hóa:

Vũ Đế hạ chiếu rằng: “Đại sĩ Bảo Chí, dấu tích còn bó buộc cõi

trần, nhưng thần thức đã dạo chơi cõi Tịnh. Nước lửa chẳng thể nhận chìm đốt thiêu; rắn, cọp chẳng hề làm ngài hoảng sợ. Mỗi khi luận bàn Phật lý đều diễn thuyết từ Thanh Văn trở lên, hễ nói đến kẻ ẩn tu thì bàn từ độn tiên lên nữa, như vậy lẽ đâu đem cái thấy biết phàm tình, dùng cái lề lối thế tục mà nghi kỵ ông ấy ư? Trẫm nay hạ chiếu cho phép ngài tự do giáo hóa từ trong nước đến ngoài nước."

Một hôm, vua hỏi ngài:

- Đệ tử chưa trừ phiền não hoặc nghiệp, nay làm sao để trừ được?

Ngài đáp:

- Mười hai.

Vua hỏi:

- Ý chỉ thế nào?

- Ngay lúc viết chữ cần phải tiết chế lậu hoặc trong lòng.

Vua nghe lại càng không hiểu.

Hôm khác vua lại hỏi:

- Vận nước có khó bảo tồn không?

Ngài bèn chỉ lên cổ nhà vua.

Vua hỏi:

- Trẫm giữ ngôi được bao lâu?

- Nguyên gia, Nguyên gia!

Vua nghe vậy rất vui mừng vì nghĩ rằng mình trị vì lâu gấp đôi Tống Văn Đế.

Trong những năm đầu lúc mới thay đổi đế chế, vua dùng chánh sự rất hà khắc. Bảo Chí thường dùng thần lực khiến vua thấy các bậc tiên quân chịu cực hình nơi địa ngục, từ đó vua giảm bớt việc hành hình.

Có lần vua hạ chiếu cho thợ vẽ Trương Tăng Diêu họa tượng của ngài. Tăng Diêu hạ bút nhưng không cách nào vẽ được. Sau đó ngài dùng tay vuốt mặt một cái, trên mặt ngài bỗng xuất hiện mười hai Bồ-tát Quán Thế Âm. Mỗi khuôn mặt đều cực kỳ trang nghiêm, Từ bi có, uy nghiêm có. Rốt cuộc Tăng Diêu không vẽ được.

Ngày nọ, ngài cùng Vũ Đế đến bến sông ngắm cảnh. Bỗng có một vật lạ bập bềnh trên mặt nước, ngài dùng gậy kéo vào. Vật ấy bám theo gậy trôi vào. Vớt lên thì đó là khúc gỗ Chiên-đàn màu đỏ tía. Vua bèn giao cho quan lại, xuống chiếu mời thợ tạc tượng ngài bằng khúc gỗ đó. Chỉ trong chốc lát tượng tạc xong ngay, thần thái như người sống. Vũ Đế hết sức vui mừng, an trí pho tượng ấy trong sân rồng.

Đương thời, Pháp sư Pháp Vân và Vân Quang là những người rất

được trọng vọng. Mỗi lần giảng pháp đều có hoa trời rơi xuống. Vua nghi hai vị ấy đã chứng Thánh. Đêm ấy, tại điện, vua đốt sớ thỉnh ngài cùng hai vị ấy đến thọ trai. Sáng hôm sau chỉ thấy một mình ngài đến, còn Pháp Vân, Vân quang chẳng hay biết gì cả. Từ đó vua càng rất kính trọng sự thần dị của ngài.

Có lần ngài cùng Vũ Đế lên chùa Định Lâm ở Chung sơn. Ngài chỉ một cái gò Long Cương ở trước mặt rồi nói: Đây là cái gò mả có vượng khí, sau này con cháu nối dõi không dứt.

Vua hỏi:

- Tôi với ngài ai được phước đó?

Ngài đáp:

- Ai chết trước thì được.

Đến năm thứ mười ba, ngài thị tịch. Vua nhớ lại lời ngài hồi ấy, bèn dùng hai trăm bốn mươi ngàn cân vàng đổi lấy cái gò ấy an táng ngài, đồng thời xây ngôi tháp cao năm tầng, trên tháp an trí viên bảo châu vô giá. Vua xuống chiếu sai Vương Quân khắc bia ghi lại hành trạng của ngài.

Ngày an táng, vua xa giá đến trước linh vị của ngài. Ngài bỗng hiện thân trên mây, dân chúng than khóc chấn động cả núi. Từ đó muôn dân đều tế tự ngài. Đây là một trong những điềm lành kỳ dị mà ngài hiển linh. Những bài kệ sấm ký của ngài đều được ghi đầy đủ trong Nam sử. Ngài trước thuật Đại Thừa Tán gồm mười thiên, Khoa tụng gồm mười bốn thiên và Thập Nhị Thời Ca để lại cho hậu học. Nội dung đều xiển dương đạo lý nhiệm mầu, ý chỉ khế hợp với Tông môn. Những tác phẩm ấy đến nay vẫn còn lưu hành ở đời.

4. Phu Nhân Hy Thị Cầu Sám:

Lúc sinh ra bà, ánh sáng màu đỏ chiếu sáng cả nhà. Mọi vật dụng trong nhà đều phát sáng. Lớn lên, bà rất thông minh, giỏi chữ Lệ, đọc khắp thư sử. Các nghề nữ công khác bà đều rất rành. Quốc vương Tống, Tề đến cầu hôn nhưng cha bà không gả. Sau đó ông gả bà cho Vũ Đế, sinh được ba người con gái. Khi Vũ Đế làm thứ sử Ung châu thì bà qua đời.

Từ khi được làm phi, tánh tình bà hay đố kỵ, ghen ghét. Nên sau khi chết bà chịu quả báo làm thân mãng xà thường ở nơi hậu cung, báo mộng với Vũ Đế. Vũ Đế rất lo sợ. Con mãng xà thường quậy đục nước ao trong cung, có khi hiện thành rồng ánh sáng chói lòa. Mãng xà có lần nằm phơi mình trên giếng, có khi tha cả áo quần lên xà nhà trên điện.

Vũ Đế phải dùng bình vàng đựng trăm thứ nước thơm để cúng. Từ đó đến cuối đời, Vũ Đế không hề bàn đến việc lập hoàng hậu nữa.

5. Bài văn phát nguyện bỏ tà quy chánh của vua:

Ngày tám tháng tư niên hiệu Thiên Giám thứ ba, vua nhóm họp cả Tăng tục gồm cả thảy hơn hai mươi ngàn người tại điện Trùng Vân. Vua tự chế ra bài văn phát nguyện, xin oai lực của Phật giúp ông vĩnh viễn bỏ Đạo giáo.

Trong ấy đại khái nói: "Kinh chép: Phát tâm Bồ-đề tức là tâm Phật. Tất cả những việc làm bất thiện của con thật không kể hết. Đệ tử do hiểu lầm chân kinh làm kẻ phản nghịch, mê đắm trong đạo Lão, từng bỏ đạo mầu, chìm trong tà pháp. Nay con rủ bỏ tâm tà quay về chánh giáo. Trong đời vị lai, con xin được làm kẻ đồng chân xuất gia, hoằng truyền Thánh giáo, hóa độ hàm linh, chứng quả Bồ-đề, thường ở trong chánh pháp, không trầm luân trong ác đạo. Chẳng ưa nương theo Lão Tử tạm được thần tiên. Con xin phát tâm Đại thừa, vĩnh viễn rời xa tà kiến. Ngưỡng mong chư Phật chứng minh, Bồ-tát nhiếp thọ. Con xin đê đầu kính lạy".

Ngày mười một, vua ban sắc lệnh cho quần thần: "Kinh nói: Trong chín mươi sáu thứ đạo, chỉ có đạo Phật là chánh đạo, còn lại đều là tà đạo. Trẫm nay bỏ Đạo giáo, thờ đạo chánh chân của chư Phật. Công khanh đại thần người nào muốn làm theo lời phát nguyện này thì phải phát tâm Bồ-đề. Những người như Lão Quân, Chu Công, Khổng Tử... đều là đệ tử của Như Lai nhưng giáo hóa theo lý tà hoặc chỉ là những điều thiện trong phạm vi thế gian, nên không thể chuyển phàm thành thánh được. (Phần này ghi đủ trong Hoằng Minh tập).

6. Hà Điểm, Hà Dận không làm quan:

Năm này, vua hạ chiếu mời Hà Điểm vào triều. Điểm mặc áo vải vào triều kiến. Vua ban rượu cho ông, phong ông làm quan thế chức Thị trung. Hà Điểm bước khỏi chiếu rượu thưa:

- Bệ hạ có muốn thần như Lão Tử không?

Rồi ông kiên quyết chối từ không chịu làm quan.

Vua lại hạ chiếu mời Hà Dận vào triều. Dận nói với sứ giả:

- Ta nay đã năm mươi bảy tuổi rồi, một tháng ăn không hết bốn đấu gạo, lẽ đâu lại có ý muốn làm quan ư?

Vua biết không thể thay đổi chí khí của ông, bèn hạ chỉ cấp cho ông áo trắng cùng bổng lộc ngang hàng với chức Thượng thư. Dận chối

từ không nhận. Về già ông vào Tây tự trong Hổ Khâu giảng kinh Duy-ma. Lúc sắp mất, ông nằm mộng thấy có hơn sáu mươi tiên nữ xếp hàng phía trước. Đến lúc tỉnh dậy vẫn thấy họ còn đứng. Ông liền tắm gội sạch sẽ, thay quần áo, lát sau thì ông mất. Họ Hà kể từ Tấn Tư Đồ Hà Sung, Tống Tư Đồ Hà Thượng Chi đều là nhữngngười xiển dương nghĩa lớn, nêu tỏ Phật pháp, nhiều đời kế thừa tông phong. Đến cháu của Hà Dận là quan Thị trung Hà Kính Dung thì hết.

7. Vua chú giải Đại Phẩm, mời Pháp sư Pháp Vân giảng:

Năm thứ năm, vua chú giải Đại Phẩm Bát-nhã, rồi mời Pháp sư Pháp Vân giảng. Pháp Vân cáo bệnh không đến. vua sai sứ đến cố mời cho được. Sứ giả nói:

- Mong ngài xiển dương chánh giáo, chẳng phải người tài cao đức trọng thì không kham nổi việc này.

Nghe vậy, Pháp Vân đành phải đi. Đương thời ngài là người rất được trọng vọng. Thái tử Chiêu Minh rất tôn kính ngài. Ngài là người đứng đầu trong những người ưu việt của Nho gia và Thích thị.

Mậu Tý: Ngụy đổi niên hiệu là Vĩnh Bình.

8. Ngụy chủ ưa chuộng Phật giáo: (Kỷ Sửu)

Năm thứ tám, tại điện Thức Càn, Ngụy chủ đích thân giảng kinh Duy-ma-cật cho chư Tăng và triều thần nghe. Khi đó, Ngụy Chủ chuyên ưa chuộng Phật giáo, nhưng không hề để tâm đến chuyện đọc thư sử, điển tịch. Trung thư thị lang Bùi Diên Tuấn dâng sớ tâu:

- Thần nghe Hán Quang Vũ, Ngụy Vũ Đế dù trong buổi đao binh loạn lạc nhưng chưa từng bỏ sách. Tiên đế đem binh về kinh đô xong thì tay chẳng rời sách. Vì vậy mà sở học của các ngài ngày một nâng cao, chẳng bao giờ dừng lại. Bệ hạ lên tòa giảng kinh thuyết pháp, những người thấy nghe đều được khai mở lậu tệ. Nhưng Ngũ kinh là nền tảng của việc trị thế, cần phải đặt nó hàng đầu. Cúi xin bệ hạ xem cả kinh điển, thư tịch Khổng, Thích cùng tồn tại thì trong ngoài đều chu viên, chân tục đều diễn xướng.

Thời bấy giờ, trừ Sa-môn ở Lạc Dương ra có đến hơn ba ngàn vị Tăng khác từ Tây Vực đến Trung Quốc. Ngụy Chủ bèn lập riêng chùa Vĩnh Minh để họ ở. Xa gần đều hưởng ứng, không ai không thờ Phật. Đến niên hiệu Diên Xương, trong tất cả châu quận có hơn mười ba ngàn ngôi chùa, Tăng chúng đông đến hai trăm vạn.

9. Vua hạ chiếu mời Tăng Mân giảng kinh Thắng Man:

Năm thứ mười, vua hạ chiếu thỉnh Pháp sư Tăng Mân vào điện Tuệ Luân giảng kinh Thắng Man. Vua cùng công khanh đều đến nghe pháp.

Vua lại hạ chiếu lập tám tòa pháp luân tại chùa Trang Nghiêm, rồi lựa chọn những Pháp sư lỗi lạc đến đây lần lượt thuyết giảng. Trong đó ngài Tăng Mân là người thuộc vào bậc nhất. Ngày ngài giảng, người nghe chật cả kinh đô, giảng đường dung chứa không hết.

Danh sĩ Lưu Diệp có lần hỏi ngài:

- Kiến thức Phật học của Pháp sư có thừa, thế tại sao mỗi lần xiển dương diệu nghĩa, ngài thường dùng những diệu lý của Nho gia?

Tăng Mân đáp:

- Xưa ngài Đạo Sinh dùng diệu chỉ đốn ngộ để đả thông kinh. Dương Thứ Công dùng Tỳ Đàm để xiển dương Luận. Còn như bần đạo không phải trước tiên dùng Nho gia để hạn cuộc Thánh giáo mà chỉ y cứ thú hướng văn nghĩa mà thôi.

Sa-môn Đạo Siêu là người dốc chí tu học trong nhiều năm. Ông rất mến mộ tài thuyết giảng của ngài, thề rằng sẽ giảng như ngài. Đêm ấy, Đạo Siêu mộng thấy thần bảo rằng:

- Tăng Mân là người đã từng tuyên dương Thánh giáo trong thời Phật Tỳ-bà-thi. Ông là người mới phát tâm, làm sao ngang hàng với ông ấy được! Trước tiên ông phải cầu cho được thành danh, chứ đừng muốn ngang hàng với ông ấy làm gì!

Tính tình Tăng Mân khiêm cung, không cậy tài, không kiêu căng. Ông là người mà công khanh đạo tục đương thời vô cùng ngưỡng vọng.

Nhâm Thìn: Ngụy đổi niên hiệu là Diên Xương.

10. Vua viết bài tựa trong Niết-bàn Sớ:

Năm thứ mười một, vua có chiếu chỉ xin Pháp sư Bảo Lượng giao Niết-bàn Nghĩa Sớ cho mình, vua tự tay viết lời tựa. Đại khái nói: “Lìa văn tự để thi thiết giáo, tránh tâm tướng mà thông suốt đạo, muốn làm cho đá Mân ngọc quý khác giá, sông Kinh, sông vị chia dòng nên điều chế Lục sư mà khuôn chánh Từ đảo, dẫn dắt tám tà quy về một mối. Được như vậy thì mưa pháp chảy tràn, giống héo trở nên ươm xanh. Mặt trời trí tuệ lên cao thì đêm đen tan biến; khai phát mật ngữ của Ca-diếp, mở bày chân ngôn của lẽ thật. Dù ba cách thi thiết nêu bày ở trước, năm điều căn bản nêu bày ở sau, nhưng ba mươi bốn vấn nạn vẫn thấp cao,

hơn kém. Giải đáp biện luận phải tùy duyên mà khuyến phát. Tóm lại, luận kinh không ngoài hai đường. Phật tánh mở ra cội nguồn sẵn có, Niết-bàn khai mở ý chỉ đồng quy, chẳng phải nhân quả, chẳng hề dựng lập, tạo tác. Nghĩa thì nêu cao muôn thiện, sự thì dứt tuyệt trăm lỗi. Nó vốn rỗng rang chẳng thể đo được biên tế. Nó vốn diệu huyền chẳng thể suy tìm được diệu môn. Nếu chẳng phải trí đức bình đẳng, tâm khế với vô sinh, thì tường vàng nhà ngọc lẽ đâu dễ dàng vào được!

11. Tế Tự Tông Miếu không được sát sinh: (Quý Tỵ).

Năm này vua hạ chiếu rằng: "Chúng ta là người vâng giữ giới Phật, nên việc tế tự tông miếu chỉ dùng rau quả, không dùng rượu thịt nhằm diệt bớt tánh tham, đoạn tuyệt ham muốn. Những loài trên không, dưới nước đều không được săn bắt. Vua lại ra sắc lệnh cho thái y không được dùng thịt làm thuốc. Công khanh đại thần mặc gấm lụa đều bị cất hết. Vua còn trứ thuật bài văn Đoạn Tửu Nhục và bài phú Tịnh Nghiệp để cảnh tỉnh cho đời."

Giáp Ngọ: Thiên Giám thứ mười ba, Hòa thượng Chí Công thị tịch.

12. Trung Thực Luận của Thẩm Hưu Văn:

Thẩm Ước tự là Hưu Văn, người ở Vụ Châu, Đông Dương. Mắt trái có hai đồng tử, lưng có nốt ruồi màu đỏ. Thuở nhỏ vốn là thư sinh, thanh danh chấn động một thời, tánh khí rất phong lưu. Dáng người ông thanh mảnh, ốm, người đương thời gọi ông là Thẩm Lang Sấu (chàng Thẩm ốm). Ông rất được Vũ Đế trọng vọng. Sự nghiệp làm quan của ông có ghi đủ trong Nam sử.

Có lần ông đề bạt việc tuyển chọn lại thanh luật để cải cách cổ thi, đời sau thường theo cách phân chia thanh luật này và gọi đó là Tứ thanh.

Thẩm Ước rất tinh thông Phật lý. Ông trước tác Trung Thực Luận, chỉ thú rất cao xa. Trong ấy đại loại viết:

"Con người sở dĩ không chứng được đạo là do tâm thần mê muội. Tâm thần sở dĩ mê muội là do ngoại vật não loạn. Não loạn càng nhiều thì hình thành nên ba việc:

1. Thế lực, lợi danh.
2. Gian trá, kiêu căng.
3. Thân thể béo phì.

Danh lợi làm chủ thân tâm thì không bao giờ sửa được lỗi lầm của

mình. Gian trá kiêu căng đã sâu dày, thân thể béo phì thì khó mà dứt được. Muôn sự rối bời đều khởi nguyên từ ba thứ ấy.

Bậc Thánh thấy rõ nên dứt bỏ ba việc ấy, một lòng cầu đạo. Đó là phương pháp đơn giản và dễ thực hành. Nói rõ ra thì chúng ta cần phải cấm tuyệt ba việc mê lầm ấy. Nhưng trái lại con người thường bị ba thứ này mê hoặc, lúc nào cũng nhớ nghĩ đến nó. Dù có chiếu chỉ cấm cản nhưng sự thật cũng khó làm cho rốt ráo.

Ví như con thuyền vượt sông, lẽ đâu không muốn nhắm thẳng qua bờ bên kia. Nước sông cuồn cuộn, nếu không vượt thẳng thì phải men theo dòng nước, không bao lâu cũng qua được, không phải không mong cho mau, nhưng tiến trình cũng rất khó. Muốn cấm ba việc đó tất phải có nguyên do. Vì sao? Vì việc ăn uống đối với con người không thể dừng ngay trong một lúc được. Tình thức chúng sinh bị hệ lụy trong đó quá sâu dày. Cho nên tốt nhất dồn bữa ăn tối cho bữa ăn trưa. Từ trưa đến tối, thân thể mới nhẹ nhàng thư thái, do đó không còn nhớ nghĩ đến ăn uống thì thân tâm mới được thong dong. Cứ làm nhiều ngày như vậy, câu thúc sự ham muốn trong giới cấm thì tâm ham muốn kiêu mạn không còn phát sinh. Danh lợi và những thứ khác cũng theo đó mà thay đổi. Nên nói: "Chư Phật trong quá khứ không ăn quá ngọ" là thế. Đó là nền tảng cơ bản để thay đổi những ràng buộc, là con đường thẳng tắt để đi đến đạo lớn".

Có nhiều người mê lầm cho rằng, nếu không ăn tức là lầm đường, nhưng đâu biết con đường mình đi sẽ dẫn mình về đâu?

Ông có lần trứ tác tác phẩm Thiết Hội. Nội dung nói rằng, lúc Như Lai còn trụ thế, chúng Tăng trong già lam không được chứa thức ăn. Sắp đến ngọ thì chia nhau đi hất thực để tạo phước cho chúng sinh. Những việc ấy, chúng Tăng ngày nay đều bỏ hoặc làm trái lại. Không những chẳng đi khất thực, thậm chí còn cất chứa thức ăn thơm ngon trong nhà trù. Hoặc có người được thỉnh đi thọ trai, gặp phải rau dưa thì bảo rằng quá dở ăn không được. Như vậy là thật tâm với đạo ư?

Luận ấy lại viết: "Người xuất gia vốn phải đi khất thực. Giới luật có nói rõ, không cho phép chứa thức ăn trong nhà trù, cũng như không được nuôi đầu bếp. Ngày nay những người tôn túc trong chùa quan bỏ mất việc khất thực. Hoặc cũng có người đi, nhưng mới ra tới cửa thì bị chê là Tăng ấu trĩ, bị Tăng chúng chê cười nên không khất thực nữa.

Những kẻ hậu học, một mực cầu lý thì ít, lại bảo rằng việc khất thực không thể làm được. Bậc tôn quý như Chuyển luân vương con của Tịnh Phạn vương mà còn khất thực để tạo phước cho chúng sinh, huống

gì chỉ chưa đến ngàn năm sau, những Sa-môn phàm tục lại tự mình ngỗ ngáo ăn đầy bụng, ngậm đầy miệng mà được sao?

Khất thực và được thỉnh thọ trai là hai việc giống nhau. Ngày nay, có những người không chịu đi khất thực, mà chẳng chịu phó trai khi được thỉnh. Như vậy thì rõ ràng đã nhầm lẫn trong việc khất thực, mà phương pháp khất thực cũng bị lu mờ. Phương pháp này mà lu mờ thì Tăng chúng không phải là dòng giống Phật. Giống Phật đã cách xa thì Tam bảo làm sao duy trì được.

Tác phẩm của Thẩm Ước có đến hơn trăm quyển, đều được lưu hành ở đời.

13. Ngụy Hồ Thái hậu dựng chùa: (Ất Mùi)

Năm này, Ngụy Hồ Thái hậu dựng hai ngôi chùa là Vĩnh Ninh và Thạch Quật. Cả hai ngôi đều làm rất công phu, đều nằm ở địa thế rất tốt, nhưng chùa Vĩnh Ninh thịnh hơn. Trong chùa có pho tượng Phật bằng vàng, cao một trượng tám thước. Lại có mười tượng khác rất giống người Trung Quốc, có ngôi tháp cao chín tầng. Phía dưới lại cho đào suối vàng, tháp suối cách nhau chín mươi trượng. Phía trên lại dựng ngôi chùa cao mười trượng. Hằng đêm, vào lúc thanh vắng tiếng linh tiếng chuông vang xa hơn mười dặm. Điện Phật trông giống như điện Thái Cực. Ba cửa đều là cửa chính, có hơn một ngàn Tăng phòng, được trang trí bằng ngọc, châu, gấm, lụa làm người xem phải khiếp vía. Không bao lâu, sấm chớp nổi lên thiêu đốt mất tháp xa gần đều thấy trong ngọn lửa bừng bừng, ngôi tháp bay bổng lên không rồi mất hút. Hơn một tháng sau, có người từ Đông châu đến nói rằng: "Ngày hôm đó ông thấy ngôi tháp bay bổng trên không ra hướng biển, mọi người đi biển hôm đó đều thấy cả".

Bính Thân: Ngụy Hiếu Minh đế, tên là Hủ, con thứ của Tuyên Vũ Đế. Ông lên ngôi năm sáu tuổi, Hồ Thái hậu lâm triều giải quyết chính sự. Ông đổi niên hiệu là Hy Bình, mất năm mười chín tuổi, an táng ở Định lăng, trị vì mười hai năm.

Mậu Tuất: Ngụy đổi niên hiệu là Thần Quy.

14. Tuệ Kiểu soạn Cao Tăng Truyện: (Kỷ Hợi)

Do Bảo Xướng tuyển chọn danh Tăng truyện có phần không chính xác. Nên Sa-môn Tuệ Kiểu ở Cối kê mới soạn Cao Tăng truyện gồm mười bốn quyển. Bắt đầu từ niên hiệu Vĩnh Bình thứ mười đời Hán đến năm này, cả thảy bốn trăm năm mươi ba năm, gồm hai trăm năm mươi

bảy cao Tăng. Trong đó được xếp theo mười loại. Trong bài tựa, tác giả viết: "Ngày xưa tuyển chọn, gom tập hầu hết gọi họ là danh Tăng. Thế nhưng danh là khách của thật. Nếu thật hạnh của họ ngầm sáng tỏ bên trong thì họ là cao Tăng mà không phải là danh Tăng. Nếu người thiếu đức nhưng gặp thời thì được gọi là danh Tăng chứ không phải là cao Tăng. Lẽ đâu chúng ta ghi chép những người này. Những người có tài đức cao nhưng không có thanh danh tiếng tăm thì được ghi đầy đủ ở đây". Ai nấy đều cho rằng lập luận của ngài rất chính xác.

15. Hai vị Tăng thần dị: Tăng Lãng, Đạo Anh.

Thích Tăng Lãng thường tụng Pháp Hoa, phong thái rất thanh cao, ăn uống rất bất hường. Mỗi lần ngài đi đều có một con chó và một con khỉ đi theo. Hằng ngày khất thực được thức ăn ngon, ngài đều để trong cái bát gỗ. Khi ăn xong, ngài đem thức ăn thừa cho chó và khỉ ăn. Ngài có tài thụt đầu thụt cổ như rùa. Có lần ngài rút tay chân, thụt đầu cổ vào trong cơ thể, chẳng còn thấy tay chân, đầu cổ ngài đâu cả. Có lúc ngài lên thuyền, ngài ngồi giữa, chó khỉ phủ phục hai bên, chẳng cần chèo chống mà con thuyền ngược dòng lao đi vun vút.

Pháp sư Đạo Anh, ban đầu ẩn tu thiền định tại Thái Hành sơn, tàn cây đan kết thành tán rộng che phủ ngài. Về sau, ngài bỏ đi nơi khác, đến đầm Long Đài, ngài xem cá bơi lội trong nước thấy thích vô cùng, bèn cởi áo lội xuống đáy sông và ngồi thiền dưới ấy đến bảy ngày mới lên. Có lần vào mùa đông lạnh giá, ngài nhìn những tảng băng trong suốt thấy thích thú vô cùng, bèn nằm trên ấy suốt đêm mới ngồi dậy. Về già, ngài ở trong chùa Phổ Tế tại Bảo Châu. Một hôm giảng Khởi Tín Luận, đến đoạn Chân Như Môn bỗng nhiên ngài tắt thở. Ai nấy đều cho rằng ngài đã chết. Trong đó có người biết liền bảo mọi người rằng: "Đó nhập diệt tận định đấy". Quả nhiên ba ngày sau ngài tỉnh lại.

Canh Tý: Đổi niên hiệu là Phổ Thông, Ngụy đổi niên hiệu là Chánh Quang.

16. Vua thọ Tam quy Ngũ giới:

Niên hiệu Phổ Thông năm đầu, Minh Đế cho dựng Viên đàn trong cấm thành để thọ Tam quy Ngũ giới. Vua tuyển chọn Sa-môn có đức hạnh cao tột để tôn làm thầy. Bá quan trong triều đều cho rằng Pháp sư Tuệ Ước là người có tài đức nhất. Vua liền hạ chiếu thỉnh, Tuệ Ước dùng lễ khiêm nhường chối từ không nhận.

Tháng tư năm Đinh Tỵ, vua thân hành đến hỏi đạo, dâng lễ mời

ngài truyền thọ giới Cụ túc. Đang trong lúc Yết-ma, bỗng có cam lồ chảy xuống trước sân, lại có chim xích ô và hai con khổng tước bay đến phủ phục trước thềm. Vua hết sức vui mừng, liền ban cho ngài hiệu là Trí Giả. Từ đó, mỗi khi ngài vào triều, vua thường chuẩn bị giường chõng đặc biệt để ngài nằm, còn vua chỉ đứng một bên. Thái tử, chư vương, công khanh, đạo tục có đến bốn mươi tám ngàn người theo ngài thọ giới. Những Sa-môn dù ở tuổi cao cũng theo ngài thọ giới. Chỉ có Pháp Vân Công là không thọ. Ông nói: “Ta đã đắc giới rồi, lẽ đâu vì người khác mà ta mới phụng trì Phật pháp sao?”Bấy giờ ai nấy đều rất đề cao ngài.

17. Thiền sư Đạt chứng đắc Thủy quán Tam-muội:

Thời bấy giờ có Thiền sư Đạt chứng đắc Thủy quán Tam-muội. Mỗi lần nhập định này, có người nhìn thấy nước trong xanh đóng băng đầy cả thất. Sa-môn Đạo Thiên thường giao du với ngài. Thiên chứng đắc Hỏa Quang Tam-muội. Tịnh thất mà ngài ở đêm nào cũng sáng rực.

18. Pháp sư Tạng can gián vua dùng Luật của Tăng:

Minh Đế để tâm nghiên cứu đến pháp môn, thời bấy giờ Tăng chúng phần nhiều hay phóng túng, Tăng chủ quán xuyến không nổi. Vua rất lo ngại, muốn tự mình dùng Luật của Tăng để sửa đổi họ. Vua hạ chiếu báo khắp các bậc đại đức trong kinh thành, chẳng ai dám bàn luận gì cả. Chỉ có Pháp sư Tạng cho rằng, Phật pháp thâm sâu, đâu phải một người có thể gồm thâu hết được, nên không phụng chiếu. Vua mắng ngài, rồi triệu ngài vào điện Quang hoa để hỏi tội. Ngài vạch thẳng chiếu chỉ, biện luận đều có chứng cứ. Cuối cùng vua không khuất phục ngài được, bèn nghe theo ngài. Tạng quay lui nói với Tăng chúng:

- Trên phải lấy Phật pháp làm trách nhiệm của mình, phải thành thật mà quyết đoán phải trái. Những kẻ làm vua quan, có gia đình con cái, đâu đủ tư cách để xưng là Từ phụ. Nay trà trộn dân chúng trong năm phương làm thành bản thân một mình mình, rồi dùng xấu tốt để trói buộc họ. Giới luật sắp lụi tàn rồi! Các ông chẳng hề để tâm suy nghĩ việc ấy là tại sao?”.

Pháp Vân Công nghe vậy khen:

- Giáo lý thâm sâu chưa thể ngợi khen cho cùng tận, nhưng sự việc hôm nay cũng đáng làm tôi phải thấy hổ thẹn, kính phục.

19. Pháp sư Tạng leo lên ngự tòa:

Từ khi thọ giới Cụ túc, chỗ ngủ của vua cũng sơ sài như Sa-môn. Bất cứ nơi nào trong cung cấm cũng đều cho Tăng chúng đến xem, chỉ cấm không ai được leo lên ngự tòa mà thôi.

Một hôm, Tạng vào điện, leo thẳng lên ngự tòa. Tả hữu la hét ngăn lại. Tạng nói:

- Bần đạo là hậu duệ của Định Quang Kim Luân, lẽ đâu lại sợ cái ngự tòa này sao? Giả sử ta có bị giết chết cũng chẳng lo là không có nơi thác sinh.

Vua nghe vậy không bắt tội ngài. Thuở nhỏ, Tạng gặp thầy tướng, ông ấy nói: "Pháp sư thọ không quá ba mươi mốt tuổi." Tạng lo sợ nên ngày nào cũng tụng Kim cang Bát-nhã. Đến kỳ mãn thọ, ngài nằm mộng thấy ông thầy tướng ấy lại đến và nói: "Nhờ oai lực của Bát-nhã mà tuổi thọ của Pháp sư được tăng gấp đôi".

Có lần ngài mộng thấy Duy-ma-cật vào phòng của mình đàm đạo. Đến khi chia tay thường có những đám bụi trắng bay theo ngài Duy-ma-cật. Từ đó tài biện luận của ngài càng xuất chúng.

20. Ngụy luận về Phật giáo, Đạo giáo:

Niên hiệu Chánh Quang năm đầu, Hiếu Minh Đế hạ chiếu mời Sa-môn, đạo sĩ vào trong cung giảng đạo. Bấy giờ đạo sĩ Khương Bân cùng Sa-môn Đàm Mô Tối biện luận với vua. Vua hỏi:

- Phật và Lão Tử đồng thời phải không?

Khương Bân đáp:

- Theo Khai Thiên kinh ghi: "Lão Tử qua Tây hóa làm người Hồ, Phật cho ông ấy làm thị giả. Đó đủ thấy hai Thánh nhân ấy đồng thời.

Đàm Mô Tối hỏi:

- Lão Tử sinh vào năm nào trong đời Chu?

Bân đáp:

- Định Vương năm thứ ba thì sinh. Giản vương năm thứ tư làm quan nhà Chu. Kính vương năm thứ tư thì đã tám mươi lăm tuổi thác sinh qua phía Tây hóa thân là người Hồ.

Đàm Mô Tối nói:

- Đức Phật đản sinh vào thời Chu Chiêu vương năm thứ hai mươi bốn, diệt độ vào Mục vương năm thứ năm mươi hai. Từ lúc Thế Tôn diệt độ đến Định vương năm thứ ba gồm ba trăm bốn mươi lăm năm. Khi ấy Lão Tử mới sinh. Đến Kính vương năm đầu Lão tử qua Tây thì Thế Tôn diệt độ đã bốn trăm hai mươi lăm năm rồi. Theo đó thì Thế

Tôn và Lão tử cách nhau rất xa, nhưng nay lại nói hóa Hồ chẳng phải là sai lầm đó ư?

Bân hỏi:

- Phật sinh vào thời Chu Chiêu vương, sách nào ghi lại việc đó?

Tối đáp:

- Trong Chu Thư Dị Ký và Hán Pháp Bản Nội Truyện đều có ghi việc đó?

Bân hỏi:

- Khổng Tử đặt ra phép tắc đều có ghi chép lại, Phật không ghi chép là tại sao vậy?

Tối đáp:

- Khổng Tử có Tam Bị, Thập Kinh. Đó là Thiên, Địa, Nhân, Văn tự và lời lẽ của Phật vượt ngoài Tam Bị.

Bân hỏi:

- Khổng Tử là Thánh nhân, sao chỉ có Thập Kinh?

Tối đáp:

- Phật là vua của chúng sinh, thấu đạt đời trước đời sau của tất cả chúng sinh. Những việc kiết, hung, sau, trước đều chẳng nhờ vào bói toán. Ngoài ra những bậc Tiểu thánh khác dù cũng hiểu nhưng không được như vậy, do đó phải dựa vào bói toán mới thông được họa phước.

Bấy giờ, Thị trung Lưu Đằng tuyên chiếu của vua rằng: “Khương Bân biện luận không có căn cứ nên lui ra.”

Vua hỏi Bân:

- Khai Thiên Kinh từ đâu mà có, ai nói kinh này? Ông hãy mau đem đến đây?

Bân đem kinh đến. Vua ra lệnh quần thần đoán định thật giả. Bấy giờ thiếu úy Tiêu Tông, thái phó Lý Thật liền cùng công khanh, đại phu cả thảy hơn một trăm sáu mươi người cùng xem và quyết đoán, rồi tâu rằng:

- Lão Tử chỉ nói năm ngàn lời, còn lại không phải ông ấy nói. Nay những điều mà Khương Bân y cứ, lời lẽ thì quê mùa, tông chỉ thì lầm lẫn. Đã vậy còn đổ cho tiên sư, xem thường cả Thánh đức, đáng tội mê hoặc mọi người.

Vua chấp thuận, sắp dùng cực hình với Khương Bân. Khi ấy Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi tâu vua xin cho miễn tội. Bân bị lưu đày đến Mã ấp.

Đàm Mô Tối là người rất giỏi về giáo lý Đại thừa, Tiểu thừa, lại là người xiển dương Luật. Hồi ấy, ngài giảng Luật tại Hàm Đang, đạo

tràng thường có hơn sáu mươi dị Tăng xếp hàng nghe giới. Mỗi lần gặp ngài Lưu-chi thường tôn xưng ngài là Đông Phương Khai Sĩ.

21. Ngụy Thư Phật Lão Chí:

Trong Ngụy Thư Phật Lão chí nói: "Đạo gia khởi nguyên từ Lão tử. Ông ấy nói: Đầu tiên sinh ra trời đất để nuôi dưỡng muôn vật. Trên thì ở trong Ngọc Kinh làm chủ thần vương, dưới thì ở trong Tử vi làm chủ Phi tiên. Đạo có thiên biến vạn hóa, có đức không đức, tùy cơ ứng vật dấu tích khác thường, ông truyền đạo cho Huyên Viên ở Nga My, dạy Đế Khốc ở Mục Đức. Đại Vũ nghe thuật trường sinh, Doãn Hỷ nhận Đạo Đức kinh. Đến các kinh như: Đan Thư, Tử Tự, Thăng Huyền, Phi Bộ đều là những triết lý ngọc vàng, diệu linh, sáng chói, thật không sao chép hết. Giáo lý của Đạo giáo đều trừ bỏ điều tà, gội rửa tinh thần, lập hạnh tạo công, nuôi đức tăng thiện. Thậm chí như mặt trời lên cao, trường tồn trong nhân thế. Vì thế mà Tần Hoàng, Hán Vũ học theo chẳng ngừng, tận tâm tận lực một đời tìm cầu. Rốt cuộc chẳng đến được chỗ tột cùng nên phải hối hận về sau. Vì vậy mà có mối hiểm họa tru di của Loan Đại, Từ Thị. Nhưng cái đạo ấy mê hoặc người ta, kẻ theo học đâu chỉ một người. Linh Đế đặt lọng hoa ở Trạc long, dựng đàn tràng mà lễ lạy. Đến khi Trương Lăng truyền đạo ở Hạc Minh, nhân đó lưu hành cả một ngàn hai trăm Thiên Cung Chương bản. Đệ tử kế thừa, sự nghiệp rất thịnh. Những việc cúng tế quỳ lạy đều thành phong tục. Hồi ấy Tam Nguyên, Cửu Phủ, một trăm hai mươi cung, tất cả chư thần đều phải thần phục. Luận về về kiếp số có phần lấy cắp trong kinh Phật. Đến khi hết kiếp thì nói là trời đất đều tan hoại. Những sách ấy phần nhiều bị cấm xem đến, nếu không phải là môn đồ thì không được xem. Đến như những kỳ phương diệu thuật như Hóa Kim Tiêu, Ngọc Hành, Phù Sắc... có đến ngàn điều. Trước tiên nói là hóa thành loài có cánh bay lên trời, kế đến nói những việc tiêu tai giảm họa. Vì vậy những người ưa cái quái lạ thường phụng thờ kính ngưỡng."

Hồi ấy, Văn Đế vào làm khách tại đất Tấn, tùy tùng của ông đều cho đó là lên cửa khuyết của tiên y. Thái Vũ thích những lời của Lão Tử nên thường tụng đọc không biết mỏi mệt. Những loại kinh như Thiên Hưng, Trung Nghi, Tào Lang, Đổng Thụy, Thượng Phục, Thực Tiên có đến mấy ngàn thiên. Từ đó vua đặt ra chức tiên nhân, bác sĩ, lập tiên phường để nấu chế trăm thứ thuốc. Sắc phong cho vùng Tây sơn cung cấp củi nấu, rồi bắt những kẻ tử tội uống thử. Nhưng cuối cùng thuốc không hiệu nghiệm, ai uống cũng chết. Dần dần thái tử cũng chẳng còn

để ý đến, từ đó dừng hẳn việc luyện thuốc.

Nhâm Dần: Ngụy dùng lịch Chánh Quang.

Quý Mão: Đúc tiền bằng sắt. Dân chúng bắt chước đúc trộm rất nhiều, vật giá tăng vọt.

Ất Tỵ: Ngụy đổi niên hiệu là Hiếu Xương.

Đinh Mùi: Đổi niên hiệu là Đại Thông. Vua đến chùa Đồng Thái tập xuất gia.

22. Sơ tổ Bồ-đề Đạt-ma:

Ngài sinh trưởng tại vùng Nam Ấn, là con thứ ba của vua Hương Chí. Vua cha mất, ngài liền xuất gia và gặp được tổ thứ hai mươi bảy là Bát-nhã-đa-la truyền trao chánh pháp. Nhân đó ngài hỏi:

- Sau khi đắc pháp con hoằng hóa ở nước nào?

Tổ đáp:

- Sau khi ông đắc pháp, phải đợi ta diệt độ hơn sáu mươi năm, khi ấy ông hãy đến nước Chấn Đán mà hoằng hóa.

Ngài hỏi:

- Nơi ấy, có những bậc pháp khí kham lãnh kế thừa tông ta không? Sau ngàn năm nữa có bị nạn không?

Tổ đáp:

- Nơi mà ông hoằng hóa ấy, những người chứng đắc Bồ-đề không sao kể hết. Sau khi ta diệt độ, nơi ấy sẽ bị kiếp nạn. Đợi đến lúc nào ông thấy chữ viết theo dòng nước trôi đến thì kiếp nạn đã lắng xuống. Khi ấy ông lập tức đi về phương Nam chớ có ở lâu nơi đây. Nghe ta nói kệ:

Trên đường tránh nước lại gặp dê
Đơn thân độc mã lén vượt sông
Trọn ngày nuối tiếc đôi voi ngựa
Hai gốc quế non mãi sum suê.

Tổ lại đọc tiếp tám bài kệ khác, đều là những bài sấm ký dự đoán những việc sắp xảy ra.

Đến khi Tổ thị tịch, ngài hoằng hóa tại Nam Ấn. Gặp phải lúc cháu mình là Dị Kiến vương khinh chê Tam bảo, ngài đành dẫn đồ chúng đến xứ Ba-la-đề, hiển hóa thần lực khiến vua quy phục. Nghĩ đến nhân duyên đi đến nước Chấn Đán đã tới, ngài liền từ biệt đồ chúng. Bấy giờ, Dị Kiến vương xa giá đến gặp ngài. Ngài bảo vua:

- Ông hãy cố gắng tu phước, hộ trì Tam bảo, ta đi không bao lâu sẽ trở về ngay.

Vua khóc nói:

- Chú đã có duyên với nước kia, con không thể giữ chú ở lại được, chỉ mong chú đừng quên nơi chôn nhau cắt rốn này. Phật sự hoàn tất, chú nên về sớm.

Thế rồi vua chuẩn bị thuyền lớn cùng vật dụng cho ngài đi đường. Vua dẫn quần thần tiễn ngài ra cửa biển. Ngài cùng những người lái buôn đi thuyền đến Nam hải. Thứ sử Quảng Châu là Tiêu Ngang ra đón ngài rồi thỉnh ngài về phủ. Tiêu Ngang dâng biểu, vua có chiếu thỉnh ngài vào triều. Ngài đến, Vũ Đế hỏi:

- Từ khi lên ngôi đến nay, trẫm lập chùa, chép kinh, độ Tăng nhiều không kể xiết, có công đức gì không?

Ngài đáp:

- Hoàn toàn không có công đức.

Vua hỏi:

- Tại sao không có?

Ngài đáp:

- Đó là quả nhỏ của trời, người, là nhân hữu lậu, tuy có nhưng không thật có.

Vua hỏi:

- Thế nào là công đức chân thật?

Ngài đáp:

- Trí thanh tịnh nhiệm mầu sáng suốt, thể tự rỗng lặng. Công đức như thế không thể dùng công đức thế gian để cầu được.

Vua hỏi:

- Thế nào là Thánh đế Đệ nhất nghĩa?

Ngài đáp:

- Rỗng rang không Thánh.

- Người đối diện trẫm là ai?

- Không biết.

Vua không hiểu được ý chỉ sâu xa. Ngài lưu lại mấy ngày rồi vượt sông vào đất Ngụy. Ngài ở tại chùa Thiếu Lâm ở Tung sơn, suốt ngày ngồi quay mặt vào vách. Bấy giờ có Thần Quang nhân được thần nhân mách bảo liền đến yết kiến ngài. Ngài vẫn ngồi yên chẳng ngoái đầu nhìn lại. Gặp lúc tuyết rơi, tuyết ngập đến đầu gối, vậy mà Thần Quang vẫn đứng mãi trong tuyết. Ngài thấy vậy thương xót bèn hỏi:

- Ông đứng mãi trong tuyết như vậy muốn cầu việc gì?

Quang đáp:

- Ngưỡng mong ngài Từ bi mở cửa cam lồ cứu độ chúng sinh.

Ngài nói:

- Diệu đạo vô thượng của chư Phật dù trải qua nhiều kiếp vẫn khó gặp, lẽ đâu kẻ tiểu đức tiểu trí khinh tâm ngã mạn mà muốn được lý chân thừa ư? Đó là việc làm khổ công nhưng vô ích thôi.

Thần Quang nghe ngài dạy như vậy khôn xiết vui mừng, liền lấy dao chặt cánh tay mình dâng trước ngài tỏ lòng tha thiết cầu đạo. Ngài nói:

- Lúc bắt đầu cầu pháp, chư Phật thường trọng đạo quên thân, nay ông chặt cánh tay trước mặt ta, chứng tỏ tâm cầu đạo của ông cũng tạm được.

Nói xong ngài bèn đổi tên Thần Quang thành Tuệ Khả. Quang lại hỏi:

- Pháp ấn của chư Phật con có thể nghe được chăng?
- Pháp ấn của chư Phật không phải từ người khác mà được.
- Tâm con chưa an, xin thầy dạy pháp an tâm.
- Ông đem tâm ra đây ta an cho.
- Con tìm hoài nhưng chẳng thấy.
- Vậy là ta đã an tâm cho ông rồi đó.

Lát sau ngài bèn giảng sơ lược về bốn hạnh để vào được cửa ngõ Đại thừa cho Tuệ Khả nghe. Ngài luận:

- Vào đạo có nhiều lối, nhưng chủ yếu có hao lối quan trọng đó là Lý nhập và Hạnh nhập.

1. Lý nhập là gì? Đó là nhờ kinh giáo để ngộ được tâm tông, tin sâu chúng sinh đồng một chân tánh. Vì bị khách trần vọng tưởng ngăn che nên không thể hiển bày được. Nếu bỏ vọng về chân, ngưng trụ bích quán thì không còn đối đãi, chẳng thấy tự tha, phàm thánh bình đẳng. Cứ an trụ vững chắc không dời, không bị rơi vào giáo điều nào khác. Như vậy là thầm hợp với đạo, không còn phân biệt, lặng lẽ vô vi. Đó gọi là Lý nhập.

2. Thế nào là Hạnh nhập? Hạnh nhập gồm có bốn hạnh:

Báo oán hạnh: Phàm người tu hành, ngay lúc bị khổ, cần phải nghĩ rằng từ nhiều kiếp đến nay ta bỏ gốc theo ngọn, vọng sinh chấp trước, sinh nhiều yêu ghét, dị họa không thôi. Ngày nay tuy ta không phạm cấm giới, nhưng phải chịu quả báo vì những nghiệp ác tác tạo trong quá khứ đã thuần thục. Nghiệp ác ấy chẳng phải trời người có thể thấy được. Lúc gặp khổ phải cam tâm gánh chịu, chớ có oán hận. Khi khởi tâm quán chiếu như vậy thì tương ưng với lý, nhờ thấu hiểu được oán mà tiến tới đạo.

Tùy duyên hạnh: Chúng sinh vốn vô ngã, do tùy nghiệp duyên mà lưu chuyển, nhận khổ nhận vui đều là tùy duyên. Dù được quả báo thù thắng như vinh hoa, danh dự... cũng là do nhân duyên trong quá khứ hình thành mới được như vậy. Duyên hết thì vẫn hoàn không, có gì đáng vui đâu! Được mất tùy duyên, tâm không thêm bớt, gió vui không làm mình lay động thì ngầm hợp với đạo.

Vô sở cầu hạnh: Thế gian mê muội, tham cầu đủ điều, kẻ trí thấu được lẽ chân, an tâm vô vi. Mọi thứ đều là khổ không, không có thật thể để mong cầu, nương tựa. Ở trong ba cõi chẳng khác nhà lửa, có thân thì có khổ, có ai được yên đâu? Hiểu được chỗ này thì dứt niệm không mong cầu. Kinh nói: "Có mong cầu tất có khổ, không mong cầu mới an vui". Thế nên, không mong cầu mới đích thật là đạo hạnh.

Xứng pháp hạnh: Lý là bản tánh thanh tịnh, phải lấy đó làm pháp. Muôn tướng trạng của lý này vốn rỗng rang, chẳng hề nhiễm trước, dứt tuyệt đối đãi. Kinh nói: "Pháp không có ngã, vì nó lìa khỏi uế trược của ngã". Người trí tin hiểu lý này cần phải ứng pháp mà thực hành. Thể của pháp không có xan tham, nên đối với thân mạng tài sản cần phải xả thí hết. Tâm không có tham tiếc. Cần phải thể đạt ba thứ ấy vốn rỗng rang, không nương tựa chấp trước. Do không còn cấu nhiễm nên giáo hóa chúng sinh mà không chấp tướng. Đó là tự hành mà cũng là lợi người. Muốn trang nghiêm chánh đạo Bồ-đề cần phải bố thí như vậy. Năm hạnh còn lại cũng như thế, cốt là phải trừ được vọng tưởng, tu hành lục độ mà chẳng thấy mình tu hành.

Tháng mười, niên hiệu Đại Đồng năm đầu, ngài sắp thị tịch, lúc ấy có Đạo Phó, Ni Tổng Trì, Đạo Dục và Tuệ Khả đứng hầu. Ngài nói:

- Đã đến lúc ta đi rồi, mỗi người nên nói chỗ chứng đắc của mình đi.

Đạo Phó thưa:

- Theo chỗ thấy của con, chẳng chấp văn tự, chẳng lìa văn tự, đây là dụng của Đạo.

Ngài bảo:

- Ông được phần thịt của ta.

Ni Tổng Trì thưa:

- Theo chỗ thấy của con, như tổ A-nan thấy cõi Phật A-súc, chỉ một lần thấy chẳng bao giờ thấy lần nữa.

Ngài bảo:

- Ngươi được phần da của ta.

Thiền sư Đạo Dục bước ra thưa:

- Bốn đại vốn không, năm ấm chẳng có, chỗ thấy của con không một pháp nào có thể nắm bắt.

Ngài bảo:

- Ông được phần xương của ta.

Đến lượt Tuệ Khả, chỉ bước ra đảnh lễ ngài ba lạy rồi về chỗ đứng yên.

Ngài bảo:

- Ngươi được phần tủy của ta.

Rồi ngài gọi Tuệ Khả đến dặn dò:

- Đức Thế Tôn đem đại Pháp nhãn tạng phó chúc cho đại Ca-diếp, cứ thế lần lượt truyền đến ta. Nay ta đem nó truyền lại cho ông, ông phải khéo giữ gìn, đồng thời ta trao cho ông y ca-sa để làm pháp tín.

Tuệ Khả quỳ xuống nhận y, xin nghe lời ngài chỉ dạy.

Ngài nói:

- Trong thì truyền pháp ấn để khế hợp chân tâm, ngoài thì truyền pháp y để ấn định tông chỉ. Đời có nhiều người cạnh tranh, nghi ngờ, họ bảo rằng: "Ta là người Ấn, ông là người Hoa dựa vào đâu mà đắc pháp, lấy gì để minh chứng?" Nếu gặp nạn mới được đem y ra để làm vật chứng, thì sự giáo hóa mới không bị trở ngại. Ta diệt độ hơn hai trăm năm sau, y này phải dừng lại không truyền nữa vì lúc đó Phật pháp rất thịnh hành, những người ngầm khế hợp với chánh đạo đến cả ngàn vạn. Ông nên gắng xiển dương chớ khinh người chưa ngộ. Một niệm quay đầu thì sẽ nhận được những gì mình vốn có. Nghe ta nói kệ:

Ta cốt đến cõi này
Truyền pháp độ kẻ mê
Một hoa sinh năm cánh
Nụ trái tự nhiên thành.

Ngài lại bảo:

- Ta có bộ kinh Lăng-già gồm bốn quyển cũng trao ông luôn. Đây là cửa ngõ quan trọng bước vào đất tâm Như Lai. Từ khi ta lìa Nam Ấn sang đây, thấy Xích huyện Thần châu có khí tượng Đại thừa, bèn vượt biển, lội qua sa mạc để tìm người truyền pháp. Do chưa đến thời, nên ta cứ giả vờ như ngây như điếc. Nay gặp được ông, nguyện ta đã mãn.

Nói xong ngài dẫn đồ chúng đến chùa Thiên Thánh ở Vũ Môn. Thái thú thành này là Dương Huyễn Chi hỏi ngài:

- Thầy ở Thiên Trúc được kế thừa làm Tổ, vậy thế nào là Tổ?

Ngài đáp:

- Rõ được tâm tông của Phật, hạnh giải tương ưng đó gọi là Tổ.

- Đệ tử từ lâu phụng thờ Tam bảo nhưng trí tuệ vẫn còn mê muội, xin thầy Từ bi khai thị tông chỉ.

Ngài dùng kệ đáp:

Chớ nên thấy ác mà sinh ghét
Chớ nên thấy thiện mà sinh ưa
Chớ bỏ người trí mà gần kẻ ngu
Chớ có bỏ mê mà chạy theo ngộ
Đạt đạo lớn chừ quá lượng
Rõ Phật tâm chừ siêu xuất
Chẳng cùng phàm thánh ràng buộc
Vượt hẳn lên trên gọi đó là Tổ.

Huyễn Chi nghe bài kệ xong liền đảnh lễ thưa:

- Xin thầy Từ bi nhẫn nại trụ lâu ở đời.

Ngài nói:

- Ta hóa duyên đã xong, đã tìm được người truyền pháp, ta đi đây!

Ngày hôm đó, ngài ngồi kiết già an nhiên thị tịch. Môn đồ tứ chúng an táng ngài tại chùa Định Lâm trên núi Hùng Nhĩ.

Năm sau, sứ giả nước Ngụy là tống Vân đi Tây Vực về, Vân gặp ngài ở núi Thông Lãnh, tay quảy chiếc dép một mình đi nhanh như bay. Vân hỏi:

- Nay thầy đi đâu?

Ngài đáp:

- Về Tây thiên.

Tống Vân về đến triều thuật lại đầu đuôi câu chuyện. Môn đồ nghe vậy liền mở tháp xem, thì thấy quan tài trống rỗng, chỉ còn lại một chiếc dép.

Lương Vũ Đế nghe ngài hiển hóa như vậy bèn đích thân soạn văn bia và khắc ở Chung sơn.

Luận rằng: "Xưa Minh Giáo Tung Hòa thượng (Đông Sơn Hiểu Thông) soạn truyền pháp chánh tông ký, trong đó nói: Đạt-ma trụ thế đến vài trăm năm, xét về Thánh quả thì ngài đã chứng đến Ý sinh thân, không còn bị Phần đoạn sinh tử trói buộc. Đến khi qua Trung Quốc hoằng hóa và thị tịch, an táng luôn bên này. Sau đó toàn thân ngài lại về Tây thiên. Như vậy thì thời gian trụ thế của ngài không thể đoán định theo trí của phàm tục được".

Truyền Đăng Lục nói: "Ngày hai mươi mốt tháng chín, ngài đến

Quảng Châu, thứ sử dâng biểu tâu với vua. Vua sai sứ đem chiếu chỉ đến nghênh đón ngài. Ngày một tháng mười, ngài đến Kim Lăng. Thế nhưng từ Quảng Châu đến Kim Lăng xa đến hơn ba ngàn dặm, sứ đem chiếu đến rồi trở về thì ngài mới khởi hành, lẽ đâu chỉ trong mười ngày mà ngài đi được ba ngàn dặm chăng.

Lại nữa, nói Ngụy Hiếu Minh Đế khâm phục đạo hạnh và tài năng của ngài. Ba lần hạ chiếu nghinh thỉnh nhưng ngài không rời khỏi Thiếu Lâm. Đến khi ngài thị tịch, Tống Vân đi sứ Tây Vực về gặp ngài ở Thông Lãnh. Hiếu Trang Đế có chiếu chỉ mở tháp".

Theo Nam sử thì Phổ Thông năm thứ tám tức Đại Thông năm đầu. Hiếu Minh đế đã mất vào tháng tư năm này. Tháng mười thì ngài đến đất Lương. Như vậy khi ngài chưa đến Ngụy thì Hiếu Minh Đế đã mất rồi. Con của Hiếu Minh Đế lên ngôi không bao lâu thì bị Nhĩ Chu Vinh giết, bèn lập Hiếu Trang Đế. Bấy giờ nước Ngụy đại loạn. Ba năm sau, Hiếu Trang Đế mất, đến năm thứ năm thì bắt đầu phân chia thành Tây Ngụy và Đông Ngụy. Như vậy lúc ngài ở tại chùa Thiếu Lâm chính là lúc đại loạn. Đến khi Tống Vân đi sứ về thì Hiếu Trang Đế đã mất khoảng năm, sáu năm gì đó, và nước Ngụy đã phân chia lâu rồi. Vậy thì lẽ đâu lại có chuyện Hiếu Trang Đế hạ chiếu chỉ mở tháp ư.

Phấn Đường sử nói: "Cuối đời Ngụy có vị Tăng là Đạt-ma đi thuyền đến Trung Quốc, sau đó thì thị tịch. Vào năm ấy, sứ Ngụy là Tống Vân lại gặp ngài ở Thông Lãnh. Môn đồ bèn mở tháp ngài xem, thì chỉ thấy còn một chiếc dép mà thôi". Đây là những chứng cứ đáng tin.

Nói Quang Thống Luật sư và Bồ-đề-lưu-chi nhiều lần hạ độc hãm hại ngài, do đó ngài chết. Than ôi! Làm gì có chuyện tày trời ấy! Quang Thống và Lưu-chi là bậc long tượng trong tông môn, lẽ đâu lại làm việc ấy ư? Đây là những lập luận sai lầm.

Thế nhưng, những việc mà từ xưa đến nay đạo ta noi theo vốn rõ như trong lòng bàn tay, như mặt trời, mặt trăng vận hành. Bởi vậy, Nhị tổ chỉ lạy ba lạy rồi đứng yên không nói một tiếng. Ngay trong tích tắc ấy, trần kiếp đã nằm trong một hơi thở, sát hải đã trụ trong đầu sợi lông. Ngay đó liền thừa đương trọn đời gánh vác. Thế nên mới nói: "Leo lên được đỉnh cao chót vót của đạo mầu không phải là việc của thế tục, vào được cửa ngõ này thì không còn tồn tại kiến giải" là thế. Lẽ đâu lại có chuyện động, tĩnh, đến, đi, nơi này, nơi kia, lúc này, lúc nọ để luận bàn ư?

Mậu Thân: Ngụy Trang Đế: Tên là Tử Du, cháu của Hiến Văn

Đế, con thứ ba của Bành Thành vương. Tháng hai năm này, Hiếu Minh Đế bị Hồ Thái hậu chuốc thuốc độc chết. Bấy giờ Nhĩ Chu Vinh lập ông làm vua. Năm thứ hai, đổi niên hiệu là Kiến Nghĩa, Vĩnh An. Sau lại muốn soán nghịch để cầu cửu tích. Tháng chín ông vào triều, Đế biết bèn sai tay chân của Vinh giết chết. Em ông là Nhĩ Chu Triệu cử binh vây đất Lạc, lập Đông Hải Vương Hoa làm vua, đổi niên hiệu là Kiến Minh. Tháng mười hai thì giết Tử Du, ngôi vua bỏ không đến ba tháng. Triệu lại thấy Hoa bỏ bê triều chánh nên giết chết ông ta rồi lập cháu của Hiếu Văn Đế là Quảng Lăng Vương Cung làm vua, đó là Tiết Mẫn Đế.

Kỷ Dậu: Đổi niên hiệu là Trung Đại Thông. Tháng chín vua đến chùa Đồng thái xuất gia. Quần thần phải dùng một ức vạn tiền cúng chùa rồi chuộc vua về cung.

Canh Tuất, Tân Hợi: Tháng mười vua đến chùa Đồng thái, lên tòa giảng kinh Niết-bàn, tháng mười một giảng kinh Bát-nhã.

23. Thái Tử Chiêu Minh:

Tháng tư năm này, thái tử Chiêu Minh mất. Thái tử húy là Thống, tự Duy-ma, sinh tại Bá phủ vào niên hiệu Thiên Giám năm đầu. Ba ngày sau thì khỏe mạnh như người lớn. Ai nấy đều cho ông là người hưởng được mệnh trời. Thuở nhỏ ông thông minh nổi tiếng. Ba tuổi đã học Hiếu kinh, Luận ngữ, năm tuổi đọc thuộc cả ngũ kinh, tám tuổi giảng Hiếu kinh tại điện Thọ quang, danh Nho trọng thần đều đến nghe giảng. Ông dùng từ ngữ hoa mỹ giảng giải, đả thông những đạo nghĩa uyên thâm làm cho ai nấy đều thán phục, cho ông là bậc Thánh trẻ. Năm mười hai tuổi, ông tham gia vào việc xét xử tội phạm, ông xét xử rất công bằng. Từ đó, ông nhiều lần được mời tham gia xét xử về kiện tụng, những người được ông cứu sống thật không sao kể hết. Tánh tình ông hiền từ, hiếu thuận, dung mạo khôi ngô tuấn tú. Hầu hết các loại sách sử chỉ cần đọc qua là ông nhớ vanh vách. Vua vốn là người chuyên tâm nghiên cứu nội điển rồi tự giảng thuyết. Thái tử cũng là người rất mến mộ Phật pháp. Tất cả kinh luận thời bấy giờ ông đều đọc qua hết. Ông dựng riêng điện Tuệ Nghĩa tại Đông cung làm nơi cất chứa kinh luận mời các vị danh Tăng soạn Pháp sự Nghi chú, cùng lập ra nghĩa của Tam đế... Đó là những tác phẩm rất lợi ích cho đời. Mẹ ông mất, ông thương khóc thảm thiết, chẳng màng ăn uống. Vua thấy vậy, sai tả hữu tuyên chỉ rằng: “Con tự hủy mình như vậy cũng đâu thay đổi được quy luật của trời đất. Nếu không vượt qua sự đau thương mất mác ấy thì

có khác gì kẻ bất hiếu. Ta còn sống đây mà con lại tự hủy mình như vậy ư! Rồi vua ép ông ăn uống”.

Thái tử tuân chỉ, bèn gắng gượng ăn cháo. Trước đây thân thể ông lực lưỡng, bây giờ chỉ còn mười vi, thân thể sa sút đến phân nửa.

Về sau, vua ủy thác việc triều chánh cho ông. Ông giải quyết việc quân việc nước đều rất tài tình, tiến cử người hiền tài trong thiên hạ, ban ân yêu mến họ hết lòng. Đông cung có cả thảy hơn hai mươi quyển sách, những người tài giỏi đều tụ tập ở đây. Kể từ đời Tấn đến nay, chưa có lúc nào văn chương rực rỡ như lúc này.

Có lần ông du thuyền lớn dạo chơi, làm thơ, hái sen, chẳng may thuyền chìm. Ông được vớt lên, tuy không chết nhưng bị thương nặng. Sợ vua lo lắng nên ông không cho báo vua. Không bao lâu ông mất, muôn dân khóc thương ông chẳng khác người thân của mình.

24. Lưu Hiệp xuất gia:

Danh sĩ Lưu Hiệp là người rất được Thái tử trọng vọng. Ông là người tuyển soạn bộ Văn Tâm Điêu Long gồm năm mươi thiên. Gia cảnh nghèo túng nên ông không lấy vợ. Ông thọ học với Sa-môn Tăng Dụ, bác thông kinh luận. Tất cả những bộ sách lớn nhỏ đều do ông viết lời tựa. Tạng kinh ở chùa Định Lâm là do ông cân nhắc, tuyển chọn. Trung thư lịnh Thẩm Ước rất khâm phục văn tài của ông, thường rất thích văn chương của ông. Chùa tháp trong kinh thành đều một tay ông soạn bia ký. Ông làm quan giữ chức Thông sự, Xá nhân rồi dâng biểu xin xuất gia. Ông cạo bỏ râu tóc, thệ nguyện xuất gia, vua rất hài lòng, ban cho ông pháp danh là Tuệ Địa.

An Định Vương: Tên là Lãng, ông lên ngôi đổi niên hiệu là Trung Hưng. Tháng mười Cao Hoan khởi binh ở kinh đô thảo phạt họ Nhĩ Chu. Hoan theo huyền tôn của Thái Vũ là Lãng đến tận Mang sơn. Cuối cùng bình định được Nhĩ Chu Triệu. Do Lãng bỏ bê triều chánh, Cung lại là người tài giỏi khó kiềm chế, nên Hoan cầm tù Lãng, giả chiếu của An Định Vương nói rằng: “Cháu phải lên ngôi.”

Tiết Giản Đế: Tên là Cung, lên ngôi đổi nhiên hiệu là Phổ Thái. Năm này An Định Vương và Tiết Giản Đế đều bị Cao Hoan giết.

Nhà Ngụy gồm mười hai đời vua, trị vì tổng cộng một trăm bốn mươi chín năm. Đến niên hiệu Trung Đại Thông nhà Lương thì phân thành Đông Ngụy và Tây Ngụy.

Nhâm Tý: Tây Ngụy Hiếu Vũ: Tên là Tu, tự là Hiếu Tắc, là cháu của Hiếu Văn Đế, con của Quảng Bình Vũ Mục Vương Hoài. Cao Hoan

phế Tiết Giản Đế rồi lập ông. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Vĩnh Hy. Hoan vốn là kẻ nghịch thần, ông muốn trừ khử Hoan. Nhưng vì Hoan biết cử binh làm nội ứng nên vua phải chạy đến Trường An nương nhờ quan Tây đại đô đốc Văn Thái. Ông ở ngôi được ba năm, thọ hai mươi lăm tuổi.

25. Song Lâm Phó Đại sĩ: (Quý Sửu)

Đại Thông năm thứ năm. Nghĩa Ô, Song Lâm Đại sĩ. Họ Phó tên là Hấp, pháp hiệu là Thiện Tuệ. Năm mười sáu tuổi ông cưới con gái họ Lưu là Diệu Quang làm vợ sinh được hai người con là Phổ Kiến và Phổ Nguyện. Bấy giờ có Sa-môn Tây Vực là Tung Đầu-đà gặp Đại sĩ và nói:

- Ta với ông đã cùng phát nguyện từ thời Phật Tỳ-bà-thi, nay y bát để tại Đâu-suất Thiên cung vẫn còn, thế ngày nào ông trở về?

Nói xong, Tung Đầu-đà bèn dẫn ông đến bến sông để soi lại chân dung mình. Thấy bóng mình dưới nước có bảo cái tròn sáng. Đại sĩ cười nói:

- Trong bể lò rèn toàn đúc tiền, lương y đã đủ người bệnh rồi, nôn nóng độ sinh thì có gì vui đâu?

Ngài tiếp tục ở lại không bao lâu thường thấy Thích-ca Kim Túc và Định Quang Như Lai phóng hào quang chiếu khắp thân mình. Đại sĩ vui vẻ nói:

- Ta đã được Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội rồi.

Ngài liền bố thí ruộng vườn nhà cửa và bán luôn vợ con được năm mươi ngàn tiền. Ngài dùng số tiền này mở hội bố thí lớn, rồi lên đỉnh Tung sơn dựng chùa giữa hai cây đại thọ và ở đó. Thế nên chùa này có tên là Song Lâm. Ban ngày ngài làm lụng, ban đêm thì hành đạo. Ngài làm bài kệ:

Tay không vác cày bừa
Đi bộ cỡi trâu nước
Người qua lại trên cầu
Cầu trôi nước chẳng trôi.

Một hôm, ngài đang kinh hành quanh những cây đại thọ trên núi, cảm được bảy vị Phật quá khứ đi theo. Phật Thích-ca đi đầu, ngài Duy-ma đi cuối. Chỉ có một mình Đức Thế Tôn vừa đi vừa ngoái lại nói chuyện với ngài. Từ đó dấu tích phi thường của ngài càng hiện rõ.

Ngày rằm tháng giêng năm đó, ngài sai đệ tử là Phó Vãng đem thư vào triều. Thư viết: Song Lâm Thọ Hạ Đương Lai Giải Thoát Thiện

Tuệ Đại sĩ xin thưa với quốc vương Cứu Thế Bồ-tát rằng: Nay muốn tu hành cần phải thực hành tất cả việc thiện từ thượng, trung, hạ. Những việc thượng thiện phải lấy tâm rỗng rang làm gốc, lấy không chấp trước làm tông, lấy vô tướng làm nhân, lấy Niết-bàn làm quả. Những việc trung thiện phải lấy việc tu thân làm gốc, lấy việc trị nước làm tông, thiên thượng nhân gian làm quả báo an lạc. Những việc hạ thiện phải nuôi dưỡng chúng sinh, bỏ tham tàn, bỏ sát sinh, phải làm cho trăm họ đều tu tập lục trai (ăn chay tháng sáu ngày).

Nay tôi nghe Hoàng đế rất mến mộ Phật pháp, muốn diễn giảng kinh luận, nhưng chưa xiển dương được giáo nghĩa nhiệm mầu thâm sâu, nên tôi sai đệ tử là Phó Vãng đến thưa chuyện".

Vãng giao thư cho thái học nhạc lệnh Hà Xương. Xương nói:

- Đến như Pháp sư Tuệ Ước còn chưa dám khai thị cho vua. Hấp là dân thường, lại không phải là trưởng lão. Sao chẳng biết thân phận của mình đến thế. Như vậy mà dám dâng cho vua ư?

Vãng bèn đốt tay ngồi giữa đường chờ. Xương thấy vậy bèn đến chùa Đồng thái hỏi ý kiến Pháp sư Hạo. Hạo khuyên nên trình vua gấp.

Ngày mười một tháng hai, Hạo dâng thư cho vua. Vua mở ra xem liền hạ chiếu mời ngài đến. Đại sĩ đến, vua hỏi:

- Xưa nay thầy thờ ai?

- Xưa chẳng có xưa, nay chẳng có nay, thờ thầy cũng vậy.

Thái tử Chiêu Minh hỏi ngài:

- Sao thầy không luận về nghĩa?

- Như như chánh lý mà Bồ-tát diễn thuyết vốn chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng rộng, chẳng hẹp, chẳng có biên tế, chẳng không biên tế thì còn biết nói gì nữa.

Vua hỏi:

- Thế nào là chân đế?

Ngài đáp:

- Dứt nhưng không diệt.

- Dứt mà không diệt tất có sắc tướng. Có sắc tướng cho nên không lanh lợi. Như vậy thì cư sĩ vẫn chưa thoát khỏi thế tục!

- Gặp của cải chớ nhận càn, gặp nạn chớ tránh càn.

Vua hỏi:

- Cư sĩ biết lễ nghĩa chăng?

Ngài đáp:

- Tất cả các pháp chẳng có chẳng không. Tất cả sắc tượng trong

đại thiên thế giới thảy đều rỗng rang. Trăm sông đổ dồn nhưng không ra khỏi biển. Vô lượng chư pháp đều không ngoài chân như. Tại sao trong ba cõi, chín mươi sáu thứ đạo mà chỉ một mình Như Lai là người siêu xuất nhất? Đó là vì ngài xem tất cả chúng sinh như con đỏ. Thiên hạ không có đạo thì không yên, không có lễ thì không vui.

Vua im lặng. Đại sĩ xin cáo từ. Hôm khác, vua giảng kinh Kim Cang tại điện Thọ quang. Thánh sư nói:

- Đại sĩ có thể giảng được.

Vua liền mời ngài đến. Trước mặt vua, ngài vừa gõ nhịp vừa giảng kinh, xướng thành bốn mươi chín bài tụng. Giảng xong, ngài trở về Song lâm.

Tháng tư, đời Trần niên hiệu Thái Kiến năm đầu, ngài sắp thị tịch, bèn bảo đồ chúng:

- Thân này thật đáng chán ghét. Nó là vật để chứa nhóm mọi sự thống khổ. Các ông phải giữ gìn ba nghiệp, tinh tấn hành trì lục độ. Nếu đọa địa ngục thì rất khó giải thoát, nên phải thường sám hối.

Ngài nói tiếp:

- Sau khi ta mất, các ông không được chuyển dời giường chõng. Bảy ngày sau sẽ có Pháp Mãnh Thượng nhân đem tượng và chuông đến đặt ở đây.

Đệ tử hỏi:

- Sau khi ngài mất, chôn cất thế nào?

Ngài đáp:

- Đem lên đỉnh núi mà đốt.

- Nếu không được thì phải làm gì?

- Chớ liệm vào áo quan, hãy chất gạch ngói làm đàn rồi đặt thi thể lên trên ấy, lấy lụa mỏng màu đỏ che chắn xung quanh và phủ ở trên, rồi dựng tháp trên ấy. Như vậy mới vững được.

Đệ tử hỏi:

- Lúc chư Phật diệt độ đều diễn nói công đức. Nay thầy sắp đi, chúng con được nghe gì không?

Ngài đáp:

- Ta từ cõi trời thứ tư sinh xuống đây để hóa độ các ông, trợ giúp cho Phật Thích-ca. Thế nên đại phẩm Bát-nhã nói: "Có Bồ-tát từ cõi trời Đâu-suất đến, người ấy các căn đều lanh lợi, tương ưng với Bát-nhã, đó chính là thân ta.

Nói xong, ngài ngồi kiết già an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi ba tuổi. Bảy ngày sau, quả nhiên Pháp Mãnh Thượng nhân đem tượng Phật Di-

lặc được thêu bằng vải lụa và một cái chuông có chín núm đến đặt ngay nơi tháp. Lát sau chẳng thấy đâu nữa. Vật dụng của ngài hơn mười thứ cũng được chôn theo.

Đời Tấn, niên hiệu Thiên Phước, Trung Tiền Vương mở tháp của ngài lấy được mười sáu miếng linh cốt. Linh cốt đều màu vàng tía, đồng thời lấy luôn vật dụng. Vua đem linh cốt về tạt tượng ngài an trí tại chùa Long Hoa, ở phía Nam Phủ thành. Đại sĩ từng trứ tác bài minh nói về Tâm vương. Tác phẩm gồm một thiên, trong ấy nói:

Quán xét tâm vương, huyền diệu khó lường
Không tên không tướng thần lực vô cùng
Hay diệt ngàn tai thành tựu muôn đức
Thể tánh tuy không hay bày phép tắc
Xem chẳng thấy hình gọi thì có tiếng
Đứng đầu đại pháp, tâm dạy truyền kinh
Vị mặn trong nước, keo xanh trong màu
Nhất định có thật không thấy được hình
Tâm vương cũng vậy, cư ngụ trong thân
Ra vào nơi cửa, ứng vật theo hình
Tự tại chẳng ngại, muôn việc đều thành
Rõ gốc biết tâm, biết tâm thấy Phật
Tâm này là Phật, Phật này là tâm
Niệm Phật niệm tâm, tâm Phật niệm Phật
Muốn mau thành tựu, răn tâm theo Luật
Luật tịnh tâm tịnh, tâm tức là Phật
Ngoài tâm vương này không còn Phật nữa
Muốn cầu thành Phật chớ nhiễm một vật
Tâm tánh tuy không, tham sân có thật
Vào pháp môn này thành Phật tức khắc
Đến bờ kia rồi được Ba-la-mật
Hành giả mộ đạo tự xét tâm mình
Biết Phật ở trong không tìm bên ngoài
Ngay tâm là Phật ngay Phật là tâm
Tâm sáng thấy Phật thấu tỏ được tâm
Lìa tâm không Phật lìa Phật không tâm
Chỉ Phật lường được chẳng nơi gánh vác
Chấp không trệ tịch trầm luân trong đó
Chư Phật Bồ-tát an tâm cách khác
Đại sĩ rõ tâm ngộ được huyền âm

Tánh thân thâm diệu diệu dụng vô cùng
Do đó người trí mặc tình buông tâm
Chớ nói tâm vương rỗng không thể tánh
Hay khiến sắc thân gây tà tạo chánh
Chẳng có chẳng không ẩn hiện chẳng định
Tâm tánh tuy không tạo phàm lập thánh
Thế nên cùng khuyên khéo tự thận trọng
Sát na tạo tác trở lại trầm luân
Tâm trí thanh tịnh giống như vàng ròng
Bát-nhã Pháp Tạng đều trong thân tâm
Pháp bảo vô vi chẳng sâu chẳng cạn
Chư Phật Bồ-tát thấu tỏ tâm này
Có duyên ắt gặp chẳng có ba đời.

Giáp Dần: Đông Ngụy Hiếu Tĩnh, tên là Thiện Kiến, cháu của Hiếu Văn Đế, con của Thanh Hà Tuyên Vương Đản. Cao Hoan lập ông làm vua và dựng đô ở đất Lạc, sau dời qua đất Nghiệp. Năm mười một tuổi ông lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiên Bình, trị vì mười bảy năm thọ hai mươi tám tuổi.

26. Pháp sư Tuệ Ước: (Ất Mão)

Năm này, vua đổi niên hiệu là Đại đồng. Pháp sư Tuệ Ước dặn dò môn đồ xong thì chắp tay thị tịch. Hôm ấy, vua không thiết triều ba ngày. Vua mặc đồ tang khóc thương thảm thiết và an táng ngài bên trái tháp của Chí Công. Hồi ấy có đến bốn mươi tám ngàn người theo ngài thọ giới, họ đều mặc đồ tang, than khóc và tiễn kim quan đến tháp. Có lần ngài cưỡi con trâu màu xanh, con trâu rơi lệ rống rất bi thảm, rồi có hai con hạc lượn quanh tháp ngài rơi lệ kêu rất buồn bã. Nhiều tháng như vậy, hạc mới bay đi.

Bính Thìn: Dựng chùa Hoàng Cơ. Đào Hoằng Cảnh được ban hiệu là Sơn Trung Tể tướng.

27. Duyên khởi của Cao Vương Kinh: (Đinh Tỵ)

Tôn Kính Đức người ở Định Châu thuộc Đông Ngụy, vốn là người phụng thờ Quán Âm rất kiền thành. Ông bị giặc bắt sắp chém. Lúc ấy ông chí thành niệm Quán Thế Âm, đao chém ba lần mà chẳng bị thương, lại thay đao đến ba lần nhưng đao đều bị mẻ. Quan lại báo với Cao Hoan, Hoan liền dâng biểu xin vua miễn tội chết cho ông.

Kính Đức trở về nhà, nhìn thấy pho tượng mình đang thờ, trên cổ

có ba vết xước. Ngày nay, người ta cho rằng duyên khởi của bộ kinh Cao Vương phát xuất từ việc này.

Mậu Ngọ: Lý Dận được xá-lợi của Phật liền đại xá thiên hạ. Đông Ngụy đổi niên hiệu là Nguyên Tượng. Đông Ngụy, Nguyên Tượng năm đầu, có người đi xứ Tây Vực, lúc trở về đến Thông Lãnh gặp Đạt-ma một mình quảy một chiếc dép đang trở về Tây Thiên. Môn đồ bèn mở tháp của ngài để lễ lạy thì chỉ còn thấy một chiếc dép.

Kỷ Mùi: Đông Ngụy đổi niên hiệu là Hưng Hòa.

28. Những người đầu tiên dịch kệ của Phật: (Canh Thân)

Theo bài Minh của Thái thú Dương Huyễn ở Vũ quan ghi:

"Năm thứ hai, niên hiệu Hưng Hòa đời Đông Ngụy Tĩnh Đế, tức Tây Ngụy Văn Đế niên hiệu Đại Thống thứ sáu, tức Lương Vũ Đế niên hiệu Đại Đồng thứ sáu, Cao Tăng Vân Khải qua Tây Vực cầu pháp. Ngài đến nước Quy Tư gặp Sa-môn Thiên Trúc và Tam tạng Na-liên-da-xá muốn sang Đông độ truyền pháp. Vân Khải nói: Phật pháp bên ấy chưa hưng thịnh. Nghe vậy Da-xá cùng ngài trú tại Quy Tư. Hai người đem Phạm bản dịch thành Hán ngữ. Sau, Vân Khải đi Ấn Độ, Da-xá sang đất Ngụy, gặp phải lúc loạn lạc, nên Da-xá vào Cao Tề và được Tuyên Đế đón tiếp ân cần, mời về ở tại chùa Thạch quật. Tại đây ngài tham học thiền quán nên không còn thời gian để dịch kinh khác, nên ngài đem những bài kệ của Tổ mà trước đây ngài cùng Vân Khải dịch tại Quy Tư truyền lại cho Cư sĩ Vân Thiên Ý. Ý chuyên tâm học hỏi và thâm ngộ được huyền chỉ. Ý bèn đem những bản này so sánh đối chiếu với Phó Pháp Tạng mà trước đây Sa-môn Đàm Diệu cùng Thiên Trúc Tam tạng Kiết-ca-dạ đã dịch thì thấy bản kia không đúng theo thứ tự và không có sấm kệ. Ý bèn sao chép lại bản này rồi dâng cho vua Ngụy để minh xác lại những điểm nhầm lẫn. Như vậy, Phó Pháp Tạng được truyền từ niên hiệu Chân Quân đời Ngụy Chân Đế.

Thời bấy giờ, Thôi Hạo, Khấu Khiêm Chi dùng tà thuyết hủy diệt Phật pháp. Mãi đến đời Văn Thành đế niên hiệu Hòa Bình mới bổ khuyết xong những thiếu sót đó.

Lương Giản Văn đế nghe nước Ngụy có bản này, bèn sai Lưu Huyền Vân đến sao chép, đem về Kiến Khương lưu hành khắp vùng Giang biểu. Đời Đường, niên hiệu Trinh Nguyên, Sa-môn Tuệ Cự ở Kim Lăng đem những bài kệ của Tổ này đến Tào Khê. Tuệ Cự cùng Tây thiên Tam tạng Thắng Trì hiệu đính lại, đồng thời đem những bài kệ truyền pháp của chư Tổ từ đời Đường lại đây gom tập thành bộ Bảo

Lâm truyện.

Trong niên hiệu Quang Hóa, Thiền sư Hoa Nhạc Huyền Vĩ gom gập những vị tông sư xuất thế cũng lấy những bài kệ này là tư liệu và ngài viết thành bộ Thánh Trụ tập. Khai Bình Nam Nhạc Tam Sinh Tạng Duy Kính Đầu-đà viết về những bậc Tông tượng xuất thế kể từ niên hiệu Quang Hóa trở về sau, cũng lấy những bài kệ này làm tư liệu và ngài gom tập thành bộ Tục Bảo Lâm truyện.

Thời Tống Cảnh Đức, Tăng đất Ngô là Đạo Nguyên soạn truyền Đăng Lục và dâng lên Chân Tông. Vua ban sắc lệnh cho Hán lâm học sĩ Dương Ức, công bộ viên ngoại Lý Chuẩn, Thái thường Thừa Vương Thự cùng hiệu đính rồi tâu vua. Vua hạ chiếu viết bài tựa rồi biên nhập Đại Tạng lưu hành.

Trong niên hiệu Thiên Thánh, phò mã Đô úy Lý Tuân Úc tham vấn Thiền sư Thạch Môn Thông, phát minh được nhân duyên, bèn soạn tiếp những vị Thiền Tăng nổi tiếng vào đây và lấy tên là Quang Đăng Lục, do Nhân Tông viết lời tựa và có chiếu chỉ cho nhập tạng lưu hành.

Kiến Trung Tĩnh quốc, nguyên niên Sa-môn Duy Bạch lấy những bài kệ tổ này làm tiêu bản viết thành Tục Đăng Lục và dâng vua xem...

Những tông phái khác không rõ được căn nguyên, họ đều cho rằng kệ của bảy vị Phật quá khứ không dịch. Những người học ít biết cạn cũng đều nhầm lẫn như vậy, thật đáng cười.

29. Ẩn sĩ Nguyễn Hiếu Tự:

Ẩn sĩ Nguyễn Hiếu Tự người ở Trần Lưu, gia thế đều làm quan. Cha ông là Hiếu Ngạn làm đến chức đại Úy Tùng Sự Trung Lang. Năm mười ba tuổi Hiếu Tự học thông diệu chỉ của ngũ kinh. Năm mười sáu tuổi cha ông mất. Chôn cất cha xong, ông vào Chung sơn nghe giảng kinh luận. Sau đó ít lâu nghe tin mẹ bệnh, ông liền bỏ đạo tràng hối hả về thăm. Thuốc trị bệnh cho mẹ cần phải có nhân sâm sống. Ông liền đến Chung sơn tìm kiếm nhưng không được có. Khi ấy bỗng thấy một con nai phía trước, ông rất lấy làm lạ bèn đến thì quả nhiên nơi ấy có nhân sâm. Tự liền hái nhân sâm đem về chữa bệnh. Bệnh mẹ ông hết ngay.

Thượng thư lệnh nước Tề là Vương Án đến thăm, ông vốn không ưa người này nên trèo rào đi trốn. Đến khi Án bị tru di, nhưng do ông không phải đồng đảng nên được miễn tội.

Có lần ông lấy khu rừng nai này làm tinh xá. Ông ở giữa rừng, ao

hồ, muốn tuyệt giao hết bạn bè, thành thử ít ai gặp được ông. Ngự sử trung thừa Nhiệm Phưởng muốn đến tham học nhưng không dám vào. Phưởng bèn chỉ rừng nai và nói với anh mình rằng: Nhà ấy rất gần, nhưng ông ấy rất xa. Ông ấy tuyệt giao với quyền quý, chẳng muốn ai mời thỉnh, chỉ kết giao với Bùi Tử Dã mà thôi.

Cuối năm Thiên Giám, vua nhiều lần hạ chiếu mời ông vào triều nhưng ông không đến. Thiên tử cho rằng ông muốn lập hư danh cốt để được tiếng khen. Nếu không phải như vậy thì tại sao không thỏa được chí lớn của mình?

Nam Bình Nguyên Tương hỏi Tự:

- Xưa thân phụ của anh chẳng giao du nhiều, em tôi chỉ ôm ấp chí lớn của mình là tại sao vậy?

Tự đáp:

- Như bầy nai ô hợp trọn không kiềm chế được, thì đâu thể sánh với ngựa lục, ngựa ký được.

Phan Dương Trung Liệt vương là anh rể của ông, thường cung cấp cho ông của ngon vật lạ, nhưng ông chẳng nhận thứ gì cả. Ông cùng tuổi với Lưu Trứ Tác. Khi Lưu chết, ông nói:

- Có lẽ ta sống không bao lâu nữa.

Ông lo liệu hậu sự cho Lưu xong, mấy ngày sau thì mất, thọ năm mươi tám tuổi.

Hiếu Tự là người tinh thông sách sử, không loại nào mà ông không rành, lại có tài nhớ dai nên được học giả rất ngưỡng mộ. Sau khi mất, môn nhân truy tặng ông thụy là Văn Trinh Xử Sĩ.

Lưu Hâm đời Hán viết Thất Lược, vương Kiệm đời Tề viết Thất chí. Hiếu Tự viết Thất Lục vào niên hiệu Phổ Thông thứ tư. Năm thiên trước gọi là Nội thiên. Thiên thứ sáu là Phật pháp lục, thiên thứ bảy là Tiên đạo lục. Hai thiên này gọi là Ngoại thiên. Thất Lược của Lưu Hâm thì cho đạo gia là Chư Tử, cho thần tiên là nghề nghiệp. Thất Chí của Vương Kiệm thì trước nói đến Đạo sau mới nói đến Phật. Thất Lục của Hiếu Tự thì trước nói đến Phật, sau mới nói đến Đạo. Đó là do chí hướng của mỗi người mỗi khác, và cũng do vì giáo nghĩa có cạn có sâu.

30. Số lượng thư tịch xưa nay:

Thất Lục, nội điển, ngoại thư gồm bốn mươi bốn ngàn năm trăm hai mươi sáu quyển, di thư bí điển trong thiên hạ đều có cả trong đây. Kinh, Luật, Luận của Phật giáo gồm năm bộ tổng cộng là năm ngàn bốn trăm quyển. Đến đời Tùy Văn Đế, niên hiệu Nhân Thọ thì số lượng

thư tịch trong điện Gia Tắc gồm ba trăm bảy mươi ngàn quyển. Đến đời Đường, niên hiệu Khai Nguyên thì thư tịch được chia thành bốn bộ theo thứ tự Giáp, Ất, Bính, Đinh, xếp tất cả kinh sử thành tứ khố, cộng với thư tịch của học giả đời Đường là tám mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi bốn quyển. Đến nay, thư, nghệ, văn, chí của đời Đường, bốn bộ này tổng cộng năm mươi hai ngàn một trăm quyển được sao chép. Còn hai mươi bảy ngàn sáu trăm ba mươi quyển không được sao chép, tổng cộng là bảy mươi chín ngàn tám trăm ba mươi quyển. Trong đó những thư tịch của hai mươi lăm tác giả viết về Tăng tục của Phật giáo chỉ có ba trăm chín mươi lăm quyển mà thôi. Đó là thư tịch từ xưa tới nay.

- Ất Hợi: Đông Ngụy đổi niên hiệu là Vũ Định.

Trong năm này, Sa-môn Thượng Viên đuổi tà ma trong cung Vũ Lăng vương. Ngài vừa niệm "Nam mô Phật Đà" thì yêu quỷ trong cung đều chạy hết, từ đó về sau trong cung không còn tà ma.

Cũng trong năm này, Hoàng môn thị lang Cố Dã viết xong thiên Vương Ngọc.

* Giáp Tý năm mươi bốn: Từ niên hiệu Thiên Giám đến nay, vua đã trường trai thờ Phật, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, nhưng chỉ ăn canh rau và cơm gạo thường mà thôi.

Bính Dần: Đổi niên hiệu là Trung Đại Đồng.

Đinh Mão: Đổi niên hiệu là Thái Thanh.

31. Nghịch tặc Hầu Cảnh làm phản: (Kỷ Tỵ)

Tháng tư Thái Thanh thứ ba, nghịch tặc Hầu Cảnh vây hãm Đài thành. Cảnh cho năm trăm giáp sĩ bảo vệ mình rồi xách kiếm lên điện bái vua, nhưng vua vẫn thản nhiên như không. Vua sai tả hữu dẫn Cảnh vào ngồi hàng ghế Tam công, rồi hỏi Cảnh:

- Khanh ở ngoài biên ải lâu ngày chẳng phải là lao nhọc lắm rồi sao?

Cảnh hoảng sợ không đáp được, trở ra nói với tả hữu:

- Mỗi khi ta vỗ yên xông trận, xáp mình với mũi tên hòn đạn nhưng chẳng hề run sợ. Nay thấy Tiêu Công bỗng nhiên khiếp sợ, đó chẳng phải là uy trời khó phạm đó ư. Ta quyết từ nay trở đi không gặp ông ấy nữa.

Đến khi Cảnh tự xưng Đại thừa tướng, chẳng chịu phục tùng lệnh. Vua uất ức lâm bệnh, nhưng không bỏ trai giới, ngày đêm luôn miệng niệm Phật và chỉ có hoàng tử bên cạnh hầu hạ vua.

Ngày Bính Thìn, tháng năm, vua bệnh nặng không ăn uống được.

Lâu ngày miệng đắng, chưa kịp rót mật thì vua đưa tay nói "sen... sen..." Rồi mất ở điện Tịnh Cư thọ tám mươi sáu tuổi.

Vua có khuôn mặt vuông vức, trán rồng, lưỡi có vằn hình chữ bát, cổ có hào quang, thân sáng rực, ban ngày không thấy bóng, tay phải có vằn hình chữ Vũ. Thuở nhỏ từng đi trên không, thấy chỗ vua ở thường có hơi nước xông lên như mây. Người nào gặp vua cũng phải cung kính, khiếp sợ. Trước và sau khi lên ngôi, có đến hơn sáu mươi điềm lành xuất hiện. Đến khi lên ngôi thường có sáu con rồng, mỗi con quấn lấy một cây cột trong điện Thái Cực. Những việc thần kỳ, điềm lạ của các vị vua từ xưa đến nay được sách sử ghi lại không ai có được như ngài.

Thuở nhỏ, ngài rất ham học, thông suốt lục nghệ, rành hơn người khác. Đến như những việc âm dương, bói toán, đoán kiết hung, chữ thảo, chữ lệ, viết lách, cưỡi ngựa bắn cung thảy đều tinh thông. Từ khi lên ngôi, dù bận trăm công ngàn việc nhưng tay chưa từng rời sách. Ngài đốt đèn đọc sách thường tới tậm đêm khuya. Soạn bộ thông sử gồm sáu trăm quyển, bộ Kim hải gồm ba mươi quyển. Những tác phẩm khác như ngũ kinh, nghĩa, chú, giảng, sớ cả thảy hơn hai trăm quyển. Các loại văn như tán, tự, chiếu, cáo, minh, lụy, chân, tụng, tiên, tấu... gồm một trăm hai mươi quyển.

Về già, ngài phụng Phật, ngày chỉ ăn một bữa. Thức ăn không có mỡ dầu và đồ tươi mà chỉ có canh đậu, cơm gạo thường. Những hôm gặp việc khó lo giải quyết không kịp ăn cơm, nếu quá ngọ thì ngài chỉ súc miệng rồi tĩnh tọa. Ngài soạn nghĩa ký của các kinh như Niết-bàn, Đại Phẩm, Tịnh Danh, Tam Tuệ... Có đến vài trăm quyển. Khi rảnh việc triều chánh, ngài liền giảng thuyết kinh luận tại điện Trùng Vân, chùa Đồng Thái. Những bậc danh Tăng, Thạc học, tứ chúng nghe giảng thường hơn vạn người. Ngài thường mặc áo vải, nằm giường gỗ, ba năm đội một cái mũ, hai năm đắp một cái mền.

Lúc ngoài năm mươi tuổi, ngài dứt việc chăn gối, không uống rượu, không bày trò múa hát. Nếu không phải là tế tự tông miếu, tổ chức những buổi yến tiệc linh đình hay làm Pháp sự thì không cử nhạc. Ngài hết lòng lo việc nước. Vào mùa đông, sau canh tư thường dậy sai người đốt đèn giải quyết công việc. Trời rét căm căm, tay cầm bút run rẩy, nhưng tấm lòng nhân ái không vì thế mà dừng lại. Trong dòng tộc những người thân cận ngài không may phạm tội, phần nhiều ngài đều tha cho. Nếu gặp phải những người bị cực hình, mỗi lần quyết định tội chết trong lòng thường bi ai, khóc thương thống thiết rồi sau mới chuẩn tấu. Tính tình ngài hòa đồng ngay thẳng, thường ở trong điện nhỏ, tự

mình vá mũ, vá áo. Những tháng nóng nhưng chưa từng cởi trần hay vén áo. Dù gặp trẻ con, quan nhỏ nhưng ngài đối xử như một thượng khách. Ngài thụy là Vũ Hoàng Đế, miếu thờ hiệu là Cao Tổ.

32. Sử quan Ngụy Trưng:

Sử quan Ngụy Trưng nói:

- Cao tổ vốn bẩm thọ tư chất thông minh trời phú, là người giỏi về văn hóa, nghệ thuật. Ông là người có sở học uyên bác, văn võ song toàn đa tài đa nghệ. Với những kẻ không theo phép nước gây thảm họa hôn mê bạo ngược coi thường mệnh trời, ông vì nghĩa hợp binh thảo phạt rửa oan. Ông nói: Vua Trụ đáng đánh, chư hầu chẳng hẹn nhưng đều hội họp. Như rồng vẫy ở Phàn Hán, nhưng sấm đánh ở Trương trình, ông diệt kẻ bạo tàn như bẻ cây khô, quý người tài như được di vật. Oai phong kỳ tài của ông thật không sao kể hết.

Về sau ông lên ngôi, thật xứng với con cháu Hoàng thiên, ông bố đức thi ân, khiến thiên hạ đều an vui, mở vương đạo rộng mênh mông, thay phong tục thêm rực rỡ. Ông sửa đổi lại văn học, thay đổi lại lễ nghi, cổ vũ cái đẹp, xiển dương nghiệp Nho, dựng lập nhân nghĩa, xô ngã đạo tà danh vang khắp nơi, ân bố khắp chốn, hơn mười năm chinh chiến nơi chiến trường. Bao la thay! Mênh mông thay!

Từ đời Ngụy, Tấn đến nay chưa lúc nào huy hoàng như vậy. Nhưng ông không dừng lại ngay đây mà thường tự răn mình, tu tâm sửa tánh để trở thành con người chân chất. Những kẻ ham danh hám việc thường chuộng sự phù hoa nên thường khen chê Khổng, Mặc đả kích Thích, Lão. Có lúc ông cả đêm chẳng ngủ, trọn ngày chẳng ăn, chẳng phải ông hoằng đạo lợi người mà chỉ xem trọng người trí để làm hoảng sợ kẻ ngu. Vả lại những kẻ chưa được vinh hoa thường muốn trèo cao lê hư vị, lớn tiếng luận bàn, cho mình thoát tục, nhưng rốt cuộc vẫn là kẻ đề cao, ham muốn lầu vàng.

Điều mà con người ta ham muốn là trai gái, ăn uống. Đến như những kẻ giàu sang nơi điện đường, chưa hề có ý muốn tu thân. Cao tổ là người đoạn trừ mọi ham muốn, mọi sự quyến luyến địa vị. Ông làm được điều khó làm nhưng lại ngưng trệ những điều dễ làm. Thế nên nói: "Thần có điều không suốt, trí có điều không thông là vậy".

Luận rằng: Trịnh Công nước Ngụy bàn về Lương Vũ Đế, có thể nói ông là người nhân đức đứng đầu thiên hạ. Rồi sử quan Tiêu Vũ đời Đường cũng ca ngợi ông rằng: "Họ Tiêu nhà Lương dấy nghiệp ở Giang tả, thật có công lớn với muôn dân. Ông ấy trọn không quá ác nhưng lại

bị ảnh hưởng bởi cái nhỏ nhặt mà thôi.

Thế nên, những đấng quân vương khác và hậu duệ của họ hãy thử suy nghiệm lời của Trịnh công thì sẽ càng thấy rõ. Nhưng Hàn Thối Chi từng nói: Lương Vũ Đế chết đói tại Đài thành. Ý cho rằng ông đã đoạn tuyệt mọi sự ham muốn, không ăn quá ngọ, mãi đến lúc lâm chung chẳng bỏ trai giới. Với cái nhìn của những kẻ hưởng thụ dục lạc thế tục thì xem ông gần giống như chết đói. Như Khổng Tử nói: Bá Di, Thúc Tề chết đói trên núi Thủ Dương, nhưng thâm ý lại đề cao tính cách của hai ông ấy. Như vậy lẽ đâu bảo rằng không được ăn thì chết đói ư.”

Hễ nói đến được, mất, thành, bại cũng giống như những gì mà Trịnh Công nước Ngụy nói. Đó là những lời lẽ sâu mầu để trách cứ những kẻ hiền tài trong Xuân Thu, lẽ đâu không được xem là cái đạo chung cho muôn đời sao.

33. Giản Văn Đế: (Canh Ngọ)

Giản Văn Đế tên là Cương tự là Thế Tán, thuở nhỏ có tự là Lục Thông. Ông là con thứ ba của Vũ Đế. Hầu Cảnh đánh phá Đài thành rồi lập ông làm vua. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Đại An. Đại An năm thứ hai lại bị Cảnh phế truất.

Đông Ngụy trị vì mười sáu năm, cuối cùng bị Cao Dương soán ngôi.

*Bắc Tề: Họ Cao, gồm năm đời vua, đóng đô ở đất Nghiệp. Lôi Thị nói: “Thần Vũ, Văn Tương, Văn Tuyên, Hiếu Chiêu, Vũ Thành và Hậu Chủ, Bắc Tề gồm năm đời vua, trị vì hai mươi chín năm.

Cao Tổ Thần Vũ Đế: Tên là Hoan, tự là Gia Lục, người ở Hỗn Bột, Hải Điều. Ông mất ở Tấn Lăng, an táng tại Chương Thủy.

Văn Tương Đế tên là Trừng, tự là Tử Tuệ, con trưởng của Cao Tổ, bị tướng Lương giết chết, thọ hai mươi chín tuổi.

Văn Tuyên Đế: Tên là Dương, tự là Tử Tiến, con thứ của Cao Tổ. Ông nối ngôi vị tướng của cha, triều thần muốn ông lên ngôi, sai Trương Lượng đến nói với Hiếu Tĩnh rằng: “Ngũ hành xoay vần, có đầu có cuối, xin bệ hạ hãy bắt chước Nghiêu Thuấn. Hiếu Tĩnh nghe vậy chau mày rồi trốn đi. Tề Vương Dương bèn lên ngôi, giáng phong Hiếu Tĩnh làm Trung Sơn vương. Dương bạo ngược còn hơn Kiệt Trụ. Về sau, Dương chuốc thuốc độc giết chết Tĩnh đế. Dương trị vì mười năm đổi niên hiệu là Thiên Bảo, thọ ba mươi mốt tuổi.

34. Thiền sư Tuệ Văn:

Vào thời Tề Cao Tổ, ngài một mình đến vùng sông Hoài. Pháp môn ngài tu người đời chẳng ai biết được. Ngài là người đạp đất đội trời mà chẳng kể cao, dày. Ngài xem Trung luận, phát minh được diệu lý. Bộ luận này do ngài Long Thọ trứ tác. Ngài là tổ thứ hai của Thiên Thai tông.

Tân Mùi: Hầu Cảnh: Ông ở Hoài Tố, lúc đầu làm tướng cho Cao Hoan, nắm mười vạn binh trấn giiữ mười ba châu ở Hòa Nam. Hoan chết, ông đầu hàng vua Lương, về sau làm phản, phế Lương Cao Tổ lập Giản Đế. Trong năm này Cảnh giết Giản Đế rồi tự xưng Hán vương, đổi niên hiệu là Thái Thỉ. Ông lên điện Thái Cực, leo lên ngự sàng, tiếm vị được ba tháng, sau bị Trần Bá Tiên giết chết.

35. Nguyên Đế: (Nhâm Thân)

Nguyên Đế, tên là Dịch, tự là Thế Thành. Thuở nhỏ có tự là Thất Phù, con thứ bảy của Vũ đế. Hồi ấy, cha ông nằm mộng thấy vị Tăng chột một mắt, cầm lò hương đến nói: “Ta thác sinh trong vương cung”. Sau mẹ ông nằm mộng thấy mặt trăng rơi xuống chui vô bụng bà, sau sinh ra ông. Ban đầu ông được phong làm Tương Đông vương, nắm binh trấn giữ Giang Lăng. Sau khi Đài Thành thất thủ, ông liền lên ngôi ở Giang Lăng. Sau sai Trần Bá Tiên, Vương Tăng Biện đánh Hầu Cảnh. Ông còn biết làm thơ tứ tuyệt. Ông bị Tây Ngụy Tiến sĩ Tương giết chết, thọ bốn mươi bảy tuổi, trị vì được ba năm.

- Tây Ngụy: Phế Đế: Tên là Khâm do Văn Thái lập lên. Tuy ở ngôi, nhưng muốn kiềm chế Văn Thái. Vua không thắng ông, uất hận muốn trừ khử. Thái bèn phế truất ông, lập Cung Đế làm vua. Ông ở ngôi được hai năm không đổi niên hiệu.

36. Tam tạng Chân Đế:

Thế Tôn diệt độ đã một ngàn năm trăm năm.

Thừa thánh năm đầu, Tam tạng Chân Đế sắp về Thiên Trúc. Ngài đến Quảng Châu, Thứ sử Âu Dương, Nhan Diên Chi, Sa-môn Đông Khải ở chùa Chế Chỉ... cùng thỉnh ngài dịch Khởi Tín Luận, Câu-xá Luận. Ngài có cốt cách phi phàm, thần khí thanh cao, nhẹ nhàng. Con của Nhan là Hột ở nhà riêng tại bãi sông. Mỗi lần ngài đến thăm chơi, thường lấy tọa cụ thả trên mặt nước và ngồi kiết già trên ấy, cứ thế đi rồi về mà tọa cụ chẳng hề bị ướt. Có lúc không dùng tọa cụ thì ngài bẻ một lá sen ngồi trên ấy mà qua sông. Thời bấy giờ người ta họa tượng ngài thờ rất nhiều.

37. Cư sĩ Lục Pháp Hòa ở Kinh sơn:

Thuở nhỏ ông ở ẩn trong núi Thanh Khê, Giang Lăng, hết lòng hầu hạ Sa-môn, thường giữ theo lễ của đệ tử. Lớn lên ông xuất du. Giọng ông sang sảng, tướng mạo dị thường, tiết tháo và đạo hạnh của ông cao vời rất được Lương Tương Đông Vương trọng vọng. Tiếng tăm của ông lan xa, các bậc công khanh rất khâm phục ông. Hồi ấy, Hầu Cảnh mới đầu hàng, ông biết về sau thế nào Cảnh cũng phản. Ông nói với Chu Nguyên Anh, nhưng Anh không hiểu ý ông.

Sau đó không lâu, Cảnh vây kinh thành, Nguyên Anh đến ông cầu kế sách. Ông nói:

- Muốn hái quả phải đợi lúc nó chín.

Cảnh sai tướng Nhiệm Ước đem binh đánh Tương Đông Vương, ông bèn xin đem quân đi chống địch. Ông đắp tường lũy ở hồ Xích sa. Bọn giặc thừa sức gió phóng lửa đốt lò, ông bèn dùng lông chim trắng quạt gió, gió liền thổi ngược lại, quân của Ước đại bại. Binh sĩ đi tìm Ước mà chẳng thấy, ông bảo bọn họ:

- Trong cồn đất có kẻ chết đuối, Ước ở ngay đó, hãy đến mà bắt sống.

Lính đến quả nhiên bắt được Ước. Thấy Ước là người tài ông bèn tha và nói với Tương Đông Vương:

- Người này có sức, ngày sau tất được việc. Quả nhiên sau đó Ước lập được công lớn.

Những sông hồ mà ông đến, ông đều lập ao phóng sinh, dạy người khác không sát sinh. Tương Đông Vương lên ngôi, đó là Nguyện Đế, phong ông làm thứ sử Trình châu. Lúc đó Pháp Hòa muốn cử binh bình định đất Ngụy, nhưng vua không cho, ông cười nói:

- Bảo tòa của Thích Phạm Thiên Vương ta còn không thèm, lẽ đâu lại muốn dòm ngó ngôi vị của nhân vương ư! Chỉ vì ta với nhà vua có nhân duyên từ thời Phật Không Vương, nếu không dùng kế sách này thì thành tựu nghiệp lớn sao được.

Cuối cùng vua bại trận chạy sang Tề. Tề Tuyên Đế vui mừng đón tiếp và phong vua tước Thái úy, ban tặng ông hàng phẩm cao nhất. Pháp Hòa chỉ xin ngôi chùa rồi ở mãi trong đó. Hàng ngày ông đốt hương kinh hành lạy Phật, tọa thiền, chuẩn bị trước cho ngày chết, ông ngồi thẳng mà mất, thi thể ông co rút lại còn hơn ba thước. Trước lúc mất, ông viết trên vách rằng:

Mười năm thiên tử còn làm được
Trăm ngày thiên tử gấp như lửa

Cả năm thiên tử đổi chỗ ngồi.

Lại viết:

Hai mẹ sinh ba vua
Hai vua trị năm năm.

Đó là chỉ Lữ Thái hậu. Ai nấy đều sợ bức vách ấy nên phá đi, nhưng rốt cuộc vẫn không phá được. Những việc thần dị của ông đại loại như vậy.

38. Vua Bắc Tề hạ chiếu mời Thiền sư Tăng Trù vào triều:

Niên hiệu Thừa Thánh thứ hai, Bắc Tề Cao Đế hạ chiếu mời Thiền sư Tăng Trù vào triều. Ngài sắp đi, trong núi bỗng chấn động, chim thú đều kêu rất buồn bã đến ba ngày mới hết. Ngài đến kinh sư, vua ra giữa đường đứng đợi và nghênh đón ngài, mời ngài vào cung truyền Bồ-tát giới. Từ đó, ngài cấm không được giết chim nhạn, chó và những thứ thương tổn đến sinh linh để cúng tế ngũ phương, cấm trong thành không được dựng lò mổ. Ngài ở trong cung bốn mươi ngày. Vừa ra ở chùa ngoài thành, vua liền có chiếu chỉ bỏ việc giảng pháp, bắt mọi người phải theo Sa-môn tu tập thiền quán. Ngài liền vào cung can vua cho rằng hễ thông được lý của giáo môn thì mới diệt trừ được mê muội, do đó cần phải nhờ vào nghe giảng và được giảng sư trao truyền kiến giải, xin nhà vua chớ cấm việc giảng pháp. Vua chấp nhận ý kiến của ngài

Đến khi Tuyên Đế lên ngôi, vẫn thường đến học hỏi ngài. Vua đến, ngài chỉ ngồi trên giường mà không ra nghênh đón. Học trò của ngài có người khuyên ngài nên nghênh đón vua. Ngài nói:

- Xưa Tôn giả Tân-đầu-lô đi ra bảy bước để nghinh đón A-dục vương khiến cho nhà vua bảy năm bị mất nước. Bần đạo tuy là người thiếu đức nhưng vẫn là chỗ dựa để cho nhà vua tạo phước vậy.

Lúc ấy có kẻ dèm pha với vua, vua liền quản thúc ngài. Sau đưa về chùa và ra lệnh giết ngài vì tội bất kính. Ngài đều biết trước cả. Khi vua đến chùa thì ngài đã ra khỏi chùa mười dặm đứng đợi vua. Vua thấy lạ, bèn hỏi nguyên do. Ngài đáp:

- Vì tôi sợ máu của mình làm ô uế Già-lam nên mới ra xa như vầy để chịu chết.

Vua nghe thất kinh liền lạy tạ sám hối, và nói với bề tôi là Dương Tuân rằng:

- Trẫm mê muội đã trách nhầm Thánh sư.

Thế rồi vua lại cung kính ngài như trước. Nhân đó ngài khai thị

vua rằng:

- Bệ hạ tiền thân vốn là La sát, tâm hiếu sát ngày nay là do tập nghiệp ngày trước còn.

Vua hỏi:

- Làm sao thầy biết được?

Ngài bèn xin một bát nước, chú nguyện xong bèn bảo vào nhà, vua nhìn vào, quả nhiên tướng trạng của vua đúng là La-sát, lại còn có bầy La-sát tùy tùng theo. Vua thất kinh, từ đó vua đoạn tuyệt ăn mặn, cả ngày ngồi thiền, lạy Phật, hành đạo tinh tấn tu hành.

39. Kính Đế. (Giáp Tuất)

Kính Đế tên là Phương Trí, tự là Tuệ Tướng, thuở nhỏ có tự là Pháp Chân. Ông là con thứ chín của Nguyên Đế. Nguyên Đế bị Tây Ngụy đánh phá Giang Lăng và giết chết. Trần Bá Tiên liền giết Vương Tăng Biện rồi lập ông làm vua. Ông phong Bá Tiên làm tướng, rồi tấn phong làm Trần Vương. Ông thọ mười sáu tuổi, trị vì được hai năm.

Tây Ngụy Cung Đế: Tên là Quách, con thứ tư của Văn Đế. Do Vũ Văn Thái nghe lời dèm pha của Liễu Thích nên phế Khâm rồi lập ông. Thái chết, con là Giác nối ngôi vị tướng của ông và được phong làm Chu Công. Bấy giờ vua mới mười lăm tuổi, chú của Giác là Vũ Văn Hộ ép vua nhường ngôi cho Giác, rồi phong vua làm Tống Công. Ông làm vua được ba năm.

- Ất Hợi: Đổi niên hiệu là Thiệu Thái.

* Hậu Lương: Họ Tiêu, đóng đô ở Giang Lăng. Lôi thị nói: "Tuyên Sát, Khuy, Tông, Tây Ngụy, Phụ Dung, Hậu Lương gồm ba đời vua, trị vì ba mươi bốn năm.

Tuyên Đế: Tên là Sát, tự là Lý Tôn, người ở Lan lăng. Ông là cháu của Vũ Đế, con thứ hai của Chiêu Minh Thái tử. Vũ Văn Thái lập ông ở Giang Lăng. Ông trị vì được tám năm, đổi niên hiệu là Đại Định, thọ bốn mươi bốn tuổi.

40. Vua Bắc Tề ban sắc lệnh cho Lục Tu Tĩnh Và Pháp sư Đàm Hiển so tài.

Tháng chín, năm Thiên Bảo thứ sáu, vua Bắc Tề ban sắc lệnh cho Sa-môn cùng đạo sĩ đắc đạo gồm mười người so tài với nhau. Hồi ấy, bọn đạo sĩ Lục Tu Tĩnh ở Kim Lăng bị Lương Vũ Đế không dùng bèn chạy sang Ngụy, nhờ đó ngày một hưng thịnh. Nhưng Tề Văn Đế lại theo đạo Phật nên bọn Tĩnh rất đố kỵ. Tĩnh bèn đến triều đình xin được

phép cùng thi thố với Sa-môn. Vua có chiếu chỉ sai Pháp sư Thượng Thống chọn ngày để họ so tài.

Đến ngày so tài, vua triệu tập tất cả công khanh đến dự. Bọn Tĩnh dùng phù chú chú nguyện làm cho y bát của tăng và rường cột trong điện đều rúng động. Chư Tăng chỉ nhìn nhau chẳng ai biết phải so tài thế nào. Bấy giờ chúng hội đều nhốn nháo cả lên cho rằng đạo gia thắng. Bọn Tu Tĩnh được thế càng cao ngạo, kiêu căng coi thiên hạ chẳng ra gì, cho mình thuộc vào hàng thần tiên. Tĩnh còn nói:

- Sa-môn hiện một thì ta hiện hai. Nay ta mới chỉ dùng một phép thuật nhỏ để mọi người xem đấy thôi.

Vua quay lại hỏi Thượng Thống:

- Nhà Phật không có ai thi thố sao?

Thống thưa:

- Những phép thuật tiêu khiển ấy bọn Nhọ tục còn làm được, huống gì là người xuất gia. Nay đã có lệnh của vua thần không dám chống đối, thần xin mời một vị Tăng thấp kém nhất trong chúng hội này trổ tài phép thuật.

Lúc ấy, có Pháp sư Đàm Hiển (chẳng biết quê quán sư ở đâu) đang say rượi ngồi ngất ngưỡng dưới tòa. Thống sai hai người dìu sư lên tòa cao. Lên xong, Sư cười nói:

- Đã đến nước này thì ta xin so tài thử với kẻ đã làm cho y bát rường cột chấn động.

Nói xong, Sư liền sai người đem y bát của Thiền sư Tăng Trù để ngay trên đất bảo Tĩnh phù phép. Bọn Tĩnh cố hết sức giở hết phép thuật, nhưng y bát vẫn chẳng động đậy gì. Vua liền bảo đem y lại vua xem, nhưng có đến mười người mà nhấc cái y chẳng nổi. Đàm Hiển lại lấy y vắt lên xà nhà rồi bảo Tĩnh phù phép, rốt cuộc rường trong điện chẳng hề lung lay. Hiển nói tiếp:

- Lúc nãy ta say nhưng tai ta vẫn nghe ông nói: Sa-môn hiện một thì ông ông hiện hai, đúng vậy không.?

Tĩnh đáp:

- Đúng vậy.

Hiển liền co một chân rồi nói:

- Ta đã hiện một, ông hãy hiện hai xem.

Bọn Tĩnh nín thinh không làm được. Bọn họ nhìn nhau hoảng sợ tái mặt, chỉ riêng Lục Tu Tĩnh vẫn còn muốn cậy vào ba tấc lưỡi của mình để mong chiến thắng Sa-môn. Tĩnh nói:

- Đạo Phật của ông tự cho mình là nội đạo, mà nội thì phải nhỏ;

cho đạo gia là ngoại đạo, mà ngoại thì lại lớn, đúng không?

Đàm Hiển liền đáp:

- Ông nói vậy thì thiên tử ở trong chốn cửu trùng tức là nhỏ hơn trăm họ ở ngoài ư?

Tĩnh nghẹn họng không đáp được. Quần thần bấy giờ đều hô vạn tuế, họ vui mừng hớn hở ra về.

Phong cách của Đàm Hiển rất phóng khoáng, những việc Sư làm không ai lường được. Về sau không ai biết Sư thị tịch ở đâu.

Ngày tháng mười, vua đích thân xem kho sách trong cung. Trong tháng này, Văn Đế hạ chiếu: "Pháp môn chẳng hai, chân pháp chỉ một, muốn cầu con đường chân chánh phải lấy vắng lặng, thanh cao làm gốc. Cái đạo cúng tế rượu thịt vốn là đạo bất chánh. Do chưa thấu triệt nên có nhiều kẻ thế tục tôn sùng. Men rượu tuy ngon nhưng làm con người mê muội, đích thị là tà tông. Đạo này vốn trái với nguồn gốc cúng tế, đi ngược với nghi thức tế tự, nên từ nay về sau cấm không cho ai tu theo đạo này nữa. Bọn đạo sĩ, những người nào tự cho mình là thần tiên thì phải bay được lên đài Tam tước, nếu không làm được như vậy thì nên cải mê quy chân, hãy đến Pháp sư Chiêu Huyền Thượng Thống mà cầu thế phát xuất gia".

Nước Tề từ đó không còn bọn đạo gia lưu hành nữa.

41. Đỗ Bật thời Bắc Tề.

Đỗ Bật tự là Phụ Ngôn, người ở Trung Sơn, Khúc Dương. Năm mười ba tuổi ông đỗ Tiến sĩ. Ông biện luận tinh thông, hạ bút thành văn. Vương Trừng nghe ông đối đáp phải khen: "Thật là kẻ tài ba đáng giúp vua".

Cao Hoan rất kính phục ông, bèn nhờ Ngụy đế vấn nạn để biết Bật tinh thông Phật lý đến mức nào. Ngụy Đế hỏi:

- Phật tánh và pháp tánh khác nhau như thế nào?

Đỗ Bật đáp:

- Chỉ là Nhất lý.

Đế hỏi:

- Người giảng pháp cho rằng pháp tánh rộng, Phật tánh hẹp, như vậy đúng không?

Đỗ Bật đáp:

- Ở trong rộng thì rộng, ở trong hẹp thì hẹp. Nếu luận về thể của tánh thì nó chẳng rộng chẳng hẹp.

Đế hỏi:

- Đã nói thành rộng thành hẹp, sao lại chẳng rộng chẳng hẹp được?

Bật đáp:

- Nếu nó cố định là rộng thì không thể thành hẹp. Nếu nó cố định là hẹp thì cũng không thể thành rộng được. Do nó chẳng rộng chẳng hẹp nên có thể thành rộng mà cũng có thể thành hẹp. Đối tượng hình thành tuy khác, nhưng chủ thể năng thành chỉ là một.

Ngụy đế khen:

- Hay! Hay thật!

Ông phụng chiếu đi sứ xong liền trở về. Văn Tương hỏi ông việc trị nước thế nào, thì ông đáp:

- Điều mà thiên hạ quan tâm nhất không ngoài thưởng phạt. Thưởng cho một người thì thiên hạ an vui, phạt một người thì thiên hạ khuất phục. Thưởng phạt công bằng thì việc làm tự nhiên toàn thiện.

Văn Tương nghe xong, vui mừng nói:

- Lời lẽ tuy ít nhưng đạo lý thật thâm sâu, cốt yếu.

Bính Tý: Đổi niên hiệu là Thái Bình. Tây Ngụy tồn tại hai mươi lăm năm, rồi truyền ngôi cho Vũ Văn Chu.

* Hậu Tề.

42. Tề Thư trước tác Vương Thiệu Thuật Phật:

Trong bài tựa nói: "Tướng của Nguyên Ngụy mưu lược, nhưng vận nước tiêu tan. Túc Tông, Hiếu Minh Đế kính trọng Phật pháp. Hồ Thái hậu đích thân lâm triều giải quyết chánh sự. Trong ngoài ai nấy đều được yên vui. Đến khi Minh Đế băng hà, Hồ Thái hậu cũng mất, Cao Hoan giết bọn phản nghịch Nhĩ Chu Vinh ở đất Nghiệp, đốt phá cung thất ở Lạc Dương, tôn Thanh Hà Quận vương lên làm vua ở đất Nghiệp. Trong mười bảy năm Hoan ra sức khuôn phò triều Ngụy. Đến khi Thái Thanh năm thứ ba, Vũ Đế mất và Cao Hoan cũng chết, thì Thái tử Trừng chiếm ngôi. Không bao lâu Trừng cũng mất. Ngụy Tĩnh Đế nhường ngôi cho Cao Dương, tức con thứ ba của Hoan. Họ Cao vốn là người Vũ Xuyên nhưng đóng đô ở đất Nghiệp. Thời bấy giờ vận nước rối ren, trí ngu lẫn lộn. Trong hơn mười năm khi giáo pháp hưng thịnh đã có đến hai triệu Tăng, hơn bốn mươi ngàn ngôi chùa. Sáu đời vua nối nhau trị vì tổng cộng hai mươi tám năm, cuối cùng bị nhà Chu diệt.

Tề Thư có trước tác bộ Vương Thiệu Thuật Phật, trong ấy nói: "Họ Thích chẳng phải là những kẻ có kiến thức cạn cợt hiểu được, họ chỉ tự tiện nói càn." Trong ấy lại dẫn Ngự Khấu Thư, thuật lại việc

Thương Thái Tể hỏi Khổng Tử về việc của Thánh nhân. Lại cho rằng, hoàng đế dạo chơi trong nước họ Hoa Tư, mà nước Hoa Tư là cảnh giới mà Phật dạo chơi. Những gì trong ấy nói có phần ảnh hưởng đến Phật.

Đến đời Thạch Phù Diêu, kinh được dịch ra rất nhiều. Do muốn thu phục lòng người nên dùng ngụ ngôn làm phương tiện mà chẳng biết nó thần dị như thế nào. Rộng lớn thay! Mênh mông thay!

Trong đó nói đến thân tâm thiện ác của con người cùng nhân duyên của việc đời, dựa trên tinh thần Từ, Bi, Hỷ, Xả, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Bộ sách biện luận rất linh hoạt, rõ ràng như mặt trời, mặt trăng, chẳng phải bậc thánh giác thì không ai có thể chứng đắc được. Hễ tùy thuận thì việc trước tiên cần phải nhất niệm. Người thấu đạt lý thì phải thận trọng thân nghiệp khẩu nghiệp, phải tu định tuệ. Bình đẳng, giải thoát, cứu cánh, Bồ-đề cho đến những gì Bích-chi-phật tu đều không thể thông lý. Tốn công tốn sức nhưng rốt cuộc hoài công vô ích. Cũng như Lục kinh vẫn có điều sơ suất mà chưa đạt đến chỗ thâm sâu nhất.

Đinh Sửu: Nhà Lương trị vì năm mươi bảy năm rồi truyền ngôi chonhà Trần.

* Hậu Chu: Họ là Vũ Văn. Vương Mộc Đức đóng đô ở Trường An, tổng cộng gồm năm đời vua.

Lôi thị nói: “Thái Tổ, Mẫn Minh, Vũ, Tuyên, Tĩnh, hậu Chu gồm năm đời vua, trị vì hai mươi lăm năm”.

43. Chu Vũ Đế ghét phái Hắc y, phá diệt Phật giáo:

Trong bài tựa nói: “Tổ mở nghiệp nhà Chu là Vũ Văn Giác, tức Thái tử của Ngụy đại thừa tướng Văn Thái. Thái tôn Cao Dương vương làm vua, dời đô về Trường An, lấy hiệu là Tây Ngụy trị vì mười tám năm. Sau phế vua rồi lập Tề vương. Được bốn năm thì Thái chết. Giác nối ngôi nhưng cũng bị phế trong năm đó, rồi lập con là Dục lên ngôi. Bốn năm sau Dục chết, lại lập em là Ung tức là Chu Vũ đế. Được hơn mười năm, đến đầu niên hiệu Kiến Đức, Vũ Đế bị đám đạo sĩ Trương Tân mê hoặc, nên ghét phái Hắc y, hủy diệt Phật giáo. Vũ đế phá hoại hơn bốn mươi ngàn ngôi chùa, bắt hơn ba triệu Tăng phải hoàn tục. Bình định Tề không bao lâu Vũ Đế đổi niên hiệu là Tuyên Chánh. Đến tháng năm Vũ Đế mất. Thái tử Bân lên ngôi tự xưng là Thiên Nguyên Hoàng đế. Đại Tượng năm thứ hai, tháng năm Bân mất. Thái tử Diễn lên ngôi. Tháng hai năm sau Diễn nhường ngôi cho nhà Tùy. Nhà chu gồm năm đời vua, trị vì hai mươi lăm năm thì mất nước. Hồi ấy Vũ Văn

Thái và đại trũng tể Vũ Văn Hộ đều rất kính ngưỡng Phật pháp. Hai ông cùng hơn mười Sa-môn Tây Vực giảng dịch kinh luận, thiên văn... Cả thảy hơn một trăm quyển.

Chu Thái tổ Văn Hoàng đế: Thuở nhỏ có tự là Hắc Thát, người ở Quận Đại, Vũ Xuyên. Tiên tổ xuất thân từ hậu duệ của Viêm đế, mà Viêm là kẻ thù của Hoàng đế, nên con cháu ông phải trốn qua sinh sống tại Sóc Dã. Ông có cháu tên là Tổ Hồi nhân lúc đi săn lượm được ngọc tỷ, đó là ngọc tỷ của Hoàng đế. Hồi cho rằng đó là trời ban. Người ta cho rằng Thiên Văn tức là Vũ. Nhân đó Hồi lấy quốc hiệu và họ là Vũ Văn. Sau ông phế nhà Tề rồi lên làm vua.

Hiếu Mẫn đế: Tên là Giác, thuở nhỏ tự là Đà-la-ni, là con thứ hai của Văn đế. Văn Thái mất, ông nhận ngôi từ Ngụy Cung đế. Ông không đổi niên hiệu. Vương Mộc Đức trị vì được hai năm.

■

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 10

1. Trần Cao Tổ:

Nhà Trần đóng đô ở Kiến Thang. Lôi Thị nói: "Trần Cao Bá Tiên, Văn, Phế, Tuyên cả thảy năm đời vua, trị vì ba mươi ba năm.

Đinh Sửu: Cao Tổ Vũ Hoàng đế: Họ Trần, húy là Bá Tiên, tự là Hưng Quốc, thuở nhỏ có tự là Pháp Sinh, người ở Ngô Hưng, Trường thành. Ông nhận ngôi từ Lương Kính đế, mất ở điện Tinh Kỳ, thọ năm mươi bảy tuổi, trị vì ba năm. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Vĩnh Định.

Chu Mẫn đế: Tự là Văn Giác bị anh là Hộ giết chết rồi lập Dục lên ngôi.

Trong bài tựa nói: "Vận nước nhà Lương suy vi, họa khó tránh khỏi. Giặc Đông Ngụy là Hầu Cảnh nhân sơ hở mà vào. Cao Tổ vì nghĩa nên nhận ông ta và phong làm Hà nam vương. Cảnh lợi dụng được vua yêu mến rồi làm phản, vây hãm vua ở Đài thành. Trước đó Lương Tương Đông vương đã đem binh trấn giữ kinh, Thiểm sai bọn Vương Tăng Biện, Trần Bá Tiên bình định Kim Lăng. Không bao lâu Tương Đông vương bị Tây Ngụy giết chết. Hầu Cảnh cũng bị tru di. Tăng Biện lại bị Bá Tiên giết. Thái Bình năm đầu, Lương Kính đế nhường ngôi. Bá Tiên lên ngôi ở Kim Lăng, lấy họ làm quốc hiệu.

Gia thế Bá Tiên vốn rất nghèo. Ông tự cho mình là hậu duệ của Hán Thái Khâu Trường Trần Thật. Thân ông cao chín thước hai tấc, râu dài ba thước, tay dài quá gối, là người thông minh, phóng khoáng, có tài mưu lược. Sau khi lên ngôi, ông nối nghiệp nhà Lương, kính ngưỡng Phật giáo. Hơn bảy trăm ngôi chùa ở Kim Lăng bị Hầu Cảnh đốt phá sạch, Trần Cao Tổ đều cho sửa sang tu bổ lại. Ông dịch kinh giảng pháp chẳng thua kém gì các đời vua trước. Từ khi lập quốc đến Trinh Minh thứ ba, cả thảy năm đời vua, trị vì ba mươi ba năm. Sau đất nước vào tay nhà Tùy. Trong hai mươi bốn năm ông cùng nhà Chu trị vì muôn dân, chín năm cùng Tùy nắm giử triều chánh.

Bấy giờ có Tam tạng Pháp sư Cầu-na-đà-la người nước Ưu-thiền-

ni, Thiên Trúc (đời Trần dịch là Chân Đế). Trong mười bốn năm ngài đã dịch được bốn mươi tám bộ kinh luận gồm hai trăm ba mươi hai quyển lưu hành khắp trong nước.

Pháp sư Chân Quán là bậc Long tượng của tông môn. Thời ấy Từ bộc xạ nắm quân, muốn Tăng đi lính. Sư liền gởi thư khuyên can. Ngôn từ của Sư thống thiết, làm cho vua quan phải hồi tâm tỉnh ngộ. Sư còn trước tác Vô Tánh Nhân Duyên Luận.

Chu Minh đế: Tên là Dục, thuở nhỏ tự là Thống Vạn, con trưởng của Vũ Văn. Dục ở ngôi bốn năm, đổi niên hiệu là Vũ Định.

Canh Thìn: Văn Đế: Tên là Thiến, tự Tử Hoa, con trưởng của anh Cao Tổ là Chiêu Liệt Vương Hưng. Cao Tổ cùng anh mưu cầu đế nghiệp, nên di chiếu lập Thiến. Ông mất ở điện Hữu giác, ở ngôi bảy năm đổi niên hiệu là Thiên gia.

Nhà Chu: Minh đế bị anh là Hộ chuốc thuốc chết rồi lập em là Ung lên ngôi.

2. Thiền sư Tăng Trù ở chùa Bá Nham:

Thiền sư Tăng Trù là học trò của Tam tạng Bạt-đà. Sau khi thọ Cụ túc ngài đến ở tại chùa Thiếu Lâm, Tung sơn. Sau lại đến chùa Bá nham giải quyết việc đối kháng giữa hai giáo phái. Do vậy ai nấy đều nghe danh ngài. Tề Càn Minh năm đầu, ngài thị tịch tại chùa Vân môn ở Long sơn.

Tề Hiếu Chiêu đế tên là Diễn, tự là Diên An, là con thứ sáu của Thần Vũ. Ông là người thông minh nhân hậu, cần cù việc trị nước. Năm đầu nhân lúc đi săn, ngựa hoảng sợ chạy, ông té xuống đất rồi chết, an táng ở Tĩnh Lăng, thọ năm mươi bảy tuổi. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Hoàng Kiến.

Chu Vũ Đế: Tên là Ung, thuở nhỏ có tự là Di La, con thứ tư của Vũ Văn. Lúc lên ngôi, ông chỉ mặc áo vải, không dùng châu ngọc trang sức, cấm đoán ăn mặc lòe loẹt, chỉ ngồi trên thềm giải quyết triều chánh, không bày biện chạm trổ, phi tần, thể nữ ở hậu cung không tới mười người. Ông ở ngôi mười tám năm, đổi niên hiệu là Bảo định. Ông mất trên xa giá, an táng ở Hiếu lăng, thọ ba mươi sáu tuổi.

3. Pháp sư Hồng Yển:

Pháp sư Hồng Yển là người rất được Văn Đế kính trọng. Khi sứ Tề là Thôi Vũ Tử cậy tài chuyên quyền, triều đình đều lo lắng. Vua thấy tài của ngài tinh thông cả nội điển lẫn chánh sự bèn mời làm quan

kết bạn với Vũ Tử. Vũ Tử thấy vậy than thầm rồi về nước. Từ đó triều đình muốn thay đổi ý chí của ngài bằng con đường làm quan. Nghe được việc đó ngài liền tuyệt thực tự thề cho đến chết. Vua thấy ngài thật lòng bèn thôi. Bấy giờ vua gọi ngài là Yển Tứ Tuyệt, nghĩa là dung mạo, đức hạnh, văn chương, thư pháp của ngài đều tuyệt hảo. Lúc lâm chung, ngài dặn dò đồ chúng rằng:

- Người thế gian bị tâm tham làm cho tối mắt. Tham với mình thì một sợi lông cũng thấy tiếc, tham với người mãi cầu không chán. Thậm chí sau khi chết còn xây mộ cho cao, quan quách cho dày. Đó có khác gì tự xây tường thành giam mình nơi chín suối, thật đáng thương! Sau khi ta nhắm mắt, các ông phải chặt róc cái thân hôi thối này bố thí cho diều, quạ, chim chóc.

Sau khi ngài tịch, đệ tử làm đúng lời dạy. Ngài soạn bộ Văn Tập gồm hai mươi quyển, vua hạ chiếu cho cất giữ tại bí các.

4. Pháp sư Bảo Quỳnh:

Pháp sư Bảo Quỳnh là người được Trần Tuyên đế thỉnh làm Tăng Thống. Ngài dùng phép tắc khéo léo cai quản chúng Tăng nên tứ chúng đều an vui. Ngài nhiều lần vào điện Trùng Vân giảng thuyết, vua tôn ngài làm thầy. Hồi ấy trong thời Ngụy, Lương, Tăng Thống thường trau chuốc tích trượng, xâm tổn đến của cải vua quan. Đến ngài thì tâu vua bãi bỏ việc ấy. Mỗi lần xuất du, ngài chỉ chống cây gậy khổ hạnh và đội chiếc nón mà thôi. Thời ấy, phía Đông có mười hai quốc gia, nghe đức hạnh của ngài nhưng chưa được gặp, bèn sai sứ đem vàng bạc lụa là đến dâng cúng rồi xin họa tượng ngài. Ngài là người được thiên hạ kính ngưỡng đến như vậy. Ngài mất, Pháp sư Đàm Diễn lên thế chức Tăng Thống. Đàm Diễn cũng là người nổi tiếng rất được trọng vọng. Lúc mới sinh ra, Đàm Diễn có đủ bốn mươi cái răng, đó đủ thấy ngài là người rất khác tục.

Nhâm Ngọ: Hậu Lương Thế Tông: Tên là Khuy, tự là Nhân Viễn, con thứ ba của Sát, ông trị vì hai mươi ba năm, đổi niên hiệu là Thiên Bảo.

Tề Vũ Thanh đế: Tên là Trạm, con thứ chín của Thần Vũ. Ông dâm loạn bạo ngược, tin dùng kẻ được sủng ái. Ông truyền ngôi cho Thái tử, trị vì được bốn năm, thọ ba mươi hai tuổi. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Thái Ninh, sau đổi niên hiệu là Hà Thanh.

Ất Dậu: Tề Hậu Chủ tên là Vĩ, tự Nhân Cương, con trưởng của Vũ Đế. Bản tánh hôn mê bạo ngược, giết trung thần như Thôi Quý... Trị vì

được ba năm, đổi niên hiệu là Thiên Thống.

Thụy tượng Chiên-đàn tồn tại ở Hà nam được ba trăm sáu mươi bảy năm.

5. Vệ Nguyên Tung dâng sớ đòi vua giảm bớt Tăng:

Trong năm này, Vệ Nguyên Tung dâng sớ đòi vua giảm Tăng chúng. Ban đầu Chu Vũ Đế kính ngưỡng Phật pháp. Thiên bảo thứ sáu, Tung đưa ra mười một điều đòi giảm chùa, giảm Tăng. Tung nói:

- Tăng phần nhiều lười biếng, tham lam tiền của, không đáng để cung kính.

Vua liền triệu một trăm Tăng vào đạo tràng rồi rình xem trong bảy ngày có xảy ra việc gì không, rốt cuộc không có việc gì, vua bèn dừng việc kiểm chứng. Sau đó, Tung bị báo ứng, bị bạo bệnh rồi chết. Thế Tôn nói: "Trùng trong thân sư tử".

Vệ Nguyên Tung lẽ đâu lại không phải là hạng đó sao.

Bính Tuất: Đổi niên hiệu là Thiên Khang. Nhà Chu đổi niên hiệu là Thiên Hòa và dùng lịch Thiên Hòa.

6. Phế Đế:

Tên là Bá Tông, lên ngôi đổi niên hiệu là Quang Thái, mất năm mười chín tuổi, trị vì được hai năm.

Phật pháp truyền vào Trung Quốc được năm trăm năm.

7. Thiền sư Tuệ Tư, Tổ của tông Thiên Thai:

Sư họ Lý, người Vũ tân. Thuở nhỏ rất khoan dung, nhân từ, đầu có nhục kế, tai có hai vành, nhìn như voi, đi như cọp, tướng mạo rất phi phàm. Một hôm, Sư nằm mộng thấy Phạm tăng đến khuyên xuất gia, Sư liền từ giã song thân thế phát xuất gia. Sau khi thọ giới Cụ túc, mỗi ngày sư chỉ ăn một bữa, không thọ biệt thỉnh.

Nghe Bắc Tề Tuệ Văn Thiền sư nhóm chúng hành pháp thanh tịnh, Sư liền đến quy y. Từ khi thọ nhận được chánh pháp, Sư thường ưa khổ hạnh, lấy việc độ Tăng làm sự nghiệp, chỉ trong hai mươi mốt ngày sư chứng Túc mạng trí, nhưng tập khí lậu nghiệp vẫn chưa dứt sạch. Sau đó trong định, Sư phóng thân dựa vào tường, thân chưa chạm tường thì hốt nhiên tỏ ngộ Pháp hoa Tam-muội. Pháp môn Đại thừa liền thấu triệt chỉ trong một niệm, mười sáu bội xả thù thắng dần dần thể nhập hết, từ đó liền thấu triệt nguồn tâm, mà chẳng phải từ ai khác. Sư khai thị chúng:

- Nguồn đạo không xa, biển tánh rất gần, chỉ tìm cầu ngay chính mình chớ tìm ở người khác, vì tìm rốt cuộc chẳng được, mà có được đi nữa cũng không phải là chân thật. Các ông bị chôn chân trong pháp vị, bị ngưng trệ trong giáo điều. Cứ ở mãi trong núi mới là nơi an ổn lâu dài.

Nói xong, Sư dẫn đồ chúng hơn bốn mươi người qua thẳng Nam nhạc, lúc đó là ngày hai mươi ba tháng sáu niên hiệu Quang đại thứ hai nhà Trần. Vừa đến, ngài liền nói:

- Ta đến đây ở đúng mười năm mà thôi.

Nguyên núi này đã có sư Tuệ Hải ở trong chùa Hành Nhạc từ đời nhà Lương. Vừa thấy Sư đến, Tuệ Hải vui vẻ nhường cho Sư. Thời bấy giờ người ta gọi sư là Tư Đại Hòa thượng.

Có người hỏi Sư:

- Sao thầy không xuống núi giáo hóa chúng sinh?

Sư đáp:

- Ba đời chư Phật đã bị một cái miệng ta nuốt hết, làm gì còn có chúng sinh nào để giáo hóa.

Có một lần sư không vui, nhân đó nói:

- Bệnh do nghiệp sinh, nghiệp do tâm khởi, tâm duyên không khởi thì ngoại cảnh làm sao có tướng! Bệnh của nghiệp và bệnh của thân đều như bóng mây. Tác quán như vậy thì thân liền khinh an.

Trần Cao Tổ mời sư vào kinh đô, thỉnh sư ở tại chùa Thê Huyền. Vua tận tâm cung kính mong sư chỉ dạy. Ở được thời gian, Sư từ biệt vua về lại Nam Nhạc. Sư nói:

- Tôi dừng ở núi này chỉ mười năm thôi, nay đã hết hạn phải đi nơi khác.

Lúc ấy, mọi người chẳng hiểu sư muốn nói gì.

Về đến núi, Sư tập hợp đồ chúng thuyết giảng pháp liên tục trong mấy ngày liền. Sư thống thiết quở trách, người nghe đều cảm thấy chạnh lòng khiếp sợ.

Ngày hai mươi hai tháng sáu niên hiệu Đại Kiến thứ chín đời Trần, Sư ngửi thấy mùi hương lạ, Sư bèn nhiếp tâm kiết già thị tịch. Từ chân lên đỉnh đầu toàn thân sư đều ấm, thần sắc vẫn như người sống. Sư thọ sáu mươi bốn tuổi.

Sư hành trì Bồ-tát tam tụ tịnh giới, đến những thứ như quần áo, giầy dép, Sư nghĩ đều tổn hại đến chúng sinh, nên y phục của sư đều làm bằng sợi gai thô xấu. Mùa lạnh thì Sư cất cỏ dồn đống để tránh gió xương. Đến như y pháp mà Sư đắp cũng không hề có sợi tơ tằm. Giả sử

được pháp vị cũng không nói mình chứng đắc. Dù xin hay được cúng tơ lụa để may y, Sư đều dựa vào giới luật cắt bỏ hết tơ tằm, Sư nghĩ cắt bỏ hết dục tình thì tâm làm sao phóng túng được. Chỉ có ngài Nam Nhạc mới đích thật là người tôn trọng, noi đúng Thánh luật. Ngày nay những môn phái khác có những người ăn mặc lòe loẹt, chạy theo cái đẹp bên ngoài, lẽ đâu không thấy hổ thẹn sao!

8. Tuyên Đế: (Kỷ Sửu)

Tuyên đế tên là Húc, tự Thiện Thế. Thuở nhỏ tự là Sư Lợi, con thứ của Chiêu Liệt Vương Hưng, em của Văn Đế. Thân ông cao tám thước ba tấc, có sức mạnh phi thường, giỏi bắn cung cưỡi ngựa. Ông sinh năm mươi mốt người con, mất ở điện Tuyên phước, thọ năm mươi ba tuổi, trị vì mười bốn năm.

9. Chu Vũ Đế ra lệnh tam giáo nêu rõ sự lợi hại:

Thiên Hòa thứ tư, Vũ Đế ra lệnh cho danh Nho, Tăng, Đạo phải trình bày rõ sự lợi hại của giáo phái mình. Sa-môn Đạo An bèn viết Nhị Giáo Luận gồm hai mươi thiên, cho chín phái Nho, Đạo là ngoại giáo, Phật đạo là nội giáo. Đại lược nói:

"Thời thượng cổ con người vốn chất phát, những bài cáo về lễ nghi cúng tế không mấy thịnh hành rộng rãi. Thuần phong ngày một tha hóa, từ đó người ta mới viết những áng văn nói về tế tự mộ phần. Những bài văn đó bao gồm cả thất điển, thông nhiếp cả cửu lưu, là những kế sách để trị nước, đồng thời là những cách thức để tu thân. Đến khi phân dòng chia nhánh, hình thành chín phái. Còn như tổng hợp lại thì cùng thuộc Nho tông. Nay chỉ vì một biến đổi bên trong làm cho chín phái nổi lên tranh luận. Đạo lớn ở đời phải khiến cho kẻ nhỏ nổi lên tranh chấp. Làm như vậy lẽ đâu chẳng phải là trên thì làm tổn thương đến gia phong to lớn của Hoàng thiên, dưới thì bắt thang cho kẻ dốt nát ngông cuồng đó sao!"

Ngài lại xiển dương thánh giáo rồi tâu rõ với vua. Qua thời gian lâu nhưng không thấy vua trả lời.

Ngài hầu hạ mẹ mình rất chu đáo. Những việc như gạo cơm, củi lửa... Ngài đều tự làm hết. Học trò ngài có người muốn làm thay, ngài nói:

- Mẹ của ta lẽ đâu ta lại để cho người khác phải lao nhọc sao.

Đến khi Chu Vũ Đế hủy diệt Phật pháp, nhưng ngài vốn là người được trọng vọng nên vua muốn cho ngài làm quan. Đạo An bèn lấy cái

chết để cự tuyệt. Ngài liền đem giáo pháp kinh điển chôn đi rồi gào khóc thảm thiết mà chết.

10. Chu Vũ Đế hủy diệt Phật pháp:

Thiên Hòa thứ tư, Chu Vũ Đế bịa chuyện dèm pha Hắc y (Phật giáo). Vũ Đế vốn có tâm nghi ngờ, lại thêm bọn đạo sĩ Trương Tân xúi giục, mưu mô kết bè kết đảng, cho rằng màu y của Phật giáo là điều tối kỵ của đất nước (hồi ấy Tăng mặc y màu đen), màu vàng của Lão giáo mới là điều kiết tường. Vũ Đế tin là thật khởi tâm khinh Phật giáo. Vũ Đế đích thân nhận Phù Lục mặc y, đội mũ.

Ngày rằm tháng ba năm này, Vũ Đế hạ chiếu cho danh sĩ của tam giáo, văn võ bá quan cả thảy hơn hai ngàn người tập trung trong điện đường để khảo xét tam giáo, vua ngồi giữa điện. Vua cho đạo giáo ra đời từ khi chưa có tên gọi, vượt hẳn cả trời đất. Ba bên luận nghị rối bời chẳng phân thắng bại. Đến ngày hai mươi lại tập trung luận nghị lần nữa, lần này thị phi càng hơn lần trước. Vũ Đế nói:

- Đạo giáo và Nho giáo nước ta thường tôn thờ, Phật giáo đến sau. Ý trẫm không theo Phật giáo, các khanh cứ bàn bạc nêu được lý do, bằng không phải tẩy trừ vậy.

Đến đầu tháng tư, vua quan đạo sĩ lại tập trung xung đột như lần trước. Dù hết lời biện luận nhưng chẳng ai đồng ý với ai. Mỗi giáo đều nêu ra cái lý của mình rốt cuộc bất phân thắng bại. Vũ Đế bèn ra lệnh cho Tư lệ đại phu Chân Loan xem xét kỹ hai giáo.

Đến Thiên Hòa thứ năm, sau khi xem kỹ thuyết giáo của hai giáo, Chân Loan viết Tiếu Đạo luận gồm ba quyển dâng vua.

11. Chân Loan dâng Tiếu Đạo Luận:

Trong ấy đại khái nói:

"Trộm nghĩ Phật giáo, Đạo giáo sự tích không đồng, hưng suy ẩn hiện đổi thay cũng khác. Những đạo lý u huyền mầu nhiệm cũng đâu dễ quyết đoán chính xác. Nay thử đem một việc để so sánh thì Phật lấy nhân duyên làm tông, Đạo lấy tự nhiên làm nghĩa. Tự nhiên thì không tạo tác mà thành, nhân duyên thì tích chứa công hạnh mới chứng đắc. Trong Xuân Thu truyện nói: Vua bảo được nhưng lại có điều không đúng, bề tôi bảo được là để loại trừ cái không đúng đó. Bề tôi là hạng người nào? Là người tuân theo thánh chỉ nên không dám nói thật. Hai thiên Đạo Đức đáng làm tông chỉ cho nhà Nho, những người nghi ngờ, lầm lẫn lại muốn vứt bỏ cả hai. Dám xin nhà vua xem xét lại.

Xét trong Ngũ Thiên Văn (Đạo Đức Kinh) nói: Bậc thượng sĩ nghe đạo thì siêng năng thực hành, bậc trung sĩ nghe đạo thì thoạt nhớ thoạt quên, bậc hạ sĩ nghe đạo thì cười ngất. Không cười thì không gọi là đạo.

Thần xin đem cái thấy biết của hạ sĩ viết Tiếu Đạo luận ba quyển, tổng cộng ba mươi sáu điều. Ba quyển là cười về Tam động (Động chân, Động huyền, Động thần của Nho gia), ba mươi sáu điều là cười về ba mươi sáu bộ kinh của đạo ấy".

Thần run sợ, khép nép xin dâng.

Ngày mười tháng năm, Vũ Đế đại tập quần thần để bàn về Tiếu Đạo luận của Chân Loan. Vũ Đế cho rằng lý lẽ của luận làm thương tổn đến đạo pháp, không hợp với tín ngưỡng của mình nên ra lệnh đốt (việc này ghi rõ trong Hoằng Minh tập).

Chu Đại phu Chân Loan quả là người quân tử thấy rộng, chẳng biết khiếp sợ trước quyền uy, lại dũng khí với những kẻ đối địch. Vua ra lệnh thẩm định hai giáo, thì ông lại dùng ngay chánh kiến của mình để phân định rạch ròi phải trái, bày tỏ hoai bão của mình, viết bộ luận này nhằm khen chê, chỉ thẳng điều hay, lẽ quấy.

Kinh thi nói: "Đâu chỉ có người quân tử mới không ngừng cầu phước".

Chính là muốn chỉ con người này, nhưng tiếc thay bộ luận lại bị đốt mất.

12. Đạo An trước tác Nhị Giáo Luận:

Đạo An dâng vua Nhị Giáo luận gồm hai mươi thiên do chính mình viết. Vũ Đế xem xong hỏi ý kiến quần thần, không ai có ý kiến gì, thế là vua chấp nhận. Trong ấy đại khái nói: "Thuật luyện tâm là Tam thừa, là nội giáo. Thuật cứu hình là cửu lưu, là ngoại giáo. Đạo không phải là tôn giáo nào khác mà chính là các phái của Nho gia. Trong Hán Thư Nghệ Văn Chí nói: Nho gia phát xuất từ quan Tư đồ, chủ trương giúp vua, thuận theo âm dương, nêu cao việc giáo hóa qua lại trong Lục kinh, để thần trong Ngũ đức. Họ thuật lại hiến chương văn võ của Nghiêu Thuấn, tôn thờ Trọng Ni. Đạo này cao nhất.

Đạo gia phát xuất từ sử quan, chủ trương trong sạch, rỗng lặng, thường khép mình mà giữ đạo. Và phải là người quay mặt về Nam, phải thể hiện được tính khiêm cung của vua Nghiêu, tính nhún nhường của vua Thuấn. Đó là sở trường.

Âm dương gia phát xuất từ Quan Hy Hòa, chủ trương thuận với

trời xanh, theo vận quay của nhật nguyệt, dạy cho dân về ngày giờ. Đó là sở trường.

Pháp gia phát xuất từ Lý quan, chủ trương thưởng phạt công minh dựa trên lễ chế. Kinh Dịch nói: "Tiên vương dùng hình phạt sáng suốt để duy trì chánh sự". Đó là sở trường.

Danh gia phát xuất từ Lễ quan, chủ trương ngày xưa danh phận và địa vị không đồng nên lễ nghi cũng phải khác. Khổng Tử nói: "Danh cần phải chân chính, danh không chánh thì ngôn không thuận, ngôn không thuận thì việc không thành". Đó là sở trường.

Mặc gia phát xuất từ Quan Thanh Miếu, chủ trương ở nhà cỏ đơn sơ là quý trọng tánh cần kiệm, trưởng dưỡng Tam Lão Ngũ Cánh là thuyết Kiêm ái của Mặc gia. Chọn lựa kẻ sĩ tài giỏi là tôn trọng người tài. Cúng tế mẹ cha là hiếu đễ. Đó là sở trường.

Tung Hoành gia phát xuất từ Quan Hành Nhân. Khổng Tử nói: "Tụng thuộc ba trăm bài kinh thi, nhưng đi sứ bốn phương lại không có tài ứng đối thì học nhiều nào có ích gì. Nhưng có lần lại khen "Sứ giả giỏi! Sứ giả giỏi!" Ý nói khi nắm quyền nhận lệnh thì nên nhận mệnh lệnh và không câu chấp văn từ". Đó là sở trường.

Tạp gia phát xuất từ Nghị Quan gồm cả Nho, Mặc, Danh và Pháp gia. Họ chủ trương biết những gì mà thể chế quốc gia có, thông suốt hết thảy pháp chế của quân vương. Đó là sở trường.

Nông gia phát xuất từ Quan Nông Tắc, chủ trương gieo trồng ngũ cốc, cày ruộng nuôi tằm để có cái ăn cái mặc. Thế nên trong Bát chánh có nói: "Một là để ăn, hai là để trao đổi, buôn bán". Đó là sở trường.

Nếu chia ra thì thành chín phái, nếu hợp lại thì chỉ thuộc Nho tông. Văn chương mà họ trứ tác, lập luận bao gồm cả nội giáo, ngoại giáo. Văn từ cao tột, nghĩa lý trong sáng, thật đáng kính phục.

Canh Dần: Tề đổi niên hiệu là Vũ Bình.

Nhâm Thìn: Chu đổi niên hiệu là Kiến Đức.

Giáp Ngọ: Do Chu Vũ Đế đố kỵ Phật giáo, tin lời của Trương Tân nên cuối cùng muốn phế bỏ Phật giáo.

Ngày mười bảy tháng năm, Kiến Đức thứ ba, Vũ Đế triệu tập cả trăm quan, rồi ra lệnh cho Sa-môn và đạo sĩ biện luận thắng thua. Trước đó Vũ Đế đã ra lệnh cho Trương Tân phải dùng những ngôn từ quỷ quyệt để chiết phục Sa-môn, mượn những đạo lý ấy hòng hủy diệt Phật giáo. Hồi ấy, Pháp sư Trí Huyền đối đáp trước mặt Vũ Đế, ngài dùng những lời lẽ tinh xảo, hùng tráng để ứng đối. Vũ Đế biết Trương Tân không thể khuất phục ngài được, liền mượn thiên uy buông lời áp chế.

Bọn tả hữu đều thét bảo ngài phải nghe theo lệnh vua. Tri Huyền vẫn bình tĩnh ứng đối, càng lúc càng lưu loát, thâm thúy. Những đại thần đi theo thầy đều hồ hởi khâm phục, tán thán ngài. Vũ Đế không thể khuất phục được, hôm sau liền hạ chiếu phế bỏ cả Phật giáo và Đạo giáo.

Bính Thân: Tề đổi niên hiệu là Long Hóa. Binh lính nhà Chu vây hãm Tịnh Châu. Vua chạy trốn sang đất Nghiệp rồi truyền ngôi cho Thái tử Hằng.

Đinh Dậu: Chu đánh Tề đến đất Nghiệp. Tề Vương Vĩ chạy trốn và bị bắt. Chu vương phong ông làm Ôn quốc công. Ấu chủ Hằng đổi niên hiệu là Thừa Hóa. Ấu chủ và Hậu chủ chạy trốn sang Thanh châu, lính nhà Chu bắt được, nước Tề bị diệt vong.

Cao Tề gồm năm đời vua, trị vì tổng cộng hai mươi tám năm, cuối cùng bị Vũ Văn Chu thôn tính.

13. Chu Vũ Đế bàn việc phế lập Phật giáo, Đạo giáo.

Thừa Quang thứ hai, Vũ Đế diệt Bắc Tề, chiếm cứ Nghiệp đô. Đế dùng bọn Vi Hiếu Khoan, Dương Kiên để bình định họ Cao ở phía Đông. Vũ Đế lại triệu tập các vị đại đức cao tuổi vào điện, Đế lên tòa bàn việc phế lập. Vũ Đế nói:

- Lễ nghĩa trung hiếu trong Nho giáo, Lục kinh là phép tắc chung ở đời nên được tồn tại. Còn như chân Phật vô tướng chỉ tôn kính trong tâm, kinh Phật khen nhiều về việc xây dựng chùa tháp chỉ làm hao công tốn của của dân một cách vô ích. Hễ là kinh, tượng thì phải hủy diệt hết, tất cả Tăng, Ni đều phải hoàn tục. Ý trẫm như vậy, các vị đại đức thấy có lý không?

Lúc đó Sa-môn Đại Thống cùng hơn năm trăm vị khác đều cho rằng uy của vua lẫy lừng, dù cố công can gián vua cũng khó nghe theo. Trong triều đã tẩy trừ thì khó lòng đứng vững, nên ai nấy đều im lặng. Vua liền hạ lệnh không cho thưa hỏi gì nữa. Các vị Sa-môn đại đức thất kinh nhìn nhau cúi đầu rơi lệ.

Khi ấy có Sa-môn Tuệ Viễn, họ Vương vốn là môn nhân của Hòa thượng Đàm Thỉ, là người rất có tiếng tăm. Tuệ Viễn tự nghĩ: "Phật pháp phải nhờ vào tứ chúng mới tồn tại, tứ chúng đều câm miệng lẽ đâu cho đó là lẽ chung ư?"

Ngài liền bước ra khỏi chúng nói:

- Bệ hạ là người thống lãnh quốc gia, ở ngôi vị cao nhất, tùy thuận thế tục lập ra hiến chương, tam giáo. Bệ hạ nói rằng: "Chân Phật vô tướng", quả đúng như vậy. Nhưng sinh linh có tai mắt đều phải nhờ nghe

kinh Phật, ngắm tượng Phật mới khai mở được nguồn chân. Nay nếu bỏ hết thì lấy gì để biểu hiện sự kính ngưỡng.

Vũ Đế nói:

- Chân Phật như hư không, tự biết là được, cần gì phải nhờ vào kinh tượng.

Viễn hỏi:

- Trước thời Hán Minh đế kinh tượng chưa có mặt trong xứ này, thế tại sao mọi người chẳng biết hư không là Phật?

Vũ Đế không đáp được. Ngài nói tiếp:

- Nếu không nhờ kinh giáo mà tự biết có phép tắc, thì từ Tam Hoàng về trước chưa có văn tự, con người phải tự biết được các phép tắc như Ngũ thường... Thế nhưng tại sao lúc ấy họ chỉ biết đến mẹ mà không biết cha, như vậy có khác gì cầm thú.

Vũ Đế cũng không đáp được. Ngài nói tiếp:

- Nếu cho rằng hình tượng vô tri vô giác không có phước cần phải hủy diệt thì thất miếu của quốc gia lẽ đâu lại là việc hữu tình, nếu không tại sao lại tôn sùng một cách sai lầm như vậy.

Vũ Đế cũng không đáp được, bèn nói:

- Kinh Phật là phép tắc của ngoại quốc, nước này chẳng cần tu theo. Thất miếu của quốc gia là do đời trước lập nên, chẳng phải do trẫm lập, nên nay cũng hủy diệt luôn.

Tuệ Viễn nói:

- Nếu cho rằng kinh của ngoại quốc chẳng phải là thứ nước này dùng đến, thì những gì mà Trọng Ni nói bắt nguồn từ nước Lỗ, vậy thì nước Tần nước Tấn cũng phải bỏ đi chẳng cần làm theo. Lại nữa, thất miếu cũng cho rằng không phải, nay muốn hủy đi thì rõ ràng không tôn trọng tiên tổ. Tiên tổ không tôn trọng thì tông tộc không có thứ lớp. Tông tộc không có thứ lớp thì chẳng cần dùng đến Ngũ kinh. Trước đây bệ hạ cho Nho giáo được tồn tại, nhưng nay thì phế bỏ cả tam giáo, như thế lấy gì để trị nước?

Vũ Đế nói:

- Nước Lỗ phong tục tập quán khác với Tấn, Tần đâu phải phạm vi cai trị của một quốc vương, nên đâu giống như kinh Phật.

Còn như thất miếu, vua chẳng trả lời được.

Viễn nói:

- Nếu cho rằng Tần và Lỗ cùng tuân theo sự giáo hóa của một quốc vương nên kinh điển được lưu hành, vậy thì Chấn Đán và Thiên Trúc vị trí tuy khác nhau nhưng đâu phải không cùng nằm trong Diêm-

phù-đề, thuộc phạm vi giáo hóa của Luân vương đó sao. Thế tại sao chẳng tuân theo kinh Phật mà lại muốn hủy bỏ riêng Phật giáo.

Vũ Đế không đáp được. Ngài nói tiếp:

- Bỏ Tăng hoàn tục là tôn trọng đạo hiếu. Kinh của Khổng Tử cũng nói: "Lập thân hành đạo là vẻ vang cho cha mẹ. Đó là hiếu hạnh, như vậy cần gì phải hoàn tục".

Vũ Đế nói:

- Ân nặng của cha mẹ, phải ngày đêm thân cận hầu hạ, nay bỏ thân hướng sơ thì chưa phải là người chí hiếu.

Viễn nói:

- Như vậy thì những kẻ tả hữu của bệ hạ đều có mẹ cha, thế tại sao bệ hạ không để họ đi, khiến họ cả năm trời chẳng gặp được cha mẹ.

Vũ Đế nói:

- Trẫm cũng đã mấy lần cho họ về hầu hạ mẹ cha đấy thôi.

Viễn nói:

- Phật cũng cho phép Tăng mùa đông, mùa hạ tùy duyên tu tập, mùa xuân, mùa thu về nhà phụng dưỡng cha mẹ. Cho nên Mục-kiền-liên xin cơm nuôi mẹ, Như Lai khiên quan tài an táng phụ vương. Đó là lề lối chung, không thể phế bỏ Tăng được.

Vũ Đế lại không đáp được. Ngài lớn tiếng chống đối rằng:

- Nay bệ hạ cậy uy vua, tự tiện phế bỏ Phật pháp, đó là người tà kiến. A tỳ địa ngục chẳng lựa sang hèn, lẽ đâu bệ hạ lại không sợ.

Vũ Đế đùng đùng nổi giận, nhìn thẳng ngài và thét:

- Chỉ cần khiến bá tánh yên vui, những nỗi khổ địa ngục ta đâu chối từ.

Viễn nói:

- Bệ hạ dùng tà kiến giáo hóa nhân dân, hiện tại đã gây nghiệp khổ thì tương lai nhất định họ cùng bệ hạ đọa trong địa ngục, làm gì được yên vui.

Vũ Đế chịu thua không đáp được. Ý đồ của Vũ Đế đã quá rõ, Vũ Đế không trả lời nữa, chỉ nói:

- Tất cả Tăng phải hoàn tục.

Rồi sai Quan Hữu ty ghi tra hết số lượng của Tăng Ni.

Vũ Đế đã bạo ngược, ngài biết lúc này không cứu giúp gì được, bèn ẩn cư trong Thanh Liên sơn thuộc Sở trạch mà giữ đạo, ngài soạn Niết-bàn sớ...

Vũ Đế nổi giận, Phật giáo, Đạo giáo đều bị hủy diệt. Hơn bốn mươi ngàn cơ sở ở chùa Đông Xuyên vua đem tặng hết cho Vương công.

Ba triệu Tăng đều phải đi lính hoặc về làm thường dân, tài sản đều bị tịch thu sung vào quỹ quan. Vũ Đế rất lấy làm thỏa chí. Thương thay!

14. Tĩnh Ái xả thân vì nạn vua hủy diệt Phật pháp:

Sau khi nghe Vũ Đế hạ chiếu hủy diệt Phật pháp. Pháp sư Tĩnh Ái bùi ngùi than: "Ăn lúa của nhà Chu mà quên việc này, như thế là trung ư".

Thế rồi ngài liền vào triều dâng biểu cầu kiến. Vũ Đế đồng ý. Lúc ấy ngài đưa ra chứng cứ, vạch rõ mọi việc báo ứng tội phước khi hủy diệt giáo pháp. Chứng cứ rõ ràng, Vũ Đế nghe xong có phần hối cải, nhưng trót đã tạo nghiệp rồi, chiếu chỉ ban hành thì không thể thu hồi được, nhân đó tạ lỗi với ngài. Tĩnh Ái lui ra khóc và nói:

- Đại giáo lâm nguy, ta nỡ nào ngồi nhìn thảm cảnh này được ư. Thế rồi ngài trốn vào núi Chung Nam. Vũ Đế tìm ngài về muốn phong quan, bèn sai vệ sĩ đi tìm. Ngài nghe liền dời qua núi Thái Nhất. Vệ sĩ tìm không được, ra về. Ngài thấy Phật pháp hủy diệt, gào khóc suốt bảy ngày đêm. Ngài soạn Tam bảo Lục gồm hai mươi quyển, đặt ra chủ khách rồi luận nghị phải trái. Văn nghĩa trong ấy đều khen ngợi Đại thừa. Ngài lại ghi hết những việc thật do mắt thấy tai nghe, rồi cất tất cả vào trong động đá, ngõ hầu đời sau sẽ có người tìm ra, chấn hưng Phật giáo.

Ngài bảo đệ tử:

- Ta sinh vào thời buổi tà kiến, nay ta xả thân đây.

Đồ chúng nghe vậy gào khóc không cho. Thấy vậy ngài sai thị giả xuống núi rồi chích máu viết một bài kệ, chỉ mặc một cái áo trong, ngồi trên tảng đá lấy dao cắt xén thịt mình trải khắp trên đá, lôi ruột treo trên nhánh tùng, lục phủ ngũ tạng đều phơi ra hết. Thân ngài chỉ còn lại gân xương, tay chân, đầu mặt. Lóc hết thịt xong, ngài móc tim mình cầm trên tay rồi mất. Thị giả về thấy ngài cầm trái tim chết ngồi như vậy, còn thân thể thì chẳng vấy chút máu, chỉ thấy một dòng sữa trắng đọng lại trên đá. Mọi người biết chuyện đều rơi nước mắt. Bấy giờ ngài chỉ mới bốn mươi lăm tuổi.

Đinh Mậu: Thừa Quang thứ ba. Chu Vũ Đế diệt được Tề, đổi niên hiệu là Tuyên Chánh. Vũ Đế bệnh nặng ít thiết triều. Ngày một tháng năm vua trở về điện Diên Thọ ở Trường An, bênh lại nặng hơn. Ngày hai mươi bốn tả hữu đưa vua về cung Vân dương. Ngày một tháng sáu Vũ Đế mất, con là Bân lên ngôi ở Đồng châu.

Đường Lâm Minh Báo ký của Đường Lại Bộ Thượng thư nói:

"Có người tự xưng là ngoại tổ vốn là Tùy Bộc Xạ được phong làm Tề công".

Ông ấy gặp Văn Đế, Văn Đế hỏi:

- Ông chết rồi sao sống lại?

Người ấy đáp:

- Lúc mới chết tôi gặp Chu Vũ Đế, Vũ Đế nói với tôi rằng: "Ông hãy vì tôi đến gặp thiên tử của Đại Tùy nói với ông ấy rằng: Xưa kia tôi với ông ấy cùng tham ô quốc khố, ngọc ngà gấm lụa tôi vẫn còn cất giữ. Nay tôi vì hủy diệt Phật pháp nên chịu cực hình trong địa ngục. Xin vua hãy giúp tôi làm việc công đức".

Văn Đế nghe xong không dám tiêu xài, bèn đem của cải trong quốc khố phát cho muôn dân trong thiên hạ, mỗi người một tiền nhằm làm phước sám tội cho Vũ Đế.

Mậu Tuất: Chu Tuyên đế: Tên là Bân, tự Càn Bá, con trưởng của Vũ Đế. Lên ngôi chưa bao lâu Bân truyền ngôi cho Thái tử, tự xưng là Thiên Nguyên Hoàng đế. Bân kiêu ngạo, phóng túng, dâm dục, đổi niên hiệu là Đại Thành, lại đổi thành Đại Tượng. Bân mất năm ba mươi hai tuổi, an táng ở Định Lăng, trị vì được một năm.

15. Nhậm Đạo Lâm xin vua khôi phục Phật giáo:

Nhậm Đạo Lâm là người có sở học uyên thâm, thân gần với Vũ Đế. Ông đã từng nghị luận với Vũ Đế hơn hai mươi ngày, bảy mươi lần thù tạc, cuối cùng Vũ Đế vẫn không khuất phục được ông. Vũ Đế từng hứa khôi phục lại Phật giáo. Lúc chết, Vũ Đế vẫn chưa thực hiện được lời hứa, thế là Đạo Lâm càng ra sức thuyết phục. Cuối cùng Tuyên đế phải nghe theo.

Kỷ Hợi: Ngày hai mươi sáu tháng hai Chu Tuyên đế hạ chiếu:

"Phật pháp sâu rộng, các đế vương trước kia đều sùng kính, lẽ đâu trẫm để mai một, phế bỏ không cho lưu hành. Kể từ nay lệnh cho vương công đại thần cho đến thứ dân, ai nấy đều phải cố sức khôi phục Phật giáo. Mong các khanh hiểu được ý trẫm".

Ngày mười sáu tháng tư Tuyên đế lại hạ chiếu:

"Giáo nghĩa thâm sâu, thần kỳ rộng lớn, tuy cho phép Sa-môn mở rộng chánh giáo, khôi phục đạo pháp, nhưng những người phụng trì đạo pháp không bắt buộc phải xuống tóc, không khéo lại đi ngược với đại đạo, hãy theo oai nghi quỹ phạm của Bồ-tát, có quyền được làm quan đội cân đai áo mão. Các quan sở thuộc cần chú ý".

Bấy giờ Đạo Lâm... lựa chọn kỹ những Sa-môn có đức hạnh, thanh

danh được trọng vọng trước đây cả thảy hơn một trăm hai mươi người mời vào chùa Trắc Hỗ giữ chức trụ trì như trước.

Canh Tý: Chu Tĩnh Đế: Tên là Diễn, còn có tên là Xiển, con trưởng của Tuyên Đế, lên ngôi năm Đại Tượng. Tùy công Dương Kiên làm phụ chánh. Tháng mười phong Kiên làm Tùy quốc công. Vua miễn thu thuế trong chợ, phục hưng Phật giáo, Đạo giáo. Đại Định năm đầu, Tĩnh Đế nhường ngôi cho nhà Tùy, còn mình ở biệt cung. Nhà Tùy tôn Tĩnh Đế là Giới quốc Công, khôi phục lại lễ nhạc giống như phép chế nhà Chu. Quan Thượng thư không đọc biểu, không đọc chiếu chỉ.

Tháng năm Tùy Khai Nguyên năm đầu. Tĩnh Đế mất, an táng ở Cung lăng, thọ mười chín tuổi, trị vì một năm.

Tháng năm Thiên Nguyên Hoàng đế mất, cha của Thiên Nguyên Thái hậu là Dương Kiên làm phụ chánh và được tập phong là Tùy quốc Công.

Tân Sửu: Chu đổi niên hiệu là Đại Định. Tháng giêng đổi niên hiệu, tháng hai nhường ngôi cho nhà Tùy. Họ Vũ Văn gồm năm đời vua, trị vì tổng cộng hai mươi lăm năm.

16. Tùy Văn Đế:

Tùy Cao tổ Văn Hoàng đế tên là Kiên, thuở nhỏ tự là Na-la-diên, vốn là người ở Hoằng Nông, Hoa Dương. Tiên tổ ông là hậu duệ của Hán thái úy Dương Chấn. Cháu tám đời của Chấn là Thống, làm quan ở nước Yên, Bắc bình Thái thú Nguyên Thọ làm quan ở Ngụy, Vũ Xuyên Tư mã là Tuệ Hỗ, Thái Nguyên Thái thú là Liệt, Bình Nguyên Thái thú là Định, Viễn chân Tùy quốc Công là Trung sinh ra Kiên. Ông làm tướng nhà Chu và được phong làm Tùy vương. Đại Định năm đầu nhận ngôi từ nhà Chu, năm thứ tám tiêu diệt Lương, năm thứ chín bình định Trần, thiên hạ thống nhất. Ông là vị vua tài giỏi cần kiệm. Ông đóng đô ở Long Đầu sơn (trước kia là Trường An). Nhân Thọ năm thứ tư Thái tử Quảng giết ông. Ông thọ sáu mươi bốn tuổi, an táng ở Thái lăng, trị vì hai mươi ba năm. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Khai Hoàng.

Nhâm Dần: Vua mất, Thái tử lên ngôi, lập Vô ngại hội để xả thân.

Quý Mão: Hậu chủ Thúc Bảo tự là Nguyên Tú, thuở nhỏ tự là Quảng Nô, con trưởng của Tuyên Đế. Bảo lên ngôi đổi niên hiệu là Chí Đức. Bảo đam mê tửu sắc, gây họa kinh hoàng. Sau đó cùng Trương Lệ Hoa, Khổng Quý Tần trốn trong giếng nơi cấm cung. Tùy Văn Đế phế ông xuống làm Trường thành công. Đến tháng mười một niên hiệu

Nhân Thọ thứ tư, ông mất ở Lạc Dương, thọ năm mươi hai tuổi, ở ngôi được hai năm.

Giáp Thìn: Tùy bắt đầu dùng lịch Giáp Tý.

Bính Ngọ: Hậu Lương, tên là Tông, tự là Ôn Văn là Thái tử của Khuy. Ông là người khoan dung, nhân hậu, học rộng tài cao, ông lên ngôi đổi niên hiệu là Quảng Vận. Về sau ông bị chú mình là An bình Lăng Tiêu Nham quản thúc ở Giang Lăng. Quan dân đều trốn sang Trần. Tông đầu hàng nhà Tùy. Vua Tùy phế ông xuống làm Cử quốc Công. Ông trị vì hai năm, cuối cùng nhà Lương bị diệt vong.

Đinh Mùi: Đổi niên hiệu là Trinh Minh.

Kỷ Dậu: Nhà Trần gồm năm đời vua, trị vì ba mươi ba năm, sau bị Tùy thôn tính. Hậu Lương gồm ba đời vua, trị vì ba mươi bốn năm, sau cũng bị Tùy thôn tính.

Canh Tuất: Tùy Văn Đế niên hiệu Khai Hoàng thứ mười.

17. Vua xuống chiếu phục hưng Phật giáo:

Bài tựa nói:

"Mệnh trời có nhà Tùy duy trì được năm vận, đế quân sáng suốt ban ân khắp chín châu. Thế nên vừa mới sinh ra thần quang đã hiện rõ, đến khi lên ngôi điềm linh xuất hiện vô số. Nhờ đó khiến mệnh trời vẻ vang, nước nổi ngũ sắc, đất tuôn suối ngọt, núi vững muôn năm. Mây lành thành cam lồ, đá sỏi thành minh châu, làm cho người mù thấy được, kẻ điếc nghe được, người câm nói được, người què đi được. Cầm thú thấy được điềm lành dị thường, cỏ cây hiển rõ điềm linh hiếm thấy. Thế mới hay, xưa nghe bảy báu đâu chỉ có vàng ròng, thần dị ngày nay bốn mùa đều là đèn ngọc. Từ thuở nhỏ, minh quân đã ở lầu vàng nhà ngọc dạo khắp đó đây. Đến lúc phục hưng lại Phật giáo thì lửa tiềm ẩn trong cây phát sáng, bèn đổi niên hiệu là Khai Hoàng.

Chu Tĩnh Đế, Đại Định năm thứ hai, rồng vàng giáng xuống ở Cựu Đệ, mây lành xuất hiện ở Thành Nhân. Ngày mười ba tháng hai, nhà Chu nhường đế nghiệp cho Tùy. Đến khi lên ngôi, mặc y phục màu vàng, cài trâm đen, phế bỏ bớt chức quan, chỉ giữ lại ba chức như nhà Hán. Phật pháp hưng thịnh trở lại, nước pháp dần dần thấm nhuần. Mùa Đông năm ấy có Sa-môn thỉnh được hơn hai trăm bộ kinh từ Tây Vực đem về. Vua liền ban sắc lệnh cho các quan tìm người phiên dịch. Tháng hai năm Khai Hoàng thứ hai, kinh điển liền được lưu hành. Tháng sáu, vua hạ chiếu rằng:

"Long Thủ sơn là nơi thượng nguồn, đất đai màu mỡ, hoa cỏ tươi

tốt, phong cảnh lại đẹp, nên lập kinh đô ở đó. Tất cả thành quách cung điện, phủ huyện, chùa tháp, vườn tược phải xây trước hết. Đạo lý của Phật thừa từ đây hưng hóa, phong tục muôn nơi cũng nhờ đây mà sáng lạn. Già-lam cao ngất, bảo tháp ngút trời, khai sĩ sánh vai, lòng tin nảy nở. Đến khi đổi hiệu Nhân Thọ thì bảo tháp được dựng lên, có hơn một trăm châu đều hiện điềm lành. Lúc bấy giờ bốn biển lặng yên, chín châu thái bình, có đến ba trăm ngàn Tăng Ni, năm ngàn ngôi tự viện, hai mươi bốn người đạo tục làm việc phiên dịch, kinh luận được dịch ra đến năm trăm quyển. Đến khi Dạng Đế lên ngôi dời quốc đô về Đông đô, nhưng vẫn giữ lại một đạo tràng dịch kinh trong vườn Thượng uyển ở Lạc Tân, đồng thời cúng dường tứ sự chẳng lúc nào thiếu. Trong một triều đại, hai vua nối nhau trị vì ba mươi bảy năm nhưng đã có mười lăm bậc Tổ sư, Cao Tăng, long tượng của Phật pháp đã phát huy rực rỡ nền Phật giáo trong đời đại Tùy của chúng ta”.

18. Pháp sư Đàm Diên truyền tám giới cho vua:

Sư có phong thái rất dị thường, cao chín thước sáu tấc, tay dài quá gối, mắt nhìn rất xa, là người nổi danh không thua kém gì Pháp sư Tuệ Viễn. Sư trước thuật nghĩa sớ của các kinh. Hồi ấy học giả cho rằng, nêu rõ tông yếu thì Viễn không bằng sư, nhưng dùng văn chương chuẩn xác thì sư không bằng Viễn. Tề thái tổ thường theo sư học đạo, cúng dường tứ sự, chu cấp bổng lộc.

Có lần sứ nhà Chu là Chu Hoằng Chánh đến thăm, đại thần nước Tề thỉnh sư tiếp sứ. Hoằng Chánh thường cậy tài coi thiên hạ chẳng ra gì, nhưng lúc gặp sư thì Chánh bỗng nhiên khiếp sợ, dứt tâm ngã mạn. Đến lúc về, Chánh còn xin được họa tượng Sư và xin những bộ kinh luận do sư trước tác đem về. Từ đó, vua càng rất kính trọng sư, tiến cử sư làm chức Tăng Thống thay cho Chiêu Huyền Thượng Thống.

Lúc nhà Chu hủy diệt Phật giáo. Sư ẩn cư trong Thái Hành sơn. Đến khi nhà Tùy tiếp nhận ngôi vua, ngay trong ngày đó sư liền xuống tóc, lấy tư cách Sa-môn yết kiến Văn Đế. Văn Đế vô cùng vui mừng liền hạ chiếu phục hưng Phật giáo.

Sau đó rất lâu, trời đại hạn, vua có chiếu chỉ mời sư dẫn chúng đến cầu mưa, nhưng chẳng có mưa. Vua hỏi lý do. Sư đáp:

- Sự do một hai.

Vua bèn sai Kinh Doãn Tô Thành đến hỏi ý chỉ một hai là thế nào.

Sư đáp:

- Bệ hạ tự thân chủ trương muôn việc trong nước, quần thần cũng phải tốn hao không biết bao nhiêu sức lực, tuy đó là việc trị nước chính đáng nhưng đều phạm sai lầm trong việc hoằng hóa đạo mầu. Muốn mưa nhưng chẳng có mưa, sự do một hai là thế.

Vua hiểu được ý sư, bèn lệnh cho Quan Hữu ty chọn ngày rồi thiết lễ nghi trong điện, thỉnh sư truyền trao tám giới. Quần thần lần lượt đến thọ giới xong, lúc ấy trời đang nắng nóng như thiêu đốt thì đột nhiên mưa to trút xuống. Vua vô cùng vui mừng. Từ đó mỗi lần sư vào triều, vua đích thân bưng thức ăn vật thực cúng dường. Lúc lâm chung, Sư dâng biểu từ giã và dặn dò vua phải làm người ngoại hộ. Vua khóc than rất bi thống. Ngày an táng, bá quan đều mặc đồ tang đến tiễn sư. Nội sử Tiết Đạo Hành đọc văn tế. Đại khái nói:

"Gặp lúc pháp nạn, vận pháp điêu tàn. Ngài ẩn tu trong thâm sơn, quyết không lộ diện. Ngôi cao lộc nhiều không làm ngài đổi chí, phép nước bạo tàn chẳng làm ngài khiếp sợ kinh hành ngồi thiền, mọi lúc chẳng hai. Giới đức, oai nghi trước sau như một. Thánh hoàng mở vận, Phật pháp hưng long, ngài là người siêu xuất trong Phật môn, đứng đầu trong Tăng chúng, được đế vương trọng vọng, kết duyên nghĩa thầy trò. Tam bảo đều do ngài hoằng hộ, Nhị đế cũng nhờ ngài xiển dương. Đó đủ thấy rằng ngài siêu việt hơn Đồ Trừng, La-thập; vượt hẳn xa Đạo An, Tuệ Viễn.

19. Truyện về Thích Nữ Trí Tiên: (Nhân Tý)

Thích nữ Trí Tiên vốn là con gái họ Lưu ở Hà Đông, Bổ Phản. Bà xuất gia từ nhỏ, là người giới hạnh tinh nghiêm. Lớn lên bà tinh thông thiền quán. Thời ấy, bà nói những việc lành, dữ, thành, bại không việc gì là không hiệu nghiệm. Bà ở tại chùa Bát-nhã. Gặp lúc Văn Đế sinh ra từ chùa này. Hồi ấy vào cuối hạ, trời nóng bức, nhũ mẫu quạt cho ông, Văn Đế bỗng phát lạnh, cấm khẩu khóc không thành tiếng. Tả hữu đều thất kinh. Bà đến xem rồi nói:

- Đứa trẻ này được trời Phật che chở, các ngươi chớ lo.

Rồi bà bồng Văn Đế lên và gọi:

- Na-la-diên! Từ đó mới đặt luôn tên tự cho ông là Na-la-diên rồi ẵm đến Thái tổ, bà nói:

- Đứa trẻ này là bậc phi thường, không nên ở trong nhà thế tục dơ tạp, tôi xin được nuôi dưỡng nó.

Thế Tổ bèn mở một lối đi từ nhà mình thông qua chùa rồi ủy thác cho bà nuôi nấng dạy dỗ Văn Đế. Sau đó, Hoàng tỷ đến bồng, bỗng

thấy Văn Đế hóa thành con rồng Hoàng tỷ thất kinh thả ông rơi xuống đất. Trí Tiên thất kinh thét:

- Sao bà dám xúc phạm đến con ta, khiến nó có thiên hạ trễ.

Khi Văn Đế trưởng thành, bà mật bảo ông:

- Sau này ngươi sẽ đại quý, sẽ là người từ hướng Đông đến. Lúc ấy Phật pháp bị hủy diệt phải nhờ đến ngươi mới được phục hưng.

Khi Chu Vũ Đế hủy diệt Phật pháp. Trí Tiên trốn trong nhà, bên trong mặc pháp y, giới hạnh rất tinh tấn. Lúc ấy, Văn Đế quả nhiên từ Sơn Đông vào vương thất nhà Chu nối ngôi thiên tử chấn hưng Phật giáo. Nhưng Trí Tiên đã mất trước đó. Đứng trước quần thần, Văn Đế tôn xưng bà là A-xà-lê, và cảm nhận những gì bà nói hoàn toàn là sự thật. Văn Đế nói:

- Trẫm có được như ngày nay đều nhờ đến Phật pháp, nên bây giờ vẫn thích ăn rau dưa. Tiền thân của ta chắc chắn là đạo nhân thác sinh. Ta từ nhỏ đến lớn được giáo dục trong chùa, ngày nay vẫn còn thích nghe tiếng chuông tiếng mõ.

20. Luật sư Linh Tạng hộ giá:

Năm này, kinh kỳ bị hạn hán, vua dẫn dân đến xin ăn ở Lạc Châu. Trước kia Luật sư Linh Tạng vốn là bạn áo vải của vua, nay vua mời ngài hộ giá. Về sau học giả theo ngài tham học rất đông. Văn Đế biết, liền tự tay viết chiếu rằng:

"Đệ tử là thiên tử của thế tục, Luật sư là thiên tử của Đạo nhân. Nay đệ tử xả tục, mong thầy hóa độ".

Từ đó ngài hóa độ muôn dân có đến mấy vạn. Khi ấy có người sàm tấu ngài. Văn Đế nói:

- Luật sư dạy người làm lành, đệ tử cấm người làm ác. Cách nói tuy khác nhau nhưng mục đích chỉ là một.

21. Lý Sĩ Khiêm ví dụ về thuyết báo ứng:

Năm này, Lý Sĩ Khiêm mất. Sĩ Khiêm tự là Ước, từ nhỏ mồ côi cha, thờ mẹ rất chí hiếu. Tộc trưởng của ông là Bá Dương mỗi lần gặp ông đều khen:

- Thằng nhỏ này là Nhan Tử của nhà ta.

Ông giỏi thiên văn, thuật số, vốn là con nhà mồ côi nhưng từ nhỏ chưa từng uống rượu ăn thịt. Cứ thế đến năm ba mươi tuổi, mẹ ông thường khuyên ông nên thôi, nhưng ông vẫn kiên quyết không bỏ. Có người cho ông tu kiểu âm đức. Sĩ Khiêm cười nói:

- Âm đức giống như tiếng kêu trong lỗ tai, chỉ tự mình biết được, người khác chẳng ai biết. Nay những việc của tôi làm, ông đều biết cả, vậy làm gì có âm đức.

Những lời lẽ ấy quả thật vô cùng khéo léo, mầu nhiệm. Có người nghi ngờ thuyết báo ứng của nhà Phật. Sĩ Khiêm bèn ví dụ rằng:

- Tích thiện thì an vui mãi mãi, tích ác thì vĩnh viễn bị tai ương. Đó lẽ đâu chẳng phải là bằng chứng nhằm chặn đứng lỗi lầm ư. Phật nói: "Luân hồi trong năm đường, không khi nào cùng tận". Giả Nghị cũng nói: "Thiên biến vạn hóa chưa hẳn có điểm tận cùng". Đến như ông Cổn hóa thành Hoàng Năng, Đỗ Vũ hóa thành chim đỗ quyên, Bao Quân hóa thành rồng, Ngưu Ai hóa thành cọp, quân tử hóa thành chim hộc, tiểu nhân hóa thành khỉ, Bành Sinh hóa thành heo, Trí Ý hóa thành chó, Hoàng mẫu hóa thành rùa, Tuyên Vũ hóa thành ba ba, Đặng Ngãi hóa thành trâu, Từ Bá hóa thành cá, Dương Hựu tiền thân là con của họ Lý. Đó là những bằng chứng về quả báo thay hình đổi dạng của nhà Phật.

Có người hỏi:

- Hình Tử Tài nói: "Trên đời có tùng, bách hóa thành cây xư cây lịch". Ông nói xem đúng không?

Sĩ Khiêm nói:

- Đó không thuộc về biến hóa. Sự biến hóa đều do nghiệp do tâm, lẽ đâu liên quan đến cây cối.

Luận rằng:

"Bắc sử sử quan như Tưởng, Thẩm... Ghi chép việc của Sĩ Khiêm rõ ràng như vậy, lẽ đâu đó không phải là tính cách của một con người mà trong lòng tín ngưỡng đức độ của Phật, thành thật với chính mình, không dám khinh chê hậu học đó ư.

Sĩ Khiêm dùng mặt trời, mặt trăng, tinh tú để so sánh Tam giáo. Mới nhìn dường như có hơn thua, thế nhưng chiếu sáng thế giới, vận chuyển sinh linh thì chỉ có một công dụng. Nếu thiếu một thì hai thứ còn lại không tồn tại được. Thế nên kinh dịch nói:

"Đạo trời biến hóa, đều hoàn thiện tính mệnh mà thôi". Tài giỏi thay! Ông Lý. Ta thấy ông quả là người hiểu biết sâu xa về cội nguồn của tánh mạng".

22. Tổ 2: Đại sư Tuệ Khả.

Sư thị tịch ngày mười sáu tháng ba niên hiệu Khai hoàng thứ mười ba. Sư sinh trưởng tại Hổ lao, thuở nhỏ đọc khắp sách sử, tinh thông lý

mầu. Đến khi xem đến kinh Phật, Sư hốt nhiên tỉnh ngộ liền theo Thiền sư Hương Sơn Bảo Tĩnh ở Long Môn xuất gia và thọ giới Cụ túc. Năm bốn mươi tuổi, một hôm sư nhập định có vị thần bảo:

"Ông sắp chứng thánh quả, không nên ở mãi tại đây".

Lát sau sư cảm thấy đầu mình đau như cắt, muốn đi tìm người chữa trị, bỗng nghe trong hư không có tiếng nói:

"Đây là hiện tượng đổi xương, rất đau".

Sư bèn rờ xem thì thấy đầu mình xương nổi cao như năm ngọn núi. Người ấy lại nói:

"Thần đã giúp ông, ông có thể đi cầu đạo. Ta nghe nói gần đây có Đại sư Đạt-ma người Thiên Trúc đến Thiếu Lâm, ông nên đến đó mà nương tựa".

Sư liền đến Thiếu Lâm và được tổ Đạt-ma truyền trao pháp ấn (việc tham học xin xem trong truyện của tổ Đạt-ma). Sau khi tổ quy tịch, Sư tiếp tục công việc hoằng hóa. Có lần sư đến Bắc Tề, gặp một cư sĩ, người ấy chẳng nói họ tên, lạy Sư rồi thưa:

- Đệ tử bị bệnh ghẻ lở, xin thầy sám hối tội lỗi giùm.

- Ông đem tội ra đây ta sám hối cho.

Cư sĩ đứng trơ một lúc lâu rồi thưa:

- Đệ tử tìm nhưng chẳng thấy tội.

- Vậy là ta đã sám hối cho ông rồi đó. Ông nên nương tựa Phật, Pháp, Tăng mà an trụ.

- Hiện giờ con thấy thầy đã biết được Tăng rồi, chưa rõ thế nào là Phật pháp?

Sư nói:

- Tâm này là Phật, tâm này là Pháp. Phật pháp không hai, Tăng bảo cũng vậy.

Cư sĩ thưa:

- Hôm nay con mới biết tánh tội không ở trong, không ở ngoài, không ở giữa. Tâm cũng như vậy. Phật pháp cũng chẳng hai.

Sư thấy ông là bậc pháp khí, liền cho xuống tóc, nói:

- Ông là vật báu của ta. Ta đặt tên cho ông là Tăng Xán.

Sau khi truyền thọ giới Cụ túc xong, Sư bảo Tăng Xán:

- Tổ sư Đạt-ma từ Thiên Trúc qua đây, đem chánh pháp nhãn tạng truyền trao cho ta. Nay ta truyền trao chánh pháp và tín y của Tổ sư cho ông, ông phải khéo trao truyền chớ để đoạn tuyệt.

Nghe ta nói kệ:

Xưa nay nhân có đất

Nhờ đất giống hoa sinh
Xưa nay không có giống
Hoa cũng chẳng từng sinh.

Sư nói tiếp:

- Sau khi nhận lãnh giáo pháp, ông nên ẩn cư trong núi sâu chưa thể hoằng hóa ngay được, sắp tới sẽ có quốc nạn.

Tăng Xán thưa:

- Thầy đã biết trước như vậy, cúi xin thầy Từ bi chỉ dạy.

Sư nói:

- Xưa Tổ Đạt-ma truyền cho Bát-nhã-đa-la bài sấm ký rằng: "Trong tâm tuy lành nhưng ngoài đầu thì dữ". Ta tính về niên đại, nhằm đúng lúc của ông, ông phải xét kỹ lời ấy, chớ vướng vào nạn đời. Ta cũng còn nợ đời trước, nay phải đi trả đây!

Sư đến Nghiệp đô tùy nghi hoằng hóa suốt ba mươi bốn năm. Sau đó sư trà trộn trong đám thế tục. Có lúc sư đi ngang lò mổ, có khi vào thẳng quán rượu. Có người thấy lạ hỏi, Sư đáp:

- Ta tự điều phục tâm mình, dính dáng gì đến việc của ông.

Sau cùng Sư vào chùa Khuông Cứu trong huyện Quảng Thành, ở trước tam quan diễn nói đạo vô thượng, người nghe đông nghẹt. Lúc ấy có Pháp sư Biện Hòa đang giảng kinh Niết-bàn ở trong chùa, người học nghe sư giảng từ từ đi hết ra nghe. Hòa thấy vậy nổi giận liền đi cáo gian với ấp tể Địch Trọng Khản. Khản tin là thật bèn ghép sư vào tội phi pháp, nhưng Sư vẫn vui vẻ thừa nhận. Lúc đó sư đã một trăm lẻ bảy tuổi. Những người hiểu biết đạo lý đều cho rằng Sư trả nợ đời trước. Môn đồ đem di thể Sư về an táng ở Từ Châu cách huyện Cam bảy mươi dặm về phía Đông bắc. Đường Đức Tông truy phong sư thụy là Đại Tổ Thiền Sư.

23. Thiền sư Trí Giả của tông Thiên Thai: (Đinh Tỵ)

Sư thị tịch ngày hai mươi bốn tháng mười một năm Khai Hoàng thứ mười bảy. Sư họ Trần, là con thứ ba của Lương Tán Kỵ Ích Dương Công Trần Khởi. Sư húy là Trí Khải tự là Đức An, sinh trưởng ở Dĩnh Xuyên. Khi nhà Tấn dời đô, Sư cư ngụ tại huyện Hoa Dung, Kinh Châu. Mẹ sư họ Từ, một hôm bà nằm mộng thấy luồng khói hương năm màu chui vào bụng mình. Bà lấy tay xua đi chợt nghe có tiếng người nói: "Đời trước có nhân duyên nên mới thác sinh vào nhà vương giả, phước đức tự đến, sao lại xua đi". Từ đó bà mang thai.

Đêm Sư chào đời, trong nhà sáng rực. Nhiều đêm như vậy ánh

sáng ấy mới hết. Nhớ lại điềm linh trước đây, bà gọi Sư là Vương Đạo. Khi nằm thì Sư chấp tay, ngồi thì day mặt về hướng Tây. Đến lúc trưởng thành Sư chưa từng ăn mặn, hễ gặp tượng Phật thì Sư cung kính lễ lạy, gặp Tăng thì chấp tay cung kính. Lên bảy tuổi, Sư thích đến chùa, chư Tăng nghi ngờ túc nhân của Sư bèn đọc thử cho sư nghe phẩm Phổ Môn. Chỉ nghe qua Sư liền thuộc lòng. Cha mẹ Sư thấy vậy ngăn lại không cho đọc nữa. Trưởng thành Sư làm quan dưới triều Lương, Thừa Thánh năm đầu Sư từ quan, đi khắp vùng núi sông phía Bắc, sống với một người cậu họ để tìm cầu minh sư. Năm mười tám tuổi, Sư xuất gia với Pháp sư Pháp Tự tại chùa Quả Nguyện thuộc Tương Châu và thọ mười giới. Thế rồi Sư vẫn đi tiếp về Bắc đến tham học với Luật sư Tuệ Khoáng. Sư đi khắp vùng phía Bắc mong tìm cầu được người chỉ dạy. Sư lại đến tham học với Thiền sư Nam Nhạc ở Đại Tô sơn thuộc Quảng Châu và được truyền cho pháp môn tâm quán. Sư bèn ở lại phía Bắc núi này tu tập Pháp Hoa Tam-muội. Chỉ mới ba đêm, Sư tụng đến câu: "Tâm nương khổ hạnh đó mới là chân tinh tấn" trong phẩm Dược Vương thì hốt nhiên giải ngộ. Sư thấy trước đây mình đã từng cùng Thiền sư Tuệ Tư lên Tịnh độ bảy báu trên núi Linh thứu cùng nghe Phật thuyết pháp. Thiền sư Tuệ Tư ấn chứng chỗ giải ngộ của Sư. Có lần Tuệ Tư mời Sư giảng thay mình. Tuệ Tư ngồi dưới pháp tòa nghe Sư giảng, và nói với học chúng:

"Người ấy là đứa con nuôi trong số học trò của ta, chỉ tiếc rằng định lực còn thiếu".

Từ đó, thầy trò diễn giảng, thanh danh vang khắp. Học xong, Sư từ biệt Tuệ Tư. Tư nói:

- Ông có duyên với nước Trần, đến đó tất có lợi ích. Sau khi Thiền sư Tuệ Tư vào Nam Nhạc, Sư liền đến Kim Lăng hoằng hóa khắp nước Trần. Nói năng im lặng sư đều nhớ đến chốn thâm sơn. Một đêm Sư mộng thấy muôn lớp mây cao bỗng dưng giữa ban ngày buông đầy xuống núi, bên cạnh lại thấy biển cả chẳng có bờ bến. Sư thấy một vị Tăng đắp y hở vai phải, vẫy Sư lên núi. Sư đem điềm mộng hỏi mọi người họ đều nói:

- Đó là núi Thiên Thai.

Nhân đó Sư bèn đi về phía Nam ẩn cư trong núi này. Trần thiếu chủ xuống chiếu thỉnh Sư vào triều. Đến lần thứ bảy Sư mới vào kinh đô. Trần thiếu chủ đón Sư vào Đông đường trong điện Thái Cực giảng Trí Độ luận. Đến khi Kim Lăng thất thủ, Sư chống tích đến Kinh tương, bấy giờ vào niên hiệu Đại Nghiệp. Tổng Trấn Hoài, Hải nghe Sư là

người đức hạnh muốn theo sư thọ học. Tổng trấn nhiều lần gởi thư mời, ban đầu Sư nói mình đức kém, lần thứ hai Sư nhường cho các bậc danh Tăng, cuối cùng Sư tiến cử bạn đồng học của mình. Ba lần chối từ nhưng không được, nên vào ngày hai mươi ba tháng mười một năm Khai Hoàng mười một, Sư thiết hội thỉnh một ngàn vị Tăng đến Dương Châu truyền giới cho vua. Sau đó không lâu, vua về triều, Sư trở lại Thiên Thai, dẫn chúng tu tập Quang Minh sám. Sư nguyện:

"Nếu con là người làm lợi ích cho Tam bảo thì xin sống hết năm nay, nếu chẳng làm lợi ích cho Phật pháp thì xin chết ngay bây giờ.

Sau đó không lâu, Sư bảo chúng:

- Ta sẽ mất ở đây.

Rồi Sư dặn dò:

- Các ngươi nên tĩnh lặng, ta đi đây.

Nói xong Sư ngồi ngay thẳng an nhiên thị tịch trước tượng Phật trong Thiên Thai, hưởng thọ sáu mươi bảy tuổi. Chương An là người đệ tử được Sư thân truyền giới pháp.

24. Nhà vua xuống chiếu cho ba mươi châu dựng tháp:

Tân Dậu: Đổi niên hiệu là Nhân Thọ.

Khi Văn Đế chưa lên ngôi có gặp một Phạm tăng trao cho ông một gói xá-lợi và nói:

- Thí chủ sau này sẽ làm cha lành khắp thiên hạ. Đây là linh cốt của bậc Đại Giác, ông nên giữ mà cúng dường.

Nói xong vị Tăng đi mất. Văn Đế tìm hoài nhưng chẳng biết ngài ở đâu. Sau khi lên ngôi, có lần vua cùng Pháp sư Đàm Thiên mỗi người đặt xá-lợi trong bàn tay và đếm, nhưng lúc thì nhiều lúc thì ít, rốt cuộc chẳng biết chính xác là bao nhiêu. Thiên nói:

- Pháp thân chư Phật vượt ngoài số lượng, thế gian không thể biết được.

Vua nghe vậy bèn đóng một cái rương bằng thất bảo rồi cất giữ xá-lợi. Đến khi đất nước thái bình, vua nhớ lại việc này, liền xuống chiếu khắp ba mươi châu, mỗi châu dựng một bảo tháp.

Ngày mười ba tháng sáu năm này, vua xuống chiếu nói:

"Ngưỡng mong bậc Chánh giác đại Từ, đại Bi cứu hộ chúng sinh, tế độ hàm thức. Trẫm quy y Tam bảo, trùng hưng Thánh giáo, nguyện cùng tất cả nhân dân trong nước đều phát tâm Bồ-đề, cùng tu phước thiện, khiến cho con đời này và mãi về sau luôn trồng nhân lành, cùng lên diệu quả.

Nay thỉnh ba mươi Sa-môn thông suốt Phật lý, đồng thời là người có khả năng giáo hóa, mỗi vị dẫn theo hai thị giả. Quan lại mỗi người đốt một trăm hai mươi nén hương thơm chia nhau đưa xá-lợi đến ba mươi châu trước để dựng tháp. Mỗi châu cử ra ba trăm sáu mươi vị Tăng, hãy vì trẫm cùng Hoàng Thái tử, Hậu phi, chư vương, công khanh đại thần, muôn dân mà sám hối. Trên chiến trường nơi tiếp giáp giữa các châu hãy dựng chùa và hành đạo trong bảy ngày, kêu gọi muôn dân bố thí, nhiều nhất là mười tiền mà thôi. Số tiền thu được dùng để dựng tháp. Nếu thiếu không bắt họ nộp mà phải lấy trong quốc khố. Tăng Ni trong các châu quận khác hãy thiết trai hội để cúng dường xá-lợi, đến giờ Ngọ ngày rằm tháng mười thì nhất loạt an trí xá-lợi. Tổng quản Thứ sử cho đến Huyện úy hãy nghỉ việc quân cơ trong bảy ngày để trông coi việc hành đạo, cốt phải hết lòng cung kính. Hãy cố gắng thay trẫm làm việc".

Ngày hôm đó, vua phân xá-lợi thành ba mươi bình rồi đặt trước ngự tòa cùng chư Sa-môn đốt hương lễ bái. Vua nguyện:

"Đệ tử nguyện luôn luôn lấy chánh pháp hộ trì Tam bảo, cứu độ tất cả chúng sinh".

Vua dùng ba mươi chiếc bình vàng đặt trong ba mươi bình lưu ly rồi an trí xá-lợi trong ấy, dùng hương thơm nhồi thành keo bọc kín bên ngoài, mỗi Sa-môn bưng một bình. Khi vào địa phận các châu, Tổng quản, Thứ sử dẫn người ra đón rước. Bốn chúng uy nghi vô cùng thành kính. Họ dùng bảo cái, tràng phan, đài hoa, xe chở tượng trướng Phật, hương tháp, hương bình cùng vô số âm nhạc khác đồng đến cúng dường, kinh hành, tụng kinh, giống như cách thức an trí xá-lợi tại thành Câu-thi-na trong kinh A-hàm. Bấy giờ, đứng trước bốn bộ chúng, Sa-môn xướng:

- Bậc Chí tôn dùng tâm từ vô lượng vô biên của Bồ-tát, thương xót chúng sinh như cốt nhục, nên phân bố xá-lợi để thiên hạ cùng trồng nhân lành. Ngài lại dùng vô số phương tiện dạy dỗ, quở trách, thống thiết dẫn dắt chúng sinh.

Ai nấy đều rơi nước mắt vì cảm kính ân Phật, sau đó cùng đọc lời văn sám hối, và đem xá-lợi nhập tháp. Sa-môn dâng cao bình báu đi quanh để mọi người xem. Mọi người đều chăm chú nhìn kỹ khi thấy xá-lợi tỏa sáng. Họ quyến luyến, gào khóa, âm thanh chấn động khắp vùng. Những nơi được an trí xá-lợi đều, có cảnh tượng như vậy.

Giờ ngọ ngày rằm tháng mười, tại đại diện trong cung Đại Hưng vua đứng quay mặt về Tây, tay cầm ngọc khuê để cung đón Phật tượng

cùng ba trăm sáu mươi Sa-môn. Tràng phan, bảo cái, hương hoa, tụng kinh, trỗi nhạc được bày biện từ chùa Đại Hưng Thiện vào đến điện đường. Vua đốt hương lễ lạy và ngự ở Đông đường, hướng dẫn bá quan văn võ ăn chay, trai giới. Đến khi xá-lợi nhập tháp xong. Vua nói:

- Phật pháp đã trùng hưng, tất có điềm linh ứng hiện.

Sau đó khắp nơi đều dâng biểu tâu về những điềm lành xuất hiện. (Xin xem xá-lợi Cảm Ứng Ký của Vương Thiệu)

Quý Hợi: Năm thứ ba, Văn Trung Tử Vương Thông dù đã được làm quan nhưng vẫn tiếc vì tài tế thế của mình không ai biết đến. Ông bèn vào Trường An yết kiến Văn Đế tại điện Thái Cực, nhân đó tâu vua mười hai kế sách khiến thiên hạ thái bình. Nội dung đế cao vương đạo, suy tôn nghiệp bá, dẫn việc xưa nghiệm chứng việc nay. Mệnh trời rộng lớn chỉ nằm trong bàn tay. Vua vô cùng vui mừng nói:

- Gặp ông dù hơi muộn, nhưng thiên hạ đã đem ông ban cho ta.

Vua xuống chiếu cùng công khanh bàn bạc, nhưng công khanh đều không vui. Lúc ấy lại có mối loạn của Tiêu Tường, nên kế sách của Vương Thông rốt cuộc không được dùng. Thông bèn làm bài ca Đông chinh rồi quay về. Ông tiếp tục đọc thi, thư, chỉnh lễ nhạc sửa Cửu kinh, tán thán Dịch đạo. Trong chín năm, Lục kinh đều hoàn bị. Môn nhân, học giả từ xa lặn lội đến cầu học, như: Đổng Thường ở Hà Nam, Diệu Nghĩa ở Thái Sơn, Hải ở Kinh Triệu, Lý Tĩnh ở Triệu Quận, Trình Nguyên ở Nam Dương, Đậu Uy ở Phù Phong, Tiết Thâu ở Hà đông, Giả Quỳnh ở Trung Sơn, Phong Nguyên Linh ở Thanh Hà, Ngụy Trưng ở Cự Lộc, Vương Khuê, Ôn Ngạn Bác ở Thái Nguyên, Trần Thúc Đạt ở Dĩnh Xuyên... đều tôn ông làm thầy. Ngoài ra còn có hơn ngàn người đến cầu học. Ông vẫn trung thành phò tá vua. Trong niên hiệu Đại Nghiệp, ông bày tỏ kế sách của mình nhưng không thành. Năm thứ mười ba ông ngã bệnh. Nghe Giang Đô có loạn, ông ứa nước mắt than: "Muôn dân chán ghét, mầm loạn có từ lâu rồi. Trời ắt cử người đến thay đổi vận mệnh Nghiêu Thuấn. Ta chẳng còn được được phục mệnh nữa". Nói xong, ông mất. Môn nhân truy tặng cho ông thụy là Văn Trung Tử.

Có lần ông cùng môn nhân bàn về luận ngữ. Đến Thiên Chu Công, ông nói:

- Thi, thư hưng thịnh nhưng đời Tần bị diệt vong, đó không phải là lỗi của Khổng Tử. Huyền, Hư vững bền nhưng Tấn thất có loạn, đó không phải lỗi của Lão Trang. Trai giới cùng tu nhưng nhà Lương mất nước, đó không phải lỗi của Thích-ca.

Kinh Dịch chẳng nói: "Nếu chẳng phải là những kẻ ấy thì đạo

không đến nổi hư huyễn như vậy” đó sao!

Hoặc hỏi đến Phật, thì ông đáp:

- Thánh nhân.

Hỏi giáo pháp thế nào?

Ông đáp:

- Giáo pháp của phương Tây, người Trung Quốc thì cố chấp.

Ông nói tiếp:

- Hãy xem Đế vương thế nào rồi mới luận nghị. Tam giáo chỉ là một mà thôi.

25. Văn Trung Tử giảng đạo:

Văn Trung Tử giảng đạo trong hang núi Bạch Ngọ, đệ tử ông xếp thành hàng tay cầm sách, đứng quay mặt về hướng Bắc. Giảng xong, họ trình cho ông rồi lui ra ngồi tư duy dưới gốc tùng. Khi giảng đến Chu Dịch. Tiết Thâu than:

“Chẳng bằng họ Phục Hy, thì ngôn từ nhiều mà làm gì.

Lúc ấy, có một người vai vác cỏ linh thơ thới đi ngang, bèn dừng lại hỏi Thâu:

- Ông than cái gì thế?

Tiết Thâu đáp:

- Ông là ai mà hỏi ta than?

Người ấy nói:

- Chu sa có màu đỏ, đổ mực vào thì thành đen, cứ thế lần hồi sẽ được. Nay cái mà ông tôn thờ là Đạo, nhưng ông vẫn than đó là vì lục phủ ngũ tạng của ông không tiếp nhận được. Đó là điều mà ta muốn hỏi.

Thâu nói:

- Thâu này nghe thầy dạy rằng: “Dịch là lý nhiệm mầu của Đạo. Phục Hy họa ra Bát quái rồi Văn vương làm cho rối thêm, không chịu bỏ bớt văn từ. Sở dĩ tôi than là thế.

Người ấy nói:

- Văn vương có lỗi gì mà người có lỗi nặng chính là Phục Hy. Xưa kia, Phục Hy chưa họa ra Bát quái lẽ đâu tam tài (thiên, địa, nhân) không tồn tại, tứ tự (bốn mùa) không vận hành, trăm vật không sinh sôi, vạn tượng không sum xuê ư. Như vậy cần gì miệt mài họa vẽ vô ích như vậy. Họ Phục Hy đã tiết lộ bí mật của Đạo, làm lộ thần cơ, chia chẻ thái hòa, phanh phui tiên khí, khiến kẻ trí trong thiên hạ dối đạo làm càn. Thế mà còn tự cho mình là người giỏi bàn về vạn tượng, biết rõ vật tình

âm dương giao thoa, gần xa hút chặt, dựng lập những thuyết cương nhu, dị đồng, làm kinh hãi kẻ có chí. Bấy giờ kẻ trí đã không biết mà còn làm cho tan hoại. Mầm loạn đó bắt nguồn từ Phục Hy, sao ông lại cật lực ta thán Văn vương?

Người ấy nói xong vác cỏ linh đi mất. Thâu chạy theo hỏi họ tên, quê quán, người ấy không trả lời. Văn Trung Tử biết chuyện nói:

- Ông ấy là kẻ ở ẩn!

Trong Thạch Thất Luận nói:

- Tống Tư Mã Văn Chánh Công nói: "Văn Trung Tử bảo Phật là Thánh nhân, cứ xét kỹ lời ông ấy thì tâm của Phật có thể thấy được. Như nay nói đến thiền, phần nhiều là ẩn ngữ dễ làm người hiểu lầm, rồi vọng ngữ nói càn, khiến cho người học mịt mờ, ngày càng có nhiều người lầm lạc. Do đó tôi giảng rộng ý của Trung Tử để giải thích sáu bài tụng của Thiền. Nếu đúng như lời này thì dù Trung Quốc vẫn thực hành được, bằng không thì đó là điều mà tôi không biết".

Cuối chương này nói:

"Ngôn ngữ là thầy của trăm đời, đạo hạnh là mực thước của thiên hạ. Nếu là người tài giỏi, là Thánh nhân thì họ được gọi là Phật, Bồ-tát".

Ôi! Văn Chánh Công quả là bậc đại hiền tiếp nối mối đạo của Khổng, Mạnh, Tuân, Dương, lẽ đâu ông ấy lại không am tường về Phật chăng. Xem bài tụng thì biết được những điều ông làm lúc bình sinh. Đó đều là tâm Phật, Bồ-tát.

Chỉ một tông thiền, dù bọn ta cũng đề cao cho rằng đó là giáo ngoại biệt truyền, nhưng nếu không phải tự mình mất sáu mươi năm dứt tâm đoạn ý thì vẫn không thể thấu suốt được tông chỉ. Cứ bảo rằng Thiền là ẩn ngữ, là tuyệt ngôn, mới nghe dường như đúng nhưng kỳ thật chẳng đúng. Như vậy, hèn gì Đông Cao Tử cho Phục Hy họa ra Bát quái là đã tiết lộ bí mật của Đạo, làm lộ thần cơ, chia chẻ thái hòa, phanh phui tiên khí, khiến kẻ trí đã không biết, còn làm cho bại hoại.

Dẫn tông thiền bất lập văn tự, chỉ thẳng tâm người, ngay nơi lời nói mà thấy được mặt mũi, hình hài, điều đó lẽ đâu có thể thường nêu nghĩa lý rồi tìm cầu được ngôn thuyết chăng. Không chỉ riêng Văn Chánh Công hay bậc hiền tài như Văn Trung Tử, Dương Tử, Mạnh Tử chưa từng để tâm, mà hàng tiền bối truyền giáo của chúng ta chắc chắn cũng có người không hiểu rồi đâm ra phỉ báng. Thế nên Tiên đức nói:

"Trong ngàn vạn người may ra chỉ được một người, nửa người mà thôi."

Đủ thấy đó là điều không phải dễ tin.

26. Xà-na-quật-đa dịch kinh Pháp Hoa:

Tôn giả Xà-na-quật-đa là người Thiên Trúc. Và thời Văn Đế, ngài đến Trường An, ở tại chùa Đại Hưng Thiện. Ngài phụng chiếu dịch các kinh như Pháp Hoa... và thị tịch trong năm này.

27. Vua hạ chiếu thăm hỏi Thiền sư Hồng Sơn Trí Thuấn:

Nhân thọ năm đầu, vua hạ chiếu:

"Hoàng đế kính thăm Thiền sư Hồng Sơn Nam Cốc Trí Thuấn. Mùa đông rất lạnh, ngài an ổn chăng? Mong ngài gắng cứu sinh linh, thành tựu đạo quả, duy trì nguyện lực. Trẫm thật vui mừng. Nay sai khai phủ Lư Nguyên Thọ truyền ý của trẫm, xin thỉnh Thiền sư vào triều".

Ngài lấy cớ bệnh không đi. Hồi ấy, ngài theo Thiền sư Tăng Trù xuất gia và tu thiền định. Những lúc vọng niệm nổi lên ngài dùng kim đâm vào đùi để cho tỉnh. Vì vậy vọng trần không khởi, đến nỗi bất đắc dĩ lắm ngài mới mở miệng nói, nhưng không ngoài giới, định, tuệ. Cứ thế trải hơn mười năm, Tăng Trù lấy làm lạ hỏi:

- Lẽ đâu ông không để tâm đến việc lợi tha chăng? Từ nay về sau ông có thể luận bàn về đạo được rồi.

Sau đó ngài từ giã Tăng Trù vào ẩn trong Tán Hoàng sơn. Thí chủ đem vật thực đến cúng dường, ngài từ chối chẳng nhận thứ gì. Có người hỏi nguyên do. Ngài nói:

- Rau quả trong núi cũng đủ đỡ đói rồi, đâu cần phải làm phiền người ta.

Ngài sống giản dị đến như thế.

Thấy người ăn thịt, ngài thống thiết dạy:

- Thân mạng khác nhau trong sáu đường ông chưa từng biết đến. Tất cả chúng sinh có thân mạng đều là cha mẹ ông, tất cả chúng sinh đều là tiền thân của ông. Nay ông ăn thịt họ, chính là ăn thịt cha mẹ mình, vậy mà ông cũng nhẫn tâm ăn được sao.

Người ấy nghe xong khiếp sợ bừng tỉnh, không ăn thịt nữa.

28. Dạng Đế:

* Giáp Tý năm mươi lăm: Vua hạ chiếu thưởng phạt công minh, rồi nhường ngôi cho Thái tử Quảng. Vua bệnh, Dương Sách sai Trương Hành vào hầu hạ. Vua bệnh nặng mất, Thái tử lên ngôi. Bấy giờ nhân khẩu trong thiên hạ là tám triệu chín trăm ngàn người.

Ất Sửu: Dạng Đế, tên là Quảng. Thuở nhỏ có tự là A Lũ, là con thứ của Cao Tổ. Ông soán ngôi ở cung Nhân Thọ. Ban đầu ông dùng

chánh trị cai quản muôn dân, về sau đến xây Đông kinh ở Lạc Dương, phát động mấy trăm vạn nhân công ở Hà Nam khai sông ngòi đến tận sông Hoài, sông Tứ để dạo chơi bằng thuyền rồng. Sau đó khai thông đến Giang đô. Bấy giờ dân không tuân lệnh trộm cướp nổi lên khắp nơi, đất đai mất dần, cuối cùng ông bị Vũ Văn giết, thọ năm mươi chín tuổi.

29. Vua xuống chiếu buộc Tăng, Đạo lạy vua, Pháp sư Minh Chiêm biện luận, vua liền bãi lệnh.

Mùa đông năm này, Dạng Đế tuần thú đến Nam giao xuống chiếu buộc Tăng, Đạo lạy vua như những người thế tục khác. Đạo gia chẳng ai dám phản đối, riêng Sa-môn không tuân theo chiếu chỉ. Vua bèn hỏi:

- Chiếu chỉ nói rõ, các khanh cố ý không tuân thánh chỉ là tại sao?

Lúc ấy Pháp sư Minh Chiêm thưa:

- Nếu bệ hạ theo lệnh chế mà bãi bỏ đạo, thì kẻ hèn này dám không tuân lệnh. Còn như biết tôn sùng Đại pháp thì Tăng sĩ khoác pháp y không lễ lạy người thế tục.

Vua hỏi:

- Thế tại sao Tăng lạy Chu Vũ Đế?

Chiêm đáp:

- Chu Vũ Đế cậy quyền thế, bạo ngược, không ban bố ân đức. Ông ấy không đáng để người khác học theo. Bệ hạ dùng chánh trị sáng suốt, duy trì nhân từ, không bắt oan kẻ vô tội, thế nên bần đạo mới được bày tỏ hết lòng trung của mình.

Vua im lặng, rồi cho bãi triều. Quan Hữu ty cho rằng Chiêm chống lại vua, muốn ghép tội ngài, ngài nói:

- Người đắc tội chỉ một mình tôi. Xin chớ dùng luật phi pháp bắt tội đồ chúng của tôi.

Vua thấy ngài chẳng sợ chết nên không bắt tội cũng không hỏi nữa. Từ đó cũng không còn ai bàn luận việc Tăng phải lạy vua.

30. Tổ 3: Đại sư Tăng Xán. (Bính Dần)

Đại sư Tăng Xán thị tịch trong năm này, không ai biết tên tuổi, quê quán của Sư (có thuyết nói Sư ở Từ Châu). Chỉ biết hồi ấy Sư vốn là cư sĩ đến yết kiến Nhị tổ và được Tổ truyền pháp.

Khi Chu Vũ Đế hủy diệt Phật pháp, Sư thường qua lại núi Tư không ở hơn mười năm mà chẳng ai biết.

Đời Tùy, niên hiệu Khai Hoàng thứ mười hai có Sa-di Đạo Tín đến lễ sư rồi thưa:

- Xi Hòa thượng đại Từ ban cho con pháp môn giải thoát.

Sư hỏi:

- Ai trói buộc ông?

Tín thưa:

- Chẳng ai trói cả.

Sư nói:

- Vậy cầu giải thoát làm gì?

Đạo Tín nhân đó liền đại ngộ, ở lại hầu hạ sư suốt chín năm. Sau khi truyền thọ giới Cụ túc sư nhiều lần chứng nghiệm, biết Đạo Tín đã đạt được lý huyền, cơ duyên đã thuần thục. Sư liền truyền y và nói kệ:

Giống hoa tuy nhờ đất
Từ đất giống hoa sinh
Nếu không người gieo giống
Hoa đất trọn không sinh.

Sư truyền pháp y rồi nói:

- Ta gặp ông, việc nên làm đã làm xong.

Sư vượt sông qua núi La Phù về lại Từ Châu. Dân chúng thấy sư về rất vui mừng đua nhau đến cúng dường. Sư thuyết pháp cho bốn chúng xong đứng ngay dưới đại thọ trong pháp hội an nhiên thị tịch, hôm ấy là ngày mười lăm tháng mười. Đường Huyền Tông ban tặng Sư thụy là Giám Trí Thiền Sư.

Sư trước tác bài Tín Tâm Minh. Trong ấy nói:

Đạo lớn không khó
Cốt đừng chọn lựa
Hễ không thương ghét
Tự nhiên sáng ngời
Sai nửa đường tơ
Đất trời liền cách
Muốn được trước mắt
Chớ còn thuận nghịch
Phải trái chống nhau
Đó là tâm bệnh
Chẳng biết mối huyền
Lo suông niệm tịnh
Tròn như thái hư
Không thiếu không dư

Bởi lo giữ bỏ
Nên chẳng như như
Chớ đuổi hữu duyên
Đừng trụ không nhẫn
Một mực bình tâm
Tự nhiên dứt sạch
Ngăn động cầu tịnh
Ngăn lại động thêm
Ngưng trệ nhị biên
Sao biết nhất chủng
Nhất chủng chẳng thông
Hai bên uổng công
Theo có mất có
Theo không đều không
Nói nhiều nghĩ nhiều
Trọn chẳng tương ưng
Hết nghĩ hết lo
Thông suốt hết thảy
Về nguồn nắm mối
Theo bóng hoài công
Phút giây soi ngược
Liền vượt cảnh không
Cảnh không biến chuyển
Đều do vọng kiến
Chẳng cần cầu chân
Chỉ dứt sơ kiến
Chẳng trụ nhị kiến
Cẩn thận chớ tìm
Liền mắc thị phi
Rối bời mất tâm
Hai do một có
Một cũng chẳng chấp
Một tâm chẳng sinh
Muôn pháp chẳng quấy
Không quấy không pháp
Chẳng sinh chẳng tâm
Tâm theo cảnh diệt
Cảnh theo tâm mất

Tâm do cảnh có
Cảnh do tâm sinh
Muốn biết hai đầu
Chỉ là một không
Một không đồng hai
Bao hàm vạn tượng
Chẳng thấy tinh thô
Sao lại sai lệch
Đạo lớn thể rộng
Chẳng dễ chẳng khó
Thấy cạn nghi ngờ
Chạy theo nhanh chậm
Chấp thì thiên lệch
Tất vào đường tà
Tự nhiên buông bỏ
Thể không trụ chuyển
Theo tánh hợp đạo
Tự tại dứt phiền
Nghĩ nhiều trái chân
Chìm trong mê ảo
Mê ảo nhọc tâm
Đâu cần thân sơ
Muốn chứng nhất thừa
Chớ chê sáu trần
Sáu trần chẳng xấu
Cùng đồng chánh giác
Kẻ trí vô vi
Người ngu tự trói
Pháp chẳng khác pháp
Lầm sinh ái chấp
Đem tâm cầu tâm
Chẳng lầm to ư
Mê sinh động tĩnh
Ngộ không xấu tốt
Tất cả nhị biên
Đều do đối đãi
Huyễn mộng hoa đốm
Đuổi bắt uổng công

Được mất phải trái
Đồng thời buông bỏ
Mắt không mê ngủ
Muôn mộng tự mất
Tâm chẳng nghiêng lệch
Muôn pháp nhất như
Như như nhiệm mầu
Bằn bặt quên duyên
Cùng quán muôn duyên
Lại về tự nhiên
Dứt sạch duyên do
Chẳng thể so sánh
Ngăn động không động
Động hết chẳng dừng
Hai đã không thành
Một làm sao có
Rốt ráo cùng cực
Chẳng còn quỹ tắc
Hợp tâm bình đẳng
Việc làm đều dứt
Mối nghi đều tịnh
Chánh tín thẳng ngay
Chẳng giữ tất cả
Chẳng còn ghi nhớ
Sáng sạch tự nhiên
Chẳng nhọc tâm sức
Đâu thể suy lường
Trí thức khó biết
Chân như pháp giới
Không tự không tha
Phải tương ưng ngay
Vốn là chẳng hai
Chẳng hai đều đồng
Bao dung hết thảy
Người trí mười phương
Cùng vào tông này
Tông chẳng nhanh chậm
Một niệm vạn năm

Chẳng hề tồn tại
Mười phương trước mắt
Cực nhỏ bằng lớn
Dứt sạch cảnh giới
Cực lớn bằng nhỏ
Chẳng có biên tế
Có tức là không
Không tức là có
Nếu chẳng được vậy
Quyết không nên giữ
Một là tất cả
Tất cả là một
Chỉ cần như vậy
Lo gì chẳng xong
Tín tâm chẳng hai
Chẳng hai tín tâm
Nói năng dứt hết
Chẳng phải quá khứ
Hiện tại vị lai.

31. Dương Hoằng thống lãnh Đạo sĩ, danh Tăng nghị luận đạo pháp: (Đinh Mão)

Thỉ Bình Lệnh Dương Hoằng thống lãnh đạo sĩ, danh Nho cùng đến chùa Trí Tạng mở hội luận bàn đạo lý. Hoằng mời Pháp sư Tuệ Tịnh cùng nghị luận với Đạo sĩ Dư Vĩnh Thông. Vĩnh Thông muốn lập luận trước, nhưng Tuệ Tịnh nói:

- Đạo lưu vào chùa, phải phân chủ khách, ông làm sao lập luận trước được?

Rồi Tuệ Tịnh bèn hỏi:

- Lão tử nói: "Có một vật do nhiều thứ hỗn tạp kết thành sinh trước trời đất, ta chẳng biết tên nó, bèn gọi nó là đạo. Như vậy thể của Đạo là một cho nên hỗn tạp hay thể của đạo là nhiều mà hỗn tạp? Nếu thể là một nên hỗn tạp thì ngay lúc hỗn tạp ấy đã thành một. Vậy thì một đó chẳng phải do Đạo sinh ra. Nếu thể là khác nên hỗn tạp thì ngay lúc chưa hỗn tạp bản thân nó đã thành hai rồi, vậy hai này chẳng phải do một khởi ra. Ông thấy thế nào?

Vĩnh Thông mờ mịt chẳng biết đối đáp thế nào, đành im lặng ra về.

Ất Hợi: Dạng Đế vô cùng xa xỉ, cưỡi thuyền rồng, buồm gấm, men theo sông Biện xuống tận Dương Châu. Chư hầu khắp nơi nổi lên xưng vương, mặc tình hùng cứ, cả thảy đến năm mươi hai nơi. Thái nguyên Đường Công Lý Uyên liền đem nghĩa binh đến Dương Châu cứu giá.

Giáp Tý: Đường sư đến Giang Đô, vua vỗ bàn ngọc khen: "Quả là có kỳ tướng! Quả là có kỳ tài! Tháng mười một Đường sư vào kinh. Vua lên làm Thái thượng hoàng, lập vương Hựu lên ngôi, tiếp nối vương nghiệp nhà Tùy.

32. Cung Đế:

Cung Đế tên là Hựu, cháu của Dạng Đế, con của Thái tử Nguyên Đức, mười ba tuổi lên ngôi, dùng Đường Công làm tướng văn, sau phong làm Đường vương. Tháng năm năm sau, nhường ngôi cho nhà Đường. Vua Đường phong ông là Cảo quốc công. Ông mất năm Vũ Đức thứ hai, thọ mười lăm tuổi, trị vì được hai năm.

Đinh Sửu: Đổi niên hiệu là Nghĩa Ninh, vua ở Đinh đô, ngày càng bạo ngược. Vũ Văn Hóa cùng bọn sĩ tốt đầu hàng ban đêm lén vào cung giết Cung Đế cùng mọi người trong tông thất.

33. Truyện về Thần tăng Pháp Hỷ:

Tướng mạo sư như người quê kệch, khoảng hơn bốn mươi tuổi. Hồi ấy các bô lão đều nói: "Hồi trẻ bọn ta đã từng gặp ông ấy".

Sư nói những việc trong thời Tấn Tống chính xác vanh vách, lại nói mình đã từng ngao du với Đại sư Tuệ Viễn ở Đông Lâm. Sư nói năng rất dị thường toàn là những điềm lành dữ.

Dạng Đế xa giá đến Duy Dương, nghe Sư là người kỳ dị bèn triệu đến. Ngay hôm đó Sư đi quanh quẩn trong cung, lục lọi kháp nơi để tìm cái đầu dê. Dạng Đế bực mình bắt Sư giao cho quan đình úy. Bọn thủ hạ nhốt Sư canh giữ rất nghiêm ngặt, nhưng vẫn thấy Sư ngày ngày xin ăn ở trong chợ. Quan Hữu ty tâu vua, vua sai người kiểm tra thì thấy cửa vẫn khóa chặt, đến khi mở cửa xem thì chỉ thấy áo ca-sa trùm trên một bộ xương bằng vàng, các đốt xương dính liền nhau. Hữu ty bẩm báo, vua ra lệnh cho Trường An Vương đi tìm Sư, lại hạ chiếu dùng bột hương, gỗ cây nặn hình Sư. Đêm ấy tượng mới nặn bỗng nhiên đứng dậy đi nói cười như người thật. Thấy vậy vua thả không nhốt Sư nữa.

Sau đó không lâu, Sư thị tịch, vua ra lệnh không tẩm liệm mà đặt Sư lên trên chiếu rồi nổi lửa đốt trong một ngày. Nửa thân Sư cháy khét. Sư chết, người ta an táng Sư bên cạnh chùa Hương sơn.

Mấy năm sau đó, có người từ Hải nam về thấy Sư chẳng bệnh hoạn, thương tật gì. Người ấy quật mộ Sư lên thì thấy quan quách trống trơn. Tính ra hồi ấy Sư đã hơn ba trăm tuổi. Đến khi Dạng Đế bị giết ở Giang đô, mới hiểu được vì sao Sư vào cung tìm đầu dê.

Trong Thạch Thất luận ghi: "Đường Mục Chi nói: "Xưa có thầy tướng nói Văn Đế sẽ được thiên hạ, quả nhiên về sau Văn Đế soán ngôi rồi làm vua. Cuối triều Chu, họ Dương là Bát trụ quốc công thần (tám người là trụ cột của quốc gia), công hầu nối nhau tồn tại rất lâu. Thế rồi con trai họ Dương soán ngôi, trị vì chưa đầy ba mươi năm, cuối cùng già trẻ gái trai đều chết bất đắc kỳ tử. Người ấy biết chắc thầy tướng sẽ nói rằng: Đó là cái họa của họ Dương". Có thể nói ông ta là một thầy tướng giỏi".

Mục Chi luận bàn thật khiến người khác phải khiếp sợ. Thế nhưng Văn Đế bình định thiên hạ, trị vì muôn dân, làm vua đến hai mươi bốn năm, đặt ra lễ nhạc, phép tắc mà sau này phần nhiều nhà Đường duy trì theo. Trong niên hiệu Nhân thọ, nhân khẩu trong nước là tám triệu bảy trăm ngàn người. Đất đai nhà Đường rộng lớn, qua năm đời vua đến cuối năm Thiên Bảo chỉ mới hơn chín triệu người. Tùy Văn Đế mở mang đất nước, khiến thiên hạ thái bình, ông quả là anh chủ của một thời đại. Chỉ tiếc rằng trong những năm cuối, Tùy tin dùng họ Dương đến nỗi tan tành sự nghiệp. Than ôi! Đâu chỉ có Văn Đế mà từ Ngụy, Tấn về sau Phù, Thạch, Diêu, Lưu, Tiêu, Trần Cao, Vũ Văn, họ Dương, cả thảy mười ba triều đủ làm minh chứng cho đạo lý thịnh suy, tuần hoàn của nhân quả, chẳng mảy may sai chạy.

Đạo giáo ta nêu ra bốn phương trời đất, thật có lợi lớn với quốc gia thiên hạ. Trong đó nhân quả báo ứng đại hợp với đạo trời, giúp trời hoằng hóa muôn dân. Thế nên kinh luận diễn nói rất nhiều, sâu xa, minh bạch, cốt làm cho ai nấy tự tin. Nhân thế nào thì quả thế ấy, đâu thể trốn tránh.

Nho gia tuy cũng nói nhân quả tuần hoàn nhưng không nêu ra được đạo lý khuyến hóa. Thế nên Mục Chi chỉ đề cập đến Tùy Văn Đế mà không suy rộng đến mối tệ do tập nghiệp tuần hoàn trong những triều đại trước đó. Chỉ có nhà Đường dựng cơ nghiệp là khác với những triều này nên vận nước họ Đường tồn tại lâu dài hơn. Đó đủ làm gương sáng cho thiên hạ.

■

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 11

1 Đường Cao Tổ:

Họ Lý, Vương Thổ Đức đóng đô ở Nhị kinh. Lôi thị nói:

"Thần, Thái, Cao, Tắc, Trung, Duệ, Huyền, Tức, Đại, Đức, Thuận, Hiến, Mục, Kính, Văn, Vũ, Tuyên, Ý, Hy, Chiêu, Mạt, Minh, Thế Tông, Đường. Gồm hai mươi hai đời vua, trị vì hai trăm chín mươi hai năm".

Mậu Dần: Cao tổ Thần Nghiêu Hoàng đế tên là Uyên, tự là Thúc Đức, người Lũng Tây, Thành Kỷ. Tiên tổ ông là hậu duệ của Vũ chiêu Vương Lý Cảo. Tây Ngụy ban họ là Đại Dã, làm quan đến chức Thái úy. Ông cùng Lý Bật... cả thảy tám người phò tá nhà Chu có công, được phong làm Trụ quốc. Khi Lý Hỗ chết, vua Chu xét công phong làm Đường Quốc công. Ông này sinh ông Bính cũng được tập phong làm Đường công, đó là cha của Cao tổ. Ông này làm quan nhà Tùy giữ chức Tổng quản An Xuyên sinh ra Cao tổ ở Trường An. Lúc sinh ông, ánh sáng màu đỏ tía đầy nhà, người ông có ba vú, tính tình khoan dung nhân hậu và ông cũng được tập phong làm Đường công. Sau Tùy Cung đế tấn phong ông làm Đường vương. Sau đời Thái Tông, muôn dân biết Tùy tất diệt vong, bèn mưu tính đại sự, Cao tổ nhận lời. Tháng bảy ông cử nghĩa binh, tháng mười một diệt được kinh thành. Tháng năm năm sau, Cung đế nhường ngôi cho Cao tổ. Ông lên ngôi ở Trường An, đổi quốc hiệu là Đường, ở ngôi được chín năm, thọ bảy mươi mốt tuổi, an táng ở Hiến lăng. Ông truyền ngôi cho Thái Tông. Thái Tông là thiên tử có tâm Phật. Ông khai cơ lập nghiệp, chấn động khắp nơi, truyền được hai mươi hai đời vua, trị vì tổng cộng hai trăm chín mươi hai năm. Từ khi khai quốc đến nay, chưa có triều nào thịnh bằng đời Đường. Đạo ta thịnh suy thường tùy thuộc vào đế vương. Từ đây Thánh hiền ngoại hộ nội hộ rất nhiều, điển chương hoàn bị, không ngoài thời này. Thế nên vua Đường được tôn xưng là quân tử danh giáo hoàn bị toàn thư. Phật giáo về sau cũng có tư liệu để kê cứu.

Vua đặt ra Thất miếu. Từ Đông sang Tây, mặt hướng về phía mặt

trời. Thỉ tổ ở giữa, Tam Chiêu bên trái, Tam Mục bên phải cứ theo thứ tự như vậy.

2. Vua xuống chiếu mời Tăng Đạo luận nghị:

Cao tổ nhận ngôi từ Tùy, bá quan đều lạy tạ, chỉ có Tăng chúng đứng khoanh tay. Ngạc Quốc công Uất Trì Kính Đức, Kim Ngô vệ tướng Quân Lưu Văn Tĩnh tâu:

- Tăng chưa phải là Thánh nhân, còn là phàm phu sao lại đứng trơ ra không lạy công hầu cha mẹ? Như vậy ai chịu được?

Vua ra lệnh ấn định Nho, Thích hơn kém thế nào rồi ghi vào Quốc điển, bàn xong thì dâng vua, vua đồng ý cho không lạy.

Kỷ Mão: Ấn định phép tô thuế.

Giáp Thân: Tháng hai năm thứ bảy Cao tổ mở hội tại Quốc học mời danh Nho, Tăng, Đạo đến nghị luận. Đạo sĩ Lưu Tiến Hỷ hỏi Sa-môn Tuệ Thừa:

- Thái tử Tất-đạt-đa tu khổ hạnh sáu năm cầu chứng đạo quả, như vậy Đạo hay sinh Phật, Phật từ Đạo mà thành. Nên kinh nói: "Cầu đạo vô thượng", lại nói "Thể nhập đại đạo, phát tâm vô thượng". Theo đó mà xét thì Đạo phải có trước Phật.

Thừa đáp:

- Chấn đán với Thiên Trúc giống như biển cả sánh với đảo nhỏ. Lão Quân và Phật trước sau hơn ba trăm năm. Lẽ đâu vào thời Chiêu vương, Phật lại cầu cái đạo trong thời Kính vương chăng.

Tiến Hỷ nói:

- Đại Đạo của Thái Thượng có trước trời đất, ở trong cái hỗn độn rỗng linh ấy, ở trên cái Ngọc thanh lẫy lừng kia, là thầy của Phật.

Thừa nói:

- Căn cứ thất tịch, cửu lưu, sử sách các nước vốn từ chu dịch, Ngũ vận cùng sinh, lưỡng nghi cùng hiện, trụ khéo léo trong vạn vật thì gọi là Thần. Một âm một dương thì gọi là Đạo. Lẽ đâu ông cho rằng có một đại đạo khác sinh trước trời đất ư. Đạo đã không có tên gọi làm sao sinh ra Phật. Trung Dung nói: "Cái mà làm chủ tánh thì gọi là Đạo". Xa Dận cũng nói: "Ở mình gọi là Đức, ở vật gọi là Đạo, lẽ đâu phải đầu đội mão vàng, thân mặc áo vàng, đầu xõa tóc trắng, tay cầm ngọc chương, ở trên đại la mới được độc xưng là đại Đạo". Ôi! Thật quá sai lầm.

Tiến Hỷ không đáp được. Sau đó Thái học bác sĩ Lục Đức Minh căn cứ lập luận mỗi bên ghi lại những đạo lý chính yếu. Vua xem xong, vui vẻ nói:

- Ba người là kình địch, nhưng một lời của Đức Minh đã thông suốt tất cả, cả ba đều tài giỏi.

Rồi vua ban thưởng gấm lụa cho cả ba người.

3. Phó Dịch dâng sớ xin vua hủy diệt Phật giáo:

Ất Dậu: Thái sử Lệnh Dữu Kiện hổ thẹn với chức quan của mình bèn tiến cử Phó Dịch lên thay. Dịch từng là Hoàng quan cho Tùy rất không vừa ý. Sau khi đổi triều. Dịch đắc chí với triều đình làm đến chức sử lệnh. Hồi ấy đạo sĩ Phó Nhân Quân là người học rộng, Dịch bèn tiến cử Quân làm Thái sử thừa cùng phụ giúp mình. Dịch dâng sớ xin vua bãi trừ họ Thích. Trong đó nêu ra mười một điều, đại loại nói:

"Phật ở Tây Vực, ngôn ngữ yêu mị, đường xá xa xôi. Hán dịch kinh người Hồ tự ý bỏ qua những điều dối trá nên khiến cho kẻ bất trung bất hiếu cạo đầu rồi chỉ vái vua, cha; bọn du thủ du thực đổi áo rồi trốn xâu lậu thuế. Họ diễn nói sách ma thuật lại pháp tà, dối mở tam đồ, lầm nêu lục đạo, làm khiếp sợ kẻ ngu, lừa dối người dốt. Phàm bá tánh lê dân thông hiểu thì ít, chẳng xét ngọn nguồn, tin trò mê hoặc. Xét những tội lỗi đã qua, nghĩ đến phước sắp tới, thậm chí có kẻ tự gây ác nghịch, luật pháp gia hình, thì ở trong ngục luôn mệng tụng niệm, không ngớt lạy Phật, sớm tối quên mệt hòng tránh được tội. Thế nhưng sinh mạng dài ngắn là lẽ tự nhiên, ban hình bố phước, cho phước hiện uy, đều bởi quân vương, nhưng bọn ngu Tăng lại ngông cuồng cho rằng do Phật. Họ lấn quyền nhân chủ, cướp lý tạo hóa, làm hại quốc chánh, thật đáng bi thương. Kinh thư nói: "Chỉ có vua làm phước, chỉ có vua tỏ uy, chỉ có vua cho ăn". Bề tôi không có kẻ làm phước, dương uy cho ăn, mà có kẻ làm tổn cho nhà, làm hại cho nước. Từ thời Ngũ đế Tam vương đều chưa có Phật pháp, nhưng vua sáng thần trung, vận nước lâu bền. Đến thời Hán Minh mới lập ra miếu Hồ, khiến người Tây Vực leo vào, tự tiện truyền pháp. Thời Tây Tấn về trước không cho phép người Trung Quốc cạo đầu xuất gia, đến khi Phù Thạch làm loạn Hoa Hạ, bỏ lệnh cấm ấy, chánh sách bạo tàn, vận nước ngắn ngủi, đều do Phật giáo gây nên tai họa. Lương Vũ, Tề Tuyên cũng quá đủ để ta ngăn ngừa. Xưa chỉ một nàng Bao Tự mà đã mê hoặc U vương đến nỗi mất nước, huống gì nay có đến một trăm ngàn Tăng, Ni. Khắc đắp, thêu tượng làm hao tổn của dân. Bệ hạ đem một trăm ngàn người này gán ghép thành vợ chồng, nuôi nấng mười năm, dạy bảo mười năm thì cũng có cái ăn cho quốc gia, đủ binh lính cho đất nước, mà bốn biển cũng tránh được cái họa ăn không ngồi rồi. Trăm họ biết uy phước ban ra thì yêu dị liền dứt

mà quay về với thuần phong chất phác. Vả lại xưa nay kẻ trung thần can gián ít ai tránh được mối họa vào thân. Gần đây, Bắc Tề Chương Cừu Tử Tha can rằng: "Tăng, Ni làm hao tổn quốc gia, chùa tháp làm tốn hao vàng lụa, bọn Tăng Ni lại dua nịnh tể tướng, cậy nhờ phi tần, làm cho người sống chê bai, người chết phỉ báng".

Cuối cùng Tử Tha bị chết giữa chợ. Đến khi Chu Vũ vào Tề, việc đầu tiên là truy phong mộ ông ấy. Thần tuy ngu muội nhưng trộm mong nối gót ông ta".

Dịch dâng sớ tâu vua, nhưng vua không trả lời.

Bính Tuất: Năm thứ chín, Thái sử lệnh Phó Dịch dâng cả thảy bảy lần sớ xin trừ khử họ Thích, ngôn từ ấy rất thống thiết mạnh mẽ. Lúc này vua tuổi đã cao lại trù trừ không quyết đoán, mà tin lời dịch. Vua đem sớ tấu giao cho quần thần cùng bàn bạc. Đại thần đều nói:

- Phật pháp hưng thịnh từ nhiều triều trước, hoằng thiện ngăn ác, ngầm giúp nước nhà không thể phế bỏ.

Chỉ có Thái bộc khanh Trương Đạo Nguyên là đồng tình với Phó Dịch cho rằng đúng lý. Tể tướng Tiêu Vũ mắng Dịch:

- Phật là Thánh nhân, Dịch bàn như vầy là xem Phật như người phàm, thật vô phép, xin gia hình thật nặng.

Dịch nói:

- Lễ vốn ở nơi thờ cha mẹ, cuối cùng là thờ vua. Được như vậy thì lễ nghĩa trung hiếu mới rõ ràng đạo bề tôi, đạo làm con mới thành. Phật vượt thành xuất gia, trốn tránh cha mình, dùng lễ của kẻ thất phu chống lại thiên tử, dùng lễ của kẻ bất hiếu chống lại cha mẹ. Vũ không xuất thân bên Tây Vực nhưng trái lại cũng tôn thờ những giáo điều của kẻ không cha mẹ. Thần nghe: "Hễ người không có hiếu thì không có cha mẹ". Vũ chính là hạng này.

Vũ mắng Dịch:

- Địa ngục chính là vì người này mà thiết lập nên.

4. Lý Sư Chánh trước tác Nội Đức Luận:

Vua lại theo sớ tấu của Phó Dịch hỏi chư Tăng:

- Xuất gia có lợi gì cho đất nước?

Bấy giờ, Pháp sư Pháp Lâm, họ Trần, người Dĩnh Xuyên, trước đây ông nội ngài làm quan, nên ngài theo cư ngụ ở Tương Dương. Sau về ở chùa Tề Pháp trong Trường An. Lâm trước tác Phá Tà Luận hai thiên, dẫn khắp sách Phật cùng kinh tịch của Đạo giáo nhằm nêu tỏ Phật đạo, quán triệt cội nguồn vạn pháp. Khổng Tử lập ngôn chỉ giáo

huấn trong nước mà chưa phổ cập đến những quốc gia xa. Đó chưa phải là đạo lý cùng tột. Phàm người xuất gia phải thủ chí tỏ đạo, tích thiện tạo phước, mở trí cho kẻ mê, ích nước không nhỏ.

Pháp sư Minh Khái nêu ra tám điều phản bác việc phỉ Tăng báng Phật của Phó Dịch. Pháp sư Tuệ Thừa viết Biện Chánh luận, nêu ra Thập Dụ Cửu Châm đả phá Thập Di Cửu Mê của đạo sĩ Lý Trọng Khanh, Pháp Lâm... dâng biểu trình tấu vua, đồng thời trình tấu cho cả Tần vương.

Lý Sư Chánh viết Nội Đức luận ba thiên, trình bày lợi ích trong sự giáo hóa của nhà Phật. Chánh tự viết luôn bài tựa rồi trình cho vua. Trong ấy nói:

"Đấng Thập Lực Điều Ngự lái thuyền pháp trong biển khổ, dùng Tam thừa dẫn dắt, lập con đường bằng phẳng thênh thang trong nhà lửa. Khuyên người làm thiện, tích tu phước đức thì bảy kinh không theo kịp, cấm ác phòng họa thì chín phái không sánh kịp. Luận về hóa tích thần kỳ thì lời lẽ rộng sâu, thật đáng khiếp sợ, bàn về bỏ mê dứt hoặc thì quỹ phạm thanh tao thật khó vượt qua. Sĩ thứ của Hoa, Di; văn Nho của vua, dân đều phải nhờ đây mới mong thọ nhận được đạo vị. Nếu tự mình chẳng nghiền ngẫm tinh hoa, cứu xét chân vọng, tư duy thật sâu, quán sát khổ không thì chẳng khác nào trồng gốc tin trên tảng đá, chuốc mối nghi vào trong lòng. Bởi vì xa thì có Tịnh Danh, Diệu Đức hoằng đạo mầu lại dốc chí tu tập, gần thì có Thiên Thân, Long Thọ ngộ lý chân lại hết lòng giáo hóa. La-thập, Đạo An là những người dốc chí học tập, nghiên cứu huyền tông thật đáng kính phục. Tăng Duệ, Tuệ Viễn là những người dựng lập niềm tin, nêu tỏ lý mầu, thật đáng kính ngưỡng. Còn như Dâm thư của Sĩ An, Ngoạn Dịch của Tuyên Ni, ngần vàng chưa đủ làm khiếp sợ cái thấy, tám âm không thể đổi được cái nghe. Nghe càng nhiều thì ý thích càng sâu, nghĩ càng sâu thì niềm tin càng mạnh, dù muốn bỏ cũng không thể bỏ được. Được vậy thì chắc chắn không lầm lạc.

Hoàng đế ta thừa hưởng mệnh trời, cai quản quốc gia, che chở sinh linh, ân sâu như đất, quét sạch khí tà sáng sạch tám phương, mở rộng biên cương, muôn dân an ổn, mở bày năm giáo, nêu tỏ công đức, tổng thâu cái đẹp của muôn đời, thay đổi dư tệ của trăm vua, dẫn ắt muôn dân làm lành. Tôn sùng Tam bảo dùng bến lành để diệt trừ những ác nghiệp. Noi theo cái đẹp của tứ chúng, tuân theo di chỉ của Thích Tôn, tiếp nối đạo mầu, công đức cao dày trời cao xanh khó sánh. Chỉ vì những kẻ làm quan trước thuật đủ điều, những bậc tông sư rối bời

lập luận. Có người nói thời Tam vương không Phật nên vận nước lâu dài, thời Nhị Thạch có Tăng nên chánh sách bạo ngược. Làm tổn sự cai trị là do thờ Phật, ích nước cần phải phế bỏ Tăng. Đó chỉ là cái thấy thiên lệch chẳng phải lẽ chung. Hãy xem kỹ những thời vua hưng thịnh sẽ biết được ngay. Vì sao? Vì kẻ diệt vong nước Tần chính là Hồ Hợi, lúc ấy không có Phật mà đất nước cũng hoại tan. Người hưng long nhà Phật chính là Hán Minh, thời ấy có Tăng nhưng quốc gia lại thịnh trị. Nhà Chu hủy diệt chùa Phật nhưng vận nước của Thiên Nguyên đâu có lâu bền. Nhà Tùy hoằng hóa giáo lý Phật nhưng chính sách thời Khai Hoàng không bạo ngược. Thịnh suy là do ban bố chính sách, trị hay loạn là cốt ở quan dân, đổ lỗi cho Phật cho Tăng thật chẳng đúng đạo lý.

Vả lại đối với thần dân Phật chỉ mở rộng việc thiện chứ không hoằng dương việc ác, cấm dân làm ác phòng ngừa họa hoạn nào có tổn hại gì đến quốc gia. Nếu người người làm lành, nhà nhà giữ giới thì hình phạt làm sao mỗi ngày một tăng! Họa phước nhân dân đâu mà có. Con kỳ lân tuy giỏi nhưng không bám đuôi con giỏi khác thì không thể đi xa. Dược thạch là thuốc hay nhưng không nhờ cháo cơm làm sao hết bệnh. Hạng Tịch bỏ thầy đâu phải vì Phạm Tăng bất tài. Họ Thạch bạo ngược đâu phải vì Phật đạo bất nhân. Đó chỉ vì đi ngược lại nên thành bạo loạn, không tuân theo nên dẫn đến tham tàn. Từ đó mà xét đủ thấy rõ rồi.

Lại có người cho rằng đấng Chánh giác là yêu thần, đem chùa tháp ví với dâm từ (miếu dâm), rồi chỉ trích hủy báng chẳng tiếc một lời. Thánh triều khuyên làm thiện, lập già lam để trồng phước. Dân mê hủy báng thật quá đi ngược công lao của vua. Những kẻ đó thật đáng chê trách. Nhưng đâu chỉ hủy Phật suông mà nuôi dưỡng hận thù trong lòng ngày đêm than trách, vì vậy mới thường giận dữ, hàm hồ. Họ lừa dối ân vua, dự càn vào đạo pháp, vun đắp lỗi lầm, gây trồng sự dối trá.

Niềm tin theo cái nghe mà khởi, mối nghi nhờ cái hiểu mà trừ. Ngày xưa tôi cũng từng hồ đồ phỉ báng không tin, nay thì đã tin sâu không còn hủy báng. Gần thì xét bản thân mình, xa thì suy đến kẻ khác. Phàm khinh khi hủy báng, không tin là do nghị bàn chưa rốt ráo, nếu nay cứu xét những đạo lý u huyền thì công lao bằng Đồ Trừng, La-thập và tất sẽ tin sâu dốc kính, chí ngang bằng với danh Tăng.

Sư Chánh tôi học thì chẳng đạt chỗ sâu xa, biết cũng chưa đến chỗ nhiệm mầu. Từ nhỏ nghe giảng dạy nên trừ được mối nghi trong lòng. Nay xin thận trọng đem cái học cạn cợt của mình viết bộ luận gồm ba thiên. Thiên thứ nhất luận về sự mê lầm để nêu rõ sự thông

trệ của tà chánh. Thiên thứ hai luận về lẽ chung để thấy rõ sự thịnh suy của họa phước. Thiên thứ ba luận về có, không để đả phá cái thấy biết chấp thường, chấp đoạn. Dùng muôn lời khảo xét, lấy muôn thiện kiểm chứng. Trên thì nêu tỏ phước tịnh của thánh triều, dưới thì phanh phui hư dối của dâm từ. Chánh tôi chỉ có tâm nguyện chứ tài năng thiếu sót, ngôn từ quê mùa, chứng cứ cạn cợt, chỉ đem hết sức mình nêu cao thánh đức, ngõ hầu những kẻ có bệnh như tôi mà chưa khỏi thì nhờ nghe những ví dụ cạn cợt này mà tỏ ngộ sâu xa. Như cỏ dại bên rào giậu có khi chữa khỏi bệnh trong lòng. Cỏ hắc cỏ lê nhiều lúc cứu đói cho người ở hang sâu. Còn như kim đan trước mắt, cỗ tiệc đầy bàn, chỉ cần nhìn qua cũng đủ làm Chánh này hổ thẹn.

Thiên thứ nhất: Luận về sự mê lầm.

Biện Thông thư sinh hỏi Trung Chánh Quân Tử rằng:

- Từng nghe, Thích-ca ở Thiên Trúc, kinh điển phát xuất từ Tây Hồ, danh hiệu thì Chu Không không sánh kịp, công đức thì sử sách không ví bằng, thật là đấng mà muôn phương kính ngưỡng, chứ đâu như thầy Nho trong Hoa Hạ. Đến khi Ma-đằng vào đất Hán, Tăng Hội qua đất Ngô, bày xá-lợi ở Nam quốc, lập đạo tràng ở Đông đô từ đó về sau muôn dân mến chuộng Phật thừa, Sa-môn thịnh như dòng Thù Tứ (học trò Khổng Tử), tinh xá như chỗ ở Vương hầu. Trước dựng trên đất khô cằn, sau vun bón bằng phù sa, nêu đạo tràng tỏ như nhật nguyệt, bủa đạo lý ra khắp bốn phương. Vương công đại thần cúng dường vàng lụa, nông thương quy tộc cung cấp gạo cơm. Phước đức có không mà người ta tôn sùng đông đến thế. Còn như đập tượng cấm không cho đúc nhưng củi nước cũng vẫn tốn hao, đốt kinh rồi cấm sao chép nhưng giấy bút cũng không mắc mỏ, phế Tăng về làm dân thường, sung thóc vào các thuế má, phá tháp để dựng cơ ngơi, rộng ban lòng thương hại, muốn đến triều đình để ăn thua với ngu trung. Thượng thư hiến kế này, trộm nghĩ có thể làm ích nước lợi dân lắm chứ! Ông thấy thế nào?

Trung Chánh Quân tử đáp:

- Lời ấy có gì ghê gớm đâu. Ngày xưa tôi dốc tâm vào rừng Nho, dốc chí vào vườn văn, cũng có những lập luận như ông bây giờ. Nhưng về sau được nghe Phật pháp, nhờ chỉ nam mà bỏ sự mê lầm, may thay đi lạc cũng chưa xa. Mỗi lần nghĩ lại tội lỗi, tội thường tự trách mình đến nỗi quên ăn quên uống. Ông nếu là người học rộng tính xa cũng nên quay đầu tỉnh ngộ là vừa rồi.

Tôi trộm nghe Thái sử lệnh họ Phó là người càng mê lầm hơn tôi trước đây. Trong lòng tự xét cái ngu ngày trước nếu ông ta mười thì tôi

chỉ mới có năm. Nay tôi xin luận cái sai lầm của họ Phó để giải thích cái tà chấp của ông.

Ông Phó ấy cho rằng pháp Phật bắt nguồn từ Tây Hồ, không nên phụng thờ ở Trung Quốc. Ngày xưa tôi cũng mê lầm như vậy. Nhưng nay hiểu ra thì không phải thế. Phàm Do Dư xuất thân từ Tây Nhung, giúp Tần Mục mở mang nghiệp Bá. Nhật Đê sinh ở Bắc Địch, giúp Hán Vũ trừ được nguy hại. Bề tôi có những người như vậy thì bậc thầy cũng thế. Vậy cần gì phải ôm khư khư cái phong tục của mình mà bỏ cái hay của phương khác. Ông thấy lấy đạo lớn làm nền tảng, không phân biệt đây kia. Pháp đề cao việc lành chẳng nệ gần xa. Nếu chuộng nhân từ cho là đẹp, bỏ ham muốn cho là thanh cao, dạy người hễ tánh ác thì mãi mãi chịu tai ương, khuyên người ta làm lành để tích phước, thì Bách gia như nhau, bảy kinh không khác. Chỉ vì thiên chấp lẽ cạn, chưa tỏ lý sâu, bản tánh hẹp hòi mà không rộng rãi. Còn như tha thứ cho mình cho người thì ai rộng bằng Phật? Thấy ngọn biết gốc thì ai xa bằng Phật? Khuyên lành cấm ác thì ai rộng bằng Phật? Tỏ không thấu có thì ai sâu bằng Phật? Từ đó mà xét thì đạo Phật nhiệm mầu rồi. Đức của Thánh nhân còn thiếu gì nữa? Lẽ đâu được sinh ở xứ khác lại khinh thường Phật đạo, ra đời ở phương xa lại vứt bỏ của báu đó.

Phàm con tuấn mã xuất chúng đâu phải chỉ được sinh trong xóm làng, của báu nhất thế gian đâu phải là vật trong Hoa Hạ. Nhà Hán tìm con tuấn mã ở Tây Vực. Nhà Ngụy thâu minh châu ở Nam Hải, những thứ ngà, sừng của voi, nai được cống nạp, lông cánh của chim Phỉ thúy, là những vật ở nơi xa nhưng Hoa Hạ cho là vật quý. Vậy đạo phát xuất từ phương xa làm sao phế bỏ được. Nếu cây thuốc sinh ở Nhung Di, phù chú có từ Hồ, Việt nhưng có thể trừ tà chữa bệnh, lẽ đâu vì nó ở xa mang lại mà không dùng ư.

Phàm diệt ba độc để chứng vô vi, là đại công dụng trừ tà. Trừ tám khổ để được thường lạc, là đại công dụng trị bệnh. Vậy vì cớ gì lại chấp Di Hạ rồi tính thân sơ. Huống gì ở dưới trăm ức mặt trời mặt trăng ở trong ba ngàn thế giới nước ấy ở chính giữa chứ không phải phương này.

Họ Phó kia cho rằng những điều thi thơ chưa nói là vì kinh điển nhà Phật không đáng chuộng. Xưa tôi cũng mê lầm như vậy nhưng nay hiểu ra thì không phải thế. Phàm những thứ bí áo như thiên văn, lịch tượng, những thứ cao sâu như địa lý, núi sông; những thứ chẩn mạch như mạch khiếu, huyệt những phương thuật như châm cứu, kê thuốc, phù chú... Thi thư có những thứ không ghi, Chu Khổng chưa từng nói

rõ. Nhưng khảo cứu điềm kiết hung đúng lúc đưa ra, xét kỹ công dụng phần nhiều rất hiệu nghiệm. Hơn nữa, những vật mà Chu Khổng chưa nói đến thì nhiều vô kể. Những phương pháp mà thi thư không ghi mênh mông vô bờ. Đủ thấy rằng ghi nhưng không cạn lời, lời không cạn ý, thế sao lại câu nệ trong giáo điều hạn hẹp của Lục Kinh, đi ngược với yếu chỉ của Tam thừa. Phàm việc có thể làm nhưng chưa làm được trong thời thượng cổ, thì Thánh nhân thi thiết trong đời sau. Cho nên nhà cửa thay cho hang ổ, văn tự thay cách thắt gút, cỗ tiệc thay cho ăn lông ở lỗ. Như vậy thứ gì mà tổ tiên dùng chưa hẳn là quý. Công dụng của lửa để nấu chín cơm, dù người đời sau phát minh nhưng đâu phải là cái tệ. Trước dùng sau bỏ không phải là không thông lý giáo, lẽ đâu cho rằng thi thư sớm hoằng bá là được hưng long, kinh Phật truyền đến sau thì phải hủy bỏ. Con người lúc nhỏ ăn rau dưa, lớn lên mới ăn thịt, lúc nhỏ mặc áo vải, lớn lên mới mặc quan phục, lẽ đâu ông cho rằng rau dưa có trước là ngon hơn thịt thà ư? Quan phục mặc trễ nên không quý bằng áo vải chăng? Muôn vật đổi thay nhưng Tam bảo thì thường trụ, thể của pháp không còn tính theo thịnh suy, chẳng phải đản sinh ở vương cung, thị tịch ở song thọ thì làm sao luận được việc cảm ứng sống chết, bàn được việc đến đi tu hành.

Họ Phó khen Lão Tử chê Thích-ca, tán thán kinh sách Đạo giáo chê bai giáo lý nhà Phật. Xưa tôi cũng mê lầm như vậy, nhưng nay hiểu ra thì không phải thế. Phàm bản chất của Thích Lão là một mà không phải hai, vì cùng chủ trương diệt trừ cái lụy của Hữu dục, hiển bày cái tông của Vô vi. Lão thị thấy rõ nhưng chưa dung thông, họ Thích nói ra thì diễn bày tới chỗ cùng cực. Đạo nếu quả là Phật thì chắc chắn cùng đúng mà không sai. Phật nếu quả thật chẳng phải Đạo thì có thể sai mà không đúng. Lý không có mâu thuẫn khác nhau, nhưng con người lại cứ ôm lấy mâu thuẫn. Đã cùng hỷ nộ như Chúng Thư, lại giống ái ố như Diệp Công, đến như yếu chỉ đạo đức dưới cung cấm, nội dung nội ngoại trong vườn tất rất uyên áo khó thêm, thanh cao lại đáng chuộng, thiết nghĩ nên đọc đến mà đừng bỏ qua. Lẽ đâu vì tin và phụng hành giáo điển họ Thích mà hồ đồ phỉ báng chăng? Lại nữa, nhân duyên sống chết thì vô cùng yếu chỉ báo ứng thì bất hủ, những điều họ Thích sáng tỏ thì Hoàng Lão không nói đến được, chẳng biết kinh sách Đạo giáo ngày nay căn cứ vào đâu mà tôn lên ngang hàng với kinh Phật.

Luận ba đời để khuyên người phòng bị, vượt hẳn vòng lẩn quẩn của chín phái. Nếu mắt thấy rồi nói thì đồng như Phật, sáng suốt như nhau, nếu nghe rồi bỏ thì thờ Phật và tuân theo thuyết của ngài Cùng

sáng suốt thì không nên chê, đã làm thầy thì thầy phải không nên hủy báng như vậy khen Đạo chê Phật không phải là quá sai lầm đó sao?

Phó nói: “Phật là tà khí yêu mị, chùa là nơi thờ dâm tà”. Đó là nói càn nói bướng. Yêu thì chỉ tác nghiệp lẽ đâu hoằng hóa thập thiện. Mị tất dựa vào tà lẽ đâu hoằng dương tám Chánh đạo. Yêu vẫn còn sợ chó, mị vẫn còn sợ mèo, thế tại sao lại giáng trong cao tâm của Đế Thích, xô thần lực của thiên ma. Lại nữa, những người như Đồ Trừng, La-thập, Đạo An, Tuệ Viễn là những người cao đức cao danh, chẳng say chẳng cuồng, lẽ đâu họ chịu cắt ái từ vinh, cầu cái tà đạo ly mị cần hành tinh tấn thờ cái yêu thần Võng Lượng?

Lại nữa từ Đông Hán xưa kia đến Đại Đường ta, đời đời cấm yêu ngôn, xứ xứ đoạn dâm từ, lẽ đâu chịu bỏ sức lực tiền của để sĩ thứ muôn dân dựng xây đường tháp của ly mị vào trong đồ chúng của Võng Lượng ư?

Lại những kẻ tể phụ, quan quyền trong đạo nhân luân như Vương Đạo, Dữu Lượng, như Đới Lục, Hứa Tuân là những kẻ đặt tình trong khoảng trời người, lại đi ngược di phong của xã tắc, cùng thọ giáo quy y, dốc lòng sùng tín, lẽ đâu chịu cúi mình tôn phụng tà mị? Đó là do thấy được lẽ mầu, biết được chân lý mới khiến họ như vậy đấy.

Lại nữa, trước họ Phó có người họ Nghị tự là Vũ Trọng là người tài cao học rộng, đời gọi ông là người thông thái đã lý giải được mộng lành mà hiển bày tâm tông, đã chứng biết được sự ngầm cảm về việc người vàng. Đạo Phật truyền sang Đông độ, Nghị là người có công. Nếu trộm ví tài hiểu biết của ông ấy thì Phó lệnh không bằng Vũ Trọng. Thế vì cớ gì ông lại hủy Phật báng pháp đi ngược với người xưa?

Thượng thư lệnh Hám Trạch của nước Ngô nói với Ngô Chủ Tôn Quyền: “Khổng giáo, Lão giáo so với Phật thì thua kém rất xa. Vì sao vậy? Vì Khổng, Lão lập giáo, tuân theo trời mà chế phép tắc, chẳng dám trái ý trời. Chư Phật thuyết giáo thì trời phụng hành theo, chẳng dám trái lời Phật”. Từ đó mà xét quả thật không thể đem so sánh được. Kẻ ngu cho rằng Hám Trạch biện luận chỉ mới biết một góc của sự hơn thua, lẽ đâu biết bao quân tử lại có thể không suy nghĩ đến lời nói của ông ấy chăng?

Phàm Đại sĩ Cao Tăng quán lý sâu xa, minh chủ hiền thần trị nước rất trung, trải bao đời nay rất quý trọng xem đó là lời giáo huấn to lớn là tại sao vậy? Vì biết đó là lời đã rốt lý tận tánh, chẳng còn biết thêm bớt lời nào nữa.

Họ Phó xét Cao Tăng chưa sâu, nghĩ bậc hiền triết chưa tinh tường,

cho cái thấy của mình là đúng mà trái pháp, dứt phước rồi gây tội, đâu chẳng phải là kẻ bất trung trong việc trị nước thấy gần trong việc sửa mình đó sao?

Bậc Đại giác thấu tận được nguồn thần, hiểu tận việc giáo hóa, biết sâu họa hoạn nên phòng trước. Chỉ có tuổi tác đổi thay hết, ngũ phước khó thường còn, thân mạng đổi thay ngắn ngủi, nghiệp quả cứ mãi còn hoài, tam đồ mờ mịt gian nan, tứ lưu mang mang không bến. Nương thuyền pháp mà qua nhanh, nhờ tín tâm mà vượt lẹ, nên chuyển tội thành phước, lẽ đâu không biết mà lại làm kẻ cuồng.

Họ Phó nói: "Thời Triệu, thời Lương đều có Tăng làm phản, huống gì Tăng Ni trong thiên hạ ngày nay có đến hai trăm ngàn".

Đây cũng là nói càn chẳng biết suy xét. Nếu xưa vì có Tăng làm phản mà bỏ Tăng đúng pháp ngày nay, vậy thì do xưa kia có bề tôi làm phản mà bỏ những danh sĩ ngày nay ư? Lẽ đâu vì hàng xóm có đứa con ngỗ nghịch lại đi đuổi đứa con hiếu thuận của mình? Xưa vì có dân làm loạn nên không nuôi dưỡng muôn dân ngày nay.

Trong khắp gầm trời này, những người xuất gia đâu tụ tập trong một ấp mà như sao trời rải khắp chín châu. Giới hạn họ bằng châu huyện, hạn cuộc họ bằng quan ải, dù không nêu uy quyền nhưng có hiến chương câu thúc họ. Giả sử trong mười lăm người hung hiểm thì một, hai người là xiển đề, đã không dính gì đến đám ô hợp thì lo gì đến bè đảng. Vả lại Sa-môn nhập đạo lẽ đâu ôm trong lòng cái kế mất mạng. Nam nữ xuất gia đâu có tìm cầu con đường quan chức. Thế tại sao lại kể cả Tăng Ni vào đám lộn xộn ấy? Xem họ đồng với loài cú vọ, đặt điều hư huyễn làm loạn sự thật, che điều thiện phơi điều ác? Quân tử có ba cái đáng sợ, lẽ đâu ông làm như vậy chăng? Phàm bọn áo xanh có tội đâu liên quan đến lỗi của Ni phụ, y phục màu đen là quấy lẽ đâu là tội của Thích-ca? Tăng can dự việc triều đình, Ni phạm phải hình phạt của thế tục cũng như kẻ thuộc luật pháp mà vẫn làm càn, người học lễ mà vẫn kiêu ngạo. Đó là do tính khí con người ngang bướng không chịu làm theo lẽ thiện, chứ nào phải kinh điển diễn bày nguồn nghịch loại rồi khiến cho họ nhiễm ác. Con người đâu phải ai cũng tài giỏi, còn đạo pháp chỉ duy trì việc thiện, thế tại sao lại đi giận cái ác rồi phản bác cái thiện, đổ lỗi cho người rồi hủy diệt đạo pháp?

Còn như miệng bàn Di, Tuệ mà thân lại làm Kiệt, Chích; tai nghe Kiệt, Chích mà miệng lại bỏ Thi Lễ như vậy là con người đáng tội tru di, chứ phép tắc nào có lỗi gì mà phải hủy bỏ? Chỉ nên cấm điều phi pháp, hoằng dương chánh pháp mới phải, chứ đâu thể vì người mà xem

thường đạo lý được. Cần phải dốc lòng tin đạo pháp nhiệm mầu, không hồ đồ phỉ báng Sa-môn. Còn như dọn sạch cỏ dại để gieo trồng lúa thóc, tẩy trừ kẻ gian trá để làm trong sạch đại giáo là điều mà tôi rất mong, tôi rất mong!

Họ Phó bảo rằng: "Đạo nhân cú vọ đều là giống ác chỉ toàn tham lam phản nghịch". Đó cũng là nói càn chẳng biết suy xét. Phàm người bỏ tục tu đạo thì gọi là đạo nhân. Đạo vốn lìa tham lam phản nghịch, nên phải nói họ tham lam đạo Bồ-đề, phản nghịch với dòng sinh tử mới đúng. Như vậy, những gì họ Phó kia nói đều chưa thấu được diệu lý. Hãy xem luật hạnh của Sa-môn đi! Họ làm những việc mà người khác không làm được, họ cấm những gì mà người khác không cấm được. Họ nghiền ngẫm toàn bộ kinh điển nhà Phật, đến những loài ngọ nguậy mà còn không giết hại, huống gì là những việc của bọn cú vọ ư! Cái lễ nghi lấy vợ lấy chồng mà họ còn bỏ không thèm làm huống gì là cái tâm của loài cầm thú ư. Thế tại sao ông lại đem những thượng nhân ly dục ví với những loài thấp hèn tạp nhạp, đem người tài giỏi có đạo đức ví với những loài ti tiện vô tri? Phỉ báng những người thánh thiện đại từ, sánh họ với loài ác điểu tai ương? Ông cho đạo nhân là giống phản nghịch, đem hạnh thanh tịnh ví với tâm cầm thú, rõ ràng làm tổn lại cái thiện quá lắm, đi ngược sự thật quá lắm.

Ngày xưa tôi dẫn đạo lý: "Không hủy mình, không làm thương tổn thân thể mình", trong Hiếu kinh để chê cách cạo bỏ râu tóc của Sa-môn, rằng họ làm trái vương đạo, mất nghĩa trung hiếu. Nhưng nay tỏ ngộ ra thì không phải như vậy. Nếu thờ vua, cha trọn khí tiết thì dù tự sát vẫn được gọi là kẻ có nhân. Nếu thiếu trung hiếu mà sống thì bo bo giữ thân vẫn là kẻ phi nghĩa. Bàn đến cái đẹp thấy lúc nguy khốn mà quên mình, giữ mình theo lễ nghi gặp nạn mà không hồ đồ trốn tránh đâu thể chê họ là người hủy hoại bản thân, đồng những kẻ không đoái hoài gì đến thân thể. Xẻ đùi, cắt gan mới thật sự tổn thương còn như cắt tóc cạo râu thì hại mình có là bao! Nếu lập trung hiếu mà không nhìn bản thân mình, người ta còn không cho là tội lỗi; cầu đạo chẳng tiếc sợi lông lẽ đâu lại có lỗi ư? Thang Tuất, Chưng Dân mà còn đốt thân cầu mưa móc. Mặc Đôn, Kiêm Ái còn muốn mài chân để lên đỉnh cao, huống gì nay cầu phước lợi cho vua, cha cạo bỏ râu tóc có gì là đáng nói!

Phàm giáo của Thánh nhân tuy khác đường nhưng đồng quy, đạo của quân tử có khi đi ngược kinh nhưng hợp nghĩa Thái Bá là con người này. Ông bỏ cha mẹ mà không nuôi dưỡng, mượn cớ hái thuốc rồi không về, bỏ phục chương của Trung Quốc, y cách cạo đầu mà làm vui, phản

kinh trái lễ không còn gì hơn, nhưng Trọng Ni lại khen "Thái Bá đáng được gọi là người chí đức". Vì sao? Vì tuy việc làm của ông trái với nghĩa vua cha, nhưng lòng trung với nước nhà, hình thiếu ở Bách Việt nhưng đức trùm khắp Tam Nhương. Cho nên Thái Bá bỏ lễ chế quan phục mà không tổn hại đến chí đức, còn như Sa-môn bỏ nghi dung quan lại cũng đâu tổn hại gì đến diệu đạo. Tuy thay đổi hình dạng, trái với thường nghi của bề tôi, con nhưng tin đạo quy tâm cầu vua, cha được phước thọ, lao tâm khổ thân tu hành. Những người xuất gia bỏ vua, cha, nhận lấy cốt nhục thâm sâu trong nhiều kiếp, như thế trung hiếu lại không nhiều ư. Hồ đồ bảo Sa-môn là kẻ bất trung, điều ấy không đáng tin được.

Họ Phó còn nói: "Người xứ Hồ bên Tây Vực sinh từ bùn nhơ nên hay thờ bùn nhơ ngói gạch". Đây cũng là điều nói càn chẳng biết xét suy. Phàm dựng lập linh tượng, họa vẽ tôn hình phải dùng nhiều loại hương thơm nhào trộn chứ đâu chỉ có bùn nhơ ngói gạch. Dù khắc hay đúc thì cũng phải dùng gỗ, sắt, đồng, vàng; dù vẽ hay thêu cũng dùng lụa trắng, xanh, đỏ. Nói vậy, hóa ra mọi người bên Tây Vực đều sinh từ những vật ấy sao? Còn như miếu của Trung Quốc dùng cây gỗ là chính, vậy ông cho rằng vua được sinh ra và lớn lên từ cây gỗ ư? Do cha mẹ không thể bỏ quên nên dựng lập tông miếu cho họ, do Phật không thể quên nên tạo dựng hình tượng để tỏ rõ cái tâm kính nhớ vô bờ của mình, để cung kính Phật như lúc còn sống. Cung kính Thánh nhân, ngưỡng mộ thánh đức thì có lỗi gì? Những kẻ lấy cái thiện đổi thành cái ác, nên cũng hay cho cái ác là có công đức.

Họ Phó còn nói: "Lúc không có Phật thì nước thịnh trị, đế nghiệp lâu dài. Còn khi có Phật thì chánh sách bạo ngược, vận nước ngắn ngủi". Đây cũng là nói càn chẳng biết xét đoán. Nói vậy nghĩa là ông cho rằng bậc Năng nhân lập giáo đều xiển dương cái lễ lối, dâm loạn, bạo ngược; Bồ-tát lập ngôn chuyên hoằng dương những việc của Trụ, Kiệt sao? Thế nhưng sự thật thì hoàn toàn không phải như vậy. Phàm nhà Ân bị bại hoại cơ ngơi, mối họa đó là do miệng mồm của Đát Kỷ. Nhà Chu mất chư hầu, mối họa đó khởi nguyên từ tiếng cười của Bao Tự. Tam vương mất nước đều do những việc đó, giáo pháp Tam thừa lẽ đâu chuộng những thứ gây họa ấy sao? Phật thi thiết đạo Từ, Bi, Hỷ, Xả, cứu độ chúng sinh chẳng kể thân sơ, ban an lạc, cứu khổ nguy. Ngày xưa, vua sở dĩ được lòng dân là nhờ Phật đã giáo hóa, dân sở dĩ tìm đến vua của mình là vì kinh đã dạy họ quá kỹ. Đức của Hy, Hiên, Thuấn, Vũ nhờ có Lục độ che chở. Tội của Nghệ, Trác, Quý, Tân đều lấy thập ác phòng

ngự. Giả sử Kiệt noi theo cái hạnh thiểu dục, Trụ thuận theo cái đạo đại Từ thì Y, Lữ không thể dùng được cái mưu của mình, Thang, Vũ làm sao thi hành kế sách của mình? Có thể khiến muôn dân tránh được cái họa bỏ nước, làm cho biên cương dứt được cái loạn can qua. Hạ hậu theo bài ca Lạc Nhuế, Sở Tử tránh được nạn Càn Khê. Như vậy họ Thích giáo hóa lợi ích đâu phải nhỏ. Cầu phước thọ đến vô cùng, ngăn nguy vong đến vô cực.

Họ Phó bảo rằng "Có Phật thì tổn hại, không Phật thì lợi ích" có điều ấy ư? Có điều ấy ư! Phật có thù hằn gì ông mà ông vu cáo đến thế! Phật cô phụ ông điều gì mà ông ghét như kẻ thù đến vậy?

Họ Phó còn nói: "Trước kia không có Phật pháp, mọi người đều hòa thuận, đời không có soán nghịch". Đây cũng là nói càn không chịu suy xét. Phàm Cửu Lê loạn đức, chẳng phải hồi ấy không có Phật đấy ư! Tam Miêu nghịch mệnh chẳng phải sau lúc có pháp đấy ư? Cuối đời Hạ, Ân, dân có thuần hòa không? Trong thời Xuân Thu lẽ đâu không có soán nghịch! Trộm cướp gian hùng tác quái ở Cao Đào, mọi rợ hiểm gian dương oai ở Kiết Phủ, nhưng Phó lại bảo rằng Phật sử ra trò soán nghịch. Trộm cướp mà Phật còn cấm, lẽ đâu bày cái loại soán nghịch ư? Một lời nổi lên tranh hơn tranh thua, Phật còn ngăn cấm, lẽ đâu làm bại hoại cái đạo thuận hòa chăng? Chỉ có Đức Phật hay khuyên dạy kẻ bề tôi phải trung, kẻ làm con phải hiếu, làm cho đất nước thịnh trị, làm cho nhà nhà hòa hiếu. Mở rộng việc thiện bằng cách nêu ra cái vui ở thiên đường, ngăn cấm tội lỗi bằng cách chỉ rõ cái khổ ở địa ngục. Chẳng những có một lời để khen, lẽ đâu dùng ngũ hình để răn dạy. Cho rằng làm thương tổn hòa thuận mà làm lớn mạnh mầm loạn, đó chẳng phải là vu báng quá mức, làm tổn thương Phật quá thể ư. Điều đó chỉ làm mình trầm luân trong biển khổ, tâm khinh mạn chẳng chịu diệt trừ thì thật đáng xót thay.

Lúc bấy giờ thư sinh trong lòng kính phục tỏ vẻ hổ thẹn, bước khỏi chỗ ngồi mà tạ rằng:

- Kẻ ngu muội này do tập tục phát sinh nên thường trái đạo, chuốc lấy tội lỗi, xem thường điều chưa xét, đùa giỡn với lời dạy bảo của người trước, đi ngược chánh pháp mà nghị bàn lung tung, nhận lấy thuyết tà rồi cùng gây tội lỗi. Nay nghe được trí Phật thâm thúy, mới biết bản chất trung lương của Phật giáo. Bỗng nhiên thần tỏ mà lý thông, đủ để diệt mê mà trừ bệnh. Dù theo tà trong nhiều năm, nhưng ngày nay xin quy chánh. Tôi xin cẩn thận học thuộc những điều dạy bảo ấy để làm minh chứng.

Luận rằng: "Xưa Tư Mã Văn Chánh Công chê Nguyên Ngụy Thôi Hạo không sáng suốt trong việc chọn nghề nghiệp. Còn như Phó lệnh thì lại càng không giỏi trong cách lựa chọn. Nay mệnh trời khai mở nhà Đường, Thái Tông có quyền uy. Thánh nhân thị hiện ở đời, là người chủ làm cho đạo đức ngàn năm rực rỡ, lẽ đâu dễ gặp? Văn Trung Tử là thầy Nho của trăm đời, sinh ra trong lúc ly loạn, một đời làm Tể phụ cho Thái Tông, danh vọng cao xa vượt hẳn công khanh, ai nấy đều tôn ngưỡng, nhận đạo giúp vua. Đương thời cũng khiến cho Phó lệnh ít nhiều biết được phương hướng, kiệt xuất trong cửa quan. Những việc ông ta làm không phải là trách nhiệm của vương công nhưng không hổ danh là khanh sĩ đại phu. Do việc xét đoán quá ư hư dối, nên ngôi vị theo đó mà thấp dần, mai một. Đó là do di hận đời trước nên hủy báng Đại giáo, bại hoại thanh danh. Khi Thái Tông lên ngôi, thiên hạ văn minh, công khanh chật cả điện đường. Luận đạo, tế thế, chế lễ, làm nhạc chẳng những giống như thời Nghiêu Thuấn mà còn bổ khuyết thêm. Khi ấy, sở học của Phó Dịch lạc hậu, sai lầm, tự hổ thẹn bỏ quan về nhà. Ông ấy không có nơi nương tựa và chết là điều cũng dễ biết. Hay thay, Nội Đức luận của họ Lý! Xem kỹ thì quả là thấy biết chính xác bao trùm thiên hạ. Trong đó chỉ một thiên luận về lẽ chung của vận mệnh thì Nho gia cho rằng đó là mệnh, họ Thích bảo rằng đó là nghiệp, trước sau đều thông suốt cả, càng làm cho bộ luận trác tuyệt. Tiếc rằng bộ luận quá dài nên không thể chép hết.

Tháng tư năm này, Thái tử Kiến Thành và Tần vương Thế Dân hiềm khích đã sâu dày sắp nổi loạn trong triều. Hơn nữa biên ải nhiễu loạn, vận nước cấp bách, Phó Dịch lại vọng sinh phỉ báng Phật, xin phế bỏ Phật giáo... nhưng vua chưa quyết định. Cùng lúc đó chư Tăng như Pháp Lâm... viết luận biện bác, kết hợp với Nội Đức luận đồng dâng lên vua. Vua mới biết rõ Phó Dịch khen Đạo giáo, chê Phật giáo hợp với ý mình, đại thần không can nổi, vua xuống chiếu sa thải Đạo giáo và Phật giáo.

5. Vua xuống chiếu sa thải Phật giáo, Đạo giáo:

Tháng năm vua hạ chiếu nói:

"Thích-ca lấy việc xiển dương đạo lý thanh tịnh làm đầu, lìa xa trần cấu, trừ khử tham dục, vì thế hoằng dương thắng nghiệp gieo trồng căn lành, dẫn dắt kẻ ngu mê cứu độ người ngu muội. Do đó diễn bày kinh giáo, kiểm thúc Tăng đồ, tẩy rửa thân tâm, trừ khử hoặc nhiễm, y phục uống ăn đều cấp cho tứ chúng. Từ khi Đại Giác thị tịch, đạo pháp

lưu hành, nhưng về sau ngày một suy vi, dần dần khuyết tổn phát sinh những kẻ tham tàn tự cho mình cao quý. Những kẻ dốt nát, hồ đồ gần gũi vua quan, tự tiện cạo đầu, mượn cớ xuất gia, tham lam không chán tham cầu không thôi. Đến nỗi ra vào nơi làng xóm, đi khắp chợ búa, dồn chứa sản vật, tích chứa của cải, lấy việc cày cấy, dệt vải để kiếm sống, lấy buôn bán làm sự nghiệp. Việc làm như thế tục, dấu tích như người thường, bước tới thì trái với giáo luật, bước lui thì trái với lễ nghĩa. Hoặc có kẻ làm nghề trộm cướp, khoét vách đục tường, giao du với kẻ điêu ngoa, kết giao với bọn dối trá. Có kẻ bị pháp luật gia hình, thì trốn chạy tội nặng, làm điếm nhục chân như, làm bại hoại diệu pháp. Những kẻ đó chẳng khác nào cỏ dại hại lúa mạ, như bùn đất làm đục nước trong. Đất già lam vốn được gọi là chỗ ở thanh tịnh, là nơi gởi gấm tâm mình, đúng lý phải vắng lặng thanh tịnh. Gần đây có rất nhiều chùa, tinh xá lập lên, không tìm những nơi thoáng mát nhàn tĩnh, chỉ tìm đến chỗ ồn ào tạp nhạp, kiến trúc ngổn ngang, trang trí lòe loẹt, chiêu nạp những kẻ lẫn trốn, dung chứa bọn gian tà. Có người gần gũi với lân bang, thân cận với đồ tể, bụi trần đầy nhà, tanh hôi đầy đường, duy trì cái tâm khinh bạc, thiếu mất cái nghĩa cung kính.

Vả lại, họ Lão giáo hóa vốn thật rỗng rang, để chí trong vô vi, lìa tình với mọi vật, bảo toàn chân thật, giữ lấy mối đạo, đúng là huyền môn. Những kẻ chạy theo việc đời càng trái với tông chỉ. Trẫm nay trị nước, hưng long giáo pháp, đặt chí suy nghĩ trong lợi ích, để tình trong việc hộ trì, muốn cho ngọc đá được phân biệt rõ ràng, vàng thau không lẫn lộn, bảo tồn diệu đạo, duy trì phước điền, chấn chỉnh lại đạo mầu nên cần phải sa thải. Những Tăng, Ni, Đại sĩ nếu chuyên cần tu tập, giữ đúng giới luật thì mời về ở hết trong chùa, quan cung cấp đầy đủ vật thực. Những người không tinh tấn tu hành không có giới đức, không đáng được cúng dường thì phải bỏ đạo hoàn tục cho về làm ăn. Quan lại sở thuộc nắm rõ phép tắc, cốt phải làm đúng giáo pháp. Những kẻ chống đối đều phải bắt hết. Trong kinh thành chỉ giữ lại ba ngôi chùa Phật, hai ngôi quan thự cho Đạo giáo. Ngoài ra mỗi châu chỉ giữ lại một ngôi, còn lại phá hết”.

Ngày bốn tháng sáu, Tần vương đem binh trong phủ bình định nội loạn. Cao tổ phong Tần vương làm Hoàng Thái tử giao phó việc quân việc nước, đại xá thiên hạ. Trước khi xuống chiếu sa thải Đạo giáo, Phật giáo, Cao tổ đã nhường ngôi tự xưng là Thái Thượng hoàng. Thái tử lên ngôi ở Đông cung, đó là Thái Tông.

6. Thái Tông:

Thái Tông Văn hoàng đế tên là Thế Dân, con thứ của Cao tổ, tính tình nhân hậu hiền lương, khinh tài trọng nghĩa. Vào cuối đời Tùy ông khởi nghĩa binh. Cao tổ nói với ông rằng:

"Phá nhà mất thân cũng do mày, đổi nhà thành nước cũng do mày".

Nhà Đường được hưng nghiệp đều do công của Thái Tông.

Vũ Đức thứ chín, Thái tử Kiến Thành, Tề vương Nguyên Kiết chết. Tháng tám ông lên ngôi đổi niên hiệu là Trinh Quán, ông chế lễ làm nhạc tuyển chọn người hiền, cùng công khanh đại thần bàn việc nước. Ăn sâu bọ để chỉnh đốn mùa màng, ân đức của ông cao dày như thế. Ông dùng những người hiền tài như Ngụy Trưng, Lý Tĩnh, Phòng Huyền Lịnh, Đỗ Như Hối làm tướng văn, Uất Trì, Kính Đức, Lưu Văn Tĩnh làm tướng võ, ông trị vì hai mươi ba năm.

7. Vua hỏi quần thần điểm khó dễ trong việc cai trị:

Vua thở dài nói với quần thần:

- Sau lúc đại loạn trị quốc sao mà khó thế này.

Ngụy Trưng thưa:

- Trị đại loạn như đổi thức ăn cho kẻ đói.

Vua nói:

- Người xưa không nói: "Người giỏi làm vua, một trăm năm sau mới dẹp bỏ bạo tàn".

Trưng nói:

- Đó không phải là lời của thánh triết. Thánh triết trị thế tiếng vang dội khắp, bởi vì không khó.

Bộc xạ Phong Đức Di nói:

- Không đúng, thời Tam đại loạn lạc ngày một nhiều, Tần nắm pháp luật, Hán tự tiện xưng bá. Họ đều muốn trị thế nhưng không được, đó chẳng phải trị không được mà là không muốn trị. Thư sinh họ Trưng thích bàn việc suông làm loạn quốc gia không đáng nghe.

Trưng nói:

- Ngũ đế Tam vương không thay đổi dân mà là dạy họ. Hành đế đạo thì làm đế, hành vương đạo thì làm vương, cần nên xem lại việc làm của mình như thế nào. Hoàng đế đánh với Xi Vưu, bảy mươi năm mới dẹp được cái loạn đó, khiến đất nước thái bình. Cửu Lê làm loạn, Hiên Viên chinh phạt, sau đó diệt được, đất nước thịnh trị. Kiệt làm loạn, Thang diệt trừ. Trụ vô đạo, Vũ đánh dẹp. Thang, Vũ làm cho đất

nước thái bình, làm cho muôn dân dần dần không còn nổi loạn. Nay chỉ là bọn quỷ mị, lẽ đâu không giáo hóa được ư?

Đức Di không đáp được, nhưng vẫn cho rằng không làm được. Vua rất đồng tình nói:

- Trưng nói đúng.

Hôm khác vua mời Phó Dịch vào cung ban cho thức ăn rồi nói:

- Phật đạo vi diệu, thánh tích đáng bậc thầy, vả lại báo ứng rõ ràng, vô cùng linh nghiệm nhưng ông chẳng tỏ ngộ được lý này là tại sao vậy?

Phó Dịch đáp:

- Phật là người thông thái ở Tây phương, lừa dối Di Địch. Khi vào Trung Quốc những người tôn chuộng đạo này đều là những kẻ tà kiến ngu dốt, sao chép những lời lẽ nhiệm mầu của Trang Lão để tô điểm cái yêu mị xằng bậy của mình, thật chẳng có lợi ích gì cho quốc gia, làm thương hại đến bá tánh.

Vua ghét những lời ấy nên không trả lời. Từ đó về sau vua chẳng đoái hoài gì đến Phó Dịch.

Kỷ Sửu: Phóng thích ba ngàn cung nữ.

8. Vua ra sắc lệnh dựng chùa để siêu độ những kẻ chết trận:

Tháng bảy sâu bọ hại lúa. Tại Thượng uyển, vua bắt con trùng và nói:

- Dân nhờ lúa thóc mà sống, nhưng ngươi hại lúa tức là hại dân ta. Bá tánh lâm nguy chỉ do một mình ngươi, ngươi có linh thì ăn thịt trẫm chớ có hại dân ta.

Vua định nuốt, tả hữu sợ vua bệnh liền xin nuốt thay. Vua nói:

- Các ông sợ ta bệnh, nhưng làm gì có bệnh mà sợ.

Vua liền nuốt trùng. Từ đó đến cuối đời của vua, trùng không hại lúa nữa.

Mùa đông năm ấy, vua hạ chiếu: “Nhà Tùy vô đạo, chín châu điêu linh, trẫm đích thân xuất binh chinh phạt. Khi ấy hào kiệt anh tài, già trẻ binh lính tuẫn tiết vì nghĩa. Họ đều tuân mệnh vua chết vì nghĩa thật đáng khen. Ngày qua tháng lại cũng đã rất lâu, sợ rằng ở nơi chín suối họ mãi trầm luân, ở trong tám nạn, mãi chịu cực hình. Việc ấy ta cứ canh cánh trong lòng không sao ngủ yên, vì vậy muốn làm phước điền cứu tế oan hồn cho họ. Từ khi khởi nghĩa đến nay, phàm những nơi giao binh chiến trường, nghĩa sĩ bỏ mình hung đồ chết trận, đều phải dựng chùa để siêu độ họ, mong rằng trống pháp đánh lên biến binh hỏa

thành sen xanh, kinh kệ vang lên thay khổ hải thành thành cam lồ. Quan lại định đoạt nơi chốn cùng dựng chùa thỉnh mời chư Tăng, tu bổ chùa viện, thi hành hoàn tất những điều trẫm nêu để thỏa được lòng thương tiếc, bi ai của trẫm."

Đồng thời vua sai Ngu Thế Nam, Lý Bá Lạc, Chử Toại Lương, Nhan Sư Cổ, Sầm Văn Bổn, Hứa Kính Tông, Chu Tử Xa lập bia viết bài Minh để ghi công trạng của họ.

Canh Dần: Vua cấm hình phạt đánh vào lưng.

Tháng mười, vua xả ngục tha hai mươi chín người tử tội. Phía Đông, phía Nam kéo đến biển, phía Tây giáp đến núi, phía Bắc đến tận biên ải, ban đêm không đóng cửa, dân buôn không nộp thuế, dân nhặt của rơi thì để trên đường, gạo ba tiền một đấu, thiên hạ được thái bình. Man Di Quân cả đêm đội y mão vác đao tuần thú. Vua rất vui bảo với quần thần:

- Đó là hiệu nghiệm mà Ngụy Trưng đã khuyên trẫm thi hành nhân nghĩa, rất tiếc Phong Đức Di không được thấy. Ta nhớ lại lúc mới bình định thiên hạ, chính ta đã giết hơn ngàn người không kịp để họ hưởng thái bình.

Vua bèn đến chùa cúng thí, nhờ chư Tăng sám hối bạt độ cho họ.

Tân Mão: Vua hạ chiếu cho Tăng Ni lạy cha mẹ.

Nhâm Thìn: Thả bốn trăm tử tù cho về nhà.

9. Huyền Trang sang Tây Thiên cầu pháp:

Năm thứ bảy, Tam tạng Pháp sư Huyền Trang sang Tây Thiên cầu pháp. Sư họ Trần sinh ở Yển sư. Cuối đời Tùy, Sư xuất gia và thọ giới Cụ túc, học thông kinh luận. Sư than: "Đời trước dịch kinh phần nhiều lầm lẫn".

Sư quyết chí qua Tây Thiên tìm cầu những bản kinh khác để tham khảo đính chính. Mùa đông năm thứ ba, Sư dâng biểu từ giã vua nhưng vua không cho đi, Sư đành trốn đi. Từ Nguyên châu, Sư ra khỏi Ngọc Quan rồi đến Cao Xương. Vua Cao Xương là Khúc Văn Thái giúp đỡ và hộ tống ngài đến Kế Tân. Tại đây sư theo Luận sư Tăng-già học Câu-xá, Nhân Minh, Đại Tỳ-bà-sa luận... Đến nước Đại Lâm, Sư theo Bà-la-môn học Trung luận và kinh điển của những đạo khác. Thời ấy, Bà-la-môn này đã hơn bảy trăm tuổi. Đến nước Bộc Để, Sư theo Pháp sư Phục Quang học Đối Pháp Tông luận, Hiển Lý Môn luận. Đến nước Na-già-la theo Luận sư Nguyệt Trụ học Chúng sự phần Tỳ-bà-sa. Đến nước Lục-lặc-na theo Tam tạng Xà-na-quật-đa học kinh bộ Tỳ-bà-sa và

Tát-bà-đa Bộ Biện Châu luận. Đến nước Khúc xà sư theo Tam tạng Tỳ-da-tê-na học Nhị Tỳ-bà-sa. Vua nước này có hơn mười vạn hùng binh cai quản cả Tây Vực. Sư cùng hơn tám mươi thương nhân người Hồ vượt Hoàng hà. Tập tục xứ này bắt người tế trời, Sư cùng những người lái buôn đều bị bắt. Thấy Sư phong độ dị thường, họ muốn giết để tế. Ngay lúc ấy, gió lớn nổi lên, cát bụi mịt mù che tối trời đất, bọn họ khiếp sợ cho Sư là Thánh nhân bèn thả.

Sư đến Thiên Trúc gặp Đại thừa Cư sĩ khai giảng cho sư nghe Du-già Sư Địa. Sư vào thành Vương Xá, vua dân ở đây biết Sư đến liền sắm lễ ra tận biên giới đón thỉnh Sư về ở tại chùa Na-lan-đà. Chùa này làm bằng bảy thứ báu, Tăng chúng có đến mười ngàn người. Sư yết kiến Luận sư Giới Hiền, lúc ấy Luận sư đã một trăm lẻ sáu tuổi, là bậc thầy về đạo đức ở Thiên Trúc với hiệu là Chánh Pháp Tạng. Quốc vương dùng tô thuế của mười thành để phụng cúng ngài. Sư bày tỏ ý nguyện cầu pháp của mình, Giới Hiền rơi nước mắt nói:

- Lúc ta bị bệnh gần chết, bỗng mộng thấy Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi bảo ta: "Ông không nên vội lìa trần thế, sau ba năm nữa, nước Chấn Đán có đại Sa-môn theo ông học đạo".

Từ đó đến nay đã ba năm rồi. Ngài vui vẻ nhận Sư, dạy đạo vì cho rằng ứng với túc duyên.

Sư yết kiến quốc vương, quốc vương cung cấp cho sư voi, xe và ba mươi người tùy tùng. Ngày ngày cung cấp món ăn vật lạ, trong thức ăn có long não, sữa thơm, tô mật và gạo thượng hạng. Mùi thơm của gạo này lan xa đến một trăm bước, nhưng trong nước vốn không có nhiều, chỉ có quốc vương, hoàng hậu và pháp chủ mới dùng. Sư ở lại nước này theo Chánh Pháp Tạng học hỏi nghiền ngẫm diệu lý Đại thừa. Sở học của Sư ngày càng siêu việt.

10. Vua ban sắc lệnh để tang Pháp sư Huyền Uyển:

Tháng mười năm thứ chín, Pháp sư Huyền Uyển thị tịch tại chùa Diên Hưng. Bình sinh Sư dâng biểu trần tấu:

"Thánh đế thưởng phạt công minh, Tam bảo không còn kẻ lạm dụng, nhưng Sa-môn phạm pháp không nên xử đồng với người dân, xin giao cho Tăng chúng để dùng luật của Tăng trị. Đồng thời sư dâng An Dưỡng luận, Tam Đức luận mỗi bộ một quyển. Vua hoan hỷ tiếp nhận. Lúc mất, vua hạ chiếu chia buồn, sai hoàng Thái tử đến phúng điếu, lệnh cho quan hữu ty cung cấp đồ an táng. Đời Đường có sắc lệnh an táng Sa-môn khởi nguyên từ Sư.

11. Vua xuống chiếu độ Tăng Ni dựng chùa:.

Tháng mười một, vua hạ chiếu:

"Tam thừa quy hướng tế độ làm đầu, Bá Tánh quy y Từ bi nêu trước, biển trí tuệ tuôn trào thấm nhuần cả quần sinh, dọn sạch rừng phiền não, dẫn dắt khắp hàm thức, theo nguồn chân nhập đạo, lý hợp đến nhân từ, quả vi diệu nhân thù thắng, sự hợp với tích thiện. Trẫm kính trọng như Kim luân, quý như Bảo mạng. Những lời huấn thị chí đức, không ai không suy nghĩ; phép tắc của đại Thánh xa gần đều tỏ rõ, muốn cho người người tránh được tai ương, nhà nhà thêm phước thọ. Nhân duyên mai một, Tăng chúng ít dần, đài hoa tháp báu không người bảo quản, tùng biếc sen xanh ngã trong mưa gió, đạo lý điêu linh, lực dụng hoại tàn. Các châu quận trong thiên hạ nơi nào có chùa cần phải độ Tăng Ni nhiều nhất là ba ngàn người. Các châu rộng hẹp, có người Hoa người Di hóa độ nhiều ít do quan Hữu ty định đoạt nhưng phải là người có đức hạnh cao sáng. Những người xưa kia bị ép hoàn tục cùng những đệ tử tại gia nếu đức hạnh xứng đáng cũng được liệt vào trong ba ngàn người đó. Nếu như nhiều hơn thì tùy nghi thêm bớt. Trong đó nếu có nhiều Tăng Ni chạy theo thói tục hoặc dựa vào quỷ thần truyền bá những thứ yêu mị hoặc tự xưng là đồng cốt, mượn đạo để cầu lợi, hoặc hủy hoại thân mình để làm khiếp sợ kẻ ngu, hoặc hay đến quan lại nhận trao hối lộ, những người đó là tổn hoại Thánh giáo. Trẫm tuy là người hộ trì nhưng cũng cần phải tra xét kỹ. Từ nay lệnh cho qua sở ty dựa vào sáu điều luật kiểm xét kỹ càng rồi trình lên trẫm.

12. Thái tử hỏi Trương Sĩ Hành về việc thờ Phật:

Năm thứ mười, hoàng Thái tử hỏi Trương Sĩ Hành rằng:

- Thờ Phật cầu phước hiệu nghiệm thế nào?

Hành đáp:

- Thờ Phật cốt phải thanh tịnh, khoan dung nhân từ. Nếu như tham lam kiêu ngạo, dù dốc hết tiền của thờ Phật cũng không làm vơi được cái họa. Vả lại, thiện ác có báo ứng như bóng theo hình. Lời dạy của Thánh nhân thật hoàn bị, làm cho vua sáng suốt, làm bề tôi trung thành, làm cho con hiếu thảo. Được vậy thì vận nước lâu dài, bằng không thì họa tất đến.

Lúc ấy, Thái tử có ý phản nghịch cho nên Sĩ Hành nhân đó dạy bảo ông ta luôn.

13. Vua xuống chiếu cho Đạo giáo đứng trước, Phật giáo đứng

sau:

Vua xa giá đến Lạc kinh, hạ chiếu:

"Lão quân lập giáo, nghĩa tại thanh hư, Thích-ca giáo huấn, lý trong nhân quả. Tìm đến giáo pháp ấy, thì phương tiện dẫn dắt khác nhau, luận về tông chỉ thì sự lợi ích cũng không đồng. Nhưng đạo lớn hưng thịnh bắt nguồn từ xa xưa. Ra đời khi chưa có tên gọi, vượt hẳn cái vô hình, huống gì quốc gia tôn thờ trước. Thế nên Đạo giáo ở bên phải Thích giáo. Từ đây về sau thiết cùng, xếp hàng cứ thế mà làm. Nam nữ Đạo sĩ đứng trước Tăng Ni, ngõ hầu trở lại phong tục đời xưa, làm rạng rỡ chín châu để lại cho muôn đời".

Sa-môn ở Kinh ấp, cật lực can gián nhưng quan hữu ty không chấp nhận. Bấy giờ có Sa-môn Trí Thuật, là Hiền tăng của đất Lạc, phong độ khôi ngô, giỏi cả ngoại điển nội điển. Ngài dẫn những vị cao đức theo xa giá đến cửa khuyết dâng biểu tâu. Đại khái nói:

"Tăng chúng tôi nghe rằng cây Tang cây Du gần đây mới có trong thời thái bình, hình dáng giống cây Bổ cây Liễu được trồng trong thời vua sáng suốt. Trộm nghe cha có người con hay cãi, vua có bề tôi hay kiện. Thật tôi tuy là người xuất gia, nhưng vẫn còn ở trong hàng tôi con, sợ mạo phạm nên không dám trình bày thẳng, xin được dâng thư.

Quốc gia hưng thịnh vốn từ trong cung điện, di phong của tổ tông nằm trong sử sách, ban bố khắp thiên hạ không điều gì mà không hợp. Nay Đạo sĩ ở trên Tăng Ni, trở lại cái lề lối nhà Chu lẽ đâu thần không can gián. Lão quân lập giáo trị nước trị nhà, y phục áo mão đều chẳng thay đổi, không lập quán vũ, không lãnh đồ chúng ở trong cung để bảo chân núp đức vua mà dưỡng tánh. Nay bọn đạo sĩ không theo phép ấy, mặc áo đội mão đều là bọn khăn vàng, chứ không phải là hậu duệ của Lão Tử, thực hành quỷ thuật Tam Trương, bỏ diệu lý trong năm ngàn lời đồng với bọn Trương Lăng đọc tụng chương tiếu. Từ nhà Hán đến nay, họ thường dùng đạo ma quỷ để giáo hóa muôn dân, vọng mượn con cháu của Lão quân nhưng đích thị là hậu duệ của Tá Đạo. Nếu ở trên Tăng Ni thì quả thật nước nhà cùng dòng với họ, thương tổn đến cách trị nước".

Sư đem đạo kinh, sử sách Hán, Ngụy, những việc Phật trước, đạo sau dâng hết cho vua. Vua phục tài học hỏi của sư sai Tể tướng Sầm Nghi Bổn xuống chỉ dụ đuổi sư đi. Sư quyết chí không phụng chiếu, vua nổi giận dùng trượng đánh sư ở trước triều đuổi về làm thường dân đày đi Lãnh điểu. Sau sư mất thọ ba mươi tám tuổi. Khi sư mới bị bắt tội có người chê Sư không biết lường được mất. Sư nói:

- Ta vốn biết chiếu chỉ đã ban hành không thể thay đổi, vì thế mới phản đối.

Đó là muốn cho đời sau biết Đại Đường có Tăng. Ai nghe cũng đều thán tiếc.

14. Vua ban sắc lệnh bảo Ngụy Vương Thái tế Ngu Thế Nam:

Năm thứ mười hai, Thượng thư Ngu Thế Nam mất. Vua tự tay viết cho Ngụy Vương Thái rằng:

- Ngu Thế Nam với ta như một, cùng nhau bàn luận chưa có lúc nào tạm quên, đương thời quả đúng là bề tôi nổi tiếng, ta có lỗi gì, ông ấy đều không ngần ngại chỉ lỗi cho ta. Nay ông ấy mất đi, trong Thạch Cừ Đông quán không có người thứ hai. Thật đau đớn mến tiếc!

Không bao lâu vua làm bài phú vãng Đại Hưng Vong Thì than:

"Chung Tử Kỳ chết Bá Nha không đánh đàn nữa. Bài thơ này của trẫm biết đọc cho ai nghe".

Vua sai Chữ Toại Lương đem bài thơ đến linh trướng của Thế Nam đọc xong rồi đốt, hy vọng thần thức của ông ấy cảm nhận được.

Năm sau, vua mộng thấy Ngu Thế Nam về nói chuyện với mình như lúc còn sống. Nhân đó vua xuống chiếu:

"Cố lễ bộ Thượng Thư Văn Ý Công Ngu Thế Nam đức hạnh hoàn bị, văn chương tài hoa bình sinh hết lòng, vẹn toàn trung hiếu, giáo hóa mọi người nổi tiếng một thời. Đêm qua ta nằm mộng gặp lại người này cùng ta nói chuyện như lúc bình sinh. Lòng ta nhớ nghĩ thương xót người này, nên lập đàn cầu phước để tỏ lòng thương nhớ của ta".

Rồi vua lập đàn trai giới ngay tại nhà ông ta để cúng dường năm trăm Tăng chúng và đúc một pho tượng Phật.

15. Vua hạ chiếu cho luận nghị về Tam giáo:

Tháng tám, vua triệu tập Tam giáo đến điện Hoàng văn để luận nghị về tinh hoa của mỗi giáo. Đạo sĩ Sái Tử Hoảng hỏi Pháp sư Tuệ Tịnh rằng:

- Kinh Pháp Hoa nói phẩm Tựa thứ nhất, chưa rõ Tựa thứ nhất khác nhau như thế nào?

Tịnh đáp:

- Như Lai nhập định phóng hào quang hiện điềm lành mượn cái xa để hiển bày cái gần, phá nhị chấp mở bày lý nhất chân đó gọi là Tựa. Thứ có nghĩa là ở, nằm ở đâu đó Nhất là mở đầu, cho nên nói phẩm Tựa thứ nhất là vậy.

Hoảng hỏi tiếp:

- Thứ nghĩa là nhỏ hơn, đã nhỏ hơn thì không thể gọi là Nhất, nói Nhất thì không thể gọi là thứ. Hai nghĩa ấy mâu thuẫn nhau, làm sao gọi chung được.

Tịnh nói:

- Trước tôi đã nói Thứ nghĩa là ở, nằm ở đâu đó, Nhất là mở đầu, ông không hiểu được nghĩa làm sao gạn hỏi người khác.

Hoảng mờ mịt với những từ ngữ khuc chiết ấy, Tịnh thừa thế biện bác, Hoảng hổ thẹn bỏ đi. Tịnh rất thân với Phòng Huyền Lệnh rất được Thái Thường Chử Lượng kính ngưỡng. Có lần Lượng nói với mọi người:

- Tịnh không kết giao với quan lại, đặt chí trong văn chương, ông ấy thật là người siêu xuất trên đời.

Đến khi Tam tạng Ba-phả-na-la, người Thiên Trúc dịch Đại Trang Nghiêm luận, vua mời ngài làm bút thọ. Đồng thời sai Triệu Quân vương Hiếu Cung, Đảm sự Đỗ Chánh Luân cùng giám hộ.

16. Tuệ Lâm bị gièm pha:

Năm thứ mười ba, Phương sĩ Tần Thế Anh gièm pha Pháp sư Tuệ Lâm viết luận hủy báng hoàng tộc. Vua có chiếu chỉ bắt Tuệ Lâm. Tuệ Lâm liền cởi Tăng phục tự trói đến xin chịu tội. Vua hạ chiếu chỉ nói:

"Căn cứ luận của ông, có người niệm Quan Thế Âm, lúc hành hình chẳng bị tổn thương". Nay xét kỹ ông đáng tội chết. Gia hạn cho ông bảy ngày, ông gắng sức niệm mong rằng đến lúc hành hình ông tự tránh được".

Lâm nhận chiếu chỉ nhưng chẳng niệm danh hiệu gì cả. Sau bảy ngày, vua xuống chiếu hỏi:

"Ngài niệm Quan Âm cảm ứng như thế nào?"

Ngài đáp:

- Nhà Tùy mất thiên hạ, bốn biển bị điêu linh, bệ hạ làm yên đất nước, đạo hợp với sinh linh. Trong bảy ngày qua, Lâm này không niệm Quan Âm mà chỉ niệm bệ hạ.

Vua nghi ngờ lời ông, bèn sai Ngự sử Vi Tông hỏi ngài tại sao lại niệm vua, ngài đáp:

- Quan Âm là bậc Chí thánh hiện hình trong sáu đường, trên trời dưới đất ai nấy đều mong được cứu giúp. Bệ hạ làm vua, muôn dân đều hoan hỷ, chính trị rất sáng suốt, xét việc thật tỏ tường, sáng suốt ngang bằng Quán Âm cho nên thần chỉ niệm bệ hạ. Hơn nữa, Lâm tôi dốc chí

hoằng dương pháp môn của Phật để giúp vua trị thế, hy vọng muôn dân sợ báo ứng, sợ hình phạt mà xa lìa việc ác. Lâm này mong muốn không hết lẽ đâu phỉ báng bệ hạ ư. Bệ hạ xem những việc làm của Lâm này không sai trái, tất bảo rằng ông ấy đến lúc hành hình thì tự tránh được. Còn như bệ hạ chỉ tin lời sàm tấu, thì Lâm này phải chết mà không có đất chôn thôi.

Vy Tông tâu hết với vua, vua xuống chỉ miễn tội chết cho ngài và đày đi Ích châu (Pháp sư viết Biện Chánh luận tám quyển, rồi chết trong lao tù ở đất Thục). Sau đó không lâu Thái Thế Anh cũng bị tru di).

Canh Tý: Vua ấn định lễ phục cho chị dâu, chú, cậu và cháu ngoại.

17. Pháp sư Đỗ Thuận của Hoa Nghiêm Tông: (Canh Tý)

Pháp sư Đỗ Thuận của Hoa Nghiêm tông mất vào năm này. Sư họ Đỗ, pháp danh là Pháp Thuận (còn gọi là Đỗ Thuận), người ở Trường An, Vạn niên. Sư sinh vào đời Trần, niên hiệu Vĩnh Định thứ hai. Thiếu thời được Tùy Văn đế kính ngưỡng, thường cấp bổng lộc. Người nào bị bệnh, Sư dạy họ ngồi thẳng, chỉ lát sau bệnh liền khỏi. Có người sinh ra bị điếc, Sư gọi họ tới nói chuyện với họ, người ấy liền hết điếc. Có người sinh ra bị câm, Sư gọi họ đến nói chuyện, người ấy liền nói được. Có người bị chứng điên cuồng, Sư bắt họ ngồi thiền, bệnh điên liền khỏi hẳn, người ấy lạy tạ rồi đi.

Có lần Sư qua suối, thị giả sợ không dám lội, Sư nắm tay dẫn qua, nước liền ngưng không chảy. Những việc thần kỳ của sư đại loại như thế, nhưng Sư bỏ hết chẳng hề lưu tâm. Sư thấu triệt tông chỉ Hoa Nghiêm, vua rất kính trọng sư có lần mời vào cung cấm, quan lại trong triều, kẻ quyền quý trong làng thờ sư như Phật sống. Sư soạn Hoa Nghiêm Pháp Giới Quán Môn. Đệ tử của Sư có ngài Trí Nghiễm được truyền tông chỉ.

18. Phó Dịch bị báo ứng:

Mùa thu năm thứ mười bốn, Phó Dịch bị bạo bệnh rồi chết. Trong Minh Báo ký ghi:

"Hồi ấy Phó Dịch, Phó Nhân Quân, Tiết Tích cùng làm chức Thái sử, Nhân Quân chết trước. Trước đó Tích nợ Quân năm ngàn tiền nhưng chưa trả, đêm nằm mộng thấy Quân về đòi nợ.

Tích hỏi:

- Số tiền ấy nên giao cho ai?

Quân nói:

- Giao cho Nê Nhân (tù khổ sai).

Tích hỏi:

- Nê Nhân là ai?

Tích đáp:

- Đó là Phó Dịch.

Đêm ấy, Phùng Trường mệnh Thiếu phủ cũng mộng thấy như vậy. Ông còn thấy có rất nhiều người đã chết bèn hỏi họ kinh Phật thật hay giả. Họ đáp: Thật.

Ông hỏi: Phó Dịch hủy báng Phật pháp sẽ chịu quả báo gì?

Họ đáp: Bị đày đi Việt Châu làm tù khổ sai".

Trường Mệnh và Điện Đình kể lại cho Tiết Tích nghe. Tiết Tích cũng nói y như vậy. Lúc ấy có Đường Lâm đứng bên cạnh, Tích gởi tiền nhờ Lâm đưa cho Phó Dịch và báo cho Dịch biết về giấc mộng ấy. Mấy ngày sau, Phó Dịch quả nhiên bị bạo bệnh rồi chết. Có người nói Phó Dịch bị đọa trong địa ngục.

19. Truyện về Thừa tướng Tiêu Vũ:

Tiêu Vũ tự là Thời Văn, con của Lương Minh đế, chín tuổi được phong làm Tân An vương, về sau nước Lương rơi vào tay nhà Tùy. Người phi của Tấn Vương là chị của Vũ. Ông làm quan rất giàu có. Có lần ông bị bệnh nhưng chẳng chịu mời thầy thuốc chỉ tin vào thiên mệnh. Ông than:

- Ta chừng này tuổi rồi mà vẫn còn trốn chui ở đây.

Tấn Vương lên ngôi, chị ông làm Hoàng hậu. Nghe ông than thở bèn gọi đến trách cứ cho rằng ông không chịu làm quan nhỏ, về sau ông hết bệnh được phong làm chức Nội sử thị lang, do hay nói thẳng nên bị Dạng đế ghét. Nước Tùy loạn, Vũ ra làm quận thú ở Hà Trì. Đường Cao tổ lên ngôi, gởi thư triệu ông về, ông giao nộp quận và được phong làm Tống công, giao cho việc cơ mật. Vua không gọi tên ông mà chỉ gọi là Tiêu lang. Gia thế ông nhiều đời làm quan to. Từ Vũ đế đến nay đều thờ Phật rất tinh tấn. Con cháu ông về sau, thờ Phật còn tinh nghiêm hơn nữa. Thái tông lên ngôi mời ông làm tướng. Vua nhiều lần giao việc cơ mật cho ông, ông đều thi hành hoàn bị. Có lần Tiêu Vũ xin vua độ Tăng, vua đồng ý. Ông liền độ Tăng nhưng không được đành thôi. Ông thờ hai triều vua tổng cộng năm lần làm tướng, thọ bảy mươi bốn tuổi. Tiêu Vũ tánh tình trung hậu, dù không giàu có nhưng lại giỏi văn

chương, thông Nho học. Bọn Liễu, Cố đều khâm phục tài ông. Đường sử viết về ông rằng:

"Họ Tiêu nhà Lương khởi binh từ Giang tả thật có công với muôn dân, trọn không có tâm ác, liêm khiết mà chết. Thế nên cơ nghiệp và con cháu Tiêu Vũ về sau tám đời là Tể tướng, danh đức đều vẻ vang. Nhà Đường thịnh suy, thế gia thịnh trị, xưa nay chưa từng có ai như ông".

20. Vua xa giá đến chùa Hoằng Phước: (Tân Sửu)

Tháng năm, năm thứ mười lăm vua xa giá đến chùa Hoằng Phước, mời Đại đức Đạo Ý cùng năm người khác ban chỉ dụ dựng chùa để truy niệm Sùng Mục Thái hậu. Vua nói xong thì khóc. Ý và bọn tả hữu đều bùi ngùi làm theo. Vua tự viết sớ và cúng hai trăm tấm lụa. Vua tự xưng là Hoàng đế Bồ-tát giới đệ tử. Lễ hồi hướng xong, vua quay lại nói với Đạo Ý rằng:

- Trước đây ta tôn sùng Lão Tử nên để họ đứng trước, các khanh có hận ta không?

Đạo Ý nói:

- Tổ tông của Bệ hạ tôn sùng rồi thành lệ, Ý tôi nhờ ân nước che chở, an tâm tu học. Chiếu chỉ ban xuống ai nấy vui mừng, ai dám hận!

Vua nói:

- Tôn kính tổ tông, coi trọng người thân là phép thường của mọi người, cho nên ta đề cao Khổng Tử để phân biệt thân sơ, chứ không phải ta không để tâm đến Phật. Từ khi dựng nước đến nay chưa từng xây cơ sở Đạo giáo. Bao nhiêu công đức đều quy về cho Tăng. Dù ngày trước cử binh lâm trận tất không khỏi cậy uy giết càn, nhưng nay ở khắp chiến trường ta đều dựng chùa thờ Phật, đến như Thái Nguyên, Cựu Đệ cũng đều tôn sùng Phật pháp. Trẫm để tâm như thế, các khanh nghĩ thử được chưa.

Đạo Ý cùng năm người đứng liền dậy lễ tạ. Vua nói:

- Đừng thế! Đó là ý của trẫm, không nói thì ai biết được. Hiện nay thời tiết nóng bức, tự viện lại chưa hoàn bị, trẫm xin cấp tài vật tạo dựng riêng một tự viện để chứa kinh, đồng thời để Tăng chúng an tâm hành đạo.

21. Quốc chủ nước Kỳ La ngưỡng mộ Thánh giáo của vua Đường:

Năm thứ mười sáu, Pháp sư Huyền Trang rời khỏi thành Vương Xá vào nước Kỳ La. Quốc vương ra biên giới đón ngài rồi hỏi:

- Nước có Thánh nhân xuất thế làm Tiểu Tần vương phá trận, xin ngài cho biết người ấy thế nào?

Ngài Huyền Trang bèn thuật lại việc Thần Vũ bình định thiên hạ thi hành chính sách vua Nghiêu, vua Thuấn. Kỳ La vương thất kinh liền quay về phía Nam lạy nói:

- Đương triều ta cũng thi hành chánh sự giống như nước của thầy vậy.

Huyền Trang nhân đó đưa quốc vương xem Chế Ác Kiến luận do mình soạn. Quốc vương khâm phục khen:

- Bộ luận này ra đời chẳng khác nào mặt trời đã sáng nay càng xán lạn.

Rồi quốc vương cung cấp cho ngài voi ngựa để ngài chở kinh về nước.

22. Nguyên Châu xuất hiện đá quý, ghi điềm lành của nước: (Quý Mão)

Vua họa vẽ tượng công thần treo ở lăng Yên các.

Ngày bốn tháng tám, trong hang núi Hồng Trì ở Tùng Xương, Nguyên châu bỗng xuất hiện năm phiến đá màu xanh có hoa văn màu trắng kết thành chữ. Trong ấy nói:

“Cao Hoàng đế sinh rất nhiều con. Lý Nguyên vương trị vì tám mươi năm, thiên tử Lý Thế Dân trị vì một ngàn năm, Thái tử Lý Trị ban ân khiến nhân sĩ ở Yên Sơn an vui. Đại quốc chúa thượng văn võ toàn tài, nhân trùm cổ kim. Đại vương, Ngũ vương, Lục vương, Thất vương đều là những người phong lưu tài tử.”

Trong đó còn ghi lại bảy Phật, tám Bồ-tát và những thiên tử văn võ được lên quả Phật. Trong năm Trinh Quán, vương nghiệp đại thịnh, bốn phương thái bình, tám hướng làm lành.

Thái tử Nguyên Châu tâu về triều. Ban đầu những chữ đó hiện ra không rõ lắm. Đến khi quần thần nghị định, những chữ ấy mới hiện rõ. Tháng mười một, vua đến Nam giao, xuống chiếu sai sứ đem ngọc lụa đến núi Hồng Trì cúng tế tạ rằng:

“Từ khi thiên tử nối ngôi, vận nước xương minh, vua trị muôn huyện, quên ngủ quên ăn lo việc trị nước, đạo đức lễ nghĩa còn kém người xưa. Trời đã phó mệnh hiện điềm phù hợp, chữ nghĩa rõ ràng, mệnh trời nối mãi. Đã nêu cao tổ nghiệp của vương triều, lại ghi rõ vận mệnh của kẻ mọn này cùng với Hoàng Thái tử. Lại giáng điềm linh, ghi đủ dòng họ Lý trên phiến đá. Ngưỡng xem những minh quân đời

Hán, những công thần vô danh, kẻ hèn nhìn lại mình càng thêm hoảng sợ. Dám xin đem đại lễ, ngọc lụa hiến dâng, lễ tạ những tiền nhân linh thiêng để bày tỏ sự chân thành sợ hãi của kẻ hèn.

23. Huyền Trang mang kinh về triều: (Ất Tỵ)

Tháng giêng năm thứ mười chín, Pháp sư Huyền Trang chở kinh tượng về đến Kinh sư. Lưu Thú Phòng Huyền Lịnh đón ngài mời về chùa Hoằng Phước, rồi dâng biểu tâu với vua. Ngày Nhâm Thìn ngài vào Đông đô. Tháng hai, ngài yết kiến vua tại điện Nghi Loan. Vua hỏi:

- Thầy đi sao không báo cho trẫm biết?

Ngài đáp:

- Lúc sắp đi, thần ba lần dâng biểu xin, chắc do thần tâm nguyện không chí thành nên bệ hạ không hứa khả. Nhưng thần tha thiết mộ đạo, nên đành trốn đi. Tội chuyên quyền ấy thần vô cùng hoảng sợ.

Vua nói:

- Thầy xuất gia khác hẳn với thế tục. Lòng xả thân cầu pháp, làm lợi ích muôn dân làm trẫm thấy vô cùng vui mừng, nên chẳng có gì thầy phải sợ cả. Nhưng nghĩ đến núi sống cách trở, đường xá xa xôi, phong tục cũng khác, ta chẳng hiểu tại sao thầy vẫn đến được.

Ngài đáp:

- Thần nghe hễ vật gì nương gió lốc, dù đi khắp trời đất mà chẳng thấy xa. Người nương thuyền rồng dù đi khắp sông biển mà chẳng thấy khó. Từ khi bệ hạ lên ngôi, làm yên bốn biển, đức phủ chín châu, nhân trùm tám hướng. Thuần phong quạt mát đến viêm cảnh, thánh uy chấn động vượt thông lãnh. Thế nên quân trưởng của xứ Nhung, Di mỗi lần thấy con chim bay lượn trên trời cao từ hướng Đông bay đến, vẫn nghi là vỗ cánh từ nước ta, họ chấp tay cung kính, huống gì thần là người thay thế bao người, thừa ân giáo hóa. Đã nhờ uy trời, cho nên đi về không khó.

Vua nói:

- Đó là lời của trưởng giả, trẫm đâu dám nhận.

Nhân đó vua hỏi ngài nào là cảnh vật, vua quan, khí hậu, phong tục, sản vật, về dấu cũ của tám vương, về di tích của bảy Phật, về những gì chưa được lưu truyền, chưa được ghi chép từ Tuyết lãnh đến Tây Vực. Ngài vốn đã đi qua các nơi ấy, ghi nhớ vanh vách, vua hỏi đâu ngài đáp đó, thảy đều chính xác. Vua mừng rỡ nói:

- Thầy đã đi qua hơn một trăm nước, thấy biết tất cả phong tục núi

sông, thầy nên soạn lại Đại Đường Tây Vực Ký lưu truyền cho đời sau, lẽ đâu không nên sao.

Ngài phụng chiếu sắp lui, vua nói với thị thần:

- Xưa Phù Kiên tôn xưng Đạo An là bậc thần khí, cả nước đều tôn kính. Trẫm nay thấy Pháp sư ứng đối lưu loát, phong độ dị thường chẳng kém người xưa, thật dị thường còn hơn cổ nhân nữa.

Tư Đồ Trường Tôn Vô Kỵ đáp:

- Quả đúng như lời bệ hạ. Đạo An tuy là người hạnh cao học rộng, nhưng công lao hoằng pháp chắc chắn không như Pháp sư một mình ra khỏi nước, thảo luận những lẽ nhiệm mầu, nghiền ngẫm đạo lý siêu việt.

Bấy giờ vua chuẩn bị xa giá đi hỏi tội Cao Ly, nghe ngài về bèn cho triệu kiến ngay. Đến khi hỏi han thảo luận thì quên cả trời đã tối. Vua nói:

- Chuyện trò vội vàng như vầy chưa thổ lộ hết nỗi niềm của trẫm. Trẫm muốn cùng Pháp sư Đông chinh, chỉnh đốn lại phong tục, nhân lúc rảnh rỗi sẽ cùng Pháp sư hàn huyên, nói tiếp cho ta nghe, được không?

Ngài đáp:

- Thần mới đi xa về, hơn nữa đang bị bệnh, sợ không hộ giá nổi.

Vua nói:

- Trước đây thầy một mình còn đi đến được những nơi xa xăm ấy, còn bây giờ đi như nửa bước chân thôi, lẽ đâu lại từ chối.

Ngài đáp:

- Bệ hạ Đông chinh, sáu binh theo hầu, dẹp loạn trừ gian tất có công nơi chiến trường, để thần đi theo đã không giúp được gì lại càng vướng chân bệ hạ. Hơn nữa, Phật cấm Sa-môn không được xem hai bên giao tranh nơi chiến trường. Mong bệ hạ lượng xét.

Vua vui vẻ đồng ý và không ép ngài nữa. Nhân đó ngài tâu vua số kinh luận mang từ Tây Vực về cả thảy sáu trăm năm mươi bảy bộ, xin được đến chùa Thiếu Lâm ở Tung sơn vì đất nước mà phiên dịch.

Vua nói:

- Trẫm mới dựng chùa Hoằng Phước để cầu phước cho Mục Thái hậu, nơi ấy vô cùng thanh tịnh, thầy có thể đến đó phiên dịch, cần những gì cứ bàn bạc với Huyền Lịnh.

Ngài tâu tiếp:

- Bá tánh không biết, thấy thần đi xa về tất đến xem coi, chẳng may ảnh hưởng đến công việc, hoặc có điều gì không may xảy ra, nên thần xin được quan Giám môn cùng đến đó đề phòng bất trắc.

Vua cười nói:

- Đó gọi là "Kế phòng thân không thể không có" vậy.

Vua bãi triều từ biệt ngài, đồng thời ban chiếu chỉ sai các quan đến giám hộ.

24. Huyền Trang dâng kinh mới dịch, mời vua viết lời tựa: (Bính Ngọ)

Tháng bảy năm thứ hai mươi, Pháp sư Huyền Trang dâng vua xem những bản kinh mới dịch như Bồ-tát Tạng kinh, Lục Môn Đà-la-ni kinh, Hiển Dương Thánh giáo luận, Đại Thừa Tạp Tập luận gồm tổng cộng năm bộ, năm mươi tám quyển, và xin vua viết lời tựa cho Thánh giáo.

Vua viết sắc lệnh từ chối rằng:

"Khảo xét sử sách cần phải có ý chí thanh cao. Pháp sư từ lâu đã là người nêu cao đức hạnh, thoát khỏi trần ai, cưỡi thuyền báu lên bờ bên kia, tỏ diệu đạo rồi mở phương tiện, hoằng dương lý mầu, diệt sạch tội lỗi. Trẫm là người vụng về ít học, với mọi việc vẫn còn mù mờ, huống gì mối huyền của Phật đạo, lẽ đâu có thể khen ngợi, viết tựa cho Thánh giáo. Đó là điều trẫm chưa từng nghe".

Ngài lại dâng biểu xin nữa, ngài nói:

"Thần cúi phụng sắc chỉ, hổ thẹn khi bệ hạ khen. Thần chỉ phụng lời của bệ hạ tinh tấn giữ mình. Đạo hạnh của thần với Phật đạo vẫn còn sơ sài, yếu kém. Tăng lữ may mắn ra khỏi chín phái, bốn biển yên lòng vì nhờ hoàng ân chinh phạt những nước xa. Thần nhờ uy của đất nước mà hỏi đạo, trải bao khó khăn nhưng đó là động cơ thúc đẩy cho sự thành tâm của thần. Thần được mở rộng tầm mắt đều là nhờ ân vua, kinh điển tìm về cũng được bệ hạ cho phép phiên dịch. Nay đã dịch xong cũng cần phải có bài tựa cân nhắc. Thần cúi xin bệ hạ cho chút trí tuệ, trải xuống hoa trời, làm cho nghĩa lý rỡ ràng điều chỉnh những sai lầm để kinh luận đều sáng tỏ, nêu cao thanh danh của ngàn đời, kiềm thúc lệch lạc của trăm vương. Trộm nghĩ thần lực vô cùng, không phải cái thấy biết của người sáng suốt thì không nêu tận được diệu lý. Thánh giáo nhiệm mầu sâu xa, không phải người sáng suốt bình phẩm thì làm sao nêu tỏ được cội nguồn. Thế nên thần mạo phạm thánh uy dám mong bệ hạ hạ bút. Mắt vua sáng ngời chẳng lầm khi xét việc, trong lòng trong sạch, xin vua bỏ ý định trước.

Trang tôi nghe: "Mặt trời mặt trăng sáng rỡ, ánh sáng chiếu soi nơi ngạch cửa, sông suối bao la, nước thấm cả núi non. Mây lành giăng bủa chẳng ngại gì với người điếc câm, vàng ngọc tuôn ra, lẽ đâu ngại

ngùng với người mù lòa". Thần dám dựa vào lý này ngàn lần cầu xin, cúi mong bệ hạ gia ân, văn trời chiếu xuống, để hợp với lưỡng nghi cùng trường tồn, khế với nhị diệu cùng mầu nhiệm. Được vậy thì, những lời u huyền trên non Thứu nhờ bút thần mà lan ra, những lý thâm sâu nơi vườn Kê nhờ thánh văn mà phô diễn, đâu chỉ có Tăng lữ được nhờ đó hiển vinh, mà người mê trong nước này cũng thoát khỏi trần lụy".

Vua đọc xong đồng ý viết lời tựa.

25. Lời sấm ký Nữ chúa thay vua trị vì thiên hạ:

Đinh Mùi: Dựng cung Thúy vi ở chung Nam sơn.

Năm này vua nhận được bài sấm ký, trong ấy nói:

"Từ đời thứ ba của nhà Đường về sau, Nữ chúa vũ vương sẽ thay vua trị vì thiên hạ".

Vua liền ngầm triệu Thái sử Lệnh Lý Thuần Phong vào hỏi việc này. Phong đáp:

- Thần theo thuật tính xem, thì điềm này đã có lâu rồi, nay đang ở trong cung của bệ hạ. ba mươi năm nữa người này tất được thiên hạ, giết sạch con cháu nhà Đường.

Vua nói:

- Hễ nghi người nào thì giết người ấy, được không?

Phong đáp:

- Mệnh trời không thay đổi được. Vả lại bậc chân vương thì không chết, mà chúng ta chỉ giết những người bị nghi thành ra giết lầm những người vô tội. Nay người ấy đã ở trong cung, đã là quyến thuộc của bệ hạ. ba mươi năm nữa cũng phải già suy, mà già thì tâm lại từ bi. Nếu đổi họ của người ấy may ra con cháu của bệ hạ không đến nỗi tuyệt tự, còn như giết đi người ấy cũng sẽ tái sinh, lúc đó lại trẻ trung tráng kiện thâm độc khôn lường. Hơn nữa nếu gây thù, thì con cháu bệ hạ tất chẳng còn ai sống sót.

Vua khen lời của Phong và thôi không nghĩ kế giết.

26. Vua khuyên Huyền Trang bỏ đạo ra làm quan: (Mậu Thân)

Tháng sáu năm thứ hai mươi hai, vua ngự trong cung Ngọc Hoa, triệu Pháp sư Huyền Trang vào và nói:

- Trẫm ở kinh thành nóng bức nên ngự ra cung này. Ở đây đá suối mát lạnh, làm sức lực khỏe lên nhưng vẫn nhớ Pháp sư nên dời gót đến đây, thành thử đi đường cũng lao nhọc.

Huyền Trang tạ ơn, nói:

- Lê dân bốn biển đều dựa bệ hạ mà sống, Thánh thể bất an thì bề tôi cũng thấy lo lắng. Nay loan giá đến đây xin bệ hạ tùy nghi. Hễ là hàm linh thì không ai khỏi bệnh. Thần cầu mong bệ hạ mãi mãi an khang, thọ ngang trời đất. Thần là kẻ thấp kém quê mùa, chẳng hay có việc gì mà nhọc đến Thánh thể xa giá đến?

Vua thấy ngài đức hạnh cao vời, nghi dung đẹp tuyệt thế, muốn ngài bỏ đạo cùng mình lo triều chánh, nên nói:

- Xưa Tam vương, Ngũ đế không ai không lấy việc trị nước an dân là việc chính của mình đó là lẽ đương nhiên chẳng thể thay đổi. Thế nên nhà Chu nhờ mười loạn thần, vua Thuấn nhờ năm bề tôi, họ cùng làm rạng rỡ ngôi vua, vỗ yên lân quốc. Sở dĩ họ thịnh trị là nhờ vậy. Còn trẫm nay đức mỏng trí cạn lại chẳng có những bề tôi tài giỏi. Ý trẫm muốn Pháp sư bỏ đạo ra làm quan, cùng trẫm lên đại để bàn mưu, ngồi sân Hòe mà luận đạo, ý Pháp sư thế nào?

Ngài đáp:

- Huyền Trang này là người thấp kém xin nghe theo minh chiếu. Nhưng Tam hoàng, Ngũ đế anh quân kia không thể một mình trị nước, mà phải nhờ bề tôi tài giỏi cùng bàn mưu mới thành, đó là bệ hạ khiêm nhường mà nói như vậy, chứ kỳ thật thì không phải thế. Vì sao? Vì nếu cho rằng có bề tôi tài giỏi là trị được nước, vậy Kiệt, Trụ, Bá, Linh lẽ đâu nhờ bề tôi. Theo đó mà xét thì chẳng phải hoàn toàn không có bề tôi. Cúi xin bệ hạ minh giám. Một người có kỷ cương thì muôn việc đều trật tự, huống gì vận nước đã yên, trời đất thái bình, trong ngoài yên ổn, đó đều nhờ bệ hạ không bỏ phế, không kiêu căng, không xa xỉ. Việc trị nước vẫn canh cánh trong lòng bệ hạ, dân yên mà mình chẳng yên, dân an mà mình vẫn lo nghĩ. Bệ hạ nhận mệnh trời làm lành như vậy là tột cùng rồi, còn ai can dự vào nữa.

Thần xin được tỏ bày ngọn ngành: Bệ hạ ngang dọc tám phương đánh đuổi hào kiệt, dẹp yên mối loạn, đề cao hòa bình, thông minh mẫn tuệ, nghi dung sáng ngời, là trời ban chứ đâu mượn người khác, đó là một.

Bệ hạ lấy gốc bỏ ngọn, tôn sùng đức của Nho, thay đổi thói hư của tập tục, chánh sự thuần thiện như thời thượng cổ, trọng thi phú hơn sắc lệnh, dùng sử sách hơn dùng hình, chín châu bốn biển ghi nhớ không quên, ân vua rưới khắp, mọi nhà yên vui, ấy lại là đại tâm của Thánh nhân giáo hóa chứ đâu nhờ người khác, đó là thứ hai.

Bệ hạ gần thì thông đạo lớn, xa thì hợp với nhân từ, Đông thì qua đến Nhật vực, Tây thì bước tới Côn châu, Nam thì đến tận Viêm châu,

Bắc thì đến tận Huyền tắc, đổi thay tục ăn uống, chuyển hóa cách trang phục, ai nấy đều đợi gió mong mưa, cúi đầu quỳ lạy, dâng hiến bảo vật, cống nạp đất đai, ấy là nhờ uy trời mà có, chứ đâu nhờ người khác, đó là ba.

Bệ hạ lên ngôi, cái họa của rợ phương Bắc liền tự yên. Đó là việc mà Ngũ đế xưa kia không cấm được, Tam vương không kiềm được, khiến cho sông Vị, sông Hà thành đồng hoang gai góc, làm cho đất Phong đất Cảo thành chiến trường đao binh. Trung Quốc hỗn mang, Hung nô hùng mạnh, từ thời Ân, Chu đến nay chưa thể diệt trừ. Phải đến Hán Vũ dùng hết binh hùng tướng mạnh, nhưng chỉ mới chặt phá cành nhánh chứ gốc rễ vẫn còn. Từ đó về sau vẫn không nghe đến kế sách hay. Bệ hạ lên ngôi, chinh phạt thì diệt tận, lấp ổ phá hang chẳng còn dấu vết. Những dãi đất mênh mông bao la ấy đều tiếp nhập với vương triều, họ đâu chỉ cung cấp những người bắn cung cưỡi ngựa, mà còn cống hiến cả thần, thiếp. Nếu nói do người khác, thì từ Nghiêu Thuấn đến nay hiền thần phụ chánh rất nhiều, sao không lấy được? Vì thế mà biết hễ người có đạo đức thì được chứ đâu nhờ người khác, đó là bốn.

Cao Ly là nước nhỏ thất lễ với thượng quốc, Dạng đế đã đem hết binh lính trong nước chinh phạt đến ba lần, nhưng đánh thành chẳng nát được nửa cục đất, sĩ tốt cũng chẳng được lấy một người, làm tổn thất sáu binh lủi thủi mà về. Đến khi bệ hạ xuất chinh đem mấy vạn kỵ binh mà đã đạp đổ thế trận vững như bàn thạch, phá sạch thành kiên cố, gióng trống khải hoàn, cầm tù hơn ba mươi vạn. Dùng binh khiển tướng nào có khác đâu? Nước Tùy thì thua, nhà Đường lại thắng, thế mới biết là do người chủ, chứ nào phải nhờ vào ai khác, đó là năm.

Đất trời thái bình, trời trăng tỏ rõ, hòa khí ngất trời, mây lành giăng khắp. Năm điềm hiện rõ, chỉ một người tài, sói trắng hồ trắng, nhạn đỏ cỏ đỏ, rỡ ràng khắp nước cả ức cả ngàn không sao đếm hết. Tất cả đều ứng đức mà đến, đâu nhờ kẻ khác, đó là sáu.

Thế mà bệ hạ lại muốn tỉ dụ rằng tiên vương nhờ công của mười loạn, thần trộm nghĩ vì bệ hạ không dám nhận công lao mà thôi. Còn như hiền tài, thì ngày nay những người như Y, Lữ đâu phải là ít.

27. Huyền Trang dâng biểu từ chối, nguyện trọn đời hành đạo:

Huyền Trang tôi là kẻ ngu muội đâu đủ tài trí để tham dự chánh sự. Còn như giữ đúng luật Tăng, xiển dương chánh pháp mới là sở nguyện chân thành của thần. Cúi xin bệ hạ nhân từ đừng ép buộc thần.

Vua mừng rỡ nói:

- Những điều thầy vừa nêu là phước linh của tiên vương và công lao của khanh sĩ hào kiệt trong tông miếu chứ trẫm làm gì xứng đáng. Thầy đã muốn xiển dương diệu đạo, không muốn làm trái với chí nguyện của mình thì đành thôi vậy.

Trung thư lệnh Chử Toại Lương nói:

- Ngày nay bốn biển lắng trong, chín châu yên vui đều nhờ đức của bệ hạ, thật đúng như lời Pháp sư đã nói.

Vua cười nói:

- Không phải vậy đâu! Áo Hồ cừu đâu phải chỉ lấy lông của một con, ngôi nhà to lớn tất có nhiều cây gỗ làm thành, một mình vua giáo hóa làm sao được. Vì muốn bảo toàn tiết tháo của mình nên Pháp sư đã ca ngợi trẫm quá mức thôi.

Nhân đó vua hỏi ngài dịch được những bộ kinh nào rồi, ngài đáp:

- Du-già Sư Địa luận.

Vua nói:

- Thầy nói rõ nội dung được không?

Ngài đáp:

- Bộ luận này do Bồ-tát Di-lặc soạn, trong ấy nói về nghĩa của mười bảy địa.

Vua hỏi:

- Thế nào là mười bảy Địa?

Ngài đáp:

Đó là: Lục thức tương ưng địa. Hữu tầm hữu tứ địa.Vô tầm duy tứ địa.Vô tầm vô tứ địa.Tam ma hy đa địa. Hữu Tâm địa.Vô tâm địa.Văn sở thánh địa. Tư sở thành địa. Tu sở thành địa.Thanh văn địa. Độc giác địa. Bồ-tát địa. Hữu dư y địa. Vô dư y địa.

Đó là mười bảy Địa. Đồng thời ngài nêu chính yếu, diễn bày đại nghĩa. Vua nghe thích thú vô cùng, liền sai đem bộ luận này nhập vào cung cả thảy một trăm quyển. Vua xem kỹ, thông suốt những nghĩa lý nhiệm mầu trong đó, khác hẳn với những gì mình từng nghe biết. Vua nói với thị thần:

- Trẫm xem những bộ kinh luận mà Pháp sư mới dịch, giống như ngắm trời nhìn biển, chẳng có thứ gì cao sâu bằng. Trước đây việc nước bề bộn chưa có thời giờ nghiền ngẫm, từ nay về sau ta đã biết được nguồn tông thật mênh mông. Nhìn lại chín phái của Nho gia, phương hướng của họ vẫn còn lênh đênh, phạm vi mới như hồ, bể mà thôi.

Nhân đó vua lệnh cho Hữu ty tuyển chọn những bí thư, những sách được sao chép, những kinh luận mới được dịch, mỗi thứ chín bộ giao

cho tổng quản của chín phái triển chuyển lưu hành, mong những danh sĩ chín phái cùng được thấy nghe những đạo lý nhiệm mầu chưa từng được nghe đó.

Tư đồ Trường Tôn Vô Kỵ, Trung thư lệnh Chử Toại Lương tâu:

- Phật pháp thâm sâu, trời người không lường, gốc của lời nói thì quá thâm sâu, cửa ngõ của ngữ ngôn thì khó vào. Cúi xin bệ hạ khai mở đạo mầu, phát huy chí đạo, dạy dỗ phương xa, giáo hóa nước gần, ủng hộ năm thừa, dựng lập Tam bảo. Pháp sư là người thông thái lại khôi ngô, bậc siêu xuất của ngàn đời, đã phải chịu bao hiểm nguy để cầu pháp, trải qua bao gian nan để học đạo, lấy trân bảo thay đổi thói tục, tìm cầu đủ chân kinh đem về phiên dịch. Còn như Duy Thức học là thuyết mới được nghe, văn chương tinh tế nghĩa lý lại u huyền, như mới được nghe từ kim khẩu của Phật. Những thứ đó đều nhờ thánh đức của bệ hạ chiêu cảm. Bọn thần ngu muội, trước cũng từng nghe: Biển khổ sóng to, muốn qua phải nhờ thuyền bè, huống gì ngày nay thiên ân trải rộng trùm khắp chín châu, khiến cho lê dân ngu muội đều thừa hưởng diệu pháp. Bọn thần cũng ức kiếp vui lây, chẳng gì may mắn bằng.

28. Vua viết lời tựa cho Tam tạng Thánh giáo:

Tháng sáu, vua soạn xong bài tựa cho Đại Đường Tam tạng Thánh Giáo. Vua ngự tại điện Khánh Phước, bá quan văn võ đứng hầu. Vua mời Pháp sư Huyền Trang lên điện, ban cho bảo tòa. Lệnh cho Hoằng Văn Quán học sĩ Thượng Quan Nghi tuyên đọc bài tựa trước quần thần. Lời lẽ bài tựa thanh cao, sáng rỡ như gấm tán thán tuyên dương thánh giáo hết lời. Trong ấy viết:

"Từng nghe Lưỡng nghi có tượng, hiện để che chở hàm linh, bốn mùa vô hình ẩn trong nóng lạnh để đổi thay vạn vật. Vì vậy nhìn trời ngắm đất, người ngu muội đều biết được đầu mối. Thấu âm tỏ dương, thì dù hiền triết vẫn ít ai biết tận được số lượng. Thế nhưng trời đất bao hàm âm dương nhưng lại dễ biết vì nó có tượng. Âm dương ở trong trời đất nhưng lại khó thấy vì nó vô hình. Nên biết tượng hiển rõ ràng dù kẻ ngu cũng không nhầm lẫn, hình ẩn khó thấy dù người trí nhưng vẫn mê mờ. Huống gì Phật đạo rỗng rang, nương cái u huyền, kéo cái vắng lặng, hóa độ muôn người, kinh điển có khắp mười phương. Nâng cái uy linh lên nhưng không cao, đè cái thần lực xuống nhưng không thấp. Lớn thì trùm khắp vũ trụ, nhỏ thì trong đầu sợi lông, không diệt không sinh, dù trải qua vạn kiếp nhưng không cổ xưa, dù ẩn hay hiện trải ngàn đời nhưng vẫn mới tinh. Diệu đạo u huyền, lần theo nhưng chẳng biết được

bờ bến, dòng pháp vắng lặng, lần tìm chẳng biết đâu là nguồn cội. Mới hay phàm phu ngu xuẩn, những hạng mê mờ đặt tâm vào chỉ thú ấy có thể không nghi ngờ ư. Thế nhưng đại giáo khởi nguyên từ Tây độ, Ma-đằng giải mộng cho Hán Minh ở bệ rồng, từ đó dòng pháp chảy tràn sang Đông độ.

Ngày xưa, thuở còn chia năm xẻ bảy, chưa buông lời nhưng đã thành nề nếp, nay thì đất nước thái bình, dân ngưỡng mộ đức mà tuân theo, thậm chí bỏ vọng về chân, thay đổi lễ nghi, vượt xa thời thế. Sắc vàng rực rỡ đâu chỉ tỏa sáng trong ba ngàn hào quang, thân tượng sáng ngời đâu chỉ hạn hẹp trong ba mươi hai tướng. Bấy giờ lời lẽ vi diệu phủ trùm, cứu hàm linh trong Tam đồ, di huấn tuyên dương dẫn chúng sinh lên Thập địa. Thế nhưng chân giáo khó noi, đâu thể dễ dàng kết quy về một, cái học quanh co dễ tìm, nhưng tà chánh rất khó phân định. Bởi vậy bàn về có, không hoặc theo thế tục rồi thị phi, Đại thừa, Tiểu thừa, bỗng theo thời mà hưng phế.

Huyền Trang Pháp sư là bậc thầy của pháp môn, từ nhỏ vốn đã trong sạch minh mẫn, sớm đạt ngộ tâm của ba không, lớn lên khế hợp với tình thoát tục, sớm thực hành hạnh của bốn nhẫn. Cái phóng khoáng thanh thoát của tùng, gió, nước, trăng không đủ để sánh với cái trong sạch thanh cao của ngài; thì tiên, cam lồ, minh châu lẽ đâu sánh bằng cái đức khoáng đạt, bao la của ngài sao. Thế nên trí thông thì không lụy, tình thoát thì không chấp, vượt hẳn khỏi sáu trần, siêu xuất cả ngàn xưa. Để tâm trong nội cảnh, thương chánh pháp chẳng tiếc thân, để ý trong huyền môn, xót văn sâu vì nhầm lẫn. Đó là muốn phân tích rõ ràng, mở rộng những thấy nghe từ trước, dứt ngụy tiếp chân, khai mở lý mầu cho hậu học. Thế nên thoát tâm sang Tịnh độ, vãng du qua Tây Vực, một thân chịu khổ, một mình lặn lội, tuyết trắng phủ dày lấp cả lối đi, sa mạc hoàng hôn chẳng thấy trời đất, muôn dặm núi sông theo khói mây mà bước tới, ngàn trùng lạnh nóng nương sương móc mà đi. Trong sự chí thành quên cả mệt nhọc, tâm cầu thiết tha sở nguyện thành tựu. Ngài chu du Tây thiên đến mười bảy năm, đi khắp đó đây tìm cầu chánh giáo. Song lâm, Bát thủy ý đạo ngập tràn; Lộc uyển, Thứu phong mở rộng tầm mắt, thừa hưởng đạo mầu từ tiên thánh, thọ nhận chân giáo nơi Thánh hiền, cứu xét diệu môn, nghiền ngẫm diệu nghĩa. Đạo của Nhất thừa, Ngũ luật đều tuôn chảy vào đất tâm; văn của Bát tạng, Tam khiếp (ba hòm kinh) cưỡi sóng về cửa biển. Ngài vân du khắp các nước, mang về những áng văn cốt tủy của ba tạng cả thảy sáu trăm năm mươi bảy bộ, dịch rồi ban bố khắp Hoa Hạ, xiển dương nghiệp lành, dẫn mây lành

từ Tây Vực về tuôn mưa pháp xuống Đông độ. Thánh giáo khuyết rồi lại đầy, tội của chúng sinh lại chuyển thành phước; tươi mát sức nóng hừng hực trong nhà lửa, cứu khắp kẻ mê; làm lặng yên cơn sóng hôn mê đang cuồn cuộn trong nước ái, đồng lên bờ giác. Thế mới hay, ác do nghiệp mà đọa, thiện nhờ duyên mà siêu. Nguồn gốc đọa hay siêu là do con người tạo tác. Thí như cây quế mọc trên núi cao, nhưng tuyết sương vẫn không làm phai hương của nó, hoa sen mọc trong bùn lầy nhưng bụi trần chẳng mảy may ô nhiễm lá, hương. Chẳng những tánh của hoa sen vốn sạch mà bản chất cây quế cũng vốn thơm. Thế nên chỗ dựa cao, thì vật nhỏ chẳng làm hệ lụy, điểm tựa sạch thì nhơ nháp chẳng làm nhiễm ô. Đến như cỏ cây là vật vô tri nhưng chăm bón khéo léo thì thành quả khéo léo, huống gì con người có tình thức, nhưng chẳng duyên cái vui lại đi tìm cái vui, nên mới lưu bố kinh này để chúng sinh có nơi nương tựa, nêu tỏ cái vô cùng của trời trăng, phước này vô biên vĩnh cửu bao la như trời đất. Vì thế trẫm ngự bút viết bài tựa nhằm điểm xuyết cho những bộ kinh mới dịch”.

Pháp sư Huyền Trang dâng biểu tạ:

“Lục hào u huyền vẫn hạn cuộc trong vòng sinh diệt, chánh danh của trăm vật chưa ra khỏi cảnh của chân như. Xa thì xét đến thư tịch của Phục Hy, chỉ thấy nó u huyền mà không lường được sức thần của nó; gần thì nghĩ đến điển tịch của Hiên Viên chỉnh sửa nhiều đời cuối cùng sáng tỏ. Thần kính trọng nghĩ đến bệ hạ, long ngọc giáng chất Thánh Vương ngự trời, mở rộng chín châu của tiên vương, lấn áp cả trăm ngàn mặt trời mặt trăng, ban bố ích lợi cho mọi nơi, thâu nạp hằng hà sa thế giới, khiến cho tinh xá Cấp cô độc thảy vào hết nước ta, kinh sách linh văn đều tuôn trong phủ tạng. Xưa thần chấn tích nhờ học hỏi ở Quật sơn, trải qua muôn dặm đều nương thánh uy mà dò bước. Chẳng đợi đến ngàn đời mà đến Song lâm nhanh như trong khoảng bữa ăn, sưu tầm ba tạng, thấu tận diệu lý dưới Long cung, nghiên cứu Nhất thừa, thấy suốt diệu chỉ trên Linh thứu. Thần đã ghi chép ở chùa Bạch Mã đem về dâng lên Thánh thượng, và sau được Thánh thượng hạ chiếu cho phiên dịch. Cái thấy biết của thần trái với Long Thọ, nhầm lẫn hổ thẹn trong cái rỡ ràng của Truyền Đăng; tài của thần khác với Mã Minh, thật xấu hổ với người thông thái trong văn pháp. Kinh luận dịch ra lại lầm lẫn rất nhiều, may nhờ uy trời để tâm viết cho bài tựa. Văn thì vượt ra giáo điều tầm thường, lý thì bao quát các cửa ngõ vi diệu. Chợt nghe những lời nhiệm mầu này như đích thân được nghe Phạm âm, thần khôn xiết vui mừng như nghe lời thọ ký, thật không sao bày tỏ hết”.

Vua hạ chiếu đáp:

"Tài của trẫm thua kém danh nhân văn hay chữ tốt, lời của trẫm thật thẹn với người học rộng nghe nhiều, còn như nội điển thì lại càng chưa được nghe. Hôm qua trẫm viết bài tựa, thật hổ thẹn vì văn từ quê kệch, khúc mắc, chẳng khác nào váy mực trong thẻ ngọc, lượm gạch đá trong rừng châu. Chợt nhận được thư mới hay mình nhận càn lời khen tặng, quay lại xét mình lại càng thấy thẹn. Thật chẳng khen hết, xin tạ suông thần vậy".

29. Thái tử viết tiếp lời tựa cho Thánh giáo:

Khi ấy Hoàng Thái tử thấy vua viết bài tựa, bèn soạn thuật Thánh ký. Pháp sư dâng biểu tạ. Vua lại xem Bồ-tát tạng kinh vừa được dịch xong, rất thích văn từ ý chỉ vi diệu trong ấy, nhân đó sai Hoàng Thái tử soạn lời bạt (hậu tự) cho kinh này. Trong ấy nói:

"Từng nghe: Hoàng đế Phục Hy là bậc chí diệu, nhưng cái tinh túy vẫn còn trong Quy văn, kế đến Hiên Viên là bậc thông thái nhưng diệu lý còn hạn cuộc trong Điểu Triện. Khảo sát ẩn hiện trong Đan thư thì rất mờ mịt trong ngọn nguồn thật tế, nên chép rất nhầm lẫn, thật chẳng phải là cái đạo thường lạc. Hơn nữa sự phải sáng tỏ trong sử sách, bủa gió thơm khắp tám hướng, đức phải hợp với sinh linh, nổi sóng cao cho muôn đời. Cúi mong bệ hạ vận chuyển bánh xe pháp, sự giáo hóa dần hợp với vườn Kê, điện ngọc buông lời, thần giao hòa với Linh thứu, tổng thâu Điều Ngự trong danh hiệu, đâu phải văn tự tư duy nhìn thấy, nêu tận Bát-nhã trong diệu ngôn, chẳng phải vật tượng đoán định được. Vì vậy giáo sâu rộng bao la đều truyền cái âm Bát giải; huấn thì bao trùm vũ trụ đều vượt trên cái quỹ đạo của Tứ thiền. Nhờ vậy mà làm cho tam thiên thế giới đều có ở đây trăm ức Tu-di vẫn thường hiển hiện. Dòng nước đức ở Ni liên chảy tràn vào ao đầm trong cung cấm, am vườn ở Xá-vệ nối tiếp vườn rừng trong cung vua. Dù rằng pháp tánh rỗng rang vắng lặng nhưng hễ cảm tất thông, chân thừa sâu kín, không lý mầu nào mà chẳng nêu cao. Vì vậy Đại thánh ngự thế thì dẫn dòng pháp đến vô cùng, Năng Nhân ứng thân thì dựng trụ đá đến vô tận. Thể vốn đủ đầy chẳng thể nghĩ bàn, so với cái đẹp của tiền vương, thì đâu thể nói cho cùng tận.

Từ khi dựng nước, đất đai còn hạn hẹp trong bờ cõi. Chấn Đán chưa phát huy, linh văn vẫn còn ẩn. Đến Hán Minh ngầm cảm, gởi mộng trong Huyền Tiêu, đời Tấn chí thành thì kinh điển chất đầy trong Bạch Mã. Cái biết như dòm trong ống lẽ đâu thấu đạt bến bờ của bốn

biển, cái thấy như ngắm trong bầu lẽ đâu cùng tận cái uyên áo của bảy diệu. Bao la thay! Hoàng linh xiển dương thì uy vững như Thiết vi, chí thánh hoằng hóa thì đức chắc như kim cang. Hằng sa quốc độ phủ trùm khắp áo mão, mở cửa giải thoát bước trên đường chân thật. Văn kệ bằng Phạn ngữ ở Long cung đều tụ tập trong tịnh thất, lời văn kinh kệ trên lá bối ở Nghê khổng đều tụ về trong phủ tạng, ban rưới cam lồ thấm nhuận cỏ cây, giăng bủa mây lành khắp loài cầm thú. Đó chẳng phải là nghiệp thù thắng để về nương, không phải cảm ứng linh diệu của nền chính trị sáng suốt đấy ư.

Bồ-tát tạng kinh là yếu chỉ nghĩa tông của bậc Đại Giác. Phật tu đạo này mà chứng vô sinh, Bồ-tát thọ trì mà lên ngôi Bất thoái. Đây là cửa ngõ trọng yếu của sáu pháp Ba-la-mật, là sức mạnh căn bản của tứ Vô lượng tậm, là cây cầu để qua bờ bên kia, là thềm thang để lên ngôi chánh giác.

Trong niên hiệu Trinh Quán, nước Thân Độc đã từng xiển dương rồi chảy tràn qua Nhiệt Pha, lấn dần qua Huyền Độ. Thời ấy ngôn ngữ đã đồng, đường xá lại lưu thông, Pháp sư Huyền Trang chấn tích đi tìm. Ngài ra khỏi Ngọc quan đi mãi qua Nại Uyển đến được Thiên Trúc và tìm được kinh này. Ngài đem về dâng vua, vua hạ chiếu phiên dịch và nay đã dịch xong.

Nhân lúc rảnh rỗi sau khi vấn an vua, tôi để tâm trạng trong diệu pháp, thừa chỉ Hoàng thượng ngỏ lời tán dương, rồi nhờ Hữu ty chép vào cuối quyển".

Từ đó lòng tin của vua ngày càng bền chắc, luận bàn diệu nghĩa chẳng lúc nào ngơi, luận bàn tâm đắc với Pháp sư, chưa lúc nào ngừng dứt, phàm y phục ngọa cụ vua nhiều lần xuống chiếu cung cấp cúng dường, đối xử với Pháp sư như người nhà.

30 Vua ban cho Huyền Trang ca-sa đính một trăm sợi vàng:

Tháng tám, vua ban cho ngài Huyền Trang y ca-sa có đính một trăm sợi vàng và dao cạo rất quý hiếm. Ngài dâng biểu tạ rằng:

"Áo nhẫn nhục màu hợp với hoại sắc, dao trí tuệ lưỡi bén hơn cả dao ngọc. Thần kính cẩn mặc áo này để hàng phục ma phiền não, mang dao này để cắt lưới trần lao".

Từ khi đánh Liêu trở về, sức khỏe vua không được khỏe như trước, lại lo nghĩ đến muôn dân, đến khi gặp được Pháp sư, vua chuyên tâm trong Đạo giáo, nhờ vậy sức khỏe mau chóng bình phục. Nhân đó vua hỏi ngài:

- Muốn làm ích lợi cho pháp môn, trước tiên phải làm gì?

Ngài đáp:

- Chúng sinh mê muội, không có trí tuệ thì không khai mở được. Mầm trí tuệ phải nhờ giáo pháp vun bón, hoằng pháp độ sinh thì việc độ Tăng Ni là trên hết.

Vua nghe rất vui mừng.

Tháng chín, vua hạ chiếu:

"Nhà Tùy mất ngôi, thiên hạ loạn ly, bốn biển điêu linh, tám phương nghiêng ngã. Trẫm nhận mệnh phạt loạn, điều khiển binh nhung, ngày chịu phải phong sương, đêm ngủ trên lưng ngựa, thuốc thang không ngừng nhưng bệnh chưa khỏi hẳn. Từ khi gặp Pháp sư đến nay sức khỏe liền bình phục. Đó chẳng phải nhờ phước thiện đó sao. Nay trẫm hạ chiếu từ kinh thành đến các châu trong thiên hạ, mỗi chùa phải độ năm Tăng Ni (bấy giờ trong nước có hơn ba ngàn bảy trăm ngôi chùa, Tăng Ni đến hơn mười bảy ngàn người).

31. Vua hạ chiếu sáng lập viện Hoằng pháp để Huyền Trang ở dịch kinh:

Tháng mười, vua xa giá về Kinh sư, xuống sắc lệnh cho Hữu ty dựng điện Tử viên ở phía Bắc cửa cung, dựng viện Hoằng Pháp ở phía Tây nam và giữ ngài Huyền Trang trong thành nội. Ban ngày ngài cùng đàm luận đạo lý với vua, ban đêm về viện Hoằng pháp dịch kinh.

32. Vua hạ chiếu cho xây chùa Đại Từ Ân:

Tháng mười hai, Hoàng Thái tử dựng chùa Đại Từ Ân để cầu phước cho Hoàng hậu Văn Đức. Xây xong, vua xuống chiếu tuyển chọn năm mươi Đại đức danh tiếng trong kinh thành, mỗi vị độ thêm sáu người thị giả, cùng vào ở chùa này. Cùng trong tháng này, Thái tử sắm đủ năm mươi xe báu cung nghinh chư Đại đức. Đồng thời treo tràng phan dải lụa, cử nhạc thái thường, nhạc của Trường An, Vạn Niên, mời chư Tăng trong kinh thành cầm tràng phan tiếp rước chư Tăng, an trí kinh tạng và thụy tượng, xá-lợi tại chùa này. Vua ngự ở cửa lầu An Phước, tay bưng lò hương hết sức cung kính. Kinh tượng đi qua xong mới ngồi xuống, vua vô cùng vui mừng.

33. Vua hạ chiếu cho Huyền Trang hộ giá: (Kỷ Dậu)

Tháng tư năm thứ hai mươi ba, vua xa giá đến cung Thúy Vi, Pháp sư Huyền Trang đi theo xa giá. Mỗi khi đàm luận đến nghĩa uyên áo,

vua đều chắp tay khen:

- Trẫm chỉ hận gặp Pháp sư quá muộn, chưa bày tỏ hết ý nguyện hoằng pháp của trẫm.

Tháng năm vua không thiết triều, triệu Thái úy Trường Tôn Vô Kỵ, Trung thư lệnh Chử Toại Lương vào bên giường rồi dặn dò:

- Các khanh là bề tôi trung liệt, trẫm nhớ mãi không quên. Xưa Hán Vũ ủy thác cho Hắc Quang; Lưu Bị dặn dò Gia Cát Lượng. Hậu sự của trẫm đều ủy thác hết cho các khanh. Thái tử là người nhân từ hiếu kính, các khanh phải hết mình phụ giúp Thái tử, duy trì vận nước.

Vô Kỵ... Cúi đầu rơi lệ. Vua cầm tay Thái tử dặn dò:

Vô Kỵ, Toại Lương còn sống việc nước con không phải lo.

Vua mất tại điện Hàm Phong, thọ năm mươi ba tuổi.

34. Bài tán và luận trong sử sách đời Đường:

Trong Đường Sử Tán ghi:

"Ôi! Vua anh minh không ra đời. Vua Vũ có thiên hạ truyền được mười sáu vua, nhưng Thiếu Khương mới trung hưng cơ nghiệp. Vua Thang có thiên hạ, truyền được hai mươi tám vua, mà thịnh trị nhất được gọi là Tam Tông. Vũ Vương có thiên hạ truyền được ba mươi sáu vua, nhưng Thành Khương mới thịnh trị, nêu cao công lao. Còn lại đều không đáng nói.

Tuy thi thư ghi chép vẫn có khi chỉ nêu sơ lược, nhưng ba đời đế vương tổng cộng hơn một ngàn bảy trăm năm, truyền hơn bảy mươi vị vua thì rất rõ ràng, đời sau nhìn vào liền biết nhưng chỉ biết đến sáu, bảy vị này mà thôi.

Than ôi! Có thể nói rằng thật khó. Nhà Đường có thiên hạ, truyền được hai mươi đời vua. Trong đó đáng nổi danh chỉ có ba vua, còn như Huyền Tông, Hiến Tông đều không có kết cuộc sáng sủa. Thịnh thay! Những người như Thái Tông, ông ấy dẹp trừ cái loạn nhà Tùy, công lao ngang với Thang, Vũ. Cái hay của việc trị chánh ngang bằng Thành, Khương. Những người có công, có đức lại thịnh trị như thời xưa, kể từ nhà Hán đến nay chưa từng có. Còn như ông ấy quá quỵ lụy, dựng lại phù đồ, ham công to nên phải nhọc nhằn mang binh đi xa. Đó là những việc làm thường thấy ở những người chủ tài năng bậc trung không mấy sáng suốt. Thế nhưng pháp chế của Xuân Thu thường trách cứ người hiền, đó cũng là cái hay để những quân tử đời sau muốn thành danh, nhưng không ai chẳng than tiếc.

Luận rằng: "Quân tử cho rằng lập ngôn thật khó, kỳ thật chẳng

khó, chỉ vì họ bị xấu tốt lừa dối mà thôi. Như Âu Dương Trung Công viết Thái Tông Bản Kỷ Tán, tuy văn phong sắc sảo, lời lẽ diệu kỳ, kiệt xuất các sử sách nhưng vẫn không tránh khỏi chê Thái Tông dựng lại phù đồ, ham công to nên nhọc nhằn mang binh đi xa, đó là việc làm của kẻ tài năng bậc trung, người chủ không sáng suốt."

Tôi cho rằng Văn Trung trách cứ quá đáng, lại bị xấu tốt lừa dối. Trong thời Trinh quán, côn trùng cỏ cây trong thiên hạ đều được ân trạch, đến như mặt trời, mặt trăng, sương móc, những nước vua đến đều răm rắp tuân theo, lập lại kỷ cương. Chỉ có Cao Ly là nước không tuân, trái mệnh làm phản, Thái Tông là người đạo đức cho ngàn năm, là minh chủ anh hùng lẽ đâu chịu ngồi nhìn, để mối lo lại cho con cháu, mà không nhờ đến chút tài kinh lược ư. Bởi vì uy đức ông ấy quá thịnh, cái thế tất nhiên phải làm như vậy, chứ không có gì gọi là ham công to.

Xưa Hoàng đế bình định Xi Vưu, đánh nhau đến bảy mươi năm mới dẹp yên mối loạn; Cao Tông đánh Quỷ Phương, ba năm sau mới bình định được. Thái Tông cử thiên binh thì Ấm Sơn bình định, cất bước Đông chinh thì Cao Ly khuất phục. Nhưng Hoàng đế Cao Tông đến như Khổng Tử còn không dám chê trách, mà Văn Trung lại đi trách cứ một mình Thái Tông lẽ đâu không phải là trách cứ quá đáng? Thái Tông đức thịnh nghiệp lớn như vậy, mà vẫn còn bị chê trách thì sợ rằng quân tử sau này cứ lo làm sao khỏi bị chê chứ chẳng để tâm gì đến công danh. Văn Trung muốn đề cao, tôn chuộng việc ấy thật là uổng phí, mà chẳng biết làm như vậy là tự hủy hoại thanh danh của mình.

Còn như lập lại phù đồ là việc làm thuận với đạo hòa với đức, tâm ngang bằng trời đất quỷ thần, để cứu giúp thiên hạ, là việc làm vô cùng lợi ích cho người sau. Văn Trung cho rằng không đáng làm, có nghĩa là cho Thái Tông mê muội trong việc làm rồi. Giả sử Thái Tông mê muội thật, thì những người đương thời như Phòng, Đỗ, Vương, Ngụy theo vua hưởng lộc cũng là những người mê muội cả ư?

Có người nói:

- Văn Trung mến mộ con người Hàn Dũ nên không thể không nói như vậy. Than ôi! Văn Trung nhẫn chịu được sao. Mến mộ một con người hủy Phật, vất bỏ đạo đức của Thái Tông, đó chẳng phải là bị xấu tốt lừa dối đó ư.

Khổng Tử lập danh giáo, Lão Tử thì chẳng phỉ báng ông ta. Đến khi Khổng Tử san định lễ nhạc thì nói: "Ta nghe Lão Đam nói rằng...". Đó cũng là vì người bỏ lời, là thế tình tốt xấu chăng. Huống gì là hủy báng Phật.

Thánh phàm đều có bản chất riêng, hủy báng họ chính là tự hủy hoại mình, lẽ đâu làm tổn thương Phật.

Từng nghe, một hôm Văn Trung mộng thấy mình bị mấy lực sĩ bắt đến sân của Thái Tông. Thái tông nổi giận mắng: "Ta văn võ lẫm liệt như vậy vẫn không tránh khỏi ông chê bai, là tại sao vậy? Văn Trung thất kinh tỉnh mộng. Về sau muốn sửa lại lỗi lầm của mình, nhưng việc đã làm, sử sách đã ban hành rồi, nên cuối cùng không sửa được. Có lần ông ấy than: "Nỗi ray rức trong lòng không sao trốn chạy được. Đủ thấy đâu phải ngẫu nhiên mà ông thốt lên như vậy".

■

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 12

1. Đường Cao Tông: (Canh Tuất)

Cao Tông tên là Trị, tự là Vi Thiện, lúc nhỏ tự là Hùng Nô, con thứ chín của Thái Tông. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Vĩnh Huy, thọ năm mươi sáu tuổi, an táng ở Càn lăng, trị vì ba mươi bốn năm (Có thuyết nói ở ngôi ba mươi sáu năm hoặc ba mươi năm). Ông phong Chu Công làm Tiên thánh, phong Khổng Tử là Tiên sư.

Tân Hợi: Thế Tôn diệt độ đã một ngàn sáu trăm năm.

2. Tổ 4: Đại sư Đạo Tín:

Đại sư Đạo Tín thị tịch trong năm này. Sư họ Tư Mã, quê ở Hà Nội, sau dời về Kỳ châu. Vừa mới sinh vốn đã là con người siêu dị. Thuở nhỏ sư đã mến mộ Không Tông cùng các pháp môn giải thoát khác, dường như đã tu tập nhiều đời. Đến khi truyền thừa ngôi vị tổ. Sư nhiếp tâm không nằm, lưng chẳng dính chiếu, như thế đến sáu mươi năm.

Cuối niên hiệu Đại nghiệp nhà Tùy, Sư dẫn đồ chúng qua Kiết châu, gặp phải lúc bọn giặc cướp vây thành suốt bảy mươi ngày, muôn dân đều kinh hoàng. Sư thấy xót thương bèn dạy họ chí tâm niệm Ma-ha Bát-nhã. Quả nhiên bọn giặc nhìn lên tường thành thấy có thần binh, bèn bảo nhau:

- Trong thành ắt có dị nhân.

Thế rồi giặc rút đi.

Trong niên hiệu Vũ Đức, Sư bắt đầu ở tại núi Phá Đầu, học chúng đông vô kể. Một hôm, trong huyện Hoàng Mai, Sư gặp một đứa bé khôi ngô tuấn tú, Sư bèn hỏi:

- Con họ gì?

- Họ thì có nhưng không phải họ thường.

- Thế thì họ gì?

- Là họ Phật.

- Con không có họ sao?

- Vì họ ấy vốn không.

Sư im lặng vì biết đây là bậc pháp khí, bèn sai thị giả tìm đến mẹ đứa bé xin cho nó xuất gia. Mẹ đứa bé này cho rằng do có túc duyên nên đồng ý ngay. Sư xuất gia cho đứa bé và đặt tên là Hoằng Nhẫn.

Sau, Sư gọi Hoằng Nhẫn đến truyền y phó pháp và nói kệ:

Giống hoa có tánh sinh
Từ đất hoa nảy mầm
Duyên lớn hợp với tín
Ngay sinh, sinh chẳng sinh.

Rồi Sư đem đồ chúng ủy thác cho Hoằng Nhẫn. Một hôm sư nói với chúng:

- Ta từng qua Lô sơn, lên tận đỉnh nhìn qua Phá Đầu sơn thấy mây tía trùm phủ như tàng lọng, phía dưới có luồng khói trắng phân thành sáu đường, các ông hiểu không?

Đại chúng đều im lặng, Đại sư Hoằng Nhẫn thưa:

- Có phải con cháu Hòa thượng sau này chia ra một nhánh Phật pháp nữa không?

Sư nói:

- Hay lắm.

Cuối niên Trinh Quán, Đường Thái Tông ngưỡng mộ đạo hạnh của Sư, muốn được thấy nghi dung của Sư, bèn hạ chiếu thỉnh Sư vào Kinh sư, nhưng Sư dâng biểu từ chối. Chiếu đến ba lần nhưng Sư đều lấy cớ bệnh tật từ chối. Đến lần thứ tư, vua dặn sứ giả:

- Nếu Sư không đến hãy lấy thủ cấp đem về.

Sứ giả đến đọc chiếu dụ xong, Sư liền ngửa cổ cho chém mà thần sắc chẳng thay đổi. Sứ giả lấy làm lạ bèn về triều bẩm báo. Vua nghe, lại càng kính phục, bèn gởi gấm lụa đến cúng dường để tỏ lòng kính ngưỡng của mình. Lúc ấy sư bỗng dạy môn nhân rằng:

- Tất cả các pháp đều là giải thoát, các ông phải tự giữ gìn rồi giáo hóa đời sau.

Nói xong sư ngồi kiết già an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, tháp cũng ở ngay núi này. Mồng tám tháng tư năm sau, cửa tháp bỗng nhiên mở toang, nghi dung của sư tươi tỉnh như người còn sống. Từ đó về sau môn nhân không dám đóng cửa tháp. Đời Tống, vua truy phong sư hiệu là Đại Y Thiền sư.

3. Vua ban sắc lệnh dựng tháp tại Đại Từ Ân: (Nhân Tý)

Năm thứ hai mươi hai, Thái Tông ngự tại Xuân cung. Hôm ấy trời

âm u, vua thấy đau ở lòng bàn tay, bèn hỏi tả hữu, tả hữu đáp:

- Ứng với điềm trước đây Thái tử cũng đau như thế này, liền nghĩ đến báo đáp trời xanh, gây trồng phước nghiệp. Thái tử liền sai hữu ty chọn đất và dựng chùa Từ Ân để cầu phước cho mẹ là Văn Đức Thuận Thánh Hoàng hậu. Chùa này gồm hơn mười viện, một ngàn tám trăm chín mươi bảy gian, độ hơn ba trăm Tăng, sắc phong Tam tạng Huyền Trang làm tòa chủ. Những việc thịnh trị đều có ghi đủ trong bia.

Niên hiệu Vĩnh Huy năm thứ ba, vua lấy vật dụng gấm lụa, của cải trong bảy cung của những Hoàng hậu đã mất rồi dựng tháp ở chùa Từ Ân. Nên tháp vuông vức bốn mặt, mỗi mặt rộng một trăm bốn mươi thước theo mô thức tháp như Tây Vực, cao năm tầng và một biểu tượng bánh xe pháp lộ thiên tròn, cao một trăm tám mươi thước. Trong mỗi tầng đều an trí xá-lợi, có đến cả vạn hột. Tầng trên cùng vua lấy đá dựng thành gian nhà quay mặt về Nam và dựng bia ở đó. Trong bia ghi lại hai bài tựa trong Tam tạng Thánh giáo do hai vua trước soạn do Thượng thư hữu bộc xạ Hà Nam Công và Chử Toại Lương viết.

Theo pháp chế của Tây Vực, tháp là phần mộ vuông vức phân làm bốn hạng. Luân vương tháp cao một tầng, Thanh văn cao bốn tầng, Độc giác cao mười hai tầng, Bồ-tát Như Lai cao mười ba tầng. Mỗi tháp đều nêu rất rõ.

4. Thiền sư Tuệ Khoan và chị là Tín Tương: (Quý Sửu)

Năm thứ tư, Thiền sư Tuệ Khoan tịch. Sư họ Dương, cha làm Đạo sĩ hiệu là Tam Động tiên sinh. Chị sư là Tín Tương sinh ra đã biết đạo, trọn ngày bà cứ tĩnh tọa thiền quán. Lúc năm, sáu tuổi sư thường cùng chị đàm luận toàn chuyện xuất thế. Gia thế sư theo Đạo, chỉ riêng sư không ưa. Cha Sư ép lạy Thiên tôn, Sư bất đắc dĩ quỳ xuống, tượng thiên tôn bằng sắt bỗng nhiên gãy đổ. Cả tộc đều kinh hoàng, nhân đó họ ghi lại những cuộc đàm luận của Sư và người chị.

Trước đây, Thiền sư Đàm Tướng ở chùa Long Hoài trước khi lâm chung dặn đệ tử là Hội rằng:

- Duyên chưa hết, ta sẽ thác sinh trong nhà họ Dương ở Miên trúc, Quảng Hán. Bảy năm sau ông đến đó gặp ta.

Đàm Tướng nói xong thì mất. Sau đó Hội cũng quên bẵng việc đó. Đêm nọ, Hội mộng thấy Đàm Tướng trách mình bội ước, Hội thất kinh tỉnh mộng liền đến đỉnh ngọn Miên Trúc gõ cửa nhà họ Dương. Nghe gõ cửa, Khoan hỏi:

- Ai gõ cửa thế?

Hội liền đáp:

- Là con, Hội đây.

Khoan cười hỏi:

- Sao ông biết là ta mà xưng con?

Hội đáp:

- Nghe giọng của thầy chẳng khác gì ngày xưa.

Thế rồi Khoan cho Hội vào gặp. Cha của Khoan bèn đem những gì mình ghi chép được khi sư và Tín Tương đàm luận đưa cho Hội xem, thì ra đó là Đại Trang Nghiêm luận... Hội liền thỉnh Khoan về lại chùa Long Hoài và thế phát. Từ đó những việc thần dị của sư ngày càng thấy rõ, người ta tôn xưng ngài là Thánh Hòa thượng.

Người chị của sư là Tín Tương cũng xuất gia luôn. Lần nọ, có một dị Tăng nhập định trong chùa Tịnh tuệ, cả ngôi chùa lửa hồng sáng rực, mà chẳng người nào biết do đâu. Tín Tương nói:

- Đó là Tôn giả Hỏa Tụ nhập Hỏa quang Tam-muội.

Nhân đó bà vào chùa nhập Thủy quán Tam-muội, cả chùa bỗng ngưng thành nước trong suốt, chỉ thấy nước mà chẳng thấy người. Dị Tăng khâm phục cho rằng bà đã chứng quả. Thời bấy giờ người ta tôn xưng bà là Thánh Ni.

Tuệ Khoan mười đời làm đại Tăng, nay là lần thác sinh thứ mười. Đế vương của nhiều triều ban thụy hiệu cho sư mỗi đời mỗi khác.

5. Tăng ở Thiên Trúc gởi thư cho ngài Huyền Trang:

Giáp Dần: Trong năm thứ năm, chùa Ma-ha Bồ-đề ở Thiên Trúc sai Tăng đem thư và phẩm vật sang cúng dường ngài Huyền Trang. Trong thư viết:

"Trụ trì chùa Ma-ha Bồ-đề cùng chư vị đa văn kính nhiễu quanh tòa kim cang của Đức Thế Tôn Kiết Tường vi diệu. Thượng tòa Tuệ Thiên tôi kính thư đến Mộc-xoa A-giá-lợi-da, người thấu tận diệu nghĩa của vô Lượng Kinh Luật luận tại nước Ma-ha Chi-na, kính vấn ngài ít bệnh ít não. Tỳ-kheo Tuệ Thiên tôi đã tìm được những bài tán tụng về đại thần biến của Phật và các bộ kinh luận khác, nhờ Tỳ-kheo Pháp Trường mang qua, cúng dường cho Vô Lượng Đa Văn Trưởng lão Đại đức A-giá-lợi-da.

Đại sư Trí Quang cũng gởi lời vấn an ngài. Ưu-bà-tắc Nhật Thọ xin đê đầu đảnh lễ, gởi cúng ngài một đôi Bạch điệp (vải bằng tơ trắng) để tỏ lòng nhớ mong ngài. Đường xá xa xôi không thể mang nhiều, mong ngài nạp thọ. Ngài cần những kinh luận gì thì ghi tên ra gởi qua

đây, tôi sẽ sao chép gởi qua cho ngài, mong Mộc-xoa A-giá lợi da liễu tri".

Khi Pháp Trường cáo từ trở về, Huyền Trang gởi thư phúc đáp cho Trưởng lão Trí Quang. Thư nói:

"Năm trước tôi đi sứ về, nghe tin Đại sư Chánh Pháp Tạng vô thường, lòng tôi thương kính, nhớ tiếc khôn nguôi. Than ôi! Thuyền trong biển khổ đã chìm, mắt của trời người đã nhắm. Nỗi đau xé lòng không sao nói hết.

Xưa bậc Đại giác thâu thần, tổ Ca-diếp nối tiếp dòng Thánh. Tổ Thương Na quy tịch có Tôn giả Cúc-đa kế tiếp xiển dương diệu nghĩa. Ngày nay Pháp sư kế thế gánh trách nhiệm này. Ngưỡng mong với tài văn chương biện bác tuyệt vời của ngài sẽ làm cho dòng pháp chảy tràn khắp bốn biển. Phước trí trang nghiêm mãi trường tồn như năm núi. Trang tôi đã dịch được Du-già Sư Địa luận... Cả thảy hơn ba mươi bộ, ngay hôm đó thiên tử Đại Đường là bậc thánh muôn phước đứng đầu muôn dân, đã dùng cái nhân từ của Luân vương khai mở đạo mầu Phật pháp, và những bộ Kinh Luan tôi đã dịch, được thiên tử viết cho lời tựa, rồi lệnh cho quan lại sao chép lưu hành khắp nước. Những quốc gia lân cận cũng đều làm như vậy. Dù ở cuối thời Tượng pháp, nhưng giáo pháp vẫn bừng bừng tỏ rạng, chẳng khác nào trong Thất-la-phiệt trong rừng Thệ-đa.

Cúi mong Đại sư liễu tri, lần ấy lúc về, khi qua sông làm mất một hòm kinh, nay xin kể tên ra đây, lúc nào thuận tiện mong Đại sư gởi qua cho. Đồng thời tôi xin gởi cúng dường ngài một số phẩm vật, mong ngài thọ nhận".

Trong năm này, vua đặc biệt xuống chiếu chỉ, độ Sa-di Khuy Cơ làm Đại tăng, cho vào chùa Đại Từ Ân, cùng tham gia dịch kinh chỉnh nghĩa. Ngài họ Uất Trì, quê ở Đại quận, là cháu của Ngọc quốc công Kính Đức, con của Hữu Kim Ngô vệ tướng quân Kính Tông. Mẹ ngài họ Bùi, lúc bà mang thai, thấy mình cầm mặt trăng và nuốt, nhân đó mang thai ngài. Đêm ngài chào đời, ánh sáng lạ chiếu sáng cả nhà. Lúc sáu tuổi ngài đã biết viết sách. Hồi ấy, Pháp sư Huyền Trang từ Tây Vực về có dẫn theo một đứa bé trông rất khôi ngô tuấn tú, nhân đó dẫn thẳng đến chỗ Kính Tông, Kính Tông bèn gọi ngài ra chào hỏi. Huyền Trang bảo ngài hãy đọc lại binh thư mà ngài đã soạn, có đến mấy ngàn lời. Lúc ấy Huyền Trang đưa mắt nhìn đứa bé. Đến khi ngài đọc xong. Huyền Trang vờ nghi hoặc ngài bèn nói:

- Đó là cổ thư mà thôi.

Kính Tông không tin, Huyền Trang bèn sai đứa bé Tây Vực đọc lại, đứa bé đọc chẳng sai một chữ, Kính Tông nổi giận, cho rằng ngài ăn cắp cổ thư, đáng tội chết không thể tha. Huyền Trang bèn xin cho ngài xuất gia. Ngài nói:

- Cho tôi ăn bữa cơm thịnh soạn của vua quan lần cuối, thì tôi xuất gia, bằng không tôi thề chết dưới lưỡi kiếm chứ không chịu chết đói.

Huyền Trang mến chí khí của ngài nên đồng ý. Sau đó ngài xuất gia, những bộ sớ ký ngài đọc qua một lần là nhớ vanh vách, hiểu ngay được nghĩa lý. Ngài rất giỏi về Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Về sau được tham gia dịch kinh, theo ngài Huyền Trang học tông chỉ của Du già, Duy Thức. Ngài viết có đến trăm bộ luận. Thời bấy giờ người gọi ngài là Bách Bản Luận sư. Bản tánh của ngài hay hào kiệt, rộng rãi, khi đi thường dùng ba cỗ xe, nhân đó người ta cũng gọi ngài là Tam Xa Pháp sư.

6. Pháp sư Tuệ Lập bác bỏ luận của Lã Tài. (Kỷ Mão)

Tháng năm năm thứ sáu, Pháp sư Huyền Trang dịch xong Nhân Minh luận, Sa-môn Thần Thái... tạo nghĩa sớ nhằm giải thích rõ thêm. Pháp sư Thê Huyền đem bộ luận này cho Thượng Dược Phụng Ngự Lã Tài xem. Tài là người có tay nghề cao, nên phần nhiều chê bộ luận, bèn soạn Nhân Minh Chú giải Phú Nghĩa Đồ. Những người cạn cợt thì tin Lã Tài, cho rằng Tài lập luận đúng.

Tháng bảy, dịch kinh Pháp sư là Tuệ Lập gởi thư cho Tả bộc xạ Vu Chí Ninh và vạch trần sai lầm của Tài. Trong đó viết:

"Tôi nghe chư Phật lập giáo, lời văn thâm sâu, nghĩa lý u huyền, bao la như trời cao, mênh mông như biển cả. Bàn về tánh tướng của chân như thì hàng Thập địa vẫn còn mù mờ, nói về nhân duyên của loài cỏ dại, thì người chứng vô sinh vẫn còn chưa biết, huống gì những kẻ còn bị trói chặt trong lưới Bát tà, còn bị trầm luân trong dòng Tứ đảo, mà lại muốn nghiên cứu đến Nhân, Tông, biện luận nêu tỏ lý này e rằng quá nhầm lẫn vậy.

Từng thấy Đại sư dịch kinh Tuệ Cơ tại chùa Đại Từ Ân vốn là người có trí lực từ lâu tu hành thanh tịnh. Ngài nắm rõ tánh của ngọc khuê ngọc chương, biết rõ tánh của cây tùng cây bách, đích thân qua đất thánh tìm học những lời nhiệm mầu này, gói Tam tạng trong lồng ngực, nắm Tứ Hàm trong lòng bàn tay, nối tiếp thanh quy của những tiền nhân, phát huy quỹ phạm cho hậu học. Ngài quả thật là tàu thuyền của thế tục, là gương sáng trong rừng thiền. Những Thánh giáo mà ngài

đã dịch đến hơn ba trăm tập. Trong đó có bộ luận nhỏ là Nhân Minh. Nội dung bản luận tuyên thuyết chỉ quy của vấn nạn, nêu bày cách thức xô tà. Dù chưa phải là yếu diệu của huyền môn, nhưng không phải là cái thấy biết hỗn tạp.

Gần đây tôi nghe Thượng Dược Lã Phụng Ngự đem cái biết của người tầm thường hủy báng thuyết của những bậc cao minh, soạn Nhân Minh Đồ Thích Tông Nhân Minh Nghĩa. Nội dung vốn đã không chính xác lại dựng lập thêm những dị đoan hồ đồ tìm thấy thanh danh, xuyên tạc một cách sai lầm, bài xích chánh thuyết của bậc Cao đức, đề cao tâm ngã mạn của mình, tự khoe khoang trước công khanh, khoác lác trong làng xóm mà chẳng biết hổ thẹn, chẳng từ mệt nhọc. Nhiều lần thay đổi cái nóng lạnh mà tâm vẫn chưa thỏa nên Phụng Ngự lấy việc làm nhỏ nhoi của thế tục rồi cho mình là người thấu rõ chân tông, thì có khác gì con chuột nhắc thấy cái chõ nung leo lên được rồi cho rằng sóng cả bơi qua không khó, khác gì con ngao, con nhện thấy rừng gai dễ đi quanh rồi cho rằng có thể đi khắp cả ngàn dâu. Nếu không lượng được bến bờ thì có khác gì đây đâu. Huống gì kẻ nói to phải làm như vẻ lí nhí, kẻ biện luận giỏi phải làm như ấp úng. Vì thế mà ngài Tịnh Danh không mở miệng ở thành Tỳ-da, Ni phủ đức cao nên thật thà trong Hương Đảng, chứ chưa từng nghe kẻ tự kiêu ngạo khoe khoang mà được kẻ sĩ đề cao tín ngưỡng”.

Khi Tuệ Lập gởi thư này thì mọi việc có phần lắng xuống.

Tháng mười mùa đông, Thái Thường bác sĩ Liễu Tuyên thấy sự việc lắng xuống bèn viết thư gởi kệ cho các vị Đại đức dịch kinh mong giải quyết xong việc này. Bấy giờ Pháp sư Minh Tuấn cũng trả lời lại bằng thư và kệ, lời lẽ hết sức tôn nghiêm để răn dạy Lã Tài phỉ báng bậy bạ. Liễu Tuyên nhận được thư liền hạch tội của Lã Tài rồi bẩm báo lên vua. Vua hạ chiếu chỉ triệu tập công khanh học sĩ dẫn Tài đến chùa Từ Ân tạ lỗi và nghe Pháp sư chỉ dạy. Nghe xong Tài lạy tạ rồi ra về.

7. Lập ra quan giám hộ cho việc phiên dịch kinh điển:

Bính Thìn: Đổi niên hiệu Hiển Khánh. Tháng giêng, lập Vương Hoằng làm Hoàng Thái tử. Ngày Bính Dần thiết trai hội tại chùa Từ Ân cúng dường năm ngàn Tăng, vua sai Hoàng môn Thị lang Tiết Nguyên Siêu đứng ra lo liệu. Nhân đó Siêu hỏi Pháp sư Huyền Trang về cách thức dịch kinh của những triều đại trước thế nào. Ngài đáp:

- Thời Hán Ngụy quá xa không thể rõ được, còn từ Tấn, Tống trở lại đây việc dịch kinh đều có các quan giám duyệt, chỉnh sửa. Vì vậy

thời Phù Kiên, ngài Đàm-ma-nan-đề dịch kinh có Hoàng môn Triệu Chỉnh chấp bút. Thời Diêu Hưng, ngài Cưu-ma-la-thập dịch thì có Hưng và Diệu Tung chấp bút. Thời Hậu Ngụy, ngài Bồ-đề-lưu-chi dịch có Thị trung Thôi Quang chấp bút. Đến đời Lương, Trần, Chu, Tùy cũng đều như vậy. Trong niên hiệu Trinh Quán ngài Ba-phả-na-la dịch kinh, tiên đế cử Triệu Quận Vương Hiếu Cung, Đảm Sự Đỗ Chánh Luân làm giám hộ. Còn như nay, đặc biệt thiếu chức quan này. Hơn nữa chùa Đại Từ Ân là ngôi chùa trang nghiêm, rộng lớn, đồ sộ xưa nay ít có, nhưng vẫn chưa dựng bia. Bần đạo lo nghĩ mãi đến hai việc đó, xin ngài bẩm báo Hoàng thượng.

Nguyên Siêu bẩm báo vua, vua đồng ý cho tiến hành.

8. Vua viết văn bia trong chùa Đại Từ Ân:

Ngày Nhâm Thân trong tháng này, vua triệu tập quần thần, sai Trung Thư Lệnh Thôi Đôn Lễ tuyên chiếu rằng:

"Pháp sư Huyền Trang ở chùa Đại Từ Ân phiên dịch Kinh Luận văn nghĩa rất tinh tường, nay lệnh cho tả bộc xạ Vu Chí Ninh, Lại bộ thượng thư Lai Tế, Lễ bộ thượng thư Hứa Kính Tông, Hoàng môn thị lang Tiết Nguyên Siêu, Trung thư thị lang Lý Nghĩa Phủ, Đỗ Chánh Luân, đồng xem xét. Nếu chỗ nào không ổn, thì tùy theo đó mà nhuận sắc.

Bãi triều, vua sai Nội cấp sự Vương Quân Đức đến báo với Pháp sư Huyền Trang:

"Thánh thượng phái người trợ giúp cho việc dịch kinh, đã phân việc hết cho những người như Vu Chí Ninh... Còn văn bia trong chùa Đại Từ Ân, Hoàng thượng sẽ đích thân viết. Ý Pháp sư thế nào xin đến để bẩm báo".

Huyền Trang phụng chỉ, liền dẫn chúng Tăng vào triều dâng biểu trần tình. Sau đó không lâu, Cao Tông đã tự tay soạn xong văn bia, sai Trường Tôn Vô Kỵ đưa cho công khanh xem. Trong ấy nói:

"Từng nghe trước khi trời đất hình thành, trước lúc vạn vật sinh sôi, thì đất dày chuyên chở mọi loài, trời cao che chở muôn vật. Thế nhưng Nhị diệu chói lòa đâu thể lường được, muôn vật đầy ắp, bốn bể nối liền, lẽ đâu thấu được cái tận cùng của sóng cả. Huống gì pháp môn rỗng rang, vắng lặng ra đời trước cái bất diệt, quỹ phạm của Thánh giáo vượt ngoài cái hữu hình vô hình. Thế nên đạo ngời sáng nhiều kiếp, hóa hợp với sinh linh. Khởi nguồn từ vương cung, bước đi trên hoa sen, thần quang ngời sáng. Diễn đức âm ở Lộc uyển, hội đại sĩ nơi long

cung, chỉ bày phước tội cho quần sinh, mở lối sinh diệt cho nhân loại, hay làm cho kẻ phàm ngu ôm mối đạo. Bản thân ngài phơi xương nơi rừng lạnh được bậc hiền triết khâm ngưỡng, xả thân cầu đạo nơi Tuyết sơn để khai thông dòng pháp, làm lạnh nhà lửa, diệt trừ nóng bức. Mặt trời trí tuệ lên cao biến bóng tối ngàn đời thành sáng rỡ. Trước đây trẫm xem qua sử sách, nghiền ngẫm đạo nghĩa, việc trồng phước trong vĩnh kiếp đâu chỉ riêng gì Phật giáo. Văn Đức Hoàng thái hậu nhờ cây Kha quỳnh mà phước thông đến suối vàng. Đức sáng đến Đồ sơn, đạo soi đến Quy nhuế, nét son lưu truyền rạng rỡ đến tám phương, buông giáo huấn trong cung sơn, mở tinh hoa trong muôn thuở. Nhờ đó mà mặt trời tỏa rạng lấn cả trăng sao, mãi tụ điềm lành, đất liền một dải muôn vật sinh sôi. Nâng hộp son mà tăng nguồn cảm, nhìn núi cao mà bước đi xa. Trọng Do ta thán với chức quan ngàn hộc, Ngu Khâu nuối tiếc vì ba lỗi lớn. Ngôi vua của trẫm thật suông sẻ từ đầu đến cuối nên ghi lại hoài bão trong lòng, dựng lập ngay đất vàng này. Lại ngược với Bân, Giao, trồng cây vải trong ngàn trang trại; lại đến Chung, Nhạc dựng đài sen trên núi cao trăm nhận. Bên trái nhìn tám sông, tiếp giáp sông ngòi mà phân ranh giới, bên phải nói liền chín đường lớn bay bổng lên tiếp giáp với mây trời, trùm khắp đất mầu của thiên phủ, bao quát đất lành của Thượng kinh. Dấu tích vàng son lan tận miền xa, lầu các đền đài vượt lên cao vút. Lồng lộng ngút ngàn, rọi soi nhật cung sáng rỡ; trắng trong sáng sạch chiếu soi nguyệt điện chói lòa. Hương thơm vượt hẳn hoa lan, rực rỡ ngang hàng ngọc tía, phảng phất hương quế khắp núi non, ngan ngát vị ngọt khắp làng mạc. Đèn đuốc sáng rực nơi phồn hoa, ngọn lửa nâng cao chí thanh cao trong lòng; tràng phan treo khắp Bảo sát, tơ lụa vây quanh, sắc màu rực rỡ ngoài trời; đua nhau lên bệ rồng, ngậm văn chương mà gởi ngọc, nhẹ nhàng cuốn rèm, phủ sắc diện mà kết châu, rực rỡ tựa ráng chiều dưới chân núi, biếc xanh như sương khói trên ao đầm. Tiếng ngọc hợp vận với Tiêu, Chung; hòa khí phân âm cùng Chấn, Phạn; lẽ đâu thấy hương thơm ở Tiêu cung lại hổ thẹn với phồn hoa mỹ lệ, thấy gió hiu hiu ở cửa Tiên lại thẹn với văn vẻ mỹ miều.

Pháp sư Huyền Trang thật là bậc kỳ tài trong Phật pháp. Ngài thâm hiểu sâu xa như gió thơm thổi mát rừng tùng, với trí năng siêu việt như ráng chiều nhuộm đỏ nơi xa. Trí xét cổ soi kim chấn động cả nhân sinh, sự khẩn thiết trong lòng cống hiến cho hậu học. Ngài là con người siêu xuất cả thời đại, thấy suốt cổ kim, danh thơm ngàn đời, đem ánh sáng của Đồ Trừng, La-thập làm thuần phong để thay cổ đổi kim. Ngài thương những kẻ mê mờ trong đêm dài, đau xót những lý mầu mãi bị

che lấp, nên một mình qua xứ khác học khắp lý huyền. Ngài ra khỏi đất Hán, chấn tích khắp núi sông, vượt qua biển lớn, đạp cả sóng to, chịu đủ gió sương, vượt bao hiểm nạn. Một mình nơi đất khách, chỉ một chiếc y tránh gió nơi Tuyết lãnh, dãi dầu nơi đồng hoang phải chịu đói khát nơi sa mạc. Đường xa thăm thẳm, bóng trăng soi tưởng chừng có hai người, vượt qua núi cao, đến sáng ra mới hay chỉ một mình. Ngài thấu tận diệu cảnh, nghiền ngẫm chí chân, đặt tâm trong cửa huyền, soi cùng đến diệu lý. Thông suốt những điều mà người xưa chưa tỏ, thấu tận những gì mà người trước chưa nghe. Thế rồi ngài tìm cầu được kinh luận đem về nước, tiếp nối Thánh giáo đã dứt, đem những lời kệ nhiệm mầu ở Tây Thiên về bổ khuyết Thánh giáo trong nước. Lúc bấy giờ ngài để mắt trong nền linh, đặt tâm trong đất vàng, hoằng dương diệu nghĩa, hoa lá lại sum suê ở Kỳ lâm; rộng mở lý mầu sóng nước lại lắng trong nơi định thủy. Trẫm chí thành đặt tâm trong Bát chánh đạo, cung kính để chí trong Song lâm, là mong duy trì được phước vận, làm phước nơi cõi âm. Nguyện cầu Hoàng thái hậu tiêu diêu trong sáu cõi trời, thần vân du trước cùng khuyết, dứt nghiệp ở bốn châu, thần hồn về nơi tịnh cảnh. Thương thay! Đuốc ngọc dễ đổi, theo bốn mùa lạnh nóng; tên vàng khó giữ giữa sáu thời đầy vơi. Trẫm sợ rằng sóng dời đại thụ, biến biển xanh thành ruộng dâu. Địa thì có mà thế thì không, phá bờ cao thành hang trũng. Thế nên trẫm kính khắc trên đá quý nhằm nêu cao việc thật."

Ngày Canh Thân tháng ba, trăm quan dâng biểu tán dương ca tụng văn bia. Vua sai Lễ Bộ Thượng Thư Hứa Kính Tông đưa văn bia này cho Pháp sư Huyền Trang xem. Ngày Giáp Tý, ngài dẫn đồ chúng vào cung dâng biểu tạ rằng:

"Công lao tạo hóa nhờ gieo giống mà nảy mầm, đạo của Thánh nhân nhờ văn từ mà tỏ rõ. Thế nhưng họa ra Bát quái, buông lời giáo huấn vẫn bàn suông cái hữu hình trong vũ trụ, dựng hào phân tượng sự thật chưa vượt khỏi càn khôn. Đức của Phục Hy vẫn còn thơm trong tiền cổ, di phong của Cơ Hậu nổi bậc trong đời sau, lẽ đâu ngang hàng với công lao khai mở cho nhân loại ư. Xiển dương Bát chánh đạo để nêu tỏ tinh hoa, chứng đắc Tam minh mà dẫn dắt thế tục. Lý vượt ngoài trời đất, tình thoát khỏi trời trăng. Nếu so sánh hơn kém, thì đây quả là thịnh rồi.

Ngưỡng mong bệ hạ phước tộ theo vận, bệ rồng theo thời, hòa hợp bốn châu, nhân trùm chín cõi, đạo vượt cả tiền thánh, công dày hơn thần tiên. Giả sử thần có khả năng giáo dưỡng được sinh linh thì cũng nhờ phước trời mà có. Bệ hạ thương nhớ Hoàng thái hậu mà lập đàn

tràng, dựng tràng phan mà diễn xướng kinh luật, chẳng khác nào hoa trời buông xuống, văn sáng dâng lên, ngậm biển bút mà cai quát Long cung, đè rừng văn bao trùm Hạc thọ. Trong thì gồm thâu Bát tạng, ngoài thì trùm khắp Lục kinh. Sâu xa mà lại chính yếu, rộng lớn mà lại uyên thâm, khiến cho di tích ở Kỳ viên nhờ ý nghĩa quý báu mà càng cao, dư hương nơi Nại uyển nhờ ngôn từ châu mà bất hủ. Lẽ đâu chỉ có khen chê cảnh mộng, phân tỏ đường mê, hạn hẹp trong tứ thiên, gò bó trong tam giới thôi sao."

Huyền Trang nghĩ văn bia phải tự tay nhà vua viết nên ngài dâng biểu xin vua hạ bút. Lúc đầu vua không đáp ứng. Ngài xin tiếp, cuối cùng vua đồng ý.

Ngày tám tháng tư Huyền Trang dẫn hết Tăng Ni trong kinh thành, sắc đủ tràng phan, bảo cái, xe báu, hương hoa theo nghi thức Tây Thiên đến Phương lâm môn nghênh đón bài bia do vua chế tác. Vua sai cử nhạc Thái thường, nhạc của hai huyện Trường An, Vạn Niên cùng những công thần vương hầu thân thích đến nghênh đón. Hôm ấy trời mưa tầm tã. Đến ngày mười bốn mới nghênh đón được bia vào chùa.

Trong Cựu Sử Bản Kỷ ghi:

"Vua ngự ở lầu An Phước xem, Pháp sư Huyền Trang dùng nghi thức Thiên Trúc nghinh đó Ngự bia vào chùa Đại Từ Ân, đồ chúng nghênh đón đông vô kể. Vua nhìn thấy vô cùng vui mừng.

9. Pháp sư Huyền Trang cáo bệnh:

Tháng năm, Pháp sư Huyền Trang bị bệnh. Vua ra lệnh cho Thượng Dược Phụng Ngự Tưởng Hiếu Chương, Châm Y Thượng Quan Tông đặc trách xem bệnh. Lại sai sứ giả ở Bắc môn xem tình hình thế nào rồi báo cho vua biết.

Nhân đó, ngài trình bày việc tiên triều sắp xếp danh vị của Phật giáo đứng dưới Đạo giáo, và những năm cuối đời tiên đế có hứa sẽ sửa đổi lại. Thêm vào đó, đầu năm Vĩnh Huy vua ban sắc lệnh với những Tăng Ni phạm tội thật khó tha thì xử như thế tục. Ngài lo bệnh tật của mình sẽ mãi mãi không còn gặp mặt vua.

Phụ nội sứ nghe vậy bẩm báo, hôm ấy vua liền sai sứ đến báo:

"Những việc ngài trình bày như danh vị Phật giáo sau Đạo giáo của tiên triều sẽ điều chỉnh lại, còn việc xử Tăng Ni đồng với thế tục sẽ bỏ ngay. Thầy nên yên tâm dưỡng bệnh".

Nghe vậy bệnh ngài liền hết.

Tháng mười một, Thiên hậu lâm bồn, vua mời ngài vào cung cầu

phước. Sau khi sinh xong, ánh sáng thần kỳ sáng rực cả cung, từ dưới sân đình chiếu thẳng lên bầu trời, nhân đó đặt tên cho đứa bé ấy là Phật Quang Vương (tức Trung Tông). Hồi ấy có lần vua nói với ngài: Nếu sinh được con trai sẽ cho xuất gia. Đến lúc này ngài dâng biểu xin vua hứa khả, cho Phật Quang Vương xuất gia để tiếp nối Tam bảo. Vua đồng ý.

10. Vua xuống chiếu phân định Phật giáo, Đạo giáo:

Đinh Tỵ: Tháng hai vua xa giá đến Lạc Dương, xuống chiếu thỉnh Huyền Trang hộ giá. Tháng năm, ngài từ giã vua trở về Trần Lưu để cải táng cha mẹ. Vua ra lệnh cho hữu ty cấp cho ngài vật dụng an táng. Tháng sáu vua mời Pháp sư Tuệ Lập cùng Đạo sĩ Trương Tuệ vào cung để phân định giáo nào trước giáo nào sau. Đại thần đến chứng giám, lễ nghi đứng trước của Trương Tuệ bị bãi bỏ.

11. Thiền sư Pháp Dung ở núi Ngưu đầu:

Sư họ Vi quê ở Đình Lăng, Nhuận Châu. Năm mười chín tuổi, Sư học thông kinh sử, sau đó xem bộ Đại Bát-nhã mà thấu đạt lý chân không. Một hôm sư than: “Đạo Nho sánh đời chẳng phải là pháp cứu cánh, Bát-nhã chánh quán mới là thuyền bè xuất thế”.

Sư liền đến Mao sơn theo thầy xuất gia, sau vào tu trong động đá phía Bắc chùa U Thê trên núi Ngưu đầu. Khi ấy chim chóc tha hoa đến cúng dường sư.

Trong niên hiệu Trinh Quán, Tứ tổ Đạo Tín thấy núi này có khí tượng biết trong núi có bậc kỳ dị bèn đích thân đến tìm. Tổ vào chùa hỏi chư Tăng:

- Trong chùa có Đạo nhân không?

Tăng đáp:

- Hễ là người xuất gia ai chẳng phải là Đạo nhân.

Tổ hỏi:

- Người nào là Đạo nhân?

Tăng không trả lời được. Có vị Tăng khác nói:

- Cách núi này hơn mười dặm có Tăng Pháp Dung lười biếng thấy người chẳng đứng dậy chào, chẳng biết có phải là Đạo nhân không.

Tổ liền vào núi, thấy sư ngồi thiền trên tảng đá dường như chẳng để ý đến ai.

Tổ hỏi:

- Ông làm gì ở đây?

Sư đáp:

- Quán tâm.
- Quán là người nào? Tâm là vật gì?

Sư không đáp được liền đứng dậy hỏi:

- Thầy từ đâu đến, từng gặp Đại sư Đạo Tín chưa?

Tổ đáp:

- Chính là bần đạo.

Pháp Dung lạy tổ và xin tổ khai thị tâm pháp. Tổ dạy:

- Phàm trăm ngàn pháp môn đồng quy về tâm. Diệu đức như hà sa đều ở nơi nguồn tâm. Tất cả cửa ngõ giới định tuệ, thần thông biến hóa thảy đều đầy đủ, chẳng lìa tâm ông. Tất cả phiền não nghiệp chướng vốn tự rỗng rang vắng lặng. Tất cả nhân quả đều như mộng huyễn. Không có ba cõi để ra, không có Bồ-đề để chứng. Nhân cùng phi nhân tánh đều bình đẳng. Đại đạo rộng lớn thênh thang dứt bặt suy nghĩ. Pháp như thế này, nay ông đã chứng đắc, không hề khuyết thiếu, khác gì với Phật. Ông nên mặc tâm tự tại, chớ khởi quán hạnh, cũng đừng dứt tâm, chớ khởi tham sân, cũng đừng ôm lòng sầu muộn, thênh thang vô ngại, mặc ý ngang dọc, chẳng làm việc thiện, chẳng tạo việc ác, đi đứng nằm ngồi, mắt gặp muôn duyên thảy đều là diệu dụng của Phật, an lạc không lo buồn nên gọi là Đạo.

Sư hỏi:

- Tâm đã đầy đủ thì ai là Phật? Ai là tâm?

Tổ đáp:

- Chẳng phải tâm thì không hỏi Phật, đã hỏi Phật thì đều là tâm.
- Không cho khởi quán hạnh, ngay lúc cảnh khởi làm sao đối trị?
- Cảnh duyên không có tốt xấu, tốt xấu do tâm khởi, nếu tâm chẳng chạy theo tốt xấu thì vọng tình từ đâu khởi? Vọng tình đã không khởi, thì chân tâm tự tại biết khắp. Chỉ cần ông tùy tâm tự tại thì lo gì đối trị không được. Đó gọi là Pháp thân thường trụ chẳng hề biến đổi. Ta nhận pháp môn đốn giáo này từ Đại sư Tăng Xán, nay truyền trao cho ông. Ông nghe kỹ lời ta, nên trụ tại núi này, sẽ có năm đại sĩ đến nối tiếp ông giáo hóa.

Tổ truyền pháp cho sư xong liền trở về Phá Đầu sơn. Ngày hai mươi ba tháng giêng nhuần, năm Hiển Khánh thứ hai, Sư thị tịch tại chùa Kiến Sơ, thọ sáu mươi bốn tuổi, hạ lạp bốn mươi mốt, an táng tại núi Khê lung. Hôm ấy có đến hơn vạn người tống tiễn kim quan sư.

12 Tiến cử Tăng, Đạo cùng luận nghị: (Mậu Ngọ)

Tháng tư vua triệu Tăng, Đạo mỗi bên mười bốn người vào cung luận nghị. Đạo sĩ Lý Vinh dùng Bổn Tế để lập nghĩa. Pháp sư Nghĩa Bao bèn hỏi:

- Ông nêu Bổn Tế, là Đạo bổn ở trong Tế hay Tế bổn ở trong Đạo?

Vinh đáp:

- Đều được.

Bao hỏi:

- Nếu Đạo bổn ở trong Tế thì Tế là Đạo bổn, vậy thì khi Tế bổn ở trong Đạo thì Đạo là Tế nguyên phải không?

Vinh đáp:

- Cũng đều được cả.

Bao hỏi:

- Nếu Bổn Tế và Đạo tương phản nhau thì tự nhiên và Đạo cùng làm phép tắc cho nhau phải không?

Vinh đáp:

- Đạo theo cái Tự nhiên, Tự nhiên chẳng theo đạo.

Bao hỏi:

- Nếu vậy thì Đạo bổn ở trong Tế, thì Bổn tế không khởi nguyên từ Đạo rồi.

Thế là lập luận của Vinh rơi vào lỗi không vững. Vinh liền dùng lời khác giễu cợt Nghĩa Bao. Nghĩa Bao nghiêm sắc mặt nói:

- Lập luận trước Hoàng thượng là vạch rõ tà chánh để đáp ứng lòng thành của vua, lẽ đâu dùng lời lẽ bậy bạ khác làm hoen ố sự có mặt của vua ư? Vinh xấu hổ bái phục.

Vua tán thưởng Nghĩa Bao, cho Vinh lui ra rồi dẫn Hoàng Tích vào luận nghị tiếp với Nghĩa Bao. Đến tối thì bãi triều.

13. Pháp sư Huyền Trang dâng biểu xin về núi:

Năm này Pháp sư Huyền Trang dâng biểu xin lui về ở ẩn tại chùa Thiếu lâm ở Tung sơn để chuyên tâm dịch kinh. Vua xuống trác báo tin:

"Trẫm xem qua biểu tấu biết thầy muốn lui về ẩn cư chốn suối rừng. Noi theo dấu tích của Chi Độn, Tuệ Viễn mà dừng, để tâm nơi vắng lặng; làm theo quỹ phạm của Đồ Trừng, La-thập để rạng rỡ đời nay, kính ngưỡng di phong quy củ, đó là điều trẫm vô cùng kính chuộng. Trẫm vốn học Phật ít, thấy biết không cao sâu, nhưng theo cái thấy biết cạn cợt thì trẫm chưa từng thấy ai làm như vậy. Pháp sư dẫn dắt ba cõi,

hóa độ bốn loài, trí tâm sáng sạch, định ý vắng lặng, chẳng bị bụi của phàm tình ngăn che, lẽ đâu lại sợ sóng của tâm thức? An trụ ngay trong đạo đức, cần gì phải đến núi cao rừng rậm. Cái rỗng rang vắng lặng còn bỏ, lẽ đâu lại quyến luyến nơi thiếu thất quanh co. Mong rằng đọc những lời này mong thầy đừng xin đi nữa. Được như vậy thì triều đình đại an, chẳng những đáng quý đối với tiền hiền, kẻ thấy người nghe đều được lợi ích mà mới đáng là châu ngọc của thời nay".

Huyền Trang dâng tấu phụng tạ. Đại lược nói:

"Xưa Quý Trọng được vua Ngụy lễ lạy nhưng chỉ trừng mắt bỏ đi, Tuệ Viễn xem thường thư của Tấn Hậu mà được chu cấp lúa gạo, chứ thần chưa nghe người vừa từ chối vua lại bỏ luôn cái vắng lặng rỗng rang. Bệ hạ dạy rằng triều đình đại an, đó đủ thấy nhân chủ đã thông chân suốt tục, việc làm thì có, sở chấp thì không. Bệ hạ siêu xuất hơn Hy, Hiên; vượt xa hơn Tào, Mã."

Thời bấy giờ đạo đức của ngài Huyền Trang vang khắp thiên hạ. Vua có ý muốn cấm chỉ những kinh cũ, hoằng dương kinh mới dịch. Lúc đó Thiền sư Pháp Xung là người rất thông suốt tông chỉ của Lăng-già, lại là người được Phòng Lương Công rất kính trọng, nhân đó Thiền sư can ngài Huyền Trang rằng:

- Tôi nghe nhà vua muốn bỏ kinh cũ không cho Hoằng dương, điều này chưa thể được. Trước đây Pháp sư cũng nhờ những bộ kinh cũ này mà vào được đạo. Nay nếu bỏ cái cũ, chuộng cái mới, thì Pháp sư cũng phải trở lại như người chưa biết gì, rồi sau đó theo kinh mới này mà xuất gia, như vậy được chăng?

Huyền Trang nghe liền tỉnh ngộ và không xin đi nữa.

14 Lại tiến cử Tăng, Đạo cùng nghị luận: (Kỷ Mùi)

Năm thứ tư, vua lại triệu tập Tăng, Đạo tại cung Hợp Bích để nghị luận. Pháp sư Hội Ẩn lập nghĩa của Ngũ uẩn. Pháp sư Thần Thái lập nghĩa của Cửu Đoạn Tri. Đạo sĩ Lý Vinh, Hoàng Thọ chẳng hiểu được danh nghĩa, mờ mịt như đi trong biển mộng. Dù có đối đáp qua lại nhưng họ mang mang chẳng biết nơi quy thú. Vua sai Đạo sĩ lập nghĩa, khi ấy Lý Vinh lập nghĩa "Đạo sinh vạn vật". Pháp sư Tuệ Lập nói:

- Ông lập nghĩa "Đạo sinh vạn vật" chưa rõ đạo này hữu tri hay vô tri?

Vinh đáp:

- Con người theo đất, đất theo trời, trời theo đạo. Đạo vốn là phép tắc của trời đất, lẽ đâu lại vô tri.

Lập hỏi:

- Nếu là hữu tri thì đúng ra phải sinh thiện thôi thế tại sao lại sinh ác. Thiện ác thăng trầm, đã sinh một cách hỗn tạp như vậy, rõ ràng Đạo là vô tri rồi? Tôi xin đưa ra một bằng chứng thế này: Như thời thượng cổ, lúc chưa mở mang sao không sinh sớm đi, để đến ngày nay, con cái của những bậc minh quân giáo dưỡng muôn dân ban cho họ vinh hoa, an lạc, mà trước do sinh những kẻ như Cung Công, Xi Vưu, Kiệt, Trụ, U, Lệ tàn hại muôn dân? Trong hàng trung thần sao lại không sinh những hạng người như Tắc, Khế, Quỳ, Long, lại sinh những kẻ như Cận, Thượng, Tân, Mãn, siểm nịnh quốc quân khiến đất nước loạn lạc, nghiêng ngã. Trong loài chim sóc, sao không sinh những loài Kiết Tường như loan, phụng mà sinh những loài ác điểu như cú, vọ? Trong loài thú sao không sinh kỳ lân, hoa lưu mà lại sinh sài lang, lợn, nhím? Đến như cỏ cây đẹp xấu cũng không đồng. Đã sinh hỗn loạn chẳng phân biệt tốt xấu, thiện ác thì rõ ràng đạo vô tri không thể sinh ra vạn vật. Như vậy làm sao cho rằng trời đất lấy đạo làm phép tắc rồi sinh ra muôn vật?

Theo giáo lý cùng lý tận tánh của Phật Thế Tôn thì trời đất vạn vật là nghiệp. Do nghiệp lực nên chúng sinh nhận lấy quả báo không đồng. Nếu thiện nghiệp thù thắng, đất bằng lưu ly, đường đi bằng vàng ròng, cây báu che bờ, lá ngọc phủ sân, cam lồ no đủ, kết y làm tòa. Nếu ác nghiệp dẫy đầy thì đất bằng cát bụi, đường đi bằng ngói gạch, lúa thóc đỡ đói, áo gai che thân, đi trong bùn, ngủ trong mưa, thu hoạch dưới sương, cày cấy dưới nắng. Đó đều do nghiệp lực chiêu cảm chứ nào phải ai khác xui khiến, tâm ông mê mờ, không biết nói càn là do đạo sinh thật đáng thương!

Lý Vinh sửng sờ không đáp được. Tuệ Lập thừa cơ lung lạc Vinh. Vinh đành im lặng xấu hổ xuống tòa, rồi dẫn Hoàng Thọ lên tiếp tục đàm luận. Hoàng Thọ lập nghĩa của Lão Tử. Pháp sư Hội Ẩn nghĩ Lão Tử là tiên tông của quốc gia, vấn nạn tên ông sợ rằng bị xúc phạm nên Ẩn tâu:

- Hoàng Thọ thân can dự trong Hoàng Cân mà chẳng biết húy kỵ, trà trộn trong đám cáo chuột lại nương tựa tổ tông. Đất nước từ lâu thừa hưởng đức cao, bệ hạ là con cháu của Lão Tử, lẽ đâu có loại con cháu công khai luận bàn tôn húy của tổ tông với người khác. Đến như nghĩa lý nhiệm mầu trong năm ngàn lời ấy, Thọ cũng không nêu được mà chỉ nêu tên của Thánh nhân. Xét tội luận hình phạt thì Thọ đáng tội chết.

Vua lắc đầu nói:

- Đương nhiên phải lập nghĩa khác. Thọ đã gặp trở ngại, lúng

túng đến nỗi quên cả mưu tính. Dù cũng có đối đáp nhưng không có thứ lớp.

Vua cho bãi triều và nói:

- Trẫm xem hai bên luận nghị, tông chỉ cũng chưa rõ ràng.

Pháp sư Tuệ Lập liền nói:

- Hai bên luận nghị tông chỉ chưa rõ ràng, thật đúng như lời bệ hạ nói. Vậy tại sao chúng Tăng lập nghĩa, đạo sĩ chẳng biết được điều gì. Đã xấu hổ vì không đáp được nên liền nói càn, nói bừa. Đến như Hội Ẩn lập nghĩa của Ngũ uẩn, Hoàng Tích lại dùng danh nghĩa của ấm để vấn nạn. Ý chính của ấm là che đậy, nghĩa của Uẩn là tích chứa. Chẳng hạn sắc có mười một, thì nó tích chứa ngay trong chữ Sắc. Thức có tám loại, thì nó cũng tích chứa ngay trong chữ một ấy. Nêu cái chung để tóm thâu cái riêng nên mới dùng nghĩa của Uẩn. Nếu dùng danh nghĩa của Ấm để vấn nạn thì nghĩa lý hoàn toàn trái ngược.

Lại nữa, như Thần Thái lập nghĩa của Cửu Đoạn Tri, Đạo sĩ từ trước đến nay chưa từng nghe đến danh nghĩa của lập luận này. Người đối luận dù cũng lên tòa nhưng chẳng biết hỏi cái gì. Không biện luận được, cảm thấy xấu hổ liền chuyển sang vấn đề khác. Do đó mà tông chỉ không rõ ràng, làm luống phí sự hiện diện của bệ hạ. Lỗi ấy là do Đạo sĩ.

Yếu chỉ của Phật pháp, nhân duyên là quan trọng nhất. Thế nên nói: "Chưa từng có pháp nào mà chẳng do nhân duyên sinh". Chẳng hạn khi mắt thấy trụ cột trong điện này phải có đủ năm duyên. Một là tâm thức không loạn động; hai là con mắt không bị bệnh; ba là phải nhờ ánh sáng; bốn là cảnh ấy ở ngay trước mắt; năm là không có vật chướng ngại. Phải đầy đủ các yếu tố như vậy mới thấy được trụ cột. Giả sử con mắt bị mù, ánh sáng chẳng có, thì dù trụ cột bằng ngọc cũng không thể thấy được.

Lại nữa như lúa thóc, phải nhờ đất, nước, công sức con người mới nảy mầm. Mùa hạ phải cất trong chum lu, mùa đông phải chôn sâu trong đất. Duyên không đủ thì rốt cuộc không thể sống được. Con người cũng như vậy. Bên trong do nghiệp lực chiêu cảm làm nhân, bên ngoài nhờ cha mẹ làm duyên, thì thân này mới có. Nếu cha mẹ không thuận hòa thì rốt cuộc không sinh ta được. Đến như muôn loài chim thú cũng đều như vậy cả. Thế nên kinh nói:

"Vào sâu trong duyên khởi đoạn các tà kiến, nhờ trí tuệ của Phật mà thấu cùng thật tướng các pháp, nên được tôn xưng là Vô thượng Chánh giác, là thầy của trời người".

Những người ngoại đạo thì không cho là như vậy. Có người cho rằng các pháp vốn tự nhiên, tức giống chủ trương của Trang Lão. Có người nói vốn không có nhân. Có người nói do tạo tác từ trước. Thấy biết đó đều là tà tông, không thấu rõ bản thể của các pháp.

Đến khi lập nghĩa về Y tha, Biến kế và Viên thành thật thì vua chối từ đi ra khỏi cung. Lát sau vua sai Nội Cấp Sự Vương Quân Đức tuyên chỉ:

"Về nghĩa nhân duyên của các thầy rất hay, sao không luận bàn sớm".

Vương Quân Đức lại đến chỗ của Đạo sĩ tuyên sắc lệnh:

"Sao các người không học kinh Phật".

Bọn Đạo sĩ như Lý Vinh... Nghe vậy hết sức hổ thẹn, vô cùng ấm ức.

Trong năm này vua ban lệnh thỉnh Pháp sư Huyền Trang dịch kinh Bát-nhã tại cùng Ngọc Hoa, đến ngày hai mươi ba tháng mười niên hiệu Long Sóc thứ ba thì ngài dịch xong. Bộ kinh tổng cộng đến sáu trăm quyển. Ngài dâng cho vua xem. Vua vui mừng khen:

- Lâu nay vì việc quân nước nên trẫm chưa hề đọc đến. Nay thấy kinh Phật vĩ đại thế này đối với trẫm chẳng khác nào nhìn trời ngắm biển, chẳng lường nổi ý chỉ cao sâu. Đem so sánh với chín phái của Nho gia thì chẳng khác nào xoáy nước của sông sánh với bọt của biển cả. Thế mà người đời cho rằng Tam giáo như nhau, quả là nói càn.

15. Vua xuống chiếu buộc Tăng lạy tục, Sa-môn Đạo Tuyên dâng sớ. (Canh Thân)

Lúc đầu vua kính tín Tam bảo, về sau lại sinh ngã mạn. Ngày rằm tháng tư, vua hạ chiếu buộc Sa-môn phải lễ kính quốc vương cha mẹ. Sợ có điều sai lầm khiến Sa-môn dâng biểu tấu hoài, nên ngày mười sáu vua lệnh cho Hữu ty cùng bàn bạc cho kỹ. Ngày hai mươi mốt tháng này, Sa-môn Uy Tú ở chùa Đại Trang Nghiêm dâng biểu không lạy thế tục. Đến ngày hai mươi lăm Sa-môn Đạo Tuyên... dâng biểu không lạy thế tục cho Ung Châu Mục là Bái Vương Luân. Ngày hai mươi bảy Đạo Tuyên... lại dâng biểu cho Vinh Quốc Phu Nhân Dương Thị, đồng thời thuật rõ sự hưng suy của Phật giáo. Đại ý nói về sự hưng suy trong những triều đại trước, sau đó dẫn kinh văn nói về việc không lạy thế tục. Ngài dẫn:

Kinh Phạm Võng nói:

"Phép tắc của người xuất gia không lễ lạy quốc vương, không lễ

lạy cha mẹ, không tôn sùng lục thân, không lễ lạy quỷ thần".

Kinh Niết-bàn quyển sáu nói:

"Người xuất gia không lễ lạy người tại gia".

Tứ Phần Luật nói:

"Phật cho phép chư Tỳ-kheo lễ lạy lẫn nhau, chứ không được lễ lạy bất cứ người cư sĩ nào".

Kinh Phật Bản Hạnh quyển năm mươi ba nói:

"Vua Thâu-đầu-đàn cùng các quyến thuộc, bá quan lần lượt lạy chân Phật xong. Phật bảo: "Nay nhà vua có thể lạy Tôn giả Ưu-ba-ly cùng chư Tỳ-kheo. Quốc vương nghe Phật dạy, liền đứng dậy đảnh lễ sát chân năm trăm Tỳ-kheo. Những người mới xuất gia vua cũng theo thứ lớp mà đảnh lễ họ".

Kinh Tát Bà Giá Ni Kiền Tử nói:

"Nếu người hủy báng pháp của Thanh văn, Bích-chi-phật, cùng chê bai vấn nạn pháp Đại thừa đều phạm tội căn bản".

Rồi ngài thưa cùng công khanh tể tướng trong triều xin được dâng chiếu thư về việc buộc Tăng lễ lạy quốc vương, cha mẹ.

Ngài viết:

"Sự lý sâu xa, kẻ hiểu biết cạn cợt đâu thể lường được. Phàm dấu tích của người xuất gia được liệt ngang hàng với quy củ của Thánh nhân. Khoa nghi của chân tục, trăm vương đều như nhau. Can mộc ở đất Ngụy lớn tiếng chống đối mà gặp được Văn Hầu. Tử Lăng ở đất Hán chấp tay vái hoài mà tìm được Qang Vũ. Những người ấy đáng là đạo nhỏ mà họ còn mến chuộng những người tài cao, lẽ đâu Sa-môn chẳng buông thói tục lại bỏ những điều tốt đẹp sao".

Sa-môn Uy Tú... cẩn thận trích dẫn kinh Phật, cho rằng Sa-môn không nên quỳ lạy quốc vương, cha mẹ, vì chỉ làm thương tổn mà chẳng có lợi ích gì. Ngài cũng dẫn giống như Đạo Tuyên, lại dẫn thêm:

Trong Thuận Chánh Lý nói:

"Quốc vương đừng ép Tỳ-kheo lễ lạy".

Đại loại ngài viết:

"Giáo pháp huyền truyền sang phía Đông đã hơn sáu trăm năm. Đế vương của triều đại trước đều dựa vào kinh mà kính ngưỡng. Uy Tú... trộm nghe chân tục khác nhau, Sa-môn cắt đứt sự luyến ái hữu sinh, xiển dương lý huyền, ăn mặc khác thế tục. Mặc y phúc điền không lạy người thế tục. Lý thì đồng nhưng tình vượt xa, đạo giống nhau nhưng phép tắc khác hẳn. Cúi mong bệ hạ khuông chánh đạo mầu, nêu cao huyền chỉ. Nếu đã chuộng ở trong nước tức là đã thực hành ở trong nhà.

Đó đủ làm cho người xả tục không làm theo nghi thức của tập tục, người xuất gia đoạn tuyệt sự tôn kính kẻ tại gia, hộ pháp trồng phước không việc gì hơn đây. Được như vậy giáo pháp tự nhiên rõ ràng, ai nấy đều gắng sức. Thần đem hết sự thành khẩn dâng biểu tấu này".

Lúc bấy giờ chúng Tăng dâng biểu rất nhiều, vì sợ dài dòng nên không ghi lại hết. Việc này có nói rõ trong Hoằng Minh Tập.

Đến ngày rằm tháng năm, vua triệu tập bá quan văn võ tại Trung Đài bàn bạc việc này. Đạo Tuyên cùng hơn ba trăm Sa-môn ở Kinh ấp đua nhau dâng biểu trần tình. Sự việc rối bời chưa đi đến quyết định. Quan Hữu ty lần lượt dâng biểu cho vua xem. Một bên là Ty Thành Lệnh Hồ Đức Nghiệp cùng năm trăm ba mươi chín người khác dâng biểu đòi không lạy, một bên là Kiêm Ty Bình Thái Thường Diêm Lập Bổn cùng ba trăm năm mươi bốn người khác dâng biểu đòi phải lạy. Vua xem xong, xuống chiếu:

"Trẫm đã xem xét kỹ những ý kiến, xét kỹ sự tình, những bậc tiền triết vẫn đề cao việc này, hơn nữa từ trước vốn đã có. Nay đối với quốc vương thì khỏi lễ lạy, nhưng công lao dưỡng dục của cha mẹ cao sâu vô cùng, xin hãy làm gương, thiết lập kỷ cương. Từ nay về sau Sa-môn nên quỳ lạy. Người đứng đầu phải thi hành trước".

Đến ngày tám tháng sáu, Trưởng lão trong kinh ấp như Trình Sĩ Ngung... dâng biểu, đại lược nói:

"Di Phong cao thượng, nhân chủ vẫn không cho lạy mình, lẽ đâu chỉ lạy bề tôi. Còn như nhận cái nghi thức quỳ lạy, thần đã suy đi tính lại thấy không thể được. Thần mong nước không có hai sự tôn kính ấy, nên mở rộng thể thức này đến muôn phương. Sa-môn y cứ giáo lý lập thân hành đạo, không nên để tâm lo nghĩ chuyện riêng tư. Thần kính cẩn dâng tấu biểu".

Từ đó việc Sa-môn lạy thế tục mới chấm dứt.

- Tân Dậu: Đổi niên hiệu là Long Tường.

- Quý Hợi: Vua khổ sở vì bệnh phong, ủy thác chánh sự cho võ hậu.

*Giáp Tý năm mươi sáu: Đổi niên hiệu là Lân Đức. Võ hậu chuyên quyền.

16. Pháp sư Huyền Trang thị tịch:

Ngày năm tháng hai Pháp sư Huyền Trang bệnh nặng, sai đệ tử là Đại Thừa Quang ghi lại số kinh sách ngài đã dịch, tổng cộng gồm một ngàn ba trăm ba mươi lăm quyển. Trước đó ngài tạc tượng Di-lặc cao

mười câu chi. Đến lúc bệnh, ngài luôn miệng tụng:

"Sắc uẩn không nắm bắt được, thọ, tưởng, hành, thức không nắm bắt được, nhãn giới không nắm bắt được, cho đến ý thức giới cũng không nắm bắt được. Vô minh không nắm bắt được, cho đến Bồ-đề cũng không nắm bắt được. Cái không nắm bắt cũng không nắm bắt được".

Ngài lại sai đồ chúng xướng lời như vầy đến ba lần:

"Nam-mô Từ Thị Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nguyện con cùng chúng sinh mau chóng thấy được dung nhan ngài. Nam-mô Từ Thị Như Lai Hiện Trú Nội viện, nguyện khi con xả thân được sinh về nơi ấy".

Đồ chúng xướng xong, ngài nằm yên bên phải an nhiên thị tịch, thọ sáu mươi ba tuổi. Chiều hôm ấy, cầu vòng trắng bốn đường, xuất hiện từ Bắc xuyên thẳng qua Nam, đâm xuyên sao Tỉnh kéo thẳng đến ngôi tháp trong chùa Từ Ân. Vua nghe ngài mất thương khóc rất thảm thiết, nói với tả hữu:

- Trẫm đã mất vật báu của nước rồi.

Vua không thiết triều ba ngày. Từ lúc mất đến an táng, vua hạ năm lần ngự trát, sai ghi lại việc này trong sách sử, ân cần lo liệu việc tang. Khi ấy, có một dị Tăng cầm mạt hương chiên-đàn đến xin y theo cách thức của Thiên Trúc thoa trên nhục thân ngài. Đại Thừa Quang... cứ đóng mãi cửa tháp không muốn mở, vị Tăng ấy nói:

- Đừng theo ý chỉ của vua, nếu có gì tôi xin tâu vua rõ.

Thừa Quang mở tháp, nhan sắc của ngài vẫn như người sống, mùi thơm xông ngát. Vị Tăng ấy thoa hương xong thì biết đâu mất. Có người nói ông ấy là người ở Đâu-suất nội viện. Tháng tư vua sai làm y như việc trà-tỳ Thế Tôn, tẩm liệm ngài trong quan vàng quách ngọc dựng tháp ở Sản Đông môn. Đệ tử ngài như Thần Thái, Thê Huyền, Hội Ẩn, Tuệ Lập, Ninh Duệ, Nghĩa Bao, Đại Thừa Quang... đều là bậc long tượng.

17. Pháp sư Đạo Thế biện rõ chân ngụy trong Đạo kinh:

Đạo sĩ ở Tây Kinh quán như Quách Hành Chân, ở Đông Minh quán như Lý Vinh, Diêu Nghĩa Huyền, Lưu Đạo Hợp, ở hội Thánh quán như Điền Nhân Tuệ, Quách Cái Tông... , đem kinh sách bị mất mác của Đại giáo tu sửa lại, rồi lấy trộm kinh Phật, sửa văn đổi câu. Như lấy Nhân, Pháp, Danh, Số, Tam Giới, Lục Đạo, Ngũ Ấm, Thập Nhị Nhập, Thập Bát Giới, Tam Thập Thất Phẩm... Các pháp môn Đại Tiểu thừa cho vào trong kinh của Đại giáo, đồng thời sửa Trường An kinh, thành

Thái Thượng Linh Bảo Nguyên Dương kinh, sửa những kinh Phật khác lấy biệt hiệu là Thắng Mâu-ni kinh, hay Thái Bình kinh... Lại sửa luôn nghi thức tế tự rượu thịt, như dùng táo khô, nước thơm để mê hoặc người sau, làm trò yêu vọng. Sa-môn Đạo Thế dâng biểu thẩm định thật giả. Trong ấy nói:

"Trộm nghe Bạch mã về Đông, ba tạng lập nên phát xuất từ đây, Thanh ngưu về Tây từ đó có hai thiên. Trong ấy hoặc xiển dương lý huyền để khai hóa muôn dân, hoặc biện rõ lý rỗng rang mà cứu tế, muôn loài. Kiểm xét lại toàn bộ kinh luận rõ ràng như trong lòng bàn tay. Vì thế xiển dương tông chỉ trọn cả thời này. Thời đại phiên dịch Phật giáo rất rõ ràng, văn nghĩa minh bạch, muôn dân không nhầm lẫn. Còn như kinh sách của Đạo gia thì không phải vậy, chỉ có hai thiên Lão Tử mới đích thực do Lý Đam diễn xuống. Còn lại những kinh khác đều do phàm tình chế ra. Vì sao? Vì thời Tiền Hán, Vương Bao viết Động Huyền kinh. Thời Hậu Hán, Trương Lăng viết Linh Bảo kinh và Chương Tiếu... gồm hai mươi bốn quyển. Thời Ngô, Cát Hiếu tiên viết Thượng Thanh kinh. Thời Tấn, Vương Phù viết Hóa Hồ kinh, và Bào Tĩnh viết Tam Hoàng kinh. Đời Tề, Trần Hiển Minh viết sáu mươi bốn Bộ Hư kinh. Đời Lương, Đào Hoằng Cảnh viết Thái Thanh kinh và Chúng Tiếu Nghi mười quyển. Đời Chu Vũ Đế, Trương Tân Chi, Tiêu Tử Thuận, Mã Dực, Lý Vận lấy cắp hơn một ngàn quyển kinh Phật. Đời Tùy, Phụ Tuệ Tường sửa kinh Niết-bàn thành Trường An kinh. Trong Tiếu Đạo luận nói: "Đạo gia chú thích bậy bạ ba trăm năm mươi quyển của Chư tử rồi liệt vào kinh của Đạo gia.

Lại nữa, xét trong thời Hán Minh Đế, Chử Thiện Tín... thống kê Đạo kinh và sách Chư tử cả thảy ba mươi bảy bộ, bảy trăm bốn mươi bốn quyển. Đời Tấn, trong Cát Hồng Thần Tiên truyện ghi:

"Tất cả phép tắc độ thế tiêu tai của Đạo giáo gồm chín trăm ba mươi quyển, phù thư... bảy mươi quyển'.

Đời Tống, Thái Thỉ năm thứ bảy, Lục Tu Tĩnh trả lời Minh đế:

"Kinh thư của Đạo gia và các sách thuốc thang, kinh sách nhà Phật... gồm một ngàn hai trăm hai mươi tám quyển, trong đó một ngàn không trăm chín mươi quyển đã lưu hành ở đời, còn một trăm ba mươi tám quyển vẫn còn ở Thiên Cung."

Lại nữa, xét trong Huyền Đô Mục ghi:

"Lấy càn những thư tịch nổi tiếng như Nghệ, Văn, Chí rồi chú thích bậy bạ hơn tám trăm tám mươi bốn quyển cho là Đạo kinh".

Nay Huyền Đô Mục ghi:

"Theo họ Lục đời Tống đã nói thì cả thảy gồm sáu ngàn ba trăm sáu mươi ba quyển, nhưng chỉ mới hai ngàn không trăm bốn mươi quyển là có nguyên bản, còn bốn ngàn ba trăm hai mươi ba quyển vẫn chưa tìm thấy. Theo đó mà xét thì số mục có không ấy không giống nhau đủ thấy đều là hư vọng. Tăng thêm số lượng, thêm thắc từ chương, dựa vào kinh Phật rồi thay đầu sửa đuôi, lại cho đó là bậc nổi danh trong núi nói ra, hoặc cho là từ động tiên mang về. Thế tại sao chỉ một mình Hoàng Lĩnh biết, mà những người tài giỏi khác không thấy, sử sách không nghe, thư tịch không ghi. Xin hỏi những kinh sách của Đạo sĩ sau này là do Lão thị nói hay do Thiên Tôn nói thêm? Nếu là Lão Tử nói phải có tháng, xứ sở, thầy trò. Niên đại, năm tháng ấy là khi nào? Như đủ chứng cứ sao chẳng lưu hành? Nếu là vọng lập thì phải đốt đi. Ngưỡng mong đương kim Hoàng thượng minh xét".

Từ đó Quách Hành Chân... bỏ tà về chánh. Lời văn phát nguyện của ông có nói đủ trong Phật Đạo luận.

Bính Dần: Đổi niên hiệu là Càn Phong. Tôn Lão Tử làm Huyền Nguyên Hoàng đế. Lúa thóc năm tiền một đấu.

Đinh Mão: Phật giáo truyền vào Trung Quốc được sáu trăm năm. Năm này dùng lịch Lân Đức.

18. Luật sư Đạo Tuyên ở Nam sơn:

Sư họ Tiền, người ở Kinh Triệu, cha làm Lại Bộ Thương Thư. Mẹ sư nằm mộng thấy mặt trăng chui vào bụng mình mà mang thai sư. Bà lại mộng thấy Phạm Tăng đến nói:

"Đứa bé bà đang mang thai là Luật sư Lương Tăng Hựu".

Sư ở trong thai đủ mười tháng mới chào đời. Năm chín tuổi, Sư xem khắp sử sách, mười hai tuổi giỏi về văn chương thư pháp. Năm mười lăm tuổi sư thọ học với ngài Tuệ Quân ở chùa Phật Nghiêm. Năm mười sáu tuổi tụng kinh Pháp Hoa trong hai mươi ngày thì tỏ ngộ. Sư xuất gia năm mười bảy tuổi, hai mươi tuổi thì thọ giới Cụ túc với Đại sư Trí Thủ. Sư thường mang ba y bằng vải thô, thường ngồi, ngày ăn một bữa.

Vũ Đức năm thứ tư, Sư lại theo Đại sư Trí Thủ học Luật. Sư ưa thích Thiền định, muốn nhập thất tu thiền, Tuệ Quân nói:

- Giới thanh tịnh, định sáng suốt, tuệ mới có nơi nương tựa. Mới nghe Giới luật chưa thật thông thạo thì làm sao biết Trì, Phạm.

Năm thứ bảy, Sư qua ở tại Trữ Ma Lan Nhã thuộc Chung Nam và bắt đầu chế tác Hành Sự sao. Chánh Quán thứ tư, Sư hành trì Bát-nhã

Tam-muội tại Thanh cung tinh xá. Ba tháng sau rồng hóa thành hình người đến nghe Sư giảng. Có ông Sa-di tâm nhiễm ô lén nhìn phụ nữ, rồng nổi giận muốn giết, nhưng nhớ lời sư dạy liền bỏ ác tâm, phun hết nọc độc xuống giếng. Sau thưa với sư đừng uống nước giếng đó. Sư đến nhìn xem, thấy nước trong giếng sùng sục phun lên.

Sau đó sư hành trì Tam-muội này tại chùa Vân Tế, cả thảy đến hai mươi pháp hội như vậy, thường cảm được thiên đồng đến hầu hạ. Năm thứ mười chín, Sư cùng ngài Huyền Trang dịch kinh tại chùa Hoằng Phước. Sư là bậc Thượng thủ trong những người chấp bút, chỉnh văn. Vĩnh Huy năm đầu, Sư về lại Trữ Ma. Mùa xuân năm Càn Phong thứ hai, có Thiên nhân đến báo Sư rằng:

"Báo duyên của ngài sắp hết, sẽ sinh trong nội viện của Phật Di-lặc".

Ngày ba mươi tháng mười hai chúng Tăng thấy trên không trung phan hoa rợp trời, lại có mùi hương lạ, nhạc trời, chúng trời đồng thanh thỉnh sư về gặp Phật Di-lặc. Vua hay tin liền ra lệnh cho tự viện trong cả nước họa hình sư phụng thờ. Mục Tông làm bài tán:

Đời có bậc giác làm sứ Như Lai
Rồng quỷ quy phục thiên thần hầu hạ
Danh vang năm trời lời chấn vạn dặm
Điểu vàng lặn mất Phật nhật lên cao
Cúi đầu quy y khai chủ Luật tông.

Ý Tông ban sư hiệu là Trừng Chiếu. Những tác phẩm do sư san định, tuyển soạn như Tăng Giới Bổn một quyển (đến nay vẫn lưu hành), San Định Tỳ-kheo-ni Giới Bổn một quyển, Chú Tăng Giới Bổn ba quyển, Giới Sớ bốn quyển, Chú Yết-ma kinh hai quyển, Yết-ma Sớ bốn quyển, Hành Sự sao hai quyển, Tỳ-kheo-ni Sao ba quyển, Thập Tỳ-ni Nghĩa Sao ba quyển, Vọng Vật Khinh Trọng Nghi, Chương Phục Nghi, Quy Kính Nghi, Chánh Hạnh Sám Hối Nghi, Tân Học Giáo Giới Nghi mỗi loại một quyển, Pháp Hoa Nghĩa Uyển ba mươi quyển (đã thất lạc), Thích-ca Phương Chí hai quyển, Phật Đạo Luận Hành bốn quyển, Tục Cao Tăng Truyện ba mươi quyển, Hậu Tục Tăng Truyện mười quyển, Quảng Hoằng Minh Tập ba mươi quyển, Tam Bảo Cảm Thông Ký ba quyển, Thiên Nhân Cảm Thông Truyện một quyển, Đại Đường Nội Điển Lục mười quyển.

19. Vua xuống chiếu cho Tăng, Đạo định đoạt Hóa hồ kinh:

Mậu Thìn: Đổi niên hiệu là Tổng Chương. Vua xuống chiếu triệu

tập Tăng, Đạo tại điện Bách Phước cùng định đoạt thật giả của Hóa Hồ kinh, có trăm quan đến làm chứng. Pháp sư Pháp Minh được tuyển chọn vào tham dự, cùng thủ tòa của Tam giáo nghị luận. Ngài biết rõ thật giả liền vẹt chúng bước ra hỏi:

- Trong lúc Lão Tử hóa thành người Hồ rồi thành Phật, ông dùng Hoa ngữ giáo hóa, hay Phạn ngữ giáo hóa? Nếu dùng Hoa ngữ thì người Hồ chưa rành, tất phải dùng Phạn ngữ. Kinh này được truyền đến đây ắt phải phiên dịch. Tôi chưa rõ Đạo lưu cho rằng Hóa Hồ kinh này được dịch vào triều đại nào? Ai là người chấp bút chứng nghĩa?

Khi ấy cả chúng hội đều ngó người chẳng ai đáp được. Công khanh đại thần đều khâm phục câu hỏi đích đáng của ngài, họ vui vẻ ra về. Vua xuống chiếu thu thập tất cả Hóa Hồ kinh trong thiên hạ đem đốt không cho lưu giữ trong số lượng của Đạo kinh. Sau đó Hằng Ngạn Đạo ở Hằng đạo quán... ở Lạc kinh dâng biểu xin giữ lại. Vua hạ chiếu nói:

"Tam thánh đồng sáng, nguồn đạo cùng cao, lẽ đâu ta quên Lão giáo mà thiên trọng Thích giáo sao. Ý của trẫm muốn trong sạch Đạo giáo, trừ bỏ những điều dối trá. Lý trái sự ngược thì dù của mình cũng phải bỏ. Nghĩa hợp danh khế dù của kẻ khác nhưng tất phải ghi. Kể từ nay kinh tịch gì của Đạo gia ghi những điều có liên quan đến Hóa Hồ kinh đều phải trừ bỏ hết. Quan Hữu ty cần phải điều tra xem xét kỹ lưỡng.

Canh Ngọ: Đổi niên hiệu là Hàm Hanh.

Quý Dậu: Hoàng thượng được tôn xưng là Thiên hoàng, Hoàng hậu được tôn xưng là Thiên hậu.

Trong năm này, ngày tám tháng tư Hòa thượng Hoài Nhượng ra đời. Khi ấy có luồng khí trắng sáu đường xuyên suốt trên trời. Thái sử tâu với vua:

- Đây là khí tượng của người có đức, sau này sẽ xuất gia đầu Phật!

Vua hỏi:

- Người đó ở phương nào?

Thái sử tâu:

- Trong địa phận của An Khương.

Lát sau, Thái thú Kim châu là Hàn Hài dâng biểu tâu rõ việc ấy với vua. Vua nói:

- Đức của đạo nhân là sự vui mừng của quốc gia.

Rồi vua lệnh cho Hài đích thân đến thăm hỏi, đồng thời ban phát phẩm vật để nuôi nấng ngài rất hậu. Thế là cả nhà ngài đều hưởng ân

vua. Về sau ngài xuất gia, kế thừa tâm ấn của Lục tổ, trụ tại Nam Nhạc làm rạng rỡ giáo môn.

Giáp Tuất: Đổi niên hiệu là Thượng Nguyên.

20. Tổ 5: Đại sư Hoằng Nhẫn. (Ất Hợi)

Đại sư Hoằng Nhẫn thị tịch trong năm này. Sư họ Châu, quê ở huyện Hoàng Mai thuộc Kỳ châu. Vừa mới sinh ra đã là bậc kỳ vĩ. Thuở nhỏ có dị Tăng thấy sư liền khen. Đứa trẻ này thua Phật bảy tướng tốt.

Về sau sư gặp Tứ tổ Đạo Tín và được tổ truyền y bát. Sư kế tiếp giáo hóa tại núi Phá đầu.

Trong niên hiệu Hàm Hanh có cư sĩ họ Lư tên là Tuệ Năng từ phương xa lặn lội đến tham học. Sư hỏi:

- Ông ở đâu đến đây?

Tuệ Năng thưa:

- Ở Lãnh Nam.

- Đến đây muốn cầu việc gì?

- Chỉ cầu làm Phật.

Sư nói:

- Người Lãnh Nam không có Phật tánh làm sao thành Phật được.

Tuệ Năng thưa:

- Con người có Nam Bắc, Phật tánh lẽ đâu lại như vậy ư.

Sư biết Tuệ Năng là bậc pháp khí, liền giả vờ nạt:

- Lui ra nhà sau đi.

Tuệ Năng đảnh lễ Sư rồi lui vào nhà sau lãnh phần bửa củi, giã gạo.

Qua một thời gian sau, Sư biết thời cơ truyền pháp đã đến, bèn bảo chúng:

- Chánh pháp khó hiểu, không thể nhớ suông lời của ta rồi cho đó là việc của mình. Mỗi người các ông tùy ý viết ra một bài kệ, nếu nghĩa lý ngầm khế hợp thì ta truyền pháp cho.

Bấy giờ, trong chúng có hơn bảy trăm người, trong đó Đại sư Thần Tú là Thượng thủ, học thông cả nội điển ngoại giáo, chúng Tăng ai cũng kính ngưỡng. Thần Tú cũng nghĩ rằng chẳng còn ai trong chúng siêu xuất hơn mình, nên chẳng cần suy nghĩa, liền viết bài kệ lên vách phía Đông rằng:

Thân là cội Bồ-đề
Tâm như đài gương sáng
Luôn luôn siêng lau chùi

Chớ để dính bụi bặm.

Lúc đi ngang qua, Sư thấy bài kệ biết là do Thần Tú làm. Sư khen:

- Người đời sau nếu y bài kệ này tu hành cũng chứng được đạo quả.

Thế là cả đại chúng ai nấy đều đọc tụng bài kệ. Hôm sau, lúc Tuệ Năng đang giã gạo nghe bài kệ, ngài liền hỏi người đồng đạo:

- Bài kệ do ai làm thế?

Đồng đạo đáp:

- Hòa thượng muốn phó pháp nên sai mỗi người làm một bài kệ. Bài kệ này do Thượng tọa Thần Tú làm.

Tuệ Năng liền nói:

- Hay thì hay thật nhưng chưa liễu ngộ.

Đồng đạo nghe vậy nạt sư là người dốt nát bình phẩm xằng bậy. Đến tối ngài nhờ một chú tiểu dẫn lên vách phía Đông, ngài cầm đèn rồi nhờ chú tiểu viết bài kệ của mình bên cạnh bài kệ của Thần Tú. Kệ rằng:

Bồ-đề vốn không cội
Gương sáng chẳng có đài
Xưa nay không một vật
Bụi bặm bám vào đâu?

Sư thấy bài kệ thầm hứa khả, biết chắc do Tuệ Năng làm. Sư giả vờ bảo chúng:

- Người làm bài kệ này cũng chưa thấy tánh.

Thấy sư không hứa khả, đại chúng cũng chẳng ai để ý đến bài kệ. Ngay đêm đó sư ngầm sai người vào nhà trù dẫn Tuệ Năng đến chỗ của mình, và bảo Tuệ Năng:

- Chư Phật xuất thế vì một đại sự nhân duyên. Tùy căn cơ lớn nhỏ mà Phật giáo hóa họ, từ đó mới có các pháp Thập địa, Tam thừa, Đốn, Tiệm... làm giáo môn. Thế nhưng chánh pháp nhãn tạng vi diệu bí mật viên minh chân thật chỉ truyền cho Thượng thủ Ca-diếp. Cứ thế lần lượt truyền được hai mươi tám đời. Đến tổ Bồ-đề Đạt-ma chịu khó đến nước ta truyền cho tổ Tuệ Khả và lần lượt truyền đến ta. Nay ta đem chánh pháp ấy truyền lại cho ông, đồng thời truyền luôn y ca-sa để làm minh chứng. Ông phải khéo giữ gìn chớ để đoạn tuyệt. Nghe ta nói kệ:

Hữu tình đến gieo giống
Từ đất quả lại sinh
Vô tình đã không giống

Không tánh cũng không sinh.

Tuệ Năng nhận y bát xong, thưa:

- Pháp đã nhận rồi, còn y truyền cho ai?

Sư nói:

- Xưa tổ Đạt-ma mới sang đây, người ta chưa tin, nên mới truyền y này để chứng minh cho việc đắc pháp. Nay lòng tin của con người đã sâu, y là đầu mối của sự tranh chấp, nên đến ông thì dừng lại chớ truyền nữa. Vả lại ông phải ở ẩn đi đợi đến thời mới được hoằng hóa. Đó gọi là “Người nhận y như thân mạng treo đầu sợi tơ”.

Tuệ Năng hỏi:

- Con phải ở ẩn tại đâu?

Sư hỏi:

- Gặp Hoài thì dừng, gặp Hội thì ẩn.

Tuệ Năng đảnh lễ sư rồi mang y ra đi. Suốt đêm ấy ngài đi mãi về Nam mà chẳng ai hay biết.

Liên tiếp ba ngày, Sư không thượng đường. Cả chúng nghi ngờ liền đến thưa thỉnh. Sư nói:

- Đạo của ta đã đi rồi.

Chúng hỏi:

- Y pháp thầy truyền cho ai?

Sư đáp: - Tuệ Năng.

Chúng nhớ lại cư sĩ họ Lư tên Tuệ Năng, đoán chắc là người này liền dốc sức tìm, nhưng Tuệ Năng đã đi rồi.

Sau khi truyền pháp xong, bốn năm sau sư thị tịch, tháp được an trí tại Đông sơn. Đại Tông ban sư thụy là Đại Mãn Thiền sư, tháp hiệu là Pháp Vũ.

Cựu Đường sử chép:

“Cuối thời Hậu Ngụy có vị Tăng là Đạt-ma vốn là vương tử bên Thiên Trúc. Ngài nhường ngôi rồi xuất gia, chứng đắc diệu pháp của Thiền tông. Từ Phật Thích-ca, y bát được truyền dần xuống cho những người nối pháp. Đến Đạt-ma, ngài đem y bát này theo đường biển đến nước ta. Ban đầu ngài vào nước Lương. Lương Vũ đế hỏi ngài những việc hữu vi. Đạt-ma không vừa lòng bèn vào đất Thục ở ẩn tại chùa Thiếu lâm ở Tung sơn, rồi ngộ độc mà chết. Năm ấy, sứ Ngụy đi về gặp ngài ở Thông Lãnh, môn đồ mở tháp ngài xem thì chỉ thấy một chiếc dép mà thôi.

Đạt-ma truyền pháp cho Tuệ Khả. Khả có lần chặt tay mình để cầu pháp này. Rồi Khả truyền cho Tăng Xán, Tăng Xán truyền cho Đạo

Tín, Đạo Tín truyền cho Hoằng Nhẫn. Hoằng Nhẫn họ Châu, người ở Hoàng Mai, cùng ở chung với Đạo Tín tại chùa Đông sơn, nên thời bấy giờ người ta gọi pháp này là Đông Sơn Pháp Môn".

Luận rằng: "Cửu sử trình bày chư tổ tuy ngắn gọn nhưng cái chính rất khế hợp với những gì mà Bảo Lâm và Truyền Đăng ghi chép. Còn như nói, Đạt-ma ngộ độc rồi chết và sứ Ngụy gặp ngài ở Thông Lãnh, lẽ đâu có những chuyện ấy ư?"

Người ta nói tiền thân của Ngũ tổ vốn là Tài Tùng Đạo Giả, ông gặp được Tứ tổ và muốn truyền y bát nhưng lúc ấy tổ than:

- Ông già quá rồi, dù được kế thừa nhưng ông hoằng hóa có là bao lâu. Nếu ông tái sinh thì ta truyền cho.

Nhân đó Ngũ tổ thác sinh trong nhà họ Châu. Người con gái ấy không chồng mà bỗng có mang, bà gánh chịu không biết bao tai họa, chỉ có chết mới rửa được nỗi oan. Tứ tổ vẫn kiên nhẫn chờ đợi đến lúc ông lớn khôn rồi truyền đại pháp cho ông. Ôi! Tổ của ta vào sinh ra tử chẳng khác trò đùa. Nếu quả vị chẳng phải là Thượng thánh thì ai có thể làm được như vậy.

Bính Tý: Đổi niên hiệu là Nghi Phụng.

21. Tôn giả Phật-đà-ba-lợi:

Tôn giả Phật-đà-ba-lợi người Bắc Thiên Trúc đến Thanh Lương sơn ở Ngũ đài gặp một ông lão. Ông lão hỏi:

- Ông đến đây làm gì?

Lợi thưa:

- Muốn lễ lạy Văn-thù.

- Ông có đem Phật Đảnh Tôn Thắng Thần Chú đến không?

- Thưa không.

- Chúng sinh nơi này ác nghiệp dẫy đầy. Người xuất gia lại phạm tội tứ khí rất nhiều, không trì chú này, đi xa nào có ích gì. Ông có thể về lấy thần chú ấy lưu hành ở đất này được không?

Ba-lợi lạy ông già rồi quay về. Khai Diệu năm đầu, ngài đem thần chú đến Trường An. Vua hạ chiếu thỉnh Tam tạng Nhật Chiếu phiên dịch ra Hán ngữ. Vua nghe thần chú này linh nghiệm dị thường, nên giấu kỹ không cho lưu hành. Ba-lợi nhiều lần tâu xin, Cao Tông bất đắc dĩ mới cho. Lợi từ giã vua vào Ngũ Đài, sau đó chẳng ai biết ngài thị tịch ở đâu. Thời bấy giờ, ở Nam Thiên Trúc có ngài Bồ-đề-lưu-chi tu hạnh Đầu-đà, Chí học đạo với Tôn giả Da-xá-cù-sa. Ngài là bậc Tông sư của Tây Vực thanh danh chấn động đến Trung Quốc. Vua nghe rất

vui, liền sai sứ đi Tây Vực thỉnh ngài sang Trung Quốc.

Kỷ Mão: Đổi niên hiệu là Điều Lộ.

Canh Thìn: Đổi niên hiệu là Vĩnh Long.

Tân Tỵ: Đổi niên hiệu là Khai Diệu.

Nhâm Ngọ: Đổi niên hiệu là Vĩnh Thuần.

22. Pháp sư Khuy Cơ ở Từ Ân:

Pháp sư Khuy Cơ ở Từ Ân mất trong năm này, thọ năm mươi mốt tuổi. Vua vô cùng thương tiếc, tự tay viết bài tán bên bức chân dung ngài và ban sắc lệnh an táng ở Bắc Cừ, Phàn Xuyên gần mộ tháp của ngài Huyền Trang.

Tướng mạo ngài rất tuấn tú, cao tám thước, khí khái hơn người, cổ có ngọc chẩm, mười ngón tay đều có hoa tay xoáy tròn như cái ấn, ai thấy cũng trầm trồ thán phục. Ngài rất nhân từ hay chỉ dạy người khác. Về già, ngài tu hành nghiêm mật cầu sinh trong nội viện, lại giữ giới rất tinh tấn, từng tạc tượng Văn-thù bằng ngọc, chép kinh Đại Bát-nhã bằng mực trộn mạt vàng, đều có điềm lành ứng hiện. Hồi ấy, Luật sư Đạo Tuyên ở Nam sơn hoằng truyền giới luật, thanh danh vang khắp năm xứ Ấn Độ, cảm được chư Thiên dâng cúng thức ăn. Mỗi lần thấy ngài du ngoạn trên ba cỗ xe, Đạo Tuyên rất không ưng ý. Có lần ngài thăm Đạo Tuyên. Hôm ấy quá ngọ rồi mà chẳng thấy chư Thiên mang cơm đến. Đến khi ngài về thì Thiên thần liền giáng xuống. Đạo Tuyên trách thiên thần đến muộn. Thiên thần đáp:

- Tôi thấy Đại thừa Bồ-tát đứng đây, oai vệ quá nghiêm nên không biết vào lối nào.

Đạo Tuyên nghe vậy thất kinh. Từ đó xa gần đều rất tôn kính ngài.

Trước đó Pháp sư Huyền Trang là người đích thân nhận lãnh yếu chỉ Du-già Sư Địa, Duy Thức Tông do Đại sư Giới Hiền bên Tây Vực truyền trao. Ngài là người lãnh hội hết yếu chỉ ấy, lại thấy suốt được căn nguyên. Hậu học sau này tôn xưng ngài là bậc Thượng thủ của Tam thừa Pháp Tướng Hiển Lý Tông và gọi đó là Từ Ân giáo.

Ẩn sĩ Tôn Tư Mạc mất, thọ hơn một trăm tuổi. Mặc rất giỏi Trang Lão và những thuật như âm dương, tính toán và thuốc thang... lại rất tinh thông kinh Phật. Đời tôn xưng ông là Tôn Chân Nhân.

Quý Mùi: Đổi niên hiệu là Hoằng Đạo. Tháng mười một vua băng hà, ủy thác việc quân nước cho Thiên hậu trông coi. Thái tử Hiển lên ngôi.

23. Pháp sư Đạo Thế soạn Pháp Uyển Châu Lâm:

Pháp sư Huyền Uẩn mất. Uẩn tự là Đạo Thế, có thuyết nói tên là Đạo Thế, để tránh tên húy của Thái Tông nên đổi tên thành ra tự. Ngài thông suốt cả ba tạng, thường than tạng giáo và sử sách xưa nay rất nhiều, nhưng học giả rất khó tra cứu đầy đủ, nhân đó ngài soạn Pháp Uyển Châu Lâm gồm một trăm quyển. Trong ấy khai mở rất nhiều pháp môn, trí giả rất trân trọng tác phẩm này vì nó vừa chính xác lại vừa uyên thâm.

Cao Đế mất trong năm này, Trung Tông lên ngôi được vài tháng bị Thiên hậu phế xuống làm Lô Lăng vương, giam lỏng ở Phòng châu. Thiên hậu lâm triều giải quyết chánh sự. Đó là Tắc Thiên Hoàng đế tháng bảy năm sau, mười Sa-môn vào cung dâng vua bộ Đại Vân kinh, trong ấy tôn xưng Tắc Thiên rất đáng được làm Thiên tử. Tắc Thiên rất vui, ban thưởng áo gấm tía, bị đãy... đồng thời lưu hành kinh này khắp quận phủ trong nước mỗi nơi đều phải dựng chùa Đại Vân. Tháng chín, Tắc Thiên bỏ quốc hiệu Đường đổi lại thành Đại Chu, và tự xưng là Thánh Thần Hoàng Đế.

Giáp Thân: Trung Tông tên là Hiển, lên ngôi đổi niên hiệu là Tự Thánh, tháng hai đổi niên hiệu là Văn Minh. Trong tháng giêng lập Vi Huyền Trinh làm Hoàng hậu. Trung Tông nói: “Ta vì thiên hạ lấy Vi Huyền Trinh chẳng lẽ không đáng sao.” Tháng hai Thiên hậu phế Trung Tông xuống làm Lô Lăng vương lập em của ông là Duyện Vương Đán làm vua, nhưng cho ở riêng trong điện. Thiên hậu lâm triều giải quyết chánh sự.

24. Võ Hậu Tắc Thiên:

Võ hậu Tắc Thiên tên là Chiếu, lên ngôi đổi niên hiệu là Quang Trạch. Có thuyết nói:

“Thuận Thánh Chiếu là người ở Văn Thủy, Tịnh châu. Cha là Võ Sĩ làm quan đến chức Công Bộ Thượng Thư, Đô Đốc Kinh Châu, được phong làm Ứng Quốc Công. Thiên hậu có lần làm ni tu tại chùa Cảm nghiệp, lúc ấy mới mười bốn tuổi. Thiên hoàng có lần xa giá đến chùa gặp Thiên Hậu vua rất mến, bèn tuyển bà làm Chiêu Nghi. Sau tấn phong làm Thần Phi. Vua mất bà lên nhiếp chánh, lập những người trong họ Võ làm vương. Năm Giáp Thìn bà đại định được thiên hạ. Khi Thiên hậu lâm bệnh, Địch Lương Công, Nhân Kiệt... đón Lư Lăng Vương lên ngôi. Năm sau bà mất ở Thượng dương, thọ tám mươi mốt tuổi, an táng ở Càn lăng, trị vì được hai mươi mốt năm.

Ất Dậu: Đổi niên hiệu là Thùy Củng. Định chế việc để tang cho mẹ. Ngày xưa mẹ mất con chỉ để tang đúng một năm. Trong Thiên Tang Phục ghi:

"Trời không có hai mặt trời, nước không có hai vua, dân không có hai chủ, nhà không có hai cha, nên định chế để tang có một năm. Khi Thiên hoàng mới lên ngôi, Thiên hậu liền dâng biểu xin, cha còn sống thì để tang mẹ ba năm. Vua đồng ý, hạ chiếu ba hành, nhưng đến niên hiệu Thùy Củng mới biên nhập trong quy chế."

25. Bắt đầu Định Chế Mẫu Tang, dựng Minh Đường:

Bính Tuất: Thiên hậu giao triều chánh cho vua, vua chối từ, Thiên hậu lâm triều và bắt đầu dựng Minh Đường. Trong năm Trinh Quán thứ năm, vua muốn dựng Minh Đường liền ban lệnh cho Khổng Dĩnh Đạt... cả thảy mười người định nghi chế độ, nhưng quần Nho cố chấp bàn cãi mãi không đi đến quyết định bèn thôi. Đến Càn Phong thứ ba, vua hạ chiếu mời Nho gia luận nghị lại, nhưng cuối cùng cũng không được nên dừng lại. Đến Thiên Hậu, Thùy Củng thứ hai lại triệu tập Nho gia cùng bàn bạc đặc ra cách thức, đến ngày năm tháng giêng, Thùy Củng thứ tư mới xong. Cách thức này, Minh Đường cao hai trăm chín mươi bốn thước, bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc, mỗi bên dài ba trăm thước, có ba tầng. Nền dưới vuông vức, giữa có mười hai thần, bên trên có hai mươi bốn khí, dùng sắt đúc vòng cung, cứ hai mươi bốn bộ đào một con sông để khỏi ngập nước, lại sắm thuyền bắt cầu ăn thông với nhau. Cách thức này khác với những triều đại trước. Nhà Hạ gọi là Thế Thất, nhà Ân gọi là Thùy Ốc, nhà Chu gọi là Minh Đường.

26. Khánh Sơn bắt đầu xuất hiện:

Năm này có ngọn núi Kiết Tường lần đầu tiên xuất hiện. Trong Đường Ngũ Hành Chí ghi:

"Tháng chín năm Thùy Củng thứ hai, tại huyện Tân Phong thuộc Ung Châu có gió lớn sấm sét nổi lên và bất ngờ có một ngọn núi xuất hiện. Núi cao hai mươi trượng, xung quanh có ao, diện tích ba trăm mẫu. Trong ao có hình rồng phụng và những cây lúa nếp rất lạ. Thiên hậu cho là điềm thái bình nên đặt tên là Khánh sơn".

Kỷ Sửu: Đổi niên hiệu là Vĩnh Xương.

-Canh Dần: Đổi niên hiệu là Thiên Thụ. Ngày Tân Dậu tháng hai, Thiên hậu tổ chức cống sĩ thi cử tại điện Lạc thành. Thể thức thi cử có từ đây. Tháng chín đổi niên hiệu là Kiến Quốc, đổi quốc hiệu là Chu.

Ngày một tháng này dùng ngày tháng của nhà Chu.

Nhâm Thìn: Đổi niên hiệu là Như Ý, lại đổi thành Trường Thọ.

Giáp Ngọ: Đổi niên hiệu là Diên Tái.

Ất Mùi: Đổi niên hiệu là Chứng Thánh. Tháng chín lại đổi thành Thiên Sách Vạn Tuế.

27. Dịch Đại kinh Hoa Nghiêm:

Năm này Tắc Thiên lại gia hiệu cho mình là Thiên Sách Kim Luân Thánh Thần Hoàng Đế. Vua nghe nước Vu-điền có Đại kinh Hoa Nghiêm bằng tiếng Phạm liền sai sứ đem ngọc lụa đến để xin thỉnh kinh, đồng thời mời một học giả giỏi tiếng Phạm của nước này cùng qua Trung Quốc. Lúc ấy quốc chủ của Vu-điền nhận thấy ngài Thật-xoa-nan-đề (Hán dịch là Hỷ Học) là người tinh thông tông chỉ Hoa Nghiêm nên thỉnh ngài đi theo sứ. Tắc Thiên gặp ngài thì vô cùng vui mừng liền thỉnh ngài vào ở tại chùa Đại Biến Không, cùng dịch kinh Hoa Nghiêm với Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi, Pháp sư Thần Trắc, Huyền Cảnh, Phục Lễ. Lúc ấy, Tắc Thiên xa giá đến chùa, đích thân thiết trai cúng dường. Đến ngày tám tháng mười năm Thánh Lịch thứ hai bộ kinh được dịch xong, tổng cộng tám mươi quyển.

28 Vua hạ chiếu cho Khương Pháp Tạng làm Tăng:

Thiên Sách Vạn Tuế năm đầu, vua hạ chiếu mời Sa-di Khương Pháp Tạng khai diễn tông chỉ kinh Hoa Nghiêm tại chùa Đại Nguyên. Tạng vừa giảng đề kinh thì cảm được điềm lành, một đạo hào quang trắng sáng rỡ từ trong miệng ngài tuôn ra, chỉ trong giây lát hào quang tụ lại thành cái lọng che, trụ trong hư không rất lâu, cả chúng hội đều ngỡ ngàng trước điềm lạ. Đô Giảng Tăng Hằng bẩm báo với Tắc Thiên, Tắc Thiên vô cùng vui liền hạ chiếu chỉ mời mười vị Đại đức trong kinh thành truyền thọ giới Cụ túc cho ngài. Tắc Thiên ban ngài hiệu là Hiền Thủ, triệu tập ngài tham dự việc dịch kinh trong chùa Đại Biến Không.

29. Vua hạ chiếu thỉnh Thiền sư Tuệ An ở Tung nhạc vào triều hỏi đạo:

Năm này Tắc Thiên hạ chiếu thỉnh Thiền sư Tuệ An ở Tung Nhạc vào triều hỏi đạo. Sư và Thiền sư Thần Tú rất được Tắc Thiên kính trọng. Có lần Tắc Thiên hỏi Sư:

- Giáp Tý thứ mấy?

Sư đáp:

- Không nhớ.

- Sao lại không nhớ?

- Cái thân sinh tử có tuần hoàn, tuần hoàn đã không, sinh tử cũng dứt thì nhớ làm gì. Huống gì tâm thức bừng bừng chẳng có gián đoạn, kẻ thấy bóng bọt nổi lên thì đó chỉ là vọng tưởng mà thôi. Từ khi mới có tâm thức đến lúc tâm thức chuyển biến rồi mất đi, cũng chỉ ở ngay đây. Như vậy có năm tháng nào để có thể nhớ được.

Tắc Thiên nghe xong không ngớt khen ngợi. Lúc ấy sư đã hơn trăm tuổi, người ta tôn xưng sư là Lão An Quốc sư.

Bính Thân: Đổi niên hiệu là Vạn Tuế Đăng Phong, lại đổi thành Thông Thiên Vạn Tuế.

Đinh Dậu: Đổi niên hiệu là Thần Công.

Mậu Tuất: Đổi thành Thánh Lịch, đón Trung Tông từ Phòng lăng về lập làm Thái tử, Diêu Huyền Tông làm Tể tướng.

30. Tam tạng Nghĩa Tịnh từ Ấn Độ về:

Ngày Mậu Thìn tháng năm, Tam tạng Nghĩa Tịnh từ Tây Vực trở về. Ngài thỉnh về hơn bốn mươi bộ kinh bằng Phạm ngữ, hơn ba trăm hạt xá-lợi và hình tượng Phật. Tắc Thiên xa giá đến Đông môn nghênh đón và thỉnh ngài về ở tại chùa Thụ Ký. Sau đó không lâu thỉnh ngài vào chùa Đại Biến Không cùng dịch kinh, chứng nghĩa với ngài Thật-xoa-nan-đề... Tháng mười năm sau, bộ kinh vừa dịch xong, Thật-xoa-nan-đề... dâng biểu tâu vua. Tắc Thiên tự tay viết bài tựa, rồi đem truyền thị cho bá quan tại điện Thái Cực. Những người hộ pháp hoằng dương chánh giáo chưa ai xuất sắc như Thiên Hậu.

Pháp sư Nghĩa Tịnh họ Trương, quê ở Phạm dương, Tề châu. Gia thế ngài nhiều đời làm quan. Năm mười lăm tuổi ngài đã có chí Tây du, đến năm ba mươi bảy tuổi mới hoàn thành được tâm nguyện, và trở về trong năm này.

Kỷ Hợi: Hai hàng lông mày của Thiên Hậu có hình chữ Bát. Phật xuất hiện ở Khánh sơn. Thiên Hậu xuống chiếu dựng chùa. Lý Bạch sinh trong năm này.

Canh Tý: Đổi niên hiệu là Cửu Thị. Tháng mười lại đổi thành Hạ Chánh.

31. Vua hạ chiếu thu tiền của Tăng để đúc tượng:

Thiên Hậu hạ chiếu gom tiền của Tăng Ni, mỗi người đóng mỗi

ngày một đồng để đúc pho tượng lớn tại sườn núi Bạch Mã. Tể tướng Địch Nhân Kiệt dâng sớ can rằng:

"Cái gốc của việc trị nước trước tiên là nhân sự. Bệ hạ thương xót quần sinh mê lầm trầm luân không nơi thú hướng, muốn sai đúc tượng lưu hành đạo pháp để muôn dân thấy mà làm lành. Nhưng nay Già lam nhiều hơn cung thất, vô cùng xa xỉ, rút hết sức người, rực rỡ hơn điện đường, tráng lệ hơn cung thất. Công lao không phải nhờ quỷ, vật liệu đâu phải của trời, mà là đều do dân, như vậy dân làm sao kham nổi. Vả lại đời sống con người cũng có hạn, dùng sức họ quá mức, đến nỗi nhà cửa của họ không mấy ai hoàn bị, họ đứt ruột đau gan nhưng chẳng dám khi có lệnh dở bỏ. Du Tăng luôn nói suông, đặt điều họa phước, cắt tóc đổi áo nhưng dần dần mất phẩm chất, chẳng khác nào kẻ ly gián tình cốt nhục, việc làm như kẻ bàng quan. Tự thân cũng lấy vợ mà cho rằng không bỉ không ngã. Họ đều là những người mượn pháp Phật lừa dối kẻ ngu. Trong quận huyện có quá nhiều nhà chứa kinh, trong thành thị có quá nhiều tinh xá. Họ chăm chăm dụ dỗ, kết giao với quan lại tiếng tăm, những Pháp sự cung cấp lại vượt hơn lệnh vua. Sản nghiệp của họ dồi dào, vườn ruộng của họ bao la, đã quá giàu sang lại chẳng hề biết chán. Họ trốn lính chạy tội, dựa thế pháp môn. Muôn dân hễ không cày bừa thì chẳng có ai ăn, những kẻ ăn không ngồi rồi đã quá nhiều, lại đi cướp của người khác. Mỗi lần nghĩ đến việc này thần vô cùng đau xót!

Xưa Lương Võ, Giản Văn bố thí chẳng tiếc, nhưng khi Tam Duy loạn lạc, Ngũ Lãnh ngã nghiêng, chùa chiền chật thành nhưng chẳng có ai ra tay cứu mối hiểm họa. Sa-môn đầy đường nhưng nào có ai có công giúp chúa. Huống gì phương Bắc nhiễu loạn, chinh chiến liên miên, bây giờ thêm công việc này e rằng sức dân không kham nổi. Không khiến dân làm, công đức đã vô lượng, cần gì phải dựng lập tượng to làm hao tổn sức người sức của. Dù gom tiền Tăng nhưng cũng không thấm vào đâu cả. Pho tượng đã lớn thì không thể để phơi ngoài trời, nhưng xây lên trăm tầng cũng chưa hẳn đã che kín. Nay thần cùng các quan bàn bạc, họ đều cho rằng Như Lai lập giáo lấy từ bi làm đầu, cứu độ hàm linh cũng vận dụng tâm này, lẽ đâu Phật lại muốn lao nhọc quần sinh, giữ lấy cái đẹp hư huyễn."

Nhân Kiệt dâng sớ nhưng Tắc Thiên chẳng thay đổi ý định.

Luận rằng: Pháp sư Chi Độn nói: "Sa-môn ở đời giống như dựa con thuyền rỗng để vượt sông sâu, ngoài ra không nên vì mọi việc mà chùn bước, cũng không nên dựa vào đó mà an nhàn. Trong bốn biển rốt cuộc ta không nhà, gặp nước loạn thì nên chấn tích vân du. Đạo

hợp thì vui vẻ cùng đến. Vì vậy ở trong thiên hạ, chúng ta là người vô sự. Đến lúc mạt pháp, những kẻ bại hoại đạo pháp chỉ sống cẩu thả an nhàn qua ngày, theo những lời của Địch Lương công, lẽ đâu chúng ta lại không sợ mà tránh đi chăng. Than ôi! Lẽ đâu đó là việc làm của bậc Sa-môn chân chính ư. Trong sớ tấu ấy nói Như Lai lập giáo cốt để cứu độ hàm linh, lẽ đâu lại làm lao nhọc muôn dân, giữ lấy cái đẹp hư huyễn. Những lời ấy chẳng những sửa cái lỗi của Tắc Thiên, mà còn lợi ích vô cùng trong việc chỉnh đốn lại giáo pháp của Phật giáo ta. Nếu đem so sánh với những lời mà hậu thế bài xích Phật, Lão thì khác xa một trời một vực".

Tân Sửu: Đổi niên hiệu là Đại Túc, lại đổi thành Trường An.

Lúc Tắc Thiên chuẩn bị lập tượng, Ngự sử Trương Đình Khuê lại dâng sớ can rằng:

"Phật nghĩa là Giác tri, từ nội tâm mà thành tựu, đâu thể dùng các tướng bên ngoài mà nhìn thấy được. Kinh nói:

"Nếu dùng sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, người ấy hành tà đạo, chẳng thấy được Như Lai".

Đó là quả của chân như không thể dùng hình tướng bên ngoài tìm cầu được. Bệ hạ tín tâm quy y, phát thệ nguyện lớn, dựng cao tháp miếu, trang sức tôn tượng đã có khắp thiên hạ rồi. Đó chỉ là trụ tướng bố thí, là pháp hữu vi không phải là pháp hy hữu tối thượng đệ nhất. Tại sao biết được? Vì trong kinh nói:

"Nếu người đem bảy thứ báu trong khắp tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí phước ấy rất nhiều nhưng không bằng người thọ trì bốn câu kệ trong kinh này và diễn nói cho người khác nghe, thì phước này thù thắng hơn bố thí."

Theo những gì Phật nói, thì bệ hạ dù dốc hết tiền của trong bốn biển, vắt kiệt sức của muôn dân, đốn sạch cây cối trong núi để dựng chùa tháp, nấu hết bạc vàng để trang sức tượng, tốn sức đã nhiều, tốn của không ít, nhưng phước báo có được vẫn không bằng kẻ thất phu trong Thiền lâm. Bồ-tát gieo trồng phước đức không nên tham chấp, bởi vì đó là pháp hữu vi, chưa phải thù thắng, huống gì việc xây cất trong cõi này chỉ dùng đất đá cây gỗ. Lại nữa, có lúc phải khai phá gò đồi để dựng nền móng, có khi phải lấp hang phá ổ, chặt phá để khai thông, lăn đá đè con trùng kể sao cho xiết. Phật mở ra cách thức an cư kiết hạ, lẽ đâu không phải là thương xót côn trùng không nỡ giẫm đạp nó đó sao. Lại nữa, đâu phải nhờ quỷ thần kiến tạo mà là do sức người dựng xây. Phần đông thợ thuyền là dân nghèo cùng lam lũ, họ phải làm lụng ngày

đêm, đổ mồ hôi sôi nước mắt, ăn đùm uống gói, dầm mưa dãi nắng, chịu đủ mọi đói khát bệnh tật. Phật mở bày cách thức khất thực, lẽ đâu không phải là cấm dồn chứa của cải, không nỡ bắt dân phải lao khổ đó sao. Hơn nữa việc xây dựng lấy tiền của Tăng Ni, dù có quyên góp khắp nơi nhưng có thấm vào đâu, dân nghèo túng lại nhiều. Các châu huyện đi gom tiền lại hối thúc bức bách. Có người làm lụng còn không đủ ăn, phải bán cháo để lấy tiền nộp, ai oán đầy đường, gây mất hòa khí. Phật nêu cái đạo hỷ xả lẽ đâu không phải là thương xót kẻ ngu muội, không nỡ cướp đoạt tài sản của họ đó sao. Vả lại biên ải chưa yên, lương thực lại sắp hết, muôn dân trong nước đã dốc hết tiền của, cúi mong bệ hạ cân nhắc thận trọng, hãy nghĩ đến hạnh của Bồ-tát, làm lợi ích cho tất cả quần sinh. Nếu đúng như vậy mà bố thí, thì phước đức như hư không trong bốn phương tám hướng chẳng thể nào tính biết được. Được vậy thì cần gì phải chấp tướng, làm thương tổn đến cơ nghiệp của sinh linh, chuộng những việc làm chưa phải cần thiết lắm. Thần theo nền chánh trị đương thời mà nói thì điều cần kíp là nghĩ đến biên cương, tích chứa lương thảo, trưởng dưỡng sức dân. Theo Phật giáo mà bàn thì cần phải cứu lấy khổ nguy, bỏ tâm chấp tướng chuộng cái vô vi. Cúi mong bệ hạ xét kỹ lời thần, làm cái hạnh của Phật, cốt lại phải chuộng lý, đừng vì người mà bỏ lời hay".

Đình Khuê dâng sớ, Tắc Thiên rất vui mừng, liền triệu Đình Khuê vào điện Trường Sinh, ban vàng bạc gấm lụa cho ông.

32. Vua hạ chiếu mời Hiền Thủ Pháp Tạng giảng kinh mới dịch:

Năm này, Thiên Hậu hạ chiếu mời Pháp sư Hiền Thủ Pháp Tạng giảng bộ kinh Hoa Nghiêm mới dịch tại chùa Phật thọ ký ở Đông đô. Giảng đến thế giới Hoa nghiêm đất bỗng chấn động, giây lâu mới dừng. Ngay hôm đó, Thiên Hậu thỉnh ngài vào điện Trường sinh hỏi về nghĩa của Đế Võng, Thập Trùng Huyền Môn, Hải Ấn Tam-muội, Tham Hợp Lục Tướng, Tổng, Biệt, Đồng, Dị, Thành, Hoại... Ngài theo thứ tự diễn giảng, huyền chỉ thông suốt, Tắc Thiên nghe đến đâu ngỡ ngàng thán phục đến đó. Tắc Thiên thỉnh ngài giảng lại, ngài liền chỉ con sư tử vàng trong góc điện để ví dụ, nói:

- Có thể nói một đầu lông sư tử, trăm ức đầu lông sư tử".

Tắc Thiên hoát nhiên lãnh hội được ý chỉ, và thế là gom tập những lời ngài giảng và lấy tên là Kim Sư Tử Chương. Hồi ấy, Tôn giả Trí Nghiễm là người kế thừa tông chỉ Hoa Nghiêm của Đỗ Thuận. Ngài cầu học với Trí Nghiễm và được truyền tông chỉ này. Đến khi

ngài Trí Nghiễm mất, ngài đội khăn tang mà thuyết pháp. Lúc ấy các bậc cao đức trong kinh thành liên tiếp dâng biểu xin độ ngài làm Tăng. Ngài được xuất gia thọ giới Cụ túc đều do đặt Chiếu của Thiên Hậu.

Có lần ngài thiết lập mười cái gương tròn để trong tám phương và trên dưới cho Tắc Thiên. Ngay chính giữa ngài đặt pho tượng Phật rồi dọi ánh sáng vào, khi ấy mỗi một cái gương đều hiện ra tượng Phật và nhiếp nhập với nhau. Những người đến xem cũng đều hiện đủ trong gương. Đó là biểu trưng cho diệu lý mười pháp giới đều hàm dung vô tận. Ngài mất, Quốc sư Thanh Lương Trừng Quán được kế thừa tông chỉ này. Học giả trong thiên hạ đều đua nhau theo học, và đặt tên cho tông này là Nhất Niệm Viên Dung Cụ Đức và gọi giáo này là Hiền Thủ giáo.

Nhâm Dần: Lần đầu tiên mở khoa thi võ.

33. Đúc tượng hoàn thành, vua dẫn bá quan đến lễ lạy cúng tế:

Năm này kinh phí đúc tượng của Tắc Thiên gần đủ, Nạp Ngôn Lý Kiêu dâng sớ can:

"Thần nghe Phật pháp từ mẫn, Bồ-tát hộ trì, chỉ nghĩ đến việc lợi ích cho quần sinh chứ không mượn việc dựng chùa đúc tượng. Thần lại nghe tiền đúc tượng không phải của muôn dân mà là của Tăng Ni, nhưng chẳng nhờ châu huyện giúp sức thì không thể hoàn thành được. Muôn dân trong nước phần đông nghèo cùng, có người phải làm thuê nơi đất khách để lấy tiền lương, có người bán ruộng cầm nhà để có tiền mà nộp. Nay số tiền đúc tượng đã lên đến một trăm bảy mươi ngàn quan tiền. Nếu đem số tiền này cứu giúp cho người nghèo cùng, mỗi người một ngàn thì cứu giúp cũng được một trăm bảy mươi ngàn hộ. Đã vậy, cứu được cái nạn đói khát, lại khỏi phải lao nhọc sức dân, thuận với tâm từ bi của Phật, mở rộng cái ý không làm ác của nhân chủ, thì người thần đều vui mừng, công đức thật vô lượng".

Sớ dâng lên nhưng Tắc Thiên không nhận. Mùa đông năm đó tượng đúc xong. Tắc Thiên dẫn bá quan đến lễ lạy cúng tế.

34. Trung Tông: (Ất Tỵ)

Trung Tông là con thứ bảy của Cao Tông, mẹ là Hoàng hậu Tắc Thiên. Ông nghe lời can gián của Địch Nhân Kiệt. Tháng giêng, Trương Giản Chi, Ngạn Phạm... cả thảy năm vương đem binh thảo phạt gian thần rồi đón ông lên ngôi. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Thần Long, dời Tắc Thiên về cung Thượng Dương. Mùa đông năm ấy Tắc Thiên mất,

ông đổi quốc hiệu lại là Đường. Phong Lão Quân làm Huyền Nguyên Hoàng đế. Cảnh Long thứ tư, Vi Hậu sinh công chúa An Lạc. Ông ăn bánh bị ngộ độc rồi mất, thọ năm mươi lăm tuổi. Tương Vương lên nối ngôi.

35. Phòng Dung nhuận văn, dịch Lăng-nghiêm.

Tháng giêng, vua đày Phòng Dung đi Cao châu. Tháng tư tại Quảng Lăng, Dung gặp Phạm Tăng là Bát thích mật đế đem kinh Lăng-Nghiêm bằng Phạm ngữ sang Trung Quốc. Thứ sử thỉnh sư đến đạo tràng chùa Chế Chỉ để phiên dịch, Phòng Dung làm bút thọ. Dịch xong mười quyển, Bát Thích đem bản tiếng Phạm về lại Thiên Trúc.

36. Vua hạ chiếu mời Lục tổ vào triều, Tổ không đi:

Tháng tư Trung Tông hạ chiếu mời Lục tổ Tuệ Năng ở Tào khê vào kinh thành. Chiếu chỉ viết:

"Trẫm thỉnh hai vị Tuệ An và Thần Tú vào cung cúng dường, những khi rảnh việc quân cơ liền cùng hai vị nghiên cứu Nhất thừa".

Hai vị ấy đều từ chối nói:"Ở phương Nam có Thiền sư Tuệ Năng là người thầm nhận y pháp của Đại sư Hoằng Nhẫn, bệ hạ nên đến đó mà hỏi đạo"."Nay trẫm sai Nội thị Tiết Giản mang chiếu đến nghinh thỉnh, mong Đại sư hứa khả vào kinh thành gấp".

Tổ dâng biểu từ chối vì bệnh tật, nguyện trọn đời ở nơi rừng núi. Tiết Giản hỏi tổ:

- Các vị Thiền đức trong kinh thành đều nói: "Muốn thể nhập đạo cần phải tọa thiền tập định. Nếu người không tu thiền định mà được giải thoát là điều chưa từng có. Chẳng rõ pháp mà thầy diễn nói nghĩa lý thế nào?

Tổ đáp:

- Đạo do tâm ngộ, lẽ đâu ở trong việc ngồi.

Kinh nói: "Nếu thấy Như Lai có ngồi có nằm, là thực hành tà đạo".Vì sao vậy? Vì chẳng từ đâu đến, cũng chẳng về đâu, như không sinh diệt, là Như Lai thanh tịnh thiền. Các pháp rỗng lặng, là Như Lai thanh tịnh tọa rốt cuộc không có chứng đắc huống gì là ngồi.

Giản thưa:

- Đệ tử về triều chúa thượng sẽ hỏi, mong thầy từ bi khai thị tâm yếu khiến con thấy tánh rõ đạo.

Tổ đáp:

- Đạo không có sáng tối, sáng tối chỉ là đối đãi, cái sáng sáng mãi

nhưng sẽ cùng tận.

Giản thưa:

- Sáng dụ cho trí tuệ, tối dụ cho phiền não, người học đạo giả sử không dùng trí tuệ soi sáng phá trừ phiền não thì dựa vào đâu thoát ly sinh tử?

Tổ đáp:

- Nếu người dùng trí tuệ soi sáng phá trừ phiền não thì đó là hạng Tiểu thừa, là trẻ con, là xe dê... bậc đại căn thượng trí thì không như vậy.

Giản thưa:

- Thế nào là kiến giải Đại thừa?

Tổ đáp:

- Minh và vô minh tánh nó chẳng hai. Tánh chẳng hai ấy là thật tánh. Thật tánh thì ở trong phàm ngu nhưng không giảm, ở nơi Thánh hiền nhưng không tăng, ở trong phiền não nhưng không loạn, ở trong thiền định nhưng không vắng lặng. Chẳng đoạn chẳng thường, chẳng đến chẳng đi, chẳng ở khoảng giữa, chẳng ở trong ngoài, chẳng sinh chẳng diệt. Tánh tướng như như, thường trụ chẳng đổi, đó gọi là Đạo.

Giản thưa:

- Thầy nói chẳng sinh chẳng diệt thì có khác gì ngoại đạo?

Tổ đáp:

- Ngoại đạo lấy diệt ngăn chặn sinh, lấy sinh hiển bày diệt. Diệt vẫn chẳng diệt, sinh lại vô sinh. Ta nói nó vốn tự không sinh nên nay cũng không diệt, nên không giống như ngoại đạo. Ông muốn biết tâm yếu, chỉ cần không nghĩ đến tất cả thiện ác thì tự nhiên thể nhập được bản tâm thanh tịnh, vắng lặng thường trụ diệu dụng hằng sa.

Tiết Giản đảnh lễ tổ quay về triều, dâng biểu tâu lại những lời Tổ giảng. Trung Tông vô cùng thán phục, liền sai sứ mang bình bát, ca-sa... đến cúng dường để tỏ lòng mến mộ của thiên tử.

37. Thiền sư Đại Thông thần tú: (Bính Ngọ)

Thiền sư Thần Tú thị tịch trong năm này. Trung thư Lệnh Trương Thuyết viết bài bia rằng:

"Tụ tứ đại mà thành thân, lập vạn mối mà thành tâm. Thân rỗng rang ngay nơi thân mà thấy được tính rỗng lặng, vạn mối đồng như diệu dụng. Tâm không thật, quán tâm như huyễn thì đồng với chân như. Vướng mắc danh số thì trái ngược diệu bổn, ngôn ngữ tuôn ra thì chân tông ẩn mất. Thế nên Như Lai truyền yếu đạo cho bậc chí đức tận

lực hành trì. Muôn kiếp lâu xa mà trao truyền pháp ấn, một niệm liền thọ nhận Phật thân. Ai là người hoằng dương pháp yếu ấy. Đó chính là Thiền sư Đại Thông".

Thiền sư họ Lý, tự là Đại Thông, húy là Thần Tú, người ở Trần Lưu. Sư thông suốt chín phái, thấu triệt tâm tông, thân cao tám thước, khôi ngô tuấn tú, ứng với nghiệp vương bá, hợp với phép tắc Thánh hiền. Thuở nhỏ sư vốn là thư sinh cầu học khắp vùng Giang biểu, thấu huyền chỉ của Lão Trang, thông đại nghĩa của thư dịch, tinh thông kinh luận Tam thừa, thấu suốt cả Tứ Phần luật nghi, diễn cổ luận kim, xiển dương tinh hoa trong thời Ngô, Tấn; rỡ ràng như gấm lụa, sáng sủa như ngọc vàng. Một đời độ mình độ người, đến khi biết thọ mạng chấm dứt tự tại thoát khỏi thế gian.

Xưa, Sư nghe ở Kỳ châu có Đại sư Hoằng Nhẫn là bậc nối pháp trong thiền môn. Kể từ lúc Bồ-đề Đạt-ma từ Thiên Trúc sang đây truyền trao chánh pháp cho tổ Tuệ Khả, Tuệ Khả truyền cho Tăng Xán, Tăng Xán truyền cho Đạo Tín, Đạo Tín truyền cho Hoằng Nhẫn. Sư là người kế tục năm dòng, người học xa gần đua nhau đến tham vấn; nhận cái rỗng rang kế với chân tâm, ngộ lý cao sâu hợp với chân thừa, dứt bặt tâm thức ngầm thấu bản tâm, trụ trong cảnh vắng lặng, hành cái hạnh vô vi. Đắc pháp với thầy là xứ sở của Phật Nhiên Đăng vô trụ thuyết pháp là pháp môn không vương. Sư tinh tấn hầu thầy trong sáu năm chẳng kể ngày đêm. Đại sư từng khen:

"Giáo pháp Đông sơn đều ở trong Thần Tú".

Đại sư liền dẫn sư thăng tòa, nhưng Sư từ chối ra đi, ẩn tu trong mật thất.

Trong niên hiệu Nghi Phụng, đức hạnh vang dội trong cấm cung, thanh danh lẫy lừng trong Tăng chúng. Cách phía Đông chùa bảy dặm đất bằng núi cao, Sư nhìn xem rồi nói:

"Đây chính là ngọn Lăng-già cao vút, là cửa ngõ độ người, nương bóng tùng, dựa hoa cỏ thôi, vì ta sắp già rồi. Mây theo rồng, gió theo hổ, đạo lớn xuất sinh Hiền nhân".

Chọn được đất Kỳ Dương, Sư liền đến đó dựng đạo tràng, dưới núi Hoa Âm, người học đông không kể xiết, nhưng sư không cho là đông. Về sau dạy người vượt khỏi Tam hữu, vượt hẳn tứ thiền, đến bảy mươi lần thăng tòa, độ đến ba ngàn người, nhưng sư không cho là vượt trội.

Pháp mà sư khai diễn là phải vong niệm dứt tưởng, tinh tấn nhiếp tâm, phẩm vị thể nhập đồng phàm thánh, công hạnh đạt được chẳng có trước sau. Trước khi nhập định phải dứt sạch muôn duyên, sau khi phát

tuệ, tất cả đều Như. Phụng trì Lăng-già thay cho tâm yếu. Xưa nay chưa ai kiệt xuất như sư. Sư tu tập nhiều năm như thế, đến lúc tuổi cao được vua thỉnh vào triều, cùng thăng điện luận đạo với vua, làm cho bậc vạn thừa cũng phải lễ lạy. Trụ nơi cửu trùng, xiển dương thánh đạo, chẳng lễ lạy vua, đức cao hạnh sâu không theo lễ nghi bề tôi. Sư được tôn xưng là Pháp chủ của hai kinh đô, Quốc sư của ba triều đại. Phật pháp trung hưng, mây lành đốn hiện. Dù ở nơi kinh kỳ nhưng vẫn tỏ rõ được đạo mầu. Mỗi lần đế vương chia tòa, hậu phi thỉnh vấn đều phải nhiễu quanh bốn vòng, đi quanh ba lần. Có lúc thẳng thừng chỉ dạy làm người nghe ngồi im tâm phục, có khi tùy bệnh cho thuốc nên ngắn gọn mà nghĩa sâu. Một trận mưa thấm khắp quần sinh, thì ai nấy đều cảm nhận sự an lạc. Chẳng phải là người an trụ trong vô úy, ứng biến tài tình, ai có thể làm được như vậy. Thánh vương ngày càng cung kính, ban ân ngày càng nồng hậu.

Pháp hội đầu tiên ở Đương Dương, Sư dựng chùa Độ Môn thay nhà thờ tổ tiên thành chùa Báo Ân. Hiền thần trong triều, bô lão trong làng đều khâm phục tài đức của Sư. Do chán cảnh huyên náo, nhớ cảnh vắng lặng, nhiều lần xin về núi, được vua hứa khả. Lâu rồi thân thể già suy, không còn các khổ vây bức, buông thân dứt nghiệp an nhiên thị tịch.

Trong đêm hai mươi tám tháng hai năm Thần Long thứ hai, Sư bảo đồ chúng sắp đặt giường tòa rồi tự tại hóa thân.

Trong niên hiệu Vũ Đức thứ tám, Thiền sư thọ giới Cụ túc tại chùa Thiên Cung, đến cuối đời cũng mất tại chùa này. Hạ lạp của sư tám mươi, Sư sinh cuối đời Tùy, thọ hơn một trăm tuổi, bình sinh sư không nói đến tuổi tác của mình, nên người ta cũng không biết chính xác sư bao nhiêu tuổi.

Lửa trong ba đời tắt ngấm, băng trong bốn châu tan rã, rường đã gãy, cột đã hư, chấn động trời đất. Tất cả Pháp thân mới xuất sinh từ kim khẩu, nên lễ tang của sư vẫn giữ đúng lễ nghi như cha mẹ. Vua hạ chiếu sai sứ đến điếu tang, vương hầu đến truy điệu.

Ngày hai tháng ba vua truy tặng sư hiệu là Đại Thông, sắp đặt tang lễ.

Ngày năm vua không thiết triều mà bàn ngày giờ an táng. Hôm ấy vua xa giá đến Ngọ Kiều, vương công khóc tiễn sư đến Y Thủy, lễ nghi được trần thiết vào đến tháp trong núi.

Vào giữa thu, Sư có ý muốn về núi rừng, vua đồng ý. Nhớ lại lời hứa trước, để thỏa nguyện ước của Sư, vua lệnh Thái Thường Khanh

đánh trống thổi kèn dẫn đường, Thánh môn Lang giám hộ việc an táng. Hôm ấy Thiên tử ra khỏi Long môn gạt nước mắt đưa tiễn kim quan, lên đài cao dõi mắt nhìn đám tang đến khi khuất hẳn. Hai bên đường người người đứng tiễn, tràng phan xe hoa, hương xông ngàn dặm. Đến tháng mười thì dựng tháp, vua cấp tiền của để xây tháp trang trí, số tiền lên đến trăm vạn. Trong ấy an trí Đại hồng chung do Tiên đế đúc, kinh tượng của thiên tử sau này, bảng vàng do vua đề tặng, phan cái do chúng Tăng cúng dường. Chùa tháp uy nghiêm rực rỡ vô cùng.

Hồi ấy, Thiền sư tu tập ở Đông Lạc, gặp vua ở Nam kinh, qua nhiều năm tháng ẩn mình nơi Thiền sơn. Sen trắng thác sinh nơi đại thụ. Song lâm biến sắc, sông Tứ ngược dòng, đến như những kẻ loạn nghịch cũng thấy thương tiếc khóc đến trăm ngày. Tại chùa Long hoa mở hội lớn đến tám ngàn người, độ được hai mươi bảy vị. Đó là hai điềm linh tiêu biểu.

Sư lập đạo tràng Tây Minh độ người vô lượng, Bồ-tát Vạn Hồi thỉnh sư vào hậu cung thuyết giảng, được vua ban y gấm vô kể, ngang bằng quốc bảo quốc gia. Vua vô cùng kính trọng, thường xông hương cúng dường Sư. Phước đức bao la của Sư chiêu cảm sự kính ngưỡng lớn lao như thế. Ngày tháng dần xa, muôn việc thăng trầm, dạo chơi nơi dòng pháp, trọn mến mộ tông thừa, thiên tử đau xót vì thuyền từ chìm vội, hận vì tháp cao lâu mở, lời ban tặng nơi Thạch Thành không đơn độc, bia ở Lô sơn lẽ đâu chẳng dựng ư. Trộm lấy lời của phu tử để bàn về Phu tử vậy. Sinh trong trời đất nhưng chẳng biết trời đất cao dày, uống nước sông biển mà chẳng biết sông biển rộng sâu, gượng xưng như vậy để an ủi tâm sư. Bình minh nói:

Châu ẩn bên trong
Không bày chẳng biết
Tâm cảnh ngoại trần
Không mài chẳng chiếu
Hải tạng lặng yên
Gió thức lay động
Chẳng vào cửa ngõ
Sao biết pháp yếu
Cao thay Thiền bá
Đứng giữa đất trời
Tóm thâu diệu chỉ
Thấu tận giả danh
Chứng vô sở đắc

Buông bỏ kiến giải
Bóng trăng chân như
Hiện trong người ngộ
Vô lượng tri thức
Là thầy là cha
Tẩy sạch ưu não
Rủ sạch mê nghi
Thân tạm trụ thế
Thọ mạng vô cùng
Vượt mọi chướng ngại
Một sớm ra đi
Ôi môn nhân ta
Không khỏi ngậm ngùi
Thành tâm kính ngưỡng
Nhớ kỹ lời dặn
Trọn chẳng lìa định
Luôn luôn tỉnh giác
Tưởng như còn đây
Kính cáo hậu học.

Bấy giờ Kỳ Vương Phạm, Trưng Quân Lô Hồng Nhất đều trứ tác những bia kệ, đều có ghi đầy đủ trong Cựu Đường sử. Sa-môn được vua kính ngưỡng, xưa nay chưa có ai bằng Sư.

Đinh Mùi: Đổi niên hiệu là Cảnh Long.

38. Thần tăng Vạn Hồi Pháp Vân Công:

Thần tăng Vạn Hồi vào cung, vua ban cho ngài hiệu là Pháp Vân Công, thỉnh ngài ở tại viện Tập Hiền, cấp cho hai mỹ nhân hầu hạ. Không bao lâu bỗng dưng ngài xin về vùng sông nước ở Văn Hương. Tả hữu khuyên vua đừng đồng ý. Ngài lại xin ra ở vùng đất trước Đệ Huyệt Đường, vua đồng ý. Vạn Hồi uống cạn nước ở đây rồi an nhiên thị tịch. Vua ban ngài hiệu là Quốc Công, họa tượng thờ trong viện Tập Hiền.

Thuở nhỏ, Hồi hay đi bộ ba ngàn dặm để đưa thư cho anh mình, sáng ra đi chiều đã thấy về, nhân đó người ta gọi ngài là Vạn Hồi. Cao Tông nghe danh ngài bèn triệu vào cung, độ làm Sa-môn. Khi Tắc Thiên còn làm vua, có thỉnh ngài vào cung ban cho y gấm, sai cung nhân hầu hạ. Khi ấy Thái tử Trang Tuệ vừa chào đời, Tắc Thiên bồng đến cho ngài xem. Ngài nói:

- Đứa bé này là thọ tinh bên Tây Vực, tôi xin nuôi nấng và kết

nghĩa làm anh em.

Đến khi công chúa An Lạc cậy thế Vi hậu sắp làm phản, Hồi gặp công chúa, nhổ nước miếng nói:

- Máu tanh, không nên thân cận.

Không bao lâu, quả nhiên công chúa bị tru di.

Khi Huyền Tông rảnh rỗi thường trò chuyện riêng với ngài. Có lần ngài vỗ vào lưng Huyền Tông nói:

- Năm mươi năm thiên tử thái bình.

Lúc Duệ Tông còn làm Tương vương, mỗi lần ông sắp ra khỏi thành, ngài đều nói với mọi người trong thành:

- Thiên tử đến.

Lát sau thì thấy Tương vương đến.

Những việc thần dị của ngài đại loại như vậy. Sư thị tịch tại dòng suối ngọt ở Trường An, thọ bảy mươi bốn tuổi.

Luận rằng: Pháp Vân Công có lần làm bài kệ:

Sáng tối đều quên mở mắt Phật
Chẳng chấp một pháp vượt rừng sen
Chân không chẳng hoại tánh trí linh
Diệu dụng thường còn chẳng tạo tác
Thánh trí xưa nay thành Phật đạo
Tịch quang chẳng chiếu tự viên dung.

Đó quả là yếu chỉ ngập tràn đạo vị, là những lời lẽ của bậc liễu ngộ Đại thừa, nhưng Pháp Vân lại chỉ dùng cái thần dị của Tiểu thừa để hoằng hóa. Đến như Phật, Bồ-tát xuất thế hoằng dương chánh pháp nhãn đều hòa nhập cùng trần thế, chưa vội tiết lộ được mật hạnh, đến lúc lâm chung, mới dặn dò cho hậu học. Thế nhưng Pháp Vân hiển bày thần dị ngời ngời, vượt xa cái quyền hiện của Thánh hiền vậy.

39. Vua hạ chiếu cho Tăng, Đạo cùng ngang hàng:

Tháng bảy năm này, vua hạ chiếu:

"Huyền tông của kinh Phật lý đồng nhưng sự khác biệt; độ người, dạy đời giáo khác nhưng công ngang nhau. Từ nay mỗi khi có Pháp sự, thì triệu tập hết Tăng Ni Đạo sĩ nữ tu... cùng đứng ngang hàng nhau".

Trước kia Thái tông cho Lão Tử là Hoàng tông, đặt địa vị cao hơn Phật giáo. Đến đời Tắc Thiên, thì Đạo giáo ở sau Phật giáo. Đến nay thì xếp ngang hàng nhau, và từ nay về sau phải tuân theo phép thức này.

40. Quốc sư Tuệ An thị tịch:

Quốc sư Tuệ An sắp thị tịch, dạy đồ chúng:

- Sau khi ta mất, các ông hãy đặt thân ta nơi đất trống trong rừng sẽ có lửa nơi đồng hoang thiêu hủy thân ta.

Lúc ấy, bỗng nhiên Thần tăng Vạn Hồi đến. Hồi nắm tay ngài nói chuyện, đồ chúng đứng bên lắng nghe nhưng chẳng hiểu gì cả. Đến ngày tám ngài đóng thất, an nhiên thị tịch, thọ một trăm hai mươi tám tuổi. Đồ chúng theo lời dạy, thỉnh thi thể vào rừng thiêu, quả nhiên có lửa nơi đồng hoang hiện ra trà-tỳ thân ngài. Đồ chúng lượm được tám mươi hạt xá-lợi, năm hạt lớn nhất trong số đó có màu đỏ tía, ánh sáng chói lòa. Vua hạ chiếu thỉnh xá-lợi an trí tại thành nội.

41. Vua hạ chiếu thỉnh Thật-xoa-nan-đề vào cung:

Năm này, vua lại hạ chiếu thỉnh Tam tạng Thật-xoa-nan-đề người nước Vu-điền vào Trung Quốc. Vua đích thân đi nghênh đón, bày lễ nghi phan lọng hai bên đường, gióng trống thổi kèn để đón rước ngài, dùng voi thỉnh ngài vào ở tại chùa Tiến Phước. Ngài có thần thái dị thường khôi ngô tuấn tú, rất giỏi lý Đại thừa, lại tinh thông cả Phạm ngữ, Hoa ngữ.

42. Đại Thánh ở Tứ Châu: (Mậu Thân)

Đại sĩ Tăng Già ở Tứ châu được vua thỉnh vào cung cúng dường. Ngài độ Tuệ Nghiễm, Tuệ Ngạn và Mộc Xoa làm thị giả. Vua tự tay đề tặng tên chùa của ngài đang ở là Phổ Quang Vương. Sau đó ít lâu thỉnh ngài vào trụ tại chùa Tiến Phước. Năm sau kinh kỳ hạn hán, vua thỉnh ngài cầu mưa. Tăng-già cầm bình nước rưới khắp đất, tức thời mây đen từ nơi ngài đứng bay bổng lên trời, lát sau mưa trút xuống. Tháng hai năm sau ngài thị tịch thọ tám mươi ba tuổi, thần sắc vẫn như người sống. Vua hạ chiếu thỉnh nhục thân ngài về an táng dựng tháp tại chùa Tiến phước, nhưng nhục thân bỗng bốc mùi hôi lan khắp kinh thành, vua liền đốt hương khấn nguyện, hứa sẽ đưa nhục thân ngài về sông Hoài. Vua nói dứt lời thì mùi thơm ngan ngát trở lại. Khắp kinh thành ai nấy đều thán phục ngạc nhiên. Vua liền thỉnh nhục thân ngài về an táng và dựng tháp tại chùa Phổ Quang Vương ở Tứ Châu.

Hồi ấy, có lần vua hỏi Pháp Vân Công Vạn Hồi:

- Tăng-già là người thế nào?

Hồi đáp:

- Ông ấy là Quán Âm Đại sĩ hóa thân.

Dấu tích thần dị của ngài có nói đầy đủ trong Tự truyện do Tưởng

Dĩnh Thúc soạn. Ngài là người Tây Vực đến hoằng hóa ở Trường An, Lạc Dương vào thời Đường Cao Tông. Ngài đi qua các nước như Ngô, Sở, tay cầm nhành dương trà trộn trong đám Tăng tục. Có người hỏi ngài:

- Thầy họ gì?

Ngài đáp:

- Tôi họ gì.

- Thầy là người nước nào?

Ngài đáp:

- Tôi là người nước nào.

Về sau ngài đến vùng Tứ Thượng muốn lập Già lam. Nơi đây có một ngôi nhà của người họ Châu tặng cho người họ Bạt. Ngài nhìn ngôi nhà nói:

- Đây vốn là ngôi chùa.

Rồi ngài sai người đào đất, quả nhiên phát hiện một bia đá cổ có hàng chữ "Hương Tích Tự" do Lý Long Kiến nước Tề sáng lập. Lại tìm thấy pho tượng Phật bằng vàng, ai nấy đều bảo đó là tượng Phật Nhiên Đăng. Ngài nói:

- Đó là Phật Phổ Quang Vương.

Nhân đó ngài đặt tên ngôi chùa là Phổ Quang Vương. Trong niên hiệu Càn Phù, thiên tử ban cho ngài là Chứng Thánh Đại sư.

43. Vua thỉnh Luật sư Đạo Ngạn vào cung truyền giới.

Kỷ Dậu: Vua thỉnh Luật sư Đạo Ngạn vào cung truyền Tam quy Ngũ giới cho Vương phi, Hoàng hậu, nhân đó giữ ngài ở lại trong cung. Hôm sau vua đến, những vị Tăng khác đều bước khỏi chiếu đón vua, chỉ riêng ngài xoay người bái vua mà thôi. Vua lại càng kính phục đức độ của ngài, họa hình thờ ở cung Lâm Quang, rồi làm bài tán:

Giới sáng thanh cao
Dòng tuệ thanh tịnh
Thân trong Ngũ thiên
Tâm trong Bát định
Học rành Chân tông
Thấu suốt Thật tánh
Nối tiếp dòng pháp
Giữ gìn nước nhà
Luật tạng nhờ đây tỏ rạng
Giáo pháp nhân đây xán lạn.

Thời ấy ngài là người đức cao, được vua trọng vọng nhất.

Ngày Ất Mão tháng tám, tại chùa Hưng Thánh ở Cựu Đệ có cây thị được trồng từ thời Cao Tông, trong năm Thiên Thụ, cây này đã chết khô nhưng nay bỗng nhiên xanh tươi trở lại. Nhân đó vua đại xá thiên hạ, phong tước cho bá quan, phổ độ Tăng Ni, Đạo sĩ có đến vài vạn người.

44. Bồ-đề-lưu-chi dịch kinh Đại Bảo Tích:

Tháng chín, vua hạ chiếu thỉnh Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi dịch kinh Đại Bảo Tích tại sân Cam Lồ, ao Bạch Liên tại vườn Thượng uyển phía Bắc. Vua lại sai Trung Thư Lục Tượng Tiên, Thượng Thư Quách Nguyên Chấn, Tể tướng Trương Thuyết chỉnh văn. Bộ kinh dịch xong gồm năm mươi chín hội, tổng cộng một trăm hai mươi quyển.

45. Vua hạ chiếu thỉnh Nhất Hành vào cung nhưng ngài không đi. (Canh Tuất)

Tháng ba năm này, vua hạ chiếu cho Đông Đô Lưu Thú Vi An Thạch đem chiếu chỉ đến Tung sơn thỉnh Sa-môn Nhất Hành vào cung. Nhất Hành lấy cớ bệnh tật từ chối không đi và trốn vào núi Đương dương ở Kinh châu.

Cựu Đường sử ghi:

"Ngài họ Trương, thuở nhỏ có tên là Toại, là cháu của Diệm Quốc Công Công Cẩn, con của của Vũ Công Lệnh Trương Thiện. Thuở nhỏ ngài rất thông minh, đọc khắp sách sử, từng theo học với Đạo sĩ Doãn Sùng, mượn Thái Huyền kinh về nhà đọc tụng. Vài ngày sau ngài đem trả, Doãn Sùng nói:

- Kinh này thâm sâu, ta từng nghiền ngẫm nhiều năm mà vẫn chưa hiểu, ngươi nên nghiên cứu kỹ, đừng đọc qua loa như vậy.

Ngài nói:

- Tôi đã nghiền ngẫm nghĩa lý trong ấy rồi, nhân đó soạn ra Thái Diễn Huyền Đồ và Nghĩa Quyết, ngài xem thế nào.

Doãn Sùng nhìn thấy thất kinh, nhân đó ngài cùng luận bàn nghĩa lý thâm sâu trong ấy. Nhất Hành ra về, Sùng nói với mọi người:

- Người ấy là bậc kỳ tài trong đời.

Từ đó ngài nổi tiếng khắp nơi. Hồi ấy Vũ Tam Tư mến mộ tài năng của ngài nên xin kết giao làm bạn hữu, nhưng ngài trốn tránh ông ấy. Sau đó ngài xuất gia và đi cầu học dị thuật khắp nơi trong thiên hạ. Ngài đến chùa Quốc Thanh trên núi Thiên Thai thấy một tự viện cổ, có

tùng bao bọc, có đến mấy mươi lớp cửa, lại nghe có tiếng nước chảy. Nhất Hành liền đứng nơi ngạch cửa lắng tai nghe tiếng của một vị Tăng đang dạy toán pháp trong sân. Vị Tăng ấy nói với đồ chúng: "Hôm nay sẽ có một đệ tử từ xa lặn lội đến đây cầu học toán pháp của ta. Ông ấy đến trước cửa rồi, sao chẳng thấy ai ra dẫn ông ta vào."

Vị Tăng này làm phép trừ rồi nói:

- Trước cửa nước sẽ chảy theo hướng Tây, ông đệ tử này cũng đến từ hướng đó.

Nhất Hành quay lại nhìn dòng suối, quả nhiên nước đã chảy qua hướng Tây. Nhất Hành nghe vậy, liền chạy ngay vào đảnh lễ vị Tăng xin học toán pháp. Vị Tăng ấy liền truyền trao hết bí quyết cho ngài. Từ đó ngài làu thông các học thuật như Lịch tượng, âm dương, Tính bước đi... Ngài về lại Tung sơn theo Thiền sư Phổ Tịnh tham quyết tông chỉ Thiền tông, sau qua núi Đương Dương theo Luật sư Tuệ Ngộ học Luật. Tất cả những kinh sách chỉ cần đọc qua một lần thì ngài trọn đời không quên".

■

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 13

1. Đường Duệ Tông: (Canh Tuất)

Tên là Đán, con thứ tám của Cao Tông, ban đầu được phong làm Dự Vương. Sau Vũ Hậu phế Trung Tông rồi lập ông lên làm vua. Năm thứ bảy lại bị phế làm Tương Vương, thọ năm mươi lăm tuổi. Ông lập Long Cơ làm Thái tử, dùng Tống Cảnh, Diêu Sùng làm chánh sự. Em ông là Thái Bình công chúa chuyên quyền. Ông trị vì được ba năm. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Cảnh Vân.

Nhâm Tý: Đổi niên hiệu là Thái Cực, sau lại đổi thành Đình Hòa, lại đổi thành Tiên Thiên. Tháng bảy truyền ngôi cho Thái tử.

2. Tổ 6: Đại sư Tuệ Năng:

Tiên Thiên năm đầu, Đại sư Tuệ Năng thị tịch. Sư họ Lư, cha người Phạm dương, tên là Hành Thao. Trong niên hiệu Vũ Đức, ông làm quan ở Tân châu, Nam Hải rồi sinh Sư ở đây. Ba tuổi mất cha, Sư thờ mẹ rất có hiếu. Lớn lên, nhà nghèo, Sư phải kiếm củi để nuôi mẹ. Một hôm gánh củi vào trong chợ nghe có người tụng kinh Kim Cang, Sư bỗng nhiên tỉnh ngộ bèn hỏi khách:

- Đây là pháp gì, ai truyền cho ông?

Khách đáp:

- Đây là kinh Kim Cang do Đại sư Hoằng Nhẫn ở Huỳnh mai truyền.

Về đến nhà, Sư xin mẹ đi tìm thầy học đạo. Sư đến Huỳnh mai yết kiến Đại sư Hoằng Nhẫn, Hoằng Nhẫn vừa nhìn thấy Sư liền thầm hứa khả. Sau truyền y pháp và bảo Sư ở ẩn tại Hoài Tập Tứ Hội.

Ngày tám tháng giêng, Nghi Phụng năm đầu Sư đến Nam hải rồi về Tào Khê khai đại pháp vũ. Một hôm, Sư bảo chúng rằng:

- Này Chư Thiện tri thức! Mỗi người nên tịnh tâm nghe ta nói pháp. Tự tâm là Phật, chớ có hồ nghi. Ngoài không một vật để có thể kiến lập. Đó đều là do bản tâm sinh ra muôn chủng pháp. Nên kinh nói:

"Tâm sinh thì chủng chủng pháp sinh, tâm diệt thì chủng chủng pháp diệt. Muốn thành tựu chủng trí, phải đạt được Nhất tướng Tam-muội và Nhất hành Tam-muội. Ở bất cứ nơi nào mà chẳng trụ tướng, ở trong các pháp chẳng sinh yêu ghét, cũng không thủ xả, chẳng nhớ nghĩ lợi ích thành hoại... an nhàn tĩnh lặng, rỗng rang đạm bạc, đó gọi là Nhất tướng Tam-muội. Ở bất cứ nơi nào, đi đứng nằm ngồi thuần một chân tâm, chẳng đối đạo tràng liền thành tịnh độ, đó gọi là Nhất hành Tam-muội. Nếu người đầy đủ hai thứ Tam-muội đó, như đất có giống hay hàm chứa trưởng dưỡng mà kết trái. Nhất tướng, Nhất hành cũng như vậy".

Nay ta thuyết pháp cũng giống như mưa thấm nhuần đại địa. Phật tánh của các ông ví như giống gặp nước thấm nhuần và nẩy mầm nương theo lời ta quyết chứng Bồ-đề, nương theo hạnh ta nhất định chứng được diệu quả.

Sư thuyết pháp độ cả ngàn học giả. Tháng bảy năm sau sư về trụ tại chùa Quốc Ân ở Tân châu. Đồ chúng khóc hỏi:

- Thầy đi bao giờ trở lại?

Sư đáp:

- Lá rụng về cội không hẹn trở lại.

- Pháp nhãn của thầy người nào được truyền?

- Người có đạo thì được, người vô tâm thì không.

Ngày ba tháng tám tại chùa Quốc Ân sư dặn dò chúng:

- Ta nhận y pháp của Đại sư Hoằng Nhẫn. Nay chỉ thuyết pháp mà không truyền y ấy cho các ông, bởi vì lòng tin của các ông đã thuần thục quyết định không còn nghi, kham lãnh được đại sự. Nghe ta nói kệ:

Đất tâm chứa các giống
Mưa xuống tất nẩy mầm
Hoa đốn ngộ tình hết
Quả Bồ-đề tự thành.

Sư dạy tiếp:

- Pháp ấy chẳng hai, tâm này cũng vậy. Đạo vốn thanh tịnh không có các tướng. Các ông chẳng cần quán tịnh, chẳng cần làm tâm rỗng rang, tâm này vốn tịnh chẳng cần thủ xả. Các ông hãy tự nổ lực tùy duyên mà bước đi. Giờ Niết-bàn của ta đã đến. Trân trọng.

Nói xong sư ngồi kiết già thị tịch. Hôm ấy, núi rừng trắng xóa, chim thú kêu rất bi thương, mây ngũ sắc hương thơm, sương móc quần quyện mấy ngày mới tan. Sau đó Đô đốc Quảng Châu thống lãnh quan lại của hai quận Thiều, Tân nghênh đón nhục thân của sư về chùa Bảo Lâm ở Tào Khê rồi dựng tháp. Chân thân của Sư hiện nay vẫn còn.

Cựu Đường sử ghi:

"Tắc Thiên nghe danh Thần Tú liền xuống chiếu mời đến kinh đô, rước ngài vào điện rồi quỳ lạy, ra lệnh dựng chùa Độ Môn ở núi Đương Dương để nêu cao tài đức của ngài. Bấy giờ, từ vương công cho đến sĩ thứ trong kinh thành đua nhau đến yết kiến, chen nhau đến lễ lạy, mỗi ngày có đến hơn vạn người. Hồi ấy Thần Tú và Tuệ Năng cùng thờ Đại sư Hoằng Nhẫn, hai ngài hoằng hóa nổi tiếng như nhau. Hoằng Nhẫn mất, Sư về trụ trì tại chùa Quảng Quả ở Thiều Châu, núi Thiều Dương hồi ấy có rất nhiều hổ báo, chỉ trong một đêm thì đi sạch, xa gần đều thán phục đến quy y sư. Thần Tú có lần tâu với Tắc Thiên xin triệu Sư vào cung, nhưng Sư từ chối. Tú lại tự viết thư thỉnh Sư, Sư bảo với thiên sứ rằng:

- Ta xấu xí quê mùa, người phương Bắc thấy ta sợ rằng không kính pháp của ta. Hơn nữa, thầy ta bảo rằng có duyên ở phương Nam, vì vậy không thể làm trái được.

Khi Trung Tông lên ngôi, triệu sư vào cung, nhưng rốt cuộc sư không đi và mất. Thiên hạ chia thành hai tông, cho rằng Thần Tú là Bắc tông, Tuệ Năng là Nam tông.

3. Huyền Tông: (Quý Sửu)

Tên là Long Cơ con thứ ba của Duệ Tông, sủng ái Dương Quý Phi, làm đạo sĩ lấy hiệu là Thái Chân. Lúc đầu, ông dùng Diêu Sùng, Tống Cảnh làm tướng trị yên thiên hạ. Về sau đam mê tửu sắc dùng Lý Lâm Phủ, Dương Quốc Trung là tướng văn, An Lộc Sơn làm tướng võ. Sơn nổi loạn, không bao lâu thì mất nước. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Khai Nguyên, trị vì được hai mươi chín năm thọ bảy mươi tám tuổi, Thượng Nguyên năm đầu ông mất, an táng tại Thái Lăng.

4. Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác:

Ngày mười bảy tháng mười năm thứ hai, Thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác thị tịch. Sư họ Đới xuất gia từ nhỏ, học thông Tam tạng, tinh thông pháp môn chỉ quán của Thiên Thai. Sư cùng Huyền sư Huyền Sắc ở Đông Dương đến yết kiến Lục tổ. Đến nơi, Sư cầm tích nhiễu Tổ ba vòng. Tổ hỏi:

- Phàm là Sa-môn phải đầy đủ ba ngàn oai nghi tám muôn tế hạnh, Đại đức ở đâu đến mà sinh đại ngã mạn như vậy?

Sư thưa:

- Sinh tử là việc lớn, vô thường quá nhanh.

- Sao không ngay nơi đó nhận lấy vô sinh, tỏ ngộ cái không nhanh?

- Thể tức vô sinh, tỏ ngộ vốn không nhanh.

- Đúng thế! Đúng thế!

Sư bèn đầy đủ oai nghi lạy tổ, giây lát cáo từ. Tổ hỏi:

- Về nhanh thế ư?

- Vốn tự chẳng động làm gì có nhanh.

- Ai biết chẳng động?

- Thân giả tự sinh phân biệt.

- Ông thể nhập ý vô sinh rất sâu.

- Vô sinh có ý ư?

- Không ý thì ai phân biệt?

- Phân biệt cũng chẳng phải ý.

Tổ khen:

- Hay lắm! Hay lắm!

Sư lưu lại một đêm, thời bấy giờ người ta gọi sư là Nhất Túc Giác (trong một đêm liền ngộ đạo).

Sau khi trở về, học chúng đua nhau đến cầu học, Sư trước tác Chứng Đạo Ca gồm một thiên, được Tăng Ấn Độ mang về Thiên Trúc. Chư Tăng Ấn Độ trân trọng cho đó là kinh Đại thừa của Đông Độ. Sư còn trước tác Thiền Tông Tu Ngộ Viên Chỉ gồm mười thiên và Quán Tâm Thập Môn, đều được lưu truyền ở đời.

5. Vua hạ chiếu thỉnh Thiền sư Nhất Hành vào cung:

-Ất Mão: Ngày tám tháng ba, Huyền Tông sai Lễ bộ lang trung Trương Hợp mang chiếu đến núi Đương Dương thỉnh Sa-môn Nhất Hành vào cung. Ngài cho rằng mệnh vua khó từ, nên đi. Vua xuống chiếu mời ngài ở tại điện Quang Thái. Vua nhiều lần hỏi ngài về việc an dân trị nước, ngài nói thẳng chẳng gì giấu giếm. Sau đó không lâu, Vĩnh Mục công chúa ra đời. Vua xuống chiếu y như việc cũ của Thái Bình công chúa mà phế truất. Ngài can gián vua cho rằng cuối đời Cao Tông chỉ sinh một đứa con gái, vì thế nên đặc biệt ưu đãi, nhưng do Thái bình vì kiêu ngạo lấn quyền nên bắt tội, không nên gán việc của Thái Bình cho Vĩnh Mục công chúa. Vua nghe theo bèn hạ chiếu đối xử như thường lễ. Trung thần đều can gián như vậy.

Có người cho ngài thuộc lòng rất giỏi. Một hôm vua đem sổ sách trong cung ra cho ngài đọc để thí nghiệm. Đọc qua một lượt, ngài đưa sách cho quan nội thị, rồi đối trước vua đọc lại mà chẳng hề sai một chữ.

Vua thất kinh quay qua nói với tả hữu:

- Thánh nhân đấy!

Từ đó, vua nhiều lần triệu ngài vào cung hỏi về tâm yếu của Phật, ngài ung dung đối đáp khiến vua ngày càng tỏ ngộ Phật lý. Mọi người trong thiên hạ nối theo nhà vua đến ngài hỏi đạo, tôn xưng ngài là Thiên sư.

6. Thiền sư Nguyên Khuê ở Tung nhạc:

Sư ở Bàng Cù trong Tung Nhạc. Một hôm, có dị nhân đội áo mão cân đai bệ vệ đi đến. Sư hỏi:

- Lành thay! Nhân giả! Đến đây có việc gì?

Người kia hắng giọng đáp:

- Thầy biết tôi ư.

Ngài nói:

- Tôi xem Phật và chúng sinh bình đẳng như nhau, lẽ đâu lại phân biệt?

- Ta là thần núi này, nắm quyền sát sinh người khác, lẽ đâu thầy coi ta như người khác?

- Ta vốn chẳng sinh ông làm sao giết? Ta xem thân như hư không, xem ta như ông, ông có thể giết được hư không và bản thân ông không? Nếu quả như ông làm được, nhưng ta thì bất sinh bất diệt, huống gì ông không thể làm được, thì làm sao sinh sát ta?

Thần cúi lạy nói:

- Tôi thông minh chánh trực giỏi hơn các thần khác, nhưng không biết thầy có trí tuệ rộng lớn như vậy, xin truyền trao chánh giới để tôi độ thế.

Ngài nói:

- Ông đã cầu xin giới, ngay đó đã đắc giới rồi. Vì sao vậy? Vì ngoài giới thì không có giới, làm sao giữ?

- Lý này tôi mờ mịt, chỉ cầu xin giới pháp của thầy, thân tôi nguyện làm đệ tử.

Ngài liền lập tòa, đốt hương và nói:

- Nay ta trao cho ông năm giới, nếu giữ được thì ông nói được, không giữ được thì nói không được.

Thần nói:

- Tôi xin y giáo.

Ngài nói:

- Ông có thể không dâm dục được không?

Thần hỏi:

- Lấy vợ được chứ?

- Không được, vì đó là không kiềm chế dục.

Thần nói:

- Được!

Ngài nói:

- Ông có thể không ăn trộm được không?

Tôi không thiếu thì ăn trộm làm gì?

- Không được, cúng thì ông ban phước bừa bãi, không cúng thì ông giáng họa.

Thần đáp:

- Được.

- Ông không sát sinh được không?

Thần đáp:

- Tôi là người nắm quyền, không sát sinh sao được.

- Không được lạm sát bừa bãi.

Thần đáp:

- Được.

- Không nói dối được không?

Thần đáp:

- Tôi vốn chánh trực làm gì có nói dối.

- Không được, trước sau không khế hợp với lòng trời.

Thần đáp:

- Được.

- Không uống rượu say sưa được không?

Thần đáp:

- Được.

Ngài nói:

- Đó là giới pháp của Phật nên có tâm phụng trì không nên câu chấp, nên có tâm vì người chứ đừng nghĩ đến mình. Nếu giữ được như vậy thì dù sinh trước trời đất nhưng không trẻ, dù chết sau trời đất nhưng không già, trọn ngày biến hóa nhưng không động, rốt ráo tịch diệt nhưng không yên. Tỏ ngộ được lý này thì dù cưới vợ nhưng không phải cưới vợ, ăn cắp mà chẳng ăn cắp, nắm quyền mà chẳng nắm quyền, nói dối mà chẳng nói dối, say rượu mà chẳng hôn mê. Đó gọi là có tâm thì có giới, không tâm thì không giới, không giới thì không tâm, không Phật không chúng sinh, không có ông cũng không có ta, không có ông thì ai giữ giới?

Thần đáp:

- Thần thông của con so với Phật thế nào?

Ngài đáp:

- Thần thông của ông thì trong mười điều có năm điều không làm được, Phật thì trong mười điều thì có ba điều không làm được.

Thần hoảng sợ quỳ xuống thưa:

- Con có thể nghe được không?

Ngài hỏi:

- Ông có thể làm trái thượng đế đi bên Đông mà hiện bên Tây được không?

Thần đáp:

- Không làm được.

Ngài hỏi:

- Ông có thể bắt địa thần gom năm núi, kết bốn biển được không?

Thần đáp:

- Không làm được.

Ngài nói:

- Đó là năm điều mà ông không làm được.

- Phật có thể làm tất cả tướng rỗng rang thành trí của vạn pháp, nhưng không thể diệt ngay được định nghiệp. Phật có thể biết tánh của hữu tình, thấu được việc trong ức kiếp, nhưng không thể giáo hóa kẻ vô duyên. Phật có thể độ vô lượng hữu tình nhưng không thể độ tận chúng sinh giới. Đó là ba điều mà Phật không làm được. Nhưng định nghiệp cũng không bền lâu, vô duyên cũng chỉ một lúc, chúng sinh giới vốn không tăng giảm. Rõ ràng không một người nào có thể làm chủ hữu pháp. Hữu pháp không có chủ đó là vô pháp. Vô pháp không có chủ, đó là vô tâm. Như ta hiểu Phật cũng không có thần thông, chỉ dùng vô tâm thông đạt tất cả pháp mà thôi.

Thần nói:

- Con thật cạn cợt ngu muội, chưa nghe được nghĩa không giới pháp mà thầy truyền trao con phải phụng hành. Nay con nguyện báo đáp, thầy cần điều gì chỉ dạy không?

Ngài nói:

- Ta quán thân không có vật, quán pháp không thường, còn muốn điều gì nữa.

Thần nói:

- Thầy phải sai con làm việc thế gian để bày thần lực của con

khiến những người đã phát tâm, chưa phát tâm có tín tâm, không tín tâm... thấy thần lực của con biết được có Phật có thần có điều làm được có điều không làm được, có tự nhiên, có chẳng phải tự nhiên.

Ngài nói:

- Ta không sai ông làm điều gì cả.

Thần nói:

- Phật còn khiến long thần ủng hộ Phật pháp lẽ đâu thầy làm trái với Phật sao. Mong ngài tùy ý sai bảo.

Bất đắc dĩ ngài nói:

- Chùa Đông Nham um tùm, cỏ mọc đầy mà không có đại thụ, phía Bắc núi này có nhưng chỉ bỏ không. Ông có thể dời cây ở phía Bắc trồng qua núi ở phía Đông được không?

Thần nói:

- Con xin tuân mệnh, chỉ sợ đêm tối tất có náo động xin thầy đừng sợ.

Nói xong, thần làm lễ rồi đi.

Ngài sai môn nhân tiễn thần, đồng thời xem thử ra sao. Thấy thần bệ vệ, dáng đi như vua, cuốn mây thổi gió, bụi bặm mịt mù, mang cả tràng phan chuỗi ngọc bay bổng lên không rồi ẩn mất. Đêm ấy quả nhiên gió to, sét dữ cuốn mây nổi sấm, nhà cửa rung động, chim đêm kêu thất thanh. Ngài bảo chúng rằng:

- Đừng sợ! Thần có nói trước với ta rồi.

Hôm sau trời quang mây tạnh và tùng ở phía Bắc đã được dời hết qua phía Đông, vẫn xanh tươi như được trồng từ trước. Ngài bảo đồ chúng:

- Sau khi ta mất chớ để người ngoài biết, nếu để truyền ra người ta sẽ cho ta là yêu mị.

Sư vốn họ Lý, người ở Y Khuyết, xuất gia từ thuở nhỏ, thọ giới Cụ túc và đắc pháp với Quốc sư Lão An, thọ bảy mươi ba tuổi.

Luận rằng:

"Vương Văn Công nước Kinh có lần hỏi Trương Văn Định Công rằng: Sau Khổng Tử một trăm năm thì có Mạnh Tử. Sau Khổng Tử thì có ai, tại sao đạo của ta thăm thẳm đến thế.

Văn Định trầm ngâm một lát rồi nói:

- Có người tiếp nối, nói ra sợ rằng có lỗi với họ mà thôi.

Văn Công hỏi:

- Ai vậy?

Văn Định nói:

- Nam Nhạc Hoài Nhượng, Tung Sơn Nguyên Khuê, Mã Tổ, Thạch Đầu, Đan Hà, Vô Nghiệp.

Khổng Tử lập giáo, kỷ cương không còn, cho nên quy về họ Thích. Văn Công khen phải. Về sau, Trương Công Vô Tận nghe việc này khen: Quả thật là lời lẽ của người đạt đạo, ông ấy quả nhiên là người xuất thân từ tổ đình Tung sơn nên mới siêu tuyệt, thuyết pháp cuồn cuộn như thế. Vậy thì từ Nam Nhạc về sau, kỷ cương giáo pháp thế gian không còn, có thể thấy được lý do. Hai ba người cùng luận lẽ đâu không tin."

7. Tam tạng Vô Úy đến Kinh sư:

Năm này Tam tạng Pháp sư Vô Úy người Thiên Trúc đến Kinh sư. Khi mới lên ngôi, một đêm nọ vua nằm mộng thấy có một Phạm Tăng phong độ rất phi thường đến yết kiến. Tỉnh dậy vua cứ nhớ mãi, bèn sai thợ vẽ lại hình Phạm Tăng treo ở vách điện. Đến khi Vô Úy vào yết kiến, vua nhìn kỹ mới biết ngài chính là vị Tăng mà mình đã thấy trong mộng. Vua rất lấy làm lạ, bèn thỉnh ngài về ở tại chùa Tây Minh, vua quan đại thần đều rất kính ngưỡng ngài. Mùa thu năm sau, trời hạn hán vua biết ngài có thể sai khiến được rồng bèn mời ngài vào cung thỉnh ngài cầu mưa. Vô Úy tâu:

- Trời hạn đương nhiên là khổ, nhưng nếu sai sứ rồng, sợ rằng tổn hại đến vật khác.

Vua lại xuống chiếu dụ rằng:

"Người khổ vì mùa thu hạn hán, tuy có gió dữ mưa dầm nhưng lại làm dân vui."

Ngài đồng ý cầu mưa.

Quan Hữu ty thiết lập đàn tràng trang nghiêm tráng lệ, ngài cười nói:

- Như thế này mà khiến trời mưa ư?

Bèn sai dẹp đi. Ngài chỉ bưng một bát nước đầy cầm một con dao nhỏ khuấy nước, tụng chú hơn trăm lần. Trong nước xuất hiện một con vật nhỏ như con nồng nọc đầu rồng, từ trong bát ngốc đầu dậy phun nước lên mặt ngài lát sau lặn mất, ngài niệm chú bảo đi. Khói trắng từ trong bát cuồn cuộn bay lên. Ngài bảo sứ giả:

- Về mau mưa đến đấy.

Sứ giả chạy ngoái đấu nhìn lại thì thấy mây từ giảng đường bốc lên, chốc lát gió sấm nổi lên đùng đùng. Sứ giả chạy vào tâu vua thì áo mão đã ướt hết rồi. Lúc ấy, gió lớn mưa dầm ngập cả nhà cửa, nhân dân khiếp sợ, mưa gió cả ngày mới dứt. Lại có lần ngay lúc mưa dầm

dề, vua mới ngài dừng mưa. Ngài ở trong chùa nặn năm tượng hình người bằng đất bùn rồi niệm chú gần như mắng chửi, trời liền dứt mưa. Việc làm của ngài thần nghiệm như thế. Vua kính ngài như thần sau đó không lâu ngài thông Hoa ngữ dịch các kinh như Hư Không Tạng Tỳ-lô-giá-na Tô tất địa Yết la... cả hơn mười bộ. Khi ấy Thiền sư Nhất Hành, Tam tạng Bảo Nguyệt đều tham dự việc này. Tính ngài thích đơn giản yên tĩnh, ưa thiền quán, thường khuyên người học tu thiền định. Ngài nhiều lần dâng biểu xin về nhưng vua kiên quyết không cho.

8. Tống Cảnh lễ tháp của Lục tổ:

Năm này Tiết Độ sứ Quảng Châu là Tống Cảnh vào Tào Khê lễ tháp Tổ, thệ rằng:

- Đệ tử nguyện trọn đời ngoại hộ đại pháp, xin ứng hiện một điềm lành để làm tin.

Nói xong, gió nhẹ bỗng thổi đến, mùi hương phảng phất bay quanh ông. Tức khắc mưa ngọt trút xuống chỉ trong khuôn viên chùa. Cảnh mừng rỡ trở về. Sau đó không lâu Cảnh được triệu vào cung cùng chấp chánh với Diệu Nguyên Sùng. Ngườiđời gọi là Diêu, Tống là hiền tướng trung hưng giáo pháp.

9. Vua hạ chiếu mời Nhất Hành và sửa soạn Đại Diễn lịch:

Triều đình dùng lịch Lăng Đức, ngày nhật thực không đúng. Vua hạ chiếu mời Thiền sư Nhất Hành sửa và soạn lịch mới. Ngài nhận chiếu chỉ suy tính số trong Đại Diễn và lập cách tính để thử lại. So sánh với những gì mà trong kinh sử ghi, thời tiết, ngày mồng một, tên gọi, độ số đã khảo cứu đều khế hợp với những gì mà ngài trước tác. Sau đó rất lâu Đạo sĩ Hình Hòa Phát bảo Thái sử Lệnh Ý Hâm rằng:

- Nhất Hành lẽ đâu là Thánh nhân?

Xưa Lạc Hạ Hằng soạn lịch Thái sơ, từng ghi rằng:

“Tám trăm năm sau sẽ sai một ngày, lúc đó tất cả Thánh nhân xuất thế chỉnh sửa lại”.

Năm này đã đến ngày sai, Nhất Hành lại suy tính số của Đại Diễn để sửa lại sự nhầm lẫn của số gia. Lời của Hằng nói, quả thật không sai.

Hâm cũng cho là đúng. Ngài lại muốn biết hoàng đạo trồi sụt mấy ngày, nhưng Thái sử không có Hoàng Đạo Nghi, ngài dâng biểu xin lập Hoàng Đạo Nghi. Vua đồng ý.

10. Sa-môn Trí Thăng dâng mục lục Tạng kinh cho vua:

Nhâm Tuất: Vua chú giải Hiếu kinh và viết lời tựa.

Năm này Sa-môn Trí Thăng dâng vua mục lục Đại Tạng kinh của Phật giáo gồm hai mươi quyển, nhằm sắp xếp thứ tự Đại Tạng kinh và luận của Thánh hiền, cả thảy gồm năm ngàn không trăm bốn mươi tám quyển.

11. Nhất Hành Chế Tác Hoàn Thành Hoàng Đạo Nghi:

Tháng mười năm thứ mười một, Thiền sư Nhất Hành chế tác xong Hoàng Đạo Nghi, vua tự tay viết bài Minh, xuống chiếu an trí tại sân điện Vũ Thành để cáo thị với bá quan. Hoàng đạo nghi dựa trên tượng của một năm, có đủ sao, xích đạo và độ số của một năm, dẫn nước vào ngay trục khiến nó tự chuyển động. Một ngày một đêm thì giáp vòng. Bên ngoài gắn với hai bánh xe, nối liền với mặt trời mặt trăng khiến hai vật này cũng vận hành. Mỗi ngày phía Đông vận hành một vòng thì mặt trời vận hành ở hướng Tây một độ, mặt trăng vận hành mười ba độ và hai trên mười chín độ. Cứ mười chín lần quay thì mặt trời còn thừa, và mặt trời mặt trăng gặp nhau. ba trăm sáu mươi lăm lần quay thì mặt trời giáp vòng một năm. Hoàng Đạo Nghi làm bằng cái hộp bằng gỗ để trên đất bằng phẳng, một nửa của nó chôn sâu trong đất. Sáng tối, ngày mồng một, ngày rằm, nhanh chậm đều có chuẩn mực. Dựng hai người gỗ trên đất bằng, một người được đặt phía trước một cái trống để đợi thời gian, cứ đến một khắc (mười lăm phút) thì tự động đánh một tiếng trống. Một người được đặt trước một cái chuông để đợi giờ, cứ đến một giờ (hai tiếng đồng hồ) thì tự động gõ một tiếng chuông. Những vật này được nối nhau bằng một cây trục ăn sâu trong đất, mỗi vật có một công việc khác nhau. Hồi ấy Hoàng Đạo Nghi được xem là một thành công mầu nhiệm. Nhưng không bao lâu, đồng sắt dần dần hoen rỉ nên không chuyển động được, vua cho cất vào viện Tập hiền.

Trong năm này đổi tên điện đường bàn việc chánh sự, và lấy tên khác là Trung Thư Môn Hạ Tỉnh.

12. Con gái Quách Hành Từng thiết trai cúng dường nên chiêu cảm phước báo:

Vợ Quách Hành ở huyện Văn Đăng thuộc Đăng châu sinh một con gái mổ thức ăn như hạc, bà muốn đem chôn sống thì nó cất tiếng nói: “Do đời trước tôi từng thiết trai cúng dường, nên hiện thân hình như thế này để mọi người biết”.

13. Ngưu Vân cầu thông minh được cảm ứng:

Giáp Tý năm mươi bảy, Sa-môn Ngưu Vân thuở nhỏ rất đần độn. Một hôm ngài đến Đài sơn lễ lạy Bồ-tát Văn-thù. Vừa đến phía Đông Đài sơn, ngài gặp một ông lão. Ông lão hỏi:

- Ông đến đây làm gì?

Ngài đáp:

- Xin gặp Đại thánh cầu thông minh.

Ông lão nói:

- Văn-thù ở phía Bắc đài này, ông nên đến đó lễ lạy.

Ngưu Vân nghe lời dạy liền đi qua phía Bắc, nhưng cũng lại thấy ông lão khi nãy. Ngưu Vân nghĩ ông ấy chính là Văn-thù, liền sụp lạy. Ông lão nói:

- Ông là Sa-môn không nên lạy cư sĩ thế tục.

Ngư Vân vẫn sụp lạy không ngớt. Ông lão cảm động liền nhập định, biết tiền thân của Ngư Vân vốn là con trâu, có lần chở kinh Phật, nhờ phước báo ấy nên hiện đời được làm Sa-môn. Ông lão xuất định và nói cho ngài biết. Ông lão nói tiếp:

- Bản tánh ông mê muội, trong não có một cục thịt, nay ta sẽ cắt bỏ nó dùm ông.

Rồi ông lão bảo ngài nhắm kỹ mắt lại đừng vội mở ra. Ngài làm đúng lời dặn. Lát sau, ngài cảm thấy hình như ông lão dùng cái lưỡi mác nhọn cày trong não mình, nhưng không hình dung rõ ràng lắm. Một lúc lâu ngài thấy trong lòng khai mở khác hẳn lúc trước. Đến khi ngài mở mắt nhìn, thấy ông lão hiện lại thân Bồ-tát Văn-thù diệu tướng đoan nghiêm, và nói với ngài:

- Ta đã cho ông thông minh rồi đó!

Ngưu Vân vô cùng mừng rỡ cúi đầu lạy tạ, khi ngẩng lên thì Bồ-tát ẩn mất. Từ đó ngài thông minh, biện luận và liễu ngộ, là đạo sư của đương thời. Do túc nhân ấy nên ngài tên là Ngưu Vân.

14. Nhật Bản bắt đầu có Luật giáo: (Bính Dần)

Sa-môn Vinh Duệ, Phổ Chiếu... người Nhật Bản đến Dương châu, đồng thời dâng cúng mười tấm y Tăng-già-lê. Trên y có thêu hình núi, sông và những vật khác. Đó là vật mà quốc chủ của họ gởi sang để cúng dường cho Sa-môn đạo hạnh tại Trung Quốc. Khi ấy Luật sư Giám Chân nhận số y này và khen người nước ngoài có chủng tánh Phật và ngài muốn sang giáo hóa họ. Cũng vừa lúc Duệ, Chiếu... thỉnh cầu nên ngài liền theo thuyền sang Nhật. Giữa đường bị bão dập, đẩy thuyền

vào cửa biển Ngư Đà, nhưng do ngài là người có đạo hạnh trì Luật thâm sâu nên thoát được hiểm họa, cuối cùng cũng đến được Nhật Bản. Quốc vương Nhật Bản đoán biết trước nên liền xa giá đến nghênh đón ngài, và thỉnh về trụ ở điện Tỳ-lô-giá-na. Sau đó không lâu, quốc vương thỉnh ngài truyền tam quy ngũ giới. Phu nhân, quần thần cũng lần lượt được ngài truyền trao giới pháp. Từ đó Nhật Bản bắt đầu có Luật giáo.

15. Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi thị tịch: (Đinh Mão)

Năm này Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi thị tịch, hưởng thọ một trăm năm mươi sáu tuổi. Ngài vốn là con của một quốc vương thuộc Nam ấn, nhường ngôi xuất gia. Cao Tông nghe danh ngài liền hạ chiếu thỉnh ngài vào Trung Quốc. Trong niên hiệu Thùy Củng, ngài đến kinh sư, lúc ấy ngài đã bốn mươi tuổi. Những bộ kinh như Hoa Nghiêm, Đại Bảo Tích đều do ngài chuyển dịch. Vua và trọng thần trong triều tôn kính ngài như Phật sống. Ngày lễ tang, vua đặc biệt cấp cho ngài nghi lễ tống táng của thiên tử, dựng tháp ở Tây Nguyên, Long Môn và ban tặng ngài thụy là Khai Nguyên Nhất Biến Tri Tam tạng. Từ xưa đến nay chưa ai có đức độ và tiếng tăm như ngài.

16. Hòa thượng Phá Táo Đọa ở Tung sơn:

Không ai biết chính xác tên họ của Sư, lời nói và việc làm của sư không ai lường nổi. Người ta chỉ biết hồi ấy sư yết kiến Lão An Quốc sư và khế ngộ tâm yếu, ẩn cư trong Tung sơn. Trong núi có ngôi miếu rất linh, giữa điện chỉ an trí một ông táo. Kẻ gần người xa đến đây cúng tế không ngày nào ngớt. Sư dẫn đồ chúng vào miếu, dùng trượng gõ vào ông táo ba lần và nói:

- Ôi! Ông táo này do gạch đất làm thành, thánh từ đâu ra, linh ở chỗ nào? Thế mà lại đi hưởng phẩm vật cúng tế của người khác.

Sư lại dùng trượng gõ ba cái nữa, ông táo đột nhiên đổ sụp xuống. Lát sau bỗng có một người mũ cao đai rộng đến trước sư lạy tạ nói:

- Con vốn là thần táo trong miếu này, lâu nay phải chịu nghiệp báo, nay nhờ thầy nói pháp vô sinh, con được giải thoát sắp được sinh thiên, nên con đến lạy tạ.

Sư nói:

- Đó là tánh mà ông sẵn có, chẳng phải ta nói quá.

Thần táo lạy tạ sư rồi đi. Lát sau đồ chúng đến hỏi Sư:

- Chúng con lâu nay hầu hạ bên Hòa thượng, nhưng chưa được khai thị. Thần táo lãnh hội được ý chỉ thẳng tắt gì mà liền được sinh

thiên như vậy?

Sư đáp:

- Ta chỉ nói với ông ấy rằng do gạch đất làm thành chứ có nói đạo lý gì khác đâu.

Cả chúng im lặng, lát sau sư hỏi:

- Hiểu không?

Chúng đáp:

- Không hiểu.

Sư nói:

- Tánh vốn có tại sao không hiểu?

Chúng Tăng sụp lạy. Sư nói:

- Phá rồi! Phá rồi! Đọa rồi! Đọa rồi!

Bấy giờ chúng Tăng đều tỏ ngộ huyền chỉ.

Sau này Thiền sư Nghĩa Phong hỏi Quốc sư Lão An về ngài thế nào. Quốc sư khen:

- Ông ấy thấu tận mình và vật nhất như, có thể nói như trăng sáng trên trời cao, không ai mà chẳng thấy, chỉ có điều khó thể nhập vào lời ông ấy thôi.

Nghĩa Phong hỏi:

- Chẳng rõ người nào thể nhập được lời ông ấy?

Quốc sư đáp:

- Không biết.

Lại có vị Tăng hỏi:

- Khi vạn vật vô hình thì thế nào?

Sư đáp:

- Lạy chính là ông chứ không phải ta, không lạy chính là ta chứ không phải ông.

Tăng lạy tạ. Sư nói:

- Vật sẵn có, vật chẳng phải vật, nên nói "Hay chuyển được vật thì đồng Như Lai" là thế.

Có vị Tăng từ Ngưu Đầu đến, Sư hỏi:

- Từ pháp hội của ai đến đây?

Vị Tăng bước tới chắp tay nhiễu sư một vòng rồi đi ra. Sư nói:

- Pháp hội Ngưu Đầu không thể có người này.

Tăng bèn quay lại chắp tay đứng bên sư. Sư nói:

- Phải vậy! Phải vậy!

Tăng hỏi tiếp:

- Lúc ứng vật chẳng do người khác thì thế nào?

Sư nói:

- Lẽ đâu có chuyện chẳng do người khác?

Tăng hỏi:

- Làm thế nào thuận chánh về nguồn?

Sư hỏi lại:

- Về nguồn thuận cái gì?

Tăng nói:

- Nếu chẳng phải Hòa thượng thì ai lầm lạc chuốc lấy tội lỗi!

Sư đáp:

- Vẫn chưa thấy được đạo lý thời Tứ Tổ, chỉ thấy sau đó và tương lai.

Tăng bèn nhiễu sư một vòng rồi đi. Sư nói:

- Cái đạo thuận chánh xưa nay như vậy.

Có vị Tăng đứng hầu, Sư nói:

- Tổ Tổ Phật Phật chỉ nói như bổn tâm, bổn tánh của con người, ngoài ra không có đạo lý gì khác. Nắm lấy! Nắm lấy!

Tăng lạy tạ. Sư cầm phất tử đánh, nói:

- Một chỗ đã như vậy, thì ngàn nơi cũng như thế.

Về sau không ai biết Sư thị tịch lúc nào, ở đâu.

17. Nhất Hành thị tịch:

Tháng mười một năm này, Thiền sư Nhất Hành bị bệnh tại chùa Hoa Nghiêm. Cựu Đường sử ghi:

"Đêm nọ vua nằm mộng thấy mình đến chùa, lại thấy một tịnh thất, giường tòa, cửa sổ nơi ấy đều có khí tượng trắng xóa. Đến sáng vua nghe báo Nhất Hành bị bệnh, liền sai sứ đến thăm hỏi. Sứ trở về kể lại quang cảnh nơi ngài nằm giống hết như cảnh vua thấy trong mộng. Vua than thở rất lâu. Sau đó hạ chiếu thỉnh mười vị Đại đức trong kinh thành lập đàn cầu phước cho ngài. Sau đó bệnh ngài thuyên giảm trong thời gian ngắn. Lúc ấy, vua hạ chiếu thỉnh ngài theo xa giá đi Tân phong, được ít hôm ngài bệnh lại. Vua đích thân đến thăm hỏi. Ngài bèn tắm rửa rồi ngồi ngay thẳng thị tịch, thọ bốn mươi lăm tuổi. Vua khóc thương thảm thiết, không thiết triều ba ngày, hạ chiếu đến phúng điếu và cho quàng lại hai mươi mốt ngày để muôn dân đến chiêm ngưỡng lễ lạy. Dung mạo của ngài như người sống, râu tóc dài thêm ra. Vua đích thân soạn văn bia và khắc vào đá. Vua xuất năm trăm ngàn tiền trong quốc khố để dựng tháp và đúc tượng ngài bằng đồng, ban ngài thụy là Đại Tuệ Thiền Sư".

Có lần vua từ tốn hỏi ngài vận nước lâu dài bao nhiêu, có gặp nạn không?

Ngài đáp:

- Loan giá đi Vạn Lý, xã tắc cuối cùng có kiết.

Vua thất kinh hỏi nguyên do, ngài không nói, lui vào trong thất, bưng ra cái hộp nhỏ bằng vàng dâng vua và nói:

- Khi đến Vạn Lý thì mở ra xem.

Một hôm vua mở hộp xem, trong ấy bảo phải về gấp. Đến lúc gặp mối loạn của Lộc Sơn, xa giá đi thành đô, đến cầu Vạn Lý, vua tỉnh ngộ, không bao lâu liền quay về. Lúc ấy, Chiêu Tông mới được phong làm Kiết vương, mà nhà Đường đến Chiêu Tông thì diệt vong, nên ngài nói "cuối cùng có kiết".

Trong làng có bà lão thường ăn chay, cúng dường, bà có một đứa con phạm tội giết người sắp đem hành hình. Bà lão khóc lóc đến cầu xin ngài cứu. Ngài thương bà lão, bèn sai đệ tử bắt sinh vật, đệ tử bắt bảy con heo con, ngài đem nhốt hết trong lu, rồi dùng Phạm ngữ phù chú vào. Trong bảy ngày, sao Bắc đẩu lặn hết đâu mất. Triều đình chấn động, Thái sử tâu vua tất có biến, xin vua vào chánh điện cầu cúng giải nạn. Vua bí mật hỏi ngài, ngài nói:

- Đây là yêu ma chứ không phải gì khác, hễ tâm sân thì phá hoại tất cả việc lành, tâm từ thì hàng phục tất cả yêu ma. Nếu bệ hạ xuống chiếu đại xá thiên hạ, thì yêu ma chẳng làm gì được.

Vua nghe theo liền đại xá thiên hạ. Con trai bà lão nhờ đó mà thoát chết. Mỗi ngày ngài thả một con heo con ra thì một ngôi sao xuất hiện. Đến ngày thứ bảy thì chùm sao Bắc đẩu hiện lại như cũ. Những bí thuật của ngài phần nhiều là như vậy.

Ngài trước tác: Dịch Luận mười hai quyển, Đại Diễn Luận hai mươi quyển, Khai Nguyên Đại Diễn Lịch năm mươi hai quyển, Thất Chánh Trường Lịch ba quyển, Thích Thị Tuệ Lục, Đại Diễn Huyền Đồ, Tâm Cơ Toán Thuật, Quát Độn Giáp Thập Lục Cục, Lục Nhâm Liên Châu Ca, Lục Nhâm Tủy Kinh, Thiên Nhất Thái Nhất Kinh, Thái Nhất Cục Độn Giáp Kinh, mỗi loại một quyển, Ngũ Âm Địa Lý Kinh mười lăm quyển.

Tể tướng Lý Kiết Phủ phụng chiếu vua soạn Nhất hành truyện một quyển, có ghi lại trong Đường Nghệ Văn Chí. Năm thứ mười sáu, vua xuống chiếu sai Đặc Tiến Trương Thuyết, Lịch Quan Trần Huyền Cảnh... biên tập và lưu hành Đại Diễn Lịch do ngài soạn. Tháng ba, vua xa giá đến Ôn Thang, lộ trình có đi ngang qua tháp của ngài, vua xuống

xa giá nhiễu quanh tháp ngài, sai Phẩm Quan đến trước tháp tuyên cáo ý nguyện của mình, là ban năm mươi vải lụa để trang trí tháp, đồng thời trồng lại tùng bách trước tháp ngài. Ngài là người được thiên tử quan tâm đến như thế.

Sử Quan đời Tống là Âu Dương Văn Trung nói:

"Từ Thái sơ đến Lân Đức Lịch, cả thảy hai mươi ba nhà làm lịch, tuy gần với ngày giờ nhưng chưa sít sao. Đến Nhất Hành thì sít sao bậc nhất. Ông ấy dựa vào số mà lập cách tính, nên không thể có gì thay đổi. Đời sau tuy có người sửa đổi lại, nhưng đều phỏng theo ông ấy mà thôi".

Hồi ấy có Sa-môn Đạo Hoằng người Quảng Châu rất thân với Thị lang Trương Kích Chi. Hoằng hay nói việc kiết hung không điều gì là không hiệu nghiệm. Có lần Hoằng đến xem nhà cho Trung thư Trương Thuyết, dặn Thuyết rằng:

- Ông không nên đào đất ở góc Đông bắc.

Hôm khác Thuyết gặp Hoằng nói:

- Hơi xông khắp nhà, làm sao đây?

Hoằng cùng Thuyết đến xem góc nhà, bỗng thấy có ba lỗ hổng sâu hơn một trượng, Hoằng thất kinh nói:

- Ông giàu có chỉ một đời thôi! Con cái ông sắp tuyệt tự hết rồi!

Trương Thuyết sợ, muốn lấp đi, Hoằng nói:

- Lấy đất không có khí tượng, thì mạch đất không ăn liền nhau. Ví như vết sẹo trên cơ thể, đắp thịt khác vào thì có ích gì.

Về sau con cháu Trương Thuyết đều bị dính vào việc của Lộc Sơn nên bị chết sạch. Quả nhiên đúng như lời Đạo Hoằng nói.

Luận rằng: "Âu Dương Văn Trung rất ghét Phật giáo, ông ấy chưa khi nào đề cập đến Phật giáo cả, chỉ có trong Đường Chí ông ấy có coi trọng đến tác phẩm Đại Diễn của ngài Nhất Hành. Nhưng khi biên soạn về học thuật, thì Tống Cảnh Văn lược bỏ sử truyện của ngài Nhất Hành, Huyền Trang... mà chỉ soạn về học thuật địa lý của ngài Đạo Hoằng. Có thể ông ta cho rằng về phương diện Phật giáo, đạo hạnh và công lao của hai vị ấy không đáng để ghi nên mới làm như vậy, nhưng sự thật lẽ đâu lại như vậy ư?

Đại Diễn bao quát cả thiên thời; địa lý đề cập đến nhân sự, cho nên sử sách ghi lại đầy đủ, còn như đạo Phật của chúng ta không đời nào thịnh bằng đời Đường. Trong gần ba trăm năm, những bậc thầy về đạo đức trong thiên hạ không sao kể hết. Âu Dương và Tống Văn cho rằng Phật giáo chuộng giáo pháp của phương khác, nên đố kỵ mà không

chép. Cũng thời Xuân Thu, Lão Đam, Đàm Tử là bậc hiền tài nhưng trái lại không bằng Giang Nhân, Hoàng Nhân lại được chép trong sử sách. Như vậy lẽ đâu Lão thị không đáng để ghi chép sao.

Nên biết sử sách của quốc gia bao gồm lễ nhạc, chánh sự và những bí thư có giá trị và không giá trị khác, còn như giáo pháp của Phật giáo ta thuộc bậc tuyệt thế, vượt hẳn phiền lụy của phàm tình, thì can dự vào chánh sự làm gì, cho nên ông ấy không chép chung trong sách sử thế gian là thế. Từ đó mà xét, Âu Dương, Tống Văn phế truất nền đạo giáo ta, nhưng thân ý lại là đề cao, tôn trọng Phật giáo.

Cao lớn thay! Đại sư Nhất Hành! Buông ra lời nào đều là sấm ký của tám trăm năm. Đương thời minh quân thiên tử phải quỳ lạy tôn xưng là Thánh nhân. Đến như những tác phẩm của ngài làm ra để lại cho hậu thế, nó bao quát cả trời đất, xuyên suốt cả gần xa, đến một trăm năm sau những học thuật của ngài vẫn có hiệu nghiệm. Còn như Đại sư là Thánh nhân hay Hiền nhân thì bản thân tôi không biết".

18. Bài tựa Bát-nhã Tâm Kinh:

Lần đầu tiên lấy ngày sinh của vua làm tiết Thiên thu. Bắt đầu dùng Đại Diễn Lịch.

Năm này Thái sư Yên Quốc Công Trương Thuyết mất. Ông là trọng thần của nhà Đường. Những tác phẩm lớn trong triều phần nhiều do ông viết. Ông giỏi văn chương, cân nhắc thấu đáo lại am hiểu Phật giáo. Ông từng bị đày ở Nhạc châu nhưng nhờ tài thơ ca mà ông được giảm nhẹ tội. Hồi ấy người ta cho rằng ông được vượng khí núi sông trợ giúp. Thiên hạ không gọi đích danh của ông mà chỉ gọi Yên Công. Ông viết và khắc đá bài tựa trong Bát-nhã Tâm Kinh. Trong ấy nói:

"Muôn hạnh phát khởi từ tâm, tâm là cái làm chủ con người. Ba thừa đều quy về một, một là chủ của các pháp. Biết tâm không nắm bắt được đó mới là thật sự nắm bắt được. Thấy một nhưng thông suốt tất cả, đó mới thật sự là thông suốt một cách nhiệm mầu. Như Lai nói ngũ uẩn đều không, vì con người vốn không. Như Lai nói tướng các pháp rỗng rang, vì pháp vốn rỗng rang. Biết pháp thấu tánh rỗng rang, thấy tánh rỗng rang thì buông pháp. Thấy biết như vậy chẳng phải là rỗng rang đó sao! Thế nên định và tuệ đều rỗng rang trong pháp, vào được cửa ngõ này gọi là thấy tỏ pháp môn, đi trên con đường này gọi là con đường thẳng tắt. Nếu chẳng phải người thực hành sâu Bát-nhã này thì ai có thể chứng biết điều này".

Phò mã Đô úy Vinh Dương, Trịnh Vạn Quân là những người rất

giỏi văn chương, sở học tinh thông, hạ bút như thánh, hai người trổ tài ấn khắc tâm kinh dựng cái đáng quý của thiện thánh, mở tinh hoa cho hậu lai. Trong đó có đoạn nói:

"Phật dùng cái tâm không chấp tướng mà diễn thuyết, vì pháp vốn không sinh; ta dùng cái tâm không trụ trước mà truyền, nên nay pháp cũng không diệt. Đạo nằm trong chữ nghĩa, ý ngang bằng trời đất".

Quốc lão Trương Thuyết nghe vô cùng vui mừng. Những lời lẽ tán dương Phật pháp đều được khắc trong đá. Ông lại viết bài tán và bài tựa cho Tam Quy viện và Thiện Pháp đường. Trong ấy nói:

"Tam Quy viện Thiện Pháp đường ở phía Tây Pháp Trì viện do Trưởng lão Sơ Thượng Thiền sư sáng lập. Thiền sư họ Bành tên Tri, bản tánh hiếu học, thờ mẹ rất chí hiếu, mẹ mất sư tuyệt thực đến bảy ngày. Sư nói năng lời lẽ thâm sâu, đức hạnh sâu kín, dốc chí vào đạo, thám xét lý huyền nghiên cứu ý chỉ trong kinh Dịch, Lão Trang, Thái Nhất. Ngài tinh thông Phật điển, phẩm hạnh cao vời, hoạch định rõ ràng, chẳng mảy may nhầm lẫn. Việc làm của ngài như chẻ gỗ trong ngó sen, như tìm văn trong đá tảng, gắng sức dùi mài, toàn những việc mà sức người không kham nổi. Danh sĩ trong triều, cao đức nơi rừng sâu đều được thấm nhuần pháp vũ, xa gần đều mến mộ sư. Những năm cuối đời, Sư chuyên tâm thiền quán. Những việc sư làm trong thuở bình sinh thoát khỏi bụi trần. Sư thường cảm niệm Đế vương, cha mẹ đã cho mình xuất gia, công ơn sinh thành thật không sao trả hết. Sư nương giáo pháp Như Lai lập công đức này nhằm cầu phước cho quốc vương, báo ơn Cửu huyền Thất tổ trong muôn một, nguyện cùng tất cả chúng sinh đồng lên bờ giác.

Tam Quy đường do Sư sáng lập vào niên hiệu Trường An năm đầu. Thiện Pháp đường sáng lập vào năm Khai Nguyên năm đầu. Trong đó có em cùng mẹ với sư là Nhân Uyển, đệ tử sư là Khải Nghi và Sa-di Linh Triết là những người có công rất lớn. Bài tán viết rằng:

Kính báo các Phật tử
Nhất tâm thanh tịnh xét
Muốn cầu đạo chân chính
Phải vào từ lòng tin
Là tướng Phật hư không
Là nhiệm mầu của pháp
Định tuệ chẳng lìa nhau
Đó là Tăng hòa hợp
Nhân không pháp cũng không

Hai không ấy cũng không
Trụ tâm trong tam không
Nên gọi Tam quy xứ
Lớn thay ngài Sơ Thượng!
Dựng lập Thiện Pháp đường
Điểm tô ba đời Phật
Trang nghiêm mắt thanh tịnh
Hay vận tâm vô ngại
Vào khắp tất cả nơi
Thấy chẳng hề nhiễm sắc
Biết chẳng hề chấp biết
Đó là thấy chân thật
Là cái biết giải thoát
Phật quán lìa sinh diệt
Các pháp cũng như vậy.

19. Ấn định lại ngũ phục: (Nhâm Thân)

Năm này định chế lại ngũ phục. Ngũ phục có từ thời xưa, đến Thiên hậu thì bà xin để tang mẹ ba năm, sau đó họ Lư biện bác, không đồng ý. Khai Nguyên năm thứ năm Lư Lý Băng dâng biểu tâu, vua quan luận nghị rối bời, từ đó mỗi khanh sĩ đều có tang phục khác nhau. Qua hai mươi năm Tiêu, Cảo... chỉnh sửa lại ngũ phục, vua hạ chiếu y theo đó mà làm. Năm loại lễ phục này gồm có:

1. Tam Niên phục: Để tang cha gọi là Trảm thôi, vì tình thương thống thiết, như cắt đứt lòng mình. Để tang mẹ gọi là Tề thôi, kế sau cha, nhưng chỉ để tang trong hai mươi bảy tháng thì hết. Mười hai tháng đầu gọi là Tiểu tường, hai mươi lăm tháng kế tiếp là Đại tường. Tháng thứ hai mươi bảy gọi là Đàm phục, thêm một tháng để tang trong lòng nữa, sau đó là hết tang. Trảm thôi và Tề thôi chỉ được may bằng vải gai thô xấu. Bề tôi để tang vua cũng như vậy.

2. Kỳ Niên phục: Gồm mười ba tháng, là để tang cho ông nội...

3. Đại Công: Gồm chín tháng để tang cho chú bác...

4. Tiểu Công: Gồm năm tháng để tang cho anh em...

5. Ty Ma: Gồm ba tháng để tang cho anh em trong họ và nội ngoại trong tộc.

Còn lại, trong Ngũ Phục Chú sớ có nói rất rõ.

20. Tam tạng Kim Cang Trí thị tịch:

Ngày một tháng tám. Tam tạng Kim Cang Trí nói với đồ chúng:

- Lúc trăng tròn thì ta đi.

Đến lúc đó, ngài đầu đội kinh, nhiễu quanh tượng Tỳ-lô xong, về sàng tòa ngồi kiết già thị tịch. Vua ban ngài thụy là Quán Đảnh Pháp sư, sai Trung thư Đỗ Hồng Tiệm soạn văn bia.

Ngài thuộc dòng vương tôn ở Tây Vực, theo A-xà-lê Long Trí xuất gia và được truyền Mật giáo. Sau đó ngài qua vùng Nam hải của Trung Quốc. Tiết độ sứ Quảng Châu bẩm báo về triều, vua hạ chiếu đem xe đến rước ngài vào cung triệu kiến vua. Vua gặp ngài mừng rỡ, thỉnh ngài trụ tại chùa Đại Từ Ân

Sau đó không lâu, trời hạn hán, vua thỉnh ngài cầu mưa. Ngài lập đàn họa tượng Phật Thất Câu Chi thờ và hẹn rằng:

- Khi nào tượng mở mắt thì trời mưa. Ba ngày sau quả nhiên tượng mở mắt, lúc ấy có một vật lạ từ đàn tràn bay bổng lên hư không hóa thành mây rồi mưa ào ào đổ xuống. Vua xuống chiếu hết lời tán thán ngài.

Năm sau ngài xin từ biệt vua đi Nhạn Môn nhưng vua không cho đi, ngài bèn qua ở chùa Tiến Phước. Ngài tiếp độ người rất cẩn trọng, không bao giờ biểu lộ niềm vui trên sắc mặt, nên chẳng ai biết tâm trạng ngài thế nào. Đi đến đâu ngài đều lập đạo tràng Quán đảnh ở đó. Đệ tử ngài có sư Bất Không được truyền tông chỉ.

Hồi ấy Bất Không thờ ngài, ngài giao cho sư Tất Đàm chương bằng tiếng Phạm và Thanh Minh luận, chưa đầy mười ngày, Bất Không đã đọc thuộc. Ngài thán phục tài của Bất Không dẫn sư vào đạo tràng Kim Cang niên hoa để kiểm nghiệm, ngài nhận thấy Bất Không còn giỏi hơn mình. Bất Không xin năm bộ Du-già, ngài chưa hứa khả, Bất Không liền đến Thiên Trúc tìm cầu. Đêm nọ ngài nằm mộng thấy tượng Phật trong kinh thành đều đi về hướng Đông cả, khi tỉnh dậy ngài kể cho Bất Không nghe, lúc này Bất Không mới nói rõ ý nguyện sang Tây Thiên của mình. Ngài nói:

- Ông là người thừa kế tông chỉ, ta đâu có tiếc gì!

Rồi ngài truyền trao năm bộ Du-già, Tỳ-lô-giá-na kinh và Tô Tức Quỹ Phạm cho Sư. Sau khi ngài thị tịch, Bất Không nhận lời di huấn phổ truyền Mật tông này sang Tây Thiên.

21. Thiền sư Nghĩa Phước thị tịch:

Năm này Thiền sư Nghĩa Phước thị tịch. Cựu Đường sử chép:

“Sư đắc pháp với Thiền sư Thần Tú, hồi ấy sư ở trong phương

trượng của chùa Cảm Hóa, hơn hai mươi năm chưa từng ra khỏi cửa. Có lần sư theo xa giá đến Đông đô, Thứ sử cùng quan lại muôn dân trong Bồ châu và Hiệu châu đều đem tràng phan hương hoa đến nghênh đón sư, đến nỗi nghẹt cả đường đi. Sau khi sư thị tịch, vua hạ chiếu ban cho sư hiệu là Đại Trí Thiền sư và an táng phía trên cửa cung. Hôm ấy có đến mấy vạn người tống tiễn kim quan. Trung thư Nghiễm Đĩnh Chi soạn văn bia. Hồi đó Thiền sư Thần Tú tuy là bậc đức hạnh trong Thiền môn, được Đế vương kính ngưỡng, nhưng ngài chưa từng nhóm chúng khai đường truyền pháp. Đến sau khi Sư thị tịch, Thần Tú mới bắt đầu truyền giáo tại kinh thành. Trong hơn hai mươi năm ấy, ai nấy đều rất ngưỡng mộ Sư.

22. Trương Quả Tiên sinh ở Hằng châu: (Quý Dậu)

Thứ sử Hằng châu là Vi Tế tâu vua:

- Phương sĩ Trương Quả có bí thuật Trường Niên, nói được những việc trong vài trăm năm. Hồi trước Tắc Thiên có lần triệu ông vào triều nhưng ông giả chết không đi. Đến nay mới thấy lại.

Vua nghe vậy sai Trung thư Thị lang Từ Kiêu đem ngọc tỷ và thư đến nghênh đón ông.

Trương Quả vào cung, vua nghe ông biến hóa khôn lường thì tỏ vẻ nghi ngờ. Hồi ấy Hình Hòa Phát rất giỏi toán số, biết được thọ mạng người khác ngắn hay dài. Vua triệu Phát vào tính tuổi thọ của Quả. Phát mờ mịt chẳng biết Quả có tuổi thọ bao nhiêu. Lại có Dạ Quang là người rất giỏi về ma quỷ, vua triệu Quang và Quả cùng ngồi im lặng quan sát nhau, rốt cuộc Dạ Quang cũng không thấy được Quả là người thế nào. Vua nghe nói, người uống nước rau cần mà không thấy đắng mới là kỳ sĩ chân chánh. Lúc ấy gặp trời lạnh, vua ban nước rau cần cho Quả. Quả uống hết ba đấu, vẻ mặt ngây ngất như người say rượu, quay qua nói với tả hữu:

- Đây không phải là rượu ngon!

Lát sau Quả lấy gương soi thấy răng mình đen xì, bèn sai tả hữu lấy gậy sắt Như ý đập gãy hết răng. Quả lấy thần dược thoa vào rồi leo lên ngủ. Chỉ trong nháy mắt, răng của ông mọc nguyên trở lại trắng đẹp vô cùng. Lúc này vua mới tin.

Vua định gả công chúa cho ông, ông biết trước hết lời chối từ, cuối cùng tránh được. Sau đó ông khẩn thiết xin về núi. Vua hạ chiếu nói:

"Tiên sinh Trương Quả ở Hằng châu là bậc du sĩ xuất thế, dấu tích cao vời, thâm nhập huyền thuật. Trước đây ông trà trộn trong dân gian,

đáp lại chiếu vua vào thành yết kiến, nhưng chẳng ai lần tìm được số mạng ông là bao nhiêu. Có thể nói ông chẳng khác nào Phục Hy thượng nhân. Hỏi về đạo lý, ông hiểu biết thấu đáo. Nay đặc biệt gia ân tự do vào triều, hoàng thượng rất sủng ái ban phẩm lộc như Ngân thanh quang lộc Đại phu, ban hiệu là Thông Huyền Tiên Sinh.

Năm đó Trương Quả vào ẩn thân trong Hằng sơn, từ đó về sau chẳng ai thấy ông nữa.

23. Tam tạng Vô Úy thị tịch: (Ất Hợi)

Năm thứ hai mươi ba, Tam tạng Vô Úy thị tịch, thọ chín mươi chín tuổi. Vua hạ chiếu sai Hồng Lô Thừa Lý Hiện lo liệu tang lễ, an táng và dựng tháp ngài tại Quảng Hóa thuộc Tây sơn Long Môn. Ngài vốn thuộc dòng Thích, hậu duệ của Cam Lộ Phạn Vương. Ngài nhường ngôi xuất gia, đạo đức và thanh danh của ngài đứng đầu ở Thiên Trúc. Mỗi lần giảng pháp đều có điềm linh ứng hiện. Đầu tiên ngài giảng Giá na kinh tại nước Ô Trà, lúc ấy chúng hội có thấy bốn chữ Tỳ-lô-giá-na bằng vàng trên hư không, ai nấy đều đứng dậy xếp hàng chắp tay cung kính, lát sau không thấy đâu nữa.

Có lần đi qua Long hà, một con lạc đà chở kinh bị nước cuốn, ngài sợ mất kinh, liền lội theo lạc đà xuống dưới nước sâu, thế là Long vương liền mời ngài vào cung giảng pháp, ngài không hứa khả, Long vương chí thành thỉnh mãi cuối cùng ngài đi. Long vương giữ ngài ba đêm mới cho ngài về, những bản kinh Phạm ngữ ấy chẳng hề ướt một chữ. Những việc thần dị của ngài đại loại như vậy.

24. Tam tạng Bất Không hàng phục voi điên:

Năm này, Tam tạng Bất Không theo A-xà-lê Phổ Hiền ở nước Sư Tử cầu học cách lập đàn Đại Bi Thai Tạng và thỉnh sư khai mười tám hội Kim Cang Quán Đảnh. Một hôm quốc vương nước này đang điều phục voi, bỗng nhiên đàn voi lồng lên chạy tứ tán, chẳng ai dám truy cản. Khi ấy Bất Không ngồi ngay ngã tư đường, đàn voi chạy đến trông thấy ngài đột nhiên phủ phục xuống đất, sau đó bỏ đi. Từ đó cả nước tôn kính ngài như thần.

Luận rằng: "Từ khi Phật pháp truyền sang phía Đông, chư Tăng đều dùng những việc thần dị để giáo hóa. Những việc làm ấy công hạnh đều thuần thục, khế hợp với nguồn tâm, lưu xuất từ trí giác là việc làm của Thánh nhân chứ hoàn toàn không phải do phù chú huyễn thuật. Từ thời Đông Tấn, Thi lợi mật xuất hiện, tuyên dịch thần chú, nhưng thật

ra mà nói những thần chú ấy chẳng qua là cúng tế quỷ thần, xua đuổi tà ma, tiêu tai giải nạn cho con người mà thôi. Trong thời gian đó cũng có không ít kẻ mạo danh Tỳ-kheo từ nước ngoài vào dùng huyễn thuật hù dọa người ngu. Chẳng hạn như La-hán pháp, Chánh công, chỉ là những phép tà ma hạ liệt, giống như phép của Lôi công bên Đạo gia. Lẽ đâu đó là pháp thuật mà những bậc tông sư đạo cao đức trọng, những bậc giáo chủ rừng thiền lưu tâm đến ư.

Đến niên hiệu Khai Nguyên, ba Đại sĩ là Kim Cang Trí, Vô Úy, Bất Không người Tây Vực mới bắt đầu hoằng truyền Mật tông. Họ là những bậc tài cao đức trọng, là bậc chí tôn chánh chân, cho nên thần lực của họ ngang bằng với sức tạo hóa. Bởi vì ba đại sĩ ấy tuy hoằng truyền Mật tông nhưng đã là những người thấu triệt được tự tâm, việc làm lưu xuất từ thánh trí. Ba vị ấy từng lấy làm tiếc một sự việc mà trong Tư Trị Thông Giám đã viết. Chuyện rằng: Trong niên hiệu Trinh Quán có vị Tăng từ Tây Vực sang rất giỏi chú thuật có thể làm cho người chết ngay, sau đó làm cho sống lại. Thái tông mới gọi một tráng sĩ trong đám phi kỵ đến thử, quả nhiên đúng y như vậy. Nhân đó vua hỏi Phó Dịch. Dịch nói:

- Đó là tà thuật. Thần nghe tà không làm gì được chánh. Xin bệ hạ cứ sai thử nghiệm nơi thần sẽ biết.

Vua liền sai vị Tăng ấy chú thuật phù phép Phó Dịch, Dịch chẳng có cảm giác gì, ngay lúc ấy vị Tăng bị ngã quay nằm chết cứng trên đất và không sống lại nữa."

Đó là những lời đồn đại bẻ cong sự thật. Vì sao vậy? Bởi vì giả sử việc ấy có thật, thì tăng ấy không phải là Tăng chân chánh, phù chú cũng là tà ma. Có thể nói đó chỉ là tà thuật mà thôi. Thế nên điều đó không đủ chứng cớ để bôi xấu đạo pháp của ta được. Dù có dẫn chứng muôn ngàn lý lẽ cũng không thể có sự việc ấy được. Giả sử ông ấy từ Tây Vực lặn lội đến Trường An, pháp thuật của ông ta có thể làm cho người chết rồi làm cho họ sống lại, nhưng không lẽ ông ta lại không biết bảo vệ thân mình ư? Với một người bình thường, vô cớ làm cho ông ấy ngã lăn ra đất chết, thì dù trẻ con cũng không tin được.

Hơn nữa tuy lúc đó ba vị Đại sĩ này chưa đến Trung Quốc, còn như những bậc Đại đức Tăng trong kinh thành như Tuệ Thừa, Huyền Uyển, Pháp Lâm, Minh Thiệm lẽ đâu chịu ngồi yên nhìn ngụy Tăng từ nới khác đến phá hoại giáo pháp sao? Không xin trừng trị đích đáng lại để cho vua sai Phó Dịch thử nghiệm để phân biệt chánh tà ư.

Phật chế giới luật, dù là cỏ cây rong rêu còn không cho Tỳ-kheo

giẫm đạp vì sợ rằng làm tổn hại thân mạng chúng, huống gì nói đến chuyện đoạt thân mạng kẻ khác, lưu truyền phù chú cho đời. Thế nên tôi cho rằng, những lời đồn đại bóp méo sự thật đã quá rõ rồi.

25. Sa-môn Pháp Tú cúng y cho chùa Hồi hướng:

Mậu Dần: Bắt đầu dựng các trường học trong các châu quận. Năm thứ hai mươi sáu, Sa-môn Pháp Tú nằm mộng thấy vị Tăng khuyên mình đem năm trăm y ca-sa cúng cho chúng Tăng trong chùa Hồi hướng. Tỉnh dậy, ngài lấy làm lạ, nhưng cũng xin tiền may đủ năm trăm cái y, nhưng ngài đi hỏi khắp nơi nhưng chẳng ai biết chùa Hồi hướng ở đâu cả. Hôm nọ giữa đường ngài gặp một vị Tăng đi về phía mình, hỏi ngài:

- Thầy may y ca-sa đến nay xong chưa?

Ngài đáp:

- Xong rồi.

Vị Tăng nói:

- Ta sẽ dẫn ông đến chùa Hồi hướng. Ông mang y và đồ lấy lửa đi theo ta.

Ngài đáp:

- Dạ vâng!

Sáng sớm hôm sau, ngài theo vị Tăng ấy vào núi Chung Nam. Đi hết hai ngày bỗng đến một nơi thanh vắng lạ thường, chỉ thấy mây quyện mọi vật, đường núi cheo leo, hai người đi tới ngồi trên phiến đá. Vị Tăng ấy bảo ngài mài đá lấy lửa, đốt hương nhìn lớp khói mây ấy lễ lạy. Đột nhiên lớp mây vén ra, lưng chừng núi bỗng xuất hiện một ngôi bảo sát với tràng phan phất phới trong gió, ẩn mình sau ngạch cửa màu đỏ. Ngài mừng rỡ liền cùng vị Tăng bám vách núi leo lên. Đi gần lên, ngài ngửi thấy mùi cơm thơm ngào ngạt cùng thấy chuông mõ giao xen nhịp nhàng với nhau. Lát sau ngài nhìn thấy toàn cảnh ngôi chùa, trên có tấm biển viết hai chữ Hồi Hướng. Vị Tăng ấy đi thẳng vào bên trong, sai người gác cửa sắp xếp chỗ ăn ở cho ngài. Lát sau ngài mặc áo đắp y đến chào vị Trưởng lão Phương trượng, kế đó gặp chư Tăng, ai nấy đều kỳ vĩ oai nghiêm đến chào hỏi ngài. Hôm sau, Pháp Tú đem ca-sa cúng dường khắp chư Tăng trong chùa. Khi Trưởng lão đáp lễ xong, dẫn ngài vào một căn phòng trống và gọi thị giả đem nhạc cụ đến. Thị giả liền đem đến một cây tiêu bằng ngọc. Trưởng lão nói:

- Đây là gian phòng mà trước đây thiên tử nhà Đường từng ở. Do thích âm thanh của loại nhạc cụ này nên ông ấy thác sinh xuống làm Đế vương, không lâu cũng sẽ quay về.

Pháp Tú lưu lại hai đêm rồi xin về. Trưởng lão đưa ngài cây tiêu, y ca-sa và dặn:

- Thầy đem cây tiêu này về dâng cho thiên tử nhà Đường.

Trưởng lão sai vị Tăng tiễn ngài xuống núi. Ra khỏi chùa chưa xa, ngài nhìn lại thì thấy mây sương bủa quanh tứ phía, Pháp Tú than tiếc rồi quay về. Ngài vào cung dâng món quà mà Trưởng lão ấy gởi. Vua nhìn thấy, liền cầm ngọc tiêu thổi âm thanh trong trẻo, đúng tiếng tiêu mình từng được nghe. Sau này trong những buổi yến tiệc tại sân rồng, vua triệu Lý Bạch vào làm thơ, còn mình thổi ngọc tiêu, Dương Quý phi khiêu vũ. Tiếng tiêu trầm bổng, điệu vũ lả lướt chẳng khác tiên đi.

Kỷ Mão: Phong Khổng Tử làm Văn Tuyên vương (Ngồi quay mặt về Nam như ông Cổn, đội mũ miện như mười vị Hiền triết, lại vẽ bảy mươi hai người hiền treo trên vách miếu).

26. Lý Trưởng giả soạn Hoa Nghiêm Hợp Luận: (Canh Thìn)

Trưởng giả Lý Thông Huyền là con cháu nhà Đường, ông mất năm Khai Nguyên thứ hai mươi tám. Năm thứ bảy, ông đến huyện Mạnh ở Thái Nguyên, Cao Tiên Nô biết ông là bậc Đại hiền liền mời về ở nhà mình. Mỗi ngày ông chỉ ăn mười quả táo và một cái bánh lớn, cả ngày chỉ ngồi mài mực viết lách, chẳng giao tiếp với ai. Qua ba năm như vậy, sau đó ông qua dựng một cái thất bên cạnh ngôi chùa cổ trên đất họ Mã. Cả ngày ông chỉ ngồi tĩnh tọa mà thôi. Mười năm sau, bỗng nhiên một hôm ông xách đãy kinh sách ra đi. Đi được hai mươi dặm, bỗng gặp con hổ, con hổ từ từ nằm phủ phục xuống, ông vỗ lưng nó và nói:

- Ta định viết bộ luận giải thích kinh Hoa Nghiêm, ngươi có thể tìm giúp cho ta một chỗ ở được không.

Rồi ông đặt túi kinh trên lưng con hổ và đi theo nó. Đi đến trước một ngôi tháp ở núi Thần Phước, con hổ không đi nữa, ông bèn mang túi kinh vào ở trong tháp, con hổ vẫy đuôi đi mất. Ngôi tháp này thoáng mát sạch sẽ, rộng chừng sáu, bảy khuỷu tay, bốn bên trên dưới đều cân xứng nhau. Mái che bên trên tuy thấp nhưng rất hợp lý, sức người không thể làm nổi. Đêm mà ông viết luận, tâm trí bỗng nhiên bừng mở, thấu tận diệu lý, miệng phóng ánh sáng thay cho đèn đuốc. Lúc ấy bỗng thấy xuất hện hai đồng tử một nữ một nam, mặt mày tuấn tú, khoảng tuổi cập kê, ăn mặt rất đẹp lại có khăn quấn đầu. Hằng ngày hai đứa trẻ này múc nước suối, đốt hương mài mực, xếp giấy cho ông. Cứ sáng sớm là bưng thức ăn đến đặt trước ông. Ăn xong chúng bưng mâm bát đi đâu ông cũng chẳng biết. Như vậy đến năm năm, đến khi Trưởng giả viết

xong luận thì cũng không còn thấy chúng đâu nữa. Diện mạo của ông rất đẹp, râu tóc trắng phơ, cặp mắt quắc thước, môi đỏ như son, nước da hồng hào. Ông đội mũ bằng vỏ cây hoa, mặc áo bằng vải gai, quần dài ống rộng thắt lưng đi khắp đó đây, chẳng gì trói buộc. Ngày nọ ông xuống núi, gặp một gia đình tổ chức tiệc linh đình, ông đi vào và nói:

- Quý vị ở lại vui vẻ, ta đi đây!

Mọi người thất kinh chẳng hiểu ông đi đâu. Có người tiễn ông về núi, đến ngôi tháp đó ông tạ ơn rồi bảo người ấy quay về. Ngay đêm đó, khói mây quần quyện, núi non chấn động, có hai con hạc trắng bay lượn trên không kêu rất thảm, muôn thú khác kêu gào thảm thiết khắp cả núi rừng.

Sáng sớm hôm sau, người trong làng cùng đến thăm ông, thì thấy ông đã ngồi thẳng thị tịch trong tháp, thọ chín mươi lăm tuổi.

Tác phẩm của ông gồm có Hoa Nghiêm luận bốn mươi quyển, Quyết Nghị luận bốn quyển, Hội Thích hai quyển, Thập Môn Huyền Nghĩa Bài Khoa Thích Lược và Duyên Sách Giải Mê Thập Minh luận mỗi loại một quyển, cùng những kệ, tán, thi, phú nói về Thập Huyền Lục Tướng, Phổ Hiền Hạnh Nguyện, Hoa Nghiêm Duyên Quán. Người trong làng bèn đem về an trí tại thệ Đa-lan-nhã trong núi này. Đến niên hiệu Đại Lịch, Sa-môn Siêu quảng mới tìm được, liền lưu hành khắp nơi.

27. Thiền sư Thanh Nguyên Hành Tư:

Tháng mười hai, Thiền sư Thanh Nguyên Hành Tư thị tịch. Sư họ Lưu, quê ở An Thành, Kiết châu, xuất gia từ thuở nhỏ. Đầu tiên Sư đến yết kiến Lục tổ và hỏi:

- Phải làm gì để không rơi vào giai cấp?

Tổ hỏi lại:

- Ông từng làm gì?

- Thánh đế cũng chẳng làm.

- Vậy rơi vào giai cấp nào?

- Thánh đế cũng chẳng làm, làm gì có giai cấp để rơi.

Tổ thầm hứa khả. Sau đó sư qua ở tại núi Thanh Nguyên. Có ông Sa-di Hy Thiên đến yết kiến, Sư hỏi:

- Ông từ đâu đến đây?

- Con từ Tào Khê đến.

- Đem được cái gì đến?

- Chưa đến Tào Khê cũng chẳng mất.

- Mặc tình dùng đi, đến Tào Khê làm gì?
- Nếu không đến Tào Khê, làm sao biết chẳng mất.

Hy Thiên hỏi:

- Đại sư Tào Khê biết Hòa thượng không?
- Nay ông biết ta không?
- Biết, nhưng làm sao biết được?

Sư nói:

- Loài có sừng tuy nhiều, nhưng một con lân đã đủ.

Hôm khác sư hỏi Hy Thiên:

- Ông từ đâu đến đây?
- Con từ Tào Khê đến.

Sư dựng đứng cây Phất tử hỏi:

- Tào Khê có cái này không?
- Chẳng những Tào Khê mà Tây Thiên cũng không.
- Ông từng đến Tây Thiên rồi ư?
- Nếu đến thì có.
- Chưa đúng, hãy nói lại đi!
- Hòa thượng cũng phải nói giúp một nửa, chớ hoàn toàn tin vào người học.
- Chẳng từ chối nói giúp cho ông, chỉ sợ sau này không có người đảm đương thừa kế.

Một hôm, Sư sai Hy Thiên đem thơ sang Thiền sư Nam Nhạc, Sư dặn:

- Ông đem thơ xong về ngay, ta có chiếc búa nhỏ cho ông ở trong núi.

Hy Thiên đem thơ đến, chưa trình thơ đã hỏi:

- Khi chẳng trọng tánh linh của mình, chẳng cầu tìm chư Thánh thì thế nào?

Thiền sư Hoài Nhượng nói:

- Ông hỏi tột trên cao, sao không hỏi dưới thấp?
- Thà chịu vĩnh kiếp trầm luân, chẳng mến mộ chư Thánh giải thoát.

Hoài Nhượng không hỏi nữa. Hy Thiên trở về, Sư hỏi:

- Ông về rất mau, thư đến không?
- Tin cũng chẳng thông, thư cũng chẳng tới.
- Là thế nào?

Hy Thiên kể lại chuyện gặp Thiền sư Hoài Nhượng, rồi nói:

- Khi Hòa thượng có hứa cho chiếc búa, tiện đây xin lấy.

Sư liền duỗi một chân, Hy Thiên lạy tạ. Sau đó Hy Thiên từ giã sư qua tu núi Thạch đầu, đó là Hòa thượng Thạch Đầu Hy Thiên sau này. Sau khi sư quy tịch, môn nhân đều tôn sư là Tổ thứ bảy.

28. Thiền sư Phổ Tịch, trụ trì chùa Hưng Đường thị tịch:

Thiền sư Phổ Tịch trụ trì chùa Hưng Đường ở kinh đô thị tịch. Cựu Đường sử chép:

"Sư họ Mã quê ở Hà Đông. Thuở nhỏ đi tham học Kinh Luật với các bậc Cao Tăng ở khắp nơi. Sư thờ Thần Tú suốt sáu năm. Thần Tú thấy sư là bậc kỳ tài liền truyền hết mối đạo cho Sư. Thần Tú vào kinh đô, nhân đó tiến cử sư với Tắc Thiên, và sư được chiếu vua thế độ làm Tăng. Sau khi Thần Tú mất, những người mến mộ đạo pháp đều tôn thờ sư. Trung Tông nghe danh đức của sư liền hạ chiếu thỉnh sư thay Thần Tú quản lý đồ chúng. Khai Nguyên năm thứ mười ba, vua hạ chiếu thỉnh sư qua ở tại Đô thành. Bấy giờ, Vương Công, sĩ thứ đua nhau đến yết kiến, cầu học. Tính sư cẩn trọng, ít nói, người ta chưa bao giờ thấy Sư lộ vẻ hân hoan trên khuôn mặt, vì vậy xa gần càng tôn kính Sư hơn.

Lúc Sư thị tịch, tất cả những người từng yết kiến Sư trong khắp kinh thành đều để tang như một đệ tử thực thụ. Vua ban sư hiệu Đại Chiếu Thiền sư. Ngày an táng, Bùi Khoan và vợ con ông ấy đều mặc tang phục quỳ lạy trong hàng môn đồ pháp quyến. Quan dân đông nghẹt cả thành, khóc tiễn sư, chợ búa không đông đến mấy ngày".

Nhâm Ngọ: Đổi niên hiệu là Thiên Bảo.

29. Quan chiêm sự của thái tử là Nghiêm Đĩnh Chi mất:

Tháng chín, quan chiêm sự của Thái tử là Nghiêm Đĩnh Chi mất. Ông ấy là người có tiết tháo, nhiều lần được triều đình trưng dụng, thanh danh và công trạng vẻ vang, muôn dân trong thiên hạ đều muốn tiến cử ông làm Tể tướng. Vua cũng biết ông là người hiền tài, muốn tiến cử. Về sau ông bị Lý Lâm Phủ lấn quyền hiếp đáp, nên cuối cùng không có cơ hội thi thố tài năng. Khi ấy, ông ghi trước trong bia mộ rằng:

"Thiên Bảo năm đầu, Đĩnh Chi được Thứ sử Giáng Châu dâng sớ xin vua trưng dụng, thiên ân hứa khả. Sau cho về dưỡng bệnh, đồng thời giao trách nhiệm đảm sự cho Thái tử. Trước sau làm đến ba mươi lăm chức quan, mỗi khi nhận được thánh ân, thần thường hổ thẹn thấy mình không xứng đáng. Thần không tận tâm tận lực phò giúp nước nhà, nào dám mong được hồng ân ban phát. Nay bảy mươi tuổi rồi, không còn làm được gì nữa, may được Hoàng thượng và quan lại mến thương.

Tháng chín năm đó, thần nhuốm bệnh ở Tư Đệ, Lạc Dương. Ngày đó, tháng đó sẽ được an táng bên cạnh của Hòa thượng Đại Chiếu. Tận trung thờ vua được ghi trong sử sách, gắng sức giúp nước mới để tiếng cho đời sau, còn như thần chỉ là kẻ trong thôn xóm, nên tự ghi cho mình, dùng văn chương tô điểm cho đẹp mà làm gì.

Hồi ấy, Đĩnh Chi thờ Thiền sư Đại Chiếu, ông am tường kinh luận. Lúc được an táng bên cạnh tháp của Thiền sư Đại Chiếu, xuất hiện những điềm lành biểu thị rằng ông không quên ân đức của Thiền sư. (Xin xem trong Cựu Đường sử)

30. Vua hạ chiếu mời Thiền sư Bổn Tịnh vào cung:

Quý Mùi: Vua sai Trung sứ Dương Đình Quang vào núi Tư Không hái dây Thường xuân. Nhân đó Quang tìm đến chùa Vô tướng yết kiến Thiền sư Bổn Tịnh. Quang thưa:

- Đệ tử mộ đạo đã lâu, cúi xin Hòa thượng Từ bi tóm tắt chỉ dạy.

Sư nói:

- Những bậc thạc đức của Thiền tông trong thiên hạ đều quy tụ về kinh thành, thiên sứ nên về triều thưa hỏi mới biết đủ được. Bần đạo ở nơi hốc núi suối khe này không có chỗ dụng tâm.

Quang lại lạy tiếp. Sư nói:

- Thiên sứ đừng lạy bần đạo nữa. Thiên sứ muốn cầu Phật hay muốn hỏi đạo?

Quang thưa:

- Đệ tử ngu muội chưa rõ Phật và đạo nghĩa ấy thế nào?

Sư nói:

- Nếu muốn cầu Phật, ngay tâm là Phật, nếu muốn hiểu đạo không tâm là đạo.

Quang hỏi:

- Thế nào là ngay tâm là Phật?

Sư đáp:

- Phật do tâm mà ngộ, tâm do Phật mà bày, nếu ngộ được không tâm thì Phật cũng chẳng có.

Quang hỏi:

- Thế nào là không tâm là đạo?

Sư đáp:

- Đạo vốn không tâm, không tâm nên gọi là đạo. Nếu rõ được không tâm, thì không tâm chín là đạo.

Đình Quang quỳ lạy nhận lãnh. Về triều Đình Quang tâu vua toàn

bộ sự việc trong núi. Vua liền sai Đình Quang đem chiếu chỉ đến thỉnh sư. Tháng mười hai năm đó, Sư vào kinh thành, ở tại chùa Bạch liên.

Ngày rằm tháng giêng năm sau, vua thỉnh tất cả những bậc danh Tăng thạc đức vào đạo tràng trong cung cùng Sư xiển dương Phật lý.

Thiền sư Viễn hỏi Sư:

- Theo chỗ thấy của Thiền sư, ngài lấy gì làm đạo?

- Không tâm là đạo.

- Đạo do tâm mà có, sao bảo rằng không tâm là đạo?

- Đạo vốn không có tên gọi, do nơi tâm mà gọi là đạo. Nếu có tâm và tên gọi thì đạo không rỗng suốt như vậy. Tột tâm đã không, thì đạo từ đâu mà lập? Cả hai đều hư vọng, đều là giả danh.

- Thiền sư thấy có thân tâm là đạo phải không?

- Thân tâm Sơn tăng xưa nay là đạo.

- Mới vừa nói không tâm là đạo, bây giờ lại nói thân tâm xưa nay là đạo, lẽ đâu không trái nhau?

- Không tâm là đạo, tâm mất đạo không, tâm đạo nhất như nên nói không tâm là đạo. Thân tâm từ xưa nay là đạo, đạo cũng chính là thân tâm. Thân tâm vốn đã là không, đạo rốt cuộc cũng không có.

- Xem hình thể Thiền sư rất nhỏ, làm sao hiểu được lý này?

- Ông chỉ thấy tướng của Sơn tăng mà không thấy cái không tướng của Sơn tăng.

- Xin Thiền sư ở trên tướng nói cái không tướng!

Sư đáp:

- Kinh Tịnh Danh nói: "Bốn đại không chủ, thân không có ngã, cái thấy không ngã tương ưng với đạo. Nếu Đại đức cho bốn đại có chủ có ngã, nếu thấy có ngã thì cùng kiếp cũng không thể nhập được đạo.

Viễn nghe, hổ thẹn rút lui. Có đến bảy người cùng đến luận đạo như Viễn, Sư đều ứng đối biện luận thông suốt. Vua và bốn chúng đều hết lời tán thán Sư.

31. Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng: (Giáp Thân)

Năm thứ ba, Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng thị tịch. Trong niên hiệu Nguyên Hòa, danh Nho Trương Chính Phủ viết bài văn bia rằng:

"Thiên Bảo thứ ba, Quán Âm Đại sư thị tịch ở Hành Nhạc, thọ sáu mươi tám tuổi. Tăng lạp bốn mươi tám hạ. Thiên Hòa thứ mười, đệ tử Đạo Nhất nói với môn nhân: Mang cái hoài bão sáng ngời, rộng lớn, nhiều kiếp thay hình, cây trên tháp đã lớn, sợ dòng pháp đoạn dứt nên

ngài thường dặn dò lo lắng cho hậu học. Hoài bão lớn lao là mong xiển dương tổ đức, bèn đem cái công hành sáng ngời gởi trong lời văn, tạm nói cái không dấu vết để ủy thác nỗi trăn trở không bờ bến. Từ khi Ma-đằng, Trúc Pháp Lan diễn thuyết đại giáo ở Đông độ đến nay đã ngàn năm rồi, Đạt-ma truyền tâm tông đến đời thứ sáu thì phân thành hai tông. Không dẫn kẻ sơ cơ đốn nhập Phật tuệ, giáo chỉ của Tào Khê cứ thế mà truyền, hoằng dương mà lại tin, Quán Âm chính là người này.

Sư họ Đỗ, húy là Hoài Nhượng, quê ở Kinh Triệu, tổ tiên của sư sống ở An khương (tức Kim châu ngày nay). Tuổi còn để chỏm, Sư đã tỏ ra là người thông minh xuất chúng, những gì đã nghe qua, Sư đều nhớ vanh vách, thường ở trong nhà không thích chạy giỡn với những đứa trẻ khác, ở trong đám tạp dơ mà chẳng hề bị nhiễm ô. Có lần sư ngồi nhìn mặt nước, nhân đó thấy bóng mình sắc diện uy nghiêm hiện rõ như trong gương. Sư khuấy nước ba lần, nhưng nhìn lại vẫn thấy mình uy nghiêm như vậy, trong lòng hồ hởi như nhận ra điều gì đó, Sư liền quay về nhà. Đi được mấy bước, bỗng nghe trong hư không có người nói với sư: "Cửa ngõ Phật pháp đợi ông mở mang, đã nhận lời phó chúc sao ông chẳng gắng sức." Sư liền cắt ái phát tâm xuất gia. Sư cho rằng Luật tạng ở Kinh châu hoàn bị, nên liền đến đó tham học với Đại sĩ Trí Kinh. Sư là người đĩnh đạc nhất, đứng đầu trong học chúng. Sư cho rằng nguồn thiền vốn ở Tung nhạc, nên liền đến đó tham học với Trưởng lão Trường an. Sau khi đắc pháp, thân tâm vượt khỏi trần lao, ngao ngán văn tự, thích tu thiền quán. Sư đi khắp nơi để tìm cầu danh sư, có người bảo sư nên đến Tào Khê. Hồi ấy Đại sư Tuệ Năng đang hoằng hóa, học giả đều quy hướng, đã có mười ba người đắc pháp, mười một người hiện là thượng thủ trong pháp đường. Sư thấy mình là hậu học, nhỏ tuổi nên ngồi ở cuối pháp tịch. Sư nghe pháp trong lòng rỗng rang như chẳng nhận điều gì, khéo léo bịt tai như sợ nghe điều gì đó. Tuệ Năng thấy lạ, bèn dẫn sư lên ngồi ngay bên phải. Thấu được một âm mà thổi đến muôn vật, suốt được tâm tông tràn khắp đại thiên, cùng tổ luận bàn, lạ thay đều khế hợp. Được nhận diệu pháp, rồi làm tông sư. Sư qua Vũ Đang ẩn tu mười năm, sau qua Hành nhạc ủy thác thắng trí Bát-nhã. Nơi đây có đạo tràng Quán Âm, Sư thường ở nơi ấy, nên người gọi sư là Quán âm Đại sư. Có lúc dùng lời lẽ nhiệm mầu để phân tích lý, có khi làm một biện sĩ mà bịt miệng người hỏi, có lúc dùng đến trượng dép. Sư lưu trú trong núi rừng, điềm linh thường hiện trong mộng. Xa như Lương châu Ích châu, gần như Kinh châu, Ngô quận ai nấy đều vượt sông băng suối đến cầu học, chẳng khác nào Thánh hội trên Linh sơn ngày xưa.

To lớn thay! Xưa nay chưa từng được nghe! Một vị đã kiến tánh cùng đức, hoằng giáo khắp Chung, Lăng đáng bậc danh gia, lại xiển dương tông chỉ ban pháp khắp mọi người. Kế thừa tâm tông, khuôn phò xã tắc, đến lúc xả thân, trọn ở núi này, nêu tỏ thần quang để khai mở hậu thế. Những đệ tử đắc pháp sẽ được nêu ở phần sau. Đủ thấy giáo pháp ta đã mở mang rộng lớn."

32. Vua hạ chiếu mời Đạo sĩ Ngô Quân vào hỏi đạo:

Ất Dậu: Lập Dương Thái Chân làm Quý phi.

Năm này Đạo sĩ Ngô Quân được vua triệu vào điện Đại Đồng để hỏi đạo. Quân đáp:

- Sâu xa với đạo không gì bằng năm ngàn lời của Lão tử, ngoài ra chỉ toàn là thứ hư vọng tạp nhạp mà thôi.

Sau vua hỏi về thần tiên và cách luyện phép. Quân nói:

- Đó là việc làm của dân thường, phải qua nhiều năm tháng tìm cầu, bậc nhân chủ lưu tâm làm gì.

Mỗi lần trần tấu, Quân đều bàn đến việc dạy đời, thường khéo léo tâng bốc thiên tử, thiên hạ rất coi trọng ông ta. Sa-môn rất ghét gặp Quân, Cao Lực Sĩ trước đây thờ Phật, thường gièm pha Quân với vua. Quân biết liền từ giã vua về núi. Vua hạ chiếu lập đạo quán cho ông. Sau dời qua Mao sơn.

Khi ấy Quân thành kiến với Cao Lực Sĩ, bị Lực Sĩ gièm pha, nên văn chương của Quân bôi xấu Phật giáo thậm tệ, người đọc đều chê trách cho Quân bịa đặt. Lúc đó quan sát sứ Triết tây là Trần Thiếu Du rất ghét những việc làm của Quân, nhân đó mời Pháp sư Thần Hỗ viết luận để đả phá. Thần Hỗ viết Phiên Mê Luận để đính chính sự bịa đặt của Quân và lập luận của Quân bị bác bỏ. Cấp Sự Trung là Đậu Thiệu đọc luận của Hỗ bất giác khen:

- Hỗ đáng được gọi là hạt Ma-ni ngoài cõi trần, là Sư tử trong Luận sư.

33. Bắt đầu định chế cấp từ bộ cho Tăng Ni: (Bính Tuất)

Tháng năm, vua hạ chiếu độ Tăng Ni, đồng thời sai Từ bộ cấp độ điệp. Ngày nay sở dĩ gọi là Từ bộ, vốn phát xuất từ đây.

34. Vua hạ chiếu thỉnh Bất Không tỉ thí pháp thuật với La Tư Viễn:

Năm này Tam tạng Bất Không từ Tây Vực về, vua triệu ngài vào

cung lập đàn quán đảnh cho vua. Vua ban ngài hiệu là Trí Tạng Quốc sư. Khi ấy Phương sĩ La Tư Viễn rất giỏi pháp thuật, được vua sủng ái. Vua có chiếu chỉ thỉnh ngài tỉ thí với Viễn để phân thắng thua.

Hôm khác tụ tập trong điện, Tư Viễn cầm hạt châu Như Ý đang luận bàn với ngài, bất giác ngài đi đến giật hạt châu ném xuống đất rồi bảo Tư Viễn nhặt lên. Viễn cố hết sức nhưng nhấc không lên, vua định thò tay lấy. Bất Không cười nói:

- Sức của ba người đã rõ như hạt châu kia rồi.

Nói xong liền chìa hạt châu trong tay cho mọi người thấy, Tư Viễn khâm phục ngài rồi đi.

Mỗi lần cầu cúng Bất Không đều lập tòa Ngũ sắc, tay cầm tượng thần bằng gỗ rồi tụng chú, tượng thần tự đứng dậy ngay trên tòa. Bốn chúng thấy tượng cử động môi mắt. Những việc ngài làm vượt hẳn công tạo hóa, trong triều ngoài thành đều thờ ngài như Phật sống. Năm này có Phượng hoàng xuất hiện.

Tân Mão: Thế Tôn nhập diệt đã bảy trăm năm.

35. Thiền sư Huyền Tố trụ trì chùa Hạc Lâm thị tịch:

Nhâm Thìn: Kính sơn Đại sư Huyền Tố trụ trì chùa Hạc Lâm ở Nhuận châu thị tịch. Tả bổ Khuyết Lý Hoa viết văn bia rằng:

"Than ôi! Phẩm vị Bồ-đề sáu mươi mốt hạ, tuổi cha mẹ sinh là tám mươi lăm năm, người đến viếng tang làm sao nói hết. Đến nỗi có người lập hương án vọng ngài trên sông, hướng về phía chùa mà than khóc. Trong vòng mười dặm, hoa tuôn như mưa, hương dồn thành mây, tràng phan bảo cái che kín mặt trời. Ngày hai mươi mốt tháng đó, bốn chúng đưa nhục thân của Sư về an táng tại Tây Nguyên trên núi Hoàng hạc. Những quan lại trong châu, ấp đều mặc đồ tang khóc thương luyến tiếc, sông nước gợn buồn. Sư dời sang trụ tại chùa này làm tiếng tăm ngôi chùa lừng lẫy. Trong đêm thị tịch, cây ỷ, ngô đồng đều khô, hổ báo kêu gào bi thảm chấn động cả hang núi, người người đều ngậm ngùi, đất trời bỗng tối tăm. Đến khi đưa lên núi nhập tháp, gió mưa vần vũ, chim lành kín đất, hạc linh bay lượn. Hữu tình vô tình đều ngậm ngùi thương tiếc. Môn nhân là Pháp Cảnh, Pháp Hải nhận chiếu chỉ vua, dựng lập bảo tháp. Đệ tử Bồ-tát giới như cố Lại Bộ Thị Lang Tề Hàn, cố Hình bộ Thượng thư Trương Quân, cố Giang Đông Thái Phỏng sứ Lưu Nhật Chánh, cố Quảng Đông Đô đốc Lương Thăng, cố Nhuận châu Thứ sử Từ Kiêu, Vi Chiêu Lý, cố Cấp Sự trung Hàn Đình Thưởng, cố Ngự sử Trung thừa Lý Đan. Sư là người được quan lại muôn dân trọng

vọng nhất từ trước đến nay. Đệ tử có lần nghe pháp ở Kính sơn giống như Nhạc Chánh, Tử Xuân được nghe giáo huấn của Phu tử. Rửa lòng ngưỡng vọng, trời Hán càng cao, môn nhân của Pháp Kính tỏ ngộ sâu xa diệu đạo của Sư. Sư xét đoán muôn việc, diễn cổ bàn kim, công lao ngang với Thánh hiền. Đặt chí trong đạo lớn, thấy nghe tất cả. Sử nước Lỗ còn được ban bố, huống gì việc truyền tín tâm cho đời sau. Trong ấy nói:

Luyện vàng mài gương
Khổ công tôi luyện
Công sức dũa mài
Ai ai cũng thấy
Ân nhuần muôn vật
Quang minh biến khắp
Giáo hóa hợp thời
Cây cỏ đổi thay
Dẫn kẻ điếc câm
Chỉ là thầy ta
Buông lời Thánh giáo
Bỏ pháp phát bi
Chí đạo chẳng dời
Sóng gió tự chuyển
Cảnh do tâm bặt
Đạo phải tùy người
Thâm nhập lẽ huyền
Vào trong vô vi
Tánh vốn chẳng dơ
Trừ sạch làm gì
Thân tâm vắng lặng
Nghiệp chướng băng tiêu
Sức trí vô tận
Muôn cảnh nhất như
Pháp vị cam lồ
Bảo vật lưu ly
Ban khắp đại thiên
Không cùng không khác
Độ người chưa độ
Giáo hóa muôn duyên
Cây đạo bỗng khô

Giờ Niết-bàn đến
Thân ta không diệt
Tùy duyên ở đời
Trên điện kiết tường
Ứng hóa chư Thiên
Tháp linh lặng lẽ
Sông chảy âm thầm
Hằng sa kiếp hoại,
Nguồn trí thường viên.

36. Vua hạ chiếu lập đền thờ Tỳ-sa-môn Thiên Vương:

Quý Tỵ: Bọn giặc cướp Tây Phiên vây Lương châu, vua mời Tam tạng Bất Không cầu âm binh đến cứu nguy. Bất Không tụng mấy biến Nhân Vương mật ngữ, bỗng thấy một vị thần mặc giáp trụ đến. Vua nhìn thấy hỏi ngài:

- Thầy ấy là ai thế?

Ngài đáp:

- Con trưởng của Bắc phương Tỳ-sa-môn Thiên vương.

Bất Không tụng chú bảo vị thần ấy đi. Mấy ngày sau, Lương châu cấp báo:

"Có thần binh đến, uy vũ hùng mạnh, bọn giặc cuống cuồng, cuốn giáp chạy dài".

Vua mừng rỡ ra lệnh khắp thiên hạ, nơi nao có đóng quân đều phải lập đền thờ Tỳ-sa-môn Thiên vương.

37. Pháp sư Tả Khê Huyền Lãng của Thiên Thai tông:

Giáp Ngọ: Pháp sư Tả Khê Huyền Lãng mất trong năm này. Ngài xuất gia trong niên hiệu Như Ý, theo Pháp sư Tông ở Cối Kê học Luật, theo Thiền sư Cung nghiên cứu tâm pháp, hành hạnh Đầu-đà. Đầu tiên, Thiền sư Tuệ Văn ở Nam Nhạc ngộ được tông chỉ Pháp Hoa rồi truyền cho Thiền sư Tuệ Tư. Tuệ Tư truyền cho Thiên thai Trí Khải, Trí Khải truyền cho Chương An Quán Đảnh, Quán Đảnh truyền cho Tấn Vân Trí Oai, Trí Oai truyền cho Đông Dương Tuệ Oai. Huyền Lãng theo học Tuệ Oai và được truyền trao tông này. Rừng sâu thâm sơn là nơi đáng sợ, thế mà ngài đã một mình ở trong hang núi đến ba mươi năm, thường ngồi tham thiền bên Tả Khê, nhân đó người ta gọi ngài là Tả Khê Đại sư. Có lần ngài nói:

"Suối có thể tẩy sạch mọi ngu mê, mây tùng có thể gởi thân trong

trần thế. Ta sống ở đây thì cũng mất ở đây".

Ngài dựng tinh xá tuy chật hẹp nhưng không đến nỗi tệ, chỉ đủ để quỳ lạy. Ngài thờ Thánh tượng Quán Âm. Nguyện sinh về Đâu-suất, gần gũi Phật Di-lặc. Tâm chẳng rời định, miệng chưa từng uống thuốc, có khi mặc áo rách, tuyệt thực, tự mình may vá, dùng tay bụm nước suối uống qua ngày, sưởi ấm bằng bông vải, đỡ dạ bằng nước bọt. Có người hỏi:

- Muôn hạnh đều không, khổ hạnh làm gì?

Ngài đáp:

- Vốn không khổ vui, do vọng tập thành nhân, chúng sinh trừ hết mê vọng, thì khổ hạnh của ta mới dứt.

Lại hỏi:

- Tự sống trong núi rừng thì vậy, còn trong xóm làng thì sao?

Ngài đáp:

- Hương thơm bắt rễ từ bờ biển, Như Lai thành đạo ở Tuyết sơn, chưa từng nghe trong làng mà cảm thấy thoải mái hơn ở ngoài.

Một hôm ngài nói với môn nhân:

- Ta đã thấu tỏ mối đạo ở Tây Thiên, muôn hạnh vô đắc, giới là gốc của tâm, các ông nên lấy giới làm thầy.

Nói xong, ngài thị tịch, thọ tám mươi hai tuổi. Đệ tử được truyền tông chỉ gồm Thần Hỗ, Huyền Tịnh, Pháp Đăng, Tiêu Biện, Trạm Nhiên... cả thảy mười người. Tả bổ khuyết Lý Hoa viết văn bia đại lược nói:

"Thiền sư dạy người không mệt mỏi, có thể nói không cô phụ chúng Tăng. Hơn bốn mươi năm chỉ đắp một y Uất-đa-la tăng, một cái tọa cụ trọn đời chẳng thay. Ăn thì không trọng ngon dở, ở thì tịnh thất chật hẹp, chẳng lật xem thánh giáo, chẳng tổn hao một ngọn đèn, chẳng chiêm lễ tôn nghi, chẳng bước suông một bước, ngài chỉ ròng rặc tu tâm, oai nghi tế hạnh đều tương ưng với giới luật. Vì thế mà Sa-môn phương xa, Trưởng lão nơi gần, đến chật cả thất, như hơi ấm mùa đông, như bóng râm mùa hạ, chẳng mời mà tự đến."

38. Tác phẩm Pháp Môn Nghị của Thiên thai tông:

Sau này có Hàn Lâm Lương Túc là người thấu hiểu chỉ thú của Thiên Thai. Túc có lần viết Thiên Thai Pháp Môn Nghị. Trong ấy nói:

"Người tu hành Phật pháp cốt phải nắm được ba điều trọng yếu đó là Giới, Định, Tuệ. Con đường này phát khởi từ tâm, thành quả diệu giác. Nó xuyên suốt cả ba thừa, đứng đầu trong muôn hạnh, đầy đủ sự

lý. Xưa Pháp vương xuất thế chỉ vì một đạo thanh tịnh, dùng một âm diễn nói pháp, cơ cảm không đồng nên thọ nhận cũng khác. Vì vậy trong năm thời có năm vị, nghĩa của Bán, Mãn, Quyền, Thật, Thiên, Viên, Đại, Tiểu có khắp các bộ, rải khắp các tông, nhưng rốt cuộc vẫn không ngoài nhất thật. Thế nên kinh nói: "Tuy nói vô số đạo, nhưng kỳ thật chỉ là Phật thừa". Lại nói: "Mở cửa phương tiện, bày tướng chân thật, dẫn dụ để khắp căn cơ đồng vào tánh hải, diễn bày bằng pháp môn bất nhị. Tự tha cùng có, đồng đạt đến bí mật." Đó là lý do giáo này hình thành".

Từ khi Hạc Lâm thị tịch, dòng pháp chảy tràn khắp nơi, thần túc ẩn thì phân chia tông phái. Mỗi tông đều có cái nhìn khác nhau thành ra mâu thuẫn. Trong ấy lại có Tam-muội được nêu ra, tứ Y cùng xuất hiện, ứng cơ không đồng nên lập luận cũng khác. Do đó những bộ luận như Nhiếp Luận, Trì Địa, Thành Thật, Duy Thức cùng nhau hình thành. Bàn đến chẳng có chẳng không thì chưa thể nhất quán. Sau đó không lâu dòng pháp này tuôn chảy về Đông, người giảng pháp thường bị đóng khung trong chữ nghĩa, chẳng tự thoát ra được. Người tu thiền thì mờ mịt tánh tướng, chẳng dẫn ra được. Lại cho rằng cái này không phải cái kia, chưa chứng mà cho đã chứng, tuệ giải không tương ưng, thân khẩu không khế hợp. Thế là giềng mối chí đạo của pháp môn có lúc dường như bị đoạn tuyệt. Sau đó thì giáo pháp dần dần khôi phục trở lại. Những bậc lợi căn, lợi trí như Tuệ Văn, Tuệ Tư là những người nối tiếp kế thừa, nhưng sấm pháp vẫn chưa vang dội khắp nơi, nên tông chỉ này lại được truyền trao cho Thiên Thai Đại sư. Đại sư là bậc long tượng siêu ngộ, có cốt cách như Đế Nghiêu, Đế Thuấn. Ngài tán thán luận của Long Thọ, đạt được cái kiến giải của Nam Nhạc. Sau đó dùng ba loại chỉ quán, hình thành nhân duyên của một vật. Bao quát vạn pháp ở trong tâm, diễn khai mười thừa trong tám giáo, thì giới, định, tuệ pháp quán không giả trung, đều rõ ràng minh bạch có thể y đó mà thực hành. Thế nên giáo không bỏ pháp, pháp không bỏ người, người không bỏ tâm, tâm không lựa hạnh, hạnh không chứng đắc, chứng đắc phải có tông, vì thế mà giáo môn của Đại sư rất thịnh. Bởi vì khi ngài còn sống thì sáng rực thiên hạ. Đế vương phải thờ làm thầy, khi ngài mất đi thì dạo chơi nơi Thánh cảnh gần gũi Phật Di-lặc, tự tại ứng thân chẳng khác Quán Âm, làm sứ giả của Như Lai, phẩm vị và tài trí của ngài đâu thể nói cho hết. Ứng tích trong cái không thật, nhưng lời lẽ nhiệm mầu chẳng hề rơi rớt, người học đủ sức hàng phục ngoại đạo hiển bày ba tạng. Huống gì nghe rồi suy nghĩ, suy nghĩ rồi tu, tu rồi tin, thì niềm tin này làm sao diễn bày

cho hết. Người được như vậy dù rằng chưa chứng, nhưng tôi cho rằng họ đã gần chứng. Người thời nay chánh tín rất ít, mà những người xiển dương Thiền tông nhiều khi bảo rằng không Phật, không pháp, chẳng ác, chẳng thiện, giáo hóa hạng trung căn trở xuống, có khác nào những người chạy theo ái dục, ra vào cửa quan, lại cho rằng những gì mình nói hoàn toàn không trái ngược. Thế nên những người tu theo chẳng khác con ngài đâm đầu vào lửa lớn, phá hang rồi chui vào ngồi, mà đâu biết rằng dù ngồi đến mục xương vẫn không ra khỏi được. Ý nguyện làm lợi ích nhưng thành ra tổn hại mà không hay, tai hại chẳng khác tà ma ngoại đạo.

Từ đó mà xét, thì đại giáo của tông này, phương tiện của giáo này, các tông trong thiên hạ ít có tông nào sánh kịp. Từ ngài Trí Giả truyền xuống được năm đời, đến nay Đại sư Trạm Nhiên trung hưng chánh giáo, đã từng nói như vậy, nên tôi phụ lục trong thiên này.

39. Huyện lệnh Lỗ sơn là Nguyên Đức Tú mất:

Lỗ sơn lệnh Nguyên Đức Tú mất trong năm này. Đức Tú tự là Tử Chi người Hà Nam. Thuở nhỏ mất cha, thờ mẹ rất có hiếu. Ông được tiến cử làm Tiến sĩ, không nỡ chối từ, nên cõng mẹ vào kinh sư. Mẹ ông mất, ông làm lều tranh ở bên cạnh mộ, chích máu viết kinh Phật đến mấy ngàn lời. Viết xong thì cảm được mùi hương lạ quần quyện mấy ngày mới tan. Thức ăn không dùng muối sữa; ngủ không dùng chiếu nệm. Vua điều ông đi làm Huyện úy Nam hòa, ông không đi. Khi mẹ ông còn sống thúc ông lấy vợ, nhưng ông chẳng chịu cưới. Có người bảo rằng không lấy vợ là làm dòng họ tuyệt tự, thì ông đáp: "Anh tôi có con, tổ tiên đã có người tế tự rồi, tôi lấy vợ làm gì nữa."

Hồi ấy, con của người anh ông mất mẹ khi còn trong bọc vải, nhà nghèo không mướn nổi vú nuôi. Đức Tú tự mình cho thằng bé bú, bỗng dưng ông có sữa, đến lúc thằng bé trưởng thành thì sữa cũng hết. Gia đình nghèo khó, ông xin làm Huyện lệnh Lỗ sơn. Làm quan cả năm chỉ thừa một sọt lúa, một tấm lụa để đem về quê. Ông thích núi sông ở Lục hỗn vắng vẻ, u nhã nên định cư ở đó. Trong nhà chẳng có kẻ hầu người hạ. Những năm mất mùa, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, uống rượu đánh đàn để tự giải khuây. Phòng Quản mỗi lần gặp ông đều than: "Nhìn nhà cửa của Tử Chi khiến cho tâm danh lợi của con người đều dứt sạch". Tô Nguyên Minh có lần nói với mọi người: "Ta bất hạnh vì sinh vào thời suy loạn, nhưng không hận vì gặp được người như Nguyên Tử Chi".

Lúc ông mất, trong nhà chỉ có đôi guốc và chiếc chõng tre xiêu

vẹo mà thôi. Em cùng họ của ông là Nguyên Kiết khóc thương thảm thiết. Có người nói:

- Việc gì mà không than khóc quá mức như vậy?

Kiết đáp:

- Ôi! Ông chỉ biết quá mức lễ nghi mà không biết vượt quá cái tình. Từ nhỏ Đại Phu vốn mồ côi, lớn lên phải tự lập, về già không ai chăm sóc, mất đi thì chẳng còn ai. Con người thường đắm trong danh lợi, thú vui, ân ái, còn Đại Phu thì không. Sáu mươi tuổi đầu mà chưa từng biết sắc dục, thấy gấm lụa nhưng từng cầu đủ, chối bỏ vinh hoa, chưa từng có miếng đất mười mẫu, căn nhà mười thước, đứa hầu mười tuổi; chưa từng mặc gấm lụa, ăn thức ăn năm vị. Ta thương xót ông ấy chính là răn dạy cho những kẻ hoang dâm, tham nịnh, những kẻ luồn cúi cửa quan ham hố rượu thịt vậy mà thôi.

Luận rằng: "Các sách sử ghi rất nhiều truyện, nhưng chưa có quyển nào có một thiên ghi đức hạnh cao vời như thế này, Đường sử chép lại việc này ghi một vài người như họ Nguyên ở Lỗ sơn mà thôi. Nhìn đức hạnh và tiết tháo ông ấy, nghe những lời em ông ta nói, thì ông ấy quả là bậc Cao tăng rồi. Đứng giữa mấy ngàn người trong Đường sử, ông ấy quả là người kiệt xuất, nhìn lại quả đáng như vậy".

Cựu Đường sử ghi:

"Ông ấy để tang mẹ, chích máu chép kinh Phật đến mấy ngàn lời, chép xong thì cảm được mùi hương lạ quần quyện mấy ngày mới tan". Nhưng Tân sử thì không ghi việc này. Lỗ Sơn để tang, việc làm của ông chí thành, chẳng biết Tống Cảnh Văn vì hiềm khích cái gì mà chẳng ghi. Nếu cho rằng ghét cầu phước với Phật, nhưng Phật chưa từng khuyến khích ông ấy, Lỗ Sơn tự mình làm mà chẳng nghi ngờ, thế vì cớ gì lại hiềm khích Phật? Nếu cho rằng thân thể do cha mẹ sinh ra không nên hủy hoại, thì sữa là việc của phụ nữ, người nam chẳng có. Nhưng Lỗ Sơn vẫn có thể chảy ra sữa để nuôi đứa con của người anh mình, lẽ đâu lại không có máu chép kinh để cầu phước cho mẹ ư? Cảnh Văn rất muốn bảo tồn danh giáo, thế nhưng trăm hạnh của người quân tử tuy khác nhưng đồng quy, thế tại sao cứ khăng khăng chuộng Nho mà ghét Phật giáo".

40. Túc Tông:

Ất Mùi: An Lộc Sơn xin cho ba mươi hai tướng Phiên thay thế tướng Hán. Tháng mười một Lộc Sơn làm phản, mười lăn vạn binh cử đi Phạm Dương đều bị vây hãm ở Đông đô.

Bính Thân: Túc Tông tên là Hưởng, con thứ ba của Huyền Tông, khi Lộc Sơn làm loạn, Huyền Tông chạy đến đất Thục, tự lập Thái tử ở Phụng Tường, nhân đó ông lên ngôi đổi niên hiệu là Chí Đức. Lý Bí làm Tể tướng, Quách Tử Nghi, Lý Quang Bật có công bình định mối loạn. Ông mất năm năm mươi hai tuổi, an táng ở Kiến lăng, ở ngôi được bảy năm.

41. Huyền Tông chém đầu tượng vẽ là Thái thú Lãng châu:

Tháng năm, nghịch tặc An Lộc Sơn vây hãm Trường An, Huyền Tông xa giá đến đất Thục. Có người nói, khi xa giá mới vừa vào đất Thục, quan thái thú cùng An Lộc Sơn làm phản. Người này từng làm Thái thú Lã châu, còn một tượng vẽ treo ở bên đường. Huyền Tông nhìn thấy không nén nổi tức giận sai thị thần dùng gươm chém đầu tượng vẽ. Người ấy đang ở Thiểm tây, bỗng nhiên đầu mình vô cớ rơi xuống đất. Khi vua xa giá đến thành đô, đi ngang cầu Vạn lý, vua bỗng tỉnh ngộ sực nhớ đến lời sấm trong hộp vàng của Nhất Hành, bỗng nhiên quên mọi ưu phiền.

Tháng bảy Hoàng Thái tử lên ngôi ở Linh Vũ, đó là Túc Tông. Trong vòng mười ngày binh lính của Tiết độ sứ các trấn dẫn nhau đến yết kiến cả mấy mươi vạn. Vua phong Phòng Quản làm Tể tướng, kiêm nguyên soái thống lãnh ba quân chinh phạt giặc loạn. Không bao lâu Quản bị An Lộc Sơn đánh bại, bấy giờ giặc cướp khắp nơi nổi lên. Có người khuyên vua nên lập đàn cầu phước. Vua mới hơn một trăm Sa-môn vào cung lập đạo tràng, ngày đêm tụng kinh chú. Đêm nọ vua mộng thấy một Sa-môn thân sắc vàng óng đọc tụng danh hiệu Bảo Thắng Như Lai. Tỉnh dậy, vua hỏi tả hữu, có người đáp: "Ở hang Hạ lan Bạch thảo có vị Tăng người Tân La tên là Vô Lậu, thường trì danh hiệu Phật này, rất có thần dị".

Vua càng nghi ngờ, liền hạ chiếu thỉnh Vô Lậu triệu kiến. Ngài từ chối không đi. Vua liền sai Tiết độ sứ Quách Tử Nghi đem chiếu dụ đến thỉnh, Vô Lậu liền đến yết kiến. Vua thấy ngài thì mừng rỡ, vì đúng y như vị Tăng mình thấy trong mộng. Sau đó Tam tạng Bất Không cũng yết kiến vua tại đây. Vua giữ hai ngài lại và giao phó việc cầu cúng.

42. Bắt đầu thâu tiền đột Tăng, Đạo: (Đinh Dậu)

Tháng Giêng con An Lộc Sơn là Khánh Chử sai Lý Trư Nhi giết Lộc Sơn rồi tự lập. Tháng chín, phó Nguyên soái Quách Tử Nghi phá được An Khánh Chử kéo quân về lại kinh sư. Tháng mười, vua từ Linh

vũ về. Tháng mười hai, Thái thượng hoàng từ Tây thục trở về. Sau đó không lâu, vua lập đạo tràng trong thành nội, thuyết giảng và tụng kinh chú rất miên mật. Tể tướng Trương Cảo can rằng:

- Phước của Thiên tử do chăm sóc muôn dân mà có, thống nhất đất nước, thay đổi phong tục. Thần chưa nghe chỉ một Phật sự nhỏ nhoi mà khiến cho đất nước thái bình, xin bệ hạ hãy để tâm trong vô vi, không nên để Tiểu thừa khuấy động thánh ý.

Vua không nghe, liền ra sắc lệnh trên Ngũ nhạc đều phải dựng chùa cho thật trang nghiêm, chọn những Sa-môn đức hạnh bổ nhiệm trụ trì. Cho phép những cư sĩ nào tụng được năm trăm trang kinh thì thế phát làm Sa-môn. Hoặc Sa-môn nào nộp đủ một trăm tiền thì được cấp Độ điệp. Khắp nơi trong châu huyện những người nộp tiền để được làm Sa-môn, Đạo sĩ lên đến hơn mười ngàn người. Việc tiến nạp phát xuất từ đó. Vua đổi niên hiệu là Càn Nguyên, gọi năm là Niên thay vì Tái. Sử Tư Minh giết An Khánh Chử, sau Minh lại làm phản.

43. Sa-môn Vô Lậu người Tân La thị tịch: (Mậu Tuất)

Cao Tăng Vô Lậu người nước Tân La thị tịch tại Hữu Cáp Môn trong năm này. Ngài chắp tay bay bổng lên hư không đứng cách đất hơn tám thước. Tả hữu báo cho vua. Vua nghe, thất kinh chạy ra xem. Ngài để lại biểu tấu xin được an táng ở hang núi năm xưa. Vua hạ chiếu hộ tống nhục thân ngài về nơi xưa dựng tháp an táng. Nhưng khi đến Hạ Viện ở huyện Hoài Viễn thì khiên không nổi kim quan. Thế là vua cùng tứ chúng dùng bột hương tẩm liệm, xây tháp an táng ngài tại Hạ viện.

44. Vua hạ chiếu thỉnh Thiền sư Tuệ Trung ở Nam Dương vào cung: (Kỷ Dậu)

Năm này vua sai sứ đến Tào Khê, Thiều Châu, thỉnh y bát của Lục tổ Tuệ Năng vào cung cúng dường, đồng thời hạ chiếu thỉnh Thiền sư Tuệ Trung ở Nam Dương vào cung. Tuệ Trung người Chư Kỵ, Việt châu, là người được nhận tâm ấn của Lục tổ. Ngài tu ở hang động Đảng Tử ở Nam Dương suốt bốn mươi năm chưa một lần xuống núi. Ngài từng nói với đồ chúng:

"Người học thiền tông phải theo lời Phật dạy, lấy Nhất thừa liễu nghĩa khế hợp với nguồn tâm chính mình. Những gì không liễu nghĩa thì đừng nương tựa, y cứ, nó chẳng khác trùng trong thân sư tử. Phàm làm thầy người khác nếu dính mắc danh lợi, bày trò dị đoan thì mình và người nào có ích gì. Như người thợ giỏi, búa rìu chẳng làm đứt tay họ.

Sức con voi lớn chuyên chở, con lừa không kham nổi".

Khi được thỉnh vào triều, vua thỉnh ngài ở tại chùa Thiên Phước. Một hôm vua hỏi:

- Thế nào là thân Điều Ngự?

Ngài đứng dậy hỏi:

- Hiểu không?

Vua đáp:

- Không hiểu.

Ngài quay lại nói với tả hữu:

- Đem tịnh bình đến đây cho Lão Tăng!

Vua lại hỏi:

- Thế nào là Vô tránh Tam-muội?

Ngài đáp:

- Đàn việt đạp lên đỉnh Tỳ-lô mà đi.

Vua hỏi:

- Ý chỉ thế nào?

- Bệ hạ chớ nhận mình là Pháp thân thanh tịnh.

Vua nghe lại càng không hiểu. Sau đó vua trai giới, tắm gội sạch sẽ hỏi ngài mười câu:

1. Sau khi thấy tánh có cần bố thí làm phước không?

Ngài đáp:

- Trụ vô tướng mà bố thí thì khế hợp với kiến tánh.

2. Ngày đêm phải làm việc gì để khế hợp Đạo này?

- Vô công mà tu thì khế hợp.

3. Những lúc bệnh hoạn cần phải áp dụng đạo lý gì để tu?

- Phải vô công mà tu, thấu triệt được nghiệp vốn không thì đạt được Bất động chuyển.

4. Lúc lâm cung, làm sao để được tự tại vô ngại ở Thanh lương?

Ngài đem nổ lực tự tin ở đạo để trả lời.

5. Lúc phiền não nổi lên làm cách nào diệt trừ?

- Bổn tâm vắng lặng, phiền não trở thành diệu dụng.

6. Sau khi kiến tánh có cần giữ giới niệm Phật cầu sinh Tịnh độ không?

- Tánh chính là Phật, tánh tức là Tịnh độ.

7. Bỏ thân này rồi thác sinh ở đâu?

Ngài đem nghĩa không xả, vô sinh tự tại để trả lời.

8. Khi lâm chung có đài hoa, bảo tòa đến tiếp dẫn không?

Ngài dùng không chấp tướng để trả lời.

9. Làm thế nào được thần thông đến nước Phật?

Ngài lấy việc kiến tánh như người nghèo được của báu, như dân gặp được vua để trả lời.

10. Chỉ nương bản tánh này tu định có thành Phật được không?

- Đạt được định thì làm Phật, Phật lại vô tướng, không thấy chứng đắc mới là chân thật chứng đắc.

Mười câu trả lời trên ngôn từ rất dài, nghĩa lý rất rộng, nay tôi chỉ trả lời tóm tắt theo những gì bệ hạ hỏi mà thôi.

Từ đó vua dốc tâm tu tập huyền chỉ.

45. Vua hạ chiếu lập văn bia ở những nơi có ao phóng sinh:

Tháng ba, vua hạ chiếu cho khắp châu quận trong nước đều phải lập ao phóng sinh. Tháng mười, Thứ sử Thăng châu là Nhan Châu Khanh soạn văn bia, bài minh và lời tựa cho tất cả những nơi có ao phóng sinh. Trong ấy nói:

"Đường triều bảy đời, Hoàng đế bệ hạ ta là bậc Đại thánh, sáng suốt, văn võ, hiếu nghĩa đem cái phong cách của bậc chí thánh, giữ vững vận nước trong lúc nguy nan, không có binh hùng tướng mạnh như Thiếu Khương nhưng vẫn chống đỡ nổi sự bạo tàn của Lộc Sơn, bèn chặt gian lao, gắng công dốc sức, nhờ sự kiên quyết ấy mà vạn bang đều yên vui. Tự chiến thắng với chính mình nên thiên hạ về với kẻ nhân nghĩa, ban ân khắp bốn mùa, dương uy khắp tám hướng, công tràn cả trời đất, hiếu cảm đến thần minh. Thế nên mới được những người như Hồi Hột, Hề Tập, Khiết Đan, Đại Thực, Tuần Man khôi phục lại muôn dặm, liều chết dấn thân. Binh lính ở Sóc Phương, Hà Đông, Bình lư, Hà tây, Lung hữu, An tây, Kiều Trung, Lãnh Nam, Hà Nam reo hò trong năm năm, xung phong liều chết, xô bạo ngược như bẻ cành khô, dựng hai kinh như lượm của rơi. Khánh Chử trốn chạy là mong khỏi cái họa tru di, Tư Minh quy phục là muốn khỏi bị tuyệt tự. Dựng lại cơ nghiệp, khuông phò đông miếu, đón Thượng hoàng từ Tây Thục về kinh, nêu cái đạo làm con trong hoàng tộc. Một ngày thiết triều ba lần nhằm nêu tỏ cái hiếu hạnh của Thiên tử, vấn an hầu hạ biểu thị không đổi cái lễ của gia nhân. Ngùn ngụt thay! Lẫy lừng thay! Cái nghi phong của bậc anh quân chân chánh. Thề làm những gì chưa làm kịp, tuyển chọn khắp thiền Tăng. Từ xưa đến nay chưa có bậc nhân chủ nào như Hoàng đế ta, chăm lo cho muôn loại, lo lắng khắp bốn loài. Thế rồi vào mùa xuân tháng ba năm Kỷ hợi, niên hiệu Càn Nguyên thứ hai, bắt đầu lệnh cho Tả Kiêu vệ Hữu Lang tướng sử Nguyên Tông, Trung sứ Trương Đình

Ngọc phụng minh chiếu để ban ân đức, bắt đầu từ các nơi ở Dương châu như Sơn Nam, Kiến nam, Kiềm Trung, Kinh Nam, Lãnh Nam, Triết Tây trải dài đến Giang Ninh, Tần Hoài, Thái Bình Kiều ở Thăng châu. Trong vòng năm dặm từ Lâm giang đến Đế đô, mỗi nơi đều phải đào ao phóng sinh, cả thảy tám mươi mốt nơi, nhằm tỏ rõ đức sáng, quảng bá nhân ái của Thánh hoàng, kinh dịch đâu không nói "ban ân đến loài heo cá". Kinh thi đâu không nói "từ giống chim thú, cá, rùa cũng phải như vậy". Những bậc anh quân thông minh sáng suốt, tài trí song toàn từ xưa đến nay, không phải bệ hạ thì là ai.

Xưa Ân Thang tích nhân, vẫn mới hoàn bị một mặt; Hán Vũ ban huệ mới đích thực là ngậm châu. Dù nước chảy để cứu cái khô kiệt, của báu còn quý hơn danh xưng, nhưng việc đó chỉ dừng ngay lúc đó, vẫn giới hạn trong thời xưa. Còn như chúng ta ngày nay, kẻ sống trên cạn, người sống dưới nước, khắp nơi trong thiên hạ phải đào ao là muốn cổ vũ muôn dân trong nước cầu phước. Nhờ thần lực gia trì của Đà-la-ni mà làm cạn kiệt biển phiền não, làm khô cạn biển sinh tử. So với ngày xưa đâu từng tương tợ.

Vi thần chức nhỏ tài hèn, sinh trong thời thịnh, thọ ân quốc vương, không biết lấy gì báo đáp, xin bắt chước Cao Đào Hề Tư ngâm ca tán tụng ân trạch của Lỗ vương, thuật lại văn bia bài minh nói về ao phóng sinh trong thiên hạ. Dù rằng không đủ nêu tỏ công lao to lớn của bậc minh quân trong muôn một, nhưng đây cũng tỏ được tấm lòng khẩn thiết chuyên tâm của thần." (Bài minh trong văn bia không ghi lại ở đây)

46. Thượng thư Vương Ma Cật mất:

Canh Tý: Đổi niên hiệu là Thượng Nguyên.

Tân Sửu: Thượng thư tả thừa Vương Duy mất. Duy tự là Ma Cật, lúc lâm chung không bệnh, ông viết mấy bức thư để lại cho người thân, thả bút thì mất. Ông rất giỏi chữ Thảo, chữ Lệ, lại giỏi vẽ tranh, nổi tiếng trong những năm từ Khai Nguyên đến Thiên Bảo. Những bậc hào kiệt quyền quý lúc nào cũng sẵn lòng đón tiếp ông, vương hầu ở đất Ninh đất Tiết tôn ông như thầy bạn. Ông vẽ rất xuất thần. Đến như sông, núi, đất bằng, đất xa, thế mây, màu đá... Ông vẽ rất tài tình, sống động, ai nấy đều cho là thần bút chứ sức học của người thường không vẽ nổi.

Có một người đưa ông bức Án nhạc đồ, nhưng không có đề tên, Duy nói:

- Đây là phách đầu tiên trong phần thứ ba của Khúc Nghê

Thường.

Người ấy không tin, ông bèn cho người đánh khúc nhạc đó, bấy giờ khách mới tin.

Ông và em ông đều dốc chí học Phật, thức ăn không có thịt, hành hẹ, áo mặc không có hoa hòe, lập riêng một cái thất ở Võng Xuyên ở đó. Nơi đây có núi non xanh biếc, trúc phất trên hồ, liễu thắm phất phơ, thù du mơn mởn. Xung quanh là nước biếc non xanh, ông thường cùng Bùi Tụ dạo chơi nơi này, làm thi làm phú ngâm vịnh làm vui. Vợ mất ông không lấy vợ kế, ở vậy đến ba mươi năm. Sau khi mẹ ông mất, ông đem Võng xuyên cúng dường làm nơi thờ Phật.

47. Chân Như lên Thiên cung, Thiên đế trao mười ba bảo vật:

Nhâm Dần: Đổi niên hiệu là Bảo Ứng.

Tháng tư, tại chùa Long Hưng ở Sở châu, Ni cô Chân Như cảm thấy bàng hoàng như có người dẫn mình đi lên trời. Đến nơi Thiên đế trao cho bà mười ba bảo vật và nói:

- Trong nước có nạn nên lấy bảo vật thứ hai mà trấn.

Năm Giáp Tý, thứ sử Sở châu dâng biểu cống vật về triều. Mười ba bảo vật ấy gồm:

1. Huyền hoàng thiên phù: Hình như cái hốt, dài tám tấc, rộng hai tấc, bằng ngọc màu vàng, có đường vằn và hai chữ "Tỵ binh" ở phía sau.
2. Ngọc kê: Có lông và vằn đầy đủ, bằng ngọc trắng.
3. Cốc bích: Dài sáu tấc, tự nhiên có lúa thóc, bằng ngọc trắng.
4. Tây Vương Mẫu hoàn: hai cái bằng ngọc trắng, dài bảy tấc.
5. Bích sắc bảo: Hình tròn có phát sáng.
6. Như ý châu: Hình như cái trứng, sáng như mặt trăng.
7. Hồng mạt hạt: Lớn như hạt lúa to.
8. Lang can châu: hai hạt dài hai tấc.
9. Ngọc quyết: Như cái vòng khuyết một phần tư.
10. Ngọc ấn: Có văn hoa hình con nai, ấn trên vật thì hiện ra hình này.

■

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 14

1. Đường Đại Tông: (Quý Mão)

Đại Tông tên là Dự, con trưởng của Túc Tông, cháu của Huyền Hoàng đến hơn trăm người nhưng cử đích tôn lên ngôi. Về sau ông dùng Nguyên Tái làm Tể tướng, phế truất Lý Bí. Sau đó giết Nguyên Tái trọng dụng Dương Oản. Ông mất ở điện Tử thần, thọ năm mươi ba tuổi, an táng ở Nguyên lăng, trị vì mười bảy năm, lên ngôi đổi niên hiệu Quảng Đức.

Ất Tỵ: Đổi niên hiệu là Vĩnh Thái.

Tháng chín, vua đúc tượng Phật Kim Cang ở Quang Thuận môn dẫn bá quan ra lễ lạy cúng tế. Tháng mười giặc Phiên vây kinh sư, vua đem Nhân Vương kinh, tống tặng cho các chùa ở Tây Minh rồi lập tòa cao trăm thước giảng kinh. Giặc rút lui.

Vua mộng thấy Lục tổ Tuệ Năng đến thỉnh y bát về Tào Khê. Sáng hôm sau, vua sai sứ thỉnh y bát đưa về. Bấy giờ giặc nhiều lần bức bách, vua rất lo lắng. Tể tướng Vương Tấn tâu:

"Quốc gia dựa vào phước báo mà được yên ổn lâu bền, dù nhiều tai ương nhưng không đáng nói. Lộc Sơn, Tư Minh độc ác sẽ di họa cho con cháu sau này. Ta gắng sức ban ân thì thế nào cũng phải thắng. Binh nhung đến, giặc chưa đánh đã chạy dài, quả không phải việc của người thường".

Từ đó vua dốc tâm trong Phật đạo, tu sửa chùa tháp, xuống chiếu cho quan lại trong thiên hạ không được đánh phạt Tăng ni, lại giảng tụng Nhân Vương Hộ Quốc kinh trong thành nội. Xuống chiếu thỉnh Tam tạng Bất Không dịch lại những bộ kinh cũ, vua đích thân viết bài tựa. Vua phong quan cho Bất Không, thăng chức Hồng Lô Khanh.

2. Lương Bí soạn Nhân Vương Kinh Sớ:

Năm này vua hạ chiếu thỉnh Pháp sư Lương Bí soạn Nhân Vương kinh sớ tại vườn Đào trong cung Đại Minh. Soạn xong ngài dâng vua

xem. Đại loại nói:

"Rửa tâm gội ý, hướng cái vắng lặng mà tìm âm thanh, kinh sớ khởi nguyên là từ thiên cung, được thần lực Phật gia bị hộ trì, dựa trên Kinh Luận khai diễn chân tông, chẳng khác nào lượm châu ngọc trong rừng gai, dồn trăm sông về biển cả. Lửa sinh từ trong cây, rực sáng như Nhị Diệu, Thức Lưu chuyển trong Chân như, hợp nhất tướng cùng soi chiếu. Thành đạo thì có pháp, vận chuyển tải pháp là kinh. Độ khắp hữu tình đồng lên bờ giác, đủ tâm Bồ-đề chẳng khác ý bệ hạ".

Vua xem khen hay. Vua đổi niên hiệu là Đại Lịch.

3. Thiền sư Đạo Nghĩa Dựng Pháp Hội Vu-lan: (Bính Ngọ)

Năm này Thiền sư Đạo Nghĩa dựng chùa Kim Các, vua ban sắc lệnh cho mười Tiết độ sứ trợ giúp ngài bằng hai kỳ thuế. Tháng bảy ngài lập pháp hội Vu-lan-bồn trong thành nội, trần thiết linh vị của bảy vua từ Cao Tổ Thái Tông trở xuống, sắm đủ loan giá, dựng tràng phan lớn, trên mỗi tràng phan đều ghi tên hiệu của thiên tử, rồi nghinh rước từ thái miếu vào trong đạo tràng. Kèn trống rộng ràng, cờ phan rợp trời. Hôm ấy bá quan cầm trượng nghinh rước quỳ lạy ở Quang Thuận môn. Từ đó lệ thường hằng năm đều tổ chức như vậy. Năm quý mùi hai cung thái miếu xuất hiện linh chi, vua làm thơ phú tán thán trăm quan họa theo.

Đinh Mùi: Phật giáo truyền vào Trung Quốc đã bảy trăm năm.

4. Đỗ Hồng Tiệm hỏi đạo với Thiền sư Vô Trụ:

Tháng bảy, Tể tướng Đỗ Hồng Tiệm đi vỗ yên dân ở Ba thục. Đến Ích châu, ông sai sứ vào Bạch nhai sơn thỉnh Thiền sư Vô Trụ vào thành để hỏi đạo. Tiệm hỏi:

- Đệ tử nghe, nay Hòa thượng giảng pháp môn "Vô ức, vô niệm và mạc vọng" chẳng hay ba pháp ấy là một hay là ba?

Vô Trụ đáp:

- Vô ức tức là giới, vô niệm tức là định, mạc vọng tức là tuệ. Nhưng một tâm không sinh thì đầy đủ giới, định, tuệ, chẳng phải một, chẳng phải ba.

Tiệm hỏi:

- Chữ Vọng trong câu sau, đâu chẳng phải từ tâm sinh ra?

Ngài đáp:

- Theo ông thì đúng.

- Có căn cứ không?

Kinh Pháp Cú nói:

"Nếu khởi tâm tinh tấn, đó là vọng chứ không phải tinh tấn, nếu tâm chẳng vọng, thì đó là tinh tấn không bến bờ".

- Thầy có đem pháp ấy tiếp người không?

- Với những người sơ tâm cầu học phải làm cho họ dứt niệm, làm cho sóng tâm thức lặng yên, nước lặng yên thì liền hiện bóng. Liễu ngộ được thể của vô niệm thì tịch diệt hiện ngay trước mắt, khi ấy vô niệm cũng chẳng lập.

Lúc đó có con quạ kêu trên cây trước sân. Tiệm hỏi ngài:

- Thầy nghe gì không?

Ngài đáp:

- Nghe.

Đến khi con quạ bay đi, Tiệm hỏi:

- Nay thầy có nghe gì không?

- Nghe.

- Quạ bay không còn tiếng kêu sao bảo là nghe?

Vô Trụ quay lại nhìn bốn chúng nói:

- Chánh pháp khó nghe, các ông phải nghe kỹ đây, nghe và không nghe chẳng liên quan đến tánh nghe. Tánh nghe xưa không sinh nay cũng không diệt. Lúc có âm thanh là thanh trần tự sinh, lúc không âm thanh thì thanh trần tự diệt, nhưng tánh nghe này chẳng theo âm thanh mà sinh, chẳng theo âm thanh mà diệt. Tỏ ngộ được tánh nghe này thì thoát khỏi sự lưu chuyển của thanh trần. Đến như sắc, hương, vị, xúc cũng đều như vậy, nên biết tánh nghe chẳng sinh chẳng diệt, chẳng đến chẳng đi.

Hồng Tiệm cùng các quan nghe xong mừng rỡ tán thán. Tiệm hỏi tiếp:

- Đệ tử vừa soạn Khởi Tín Luận Sớ hai quyển, có được xem là hiểu Phật pháp không?

Ngài đáp:

- Phàm soạn sớ đều dụng tâm suy nghĩ phân biệt, nếu có thể viết thành thì có lợi ích cho hậu học.

Trong luận ấy nói:

"Phải biết tất cả pháp từ xưa đến nay lìa tướng ngôn thuyết, tướng văn tự, tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng không có biến đổi, chỉ là một tâm nên gọi là Chân như".

Nay tướng công chấp lấy tướng ngôn thuyết, tướng văn tự, tướng tâm duyên, đã chấp trước vô số tướng như vậy, thì làm sao hiểu và thể

nhập Phật pháp.

Hồng Tiệm đảnh lễ thưa:

- Nay thầy theo lý khảo xét luận pháp môn khế hợp tâm địa thật chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng làm thế nào để được chẳng sinh chẳng diệt, khế hợp với giải thoát?

Ngài nói:

- Thấy cảnh tâm không khởi là chẳng sinh, chẳng sinh thì chẳng diệt, đã không sinh diệt thì không bị tiền trần trói buộc, ngay đó liền giải thoát.

Tiệm hỏi:

- Sao gọi là biết tâm thấy tánh?

Ngài đáp:

- Tất cả người học đạo đều bị lưu chuyển theo niệm, nên chẳng biết được chân tâm, chẳng thấy được bản tánh. Chân tâm thì dù niệm sinh nhưng nó không sinh theo, niệm diệt thì nó không diệt theo. Nó chẳng đến chẳng đi, chẳng định chẳng loạn, chẳng thủ chẳng xả, chẳng nổi chẳng chìm. Nó vô vi vô tướng, linh hoạt sống động, bình thường tự tại. Tâm thể này rốt cuộc bất khả đắc, không thể biết được, thấy muôn cảnh mà đều như như thì thảy đều là kiến tánh.

Từ đó Hồng Tiệm chú tâm trong thiền quán. Có lần ông làm thơ:

Nguyện mãi theo lý thiền
Đâu thể bỏ nguồn chân.

Về già bị bệnh, ông từ giã ngôi Tể tướng. Bỏ ngôi được ba ngày thì ông mất. Lúc lâm chung, ông tắm rửa mặc triều phục, lại mặc thêm y Tăng-già-lê, cạo tóc rồi mới mất, ông dặn phải an táng như nghi thức Sa-môn.

Luận rằng: "Vô Trụ thuyết pháp đơn giản nhưng xác đáng nhiệm mầu, rất khế hợp với ý chỉ "tánh nghe không sinh diệt" trong Thủ-lăng-nghiêm, làm cho người nghe tỏ ngộ mà tin hiểu. Hồng Tiệm là công thần mưu lược, gia thế phụng Phật. Lúc lâm chung ông cạo bỏ râu tóc đắp y của Tăng, giống như Vương Văn, Vương Công Đán trong triều Tống. Văn Chánh Công tuy là bề tôi đức cao, công lớn, thanh danh tiết tháo lẫy lừng, là người đứng đầu trong những bề tôi nổi tiếng, nhưng xem ra chẳng bằng Hồng Tiệm. Những năm cuối đời, ông ấy dặn dò con cháu, phó chúc tỉ mỉ với bạn mình là Dương Văn Công Đại Niên. Văn Công luận bàn với ông rất chuẩn xác rõ ràng. Đó đủ thấy ông ấy là người thấy biết Phật pháp rất sâu, thấu tỏ đạo mầu rất rõ. Than ôi! Tông ta chỉ thẳng cái thấy nghe hiểu biết cho con người việc lớn ngay đó là

thành tựu mỹ mãn, thế vì cớ gì con người lại vất bỏ đi, trọn đời cứ đeo níu, luôn luôn vì người khác, việc trên đời thì cứ mãi mù mờ. Thiên hạ nối nhau đều như thế cả! Còn như hai vị ấy hay tự quay đầu, lo việc đời sau, đả thông việc lớn, người như vậy lẽ đâu dễ gặp”.

5. Quốc sư Thanh Lương Trừng Quán: (Giáp Thân)

Ngài họ Hạ Hầu, tự là Đại Hưu, người Cối Kê, sinh trong niên hiệu Khai Nguyên, thân cao chín thước bốn tấc, tay dài quá gối, miệng có bốn mươi cái răng. Ban đêm mắt ngài sáng rỡ, ban ngày mắt không nháy. Ngài xuất gia năm Thiên Bảo thứ bảy, thọ giới Cụ túc khi Túc Tông lên ngôi được hai năm. Năm ấy ngài phụng chiếu vào kinh đô dịch kinh Hoa Nghiêm. Trong niên hiệu Chí Đức, ngài tự sách tấn mình bằng mười việc như thân không đánh mất oai nghi của Sa-môn, không trái giới luật của Phật, ngồi không quay lưng với kinh trong pháp giới, tánh không nhiễm cảnh thế gian, chân không bước đến chùa Ni, lưng không chạm giường Cư sĩ, mắt không nhìn màu sắc bất chánh, lưỡi không nếm thức ăn quá ngọ, tay không rời hạt châu viên minh, đêm chẳng lìa y bát. Ngài theo Ngưu Đầu Duy Trung, Kính Sơn Đạo Khâm hỏi về tông chỉ Thiền tông, theo Thiền sư Pháp Sằn thọ học Hoa Nghiêm viên giáo ở kinh đô. Đến Đại Lịch thứ ba, Đại Tông thỉnh ngài vào cung, cùng dịch kinh với Tam tạng Đại Biện Chánh, làm Thượng thư trong những vị nhuận văn. Sau đó ngài từ giã dịch trường vào chùa Đại Hoa Nghiêm ở Ngũ Đài sơn nghiền ngẫm giáo chỉ Hoa Nghiêm theo dấu Thánh nhân, trú thân trong cảnh Phật, đặt tâm trong chân như, chẳng khác nào từ trong Hậu Đắc Trí quyền hiện phương tiện khởi tâm thế tục, học thế gian giải. Trước đây ngài đã từng xem khắp lục nghệ, đồ sử, học thuyết của chín phái, những thư tịch của Hoa Hạ, những Phạm kinh của Tây Thiên cùng bốn bộ Vệ đà. Ngũ minh thánh giáo và những kinh sách khác của thế tục. Những sử sách ấy ngài đều thông thấu. Đến năm Chí kiến thứ tư, ngài bắt đầu soạn sớ, ngài muốn cầu điềm linh để minh chứng. Đêm nọ, ngài mộng thấy Đức Phật hiện thân ở núi Đương Dương, thân tướng rỡ ràng, đến nỗi ngài phải lấy tay che mặt. Khi tỉnh lại ngài rất vui mừng vì cho rằng mình đã có điềm lành quang minh chiếu khắp thân. Từ đó ngài soạn thuật không ngừng, lấy tín, giải, hành, chứng phân Hoa Nghiêm thành bốn khoa, bao quát tất cả lý. Mỗi lần xem những bản sớ cũ ngài thường lấy làm tiếc vì chưa lột tả hết ý kinh, chỉ có sớ của ngài Hiền Thủ là cứu xét đến chỗ thâm sâu, ngài bèn dựa theo những bản ấy và soạn sớ. Bốn năm sau, bộ sớ mới hoàn thành.

Ngài lại mộng thấy mình hóa thành rồng, đầu gối ở Nam đài, đuôi vẫy ở Bắc đài, nhào lộn trên không, che lấp cả mặt trời. Giây lát biến thành trăm ngàn con rắn bò khắp bốn phương rồi mất hút. Thức giả cho rằng đó là điềm báo, sớ ngài sẽ lưu thông khắp nơi. Lần đầu tiên ngài giảng cho chúng nghe, cảm được mây lành quần quyện trên không ngay trước sân của giảng đường. Về sau được Tăng Duệ... trước tác Tùy Sớ Diễn Nghĩa bốn mươi quyển và Tùy Văn Thủ Cảnh một trăm quyển.

6. Vua mời Quốc sư Tuệ Trung so tài với Thái Bạch Sơn Nhân:

Năm này vua mời Quốc sư Tuệ Trung vào cung và dẫn Thái Bạch Sơn Nhân đến yết kiến ngài. Vua nói:

- Người này có nhiều kiến giải, xin thầy cứ thử nghiệm.

Quốc sư hỏi:

- Ông có khả năng gì?

Sơn Nhân đáp:

- Biết chút ít về núi, đất, chữ và tính toán.

- Núi mà ông ở là núi trống hay núi mái?

Sơn nhân mờ mịt chẳng đáp được.

Ngài hỏi:

- Ông biết đất không?

- Biết.

Quốc sư chỉ đất nơi điện đường hỏi:

- Đây là đất gì?

- Phải để đệ tử tính mới biết được!

- Ông biết chữ không?

- Biết.

Quốc sư liền gạch một gạch ngang trên đất rồi hỏi:

- Đó là chữ gì?

- Chữ nhất.

- Chữ thổ gạch thêm một gạch trên đầu là chữ vương, sao gọi là chữ nhất?

Quốc sư hỏi tiếp:

- Ông biết tính toán không?

- Biết.

- Ba bảy là mấy?

Sơn Nhân nói:

- Quốc sư đùa với đệ tử thôi, ba bảy lẽ đâu chẳng phải là hai mươi mốt.

Quốc sư nói:

- Trái lại Sơn Nhân đùa bần đạo đấy, ba bảy là mười, sao bảo là hai mươi mốt?

Ngài hỏi tiếp:

- Ông còn khả năng gì nữa không?

- Nếu đệ tử có đi nữa, cũng không dám nói trước mặt quốc sư đâu.

- Nếu ông có cũng chưa hẳn đúng đâu.

Ngài nói với vua:

- Hỏi núi chẳng biết núi, hỏi đất chẳng biết đất, hỏi chữ chẳng biết chữ, hỏi toán chẳng giải đước, bệ hạ lượm gã ngơ ngơ ngáo ngáo này ở đâu về thế!

Vua nói với Sơn Nhân:

- Trẫm có đế vị chưa đủ là quý, Quốc sư mới là quốc bảo.

Sơn Nhân nói:

- Bệ hạ là người biết của báu rất chính xác.

7. Vua hạ chiếu mời Thiền sư Kính Sơn vào triều:

Năm này vua hạ chiếu mời Thiền sư Kính Sơn Đạo Khâm vào cung. Vua đích thân đến thăm hỏi lễ lạy. Hộm nọ, Sư ở trong sân, thấy vua liền đứng dậy. Vua hỏi:

- Sao thầy lại đứng lên?

- Đàn việt làm sao trong bốn oai nghi mà thấy bần đạo được?

Vua mừng rỡ, nói với Quốc sư Tuệ Trung:

- Trẫm muốn phong tặng thầy Đạo Khâm một cái tên.

Tuệ Trung vui vẻ phụng chiếu. Vua liền ban cho ngài hiệu là Quốc Nhất Thiền Sư. Sau sư từ giã vua về lại Kính sơn.

Có lần Mã Tổ Đại sư sai môn nhân là Trí Tạng hỏi Sư:

- Trong mười hai giờ ngài lấy gì làm cảnh?

Sứ đáp:

- Đợi lúc ông trở về ta sẽ gởi thư nói rõ.

Trí Tạng nói:

- Tôi về ngay đây.

Sư nói:

- Ông về nói rằng phải đi hỏi Tào Khê.

Có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là ý của tổ sư từ Thiên Trúc sang?

Sư nói:

- Ông hỏi không đáng.

Tăng hỏi:

- Thế nào mới đáng?

Sư nói:

- Đợi khi ta chết rồi, ta sẽ nói cho ông nghe.

Trinh Nguyên thứ tám, Sư thị tịch, vua ban thụy là Đại Giác Thiền Sư.

8. Thiền sư Tuệ Trung ở Ngưu Đầu: (Kỷ Dậu)

Thiền sư Tuệ Trung ở Ngưu Đầu thị tịch trong năm này. Sư đắc pháp với Thiền sư Trí Oai, làm tổ thứ sáu của tông Ngưu Đầu. Bình sinh sư chỉ dùng một y, một bát chẳng hề thay đổi.

Lần nọ, có người cúng cho chúng Tăng hai kho thóc. Bọn trộm rình mò nhưng có hổ giữ. Huyện lệnh Trương Tốn lên núi yết kiến và hỏi Sư:

- Thầy có bao nhiêu môn đồ?

Sư đáp:

- Có vài ba người.

Tốn nói:

- Tôi gặp được không?

Sư liền gõ vào giường ba cái, có ba con hổ gầm gừ đi ra. Tốn thấy thất kinh hoảng sợ lui ra.

Về sau, Sư dời qua ở tại chùa Trang Nghiêm và muốn dựng pháp đường. Chùa này có cây cổ thụ, có bầy chim khách làm tổ trên ấy. Sư nói với tổ chim:

- Nơi đây sẽ dựng pháp đường, các ngươi nên đi chỗ khác!

Sư nói xong, bầy chim liền dời tổ qua cây khác. Đến khi dựng móng, có hai vị thần canh giữ bốn góc. Ban đêm ngấm ngầm trợ giúp, nên chưa đầy một ngày công chuyện đã xong. Từ đó người học đua nhau đến tham học. Sư có bài kệ An Tâm rằng:

Nhân pháp đều tịnh
Thiện ác đều quên
Thẳng lòng chân thật
Đạo Bồ-đề thành.

Khi sư sắp thị tịch, cây đại thụ và dây gia trước thất là nơi mà Sư treo y bát bỗng dưng khô chết. Sư nhóm chúng Bố-tát xong, cạo đầu tắm gội, đêm ấy mây lành giăng phủ khắp viện, trong hư không lại có tiếng nhạc trời. Sáng sớm hôm sau sư an nhiên thị tịch. Lúc đó gió mưa

bỗng nổi lên dữ dội, sét đánh gãy cả cây to, lại có một cầu vồng trắng xuyên thẳng vào hang núi nơi Sư ở.

9. Quốc sư Tuệ Trung so tài với Tam tạng Đại Nhĩ:

Canh tuất: Tam tạng Đại Nhĩ từ Tây Vực vào kinh sư. Nhĩ tự nói mình đã chứng tuệ nhãn tha tâm thông. Vua liền mời Đại Nhĩ vào chùa Quang Trạch rồi thỉnh Quốc sư Tuệ Trung tỉ thí kiểm nghiệm. Tuệ Trung hỏi:

- Ông được Tha tâm thông phải không?

Đại Nhĩ đáp:

- Không dám.

- Ông nói xem lão Tăng hiện giờ ở đâu?

- Hòa thượng là thầy của một nước, sao lại lên cầu Thiên tân xem khỉ giỡn.

- Lão Tăng hiện giờ ở đâu?

- Hòa thượng là thầy của một nước, sao lại đến Tây xuyên đua đò.

Tuệ Trung hỏi lần thứ ba:

- Lão Tăng hiện giờ ở đâu?

Tam tạng suy nghĩ giây lâu nhưng không tìm ra. Tuệ Trung nạt:

- Gã Hồ ly tinh này! Tha tâm thông ở chỗ nào?

Tam tạng không đáp được.

Luận rằng: "Từ Tứ tổ đến Đại sư Pháp Dung, nói ngang nói dọc nhưng chưa biết cửa ngõ hướng thượng. Đó là lời của Hoàng Bá Hy Vận. Hoàng Bá là bậc đại cơ đại dụng, thủ đoạn tiếp người siêu cách, nói như vậy đương nhiên là chính xác. Người học có lúc cũng nói năng tương tợ như vậy rồi cho đó là thiền là đạo. Nhiều khi việc khen chê bôi xấu ấy không chỉ dừng lại ở đaŷ. Than ôi! Người đời thường nói học không nên vượt bậc." Cứ xét tông ta truyền riêng tâm ấn, vận dụng liễu sinh thoát tử, đó có thể là vượt bậc ư. Xem chư tổ Ngưu Đầu đạo thịnh một đời, trong việc sinh tử cảm nghiệm rõ ràng. Có người khi sống được trăm chim tha hoa cúng dường, hổ báo hầu hạ, có người lúc mất chim thú kêu thương cả tháng mới hết, lại có hương lạ quần quyện cả tuần sau mới tan, có khi núi rừng trắng xóa, suối khe khô cạn, có lúc trên không thần phan rợp trời từ hướng Tây đến nhiễu núi mấy vòng, có lúc cây cối nơi tự viện mà người ấy ở bỗng trắng xóa, bảy ngày sau mới sống trở lại. Đến như việc cảm ứng của Thiền sư Tuệ Trung thật không nghĩ bàn, vượt khỏi tạo hóa. Nếu như tự thân không có đức sáng hạnh

sạch, trùm cả đất trời mà không thẹn, vượt cả trăm thánh mà không hổ, thì lẽ đâu chiêu cảm được những điều lạ như vậy ư!

Như Tam tạng Đại Nhĩ là người phần chứng Tiểu quả, chứng đắc ngũ thông, đến khi yết kiến Quốc sư, hai lần đầu, Quốc sư có cảnh giới để duyên tâm thì ông ấy thấy rõ ràng xứ sở, đến lần thứ ba, Quốc sư vào sâu trong cửa ngõ bí mật đại định, thì Đại Nhĩ mờ mịt chẳng lần ra dấu vết. Bởi vậy đủ thấy rằng, chứng quả có thứ lớp, đạo lớn có cạn sâu, hoàn toàn không bịa đặt. Có kẻ lại mong muốn cũng làm một con người mẫu mực, bắt chước Quốc sư nhưng tự tánh viên thông so với thu thuật tiếp người nho nhỏ này, lẽ đâu có thể nói cho là cùng tận được sao".

10. Văn bia nói về công trạng của Tam tạng Bất Không:

Năm này, Đại Quảng Trí Tam tạng Bất Không sắp thị tịch, ngài dặn dò chúng:

- Hạnh nguyện Phổ Hiền lưu xuất vô lượng pháp môn, các ông nên gắng sức hành trì, phải quán tâm Bồ-đề Bổn tôn đại ấn, giảithẳng chữ A, liễu ngộ pháp vô sinh, chứng được thân Đại giác.

Ngài lại sai đệ tử Triệu Thiên chấp bút ghi lại Niết-bàn Quỹ Phạm mà ngài soạn để truyền lại cho hậu thế, bảo rằng cứ theo nghi thức ấy mà tống táng. Ngài dâng biểu từ giã vua, vua sai nội sứ đến thăm viếng, hỏi han, thuốc thang, và gia hiệu là Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty Túc Quốc Công, thực ấp là ba ngàn hộ. Ngài kiên quyết chối từ đến mấy lần không nhận.

Bất Không than: "Ta đem đạo cứu đời, chẳng mong sắp chết lạm dụng được phong tước."

Rồi ngài đem vật phó pháp của Đại sư Kim Cang Trí nhờ Trung sứ Lý Hiến Thành dâng cho vua. Ngài tắm rửa thay đồ, ngồi kiết già an nhiên thị tịch. Khi trà-tỳ, xương đỉnh đầu của ngài không cháy, bên trong chứa xá-lợi màu sắc sáng ngời. Ngự sử Nghiêm Trình soạn văn bia nêu đức của ngài. Thái thường Tư Hạo khắc vào đá. Văn bia ghi rằng:

"Hòa thượng húy là Bất Không, người Tây Vực. Họ của ngài không lưu truyền ở Trung Quốc, nên sử sách không ghi là họ gì. Huyền Tông biết rõ ngài là bậc chí đạo, rất tôn ngưỡng ngài. Đến đời Túc Tông, Đại Tông, ba triều vua ấy đều tôn xưng ngài là Quán Đảnh Quốc sư, thường dùng lời lẽ thanh tao, cao quý ca ngợi ngài là bậc chí tôn. Hồi ấy Đại Tông đặc biệt thỉnh ngài ở tại Đai Hồng Lô nhằm nêu cao tài đức của ngài. Đến khi lâm bệnh, vua đến giường bệnh gia phong

ngài hiệu là Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty Túc Quốc Công, nhưng ngài cố sức chối từ không nhận. Vua đặc phong ngài hiệu là Đại Quảng Trí Tam Tạng.

Tháng sáu mùa hạ năm Đại lịch thứ năm ngài thị tịch tại chùa Đông Hưng Thiện trong Kinh sư. Đại Tông không thiết triều ba ngày, sai quan Tư Không đến truy tặng cho ngài thụy là Đại Biện Chánh Quảng Trí Tam Tạng. Ngày trà-tỳ vua xuống chiếu thỉnh kim quan vào cung lễ lạy, cúng tế, đọc điếu văn như tống táng Văn Tổ. Vua tôn kính ngài như lúc còn sống. Điếu văn thống thiết, lễ tế linh đình. Những nghi lễ người thường hay của quan lại không sao sánh được.

Tháng chín năm sau, vua hạ chiếu đem xá-lợi dựng tháp tại tự viện xưa. Hòa thượng bẩm tính thông minh, thấu suốt yếu chỉ pháp tạng của chư Phật, là người siêu xuất trong chúng Tăng, tài đức cao vời không ai sánh kịp. Ngài hành trì chân ngôn, thăng đàn quán đảnh, liền thành Phật mau chóng, ứng thanh cầu phước linh diệu vô cùng. Trời sáng mà lại cao, đất rộng mà lại sâu, nên những việc ngài làm hậu học không không làm sao biết nổi, xin mạo muội lược nêu dòng pháp của ngài.

Xưa Kim Cang Trí Tát Đỏa thọ nhận Du-già tối thượng thừa nghĩa từ Tỳ-lô-giá-na Phật, một trăm năm sau, Kim Cang truyền cho Bồ-tát Long Mãnh, một trăm năm sau nữa Long Mãnh lại truyền cho A-xà-lê Long Trí. Long Trí truyền cho A-xà-lê Kim Cang Trí. Kim Cang Trí đem giáo pháp này qua Trung Quốc và truyền trao cho Hòa thượng. Sau đó Hòa thượng lại qua Thiên Trúc đến những nước như Sư tử... Tìm gặp A-xà-lê Long Trí xiển dương mười tám pháp hội. Dòng pháp nối nhau, từ Tỳ-lô-giá-na Như Lai xuống đến Hòa thượng gồm cả thảy sáu đời.

Ngài thường khuyên dạy muôn dân trai giới, tu tạo phước thiện, đáp lời thỉnh cầu, phước ứng rõ ràng. Nơi rừng sâu không lập ngôn, làm sao biết mà ghi lại hết. Ở ngõ ngách bên Tây Vực voi điên vẫy vùng, ngài dùng từ nhãn nhìn, chẳng dở chân mà đàn voi phủ phục. Nửa dòng Nam hải, trời Ngô chấn động, ngài dùng định lực trấn áp, chẳng dời gót mà sóng biển lặng yên.

Lúc chào đời, mẹ ngài được hào quang chiếu sáng khắp thân; lúc thị tịch, ao đầm quanh tinh xá đều khô cạn. Ngài thọ bảy mươi tuổi, Tăng lạp năm mươi hạ. Từ lúc thiếu niên cho đến về già, thường cúng dường Phật và ngồi Đạo tràng, đốt hương tung hoa, nhập tri kiến Phật. Hơn năm mươi năm, bất kể ngày đêm, dù nóng hay lạnh vẫn chưa từng có mảy may giãi đãi. Một con người siêu việt như thế, hậu học tất cả tụng trong giảng đường. Những người đắc pháp đâu chỉ có một, nhưng

trong ấy Sa-môn Tuệ Lãng là người nối tiếp kế thừa, nhận được yếu chỉ truyền đăng, nối tiếp Phật tuệ là tổ thứ bảy.

Cao lớn thay! Than ôi! Hậu học ngày nay mãi không quên bậc lương đống đức hạnh cao vời, tôi rất sùng kính. Xưa nghe được những lời nhiệm mầu, nay chỉ còn nhìn thấy trượng tích. Đức sáng tỏa rạng khắp nơi nhờ ân; soạn sách viết bài minh kẻ hèn mọn này sao từ chối được! Bài minh nói:

Than ôi! Đại sĩ
Trải khắp ba triều
Làm thầy đế vương
Mẫu mực trên dưới
Xưa tại Quảng thành
Hiên Hậu xuất thế
Ba ngàn năm sau
Lại có Quốc Công
Du-già thượng thừa
Ngầm hợp chân ngữ
Tiếp nối sáu đời
Kế thừa mạng mạch
Thuật hành trạng ngài
Rõ ràng thứ lớp
Hàng phục voi điên
Trấn áp trời Ngô
Tâm từ chế ác
Tuệ lực hàng ngu
Vắng lặng cảm thông
Lẽ đâu lường được
Hai cung ứng mộng
Song lâm đổi màu
Tư không mất đi
Biện chánh cao đức
Vua tế như tổ
Đến phải ngậm ngùi
Chiếu dựng bảo tháp
Ngay tự viện xưa
Dưới đất xá-lợi
Trên dựng phù đồ
Dấu vượt sống chết

Pháp lìa có không
Khắc đá làm bia
Dựng tại Đại đô.

11. Văn bia nói về công trạng của Luật sư Đàm Nhất:

Tân Hợi: Luật sư Đàm Nhất người Việt Châu thị tịch, Bổ Phi Lương Túc viết văn bia rằng:

"Thích thị Tiên Luật sư, húy Đàm Nhất, tự Giác Dận, hưởng thọ tám mươi tuổi, Tăng lạp sáu mươi mốt, thị tịch tại chùa Khai Nguyên ở Việt châu vào ngày bảy tháng mười hai niên hiệu Đại Lịch thứ sáu. Kim quan được đưa về tống táng và dựng tháp tại phía Bắc núi Tần vọng, có đến hơn ngàn người mặc đồ tang lo tống táng.

Đại sư họ Trương quê ở Nam Dương. Tằng Tổ Tùy Thái Thường Trương Hằng hồi ấy định cư tại Sơn Âm, Cối Kê và sinh ngài ở đây. Ngài vốn là người thông minh dĩnh ngộ, thuở nhỏ đã học thông Ngũ kinh, nhân đó đi tìm huyệt của vua Vũ. Sư đến chùa Vân Môn theo Sa-môn Thái Lượng xuất gia, thế phát trong niên hiệu Cảnh Long và thọ Cụ túc túc giới. Ngài tỏ rõ là người thông tuệ mẫu mực uy nghi, rất đáng để người khác ngưỡng vọng.

Đầu niên hiệu Khai Nguyên ngài đến Trường An. Luật sư Lượng ở chùa Quan Âm gặp ngài biết là bậc kỳ tài liền đưa Tỳ Ni cho ngài học. Sau đó ngài theo Pháp sư Đàn Tử ở chùa Sùng Thánh học Câu-xá, Duy Thức; theo Đại Sa-môn Vô Úy người Ấn Độ thọ Bồ-tát giới. Ngài nghiên cứu đạo mầu, thám xét lý huyền quả thật xuất chúng. Trong thời gian đó thanh danh của ngài lan đến kinh sư. Đại sư ở nơi vách núi cheo leo nhưng tài đức của ngài vượt xa muôn dặm, thấy biết tường tận, ứng dụng sống động, chứng đắc lý huyền của Tam tạng, cùng tận cội nguồn của các tông. Thêm vào đó ngài vốn là người thấu suốt đạo lý Nho gia, thông thạo học thuật thế gian, các bậc Trưởng lão nghe danh đều khen ngợi, công khanh xuống tòa tiếp như thượng khách. Từ đó những người như Thiếu Bảo Duyện Quốc Công, Lục Công đãi ngài như khách quý, Tri Chương Lý Bắc Hải Hổ, Từ Trung Thư An Trinh Chữ cùng ngài đàm đạo, nêu tỏ lý huyền. Du sĩ của Nho Thích chẳng còn chống đối. Ngài tiếp độ người trước tiên đều dùng văn từ và đức hạnh, giáo hóa họ bằng giới và định. Ngài nhập thất thì bỗng phát hương thơm, nhìn trong gương nước thì râu tóc đều hiện rõ, chẳng biết vì lý do gì mà được như vậy.

Khai Nguyên năm thứ hai mươi sáu, ngài về lại Cối kê, dặn dò môn nhân:

- Pháp của ba đời chư Phật, giới là nền tảng, nền tảng mà không tu thì đạo cách xa vời vợi. Thế nên lập giáo phải lấy giới làm đầu.

Ngài đem Luật sớ Nghiệp quận kết hợp với Sự Sao ở Chung nam, thẩm định dị đồng, tuyên thuyết chánh nghĩa, hậu học lợi ích vô cùng. Những nơi như Bắc Tế, Hà Sóc, Nam Việt, Kinh Mân, Tứ Phần Luật nhờ ngài mà thịnh. Nêu tỏ Luật để phá tối tăm, kết hợp lại làm lợi ích khắp chốn. Ngay lúc đến thì hoằng hóa như vậy, hữu vi phát sinh nhờ đó mà dứt, cỏ cây thấm nhuần, mây lành vô tâm. Đến lúc đi thì tùy thuận như vậy, người đời trôi nổi, mối đạo vận hành, nhìn thì chẳng thấy, rỗng lặng núi cao. Tiếc thay! Bài minh viết:

Vượt nước mênh mông
Thích núi quay về
Đại sư thị tịch
Dựng liền linh tháp
Khuyến hóa thượng sĩ
Chăm tu pháp tịnh
Bậc đại uy nghi
Chẳng xen chẳng tạp
Đức rộng công sâu
Mây về theo biển
Kính cáo hậu lai
Ngàn vạn ức kiếp.

12. Văn bia nói về công trạng của Tam tổ Cảnh Trí:

Năm này Tiết độ sứ Hoài Nam, Mục Ngự sử Dương châu, Đại phu Trương Diên Tưởng soạn hành trạng của Tam tổ ở Thư châu rồi dâng về triều. Tháng tư, thiên tử ban cho sư thụy là Cảnh Trí Thiền sư. Quan Thứ sử soạn văn bia rằng:

"Căn cứ sử sách trước đây từng ghi, Thiền sư hiệu Tăng Xán, không rõ quê quán ở đâu. Sư xuất hiện trong thời nhà Chu Tùy, đắc pháp với Đại sư Tuệ Khả, sau đó qua đất Nghiệp, đắc đạo ở núi Tư không. Sư cho rằng thân tướng không thật, nên thị hiện bệnh ghẻ; cho rằng pháp vô ngã nên chẳng chọn nơi ở nhất định; cho rằng chúng sinh bệnh tức là mình bệnh nên đến đâu cũng thuyết pháp, dùng nhất tướng độ người, chẳng trong chẳng ngoài, chẳng ở khoảng giữa, nên chỉ lập ngôn mà không dùng văn tự. Đại giáo của sư đại loại lấy tịch chiếu làm diệu dụng, tiếp độ muôn loài vượt qua sinh tử. Quán khắp bốn phương trên dưới chẳng thấy pháp, chẳng thấy thân, chẳng thấy tâm, cho đến

tâm lìa danh tự, thân bằng hư không, pháp như mộng huyễn, không chứng không đắc. Được như vậy mới gọi là giải thoát. Thiền sư đem mối đạo ấy trên thì phó chúc, dưới thì giải nghi, mây lành giăng bủa, khắp nước nhờ ân. Sư nói: "Giáo pháp phương Nam chưa đến nhưng ta đã có cái hạnh La phù", đến mà chẳng đến, đi mà chẳng đi. Sau đó sư đem ca-sa và chánh pháp truyền cho người tỏ ngộ. Đạo còn ảnh mất, để thân lại núi này, đến nay đã hai trăm năm rồi.

Sau khi Hoàng đế lên ngôi được năm năm, đó là vào năm Canh Tuất, tôi làm quan lại trong châu này, lên đến nơi mà trước kia Thiền sư ẩn cư, xem khắp dấu tích nêu tận việc xưa, thế rồi sư được trà-tỳ và dựng tháp. Thật là cảnh đẹp hiếm thấy giữa núi rừng. Trước lúc vua xa giá lên đây, Hà Nam Y Triệu Quận Lý Công Thường đã đến đây rồi. Lời văn trong bia do Tùy Nội Sử Thị Lang, Hà Đông Tiết Công Đạo Hành, Đường Tướng Quốc Hà Nam Phòng Công Quản cùng bàn bạc và soạn. Còn như việc viết công trạng để tôn vinh, dùng lễ phong thụy hiệu, thì triều đình mới lập lại, muôn việc còn rối bời nên chưa làm kịp. Trưởng lão Tỳ-kheo Thích Trạm Nhiên tụng kinh dưới linh tháp mãi đến khi già như cây tùng dưới tháp, thường cảm thấy đau buồn vì tên họ của tiên sư trong nước chưa ai biết, nên cùng Đại Luật sư Trừng Tuấn ở chùa Thiền chúng nhiều lần thành tâm cầu thỉnh. Cùng lúc đó Tung sơn đại Tỳ-kheo Thích Tuệ Dung từ Quảng Lăng đến, Đại Tỳ-kheo Thích Khai Ngộ ở chùa Thắng Nghiệp từ Lô Giang đến, họ đều mến mộ di huấn bảy đời sau của Thiền sư ta. Ngày ngày than tiếc vì chẳng có chiếu dựng tháp, chẳng có người tôn ngưỡng, sợ nền móng tượng pháp ngã nhào xuống đất, nên phát hoằng nguyện độ vô biên chúng sinh, lập thệ nguyện giữ cái ân võng cực.

Thế rồi Châu Mục Ngự Sử Đại Phu Trương Công Diên Thưởng tâu về triều, tháng tư năm thứ sáu, Hoàng thượng bỗng nhiên hạ chiếu cho duy trì lại mối đạo đã hoại diệt, sắc phong sư thụy là Cảnh Trí, tháp hiệu là Giác Tịnh. Dùng bảy đại đức Tăng trông coi bảo tháp quét dọn, cúng dường. Lệnh vua ban xuống khiến cho chấn động núi non, ai nấy thảy đều vui mừng cho rằng Đại thừa đã được trung hưng. Thế là các đại Tỳ-kheo cùng bàn bạc lập bia ở phía Đông nam ngôi tháp, ghi lại đầy đủ lý do tâm tông hưng phế. Tôi nghĩ rằng, Trung Quốc có Phật giáo vốn khởi nguyên từ Hán Hiếu Minh đế, trải qua các triều đại Ngụy, Tấn, Tống, Tề và Lương Vũ Đế. Hối ấy nói đến Đệ nhất nghĩa đế thì không hơn được Bố thí trì giới, vì thiên hạ mù mờ trong báo ứng, con người lại chẳng biết gì về thiền, con người và đạo pháp cùng bại

hoại. Đến Bồ-đề Đạt-ma Đại sư mới bắt đầu đem tâm yếu của chư Phật chỉ cho con người, con người vẫn nghi mà chưa suy nghĩ. Đại sư Tuệ Khả nhận lãnh yếu chỉ này, con người chỉ mới suy nghĩ nhưng chưa tu. Đến Tam tổ, thì di phong này dần dần lan rộng, pháp vị chân như ngày một ngập tràn, gốc rễ nhánh lá của muôn cây đều đượm nhuần mưa pháp. Từ đó về sau, Mật tàng của Không Vương, diệu ngữ của Nhị tổ mới bắt đầu có mặt ở thế gian, tuôn chảy vào lòng người. Đương thời những người nghe đạo với Thiền sư, cạn thì cũng biết hữu vi thảy đều là vọng tưởng, sâu thì ngay dưới lời ấy liền thấy được Phật tánh, chẳng khác nào ánh sáng chiếu đến vật, sớm là phàm phu mà chiều là Thánh hiền. Đại sư Đạo Tín chính là con người này.

Sau đó Đạo Tín truyền cho Hoằng Nhẫn. Hoằng Nhẫn truyền cho Tuệ Năng, Thần Tú. Thần Tú truyền cho Phổ Tịch. Môn đồ ngài Phổ Tịch có đến vạn người, sáu mươi ba vị thăng đường nhưng chỉ một người được tuệ tự tại đó là Hoằng Chánh. Môn hạ của ngài Hoằng Chánh, bậc long tượng lại đông gấp đôi. Có người giáo hóa ở Tung, Lạc; có người hoằng hóa ở Kinh, Ngô. Từ đó tâm tông truyền khắp thiên hạ, thịnh ngang với sáu đời.

Than ôi! Chê Thiền sư ta là nhị thừa, đời sau làm sao chẳng mê, mà đâu biết Thiền sư hạ sinh không làm chư Phật nên mới hiện thân Tỳ-kheo cứu vớt kiếp trược. Cũng như Nghiêu Thuấn đã mất đi, Chu công tế lễ, Trọng Ni thuật lại, Du Hạ hoằng truyền, khiến cho những người như Cao Đường, Hậu Thường, Từ Mạnh, Đới Khánh đều được làm tổ. Hễ đem những cái gì mà Thánh hiền xiển dương làm mấu chốt mực thước thì đều như vậy cả. Giống như các ông lập phu tử thế gia cho Tư Mã Tử Trường; như Tạ Lâm Xuyên soạn văn bia cho đại sư Tuệ Viễn. Nay muốn cho ngàn đời sau biết được toàn thân của Tiên sư, đầu mối của thiền môn. Sự kính ngưỡng của Đế vương ngay trong núi này thì phải xiển dương di phong, ghi lại thời gian ở trong dòng pháp. Tôi trước đây từng học đạo với Thiền sư rất lâu nên không thể từ chối. Bài minh viết:

Tánh tịnh con người
Đồng với muôn vật
Trí chạy bên ngoài
Nhiễm thành vọng thức
Như sóng nổi lên
Theo gió động lặng
Dâm sợ tham nộ

Là dao là giặc
Sống chết có bờ
Duyên khởi không bến
Như Lai thương xót
Khai mở độ môn
Ngay vọng tỏ chân
Liền chứng nguồn giác
Mở ra tâm ấn
Để lại đời sau
Thiền sư ra đời
Hoằng truyền Thánh giáo
Hai mươi tám tổ
Lần lượt truyền trao
Như như Thiền sư
Ứng thời hoằng hóa
Đời tàn pháp diệt
Chỉ đạo mãi còn
Kẻ mê đến cầu
Ta truyền bằng ý
Dẫn về chân tánh
Pháp thân viên dung
Tánh thân vốn không
Ta nói như vậy
Như như Thiền sư
Thành đạo bỏ đời
Hai mươi thế kỷ
Triều đình thịnh trị
Đế vương sáng suốt
Ức điềm cầu lạy
Hậu học ngày nay
Vào cảnh giới Phật
Lấy mà chẳng lấy
Ai trói ai mở
Vạn hữu ngàn năm
Pháp này không hoại.

13. Bài ký về giới đàn tại chùa Bảo Ứng ở Phủ châu:

Nhâm Tý: Lỗ Quận Công Nhan Chân Khanh soạn bài ký nói về

giới đàn tại viện Luật tạng trong chùa Bảo Ứng ở Phủ châu. Trong ấy nói:

"Như Lai thấy ba nghiệp thân, khẩu, ý khó điều phục nên chế tịnh giới để ngăn ngừa bên trong. Bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi nhiếp thiện tâm nên chế cách Bố tát để hiểu rõ bên ngoài. Nên nói: Ba-la-đề-mộc-xoa là thầy các ông. Thế nên Thiện Lai của Kiều-trần-như, thượng pháp của Ca-diếp-ba, tam quy của các Thanh Văn đều kiểm thúc chúng Tăng. Trong năm thứ mười bốn, Phật dùng Bát kỉnh pháp để độ Ni giới, truyền pháp Yết-ma, khiến cho giới luật đi vào ổn định.

Thời Hán Minh đế, Kiến Ninh năm đầu có Sa-môn Thiên Trúc như Ngũ Diệp Môn, Chi Pháp Lãnh... lần đầu tiên dịch Tứ Phần Luật Bản và Yết Ma tại Trường An, cùng truyền giới cho Đại Tăng. Đến đời Tào, Ngụy có mười vị Ni người Thiên Trúc sang truyền giới cho Ni. Thời Hậu Tần Diêu Hưng. Năm Hoằng Thỉ thứ mười một có ngài Phật-đà-da-xá ở Thiên Trúc dịch Tứ Phần Luật Bản và lúc đó Luật Tăng Kỳ thịnh hành ở Quan Trung, Luật Thập Tụng thịnh hành ở Giang Nam. Đến đời Nguyên Ngụy Luật sư Pháp Thông mới bắt đầu xiển dương Tứ Phần. Pháp Thông truyền cho Đạo Phú, Đạo Phú truyền cho Tuệ Quang, Tuệ Quang truyền cho Vân Huy Nguyện, Huy Nguyên truyền cho Ẩn Lạc, Ẩn Lạc truyền cho Hồng Vân, Hồng Vân truyền cho Hồng Tôn, Hồng Tôn truyền cho Trí Thủ, Trí Thủ truyền cho Đạo Tuyên, Đạo Tuyên truyền cho Pháp Lệ, Pháp Lệ truyền cho Mãn Ý, Mãn Ý truyền cho Pháp Thành, Pháp Thành truyền cho Đại Lượng, Đạo Tỉnh, Đại Lượng truyền cho Đàm Nhất, Đạo Ngạn, Đạo Siêu, Tuệ Trừng; Tuệ Trừng truyền cho Tuệ Khâm. Những vị ấy khẩu truyền những giáo nghĩa sâu kín của Luật tông cho nhau.

Ngài Tuệ Khâm họ Từ, là người Kiến Xương, Hồng châu, thuộc dòng dõi nhà Hán. Năm hai mươi hai tuổi, Sư đến tìm thầy tại Đổ sơn, Lâm Xuyên. Năm năm sau sư thế phát xuất gia tại chùa Long Cương ở Cao An, sau đó thọ giới Cụ túc. Hồi ấy có Pháp sư Nghĩa Tịnh là bậc Thượng Túc dịch kinh, người ta tôn xưng ngài là Linh Kiệt của Hồng châu. Sư là người tuyên dương giới luật và được tôn xưng là Lưỡng Kinh Địch Pháp Duệ Khâm. Sư có trí tuệ thâm sâu, thần dụng cao vời, việc làm không có quyền thật, bản thân ra khỏi khai giá. Sư xiển dương Luật tạng rõ ràng như trời trăng, biện tài lưu loát như rồng voi vùng vẫy, tiếng tăm của sư vượt ngoài sông núi. Cuối năm Khai Nguyên, Sư qua phía Bắc thẳng đến kinh sư. Hồi đó Đại đức Sùng Phước Tiên thường tụng và giảng kinh Niết-bàn, đồng thời cũng rất giỏi về Câu-xá Luận, kinh

Kim Cang, Duy-ma. Sư cũng thăng tòa thuyết giảng mỗi ngày, pháp hội sư có đến hai, ba ngàn người. Từ đó tiếng tăm của sư lan đến cung vua. Gặp phải mối loạn Lộc Sơn, Sư chống tích về Nam, dựng chùa ở giữa hai ngọn Tây sơn và Hồng tĩnh. Sư mến mộ di tích của Cao Tăng Quán Hiển, nên dựng ngay am thất phía Bắc chùa này. Nơi đây phong cảnh núi khe thanh vắng đẹp lạ. Dù kiên Trì Luật tạng nhưng sư vẫn để tâm trong việc độ người, thích đọc Chu Dịch, Tả truyện, hạ bút thành văn. Sư trước tác Luật Nghi Phụ Diễn mười quyển, từng soạn bia ký nói về giới đàn tại chùa Long Hưng. Đó đủ thấy Sư là bậc kiệt xuất.

Năm thứ ba, Chân Khanh đến nhậm chức Thứ sử Phủ châu. Cách châu này bốn dặm về phía Đông nam có một cái đài cổ vốn là nơi Tống thị Trung Lâm Xuyên nội sử Tạ Linh Vận dịch kinh Niết-bàn. Nền móng vẫn còn nguyên nhưng bậc thềm đã đổ nát, lúc này Cao hạnh Đầu-đà Tăng Trí Thanh đang trụ trì và tu sửa lại.

Mùa thu tháng bảy năm sau, Chân Khanh quyên góp tiền của vật liệu cũng gần đủ, lúc đó có Quán sát sứ Thượng thư Ngự sử Đại phu Triệu Quốc Ngụy Công hứa sẽ tâu vua về việc của chùa Bảo Ứng nhân ngày sinh nhật của Hoàng đế, ông lại thỉnh thêm hai mươi mốt Cao Tăng đức hạnh. Ngày hai mươi ba tháng mười, vua đồng ý cho phép. Thế là một đàn tràng Trang Nghiêm được dựng lên tức khắc và thỉnh Chỉ Quán Đại sư Pháp Nguyên, Pháp Tuyền, Tương Dương Thừa Giác, Thanh Lương, Thiện Hoằng, La Phù Viên Giác, Phật Tích Bản Dụ, Dự Hàng Tuệ Đạt cho đến Thường Châu Hải Thông, Hải Ngạn... cùng ở đây tu tập, cầu phước cho quốc gia. Họ đã nhóm thành học chúng nhưng giới luật chưa được thiết lập. Tháng ba năm sau, họ bèn thỉnh Tuệ Khâm đăng đàn truyền trao giới pháp. Lại thỉnh những vị như Long Cương Đạo Cán, Thiên Thai Pháp Duệ, Chiêu Đề Trí Dung, Bạch Mã Pháp Dận, Hành Nhạc Trí Giác, Đồng Đức Nghĩa Doanh, Hương Thành Tạng Tuyển, Long Hưng Tạng Trí, Khai Nguyên Minh Triệt... cùng nắm pháp sự. Bấy giờ xa gần đều tụ về đạo tràng đều chật cứng, thánh tượng phóng hào quang, rồi Long vương không mưa đến bốn mươi ngày. Tăng Ni cả thảy, và Văn sĩ Chánh nghị Đại phu, Tiền vệ úy thiếu khanh Trương Diên Cao cũng bỏ tục về chân với pháp danh là Hoại Võng, làm người đứng đầu. Từ năm này về sau, những người theo sư thọ giới Cụ túc có đến hơn một vạn, rải rác khắp núi sông, xa hơn ngàn dặm. Tượng pháp đổi thay đều nhờ công giáo hóa của Sư.

Lâm Xuyên nằm ở góc núi, giới luật chưa truyền đến. Bấy giờ, Tăng Ni có đến hơn ba trăm người thỉnh ngài Pháp Duệ đến hoằng

truyền và y chỉ ngài. Về sau bậc Cao đức chùa Tư thánh ở Thượng đô là Hoàn Bản Luật chủ, một bậc tài cao đức trọng từng hết lời tán thán khen ngợi sư. Hoàn Bản dựng Phổ Thông Vô Ngại Thiền viện ở Đông Nam chùa này, trong ấy lại dựng Trấn Quốc Quán Âm Đạo Tràng thỉnh ngài Thiện Hoằng ở đó để khai ngộ tâm yếu. Đại sư Đàm Nhất nói: "Trí Dung chuyên tâm giữ luật, đáng bậc xuất chúng". Ngài sai Trí Hoảng... dựng Luật tạng viện ở phía Đông Phổ Thông đạo tràng, trong viện lại dựng lập giới đàn, tổ chức theo nghi thức của ngài Tuệ Khâm, đồng thời ghi chép nghi thức nhằm lưu truyền lại. Khởi công không bao lâu, điện đàn Trang Nghiêm, cao vút liền hiện rõ, giới đàn nổi bật giữa ngôi chùa, dùng anh lạc chuỗi ngọc trang sức tượng Phật, quang minh sáng rỡ như ngọc ma ni, người vào giới đàn quấn đắp ca-sa, hương mầu xông khắp thần túc không lường. Nửa tháng sau mọi việc hoàn tất. Bấy giờ là năm Tân Hợi niên hiệu Đại Lịch đời Đường, Thứ sử Phủ châu là Lỗ quận Khai quốc công Nhan Chân Khanh ghi rõ lại việc này.

14. Đạo sĩ Sử Hoa tranh luận với Sa-môn Sùng Tuệ:

Năm thứ chín, Đạo sĩ Sử Hoa nhờ có pháp thuật nên được vua sủng ái, nhân đó Sử Hoa xin lập giàn dao nhọn rồi đấu phép với Sa-môn. Vua hạ chiếu cho hai bên chọn người, ngày giơ để thi đấu phân biệt thắng thua. Khi ấy có Sa-môn Sùng Tuệ không rõ quê ở đâu, ngài thường trì tụng Thủ-lăng-nghiêm Chú, dâng biểu xin tỷ thí với Sử Hoa. Vua dẫn bá quan đến xem. Sử Hoa bước lên giàn dao nhọn, rồi bảo Sùng Tuệ leo lên. Ngài đạp trên dao nhọn đi lên mà chẳng thương tích gì. Ngài thừa thắng bèn sai dồn củi trước sân đốt, lửa cháy bừng bừng ngài đi vào trong đống lửa rồi gọi Sử Hoa vào. Sử Hoa sợ đến toát mồ hôi, không dám nhìn thẳng.

Vua vui mừng bãi hội, ban cho ngài hiệu là Hộ Quốc Tam Tạng. Về sau không ai biết ngài thị tịch lúc nào, ở đâu.

15. Lý Nguyên hỏi đạo với Sa-môn Viên Trạch:

Sa-môn Viên Trạch ngụ tại chùa Huệ Lâm, Đông đô rất thân với ẩn sĩ Lý Nguyên (Huệ Lâm tức là Nguyên Cựu Đệ). Cha Lý Nguyên là Lý Đăng làm Tuần thú Đông đô, bị An Lộc Sơn sát hại, vì vậy Nguyên không làm quan thường ngụ trong chùa đàm đạo với Viên Trạch ngày này sang ngày khác. Có lần hai người cùng hẹn đi lên chơi núi Nga My. Nguyên muốn từ Kinh châu theo đường núi đi lên, Trạch muốn từ Tà Cốc, Trường An đi lên. Nguyên từ lâu vứt bỏ việc đời nên không muốn

vào lại Kinh sư, Trạch không ép. Hai người bèn từ Kinh châu đi thuyền lên Nam phổ. Giữa đường thấy một người phụ nữ mặc cái áo dưỡng thai vác cái lu đi múc nước. Trạch nhìn thấy khóc, nói:

"Điều ta không muốn nay đã tới rồi".

Nguyên nghe, thất kinh hỏi nguyên do, Trạch nói:

- Người phụ nữ này mang thai đã ba năm rồi, đợi ta đến đầu thai làm con. Không gặp thì thôi, nay đã gặp rồi thì không trốn được. Ông phải dùng phù chú giúp ta sinh ra mau. Ba ngày sau đứa ấy sẽ được tắm, mong ông đến chơi và cười một cái để làm tin. Mười ba năm sau, ông sẽ gặp đức bé ấy bên ngoài chùa Thiên Trúc ở Hàng châu.

Nguyên nghe bùi ngùi, tắm xong đến tối thì Viên Trạch mất. Sau khi người phụ nữ sinh đứa bé được ba ngày. Nguyên đến thăm, đứa bé thấy ông quả nhiên mỉm cười. Ông liền kể mọi việc cho người nhà đứa bé ấy biết.

Chôn cất Viên Trạch xong, ông về lại chùa. Đúng như kỳ hẹn, ông đi từ đất Lạc qua đất Ngô để tìm lại lời giao ước. Đúng vào lúc ấy, ông thấy đứa trẻ chăn trâu ở Cát Hồng Tĩnh gõ sừng trâu mà ca rằng:

Ba đời thần hồn tiên đá cũ
Ngắm trăng ngâm vịnh chẳng nói năng
Hổ thẹn tình người lâu gặp lại
Thân này tuy khác tánh thường hằng.

Nguyên liền hỏi:

- Ông Trạch vẫn khỏe chứ?

Đứa bé đáp:

- Anh Lý thật đúng hẹn, ở ẩn nhưng duyên đời chưa hết nên chớ gần nhau chỉ mong anh gắng sức tu hành mới mong được gặp lại.

Đứa bé nói xong, ca tiếp:

Thân trước thân sau việc mênh mang
Muốn nói nhân duyên sợ đau lòng
Núi sông Ngô, Việt sau này rộng
Về lại non sông sạch bụi hồng.

Ca xong, đứa bé biến đâu mất. Lý Nguyên về lại chùa Tuệ Lâm. Đến năm Trường Khánh ông đã tám mươi tuổi. Ngự sử Trung thừa Lý Đức Dụ dâng biểu tâu rằng:

"Lý Nguyên là bậc chí hiếu đoạn tâm với bổng lộc quan tước, hơn năm mươi năm ông ấy chỉ để tâm trong vắng lặng, lý hợp nguồn tâm. Một lời khai mở, trăm mối tuyệt cùng, ôm cái chân tiết sống giữa đời sạch. Thần trộm nghĩ rất lấy làm tiếc cho bệ hạ."

Mục Tông hạ chiếu phong ngài chức Nguyên thủ gián Nghị Đại phu. Nhưng Lý Nguyên không vào triều, ở như vậy đến lúc mất.

16. Đam Nguyên hỏi về ý chỉ Vô Phùng tháp: (Kỷ Mão)

Quốc sư Tuệ Trung sắp thị tịch, Đam Nguyên hỏi:

- Trăm năm sau có người hỏi giáo lý cực tắt thì đáp thế nào?

Tuệ Trung nói:

- Vua mà thương dân, dân sẽ có bùa hộ thân, ông lo lắng làm gì.

Tuệ Trung vào triều từ giã Đại Tông. Đại Tông hỏi:

- Sau khi thầy diệt độ, đệ tử làm việc gì để ghi nhớ ngài?

Tuệ Trung nói:

- Bảo đàn việt dựng Vô Phùng tháp.

Vua hỏi:

- Hình dạng tháp thế nào?

Giây lâu ngài hỏi:

- Hiểu không?

Vua đáp:

- Không hiểu.

Ngài nói:

- Sau khi bần đạo mất, thị giả Ứng Chân sẽ biết việc này.

Ngày chín tháng mười hai, ngài nằm nghiêng bên phải thị tịch. Môn nhân đệ tử thỉnh nhục thân ngài an táng dựng tháp trên hang Đảng tử. Vua ban hiệu là Đại Chứng Thiền Sư.

Vua liền triệu Ứng Chân vào cung, đem việc ấy hỏi lại ngài. Giây lâu Ứng Chân hỏi:

- Thánh Thượng hiểu không?

- Không hiểu.

Ứng Chân liền nói kệ:

Phía Nam sông Tương phía Bắc đầm
Trong có vàng ròng giữ một nước
Dưới cây không bóng thuyền cùng đến
Trên điện lưu ly chẳng ai biết.

Đại Tông có lần đã ở tại điện này. Đại Tông chỉ Thiên hạ Quán quân dung sứ Ngư Triều Ân rồi hỏi với Tuệ Trung:

- Triều Ân cũng hiểu chút ít Phật pháp.

Triều Ân liền hỏi ngài:

- Cái gì là vô minh, vô minh từ đâu mà khởi?

Ngài đáp:

- Tướng suy Phật pháp nay hiện.

Vua hỏi:

- Sao vậy?

Ngài đáp:

- Nô bộc cũng hiểu và hỏi Phật pháp, chẳng phải là tướng suy hiện đó sao!

Triều Ân giận tím mặt. Ngài nói:

- Đó chính là vô minh, vô minh từ đó mà khởi.

Triệu Ân to tiếng chống đối:

- Có người nói nay thầy là Phật rồi phải không?

Ngài đáp:

- Triều đình có người nói ông nay là thiên tử rồi phải không?

Triều Ân lạy sát đất nói:

- Đáng chết! Đáng chết! Triều Ân quả thật không phải thiên tử.

Ngài nói:

- Ta không phải là Phật, thế nên hai vị ấy không cùng hoằng hóa.

Triều Ân hỏi:

- Thầy mãi làm phàm phu mà không có lúc làm Phật sao?

Ngài nói:

- Về sau ta quyết sẽ làm Phật. Ông họ gì?

Ân đáp:

- Họ Ngư.

Ngài nói:

- Về sau ta làm Phật nhưng không phải tên là Tuệ Trung, về sau ông làm thiên tử đổi họ hay lấy họ Ngư?

Triệu Ân lạy nói:

- Đáng chết! Đáng chết! Từ nay trở đi Ân này không dám luận Phật pháp với thầy.

Ngài nói với vua:

- Cái màn che nào giết kẻ nô bộc này?

Đinh Tỵ: Năm thứ mười hai, Tể tướng Nguyên Tái, Vương Tấn đắc tội, Tái bị giết, tịch biên gia sản gồm năm trăm lượng Chung nhũ, tám trăm hộc hồ tiêu cùng những của cải khác. Vương Tấn bị tội chê bai Quát châu Thứ sử. Tấn vốn là người ăn chay thờ Phật, về già càng rất tinh tấn. Vợ mất, ông cải gia vi tự. Lúc đầu vua không biết kính trọng Phật pháp. Mỗi lần hỏi ông vì sao làm như vậy, ông đều đem phước nghiệp báo ứng nói cho vua nghe, dần dần vua thú hướng Phật pháp.

Từ đó trong cung bắt đầu thờ Phật, tụng kinh, ăn chay rất tinh tấn. Quần thần thấy vua như vậy, cũng lo nói đến sống chết báo ứng, chẳng lo liệu mọi việc. Hồi ấy người ta cho rằng Vương Tấn và Đỗ Hồng Tiệm câu nê Phật pháp thái quá.

Mậu Ngọ: Lúa ba tiền một đấu. Mèo chuộc cùng bú với nhau.

17. Thiền sư Sùng Tuệ ở núi Thiên Trụ: (Kỷ Mùi)

Tháng ba, Hoàng thượng mất, Thái tử lên ngôi.

Năm thứ mười bốn, Thiền sư Sùng Tuệ ở núi Thiên Trụ thị tịch. Sư quê ở Bành châu, đắc pháp với Thiền sư Oai ở Ngưu Đầu, về sau trụ tại chùa Thiên Trụ. Có vị Tăng hỏi:

- Khi Đạt-ma chưa đến, nước này có Phật pháp không?

Sư đáp:

- Khi chưa đến đã có, còn nay việc ấy thế nào?

Tăng đáp:

- Con không hiểu.

Sư nói:

- Hư không muôn đời, gió trăng một sớm.

Giây lâu sư hỏi:

- Xà lê hiểu không? Ở ngay chính mình thì thế nào, can hệ gì đến Đạt-ma qua hay chưa qua làm gì. Ông ấy đến chẳng khác gã nhà buôn, bói toán. Thấy ông chẳng hiểu, ta cày phá cho ông; bói văn tài, xem kiết hung, tất cả đều ngay nơi ông, phải tự xem lấy!

Tăng hỏi:

- Thế nào là hiểu thấu gã thầy bói?

Sư đáp:

- Lúc ông vừa ra khỏi cửa đã không trúng.

- Thỉnh thầy nói việc trong tông môn.

Sư đáp:

- Trâu đá rống dài vượt chân không.

Lúc ngựa gỗ hý trăng lặn núi.

- Thế nào là ý chỉ Tây lai?

Sư đáp:

- Vượn trắng ôm con về núi thẳm

Ong bướm lấy mật ở trong hoa.

Nói xong sư thị tịch, nhục thân chẳng hoại, đã mấy trăm năm nay vẫn còn nguyên.

18. Đức Tông: (Canh Thân)

Đức Tông tên là Quát, con trưởng của Đại Tông, lên ngôi đổi niên hiệu là Kiến Trung. Ông hạ chiếu bảo thiên hạ chớ chuộng điềm lành. Ông thả voi thuần đuổi cung nữ, dùng Lư Kỷ làm Tể tướng, dẫn đến mối loạn của Chu Tử, cũng may nhờ phước trời. Ông thọ sáu mươi bốn tuổi, an táng ở Sùng lăng, trị vì hai mươi lăm năm. Lập Tụng làm Hoàng Thái tử, bắt đầu chế định hai thứ thuế Thu, Hạ.

19. Bài tựa trong Thiên Tý Thiên Bát Văn-thù Kinh:

Tại chùa Càn Minh trên Ngũ Đài, Sa-môn Tuệ Siêu chép lại kinh Đại Thừa Du-già Kim Cang Tánh Hải Mạn-thù-thất-lợi Thiên Tý Thiên Bát Đại Giáo Vương do Đại Quảng Trí Tam tạng Bất Không dịch. Trong bài tựa nói:

"Đại Đường, Khai Nguyên năm thứ hai mươi mốt, ngày một tháng giêng năm Quý Dậu, tại đạo tràng trong chùa Tiến phước, Kim Cang Tam tạng trao Đại Thừa Du-già Kim Cang Ngũ Đảnh Ngũ Trí Tôn, Thiên Tý Thiên Phủ Thiên Bát Thiên Phật Thích-ca, Mạn-thù-thất-lợi Bồ-tát, Bí Mật Bồ-đề Tam-ma-địa Pháp cho Tăng Tuệ Siêu. Sau khi nhận lãnh pháp này xong, Tam tạng Bất Không phụng hành kinh này suốt tám năm, đến Khai Nguyên năm thứ hai mươi tám, ngày rằm tháng tư năm Canh Thìn, tại đạo tràng trong chùa Khai Nguyên, ngài dâng biểu tâu với Khai Nguyên Thái Thượng Hoàng. Đến ngày năm tháng năm ngài phụng chiếu dịch kinh này. Lúc ấy ngài đốt hương cúng dường bắt đầu phiên dịch, Tam tạng diễn dịch Phạm bản, Tuệ Siêu bút thọ, giáo pháp kinh Đại Thừa Du-già Thiên Tý Thiên Bát Mạn-thù-thất-lợi. Đến rằm tháng mười hai Thiên Bảo năm đầu, Tam tạng đem Phạm bản này và thư của Ngũ Thiên Trúc A-xà-lê trao cho Phạm Tăng Mộc-xoa-nan-đề Bà-già, bảo Phạm tăng này giao kinh và thư cho Bổn sư Bảo Giác A-xà-lê ở tại nước Sư tử bên Nam Thiên Trúc. Đến nay Phạm tăng ấy vẫn chưa quay về.

Sau đó tháng mười năm Đại Lịch thứ chín, ngài lại đến Đại sư Đại Quảng Trí Tam Tạng Hòa thượng ở chùa Đại Hưng Thiện đích thân nghe khẩu quyết của Đại Giáo Du-già Tâm Địa Bí mật pháp môn. Sau đó ngày rằm tháng tư, niên hiệu Kiến Trung năm đầu, ngài đến chùa Càn Nguyên Bồ-đề trên Ngũ Đài đem hai bản bằng tiếng Phạm và tiếng Hán đối chiếu nhau. Đến ngày năm tháng năm Tuệ Siêu sao chép lại. Tất cả đại giáo như Như Lai, Du-già Bí Mật Kim Cang Tam-ma-địa, Tam Mật Thánh Giáo Pháp môn cùng Bí Mật Nghĩa mà chư Phật Như

Lai xuất hiện ứng thế đều được thuật lại hết. Người tùy tâm mong cầu, thì trí sáng huyền thông, người nhất tâm tụng niệm thì không lo không thể nhập. Căn duyên cảm ứng đều nhờ vào kinh này, lên quả Bồ-đề, trừ sạch tà chấp, khế với hai bí mật, chứng đắc rốt ráo cùng lý vi diệu của pháp môn Yếu Bí Du-già. Thân, khẩu, ý nghiệp phải dùng trí tu trì, giới định tuệ liền thông đạt rõ ràng. Chứng quả Như Lai phải lấy lòng tin làm đầu, nương thuyền Bát-nhã vượt đến bờ bên kia. Nay thuật lại đức của Văn-thù, dấu tích linh thiêng nơi Hằng hà, thánh giác vô cùng, thần lực ngầm chuyển đã nhiều trần kiếp. Vì bi nguyện chẳng trụ Bồ-đề, bậc chánh giác vô thượng hiện làm Bồ-tát. Từ đây quang minh chiếu thế giới, đến núi Thanh Lương tiếp người nhẫn nhục, dẫn dắt quần sinh, hiện mây hiện đèn, nhẫn đến muôn vàn Bồ-tát thị hiện kỳ tích như hiện quang hiện tướng, ai nấy đều phát sinh chánh trí, làm lợi ích cho ba đời, chỗ dựa cho hàm linh, đều chứng đắc Bồ-đề.

Nhâm Tuất: Thâu tiền của kẻ giàu, thương nhân, có đến vạn đồng, quan mượn tiền dư này sung vào việc quân.

Quý Hợi: Thuế dần dần tăng cao.

20. Thiền sư Nam Nhạc Minh Toản:

Giáp Tý năm mươi tám: Đổi niên hiệu là Hưng Nguyên. Năm này vợ Mao Hãn ở Thọ châu sinh đứa con là Mao Trái có hình người đầu heo, tai voi, chân loa, mang cá. Đứa bé cầm gậy sắt tự đánh mình, cầm chổi quét chùa chiền để trả quả báo ăn trộm tiền của thường trụ.

Thiền sư Minh Toản ở Nam Nhạc, không ai biết quê quán sư ở đâu. Trong niên hiệu Càn Nguyên, Tể tướng Lý Bí từ quan vào ở ẩn trong Hành nhạc. Sư ẩn cư ở Thượng phong, Bí liền qua yết kiến Sư. Sư tụng kinh, mới nghe rất bi thảm, nhưng càng nghe càng thấy thanh thoát. Lý Bí nghe lén, rồi nói với sư:

- Chẳng phải người ở ẩn, không biết Sư có ý ngao du không?

Sư nạt:

- Chớ theo giặc! Chớ theo giặc!

Lý Bí vẫn thản nhiên. Lúc lâu sư vẫn thấy Lý Bí đứng đợi rất cung kính. Sư hỏi:

- Ông ăn cơm chưa?

- Chưa.

Sư bèn nhóm lửa luộc khoai rồi cùng ăn và nói chuyện với Lý Bí. Lát sau, Bí cáo từ ra về. Sư vỗ lưng ông ta nói:

- Ông làm tốt chức Tể tướng trong mười năm.

Đến bấy giờ Bí mới cảm nhận lời của sư nói đúng, liền tâu vua về đức hạnh của Sư. Vua hạ chiếu thỉnh. Sứ giả đến thạch thất của sư la lớn:

- Tôn giả đứng dậy lạy tạ thánh ân!

Sư vẫn nhắm mắt buông thân ngồi yên chẳng đoái hoài gì cả. Sứ giả khen sư là bậc thuần chánh nên cũng không ép, liền về triều bẩm báo mọi việc. Vua luôn miệng ngợi khen, tán thán sư. Minh Toản làm bài ca, trong ấy nói:

Cao thay vô sự không thay đổi
Vô sự cần gì nói một đoạn
Thẳng lòng không tán loạn
Việc khác chẳng cần đoạn
Quá khứ đã đi qua
Vị lai tính làm gì
Cao thay là vô sự
Đâu từng có ai gọi
Trong ngoài tìm công phu
Thảy là kẻ si ngoan
Thóc một hạt chẳng chứa
Gặp cơm mới biết đói
Người thế gian nhiều việc
Chen lấn đến không kịp
Ta chẳng ham sinh thiên
Cũng chẳng ưa phước điền
Đói đến thì ăn
Hễ mệt thì ngủ
Kẻ ngu cười ta
Người trí biết ta
Chẳng phải ngu đần
Bản thể như vậy
Muốn đi thì đi
Muốn ở thì ở
Thân mặc áo gai xấu
Chân mang giày vải rách
Nói nhiều bàn luận nhiều
Lại thành ra nhầm lẫn
Nếu muốn độ chúng sinh
Không ngoài phải tự độ

Chớ hủy thiên chân Phật
Chân Phật không thấy được
Diệu tánh và Linh đài
Đâu từng chịu xông nung
Tâm là tâm vô sự
Mặt là mặt lão bà
Kiếp đá có thể động
Trong đây không hề chuyển
Vô sự vốn vô sự
Còn gì đọc văn tự
Tẩy trừ gốc nhân ngã
Ngầm hợp ý trong đây
Muôn việc mỏi gân cốt
Chi bằng ngủ dưới cây
Vời vợi ngẩng đầu thấy trời xanh
Xin cơm ngoái đầu nhận
Đem công dùng công trở lại mê mờ
Lấy thì chẳng được chẳng lấy tự thông
Ta có một lời dứt ý quên duyên
Khéo nói chẳng được chỉ dùng tâm truyền
Lại có một lời không ngoài chân thật
Nhỏ như đầu lông, lớn tợ vô cùng
Vốn tự viên thành chẳng nhọc tôi luyện
Việc đời rối bù chẳng bằng gò núi
Tùng xanh che nắng suối trong chảy hoài
Mây núi làm màn trăng khuya làm móc
Nằm dưới võng dây lấy đá gối đầu
Chẳng hầu thiên tử há ham chư hầu
Sống chết chẳng màng còn lo gì nữa
Trăng nước vô hình ta thường an lạc
Muôn pháp như vậy vốn tự vô sinh
Cao thay! Ngồi vô sự
Xuân đến cỏ tự xanh.

21. Thiền sư Kinh Khê Trạm Nhiên:

Thiền sư Kinh Khê Trạm Nhiên sắp thị tịch, Sư dặn dò chúng:

- Đạo lớn không phương không thể, sống ư? Chết ư? Yếu chỉ ấy nhất quán. Ta đi để thân lại núi này, đêm nay báo thân sẽ hết. Nay sẽ

cùng các ông đàm đạo quyết trạch.

Phàm nhất niệm vô tướng thì gọi là không, không pháp nào mà không đầy đủ gọi là Giả, chẳng một chẳng khác gọi là Trung. Ở phàm là ba nhân, ở Thánh là ba đức, đốt đèn thì trước sau đồng một tướng, lội biển thì cạn sâu đều khác dòng, tự lợi lợi tha chỉ ở ngay đây. Các ông hãy ghi nhớ!

Nói xong sư thị tịch. Hàn Lâm Lương Túc soạn văn bia rằng:

"Thánh nhân không ra đời, tất có người giáo hóa đời. Từ Trí Giả phó pháp cho Quán Đảnh, Đảnh tái thế cho đến Tả Khê Huyền Lãng, đạo vẫn còn chưa tỏ đợi đến ngài mới phát. Vật báu ấy nhờ ánh lửa này mà trung hưng, những người thọ học tinh thông đến ba mươi chín vị, những người danh cao chức trọng ngưỡng đạo nghe danh cúi mình thọ giáo có đến mấy mươi. Thầy nghiêm đạo cao, xa gần đều quy hướng. Nếu chẳng phải là bậc Á thánh trụ thế thì làm sao người người đều quy tụ về Đông như vậy".

Ất Sửu: Đổi niên hiệu là Trinh Nguyên.

22. Chỉ Quán Thống Lệ: (Bính Dần)

Năm thứ hai, Hàn Lâm Lương Túc chỉnh sửa Thiên Thai Chỉ Quán luận xong, ông soạn tiếp Chỉ Quán Thống Lệ. Trong ấy nói:

"Dùng chỉ quán để làm gì? Để dẫn muôn vật trở về lại cái thực tế. Thực tế là cái gì? Là gốc của tánh. Muôn vật sở dĩ không quay về được vì nó mê mờ loạn động mà thành như vậy. Soi sáng cái tối thì gọi là sáng, ngăn chặn cái động thì gọi là tĩnh. Sáng và tĩnh là bản chất của chỉ quán. Trong nhân thì gọi là chỉ quán, trong quả thì gọi là Trí định. Nhân tức là Hạnh, quả tức là Thành. Hạnh tức là thực hành pháp này. Thành nghĩa là chứng đắc pháp này. Thánh nhân có nói kiến hoặc đủ làm mất chí, động đủ làm mất phương hướng, bấy giờ dùng chỉ mà quán nó, dùng tĩnh mà soi sáng nó, khiến cho động trở thành tĩnh, tĩnh trở thành sáng. Do nhân đối đãi mà thành pháp, phải đoạn tuyệt đối đãi mà soi đến gốc. Ngồi xe lớn mà chế ngự cái chánh, nương việc lớn mà nắm quyền hành. Tinh tức nằm đạo tràng chẳng hai, cổ vũ nằm ở xứ sở nói ba, phải thật vi tế để thấu tận tánh, phải thật lặng yên mà thể nhập tánh linh. Nói gần thì mảy lông cũng khéo thông suốt, nói xa thì cửa ngõ trùng huyền cũng hay suốt thấu. Hễ dùng viên thì nó viên, vì vật không cố định; hễ dùng thật thì nó thật vì vật không hư vọng. Thánh nhân chỉ bày bằng những lời này quảng bá bằng yếu chỉ này. Ưu mà lại nhu, khiến tự cầu nó; nghĩ mà lại nghị khiến tự đến với nó. Đó là lý do

hình thành chỉ quán.

Tam đế là gì? Đó chỉ là một. Không Giả Trung là mấu chốt của cái một ấy. Không Giả là nghĩa tương đối, Trung đạo mới đích thực được gọi là một. Đây gọi là thuyết của suy nghĩ luận bàn mà không phải là yếu chỉ của cái một rốt ráo ấy. Tận cùng của một tức là ba, tận cùng của ba tức một, chẳng phải tương hợp với nhau mà thành, chẳng phải tương sinh mà có, chẳng phải tính theo nghĩa, chẳng phải cưỡng lập mà đặt tên. Lý tự nhiên, khi truyền thì gọi là dấu tích. Lý là gốc, dấu tích là ngọn, gốc là nơi mà Thánh nhân đến, ngọn là giáo mà Thánh nhân diễn bày. Từ gốc mà buông dấu tích. Nên mới có Tiểu, có Đại, có Thông, có Biệt, có Đốn, có Tiệm, có Hiển, có Bí, có Quyền, có Thật, có Định, có Bất Định. Lần theo dấu tích trở về lại gốc, nên có Một có Đại, có Viên có Thật, có Vô trụ, có Trung, có Diệu, có Đệ nhất nghĩa. Đó là tính sâu kín của một và ba. Sở dĩ nói không vì thông đạt vạn pháp mà nói như vậy, Giả vì hình thành vạn pháp mà gọi như vậy, Trung vì vượt khỏi muôn pháp mà nói như vậy. Phá tất cả hoặc thì không gì bằng Không; lập tất cả pháp thì không gì bằng Giả; rốt ráo tất cả tánh thì không gì bằng Trung. Hễ nói Trung thì không pháp nào mà chẳng phải là Trung, nói Giả thì mọi pháp đều Giả, nói Không thì vạn pháp đều Không. Khi chứng thì gọi là Tam đức, khi tu thì gọi là Tam quán. Nêu cái chính yếu thì Thánh nhân đã dày công nghiền ngẫm cùng lý tận tánh. Kẻ tối khiến cho sáng, kẻ trệ khiến cho thông. Hễ thông thì ngộ, hễ ngộ thì đến, hễ đến thì thường, hễ thường tức là rốt ráo rồi. Hễ sáng thì chiếu, hễ chiếu thì hóa, hễ hóa thì thành, hễ thành tức là một rồi. Thánh nhân đeo níu vạn pháp nhưng chẳng sai, trải khắp vạn kiếp nhưng chẳng trái, chở khắp hằng hà nhưng chẳng có, quay về không vật mà chẳng không, nên tạm gọi là Phật, tạm xưng là Giác. Thấu tận yếu chỉ này thì tự tại giải thoát, còn đức nào to lớn vi diệu cùng cực hơn nữa. Hễ tam quán thành tựu thì kết quả như vậy. Nói viên đốn tức chẳng Tiệm thứ, chẳng phải Bất định. Đây chỉ luận nghĩa của mười chương. Mười chương này là cửa ngõ trọng yếu để khai diễn tận cùng con đường chung. Lược bớt năm chương tức là nêu cái bến bờ rộng lớn, cắt đứt bớt dòng phụ. Mười cảnh là mấu chốt để phát khởi, là nền tảng để tập quán. Mười thừa là sở tu của diệu dụng, là cửa ngõ để khởi hạnh. Bắt đầu là chánh quán và kết thúc là thấy cảnh, vì nghĩa đã hoàn bị. Ngoài ra những thứ khác chẳng phải cái trọng yếu để tu tập. Thừa là cái gì? Là vật để chuyển tải vật. Mười là gì? Là việc phải chuyển tải. Biết cảnh ấy vi diệu, chẳng cần đi mà đến thì đó là Thượng đức. Như vậy một thừa được rồi, nhờ chín cái

còn lại làm gì? chín cái kia không phải là thuyết tương sinh nào khác, mà người chưa đến tất rất cạn cợt, cho nên phát tâm thì phát cái không thể phát, an tâm thì an cái không thể an, phá khắp thì phá cái không thể phá ấy. Thế nên các thừa khác đều bất đắc dĩ mà phải nói như vậy. Đến như những nghĩa khác đều phán liệt lâm chương mục, thì xét ra nó rộng mà không rườm rà, tóm lại đơn giản mà không thiếu ít. Nó giống như móc xích không thể gỡ ra, như hạt châu trong suốt không hề xen tạp, như gương treo không thể giật lấy, như sông rộng không thể ngăn bờ. Bàn đến tông thì nhiều cửa ngõ nhưng không phải tranh luận, nói đến kinh thảy đều chánh nghĩa mà không phải nói suông. Luận về tánh cạn sâu của Tứ giáo thì mỗi việc đều có nguồn gốc. Hình thành nhân duyên của Nhất sự thì lý vẫn không thừa. Ôi! Chỉ quán là sách cứu đời làm tỏ đạo, nếu chẳng phải là Thánh trí siêu tuyệt, đứng cao chót vót thì ai có thể làm được nếu chẳng phải bậc thông minh thâm đạt, tỏ ý thấu sự thì ai có thể biết được. Người học ngày nay chuyên dùng văn từ chương cú, giải thích trên chữ nghĩa, chẳng phải là hạn hẹp kém cỏi lắm đó ư. Có người cho rằng, cảnh không thể nghĩ bàn, việc không thể nghĩ bàn đều là lãnh vực của bậc chí thánh, hàng đẳng giác vẫn chưa thấy biết rốt ráo được. Còn như phàm phu, tâm hạnh thì sanh diệt, Tam Hoặc thì đầy dày, ngay trong ngôn thuyết rồi suy ra lý thượng diệu, thì đó vẫn là chỉ gà con mà bảo là đại bàng, thấy trùng mùa hạ mà bảo là lớp băng. Đó đủ thấy không phải là kẻ sáng suốt rồi.

Nay nói về chỉ quán, văn tự có đến vạn số, tìm khắp quả địa không ích lợi cho người sơ học, lẽ đâu cứ mịt mờ tự tu, việc gì đến thì tự đến, cần gì phải toan tính hướng đi cho mình sao? Thế nhưng sư thật không phải vậy. Nói cảnh giới của Thượng thánh, lẽ đâu cảnh giới ấy cách xa vời vợi thăm thẳm mịt mờ với cảnh phàm chăng? Mà đó chỉ là một tánh mà thôi. Được thì gọi là ngộ, mất thì gọi là mê, đó chỉ là một ký. Mê thì làm phàm phu, ngộ thì làm Thánh nhân. Mê thì tự cách xa lý nhưng không cách, mất thì tự đánh mất tánh nhưng không mất. Chỉ quán ra đời với mục đích lìa những điểm dị đồng mà cứu xét cùng tận đến Thánh trí, khiến cho chúng sinh chánh tánh mà thuận lý. Hễ chánh tánh thuận lý tức là đi trên đường giác, đến được cảnh giới thù thắng. Người không biết giáo lý này thì sở học từ đâu mà vào, hành động từ đâu mà thi thiết, trí từ đâu mà phát khởi? Chẳng khác nào kẻ mù chẳng thấy ánh sáng đi trong đường hiểm nạn, sụp hầm xỉa hố mà có thể thắng mình được ư. Ôi! Cách Thánh đã xa, người hiền không xuất thế, những bọn ngu muội chỉ là hàm thức mà thôi đến nỗi khiến cho tà ma lừa dối,

phe nhóm nổi lên như ong, có, không... đều là hầm hố. Có kẻ chấp chặt văn tự mà chẳng dám thực hành, có kẻ thả trôi theo sóng dữ mà chẳng biết dừng, có kẻ cho là quá xa rồi cam tâm không đến, có kẻ cho là quá gần ở ngay thân ta, có kẻ như cây khô mà cho là định, có kẻ quá ồn ào mà bảo là tuệ, có kẻ bôn ba trái đạo mà cho đó là Quyền, có kẻ dựa quỷ thần rồi cho mình đã thông, có kẻ phóng tâm mà cho là rộng, có kẻ ít nói rồi cho là mật, có kẻ miệng lưỡi lén truyền rồi cho là khẩu quyết. Những kẻ ấy tự lập làm tổ, rối tổ thành tông, phản kinh nghịch thánh, mê mờ chẳng tỉnh.

Trọng Ni từng nói:

"Đạo sở dĩ không sáng tỏ, ta vốn biết điều đó chỉ vì bị muôn vật trói buộc mà thôi. Xót thay!".

Tùy Khai Hoàng thứ mười tám, Trí Giả xuất thế. Đến triều ta niên hiệu Kiến trung đã hai trăm năm rồi. Ngài đem giáo này truyền xuống gồm năm Đại sư. Người đầu tiên là Quán Đảnh, kế đến là Tuệ Oai, Đông Dương Trí Oai, Tả Khê Huyền Lãng, và người thứ năm là Kinh Khê Trạm Nhiên. Đại sư Trạm Nhiên là người có tuệ giải bậc nhất trong tông môn, đã phụng theo di huấn của thầy mình tập thành lại bộ sách này, nhưng không lấy văn từ làm chính. Có khi mất lại thành nhiều, có lúc được nhưng lại ít, ở ngay trong tuệ giải mà nắm bắt truyền trao mà thôi, chứ mối đạo chẳng đổi dời.

Năm Thiên Bảo, Tả Khê bắt đầu hoằng truyền chánh giáo, nhưng người hiểu biết vẫn còn rất ít. Đến đại sư Kinh Khê mới truyền rộng ra, đồng thời ghi lại mấy mươi vạn lời để tóm thâu giáo pháp. Thật công phu, thật hoàn bị! Sau khi Kinh Khê thị tịch, hậu học biết đến giáo pháp này chỉ có ba, bốn người.

Cổ nhân nói:

"Sinh ra đã biết là thượng căn, học mà biết là hạ căn, đã không biết lại không chịu học là hàng hạ liệt".

Phàm sinh ra đã biết là do tánh đức. Học mà biết là do có bẩm tánh thông minh. Còn như kẻ ham hố dục lạc, bịt tai nhắm mắt, dù cũng học nhưng chẳng biết được gì. Đó là hạng hạ liệt. Người học ngày nay bên trong bị bệnh che lấp, bên ngoài bị phiền não đẩy đưa, đến cả đời cũng không thông được giáo này, nhiều năm nhưng cũng chẳng có chút lợi ích. Đó là do thói quen văn chương như đôi dép cùm xiềng đôi chân, câu cú rối bời chẳng khác trấu cám làm mờ đôi mắt. Do vị thầy không có khả năng, dạy kẻ đệ tử không lãnh hội được, cho nên pháp môn chỉ quán chưa xán lạn ở đời. Tôi thường ray rức thế nên chỉnh sửa lại đại

cương, tóm thâu lại then chốt, lý vẫn còn nguyên, giáo rất thiết thực, có đoạn thay đổi, có đoạn trích dẫn, nghĩa rất sâu xa, văn từ lại đơn giản, có đoạn lược bớt đi, có đoạn chỉnh sửa lại, những điểm lỗi lầm mười phần đã sửa hết chín. Tuyên thuyết nghĩa rộng nghĩa hẹp, từ ba chỉ còn lại một, bỏ cái ngưng trệ, dẫn kẻ ngu mê, chứ còn di huấn cho người khác thì tôi không dám. Nếu những người cùng kiến giải cùng thực hành thì chẳng vì chỉ quán mà bắt tội tôi, mà cũng chẳng giấu giếm làm gì.

Năm Giáp Tý niên hiệu Kiến Trung tôi bắt đầu biên soạn mãi đến ba năm sau, tôi khắc bản hoàn thành.

23. Vua viết lời tựa trong kinh Đại Thừa Ba-la-mật:

Mậu Thìn: Năm này Tam tạng Bát-nhã vừa dịch xong kinh Đại Thừa Lý Thú Lục Ba-la-mật. Hoàng đế Đại Tông tự tay soạn lời tựa:

“Đại giáo mất đi, hữu vi liền khởi, danh lợi níu kéo đức, xảo trí làm bại hoại nguồn chân, ái ố truy kích tánh tình, nhân duyên bó buộc tập nhiễm. Bên trong thì trăm mối rối bời, bên ngoài thì sáu căn dụ dẫn. Lý trời diệt mà chẳng biết, nguồn đạo mê lại quên về, trầm luân trong biển khổ hết kiếp thì quay lại từ đầu, chỉ có những người chí chân thấu tỏ ngọn nguồn vạn vật, vượt khỏi ba cõi, mở cái độc lập mà chẳng đổi, thay cái chư hữu mà vẫn thường nhiên. Thế nên hay khai dẫn quần mê tế độ hàm thức.

Kinh Lục Ba-la-mật là bến bờ của các pháp, là diệu lý của độ môn. Xưa Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai hóa thân làm Bồ-tát diễn nói. Trải qua nhiều kiếp lâu xa mà chân kệ vẫn tịch liêu. Trong pháp hội ở Kỳ-xà-quật, Văn-thù-sư-lợi và Bồ-tát Di-lặc cùng tuyên thuyết việc này thành Nhất thiết chủng trí, hợp vô lượng nghĩa nhân. Chỉ có Phật mới biết, chỉ có Phật mới thuyết. Giáo pháp tất có chủ, đều nằm cả ngay đây. Thế nên Thích-ca Như Lai vì pháp mà phải đợi đến thời mới xuất hiện. Ba thân chẳng khác, cho nên ở đời nhưng vẫn thường lìa đời, muôn hạnh chẳng tu, nên tùy xứ mà tự tại. Vận sức từ bi, mở cửa nhiếp hộ, ngay nơi lục trần mà chỉ bày lục độ, dẫn dắt pháp phần, chứng đắc Pháp thân, kết tập cái rối bời, nhân lý mà tỏ ngộ. Đó là yếu chỉ của chân Bát-nhã.

Thế nên Từ Thị khéo hỏi, Như Lai tán thán, trời buông hoa báu, mây kết bảo cái, cam lồ chảy tràn, quang minh chiếu diệu, khiến cho kẻ mê hiểu cạn hiểu sâu đều chứng đắc huệ tự nhiên, làm cho hằng sa ức chúng hay thông được trí Bát-nhã. Có lần đem việc này cùng luận biện, Nho gia cho rằng người thành thật thì tự thành tựu, đạo tự dẫn dắt.

Phàm người bên trong thành thật với chính mình thì chẳng cần gắng sức, nhưng khế hợp, chẳng cần tư duy nhưng chứng đắc, hễ thành thật với muôn vật bên ngoài thì không nói nhưng vẫn hợp, không làm nhưng vẫn thành. Trong thì chứng đắc Pháp thân, ngoài thì rộng mở sức từ, đó là do sức của đức mà nên, do công giáo hóa mà thành. Gió xuân hễ thổi đến thì vạn vật đều xanh tươi, mặt trời mà lên cao thì quét sạch mọi ám tối. Cái đạo thay đổi đất trời, đại đồng với cái tình mà thần minh ngầm ca ngợi. Ai dám bảo rằng nó khác nhau. Khác đường nhưng quy về một, lý ấy rõ ràng, trẫm kiền phụng nghiệp lớn, chăm lo muôn dân, mong bệ rồng bền lâu, chánh giáo trường tồn, dấu linh khế hợp với kinh điển. Diệu thuyết nơi Xá thành từ lâu chôn chặt trong Phạm văn, cứ mong được dốc ra nhưng chưa mở được di điển, những lời nhiệm mầu chẳng còn che lấp, sẽ phát khởi từ đây.

Thế rồi Sa-môn Bát-nhã người nước Kế Tân, nhận chiếu tuyên dương, Sa-môn Quang Trạch khéo léo diễn dịch, bấy giờ chư Đại đức như Đạo Dịch ở chùa Tư Thánh, Siêu Ngộ ở chùa Thể Hiền, Ứng Chân ở chùa Từ Ân, Viên Chiếu ở chùa Trang Nghiêm, Đạo Ngạn ở chùa Quang Trạch... là những bậc thượng thủ trong pháp môn, bậc long tượng trong loài người. Họ nêu cao diệu nghĩa, thấu tỏ huyền văn, biết bảo thành Thích-ca, hay Mãn tự của Đại Giác.

Ngày hai mươi tám tháng mười hai năm Mậu Thìn niên hiệu Trinh Nguyên thứ tư, Tam tạng Bát-nhã dịch hoàn tất bộ kinh này tại chùa Tây Minh và dâng cho vua. Bộ kinh gồm mười quyển, như rồng thần vùng vẫy, như từ kim khẩu nói ra. Phạm chúng cũng hộ trì, chẳng khác hào quang hiển hiện. Trẫm trai giới tẩy tâm, ngưỡng cầu nguồn tông, nghe được những điều chưa từng nghe, thật là hiếm có! Nhân lúc rảnh rỗi, đọc đến ba lần, tuy biển pháp sâu xa, sóng dội chẳng nhường, liền hạ bút lược nêu vài lời, nhắn gởi người sau".

24. Thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất:

Tháng hai, Đại sư Mã Tổ Đạo Nhất ở Giang Tây thị tịch. Sư họ Mã, quê ở Thập Phương, Hán châu. Sư có dung mạo phi phàm, đi như trâu, nhìn như cọp, lưỡi dài khỏi mũi, dưới chân có hai đường văn như bánh xe. Sư gặp Thiền sư Hoài Nhượng và mật khế tâm pháp. Đầu tiên, từ Kiến Dương sư dời qua Lâm Xuyên, sau đếnNam Khương. Sư đi đến đâu cũng nhóm chúng thuyết pháp, dựng lập thiền lâm.

Trong niên hiệu Đại Lịch, Sư ở tại chùa Khai Nguyên thuộc Dự chương. Có lần sư khai thị chúng:

- Mỗi người các ông đều phải tự tin tâm mình là Phật, tâm này tức là Phật. Đại sư Đạt-ma từ Nam Thiên Trúc sang đây truyền pháp Thượng thừa nhất tâm khiến các ông khai ngộ. Ngài lại dẫn kinh Lăng già để ấn chứng tâm địa chúng sinh, vì sợ các ông điên đảo chẳng tự tin mình. Pháp nhất tâm này mỗi người các ông đều có. Thế nên kinh Lăng-già nói:

"Lời Phật lấy tâm làm tông, cửa không làm cửa pháp".

Lại nói:

"Phàm người cầu pháp phải không có đối tượng tìm cầu, ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm, chẳng lấy thiện, chẳng lấy ác, hai bên dơ sạch cũng chẳng gá nương, thể đạt tánh tội rỗng rang, niệm niệm đều không câu chấp vì nó không có tự tánh".

Nên nói: "Ba cõi chỉ do tâm, sum la vạn tượng đều là bóng dáng của một pháp. Hễ thấy sắc tức thấy tâm, tâm này chẳng phải tự tâm, vì do sắc mà có".

Các ông chỉ tùy thời cơ nói năng, tức sự tức lý thảy đều vô ngại, đạo quả Bồ-đề cũng y như thế. Ngay tâm sinh ra thì gọi là sắc, vì biết sắc rỗng rang nên sinh tức chẳng sinh. Nếu tỏ ngộ ý này, mới có thể tùy thời ăn cơm, mặc áo, nuôi lớn thánh thai, mặc cho tháng ngày trôi qua, chẳng vướng bận việc gì cả. Các ông nhận lãnh lời ta dạy, nghe ta nói kệ:

Đất tâm tùy thời nói
Bồ-đề cũng vậy thôi
Sự lý đều vô ngại
Ngay sinh tức chẳng sinh.

Sau đó sư thị tịch tại chùa Khai Nguyên. Trước đây có lần sư đi ngang Thạch Môn ở Lặc Đàm, Dự Chương, Sư thích núi sông nơi này kỳ vĩ, hang động bằng phẳng, bèn quay lại nói với đệ tử:

- Thân cũ mục của ta ngày sau sẽ gởi lại đây.

Đến bấy giờ môn đệ bèn thỉnh linh cốt xá-lợi của sư về dựng tháp ở Thạch môn. Tướng quốc Quyền Đức Dư soạn văn bia, Tuyên Tông ban sư thụy là Đại Tịch Thiền sư. Đệ tử đắc pháp đến một trăm ba mươi chín người, mỗi người một phương làm tông chủ nối nhau hoằng truyền. Thời bấy giờ Thiền tông cực kỳ hưng thịnh.

25. Thiền sư Đại Châu Tuệ Hải:

Sư quê ở Kiến châu, đầu tiên tham yết Mã Tổ. Tổ hỏi:

- Ông từ đâu đến?

- Từ chùa Đại Vân ở Việt châu.

- Đến đây cầu việc gì?

- Cầu Phật pháp.

Tổ hỏi:

- Kho báu nhà mình chẳng đoái hoài đến, bỏ nhà bôn ba đi tìm cái gì? Ở đây ta chẳng có một vật, cầu Phật pháp cái gì!

Sư lễ bái thưa:

- Cái gì là kho báu nhà mình của Tuệ Hải?

- Điều mà nay ông hỏi ta, đó chính là kho báu của ông, đầy đủ tất cả chẳng hề thiếu thốn, mặc tình sử dụng, cần gì phải tìm cầu bên ngoài.

Ngay lời này sư liền nhận ra bản tâm chẳng nhờ hiểu biết, Sư lạy tạ xong ở lại hầu Tổ.

Sau đó rất lâu, vì Bổn sư tuổi già sư phải về phụng dưỡng, từ đó sư giấu kín chỗ thâm ngộ của mình, bề ngoài chỉ hiện như kẻ ngu muội. Sư soạn Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn một quyển nhưng bị những kẻ hiếu sự trộm mất. Đến khi Mã Tổ đọc được, Tổ liền nói với đại chúng:

- Việt Châu có viên đại châu tròn sáng thấu suốt tự tại vô ngại.

Trong chúng có người biết Sư vốn là họ Châu, liền rủ nhau đến tham vấn. Từ đó tiếng tăm của sư vang dội khắp nơi. Sư thuyết pháp như lật ngược biển, cuồn cuộn tuôn trào, tự tại vô ngại. Tác phẩm Đốn Ngộ Môn và Quảng Ngữ của sư còn lưu hành ở đời.

26. Thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên:

Canh Ngọ: Nghinh đón xá-lợi của Phật.

Năm thứ sáu, Thiền sư Thạch Đầu Hy Thiên thị tịch. Sư đắc pháp với Thanh Nguyên. Trong năm Thiên Bảo, Sư ở tại Nam tự, Hành sơn. Phía Đông chùa có một khối đá cao giống như cái đài, Sư lên kết am tranh và ở đó. Thời ấy người ta gọi sư là Hòa thượng Thạch Đầu. Quỷ thần ở Nam Nhạc nhiều lần yết kiến sư và nghe pháp, sư đều truyền trao giới pháp cho họ. Trong niên hiệu Đại Lịch, hóa chủ Giang Tây là Mã tổ, hóa chủ Hồ Nam là Thạch Đầu tiếng tăm vang dội, người học đua nhau đến tham học với hai Đại sĩ này. Có lần sư khai thị chúng:

- Pháp môn của ta do Phật pháp truyền trao, không luận là thiền định tinh tấn, chỉ cần thể đạt tri kiến Phật, tức tâm tức Phật. Tâm, Phật chúng sinh, Bồ-đề, phiền não tên gọi khác nhau nhưng thể vốn đồng. Các ông phải biết tâm linh của mình, thể vốn lìa tánh đoạn tánh thường, chẳng phải dơ sạch vắng lặng tròn đầy, phàm thánh ngang nhau, ứng

dụng khôn lường, lìa tâm ý thức. Ba cõi sáu đường chỉ do tâm hiện, như trăng đáy nước, như bóng trong gương, lẽ đâu có sinh diệt? Các ông phải biết, nó không thứ gì mà chẳng đủ.

Hồi ấy sư xem bộ luận của ngài Tăng Triệu nói:

"Thể nhập muôn vật làm chính mình, lẽ đâu chỉ có Thánh nhân thôi ư!".

Sư hoát nhiên nói:

- Thánh nhân không thôi, không gì chẳng thôi.

Nhân đó sư trước tác Tam Đồng Khế, trong ấy nói:

Trúc Đại sĩ tâm tiên
Đông Tây ngầm truyền trao
Căn cơ có lợi độn
Đạo không tổ Nam Bắc
Nguồn linh sạch sáng bừng
Nhánh cành ngầm lưu chuyển
Chấp sự vốn là mê
Khế lý chẳng phải ngộ
Cửa ngõ tất có cảnh
Vần xoay chẳng vần xoay
Vần nhưng lại vượt qua
Chẳng vậy nương vị trụ
Sắc vốn khác chất tượng
Thanh vốn không khổ vui
Tối hợp lời trung hạ
Sáng tỏ câu trong đục
Tánh bốn đại tự về
Như con gặp được mẹ
Lửa nóng, gió chuyển động
Nước ướt, đất vững bền
Màu mắt, âm thanh tai
Mùi mũi, lưỡi nếm vị
Nhưng nương tất cả pháp
Nhờ gốc lá xoe tàn
Gốc ngọn phải về tông
Tôn ty dùng lời này
Ngay trong sáng có tối
Chớ cùng tối gặp nhau
Ngay trong tối có sáng

Chớ cùng sáng thấy nhau
Sáng tối là đối đãi
Giống như bước trước sau
Muôn vật tự có công
Phải nói dùng hợp xứ
Sự phải ngầm ứng hợp
Lý phải dựng lập trước
Dưới lời phải hợp tông
Chớ tự lập quy củ
Mắt thấy chẳng hợp đạo
Dở chân đâu biết đường
Bước tới chẳng xa gần
Mê vốn cách núi sông
Kính bạch người tham huyền
Chớ luống qua ngày tháng.

Quý Dậu: Trương Bàng xin mở thêm thuế trà, số tiền thuế thu được là bốn mươi vạn tiền. Thuế trà phát xuất từ đây.

27. Vua hạ chiếu thỉnh Quốc sư Thanh Lương giảng đề kinh Hoa Nghiêm:

Bính Tý: Năm thứ mười hai, vua lệnh cho Hà Đông Tiết độ sứ Lễ bộ thượng thư Lý Sằn sắm đủ lễ nghi đón Pháp sư Trừng Quán vào kinh đô. Trừng Quán đến, vua hạ chiếu thỉnh sư cùng Tam tạng Bát-nhã người Kế tân phiên dịch phần sau của kinh Hoa Nghiêm do nước Ô trà dâng cúng. Vua đích thân đến dịch trường. Ngày nào không đến, vua nhờ Tăng là Tịch Quang gởi Dục rằng:

"Hoàng đế vì nhân duyên quốc sự, xin như pháp tăng sự gởi dục thanh tịnh".

Sư phụng thánh chỉ phiên dịch xong, dâng vua. Vua thỉnh sư khai thị tông chỉ Hoa Nghiêm. Quần thần đều vân tập, Sư thăng tòa nói:

- Hoàng đế ngự thế, đức hợp đất trời rạng tỏa muôn phương dịch tiếp kinh điển. Gió Đông thổi tới, Tây Thiên tỏ chí thành vượt biển. Nam ấn ngự thư, cửa Bắc hiến chí kính cho triều đình, đặt giáng minh chiếu, dịch tiếp chân thuyên, làm rạng đạo mầu phát huy lý mới. Trừng Quán tôi may được thánh thượng gia ân, kính nhận thánh ý, phụng chiếu nơi dịch trường, thừa chỉ ngầm tán, khôn xiết vui mừng, tỏ tâm sáng ý. Giọt sương nơi ao trời hàm tàng mùi vị của trăm sông. Bụi trần nơi Hoa nhạc không hơn đỉnh cao vạn nhận. Tận cùng hư không có thể đo được,

nhưng thể vốn rộng lớn vô biên; biển cả có thể uống cạn, nhưng pháp môn vời vợi khôn lường; bụi trần sát có thể đếm hết, nhưng lực dụng bao la không lường biết được. Lìa giác và sở giác thấu tỏ mối huyền của vạn pháp là Phật; diễn bày muôn hạnh làm xán lạn tinh hoa của muôn đức, làm viên mãn hạnh đức này mà Trang Nghiêm mười thân. Xâu suốt lý huyền kết thành vẻ đẹp của chân quang là kinh. Thâu tóm bảy chữ này làm thành mối lớn của một bộ, khế hợp với bản tánh, chẳng hạnh nào mà chẳng trải qua. Thế nên diễn nói vô biên thắng hạnh của Phổ Hiền. Hạnh khởi thì giải dứt, trí chứng thì viên minh, dung thông vô ngại, thọ dụng trước mắt.

Vua nghe xong, vô cùng vui mừng, ban cho sư ca-sa tía, và phong hiệu là Giáo Thọ Hòa Thượng.

Sau đó Tướng quốc Tề Kháng, Trịnh Dư Khánh, Cao Trình thỉnh sư soạn Hoa Nghiêm Cương Yếu ba quyển. Tướng quốc Lý Kiết Phủ, Thị lang Quy Đăng, Phò mã Đỗ Tông thỉnh sư soạn Chánh Yếu một quyển.Nam Khương vương Vĩ Cao, Tướng quốc Vũ Nguyên Hành thỉnh sư soạn Pháp Giới Quán Huyền cảnh một quyển. Bộc xạ Cao Sùng Văn thỉnh sư trước tác Cảnh Đăng Thuyết Văn một quyển. Tư đồ Nghiêm Thụ, Tư không Trịnh Nguyên, Thứ sử Lục Trường Nguyên thỉnh sư soạn Tam Thánh Viên Dung Quán một quyển. Tiết độ sứ Tiết Hoa, Quán sát sứ Mạnh Giản, Trung thư Tiên Huy, Thập Di Bạch Cư Dị, Cấp sự Đỗ Cao... thỉnh sư chế tác Thất Xứ Cửu Hội Hoa Nghiêm Giới Đồ Tâm Cảnh Thuyết Văn mười quyển. Sau đó sư cùng Tăng Lục Linh Thúy Đại sư, mười tám bậc thủ tòa, Tam học thượng lưu của mười chùa khác cùng chế tác Hoa Nghiêm Viên Giác Tứ Phần Trung Quán... Những bộ kinh, Luật, Luận do sư trước tác đến hơn ba mươi bộ, đều là những tác phẩm quý giá, ở phương diện nào sử dụng cũng được.

28. Vua hạ chiếu thỉnh Quốc sư Thanh Lương giảng tông chỉ Hoa Nghiêm: (Kỷ Mão)

Năm thứ mười lăm, Quốc sư Thanh Lương được vua phong hiệu là Trấn Quốc Đại sư và chức thiên hạ Đại Tăng Lục.

Tháng tư, trong ngày sinh nhật của vua, vua hạ chiếu sai quan Hữu ty sắm đủ lễ nghi nghênh đón Hòa thương Giáo thọ Trừng Quán vào nội điện xiển dương tông chỉ Hoa Nghiêm. Sư thăng tòa nói:

"Lớn thay! Chân giới muôn pháp khởi nguyên từ đây. Bao quát có không mà tuyệt tướng, thể nhập ngôn tượng mà chẳng dấu vết, diệu hữu được mà chẳng có, chân không được mà chẳng không, sinh diệt

được mà chân thường, duyên khởi được mà rõ ràng. Phật ta chứng đắc khéo lên chân giác, rủ sạch thói trần vắng lặng trong cảnh giới vạn hóa, vận dụng trong thế giới nhất hư, dung hòa thân độ mà tương hợp, hòa quyện thanh quang mà chiếu xa. Hoàng thượng ta có được khéo xét hư cực, dung hợp cái đại hòa. Văn của thánh vượt cả trăm vương, bủa thần phong đến vạn quốc. Nêu đạo mầu mà tỉnh mộng, rủ thiên chân bằng tánh tình, đủ biết nếu chẳng có thái hư thì làm sao triển chiếu đến vô biên. Nếu chẳng có chân giới thì làm sao thanh tịnh cái tâm ngang hư không. Giáo lý của Hoa Nghiêm nêu tỏ chỉ thú này, thấu suốt ngọn nguồn này. Thế nên nó khoáng đạt bao la, tóm thâu sâu thẳm chẳng thể nghĩ bàn được.

Nói đến cội nguồn thì tình trần có giới hạn nhưng biển trí vô biên, vọng hoặc chẳng thủ, trùng huyền chẳng không, lửa của tứ cú đâu đốt được, cửa ngõ vạn pháp thảy đều thể nhập. Dung hợp Nhị tế trong Bất nhất, khuấy động thiên biến nhưng chẳng phải nhiều. Sự lý dung hòa mà cùng quên, tánh tướng dung thông mà vô tận, như Tần Cảnh cùng chiếu soi, như Đế châu cùng dung nhiếp, lớp lớp đan xen cùng hiện ra mồn một. Thế nên chứng đắc cái cực viên chỉ trong tích tắc, thấy được cảnh Phật ngay trong đầu lông mảy bụi. Chúng sinh trong tâm chư Phật nối nhau làm Phật. Chư Phật trong tâm chúng sinh niệm niệm chứng chân. Pháp môn Nhất tự dù mực như biển cả vẫn không chép hết, mối thiện như mảy lông, dù hư không cùng tận nhưng nó vô cùng. Bàn đến định thì dung hợp nhất tâm trong cái vô tâm, ngay nơi vạn động mà vẫn thường tịch, thể hợp với chân trí, hàm tàng với tánh không, muôn vàn Pháp thân in hình trên dòng nước tâm. Viên âm chẳng mở mà diễn hoài, quả hải lìa niệm mà tâm truyền, muôn hạnh vong chiếu mà cùng tu, đốn tiệm chẳng được mà cùng vào. Dù bao quát cả bốn tâm, đốn siêu cả tám nạn, nhưng nêu cao Nhất cực thì Nhị thừa vẫn không nghe nổi. Luận về lực dụng thì thiện hữu của trăm thành cùng gởi thần trong một đạo, thấy biết đích xác là Nam, thì mới thấy tận phương Nam, một người có ích cho ta, thì ai nấy đều là thiện hữu. Gặp ba độc nhưng ba đức vẫn tròn đầy, vào trong nhất trần nhưng nhất tâm thanh tịnh, dù thiên biến nhưng chẳng đổi thay tâm ý, vạn cảnh thuận thì thông suốt đạo lớn, khế hợp với diệu trí của Văn-thù, dù là kẻ sơ tâm, thể nhập cửa ngõ nhiệm mầu của Phổ Hiền, chẳng còn lối nào khác. Đánh mất yếu chỉ này thì chỉ tu cái nhân suông trong nhiều kiếp, có được pháp môn này thì ngang bằng chư Phật chỉ trong một sớm. Quán kỹ mảy trần, pháp giới nằm trong lòng bàn tay. Lý sâu trí xa, thức mờ ngôn từ đơn giản, chỉ làm phiền

thánh ý, Trừng Quán tôi xin xuống tòa".

Lúc ấy, vua lặng yên trong hải ấn hốt nhiên tỉnh ngộ, quay qua nói với quần thần:

- Thầy của trẫm ngôn ngữ khiêm nhã lại giản đơn, từ chương súc tích lại phong phú, bủa gió chân trong Đệ nhất nghĩa thiên, hay đem thánh pháp làm thanh tịnh tâm của trẫm. Thế nên nay trẫm ban tặng cho thầy hiệu là Thanh Lương Quốc sư. Trẫm nghĩ từ nay, sở chấp thân, tâm, nhân, ngã cùng định tướng của các pháp thảy đều đổ ngã từ đây.

Quần thần cúi lạy phụng lãnh minh chỉ. Từ đó công thần trọng thần, trong nước ngoài nước, đều lạy sư làm thầy, thọ trì tám giới.

29. Văn bia nói về công trạng của Luật sư Hy Di:

Luật sư Hy Di ở Đông Lâm, Lô sơn thị tịch trong năm này. Hứa Nghiêu Tá soạn văn bia rằng:

"Đại sư họ Tào, quê ở Quế Dương, vốn là người học theo Thánh triết, an nhàn đạm bạc, họ Sử biết ngài rất rõ. Phàm chân như không xa, cái chính là ở chỗ không dơ, diệu lý không sâu, quan trọng là ở nơi thấy tánh. Vốn từ chân thật diễn xướng hư vô, nghe rồi lãnh hội chăm chăm tham vấn, đó là cách thiết giáo của Đại sư.

Sư là người dĩnh ngộ sâu xa, phong tư mẫn tuệ, thọ Cụ túc ở Nam Nhạc, tu Luật nghi ở Đông Lâm, thường ngồi trong thất nhưng học giả bốn phương đua nhau đến tham học, chen nhau đến thưa hỏi. Sư phát cái tâm nhu nhuyến tiếp nhận kẻ quy y, lời hay như ngọc vỡ, ý diệu tợ băng tan, thế nên kẻ chuộng đức đều tán dương, Sư lâm đàn trì pháp suốt đến năm mươi năm.

Niên hiệu Chí Đức, có lần sư đến Đông Lâm, ngụ tại Da Xá tháp viện. Dù đã hai mươi bốn năm nhưng những người có tín tâm vẫn nhận lãnh cam lồ, noi dấu của sư cùng nhau tiến tu. Giám Trù, Thủ Tàng chẳng nệ đường xa cùng đến tham học, sau đó họ về tinh xá làm Thượng thủ trong chúng Tăng. Đại sư thống lãnh môn nhân dạy họ ăn cơm, quán xét tự thân mà thấy tướng, từ tướng mà quay về không. Sư là người tham cứu rất sâu xa, nghiền ngẫm diệu chỉ.

Có lần sư bị bệnh đau lưng, chữa chạy thế nào vẫn không hết, nên ban đêm thường rên la. Đêm nọ có thần nhân đến vỗ lưng sư, Sư thấy mình như được thay hình đổi dạng và bệnh liền hết hẳn. Từ đó sư luận bàn Kinh Luận, cứu xét tâm yếu, thêm vào đó sư là người nghiêm trì giới luật, tinh tấn nghiêm trì, nên những việc cảm ứng không sao nói hết, đến như nai rừng cũng quấn quýt, chim chóc cũng theo về, nhưng

thạch thất của Đại sư vẫn không hề bị quấy nhiễu.

Đại Lịch thứ năm, Sư đến ngọn Ngũ Lão nhìn thác Bành lễ như tấm lụa trắng, Sư thích cảnh này nên dựng tinh xá Lăng Vân, làm nơi tu tập, lại dẫn nước suối chảy vào để tẩy trừ mọi thứ dơ uế, bên cạnh lại trồng tùng, đào kênh chứa nước để cho mát mẻ, núi cao mây phủ, địa thế như bức bình phong. Thế nhưng tiếng tăm của sư vang vọng khắp nơi, lan đến đến triều đình, những người nghe tiếng đến cầu học không sao kể hết. Ở vậy hơn mười năm, Sư đến tinh xá Đại Lâm, ngày ngày rèn dao pháp đốt đèn tuệ, người người tha thiết cho sư tham học, cắt đứt mọi trói buộc, dẫn dắt bao kẻ mê khiến họ trong sạch thân tâm.

Niên hiệu Trinh Nguyên, Sư về lại giới đàn viện ở Đông Lâm, thấy đạo mình đã thành, việc mình đã xong, nên tháng bảy năm thứ mười lăm, Sư gọi đệ tử đến dặn dò:

- Ta thuận thế giáo hóa đã xong.

Lát sau, Sư thị tịch, tăng lạp năm mươi, trụ thế bảy mươi mốt năm.

Đại sư tinh thông Lục nghệ, thấu đạt Bách gia, có lần cùng cố Thái sư Lỗ Quốc công Nhan Chân Khanh, cố Thừa tướng Triệu Công Cảnh, cố Ngự sử Đại phu Lư Công Quần, Lại bộ Thị lang Dương Công Ư Lăng là những người bạn tham thiền, cùng thám xét mối huyền, thấy tận diệu lý. Môn nhân của sư như Pháp Xán... Cả thảy hơn mười người được kế thừa tông chỉ. Trong Cao Tăng truyện ghi những di tích của sư rất nhiều, mà bài văn của Nghiêu Tá tao nhã hơn, nên chỉ chép lại văn bia mà không ghi hết sử truyện của Sư."

30. Bài ký nói về Hoàng Thạch Nham:

Năm thứ mười sáu, Dật sĩ Lưu Kha lên chơi ở Hoàng Thạch nham trong Lô sơn, bỗng gặp một cao Tăng rất lấy làm lạ. Vị cao Tăng nói với Lưu Kha:

Người xưa nói:

"Khí tượng của thái cực tụ lại thì thành núi non, tán ra thì thành sông ngòi. Thế nhưng gom tụ cảnh trí núi non, lẽ đâu là to lớn lắm ư?"

Năm Canh Thìn, Lưu Kha lại đến để thu thập những sự kỳ lạ. Ông leo lên đến đỉnh lại leo xuống hơn nửa dặm rồi tắt ngang qua Hoàng Thạch nham. Trong hang động này có một người tên là Thê Thiền Tử, chẳng biết ông bao nhiêu tuổi, thấy cách sống của ông đủ hiểu con người của ông như thế nào rồi. Kha bèn hỏi ông sống ở đây bao lâu, Thiền Tử lấy tay chỉ cây tùng cây quế và nói:

- Cây ấy ta trồng hồi còn trẻ, đến nay đã ôm được một ôm rồi. Chim bay thỏ chạy, ta nhớ tuổi tác làm gì. Cái tối sớm của năm tháng, cái nóng lạnh của lửa sương, cái thịnh suy của sống chết, cái xuôi ngược của ở đi, dù rối bời như thế kia nhưng lại không như thế này. Than ôi! Đúng sai! Núi non cao chót vót, hạnh tăng cũng cao vời, như vậy thì người, cảnh đều mất còn gì nói nữa. Hãy xem mây khói, quần quyện dưới gót giày, khí núi nằm trong tay áo, muôn hình đều náo động trong con mắt người ta, khi khói mưa trút xuống thì núi non sáng sạch, lời tiên thoang thoảng như ở bên tai, huống gì lên cao chót vót, ở trên chỗ man mác mênh mông, mà đâu biết không thể tiếp giáp với núi cao, không thể nối liền với gò rộng, vây lấy tạo hóa, thâu nhận phong quang, đoạn tuyệt cái buồn phiền trên khuôn mặt, xa lìa cái ồn ào ở chỗ tanh hôi. Chẳng được như vậy bởi vì trói buộc, cám dỗ. Danh bị lợi trói buộc, lợi bị danh cám dỗ. Hễ nhận sự trói buộc, lấy sự cám dỗ thì chân tay bị xiềng xích, kẻ đó lẽ đâu được vẫy vùng ở đây chăng. Phàm là kẻ tham thiền thoát khỏi gông cùm, chân tay đều múa máy, động như mây vô tâm, tình như đá vô tình, ta và vật là một, mối tà đoạn dứt ngay. Kẻ hèn này cho rằng nếu chẳng phải người này thì không thể ở trong cảnh như thế này.

Thiền sư họ Hoàng tên là Thường Tiến, quê ở Nghi Xuân, do sư từ lâu đã ở tại đây, nên đổi họ tên mình thành Hoàng Thạch Nham.

31. Luật sư Vân Phong Pháp Chứng:

Luật sư Vân Phong Pháp Chứng ở Nam Nhạc thị tịch trong năm này. Sư họ Quách, sắc diện dũng mãnh lại nhân từ, đức hạnh cao xa lại rộng khắp, đạo đức lan rộng nhưng không ưu việt, công lao thật cao nhưng không chấp. Sư nghị lực như vậy, ở trên ngọn Bắc phong, đáng làm bậc mẫu mực, người đời tôn sư là hiền nhân, đại thần. Sư đến phương Nam đều xiển dương giới luật, trong Tăng chúng nghe Đại sư giảng luật nghi không ai không chấn động khiếp sợ như nghe lời thệ nguyện mệnh lệnh; ngoài muôn dân nghe Đại sư giảng thuyết yếu đạo không ai không hoan hỷ mừng rỡ như làm được quan to. Thế nên thời bấy giờ, xét về tài đức, Sư là người đứng đầu, bàn về giáo tông sư là bậc thượng thủ. Sư độ cả thảy năm vạn người, thọ bảy mươi tám tuổi, tăng lạp năm mươi bảy hạ. Liễu Tử Hậu ở Hà Đông viết bài minh trên tháp, lại soạn văn bia rằng:

"Càn nguyên năm đầu, ngày đó tháng đó, Hoàng đế nói: "Ta muốn học theo hạnh nhân từ, hoan hỷ hòa hợp với nhân sinh, chỉ có

Phật đạo mới đáng mở mang dẫn dắt được".

Vua bèn sai người lên Ngũ nhạc tìm người tài đức để làm mẫu nghi cho thiên hạ, chỉ có núi Nam có người dâng thư cho Thượng thư nói rằng:

"Đại sư Vân Phong Pháp Chứng hành đạo hơn năm mươi năm, mất năm Trinh Nguyên thứ mười bảy. Đồ chúng của ngài có Thuyên, Chấn, Tốn, Tố... cả thảy hơn ba ngàn người. Những bậc trưởng lão ấy đều đến nói: Thầy quỹ phạm cao vời, đức hạnh rộng sâu, có người đến học Luật, ngài đều đem tư cách tôn nghiêm chỉnh tề bày dạy cho họ, giảng giải cho họ, làm cho họ biết những điều không nên làm. Có người đến hỏi đạo, ngài đem cái cao rộng thông đạt, lý có lý không mà chỉ bày cho họ khiến cho họ biết những điều họ phải làm. Trọng thần, cao đức đều đến đảnh lễ cầu học, thanh niên thiếu niên đều hoan hỷ thọ trì. Thế nên có đến năm vạn người được thầy ta dạy dỗ dẫn dắt. Thầy ta, mùa đông không sưởi, không mặc áo lông, đói không ăn thức ăn thịnh soạn, năm nào cũng như vậy. Đọc các Kinh Luận, nương theo thánh ngôn tất phát minh nghĩa lý, đủ thấy ngài là bậc vĩ đại.

Ngài lại thống lãnh đồ chúng đốn cây khai đất, dựng lập tháp Phật, lưu hành kinh điển làm cho Tượng pháp mỗi ngày càng hưng thịnh. Đó đủ thấy công sức của ngài.

Lúc sắp thị tịch, ngài bảo môn nhân:

- Ta học từ nhỏ cho đến lúc mất, chưa từng thi thiết việc gì.

Về sau người ta mới biết ngài động nhưng thảy rỗng rang. Ngài tĩnh nhưng chẳng việc gì không làm. Lúc sống thì biết nơi chưa từng đến, lúc mất thì biết chỗ chưa từng đi. Đạo ngài thật hoàn bị. Nguyện khắc đá để biết giáo pháp của ngài to lớn đến chừng nào. Trong ấy viết: "Giáo của ngài tôn nghiêm sáng rỡ, phụng chiếu thiên tử, ban bố khắp nước để hậu học ngày sau noi theo. Đức của ngài đơn giản nhưng cao sâu, uyển chuyển mà thẳng thắn, hợp lại nhưng chẳng chất chồng, bủa ra thì người người lợi ích, mối đạo thật đáng noi theo. Công của ngài cần lao mà thong dong, đả thông điều cơ mật, dựng lập điện đường, xa gần đều trợ giúp. Nhân đó mà họ của ngài là Quách, đời đời tương truyền, xuất gia đầu Phật. Ngài thọ bảy mươi tám tuổi, trọn đời chẳng đến cửa cung càng tỏ rõ chí khí thanh cao của mình. Đồ chúng của ngài đông vô kể, chỉ lấy Đại giáo làm đầu, lấy quy củ làm kỷ cương. Rộng lớn thay! Mênh mông thay! Như sông rộng, như mây nổi, như núi cao mãi vững bền, đời đời mãi lưu truyền".

32. Truyện về Lục Vũ:

Nhâm Ngọ: Tuyết dày một trượng. Đơn Hà xuất gia lúc này đã sáu mươi bốn tuổi.

Quý Mùi: Ẩn sĩ Lục Vũ mất.

Vũ tự là Hồng Tiệm. Hồi nhỏ ông được Sa-môn lượm được ở bờ sông đem về nuôi. Lớn lên ông lấy kinh dịch tự bói, biết mình bị bỏ rơi bên sông Tiệm, nhân đó tự đặt tên là Hồng Tiệm ở Vu Lục. Lông của chim Hồng có thể dùng để trang sức, nên ông bèn lấy họ Lục, tên là Vũ, tự là Hồng Tiệm.

Thầy giáo đem Bàng Hành thư dạy ông, ông hỏi:

- Lúc chết ít anh em lại không người kế tự có được gọi là hiếu không?

Thế rồi ông trốn đi làm người tại gia. Trong năm Thiên Bảo Thái thú Lý Tề Vật gặp ông lấy làm lạ bèn dạy cho ông kinh thư. Diện mạo ông quê mùa nhưng lại có tài biện luận rất giỏi. Trong năm Thượng Nguyên, ông ở ẩn tại Chiểu Khê kết thân với Sa-môn Đạo Tiêu, Hạo Nhiên, tự lấy hiệu là Tang Trữ Ông. Ông đóng cửa viết sách. Có chiếu triệu đến bái kiến Thái tử Văn Học nhưng ông không đi. Ông thường uống trà và soạn Trà Kinh ba quyển, nội dung nói về nguồn gốc, cách pha chế, dụng cụ nấu trà, uống trà rất hoàn bị. Từ đó thiên hạ uống trà càng nhiều. Thời bấy giờ dân bán trà nặn hình ông để trong quán tế tự làm Trà Thần.

Trong năm Khai Nguyên có Dật Sĩ tên là Vương Hưu ở trên núi Thái bạch, cứ đến mùa đông thì lấy băng ở bên suối đập lấy cái sáng sạch nhất nấu với đọt trà và mời khách uống. Thời ấy Tăng Chí Sùng ở chùa Giác Lâm dùng ba loại trà: Kinh Lôi Tiếu để uống, Huyên Thảo Đới để cúng Phật, Tử Nhĩ Hương để đãi khách. Người đến uống trà thường mang đến một túi dầu đầy, khi còn lại vài giọt thì về. Lại có Thường Bá Hùng, nhân tư duy về Đồng trà thi mà tin chắc uống trà thật vô cùng lợi ích, bèn lấy luận của Vũ diễn rộng thành Trà công. Ngự sử Lý Quý Khanh làm Tuyên úy Giang Nam biết Bá Hùng rất giỏi pha trà, bèn mời đến. Bá Hùng xách đồ đi, Quý Khanh cùng Hùng nâng chén. Khi ấy Khanh lại mời Vũ đến, Vũ ăn mặc theo dân dã xách đồ vào phủ, Khanh thấy ông chẳng làm lễ, Vũ hổ thẹn liền viết tiếp Hủy Trà luận. Về sau người chuộng trà thành phong tục, đến nỗi dân xứ Hồi hột phải chở trà về triều cung cấp cho vua quan.

33. Thiền sư Ngưng Công ở chùa Thánh Thiện, Đông đô:

Đại sư Ngưng Công ở chùa Thánh Thiện, Đông đô thị tịch trong năm này. Hàn Lâm Bạch Cư Dị làm kệ Bát tiệm đến điếu sư. Trong ấy nói:

"Cư Dị thường cầu tâm yếu với sư, Sư dạy rằng:

"Quán, Giác, Định, Tuệ, Minh, Thông, Tế, Xả".

Nhờ vậy tôi nghe và tâm thông suốt. Than ôi! Nay báo thân của sư đã hòa nhưng tám lời của sư vẫn còn nguyên. Lớn thay, tám lời ấy! Đúng thật là Tiệm môn của Vô sinh nhẫn quán. Thế nên tôi theo thứ tự từ quán đến xả mà tán thán, mở rộng mỗi phần bằng một bài kệ, lấy tên là Bát Tiệm kệ, không ngoài muốn phát huy tâm giáo của Sư, và để bày tỏ rằng Cư Dị tôi không dám lãng quên:.

Sau đó ông lên điện đường lễ lạy linh sàng rồi quỳ xuống khóc và ngâm rằng:

QUÁN:
Lấy mắt trong tâm
Quán tưởng ngoài tâm
Từ đâu mà có
Từ đâu mà mất
Quán đi quán lại
Tất rõ chân vọng.
GIÁC:
Vì tánh chân thường
Bị vọng che lấp
Nếu tỏ chân vọng
Tánh giác hiện ngay
Chẳng lìa vọng có
Mà được chân không.
ĐỊNH:
Nếu chân chẳng diệt
Vọng liền chẳng khởi
Gốc của sáu căn
Yên như nước lặng
Đó là thiền định
Là thoát sinh tử.
TUỆ:
Dùng định chuyên tâm
Định vẫn còn trói

Dùng tuệ độ người
Thì tuệ không trệ
Như châu trong mâm
Tuệ châu lăn tròn.
MINH:
Định tuệ tương hợp
Hợp rồi mới sáng
Chiếu soi vạn vật
Vật không để bóng
Như gương tròn lớn
Ứng nhưng vô tình.
THÔNG:
Tuệ đến thì sáng
Sáng thì không tối
Sáng đến thì thông
Thông thì không ngại
Không ngại là sao
Biến hóa tự tại.
TẾ:
Sức thông không thường
Tùy niệm mà đổi
Hai tướng chẳng có
Tùy cầu mà hiện
Là đại từ bi
Dùng một cứu vạn.
XẢ:
Muôn khổ đã độ
Đại Bi cũng xả
Khổ đã không thật
Bi cũng là giả
Thế nên chúng sinh
Thật không độ người.

34. Thiền sư Bàn Sơn Bảo Tích ở U châu:

Có vị Tăng hỏi Thiền sư Bảo Tích ở Bàn sơn U châu:
- Thế nào là đạo?
Sư nói:
- Đi ra.

Tăng thưa:

- Học nhân chưa lãnh hội được.

Sư nói:

- Đi đi!

Sư thượng đường dạy chúng:

- Nếu tâm vô sự thì vạn tượng chẳng sinh, ý dứt cơ huyền thì mảy trần nương đâu mà lập. Đạo vốn không thể, nhân đạo mà lập danh, đạo vốn không danh, từ danh mà có hiệu. Nếu nói tức tâm tức Phật vẫn chưa vào được lẽ huyền, nếu nói phi tâm phi Phật vẫn mới là chỉ ra dấu vết cực tắc. Con đường hướng thượng ngàn thánh chẳng truyền. Người học lao nhọc tấm thân như khỉ bắt bóng. Đại đạo không ở trong lẽ đâu có trước sau, trường không không giới hạn lẽ đâu đo đếm chăng? Hư không đã như vậy, đạo làm sao nói. Tâm như trăng tròn chiếu soi vạn vật. Quang không chiếu cảnh, cảnh cũng chẳng còn; quang cảnh đều mất thì có vật gì. Bậc Thiền đức ví như trong hư không, bất luận đến hay không đến thì đây vẫn là trong không không dấu vết, kiếm nhọn cũng chẳng thiếu, nếu được như vậy thì tâm tâm vô tri, toàn tâm tức Phật, toàn Phật tức nhân, nhân và Phật chẳng khác, đó mới là Đạo. Bậc Thiền đức có thể ngay khi học đạo, chẳng khác đất nâng núi, chẳng biết núi cao vút, như đá chứa ngọc, chẳng biết ngọc không tỳ vết. Nếu được như vậy đó mới là xuất gia. Thế nên Đạo sư nói:

Pháp vốn không ngại nhau
Ba đời cũng như vậy
Người vô vi, vô sự
Được vàng hết nghèo khó.

Do đó nguồn linh độc chiếu, đạo dứt vô sinh, đại trí chẳng sáng, chân không không dấu, chân như phàm thánh đều là lời mộng, Phật và Niết-bàn thảy là nói thêm. Thiền đức phải tự thừa đương chẳng ai thay thế, ba cõi không pháp cầu tâm nơi nào? Bốn đại vốn không, Phật trụ ở đâu? Cơ huyền chẳng động, vắng lặng vô ngôn; mặt mũi đều hiện, không việc gì khác. Trân trọng!

Sư sắp thị tịch, hỏi chúng:

- Có ai vẽ được hình ta chăng?

Đại chúng đều đem hình mình vẽ được trình sư, Sư đếu đánh. Lúc ấy đệ tử là Phổ Hóa bước ra thưa:

- Con vẽ được.

Sư nói:

- Sao không trình cho Lão tăng?

Phổ Hóa bèn mang cái đấu ra.

Sư nói:

- Gã này ngày sau tiếp người như phong cuồng.

Sư thị tịch, vua ban thụy là Ngưng Tịch Đại sư, tháp hiệu là Chân Tế.

35. Bài tựa nói về Tuấn Thượng Nhân về Hoài Nam:

Năm này, Giám sát Ngự sử Liễu Tông Nguyên tiễn Tuấn Thượng Nhân về Hoài Nam. Trong bài tựa nói:

"Đạo của họ Kim Tiên, cái gốc nằm trong hiếu kính, về sau tích chứa muôn đức, trở về cái không vô. Ông ấy khai diễn giáo giới ở Trung Quốc lìa tất cả dị môn, dùng Thiền, Pháp, Luật để cứu vớt mê trược, người đời đều dùng các tông đều noi, trong ấy lại tu chánh quán, hành cái tôn nghiêm, pháp hợp uy nghi, làm mô phạm cho hậu thế, lấy việc Trì Luật làm đầu.

Thượng nhân xét cùng bí nghĩa, pháp minh thượng thừa giữ ba ngàn uy nghi, tuy vội vã nhưng đều hoàn bị. Ngài từng tuyên thuyết đạo này cho người giang hồ, những kẻ ấy hoan hỷ nhận lời chỉ dạy, còn như những người nương thuyền tư kỳ vọng đến bờ kia thì có đến ngàn trăm.

Thiên tử nghe danh ngài, liền triệu vào cung, vua ngự ở điện Đại Minh mà hỏi đạo. Ngài nêu đạo bày giáo rất hợp ý vua. Sĩ chúng nơi kinh châu bắt đầu đua nhau tôn ngưỡng sư mà gieo trồng gốc đức. Thế nhưng Thượng Nhân vẫn không quên được ân xưa, bèn lui về giữ cái lễ nghi hầu hạ. Ngài khẩn thiết xin vua, vua không kìm chân được bèn để ngài đi. Thế rồi ngài chấn tích đến phía Đông, ngày đêm khai đạo. Hữu ty Viên ngoại lang Lưu Công là người tinh thông thế điển, lại thông đạt Phật pháp là bạn thâm giao với Thượng Nhân, vừa mới gặp lại, nay rất tiếc vì ngài ra đi. Bấy giờ bạn của Hợp Lang Thự làm thơ tặng ngài. Trong ấy nói: "Thượng Nhân chuyên tâm Giới luật càng lâu càng vững, ông ấy làm mẫu mực cho hậu học ư? Giáo hóa sinh linh, muôn loài được phước, ông ấy tích chứa muôn đức ư? Gặp nhau nơi cao đường xem kẻ xa như gần, ông ấy vốn hiếu kính ư? Nếu vậy thì đem tâm quy về không, chẳng bỏ thuyền bè mà lên bờ, từ đâu mà biết được ông ấy ư? Người xưa tặng lễ đều theo khinh trọng. Thế nên Trịnh Thương thưởng cho Thừa Vi trước, Lỗ Hầu tặng Ngô Đỉnh sau. Nay trong việc tặng thơ đều nhiều hơn Ngô Đỉnh. Thế nên Thừa Vi so với đây phải được ghi trước. Vả lại nói do lễ mà không dám chối từ".

36. Văn bia nói về công trạng của Hòa thượng Bát Chu:

Hòa thượng Bát Chu ở Nam Nhạc thị tịch, Liễu Tử Hậu soạn văn bia thứ hai rằng:

"Phật pháp lưu hành vào Hành sơn, đến Đại sư mới bắt đầu xiển dương lại Luật giáo. Từ đàn tràng này những người được chánh pháp có đệ tử ngài là Hòa thượng Nhật Ngộ là người thọ nhận hết yếu đạo của ngài, bổ nhiệm vào địa vị của ngài là người đứng đầu trong Phật giáo.

Hòa thượng họ Tương, quê ở Linh lăng, chí khí cao vời, đức hạnh miên mật. Hình dáng ngài tuy nhỏ nhưng đạo hạnh rất cao xa. Ngài cho rằng nhân định mà phát tuệ, nên chuyên dùng Giới luật kiểm thúc thân tâm, tham học với Đại sư Ân ở chùa Đông Lâm, quán xét mật nghĩa rồi trở về truyền giáo. Ngài chẳng xem văn tự nhưng luận lý rất tinh vi, đăng đàn hành sự độ chúng Tỳ-kheo, mỗi năm đến cả ngàn người. Đến năm ba mươi bảy tuổi, nguồn đạo đã lắng trong, ngài nghĩ muốn bỏ phàm lên thánh tất phải lấy Tam-muội làm quỹ phạm. Thế rồi ngài dốc tâm cầu học với Đại sư Viễn ở Tử tiêu, tu tập lý mầu bằng cách quán Phật. Ngài hốt nhập tánh hải, khai mở nguồn chân. Ngài chuyên tinh tu tập chỉ quỳ và đi nhiễu, trong suốt bảy ngày chẳng hề ngủ nghỉ. Ngài chuyên tâm hành trì đến bốn tháng mà tâm chí chẳng hề giãi đãi.

Trong năm Khai Nguyên, vua hạ chiếu định lại phép tắc, ngài đến ở tại chùa Long Hưng trong quận này. Túc Tông ấn định danh sơn trong thiên hạ, đặt cách bảy Đại đức Tăng, từ đó Nam Nhạc càng được vua vô cùng coi trọng. Họ cử ngài làm Thượng thủ, ngài không làm, bèn qua Sùng lãnh dựng tinh xá. Ngài chặt cây, phá cỏ, khai núi, thế rồi điện đường rộng lớn uy nghiêm được dựng lên. Ngài chẳng nhờ cậy mà ai nấy đều giúp sức, chẳng cầu mong mà người người đều góp của. Những người phương Nam dốc tâm niệm Phật Tam-muội đều phát xuất từ ngài và ngài đặt tên nơi này là Bát Chu Đài.

Hòa thượng xuất gia năm mười ba tuổi, chín năm sau thì thọ giới Cụ túc, mười năm ở nơi đàn tràng, ba mươi bảy năm sau vào ngày hai mươi bảy tháng giêng niên hiệu Trinh Nguyên thứ hai mươi ngài thị tịch tại tịnh thất này. Than ôi! Vô đắc mà tu nên mỗi niệm là thật tướng, chẳng câu chấp pháp nên Luật là Đại thừa, chỉ đắp hoại y mà không màu mè, chỉ ăn đồ dở mà chẳng ham vị, tất cả vật tùy thân nếu từ sinh vật thì không bao giờ dùng đến, thật chẳng biết được lòng từ của ngài cao sâu bao nhiêu. Dẫn dắt giáo hóa, phàm người quay về đạo chánh chân đông vô số kể, thật không sao đếm hết. Muôn hạnh sáng lòa, nhất tánh thường như, bến bờ tịch dụng thật không lường nổi.

Đệ tử là Cảnh Quý nối pháp của ngài, muốn mở rộng ân đức của ngài, nối tiếp đến muôn đời, nên bày tỏ vài lời in khắc trong bia. Bài minh viết:

Tượng giáo về Nam
Đến ngài thì thịnh
Uy nghi nghiêm cẩn
Khai mở Luật môn
Thầy ta nối truyền
Khai thông nguồn đạo
Độ vô lượng chúng
Quét sạch tối tăm
Xiển dương Luật tạng
Luận lý nhiệm mầu
Tóm thâu tám vạn
Bày trong một lời
Tiếng tăm lẫy lừng
Gần xa cầu học
Như cây đã ngã
Dốc sức dựng lại
Dòng pháp Bát chu
Trường tồn ý diệu
Trăm ức ngầm hợp
Xem ở dấu tích
Đồng đạo nhờ ân
Công cao lại thuần
Như nước đọng lâu
Chảy tràn vô hạn
Vua cầu Đạo sư
Tôn kính thầy ta
Sáng thay mệnh vua
Tỏ rõ linh nhạc
Ở gò Nam kia
Điện đường cao ngất
Toàn bộ công của
Chẳng cầu mà đủ
Phất tay thi công
Chẳng hô mà ứng
Nào phát nào đục

Mở thông đường xá
Lập thềm lấp hang
Để lại hậu học
Đi chẳng trâu ngựa,
Mặc không lụa là
Chẳng an thân mình,
Ăn mặc đạm bạc
Chẳng từ mệt nhọc,
Việc làm thường tịch
Thoáng mà không kiêu
Là do thường xả
Hòa đồng muôn loại
Ai lường biết được
Để lại phong quang
Làm gương cho đời
Hình hài ra đi
Quỹ nghi còn mãi
Đồ chúng truy niệm
Kính khắc bia đá.

37. Thuận Tông: (Kỷ Dậu)

Thuận Tông tên là Tụng, con trưởng của Đức Tông, ông rất mến mộ Phật pháp, tôn ngài Thanh Lương làm Quốc sư. Tính ông khoan dung, nhân từ rất gỏi về văn chương. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Vĩnh Trinh, mất tại điện Hàm Ninh, an táng ở Phong lăng, thọ bốn mươi sáu tuổi, trị vì một năm.

38. Bài ký về chim Anh vũ có, xá-lợi:

Tháng chín năm này, Thái úy Trung thư lệnh Vi Cao mất. Lúc mới sinh cha ông cúng trai phạn cho chúng Tăng để cầu phước. Tôn giả Ứng Chân bỗng đến, cha ông cúng dường xong, sai nhũ mẫu bồng con ra xin Tôn giả chú nguyện. Tôn giả đứng lên nói với mọi người:

- Đứa bé này là Gia Cát Vũ Hầu, ngày trước do rất giỏi việc trị chánh ở nước Thục, nên đặt tên tự cho nó là Vũ.

Nói xong, Tôn giả bỗng biến đâu mất. Về sau Vi Cao giao du với quan lại, ẩn sĩ tiết nghĩa và công danh của ông ngang bằng với Vũ Hầu. Ông cai quản đất Thục hai mươi mốt năm, được phong làmNam Khương Quần Vương. Ông có đức với muôn dân, dân Tứ Xuyên ngày nay vẫn

còn phụng thờ ông. Ông rất mến một Phật pháp. Hồi ấy pho tượng Phật bằng đá ở Gia châu vừa hoàn thành, ông liền ghi lại rằng:

"Đầu rộng ngàn thước, mắt lớn hai trượng, tất cả tướng hảo khác đều rất cân xứng".

Người đời khen ông là bậc nho nhã, đơn giản. Có lần ông dạy chim anh vũ niệm Phật. Chim Anh vũ chết ông theo nghi thức Sa-môn tống táng trà-tỳ nó và lượm được xá-lợi. Ông ghi lại việc này rằng:

"Nguyên tinh do ngũ khí tiếp nhận muôn loài, dù là điểu thú chim muông, nhưng đều cảm nhận được cái tinh hoa thuần túy. Có loài sáng rỡ mà chẳng cháy, có loài bẩm thọ sắc xanh, thì con người đều phải xem trọng như chánh trị đương thời. Vậy thì có luyện tập loài cầm thú kia nói được, liễu ngộ không tướng trong vô niệm, để lại chân cốt trong thân tàn, lẽ đâu chẳng phải là nguyên thánh thị hiện để đáp ứng lòng người, đồng phàm phu mà khác tục, dùng Nhất chân giáo hóa ư?"

Năm trước có người cho tôi con chim Anh vũ và nói:

"Dung mạo và tướng của chim này rất hay, nó nói tiếng Hoa Hạ. Có người họ Bùi ở Hà Đông, rất ưa thích đạo của Kim Tiên, nghe Tây phương có chim quý, đùa giỡn theo bầy và diễn xướng pháp âm, do giống chim này chuyển tải được Phạm kinh, trí nó vượt xa các giống khác. Ý ông ấy cho rằng thân Phật ứng hóa, thường đùa giỡn nhưng rất kính trọng nó. Đầu tiên dạy nó giới cấm Lục trai, cho đến sáng sớm là ăn phi thời, đến tối không được nhìn thức ăn, như vậy là đã có thể thức tỉnh thế tục, làm rõ ràng cái tư cách đoan nghiêm của người phạm hạnh. Có lúc dạy nó trì niệm danh hiệu Phật và nói: "Phải bắt đầu từ hữu niệm dần dần tiến đến vô niệm", thì nó nghiêng đầu vung cánh tỏ vẻ như đã nghe được. Sau đó có lần tôi dạy nó niệm Phật, thì nó im lặng không đáp. Có lúc tôi nói là nó không niệm Phật thì nó liền hót lên A-di-đà. Tôi thử nhiều lần cũng đều như vậy, chưa từng hót sai. Tôi nói với nó: "Hữu niệm là duyên sinh, vô niệm là chân tế, duyên sinh dù chẳng nói vẫn là duyên khởi, chân tế tuy nói nhưng ngôn ngữ vốn không. Mỗi sáng sớm, trong nhà trống, nó phát ra âm thanh hòa nhã, trong như tiếng sáo tiếng tiêu, vang vọng cả thinh không, âm thanh trầm bổng, niệm niệm tương tục. Người nghe thảy đều khoan khoái mà ưa làm thiện. Than ôi! Sự sống có giới hạn, nhưng duyên lẽ đâu cùng tận chăng. Tháng bảy năm này, nó tiều tụy không vui, bảy ngày sau càng tồi tệ, người nuôi biết nó sắp chết liền gõ khánh mà nói với nó rằng: "Sắp về Tây rồi! Ta đánh khánh cho ngươi, ngươi phải chánh niệm". Mỗi tiếng khánh nó niệm một tiếng Di-đà Phật. Đến tiếng khánh thứ

mười, nó niệm xong mười niệm, rồi xếp cánh, co chân không nhích lên, cũng không ngã nhào, đứng như vậy mà chết.

Trong kinh Phật có nói:

“Thành tựu mười niệm thì vãng sinh về Tây phương”.

Lại nói:

“Người được Phật tuệ, chết có xá-lợi”.

Tôi biết như vầy nên nghĩ chắc không khác con người, bèn ra lệnh dùng cách trà-tỳ thiêu nó. Sau khi cháy xong, quả nhiên có mười hạt xá-lợi, sáng chói cả mắt, rực rỡ trong lòng bàn tay. Người thấy mà khiếp sợ, người nghe đều kinh hãi. Họ đều nói: “Nếu có thể dẫn dắt người mê, lợi ích cho đời lẽ đâu chẳng phải là Bồ-tát hóa thân đây ư?”

Thời ấy có Cao Tăng Tuệ Quán từng đến Tam Học Sơn đi nhiễu, lễ lạy thánh tích, nghe kể con chim này, ngài rơi lệ than khóc, thỉnh về Linh sơn, dùng bình gốm đựng xá-lợi và dựng tháp để nêu cao việc lạ này.

Tôi nghĩ, con chim này lúc sống có đạo, lúc chết có điềm linh, người xưa sở dĩ thông được giai vị Thánh hiền rồi đến giáo hóa là thế.

Nữ Oa thân rắn mà kế tục đế vương, họ Diễn thân chim mà dựng nên nghiệp Hầu, việc ấy có ghi trong sử sách, ai dám bảo là quái lạ. Huống gì con chim này, có khắp trong đạo lưu thánh chứng rõ ràng, lẽ đâu không nói đến. Tôi thấy chẳng có gì đáng thẹn, nên ghi lại việc này”.

39. Vua hỏi pháp với Thiền sư Phật Quang Như Mãn:

Tháng tám năm này, Thuận Tông nhường ngôi, Hoàng Thái tử lên ngôi đó là Hiến Tông. Trước đây tại Đông cung, có lần Thuận Tông hỏi Thiền sư Phật Quang Như Mãn rằng:

- Phật từ đâu đến, chết đi về đâu, đã nói Phật thường trụ thế thì hiện nay Phật ở đâu?

Sư đáp:

- Phật từ vô vi đến, tịch diệt về vô vi, Pháp thân bằng hư không, thường trụ trong vô tâm, hữu niệm về vô niệm, hữu trụ về vô trụ, đến là vì chúng sinh, đi cũng vì chúng sinh, biển chân như thanh tịnh, thể vắng lặng thường trụ, người trì khéo tư duy, chớ sinh tâm nghi ngờ.

Vua hỏi tiếp:

- Phật sinh trong vương cung, diệt độ ở Song lâm, trụ thế bốn mươi chín năm, sao nói không pháp thuyết, núi sông và biển lớn, trời đất cùng nhật nguyệt, đến lúc cũng quy tận, ai nói không sinh diệt? Nghi tình

giống như đây, người trí khéo phân biệt?

Sư đáp:

- Thể Phật vốn vô vi, mê tình vọng phân biệt, Pháp thân bằng hư không, chưa từng có sinh diệt, có duyên Phật xuất thế, không duyên Phật nhập diệt, dạy chúng sinh khắp nơi, như trăng trong dòng nước, chẳng thường cũng chẳng đoạn, chẳng sinh cũng chẳng diệt, sinh cũng chưa từng sinh, diệt cũng chưa từng diệt, thấy được chỗ vô tâm, tự nhiên không pháp thuyết.

Vua nghe xong, vô cùng vui mừng.

Có lần vua hỏi tâm yếu với Quốc sư Thanh Lương, Quốc sư đáp:

- Đạo lớn vốn ở ngay tâm mình, tâm pháp vốn ở trong vô trụ, tâm thể vô trụ nhiệm mầu chẳng mê, tánh tướng vắng lặng bao hàm cả đức dụng, bao quát cả trong ngoài, hay sâu, hay rộng, chẳng có chẳng không, chẳng sinh chẳng diệt, không cuối không đầu tìm thì chẳng được, bỏ thì chẳng lìa, mê hiện lượng thì khổ hoặc đẩy đưa, ngộ chân tánh thì rỗng rang thấu triệt. Tuy tức tâm tức Phật, chỉ người chứng mới biết, nhưng có chứng có biết, thì mặt trời trí tuệ đã rơi chìm trong đất có, nếu không chiếu không ngộ, thì mây mù đã che lấp cửa không. Nếu một niệm chẳng sinh thì khoảng trước khoảng sau đều dứt sạch, chiếu thể độc lập, vật ngã đều như như, mở thẳng nguồn tâm, không trí không đắc chẳng thủ chẳng xả, không đối đãi không tu. Nhưng mê ngộ nương nhau, chân vọng đối nhau, nếu tìm chân bỏ vọng như bỏ bóng theo hình, nếu liễu ngộ được vọng tức chân, chẳng khác nào núp trong mát thì bóng mất. Nếu không tâm vọng chiếu thì vạn mối đều dứt, nếu mặc tình ngầm biết thì vạn mối đều mở ra. Cứ mặc tình đến đi vắng lặng mà quán xét ngọn nguồn, nói nín chẳng mất huyền vi, động tĩnh chẳng lìa pháp giới. Nói dừng thì tri tịch cùng quên, luận quán thì tịch tri cùng chiếu; nói đến chứng thì chẳng thể bày biện cho người; diễn đến lý thì chẳng chứng chẳng liễu. Đó là ngộ tịch nhưng không tịch, chân tri nhưng vô tri, vì tri và tịch chỉ là nhất tâm bất nhị, khế hợp trung đạo, có không đều quên.

■

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 15

1. Đường Hiến Tông: (Bính Tuất)

Hiến Tông tên là Thuần, con trưởng của Thuận Tông, dùng Bắc Đột Quyết, Thừa Hoan làm Chiêu thảo sứ, Bạch Cư Dị, Trần Tự Trung làm Thống soái, thiên hạ thái bình. Người ta đều nói ông là minh chủ trung hưng cơ nghiệp. Thiên đế giáng mộng ở phương Bắc bảo vua trung hưng Phật pháp nhưng ông không tuân mệnh. Ông ham uống đơn dược đến nỗi khiến tánh tình nóng nảy. Về sau bị Trung Quan Trần Hoàng Chí giết, thọ bốn mươi ba tuổi, an táng ở Cảnh lăng, trị vì mười lăm năm. Thời bấy giờ có những người hiền tài như Liễu Tử Hậu, Hàn Thoái Chi, Nguyên Vi Chi, Lưu Vũ Tích, Bạch Cư Dị...

2. Thiền sư Nga Hồ Đại Nghĩa:

Thiền sư Nga Hồ Đại Nghĩa họ Từ quê ở Tu giang, Cù châu. Lý Cao có lần hỏi Sư:

- Đại Bi dùng ngàn tay mắt làm gì?

Sư nói:

- Nay Hoàng thượng dùng ông làm gì?

Có vị Tăng xin dựng tháp. Lý Thượng thư hỏi:

- Trong Luật Phật không cho khiên thây chết đi qua dưới tháp, lại dựng tháp làm gì?

Tăng không đáp được, liền đến hỏi sư, Sư nói:

- Ông ta là Đại Xiển-đề.

Vua hạ chiếu thỉnh sư vào cung, cùng luận nghị với sư trong điện Lân Đức. Có một Pháp sư hỏi:

- Thế nào là Tứ đế?

Sư đáp:

- Thánh thượng là một đế còn ba đế kia ở đâu?

- Dục giới không có thiền, thiền ở sắc giới, cõi này nương vào đâu mà lập thiền?

Sư đáp:

- Pháp sư chỉ biết dục giới không có thiền, mà không biết thiền giới không có dục.

- Thế nào là thiền?

Sư chỉ hư không, Pháp sư không đáp được.

Vua hỏi:

- Pháp sư giảng vô lượng kinh luận, chỉ một chút này mà chỉ không được là sao vậy?

Pháp sư hỏi các vị Thạc đức:

- Đi, đứng, nằm, ngồi rốt cuộc lấy gì làm đạo?

Có người đáp:

- Biết là đạo.

Sư nói:

- Chẳng thể dùng cái biết để biết, chẳng thể dùng cái thức để biết thì làm sao biết được biết là đạo?

Có người đáp:

- Không phân biệt là đạo?

Sư nói:

- Khéo hay phân biệt tướng các pháp, trong đệ nhất nghĩa nhưng chẳng động, làm sao không phân biệt là đạo được.

Có người đáp:

- Tứ thiền, Bát định là đạo.

Sư nói:

- Thân Phật vô vi không rơi trong các hữu, làm sao ở trong Tứ thiền Bát định là đạo được.

Ai nấy đều ngậm miệng. Sư cử tiếp:

- Thuận đế hỏi Tiền sư Thi Lợi: "Đại sư! Chúng sinh làm thế nào thấy tánh thành Phật". Thi Lợi đáp: "Phật tánh như trăng trong nước, chỉ thấy mà không nắm được".

Nhân đó sư nói với vua Phật tánh chẳng thấy tất thấy, trăng trong nước làm sao nắm lấy.

Vua liền hỏi:

- Cái gì là Phật tánh?

Sư đáp:

- Chẳng lìa cái mà bệ hạ hỏi.

Vua ngầm hợp chân tông, càng rất kính trọng sư. Ngày bảy tháng giêng năm Nguyên Hòa thứ mười ba, sự thị tịch, thọ bảy mươi bốn tuổi, vua ban thụy là Tuệ Giác Thiền Sư, tháp hiệu là Kiến Tánh.

3. Hàn Sơn, Thập Đắc, Phong Can:

Không ai biết tên họ, quê quán của Hàn Sơn tử là gì ở đâu, ông ẩn cư trong Hàn nham ở huyện Đường Hưng, Thai châu. Vì vậy bậc phụ lão đều gọi ông là Hàn Sơn Tử. Người ông gầy ốm thích đội mũ bằng vỏ cây hoa, đi guốc gỗ, mặc áo lông, quấn tua dải trông như gã điên, thường cười hát nghêu ngao. Ông ở gần chùa Quốc Thanh trong Thiên Thai, trong chùa có Tăng là Phong Can cũng là người kỳ dị. Hằng ngày Phong Can đốn củi, gánh nước giã gạo để chúng Tăng dùng, thường rong chơi với Hàn Sơn Tử.

Hồi trước Phong Can đi ngang Xích thành nghe tiếng con nít khóc trong bụi cỏ, ông đến nhìn xem thấy đứa bé chừng hơn mười tuổi, hỏi nó ở đâu thì nó chẳng nói gì. Trong lòng rất lấy làm lạ ông bèn dẫn đứa trẻ về chùa sai nó quét dọn. Do nhặt được ngoài đồng nên ông đặt tên thằng bé là Thập Đắc. Đến lớn Thập Đắc tu Đầu-đà khổ hạnh, lanh lợi xuất chúng. Phong Can, Hàn Sơn rất khâm phục ông, thường cùng ông ngao du. Ba người họ rất tương đắc. Tăng chúng trong chùa lấy làm lạ, nhưng ai nấy đều nghi nghi trong lòng mà chẳng biết vì sao.

Hàng ngày Thập Đắc rửa chén, ông nhặt cơm thừa cho vào ống để dành cho Hàn Sơn ăn. Hai người đều có tài làm thơ. Có lúc cùng dạo chơi trong thôn xóm, gặp việc cảm hứng họ liền làm thơ để bày tỏ ý mình. Có khi khắc trên vách đá, có lúc viết trên lá cây, có lúc ngồi trong quán rượu, nói năng đều thanh cao thoát tục. Dù là những kẻ phong lưu ngày xưa cũng chưa có ai giống như họ. Có lần ông tự thuật:

Vốn chẳng phải ẩn sĩ
Tự gọi người núi rừng
Trong tối tăm sáng rỡ
Chỉ thích buộc áo khăn
Đạo sạch như Sào Hứa
Thẹn làm tôi Thuấn Nghiêu
Khỉ vượn đội áo mũ
Chẳng học tránh phong trần.

Lại viết:

Muốn được nơi an ổn
Hàn Sơn trụ mãi thôi
Gió nhẹ lay tùng rậm
Càng nghe tiếng càng hay
Dưới có người lang lổ
Lâm râm tụng Hoàng Lão

Mười năm về chẳng được
Quên mất cả cội nguồn.

Lại viết:

Có thân cùng không thân
Là ngã lại phi ngã
Quán xét kỹ như thế
Dựa vách đá ngồi mãi
Dưới chân cỏ mọc xanh
Trên đầu bụi trần bám
Để thấy người thế gian
Linh sàng bày rượu quả.

Lại viết:

Nhà ngọc treo rèm châu
Trong có gái thiền quyên
Nhan sắc hơn thần tiện
Nghi dung như Đào, Lý
Nhà Đông xương xuân đọng
Nhà Tây gió thu thổi
Đủ ba mươi năm nữa
Ngọt như nước mía lùi.

Những câu như vậy nhiều vô kể. Có lần Thập Đắc chắp tay cúng, đến lúc ăn thì đối diện với Phật mà ăn. Có lần ông đối trước tượng Kiều-trần-như mắng:

"Đồ tiểu căn bại chủng, đứng đây làm gì".

Tăng trong chùa rất lấy làm lạ, chẳng sai ông cúng nữa.

Có lần ông thấy cơm cháo trước tượng Già-lam thần cứ bị chim cú đến phá, Thập Đắc đánh tượng thần và mắng:

"Ông ăn được mà không giữ được, làm sao hộ trì Già-lam".

Thần Già-lam báo mộng cho Tăng chúng trong chùa nói:

"Thập Đắc đánh tôi".

Đến sáng ai nấy cũng đều nói mình thấy thần nói như vậy, đến lúc này chúng Tăng mới thất kinh. Lúc này Phong Can đã hạ sơn xuất du.

Cuối năm Trinh Nguyên, Lư Khâu được bổ nhiệm làm Tuần thú Thai châu. Vưa mới đến ông bỗng bị bệnh đầu phong, danh y đều bó tay. Tình cờ Phong Can đến nhà ông, tự nói mình chữa được bệnh này. Lư Khâu nghe liền cho triệu kiến. Can sai đem nước đến rồi rẩy lên đầu ông, lát sau bệnh của Lư Khâu hết hẳn, từ đó Khâu rất trọng Phong Can. Khâu hỏi ông:

- Ông từ đâu đến?

Phong Can đáp:

- Chùa Quốc Thanh ở Thiên Thai.

- Ở đó có người hiền tài không?

- Có, nhưng không dùng danh lợi thế gian thỉnh cầu họ được. Hàn Sơn, Thập Đắc là Văn-thù, Phổ Hiền hóa thân. Hai ông ấy đang trà trộn trong chùa Quốc Thanh, nếu ông muốn phong quan cho họ thì đến đó ngay, chớ chậm trễ. Lư Khâu về Nam hành sự không lâu, liền vào chùa tìm tin tức của Phong Can. Ông chỉ thấy mái tranh tiêu điều, hổ nằm bên nhà. Ông vào trong chùa yết kiến hai vị Đại sĩ. Tăng trong chùa dẫn ông ra sau nhà bếp, Lư Khâu bái yết hai vị Đại sĩ. Hai người đứng dậy nói:

- Niệm mãi Di-đà mà ông chẳng biết thì lạy ta làm gì.

Rồi quay về Hàn nham.

Hôm sau, Lư Khâu sai sứ đem lễ vật đến. Hàn Sơn thấy sứ đến mắng:

- Giặc! giặc!

Rồi trốn vào trong núi. Thập Đắc cũng biệt tăm, về sau không ai biết họ mất lúc nào, ở đâu.

4. Thiền sư Thiên Hoàng Đạo Ngộ Ở Kinh Châu:

Hiệp Luật Lang Phù Tái soạn văn bia ghi:

"Sư họ Trương, quê ở Đông Dương, Vụ châu. Mười bốn tuổi xuất gia với ngài Đại Đức ở Minh Châu. Hai mươi lăm tuổi Sư thọ giới Cụ túc tại chùa Trúc Lâm ở Hàng châu. Đầu tiên sư tham vấn với Thiền sư Quốc Nhất và ở đây hầu thầy năm năm. Niên hiệu Đại lịch thứ mười một, Sư ẩn cư tại núi Đại Mai. Đầu năm Kiến Trung, Sư đến yết kiến Giang tây Mã Tổ, năm thứ hai qua tham học với ngài Thạch Đầu, nhân đó đại ngộ, bèn ẩn cư tại núi Tử lăng ở Đương dương. Về sau, phía Đông thành trong kinh Nam có chùa Thiên hoàng do bị hỏa hoạn nên bị hư sập, ngài Linh Giám đang định tu sửa lại. Linh Giám nói:

- Nếu được Thiền sư Đạo Ngộ làm hóa chủ, thì đó là phước lớn của ta.

Hồi đó, Giang Lăng Doãn hữu bộc xạ Bùi Công đến đảnh lễ tham vấn, Bùi Công dùng lễ đón sư, nhưng sư chẳng hề đáp lại. Với khách sư chẳng phân biệt sang hèn đều ngồi chào họ. Bùi Công càng kính trọng sư hơn. Tông phong của Thạch Đầu hưng thịnh từ đây. Sư có bệnh đau lưng, lúc sắp thị tịch, đại chúng đến thăm hỏi bệnh. Bỗng nhiên sư gọi Điển Tòa lại gần rồi hỏi:

- Hiểu không?

Điển Tòa thưa:

- Chẳng hiểu.

Sư cầm chiếc gối ném xuống đất rồi thị tịch, thọ sáu mươi lăm tuổi, Tăng lạp ba mươi lăm hạ. Dòng pháp nối tiếp ba đời là Tuệ Chân, U Quang và Văn Bí. Hôm đó nhằm ngày mười ba tháng tư năm Nguyên Hòa thứ hai.”

5. Thiền sư Thiên Vương Đạo Ngộ ở Kinh châu:

Ngày mười ba tháng tư năm Nguyên Hòa thứ mười ba, Thiền sư Thiên Vương Đạo Ngộ thị tịch. Đường chánh nghị Đại phu Hộ Bộ thị lang Bình Chương Sự Kinh Nam Tiết Độ Sứ Khâu Huyền Tố soạn văn bia rằng:

“Sư họ Thôi, quê ở Chử Cung, là hậu duệ của Tử Ngọc. Năm mười lăm tuổi, Sư nương Luật sư Đàm Chứ ở chùa Trường Sa xuất gia. Năm hai mươi ba tuổi, Sư đến Trung sơn thọ giới. Năm ba mươi ba tuổi sư đến tham vấn ngài Thạch Đầu. Tổ nhiều lần chỉ dạy nhưng sư không khế hội. Sau đó sư đến yết kiến Quốc sư Tuệ Trung. Năm ba mươi bốn tuổi, Sư cùng thị giả Ứng Chân về Nam yết kiến Mã Tổ. Tổ bảo:

- Nhận biết tự tâm xưa nay là Phật, chẳng thuộc tiệm thứ chẳng nhờ tu trì, thể tự như như, muôn đức tròn đầy.

Ngay câu nói này sư đại ngộ. Mã Tổ dặn:

- Nếu phải trụ trì ông chớ rời chỗ cũ.

Sư được chỉ dạy xong liền về Kinh châu, cất một am tranh ngoài thành không xa.

Sau Tiết Sứ cố vấn cho bọn tả hữu đến vặn hỏi sư đủ điều, rồi Tiết Sứ đích thân đến hỏi đạo. Thấy đường xá hiểm trở, xe ngựa không qua được, lại thấy cây cối ngang dọc chướng mắt vô cùng chẳng ai sửa sang. Tiết Sứ nổi giận sai người bắt sư thả xuống sông. Tiết Sứ gióng cờ vừa về đến nhà thấy nha môn phát hỏa, lửa cháy ngùn ngụt chẳng ai dám đến gần, chỉ nghe trong hư không có tiếng nói:

- Ta là thần Thiên vương! Ta là thần Thiên vương!

Tiết Sứ hồi tâm quỳ lạy, khói lửa liền tắt, nha môn vẫn còn nguyên. Tiết Sứ liền ra bờ sông thấy sư ở trong nước mà áo quần chẳng ướt. Ông càng kính trọng, chí tâm sám hối sư, thỉnh sư về nha môn cúng dường. Tiết Sứ lập ngôi chùa ở phía Tây phủ lấy hiệu là Thiên Vương, thỉnh sư ở đó.

Hằng ngày sư nói:

- Sống vui! Sống vui!

Đến lúc lâm chung, Sư lại kêu:

- Khổ! Khổ!

Rồi nói:

- Diêm vương đến bắt ta.

Viện chủ hỏi:

- Đương thời Hòa thượng bị Tiết Sử ném xuống sông nhưng thần sắc chẳng động, hôm nay sao lại thế này?

Sư đưa chiếc gối lên hỏi:

- Ngươi nói lúc ấy đúng hay bây giờ đúng?

Viện chủ không đáp được. Sư thị tịch, thọ tám mươi hai tuổi, Tăng lạp sáu mươi ba hạ. Có một người nối pháp đó là Sùng Tín, tức Long Đàm."

Luận rằng: "Tôn giả Tịch Âm nói:

Thiền sư Đạo Ngộ ở chùa Thiên Hoàng, Kinh châu, như Truyền Đăng ghi chép thì Đạo Ngộ đắc pháp với Thạch Đầu, và ở tại Thiên Hoàng. Sư họ Trương quê ở Đông Dương, Vụ châu, mười bốn tuổi xuất gia, được ngài Đại Đức ở Minh Châu thế phát. Năm hai mươi lăm tuổi, thọ giới Cụ túc tại chùa Trúc Lâm, Hàng châu. Đầu tiên đến yết kiến Thiền sư Quốc Nhất ở Kính sơn và ở lại hầu hạ năm năm. Trong năm Đại Lịch, Sư đến Chung Lăng yết kiến Đại sư Mã Tổ. Hai năm sau sư đến Thạch Đầu. Sư thị tịch vào tháng tư năm Đinh Hợi niên hiệu Nguyên Hòa, thọ sáu mươi tuổi, hạ lạp ba mươi lăm".

Xem đến Thiền sư Quán Dĩnh soạn tập Ngũ Gia Tông Phái, thì chép Đạo Ngộ nối pháp của Mã Tổ, và dẫn văn bia đến cả ngàn lời do Khâu Huyền Tố nhà Đường soạn. Trong ấy nói:

"Sư hiệu là Đạo Ngộ, họ Thôi, quê ở Chử Cung, là hậu duệ của Tử Ngọc. Năm mười lăm tuổi lạy Luật sư Đàm Chứ ở chùa Trường Sa xuất gia. Năm hai mươi ba tuổi thọ giới với ngài Luật Đức ở Tung sơn, yết kiến Thạch Đầu, tham cứu thiền tông. Trong hai năm nhưng không khế ngộ, bèn vào Trường an yết kiến Quốc sư Tuệ Trung. Năm ba mươi bốn tuổi sư cùng thị giả Ứng Chân về Nam yết kiến Mã Tổ, ngay dưới lời của tổ liền đại ngộ. Tổ dặn: "Ngày sau chớ lìa nơi cũ." Nên sư về lại Chử Cung.

Ngày mười ba tháng tư, năm Mậu Tuất, niên hiệu Nguyên Hòa thứ mười ba, Sư thị tịch thọ tám mươi hai tuổi, tăng lạp sáu mươi ba hạ."

Xét chuyện này thì rõ ràng là hai người. Nhưng Huyền Tố ghi:

"Có một người truyền pháp đó Sùng Tín. Trụ ở Long đàm, Lễ Châu."

Trong văn bia của Thiền sư Nam Nnạc Hoài Nhượng do Đường Văn Nhân Quy Đàng soạn, có liệt kê pháp tôn ở phía sau đến mấy người, trong đó có một người là Đạo Ngộ, tên là Khuê Phong, trả lời Bùi Tướng quốc về chỉ thú tông môn. Lại ghi sáu người nối pháp của Mã Tổ. Người đầu tiên là Giăng Lăng Đạo Ngộ, dưới đó lại ghi chú: "Đều thọ học với Kính Sơn, nay vọng cho rằng hai tông Vân Môn và Lâm Tế đều giành là người của tông mình, thật đáng cười".

Bài tựa trong Giác Mộng Đường Trùng Giáo Ngũ Gia Tông Phái ghi:

"Trong năm Cảnh Đức, Tăng Đạo Nguyên nước Ngô soạn tập Truyền Đăng Lục ba mươi quyển, bắt đầu từ Tào Khê xuống đến hai phái dưới đó. Một là Nam Nhạc Hoài Nhượng, Hoài Nhượng truyền xuống Mã Tổ. Một phái là Thanh Nguyên Hành Tư, Hành Tư truyền xuống Thạch Đầu Hy Thiên. Hai phái này chia thành năm tông. Mã Tổ Đại sư truyền xuống tám mươi bốn Thiện tri thức, trong đó có Bá Trượng Hoài Hải. Bá Trượng truyền xuống hai người là Hoàng Bá Hy Vận và Quy Sơn Linh Hựu. Hy Vận truyền xuống Lâm Tế Nghĩa Huyền, và gọi đây là tông Lâm Tế.

Quy Sơn Linh Hựu truyền xuống Ngưỡng Sơn Tuệ Tịch nên gọi là tông Quy Ngưỡng.

Trong tám mươi bốn người đó có Thiên Vương Đạo Ngộ. Đạo Ngộ truyền xuống Long Đàm Sùng Tín, Sùng Tín truyền xuống Đức Sơn Tuyên Giám, Tuyên Giám truyền xuống Tuyết Phong Nghĩa Tồn, Nghĩa Tồn truyền xuống Vân Môn Văn Uyển, và gọi đây là tông Vân Môn.

Kế đến Huyền Sa Sư Bị truyền xuống Địa Tạng Quế Sâm, Quế Sâm truyền xuống Thanh Lương Văn Ích và gọi đây là tông Pháp Nhãn.

Kế nữa Thạch Đầu Hy Thiên truyền xuống hai người là Dược Sơn Duy Nghiễm và Thiên Hoàng Đạo Ngộ. Đạo Ngộ truyền xuống Tuệ Chân, Tuệ Chân truyền cho U Gian. U Gian truyền cho Văn Bí, ba đời như vậy mới dứt. Riêng Dược Sơn truyền cho Vân Nham Đàm Thạch, Đàm Thạch truyền cho Động Sơn Lương Giới, Lương Giới truyền cho Tào Sơn Chương đó là tông Tào Động.

Nay Truyền Đăng lại đem hai tông Vân Môn, Pháp Nhãn liệt vào môn hạ của Thạch Đầu là sai. Cùng một thời có hai người tên Đạo

Ngộ.”

1. Đạo Ngộ ở chùa Thiên Vương thành Tây, Giang lăng. Sư là hậu duệ của Thôi Tử Ngọc, quê ở Chử Cung, nối pháp Mã Tổ. Sư tịch ngày mười ba tháng tư năm Nguyên Hòa thứ mười ba. Chánh nghị Đại phu Khâu Huyền Tố soạn bài minh trên tháp, văn bia đến hơn ngàn lời trong ấy nói:

“Mã Tổ dặn sư: “Ngày sau chớ lìa chỗ cũ”. Thế nên Sư về lại Chử Cung”.

2. Đạo Ngộ ở chùa Thiên hoàng, thành Đông, Giang lăng. Sư họ Trương, quê ở Đông Dương, Vụ châu, nối pháp Thạch Đầu. Thị tịch năm Đinh Hợi niên hiệu Nguyên Hòa thứ hai. Hiệp Luật Bộ Phù Tái soạn bài minh trên tháp.

Về nguồn gốc xuất xứ của hai văn bia này đã quá rõ rồi. Thế nhưng theo ngài Đạo Nguyên soạn tập Truyền Đăng thì ngày tháng không đồng nhất. Đích thân đi sưu tầm chưa hẳn đã rõ ràng, còn nhờ người khác gom góp sưu tập mới có thì tất không tránh khỏi sai sót.

Từ năm Cảnh Đức đến nay, khắp nơi đều lấy Truyền Đăng làm chứng cứ. Tuy chứng cứ đều xác thực, nhưng với những người lập tông không thể quả quyết một cách sơ sài được. Chỉ có Phi Tướng Vô Tận Cư sĩ Trương Công và Lữ Hạ Khanh, hai người này mỗi khi luận những việc trong tông môn, có lần nói:

“Thạch Đầu truyền cho Dược Sơn, Dược Sơn truyền cho Tào Động, giáo, lý, hạnh, quả, ngôn, thuyết của một tông thảy rõ ràng.”

Vả lại từ Thiên Hoàng Đạo Ngộ xuống đến Cá Châu Kim Cang đều là những bậc cơ phong lẫm liệt, dù là Phật tổ cũng chẳng dám xem thường tông phong của họ, sợ rằng ngay từ Thiên Hoàng có thể đã có sự nhầm lẫn.

Tôn giả Tịch Âm cũng đã từng nghi ngờ rằng, hình như có hai người là Đạo Ngộ. Về sau Vô Tận Cư sĩ đến chỗ của Thiền sư Đại Quán Dĩnh và có trong tay bài Tháp ký nói về Thiên Hoàng Đạo Ngộ do Phù Tái soạn, đồng thời tìm thấy bài Tháp ký nói về Thiên Vương Đạo Ngộ do Khâu Huyền Tố soạn, rồi tuyên bố mọi người rằng:

“Tôi từng nghi Kính Sơn, Động Sơn xuất thân dưới pháp hội Thạch Đầu, nhân đó nêu ra rất nhiều điểm không tương đồng, nay có hai bài tháp ký minh chứng thì sự việc đã sáng tỏ, tôi mới tin mình trạch pháp nghiệm người chẳng hề sai.”

Tịch Âm nói:

“Khuê Phong trả lời Bùi Tướng quốc về chỉ thú tông môn, lại ghi

sáu người nối pháp Mã Tổ. Người đầu tiên là Giang lăng Đạo Ngộ, dưới đó lại chi chú: Cùng thọ học với Kính Sơn, nay vọng cho rằng hai tông Vân Môn và Lâm Tế đều giành là người của tông mình, thật đáng cười.

Tôi lược ghi ngọn ngành để biết rõ đầu đuôi, ngõ hầu mọi người cùng biết chánh pháp của Ngũ gia là như vậy thôi".

6. Thiền sư Lan Nhượng ở Giang tây bắc:

Hồ Đường Lượng Trưởng lão hỏi Giang tây bắc Lang Nhượng Thiền sư:

- Nghe nói sư huynh vẽ được chân hình của tiên sư, xin cho tôi được chiêm ngưỡng lễ lạy một chút?

Sư lấy tay chỉ trong não biểu thị, Lượng thấy liền đảnh lễ. Sư nói:

- Đừng lạy! Đừng lạy!

Lượng nói:

- Sư huynh sai rồi! Tôi chẳng lạy sư huynh.

Sư nói:

- Ông lạy chân hình tiên sư vậy!

Lượng hỏi:

- Thế tại sao bảo tôi đừng lạy?

Sư đáp:

- Đâu từng sai.

7. Hoàng thượng hỏi quần thần về khoan dung, hà khắc:

Nguyên Hòa thứ tư, vua hỏi thị thần:

- Trong việc chánh pháp dùng khoan dung trước hay dùng hà khắc trước?

Tể tướng Quyền Đức Dư đáp:

- Nhà Đường ban bố nhân hậu trước vì nhà Tùy đã bạo ngược. Thái Tông Hoàng đế thấy bức họa đồ ở Minh đường thì lập tức bỏ hình phạt đánh vào lưng. Việc làm của muôn thánh đều chuộng việc lấy đức dạy dỗ. Thế nên trong năm Thiên Bảo trộm cướp nổi lên liền bị diệt ngay. Đó là do sự giáo hóa của triều đình ta cảm được lòng người rất sâu.

Vua nói:

- Thật đúng như lời khanh nói.

Đức Dư biện luận rất giỏi, nêu bày ngọn ngành cổ kim để giác ngộ

nhân chủ. Ông làm phụ tướng rất mực hòa nhã, chẳng vì nên tỏ thanh danh, văn chương phong phú lại tao nhã. Đương thời những công khanh vương hầu, công lao chẳng ai như ông. Ông được sử sách lưu truyền. Dù hành động không ngoài sửa mình nhưng với sở học và tư cách cao vời thì tự nhiên ai nấy đều mến mộ. Giữa những năm Trinh Nguyên và Nguyên Hòa ông là một vị quan rất mẫu mực trong triều.

8. Bài ký về Thiền sư Thảo Y:

Có lần Đức Dư soạn Thảo Y Thiền sư Yến Tọa ký, trong ấy nói:

"Tín châu Nam nhạc có một nơi vắng lặng thanh tịnh, đó là nơi mà Thiền sư đang ở. Nguồn gốc quê quán của sư ở đâu, chẳng ai biết rõ. Hồi ấy trong châu này có người đi kiếm củi gặp sư giữa đồng hoang, một mình trơ trọi trong đám cỏ. Sư lớn lên trong châu này, rồi dời qua đất đó đến nay đã ba mươi năm rồi. Người trong châu chẳng biết tên họ là gì, bèn gọi sư là Thảo Y. Chân sư chẳng từng chạm đất, miệng chẳng nếm vị, chẳng kể ngày đêm, chẳng màng nóng lạnh, hằng sống trong cảnh tịch lặng, ngồi mãi trên sàng tòa. Muôn cảnh náo động thân sư chẳng động. Bên trong thì ba đời, năm uẩn theo vọng mà khởi, sau đó dùng hữu pháp quán sát mười hai nhân duyên, ngay nơi chánh trí chứng đắc chân thường chân ngã, đất tâm vắng lặng rỗng rang, thân và trí tuệ đều thanh tịnh, lời hay ý diệu tùy thời diễn nói, vượt qua muôn cảnh gần xa, tùy thuận căn cơ thượng hạ, như mưa rưới vạn vật, như gió quạt hư không, vượt qua cửa ngõ thâm nhập pháp môn. Nếu chẳng thấu tỏ cái vô tận của huyền cơ, chẳng thấu suốt ngọn nguồn của thật tướng, thì bốn mùa vây bủa bên ngoài, trăm bệnh phát khởi bên trong. Người xưa nói "Làm cho vật lìa người, mà tự tại đứng vững" Thiền sư chính là người này. Than ôi! Thế gian níu vật để trói tâm, tâm lưu chuyển trong vật vì thế mà lợi hại nổi lên, kiết hung xuất hiện, nó trói buộc níu kéo làm cho con người mờ mịt chẳng biết nẻo về. Đến lúc con người ngay trong động mà tìm lại tĩnh, ngay nơi tình mà tìm lại tánh, thì chết yểu, sống lâu, nhân từ, hẹp hòi đua nhau nổi lên. Đó là một trong những thuyết của Thế đế. Còn như đạo của Thiền sư, lẽ đâu chỉ nhỏ nhặt như vậy thôi sao.

Kiến Trung năm thứ hai, tôi làm quan ở Thượng Nhiêu, lúc ấy Tả ty Lang Thôi Công ra làm Quận Tả, là người tham cứu mối đạo của Thiền sư, ông ấy đã giảng giải tận tường cho tôi quét sạch bụi trần dẫn dắt khai hóa khiến tôi thấy được chính mình, diệu chỉ Lăng-nghiêm, mật dụng Tỳ Da thảy đều khai thị, nhưng ai biết rằng nơi đất thanh tịnh

này chẳng hề đi nơi khác thuyết pháp, thế nên viết lại những gì mình thấy nghe rồi khắc trên đá".

9. Vua hỏi Trừng Quán về pháp giới Hoa nghiêm:

Vua hỏi Quốc sư Trừng Quán:

- Những điều mà Hoa Nghiêm diễn thuyết sao gọi là Pháp giới?

Trừng Quán đáp:

- Pháp giới là thân tâm bản thể của tất cả chúng sinh. Từ xưa đến nay nó linh diệu rỗng rang bao la vắng lặng, chỉ là cảnh của Nhất chân mà thôi. Nó chẳng có hình dạng nhưng bao quát cả đại thiên, chẳng có biên tế nhưng hàm dung cả vạn hữu. Nó lồ lộ trong khoảng tâm mắt nhưng chẳng thấy được tướng, nó ngời ngời trong sắc trần nhưng chẳng phân được lý. Nếu chẳng phải người có con mắt trí tuệ xuyên suốt vạn pháp, chẳng có trí sáng lìa mọi niệm thì không thể nào thấy được tự tâm linh thông như thế này. Thế nên vừa mới thành đạo, Thế Tôn đã thốt lên:

"Kỳ lạ thay! Ta nay thấy khắp tất cả chúng sinh đều có đủ đức tướng trí tuệ của Như Lai, chỉ vì vọng niệm chấp trước nên không chứng đắc được".

Bấy giờ Phật ứng với tánh pháp giới, diễn thuyết kinh Hoa Nghiêm, toàn dung chân không mà giản trạch tình thức, sự lý đều viên dung, biến khắp mà vắng lặng.

Vua bẩm tính vốn thông tuệ, vừa nghe ngài giảng lý huyền bỗng nhiên tỉnh ngộ. Bấy giờ, vua sai Hữu ty sắm sửa lễ nghi, đúc lấy ấn tín, thỉnh Quốc sư thống lãnh Tăng chúng trong thiên hạ, phong hiệu là Tăng Thống Thanh Lương Quốc Sư.

10. Thiền giả Vô Trước vào Ngũ Đài sơn:

Thiền giả Vô Trước vào Ngũ Đài sơn cầu kiến Đại sĩ Văn-thù. Đến hang động Kim Cang, Sư đốt hương lễ lạy, nhắm mắt ngồi một lúc, bỗng nghe tiếng trâu rống, Sư liền mở mắt nhìn thấy một ông lão người miền núi diện mạo phi phàm đang dẫn trâu ra sông uống nước. Sư đứng dậy vái chào. Ông lão hỏi:

- Ông đến đây làm gì?

Sư đáp:

- Xin được gặp Đại sĩ Văn-thù.

- Chưa gặp Đại sĩ được, ông ăn cơm chưa?

- Chưa.

Ông lão dẫn trâu về, Sư nối gót theo sau, chốc lát họ vào một ngôi chùa, ông lão gọi:

- Quân Đề!

Bỗng một Đồng tử nghe tiếng gọi chạy ra nghênh đón. Ông lão buộc trâu xong, dẫn sư lên nhà trên. Ngôi nhà được làm toàn bằng vàng ngọc. Ông lão ngồi trên giường, chỉ một cái đôn gấm và bảo sư ngồi. Đồng tử bưng một chén bằng pha lê đựng đầy nước trông giống như sữa. Sư cảm tạ rồi cùng ông lão uống nước. Vừa uống xong sư bỗng thấy thân tâm khoang khoái lạ thường. Ông lão hỏi:

- Ông từ đâu đến đây?

Sư đáp:

- Phương Nam.

- Phật pháp ở phương Nam thế nào?

- Thời mạt pháp, Tỳ-kheo ít phụng trì Giới Luật.

- Tăng chúng nhiều ít?

- Có nơi ba trăm người, có nơi năm trăm người.

Sư hỏi:

- Thế Phật pháp ở đây thế nào?

Ông lão đáp:

- Rắn rồng lẫn lộn, phàm thánh đồng cư.

- Tăng chúng bao nhiêu?

- Trước ba ba, sau ba ba.

Thế rồi hai người nói chuyện đến tối. Sư muốn ở lại, ông lão không cho. Sư quyến luyến chẳng muốn đi, ông lão phất tay áo lớn tiếng bảo Đồng tử dẫn sư ra ngoài. Sư đành phải đi. Đi chưa bao xa, Sư hỏi Đồng tử:

- Đến chùa nào?

Đồng tử đáp:

- Chùa Bát-nhã.

Sư bỗng nhiên tỉnh ngộ biết ông lão chính là Văn-thù, nhưng đâu thể gặp lại, Sư liền đảnh lễ Đồng tử và xin chuyển lời tạm biệt. Đồng tử ẩn thân và ca rằng:

Mặt không sân là đồ cúng dường
Miệng không sân là nhả hương thơm
Tâm không sân mới là của quý
Chẳng dơ chẳng nhiễm là chân thường.

Từ đó sư thường chống tích lên Ngũ Đài, thường cùng Văn-thù luận đạo.

11. Vua thỉnh Thiền sư Hoài Uẩn trụ trì chùa Cư Thượng:

Vua hạ chiếu thỉnh Thiền sư Hoài Uẩn ở chùa Chương Kính, Kinh Triệu vào ở chùa Cư Thượng. Đồ chúng vân tập vô số. Sư dạy:

- Đạt lý thì quên lời, con người ta thường cứ chăm chăm thực hành việc đó rồi cho là công năng, mà chẳng biết tự tánh vốn chẳng có cảnh và xứ sở. Cửa ngõ đại giải thoát mầu nhiệm này vốn đầy đủ sáng suốt, chẳng nhiễm, chẳng ngại. Nó rõ ràng như vậy mà chưa từng dừng hay mất. Từ nhiều kiếp đến nay vốn không biến đổi. Như mặt trời chiếu khắp gần xa. Dù tiếp xúc muôn màu nhưng chẳng hòa hợp bất cứ thứ gì, diệu dụng sáng lòa chẳng nhờ tôi luyện. Do không liễu ngộ nên nhận lấy muôn vật. Đó chỉ là chạy theo cái lạ, vọng khởi hoa đốm, lao nhọc tự thân, uổng công nhiều kiếp. Nếu phản chiếu tự thân thì không có người thứ hai, thi thiết nên bày mà chẳng thiếu thật tướng.

12. Cư sĩ Bàng Uẩn:

Bàng Uẩn tự là Đạo Huyền, quê ở Hành Dương, gia thế chuyên về Nho học. Đầu năm Trinh Nguyên, ông đến yết kiến Hòa thượng Thạch Đầu, liền khế hợp huyền ngôn.

Một hôm Thạch Đầu hỏi:

- Từ khi gặp ta đến nay, hằng ngày ông làm việc gì?

Ông đáp:

- Nếu hỏi việc làm hằng ngày thì không có chỗ mở miệng, rồi trình bài kệ:

Việc hằng ngày không khác
Chỉ tôi tự hay biết
Muôn việc chẳng thủ xả
Mọi chỗ chớ trái bày
Đỏ tía ai làm hiệu
Núi gò dứt bụi trần
Thần thông và diệu dụng
Gánh nước và bửa củi.

Thạch Đầu hứa khả. Sau ông đến tham vấn Mã Tổ. Ông hỏi:

- Chẳng làm bạn với muôn pháp là người gì?

Mã Tổ đáp:

- Đợi ông hớp một hớp mà cạn nước ở Tây giang thì ta sẽ nói ông nghe.

Ngay câu nói này, ông liền đại ngộ. Từ đó ông nói năng lanh lợi, khắp nơi đều nghe tiếng. Ông rất thân với Thiền sư Đơn Hà.

Một hôm, ông đến thăm Hòa thượng Bá Linh. Giữa đường gặp Bá Linh, Bá Linh hỏi:

- Ngày xưa ông lãnh hội dưới câu nói của Thạch Đầu, ông đã nói cho người nào biết chưa?

- Nói rồi.

- Nói với ai?

Ông lấy tay chỉ ngay mình nói:

- Ông Bàng.

Bá Linh khen ông hết lời. Ông hỏi:

- Câu mà thầy lãnh hội có ai biết chưa?

Bá Linh liền đội nón đi. Ông nói:

- Thật là bạn tốt giữa đường.

Bá Linh đi thẳng chẳng ngoái đầu lại.

Ông đến thăm Hòa thượng Tấc Xuyên. Tấc Xuyên hỏi:

- Ông còn nhớ đạo lý hồi mới gặp Thạch Đầu không?

Ông đáp:

- Còn nhớ, sẽ cử lại cho thầy.

Xuyên nói:

- Tình nhớ dai, tham việc chậm.

- Thầy già rồi,không bằng ông Bàng.

- Hai người đồng thời, lẽ đâu chênh lệch.

- Ông Bàng khỏe mạnh hơn thầy nhiều.

- Không phải hơn ta mà chỉ là khác cái khăn bịt đầu.

- Thì giống thầy vậy.

Tấc Xuyên cười vang rồi thôi. Nhân lúc đang hái trà, ông hỏi:

- Pháp giới chẳng dung thân, thầy còn gặp tôi không?

- Không phải lão Tăng sợ trả lời ông.

- Có hỏi có đáp vẫn là tầm thường.

Xuyên vẫn hái trà không nghe. Ông nói:

- Đâu ngại đến đây dễ gì mượn hỏi.

Xuyên không quay lại, ông nói:

- Gã vô lễ nghi này, đợi nói rõ cả như người sáng mắt.

Xuyên liền ném giỏ trà rồi về phương trượng.

Ông đến thăm Hòa thượng Tùng Sơn, đang uống trà ông cử chuyện Thác tử rồi nói:

- Mỗi người đều có phần, vì sao không nói được?

Từng Sơn nói:

- Chỉ vì mỗi người có phần nên không nói được.

- Thế sao anh lại nói được?
- Không thể không nói.
- Rõ ràng, rõ ràng.

Tùng Sơn uống trà, ông hỏi:

- Anh uống trà sao chẳng mời khách?
- Mời ai?
- Ông Bàng.
- Cần gì phải mời.

Về sau Đơn Hà nghe được chuyện này nói: "Nếu chẳng phải cơ của Tùng Sơn chắc bị lão già đó làm ngất ngư một phen rồi".

Ông nghe được liền sai người chuyển lời đến Đơn Hà rằng: "Sao chẳng nắm lấy cái lúc chưa cử chuyện Thác Tử".

Ông tới thăm Hòa thượng Tề Phong, Phong hỏi:

- Tục nhân lặn lội đến Tăng xá tìm cái gì?

Ông quay đầu nhìn hai bên hỏi:

- Ai nói cái gì thế? Ai nói cái gì thế?

Tề Phong liền hét. Ông nói:

- Thì ra ở đây.
- Phải chăng là Đương Dương nói?

Ông đáp:

- Chỉ là sau lưng thôi.

Tề Phong quay đầu nói:

- Kìa! Kìa!

Ông nói:

- Giặc cỏ thua to.

Tề Phong không đáp.

Ông đến thăm Hòa thượng Thạch Lâm. Lâm dựng phất tử nói:

- Không rơi vào cơ Đơn Hà, thử nói một câu xem!

Ông giật ngay phất tử, đưa lên nắm đấm. Lâm nói:

- Đúng là cơ của Đơn Hà.
- Chẳng rơi vào cơ của tôi.
- Đơn Hà sợ câm, ông Bàng sợ điếc.
- Đúng vậy!

Hôm khác Thạch Lâm nói:

- Có người nhờ hỏi, Cư sĩ chớ tiếc lời.
- Xin cứ nói.
- Hóa ra là tiếc lời.
- Cái này là hỏi thăm, chẳng biết đã rơi vào tiện nghi của người

khác.

Thạch Lâm liền bịt tai, ông nói:

- Tác gia! Tác gia!

Một hôm Đơn Hà đến thăm ông, thấy con gái ông là Linh Chiếu đang nhặt rau. Đơn Hà hỏi:

- Cư sĩ có ở nhà không?

Linh Chiếu buông giỏ rau khoanh tay đứng.

Đơn Hà hỏi tiếp:

- Cư sĩ có ở nhà không?

Linh Chiều bèn xách giỏ đi.

Lúc ấy ông ở Tương Dương, hằng ngày Linh Chiếu chẻ tre bện sáo đem bán độ nhật qua ngày. Lúc sắp thị tịch, ông bảo Linh Chiếu xem mặt trời đúng ngọ thì vào báo. Linh Chiếu ra xem rồi vào thưa:- Mặt trời đã đúng ngọ, nhưng có nhật thực.

Ông đang ra xem mặt trời thì Linh Chiếu leo lên tòa của cha mình chấp tay kiết già thị tịch.

Ông vào xem thấy vậy cười nói:

- Con gái ta lẹ thiệt!

Thế rồi ông đành hoãn lại bảy ngày sau. Tương châu Mục Vu Công đến thăm ông, ông cười nói một lúc lâu, rồi quay lại nói với Vu công:

- Chỉ mong hãy rỗng rang với những thứ sỡ hữu, dè dặt chớ thấy thật với những cái sở vô, khéo ở thế gian giống như bóng vang.

Nói xong ông gác đầu trên gối Vu Công mà thị tịch.

13. Văn bia nói về công trạng của Hòa thượng Di-đà:

Vĩnh châu, Tư Mã Liễu Công Nguyên soạn văn bia cho Hòa thượng Di-đà, trong ấy nói:

“Vào thời Đại Tông có vị Tăng Pháp Chiếu làm Quốc sư. Pháp Chiếu nói thầy ông là Nam Nhạc Đại Trưởng lão có dị đức. Thiên tử hướng về Nam mà lễ lạy, những người được độ không sao kể hết, bèn gọi nơi ấy là Bát Chu đạo tràng, nhằm nêu cao ngôi vị của thầy mình. Hồi ấy ông ở trong một hang đá tại phía Tây Nam núi, người ta đem thức ăn đến thì ông ăn, không có thì ông ăn đất đá, rễ cây, áo quần cũng vậy. Dân buôn ở cực Nam từ đó tụ tập đến học. Có khi gặp ông ở hang núi, thân gầy mặt mày lem luốt đang vác củi, bọn họ cho là nô bộc rồi coi thường, hóa ra là ngài.

Phàm giáo hóa người, ngài thường đứng giữa đường mà tùy nghi

dạy họ. Về sau bị bệnh, ngài dạy họ chuyên niệm bằng cách viết trên vách đường hẻm, khắc trên hang đá. Ngài ra sức khuyến hóa dẫn dắt mọi người. Chẳng cầu mà đạo hoàn bị, chẳng nói mà vật tự thành. Ngài đốn cây chất đá, phủ vải, khéo léo dựng nhà nơi sườn núi, chẳng chống đỡ, chẳng đắp nền mà điện Phật vẫn đứng vững. Từ đó Đức Tông hạ chiếu cho dựng lại, lấy tên là chùa Di-đà.

Những vật thực dư ra ngài đều cho những người đói khác bệnh tật, chẳng phô trương công lao.

Hồi ấy, ngài thọ học với Đường Công ở thành đô, kế đến thọ học với Sần Công ở Tứ Xuyên, Sần Công thọ học với Nhẫn Công ở Đông sơn, những người đó đều là bậc cao đức. Ngài đến Kinh châu tham học với Chân Công ở Ngọc tuyền, Chân Công đem nguồn đạo Hành sơn truyền trao cho ngài, và ngài là bậc thượng thủ trong tông phái, có đến vạn người được ngài giáo hóa. Lúc đó Pháp Chiếu ở Lô sơn, từ trong chánh định xuất thần dạo qua Cực lạc, thấy có một người đắp y đứng hầu Phật. Phật bảo: "Đây là Thừa Viễn ở Hành sơn". Pháp Chiếu xuất định liền đến cầu học, ngài hứa khả cho Pháp Chiếu theo học. Về sau tông này hoằng truyền trong thiên hạ đều nhờ công của ngài. Ngài thị tịch tại chùa Di-đà vào ngày mười chín tháng bảy niên hiệu Trinh Nguyên thứ mười tám, thọ chín mươi mốt tuổi, Tăng lạp năm mươi sáu hạ, an táng ở sườn núi phía Nam chùa này. Văn bia được dựng bên phải cổng lớn. Bài minh viết:

Một luồng khí tràn thịnh vô cùng
Trên chẳng khởi đầu sau chẳng kết
Lìa nhưng lại hợp trệ nhưng thông
Trước sau hoặc khác há nay đồng
Hư vô hỗn độn đạo dung thông
Thánh nhân không vết bày chân giáo
Ngài bậc xuất chúng nghi dung đẹp
Địa vị cao vời rũ sạch không
Ăn mặc cỏ cây trú núi non
Hái lượm thức ăn đủ nuôi thân
Hình du vô cực cùng đại hùng
Thiên tử lễ lạy Tăng theo học
Bốn phương đua nhau đến cầu ngài
Phạm Vũ vừa dựng thành Linh cung
Mối đạo bắt đầu lan tỏa rộng
Đáp lời người học thấu chân tông

Đệ tử tiếp nối mạng mạch ngài
Vạn ức muôn nhân thảy chuộng ưa
Hình hài gởi lại bên sườn núi
Hiếu kính mãi truyền khắp dân gian.

Xin lập văn bia, lược ghi vài lời về dấu tích huyền diệu của sư".

14. Bài ký về Tịnh Độ viện ở Vĩnh châu:

Năm này viện Tịnh Độ ở Vĩnh châu được sửa xong, Tư mã Liễu Tông Nguyên viết bài ký:

"Cách Trung châu về phía Tây vài vạn dặm có một nước tên là Thân Độc, đó là nơi mà Phật Thích-ca Mâu-ni Như Lai thị hiện. Đức Phật ấy nói: "Từ đây đi về phương Tây qua mười vạn ức quốc độ có một thế giới tên là Cực lạc, Đức Phật đó hiệu là Vô Lượng Thọ Như Lai. Nước ấy không có ba độc tám nạn, cõi nước do các thứ báu làm thành. Người trong nước ấy không có mười triền chín não, cùng làm bạn với chư Thánh. Nếu có người thành tâm phát nguyện về cõi nước đó, khi niệm lực đầy đủ thì sẽ vãng sinh. Sau đó người này ra khỏi ba cõi, không còn thoái chuyển ở trong Phật đạo, lời này không hề hư dối."

Đời Tấn, Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô sơn làm bài ca về niệm Phật Tam-muội, khuyên mọi người thời đó niệm Phật cầu sinh. Sau đó Đại sư Trí Khải ở Thiên Thai soạn Thích Tịnh Độ Thập Nghị Luận nhằm hoằng dương giáo này. Bộ luận nhiệm mầu sâu kín, kẻ mê đều được lợi ích. Bởi vậy những người để lại điềm lạ rồi sinh về cõi ấy đông không kể xiết. Thứ sử Lý Thừa Chí và Tăng Pháp Lâm ở chùa Long hưng, Vĩnh châu dựng Tịnh độ đường ở phía Tây chùa này, họ thường tu tập pháp này. Đến nay đã hai mươi năm rồi, tường vách đã đổ nát, hình tượng cũng hư hoại. Hội Tốn Thượng nhân đang trụ trì tại đây và bắt đầu tu sửa lại. Thượng nhân là người hành trì tối thượng thừa, thấu tỏ đệ nhất ghĩa, thấu tỏ thể không, thấu tận sắc tướng mà lần tìm nguồn chân, thông cái giả hữu mượn cái vô danh mà thể nhập thật tướng, cảnh trí hòa hợp sự lý tương ưng. Thế nên cái nhân vãng sinh cũng phải dùng đến mà không thể bỏ. Ngài nguyện sửa lại chùa này để khai mở hậu học. Lại có thiện tín họa vẽ tượng Phật, thân tướng cức kỳ trang nghiêm. Nay Thứ sử Bằng Công dựng Tam quan để nêu cao địa vị của ngôi chùa. Tôi bèn kéo đến bốn cây cột tròn lớn để dựng nhà Đông, nhà Tây, họa vẽ tượng của hai Đại sĩ, thêu bảo cái tràng phan để trang nghiêm điện đường. Than ôi! Người cầu vô sinh mà sinh biết thuyền bè còn không. Thế rồi tôi đem Thập Nghị Luận của Thiên Thai viết lên

trên tường chùa, để người xem phát khởi tín tâm”.

15. Pháp sư Trí Biện thí thực được cảm ứng:

Pháp sư Trí Biện là bậc giải ngộ tuyệt luân, soạn rất nhiều bộ luận, thế nhưng ngài rất ít đồ chúng. Do vậy ngài bỏ pháp tòa về trụ tại chùa Hành nhạc. Mỗi lần xem những bộ luận mình soạn ngài đều than tiếc, cho rằng mình đạt được kiến giải như thế này mà chẳng gặp được tri âm. Hôm nọ bỗng có một vị tôn túc đến mượn những bộ luận của ngài đọc, rồi nói:

- Kiến giải ông rất cao, rất hợp với Phật, nay ít đồ chúng là do thiếu duyên với người. Phật còn không thể độ những kẻ không có duyên, huống gì là những người sơ tâm. Nếu bây giờ ông đem thức ăn bố thí cho chim thú, thì hai mươi năm nữa tất sẽ có chúng.

Nói xong bỗng nhiên vị tôn túc ấy ẩn thân đâu mất. Ngài liền làm đúng lời dạy, bán y, đơn đổi lấy lúa gạo nấu chín rồi rải khắp nơi, bỗng thấy bầy chim bay đến mổ ăn rồi bay đi. Ngài cầu nguyện:

“Những loài ăn cơm của ta xin ngày sau được là pháp lữ”.

Hai mươi năm sau, ngài qua Nghiệp thành khai hội giảng pháp, thính chúng dưới tòa đến hơn ngàn người và đều là những Tỳ-kheo rất trẻ.

16. Pháp sư Đạo Thọ hàng phục yêu thuật.

Pháp sư Đạo Thọ thị tịch trong năm này. Đầu tiên sư tham vấn đại sư Thần Tú và lãnh hội được yếu chỉ, Sư đến Thọ châu kết am tranh trên núi Tam Phong và ở đó. Hồi ấy có một người dân quê ăn mặc rất chất phác, nói năng rất dị thường, có lúc hóa hiện thân Phật, Bồ-tát, Thanh văn, thiên tiên... có khi phóng ánh sáng lạ, có lúc phát ra âm thanh lạ, trăm việc yêu huyễn như vậy. Đồ chúng của sư thường bị khiếp sợ, nhưng chẳng ai biết nguyên nhân. Như vậy đến mười năm, người ấy mới ẩn tích không thấy đâu nữa. Sư nói với chúng:

- Gã dã nhân ấy quyền biến vô lượng điềm quái huyễn hoặc mọi người là muốn tiêu diệt cái chẳng nghe chẳng thấy của lão tăng. Những thứ huyễn hoặc rồi cũng cùng tận, còn cái chẳng thấy chẳng nghe của ta vô tận.

Từ đó xa gần nghe tiếng tăm của sư không ai là không thán phục. Đó gọi là thấy quái mà chẳng quái thì quái ấy tự diệt vậy.

Năm này Ngô Nguyên Tế làm phản, chống lại quan quân.

17. Thiền sư Bá Trượng Hoài Hải:

Tháng giêng năm này Thiền sư Bá Trượng Hoài Hải thị tịch, thọ chín mươi lăm tuổi. Sư quê ở Trường Lạc, Phước châu. Xuất gia từ thuở nhỏ, học thông cả tam học, theo Mã Tổ xiển hóa ở Giang Tây. Sư chuyên tâm hầu hạ, cùng Thiền sư Trí Tạng Tây Đường là những đệ tử nhập thất. Hồi ấy môn hạ của Mã Tổ đến cả trăm ngàn, hai vị này là bậc thượng thủ trong chúng. Đến khi Mã Tổ thị tịch, Sư qua ở tại núi Bá Trượng, Tân Ngô. Chưa đầy một tháng, nhưng chúng học bốn phương kéo đến đông nghẹt. Dù tuổi hạ cao nhưng làm việc hay nghỉ ngơi cũng bình đẳng như đại chúng. Sư từng nói:

- Một ngày không làm thì một ngày không ăn.

Có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là pháp môn đốn ngộ Đại thừa?

Sư nói:

- Trước tiên ông phải đoạn sạch muôn duyên, dứt sạch muôn việc, tất cả các pháp như thiện, bất thiện thế gian, xuất thế gian, chớ ghi nhớ, chớ duyên niệm, buông bỏ thân tâm khiến nó tự tại. Tâm như gỗ đá không có phân biệt, không có chỗ đi. Đất tâm rỗng rang thì mặt trời trí tuệ tự hiện như mây tan thì mặt trời xuất hiện, đó gọi là người giải thoát.

Đối với tất cả cảnh, tâm không tĩnh không loạn, không thâu nhiếp không phân tán, đối với tất cả sắc không có ngưng trệ chướng ngại, phải quấy tốt xấu, đúng lý, phi lý, thấu biết hết sạch không bị trói buộc, nơi nơi đeu tự tại, đó gọi là Bồ-tát mới phát tâm, liền lên Phật địa.

Nếu tâm dơ sạch đã hết, chẳng trụ trong ràng buộc, chẳng trụ trong giải thoát, không bị tất cả các pháp hữu vi, vô vi trói buộc hay giải thoát, tâm lượng bình đẳng, ở trong sinh tử nhưng tâm này tự tại rốt ráo, không hòa hợp với trần lao hư huyễn uẩn, giới, sinh tử, các thứ nhập, siêu nhiên không nương tựa, tất cả không ràng buộc, đi ở đều không ngại, qua lại trong sinh tử tự tại như của mở. Nếu gặp các thứ khổ vui, những việc không vừa ý, tâm không thoái lui, chẳng nhớ nghĩ danh lợi áo cơm, chẳng tham công đức lợi ích, chẳng bị các pháp thế gian ngăn ngại, tâm tuy nhận khổ vui nhưng chẳng hề luyến mến, ăn uống đạm bạc cốt nuôi sống thân, mặc áo chắp vá để khỏi phải lạnh, ngơ ngơ như ngu như điếc, sẽ được ít phần tương ưng.

Ở trong sinh tử mà muốn học rộng biết nhiều, cầu phước cầu trí đối với thật lý thật là vô ích, liền bị ngọn gió hiểu biết thổi trôi dạt trở lại trong biển sinh tử. Phật là người không mong cầu, hễ cầu tức trái

lý, lý này là lý không cầu, hễ cầu thì lý liền mất. Nếu không chấp cầu, lại đồng với có cầu, pháp này không hư không thật. Nếu hay phát khởi được tâm như gỗ đá, thì không bị ấm, giới, ngũ dục, bát phong thổi trôi trầm nịch, cái nhân sinh tử liền dứt, đi ở đều tự do.

Tăng hỏi:

- Như nay thọ giới thân tâm thanh tịnh, lại làm đủ các việc thiện, có được giải thoát không?

Sư đáp:

- Giải thoát ít phần chứ chưa được tâm giải thoát.

Tăng hỏi:

- Thế nào là tâm giải thoát?

Sư đáp:

- Chẳng cầu Phật, chẳng cầu trí giải, tình thức dơ sạch đoạn tận, không chấp tâm không cầu là đúng, chẳng trụ chỗ hết đó, cũng chẳng sợ khổ nơi địa ngục, chẳng ham vui nơi thiên đường, không câu chấp tất cả pháp mới được gọi là vô ngại giải thoát.

Ông chớ cho rằng được chút phần giới, chút ít thiện mà cho là xong, có hằng sa pháp môn giới, định, tuệ vô lậu mà chưa dính một mảy trần. Ông hãy cố gắng dõng mãnh lên đừng đợi đến lúc tai điếc, mắt mờ, đầu bạc, mặt nhăn, già khổ đến thân, mắt thường rơi lệ, buồn thảm triền miên, chẳng biết đi đâu. Đến lúc ấy muốn nghiêm chỉnh tay chân cũng không làm được, dù có phước trí đa văn cũng không xài được, đó là vì duyên niệm các cảnh, không biết phản chiếu, chẳng thấy Phật đạo. Tất cả ác nghiệp tác tạo trong một đời đều hiện ngay trước mắt, tham luyến cảnh đẹp, tùy tâm tham luyến mà thọ sinh trở lại, chẳng có mảy may tự do, làm rồng làm súc sinh, làm kẻ tốt, người xấu, trọn chưa định được.

Tăng hỏi:

- Thế nào là được tự do?

Sư đáp:

- Như nay đối với ngũ dục, bát phong, trong lòng không thủ xả, dơ sạch đều quên, như mặt trời mặt trăng trong hư không, không duyên mà chiếu, cũng như con voi chúa cắt ngang dòng nước mà qua, chẳng bị ngăn ngại. Người như thế này thiên đường hay địa ngục cũng không thể giữ chân họ được.

Phàm học kinh xem giáo lý, đều phải uyển chuyển xoay ngược vào chính mnình. Tất cả ngôn giáo chỉ là làm sáng tỏ tánh giác hiện có của mình, không bị tất cả cảnh của các pháp có, không... lưu chuyển

thì gọi là Đạo sư. Chiếu phá tất cả cảnh của các pháp có không ấy thì gọi là Kim Cang. Như vậy tất có phần tự do tự tại. Nếu không được như vậy, thì giả sử tụng được mười hai phần giáo cũng chỉ thành Tăng thượng mạn, trái lại là kẻ hủy báng Phật, không phải người tu hành. Đọc kinh xem giáo nếu chuẩn theo thế gian là ham việc thiện, nếu so đo với người sáng lý là người bế tắc. Không lên nổi Thập địa thì lưu nhập vào biển sinh tử, chẳng cần tìm cầu kiến giải, ngôn ngữ, cú nghĩa lìa tất cả các pháp có không vượt ngoài ba câu (có, không, chẳng có chẳng không) thì tự nhiên cùng Phật không khác. Đã là Phật rồi thì lo gì Phật không hiểu ngôn ngữ, chỉ sợ không phải là Phật, bị tất cả các pháp có không lưu chuyển chẳng được tự do. Vì vậy khi chưa vững lý mà có trước phước trí, tất bị phước trí kéo đi, như kẻ nghèo nay được giàu sang. Đâu bằng lập vững lý trước, sau đó mới được phước trí. Nếu lúc cần thiết thì liền làm chủ được, nắm đất thành vàng, biến nước biển thành tô lạc, đập núi Tu-di thành bụi nhỏ, từ một nghĩa làm thành vô lượng nghĩa, từ vô lượng nghĩa làm thành một nghĩa.

Mỗi lần giảng pháp xong, đại chúng đi ra, Sư liền gọi, đại chúng quay đầu lại, Sư hỏi:

- Là cái gì?

Học nhân thường rất chú tâm đến câu nói này của Sư.

Sư cho rằng từ Thiếu Thất đến Tào Khê, Thiền tông phần đông ở trong chùa Luật, thuyết pháp trụ trì chưa có thanh quy. Sư có ý muốn lập riêng một thanh quy cho Thiền tông. Người nào đủ đạo nhãn, có đức cao được gọi là Trưởng lão. Đã làm Hóa chủ thì phải ở phương trượng, không lập điện Phật chỉ dựng pháp đường nhằm nêu cao sự truyền thọ yếu chỉ của Phật, Tổ. Học chúng không kể nhiều ít, không phân cao thấp. Khi vào Tăng đường thì căn cứ theo tuổi hạ mà ngồi theo thứ lớp. Sư đặt trường liên sàng, đặt giá mắc y áo, đạo cụ vật dụng, nằm phải nằm nghiêng gối lên đầu giường. Người ngồi thiền ngồi lâu có thể tạm được nghỉ ngơi. Trừ những lúc nhập thất tham vấn, những học nhân siêng năng hay giãi đãi cũng không sao. Hoặc ở trên hay ở dưới không câu thúc theo chuẩn mực thông thường. Đại chúng sáng tham thiền, chiều nhóm chúng, Trưởng lão thượng đường thăng tòa, chủ sự đồ chúng đều đứng lắng nghe, chủ khách đàm luận nêu tỏ tông yếu, hai bữa cơm cháo phải chia đều cho chúng, hoặc đi lao động thì trên dưới đều ra sức như nhau. Sư đặt ra mười việc trong liêu xá, mỗi việc cử một người đứng đầu quản lý các việc, khiến ai nấy đều làm đúng phận sự. Nếu có kẻ mượn danh trà trộn trong chúng cùng đặt ra những điều làm náo loạn chúng

Tăng, thì Duy na phải kiểm xét chỉ ra, rút phép quải tháp, đuổi ra khỏi viện. Nếu người đó phạm thanh quy, phải bị đánh bằng trụ trượng nhóm chúng đốt hết y bát vật dụng, đuổi ra theo cổng phụ để họ biết sỉ nhục. Thanh quy thiền môn đại loại như vậy.

Về sau tùng lâm ngày một thịnh, các bậc tông sư đương thời dựa vào đó mở rộng thêm ra đến nay có thể nói Bộ Thiền Uyên Thanh Quy rất hoàn bị.

18. Văn bia nói về công trạng của Luật sư Đại Minh:

Năm này, Hà Đông Liễu Tử Hậu soạn văn bia cho Luật sư Đại Minh ở Nam nhạc. Trong ấy nói:

"Nho lấy lễ lập nhân nghĩa, không có lễ thì bại hoại. Phật lấy Luật giữ định tuệ, bỏ Luật thì tan rã. Thế nên, người ta bỏ lễ mà lập nhân nghĩa thì không được coi là Nho. Người bỏ Luật mà tìm định, tuệ thì không được xem là Phật. Người thấu tỏ mối đạo này chỉ có Luật sư Đại Minh.

Sư họ Âu Dương, hiệu là Tuệ Khai, sinh vào năm Khai Nguyên năm thứ hai mươi mốt, đời Đường, xuất gia năm Thiên Bảo htứ mười một. Đại Lịch năm thứ mười một sư đăng đàn làm Đại Luật sư. Sư thị tịch vào ngày mười bốn tháng mười một năm Trinh Nguyên thứ mười lăm. Tháng giêng năm Nguyên Hòa thứ chín, đệ tử sư là Hoài Tín, Đạo Tung, Ni Vô Nhiễm... thỉnh Cao Tăng Linh Tự soạn hành trạng, nêu lại việc làm của sư xin khắc vào bia này. Nguồn tông xuyên suốt nay được nêu vài lời. Trước kia sư làm quan, gia thế ở Đàm châu, là gia tộc lớn, tước vị cao sang nhưng sư không làm quan mà làm Đại cao Tăng. Đạo Phật suy vi, đồ chúng ít giữ Luật, phế bỏ kinh, Sư rất lo sợ. Bấy giờ sư theo từ người giỏi đến người dốt để nghiên cứu giới Luật. Nhờ vậy mà đại pháp được trùng hưng, lại theo đủ bậc cao minh để học thông kinh giáo, nhờ vậy mà diệu nghĩa được trùng hưng. Từ đó Giáo và Luật sáng tỏ rõ ràng, hậu học không còn nghi ngờ nữa, người đến cầu học thảy đều lợi ích.

Quảng Đức năm thứ ba sư mới dựng chùa Đại Minh ở Hành sơn. Vua hạ chiếu tuyển chọn hai mươi mốt người ở chùa này, Sư là người thượng thủ.

Càn Nguyên năm thứ ba, vua hạ chiếu lập Tỳ Ni tạng tại Hành sơn, thỉnh bảy Luật sư, Sư cũng có trong số đó. Y phục vật dụng của sư đều đúng phép tắc, nói năng đi đứng đều làm mẫu mực cho người. Học chúng thân cận có đến vài trăm, những người được xuống tóc truyền

giới có đến vài vạn. Chúng đông nhưng ngài không lấy làm mãn ý, địa vị cao nhưng rất nhún nhường, tối nhưng rực rỡ, hạn hẹp nhưng bao la. Mênh mông thay! Không gì hơn thế nữa."

Tháp của sư ở nền phía Tây ngọn Chúc Dung, bia được dựng phía Đông tháp. Trong ấy viết:

"Nho nhờ Lễ mà thịnh, Phật nhờ Luật mà hưng, chỉ về nguồn chân, không có Đại Tiểu. Luật của sư Đại Minh là định là tuệ, bao quát kinh giáo là pháp xuất thế, độ người vô lượng, ban phước vô cùng, vua hạ chiếu tôn là bậc thạc đức, uy nghi vượt bậc, đạo trải nơi nơi, đức âm còn mãi. Phía Tây Chúc Dung, phía Nam Động Đình, bia vàng ghi lời để lại ngàn năm".

Tử Hậu lại viết trong bia:

"Phàm an táng Đại cao Tăng không đào mộ huyệt lại không dựng bia. Thế nhưng xưa kia theo lễ Công thất được dùng bia, sau đó con cháu làm theo mà không bỏ, ghi lại đức hạnh lưu truyền mãi cho hậu thế. Đến đời Tần được khắc vào đá, gọi đó là Công Đức hay còn gọi là Bia. Từ đó thịnh hành phong tục này. Thế nên dù là Cao tăng cũng phải nên dựng bi. Phàm an táng Đại cao Tăng, do đồ chúng đông, nên có thể đồ chúng soạn văn bia. Đời Tống, Tấn chuộng pháp, nên văn bia thường nói về pháp. Đời Lương chuộng Thiền, nên văn bia phần nhiều nói về Thiền. Lúc pháp chưa tỏa khắp, Thiền chưa cực thịnh nhưng Luật tồn tại, thế nên những đời gần đây, văn bia phần nhiều thiên về Luật. Xưa nay an táng Đại cao Tăng, chưa từng có Tỳ-kheo-ni nào đứng ra soạn văn bia. Nay Ni Vô Nhiễm thật tâm rơi lệ thỉnh cầu, lòng thành kiên cố và có thể nói bà cũng là người tài đức hoàn bị, nên cho dựng soạn văn bia".

Trong hai mươi hai năm làm Luật chủ, những người như Tể tướng Tề Công Ánh, Lý Công Bí, Triệu Công Cảnh, Thượng thư Tào Vương Cao, Bùi Công Trụ, Thị lang lệnh Cô Công Hoàn, có người sư làm thầy họ, có người sư làm bạn họ, họ cùng nghe sư giảng đại nghĩa nguyện làm đệ tử.

Lại nữa lúc còn nhỏ, Sư mộng thấy Đại nhân đội mũ the, mang giầy trắng đến nói với sư:

- Làm đạo ta rạng rỡ ở Nam nhạc chính là ông.

Về sau quả nhiên đúng như vậy. Trong đêm sư sắp lâm chung, trong thất có quang minh, lại nghe tiếng khánh, tiêu. Đại chúng đều nghe thấy. Những điềm như vậy hiện ra rất nhiều.

Những gì Nho gia không đề cập đến nhưng vô nhiễm ân cần xin

được ghi, thế nên tôi viết vào phần cuối văn bia. Vô Nhiễm họ Vi, gia thế vinh hiển, nay làm người đứng đầu giới pháp ở Hành sơn.

19. Văn bia về việc Mã Tổng xin vua ban thụy cho Lục tổ:

Kinh lược Nam Hải là Mã Tổng cho rằng Lục tổ Tào Khê chưa có thụy hiệu, nên ông tâu với thiên tử, thiên tử liền ban cho Tổ thụy là Đại Giám. Mã Tổng bèn sai Hà Nam Liễu Tông Nguyên soạn văn bia ghi lại việc này. Trong ấy ghi:

"Phù Phong Công Liêm hỏi về việc Lĩnh nam Lục tổ chưa có thụy hiệu, bèn dâng sớ tâu về triều, thiên tử ban cho Tổ thụy là Đại Giám Thiền sư, tháp hiệu là Linh Chiếu. Ngày mười ba tháng mươi niên hiệu Nguyên Hòa thứ mười, vua sai Thượng thư Từ Bộ Phù đến đô phủ, Phong Công sai Bộ lại Kỵ châu Tư Công Cứ cáo đọc trước tháp. Tràng phan bảo cái, chuông trống, chúng Tăng chật cả hang núi, người người đều tụ hội, chấn động cả quỷ thần. Hôm ấy có đến hơn ngàn học giả, ai nấy đều hân hoan tưởng chừng như sư tái sinh, họ cảm động rơi nước mắt, bùi ngùi mến mộ như sư mới thị tịch.

Văn bia ghi tiếp:

"Từ khi có sinh vật thì sự đấu tranh tương tàn nổi lên làm bại hoại bản chất. Con người làm trái luân thường chẳng ai chịu tìm về cội nguồn ban sơ. Khổng Tử không có ngôi cao, mất đi vẫn còn di huấn cho đời, lại nêu cao Mặc Gia, Hoàng Lão. Từ đó đạo giáo ông ấy lan rộng phồn vinh rồi Phật giáo ta mới xuất hiện. Ngay trong cách ly mà tìm về cội nguồn, đó gọi là sinh sôi nhưng lại tĩnh lặng. Nhà Lương thích làm việc hữu vi, từ đó Không tông của Đại sư Đạt-ma càng biểu lộ rất rõ. Đại sư truyền đến đời thứ sáu, người thừa đương là Đại Giám. Ban đầu Đại Giám cần khổ cầu học Ngũ tổ, dưới một lời nói thì hoát nhiên tỏ ngộ, được truyền trao y bát, ẩn trốn ở Nam Hải mà chẳng ai hay biết. Năm thứ mười sáu, cơ duyên hóa độ đã đến, Sư bèn trụ ở Tào Khê làm Đạo sư của muôn người, thường có ngàn người đến đây cầu học. Đạo của sư lấy vô vi làm hữu, lấy rỗng rang làm thật, lấy cái rộng lớn vô biên làm nơi quy thú. Giáo pháp của sư chủ trương tánh con người vốn thiện, rốt cuộc vẫn là thiện chẳng nhờ tôi luyện, tánh ấy vốn tĩnh lặng. Trung Tông nghe danh sư liền sai thị thần đến thỉnh nhưng sư không vào triều, giữ vững mối đạo, khai mở tâm tông. Những lời dạy bảo của sư hiện nay còn đủ, lưu hành khắp thiên hạ.

Nói đến Thiền đều phát xuất từ Tào Khê. Đại sư thị tịch khoảng một trăm lẻ sáu năm, những người quảng bá tâm tông nổi tiếng trong

thiên hạ có đến mười mấy người không thể kể tên hết được. Mãi đến nay mới bẩm báo việc này với thiên tử và được thiên tử ban cho Đại thụy. Đó là việc làm ủng hộ đạo ta, lẽ đâu không làm chăng."

Phong Công khi được trưng dụng, ban đầu rất chú trọng đến Nho gia, giữ Kiền châu, An nam. Đại Man Di trong nước cho đến dân Thân Độc phía Tây thường theo đường biển đến nghe lệnh đều nhờ ân đức của ông. Ông nhận cờ xí ấn tiết đến trấn giữ vùng Nam Hải, chinh phục rất nhiều quốc gia khác. Ông chẳng giết, chẳng nổi giận nhưng ai nấy đều khiếp sợ không dám làm loạn. Tự khắc bản thân, lòng nhân sáng lạng, không kém gì Đại Giám, xưa nay ít ai được như ông.

Học trò của ông dời bia đá về triều, sứ đến niêm từ vào văn bia. Trong ấy ghi:

Đạt-ma lồng lộng
Truyền Phật diễn tâm
Sáu đời nối truyền
Cho đến Đại Giám
Cần lao chuyên trì
Trọn thâm nhập sâu
Lãnh thọ y bát
Ẩn tại Hoài Âm
Khai mở đạo mầu
Ở tại Tào Khê
Ở trong tạp nhạp
Chí khí càng cao
Toàn nêu mối huyền
Toàn khen đạo lớn
Tánh thiện xưa nay
Vật nào cũng có
Bôn ba toan tính
Thú hướng trăm đường
Chẳng nghĩ càng loạn
Chẳng tỉnh càng mê
Đại sư phản quan
Giữ mình trong sạch
Chẳng trồng gốc rễ
Chẳng xới cây non
Dung thông trong ngoài
Tinh ròng thông suốt

Thời vua Trung Tông
Thỉnh vào triều nội
Từ chối lệnh vua
Tiêu diêu ngoài đời
Mất hơn trăm năm
Chưa có thụy hiệu
Nhờ Phù Phong công
Trình lên thiên tử
Sau đó Thượng thư
Thuật lại hành trạng
Trời Nam sáng lại
Giáo pháp phục hưng
Đồ chúng muôn ức
Vui buồn lẫn lộn.

Đạo pháp của sư bao trùm thiên hạ. Đến Phù Phong Công, Phong Công thường đề cao thiên tử, do đó thiên tử rất vui, thường ngợi khen ông. Đến như Hải Di cũng có tháp của Sư. Sư đem tâm nhân từ truyền giáo, Phong Công cũng dùng từ tâm mà thể hội. Lời văn khắc trong bia đá trọn đời không phai.

Đời Tống năm Thiệu Hưng thứ hai, Cư sĩ Đông Pha ngang qua Tào Khê, có ghi lại rằng:

"Thích-ca dùng văn nghĩa dạy người, giáo nghĩa được dịch ở Trung Quốc hầu hết mượn chữ nghĩa của Nho gia để trình bày, dần dần rộng khắp. Vì vậy các kinh Đại thừa như Thủ-lăng-nghiêm sở dĩ khúc chiết, uyên thâm, thù thắng, nổi bậc là nhờ Phòng Dung bút thọ. Liễu Tử Hậu vân du về Nam mới bắt đầu nghiên cứu Phật pháp, viết các văn bia như Tào Khê, Nam nhạc. Đó đều là những áng văn tuyệt tác xưa nay. Thế nhưng Nam Hoa mãi đến ngày nay vẫn không được khắc đá. Trưởng lão Trùng Biện là người thông cả Nho, Thích, học hạnh lại cao vời. Ông ấy cho rằng từ đời Đường đến nay, những người thuật công hạnh chư Tổ rất nhiều nhưng chưa có ai thông sách sử như Tử Hậu. Bởi vì suy đến tận gốc thì những lời ấy hợp với Mạnh Kha. Như vậy không khiến học giả thấy là thuộc ngay sao được. Do đó ông muốn khắc hết vào đá nhờ tôi viết mấy dòng này."

20. Đặng Ẩn Phong ở Ngũ Đài: (Bính Thân)

Thiền sư Ẩn Phong từ Hoành nhạc đi Ngũ Đài. Đến đất Hoài, Sư gặp phải Ngô Nguyên Tế án binh ở Tề châu nhằm chống lại triều đình.

Quan binh và giặc loạn đang giao đấu nhau chưa phân thắng thua. Sư nghĩ ta phải cứu nạn này. Thế rồi sư vung tích trượng lên hư không, phi thân bay qua. Tướng sĩ hai bên trông thấy kinh ngạc, dứt tâm đấu tranh. Nhờ đó quan binh triều đình thắng trận.

Sư họ Đặng, thuở nhỏ như người đần độn, cha mẹ cho sư xuất gia. Sau khi thọ Cụ túc, Sư đến tham vấn Mã Tổ. Dưới lời của Tổ sư liền khế nhập tông chỉ.

Một hôm sư đang đẩy xe, Tổ ngồi duỗi chân giữa đường. Sư thưa:

- Thỉnh thầy rút chân.

Tổ nói:

- Đã duỗi thì không rút.

Sư nói:

- Đã tiến thì không lùi.

Thế là sư đẩy xe qua luôn cán chân Mã Tổ bị thương. Về pháp đường, Tổ cầm cái rìu hỏi:

- Người nào vừa rồi đẩy xe làm bị thương chân Lão tăng, bước ra đây mau!

Sư liền bước ra trước tổ ngửa cổ chờ chém. Tổ bèn cất rìu.

Về sau sư vân du khắp nơi. Đến đâu sư cũng để lại những việc kỳ lạ. Chơi trò thần dị lâu ngày, Sư sợ sẽ mê hoặc người khác, nên muốn vào động Kim Cang ở Đài sơn thị tịch. Trước khi thị tịch sư hỏi chúng:

- Ta thấy các vị tiền bối khi tịch ngồi có, nằm có, thế có ai đứng tịch chưa?

Chúng đáp:

- Có.

- Có ai lộn ngược mà tịch chưa?

Chúng đáp:

- Chưa từng có.

Sư bèn lộn ngược rồi thị tịch, nhưng y áo vẫn nguyên vẹn như đứng bình thường. Chúng muốn đặt thi thể vào áo quan để trà-tỳ nhưng xô hoài chẳng ngã. Dân chúng xa gần đua nhau đến lễ lạy trầm trồ. Sư có người em gái xuất gia làm Ni cũng có mặt ở đó. Cô ấy đến bên sư rồi trách:

- Anh ngày thường náo động bốn phương chẳng tuân phép tắc, nay chết lại còn làm trò mê hoặc người khác.

Trách xong, cô lấy tay xô thân sư liền ngã xuống. Chúng đem nhục thân trà-tỳ thâu lấy xá-lợi dựng tháp trên Ngũ Đài.

21. Thiền sư Quy Tông Trí Thường:

Mắt sư có hai đồng tử, Sư dùng thuốc đắp lên. Giâu lâu mở ra vành mắt có màu đỏ. Từ đó người ta gọi sư là Thức Nhãn Quy Tông.

Giang châu Thứ sử Lý Bột có lần hỏi Sư:

- Trong kinh nói Tu-di chứa hạt cải, thì bột này không nghi còn nói hạt cải chứ Tu-di, có phải nói dối không?

Sư gạn lại:

- Người ta đồn Sử quân đọc hết muôn quyển sách phải không?

- Đúng vậy.

- Từ đầu đến chân chỉ lớn bằng cây dừa nhỏ, muôn quyển sách ấy để chỗ nào?

Lý Bột cúi đầu lặng thinh, Bột hỏi tiếp:

- Cả một đại tạng kinh thấu tỏ được việc gì?

Sư đưa nắm đấm rồi hỏi:

- Hiểu không?

- Không hiểu.

- Đưa một nắm đấm mà cũng không hiểu.

- Xin thầy chỉ rõ.

- Hiểu thì giữa đường tiếp nhận, không hiểu thì trầm luân trong dòng đời.

Có lần sư khai thị chúng:

"Các bậc Cổ đức xưa kia không phải chẳng hiểu biết. Họ là bậc cao sĩ không giống kẻ tầm thường. Người thời nay không thể tự thành tự lập, để ngày giờ trôi qua vô ích. Các ông chớ dụng tâm bậy bạ, không ai thế được các ông, lại cũng không có chỗ để các ông dụng tâm. Chớ tìm cầu ở người khác. Từ trước chỉ nương người khác mà hiểu, nói năng đều kẹt, ánh sáng không lọt qua được là do trước mắt các ông có vật cản."

Có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là huyền chỉ?

- Không ai hiểu được.

- Trước đây thì thế nào?

- Có trước đây tức sai.

- Lẽ đâu không có đường để người học vào sao?

- Quán Âm sức trí diệu, hay cứu khổ thế gian!

- Thế nào là sức trí diệu của Quán Âm?

Sư gõ lên đầu ba cái rồi hỏi:

- Ông nghe không?

- Nghe.

- Sao ta chẳng nghe!

Tăng không đáp được. Sư cầm gậy đuổi ra.

Hôm khác sư thượng đường nói:

- Hôm nay ta muốn giảng thiền, các ông hãy lại gần đây.

Đại chúng tiến đến gần sư nói:

- Ông nghe hạnh Quán Âm, khéo ứng khắp nơi chốn.

Tăng hỏi:

- Thế nào là hạnh Quán Âm?

Sư liền khảy móng tay hỏi:

- Các ông nghe không?

- Nghe.

Sư nói:

- Cả bọn tìm cái gì trong ấy?

Sư cầm gậy đuổi ra, cười vang rồi trở về phương trượng.

Sư thị tịch, có một Hiền giả đọc bài tán trước tượng sư rằng:

Tri kiến đâu cao gì
Che mắt tránh trời thôi
Hồi quan rửa tai người
Ngàn năm không hổ thẹn.

22. Thị giả Bố Mao Hội Thông:

Ngô Nguyên Khanh là người thông minh xuất chúng, Hiến Tông rất thích ông. Một hôm ở trong cung Chiêu Dương, thấy hoa cỏ xanh thơm, ông bèn đi dạo thưởng ngoạn. Bỗng nghe trong hư không có tiếng nói:

"Tướng hư huyễn còn mất không dừng, hay hủy hoại thiện căn, nhân giả chớ mê đắm".

Nguyên Khanh nghe xong chợt bừng tỉnh, lập chí xuất gia.

Hôm nọ, ông cùng vua dạo chơi trong cung, vua hỏi:

- Sao khanh không vui?

Ông đáp:

- Thần từ nhỏ không ăn mặn, lập chí xuất gia.

Vua nói:

- Trẫm xem khanh như anh em, nếu khanh muốn làm quan giàu sang hơn người thì ta chấp thuận, còn như muốn xuất gia thì không được.

Mười ngày sau, thấy mặt ông hốc hác vua thương tình bảo:

- Thôi, theo nguyện vọng của khanh, hãy chọn ngày rồi đến bẩm

tấu.

Nguyên Khanh chịu ân, lạy tạ vua. Vừa lúc ấy có người cùng quê đến báo mẹ ông bị bệnh. Nguyên Khanh xin vua về săn sóc mẹ. Vua tặng phẩm vật rất hậu và đưa ông ra bến đò. Nguyên Khanh về đến nhà gặp ngay Pháp sư Thao Quang kéo ông đến yết kiến Thiền sư Điểu Khòa. Ông thưa:

- Lên bảy tuổi con ăn chay, mười một tuổi thọ ngũ giới, đến nay đã hai mươi hai tuổi rồi. Vì muốn xuất gia nên con từ quan. Mong Hòa thượng độ con làm Tăng.

Điểu Khòa nói:

- Hiện nay chư Tăng ít có người cần khổ tu hành phần đông chỉ lợi dụng tướng Tăng thôi.

Nguyên Khanh thưa:

- Vốn sạch thì chẳng cần lau chùi, nguồn sáng không thể tự chiếu được.

- Nếu ông thấy được tịnh trí vi diệu, viên dung, thể vốn rỗng rang vắng lặng, thì đã là chân thật xuất gia rồi mượn tướng bên ngoài làm gì. Ông nên làm Bồ-tát tại gia giữ giới bố thí như bọn Tôn, Hứa đi!

- Lý tuy như thế, nhưng không phải bổn nguyện của con, mong Hòa thượng thâu nhận, con nguyện sẽ theo lời thầy dạy.

Nguyên Khanh xin ba lần nhưng Thiền sư vẫn không hứa khả. Thao Quang liền xin thay:

- Ông ấy tuy làm sứ trong cung nhưng chưa từng có vợ, cũng không muốn nuôi thị nữ, nếu Thiền sư không thâu nhận, thì ai có thể độ ông ấy.

Thiền sư Điểu Khòa liền nhận ông, xuống tóc và cho thọ Cụ túc đặt pháp hiệu là Hội Thông.

Nguyên Khanh ngày đêm tinh tấn tụng kinh, tu An ban Tam-muội. Bỗng một hôm ông quyết từ giã thầy đi du phương.

Điểu Khòa hỏi:

- Ông định đi đâu?

- Hội Thông vì Phật pháp mà xuất gia, nhờ Hòa thượng từ bi chỉ dạy, nay muốn du phương học Phật pháp.

Điểu Khoa rút sợi chỉ trong thân ra thổi một cái. Hội Thông ngay đó tỏ ngộ huyền chỉ. Thời bấy giờ người ta gọi ông là Thị giả Bố Mao.

23. Pháp sư Trọng Tốn được Trung Thừa mời đến nhà:

Từ Sương Tây, Pháp sư Trọng Tốn được thúc phụ là Trung Thừa

mời đến nhà. Lúc đi, Liễu Tử Hậu tặng ông mấy lời rằng:

"Có người hỏi Tông Nguyên:

- Hay thật! Ông có được Tốn thượng nhân, thế đạo quả ông ấy thế nào? Tông Nguyên đáp:

- Từ nhỏ tôi học Phật, đã ba mươi năm cầu cái đạo của ông ấy. Những điều thế gian nói ít có ai thông. Ở Linh lăng chỉ riêng mình tôi tiếp nhận được. Vả lại lời Phật nói tôi cũng không thể không nghe. Những gì còn trên đời chỉ có trong sách ấy, nếu không tìm trong cuốn sách đó thì chẳng bao giờ có được những lời như thế. Vả lại lời nói vốn bất khả đắc, huống gì là lý ư? Nay là thượng nhân thì đọc hết sách đó, thấy được lời đó mà hiểu được ý đó. Suy cho cùng dù đọc vạn lời mà không phiền; xét cho khắp thì lập một mớ từ nhưng chẳng sót. So với việc phân tích từ chương, đề cao danh tự của thế gian, lời lẽ nếu đến chỗ tận cùng thì mênh mông nhưng lại thất thủ. Biện luận dẫu có nhiều tuy kẹt nhưng lại còn. Như vậy chẳng phải xa ư? Theo thấy biết của tôi, những người giỏi nói Phật pháp trên thế gian này đối với tôi thì có sư Tuệ Thành, ở đất Kinh thì có sư Hải Vân, ở phía Nam đất Sở thì có sư Trọng Tốn. Lời của thầy còn thì Phật đạo không xa. Sư Tuệ Thành thì đã mất, người nói đến Phật thời nay lại càng ít. Họ là những người từ Nho gia mà thông Phật pháp. Trịnh Trung Thư đến Mạnh Thường Châu, Trung Thư thấy Thượng nhân cầm cuốn kinh do thầy trao cho, mà nói:

- Ta thấu đạt được Trung đạo.

Thường Châu nói:

- Từ Phật pháp mà có được chút phần đấy thôi, đó là nhờ thầy bạn chỉ dạy.

Nay Liên Suý Trung Thừa sắm đủ ghe thuyền tới đón, lại sửa sang nhà nghỉ mà đợi, là muốn cái đạo của ông ấy được lan truyền khắp nơi. Lẽ đâu đó là việc vô ích sao.

Trung Thừa là người ngay thẳng thanh cao, nghiêm khắc; Trung Thư là người giỏi biện bác; Thường Châu là người thông đạt mà vẫn còn trọng cái đạo của ông ấy, huống gì tôi chỉ là một người mù mờ.

Phàm mọi người hòa thuận là do đại nhân chủ xướng. Cuối mạn Nam của Động Đình là Nam Hải, nơi ấy sông nước mênh mông, người cầu đạo chiếm hết nửa thiên hạ. Hễ khởi xướng thì lan rộng đến nơi xa, đó là việc nên làm. Được vậy thì những người hòa thuận ấy dẫu nằm dưới mồ cũng bị kinh động mà không thể nằm yên".

Thế là bộ sách ấy từ đó được đổi thành "Bài Tựa Nói Về Việc Tốn Thượng Nhân Được Thúc Phụ Là Trung Thừa Mời Đến Nhà".

24. Mã Lang Phụ ở Thiểm hữu:

Không ai biết Mã Lang Phụ xuất thân từ đâu. Hồi ấy nhà Đường mới thịnh, Phật pháp rất thịnh hành, nhưng vùng Thiểm hữu còn tập tục người nữ cưỡi ngựa bắn cung. Tính tình con người ở đây dữ ngầm, thích đấu đá. Họ nghe nhiều đến Tam bảo nhưng chẳng biết Phật pháp vốn là thiện đạo. Phụ thương họ là những ngươi ngu muội bèn muốn đến đó.

Người ta thấy một thiếu phụ chưa chồng con, phong độ phi phàm, dung nhan kiều diễm lại không có thị vệ, nô tỳ đi theo nên ai cũng muốn kết thân. Phụ nói:

- Ta vốn không còn cha mẹ, anh em cũng ít. Ta cũng muốn có nơi gởi phận nhưng không thích người giàu sang mà chỉ thích trang nam tử thông minh tài giỏi tụng thuộc bản kinh mà ta đang cầm đây. Được vậy thì ta xin theo hầu hạ người đó.

Có rất nhiều chàng thanh niên muốn thi thố. Phụ bèn trao cho họ phẩm Phổ Môn và nói:

- Chỉ một đêm, người nào đọc thuộc ta sẽ làm vợ người đó.

Đến sáng hôm sau có đến hơn hai mươi người đọc thuộc. Phụ nói:

- Ta thân gái một mình, gia thế lại có lễ nghi, mình ta không thể lấy ngần người ấy được. Thôi thì đọc thuộc kinh khác.

Thế rồi Mã Lang Phụ lại trao cho họ bản kinh Kim Cang Bát-nhã và cũng giao hẹn y như trước. Sáng hôm sau cũng có đến hơn mười người đọc thuộc. Phụ lại trao cho họ bộ kinh Pháp Hoa gồm bảy quyển, giao hẹn trong ba ngày phải đọc thuộc. Lần này nếu ai đọc thuộc nàng nhất định kết hôn với người đó. Đến ngày hẹn chỉ có một người họ Mã đọc thuộc. Mã Lang Phụ nói:

- Chàng là người giỏi hơn mọi người, nhưng phải thưa với cha mẹ chàng đem lễ vật đến làm mối cưới xin, sau đó mình mới thành thân được. Bởi vì danh tiết của con người lẽ đâu như bọn tạp nhạp không biết tự trọng sao!

Anh chàng họ Mã đồng ý, sắm đủ lễ vật đến đọn vợ. Vừa đến người vợ này bảo rằng:

- Vừa rồi đón tiếp khách khứa trong người không được sạch sẽ chàng hãy về phòng đợi, thiếp tắm rửa xong hai ta vui vầy cũng không muộn mà!

Anh chàng họ Mã vui vẻ về phòng mình ngồi đợi. Nhưng khách khứa chưa về hết thì Mã Lang Phụ mệnh chung. Vừa chết thì thân xác tan hoại, người chồng chẳng hiểu tại sao, đành đào huyệt an táng.

Mấy ngày sau, có vị lão Tăng mặc ca sa, diện mạo phi phàm, chống tích tìm đến, tự nói mình là người thân của cô gái đó, rồi đến nhà anh họ Mã ấy tìm hiểu nguyên do. Anh chàng họ Mã bèn dẫn vị Tăng đến nơi chôn vợ, người ta đi theo xem rất đông. Vị Tăng dùng tích trượng khai quật ngôi mộ thì thấy thi thể cô gái ấy đã tiêu hoại, duy chỉ còn lại đốt xương dính với nhau như cái khóa bằng vàng. Vị Tăng hốt xương ra sông rửa, treo trên đầu tích trượng rồi nói với mọi người:

"Đây là Thánh nhân vì thương các người vốn nghiệp chướng sâu dày, ái căn trói buộc nên đến đây hóa độ. Các ngươi nên làm điều thiện để khỏi đọa trong biển khổ."

Nói xong, bỗng nhiên vị Tăng phi thân lên hư không mà đi. Mọi người trông thấy rơi lệ lễ bái. Từ đó ở Thiểm hữu có rất nhiều người thờ Phật, toàn nhờ sự giáo hóa của Mã Lang Phụ (vợ anh chàng họ Mã)

25. Văn bia nói về công trạng của Luật sư Thượng Hoằng:

Năm này, Luật sư Thượng Hoằng trụ trì chùa Cảnh Vân ở Phủ châu thị tịch. Tư mã Giang châu là Bạch Cư Dị viết văn bia rằng:

"Mùa xuân năm Nguyên Hòa thứ mười một, chư Tăng chùa Đông Lâm, Lô sơn như: Đạo Thâm, Hoài Túng, Như Kiến, Xúng Khế... cả thảy hai mươi người, cùng hơn ngàn Cư sĩ khác cầm một tờ hành trạng của cố Đại đức chùa Cảnh Vân là Hoằng Công, cùng mười vạn đồng đến Tầm dương nhờ Tư mã Bạch Cư Dị soạn văn bia cho Tôn sư. Gặp lúc Cư Dị có việc nên không soạn được.

Mùa hạ năm thứ mười hai làm mộ xong, lại đến nhờ, lần này Bạch Cư Dị bị bệnh nên cũng không soạn được. Mùa đông năm thứ mười ba, dựng tháp xong lại đến nhờ tiếp, lần này Cư Dị mới soạn được. Sau đó chư Tăng về lại núi, mọi người ai về làng nấy tiền cũng trả lại cho chùa. Sáng hôm sau, văn bia soạn xong. Năm sau thì dựng bia. Văn bia viết: "Tôi nghe thiên đức của Thiên Trúc tìm được pháp xuất thế. Pháp ấy chủ yếu có ba là giới, định, tuệ. Giới sinh định, định sinh tuệ, tuệ sinh tám mươi bốn ngàn pháp môn. Ba pháp ấy hỗ dụng lẫn nhau. Nếu theo thứ lớp thì định là nhân của tuệ, giới là gốc của định. Gốc đã trồng thi cành lá mới sum suê. Nhân đã gieo thì tất có quả trĩu. Không có nhân mà muốn trĩu quả, chẳng khác nào là quả trong mộng. Không có gốc mà muốn sum suê cũng giống như nhóm cây non. Tuy Phật dùng Nhất thiết chủng trí để nhiếp hóa ba cõi, nhưng đều lấy giới làm đầu. Bồ-tát dùng sáu độ Ba-la-mật giáo hóa bốn loài nhưng không bỏ Luật. Cái dụng của Luật có thể nghĩ bàn hay không nghĩ bàn. Trong mười Đại đệ tử của

Như Lai, Ưu-ba-ly là người trì Luật nổi tiếng. Ưu-ba-ly diệt độ có Đại sư Nam sơn kế thừa. Nam sơn tịch có Đại sư Cảnh Vân tiếp nối.

Sư húy là Thượng Hoằng, họ Nhiêu, Tằng tổ là Quân Nhã, Tổ là Công Duyệt, thân phụ là Tri Cung. Sư quê ở thành Nam, Lâm Xuyên. Từ nhỏ đã là người hiểu biết, mười lăm tuổi đã phát tâm xuất gia. Ban đầu theo cậu mình thế phát, lớn lên có tính tự lập. Năm hai mươi lăm tuổi, Sư lập nguyện Bồ-đề theo Luật sư Nam Nhạc Đại Viên thọ Cụ túc. Từ đó tâm đam mê Phật pháp phát sinh. Thế là trong năm Đại Lịch, Sư từ giã cha mẹ, quê hương để tu học tại chùa Cảnh Vân trong châu này. Ứng với tinh thần vô sở trụ, nên trong năm Trinh Nguyên sư lìa ngã, ngã sở dời qua ở tại chùa Long hưng thuộc Hồng châu và giảng pháp. Cần phải thân gần Thiện tri thức, nên sư thường giao du với năm Trưởng lão là Khuông Sơn Pháp Chân, Thiên Thai Linh Hựu, kinh Môn Pháp Duệ, Hưng Quả Thần Thấu, Kiến Xương Tuệ Tiến. Phải đem Phật pháp gởi gấm cho vua tôi nên sư thân thiện với Khương Tướng Quốc Công Phụ Nhan Thái Sư Chân Khanh, Bổn Đạo Liêm Phỏng Sứ, Dương Quân Bằng,Vi Quân Đan.Muốn nêu cao giới cấm nên sư giảng Tứ Phần Luật, từ đó chúng Tăng làm thiện tránh ác nhiều vô kể. Vì tùy thuận hóa duyên, nên sư làm đường đầu giới đàn Cam lồ giáo hóa suốt hai mươi năm, gánh vác đại sự. Vì vậy cả thảy mười tám hội diễn kinh thuyết giới hóa độ chúng sinh, thiện nam tín nữ được sư giáo hóa đến mười lăm ngàn năm trăm bảy mươi hai người. Đến lúc thị hiện vô thường, nên ngày mười một năm Nguyên Hòa thứ mười, Sư thị tịch tại tinh xá Đông Lâm. Để chứng tỏ thị tịch có nơi gởi thân, nên tháng Bính Dần học chúng đưa nhục thân sư về phần mộ ở Nam cương. Sư thọ bảy mươi bảy tuổi, hạ lạp sáu mươi lăm. Từ sống đến chết sư thường tùy nghi giáo hóa, đi đứng nói nín đều hợp với Phật sự.

Phàm ban cho người hậu hĩ thì ân tình của họ đối với ta cũng sâu dày, vì vậy học chúng, muôn dân đền ơn sư thật không kể hết. Chẳng hạn, họ trồng tùng quanh mộ thành rừng, đẽo đá làm tháp, dưới tháp có bia, trong bia có bài minh ghi rằng:

Sau Phật diệt độ
Hương mầu xông khắp
Đề hồ chảy tràn
Ai ngửi được hương
Ai nếm được vị
Đại sư Cảnh Vân
Đại sư một đời

Làm thân Tỳ-kheo
Trung hưng Tỳ Ni
Đại sư diệt độ
Chúng ngưỡng vong ai
Pháp nương vào ai?
Xưa Cảnh Vân đến
Người học đạo theo
Người nhập thất về
Nay đại sư mất
Thượng đường thì nhớ
Người nhập thất buồn
Phía Tây núi Lô
Phía Nam Hổ khê
Tháp đá sừng sững
Người ghi việc này
Dùng lời chân thật
Khắc trong bia tháp.

26. Thiền sư Nguyên Hạo Của Thiên Thai tông: (Mậu Tuất)

Năm Nguyên Hòa thứ mười ba, Thiền sư Nguyên Hạo thị tịch. Sư là người hoằng dương giáo quán Thiên Thai. Hàn lâm Lương Túc có lần thỉnh sư soạn Niết-bàn Kinh Sớ, Sư hứa khả. Đêm ấy sư thấy mộng lạ, vui vì điềm lành ứng hiện, Sư liền hạ bút tự thuật lại sở chứng. Đại loại rằng:

"Tôi nghe Tiên Giác nói: Đại bảo lan rộng rỡ ràng mà chẳng đổi thay, đó gọi là thường tại. Gởi trên vải lụa, thư tịch, đó là Giáo. Những bậc xuất sĩ biết rồi giáo hóa lập tông, thị gọi là Hạnh. Giao cảm lòng người cùng tột thì gọi là Chứng. Thế nhưng phải lấy đạo hạnh nêu cao một đời, phải lấy pháp tánh dung hòa vận số. Ngay lúc tiếp vật phải nêu bày được cái tối đồng với cái sáng, xiển dương giáo hóa, tự tha đều xán lạn, phải truyền bá Phật danh, nghiên tầm giáo pháp, một lòng hòa hợp. Bốn đức ấy đầy đủ, rỡ ràng thì mới thật sống trong Diệu thể, thay đổi muôn nhà, quán khắp muôn hạnh. Người dựa trên kinh điển mà tu, góp công tích đức mà thành, thì mới thật lại dựa vào Bổn tông, tin rồi mới trao khắp cho mọi người. Người thấu tỏ công cực, lấy diệu chỉ, diệu cơ làm nền tảng cho tương lai thì mới đích thật sống trong diệu dụng. Người thâu tóm muôn lý huyền, lập thành lời huấn thị, giáo hóa mười phương, ai nấy đều quy thuận mới thật sự là người sống trong diệu giáo".

Có người bàn nên đem sớ của sư so với Vương Phụ Tự thì dễ nhưng đem so với Hoa Nghiêm Sớ của ngài Thanh Lương thì cần phải cân nhắc lại.

27. Vua xuống chiếu nghinh đón xương Phật, Hàn Dũ dâng biểu bài xích Phật:

Tháng giêng năm này vua hạ chiếu nghênh đón xương Phật từ chùa Phụng Tường, Pháp môn vào Kinh sư. Vua ngự ở An Phước môn nghinh bái, giữ lại trong thành nội ba ngày để lễ lạy, sau đó nghinh đến các chùa. Vương công, dân chúng đều tranh nhau theo lễ lạy. Dọc đường cho thiết đủ lễ nghi của Phật giáo, trỗi nhạc Thái Thường, Trường an, Vạn Niên để nghinh thỉnh. Hành bộ Thị lang Hàn Dũ dâng biểu tâu:

"Phật giáo là một trong những pháp của Di Địch, lưu nhập vào Trung Quốc từ thời Hậu Hán chứ trước nữa chưa từng có. Xưa Hoàng đế ở ngôi một trăm năm, thọ đến một trăm hai mươi tuổi. Thiếu Hạo ở ngôi tám mươi năm, thọ một trăm tuổi. Hiên Viên ở ngôi bảy mươi chín năm, thọ chín mươi tám tuổi. Đế Khốc ở ngôi bảy mươi năm, thọ một trăm lẻ năm tuổi. Đế Nghiêu ở ngôi chín mươi tám năm, thọ một trăm mười tám tuổi. Đế Thuấn và vua Vũ cũng thọ đến một trăm tuổi. Hồi ấy thiên hạ thái bình, bá tánh an vui, sống lâu, như Trung Quốc không hề có Phật. Sau đó vua Thang thọ một trăm tuổi, cháu vua Thang là Thái Tuất ở ngôi bảy mươi lăm năm. Vũ Đinh ở ngôi năm mươi chín năm, sách sử không nói họ sống bao lâu. Nếu tính về tuổi thọ, chắc họ sống không dưới trăm tuổi. Chu Văn Vương thọ chín mươi bảy tuổi, Vũ Vương thọ chín mươi ba tuổi. Mục Vương trị vì trăm năm, hồi ấy Phật pháp cũng chưa truyền vào Trung Quốc, đâu phải do thờ Phật mà được như vậy.

Thời Hán Minh Đế mới có Phật pháp. Minh đế ở ngôi mới mười tám năm thì bị loạn mà chết, kế đó vận nước cũng không lâu bền. Từ Tống, Tề, Lương, Trần, Ngụy về sau thờ Phật càng hăng, vận nước càng giảm. Chỉ có Lương Vũ Đế trị vì được bốn mươi tám năm, cả thảy ba lần xuất gia thờ Phật. Việc tế tự tông miếu không dùng thịt cá, cả ngày chỉ ăn một bữa lại chỉ ăn với rau dưa, về sau bị Hầu Cảnh bức tử phải chết đói ở Đài thành, vận nước cũng bị diệt vong. Thờ Phật cầu phước đâu không thấy, trái lại càng gặp phải tai ương. Từ đó mà xét, đủ thấy Phật không đáng tin.

Cao Tổ khi mới nhận ngôi từ nhà Tùy liền bàn nên trừ khử Phật, giáo. Nhưng đương thời quần thần thấy biết cạn cợt nên không thể hiểu

sâu cái đạo của Tiên vương. Xưa nay, thường xiển dương những điều sáng suốt để cứu cái tệ cho đời, nhưng việc này thì không tiến hành, thần rất hận trong lòng. Cúi mong Bệ hạ là bậc thánh minh hãy minh xét. Mấy ngàn năm lại đây chưa hề có luân thường nào tồi tệ như thế.

Khi mới lên ngôi, bệ hạ không cho nhân dân cạo đầu làm Tăng Ni, không cho Đạo sĩ dựng tự quán riêng, lúc ấy thần nghĩ rằng, sở nguyện Cao tổ sẽ được bệ hạ thực hành. Nay nếu chưa làm thì bệ hạ hãy làm ngay đi. Lẽ đâu lại dung túng họ ngày càng đông nhiều thêm ư? Nay bệ hạ lại sai bọn Tăng ấy nghênh đón xương Phật từ Phụng Tường vào Đại nội, bản thân thì ngự trên lầu nhìn xem, lại sai các chùa thay nhau cúng dường. Thần tuy ngu muội nhưng biết chắc bệ hạ không bị mê hoặc bởi Phật giáo, làm những việc cầu phước tộ như thế, mà đó chỉ là muốn năm thịnh người vui, nên thuận theo lòng người từ kinh thành đến muôn dân mà bày trò vui tai vui mắt thế thôi. Lẽ đâu bậc minh quân sáng suốt lại chịu tin những việc nhảm nhí thế sao? Thế nhưng trăm họ ngu muội dễ bị mê hoặc mà không biết, nếu thấy bệ hạ làm như vậy, họ sẽ bảo đó là thật tâm tin Phật và họ sẽ nói rằng: Thiên tử là một bậc đại thánh mà còn một lòng tin theo, trăm họ chúng ta là phận hèn mọn lẽ đâu lại tiếc thân mạng với Phật pháp ư? Thế rồi dẫn đến có trăm người chấm đầu đốt tay, cúng áo vãi tiền từ sáng đến tối. Cứ theo đà này sợ rằng về sau già trẻ cứ bôn ba mà bỏ cả công ăn việc làm. Nếu không ngăn cấm ngay, để đến lúc các chùa khác tất sẽ có người chặt tay, bằm thân để cúng dường, làm thương phong bại tục, bốn phương sẽ chê cười, ấy đâu phải việc nhỏ.

Phật vốn là người Di Địch không thông ngôn ngữ Trung Quốc, y phục lại chẳng giống. Miệng không nói phép tắc của tiên vương, thân không mặc pháp phục của tiên vương, chẳng biết lễ nghĩa vua tôi, chẳng biết thâm tình cha con, giả sử ông ấy còn sống, phụng chiếu đi sứ nước ta, thì bệ hạ cứ bình thản mà tiếp, nhưng chỉ nêu một việc chánh sự, bày một tiệc chủ khách, ban cho ông ấy một thị vệ rồi đuổi ra khỏi nước, chớ để ông ta mê hoặc mọi người. Huống gì ông ấy đã chết lâu rồi, miếng xương khô mục ấy chẳng qua thứ thối tha còn sót lại, sao lại đưa vào cung cấm?

Khổng Tử nói: Kính quỷ thần mà xa lánh họ.

Ngày xưa, chư hầu đến điếu tang nước đó, đều sai bọn đồng cốt dùng nước thơm tẩy uế trước, sau đó mới vào viếng. Nay vô cớ nhặt lấy vật dơ uế ấy, rồi bệ hạ còn đích thân đến xem, mà trước tiên không sai bọn đồng cốt dùng nước thơm tẩy uế. Quần thần không nói cái sai,

Ngự sử không nêu cái lỗi, thần thấy thật xấu hổ. Xin bệ hạ vứt xương ấy xuống sông hoặc vất trong lò lửa để tuyệt trừ gốc rễ, chặt đứt mối nghi của thiên hạ, chấm dứt sự mê hoặc cho đời sau, khiến người trong thiên hạ biết được việc làm của bậc đại thánh siêu việt những chuyện tầm thường nhảm nhí. Nếu Phật có linh hay ban phước giáng họa thì cứ đổ hết mọi tai ương, tội lỗi lên đầu thần đi. Mong Thánh thượng minh xét, thần không hề oán hận”.

Tờ biểu tới tay vua, xem xong vua nổi giận cầm tờ biểu đưa cho Tể tướng, định Dũ tội chết. Bọn Bùi Độ Thôi xin thay:

- Dũ nói năng ngỗ ngược, tội đáng muôn chết, nhưng nếu trong lòng không tận trung thì đâu thể can ngăn đến thế, xin bệ hạ khoan dung, để sau này có người đến kiện tụng, can gián.

Vua nói:

- Hàn Dũ nói ta thờ Phật thái quá, còn có thể dung tha. Còn như bảo rằng, từ Đông Hán phụng Phật về sau thiên tử đều chết sớm, chẳng phải trù ẻo, chân chọc ta đó sao? Hàn Dũ là hạng bề tôi mà dám ngông cuồng, quên thân phận của mình đến thế ư?

Bấy giờ Vương tôn, cựu thần đều khẩn thiết xin cho Hàn Dũ. Vua bèn đuổi Hàn Dũ ra làm Thứ sử Triều châu.

28. Thứ sử Triều châu là Hàn Dũ gặp và biện luận với Thiền sư Đại Điên:

Năm Nguyên Hòa thứ mười bốn, Thứ sử Triều châu là Hàn Dũ vừa đến nhậm chức liền dâng biểu tạ ơn vua, xin vua phong cho mình vùng Thái sơn ở phía Đông, nhưng chờ hoài vẫn không thấy vua trả lời. Một lần Dũ đến cúng thần ở vùng biển này, lên Linh sơn gặp Thiền sư Đại Điên. Đại Điên hỏi Dũ:

- Ta nghe nói, ông đến làm quan phía Nam này là do thẳng thắn can gián vua, nay thấy vẻ mặt của ông u uất, dường như có điều không vui là sao vậy?

Dũ đáp:

- Dũ này được trọng dụng ở triều, hưởng lộc vua rất hậu, chỉ vì lời nói tận trung không được vua dùng nên phải mất chức Hình bộ thị lang, bị đày đến vùng biển xa xôi đến tám ngàn dặm thế này. Lúc trèo núi vượt biển, vợ con đều chết cả, đến được Triều Dương, sóng gió hãi hùng, cá kình uy hiếp, họa hoạn khôn lường, sương gió khí độc ngày đêm vây bức. Từ nhỏ Dũ vốn nhiều bệnh, tóc bạc răng rụng, nay lại lo phía trước là đất không người, không biết sinh sống ra sao. Lúc tôi mới

đến, dọc đường có ghé miếu Quảng Lăng cầu đảo, may ra được chết cho hết lo. Đối với chúa thượng, Dũ này có công trung hưng, tôi cũng đã tấu về việc đó, mong được thần minh mách bảo chúa thượng đi tuần Thái sơn để tôi có dịp báo ân Hàng thiên. Nếu được vậy thì mới mong chúa thượng sai tôi làm thi ca thuật lại công lao, rồi cúng tế tôi ở miếu nơi biển ải này. Dũ tôi sớm tối đợi tin nhưng chờ hoài chẳng thấy, trong lòng nôn nao muốn quay về ngay, thử hỏi tôi làm sao vui được.

Đại Điên nói:

- Ông thẳng thắn can gián trong triều là trung với vua mà quên mình hay là vì bản thân nói bừa để bại hoại thanh danh? Nếu trung với vua mà quên mình thì những lời lẽ ấy vua dùng thì vinh hoa, nếu không lọt tai vua tất bị đày, được chức vị thế này mà ông còn không vừa lòng sao? Còn như bản thân mình nói càn, nếu vua dùng thì ông được tiếng là tận trung, ngay thẳng, hưởng vinh hoa; nếu vua không nghe tất bị đuổi. Đó cũng là việc tất nhiên. Nếu trung mà bị đuổi chẳng nói làm gì. Vả lại tôi nghe nói: Bề tôi không chọn đất để yên thân, không làm việc vì trọng thế lực, nay ông bị đuổi mà không vui, xu thời để tìm tiếng khen, lẽ đâu chẳng phải là bề tôi tốt? Hơn nữa việc sống chết họa phước của ông chẳng phải là treo trên trời xanh đó ư? Ông hãy tự sửa mình bên trong, bên ngoài phải tuân lệnh vua đi. Miếu ở Quảng Lăng có thể ban phước cho ông chăng? Nay chúa thượng là người kế mệnh trời, đâu rảnh để phạt tội bọn gian thần ăn bám đất nước, đút lót ào ào, giết người đầy đồng, chỉ có thể gắng chịu vì ung nhọt chưa bể ra. Ngay lúc này mà ông lại muốn phong tước báo công để chấn động thiên hạ, cái chính là muốn quay về, lẽ đâu không nhẫn chịu được ư? Hơn nữa, đến đường cùng, lòng rối bời lại cúng tế quỷ thần, đó là không biết số mệnh, muốn lẫy lừng thiên hạ, chưa kịp nhìn lại thì việc đã rồi, là không biết Nhân. Nói càn để làm kẻ ngu trung, kết quả phải mất chức, khốn đốn là không biết Nghĩa. Dùng cái loạn để trị nước rồi dám báo với hoàng thiên là không biết Lễ. Thế ông đã làm gì đến nỗi bị phế truất, việc ấy thế nào ông nói lại xem.

Dũ nó:

- Chúa thượng đón xương Phật từ Phụng Tường vào đại nội, Dũ này cho rằng Phật chỉ là một trong những giáo pháp của Di Địch, mới lưu nhập Trung Quốc từ thời Hậu Hán, chứ trước đó chưa từng có. Ngày xưa thời Hoàng đế Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Vũ thiên hạ không có Phật, nhờ vậy mà ngôi vua, tuổi thọ của họ lâu dài. Thời Tấn, Tống, Lương, Ngụy dốc lòng thờ Phật nhưng đời nào cũng ngắn ngủi mà lại

loạn. Dũ này sợ chúa thượng bị mê hoặc bởi Phật nên chẳng tiếc thân ra sức bài xích.

Đại Điên nói:

- Nếu vậy thì ông hồ đồ quá rồi. Phật là Đại Thánh làm chủ cả trời người. Cái đạo ấy thấu tỏ muôn vật mà lập ngôn, ngôn giáo của đạo Phật xuyên suốt đến lý thâm sâu của tính mệnh. Giáo pháp ấy khuyên người bỏ ác làm lành, bỏ ngụy về chân, gần gũi với thiên hạ như cha đối với con. Ấy vậy mà ông hủy báng thì chẳng khác nào con cầm dao giết cha.

Ta từng nghe: Người khéo nhìn người khác phải xem cái đạo của họ còn hay mất, chứ không phải so sánh nơi họ sống. Vua như Kiệt, Trụ, bề tôi như Chích, Cước đều là người Trung Quốc nhưng không thể làm theo vì họ vô đạo. Thuấn sinh ở Đông di, Văn Vương sinh ở Tây di, Do Dư sinh ở đất Nhụng, Quý Trát sinh ở đất Man, hai thánh quân, hai hiền thần ấy lẽ đâu ông cũng cho rằng họ Di Địch, không bắt chước theo chăng? Nay ông không xem đạo của Phật mà chỉ cho là Di Địch, không phải hồ đồ thì là gì? Ông cho rằng thời thượng cổ chưa có Phật mà không bắt chước theo chăng? Vậy thì Khổng Tử, Mạnh Kha sinh vào thời Suy Chu; Xi Vưu, Cổ Tẩu sinh trong thời thượng cổ, lẽ đâu ông bỏ hiền thánh thời suy Châu mà học theo cái hung tàn của thời thượng cổ? Ông cho rằng thời Ngũ đế, Tam vương chưa có Phật nên trường thọ, vậy thì Ngoại Bính ở ngôi hai năm, Trọng Nhâm trị vì bốn năm, không phải chết yểu thì là cái gì? Ông cho rằng từ Hán đến Trần, nhân chủ đều chết yểu và loạn lạc, vậy thì Hán Minh đế là anh chủ một thời, Lương Vũ đế thọ đến tám mươi sáu tuổi lẽ đâu đó cũng là chết yểu và loạn lạc chăng?

Dũ phất tay áo giận dữ nói:

- Người mà ông gọi là Phật ấy, miệng chẳng phep tắc của tiên vương, mà lại hô hào bậy bạ những thuyết luân hồi sống chết. Thân không có nhân, nghĩa, trung, tín mà dối trá tạo ra những việc phước họa báo ứng, không có cái nghĩa vua tôi, không có tình cha con. Sử đồ chúng của mình không cày mà có cơm ăn, không dệt mà có áo mặc, lại còn hủy hoại của đạo tiên vương, Dũ này sao có thể làm thinh mà không phản bác được?

Đại Điên nói:

- Quá lắm rồi! Ông chẳng hiểu tí gì cả. Có người trọn ngày đếm tới mười mà chẳng biết hai nhân năm bằng mấy, người ta tất cho anh ta là gã điên. Ông trọn ngày nói đến nhân, nghĩa, trung, tín nhưng lại

chẳng biết Phật nói thường, lạc, ngã, tịnh có nghĩa là gì. Thật ra ông đâu khác gã điên kia, chỉ khác là không đếm tới mười, nhưng lại chẳng biết hai nhân năm bằng mấy. Ông kể rằng từng đọc thuộc sách Phật, vậy điều mà ông nghi ngờ có khác gì phép tắc của tiên vương chăng? Ông nói ra thử xem!

Dũ đáp:

- Tôi đâu rảnh để đọc sách Phật.

Đại Điên nói:

- Ông chưa từng đọc sách Phật làm sao biết sách ấy không nói đến phép tắc của tiên vương. E rằng ông có lần đọc sách của Khổng Tử rồi nghi sách Phật sai lầm phải không? Giả sử có người cho rằng sai ông cũng bảo rằng sai chăng? Nếu ông chỉ đọc sách của Khổng Tử rồi nghi sách Phật nhảm nhí thì đó chẳng khác chuyện "Con chó của vua Thuấn". Nghe người ta nói sai mình cũng cho là sai, thì đó chẳng khác câu chuyện "Hai mẹ con".

"Xưa kia vua Thuấn nuôi một con chó, hằng ngày nó chỉ thấy một mình vua Thuấn. Ngày nọ thấy vua Nghiêu đi ngang, nó sủa ầm ĩ. Không phải nó mến vua Thuấn ghét vua Nghiêu, mà tại vì lâu nay nó chỉ thấy một mình vua Thuấn, chứ chưa từng thấy vua Nghiêu bao giờ. Ông nay thường học sách Khổng Tử mà chưa từng đọc sách Phật, nên cho sách Phật là quái gở". Đó là câu chuyện về con chó của vua Thuấn.

Ta nghe nói: "Có người con gái đi lấy chồng, người mẹ tiễn con đi và dặn dò: Về bên nhà người ta rồi phải cung kính giữ mình, chớ trái ý chồng."

Như vậy việc phục tùng theo người khác như cô gái kia tạm chấp nhận, còn như nghe người khác nói sai mà chẳng tự suy xét vì sao nó sai thì đâu thể chấp nhận.

Chuyện luân hồi sinh tử đâu phải đặt bừa ra. Việc ấy là vận số của trời đất, là diệu lý của u huyền, cứ nhìn vật mà xem, tất cả những gì có hình tướng trong khoảng trời đất đâu từng không sống chết tuần hoàn, đắp đổi qua lại đó ư? Gốc rễ cỏ cây bám sâu trong đất, nhờ ánh sáng mặt trời mà sống, rồi trổ cành, sinh lá, đơm hoa, kết quả. Nếu không có không khí thì cây héo úa và khô. Đến khi mặt trời chiếu lại thì tươi tỉnh trở lại. Tánh thức là gốc rễ, cành lá hoa quả là cơ thể con người. Vậy con người luân hồi qua lại có gì lạ đâu.

Khổng Tử nói: "Có đầu tất có cuối". Nên biết thuyết về sinh tử thì chết có tái sinh lên cõi khác, huống gì con người lại không chết không

tái sinh sao?

Trang Chu nói: “Muôn vật ra đời từ chân tánh trở về lại chân tánh”.

Giả nghị nói: “Hóa thành loài khác rồi, còn lo gì nữa”.

Đó là những thuyết về luân hồi, chẳng đợi Phật nói rõ, sao ông dám cho Phật là đặt bừa? Ông cho rằng họa phước báo ứng là do Phật ngụy tạo, điều đó càng chứng tỏ ông hoàn toàn sai lầm. Hễ tánh thiện hay ác thì cứ theo đó mà lãnh lấy báo ứng.

Kinh Dịch nói: “Kẻ tích thiện tất thừa an vui, người tích ác tất dư tai họa”. Lại nói: “Quỷ thần sát hại nhiều nên phước mỏng”.

Tằng Tử nói: “Cẩn thận! Cẩn thận! Đưa ra cái gì thì nhận về cái nấy.”

Đó đều là thuyết báo ứng. Chỉ có Phật là người ngầm xót xa những họa phước của thiên hạ. Vì vậy nêu rõ cho mọi người thấy mà so sánh. Đó là những điều có thật, khiến mọi người không tự chôn mình trong tội lỗi, lẽ đâu lại là ngụy tạo?

Ông nói: “Phật không có cái nghĩa vua tôi, không có tình cha con”, đó là điều ông không thể hiểu được. Mọi việc đều có việc ở bên ngoài, việc nằm bên trong. Việc bên trong thì mọi người phải tự giữ lấy. Việc bên ngoài nếu không phải những bậc sáng suốt trong thiên hạ thì không thể hiểu được. Bởi vậy những điều Thánh nhân nói ra, có những điều cùng với mọi người giữ lấy, có những điều cùng với những bậc sáng suốt trong thiên hạ giữ lấy. Phật nói ra cho cả hai hạng cùng nghe.

Khổng Tử nói đạo thì cho rằng: “Hễ cùng cực được rồi thì vô tư, vô vi, vắng lặng, chẳng động thì liền tự thông suốt”.

Đó là điều không phải mọi người cùng có. Mọi người mà không suy nghĩ không tạo tác thì e rằng thiên hạ này sẽ chấm dứt. Đó là điều không thể xét kỹ. Phật nói về bổn phận làm con tất dựa trên hiếu kính, nói bổn phận làm tôi tất dựa trên tận trung, đó là những điều mọi người cùng có. Ngoài ra có những điều Phật nói đến có khi chỉ nhằm thẳng vào vô tâm nhưng chẳng phải chỉ có vô tâm. Có khi nhằm thẳng vào vô ngã nhưng chẳng phải chỉ có vô ngã, mà ngược lại nhằm thẳng vào vô sinh. Vô sinh thì thứ tự của âm dương không loạn, vận số trời đất không đổi. Như vậy nghĩa vua tôi, tình cha con đều có cả. Đó lẽ đâu là điều mà những kẻ hiểu biết nông cạn bàn được ư?

Ông nghi ngờ cho rằng đồ chúng của Phật không cày mà có cơm ăn, không dệt mà có vải mặc, thế còn Nho gia cũng không cày không dệt là sao vậy?

Dũ đáp:

- Đạo của Nho gia nhờ vua dùng mà giàu có tôn vinh, con cháu họ noi theo thì hiếu thuận trung tín, do đó không cần dệt mà vẫn có áo ấm cơm no.

Đại Điên nói:

- Vậy thì đồ chúng của Phật cũng có ích với mọi người vậy. Nay ông chỉ thấy cuối đời chưa có ai ăn bám người khác như Phật, nhưng lại không thấy rằng hiện nay cũng có người ăn bám người khác như Khổng Mạnh. Nay ta nói với ông về Phật lý, đó là những điều vô hình vô thể, vốn đã hay nay càng hay hơn. Cứ đem so với Tắc Thiên thì biết. Có người trọn ngày khen bà ấy nhưng bà ấy chẳng đề cao họ, trọn ngày chê bà ấy mà bà ấy chẳng hạ thấp họ. Như vậy thì khen hay chê đều sai cả. Từ đời Hán đến nay, trải qua ngần ấy năm, mọi vật trong thiên hạ biến đổi khôn lường, vua tôi muôn dân nhiều không kể xiết, không phải bài xích trời đất, thần minh mà thuyết nhà Phật mới có mặt trong thiên hạ. Điều gì không dám luận bàn thì bỏ quách đi tức là muốn che trời đất mà không thấy xấu hổ, muốn so mình với trăm thánh mà không biết hổ thẹn. Diệu lý tồn tại trong những đời đó, về sau mới có được ở đây, sao ông không chịu nghĩ cho sâu nhỉ!

Dũ nói: Không phải tôi lập dị rồi bài xích Phật, mà tôi cho rằng: Đạo là cái gì? Là bác ái thì gọi là Nhân, việc làm có quy tắc thì gọi là nghĩa, từ đó mà học mà hành mới gọi là Đạo. Thấy đủ với bản thân không trông chờ cái bên ngoài thì gọi là Đức. Nhân và Nghĩa là thật danh, Đạo và Đức là hư vị, điều đó không giống đạo của Khổng Tử.

Đại Điên nói: Ông không biết Phật lại không biết Khổng Tử rồi! Giả sử ông biết được Khổng Tử thì ông sẽ thấy rõ Phật. Ông cho rằng Nhân và Nghĩa là thật danh, Đạo và Đức là hư vị, nhưng đó đều là những thứ Khổng Tử đã vất bỏ đi rồi!

Dũ hỏi: Sao bảo là bỏ?

Đại Điên nói: Khổng Tử đâu không nói: Đặt chí trong Đạo, nương vào Đức, dựa vào Nhân, tỏ mình bằng tài năng. Bởi vì Đạo là cái đứng đầu trong muôn hạnh, Nhân đâu đủ để gọi đó là Đạo! Chu Công nói có đến sáu đức, đó là: Tri, Nhân, Tín, Nghĩa, Trung, Hòa, bởi vì đức là nền tảng của nhân nghĩa, mà nhân nghĩa chỉ là một phần của đức mà thôi. Lẽ đâu ông cho rằng đạo đức là hư vị ư? Tử Cống cho rằng, cứu giúp, ban bố cho mọi người là Nhân. Khổng Tử thất sắc nói: "Sao chuộng Nhân? Hẳn là Thánh chăng? Nhân đâu đủ để gọi là Thánh?" Ai biết Khổng Tử muốn nói đến cái gì!

Nay ta dạy cho ông học vậy. điều trước tiên ông phải tìm xem đạo ấy có xa không, đạo mà đã xa thì chí của ta không thể lường biết được. Nếu gần thì phàm người tài giỏi hơn ta, thì ta phải học theo họ. So với ta người đó giỏi thật nhưng ta lại thấy họ dốt hơn ta, thì chính ta có những điều chưa hiểu biết. Bởi vậy phải suy xét kỹ tài năng của họ rồi cố sức mà cầu học. Được vậy may ra ta mới tiến bộ. Còn như ông, nay ỷ mình thông cái học của bốn biển, muôn phương, cảm thấy văn chương mình bàng bạc, nhưng có bằng La-thập đời Diêu Tần không? Ông cho mình là người có hành tung khéo léo, nhưng có bằng Phật-đồ-trừng đời Tấn không? Ông cho mình muôn vật chẳng làm động tâm, nhưng có bằng Bảo Chí đời Lương không?

Dũ im lặng giây lâu rồi đáp: Không bằng.

Đại Điên nói: Tài của ông đã không bằng họ, mà những điều họ làm theo Phật ông cho là sai trái, như vậy thì có kẻ tài cao nào mà lại không biết những gì ông biết chăng? Nay ông ôm cái thấy biết nhỏ nhoi bên trong, chạy theo thanh sắc, ham muốn lợi lộc, nếu không được vừa ý thì nổi giận, buồn khổ, uất ức. Nếu không chú trọng đến đời sống tâm linh thì có khác gì lũ ruồi nhặng tranh miếng mỡ ở nơi ô uế đâu!

Lúc bấy giờ Dũ trố mắt mà nhìn, hăng khí cũng đâu mất, như cầu lời giải đáp. Dũ mịt mờ như thấy đánh mất một cái gì đó. Cứ thế thật lâu mới hỏi Đại Điên rằng: Nói đến đây thôi ư?

Đại Điên đáp: Ta sở dĩ nói với ông như vậy là vì đứng về khả năng của ông mà nói, chứ chưa phải là những lời thâm thúy đâu!

Dũ nói: Tôi là kẻ chẳng ra gì, muốn được may mắn nghe những lời ấy được chăng?

Đại Điên nói: Dứt lòng ham muốn của ông, mở tâm thành của ông, an định thần của ông, thấu tận tánh của ông, tận cùng lý của vật, thấu tận mệnh của trời, sau đó mới nghe được. Ông đi đi ta không nói với ông nữa.

Thế rồi Dũ đi. Tháng 8, mùa Thu vua cùng tể tướng đang bàn chuyện, bọn Thôi thấy oi bức, đưa mắt làm hiệu muốn cùng rút lui. Thấy vậy, vua nói: Mấy ngày rồi mới gặp các khanh, thời tiết tuy nóng thật nhưng trẫm vẫn không thấy mệt. Lát sau, nhân hỏi đến Hàn Dũ có gì đáng thương không, thì Hoàng Phủ Bác, Tố Bạc liền tâu cho Dũ rằng: "Dũ có hơi ngông cuồng nhưng chắc đã hối cải". Vua chấp nhận, bèn giao Dũ chức Thứ sử Viên châu.

Dũ dựng am cho Đại Điên, cúng sư hai tấm áo đồng thời từ biệt rằng: Dũ này sắp xa thầy, may mắn nghe được một lời, đến chết không

dám quên.

Đại Điên nói: Ta nghe người dễ tin người khác thì họ cũng dễ thay đổi, người dễ khen người khác tất cũng dễ phỉ báng họ. Ông nghe ta nói rồi dễ tin như vậy, biết đâu nghe điều dị đoan khác rồi trở lại phỉ báng ta cũng nên.

Rồi Đại Điên không nói nữa. Dũ biết chẳng thể nghe được gì, bèn đi.

Đến Viên châu, Thượng thư Mạnh Giản biết Dũ có gặp Đại Điên nên gởi thư chúc mừng Dũ bỏ được sự mê tín. Dũ gởi thư phúc đáp: "Đại Điên là người rất thông minh, am tường đạo lý, thật là lý vượt cả hình hài, chẳng bị mọi vật não loạn. Nhân đó tôi có qua lại với ông ấy."

Gần đây Hoàng Sơn Bác nói rằng: "Sau khi gặp Đại Điên, văn chương của Hàn Dũ càng hay về lý, mà những lời phỉ báng Phật phần nào cũng giảm bớt."

Luận rằng: Cựu Sử ghi "Thoái Chi tánh tình ngang ngược, đương thời quan lại đều coi thường ông ấy. Đến khi Lý Thân cũng vậy, Thân thấy thẹn vì ở dưới bọn họ, nên nhiều lần dâng sớ kiện Thoái Chi. Nay Tân Sử lại đem cái công bài xích Phật, Lão của Thoái Chi so sanh với Mạnh Tử. Trong năm Gia Hựu có Long tiên sinh người Tây Thục căm phẫn vì những lời ấy thái quá bèn chỉ trích ngôn hạnh của Thoái Chi ngang ngược với đạo gia, lập thành điều chương công kích ông ta. Một là, không thể hủy nhục Lão thị; hai là, Hàn Dũ đọc sách Mặc Tử rồi phản Mạnh, chê Khổng. Phần chỉ trích ấy gồm hai mươi thiên, lưu hành ở đời. Đến khi xem được Ngoại truyện, gặp được Đại Điên, thì dù Thoái Chi bình sinh cũng sai lầm ngụy luận như vậy nhưng ông ấy hồi tâm lâu rồi. Âu Dương Văn Trung Công có lần than: "Dù Thoái Chi sống lại cũng không thể tự giải nỗi oan này!" Đó không phải là lời thâm thúy của thiên hạ sao? Kinh quốc Vương Văn Công cũng có nói: "Con người ta có người thích Mạnh Tử, chống lại Mặc Tử rồi lấy việc bài xích Phật, Lão làm công lao cho mình. Than ôi! Trang Tử!" Trang Tử bảo đó là trùng mùa hạ, lấy ý chỉ những người đó chăng!

Đạo là năm, Thánh nhân là mùa. Giữ lấy một mùa rồi nghi ngờ cả một năm thì chẳng bao giờ nghe được đạo. Mùa xuân khởi nguyên từ mùa đông mà cũng kết thúc trong mùa đông. Kết thúc tất cả đạo thuật trong thiên hạ, là họ thích chăng? Nếu không được như vậy thì đều gọi là trùng mùa hạ thôi!

Văn Công là danh nho của Tống triều, ông ấy luận về Thoái Chi như vậy, thì những gì Ngoại truyện nói, có thể không tin chăng?

29. thiền sư đại điên ở triều dương:

Sư quê quán ở Triều dương, tham học với Hòa thượng Thạch Đầu. Một hôm Thạch Đầu hỏi sư:

- Thế nào là Thiền?

Sư đáp: Nhướng mày chớp mắt!

- Trừ nhướng mày chớp mắt đó ra, đem bản lai diện mục của ông trình ra ta xem!

- Xin Hòa thượng trừ nhướng mày chớp mắt đó ra mà xem con.

- Ta trừ rồi.

- Con trình Hòa thượng rồi!

- Ông đã đem trình, tâm ta thế nào?

- Chẳng khác Hòa thượng.

- Đâu liên can đến việc của ông.

- Vốn không vật.

- Ông cũng không không vật.

- Không vật tức là vật chân thật.

- Vật chân thật đâu nắm bắt được. Tâm ông hiện lượng như vậy, phải khéo mà giữ gìn.

Sau đó sư về lại Linh sơn. Có lần dạy chúng: “Phàm người học đạo phải biết bản tâm nhà mình. Phần đông nhóm người hiện nay chỉ nhận nhướng mày chớp mắt, vừa nói, vừa nín tung ra liền cầm chắc rồi cho đó là tâm yếu, đây đích thật chưa liễu ngộ. Nay ta sẽ nói rõ cho các ông thấy, mỗi người phải lắng nghe, lãnh thọ: “Chỉ trừ bỏ tất cả vọng tưởng, động niệm, suy lường, tức chơn tâm của các ông. Tâm này hoàn toàn không dính dấp gì đến trần cảnh cũng như giữ được tĩnh lặng. Ngay tâm là Phật, chẳng đợi phải tu trì. Vì sao? Ứng cơ tùy chiếu, lặng lẽ tự dùng. Tột cùng chỗ dụng ấy trọn không nắm bắt được. Bảo đó là diệu dụng, cũng chính là bản tâm, cần phải giữ gìn chớ có xem thường.”

Thị lang Hàn Dũ có lần hỏi Sư: Thế nào là Đạo?

Sư im lặng giây lâu. Lúc ấy Tam Bình làm thị giả, Bình gõ vào giường Thiền. Sư hỏi: - Làm gì thế?

Bình thưa: Trước dùng định mà lay, sau đó dùng trí mà nhổ.

Hàn Dũ lui ra vui mừng nói: Dũ hỏi đạo với thầy, lại nhờ thị giả mà có chỗ vào.

Thế rồi Dũ cáo từ mà đi.

30. Thứ sử liễu châu: (liễu tử hậu):

Ngày mùng năm tháng mười năm này, Thứ sử Liễu Tông Nguyên

mất. Tông Nguyên tự là Tử Hậu, người Hà Đông. Từ nhỏ ông đã thông minh, thông hiểu sử sách, văn chương lại tuyệt bút, sắc sảo, đương thời văn nhân đều khâm phục. Là người bác học, văn hay, ông nhiều lần làm trong viện Giám sát ngự sử, kết thân với Vương Thúc Văn. Thúc Văn bị tội, đày ra làm Tư mã Vĩnh châu. Sau đó ông sống cuộc đời an nhàn tự khắc khổ, chuyên viết lách và xem từ chương. Sở học của ông ngày càng sâu sắc, tinh thâm, uyên bác vô bờ, nhưng vẫn đặt chí với phong cảnh núi sông, cứ thế đến mười năm. Sau ông được làm Thứ sử Liễu châu. Bạn ông là Lưu Vũ Tích ra làm Thứ sử Bá châu. Tông Nguyên nói: Bá châu không phải là nơi con người ở, mà Vũ Tích lại còn cha mẹ già ta không nỡ để ông ấy đi vào đất chết. Rồi ông dâng biểu muốn nhường Liễu châu cho Vũ Tích còn mình đến Bá châu. Gặp lúc đại thần cũng xin vua về việc của Vũ Tích, nhân đó vua đổi Tích ra Liễu châu.

Người ở Liễu châu dùng nam nữ để đổi tiền, đổi vật dụng, nếu quá hạn mà không đổi được thì bọn họ bị làm nô tỳ. Tông Nguyên dùng kế đổi hết bọn họ rồi cho về. Danh sĩ ở phương Nam có người lội qua cả ngàn dặm để giao du với Tông Nguyên. Họ trao đổi, giao du bằng văn từ rất thanh cao, đúng nghĩa. Người đời goi Tông Nguyên là Liễu Liễu Châu. Ông mất năm bốn mươi bảy tuổi. Trước lúc mất, ông gởi thư cho khắp bạn bè ủy thác hậu sự. Người ta gom tập những tác phẩm của ông cả thảy gồm ba mươi ba quyển. Hàn Dũ có lần bàn về ông rằng: “Uyên thâm nho nhã chẳng khác Tư mã Tử Trường, Thôi Sái sánh không kịp ông ấy.”

Sau khi ông mất, người Liễu châu thương nhớ ông. Thần thức ông giáng mộng ở hậu đường, nhân đó người ta lập miếu ông ở La trì, mãi đến ngày nay vẫn còn cúng tế.

- Năm Canh Tý: Tháng Giêng vua uống kim đan nên tánh tình thường nóng nảy, sầu muộn. Bọn quan hầu trong cung thì sợ bị giết, thâm cung thì sâu thẳm, kín bưng, thế nên có những họa hoạn khôn lường. Trong Tư Trị Thông Giám ghi: “Hiến Tông thông minh quả quyết, có được thiên tánh, biết nghe lời những trung thần, hiền thần, biết dung nạp những người mưu lược. Có bao kẻ dùng tiền tài bịt kín muôn việc mà vua chẳng nghi ngờ, đạo tặc đầy khắp kinh ấp, giết hại người Nguyên Nhung, nhưng vua chẳng lo sợ. Cuối cùng ông lấy được vùng Linh hạ và phía Nam Thanh kiếm; giết Triết Tây, bắt sống Trạch Lộ, bình định Hoài Nam, khôi phục Tề Lỗ. Hồi ấy bọn đạo tặc đã thâm căn cố đế trong thiên hạ đều phải khiếp sợ, run rẩy nộp của, giao đất cúi đầu thần phục. Nỗi lo cả trăm năm được giải tỏa trong một sớm. Nhưng

ông giải đãi trong việc phòng những nhỏ nhặt, quá chú trọng đến bản thân, thương thay!

31.Pháp sư Thần Thanh ở Bắc Sơn:

Năm này có Hòa thượng Bắc Sơn húy là Thần Thanh, tự là Linh Tẩu, đến vương triều đàm đạo nổi tiếng. Ngài trước thuật Pháp Hoa Huyền Tiên mười quyển, Thích Thị Niên Chí ba mươi quyển, Luật Sớ Yếu Quyết và Câu-xá Quyết... cả thảy hơn trăm quyển. Ngữ Lục mười quyển. Nội dung sách ấy đều bao quát nội điển ngoại thư, đáng làm khuôn phép cho đời. Ngài tu học ở chùa Khai Nguyên, Miên châu, mất ở chùa Tuệ Nghĩa, Tử châu.

32. Mục Tông: (tân sửu):

Mục Tông tên là Hằng, con thứ ba của Hiến Tông, vốn nhân hậu hiền từ. Ông trị vì bốn năm, thọ ba mươi tuổi, an táng ở Quang lăng. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Trường Khánh.

- Nhâm Dần: Mùa xuân có tuyết rơi, công chúa Thái Hòa bị giáng làm Kim nhân, gả cho Hồi Cốt.

33. Thiền Sư Điểu Khòa:

Năm này Trung thư xá nhân Bạch Cư Dị được đổi ra làm Thứ sử Hàng châu. Dị nghe Thiền sư Điểu Khòa là bậc đạo đức, nên đến yết kiến. Hồi ấy Điểu Khòa kéo tán tùng rộng lớn xuống rồi leo lên ở trên đó. Cư Dị thấy vậy hỏi:

- Sao Thiền sư lại ở nơi nguy hiểm thế?

Sư đáp:

- Chỗ ngồi của Thái thú nguy hiểm hơn tôi nhiều!

- Chỗ ngồi của đệ tử trấn cả sông núi, làm sao có nguy hiểm?

- Củi lửa xáp lại, sóng thức không dừng, chẳng phải nguy hiểm sao?

Bạch Cư Dị hỏi tiếp:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

- Chớ làm các việc ác, siêng làm mọi việc lành.

- Việc đó đứa trẻ lên ba cũng hiểu, nói làm gì!

- Đứa trẻ lên ba nói được, nhưng ông già tám mươi chưa chắc làm được!

Bạch Cư Dị khâm phục, ngợi khen rồi đi. Từ đó về sau ông thường lui tới hỏi đạo với Thiền sư.

34. vua hạ chiếu thỉnh thiền sư vô nghiệp vào cung nhưng sư không đi:

Năm này Mục Tông sai Tả vệ Tăng Lục Linh Phụ sắm sửa lễ vật đem chiếu đến Phần dương thỉnh Thiền sư Vô Nghiệp vào cung. Linh Phụ đến, tuyên chiếu xong, dập đầu dưới chân Thiền sư thưa rằng:

- Lần này ân chỉ của chúa thượng không như những lần trước, mong thầy đi cho, đừng mượn cớ chối từ nữa.

Sư cười nói: Bần đạo có đức gì dám phiền đến Nhân chủ, ông về trước đi, ta sẽ theo sau.

Nói xong sư tắm rửa sạch sẽ, đến nửa đêm bảo với môn nhân như Tuệ Âm... rằng: "Tánh thấy nghe hiểu biết của các ông trường thọ như hư không, chẳng sinh chẳng diệt. Tất cả cảnh giới vốn tự rỗng lặng, không một pháp nào thật có. kẻ mê không hiểu nên bị cảnh dối hoặc, một khi bị cảnh dối hoặc thì lưu chuyển không cùng. Các ông phải biết tâm tánh vốn tự có sẵn, không phải do tạo tác, giống như kim cương, không vật gì phá hoại nó được. Tất cả các pháp như bóng, như tiếng vang, không hề có thật. Thế nên kinh nói: "Chỉ có một việc thật, nếu hai chẳng phải chân, thường biết tất cả không, không một vật hợp tình." Đó là nơi dụng tâm của chư Phật, các ông gắng mà thực hành."

Nói xong sư ngồi kiết già thị tịch. Phụ về bẩm báo lại mọi việc, vua vô cùng kính phục, tán thán sư.

Có vị Tăng hỏi: Mười hai phần giáo lan truyền sang nơi này, những người đắc đạo chẳng phải chỉ có một, hai. Vậy thế nào gọi là Huyền tông biệt xướng, chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật của Tổ sư từ Tây sang. Những Cao tăng đời trước, đều là những người xuyên suốt chín phái, làu thông ba tạng như: Đạo Sinh, Tăng Triệu, Đạo Dung, Tăng Duệ... lẽ đâu họ không biết Phật pháp chăng?

Sư đáp: Chư Phật chẳng từng ra đời, cũng không có pháp gì cho người, chỉ là tùy bệnh cho thuốc, nên mới có mười hai phần giáo. Như lấy trái ngọt nhét thuốc đắng vào, cốt là tẩy sạch gốc nghiệp cho các ông, chứ hoàn toàn không phải việc thật. Thần thông biến hóa đến trăm ngàn Tam-muội môn hóa thành thiên ma ngoại đạo kia, phước trí nhị nghiêm là phá chấp nhưng lại trệ trong không kiến. Nếu không hiểu đạo, không hiểu ý Tổ sư thì bàn đến Đạo Sinh, Tăng Triệu, Đạo Dung, Tăng Duệ làm gì. Ngày nay người trong thiên hạ hiểu Thiền hiểu đạo nhiều vô kể, người nói Phật, nói tâm cũng có trăm ngàn ức. Chưa ra khỏi trần lao làm sao thoát được luân hồi, nhớ nghĩ chẳng quên cuối cùng cũng phải đọa. Những hạng người ấy, nghiệp quả còn chưa biết mà dám

nói bừa mình là bậc thượng lưu ngang bằng với tiên đức. Cứ luôn miệng nói, muôn việc trước mắt đều là Phật sự, dở chân đều là đạo tràng, kỳ thật chẳng bằng một người phàm ngu giữ Ngũ giới, Thập thiện. Xem lời nói của bọn họ cứ na ná như hàng Nhị thừa, Thập địa Bồ-tát. Thượng vị đề hồ là của báu trên đời, nếu rơi vào tay bọn họ liền trở thành thuốc độc. Ngài Nam Sơn còn không cho đồ chúng nói đến chữ Đại thừa. Bọn học đạo ngày nay cứ luôn mồm đấu khẩu toàn nói những việc chẳng có căn cứ mà cho là ngang bằng với Tiên đức, thật là cay đắng!

Cứ như những cao nhân ẩn dật nơi đồng quê, gối đầu ngủ ngon trên đá, vứt bỏ danh lợi, dẫu có kế trị nước an dân cũng chẳng màng tới, huống gì Thiền tông ta, đâu cùng đường với họ!

Hãy xem những bậc cổ đức đạo nhân ngày xưa, sau khi lãnh hội ý chỉ liền dựng am tranh hoặc ở thất đá, nấu cơm bằng chõ, độ nhật qua ngày. Cứ thế hai ba mươi năm, danh lợi chẳng bận lòng, tiền của chẳng phiền nghĩ, quên cả người đời, ẩn thân trong núi rừng, vua chúa mời chẳng đến, chư hầu thỉnh chẳng đi, đâu như bạn ham danh hám lợi ngày nay, chìm đắm trong đường đời, chẳng hơn bọn con buôn. Được chút mong cầu liền quên quả lớn. Hàng Bồ-tát các vị Thánh ngầm thông Phật lý, lẽ đâu chẳng bằng một kẻ Bác địa phàm phu? Điều đó không bao giờ có. họ thuyết pháp như mây như mưa mà còn bị Phật quở là thấy tánh qua lớp lưới lụa. Đó chỉ vì tình còn, Thánh lượng thấy trong nhân quả, chưa thể vượt qua Thánh tình, trèo qua hình bóng. Tiên hiền cổ đức là những cao nhân thạc học thấu đạt cổ kim làu thông tạng giáo. Với cái học trên chữ nghĩa, đến như nước sữa còn phân biệt không ra, chẳng rõ tự lý niệm lặng tìm chân. Than ôi! Những kẻ được làm thân người như đất dính móng tay, kẻ đánh mất thân người như đất trên địa cầu, thật đáng thương xót! Giả sử có ngộ lý đi nữa cũng chỉ biết lem nhem, mà chẳng biết trong cái ngộ đó chỉ là cửa ngõ để thể nhập lý, liền cho rằng mình vĩnh viễn thoát khỏi trần ai, xem thường bậc Tiên đức, đến nỗi khiến cho tâm lậu chẳng cùng, lý địa chẳng biết, sống ngơ ngơ đến già chết mà chẳng thành, kéo dài tháng năm một cách uổng phí. Vả lại thông minh cũng đâu thể đối đầu với sinh tử, Càn Tuệ vẫn chưa thoát khỏi luân hồi.

Nay tôi cùng chư huynh đệ nói việc thật, không bàn đến việc giả. Nay chỉ vì miếng cơm manh áo mà cứ mãi lừa dối Thánh hiền, mong được tương lai. Với người có Tuệ nhãn, Tha tâm thông, họ nhìn thì chẳng khác nào uống máu mủ. Rốt cuộc cũng phải bồi thường! Hễ người nào có đạo quả thì tự nhiên cảm được tín thí đến cúng.

Bồ-tát học Bát-nhã chớ tự khinh mạn, như đi trên băng tan, như chạy trên kiếm bén. Đến lúc lâm chung, mảy tình phàm lượng Thánh chưa sạch, chút bụi trần tư niệm chưa quên thì tùy niệm thọ sinh, ngũ ấm nặng nhẹ cứ thế mà chịu vào thai lừa bụng ngựa, có khi đọa vào vạc dầu nơi địa ngục, lửa cháy phừng phừng. Những thứ ghi nhớ nghĩ tưởng, thấy biết trí tuệ trước kia mất hết tức khắc. Cứ thế lại làm trùng kiến, rồi trở lại làm ruồi nhặng. Dù là nhân lành nhưng rốt cuộc chuốc lấy quả ác, vậy còn cầu mong điều gì?

Này huynh đệ! Chỉ vì tham dục thành tánh, nên hai mươi lăm hữu trói buộc thân mình, không biết khi nào mới xong. Tổ sư thấy chúng sinh nơi này có căn tánh Đại thừa, nên chỉ truyền tâm ấn chỉ rõ mê tình. Người nhận được thì chẳng lựa phàm thánh chẳng trọn trí ngu. Vả lại nhiều mà hư, không bằng ít mà thật. Đại trượng phu ngay đó mà nghỉ mà dừng thì liền dứt muôn duyên, thoát khỏi dòng sinh tử, vượt khỏi cái tầm thường. Linh quang sáng rỡ, chẳng bị vật trói, vòi vọi đường đường nổi bậc trong ba cõi, cần gì thân cao trượng sáu, thân vàng sáng chói, cổ đeo ánh quang, tướng lưỡi dài rộng. "Nếu dùng sắc thấy ta, người ấy hành tà đạo". Giả sử có quyến thuộc trang nghiêm thì chẳng cầu mà tự có. núi sông đại địa chẳng ngăn mắt sáng, được đại tổng trì, một nghe ngàn ngộ, trọn chẳng mong cầu, mà liền đủ cả.

Nếu như các ông chẳng được như vậy, thì Tổ sư đến đây quả thật phi thường, có lợi có hại. Có lợi thì trong ngàn vạn người chọn được một người, nửa người làm bậc pháp khí. Còn hại như đoạn trước đã nói rõ. Nương theo Tam thừa giáo pháp, chẳng ngại tu hành thì được Tứ quả Tam hiền, có phần tiến tu. Cho nên Tiên đức nói: "Thấu tỏ thì nghiệp chướng xưa nay rỗng rang, chưa thấu thì phải đền trả nợ trước."

Hai vua Hiến Tông, Mục Tông ba lần hạ chiếu thỉnh sư vào cung nhưng sư không đi. Sau khi thị tịch, vua ban sư thụy là Đại Đạt Thiền Sư.

35. Thiền Sư Long Đàm Sùng Tín:

Sư con nhà bán bánh, sách sử không ghi tên họ là gì, thuở nhỏ sư đã tỏ ra là người dĩnh ngộ khác thường. Hồi ấy, Thiền sư Đạo Ngộ ở chùa Thiên Hoàng là người không ai lường nổi. Nhà sư ở đầu con hẻm đi vào chùa. Hằng ngày sư đem mười cái bánh cúng dường Đạo Ngộ. Đạo Ngộ nhận xong, lúc nào ăn cũng để lại một cái cho sư và nói:

- Ta cho ngươi để làm ân huệ cho con cháu sau này.

Một hôm, sư quay ra rồi tự nghĩ: "Bánh của mình đem đến, sao

tặng lại cho mình, lẽ đâu có ý gì khác chăng?” Sư liền đến hỏi Đạo Ngộ.

Đạo Ngộ bảo:

- Ông đem đến, ta trả về lại cho ông thì có lỗi gì!

Sư nghe câu này liền hiểu được huyền chỉ và cầu xin xuất gia.

Đạo Ngộ nói:

- Trước ông sùng phước thiện, nay tin lời ta, đáng gọi ông là Sùng Tín.

Từ đó sư hầu hạ bên thầy. Một hôm sư thưa:

- Từ khi vào đây đến giờ con chưa được Hòa thượng chỉ dạy tâm yếu.

Đạo Ngộ bảo:

- Từ khi vào đây đến giờ không lúc nào mà ta không dạy ông tâm yếu.

- Chỉ dạy ở đâu?

- Ông bưng trà đến, ta tiếp; ông dâng cơm lên, ta nhận; lúc ông lạy ta, ta gật đầu, có chỗ nào mà không dạy tâm yếu?

Sư cúi đầu giây lâu. Đạo Ngộ nói:

- Thấy thì ngay đó thấy liền, suy nghĩ sai ngay.

Ngay câu nói đó sư liền khai ngộ. Sư hỏi tiếp:

- Làm sao giữ gìn?

- Cứ mặc tánh tiêu dao, tùy duyên phóng khoáng, chỉ hết tâm phàm, không có Thánh giải nào khác.

Về sau sư đến ở tại Long Đàm, Lễ Dương. Có vị Tăng hỏi:

- Hạt châu trong búi tóc, người nào được?

- Người không ngắm nghía.

- Để ở đâu?

- Có chỗ tất nói ra.

Lý Tường hỏi sư:

- Thế nào là chân như Bát-nhã?

- Ta không có chân như Bát-nhã.

- Hân hạnh được gặp Hòa thượng!

- Đó cũng vẫn là lời nói bên ngoài!

(Việc Đức Sơn hỏi đáp với sư có ghi đủ trong truyện của ngài Đức Sơn).

- Quý Mão: Trường Khánh năm thứ ba. Tháng 8 vua xa giá đến cung Hưng Lăng, gặp vị Tăng trì bát khất thực, vua cúng ba trăm tấm lụa.

- Giáp Thìn: Tháng Giêng năm thứ tư, vua mất.

36. Bài ký nói về việc khắc kinh trên vách đá chùa Vĩnh Phước ở Hàng Châu:

Năm này việc khắc kinh Pháp Hoa trên vách đá chùa Vĩnh Phước ở Hàng châu hoàn thành, Tướng quốc Nguyên Trinh viết bài ký, trong ấy ghi: Theo Sa-môn Tuệ Hạo thuật lại việc này rằng. Vĩnh Phước còn có tên là chùa Cô Sơn, nằm trên Cô sơn, hồ Tiền Đường, Hàng châu. Kinh Pháp Hoa khắc trên đá ở trong chùa này. Bắt đầu khắc năm Nguyên Hòa thứ 12, lúc ấy Nghiêm Hưu Phục làm Thứ sử, hoàn thành năm Trường Khánh thứ 4, lúc Bạch Cư Dị làm Thứ sử. Phiến đá cao sáu thước rưỡi, rộng năm mươi bảy thước sáu, dưới có đế tròn bọc hết phiến đá, xung quanh lại có xếp đá là nền. Chi phí cho thợ thầy hết sáu mươi chín ngàn một trăm năm mươi tiền, hết mười tháng mới xong. Lại lập hai bia đá, một tấm ghi tên những người cúng tiền, ai cúng mười tiền trở lên đều được khắc tên trong bia. Những người tôn qúy đã cúng tiền có: Hàng châu Thứ sử Nghiêm Hưu Phục, Trung thư xá nhân Hàng châu Thứ sử Bạch Cư Dị, Hình bộ thị lang Hồ châu Thứ sử Thôi Huyền Lượng, Hình bộ lang trung Mục châu Thứ sử Vi Văn Ngộ, Xử châu Thái sử Vi Hành Lập, Hàng châu Thứ sử Trương Dật, Ngự sử trung thừa Tô châu Thứ sử Lý Hựu, Ngự sử đại phu Việt châu Thứ sử Nguyên Trinh, Hữu ty lang trung Xử châu Thứ sử Trần Hỗ. Ngoài chín Thứ sử này ra còn có các quan ở Hàng châu như: Tuyên úy sứ Khố bộ lang trung Tri Chế Hạo, Giả Tốc. Những người dưới mười tiền thì không ghi danh trong bia này, cớ theo thứ lớp trước sau mà ghi, không phân biệt sang hèn già trẻ ít nhiều mà ghi người này trước người kia sau. Còn một tấm bia ghi tên chúng Tăng, đều là những người có học vấn tiếng tăm đã lo liệu công việc.

Năm trường Khánh thứ 2, Tiên đế không thấy tấu trạng nên khiển trách châu này. Sang năm, dời bia về Cối Kê, khi ra khỏi Hàng châu, muôn dân tranh nhau đến xem. Cư Dị thấy lạ hỏi thì họ đều đáp: “Không phải xem Tể tướng mà muốn xem Nguyên Bạch vốn trước đã nổi danh.” Do vậy Tăng chúng hiểu lầm tôi muốn nêu danh với mọi người. Thế là ngày đêm họ công kích. Thứ sử Bạch xin văn của tôi, tôi xét Tăng chúng, vì vậy viết mấy lời vào bia đá, là muốn việc này bất hủ hơn nữa muốn tự mình thuật lại việc này. Nay văn bia đã xong, văn kinh đã khắc đá, nhưng chư hầu chín châu vẫn còn khuyến khích mọi người cúng tiền cho Pháp sự này. Nói gần thì có thể gọi đó là nhờ tông khác mà thành bất hủ.

Nói xa thì không biết vượt đến mấy vạn năm. Trời và đất nghiền nhau, âm và dương đẩy nhau, lửa và gió táp nhau, danh và hình hủy hoại nhau, như vậy thì bốn biển chín châu đều chỉ là mảy trần trong hư không, ai biết việc ấy hủ hay bất hủ. Nhưng Dương Thác Tử biết cái vòng cũ trong cây khô, Trương Tăng Diêu là danh họa trên đời, trải qua ngần ấy năm đến nay vẫn còn danh tiếng. Con chó sủa một tiếng đã qua đời sau, chết mà không hóa kiếp. Dùi mài cái sở học như tôi chỉ trong vài hơi thở thì thành ngay, đó lại là tánh cùng vật tương giao, nhưng chết rồi mà cũng không thể quên cả hai được, ai biết được sáu mươi chín ngàn lời khắc trên đá kia mãi mãi tồn tại với trăm họ, không vì ngàn vạn kiếp vùi chôn mà hư hoại! Từ đó mà nghĩ, thì Tăng chúng mới là đáng kể! Còn như những đạo lý sâu kín trong sách Phật, Tăng được quyền nói cho tôi nghe, mà tôi không đủ tư cách giảng cho Tăng hiểu, huống gì mấy lời này khắc trên đá, đủ thấy không thể nào giảng xuyên suốt nghĩa của nó được.

37. Vương Trí Hưng lợi dụng việc xin lập giới đàn để thu tiền:

Trung thư lệnh Vương Trí Hưng xin vua mở giới đàn Phương Đẳng tại Tứ châu, nhân ngày Phật đản để độ Tăng. Vua đồng ý. Sau đó Triết tây quán sát sứ Lý Đức Dụ tâu rằng: Trí Hưng lập giới đàn ở Tứ châu, chiêu mộ những người muốn xuất gia, Hưng thu mỗi người hai ngàn (2.000) tiền, số tiền ấy không thể kể hết. Việc thế phát ở đời Tấn, từ đất Hoài đến đất Hữu, cứ nhà nào có ba nam thì một nam thế phát và căn cứ quy chế thế phát thì người đó được miễn quân dịch. Những người xuất gia thật không đếm xuể. Thần thấy mỗi ngày có đến mấy trăm người qua sông đi thế phát. Dân ở vùng Tô, Thường, Tề, mười người hết tám, chín người thế phát rồi. Nếu không ngăn lại thì đến trước ngày Phật đản riêng vùng Giang Hoài đã mất mấy mươi vạn trai tráng xuất gia. Đó không phải là việc nhỏ.”

Vua không nghe. Trước đây Hiến Tông ra sắc lệnh cấm không cho muôn dân trong thiên hạ làm Tăng ni, đạo sĩ. Nay thì Trí Hưng dám đứng ra xin, thế là dân đen chen nhau đi thế phát. Trí Hưng nhân cơ hội này bỏ túi đến mấy mươi vạn tiền, bị những người trong sạch coi khinh.

38. Thiền Sư Cổ Linh Thần Tán ở Phước Châu:

Ban đầu sư tham vấn với Bá Trượng, sau quay về lại bản tự. Thầy của sư thường ngồi xem kinh bên cửa sổ. Một hôm, có con ong bay vào

cửa rồi tìm lối ra. Thần Tán thấy vậy nói:

- Thế giới bao la như vậy mà không chịu ra, dùi mài trong mớ giấy mục ấy biết khi nào mới ra được!

Thầy của sư nghe vậy để kinh xuống hỏi:

- Ông hành cước gặp ai mà nói năng dị thường như thế?

Sư đáp:

- Hôm qua nhờ ân Hòa thượng Bá Trượng chỉ ra chỗ dừng.

Thầy của sư nghe vậy liền tập hợp đại chúng thỉnh sư thăng đường thuyết pháp. Thần Tán cử môn phong của Bá Trượng và nói: "Linh quang chiếu diệu vượt hẳn khỏi căn trần, thể bày chân thường không câu chấp văn tự, tâm tánh không nhiễm, vốn tự viên thành, chỉ lìa vọng duyên, như Phật chẳng khác."

Ngay câu nói này, thầy của sư tỉnh ngộ.

■

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 16

1. Đường Kính Tông: (Ất Tỵ)

Kính Tông tên là Trạm, con trưởng của Mục Tông, mẹ là Thái hậu Vương Thị. Ông đùa giỡn vô độ thích trốn tìm với trẻ con, bản tính lại nóng nảy bị Khắc Minh giết, an táng ở Trang lăng, thọ mười tám tuổi, trị vì được hai năm. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Bảo Lịch.

2. Vua Hạ Chiếu Mời Đạo Sĩ Lưu Tùng Chánh Vào Cung Đảm Trách Việc Tu Tiên:

Tháng tám, vua sai sứ vào Thiên Thai tìm linh dược, hạ chiếu mời Đạo sĩ Lưu Tùng Chánh vào cung đảm trách việc tu tiên. Vua phong Chánh làm Quang Lộc Khanh, biệt hiệu là Thăng Huyền tiên sinh.

Bính Ngọ: Tháng ba, vua sai Đạo sĩ Tôn Chuẩn chế thuốc trường sinh, phong Chuẩn chức Hàn lâm nhưng còn chờ chiếu chỉ. Tháng tư, vua săn bắn đến tối mới về, cùng bọn hoạn quan uống rượu đá cầu. Bỗng dưng đèn đuốc tắt ngấm, vua bị giết thọ mười tám tuổi. Đại thần Bùi Độ... đón em ông là Giang Vương lên ngôi. Đó là Văn Tông.

Tháng năm, vua hạ chiếu thay đổi những việc hoang dâm xa xỉ không đúng vương pháp của hai triều, bắt bọn đạo sĩ Tôn Chuẩn và hai mươi tám người khác, cùng bọn gian nịnh Tấng Duy Chân. Muôn dân thán phục phục đổ về nghe mệnh.

3. Văn Tông: (Đinh Mùi)

Văn Tông tên là Ngang, con thứ của Mục Tộng, tính phóng khoáng chịu nghe can gián nhưng không kiên quyết, dùng Lý Huấn, Trịnh Chú, muốn giết hoạn quan. Bọn Cừu Sĩ Lương ngầm biết liền xua binh giết Tể tướng Vương Ác cùng hơn hai mươi người khác. Vua thọ ba mươi hai tuổi, trị vì mười bốn năm, lên ngôi đổi niên hiệu là Thái Hòa.

Mậu Thân: Tháng mười, Giang Tây quán sát sứ Thẩm Phó Sư tâu:

"Ngày sinh nhật của vua, xin được dựng giới đàn phương đẳng tại Hồng châu để độ Tăng Ni, cầu phước".

Vua nói:

"Đã có sắc lệnh cấm độ Tăng ni".

Phó Sư hổ thẹn vì mất mặt, nên trái lệnh cố xin, bị vua phạt hết tháng lương.

4. Văn bia nói về hành trạng của Dược Sơn Duy Nghiễm:

Năm này, Thiền sư Dược sơn Duy Nghiễm ở Lễ châu thị tịch. Đại Nho Đường Thân viết văn bia rằng:

"Hoàng thượng vừa lên ngôi, năm sau vào ngày sáu tháng mười hai, Đại sư Dương Sơn ở quận lễ dương thị tịch. Sau đó tám năm, môn nhân soạn hành trạng của tiên sư đem đến kinh thành thỉnh ý chư Đại đức ở chùa Sùng Kính, là mong nguồn sáng của thầy mình mãi chiếu thế gian lưu danh thiên cổ. Đại đức ở Sùng Kính là anh cùng mẹ với tôi, từng tham vấn Đại sư lãnh hội được tâm yếu. Từ khi Đại sư Hưng Thiện Khoan Kính thị tịch về sau, người học bốn phương có mối nghi gì đều đến Sùng Kính thưa hỏi. Sùng Kính có lần nói với tôi: "Ta sở dĩ thấu đạo là nhờ Dươc Sơn. Giáo pháp ấy của ngài vẫn vang vọng Chu tứ, đuốc trí tuy tắt nhưng sấm pháp vẫn còn vang, lẽ đâu để đức sáng ấy lụi tàn, mai một sao?" Đại sư sinh ở Nam Khương Tín Phong. Lúc nhỏ chưa từng đùa giỡn với lũ trẻ cùng trang lứa, thường ngồi một mình như suy nghĩ điều gì đó. Năm mười bảy tuổi sư đi về Nam đến ngọn núi phía Tây Triều Dương gặp được Thiền sư Tuệ Chiếu, bèn theo thầy xuất gia chuyên tâm hầu hạ. Trong năm Đại Lịch, Sư theo Luật sư Hy Sâm ở Hoành nhạc thọ giới Cụ túc. Phép tắc uy nghi thuần thục như đã tập đâu đời trước. Một hôm, Sư nghĩ: Đại trượng phu phải lìa phép tắc tự an tĩnh, lẽ đâu cứ theo việc vụn vặt, làm cái hạnh áo khăn này ư.

Hồi ấy Nam nhạc có Hy Thiên, Giang Tây có Tuệ Tịch đều là người ngộ tâm yếu. Sư nghĩ, quý như ngọc khuê đâu đợi mài dũa, bảo tháp Đại thừa đâu hợp với cái tối. Lúc đó pháp Đại thừa của Tuệ Tịch vang dội khắp bốn phương, học chúng đến đều được chỉ bày tâm yếu. Những điều họ không thể thấu đạt, Sư đều ngầm hiểu trong lòng, tỏ ra người không biết, như điếc như ngu. Sư ở pháp hội của Tịch ngót hai mươi năm. Tịch nói với Sư: "Sở đắc của ông có thể nói là ở trong tâm, bủa khắp bốn chi, muốn lợi ích nhưng không có chỗ để làm lợi ích, muốn biết nhưng không điều gì để biết, cao vút hợp trời, khế với gốc không. Ta không có gì để dạy ông cả. Phật lấy việc khai thị kẻ mê là

đại công, lấy việc độ diệt kẻ ác là đại đức. Ông phải dùng công đức cứu khắp quần mê, nên lập phương tiện đừng dừng ở đây".

Từ đó Sư qua La Phù, vượt Thanh Lương, trèo ba núi, lội chín sông. Đến năm Trinh Nguyên nhân lúc dừng lại, Dược Sơn bùi ngùi than: "Ta sinh ở đời chẳng khác đám lục bình gởi thân tạm bợ, thì gắng sức bôn ba làm gì nữa".

Thế rồi Sư kết tranh, ngày ngày tĩnh tọa. Người trong làng biết tin đua nhau đem vật thực đến cúng dường. Sư nói:

- Ta không có đức với người khác, không dám làm mọi người lao nhọc.

Rồi từ chối không nhận. Mọi người quỳ thưa:

- Xin thầy cho phép chúng tôi cúng thức ăn hằng ngày.

Sư đáp:

- Chỉ một thăng gạo là đủ rồi.

Từ đó Sư thường lấy rau rừng thế cơm, ăn xong là giảng Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Niết-bàn. Ngày hay đêm đều như vậy. Cứ thế Sư ở vậy đến ba mươi năm. Những người du phương cầu học ngày càng đông. Biết nơi đây có giáo pháp, nên chỉ mấy năm sau, Tăng chúng tụ họp tu tập nơi này, đông không kể xiết. Đến nay những bậc lương đống trong tông môn hoằng giáo kháp đó đây, nguồn đạo chia thành dòng. Mới hay lời tiên tri của Tịnh Công hoàn toàn không sai.

Bỗng một hôm, Sư nói với đồ chúng:

- Nương hóa thành mà đi, đến tối phải nghỉ. Chưa có ai đi mãi mà chẳng dừng. Ta đã đến nơi cần đến, sắp phải nghỉ đây. Nguồn linh tự sạch, các tướng hỗn tạp hay diệt các tướng, vốn không có sắc, cùng tận nguồn căn, dứt tướng bên ngoài, thì ắt thể đạt.

Nói xong sư ngồi yên trên ghế, an nhiên thị tịch, thọ tám mươi bốn tuổi, hạ lạp sáu mươi. Đệ tử nhập thất như Xúng Hư... thỉnh nhục thân Sư qua dựng tháp ở phía Đông thiền cư (nhà thiền) theo như di huấn của Sư.

Bình sinh Sư từng lấy vải gai làm áo, bẹ trúc làm giầy, tự cạo tóc, tự nấu ăn, môn nhân đông đến mấy trăm, thị giả vô số nhưng chưa từng để họ làm thay. Dù có trăm thức ăn ngon, cây trái đầy bàn, nhưng chưa từng thay đổi thức ăn. Mùa đông phải mặc hồ cừu, mùa hạ phải mặc lụa mỏng, thế mà sư một đời vẫn chưa từng đổi áo. Nhà đẹp vắng lặng, giường chõng sạch thơm, thế mà sư chẳng thay chỗ ở. Hoẩng hươu xúm quanh, lang sói phủ phục, nhưng sư chẳng sợ nhìn. Giàu nghèo đến thăm, Sư đều bước xuống giường đón tiếp, chưa từng thất lễ với ai. Nếu

chẳng phải là người thấu triệt vạn duyên, khế hợp chân không, lìa khỏi phan duyên, bản tánh bình lặng trước muôn vật thì làm sao bỏ hình hài, quên ham muốn, một đời thanh tịnh nhất như như vậy được.

Ngoài ra những danh nhân, trọng thần đến quy y, cầu học với Sư. Xưa nay chưa có vị thầy nào có học chúng nhiều như Sư, không thể kể ra hết trong bài ký này. Bài minh viết:

Trong còn một vật
Gặp cảnh liền động
Ta-bày nguồn chân
Chẳng cảnh chẳng động
Thánh nhân Tây phương
Diễn nói tâm yếu
Một khi nhận được
Liền thấy nhiệm mầu
Ta vốn tự cứu
Sáng tỏ nguồn linh
Bao trùm vạn hữu
Vượt thoát hình hài
Đạo Tào Khê truyền
Ẩn tàng sâu kín
Đời người đều không
Đâu từng có vật
Thấy được là minh
Chí tinh chí diệu
Sống chết do ta
Ai bảo sống chết
Khắc trên châu ngọc
Dựng trên núi non
(Đường) thân tôi soạn bia
Mong mãi bất hủ.

5. Lý Cao soạn Phục Tánh thư:

Phần một nói:

"Con người sở dĩ làm thánh là do tánh, sở dĩ mê tánh là do tình. Vui, giận, buồn, sợ, thương, ghét, muốn, bảy thứ ấy do tình tạo ra. Tình đã mê thì tánh liền ẩn, không phải lỗi của tánh. Bảy thứ ấy tuần hoàn qualại, nên tánh không làm chủ được. Nước đục là do dòng không trong, lửa có khói là do lửa không cháy thành ngọn. Đó không phải lỗi ở nước,

lửa, trong, sáng. Cát không đục là vì dòng nó trong, khói không quyện là vì lửa có ngọn. Tình không sinh thì tánh mới làm chủ. Tánh là mệnh của trời, Thánh nhân nhận được nên không mê lầm. Thánh nhân không có tình chăng? Thánh nhân là người vắng lặng không động, chẳng đi mà tới, chẳng nói là tin, chẳng rỡ mà sáng. Việc làm hợp với trời đất, thay đổi thì khế với âm dương. Tuy có tình cũng chưa từng có. Như vậy trăm họ không có tánh chăng? Tánh của trăm họ chẳng khác tánh của Thánh nhân. Tuy nhiên họ bị tình mê hoặc, thúc đẩy không lúc nào ngưng, bởi vậy dù sống cả đời nhưng chẳng tự thấy tánh của mình. Lửa vốn ẩn tàng trong đá trong cây, chứ không phải không có. Đầu nguồn của sông, ngòi, khe, rạch là suối trên núi, không phải là không có. Đá không mài, cây không cọ thì không thể đốt cả núi rừng, thiêu rụi vạn vật. Nguồn suối không khơi thì không thể thành sông, thành ngòi, thành khe, thành rạch. Biển hồ phía Đông mênh mông bát ngát sâu thẳm khôn lường. Tình mà loạn động liên tục thì không thể nào khôi phục được bản tánh mà đốt lên ngọn đuốc sáng vô tận giữa trời đất. Thế nên sự thành thật là tánh của Thánh nhân. Nó vắng lặng chẳng động, rộng lớn sáng trong, chiếu khắp trời đất, nhờ vậy mà thông suốt muôn việc trong thiên hạ. Đi đứng, nói im thảy đều cao vời. Trở về tánh ấy là thế nào? Là hiền nhân thuận theo tánh một cách không ngừng nghỉ. Không ngừng nghỉ thì mới quay về được ngọn nguồn. Thánh nhân biết tánh của con người đều có thể thuận theo, cứ liên tục mà đi tất về được như thánh. Vì vậy mà chế lễ để tiết chế, soạn nhạc để dung hòa, yên ổn trong nhân là gốc của nhạc. Động nhưng trung hòa là gốc của lễ. Bởi vậy ở trên xe thì nghe tiếng loan giá, đi bộ thì nghe tiếng của ngọc bội. Vô cớ mà bỏ đàn cầm, đàn sắc thì ngôn hạnh có tuân theo lễ phép nhưng loạn động. Vì vậy phải dạy người quên ham muốn mà quay về với đạo của tánh mệnh. Đạo là sự chí thành không ngừng nghỉ. Chí thành mà không ngừng nghỉ thì rỗng rang, rỗng rang liên tục thì sáng, sáng liên tục thì chiếu khắp cả trời đất, chứ không là gì khác. Đó là cùng tận được cái đạo của tánh mệnh. Thương thay! Con người ai cũng có thể đến được chỗ này, nhưng tại sao dừng lại không làm, không cảm thấy mê lầm ư?

Ngày xưa, Thánh nhân truyền đạo cho Nhan Tử. Nhan Tử nhận được rồi thì giữ vững, chẳng đi xa mà liền quay về được. Trong ba tháng tâm ông ấy chẳng trái với lòng nhân. Khổng Tử nói: "Trò Hồi dường như được rỗng rang chăng, trò ấy sở dĩ chưa đến được như Thánh nhân vì một hơi thở mà thôi. Không phải không đủ sức làm mà vì chết sớm".

Những người khác thăng đường cũng chỉ vì muốn truyền trao lại

thôi. Một luồng khí mát, một trận mưa thấm nhuần nhưng người nhận lãnh có cạn có sâu, chẳng ai giống ai. Tăng Tử khi chết nói:“Ta cầu mong gì nữa, ta đã chết một cách ngay thẳng thế này rồi”.

Đó đích thật là lời nói của tánh mệnh. Tử Tư là cháu của Trọng Ni, được đạo của Tổ, thuật lại Trung Dung gồm bốn mươi chín thiên, rồi truyền cho Mạnh Kha. Kha nói:“Ta đến bốn mươi chẳng còn động tâm”.

Môn nhân của Mạnh Kha, những người đạt đạo có Công Tôn Sửu, Vạn Chương, vì họ được Kha truyền.

Gặp lúc nhà Tần đốt sách, Trung Dung chỉ còn lại một thiên không bị đốt, từ đó đạo này khiếm khuyết. Những người truyền dạy chỉ câu nệ vào văn cú, những thuật uy nghi múa kiếm lần lượt truyền trao. Cội nguồn tánh mệnh tôi không thể truyền lại được rồi. Phân tích đến chỗ tận cùng của đạo tất sẽ quay về. Từ lúc sáu tuổi, tôi đã đọc sách nhưng chỉ là cái học của từ chương. Đặt chí vào đạo đã bốn năm rồi, khi luận bàn với người khác tôi chưa từng bảo đó là thấy biết của mình. Nam Quán vượt sông vào đất Việt, lúc ấy Ngô Hưng Lục Sâm còn sống. Quán Luận bàn với Sâm. Sâm nói:“Ông nói đến cái tâm của Ni Phụ, Đông phương có Thánh nhân chăng? Sao không xuất hiện ở đây? Tây phương có Thánh nhân chăng? Sao cũng không xuất hiện ở đây? Chỉ có ông thực hành không ngừng nghỉ mà thôi.

Than ôi! Sách về tánh mệnh tuy còn, nhưng người học đâu có ai sáng tỏ. Vì vậy họ bị cuốn hút vào Trang, Liệt, Lão, Thích. Những người không biết thì cho rằng môn nhân của Phu Tử không đủ trí để thông suốt đạo của tánh mệnh. Ai nấy đều tin như vậy. Có người hỏi tôi, tôi đem những gì mình biết nói lại cho họ nghe, rồi viết thành sách nhằm mở ra cội nguồn của sự thành thật, sáng tỏ, bổ khuyết những gì đã bị mai một và lấy tên là Phục Tánh Thư, với ước mong sửa lòng mình, truyền cho người. Than ôi! Nếu Phu Tử tái sinh thì chắc không bỏ lời tôi”.

Phần hai nói:

“Có người hỏi:

- Con người mê muội lâu rồi, muốn quay về tánh tất phải từ từ, dám hỏi có cách gì không?

Đáp:

- Chẳng suy chẳng nghĩ thì tình không sinh. Tình đã không sinh thì đó là suy nghĩ chân chánh, mà suy nghĩ chân chánh tức là không suy không nghĩ. Kinh Dịch nói:“Thiên hạ lo gì, nghĩ gì” hay “Khốn đốn xằng bậy ở trong thành thật”. Kinh Thi nói “Suy nghĩ không xằng bậy”,

hay “Xong rồi ư?” Đáp: “Chưa”.

Đó là những điều ngăn cấm tâm mình, vẫn chưa rời cái tĩnh. Hễ có tĩnh tất có động, có động tất có tĩnh. Động tĩnh không dừng đó chính là tình. Kinh Dịch nói “Xấu, tốt, đáng hối đáng tiếc đều sinh ra từ cái động này”, làm sao trở về lại bản tánh.

Hỏi:

- Vậy làm thế nào?

Đáp:

- Ngay lúc tĩnh biết tâm không suy nghĩ, đó là ngăn cấm. Biết vốn không suy nghĩ động tĩnh đều lìa, vắng lặng chẳng động, đó là chí thành. Trung Dung nói: “Thành thật thì sáng tỏ”.

Kinh Dịch nói:“Mọi chuyển động trong thiên hạ đều thuần nhất qua sự chính bền”.

Hỏi:

- Lúc chẳng suy nghĩ, muôn vật đều nằm ngoài tình hay ở trong tình, làm thế nào dừng? Dùng tình dừng, tình có dừng được không?

Đáp:

- Tình là tà của tánh. Biết nó là tà, vốn không suy nghĩ, lìa cả vắng lặng, thì ý nghĩ tà tự dứt, chỉ có tánh sáng suốt, tà sinh ở đâu. Nếu dùng tình ngăn tình thì đó là tình thái quá. Tình đã dừng thì còn gì nữa.

Kinh Dịch nói:“Nhan Hồi chắc đắc đạo ư! Nếu có lỗi thì chưa từng đã biết, đã biết thì chưa bao giờ làm lại lần thứ hai” Lại nói “Chẳng đi xa mà trở lại, không phải hối hận sự tốt lành”.

Hỏi:

- Vốn không suy nghĩ, lìa cả động tĩnh, vậy thì tĩnh đến cũng chẳng nghe chăng? Hình của vật cũng chẳng thấy chăng?

Đáp:

- Không nhìn, không nghe là không phải người. Nghe nhìn rõ ràng mà chẳng khởi nghe nhìn thì không điều gì không biết, không việc gì không làm. Tâm vắng lặng thì chiếu khắp trời đất. Đó là cái sáng của sự thành thật.

Đại Học nói:“Trí tri tại cách vật”.Kinh Dịch nói:“Không suy nghĩ, không làm, vắng lặng chẳng động nhờ đó mà thông suốt muôn việc trong thiên hạ”. Chẳng phải bậc đại thần trong thiên hạ thì ai làm được như vậy?

Hỏi:

- Trí tri tại cách vật là thế nào?

Đáp:

- Vật là vạn vật, cách là đến. Lúc vật đến tâm phân biệt rõ ràng, mà không kẹt trong vật. Đó là cái biết thấu cùng là chỗ cùng tột của cái biết. Biết cùng tột nên ý thành thật, ý thành thật nên tâm ngay thẳng, tâm ngay thẳng nên sửa thân, thân có sửa thì nhà mới yên, nhà yên thì nước sẽ thịnh, nước đã thịnh thì thiên hạ thái bình. Đó gọi là người hay hợp được với trời đất.Kinh Dịch nói:"Người đi đến chỗ giống như trời đất, không có gì trái. Trí bao trùm vạn vật, đạo cứu khắp thiên hạ nên chẳng sai lầm. Quyền biến mà không bị lôi cuốn, vui lẽ trời thấu thiên mệnh nên chẳng lo. An tâm với cảnh ngộ, chân thật với điều nhân, nên hay thực hành điều bác ái. Bao hàm cả khuôn khổ biến hóa của trời đất nên không có gì thoát khỏi. Hoàn thành mọi vật mà không bỏ sót vật gì. Thâm nhập vào đạo ngày đêm mà biết hết. Cho nên cái thần không bị hạn chế một nơi nào cả. Kinh Dịch cũng không bị hạn cuộc trong hình thể nào. Một âm một dương thì gọi là đạo là thế".

Hỏi:

- Ông hãy nói về Trung Dung xem!

Đáp:

- Cũng không ra khỏi cái trước.

Hỏi:

- Tôi cũng chưa rõ, dám hỏi mệnh trời sao gọi là tánh?

Đáp:

- Con người sống mà tĩnh là tánh của trời. Tánh là mệnh của trời, làm chủ tánh thì gọi là đạo.

Hỏi: Nghĩa là thế nào?

Đáp: Làm chủ tức là noi theo. Noi theo nguồn về lại tánh thì gọi là đạo. Đạo tức là chí thành. Chí thành là đạo của trời. Thành tức là định, là chẳng động. Tu đạo thì gọi là giáo. Giáo là đạo của người, biết chọn cái thiện nhưng lại cố chấp. Tu đạo này mà quay về với tánh thì sáng tỏ. Dạy ở đây là dạy cho thiên hạ. Nhan Hồi là con người này. Đạo là cái mà chẳng lìa trong giây lát. Nếu lìa được thì không phải đạo.

Người nói cho rằng tâm không thể động trong giây lát, hễ động thì liền xa tức chẳng phải đạo. Biến hóa muôn phương chưa hẳn lìa khỏi bất động. Thế nên người quân tử cẩn thận với những gì mình không thấy, lo sợ với những gì mình không nghe. Chớ thấy cái ẩn, chớ bày cái nhỏ, vì vậy người quân tử cẩn thận khi ở một mình.

Người nói cho rằng thấy điều không thấy, thì cái thấy nào lớn hơn nữa. Nghe điều không nghe thì cái nghe nào to hơn nữa. Tâm không động tức là thấy được điều không thấy, nghe được điều không nghe.

Con đường về lại không xa, vì vậy cẩn thận khi ở một mình. Người cẩn thận khi ở một mình thì giữ được trung hòa.

Hỏi:

- Ngày xưa, người ta hiểu Trung Dung không giống những gì ông nói là sao vậy?

Đáp:

- Vì họ theo sự mà hiểu, ta theo tâm mà thông.

Hỏi:

- Họ cũng thông ở tâm chăng?

Đáp:

- Ta không biết.

Hỏi:

- Tánh con người giống tánh Thánh nhân, tâm ham muốn thương ghét từ đâu mà sinh?

Đáp:

- Tình là vọng là tà. Đã là vọng là tà thì không có nguyên nhân. Vọng tình dừng dứt thì bản tánh sáng sạch, chiếu khắp sáu phương. Vì vậy nên nói con người có khả năng quay về lại tánh. Kinh Dịch nói: "Đạo trời biến hóa đều khuôn chánh tánh mệnh". Luận Ngữ nói:

"Sáng nghe đạo, chiều chết vẫn vui".

Vì thường khuôn chánh tánh mệnh vậy.

Hỏi:

- Những gì tình mê mờ tánh đã diệt hết rồi, sao lại bảo giống tánh Thánh nhân?

Đáp:

- Nước lắng trong, cái đục ấy chính là bùn đất. Trong cái đục ấy lẽ đâu không có tánh tình chăng! Lâu ngày không động thì bùn đất tự lắng xuống. Tính sáng trong chiếu khắp đất trời đâu phải từ bên ngoài đến. Cho nên dù vẩn đục nhưng tánh vẫn không mất, đến khi khôi phục lại thì tánh cũng chẳng sinh. Tánh con người cũng giống như nước vậy.

Hỏi:

- Tánh con người vốn hoàn toàn thiện, nhưng tà tình mê mờ, vậy dám hỏi tánh của Thánh nhân có còn bị các thứ ham muốn làm vẩn đục trở lại nữa không?

Đáp:

- Không còn vẩn đục trở lại. Tình vốn tà vọng, do tà vọng che khuất nên tánh không có khả năng khôi phục. Thánh nhân đã quay về với tánh rồi thì biết ngay tình vốn là tà, mà tà đã bị cái sáng soi thấy, thì

sẽ không còn tà, vậy tà từ đâu sinh.

Hỏi:

- Chết rồi đi đâu?

Đáp:

- Nơi Thánh nhân đến không thấy ghi lại rõ. Kinh Dịch nói:"Có đầu tất có cuối".

Cho nên biết, thuyết sống chế là tình khí thành vật, gởi hồn vào thì thay đổi. Vì vậy nhìn hình trạng của quỷ thần, thì biết rõ ngay. Khổng Tử nói:"Chưa biết sống làm sao biết chết?"

Vậy thì khởi ở đằng đầu thì quay về đằng cuối, có thể thấu suốt được cái đạo sống. Đạo sống mà thấu tận rồi thì thuyết về sự chết không học vẫn thông. Đó không phải là điều cần kíp. Ông cứ tu liên tục đi tất tự biết ngay. Ta không thể cứ nói suống mà chẳng ghi chép.

Phần ba nói:

"Người ngày làm đêm nghỉ là phàm phu, người làm nhưng chẳng làm, cùng làm muôn sự, nghỉ mà không nghỉ, cùng nghỉ với muôn vật. Ta thì không liệt vào hạng tầm thường ấy. Ngày chẳng có gì để làm, đêm chẳng có gì để nghỉ. Làm không phải ta làm mà là vật làm, nghỉ không phải ta nghỉ mà là vật nghỉ. Nghỉ ư? Làm ư? Lìa xa hai thứ ấy, nó không tồn tại trong những gì đang hiện hữu của ta. Rốt cuộc không mất nhưng lại lìa. Người không gắng sức với đạo là mê mờ chẳng chịu suy nghĩ. Vạn vật sinh trong khoảng trời đất, con người giống như muôn vật. Con người sở dĩ khác với cầm thú chim muông đâu chẳng phải là đạo đức vẹn toàn đó ư. Thọ nhận một hơi thở thì thành hình, một hình làm người thì có một thân làm vật. Làm được thân người quả vô cùng khó. Sinh ra đời rồi chưa chắc được sống lâu, thân lại khó được mà không chịu chăm chăm trong đại đạo, buông lung tâm mình trong việc làm. Con người sở dĩ khác với cầm thú chim muông là cái chết, nếu mê mờ không chịu suy nghĩ thì cái mê đó rốt cuộc không sáng ra được. Hiện giờ tôi đã ba mươi chín tuổi rồi, nhớ lại lúc mười chín tuổi chừng như mới sáng nay, nhớ lại lúc chín tuổi cũng dường như mới sáng nay. Con người ta sống thọ cũng không hơn bảy mươi, tám mươi năm, chín mươi năm hay một trăm năm thì hiếm lắm. Ngay lúc trăm tuổi mà nhìn lại thời chín mươi, so với tôi bây giờ nhìn lại quá khứ thật cách nhau một trời một vực, lẽ đâu lại cách xa lúc sáng nay chăng? Thế nhưng con người ta dù thọ đến trăm tuổi nhưng không khác sấm chớp đánh động bên tai, chẳng khác gió thổi qua rồi xoáy vòng trở lại mà thôi, huống gì trong trăm ngàn người chưa chắc có một người sống được trăm tuổi. Vì vậy

trọn ngày tôi đặt chí trong đạo mà vẫn sợ rằng không kịp. Nhưng loài buông lung tâm mình đó đâu chỉ riêng con người.

Kỷ Dậu: Hang núi ở ba châu Vân, Đại, Uất đá hóa thành mì sợi, dân nhặt ăn.

6. Văn bia nói về việc khắc kinh trên vách đá tại chùa TRùng Huyền ở Tô châu:

Việc khắc kinh trên vách đá tại chùa TRùng Huyền, Tô châu hoàn thành. Thứ sử Bạch Cư Dị soạn văn bia rằng:

"Bia ở vách đá phía Đông, vách đá ở tại gốc Tây Nam của viện Quảng Đức Pháp Hoa. Viện nằm cách phía Tây chùa TRùng Huyền vài bộ, chùa nằm ở thành Bắc, cách Tô châu vài dặm. Dùng Hán tự Đường văn khắc kinh điển Phật giáo, từ phẩm kinh, danh hiệu Phật đến chữ Giáng đều có mạ vàng.

Phàm khai thị ngộ nhập tri kiến chư Phật, dùng nghĩa độ thoát vô biên, dùng viên giáo ban trải vô cùng, không gì cao hơn kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Kinh này gồm sáu mươi chín ngàn năm trăm lẻ năm lời. Chứng Vô sinh nhẫn, lập Bất nhị môn, trụ trong Bất tư nghì giải thoát không gì hơn kinh Duy-ma-cật. Kinh này gồm hai mươi bảy ngàn không trăm chín mươi hai lời, thâu nhiếp bốn loài, chín loại nhập Vô dư Niết-bàn. Kỳ thật không có người được độ, thì không gì cao hơn kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, kinh này gồm năm ngàn hai trăm tám mươi bảy lời. Cầu phước giải tội làm thanh tịnh tất cả ác đạo không gì thâm sâu hơn kinh Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-la-ni, kinh này gồm ba ngàn không trăm mười lời. Tùy niệm thuận nguyện, nguyện sinh về cõi cực lạc thì không gì mau bằng kinh Di-đà. Kinh này gồm một ngàn tám trăm lòi. Dùng chánh kiến quán chân tướng thì không gì hơn kinh Quán Phổ Hiền Bồ-tát Hạnh Pháp, kinh này gồm sáu ngàn chín trăm chín mươi lời. Nêu bày tự tánh nhận ra bản giác thì không gì hơn kinh Thật Tướng Pháp Mật, kinh gồm ba ngàn hai trăm lẻ năm lời. Thấu suốt pháp trần nương nhờ trí Phật thì không gì hơn Bát-nhã Ba-la-mật Đa Tâm kinh, kinh gồm hai trăm năm mươi tám lời. tám bộ kinh này đầy đủ mười hai phần giáo, tất cả một trăm mười sáu ngàn tám trăm năm mươi bảy lời. Yếu chỉ của Tam thừa, bí tàng của chư Phật đều có cả trong đây. Vách đá này chồng thành bốn lớp, cao ba tầm, dài mười lăm trượng, dày hơn một thước, có hoa sen bằng đá đỡ phía dưới, che phía trên. Lại có thạch thần giữ vững phía trước phía sau. Lửa nước không thể đốt cháy, cuốn trôi, gió không thể lay động. Đó gọi là thí pháp vô thượng đến cùng tận

đời vị lai vậy.

Đời Đường, năm Trường Khánh thứ hai, mùa đông bắt đầu khởi công, đến mùa xuân năm Thái Hòa thứ ba thì hoàn thành. Luật Đức Sa-môn Thanh Hoảng đề xướng, Thanh Hải nối tiếp chí nguyện, môn nhân đệ tử Nam Dung hoàn thành, Đạo Tắc kết thúc, Tăng Khế Nguyên trổ tài viết lách, Quận thú Bạch Cư Dị ban lời làm bài tán, tán thán:

Sau Phật diệt độ
Thế giới trống rỗng
Chỉ kinh điển này
Để lại chúng sinh
Nếu có người nào
Chép trên lá bối
Cất trong rương tráp
Chẳng lâu chẳng bền
Như ấn bằng sáp
Giả như có người
Chích máu làm mực
Róc da làm giấy
Người ấy biết chết
Như viết bằng mực
Ôi! Viết bằng mực
Đâu bằng khắc đá
In chữ bằng sáp
Đâu bằng mạ vàng
Công ấy bất hủ
Nghĩa lại thâm sâu
Nên tôi cho rằng
Khắc kinh trên đá
Công đức khế hợp
Tâm Như Lai truyền.

7. Thiền sư Đan Hà Thiên Nhiên:

Năm này Thiền sư Đan Hà Thiên Nhiên sắp thị tịch, Sư bảo thị giả tắm rửa. Tắm xong, Sư đội nón, cầm trượng, mang giầy duỗi chân xuống đất, chân chưa chạm đất thì thị tịch, thọ tám mươi sáu tuổi.

Sư vốn là Nho sinh vào kinh ứng thí. Giữa đường gặp một thiền giả. Thiền giả hỏi Sư:

- Nhân giả đi đâu thế?

- Thi làm quan.

- Thi làm quan đâu bằng thi làm Phật

- Thi làm Phật phải đến đâu?

- Mã Tổ ở Giang Tây ra đời, là trường thi làm Phật.

Sư liền đến yết kiến Mã Tổ, lấy tay rờ chiết khăn trên đầu. Mã Tổ nhìn sư giây lâu rồi bảo:

- Thạch Đầu ở Nam nhạc là thầy của ông, ông nên đến đó đi.

Sư đến Nam nhạc, cũng làm y như vậy. Thạch Đầu bảo:

- Ra nhà sau đi!

Sư lạy tạ rồi vào phòng cư sĩ tận tâm làm việc.

Sau đó, nhân một bữa đại chúng đi dẫy cỏ, chỉ riêng Sư gội đầu rồi quỳ trước Thạch Đầu. Thạch Đầu vui vẻ thế phát cho Sư. Cạo xong, Thạch Đầu nói giới, Sư liền bịt tai mà đi.

Sư về Giang Tây yết kiến lại Mã Tổ. Chưa vào đảnh lễ Tổ, Sư đi thẳng vào Tăng đường leo lên cổ tượng Thánh tăng mà ngồi. Đại chúng thất kinh đi báo với Mã Tổ. Mã Tổ vào Tăng đường nhìn thấy, nói:

- Con ta, Thiên Nhiên!

Sư bèn bước xuống, lạy tạ thưa:

- Cảm tạ thầy đã ban cho pháp danh.

Sau đó Sư du phương tham học. Một hôm, Sư nằm ngang trên cầu Thiên Tân. Lưu thú Trịnh Công ra quát đuổi nhưng Sư chẳng ngồi dậy. Trịnh Công gạn hỏi nguyên do, Sư đáp:

- Tăng vô sự.

Trịnh Công lấy làm lạ, hằng ngày cúng cho Sư gạo bún. Dân chúng Lạc Dương đều quy kính Sư. Sư ở tại huyện Đan Hà, Đặng châu, đồ chúng có đến vài trăm.

Có lần Sư dạy chúng:

- Tất cả các ông mỗi người phải tự bảo hộ một vật linh. Vật này không phải do các ông tạo ra bằng mặt mũi, đặt cho tên gọi mà có, chứ đừng nói gì đến cúng hay chẳng cúng. Ngày trước ta yết kiến Hòa thượng Thạch Đầu, Thạch Đầu cũng chỉ dạy ta bảo hộ việc này. Việc này không phải các ông luận bàn được. Tất cả các ông ai nấy đều có chỗ ngồi, còn nghi cái gì? Thiền đâu phải là vật để các ông hiểu được, đâu có Phật để thành, một chữ Phật trọn chẳng thích nghe. Các ông tự xem thiện xảo phương tiện Từ, Bi, Hỷ, Xả đâu phải từ ngoài mà được, chẳng dính đến tấc tâm. Thiện xảo là Văn-thù, phương tiện là Phổ Hiền, các ông còn toan tính chạy theo vật gì nữa. Chẳng dùng kinh chẳng rơi vào không. Người học ngày nay lăng xăng lộn xộn, rồ cho là tham thiền hỏi

đạo. Ở đây ta không có đạo để tu, không có pháp để chứng, miếng ăn thức uống đều tự có phần, đâu cần phải nghi ngờ! Mỗi nơi mỗi chỗ có cái gì đâu. Nếu biết Thích-ca tức là phàm phu, các ông phải tự xem lấy. Chớ để một người mù dẫn đám người đui kéo nhau vào hầm lửa, đêm tối hai đường, màu sắc mập mờ. Vô sự! Trân trọng!

Có lần Sư trứ tác Ngoạn Châu Ngâm gồm hai thiên. Thiên thứ nhất viết:

Biết được hạt châu trong áo không sáng, liền tỉnh cơn say.

Trăm thân đều tan rã
Một vật mãi linh hoài
Trí cảnh đếu không thành
Thần châu thể không định
Ngộ thì ba thân Phật
Mê nghi vạn quyển kinh
Trong tâm, tâm lường được
Ngoài tai, tai khó nghe
Muôn vật trước trời đất
Suối huyền vượt mờ mịt
Vốn cứng chẳng tôi luyện
Vốn sạch chẳng tẩy rửa
Bàng bạc vầng mặt trời
Lung linh hơn sao sáng
Nguồn sáng tuôn bất diệt
Chân khí chạm liền sinh
Soi tỏ hang sâu thẳm
Bao hàm thế giới lòa
Tuyệt phàm công chẳng giảm
Vượt Thánh quả chẳng đầy
Tâm Long nữ kính dâng
Miện Xà vương tự nói
Làm người, chim sống lại
Ý Hoàng tước vẫn nhẹ
Hiểu nói không phải lưỡi
Hay nói chẳng do thanh
Vô bến bờ bát ngát
Như hư không không bờ
Diễn giáo không phải thuyết
Nghe tên chợt nhận tên

Hai bên đều chớ lập
Đường giữa cũng chớ đi
Thấy trăng quên ngón tay
Về nhà bỏ thưa trình
Biết tâm tâm là Phật
Phật nào còn Thánh nữa.

8. Lăng Hành Bà:

Lăng Hành Bà có lần yết kiến Hòa thượng Phù Bôi. Đang lúc uống trà, Hành Bà hỏi:

- Nói hết hơi chẳng thấu một câu, phải trao lại cho ai?

- Phù Bôi nay không có lời thừa.

- Tôi chẳng biết nói thế nào!

- Ông làm sao nói được.

Hành Bà vòng tay khóc nói:

- Trong trời xanh càng oan khổ.

Phù Bôi không đáp. Hành Bà nói:

- Nói mà chẳng biết sửa cái hư cho người thì họa sinh.

Sau đó có vị Tăng nói lại việc này với Nam Tuyền. Nam Tuyền nói:

- Khổ thay! Phù Bôi! Lại bị Hành Bà xô ngã.

Hành Bà nghe được lời Nam Tuyền, cười nói:

- Ông thầy Vương này còn có chút cơ mưu.

Thiền giả Trừng Nhất gặp Hành Bà hỏi:

- Thế nào là Nam Tuyền còn có chút cơ mưu?

Hành Bà liền khóc nói:

- Đáng thương! Đáng thương!

Trừng Nhất mờ mịt. Hành Bà hỏi:

- Hiểu không?

Trừng Nhất chắp tay đứng. Hành Bà nói:

- Gã Thiền tăng chết tiệt, như dây gai, như thóc lúa.

Sau Trừng Nhất đem việc này hỏi Triệu Châu. Triệu Châu nói:

- Nếu ta thấy gã Bà hôi thối ấy mở miệng thì bịt miệng lão ngay.

Trừng Nhất thưa:

- Chưa rõ tại sao Hòa thượng hỏi lão ta?

Triệu Châu cầm gậy đánh nói:

- Như gã Thiền tăng chết tiệt này, bây giờ không đánh đợi đến lúc nào nữa.

Rồi Triệu Châu liên tiếp đánh Nhất mấy gậy. Hành Bà nghe Triệu Châu nói thế, bèn nói:

- Triệu Châu tự cướp cây gậy trong tay của Bà này.

Sau, có vị Tăng làm như Triệu Châu, Triệu Châu khóc nói:

- Đáng thương! Đáng thương!

Hành Bà nghe được lời Triệu Châu, liền chấp tay nói:

- Mắt Triệu Châu phóng quang soi sáng khắp tứ thiên hạ.

Sau, Triệu Châu sai Tăng đi hỏi "Thế nào là con mắt Triệu Châu". Hành Bà liền đưa lên nắm tay.

Triệu Châu nghe được, liền làm bài kệ gởi tới nói:

Đương cơ nêu trước mặt
Trước mặt cơ phải mau
Báo với Lăng Hành Bà
Tiếng khóc đâu có mất.

Hành Bà cũng làm bài kệ phúc đáp, nói:

Tiếng khóc thầy đã hiểu
Đã hiểu nhưng ai biết
Đương thời nước Ma-kiệt
Cơ hết cơ trước mắt.

9. Trong con sò hiện hình Bồ-tát: (Tân Hợi)

Văn Tông rất thích ăn sò. Một hôm, trong mâm cơm có một con sò nậy hoài không ra. Trong con sò bỗng hiện ra hình Bồ-tát. Vua thất kinh, liền hạ chiếu đưa hình Bồ-tát ấy đến chùa Hưng thiện để Tăng chúng chiêm bái. Nhân đó vua hỏi thị thần:

- Đó là điềm gì?

Có người đáp:

- Trong núi Thái nhất có Thiền sư Duy Chánh, là người thấu tỏ Phật pháp. Bệ hạ nên hạ chiếu thỉnh đến hỏi xem.

Vua liền thỉnh Chánh vào và hỏi. Chánh đáp:

- Vật không ứng hiện suông, đó là muốn khai mở lòng tin cho bệ hạ đấy. Kinh ghi:"Phải dùng thân hình Bồ-tát để độ thoát, thì hiện ngay thân hình Bồ-tát mà thuyết pháp".

Vua hỏi:

- Hình Bồ-tát thì hiện rồi nhưng chưa nghe thuyết pháp gì là sao vậy?

Chánh hỏi:

- Bệ hạ thấy việc này lạ thường hay là bình thường hay không

tin?

Vua nói:

- Điềm lành lạ thường, trẫm không tin sao được.

Chánh nói:

- Bệ hạ đã được nghe thuyết pháp rồi còn gì, sao lại bảo chưa nghe.

Vua vô cùng vui mừng, liền hạ chiếu cho tất cả chùa chiền trong nước dựng tượng Quan Âm phụng thờ.

Quý Sửu: Tháng mười, ngày sinh của vua, vua hạ chiếu thỉnh Pháp sư Tri Huyền cùng luận đạo với đạo sĩ tại điện Lân Đức.

10. Lý Huấn dâng sớ đòi sa thải Tăng Ni: (Ất Mão)

Tháng tư, Tể tướng Lý Huấn dâng sớ xin dẹp bỏ đạo tràng trong cung, sa thải những Tăng Ni lạm dụng, dối tá. Vua đồng ý. Hôm đó vua hạ chiếu, vừa đập pho tượng linh trong đại nội, đột nhiên gió bão nổi lên, chim cú mèo kêu thảm trong điện Hàm Nguyên, thành môn lầu quán từ trong ra ngoài đều hư sập. Bức tường ở cửa Quang Hóa cũng bị sập. Quan dân đều hãi hùng. Vua cho rằng việc Huấn xin trái ý trời. Vua liền lập tức nhiều lần hạ chiếu bảo dừng việc sa thải. Xuống chiếu dựng lại Thánh tượng trong đại nội. Gió bão liền dừng hẳn. Trong Cựu sử Ngũ Hành Chí ghi:

“Tháng mười một năm này, tể tướng Lý Huấn, Trịnh Chú bàn mưu giết hoạn quan. Việc không thành Huấn, Chú đều bị giết.

11. Thiền sư Nam Tuyền Phổ Nguyện:

Năm này Thiền sư Nam Tuyền Phổ Nguyện sắp thị tịch. Tọa chủ hỏi Sư:

- Sau khi trăm tuổi, Hòa thượng đi về đâu?

Sư đáp:

- Làm con trâu dưới núi.

- Con theo Hòa thượng được chăng?

- Nếu ông theo ta phải ngậm theo một cọng cỏ.

Sư bèn tập hợp đồ chúng, dạy rằng:

- Hoa đốm, đèn huyễn đến đã lâu rồi, chớ bảo ta có đến đi.

Nói xong Sư thị tịch.

Sư đắc pháp với Mã Tổ, sau về lại Trì Dương, tự dựng thiền thất mà ở. Ba mươi năm nay chưa ra khỏi Nam tuyền (con suối phía Nam). Gặp lúc Tuyên thành Quán sát sứ Lục Công Tuyên dùng lễ học trò

thỉnh sư xuống núi, từ đó học chúng bắt đầu vân tập.

Lục Tuyên có lần hỏi:

- Đệ tử từ sáu phương lại đây, trong ấy còn thân không?

Sư nói:

- Nhớ lấy rõ ràng, nói đến phải như thiền lâm cao thủ.

- Hòa thượng thật chẳng nghĩ bàn, đến là khiến thế giới hiện ngay.

- Vừa đến rốt cuộc là việc của Đại phu.

Hôm khác Lục Tuyên thưa:

- Đệ tử hiểu chút ít Phật pháp.

Sư hỏi:

- Trong mười hai thời làm gì?

- Chẳng mảy may đeo níu.

- Vẫn là kẻ dưới thềm.

Nam Tuyền nói tiếp:

- Ông không nghe chăng, quân vương có đạo không nhận bề tôi có trí.

Một hôm thấy có người đổ Song lục (một hình thức cờ bạc ngày xưa), Đại phu liền đưa con xúc xắc lên nói:

- Như vầy hay chẳng như vầy? Lúc chỉ vui chơi như vầy thì thế nào?

Nam Tuyền đưa con xúc xắc lên nói:

- Mười tám khúc xương hôi.

Sư có lần dạy chúng:

"Cái đạo Như Như ấy đã thay đổi mất rồi, Sư tăng ngày nay cứ trà trộn trong đám dị loại". Lại nói "Trong mọi nơi ta chẳng có chỗ đi, họ nắm ta không được, hô hào là Biến hành Tam-muội, hiện khắp sắc thân".

Sư nói tiếp:

"Ngày nay không thể không phụng giới. Ta không phải là hắn, hắn không phải là ta, làm được như y chỉ là chồn cáo; trâu trắng bước đi thì dấu chân thoăn thoắt. Nếu có một niệm khác thì ông rất khó tu hành, vừa khởi dị niệm thì liền có thắng thua, đó cũng là tình kiến. Cứ bám cái nhân quả của kẻ khác thì làm gì được tự tại. Lúc mười tám tuổi, Lão tăng đã biết kế sống, ai biết kế sống thì bước ra cùng Lão tăng thương lượng, phải là người ở trên núi mới được. Trân trọng! Vô sư! Mỗi người phải tự tu hành".

Đại chúng vẫn ngồi yên, Sư nói tiếp:

"Như thánh quả cũng rất đáng sợ, chẳng biết Đại nhân có không? Vì sao? Vả lại ta không phải là gã, gã không phải là ta. Kinh sư, Luận sư cho Pháp thân tối thượng, rồi bảo là cùng tận Tam-muội. Giống như Lão tăng trước đây được người khác bảo phải phản bổn hoàn nguyên, như vậy làm sao gặp phải việc họa. Huynh đệ! Gần đây Thiền sư rất nhiều, tìm một người si độn không hề có. Không phải là hoàn toàn không có mà trong đó rất ít. Nếu có người bước ra cùng ông thương lượng, thì lúc không có kiếp có người tu hành không? Có hay không. Làm sao nói? Các ông ngày thường miệng lưỡi liến thoáng, đến lúc hỏi thì rốt cuộc không ai nói, sao chẳng bước ra? Chớ nói đến việc Phật ra đời.

Huynh đệ! Người đời nay gánh Phật trên vai, đội Phật trên đầu mà đi, nghe Lão tăng nói: "Tâm không là Phật, trí không phải là đạo" thì liền xúm đầu kháo chuyện của Lão tăng, không phải chỗ ông tìm tòi, nếu ông cột được hư không làm gậy, đánh được Lão tăng thì cho ông tìm tòi.

Sư và môn phong của Triệu Châu đều được thiên hạ suy tôn vào bậc tuyệt xướng.

Ngày mười một tháng chín năm Thái Hòa thứ chín, Thiền sư Viên Trí Đạo Ngô ở Đàm châu thị tịch. Sư họ Trương quê ở Hải Hôn Dự Chương. Lúc nhỏ theo Hòa thượng Bàn xuất gia, thọ giới. Sau Sư đến pháp hội của Dược Sơn và khế ngộ được tâm ấn.

Một hôm Dược Sơn hỏi Sư:

- Ông đi đâu về thế?

Sư đáp:

- Đi dạo núi về.

- Chẳng rời thất này, nói mau đem cái gì về!

- Chim kia trên núi nhàn như tuyết.

Cá lội đáy khe nhọc khôn lường.

Sư và Vân Nham đang đứng hầu. Dược Sơn bảo:

- Chỗ trí chẳng nghĩ tới, tối kỵ nói đến, hễ nói đến là đầu mọc sừng. Trí Đầu-đà ông thấy thế nào?

Sư liền đi ra. Vân Nham hỏi Dược Sơn:

- Sư huynh Trí vì sao không đáp lời Hòa thượng?

Dược Sơn bảo:

- Hôm nay ta đau lưng, ông ấy chắc hiểu, ông nên đi hỏi ông ấy đi.

Vân Nham liền đến hỏi Sư:

- Vừa rồi sao sư huynh không đáp lời Hòa thượng?

Sư nói:

- Ông nên đến hỏi Hòa thượng đi.

(Có vị Tăng hỏi Vân Cư:

- Tối kỵ nói là có ý gì?

Vân Cư đáp:

- Lời ấy độc lắm.

- Sao lại là lời độc?

Vân Cư đáp:

- Một gậy đánh chết rồng rắn.)

Khi Vân Nham sắp thị tịch, có sai người đem thư đến cho Sư. Sư mở ra đọc, nói:

"Vân Nham chẳng biết, tiếc là hồi ấy chẳng nói cho ông ta nghe. Tuy là như vậy nhưng không thẹn là con của Dược Sơn".

(Huyền giác nói:

- Người xưa tại sao nói rồi mà bảo là chưa nói?

Lại nói:

- Vân Nham đương thời không hiểu, vả lại nói chỗ nào là chỗ ông ấy không hiểu!)

Quy Sơn hỏi Sư:

- Đi đâu về thế?

Sư đáp:

- Khám bệnh về.

- Có bao nhiêu người bệnh?

- Có người bệnh, có người không bệnh.

- Người không bệnh, không phải là Trí Đầu-đà sao?

Sư đáp:

- Bệnh hay không bệnh cũng chẳng liên can gì đến việc ấy, nói mau! Nói mau!

Có vị Tăng hỏi:

- Muôn dặm không mây chưa phải là trời bản lai, vậy thế nào là trời bản lai?

Sư nói:

- Hôm nay trời đẹp thật!

- Bồ-tát không có thần thông tại sao lại khó tìm được dấu chân?

Sư nói:

- Đi cùng đường mới biết được!

- Hòa thượng biết không?

- Không biết.

- Vì sao không biết?

Sư đáp:

- Ông chẳng hiểu ta nói.

Thạch Sương hỏi Sư:

- Trăm năm sau có người hỏi việc cực tắc (rốt ráo) làm sao nói với họ?

Sư gọi:

- Sa-di.

Ông Sa-di đáp:

- Dạ.

Sư nói:

- Thêm nước vào tịnh bình.

Giây lâu sư hỏi lại Thạch Sương Khánh Chư:

- Lúc nãy ông hỏi cái gì?

Thạch Sương lặp lại y câu trước. Sư liền đứng dậy.

Hôm khác Thạch Sương lại hỏi:

- Một mảnh xương của Hòa thượng gõ kêu như tiếng đồng, tiếng ấy đi đâu?

Sư gọi:

- Thị giả.

Thị giả đáp:

- Dạ.

Sư nói:

- Chậm chạp quá.

Sư than:

- Bệnh thì có khổ.

Tăng chúng đến thăm hỏi. Sư nói:

- Nhận rồi khỏi phải đền. Ông biết không?

Chúng đều buồn thương. Lúc sắp thị tịch, Sư nói với chúng:

- Ta đi xa tít phía Tây nhưng kỳ thật chẳng rời phía Đông.

Nói xong Sư mất, thọ sáu mươi bảy tuổi.

Đồ chúng trà-tỳ, được mấy miếng linh cốt, dựng tháp phía Nam núi Thạch sương. Vua ban thụy là Tu Nhất Đại sư, tháp hiệu Thật Tướng.

12. Văn bia nói về công trạng của Pháp sư Đại Đạt:

Bính Thìn: Đổi niên hiệu là Khai Thành. Năm đầu Tả Nhai Tăng Lục Đại Đạt Pháp sư hiệu Đoạn Phủ thị tịch. Sử Quán tu soạn Bùi Hưu soạn văn bia ghi:

"Huyền Bí tháp là nơi gởi linh cốt của Đoan Phủ Đại Đạt Pháp sư. Than ôi! Làm kẻ trượng phu tại gia thì nêu cao nhân nghĩa lễ nhạc giúp thiên tử cứu đời dạy người. Xuất gia thì vận dụng Từ bi định tuệ trợ Như Lai để xiển giáo lợi sinh. Bỏ những thứ này thì không đáng là Trượng phu, trái với những thứ này thì không phải là người đạt đạo. Hòa thượng là bậc anh kiệt xuất gia. Hòa thượng họ Triệu, quê ở đất Tần. Hồi ấy mẹ ngài là phu nhân Trương Thị mộng thấy Phạm tăng đến bảo: "Sẽ sinh quý tử" rồi lấy hạt xá-lợi trong đãy bảo bà nuốt. Đến khi sinh rồi, vị Tăng trong mộng ấy ban ngày đến nhà, xoa đầu đứa bé ấy nói: "Tất sẽ hoằng dương đạo pháp rộng sâu". Nói xong vị Tăng biến mất. Đến lớn diện mạo của ngài phi phàm, trán cao, mắt to, lưỡng quyền cao, miệng vuông, cao sáu thước năm tấc, tiếng nói như chuông. Phàm muốn gánh vác việc độ sinh của Như Lai, mở tai mắt cho sinh linh, ắt phải có những tướng mạo đặc thù biểu hiện. Đến năm mười tuổi, ngài theo Thiền sư Đạo Ngộ chùa Sùng Phước xuất gia làm Sa-di. Năm mười bảy tuổi thọ Cụ túc. Đến chùa An quốc thọ Cụ túc với Luật sư Tây Minh Chiếu, học trì phạm với Luật sư Thăng chùa Sùng phước, học đại nghĩa của Duy Thức, Niết-bàn với Pháp sư Tố chùa An quốc. Ngài lại mộng thấy Phạm tăng đến bảo: "Tam tạng Đại giáo đã nằm hết trong thân ông rồi, từ nay ông là Tam tạng Đại sư bậc nhất của thiên hạ, bao quát sơn xuyên, gặp nguồn thì hội nhập, biển trí mênh mông đâu thể biết đâu là bờ bến". Phàm muốn đốn sạch gốc si trong ruộng tình, tưới cam lồ trong giống pháp, ắt phải có dũng trí biện tài. Nếu không sao ngài được yết kiến Văn-thù ở Thanh Lương, Thánh chúng đều hiện; diễn đại pháp ở Thái Nguyên, thính chúng đông nghẹt. Đức Tông Hoàng đế nghe danh ngài đã thấy thích, vừa gặp thì rất vui mừng. Ngài thường ra vào cung cấm luận nghị với Nho, Đạo. Được vua ban ca-sa tía, được vua cúng dường hậu hỷ hơn người khác. Vua lại hạ chiếu thỉnh ngài dạy dỗ Hoàng thái tử ở Đông triều. Thuận Tông Hoàng đế rất ngưỡng vọng đạo phong của ngài, thân thiết như anh em, cùng nằm, cùng ngồi, đãi ngộ rất hậu. Hiến Tông Hoàng đế mấy lần xa giá tới chùa. Vua đãi ngài như thượng khách, thường nghe những chỉ bảo của ngài. Thế nhưng Hòa thượng vẫn nêu cao cốt cách, từ lý đều gãy gọn hợp với thánh chỉ, khế với chân thừa. Dù ứng đối rối bời nhưng chưa từng lấy việc xiển dương làm việc chính. Từ đó thiên tử càng biết Phật là Đại Thánh Nhân, giáo pháp của Phật có những việc không thể nghĩ bàn. Lúc ấy triều đình mới bình định được khu Hạ, bắt sống bọn Ngô Cán, Thục Trữ, Sái Đãng Vận nên thiên tử cũng rảnh tay vô sự. Vua hạ chiếu thỉnh Hòa thượng thống

lĩnh chư Tăng, rước chân cốt ở Linh sơn, khai pháp đàn nơi Bí điện, để người ta cầu phước, lễ lạy hương khói. Từ đó về sau, chẳng cần hình phạt, chẳng nhọc quân binh, trẻ con không hãi hùng, biển sông không sóng dữ. Đó là sự hiệu nghiệm rõ ràng của việc dùng chân thừa để dẫn dắt chính sự. Phàm muốn xiển dương mối đạo không nghĩ bàn, giúp vị vua anh minh tất phải ngầm khế huyền chỉ, nắm vững pháp nghi. Trong mười năm ngài giữ chức Tả Nhai Tăng Lục, là người tiêu biểu trong chúng Tăng, giảng kinh luận Niết-bàn, Duy Thức; luôn sống nhân hòa, truyền thọ tông thừa, khải mê đạo tục, cả thảy một trăm sáu mươi pháp hội, vận tam mật trong Du-già, hợp vô sinh trong Tất địa. Ngày ngày trì các bộ kinh ấy hơn mười vạn biến, chỉ Tịnh độ làm nơi ngả lưng, trì kim kinh để báo ân Phật pháp. Cả đời cúng thí mấy trăm vạn tiền đều dùng trang sức tự viện vô cùng trang nghiêm, còn phương trượng thì giường chiếu đơn sơ, an nhàn tu tập. Danh thần vọng tộc đều ngưỡng mộ, hào kiệt công thương đều cung kính ngài, dâng vàng ngọc để tỏ lòng thành tôn kính ngài mà lạy sát chân, mỗi ngày có đến ngàn người không sao nhớ hết. Thế nhưng, Hòa thượng lại ngay nơi chúng sinh mà quán Phật, lìa bốn tướng mà tu thiện tâm vắng lặng như mặt đất bằng phẳng không có gò đồi. Vương công xa giá đến thăm ngài đều thật lòng tiếp đãi, họ bảo rằng người thành tựu hạnh của Bồ-tát Thường Bất Khinh duy chỉ có ngài mà thôi.

Phàm muốn cưỡi thuyền lớn băng ngang đại dương cứu quần mê lên bờ chánh giác thì người ấy tất phải có kỳ công diệu đạo.

Ngày một tháng sáu, niên hiệu Khai Thành năm đầu, ngài nằm nghiêng bên phải gối đầu về Tây mà tịch. Khi ấy trời nóng mà dung mạo ngài vẫn như người sống, đến tối mà dị hương vẫn còn quần quyện.

Ngày sáu tháng bảy năm ấy, đồ chúng đưa nhục thân về Nam Nguyên, Trường lạc theo di mệnh mà trà-tỳ, được hơn ba trăm hạt xá-lợi. Vừa đốt thì thần quang sáng rỡ, đốt rồi thì linh cốt như viên châu. Vua ban hiệu là Đại Đạt, tháp hiệu là Huyền Bí. Ngài thọ sáu mươi bảy tuổi, tăng lạp bốn mươi tám hạ. Đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đến hơn ngàn người, có vị giảng kinh luận đạo, có vị trụ trì đại tự. Trong đó có năm mươi vị tu thiền, trì luật. Đồ chúng của ngài toàn là những vị đạt đạo. Than ôi! Hòa thượng quả là bậc anh kiệt xuất gia, nếu không làm sao có được đức độ phi phàm, học chúng đông nhiều đến thế.

Đệ tử thừa nghiệp như Tự Ước, Nghĩa Chánh, Chánh Ngôn... nguyện nêu Tổ nghiệp, truyền trì di phong. Cái đáng sợ là di phong sâu mầu, có lúc mai một. Trong những hiền sĩ, Lưu Công là người có pháp

duyên thâm sâu với ngài, đồng thời lại thông hiểu Phật đạo, nên được mời thỉnh. Lưu Công nguyện quảng bá, lưu truyền đầy đủ những việc bình sinh của ngài, vui lòng tùy hỷ, chẳng ngại tài hèn. Bài Minh viết:

Ngàn Phật hiền kiếp
Năng Nhân thứ tư
Thương sinh linh ta
Thuyết kinh phá ác
Lưới giáo bủa cao
Mấy người nhận được
Có đại Pháp sư
Như đích thân nghe
Ba tạng giáo điển
Giới, định, tuệ học
Sâu cạn đồng nguồn
Trước sau đều giác
Dị tông dị nghĩa
Ai lấy ai bỏ
Có đại Pháp sư
Làm giọt sương mưa
Theo chân thì trệ
Theo ngụy thì hèn
Voi điên vượn cuồng
Khó kiềm khó giữ
Gông cùm dao chặt
Vẫn còn ung nhọt
Có đại Pháp sư
Dứt niệm vân du
Biện tài mở vận
Đại hùng buông lời
Ngàn năm ngầm hợp
Ba thừa sáng soi
Huệ nặng ân sâu
Bày giáo dẫn người
Có đại Pháp sư
Ứng thời thị hiện
Mở rộng cửa không
Dựng cao nhà pháp
Lương đống cao vời

Một mai ngã xuống
Trăng nước cảnh gương
Trăng không đến đi
Hậu học ngàn sau
Bồi hồi chiêm ngưỡng.

Đinh Tỵ: Sao chổi xuất hiện, dài tám trượng".

13. Bài minh trong văn bia của Quốc sư Thanh Lương:

Ngày sáu tháng ba năm Khai Thành thứ ba, Tăng thống Thanh Lương Quốc sư Trừng Quán sắp thị tịch, ngài bảo đồ chúng như Hải Ngạn... rằng:

- Ta nghe: Gặp vận mà không lập đại công thì tiên thánh buồn than, làm được thân người mà không có hạnh thì người xưa hổ thẹn. Không thấu được động tĩnh, không luận được đầu mối đến đi chớ chọc thủng dị đoan, chớ thuận phi mà biện ngụy, chớ mê lầm trong tâm tà, chớ cố chấp đấu tranh. Ngọn đèn to không thể phá sạch bóng tối của đêm dài, người mẹ hiền không thể bảo bọc đứa con đời sau, phải tin nơi Phật chớ tin người khác, nguồn chân lìa huyền vi chẳng phải nói năng hiển bày được, cần phải dốc tâm thể nhập thấu hiểu, rành rành trước mắt gặp cảnh vô tâm, gặp duyên thì chẳng động, được vậy mới không cô phụ ta.

Nói xong ngài thị tịch. Ngài sống qua chín triều vua, làm thầy của bảy Đế vương, thọ một trăm lẻ hai tuổi, tăng lạp tám mươi ba hạ. Ngài cao chín thước bốn tấc, tay dài quá gối, ban đêm mắt phát sáng, ban ngày nhìn không chớp, có tài viết cả hai tay, giọng nói như ngân như chuông. Văn Tông kính ngài như Tổ thánh. Hôm ấy vua không thiết triều ba ngày, trọng thần đều mặc tang phục nghinh nhục thân ngài qua dựng tháp ở núi Chung nam.

Sau đó không lâu, có vị Tăng Thiên Trúc vào triều, dâng biểu nói ông gặp hai sứ giả đằng vân đi qua Thông lãnh, liền dùng chú thuật bảo dừng lại, rồi hỏi họ đi đâu. Họ đáp: "Tôi là môn thần của Văn-thù bên Ấn độ, qua phía Đông lấy răng của Bồ-tát Hoa Nghiêm về nước cúng dường".

Vua hạ chiếu mở tháp, quả nhiên thấy mất một cái răng, thân ngài chỉ hiện còn ba mươi chín cái. Đồ chúng trà-tỳ, xá-lợi sáng rỡ óng ánh, lưỡi có màu hồng như hoa sen. Vua vẫn giữ thụy của ngài là Thanh Lương Quốc Sư, tháp hiệu là Diệu Giác. Tướng quốc Bùi Hưu phụng chiếu soạn văn bia, bài minh trong ấy ghi:

Trăng báu Thanh Lương tịch chiếu pháp giới
Lấy tướng Sa-môn ẩn Thế Gian Giải
Vắng lặng rỗng rang trong như chuông đỉnh
Tuyết đóng đầy suối ráng phủ núi non
Bảo thất lặng yên núi linh sừng sững
Dung hòa đất trời vượt trên sấm gió
Xa đời nghỉ thân, thật tế rộng khắp
Giúp vua trị nước cứu bọn ngu mê
Khai mở nguồn huyền hàm tàng linh thánh
Đức cao dồn tụ thấy rõ huyễn hình
Âm hưởng vào tai tánh đâu tạo tác
Sen xanh khỏi bùn sâu không lường nổi
Vừa thọ giới pháp khép mình như luật
Khởi nguyên kết cục sau trước hài hòa
Diễn xướng nguồn huyền xiển dương bí mật
Văn chương trác tuyệt vận cả hai tay
Muốn đến cửa huyền nêu bày Phật pháp
Tiếp nối tông phong rồng bay cao ngất
Sớ vang năm đỉnh sáng tỏa hai kinh
Siêu xuất pháp giới công ngang trăm thành
Muôn hạnh tỏa bày hoa khai gấm cổ
Dẫn dắt quần sinh ban cam lồ vị
Tán thán kim kinh truyền trì diệu nghĩa
Thánh chúa thầy trò truyền trao không ngớt
Kinh điển tuyên dương dịch trường siêu xuất
Một khi luận bàn bao lần cao tột
Giảng thuyết trong triều mở tuôn dòng suối
Tung hoành biện luận nêu tỏ lý huyền
Vua cúng tử y ban hiệu Thanh Lương
Chẳng phải thầy ta ai biết đạo lớn
Chín châu tuân mệnh thắp vô tận đăng
Một người bái lạy thống lãnh tăng nhân
Lưới châu phủ trùm ngầm thông muôn hộ
Chẳng mất nhiều ngày đồng thời tỏ ngộ
An nhàn tự tại đến đi không dấu
Đại sĩ thấy biết làm thông lý mầu
Tây vực thờ răng Phạm tăng liền đến
Tâu xin mở tháp nhan sắc y nguyên

Dựng bia vẽ hình tướng tức không tướng
Biển dung rồng lớn ẩn trong phương trượng
Thánh nhân đi rồi còn ai nương tựa
Ngay sự là lý tháp ngự Chung Nam.

Vua ban sắc lệnh vẽ hình ngài phụng thờ ở Đại Hưng Đường Tự. Văn Tông Hoàng đế ngự chế bài tán:

Trẫm quán pháp giới rộng lớn vô biên
Ứng duyên thành sự toàn dùng hư căn
Quốc sư Thanh Lương mở thông cửa huyền
Rộng ngang pháp giới tổ ta cao vời
Giáo dung biển núi ân tợ đất trời
Nêu cao hai sớ cứu bạt quần mê
Tái sinh trong đời nối truyền Phật nhật
Bốn biển sáng lòa chín châu an lạc
Nêu tỏ Phật môn vượt trên hiền sĩ
Siêu xuất danh thần khắp nơi cầu học
Nhưng sư giữ mình bảo trì đức hạnh
Chuyên thuật kinh sớ xiển dương việc thật
Chân không vô tận duyên đến thì đi
Mùa thu trăng tròn gió trong thổi mát
Diệu hữu bất biến hết duyên thì tịch
Đức hạnh cao vời sáng lòa tinh xá.

Kỷ Mùi: Chế tượng kỳ (cờ tướng). Ngày xưa Thần Nông dùng mặt trời, mặt trăng, sao để làm cờ. Tướng quốc Ngưu Tăng Nhụ đời Đường thay thế bằng xe, ngựa, tướng, sĩ tốt và pháo làm quân cơ trong bàn cờ.

14. Thiền sư Khuê Phong Tông Mật: (Kỷ Mùi)

Ngày sáu tháng giêng năm này, Thiền sư Khuê Phong Tông Mật thị tịch. Tướng quốc Bùi Hưu soạn văn bia truyền pháp. Sư họ Hà, quê ở Tây Duyện, Quả châu, là pháp tôn đời thứ ba mươi chín của Thích-ca Như Lai. Phật trụ thế tám mươi năm diễn nói vô lượng pháp môn cho Trời, Người, Thanh văn, Bồ-tát. Sau cùng đem chánh pháp nhãn tạng giao phó cho Đại Ca-diếp, khiến tổ tổ tương truyền biệt hành ở đời. Vì vậy pháp này là bản nguyên của chúng sinh là điều mà chư Phậ chứng đắc, vượt tất cả lý, lìa tất cả tướng không thể dùng ngôn ngữ trí thức, có không, ẩn hiển mà tìm cầu được, mà chỉ tâm tâm trao truyền, truyền thọ khế hợp, khiến cho mọi người tự chứng thấy biết rõ ràng và tự thọ

nhận mà thôi.

Từ Phật Thích-ca đến Đạt-ma, Đạt-ma đem tâm ấn này sang Đông độ và truyền xuống đến Tào Khê, cả thảy ba mươi ba đời. Tào Khê truyền cho Hà Trạch, Hà Trạch truyền cho Tư Châu Pháp Như, Pháp Như truyền cho Ích Châu Nam Ấn, Nam Ấn truyền cho Toại Châu Đạo Viên, Đạo Viên truyền cho Sư. Với Hà Trạch, Sư là đời thứ năm, với Ca-diếp, Sư là đời thứ ba mươi tám. Thứ tự tông này đúng như vậy.

Sư con nhà hào kiệt thuở nhỏ đã thông Nho học. Một hôm Sư yết kiến Toại Châu Đạo Viên nhưng không gặp và quay về. Giữa đường thấy Đạo Viên nghiễm nhiên như ở trong định, Sư vui mừng mến mộ. Đạo Viên thế phát và cho Sư thọ Cụ túc. Có lần Sư đến nhà thí chủ thọ trai, nhận được Viên Giác Thập Nhị Chương, tụng chưa hết thì hốt nhiên đại ngộ. Sư trở về thưa lại Đạo Viên, Đạo Viên ấn khả. Sư đến yết kiến Thiền sư Thần Chiếu ở Đông kinh. Chiếu hỏi:

- Bồ-tát, người, ông biết được ai?

Sau đó Sư đến yết kiến Thanh Lương Trừng Quán. Quán hỏi:

- Tỳ Lô Hoa Tạng cùng ta hay cùng ông vân du?

Đến lúc vị Tăng ở Hán thượng trao cho Hoa Nghiêm Tân Sớ, Sư liền giảng Hoa Nghiêm. Sau đó ít lâu, Sư trước tác những bộ sớ sao của những kinh như: Viên Giác, Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Kim Cang, Duy Thức, Khởi Tín, Pháp Giới Quán... và Lễ Sám Tu Chứng Đồ Truyện, đồng thời gom tập thiền ngữ của các tông làm thành Thiền tạng và kệ, luận nghĩa, cả thảy hơn chín mươi quyển. Có người cho Sư không chuộng Thiền quán mà chỉ giảng kinh luận, giao du với những người có tiếng tăm trong ấp, trong kinh để dựng đạo tràng là chính, như vậy bị đa văn đưa đẩy, lẽ đâu chưa quên được thanh danh lợi lộc?

Sư đáp:

- Ôi! Nhất tâm là đầu mối của vạn pháp. Phân ra thì thành giới, định, tuệ. Mở rộng thì thành Lục độ, bủa ra thì thành muôn hạnh. Muôn hạnh chưa từng không phải là nhất tâm. Nhất tâm chưa từng trái với muôn hạnh. Thiền là một trong Lục độ mà thôi, làm sao thâu tóm các pháp được? Vả lại Như Lai đem pháp nhãn truyền cho Ca-diếp mà không dùng pháp hành nên tự tâm chứng đắc tức là pháp. Tuy hành mà khởi mới gọi là bị đưa đẩy, tuy được nhưng chưa chắc đã giống nhau. Thế nhưng, nhất tâm là sở sinh của vạn pháp nhưng không lệ thuộc vạn pháp, hễ chứng được thì tự tại trong các pháp, hễ thấy được thì vô ngại đối với giáo. Vốn chẳng phải pháp nên không thể dùng pháp diễn nói. Vốn chẳng phải giáo nên không thể dùng giáo mà truyền, lẽ đâu có thể

lần tìm được dấu vết chăng!

Từ Ca-diếp đến Phú-na-xạ-na, gồm mười tổ đều là bậc La-hán, người được độ cũng là La-hán. Đến Mã Minh, Long Thọ, Đề-bà, Thiên Thân mới mở hạnh Đại thừa viết luận, giải thích kinh. Phá diệt ngoại đạo là Bồ-tát chủ xướng, chỉ có Tôn giả Xà-dạ dùng năng lực của giới làm uy thần; Tôn giả Ma-la dùng khổ hạnh làm đạo tích. Còn lại những vị tổ khác, có người chuyên hành pháp giáo, có người chuyên tâm thiền định hoặc thoát thân mà đi, hoặc đốt thân mà tịch, hoặc níu cành cây mà mất, hoặc bị hại để đền nợ trước. Đó là pháp đồng mà hạnh không đồng. Vả lại lần theo dấu vết không phải là thiện hạnh, giữ theo quy củ chữ nghĩa không phải là thiện xảo, không mau chóng không phải là thượng thừa, không siêu việt không phải là đại sĩ. Thế nên Thiền sư hành đạo lấy tri kiến làm diệu môn, lấy vắng lặng làm chánh vị, lấy từ nhẫn là giáp trụ, lấy tuệ đoạn làm kiếm kích, phá tường thành của nội ma, hãm thế trận của ngoại tặc, trấn an tà tạp, giải tỏa vòng vây, gặp cùng tử thì nạt bảo quay về, thấy bần nữ thì thét bảo phải chiếu soi lại thất. Cùng tử chẳng về, bần nữ chẳng giàu, thầy ta thấy hổ thẹn. Tam thừa không thịnh, Tứ phần không vượng, thầy ta hổ thẹn. Trung hiếu không vẹn toàn, không gánh nổi trọng trách, thầy ta hổ thẹn. Vì thế phấn chấn mà cứu bạt, hồ hởi mà dẫn dắt, không cho một hạnh là cao, không lấy một đức mà đủ. Người đến quy y không đợi họ mời mới đi người đến cầu học, không đợi thỉnh mới giảng. Thế nhưng già trẻ không ngại tiếp đãi, kẻ xấc xược vẫn không ngại khuyên răn. Ngài xiển giáo độ sinh, giúp nước nhà an dân như thế. Bởi vậy cách giáo hóa thiết thực của Sư là gặp người nghèo thì ban cho, gặp kẻ bạo thì thúc liễm họ, gặp kẻ cang cường thì tùy thuận, gặp kẻ ngang ngược thì thuận theo, gặp kẻ ngu mê thì khai hóa, gặp kẻ giãi đãi thì khích lệ. Với kẻ vinh hoa thì dạy họ khiêm nhường, với người cố chấp thì khuyên họ thay đổi, với kẻ tư lợi thì dạy họ theo phép công, với người nặng tình thì khuyên họ theo nghĩa. Nhờ đó thế tục có người thay đổi cách sống, đoạn tuyệt ăn mặn, có người vâng giữ giới pháp mà thân cận Sư, có người ra làm quan để cứu nỗi khổ cho thiên hạ, có người lui về ở ẩn phụng dưỡng cha mẹ, cúng dường làm phước. Ngoài ra còn biết bao người vui vẻ mà đến, hồ hởi mà đi, phất áo mà tới, thỏa mãn mà về, thật không đếm xiết. Sư đích thị là Bồ-tát mà Như Lai phó chúc, là bạn lành mà chúng sinh chẳng mời. Sư là một trong Tứ y, là hàng Thập địa Bồ-tát. Tôi không biết cảnh giới sở trụ của Sư rộng hay hẹp thì những người luận bàn lẽ đâu lại biết đại đạo mà sư thú hướng chăng.

Sư thọ sáu mươi hai tuổi, tăng lạp ba mươi bốn hạ. Tuyên Tông truy tặng Sư hiệu là Định Tuệ Thiền Sư. Môn nhân đệ tử tại gia, xuất gia có đến vài ngàn người.

Canh Thân: Tháng giêng vua mất, di lệnh cho Thái tử coi việc trị quốc. Khi vua mất, Cừu Sĩ Lương lập Dĩnh Vương là em thái tử lên ngôi, Lý Đức Dụ là Tể tướng.

15. Vũ Tông: (Tân Dậu)

Vũ Tông tên là Viêm, con thứ năm của Mục Tông, mẹ là Vi Thái hậu. Trước khi chết, Cừu Sĩ Lương bảo bọn tay chân rằng: "Thiên tử xa xỉ vô đạo, chớ để vua đọc sách thân cận bọn Nho gia." Về sau vua uống đan dược, tính tình nóng nảy, vui giận bất thường. Ông thọ ba mươi bốn tuổi, trị vì sáu năm, lên ngôi đổi niên hiệu là Hội Xương.

Từ nhỏ vua đã không ưa Phật giáo. Ông lên ngôi tháng giêng năm này. Tháng bảy ở Quế châu, ngựa sinh con ngựa con ba cẳng. Tháng chín vua mời đạo sĩ Triệu Quy Chân... cả thảy tám mươi mốt người vào cấm thành dựng Kim Lục đạo tràng ở Tam điện. Tháng mười vua đến Tam điện, lên Cửu tiên huyền đàn nhận Pháp lục. Tả thập Di Vương Triết can:

- Mới dựng vương nghiệp, bệ hạ không nên sùng tín thái quá.

Nhưng vua không nghe.

16. Thiền sư Vân Nham Đàm Thạnh ở Đàm châu:

Tháng mười năm này, Thiền sư Vân Nham Đàm Thạnh ở Đàm châu thị tịch. Sư họ Vương, quê ở Kiến Xương, Chung Lăng. Thuở nhỏ xuất gia ở Thạch Môn, tham học với Sư Bá Trượng nhưng chưa ngộ huyền chỉ. Sư hầu hạ Bá Trương hai mươi năm. Bá Trượng tịch, Sư đến yết kiến Dược Sơn, chuyên tâm hầu hạ.

Một hôm, Dược Sơn hỏi Sư:

- Ông làm gì thế?

Sư đáp:

- Gánh phân.

- Ở đâu?

- Ở đây.

- Gánh cho ai?

- Gánh cho người khác.

- Sao không bảo họ cùng làm?

Sư đáp:

- Hòa thượng chớ chê ông ấy.
- Chẳng hợp thì nói làm gì.

Sư hỏi:

- Phải nói thế nào?

Dược Sơn gạn lại:

- Ông từng gánh chưa?

Ngay câu nói này Sư liền khế hội.

Một hôm Dược Sơn hỏi Sư:

- Ta nghe nói ông biết múa sư tử phải không?
- Dạ phải.
- Múa được mấy xuất?
- Múa được sáu xuất.
- Ta cũng múa được.
- Hòa thượng múa được mấy xuất?
- Ta múa được một xuất.

Sư nói:

- Một tức sáu, sáu tức một.

Sau, Sư đến Quy Sơn. Quy Sơn hỏi:

- Nghe nói Trưởng lão múa sư tử ở chỗ Dược Sơn phải không?
- Đúng vậy.
- Múa liên tục hay có lúc nghỉ?
- Muốn múa thì múa, muốn nghỉ thì nghỉ.
- Lúc nghỉ sư tử ở đâu?

Sư đáp:

- Nghỉ, nghỉ!

Đạo Ngô hỏi Sư:

- Thế nào là Đại Bi ngàn tay ngàn mắt?

Sư đáp:

- Như lúc không có đèn mà lấy được cái gối, ông nói thế nào?

Đạo Ngô nói:

- Tôi hiểu, tôi hiểu.

Sư hỏi:

- Ông hiểu thế nào?
- Toàn thân là tay mắt.

Động Sơn nói với Sư:

- Tối thầy xin tròng con mắt.

Sư hỏi:

- Ông đến với ai?

- Không có Lương giới.
- Nếu có ông để chỗ nào?

Động Sơn không đáp. Sư hỏi:

- Người xin tròng mắt là con mắt chăng?
- Chẳng phải con mắt.

Sư nạt đuổi ra.

Ngày mười sáu tháng hai, Sư tắm rửa xong, gọi chủ sự bảo sắm sửa trai đàn, ngày mai có Thượng tọa đi. Đến ngày hai mươi bảy cũng chẳng thấy ai đi cả. Tới tối, Sư quy tịch thọ sáu mươi tuổi. Đồ chúng trà-tỳ, thâu được hơn ngàn hạt xá-lợi. Vua truy tặng Sư thụy là Vô Trụ Đại sư, tháp hiệu là Tịnh Thắng.

Tháng sáu, vua phong Hoành Sơn đạo sĩ Lưu Huyền Tĩnh làm Quang Lộc đại phu, đưa vào Sùng Huyền quán học sĩ, sai Tĩnh cùng Triệu Quy Chân ở trong cấm thành tu pháp lục. Tả phụ Khuyết Lưu Huyền Mô dâng sớ ra sức can gián. Vua giáng Huyền Mô ra làm Hà Nam hộ tào.

17. Vua hạ chiếu muốn cầu phép tiên:

Tháng giêng năm thứ ba, vua hạ chiếu rằng:

"Tháng trai giới không ăn thịt phát xuất từ nhà Phật, quốc gia dựng nghiệp gần nhà Lương, nhà Tùy, khanh tướng đại thần có kẻ chuộng cái tệ này. Từ nay, chỉ có tháng giêng là tháng bắt đầu vạn vật, sinh sôi, nên phải không ăn thịt ba tháng, những ngày kỵ của tiên thánh chỉ không ăn thịt một ngày thôi, còn lại không cấm ăn thịt".

Tháng ba, dùng Đạo sĩ Triệu Quy Chân làm Tả hữu Nhai đạo Môn giáo thọ tiên sinh. Bấy giờ vua khăng khăng muốn cầu phép tiên, thờ Quy Chân làm thầy. Chân lợi dụng ân sủng, nên mỗi lần gặp vua đều bài xích Phật giáo, cho rằng không phải giáo pháp của Trung Quốc, làm tổn hại sinh linh nên dẹp hết đi. Vua rất hài lòng. Quy Chân lại xin được biện luận với Phật giáo. Vua hạ chỉ cho Tăng, Đạo cùng biện luận tại điện Lân Đức. Pháp sư Tri Huyền lên luận tòa, biện luận tinh thông, bọn đạo sĩ không khuất phục ngài được. Tri Huyền nhân đó tâu:

- Nhà vua phải noi theo phép tắc của lễ, nhạc thì thiên hạ mới thịnh trị, bãi bỏ việc ăn uống là do bọn thất phu ở núi rừng chuyên quyền, xin bệ hạ đừng lưu tâm.

Vua tỏ ý bất bình, thị thần ngâm thơ phú của ngài để giải khuây. Huyền liền dâng năm thiên. Trong ấy có câu "Lưng hạc cong queo lưng rồng nhẫn, quân vương chỉ sống một ngàn năm". Vua biết ngài châm

chọc mình, liền đuổi ngài về Tang tử.

Luận rằng: "Xưa Chu Vũ phế Phật giáo, Sa-môn liều mình tranh đấu gần mấy mươi người, dù không thay đổi được Sư mê lầm của Vũ nhưng đủ thấy giáo pháp ta vẫn có người. Đến lúc Đường Cao Tổ bàn việc sa thải thì Tuệ Thừa, Huyền Uyển, Trí Thật, Pháp Lâm... hùng hồn tranh luận, khẳng khái dẫn dụ, không thẹn là những người chân chính trong dòng pháp vương. Từ Đại Lịch về sau, tổ đạo đã hưng, hào kiệt chúng ta đa phần thú hướng rừng thiền. Đến bấy giờ, Vũ Tông bàn việc phế giáo thì mới biết chỉ có một mình Tri Huyền đứng ra tranh luận mà thôi. Tuy không giải tỏa được định kiến của Vũ Tông nhưng vận số Phật giáo cũng thoát được sự hủy diệt. Phàm là Sa-môn ở trong việc ứng biến không một lời có thể ghi chép, Phật pháp cao rộng như trời cũng chính là cái tội do bọn ta thất học.

18. Dựng Vọng Tiên lâu trong cung cấm: (Giáp Tý)

Tháng giêng, vua cho dựng Vọng Tiên lâu trong cung cấm, nhóm họp bọn đạo sĩ trên ấy để luận bàn việc tiên. Hồi đó, Triệu Quy Chân rất được vua sủng ái. Gián Quan nhiều lần dâng sớ tâu vua. Vua hỏi Tể tướng:

- Gián Quan luận về Triệu Quy Chân, việc này ta muốn cho các khanh cùng biết. Trong cung của trẫm vô sự, đoạn tuyệt thanh sắc, ông hãy nói với mọi người như thế.

Lý Đức Dụ thưa:

- Thần không dám nói đến những việc hay dở của tiên triều, Triệu Quy Chân từng ra vào thân cận với triều Kính Tông, xét theo mối thâm tình ấy, thần không mong bệ hạ gần gũi ông ấy nữa.

Vua nói:

- Hồi đó trẫm đã biết ông ta, nhưng không biết tên nên gọi là Triệu Luyện Sư. Trong thời Kính Tông, ông ấy cũng không quá ác, trẫm bàn luận với ông ta để giải khuây đó thôi. Còn những việc quân việc nước, trẫm chỉ bàn bạc với các khanh thôi, lẽ đâu đi hỏi đạo sĩ.

Từ đó Tể tướng không can gián nữa. Quy Chân liền dâng vua Thiệp Vật Luận, lại tiến cử La Phù Sơn đạo sĩ Đặng Nguyên Siêu vì Siêu có thuật trường sinh. Vua sai Trung sứ đi đón Siêu. Siêu đến liền cùng bọn Quy Chân, Lưu Huyền Tĩnh ra sức bài xích Phật giáo, thế là lệnh đập chùa được ban hành.

Tháng tư, vua sai Tứ Bộ thống kê toàn bộ chùa hiền, Tăng Ni trong nước, tổng cộng gồm bốn mươi bốn ngàn sáu trăm ngôi chùa, hai

trăm sáu mươi lăm ngàn Tăng Ni.

19. Vua ra sắc lệnh đập bớt chùa chiền trong thiên hạ:

Tháng năm, vua ra sắc lệnh đập bớt chùa chiền trong nước. Trung thư Môn Hạ Quan tâu:

- Những châu nào có quan lại hành hương vào những ngày quốc kỵ thì giữ lại một ngôi, còn các châu khác đều phải đập bỏ. Tất cả tôn dung của liệt Thánh đều phải dồn vào trong một chùa. Hai bên đường của Lưỡng kinh đều giữ lại mười ngôi, Tăng chúng là mười người.

Vua ra sắc lệnh nói:

"Những châu trên, mỗi châu giữ lại một ngôi chùa, có kiến trúc tinh xảo, nếu phá sập đều nên hủy sạch. Ngày hành hương, quan lại nên đến đạo quán, thượng đô. Đông đô mỗi đô giữ lại bốn ngôi, Tăng là ba mươi người".

Trung thư Môn Hạ lại tâu:

- Chuông, khánh, tượng đồng của những chùa bị đập phải đưa vào lò đúc để đúc tiền, còn tượng sắt phải dồn hết về đây đúc nông cụ. Những tượng bằng vàng, bạc, lụa, đá... phải giao nộp cho Độ chi. Nhà quan lại, thứ dân nếu có tượng vàng, tượng bạc... đều phải đem nộp hết, hạn chót là một tháng.

Tháng tám vua ra sắc lệnh:

"Trẫm nghe thời Tam Đại chưa có Phật. Sau thời Hán, Ngụy Phật giáo mới dần dần nổi lên. Từ đó về sau truyền những thứ khác tục này, nguyên nhân tập nhiễm ngày càng lan rộng, đến nay làm sụp đổ nước nhà mà chẳng ai hay biết, đến nỗi dụ dỗ mê hoặc lòng người làm người ta càng mê. Trong cả chín châu, nơi núi rừng, đồng bằng, thành nội, Lưỡng kinh Tăng đồ ngày càng nhiều, chùa Phật ngày một thêm, lao nhọc sức người, tốn hao tiền của, cướp lấy bảo vật của người trang sức chùa chiền, đặt vua tôi vào hàng thầy trò, gán ghép bừa vào trong giới luật, làm hoại phép tắc, làm hư người ta không gì hơn đạo này. Một kẻ không cày cấy ắt phải chịu đói khổ, nay Tăng Ni trong thiên hạ không biết bao nhiêu mà kể đều đợi nông dân cày mà có cái ăn, đợi người nuôi tằm dệt mà có cái mặc. Vật dụng trong chùa cũng không sao đếm hết, đều là để trang hoàng lộng lẫy, toan tính đến chỗ ở. Tấn, Tông, Tề, Lương người của cạn kiệt, phong tục bại hoại đều do nhà Phật mà ra. Huống gì Cao Tổ Thái Tông ta dùng võ mà định họa loạn, dùng văn mà trị thiên hạ, nhờ hai thứ này mà kinh bang tế thế, lẽ đâu lại để giáo pháp của một nước cỏn con bên Tây phương đối đầu với phép tắc của

ta sao.

Năm Trinh Quán, Khai Nguyên cũng đã hủy diệt nhưng chưa tận gốc nên mới kéo dài đến bây giờ. Trẫm xem khắp những lời luận bàn kiến nghị của triều trước nên việc thay đổi cái tệ này quyết không nghi ngờ nữa mà ý của trung thần từ trong ra ngoài đều hợp ý trẫm. Điều lệnh này đến phải thi hành ngay. Nêu cái tệ của ngàn xưa làm thành phép của trăm vương, làm lợi cho muôn dân, ta còn e ngại gì nữa. Những chùa bị đập phá, Tăng Ni phải hoàn tục nộp tô thuế.

Than ôi! Đời trước chưa làm dường như có ý chờ đợi, đến nay đập hết lẽ đâu không đúng lúc. Đuổi bọn lười biếng du thủ du thực đến năm mươi vãn người, đập bỏ những ngôi nhà nguy nga vô dụng đến sáu mươi ngàn ngôi, từ đó mà thanh tịnh dạy người, khiến họ ưa lý vô vi, dễ dàng mà cai trị, thành công ngay trước mắt, khiến cho dân đen khắp sáu phương đồng theo vương pháp. Ngày nào cải cách vẫn còn chưa biết, nay ban lệnh này để trăm quan biết ý trẫm”.

20. Vua hạ chiếu phế bỏ đạo Phật: (Ất sửu)

Tháng ba, vua không thiết triều, theo bọn phương sĩ uống kim đan, nhận pháp lục đến nỗi tánh tình buồn vui thất thường và dẫn đến bệnh nặng. Cả mười ngày, vua không nói được và chết, thọ ba mươi ba tuổi.

Trong Cựu Sử tán ghi:

“Lệnh phế bỏ Phật giáo của Chiêu Tông, Túc Tông, bắt tội những người du phương, lười biếng là muốn thay đổi di phong, cải cách phong tục mà không thấy cái khúc học của Tiêu Diễn, Diêu Hưng, không tỏ được cái vọng cầu của Thỉ Hoàng, Hán Vũ. Vì vậy mà bị mê hoặc vì lời của bọn tà đạo, một mực bài xích giáo pháp của dị phương. Huống gì pháp của nước Thân độc lan sang phía Đông đã ngàn năm rồi, muôn dân chất phác cũng quen thành tập tục. Đáng sợ vì giáo pháp Phật còn hơn quốc pháp, vui là vì đồ chúng Phật chẳng khác bọn tiên. Còn như những người hủy hình cắt tóc chỉ là trò đùa phun lửa, nuốt thuyền mà thôi. Lẽ đâu có thể khuôn chánh học bằng Hàm Thiều, bó buộc họ bằng Chương Phủ được sao. Thêm vào đó, bọn gian nịnh như Trức Dung, Hà Sung không đời nào chẳng có. Dù những người hiền tài như Tuân Khanh, Mạnh Tử cũng chưa chắc chịu phản đối. Một sớm ra tay đập đổ tượng Phật, thiêu hủy kinh điển, rốt cuộc chuốc oán với Sa-môn, gây hận với thất phu. Việc làm của Triết Vương quả thật chẳng biết sợ tình người. Đời trước tồn tại mà chẳng bàn đến, thật là đúng đạo. Muốn cải cách mối tệ phải đợi đến lúc thái bình. Chiêu Tông, Mục Tông đáng gọi

là bậc minh quân nhưng lại đồng lõa với mối tệ vậy”.

Luận rằng: “Trong Cựu sử Vũ Tông Kỷ ghi việc trừ bỏ Phật giáo rất tường tận. Đương thời bọn đạo giáo lợi dụng việc ân sủng cố sức khuynh hại đạo pháp ta, nhưng cũng do đại thần Lý Đức Dụ phụ giúp mới nên việc”.

Trong Tân sử ghi:

“Vũ Tông điềm nhiên thẳng tay phế trừ Phật giáo, bản thân ông thì nhận pháp lục của đạo gia, uống thuốc cầu trường sinh. Đó đủ thấy ông ấy chẳng sáng suốt, chẳng mê hoặc mà chỉ là tốt xấu không đồng mà thôi.

Than ôi! Vũ Tông chẳng sáng suốt, chẳng mê hoặc lẽ đâu chỉ có Thích, Lão là có tốt xấu không đồng thôi sao. Ông ấy chỉ tin Lý Đức Dụ, kẻ chuyên quyền bày mưu, bè đảng đấu đá nhau, tuy cũng có công dẹp trừ bọn phản loạn, nhưng thành công chẳng thấy ngược lại gây oán với trăm họ. Nếu ông ta nắm quyền lâu nữa thì có khác gì Lý Lâm Phủ đâu”.

Người xưa nói:

“Thượng lưu bị tội thì trời phạt, thứ dân bị tội thì ắt chết. Khác nhau thay”.

Báo Ứng truyện ghi:

“Ngày rằm tháng giêng, có một người ban đêm đến lăng của Mục Tông. Bỗng nghe có người nói chuyện, ông cho là kẻ trộm liền vạch bụi rậm tìm, lúc đó bỗng có người mặc lụa đỏ cầm cuốn sổ hỏi:

- Mộ nằm ở đâu?

Có hai viên quan bước ra thưa:

- Ngay đây.

- Lục Hải Tây Quân sứ giả đến chưa?

- Ngày mười tám mới đến được.

- Sao thế?

- Vì Lý Viêm phá hủy Thánh giáo, giảm thọ mười hai năm, đang cùng Hải Tây Quân tính tội phước rồi mới đến.

Lúc bấy giờ có người lái buôn từ phía Đông đến, cùng tìm nhưng chẳng thấy. Năm đó, quả nhiên Vũ Tông chết”.

Bính Dần: Tháng ba, vua mất. Con còn nhỏ, Hoàng Thái thúc lên nối ngôi. Tháng tư đày Lý Đực Dụ ra làm Kinh Nam Tiết độ sứ.

21. Tuyên Tông: (Đinh Mão)

Tuyên Tông tên là Thầm, con thứ mười ba của Hiến Tông. Ban

đầu ông được phong làm Quang Vương rồi nhường ngôi cho cháu Văn Tông là Vũ Tông. Về sau, Vũ Tông vô đạo đánh ông ngất và vứt trong nhà xí. Hoạn quan Cừu Công, Vũ Tiềm Thâu cứu ông, ông thế phát làm Tăng. Sau đó ông được nhận lại chức Giang lăng Thiếu doãn. Khi Vũ Tông bệnh chết, lập Quang Vương làm Hoàng Thái thúc và lên ngôi trước linh cữu của Vũ Tông. Do lưu lạc ở dân gian nên ông biết rõ mầm móng phản loạn. Vì vậy ông cần mẫn lo cho dân, cho nước. Nhìn lại sự hôn mê bạo ngược của Vũ Tông, ông cho dựng lại rất nhiều chùa chiền. Ông mất ở điện Hàm Ninh, thọ năm mươi tuổi, an táng ở Trinh lăng. Trị vì mười ba năm. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Đại Trung.

22. Vua hạ chiếu phục hưng Phật giáo:

Tháng ba, vua hạ chiếu:

"Cuối năm Hội Xương, chùa chiền đều bị đập phá, tuy nói là giáo pháp của dị phương, kể ra cũng đúng nhưng người Trung Quốc từ lâu đã hành trì Phật pháp, cải cách quá đáng, sự thể sai lầm. Những chùa chiền bị đập phá trong năm Hội Xương thứ năm cùng các vị Đại đức của những chùa ấy vẫn tịnh tu lại nơi cũ, tu sửa chùa chiền mời họ trụ trì.

23. Cư sĩ Bạch Cư Dị ở Hương sơn:

Năm này, Thượng thư Bạch Cư Dị mất, thọ bảy mươi lăm tuổi. Vua tặng ông chức Thượng thư Tả bộc xạ và dùng thi ca đến phúng viếng. Khi Bạch Cư Dị gặp được Hiến Tông, không việc gì ông không bày tỏ. Ông chỉ là người hiền vạch kẻ nịnh, phần nhiều vua nghe theo. Nhưng nửa chừng bị đố kỵ nên ông bị đuổi. Nỗi lòng không được bày tỏ nên ông phóng tâm trong thi ca, rượu chè hay tùy thuận cảnh ngộ, phó thác mình trong thuyết sống chết của nhà Phật, dường như quên cả hình hài. Về sau, ông được vua dùng lại, nhưng vua còn nhỏ, càng uyển chuyển thì lại càng không hợp. Không bao lâu ông cáo bệnh rồi đi, thế là không toại ý lập được công danh.

Ông kết thân với em là Hành Giản và em cùng họ là Mẫn Trung. Ông về quê ở Đông đô, quanh nhà khơi mương trồng cây, xếp đá làm lầu, ông đụt tám khe nước ở Hương sơn, lấy tên là Túy Ngâm tiên sinh để bày tỏ chí mình. Về già ông rất mến mộ Phật pháp. Cả tháng không ăn mặn, tự lấy hiệu là Hương Sơn Cư sĩ, thường giao du với Hồ Cảo... cả thảy chín người đều là những người không chịu làm quan. Người ta mến mộ bèn thêu cả thảy chín ông già ấy trên lụa. Bạch Cư Dị rất giỏi văn chương mà nhất là thi phú. Đương thời văn nhân đua nhau truyền tụng.

Hồi ấy mới sinh được bảy tháng, ông đã biết giở sách, nhũ mẫu chỉ hai chữ "Chi, Vô" và thử đến trăm lần nhưng ông chỉ không sai. Lên chín tuổi ông ngầm hiểu được âm luật, dốc lòng trong văn chương, âu đó cũng là thiên tính. Sau khi mất ông cúng dường đất đai nhà cửa của mình làm chùa. Tuyên Tông thương tiếc tài ông, cất nhắc em ông là Mẫn Trung lên làm Tể tướng.

Có lần ông bị bệnh ở chân, ông quỳ trước tượng Phật Di-đà khấn nguyện, rồi làm bài ký rằng:

"Đức Bổn Sư Thích-ca Như Lai chúng ta nói:

"Từ đây đi về phương Tây qua mười vạn ức cõi Phật có một thế giới tên là Cực lạc. Vì muốn cõi nước ấy không có tám khổ, bốn ác đạo. Nước ấy tên là Tịnh độ vì không có ba độc, năm trược. Đức Phật ấy hiệu là A-di-đà". Vì thọ mạng vô lượng, bổn nguyện vô lượng, công đức, tướng hảo, quang minh thảy đều vô lượng. Ngài quán xét chúng sinh trong cõi Ta-bà này không có hiền ngu, không có sang hèn, không có già trẻ. Nếu người nào phát tâm quay về với Phật chỉ chắp tay đều hướng về Tây phương. Người sợ nguy, khổ não mở miệng thì liền niệm A-di-đà. Lại nữa, người đúc vàng, đắp đát, chạm đá, thêu lụa cho đến trẻ con dùng nước vẽ, lấy cát đáp đều nắn tạo thân tượng A-di-đà là trước hết chẳng biết vì lý do gì mà ai nấy đều làm như vậy. Từ đó mà xét đức ấy quả có đại thệ nguyện với chúng sinh trong cõi này, chúng sinh có đại nhân duyên với cõi nước kia, thật quá rõ ràng. Nếu không, Đông, Tây, Nam, Bắc, quá khứ, hiện tại, vị lai có vô lượng Phật, tại sao chỉ niệm Phật Di-đà. Tại sao chỉ làm như vậy".

Đường Trung Đại Phu Thái Tử Thiếu Phó Bạch Cư Dị, trong những năm cuối đời lại mắc bệnh phong thấp, bèn cúng ba mươi vạn tiền nhờ thợ vẽ Đỗ Kính Tông dựa trên hai bộ kinh A-di-đà và Vô Lượng Thọ, vẽ bức họa đồ về thế giới Tây phương, cao chín thước, rộng một trượng ba thước. Trong đó Phật A-di-đà ngồi ở giữa, Quán Âm Thế Chí đứng hầu hai bên, trời người chiêm ngưỡng, quyến thuộc vây quanh, đền đài kỹ nhạc, cây nước hoa chim, bảy báu trang nghiêm năm màu giăng tỏa, rực rỡ huy hoàng thành tựu công đức. Đệ tử Bạch Cư Dị đốt hương quỳ khấu lạy trước Thánh tượng, khởi tâm Từ bi, phát thệ nguyện lớn, nguyện đem công đức này hồi hướng cho tất cả chúng sinh. Tất cả chúng sinh nếu người nào già như con, bệnh như con nguyện cho họ lìa khổ được vui, bỏ ác tu thiện, chẳng ra Nam thiệm mà liền thấy Tây phương. Bạch hào phóng quang, tùy niệm liền đến, sen xanh thượng phẩm tùy niệm vãng sinh, từ thân hiện tại đến tận vị lai thường gần gũi Phật, tận tâm

cúng dường. Con muốn nêu lại nghĩa này nên làm lời tán:

Thế giới cực lạc cõi thanh tịnh
Không có ác đạo và thống khổ
Nguyện những ai già bệnh như con
Đều được sinh về cõi Phật ấy.

24. Vua hạ chiếu giáng chức Lý Đức Dụ: (Mậu thìn)

Tháng chín, vua hạ chiếu nói:

"Triều châu Tư mã Lý Đức Dụ vốn tàn hại môn đệ, dẫm xéo vương uy, nhiều lần ở trong vinh hiển tướng võ tướng văn nhưng chỉ làm kẻ gian nịnh khuynh loát. Trong những năm Hội Xương, Dụ là người được ân sủng nhất trong hàng vương công, liền dua nịnh để được lòng vua, cứ ngang bừa mà nắm chính sự, chuyên quyền sinh sự, ghét hiền hại trung, lắm mưu nhiều mẹo ngầm ôm lòng phản nghịch, gặp việc ngay thì phế bỏ, gặp việc lành thì bài xích, vu cáo trung lương, lập bè kết đảng để cầu danh, dung túng gian nịnh, ngụy tạo công lao để được tiếng khen, mưu kế quỷ như cầm thú, tội kia thật dối cả trời. Bọn thuộc hạ ngang ngược tứ phương chưa từng biết nhường nhịn, đẩy quốc sử vào tay rể yêu, hãm bí văn trong thân con hèn, đến như thư tín cũng bị tay chân y quyết đoán. Dựa theo Nguyên Hòa Thực Lục thì những sách không khắc bản lại chuyên quyền sửa đổi không hề biết sợ, cướp lấy công cán của người ta làm tài năng siêu tuyệt cho mình, giúp ẩn tình của Lý Vinh, kết ân oán với Ngô Tương, dù nhổ hết tóc của y, tội ấy vẫn chưa hết. Cứ xem ông ấy khinh lờn, đủ thấy trong mắt chẳng có vua. Trẫm vốn giữ thể diện cho y nên từ lâu vẫn có ý bao dung, dù đuổi về làm dân thường, tước bỏ hết bổng lộc thì vẫn còn đọng lại hình thù hôi thối để liếc xem."

Dụ tỏ ý kinh sợ nhưng vua không nghe, tội ác quá nhiều công khanh cũng hết đường xin giúp. Vua đày Dụ ra Nhai châu Ty hộ. Không bao lâu Lý Đức Dụ xấu hổ rồi chết. Dụ báo mộng khổ cầu với Tể tướng Lệnh Hồ Đào, xin ông an táng xác mình. Kẻ trí thức gọi ông là "Hồn dữ tuy chết nhưng chẳng đáng thương".

Luận rằng: Lý Tập Chi đời Đường nói:

"Sử quan chép việc không được ghi thật, bèn dựa hành trạng gọi là thụy. Phàm là hành trạng đều do môn sinh, quan cũ viết nếu lời lẽ hư dối lại càng không đáng tin. Tôi xem hành trạng của Lý Đức Dụ do Trịnh Á vốn là quan nhất phẩm trong năm Hội Xương viết, trong ấy cũng phô trương công lao của Đức Dụ giống y như Tân sử. Nhưng Cựu

sử Vũ Tông Kỷ thì ghi các ác xấu của Đức Dụ rất hợp với ngôn từ trong chiếu chỉ. Như vậy Tân sử vẫn tin theo lời lẽ của bọn quan cũ, lẽ đâu không phải làm mê lầm cho hậu lai đó sao.”

25. Thiền sư Hoa Lâm Thiện Giác:

Hồ nam Quán sát sứ Bùi Hưu đến yết kiến Thiền sư Hoa Lâm Thiện Giác. Hưu hỏi:

- Sư có thị giả không?

Sư đáp:

- Có một hai người.

- Ở đâu không thấy?

Sư bèn gọi:

- Đại Không! Tiểu Không!

Lúc ấy hai con hổ từ sau am bước ra, Hưu thấy thất kinh. Sư nói với con hổ:

- Đi đi! Nhà có khách.

Hai con hổ gầm gừ rồi đi. Hưu hỏi:

- Sư làm hạnh nghiệp gì mà cảm được như vậy?

Sư im lặng giây lâu rồi hỏi Hưu:

- Hiểu không?

- Không hiểu.

Sư nói:

- Sơn tăng thường niệm Quán Âm.

Hưu nghe, tán thán rồi quay về.

Sư ẩn cư, ban đêm thường cầm trượng xuống chân núi. Cứ đi bảy bước, Sư chống tích trượng và xưng niệm danh hiệu Quán Âm.

Một lần có vị Tăng đến tham học, vừa mới trải tọa cụ. Sư nói:

- Thong thả đã.

Tăng thưa:

- Hòa thượng thấy cái gì?

Sư nói:

- Đáng tiếc để đá cuội phá vỡ lầu chuông.

Vị Tăng nghe liền tỉnh ngộ.

Kỷ Tỵ: Tháng giêng trong đám mây ngũ sắc bỗng hiện chân thân Phật. Lại ở các châu như Hà, Hoàng Qua, Sa Y, túc... cả thảy mười một châu, trong chùa cũng đều có hiện tượng đó.

26. Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận:

Sư quê ở Phước Đường, dung mạo tuấn tú, từng du phương tham học. Sau đến yết kiến Mã Tổ. Mã Tổ thị tịch. Sư đến yết kiến Bá Trượng và hỏi về cơ duyên hàng ngày của Mã Tổ. Bá Trượng bảo Sư tham cứu lại chuyện dựng phất tử của Mã Tổ. Ngay câu nói đó, Sư đại ngộ. Bá Trượng nói:

- Ngày sau ông nối pháp Mã Tổ.

Sư thưa:

- Không! Ngày nay nhờ Hòa thượng nhắc lại con được thấy đại cơ, đại dụng của Mã Tổ. Nếu con thừa kế Mã Tổ, về sau con sẽ mất hết con cháu của con.

Bá Trượng nói:

- Đúng thế, đúng thế! Thấy bằng thầy là kém thầy nửa đức, thấy vượt hơn thầy mới kham nổi việc truyền trao.

Từ đó Sư trà trộn trong chúng, mãi đến khi gặp Quán sát sứ Bùi Hưu ở Dự Chương, đạo duyên khế hợp, Sư mới bắt đầu xuất chúng giảng pháp.

Có lần Sư dạy chúng:

- Các ông còn muốn cầu cái gì nữa?

Nói rồi lấy gậy đuổi họ đi nhưng chúng vẫn không đi. Nhân đó Sư nói:

- Các ông toàn là bọn ăn hèm thế mà lại hành cước để người ta chê cười, thà thấy tám trăm, một ngàn người giải tán còn hơn xúm lại ồn ào. Lúc ta đi hành cước nếu gặp một gã nằm trên đất thì liền xem gã một mạch từ đầu đến chân. Nếu biết có bệnh, liền lấy đãy đựng đầy gạo đem đến cúng dường ông ta. Thế nhưng việc ấy nếu dễ dàng như thế này thì làm gì có việc hôm nay. Các ông đã xưng là hành cước cũng cần phải có chút tinh thần như vậy mới biết được. Trong nước Đại Đường không có Thiền sư.

Có vị Tăng bước ra thưa:

- Như tôn túc các nơi nhóm chúng chỉ dạy, sao lại nói không có Thiền sư?

Sư nói:

- Không phải không có Thiền, chỉ là không có Sư. Ông không thấy sao, dưới pháp hội Mã Tổ có đến tám mươi bốn người nhưng được chánh nhãn của Mã Tổ thì có hai, ba người mà thôi. Hòa thượng Quy Tông là một trong số ấy.

Phàm người xuất gia phải biết việc từ trước. Hơn nữa, Đại sư Ngưu Đầu Pháp Dung dưới pháp hội Tứ Tổ dù nói dọc nói ngang vẫn chưa

biết mấu chốt hướng thượng. Có con mắt và khối óc này mới biện được tông đảng chánh tà. Người thời nay không thể hội được sự, chỉ biết học trên khái niệm ngôn ngữ, an thân trong dãy da rồi bảo là hiểu thiền, như vậy thay thế việc sống chết cho ông được không? Xem thường Tôn túc thì vào địa ngục như tên bắn. Ta vừa thấy người vào cửa liền biết ngay. Các ông biết không? Phải gấp rút nổ lực hành trì, chớ cho là việc dễ. Thọ nhận chén cơm manh áo mà luống phí một đời tất bị người sáng mắt cười chê. Càng về sau ắt bị thế tục lôi đi, phải nhìn xa trông rộng, biết rõ việc gì trên hết. Nếu hiểu thì hiểu ngay, bằng không thì giải tán đi.

Năm Đại trung thứ ba, Sư tịch ở Hoàng Bá. Vua sắc phong sư thụy là Đoạn Tế Thiền sư, tháp hiệu là Quảng Nghiệp.

27. Vua hạ chiếu mời Thiền sư Hoằng Biện vào cung hỏi về tông chỉ Nam Bắc:

Vua hạ chiếu mời Thiền sư Hoằng Biện ở chùa Tiến Phước Kinh triệu vào cung. Vua hỏi Sư:

- Thiền tông sao lại có Nam Bắc?

Sư đáp:

- Thiền môn vốn không Nam Bắc. Xưa Như Lai đem chánh pháp nhãn truyền cho Đại Ca-diếp và lần lượt truyền được ba mươi mốt đời. Đại sư Hoằng Nhẫn của nước ta có hai đệ tử, một người tên Tuệ Năng nhận y pháp về Lãnh nam, một người tên Thần Tú xiển hóa ở phía Bắc. Tuy cùng đắc pháp một lần nhưng khai đạo tỏ ngộ có đốn có tiệm, vì vậy mà gọi là Nam đốn Bắc tiệm, chứ không phải Thiền tông có Nam có Bắc.

Vua hỏi:

- Sao gọi là giới, định, tuệ?

Sư đáp:

- Phòng phi chỉ ác gọi là giới; sáu căn tiếp xúc với cảnh nhưng tâm không chạy theo thì gọi là định; tâm cảnh đều rỗng rang, rõ ràng không mê hoặc thì gọi là tuệ.

Vua hỏi:

- Sao gọi là phương tiện?

Sư đáp:

- Phương tiện là ẩn cái thật, che cái tướng là cửa ngõ quyền xảo để dẫn dắt kẻ trung căn hạ căn. Nếu là người thượng căn thì không nói phương tiện mà chỉ nói đến đạo Vô thượng, đó cũng là lời nói phương

tiện. Nhẫn đến những lời nhiệm mầu của Tổ sư nhằm quên công, dứt quả cũng không ngoài phương tiện.

Vua hỏi:

- Sao gọi là tâm Phật?

Sư đáp:

- Phật là giác, nghĩa là người có trí tuệ giác chiếu thì gọi là tâm Phật. Tâm là tên gọi khác của Phật, như vậy có đến trăm ngàn tên gọi khác nhau. Thể vốn chỉ có một, không hình không tướng, chẳng có các tướng xanh, vàng, đỏ, trắng, nam, nữ. Ở trời nhưng chăng phải trời, ở người nhưng chẳng phải người mà hay hiện trời hiện người, hiện nam hiện nữ, chẳng phải đầu chẳng phải cuối, không sinh không diệt. Vì vậy được gọi là tánh linh giác. Như bệ hạ hàng ngày gặp muôn việc, đó là tâm Phật của Bệ hạ. Giả sử ngàn Phật cùng truyền thì cũng không có sở đắc nào khác.

Vua hỏi:

- Như nay có người niệm Phật thì thế nào?

Sư đáp:

- Như Lai xuất thế làm thầy của trời người, tùy căn cơ mà thuyết pháp. Nếu là người thượng căn thì Phật nói lý tột cùng đốn ngộ của thượng thừa. Nếu là trung căn hạ căn chưa thể hiểu ngay được thì Phật khai thị mười sáu quán môn, như nói cho bà Vi-đề-hy nghe, để họ niệm Phật cầu sinh Cực lạc. Thế nên kinh dạy:

"Tâm này là Phật, tâm này làm Phật, ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm".

Vua hỏi:

- Còn người trì kinh, trì chú, cầu Phật thì thế nào?

Sư đáp:

- Như Lai thuyết vô lượng pháp đều vì Nhất thừa tối thượng, như trăm ngàn dòng chảy thảy đều đổ về biển. Như vậy các duyên sai biệt cuối cùng cũng kết quy về biển trí.

Vua hỏi: Tổ sư đã truyền tâm ấn, kinh Kim Cang nói:

"Không có pháp để chứng đắc", là thế nào?

Sư đáp:

- Phật một đời giáo hóa, thật ra không có pháp nào cho người. Đó chỉ là chỉ bày cho tất cả chúng sinh thấy rằng mỗi mỗi tự tánh đều đồng với pháp tạng. Đương thời pháp mà Nhiên Đăng Như Lai ấn chứng cho Phật Thích-ca, thì phải vô sở đắc mới khế hợp được bản ý của Nhiên Đăng. Thế nên kinh nói:"Không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả".

Nghĩa là pháp ấy bình đẳng, tu tất cả điều thiện mà không hề chấp tướng.

Vua hỏi:

- Thiền sư đã lãnh hội được ý Tổ, có còn lạy Phật, xem kinh nữa không?

Sư đáp:

- Sa-môn lạy Phật, xem kinh đó là nắm giữ thường pháp, đền đáp bốn ân. Nương giới Phật mà tu thân, tham tìm tri thức mà dần dần tu phạm hạnh, đi theo dấu vết mà Phật đã từng đi.

Vua hỏi:

- Thế nào đốn kiến, thế nào là tiệm tu?

Sư đáp:

- Thấy ngay tự tánh cùng Phật không khác, nhưng có những tập nhiễm từ vô thỉ, nên phải nhờ tiệm tu để đối trị dần dần khiến thuận tánh mà khởi dụng. Ví như người ăn cơm đâu phải một búng là no ngay.

Hôm ấy vua và Sư đối đáp đến hơn cả canh giờ mới bãi. Vua vui mừng, ban Sư hiệu là Viên Trí Thiền sư.

28. Văn bia khôi phục chùa Đông Lâm ở Lô sơn:

Giang châu Thứ sử Thôi Ảm khôi phục lại chùa Đông lâm ở Lô sơn, Ảm tự viết văn bia, đại loại nói:

"Tâm của Phật lấy cái rỗng rang giáo hóa kẻ chấp trí, lấy phước lợi giáo hóa kẻ chuộng nhân, lấy duyên nghiệp giáo hóa những nghề nghiệp sai lầm, lấy địa ngục giáo hóa kẻ ngu truyền kiếp. Thế nên người trung căn, hạ căn nghe Phật nói đến lợi thì lại sợ, cho rằng cứu kẻ chết đuối phải bằng tay, cứu lửa thì phải dùng nước, như vậy cái ân làm người sống lại mới rộng lớn. Thế nhưng chỉ dùng cách của Phật mà không dụng tâm của Phật đến nỗi đánh mất đạo lớn, uổng phí với vật. Kẻ đánh mất đạo thì làm mê lầm đồ chúng, người uổng phí vật thì che lấp tông chỉ. Đó đều không phải cái ý "dùng tay, dùng nước" của Phật. Làm chính sự thì làm lợi ích cho người, bỏ được cái bệnh làm tốn hao ấy thì sẽ thông. Đời Đường có mười bốn đời vua trị vì thiên hạ, thấy lý của Phật quá thâm sâu nhưng lại không dùng, nên kẻ chấp sự không biết đâu để tìm về cội nguồn, để lấy lòng người. Đạo Phật quá kiệt xuất chỉ có một đường. Nay thiên tử làm ích lợi nhân sinh, khôi phục lại giáo pháp, truyền bá Phật đạo để cứu kẻ trung căn, hạ căn. Thế rồi Giang châu phụng chiếu chỉ này, đương thời tôi làm thứ sử, trước có tham học ở đất này, vốn là nơi có ngàn cổ thụ, núi rạng thấu trời, chim hót ve

ngâm, tùng reo trong gió, phong cảnh rất hữu tình, không thể để hoang phế. Vừa lúc gặp thời tôi đến và khôi phục lại. Có lần tôi xem Tấn sử, thấy việc của Viễn Công và được đọc sách của ngài. Ngài biện luận như suối tuôn, văn từ rất sắc sảo, đủ thấy người giữ được phong cảnh ấy cho ngày nay chính là Viễn Công. Tôi nghe núi ở Lãnh nam cao nhưng không sừng sững, núi ở Lãnh bắc sừng sững nhưng không đẹp, nhưng Lô sơn thì vừa sừng sững lại vừa đẹp. Năm ngọn soi mình xuống hồ, suối thác như chảy từ trời xuống, lại có dị thảo linh dược, chim quý thú hiền, trong màu khói núi có những đường ráng như Bạch hạc khiến người ta nhìn không nỡ chớp mắt. Vả lại sáu đời ở Kim lăng, mỗi đời càng xa lánh thế tục, thần lập công cũng khó, chủ thấy nghi cũng buồn. Tầm dương là trung tâm của bốn phương, có cái đẹp của núi sông, chẳng phải là Viễn Công đã chọn nơi đây làm kế lâu dài sau này đó ư? Nhưng loài chim dữ thì ưa chỗ tanh hôi, người nhẫn chịu thì thích nơi trong sạch. Trước tôi không rảnh để vào, tự trách mình quá nhiều việc, đủ thấy Viễn Công quả là bậc hiền tài. Núi này nhờ có Viễn Công mà càng thêm sáng sạch, Viễn Công cũng nhờ núi này mà nổi danh, xiển dương pháp Phật chẳng khác Tào Khê, chẳng kém Thiên Thai, không thể nói là một hay hai, vì vậy chùa dựa vào núi, núi dựa vào thanh danh của Viễn Công, ba yếu tố ấy nương nhau mà làm thành cái toàn mỹ cho thiên hạ.

29. Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu: (Quý Dậu)

Năm này Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu thị tịch. Sư từng dạy chúng:

"Phàm tâm của người học đạo phải ngay thẳng không dối lừa, không có vọng tâm lừa dối, không trước mặt không sau lưng. Trong tất cả thời thấy nghe bình thường, không luồn lách không nhắm mắt bịt tai, chỉ cần không chạy theo vật thì được ngay. Từ xưa, chư Thánh chỉ nói bờ ô trược là lỗi lầm lo lắng, nếu không có những thứ xấu ác như vậy thì thấy ngay tình kiến toàn là việc do tưởng huân tập. Ví như nước hồ thu lắng trong, sạch sẽ vô vi, lặng lẽ vô ngại. Người ấy được gọi là đạo nhân hay người vô sự".

Khi ấy có Tăng hỏi:

- Người đốn ngộ còn tu nữa không?

Sư đáp:

- Nếu người quả thật thấy được gốc thì họ tự biết, tu hay không tu là lời nói hai phía. Như nay có người sơ tâm, tuy từ duyên mà được nhất niệm, đốn ngộ được chân lý của chính mình nhưng vẫn còn những tập

khí từ nhiều kiếp trong vô thỉ vẫn chưa thể trừ sạch ngay được nên phải dạy họ trừ mọi dòng thức ngay nơi hiện tại, đó gọi là tu. Đừng dạy họ rằng có một pháp riêng biệt rồi bảo họ thú hướng. Theo cái nghe mà nhập lý thì cái nghe và lý đều mầu nhiệm, tâm vốn sáng sạch chẳng trụ ở mê lầm. Hiện thời dù có trăm ngàn diệu nghĩa hay dở thì người này vẫn được ngồi yên mà mặc áo, tự có được kế sống.

Bấy giờ Tướng quốc Trịnh Ngu soạn văn bia rằng:

"Những người diễn nói đạo thuật trong thiên hạ rất nhiều, mỗi người tự thấy tông phong mình là đúng, nhưng cách giáo hóa của Ngũ thường vượt ngoài nhân sự, ngay trong tinh thần tính mệnh họ Sử cho đó là lời của đạo gia. Vì vậy những người như Lão Nghiêm, sách ấy vẫn còn. Còn như ra khỏi tình lụy, vượt ngoài sống chết, ra khỏi có không, vượt cao thoát xa thì lời nói sự vật không thể nghĩ nghị, cái thù thắng vi diệu không thể dùng ý mà hiểu được. Như vậy, Thiền mà đạo Phật nói đến mới ngõ hầu thấu triệt được. Có miệng nhưng không thể dùng để biện biệt, khôn khéo nhưng đâu thể dùng để đo đếm, càng thấy được thì càng mất, càng thấy đúng thì càng sai. Ta là ta mà chẳng biết ta họ gì. Biết thì biết nhưng chẳng biết cái biết ấy là cái gì. Không thể thấu tận cái không, không thể hiểu thấu cái rỗng. Nếu đúng thì hoàn toàn đúng, nếu được thì được tất cả. Chẳng cần cái vắng lặng của núi rừng, chẳng cần cái ồn ào của thành thị, không thấy có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông vận hành, chẳng thấy được dấu vết được, mất, thị phi đến đi. Chẳng phải thấu tận cái không mà là ngầm thuận theo; gặp cảnh ngộ thì liền an phận nên không bó buộc trong thời gian; gặp muôn duyên thì hòa hợp nên không hạn cuộc trong sự vật. Diệu chỉ rộng lớn ấy là như vậy. Đồ chúng có đến trăm ngàn nhưng chỉ một, hai người nhận được. Gần đây người diễn xướng đều có tông, có tông tất có thầy, có thầy tất có truyền trao. Nhưng nếu không phải là bậc thông minh dĩnh ngộ kiệt xuất thì không thể trao truyền, những người truyền trao thảy đều là bậc long tượng trác tuyệt. Nay phía Tây bắc quận Trường Sa có ngọn núi tên là Đại Quy, nơi thâm sơn cùng cốc này rộng đến mấy trăm ngàn dặm, là nơi hổ báo cọp beo ẩn náu, dù là tiều phu rành đường, hảo hán bắn giỏi cũng không dám đặt chân đến.

Có vị Tăng hiệu Linh Hựu, người ở Phước Đường là người đau tiên đội nón, mang dép, đeo bị đến đây. Sư cất am tranh, chẳng phải đi tìm thức ăn thì không rời khỏi am. Mặc cho mưa gào gió thét, Sư vẫn an nhiên mà ngồi, ngày đêm điềm nhiên không có gì mà hại sư được. Nếu chẳng phải người vượt ngoài sống chết, quên hết lo âu, ngầm thông đạo

lớn thì ai làm được như vậy.

Xưa môn đệ của Khổng Tử là kẻ sĩ tầm thường, ôm bầu rượu nghêu ngao trong thôn xóm mà Phu Tử vẫn còn khen ngợi họ, là do họ có một đời sống nhân hậu. Hơn nữa, sống chết đối với người là việc được mất rất lớn lao. Đã không màng tới cái sống tất cũng chẳng màng tới cái chết, đã không để ý gì đến cái được, thì tất cũng không lưu tâm tới cái mất. Thế nên họ sống nhưng không bị được mất thị phi đánh lừa, mà chỉ uyển chuyển theo để thay đổi. Với đạo thuật như vậy, thì việc có thể làm trong thiên hạ đã xong rồi.

Phàm mở miệng nói năng là đầu mối của thị phi, hễ tranh luận thì càng thêm mù mờ, chẳng ích lợi cho người học nên nay không luận bàn. Sư đã lấy đó làm việc của mình, học trò cũng lần lượt mà theo, vậy mới cùng Sư kết dựng am tranh, cùng Sư đánh đuổi hắc ám. Nhẫn đến cả hơn ngàn người, tự theo nếp sống kỷ cương mà trong lời nói của Sư cũng chẳng hề có thị phi. Nếu có người thưa hỏi thì thuận theo đó mà giải đáp, không gắng gượng với những gì mình không thể làm. Trong mấy mươi năm, Sư là người đứng đầu trong việc giảng kinh thuyết giáo.

Khi Vũ Tông đập chùa đuổi Tăng, làm đạo tràng của Sư trống trơn, Sư bèn trà trộn trong đám thường dân, chỉ sợ mình bị xuất đầu lộ diện trong đám dân đen. Những người biết càng kính trọng Sư. Về sau Triều nam Quán sát sứ Bùi Hưu mến mộ Phật pháp, cũng vừa lúc Tuyên Tông giải bỏ lệnh cấm của Vũ Tông, vua cố sức nghinh thỉnh Sư mới chịu đi. Nhân đó Sư xiển dương đạo pháp, vẫn xếp hàng trong đám môn nhân. Có người bàn thế phát lại cho Sư, ban đầu Sư không muốn. Sư nói đùa với đồ chúng:

"Ông cho rằng thế phát là làm Phật chăng?"

Đồ chúng ép buộc mãi, bất đắc dĩ sư vui vẻ thuận theo ý họ.

Sau Sư về lại đạo tràng xưa, đồ chúng cũng bắt đầu tụ tập lại, việc cũng thịnh như xưa. Đối với Sư mọi thứ đều không thật, chẳng lưu tâm điều gì. Bỗng một hôm, Sư cười mà báo đồ chúng rằng mình có bệnh. Ngày chín tháng giêng năm Đại Trung thứ bảy, Sư quy tịch thọ tám mươi ba tuổi. Đồ chúng liền an táng nhục thân sư ở gò phía Nam của núi Đại Quy. Mười một năm sau, đồ chúng đem mối đạo của Sư tâu với vua, vua mới phong thụy hiệu và dựng tháp, an táng theo nghi thức rất linh đình.

Ôi! Cái tối linh của vạn loại sinh linh đều lấy tinh thần làm nền tảng. Từ khi bé xíu cho đến tuổi già tóc bạc, việc đầu tiên là uống ăn, dần dần bị công danh, lợi dưỡng, thị phi, đố ly ngày đêm trói buộc, suy

nghĩ toan tính không lúc nào tạm ngưng, lao nhọc tấm thân, gây thù kết oán. Đi đứng cứ mơ mơ màng màng, nằm ngồi cứ như hồn trong mộng, đắm mình trong danh lợi, ham muốn đến nỗi thân mòn mỏi như còn dúm xương, ăn uống đến mòn cả răng, bạc cả tóc. Ấy thế mà vẫn ăn món ngon, uống thuốc hay để bàn tính muôn việc, bên ngoài thì dối người, bên trong thì dối mình, chưa từng biết để rảnh thời gian tạm yên thân xác, dứt mọi âu lo an dưỡng tinh thần, tìm một chút thảnh thơi. Thế rồi bất chợt ra đi, bè bạn đành bỏ lại bên đường, lợi dưỡng cũng về tay người khác. Hổ thẹn vì phụ trái với thần minh, xấu hổ vì để mối nguy cho hậu thế. Buông lung phóng túng chẳng biết dừng lại đều do tự tâm phát khởi, không hề biết ép mình trong mối đạo. Cái hay của đạo thuật đâu nhanh như vậy. Diễn thuyết kinh Phật càng chú trọng đến Thần thánh, nhưng những người thú hướng đều rơi vào trong có không, tăng sự có đến trăm ngàn đâu thể làm qua loa, hễ bàn đến tông giáo liền tự gây mâu thuẫn, vì vậy đầu tròn áo vuông chưa hẳn là đã đúng. Còn như tôi, rửa tâm như vậy trong ba mươi năm, những người đi theo Sư có những vị rất chí thành, đem hình tượng của Sư từ Đại Quy lại, biết tôi là người học Phật nên xin vài lời tán thán. Tôi xem dung mạo của Sư quả nhiên là bậc long tượng xuất chúng trong những người được truyền trao. Đã làm lời tán thì phải có văn bia để ghi lại mối đạo của Sư trước linh tháp. Tôi vui vẻ đồng ý, nhân đây lược nêu vài lời nhằm cảnh tỉnh mình. Bởi vậy những lời trên không chỉ là việc tán thán công hạnh của Sư”.

Vua hạ chiếu cho dựng tháp tất cả Tổ trong nước, vị nào chưa được phong thụy hiệu, quan địa phương phải tâu cho vua biết. Quan Thái Thường khảo hành trạng, ban bố việc ban thụy hiệu.

Ất Hợi: Vua hạ chiếu tôn Pháp sư Biện Chương làm Thủ tòa của Tam giáo.

30. Lý Tiết Đề tặng bài tựa trong sớ của Đạo Lâm:

Năm này Sa-môn Đạo Lâm ở Đàm châu dâng sớ xin được đến phủ Thái Nguyên để tìm cầu tạng kinh. Cao sĩ Lý Tiết đề tặng bài tựa trong sớ rằng:

“Những người theo Nho học thích bài xích Phật giáo. Họ đều cho rằng thời của Vũ, Thang, Văn, Vũ, Chu Công, Khổng Tử đều không có Phật giáo. Từ khi Phật giáo nổi lên giúp kẻ phản loạn ngày một thịnh cần phải trừ quét sạch, khiến Phật giáo không lây lan. Phật giáo khởi nguyên từ đời Hán, kéo dài đến đời Tấn, dây dưa đến đời Tống, Ngụy, Tề, Lương, Trần, Tùy, Đường. Trong những năm Hiếu Hòa, Thánh

Chân người ta-bàn về Phật giáo còn cạn cợt, một vài người cũng biết đến nhưng chẳng biết Phật giáo tại sao lại như thế. Tôi xin được nói vầy, xưa có một người mập mạp hồng hào, khí lực dồi dào, tinh thần phấn chấn, chưa đến thầy thuốc bao giờ, cũng chưa từng cầu khấn bao giờ, điềm nhiên mà sống chẳng có mối lo gì, chẳng bệnh tật gì. Một hôm, không may bị chứng phong hàn, lưng còng chân liệt, mắt mờ tai điếc, bấy giờ việc thuốc thang không ngớt, cầu cúng đủ thần. Hai thứ đó đâu phải tương phản nhau, mà bệnh và không bệnh thế nó khác nhau thôi. Than ôi! Đầu thời Tam đại thì đời mạnh khỏe, cuối thời tam đại thì đời bị bệnh. Vào thời Tam Đại Vũ, Thang, Văn, Vũ dùng đức dùng nghĩa ban trải cho đời; Chu Công, Khổng Tử nắm giữ điển giáo, đạo phong dần dần suy thoái nhưng dù sao vẫn còn. Dối trá không thắng nổi lòng tin, cái ác thường tránh cái thiện. Bấy giờ có bài ca Kích Nhưỡng, Thi của Do Canh, ai nấy đều ưa thích. Cuối đời Tam Đại, đạo phong đại suy, sức mạnh của dối trá che lấp cả lòng tin, bủa ra tràn lan đánh mất tính chất phác, cái thiện ngày bị đẩy lùi, cái ác mạnh lên dữ dội. Bỏ thuế ruộng thì giàu nghèo tranh chấp, tham chức vị thì đấu tranh nổi lên. Lo tích chứa của cải thì bầy tôi thu thuế được đề cao, lo việc thống trị kẻ dưới thì quan lại bóp nắn muôn dân được xem trọng. Kẻ trên chế ngự kẻ dưới là dối lừa họ, kẻ dưới hầu hạ kẻ trên là lấy lòng họ. Kẻ trên người dưới gây thù kết oán, vì vậy có người trầm mình ở sông Mịch la, có kẻ phải nai lưng vác đá, ai nấy đều sầu oán.

Giáo pháp của nhà Phật lấy cái thanh tịnh, điềm nhiên làm thiền định, lấy cái khiêm cung nhún nhường làm nhẫn nhục, thế nên oán thù đấu tranh liền dứt. Lấy cái đạm bạc cần khổ làm tu hành, lấy việc thấu đạt số mệnh làm nhân quả. Vì vậy kẻ nhỏ nhoi thấp hèn đều được yên. Do đó thử ví dụ rằng "Ắt phải phiền não mới thấy được Phật tánh" thì đạo phong của thời đại suy đồi nhận chìm cả Phật tánh. Ôi! Đạo phong của thời đại suy đồi mà thịnh thì muôn dân không an lạc, không nhà Phật cứu cái tệ này thì muôn dân biết gởi lòng mình vào đâu để được an lạc. Người luận không trách cái thói thời đại suy đồi mà trách Phật giáo càng hưng thịnh, chẳng khác nào người bệnh trách thầy thuốc đến trị bệnh. Họ chỉ biết Phật giáo nhân lúc thời đại suy đồi mà hưng thịnh, nhưng lại không biết thời đại suy đồi cần phải cầu cứu với nhà Phật. Vì vậy sao? Vì thời cuộc đã bệnh hết rồi, còn người đều sầu khổ hết rồi. Nếu không có Phật giáo làm cho họ yên ổn thì kẻ dũng tranh nhau nổi lên, khởi tâm đấu tránh; kẻ trí an tĩnh nhưng lại bày mưu tính kế như vậy người trong cả nước đều tranh nhau nổi dậy. Nay nhà Phật góp phần

quy hướng mà chẳng đòi hỏi gì ở họ, thế nên kẻ trí người hiền trong thiên hạ đều dứt tâm hơn thua, kẻ nào không tỏ được cái thiết thực của nhà Phật là người ngu. Chỉ khi người trên chuyển hóa, thì cái tệ của thời loạn mới may ra nhờ đó mà yên ổn. Như vậy lẽ nào lại vất bỏ nhà Phật đi ư?

Người luận không nghĩ đến lợi ích to lớn cứu đời trị người của nhà Phật mà đối kỵ cái hao tổn cỏn con như khắc, đúc, thêu thùa thánh tượng nên tôi mới nói "biết là như vậy nhưng không biết tại sao Phật giáo lại như vậy là thế.

Cuối năm Hội Xương, Vũ Tông phá diệt Phật giáo, bắt Tăng sĩ theo Đạo giáo, mấy vạn dân phải lâm vào cảnh tôi đòi, thánh tượng bằng gỗ, đất thì bị thả trôi trong nước; kim kinh bằng giấy lục thì bị đốt cháy trong lửa. Lại ra lệnh cho ngự sử đi khắp thiên hạ xem kẻ nào dám che giấu kinh tượng đều bị trị tội. Từ đó chùa chiền nổi tiếng trong nước đều bị đập sạch. Thiên tử vừa lên ngôi, ngậm ngùi cho nhà Phật không nỡ hủy diệt, liền hạ chiếu cho khôi phục dần trở lại. Thế nhưng từ Hồ nam nơi xa xôi ấy con người vẫn con sợ lệnh cấm trước, không dám châm chước thể chế của triều đình. Triều trước đốt phá kinh tượng chẳng sót thứ gì nên ngày nay dù có sắc lệnh khôi phục trở lại nhưng không ai biết tìm kinh ở đâu.

Chùa Đạo Lâm là thắng cảnh ở Hồ tây. Có vị Tăng dân sớ nói rằng: "Phủ Thái Nguyên là đô thành cũ của quốc gia, ở đó có nhiều chùa Phật. Tôi nghe nói người đứng đầu ở phủ ấy là Tư không Phạm Dương Công, là người nhân đức trong thiên hạ. Em tôi qua lại tìm tòi những áng văn của họ Thích còn sót nhằm làm cho người ở sông Tương. Phạm Dương Công đồng ý và hứa sẽ giúp tôi. Tôi liền từ giã và đi về phương Bắc. Đến nơi, tôi yết kiến Quân môn, Phạm Dương Công quả nhiên hứa giúp. Nhân đó tôi đi khắp nơi kiếm tìm những gì còn rơi sót lại. Đến chùa chiền, thấy chùa không bị phá mà lại còn tu bổ thêm. Họ mời tôi giảng thêm về hiểu biết của mình nhằm bổ khuyết những điều còn khiếm khuyết. Chưa đầy một tháng tôi thu nhập được năm ngàn không trăm bốn mươi tám quyển kinh".

Mùa thu năm Đại Trung thứ mười, tôi từ Hà Đông đến sông Tương. Than ôi! Phật giáo cứu đời, việc ấy tôi đã nói rõ. Giả sử chẳng phải vua ta không thông suốt nguồn lý thì ai có thể đứng ra khôi phục trở lại. Đã khôi phục rồi lại không có kinh điển. Nếu chẳng có sớ dâng lên cộng với học thức uyên bác, nhiệt tâm chí thành thì ai có thể chấn hưng lại Phật giáo. Tôi vui mừng dâng sớ phụng mệnh vua, xiển dương tông

phong họ Thích, chẳng ngại nắng mưa, cốt là bố đức cho mọi người. Vì vậy tôi có bài thơ tán thán việc này rằng:

Sông Tương cuộn chừ đời càng dữ hơn
Giết hại trộm cắp chừ quan không dạy được
Ôi họ Thích chừ đổi bạo thành nhân
Phật ở đâu chừ Phật ở trong kinh
Sông Tương mênh mông chừ bốn bề hun hút
Khỉ vượn đeo níu chừ mây rừng phơi phới
Trăng lặn sông chừ khói ẩn núi
Buồm chèo cuốn chừ gác dầm nghỉ
Mong ngóng chừ ngâm nga
Sóng quá to chừ khi nào về
Sông Tương bỗng chốc chừ mặt trời dần khuất
Tùng phủ sân thu chừ lan trải ruộng xuân
Thượng nhân đi chừ mấy ngàn dặm
Ngày nào cùng dạo chừ nước sông Tương".

31. Vua hạ chiếu mời La Phù Hiên Viên hỏi thuật trường sinh bất lão: (Mậu Dần)

Vua hạ chiếu mời La Phù Hiên Viên tiên sinh, Tả Thập Di Vương Phổ... dâng sớ can ngăn. Vua hạ chiếu trả lời:

"Trẫm một mình lo muôn sự rối bời, được La Phù Sĩ Sử Hiên Viên có tài làm người ta trẻ hoài không già bèn sai sứ đi đón, là mong ông bảo dưỡng sức khỏe cho ta. Mỗi lần xem lại sử sách tiên triều, thấy việc của Tần Hoàng, Hán Vũ. Trẫm thường lấy đó răn mình. Bọn khanh làm chức Gián ty, ta vui mừng nghe theo thành ý của bọn khanh vậy".

Vua lại bảo Tể tướng:

- Ông đi khuyên bọn Gián quan hộ ta, dù Hiên Viên làm ta trẻ lại, mạnh khỏe lại nhưng ta cũng không để ông ấy mê hoặc đâu. Ông đi mời Hiên Viên đến đây, ta muốn nói với ông ấy vài lời thôi.

Không bao lâu, Hiên Viên đến. Vua hỏi:

- Vì sao Tiên sinh trường thọ đến thế?

- Buông thanh sắc, bỏ của ngon, buồn chuyển thành vui, ban bố ân trạch, được vậy thì hợp với trời đất, sáng như nhật nguyệt, đó là trường thọ, đâu phải tìm kiếm bên ngoài mà được.

Vua nghe càng kính trọng Hiên Viên.

Kỷ Mão: Vi Dần dựng chùa Quan Âm ở Hồng châu, đích thân thỉnh Thiền sư Ngưỡng Sơn Tuệ Tịnh khai sơn trụ trì.

Tháng tám, vua mất, thọ năm mươi tuổi. Vua vốn thông minh, dụng pháp không thiên lệch, bản tính khiêm cung cần kiệm, biết lo cho dân cho nước, người người mạnh dạn lên tiếng can gián vua, thiên hạ tôn xưng ông là Tiểu Thái Tông. Mỗi lần Tể tướng tâu mọi việc xong, ông đều điềm nhiên nói:

"Ta nghe theo".

Nhân đó vua hỏi mọi việc trong khắp làng mạc. Có lần Tể tướng xin bày yến tiệc vui chơi, vua đồng ý. Sau đó vua nghiêm sắc mặt nói:

- Bọn khanh phải khéo làm việc, ta thường sợ bọn khanh phụ trẫm, nếu vậy thì ngày sau ắt khó thấy nhau.

Nói xong vua đứng dậy về cung.

Lệnh Cô Đào có lần nói với mọi người:

"Ta mười năm làm chánh sự, nhận rất nhiều ân đãi ngộ của vua. Thế nhưng mỗi lần tâu việc trước Hoàng thượng, không lúc nào mà không toát mồ hôi ướt cả áo".

Cựu Đường sử tác ghi:

"Thần nghe Lê Lão kể về việc trong năm Đại Trung, Hiến Văn Hoàng đế là người hiểu biết sâu rộng, từng nếm đủ gian nan nên thấu rõ nỗi cơ cực của thiên hạ. Từ năm Bảo Lịch đến nay, trong triều chuyên quyền mọi việc đều mượn lệnh vua. Kinh sư thế mạnh nhiễu loạn dân cùng. Từ khi Đại Trung ngự thế, những kiểu chuyên quyền đều sạch dấu vết. Đến ngày thứ hai, gian thần đều sợ vương pháp. Ngày thứ ba, đình chùa đều sáng sạch. Từ đó không lạm dụng hình pháp, trưng dụng kẻ tài năng, trăm việc bốn phương đều thuận hòa như gió mát. Trong hơn mười năm tiếng tăm vang dội. Trong cung, vua chỉ mặcv áo sơ sài, thức ăn thường không quá vài món. Nếu không có mẫu hậu ngự thiện thì không cử nhạc. Những năm đói kém, nỗi lo thường hiện trên nét mặc nhà vua. Những kẻ tả hữu bên cạnh chưa khi nào thấy vua có dáng điệu sa đọa. Khi bàn bạc với quần thần, xã giao như bạn bè đồng liêu. Bề tôi trần tấu điều gì vua đều tiếp nhận. Vì vậy kẻ thờ được nhân chủ thế này đều được vinh hạnh. Trước đây bọn Hoàng Môn thường dùng long não, uất kim, tịnh địa, Hiến Văn ra lệnh dẹp bỏ hết. Người ở trong cung có bệnh thì có thầy thuốc đến trị. Bệnh hết thường thưởng vàng cho họ và dạy rằng "Chớ để bọn tả hữu biết, chớ không họ lại cho ta thiên lệch với kẻ hầu". Ông khiêm cung cần kiệm, thích việc thiện đại loại như thế.

Những năm cuối đời, ông bị chứng phong độc liền cho mời đạo sĩ ở La Phù đến triệu kiến, hỏi về cách trị. La phù Hiên Viên là kẻ sĩ có đạo, chưa từng lừa dối vua, vua càng rất kính trọng ông ta. Hiên Viên

kiên quyết xin về núi. Vua hỏi:

- Tiên sinh nhiều lần bỏ ta mà đi, nước gặp nạn, trẫm trị vì được mấy năm?

Hiên Viên cầm bút viết ngang hai chữ “Tứ và Thập” rồi đi. Đó là mười bốn năm, vận số hưng vương chỉ chừng đó thôi ư. Đế đạo của vua cao vời, trọn không khiếm khuyết, dù Văn đế, Cảnh đế của nhà Hán cũng chưa chắc hơn ông. Chỉ tiếc rằng sử sạch hiện còn chỉ ghi được ba, bốn phần trong mười phần của ông. Những văn sĩ đời sau rất lấy làm tiếc”.

Trong Tư Thị Thông Giám ghi:“Từ nhỏ Tuyên Tông rất gian nan, đến lớn trị vì thiên hạ, ông biết rất rõ mọi gian tình trong thiên hạ. Ông tận tâm lo cho dân, chuyên cần trị nước, thưởng rất thích đáng, phạt rất nghiêm minh. Vì vậy trong nước đều an cư lạc nghiệp, phong tục đều theo vương pháp. So với Hiếu đế, Tuyên đế đời Hán họ vẫn còn thua ông một bậc”.

Luận rằng:“Đường Cựu sử và Tân sử ghi chép việc thật của Tuyên Tông rất khác nhau. Chỉ có Cựu sử là ghi giống Tự Trị Thông Giám. Tân sử chê Tuyên Tông, cho rằng Tuyên Tông chỉ có sáng suốt mà không có nhân đức. Than ôi! Ai biết mà dám nói như thế”.

Phàm những vị vua khoan dung, nhân hậu thường mong được ưu du, thảnh thơi. Còn như bậc chuyên cần trị nước thì lại bảo rằng chỉ có sáng suốt. Vậy thì có đáng để người ta tin chăng? Mạnh tử nói:“Tin tuyệt đối vào sách thì thà rằng không có sách”. Lời ấy quả là thâm thúy!

32. Thị hiện sự tích ở núi Bổ đát Lạt già:

Núi Bổ-đát-lạc-già là nơi Quan Âm thị hiện. Trong năm Đại Trung đời Đường có vị Tăng từ Thiên Trúc đến, liền vào động đốt mười ngón tay. Vị Tăng tận mắt thấy diệu tướng của Bồ-tát, đồng thời Bồ-tát diễn nói diệu pháp cho ngài nghe và trao cho ngài viên đá bảy màu. Thánh tích ấy bắt đầu nổi tiếng. Về sau Tăng nhân Nhật Bản là Tuệ Ngạc họa được tượng Bồ-tát ở Ngũ đài muốn đem về nước. Thuyền đi đến động này bỗng nhiên không đi được. Tuệ Ngạn bèn đem tượng gởi trong nhà họ Trương ở nơi này. Người họ Trương nhiều lần thấy tượng hiển linh liền đổi nhà làm thành viện Quan Âm. Quận trưởng hay tin bèn sai người đến nghinh tượng vào thành cho muôn dân cầu phước. Sau đó, vị Tăng xin được khắc tượng gỗ. Một tháng sau, bức tượng hoàn thành và chẳng ai thấy vị Tăng ấy đâu cả. Tượng ngày nay thờ chính là pho

tượng ấy.

Đời Tống năm Nguyên Phong thứ ba, Vương Thuấn Phong, Sử Tam Hàn vừa đến đây, gió bão bùng nổi lên,

Đời Tống năm Nguyên Phong thứ ba, Vương Thuấn Phong, Sử Tam Hàn vừa đến đây, gió bão bùng nổi lên, có một con rùa to đội thuyền lao đi. Hai người họ hướng về núi cầu khẩn, Bồ-tát hiện hình, ghe thuyền được yên ổn. Hai người về triều tâu lại với vua, triều đình liền đem vàng lụa đến và dời chùa về phía Nam núi Mai lĩnh, vua ban hiệu là chùa Bảo đà, cầu mưa cầu nắng rất ứng nghiệm. Đến triều đình ta, vua đốt hương, cúng ruộng trùng lại để cầu phước cho nước nhà, cầu thịnh vượng cho xã tắc.

■

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 17

1. Đường Ý Tông: (Canh Thìn)

Ý Tông tên là Thôi, con trưởng của Tuyên Tông. Ông thích âm nhạc, đi chơi, yến tiệc, giao việc chánh sự cho các quan. Ông lại đón xá-lợi của Phật và nói: "Lúc sống mà được thấy, thì chết không ân hận".

Ông thọ ba mươi sáu tuổi, an táng ở Giản lăng, trị vì mười bốn năm. Lên ngôi đổi niên hiệu là Hàm Thông.

2. Thiền sư Đại Từ Hoàng Trung: (Nhâm Ngọ)

Sư họ Lư, quê ở Bồ Phản. Người Sư xương đỉnh đầu nhô cao, tiếng nói như chuông. Sư xuất gia ở chùa Đồng Tử, Tinh châu, thọ tâm ấn với Thiền sư Bá Trượng, dựng am tu ở Nam nhạc.

Một hôm Nam Tuyền đến hỏi Sư:

- Thế nào là người chủ trong am?

Sư đáp:

- Trời xanh! Trời xanh!

- Trời xanh cũng mặc kệ, thế nào là người chủ trong am?

- Hiểu thì hiểu ngay, chớ có trù trừ.

Nam Tuyền liền phất áo đi.

Triệu Châu hỏi Sư:

- Bát-nhã lấy gì làm thể?

Sư vặn lại:

- Bát-nhã lấy gì làm thể?

Triệu Châu cười vang rồi bỏ đi.

Hôm sau, thấy Triệu Châu quét sân. Sư hỏi:

- Bát-nhã lấy gì làm thể?

Triệu Châu buông chổi vỗ tay cười vang. Sư liền quay về phương trượng.

Về sau Sư trụ ở núi Đại từ, Triết giang. Sư thượng đường dạy chúng: "Sơn tăng chẳng có lời giải đáp chỉ có thể biết bệnh thôi.

Sư nói tiếp:

- Nói được một trượng không bằng làm được một thước. Nói được một thước không bằng làm được một tấc".

Đồ chúng rất đông, trên núi lại thiếu nước. Sư định dời đi nơi khác. Đêm ấy, bỗng mộng thấy thần nhân đến bảo:"Chớ đi nơi khác".

Sáng ra, Sư thấy hai con hổ dùng chân bới đất, rồi suối từ dưới đất phun lên, nước ngọt vô cùng.

Khi ấy, có vị Tăng từ Nam nhạc đến nói:

"Suối ở Đồng tử cạn kiệt hóa ra được dời qua đây".

Vì vậy Tô Đông Pha có lần đề thơ rằng:

Tháp đá sừng sững núi phía Đông
Thiền sư vừa đến trăm thần trông
Hổ dời mạch suối theo chân bước
Rồng mang sóng cả đến cúng dường
Ngày nay lữ khách tắm rửa xong.
Nằm nghe thềm đá tiếng ngọc vòng
Phải biết Thiền sư như suối ấy
Đừng để trần gian đến đi mong.

Ngày rằm tháng hai năm Hàm Thông thứ ba, Sư không bệnh và thị tịch, thọ tám mươi ba tuổi, hạ lạp năm mươi bốn. Hy Tông ban Sư thụy là Tánh Không Đại sư, tháp hiệu là Định Tuệ.

Quý Mùi: Vua Phong Pháp sư Tri Huyền làm Ngộ Đạt Quốc sư, quản lý toàn bộ Phật sự trong nước.

3. Thiền sư Đức Sơn Tuyên Giám: (Ất dậu)

Sư họ Chu, quê ở Kiến nam, Lãng châu. Sư là người tinh thông Tam tạng, từng giảng kinh Kim Cang, nên người đương thời gọi Sư là Chu Kim Cang.

Một hôm Sư bùi ngùi than:"Thấu tận mọi biện luận huyền vi chẳng khác một sợi lông để trong hư không; tinh thông hết thảy then chốt trong đời, không khác một giọt nước rơi trong biển cả. Học và không học, chỉ ta biết thôi".

Thế rồi Sư vất hết sự nghiệp đến yết kiến Thiền sư Long Đàm và nói:

- Lâu nay nghe danh Long Đàm (Đầm Rồng) nhưng đến nơi thì Đàm cũng chẳng thấy mà Long cũng chẳng hiện.

Sùng Tín nói:

- Ông phải đích thân đến Long Đàm!

Đêm ấy, Sư đứng hầu, đêm rất khuya nhưng Sư vẫn không đi. Sùng Tín thấy vậy hỏi:

- Sao ông không đi?

Sư đáp:

- Tối quá.

Sùng Tín bèn thắp đèn đưa cho Sư. Sư vừa cầm được Tín liền thổi tắt. Sư hốt nhiên đại ngộ. Nói:

- Từ nay về sau con không nghi ngờ miệng lưỡi của chư lão Hòa thượng trong thiên hạ nữa.

Ngay hôm ấy, Sư từ giã ra đi. Sùng Tín nói với đồ chúng:

- Trong đây có một gã răng như rừng kiếm, miệng như chậu máu, đánh một gậy chẳng ngó lại. Ngày sau, y lên đỉnh núi chót vót dựng lập đạo ta.

Sư ở Lễ Dương ngót ba mươi năm. Đầu năm Đại Trung, Thái thú Vũ lăng là Tiết Diên Vọng dựng tinh xá Đức Sơn, thỉnh Sư trụ trì, xiển dương tông phong. Sư thượng đường dạy chúng:

- Mình đã vô sự thì chớ vọng cầu, vọng cầu mà được là không thật được. Chỉ cần các ông vô tâm với mọi việc, vô sự với tâm thì rỗng rang mà lại linh diệu, vắng lặng mà lại nhiệm mầu. Nếu ngay đầu sợi lông mà luận bàn có gốc ngọn thì đều là tự lừa dối mình. Có mảy may nhớ nghĩ là nghiệp nhân của tam đồ. Tích tất tình sinh thì muôn kiếp bị khóa chặt. Danh thánh, hiệu phàm đều là hư thanh (không thật), tướng đẹp, hình hèn đều là huyễn sắc. Các ông muốn cầu mà không bị lụy sao. Đến như các ông nhàm chán thì lại thành bệnh nặng rốt cuộc chẳng lợi ích gì.

Có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là Bồ-đề?

Sư đánh, nói:

- Đi ra! Chớ đâm đầu trong đống phân ấy.

Tăng hỏi:

- Thế nào là Phật?

Sư đáp:

- Phật là Tỳ-kheo-già ở Tây Thiên.

Tuyết Phong hỏi:

- Từ xưa tông thừa lấy pháp gì dạy người?

Sư đáp:

- Tông ta không có ngữ cú, cũng chẳng có pháp gì dạy người.

Đến khi thị tịch, Sư nói với đồ chúng:

- Bắt hư không, đuổi tiếng vang, chỉ lao nhọc tâm thần; tỉnh mộng, tỉnh cái không thật, rốt cuộc còn việc gì nữa.

Nói xong, Sư ngồi ngay thẳng thị tịch, thọ tám mươi sáu tuổi, tăng lạp sáu mươi lăm ha. Bấy giờ là ngày ba tháng mười hai năm Hàm Thông thứ sáu. Vua ban cho Sư thụy là Kiến Tánh Đại sư.

4. Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền: (Bính Tuất)

Sư họ Hình, quê ở Nam Hòa, Tào châu, tham học với Thiền sư Hoàng Bá. Sư hỏi Hoàng Bá:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư nói chưa hết câu thì liền bị Hoàng Bá đánh. Cứ thế ba lần hỏi, ba lần đều bị đánh. Sư từ giã Hoàng Bá và xuống núi. Hoàng Bá bảo Sư đến Cao An tham vấn Đại Ngu.

Sư đến Đại Ngu. Đại Ngu hỏi:

- Gần đây Hoàng Bá có lời nào dạy ông không?

Sư thưa:

- Ba lần con hỏi đại ý Phật pháp đều bị đánh ba lần, chẳng biết con có lỗi gì không?

Đại Ngu nói:

- Hoàng Bá đã hết lòng như vậy, mà ông còn hỏi có lỗi không lỗi nữa ư!

Ngay câu nói này, Sư hốt nhiên đại ngộ, nói:

- Hóa ra Phật pháp của Hoàng Bá không nhiều.

Đại Ngu nắm đứng, hỏi:

- Con quỷ đái dưới đường, vừa rồi có lỗi không lỗi, bây giờ lại nói Phật pháp của Hoàng Bá không nhiều, người thấy được cái gì?

Sư liền thoi vào hông Đại Ngu ba cái. Đại ngu đẩy Sư ra và nói:

- Thầy ông là Hoàng Bá, chẳng can hệ đến việc của ta.

Thế là Sư quay về lại Hoàng Bá. Hai thầy trò khế hội, đại cơ đại dụng lừng lẫy một thời. Sau, Sư về lại quê hương, nhận lời thỉnh của người họ Triệu, cư ngụ tại vườn Thiền Lâm Tế phía Nam Trụ Tử thành. Học chúng đua nhau đến cầu học. Sư dạy chúng: “Trong cục thịt đỏ có một vô vị chân nhân, thường ra vào trên mặt các ông, chưa chứng thì nương đó mà xem!”.

Có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là Vô vị chân nhân?

Sư bước khỏi giường thiền, nắm đứng nói:

- Nói mau! Nói mau!

Vị tăng ấy suy nghĩ, Sư buông ra nói:

- Vô vị chân nhân là bãi phân khô!

Sư hỏi Lạc Phổ:

- Trước đây một người thì đánh, một người thì thét, ông thân với ai?

Lạc Phổ đáp: Chẳng thân ai cả.

Sư hỏi:

Vậy thân nơi nào?

Lạc Phổ liền thét, Sư liền đánh.

Sư hỏi Hòa thượng Mộc Khẩu:

- Thế nào là trâu trắng nơi đất trống?

Mộc Khẩu làm tiếng rống. Sư làm tiếng như người câm.

Mộc Khẩu hỏi: Lão huynh làm gì thế?

Sư đáp: Giữ súc sinh.

Đại Giác đến tham vấn, Sư dựng phất tử, Đại Giác trải tọa cụ. Sư ném phất tử, Đại Giác cuốn tọa cụ vào tăng đường. Đại chúng nói: "Do không phải người thân của Hòa thượng nên không lễ bái lại cũng không ăn gậy!".

Sư nghe, liền sai gọi vị Tăng mới vừa đến, Đại Giác liền bước ra. Sư hỏi:

- Đại chúng nói ông chưa từng tham vấn Trưởng lão?

Đại Giác nói:

Chẳng rõ!

Nói xong liền quay về với chúng.

Ma Cốc đến tham vấn, trải tọa cụ và hỏi:

- Quan Âm mười hai mặt, mặt nào là chính?

Sư bước xuống giường, một tay kéo tọa cụ, tay kia nắm đứng Ma Cốc hỏi:

- Quan Âm mười hai mặt, đi tới chỗ nào?

Ma Cốc quay mình toan ngồi xuống thiền sàng, Sư cầm trụ trượng đánh, Ma Cốc giật lấy, hai người cùng vào phương trượng.

Sư thượng đường nói: "Đại chúng! Phàm người vì pháp chẳng tránh khỏi tan thân mất mạng. Ta hỏi Hòa thượng Hoàng Bá ba lần thì ba lần ăn gậy, như ăn chổi, ngày nay muốn ăn nữa. Ai là người xuống tay cho ta?

Bấy giờ có vị tăng, thưa:

- Con xuống tay! Hòa thượng muốn ăn bao nhiêu?

Sư đưa trụ trượng, vị tăng toan tiếp lấy, Sư liền đánh.

Vị tăng hỏi:

Thế nào là câu thứ nhất?

Sư đáp:

Tam yếu khai ấn điểm son hẹp
Chưa cho nghĩ nghị chủ khách phân.

- Thế nào là câu thứ hai?
- Diệu giải đâu cho Vô Trước hỏi
 Bọt tan nào dễ chặn dòng sông.
- Thế nào là câu thứ ba?
- Hãy xem tượng gỗ đùa trong rạp
Lôi kéo toàn nhờ người phía trong.

Sư nói tiếp: Phàm một câu phải đầy đủ ba huyền môn, mỗi huyền môn phải đầy đủ Tam yếu. Có quyền có dụng, các ông làm sao hiểu?

Ngày mười tháng tư năm Hàm Thông thứ bảy, Sư sắp thị tịch, liền nói kệ truyền pháp:

Duyên lưu bất chỉ vấn như hà
Chân chiếu vô biên thuyết tự tha
Ly tướng ly danh như bất bẩm
Suy mao dụng liễu cấp tu ma.
(Theo dòng chẳng dứt hỏi thế nào
Chân chiếu không ngăn biết nói sao
Lìa tướng lìa danh như chẳng nhận
Gươm bén dùng rồi phải mài mau).

Nói kệ xong, Sư an nhiên thị tịch. Vua sắc phong Sư thụy là Tuệ Chiếu Đại Sư, tháp hiệu là Trừng Linh.

5. Thiền sư Trường Sa Cảnh Sầm: (Mậu Tý)

Sư hiệu là Chiêu Hiền, quê ở Hồ nam, ban đầu cư ngụ ở Lộc uyển, về sau không ở cố định một nơi nào, chỉ tùy duyên tiếp người.

Có lần Sư dạy chúng: "Nếu ta một mực nêu cao tông giáo thì cỏ trong pháp đường mọc đến một trượng. Bất đắc dĩ ta nói với các ông, cùng khắp mười phương thế giới đều là mắt của Sa-môn, cùng khắp mười phương thế giới đều là toàn thân Sa-môn, cùng khắp mười phương thế giới đều là quang minh của chính mình, cùng khắp mười phương thế giới đều nằm trong quang minh của chính mình, cùng khắp mười phương thế giới không ai chẳng phải là chính mình. Ta thường nói với các ông, chư Phật trong ba đời, chúng sinh trong mười phương pháp giới là ánh sáng Ma-ha Bát-nhã. Lúc ánh sáng chưa phát, các ông nương tựa

ở đâu? Lúc ánh sáng chưa phát, chẳng có tăm hơi Phật và chúng sinh, thì chỗ nào có núi sông quốc độ?

Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là mắt của Sa-môn?

Sư đáp:

Thường thường ra chẳng được, thành Phật thành Tổ ra chẳng được, lục đạo luân hồi ra chẳng được.

Tăng hỏi:

- Chẳng rõ cái gì ra không được?

Sư đáp:

- Ban ngày thấy mặt trời, ban đêm thấy sao.

- Con không hiểu.

- Núi Diệu cao đã xanh càng xanh.

- Thế nào là Phật?

- Là sắc thân của chúng sinh!

- Hằng sa chư Phật thể đều đồng, vì sao có muôn ngàn danh tự?

- Từ nhãn căn mà về nguồn thì gọi là Văn-thù, từ nhĩ căn mà về nguồn thì gọi là Quán Âm, từ tâm mà về nguồn thì gọi là Phổ Hiền. Văn-thù là Diệu Quán Sát Trí của Phật, Quán Âm là Vô Duyên Đại Từ của Phật, Phổ Hiền là Vô Vi Diệu Hạnh của Phật. Ba vị Thánh ấy là Diệu dụng của Phật. Phật là Chân thể ccủa ba vị Thánh ấy. Dụng thì có hà sa giả danh, thể thì gọi chung là Bạt-già-phạm.

Tăng hỏi:

Sắc tức là không, không tức là sắc, lý này thế nào?

Sư đọc bài kệ:

Ngại chẳng do tường vách
Thông chẳng do hư không
Ai hiểu được như vậy
Tâm sắc xưa nay đồng.

- Thế nào là Phật tánh?

Sư đọc kệ:

Phật tánh hiển bày rõ
Hữu tình chaṕ thấy kho
Biết chúng sinh vô ngã
Mặt ta mặt Phật đồng!

- Thế nào là nơi thượng nhân đi?

- Như con mắt người chết!

- Lúc thượng nhân thấy thì thế nào?

- Như tay người chết!

- Từ vô lượng kiếp đến nay vì sao Thiện Tài dạo chơi không khắp trong thân thể Phổ Hiền?

- Từ vô lượng kiếp đến nay ông từng đi khắp chưa?

Tăng hỏi:

- Thế nào là thân của Phổ Hiền?

Sư đáp:

- Trong điện Hàm Nguyên lại đi hỏi Trường An!

- Tăng chết đi về đâu?

Sư đọc kệ:

Chẳng biết thể Kim Cang
Lại cho là duyên sinh
Mười phương chân tịch diệt
Ai ở lại ai đi?

Nhân lúc Lâm Tế dạy đồ chúng có câu: "Trong cục thịt đỏ có Vô vị chân nhân", Sư làm bài kệ:

Muôn pháp nhất như chẳng lựa chọn
Đã thế ai lựa ai chẳng lựa
Sinh tử ngày này vốn Bồ-đề
Chư Phật ba đời đồng mắt ấy.

Ngưỡng Sơn hỏi Sư:

- Ai nấy đều có việc này, chỉ là dùng không được!

Sư đáp:

- Nếu hợp thì xin ông cứ dùng.

- Dùng như thế nào?

Sư liền đạp Ngưỡng Sơn té nhào. Ngưỡng Sơn nói:

- Xuống tay mạnh như cọp.

Vì vậy người đời thường gọi Sư là Sầm Đại Trùng.

6. Thiền sư Động Sơn Lương Giới: (Ất Sửu)

Sư họ Du, quê ở Cối Kê, xuất gia từ thuở nhỏ. Năm hai mươi mốt tuổi Sư qua Tung nhạc thọ Cụ túc. Sau đến yết kiến Thiền sư Nam Tuyền, hôm ấy gặp ngày kỵ của Mã tổ, Nam Tuyền thiết trai cúng và hỏi đại chúng:

- Hôm nay thiết trai cúng, không biết Mã tổ có về không?

Cả chúng không đáp được, Sư liền bước ra thưa:

- Đợi đến lúc có bạn tất về!

Nam Tuyền nghe vậy liền khen:

- Ông này tuy là hậu sinh nhưng rất dễ giũa gọt.

Sư thưa:

Hòa thượng chớ ép người tốt thành kẻ xấu!

Kế tiếp, Sư đến tham vấn Quy Sơn, Sư thưa:

- Được nghe Quốc sư Tuệ Trung nói "

Vô tình thuyết pháp" Lương Giới chưa rõ chỗ vi diệu ấy thế nào?

Quy Sơn nói:

Việc đó ta cũng có, chỉ hiềm khó gặp được người ấy thôi!

Sư thưa:

Xin Hòa thượng nói cho!

Quy Sơn nói:

Miệng do cha mẹ sinh, ta không dám nói.

Sư thưa:

Có ai cùng thời với Hòa thượng một đạo không?

- Cách đây vài động đá có đạo nhân Vân Nham, nếu lặn lội được đến đó, tất là người mà ông kính trọng.

Sư đến yết kiến Vân Nham, và hỏi:

- Vô tình thuyết pháp người nào được nghe?

Vân Nham đáp:

Vô tình thuyết pháp, vô tình được nghe!

Sư hỏi:

Hòa thượng nghe được không?

- Nếu ta nghe được thì ông sẽ không được nghe ta thuyết pháp.

- Vì sao Lương Giới không nghe được Hòa thượng thuyết pháp?

- Vì ta nói mà ông còn không nghe được, huống gì là vô tình nói!

Sư liền thuật kệ rằng:

Cũng thật kỳ! Cũng thật kỳ!
Vô tình thuyết pháp chẳng nghĩ nghì
Nếu dùng tai nghe trọn chẳng hiểu
Phải lấy mắt nghe mới liễu tri.

Sư từ giã Vân Nham đi, Vân Nham hỏi:

- Ông đi đâu?

- Tuy rời Hòa thượng nhưng chưa định chỗ ở!

- Bao giờ trở lại?

- Đợi Hòa thượng có chỗ ở thì trở lại.

- Lần đi này khó gặp lại nhau.

- Khó được chẳng gặp nhau!

Sư lại hỏi Vân Nham:

- Sau khi Hòa thượng trăm tuổi, chợt có người hỏi "Tả được hình dáng của thầy không?" thì con trả lời thế nào?

Vân Nham nói:

Hãy nói với y rằng, chính là cái này!

Sư im lặng giây lâu, Vân Nham nói:

- Thừa đương việc lớn này cần phải suy xét kỹ!

Sư vẫn còn hồ nghi.

Sau, nhân lúc lội qua suối, nhìn thấy bóng mình, Sư hốt nhiên đại ngộ ý chỉ đó. Sư liền làm bài kệ:

Rất kỵ tìm nơi khác
Xa xăm lạ với ta
Nay ta đi một mình
Nơi nơi đều gặp hắn
Hắn nay chính là ta
Ta nay chẳng phải hắn
Cần phải hiểu như thế
Mới khế hợp như như.

Cuối năm Đại Trung, Sư trụ ở núi Tân Phong tiếp nhận đồ chúng về sau giáo hóa thịnh hành ở Động Sơn thuộc Cao An.

Một hôm nhân ngày kỵ của Vân Nham, Sư thiết trai cúng. Có vị tăng hỏi:

- Hòa thượng được Nam Tuyền chỉ cho manh mối, vì sao thiết trai cúng kỵ Vân Nham?

Sư đáp: Ta không trọng đạo đức của Tiên Sư, cũng chẳng vì Phật pháp mà chỉ trọng người đã có lời khai mở cho ta.

Tăng hỏi: Hòa thượng có thân thiết với Tiên Sư không?

- Nửa thân nửa không!

- Vì sao không thân thiết hết?

- Nếu thân thiết hết tức là cô phụ Tiên Sư.

Sư nói với đồ chúng: "Người hướng thượng biết có Phật mới có phần nói năng". Bấy giờ có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là người hướng thượng Phật?

- Phi thường.

Sư hỏi vị tăng?

- Trong thế gian cái gì là khổ nhất?

Tăng đáp:

Địa ngục khổ nhất.

Sư nói:

Không đúng. Kẻ mặc ca-sa nhưng không tỏ việc lớn là khổ nhất.

Sư hỏi tăng:

Ông tên gì?

Tăng đáp:

Là con

- Cái gì là ông chủ của ông?
- Ngay lúc đối đáp!

Sư than:

Khổ thay! Khổ thay! Người thời nay đều như thế cả, đó chỉ là nhận “trước lừa sau ngựa” rồi cho chính mình. Phật pháp thăng trầm đều từ đó mà ra. Biện được ông chủ trong đám khách còn chưa biết thì làm sao nói được ông chủ trong ông chủ.

Tăng hỏi:

Thế nào là ông chủ trong ông chủ?

Sư nói:

Xà-lê tự nói xem!

- Con nói được tức là ông chủ trong khách, thế nào là ông chủ trong ông chủ?
- Nói thế nào cũng dễ, nói tiếp mới thật khó!

Sư sắp thị tịch, nói với đồ chúng:

- Ta có tiếng khen ở đời, ai trừ giúp ta?

Cả chúng đều không đáp, lúc đó có ông Sa-di thưa:

- Xin Hòa thượng cho pháp hiệu.

Sư nói:

Tiếng khen của ta đã hết.

- Hòa thượng có bệnh, thế có cái chẳng bệnh không?
- Có.
- Cái không bệnh thấy Hòa thượng không?
- Lão tăng có thấy hắn ta.
- Hòa thượng làm sao thấy được gã?
- Lúc lão tăng thấy hắn ta thì chẳng thấy có bệnh.

Sư nói tiếp:

Lìa cái hình hài rỉ chảy này, ông sẽ gặp ta ở đâu?

Chúng Tăng không đáp được. Sư bèn sai cạo tóc, đắp y, bảo chúng đánh chuông rồi an nhiên thị tịch. Đồ chúng có hơn ngàn người, kêu gào than khóc. Sư chợt mở mắt bảo:

- Phàm người xuất gia, tâm chẳng dính mắc vào vật mới là chân chánh tu hành. Sống thì lao nhọc, chết thì thương xót nào có ích gì!

Nói rồi, Sư gọi chủ sự đến bảo sắm sửa một bữa trai phạn ngu si, nhằm tránh đồ chúng quyến luyến vì tình. Đến ngày thứ bảy trai phạn mới sắm xong, Sư cùng chúng thọ trai. Thọ xong, Sư nói với đồ chúng: "Nhà tăng vô sự, đến lúc ta phải đi, chớ làm ầm ĩ".

Hôm sau, tắm rửa xong, Sư an nhiên thị tịch, thọ sáu mươi ba tuổi, tăng lạp bốn mươi hai hạ. Vua ban Sư thụy là Ngộ Bản Thiền Sư, tháp hiệu là Tịch Giác.

7. Truyện về Quốc sư Ngộ Đạt Tri Huyền:

Tháng năm năm này, vua xa giá đến chùa An Quốc, ban tặng cho Quốc sư Tri Huyền một bảo tòa cao hai trượng bằng trầm hương, lại dùng vàng sợi thêu long, phụng, hoa, cỏ. Trước bảo tòa còn có chiếc kỷ dùng để kinh, bốn góc bàn đều có hình nhân thần, điểu thần, bàn cao đến vài thước. Bảo tòa có thềm, bực để bước lên, phía trước đều được thêu hoa gấm, trông lộng lẫy vô cùng. Hồi ấy, mỗi ngày trong cung thiết trai cúng dường cả vạn tăng, vua đích thân tụng kinh.

Tể tướng Tiêu Phỏng can vua, ông cho rằng phép tắc của Thiên Trúc hủy diệt tình thân, không phải là điều mà vua nên theo. Chữ nghĩa bằng tiếng Phạm, ngôn ngữ bằng tiếng Phạm, đâu bằng việc thưởng phạt công minh nhằm tẩy trừ tai ương, cầu phước cho xã tắc. Huống gì Phật là điều phải tự ngộ, đâu thể mong cầu mà được.

Ý Tông tuy không nghe nhưng rất khen ngợi những lời lẽ ấy.

Pháp sư họ Trần, người đời gọi ngài là Trần Bồ-tát. Ngài tinh thông tam học, danh chấn một thời. Về cuộc đời ngài có rất nhiều chuyện lạ.

Khi Hy Tông chạy lánh giặc, xa giá tới Thành đô, liền sai Ngự Sử Quách Tuân đem thư có ấn tín Ngọc tỷ đến mời. Vua vốn rất trọng vọng ngài, nay lại được gặp, vua hết sức vui mừng, liền ban cho ngài hiệu là Ngộ Đạt Quốc sư và giữ lại trong cung rất lâu. Sau ngài từ giã vua về lại Cửu lũng. Đêm ấy, từ trong định ngài chợt thấy Bồ-tát hiện trong thất, xoa đầu ngài, giảng diệu pháp an ủi ngài. Giảng xong Bồ-tát biến mất, bỗng một hạt châu chui vào đùi trái của ngài, hạt châu lớn dần, đau đến thấu xương, phía trên có hai chữ "Triều Thố". Ngài biết đó là oan trái của đời trước, liền nằm nghiêng bên phải an nhiên thị tịch. Ngài trước thuật đến hơn hai mươi vạn lời, tác phẩm hiện lưu hành ở đời. Đệ tử của ngài là Tăng Triệt, đệ tử Tăng Triệt là Giác Huy, đều là những người nổi danh trong thiên hạ, ba đời đều làm Tăng thống.

Có thuyết nói, tiền thân của ngài là Pháp sư Tri Huyễn ở núi Tam Học thuộc Hán Xuyên. Tri Huyễn từng giảng phẩm Thập Địa chấn động

đến nỗi đất biến thành màu vàng, đến khi mệnh chung cũng có bệnh như vậy. Tri Huyễn và Tri Huyền đều là những cao tăng tuyệt thế.

8. Bài tựa trong Thiền Nguyên Thuyên của Tướng quốc Bùi Hưu (Bính Dần)

Hàm Thông thứ mười một, Tướng quốc Bùi Hưu mất. Hưu tự là Công Mỹ, người ở Mạnh châu. Thuở nhỏ ông cùng ở ẩn với anh em, ban ngày thì giảng kinh, ban đêm thì viết sách, cả năm chẳng ra khỏi cửa. Hồi ấy có thợ săn tặng rất nhiều thứ thịt, ông không ăn và nói: “Ăn rau vẫn còn không đủ, ngày nay ăn thịt, ngày sau làm sao được làm người”. Ông đậu Tiến sĩ, nhiều lần làm quan trong cung, từng ra làm thứ sử Hồng Châu. Một hôm, ông vào chùa Long hưng, nhìn thấy bức vẽ trên tường, ông than: “Nghi dung còn đây, cao tăng ở đâu?”. Lúc ấy có vài vị Tăng trả lời nhưng không hợp ý lắm, ông hỏi:

- Ở đây không có Thiền giả chăng?

Tăng đáp:

-Gần đây có vị Tăng mới đến trông rất giống Thiền giả.

Bùi Hưu liền mời đến, vị Tăng ấy chính là Thiền sư Hoàng Bá. Lúc này Hoàng Bá chưa có tiếng tăm. Bùi Hưu liền đến trước vái chào. Hoàng Bá lớn tiếng gọi:

- Bùi Hưu!

Bùi Hưu liền đáp:

Dạ!

Hoàng Bá hỏi:

Ở đâu?

Bùi Hưu ngay đó hốt nhiên khế hội. Hưu liền thỉnh sư về phủ của mình, sớm chiều thưa hỏi. Sau đó ông đổi ra ở tại Uyển lăng, ông cũng thỉnh Hoàng Bá cùng ra đó ở. Từ đó ông càng thâm hiểu nguồn pháp. Ông lại rất có đạo duyên với Thiền sư Khuê Phong Tông Mật.

Trong năm Đại Trung ông chấp chánh được sáu năm, sau đó làm tiết độ sứ các trấn, thọ bảy mươi bốn tuổi. Ông rất giỏi văn chương, viết sách chỉnh văn đều thuộc bậc tuyệt thế, học vấn hơn người. Xử sự rất ngay thẳng, tiến thoái rất ung dung. Tuyên Thông từng khen: “Hưu đích thực là bậc danh Nho, chưa từng uống rượu ăn thịt”.

Ông trứ thuật đến vài vạn lời nói về Phật giáo. Trong đó có bài tựa trong Khuê Phong Thiền Nguyên Thuyên. Bài tựa nói: “Thiền sư gom tập Thiền Nguyên Chư Thuyên làm thành Thiền Tạng và sắp xếp rất có thứ lớp. Từ khi Như Lai ra đời tùy cơ lập giáo, Bồ-tát thị hiện tùy

bệnh cho thuốc đến nay, chưa có ai làm công việc ấy như Sư. Thế nên giáo pháp trong một thời đều khai mở ba môn cạn sâu, nhất tâm chân như diễn xướng biệt pháp của tánh tướng. Mã Minh, Long Thọ đều hằng dương giáo pháp của Thế Tôn, từ đó mà có dị tông tánh không, Tuệ Năng, Thần Tú đều truyền tâm ấn của Đạt-ma, từ đó có sự khác nhau giữa đốn tiệm. Thiên Thai chuyên về Tam quán, Ngưu Đầu chẳng một pháp cho người, Giang tây bày thể toàn chân, Hà Trạch chỉ thẳng thấy biết. Ngoài ra có không phá nhau, chân vọng chống nhau, đoạt theo thế nghịch, lấy theo thế thuận, chỉ theo kiểu mật, diễn theo kiểu hiển. Vì vậy Tây Vực Trung Quốc có rất nhiều tông phái, do có ngàn muôn thứ bệnh nên có ngàn muôn thứ thuốc, ứng cơ tiếp vật hoàn toàn không đồng. Dù đều là cửa ngõ để chứng ngộ, đều là con đường của chánh chân, nhưng môn hạ của các tông người thông thì ít, người kẹt thì nhiều. Bởi vậy trong mấy mươi năm lại đây, Pháp sư càng nông cạn, đó là do sự truyền thừa quá hạn hẹp, mỗi người tự mở mang, lấy kinh luận làm công cụ để kích bác lẫn nhau. Tình tùy theo cái hạn hẹp mà đổi thay, pháp tùy theo nhân ngã mà cao thấp, thị phi rối bời không thể phân biệt. Vậy thì xưa kia chư Phật Thế Tôn, các hàng Bồ-tát, giáo tông khắp nơi ứng cơ thuyết pháp để người đời sau kích bác lẫn nhau, làm tăng trưởng bệnh phiền não, thì có lợi ích gì?

Thiền sư Khuê Phong từ lâu đã than: "Ở trong lúc này ta không thể im lặng, vì vậy ta đem ba loại giáo nghĩa của Như Lai phối hợp với ba pháp môn của Thiền tông, trộn bình, mâm, trâm, xuyến thành một thứ, hòa tô, lạc, đề hồ thành một vị. Nắm đầu mối mà diễn bày thì người người đều quy thuận, dựa then chốt mà xiển dương thì ai nấy cùng theo. Nhưng vẫn sợ người học khó hiểu thấu, nên tôi lại chỉ thẳng ngọn ngành của nguồn tông, hòa hợp của chân vọng, ẩn hiển của tánh không, sự khác nhau giữa pháp nghĩa, điểm dị đồng của đốn tiệm, sự tương quan giữa giá biểu, sự cạn sâu giữa quyền thật, điểm đúng sai giữa rộng hẹp. Mỗi mỗi đều nói rõ cho họ nghe, chỉ rõ cho họ thấy. Tôi thống thiết mà chỉ bày, ôn tồn mà dẫn dụ, khuyên họ uống sữa thơm, dụ họ uống thuốc tốt. Sợ tánh mạng họ phải chết yểu, nên thường giữ gìn, nhớ đến nước lửa phừng phừng nên quét trừ sạch cả. Ngọn đuốc lớn không thể xóa tan bóng tối của đêm dài, đấng cha lành không thể bảo bọc đứa con của đời sau. Còn như thầy ta thì nâng Phật nhật mà uyển chuyển chiếu soi, tăm tối tận trừ; thuận Phật tâm mà tuyên thẳng đại Bi, tận kiếp lợi lạc. Vậy thì, Thế Tôn là người xiển giáo, thầy ta là người hiểu giáo, gốc ngọn phù hợp, xa gần cùng soi. Có thể nói, ngài đã thực hành trọn vẹn toàn

bộ giáo pháp trong một đời của Thế Tôn.

Có người hỏi: Sau khi Như Lai diệt độ, chưa từng có ai thông suốt toàn bộ giáo lý, nay đột nhiên trái với tông thú chẳng giữ giáo nghĩa, bỏ nơi trọng yếu chẳng hề lưu tâm, e rằng chẳng phải là trái với đạo Bí mật tàng chăng?

Đáp: Trong hội Pháp hoa, Niết-bàn, Phật cũng đã dung hòa thành một vị. Chỉ vì người mê mờ không thấu hiểu, nên trong kinh Niết-bàn ghi: "Bồ-tát Ca-diếp nói: "Chư Phật nói rõ nhưng không giấu kín". Đức Thế Tôn ngợi khen rằng: "Lời của Như Lai khai mở rõ ràng, thanh tịnh không tỳ vết, người ngu không hiểu bảo đó là Bí tàng, kẻ trí thấu đạt thì không gọi đó là ẩn tàng". Đó là bằng chứng.

Vì vậy vương đạo mà thịnh thì ngoại hộ không câu chấp mà tồn tại ở Di địch. Phật đạo mà xương minh thì các pháp cùng hiện hữu mà đề phòng ngoại ma, không nên cố chấp rồi lại buông tay. Than ôi! Hậu học cần phải tin nơi Phật, không nên tin ở người, cần Pháp thân chứng nơi gốc pháp, không nên thỏa mãn nơi ngọn nghiệp. Được như vậy mới có thể báo đáp được ân đức sâu dày của Khuê Phong.

9. Vua hạ chiếu nghênh đón xá-lợi của Phật: (Quý Tỵ)

Tháng ba, năm Hàm Thông thứ mười bốn, vua hạ chiếu cho Lưỡng Nhai tăng nghênh đón xá-lợi của Phật tại chùa Phụng Tường Pháp Môn.

Bấy giờ vua dùng vàng bạc làm bảo tháp, dùng châu ngọc làm trướng, xung quanh dùng lông chim Duật trang sức. Tháp nhỏ gần một trượng, tháp lớn thì lớn gấp đôi. Lại dùng gỗ Đàn làm mái che, làm trụ. Thềm bực, đường đi đều trải vàng ròng. Mỗi một bảo tháp có mất trăm người khiêng, phía trước phía sau đều có xe hương tháp tùng. Lại có chuỗi ngọc, đàn cầm, đàn sắt, bảo cái, tràng phan, cờ xí muôn màu muôn vẻ, tiền lạc chi phí không biết bao nhiêu mà kể. Vua gia hạn đến ngày tám tháng tư xá-lợi phải đến được kinh sư. Hai bên đường người, cờ rợp trời. Thiên tử ngự ở lầu An phước để nghinh thỉnh, rồi dẫn vào Đạo tràng trong cung. Ba ngày sau vua cho nghinh đến các chùa trong kinh thành. Vua hạ chiếu ban tặng vàng lụa cho Tăng của Lưỡng nhai. Già trẻ trong kinh thành cùng những người thấy việc lợi ích này mà phát tâm phụng thờ đều được vua hậu thưởng. Những nơi xá-lợi đi qua đều đắp đất làm đàn tràng, quỳ đón dọc dường, quang cảnh thật náo nhiệt. Cao Tăng trong kinh thành đều nhóm họp ở đường chính, dựng Đàn tràng, lập bảo đài, nấu bạc làm ao, kết vàng ngọc làm cây, triệu tập

Tăng chúng, bày thiết voi tượng, đánh trống, thổi kèn suốt mấy ngày đêm. Vua hạ chiếu nói: "Trẫm vì đức mỏng, kế thừa nghiệp lớn đã mười bốn năm, gặp phải giặc cướp nổi lên, vua tôi chưa từng ngơi nghỉ. Trẫm lo lắng vương nghiệp, yêu mến sinh linh, liền tôn sùng Thích giáo, kính ngưỡng huyền môn, nghinh thỉnh chân nhân, cầu phước cho trăm họ. Nay có người vây dân nơi đồng hoang, nhóm chúng nơi núi thẳm, cứ nghĩ đến lao tù thì trẫm không sao chợp mắt. Ôi! Lê dân của ta bị vây hãm nơi cực hình, thời tiết ngày một nóng bức, tù tội ngày một nhiều, từ kinh kỳ đến các châu, huyện, phủ trong cả nước, tội nhân đều được giảm tội chết xuống một bậc".

Tháng tư năm sau, vua hạ chiếu đưa xá-lợi về lại chùa Phụng Tường. Già trẻ trong kinh đô, sắm sửa trai nghinh khóc than đưa tiễn.

Trong Tân Sử Tán ghi: Con người bị mê hoặc bởi việc quái dị thật quá lắm! Như Phật chỉ là một người khô khan bên Tây Vực mà thôi. Ông ấy đầu tròn, chân đất, xin ăn để tự nuôi bản thân, hủy hoại thân mình, sống sâu trong rừng rú, toàn làm việc khổ, vốn chẳng cần gì ở người khác, thế rồi học trò dần dần đông lên. Thế nhưng ông ta nói năng hoang đường, làm đủ trò mê hoặc. Nếu khéo suy xét thì thấy toàn là những việc không đúng sự thật. Đem việc quỷ thần sống chết xâu thành một chuỗi, điều ấy khỏi phải nghi ngờ. Ông ấy bóp chặt ham muốn, vất bỏ thân người, đại khái cũng gần giống như Hoàng Lão. Đến đời Hán năm thứ mười bốn, sách Phật tràn vào Trung Quốc, đánh vào tình cảm con người, lấy những điều mắt không thấy tai không nghe làm việc lạ, cho cái không thể biết là thần, lấy những điều vượt ngoài lý lẽ muôn loài làm điều đáng sợ, lấy cái biến hóa khôn cùng làm Thánh. Lại cho rằng do sinh mà có chết, chết rồi sinh lại, vần xoay trong báo ứng, lấy việc qua lại ấy làm điều không nhất định. Nhưng lại lấy việc gần hèn xa giàu làm vui, lại chuyển ngữ sai lầm thật không kể hết. Những kẻ dối lừa của Hoa Hạ lại xem thường Trang Chu, liệt vào loại chủ thuyết cấm giặc, đề cao Phật giáo, nhiều lần mạnh dạn dâng biểu tâng bốc cho rằng không gì cao hơn thuyết nhà Phật. Họ hiệp sức khoa trương, đề cao Phật giáo. Thế là từ Thiên tử đến thứ dân, ai nấy đều bị kích động rồi phụng thờ đạo Phật. Đầu tiên, Tể tướng Vương Tấn dựa vào duyên nghiệp phò tá Đại Tông, bắt đầu dựng đạo tràng trong cung cấm, ngày đêm tụng kinh hy vọng cầu phước cho giặc. Nhung Ông ấy mở hội Vu-lan, đem của cải của tổ tông cúng hết cho chùa tháp, rốt cuộc bị quần thần cười chê. Đến đời Hiến Tông, lại thỉnh xương Phật từ Phụng Tường vào cung, Hàn Dũ chỉ trích, vua nổi giận đầy Hàn Dũ. Tới

lúc sắp chết, Hiến Tông cũng chẳng được cái hạnh phúc của mệnh trời, trái lại còn bị họa, e rằng có ích lợi chăng?

Ý Tông cũng không sáng suốt, đi theo vết xe cũ, chẳng biết lẽ hưng suy, chẳng hay điều phải nương gá, lấy cái chết tự thề không hề hối hận, khóc lóc mà bái phục. Tuy ông ấy thờ tổ tông, tiên hoàng nhưng chẳng hề cúng quảy, tự chôn vùi cái cao quý của quân vương, hạ mình ngang hàng bọn người Hồ. Nghiệp lớn của mấy ngàn năm hoang phế bởi ông ta. Than ôi! Vận suy phước bạc! Trời đã định đoạt thế rồi! Không đầy ba tháng thì Ý Tông mất, đức nhà Đường không phấn phát tất có nguyên do.

Luận rằng: Thật quá đáng, Tống Cảnh Văn Công bài xích Tiên Sư ta quá lắm! Tôi nhiều lần muốn chỉnh sửa ngay sự nhầm lẫn của ông ấy, đến khi nhận được bộ luận ghi lại những lời đối đáp giữa Đại Điên và Thoái Chi do Lý Tiết viết lời tựa, thì những gì tôi muốn nói, bộ luận ấy đã nêu hết rồi, vì vậy tôi không nói nữa.

Vả lại, Hiến Tông, Ý Tông thật ra cũng tôn thờ thái quá. Đến như Cao Tổ sa thải Tam giáo, hạ chiếu thay đổi ngôi thứ; Vũ Tông tàn diệt Phật giáo, chưa đầy mấy năm họa lớn như vậy, lẽ đâu không đáng sợ? Thế nhưng chân thân Phật là gốc lớn của Thánh phàm, ngang bằng với thái hư, diệu dụng không khác mọi người, không làm nhưng chẳng điều gì chẳng làm, không tồn tại nhưng không đâu là chẳng có. Như vậy thì ngoài tâm thấy Phật lại phụng thờ thái quá, đúng là không có chánh kiến. Mê lầm gốc lớn nên mới hủy hoại, tức là tự hủy hoại mình. Cảnh Văn chê họ phụng Phật nhưng lại không đề cập đến cái lỗi chê người của mình, vậy thì tân sử là bộ sử hay chăng?

10. Hy Tông: (Giáp Ngọ)

Hy Tông tên là Nghiễm, con thứ năm của Ý Tông, lên ngôi năm mười một tuổi, mất năm hai mươi bảy tuổi, an táng ở Tĩnh lăng. Ông lên ngôi đổi hiệu là Càn Phù.

Năm này, có người dân ở Tinh châu sinh một đứa con hai đầu bốn tay. Bộc tặc (rợ Bộc) Ngọc Tiên Chi nhóm binh ở Trường Viên.

Ất Mùi: Có chiếu cử Cao Biền phá giặc. Ngọc Tiên Chi nổi loạn. Hoàng Sào dấy binh hưởng ứng.

Kỷ Hợi: Tháng mười một, có hai mặt trời cùng xuất hiện.

Canh Tý: Đổi niên hiệu là Quảng Minh. Điền Lịnh Tư phò Thiên tử chạy sang phía Tây. Giặc Hoàng Sào vào Trường An, dựng nước hiệu là Đại Tề, niên hiệu là Kim Thống. Lý Khắc Dụng chạy sang Đạt

Đán.

Tân Sửu: Đổi niên hiệu là Trung Hòa. Hoàng thượng từ Hưng Nguyên vào đất Thục. Thác Bạt Tư Cung đem binh lánh nạn, nắm quyền tiết độ sứ. Tây Hạ có từ đây.

11. Thiền sư Giáp Sơn Thiện Hội:

Sư họ Liêu, người ở Hiện đình, Quảng châu. Năm chín tuổi, Sư xuất gia ở Long nha, Đàm châu, sau thọ đại giới. Sư qua Giăng Lăng nghe giảng Kinh Luật Luận, chuyên nguyên cứu Tam học, nỗ lực tham thiền.

Hồi ấy, Sư ở tại Kinh Khẩu. Đêm nọ, Đạo Ngô chống tích đến thăm, gặp lúc Sư thượng đường, có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là Pháp thân?

Sư đáp:

- Pháp thân không tướng.

- Thế nào là pháp nhãn?

- Pháp nhãn không tỳ vết.

Sư nói tiếp:

- Trước mắt không có pháp, ý ở ngay trước mắt, chẳng phải pháp trước mắt, tai mắt chẳng nghe thấy.

Đạo Ngô nghe vậy phá lên cười. Sư liền sinh nghi hỏi:

- Thầy cười cái gì?

Đạo Ngô đáp:

- Hòa thượng là bậc tuyệt luân xuất chúng nhưng chưa có người chỉ dạy. Nên qua tham học với Hòa thượng Thuyền Tử ở huyện Hòa đình đi.

Sư hỏi:

- Liệu có kết quả gì không?

Đạo Ngô đáp:

- Ông ấy trên chẳng có miếng ngói che đầu, dưới chẳng có tấc đất cắm dùi.

Sư nghe vậy liền thay đổi y áo đến thẳng Hòa Đình. Gặp ngay lúc Thuyền Tử vỗ thiền sàng đứng dậy đi ra. Hai thầy trò gặp nhau, đạo duyên khế hợp. Sư ẩn tu nơi thâm sơn, cắt đứt muôn duyên nhưng người học vẫn đua nhau tìm đến. Trong thảo am của Sư, Tăng chúng nhiều vô kể, sớm chiều tham học.

Đường Hàm thông thứ mười một, Tăng chúng chọn đất Giáp sơn và nơi này trở thành thiền viện. Sư thượng đường dạy chúng:

- Từ khi có Tổ đến nay, người ta thường hiểu lầm cứ thế truyền trao mãi đến bây giờ. Họ cho những lời của Phật tổ là ông thầy mẫu mực của con người, thành thử họ trở thành kẻ cuồng, người vô trí. Họ chỉ nêu bày cho các ông rằng: Không pháp vốn là đạo, đạo không có một pháp, không có Phật để thành, không có đạo để chứng đắc, không có pháp để xả bỏ. Nên nói: Trước mắt không có pháp, ý ở ngay trước mắt. Họ không phải là pháp trước mắt, nếu nhắm vào Phật tổ mà học thì người này chưa có chánh nhãn. Những thứ đó đều là pháp sở y, không được tự tại, vốn chỉ có sinh tử mênh mang, thức tánh không có phần tự do. Đi ngàn dặm, muôn dặm tìm Thiện tri thức, cần phải có chánh nhãn mới mong vĩnh viễn thoát khỏi cái thấy sai lầm, quyết định nắm lấy sinh tử trước mắt là thật có hay không thật có. Nếu có người quyết định được, cho phép ông xuất đầu lộ diện. Kẻ thượng căn ngay dưới lời nói đều thấu tỏ đạo. Kẻ trung căn hạ căn chạy lăng xăng như sóng gợn, tại sao không ngay nơi sinh tử mà định đoạt lấy, lại nghi rằng Phật, Tổ sẽ thay thế việc sinh tử cho ông. Người có trí sẽ chê cười ông.

Hãy nghe kệ:

Nhọc nắm pháp sinh tử
Nhằm bên Phật tìm cầu
Trước mắt mê chánh lý
Bới lửa tìm bọt biển.

Có vị Tăng hỏi:

- Trước đây Hòa thượng lập ra ý Tổ, ý giáo. Bây giờ tại sao bảo rằng không có?

Sư đáp:

- Ba năm chẳng ăn cơm
Trước mắt không người đói.

- Đã không người đói, sao con chẳng tỏ ngộ?

- Chỉ vì mê ngộ đuổi Xà lê.

Sư đọc bài tụng:

Rõ ràng không ngộ pháp
Ngộ pháp là kẻ mê
Duỗi thẳng hai chân ngủ
Không ngụy cũng không chân.

Tăng hỏi:

- Thế nào là cảnh Giáp sơn?

Sư đáp:

- Vượn nọ ôm con về núi thẳm

Chim ngặm hoa rơi trước non xanh.

Sư lại đóng thất ròng rã mười hai năm. Ngày bảy tháng mười một, niên hiệu Trung Hòa năm đầu, Sư gọi chủ sự đến và nói:

- Ta cùng Tăng chúng nói năng trong nhiều năm, diệu chỉ Phật pháp các ông phải tự biết lấy. Thân huyễn của ta đến lúc phải đi, các ông phải khéo giữ gìn mình như lúc ta còn sống, chớ có vọng động như người thế gian sinh tâm buồn bã.

Nói xong, ngay đêm ấy Sư an nhiên thị tịch. Ngày hai mươi chín, đồ chúng dựng tháp Sư tại núi này. Sư thọ bảy mươi bảy tuổi, tăng lạp năm mươi bảy hạ. Vua sắc phong Sư thụy là Truyền Minh Đại Sư, tháp hiệu là Vĩnh Tế.

Nhâm Dần: Tháng tám, phòng ngự sứ của giặc Hoàng Sào là Chu Ôn đến hàng, vua cho ông tên là Toàn Trung.

Quý Mão: Tháng tư, bọn Lý Khắc Dụng đánh nhau với giặc Hoàng Sào ở Vị kiều. Dụng thắng trận đem binh về kinh đô.

Giáp Thìn: Tháng bảy, Lý Sư Duyệt vây giặc Hoàng Sào ở Lang hổ cốc. Cháu ngoại của Sào là Lâm Ngôn chém đầu Hoàng sào đem binh quy hàng.

Ất Tỵ: Tháng ba, niên hiệu Quang Khải, vua trở về kinh sư. Tháng mười hai, Trung Hoạn Điền Lệnh Tư đánh bại Vương Trọng Vinh, vua chạy sang Phụng Tường. Binh của Sa Đà vào kinh sư mặc sức đốt phá. Thế là binh biến nổi lên, thiên hạ đại loạn, chia năm xẻ bảy.

12. Thiền sư Nham Đầu Toàn Khoát: (Đinh Mùi)

Sư họ Kha, quê ở Tuyền châu, xuất gia từ nhỏ. Sư đến Trường An thọ Đại giới, đi khắp pháp hội học tập kinh luật. Sau Sư kết bạn với Tuyết Phong, Khâm Sơn cùng vân du khắp thiền lâm.

Đầu tiên, Sư đến tham học với Lâm Tế nhưng Lâm Tế đã quy tịch. Sư liền đến yết kiến Ngưỡng Sơn. Vừa vào đến cửa, Sư đưa tọa cụ lên thưa:

- Hòa thượng!

Ngưỡng Sơn toan dựng phất tử lên, thì Sư nói:

- Chẳng ngại lanh tay.

Sau đó, Sư đến yết kiến Đức Sơn. Sư cầm tọa cụ lên thẳng pháp đường đứng nhìn. Đức Sơn hỏi:

- Làm gì?

Sư liền nạt. Đức Sơn nói:

- Lão Tăng có lỗi gì?

Sư nói:

- Hai lớp công án.

Nói xong, Sư xuống nhà tham thiền. Đức Sơn nói:

“Trông gã này hơi giống kẻ hành khước”.

Hôm sau, Sư đến chào hỏi, Đức Sơn hỏi Sư:

- Xà-lê học được ở đâu cái rỗng không ấy?

Sư đáp:

Toàn Khoát trọn chẳng dối mình.

Đức Sơn bảo:

Ngày sau không được cô phụ lão tăng.

Tuyết Phong làm Phạn đầu (Trưởng ban soạn trai) dưới pháp hội của Đức Sơn. Một hôm, bưng cơm lên trễ, Đức Sơn ôm bát đến trước pháp đường. Tuyết Phong đang phơi khăn (khăn đậy khi nấu cơm) thấy Đức Sơn lên liền nói:

- Cái gã này, chuông chưa rung, trống chưa đánh mà ôm bát đi đâu thế!

Đức Sơn nghe vậy liền trở về phương trượng. Tuyết Phong kể lại việc này với Sư, Sư nói:

- Rốt cuộc Đức Sơn chưa hiểu câu sau cùng!

Đức Sơn nghe vậy liền bảo Thị giả gọi Sư lên phương trượng. Đức Sơn hỏi:

- Ông không chấp nhận lão Tăng sao?

Sư liền thưa thầm ý của mình. Hôm sau, Đức Sơn thượng đường có vẻ khác ngày thường, Sư đến trước tăng đường vỗ tay cười vang nói:

- Rất mừng là ông già này hiểu được câu sau cùng. Về sau trong thiên hạ chẳng ai sánh kịp, tuy là như vậy nhưng chỉ được ba năm.

Quả nhiên ba năm sau Đức Sơn thị tịch.

Có vị Tăng hỏi:

- Khi buồm xưa chưa giăng thì thế nào?

Sư đáp:

Vườn sau lừa ăn cỏ.

Sư thượng đường bảo chúng:

“Ta từng nghiền ngẫm kinh Niết-bàn thấy có ba đoạn văn giống như Nạp tăng nói”.

Sư nói tiếp:

“Nghỉ! Nghỉ!”.

Có vị Tăng lễ bái thưa hỏi. Sư nói:

Kinh ghi: “Ý giáo của ta như ba chấm chữ Y ( ). Chấm thứ nhất

chấm ở phương Đông, điểm khai mắt chư Bồ-tát. Chấm thứ hai chấm ở phương Tây, điểm ngay mạng căn chư Bồ-tát. Chấm thứ ba chấm ở phương trên, điểm ngay đảnh chư Bồ-tát. Đó là nghĩa của đoạn thứ nhất".

Sư nói tiếp: "Ý giáo của ta như Ma-hê-thủ-la bửa chẻ khuôn mặt, nhắm con mắt giữa. Đó là nghĩa của đoạn thứ hai". Sư lại nói: "Ý giáo của ta như đường hiểm đánh một tiếng trống, xa gần mà nghe thấy đều mất mạng. Đó là ý nghĩa của đoạn thứ ba".

Khi ấy Thượng Tọa Tiểu Nham hỏi:

- Thế nào là trống trong đường hiểm?

Sư dùng hai tay chống gối cúi người nói:

- Hàn Tín lâm triều.

- Bụi trần mênh mông làm sao chỉ ra vua?

Sư đáp:

- Trong cái thanh la bằng đồng đựng đầy dầu.

- Thế nào là Đạo?

- Xé giày cỏ vứt xuống hồ.

Những người đến hỏi Phật, hỏi Pháp, hỏi Đạo, hỏi Thiền, Sư đều thở dài. Có lần Sư nói với chúng:

- Lúc lão Tăng đi sẽ rống một tiếng thật lớn.

Về sau, giặc ở Trung Nguyên nổi lên, tăng chúng đều đi lánh nạn, chỉ có mình Sư thản nhiên ở lại. Ngày nọ giặc tràn đến, chúng trách Sư vì không có gì cho chúng ăn. Bọn giặc dùng kích đâm Sư, thần sắc của Sư vẫn không thay đổi, Sư rống một tiếng thật lớn rồi thị tịch, thọ sáu mươi mốt tuổi. Về sau vua Đường truy tặng Sư thụy là Thanh Nghiêm Đại Sư. La Sơn là người kế thừa tông phong Sư, làm rạng danh trong đời.

Mậu Thân: Đổi niên hiệu là Văn Đức. Tháng ba, vua mất.

13. Chiêu Tông: (Kỷ Dậu)

Chiêu Tông tên là Hoa, con thứ bảy của Ý Tông. Ông là một vị vua tài giỏi có chí khôi phục xã tắc. Nhưng bên ngoài giặc loạn nổi lên, bên trong thì không có hiền tài giúp sức, tuy ông là kẻ có trí có dũng nhưng cũng không làm gì được. Năm ba mươi tám tuổi bị bọn Chu Toàn Trung giết ở Long sàng, an táng ở Hòa lăng. Ông trị vì mười sáu năm, lên ngôi đổi niên hiệu là Long Kỷ.

Canh Tuất: Đổi niên hiệu là Đại Thuận. Từ đây trong thiên hạ có tất cả mười ba nơi xưng bá.

Lôi Thị nói:

Tây Tần Mậu Trinh: Mậu Trinh lấy niên hiệu là Tần Phụng Tường, trị vì ba mươi bảy năm.

Ngô Hành Mật: Dương Ngô chiếm Hoài nam gồm bốn đời chủ, trị vì bốn mươi sáu năm.

Ngô Việt Lưu: Tiến Hàng Ngô Việt gồm năm đời chủ, trị vì tám mươi bốn năm.

Yên Thủ Quang: Thủ Quang chiếm đất Yên trị vì mười chín năm.

Sở Ân: Mã Sở chiếm Hồ Nam gồm năm đời chủ, trị vì năm mươi bảy năm.

Thục Kiến: Vương Kiến chiếm Tiến Thục gồm hai đời chủ trị vì ba mươi lăm năm.

Kinh Quý Hưng: Quý Hưng chiếm Kinh Nam gồm năm đời chủ trị vì năm mươi bảy năm.

Mân Thẩm Tri: Vương Mân chiếm Phúc Kiến gồm năm đời chủ, trị vì năm mươi lăm năm.

Nam Hán Ẩn: Nam Hán chiếm Ẩn Quảng gồm năm đời chủ, trị vì sáu mươi bảy năm.

Thục Tri Tường: Tri Tường chiếm Hậu thục gồm hai đời chủ, trị vì bốn mươi mốt năm.

Nam Đường Thăng: Lý Đường chiếm Giang Nam gồm ba đời chủ, trị vì ba mươi chín năm.

Ân Diên Chánh: Diên Chánh lấy hiệu là Ân, chiếm Kiến châu, trị vì ba năm.

Đông Hán Mân: Đông Hán chiếm Sùng Nguyên gồm bốn đời chủ, trị vì hai mươi tám năm.

*Tây Tần Mậu Trinh: Tự là Chánh Thần, vốn mang họ Tống, tên là Văn Thông, người ở Bác Dã, Thâm châu. Ông nội tên là Dịch, cha tên là Đoan đều là lính ở Bác dã. Trong năm Quảng Minh ông phá được giặc Hoàng Sào, lập công lớn, Hy Tông đến Hưng Nguyên ban cho ông họ Lý, tên là Mậu Trinh. Năm sau Thiên tử về cung phong ông làm Phụng Tường Tiết Độ, rồi tấn phong làm Lũng Tây Quận Vương. Từ đó, ông hưởng lộc trong mười bốn châu từ Hà tây đến Sơn nam. Ông mất năm Phụng Tường thứ hai mươi bảy, tức Đồng Quang năm thứ hai.

14. Thiền sư Ngưỡng Sơn Tuệ Tịch:

Sư họ Diệp, quê ở Hoài hóa, Thiều châu. Năm mười lăm tuổi, Sư

muốn xuất gia nhưng cha mẹ không cho. Hai năm sau, Sư chặt hai ngón tay, đến quỳ trước cha mẹ thề cầu chánh pháp để đền đáp ân dưỡng dục. Cha mẹ đồng ý, Sư liền xuất gia với Thiền sư Thông ở chùa Nam Hoa. Chưa thọ giới Cụ túc Sư liền đi du phương. Đầu tiên Sư yết kiến Đam Nguyên và tỏ ngộ huyền chỉ. Sau Sư đến tham học với Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu.

Lúc thượng đường Quy Sơn hỏi:

- Ông là Sa-di có chủ hay Sa-di không chủ?

Sư thưa:

- Có chủ.

- Ở đâu?

Sư từ bên Đông qua bên Tây đứng. Quy Sơn biết Sư là bậc pháp khí, liền cố tâm khai thị. Sư hỏi:

- Thế nào là trụ xứ của chân Phật?

Quy Sơn đáp:

- Dùng cái mầu nhiệm của suy nghĩ mà không suy nghĩ, quay lại tư duy cái vô cùng của ánh sáng tâm linh, dứt suy nghĩ trở về nguồn, tánh tướng thường trụ, sự lý chẳng hai, chân Phật như như.

Ngay câu nói này Sư đốn ngộ, từ đây Sư ở lại hầu Quy Sơn mười lăm năm. Sư nói ra điều gì đều là mực thước cho hậu thế.

Một hôm Sư hỏi Quy Sơn:

- Tâm thức bọt nước của Hòa thượng gần đây an chưa?

Quy Sơn nói:

- Đã năm năm ta không đến.

Sư hỏi: Do đâu ngày nay ở ngay thân này mà Hòa thượng vượt trên đảnh Tam-muội?

Quy Sơn đáp: Chưa vượt.

- Đất tánh bọt nước mà còn yên, trước thân Nhiên Đăng vì sao lại chưa?

- Lý thì như vậy, nhưng ta chưa dám bảo nhậm.

- Thế nào là chỗ chưa dám bảo nhậm?

- Ông chớ dùng miệng giải thoát, lẽ đâu ông không nghe Đạo An, Thần Túc bị Tắc Thiên thử, vào trong nước xong mới biết họ là người tài giỏi, đến lúc đó Phật sắt cũng phải toát mồ hôi. Này Tuệ Tịch! Ông phải dốc sức tu hành, chớ cả ngày im lặng.

Sau Sư lãnh chúng qua trụ ở núi Vương Mãng. Một hôm Thiền sàng bị sập, địa thần mách bảo sư rằng: “Núi này không đỡ nổi Hòa thượng, phía Đông nam có Ngưỡng sơn là đất phước của nhân gian”.

Sư bèn dời chúng qua Ngưỡng sơn. Sư dạy chúng: "Tất cả các ông phải tự hồi quang phản chiếu, chớ ghi nhớ lời ta. Từ vô thỉ đến nay, các ông trái sáng hợp tối, gốc vọng quá sâu khó nhổ liền được. Do đó giả lập phương tiện dọn sạch thức thô của các ông. Như đem lá vàng dỗ trẻ con nín, có gì đúng đâu! Cũng như người đem trăm thứ hàng hóa cùng vàng bạc lập phố buôn bán cốt thích hợp với người mua. Bởi vậy nên nói: "Thạch Đầu là phố chân kim, còn ta là phố tạp hóa. Có kẻ đến tìm phân chuột, ta cũng đem cho; có người đến tìm chân kim (vàng thật) ta cũng đem cho".

Lúc ấy có vị Tăng hỏi:

- Chẳng cần phân chuột, xin Hòa thượng cho chân kim!

Sư đáp:

Răng nhọn toan mở miệng, cùng kiếp cũng chẳng hiểu.

Sư nói tiếp: Có lên tiếng thì có trao đổi, không lên tiếng không qua lại. Nếu ta nói đến Thiền tông, thì cần một người bên cạnh làm bạn còn không có, huống gì có năm bảy trăm chúng! Nếu ta nói Đông nói Tây, ắt các ông tranh nhau lượm lặt. Như đem nắm tay không phỉnh trẻ con, đều không có thật. Nay ta nói rõ cho ông nghe việc của Thánh, nhưng chớ đem tâm ghé hợp, phải nhắm vào biển tánh của mình mà tu hành như thật, chẳng cần Tam minh, Lục thông. Vì sao? Vì đó là việc ngọn. Nay cần thức tâm đạt bổn, cốt được cái gốc đừng lo đến ngọn. Được vậy ngày sau ắt tự đầy đủ. Nếu chưa nhận được gốc, dù dùng tĩnh để học bao nhiêu chăng nữa cũng chẳng hề được. Lẽ đâu ông không nghe Hòa thượng Quy Sơn nói: Tình phàm Thánh hết, chân thường bày hiện, sự lý chẳng hai, tức như như Phật".

Nhân đó Sư quay về tham học với Quy Sơn. Quy Sơn hỏi Sư:

- Ông đã xưng là Thiện tri thức, vậy có phân biệt được những người các nơi đến, họ biết có hay không biết có, có thầy truyền thừa hay không thầy truyền thừa, là nghĩa học hay là huyền học, ông nói thử xem?

Sư thưa:

Tuệ Tịch có chỗ ứng nghiệm, hễ thấy tăng các nơi đến liền dựng phất tử hỏi y: "Các nơi có nói đến cái này không? Không bàn đến cái này, ý lão túc các nơi thế nào?"

Quy Sơn khen:

Đây là nanh vuốt trong Tông môn xưa nay.

Quy Sơn lại hỏi:

Chúng sinh trong đại địa ngục thức mênh mang, không nơi nương

tựa, ông làm sao biết họ có hay chẳng có.

Sư đáp:

Tuệ Tịch có chỗ ứng nghiệm.

Lúc ấy có vị Tăng quay ngang qua trước mặt. Sư gọi: "Xà-lê!" tăng quay đầu lại. Sư nói:

Hòa thượng cái này là nghiệp thức mênh mang, không nơi nương tựa

Quy Sơn nói:

Đây là một giọt sữa sư tử làm tan sáu đấu sữa lừa.

Tướng công Trịnh Ngu hỏi Sư:

- Lúc chẳng đoạn phiền não mà nhập Niết-bàn thì thế nào?

Sư dựng phất tử, Trịnh Ngu nói:

- Không cần một chữ "nhập" cũng được.

Sư nói:

Một chữ "nhập" không phải vì tướng công.

Sư hỏi Song Phong:

- Chỗ thấy của Sư đệ gần đây thế nào?

Sư Phong đáp:

- Theo chỗ thấy của tôi thật không có một pháp nào có thể xứng tình.

- Điều ông hiểu vẫn còn nơi cảnh.

- Tôi chỉ như vậy, Sư huynh thì thế nào?

- Lẽ đâu ông không biết "không một pháp xứng tình"!

Quy Sơn nghe được, nói:

- Một câu của Tuệ Tịch e rằng chết người trong thiên hạ.

Có vị Tăng hỏi:

- Ý vào cửa Thiền tông đốn ngộ rốt cuộc thế nào?

Sư đáp:

-Ý này khó lắm! Như người thượng căn thượng trí trong tông môn, một nghe ngàn ngộ được đại tổng trì, người như thế này rất khó có. Còn hàng hạ căn trí kém, như cổ đức nói: "Nếu chẳng an thiền tịnh lự, vào trong đó thảy đều mờ mịt".

- Ngoài cửa ngõ siêu việt này ra, còn có phương tiện nào để người học vào không?

- Có hay không đều khiến tâm ông không an. Ông là người xứ nào?

- Người U châu.

- Ông nhớ xứ ấy không?

- Nhớ lắm!

- Xứ ấy lầu đài vườn rừng, người ngựa nhộn nhịp, ông nhớ kỹ xem ở đó có bao nhiêu thứ?

- Tôi đến nơi ấy trọn chẳng thấy gì cả.

- Điều ông hiểu vẫn còn nơi cảnh. Tín vị thì được, còn nhân vị thì chưa. Theo như ông hiểu thì chỉ mới được một huyền chỉ, được ngồi mặc áo, về sau tự xem!

Ngày nọ, Quy Sơn lại hỏi Sư:

- Về sau ông chép được người không?

- Nếu chép chỉ chép kiến giải.

- Sao lại như vậy?

- Bát-nhã-đa-la người Tây trúc sấm ký việc của hai ngàn năm đến nay chẳng mảy may sai lệch. Tào Khê cũng sấm ký sau khi mất sẽ bị nạn, đến nay cũng chẳng hề sai lầm. Ngày nay vẫn còn không?

Quy Sơn nói:

Đó là Hạnh thông. Ta là tự tông thông cũng là học thiền chưa hỏi Lục thông.

Sư thưa:

Con cho rằng, kiến giải tông thông ngôn ngữ dứt sạch, sấm lậu thuộc về ngữ mật. Hành giải chiếu soi, tự biện được nghiệp đục trong thuộc về ý mật. Con chưa bằng Tào Khê và Bát-nhã Đa la nên không dám chép.

Quy Sơn rất hứa khả. Trước đây, Sư từng làm trước bài kệ:

Năm ta bảy mươi bảy
Là lúc phải ra đi
Mặc tánh tự chìm nổi
Hai tay bó gối ngồi.

Đến lúc thị tịch, quả nhiên Sư ôm gối mà tịch. Những di tích và những lời sấm ký của Sư đều còn đủ trong "Bản Sơn Thực Lục".

Nhâm Tý: Đổi niên hiệu là Cảnh Phước.

Giáp Dần: Đổi niên hiệu là Càn Ninh.

Đinh Tỵ: Ngô Hành Mật: họ Dương, tự là Hóa Nguyên, người Hợp Phì, Lô châu. Gia thế ông rất nghèo, sức ông có thể nâng cả ngàn cân, mỗi ngày đi ba trăm dặm. Ông giữ chức Bộ kiện ở Lô châu, phá giặc Hoàng Sào lập công lớn được Chiêu Tông phong làm Hoài Nam Vương, rồi tấn phong làm Sở Vương. Lương Tổ phong Ngô Vương xong, năm đó ông mới được phong. Đến Lương Tổ năm thứ hai, tức Lô Châu Thứ mười hai, ông thọ năm mươi tuổi, bốn người con ông đều hưởng bổng

lộc, trấn giữ Hoài nam.

15. Thiền sư Triệu Châu Tùng Thẩm:

Càn Ninh thứ tư, Thiền sư Triệu Châu Tùng Thẩm thị tịch, thọ một trăm hai mươi tuổi. Sư họ Hác, quê ở Tào châu, xuất gia từ nhỏ, chưa thọ giới Cụ túc Sư đã đến Nam Tuyền tham vấn. Nam Tuyền vừa thấy đã khen Sư là bậc pháp khí. Một hôm Sư hỏi:

- Thế nào là đạo?

Nam Tuyền đáp:

- Tâm bình thường là đạo.

- Có thể thú hướng không?

- Vừa toan thú hướng là trái.

- Không toan thú hướng làm sao biết là đạo?

- Đạo không thuộc biết hay chẳng biết. Biết là vọng giác, không biết là vô ký. Nếu thật sự đến được nơi chẳng nghi, giống như hư không thênh thang rỗng rang, lẽ đâu gượng lập phải quấy!

Ngay câu nói này, Sư đại ngộ. Từ đó Sư ở lại hầu hạ Nam Tuyền ngót hai mươi năm. Sau Sư đi tham vấn khắp nơi, cuối cùng về lại đất Bắc. Đại chúng thỉnh Sư trụ ở Quan Âm Cổ Sát thuộc Triệu châu. Sư dạy chúng: “Như Minh Châu trong lòng bàn tay, Hồ đến thì hiện Hồ, Hán đến thì hiện Hán. Có lúc Lão tăng đem một cọng cỏ làm thành kim thân cao một trượng sáu, có lúc đem kim thân một trượng sáu làm thành một cọng cỏ. Phật là phiền não, phiền não là Phật”.

Có vị Tăng hỏi:

- Chưa biết Phật là phiền não của ai?

- Của tất cả mọi người.

- Làm thế nào thoát được?

- Thoát để làm gì?

- Thầy có vào địa ngục không?

- Lão tăng chưa sinh lên trên.

- Đại Thiện tri thức vì sao lại vào địa ngục?

- Nếu ta không vào thì ai giáo hóa ông!

Chân Định Soái Vương Công dẫn con vào viện, Sư vẫn ngồi và hỏi:

- Đại Vương hiểu không?

Vương đáp:

- Không hiểu.

- Từ nhỏ trì trai nay đã già.

- Thấy người xuống Thiền sàng không nổi.

Vương Công đảnh lễ đi ra. Một hôm Sư dạy chúng: "Phật vàng không độ được lò nung, Phật gỗ không độ được lửa, Phật đất không độ được nước. Phật chân thật ngồi ngay trong nhà, Bồ-đề, Niết-bàn, Chân Như, Phật tánh đều là y phục đắp ngoài thân, còn gọi là phiền não. Vả lại thật tế lý địa để ở chỗ nào? Nhất tâm chẳng sinh thì muôn pháp không lỗi. Ông nên cứu xét, ngồi quán hai ba mươi năm, nếu không hiểu đạo thì chặt đầu tăng này! Mộng huyễn hoa đốm, nhọc công đuổi bắt làm gì. Tâm mà không khác thì vạn cảnh nhất như. Đã không phải từ bên ngoài có được thì nắm bắt làm gì! Giống như con dê, gặp vật gì cũng ngoạm vào miệng. Lão tăng thấy Hòa thượng Dược Sơn nói: "Có người hỏi liền bịt cái miệng chó lại. Lão tăng cũng bịt cái miệng chó đây!".

Những lời huyền diệu của Sư, thiên hạ đều suy tôn là những lời tuyệt xướng trong tông môn.

Mậu Ngọ: Đổi niên hiệu là Quang Hóa. Bộ Thánh Trụ Tập được hoàn thành. Bộ sách này do Thiền sư Hoa Nhạc Huyền Vĩ chép cơ duyên của những bậc tông sư từ năm Trinh Nguyên đến nay, và được lưu hành ở đời.

Canh Thân: Vua và Thôi Dận bàn mưu giết hoạn quan. Bọn Lưu Quý Thuật đem cấm quân cướp Thiên tử giam ở viện Thiếu Dương, sửa chiếu lập thái tử lên ngôi.

Tân Dậu: Đổi niên hiệu là Thiên Phục. Bọn Hàn Toàn Hối cướp vua chạy đến Phụng Tường. Năm này tấn phong Tiền Lưu tước Việt Vương.

16. Thiền sư Vân Cư Đạo Ưng:

Sư ở Ngọc điền, U châu, tham vấn Động Sơn Lương Giới khế ngộ tông chỉ. Động Sơn rất hứa khả và khen: "Người này về sau ngàn vạn người nắm không được".

Một hôm Sư hỏi Động Sơn:

Xưa Nam Tuyền hỏi vị Tăng giảng kinh Di-lặc Hạ Sinh rằng: "Lúc nào Di-lặc hạ sinh"? Tăng đáp: "Đang ở Thiên cung, đương lai sẽ hạ sinh". Nam Tuyền nói: "Trên trời không có Di-lặc, dưới đất không có Di-lặc. Sư hỏi tiếp: Như trên trời dưới đất không có Di-lặc, chưa rõ muốn ám chỉ ai?"

Động Sơn liền nắm Thiền sàng lay và gọi:

- Ưng Xà-lê!

Sau đó Sư kết am ở sau động, hằng ngày được đầu bếp chư Thiên mang cơm đến cúng dường. Động Sơn khuyên Sư nên tùy phương tiếp người, Sư bèn lên núi Vân Cư. Học chúng đua nhau đến tham học, đông đến một ngàn năm trăm người. Có lần Sư dạy chúng: "Người xưa nói: Địa ngục chưa phải là khổ, nếu dưới lớp áo mỏng này mà không rõ việc lớn mới là khổ nhất. Các ông đã tới lui ở đây, mười phần đã bỏ đi hết chín phần không còn ganh đua, lại mặc đồ hoạc sắc, đó là thượng tòa cang cường hành cước bình sinh không kham nổi, không cô phụ tòng lâm. Người xưa nói: Muốn bảo nhậm được việc này phải đứng trên đỉnh cao sừng sững, phải đi dưới đáy sâu thăm thẳm, mới mong có chút khí lực. Nếu các ông chưa biện được việc lớn cần phải giẫm đạp đường huyền". Sư nói tiếp: "Các ông là bậc Sư tăng, phát ngôn buông lời phải có nguyên do. Phàm hỏi việc phải biết tốt xấu, tôn ti, sang hèn, tin suông nơi cửa miệng nào có ích gì. Kẻ khác có đến cũng tìm lời lẽ tương tự, bởi vậy ta thường nói với huynh đệ, chớ lấy làm lạ vì chẳng tương tợ, là sợ rằng người đồng học quá nhiều. Thứ nhất chớ dẫn đến vì chẳng tương tợ. Ông già tám mươi ra đường không phải để trẻ con đùa. Một lời lệch lạc thì ngàn vạn dặm rất khó thâu nhiếp. Đến như gõ xương đập tủy đều phải có nguyên do. Nói năng như kiềm câu móc khóa liên tục không dứt mới đầy đủ mọi thứ, mới mới mẻ muôn vật. Đó không phải là việc mầu nhiệm ư! Ta nói ông biết, có người trọn chẳng hề nhận, mười lần toan nói hết chín lần lại thôi. Vì sao như vậy? Vì sợ không có ích lợi. Thấu tỏ được tâm người như quạt tháng chạp, cửa miệng lên meo, không phải ông gượng làm. Mặc tình như vậy, muốn được việc gì phải có con người đó, đã có con người đó thì còn lo việc gì nữa. Học việc Phật là đã dụng tâm sai lầm rồi, giả sử ông hiểu ngàn kinh vạn luận, giảng đến nỗi trời rải hoa, đá gật đầu thì cũng chẳng can hệ gì tới việc của chính mình, huống gì dụng tâm làm những việc khác! Nếu đem tâm thức hữu hạn dùng trong cái vô hạn, chẳng khác nào đem cây vuông gài vào lỗ tròn, thật quá lầm lẫn! Giả sử được tung hoa, trải gấm cho đến tất cả những việc khác nữa, thì cũng chỉ được gọi là việc của người chứ không hơn người được, rốt cuộc không được gọi là tôn quý. Nếu biết tôn quý nào có dính vật gì. Không thấy người từ cửa vào chẳng phải bảo vật, nâng lên cũng chẳng thành pháp khí đó ư?

Sư nói tiếp: Như con chó săn giỏi, chỉ biết lần theo dấu vết, bỗng gặp con Linh dương mọc sừng, đừng nói đến dấu vết ngay cả hơi còn không đánh mùi được.

Tăng hỏi:

Lúc Linh dương mọc sừng thì thế nào?

Sư nói:

Sáu lần sáu là ba mươi sáu.

Tăng hỏi:

Chẳng hiểu.

Sư nói:

Ông không nghe nói "không dấu vết" đó ư!

Có vị Tăng tụng kinh trong phòng, Sư hỏi vọng qua cửa sổ:

- Kinh Xà-lê tụng là kinh gì?

Tăng đáp:

- Kinh Duy-ma.

- Không hỏi kinh Duy-ma, người tụng là kinh gì?

Vị tăng nghe vậy tỉnh ngộ. Trước lúc lâm chung năm ngày, Sư khai mở phương tiện tối hậu cho chúng, lần lượt từ khi xuất thế đến mạng chung. Đại chúng đều buồn thương. Sau đó Sư an nhiên thị tịch. Về sau vua Đường truy tặng Sư thụy là Hoằng Giác Thiền Sư.

Giáp Tý: Đổi niên hiệu là Thiên Hựu. Tháng giêng, Chu Toàn Trung đưa Thiên tử qua Lạc Dương, tháng tám thì giết chết, và lập Thiếu tử Chúc lên ngôi.

Ất Sửu: Ai Đế: Thiên Hựu năm thứ hai, Chu Toàn Trung giết Chiêu Đế lập ông lên ngôi, bấy giờ ông mới mười ba tuổi. Việc quân việc nước đều phải bẩm với Toàn Trung. Năm ông mười bảy tuổi, Lương Vương sai Lưu Bá giết ông, an táng ở Ôn lăng, thụy là Cảnh Tông, trị vì ba năm.

Bính Dần: Bộc Vương: Tên là Xuyên, con của Chiêu Tông, Thiếu đế bị thuốc độc chết, Lương Vương cùng bá quan gào khóc thảm thiết. Mọi người bàn bạc cử ông lên ngôi, như việc của Chu Công. Thiên Hựu thứ tư, ông nhường ngôi cho nhà Lương và bị thuốc độc chết. Nhà Đường gồm mười chín đời vua (không kể Tắc Thiên) trị vì hai trăm chín mươi năm, sau bị Chu Ôn soán ngôi.

17. Ngũ Đại:

Bài tựa nói: Sau, họ Chu nhà Lương soán ngôi nhà Đường trải qua năm triều tám họ, mười ba đời vua, trị vì năm mươi ba năm. Âu Dương Văn Trung Công ngậm ngùi Xuân Thu soạn sử Ngũ Đại. Người xưa bảo rằng, Xuân Thu ra đời thì loạn thần tặc tử khiếp sợ. Nhưng từ Tần Hán trở xuống, họa vẫn ngấm ngầm, loạn vẫn sát nách. Giữa cha con vua tôi những người không cam tâm nghe, lẽ đâu không phải quá khiếp sợ đó

chăng! Tôi từng đem Tân Bản Kỷ, Cựu Bản Kỷ nhà Đường ra so sánh, thấy rõ Văn Trung rất đề cao Xuân Thu, ông ấy lược nêu muôn việc, cái hay của sự khen chê, những bộ sử khác không sánh kịp. Nhân đó tôi chọn mấy đoạn viết thành Tân Đường Sử Bản Kỷ, tóm gọn thành một thiên. Đến khi gặp Ngũ Đại sử, tôi xem lại những lời mà ông ấy mở đầu cho việc soạn thuật rất hợp với những gì tôi đã nói. Nhưng đem Xuân Thu là bộ sử viết về Tông Vương để chỉnh sửa Đường sử vẫn được, bởi vì nó quá hư danh, thịnh lễ mà những anh quân lẫy lừng trong đời Ngũ Đại đâu phải chỉ bày suông thôi.

Chu Toàn Trung giết Chiêu Tông diệt nhà Đường. Tuy những kẻ ác như Vương Mãng, Lưu Diệu cũng không đủ để sánh với ông ta. Đến khi có được đất nước, cha con càng tàn sát lẫn nhau, chết chẳng khác heo chó. Đó là đạo lý nhân quả thiện ác của Phật giáo ta. Văn Trung chỉ lướt qua mà không ghi chép lại, còn mượn các vị trí cao vời của Xuân Thu làm lề lối triều đình mà vùi lấp hết, trọn không có một lời chê trách Toàn Trung. Giả sử những bậc trung lương trong đời đọc đến có để lộ nỗi bất bình trong lòng chăng?

Kinh Quốc Vương Văn Công từng than tiếc Văn công không chỉnh sửa Tấn Thư lại đi chỉnh sửa Ngũ Đại sử. Những lời tôi nói ra cũng chính là điều mà Văn Công than tiếc. Đến như Lý Khắc Dụng, Thạch Kính Đường, Lưu Tri Viễn đều là giống Đột Quyết, Sa Đà, Di Địch; Chu Toàn Trung, Quách Uy là người Trung Quốc nhưng trái lại không bằng ba người Di địch gần đây. Quách Uy thay thế nhà Hán cùng nuôi nấng Thế Tông, nên cũng có đôi chút thanh danh, nhưng những người phê bình chỉ thấy chung chung mà không biết tường tận.

18. Lương Thái Tổ Chu Ôn:

Lương Thái Tổ tên là Ôn, lên ngôi đổi niên hiệu là Khai Bình, Hy Tông ban cho họ là Toàn Trung, sau khi nhận ngôi từ nhà Đường, ông lại lấy tên là Hoảng tự là Khuông Thánh. Ông vốn là người ở làng Ngọ Câu, Năng Sơn, Tống châu. Cha tên là Thành, dùng Ngũ kinh dạy ông, quả nhiên về sau ông soán ngôi nhà Đường. Năm sáu mươi mốt tuổi bị con là Hữu Khuê giết. Ông ở ngôi được sáu năm, đóng đô ở đất Biện, sau dời về đất Lạc. Lôi Thị nói: Lương Tổ Chu Ôn, Thứ Nhân Mạt đế, ba đời chủ trị vì mười bảy năm.

* Ngô Việt Lưu: Tự là Cụ Mỹ, họ Tiền, người Lâm An, Hàng châu. Thuở nhỏ không lười biếng, chơi hoang, thời Hy Tông ông làm tướng hộ vệ cho Đổng Xương, dùng cung bắn chết tiên phong của Hoàng Sào,

chém hơn mấy trăm giặc, nên bọn Hoàng Sào không dám quấy phá Lâm An. Đổng Xương cất nhắc ông làm đô chỉ huy, Xương cũng tạo phản, Lưu tâu với Chiêu Tông, Chiêu Tông phong ông làm Triết Đông Chiêu Thảo sứ. Sau ông giết Xương, được tấn phong làm thiên hạ binh mã đô nguyên soái. Đến nhà Lương, ông được phong làm Ngô việt vương. Sau Đường Trang vào đất Lạc ban tặng ông sách ngọc ấn vàng, nhân đó xưng là Ngô Việt Vương, ông thọ tám mươi mốt tuổi, trị vì Hàng châu hai mươi mốt năm. Lôi Thị nói: Tiền Hàng Ngô Việt, năm đời chủ trị vì tám mươi bốn năm.

* Yên Thủ Quang: Họ Lưu, người Lạc Thọ, Thâm châu. Cha ông là Nhân Cung, thờ U Châu Lý Khả, có công rất lớn, Quang cũng vậy. Tháng tám, tự phong là Đại Yên Hoàng đế, đổi niên hiệu là Ứng Thiên, trị vì U châu suốt mười chín năm. Lôi Thị nói: Thủ Quang tiếm nước Yên trị vì mười chín năm.

19. Thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn: (Mậu thìn)

Tháng năm, Thiền sư Tuyết Phong Nghĩa Tồn thị tịch. Sư họ Tăng, người Tuyền châu, Sư xuất gia năm mười bảy tuổi, và đến U châu thọ giới, tham vấn khắp Thiền hội, cơ duyên khế hợp với Đức Sơn. Trong năm Hàm Thông, Sư lên núi Tượng cốt, dựng Thiền viện, học chúng đua nhau tìm đến. Ý Tông ban sư hiệu là Chân Giác Đại Sư.

Sư thượng đường, tăng hỏi:

Giơ tọa cụ, dựng phất tử không xứng tông thừa. Hòa thượng diễn bày thế nào?

Sư liền dựng phất tử. Vị tăng ấy ôm đầu đi ra. Sư cũng chẳng hỏi nguyên do.

Đạo Phó hỏi Sư:

- Chỉ như Cổ đức đâu chẳng phải lấy tâm truyền tâm?

Sư đáp:

- Thêm bất lập văn tự ngữ cú nữa!

- Nếu như bất lập văn tự ngữ cú, thầy làm thế nào truyền trao?

Sư im lặng giây lâu. Đạo Phó lễ bái. Sư nói:

- Hỏi thêm lần nữa không tốt sao?

- Xin Hòa thượng chuyển cho một lời!

- Nếu vậy, chỉ thương lượng riêng.

Sư nói:

Làm thế nào Hòa thượng được ngay?

Trường Khánh hỏi Sư:

- Từ trước chư Thánh truyền thọ một đường, thỉnh thầy khai thị!

Sư im lặng. Trường Khánh lễ bái lui ra. Sư mỉm cười.

Có lần Sư dạy chúng: "Dường đường mật mật mà nói". Đạo Phó liền bước ra hỏi:

- Cái gì là đường đường mật mật?

Sư đứng dậy hỏi:

- Ông nói cái gì?

Đạo Phó liền lui trở lại. Sư nói tiếp:

- Việc này có gì là tôn quý, có gì là miên mật.

Đạo Phó thưa:

- Con đến đây mấy năm chẳng hỏi sao Hòa thượng lại chỉ dạy?

Sư nói:

- Trước đây tuy không cò như bây giờ, lẽ đâu lại ngại chăng?

- Không dám. Như vậy là Hòa thượng chẳng phải vậy mà lại như vậy.

- Đó là điều khiến ta như vậy.

Nhân đây Đạo Phó có lối vào.

Một hôm nhân lúc làm việc, Sư liền cử lời của Quy Sơn "Thấy sắc liền thấy tâm" và hỏi Đạo Phó:

- Vậy có lỗi hay không?

Đạo Phó thưa:

Người xưa làm việc gì?

Sư nói:

Tuy là như vậy, nhưng muốn thương lượng với ông.

Đạo Phó thưa:

Như vậy thì chẳng bằng nói.

Nói xong Đạo Phó cuốc đất tiếp.

Lại nhân một buổi làm việc, Sư hỏi Hạo Nhiên:

- Người xưa nói: "Ai biết dưới khăn bịt đầu lại là người buồn năm xưa". Ý người xưa thế nào?

Hạo Nhiên vừa đội nón vừa hỏi:

- Lời này do ai nói? Người trì kinh có thể gánh vác Như Lai, nhưng lại bồng sư đặt lên Thiền sàng!

Một hôm Thiệu Khanh cùng đi kinh hành với Sư, thấy lá khoai nước lay động, Sư chỉ lá khoai nước, Thiệu Khanh thưa:

- Con sợ lắm!

- Ở trong nhà ông, ông sợ cái gì?

Từ đây Thiệu Khanh được khai ngộ.

An Quốc Hoằng Thao tham vấn Sư. Sư hỏi:

- Ông từ đâu đến đây?

Thao thưa:

- Giang tây.

- Nơi nào thấy Đạt-ma?

- Đã nói rõ với Hòa thượng rồi.

- Nói cái gì?

Thao thưa:

Chỗ nào có đến đi?

Một hôm Sư gặp Hoằng Thao liền nắm đứng lại nói:

- Khắp đại địa đều là cửa ngõ giải thoát, nắm tay dẫn y vào y chẳng chịu vào.

Thao thưa:

Hòa thượng sợ Hoằng Thao không được!

Sư nói:

Tuy là như vậy nhưng lẽ đâu lại cô phụ biết bao Sư tăng sau này sao?

Thượng tọa Thái Nguyên Phu tham vấn sư. Phu lễ bái xong đứng bên phải tòa. Sư vừa nhìn Phu, Phu liền nhìn xuống chủ sự. Hôm khác vừa gặp Phu, Sư lấy tay chỉ mặt trời, Phu khoát tay mà đi. Sư hỏi:

- Ông không chấp nhận ta sao?

Phu thưa:

Hòa thượng lắc đầu, con vẫy đuôi, có chỗ nào không chấp nhận Hòa thượng đâu!

Sư nói:

Đến nơi khác cũng cần phải tránh.

Đêm nọ, chúng tăng đến tham vấn, Sư đang nằm trên giường, Phu nói: Trong khắp năm châu, chỉ có Hòa thượng này rõ ràng đôi chút.

Sư liền ngồi dậy.

Sư ở Mân châu hơn bốn mươi năm, pháp hội rất thịnh, đứng đầu thiên hạ, thường không dưới một ngàn năm trăm người. Lúc sắp lâm chung, buổi sáng Sư đi dạo lam điền (ruộng rẫy), chiều về tắm rửa xong, nửa đêm thị tịch thọ tám mươi bảy tuổi.

20. Thiền sư Huyền Sa Sư Bị:

Tháng mười một, Thiền sư Huyền Sa Sư Bị thị tịch. Sư vốn con một gia đình đánh cá, năm ba mươi tuổi Sư mới xuất gia thọ giới, tu tập khổ hạnh. Sư và Tuyết Phong tình như thầy trò, đạo duyên khế hợp.

Có lần Tuyết Phong khen: “Đầu-đà Bị là người tái sinh”. Sư xem kinh Lăng-nghiêm tỏ ngộ tâm địa, từ đó Sư ứng cơ rất mau lẹ, ngầm khế hợp ý kinh. Người học bốn phương có điều gì chưa tỏ đều đến Sư thưa hỏi. Sư thượng đường giây lâu nhưng chẳng nói gì, chúng cho rằng Sư không thuyết pháp, ai nấy đồng loạt ra về. Sư liền quở trách: Xem ra chỉ toàn giống nhau cả, chẳng có một người trí tuệ, hễ thấy ta mở miệng thì đều xúm xít lại tìm ngôn kiếm ý. Ta chân thật với các ông nhưng các ông lại chẳng biết. Xem ra khó quá! Khó quá! Mười phương chư Phật đem các ông để trên đỉnh đầu, chẳng dám dính mảy may nhầm lẫn, chỉ có thể nói việc này chỉ mình ta biết. Các ông hiểu không? Ngày nay người kế thừa đều nói là thừa kế Thích-ca. Ta nói Thích-ca là bạn đồng tham với ta. Các ông nói xem, tham vấn ai? Hiểu không? Nay các ông muốn thoát khỏi thân ngũ uẩn, người điền chủ, chỉ cần biết nhận lấy thể Kim cang bí mật của các ông. Người xưa nói với các ông “Thành tựu viên mãn, biến khắp pháp giới”. Ta nay cũng có chút phần để làm người trí cho các ông, có thể ví dụ thì hiểu ngay. Ông có thấy mặt trời trong Diêm-phù-đề này không? Người thế gian làm vô số công việc để nuôi thân, để sống, còn đều phải nhờ vào ánh sáng mặt trời mà được. Còn như thể của mặt trời lại có nhiều loại và tâm hành không? Có phải không có mặt trời ở khắp nơi không? Muốn biết thể Kim cang này cần phải hiểu như vậy. Như nay núi, sông, đại địa, sắt, không, sáng tối của mười phương quốc độ và thâm tâm của ông đều nương vào cái oai quang của viên thành nơi ông mà hiển hiện. Cho đến trời người quần sinh tác tạo vô lượng nghiệp sau đó thọ sinh” quả báo, hữu tình, vô tình đều nương cái oai quang của ông. Nhẫn đến chư Phật thành tựu đạo quả, tiếp vật lợi sinh, đều nương cả vào oai quang của ông. Như thể Kim cang còn có phàm phu, chư Phật không? Có tâm hành như các ông không? Không thể nói là không có được. Ông đã có cái kỳ đặc như thế, vậy có hiểu không? Hãy nỗ lực lên. Trân trọng!

Ban đầu Sư trụ ở Mai Khê, sau đó qua ở Huyền Sa. Hồi ấy tòng lâm hải chúng trong thiên hạ đều ngưỡng vọng, kính phục Sư. Mân Soái Vương Công lạy Sư làm thầy. Học chúng có đến ngàn người, thiền đường không bao giờ đóng cửa. Sư ứng cơ tiếp vật trọn hai mươi năm, những pháp yếu mà Sư diễn giảng có bộ Đại lục đang lưu hành ở đời. Sư mất năm bảy mươi lăm tuổi. Mân Soái truy tặng Sư hiệu là Tông Nhất Thiền sư.

* Sở Ân: Họ Mã tự là Bá Đồ, người Yên Lăng, Hứa châu. Ông vốn con nhà nông, thờ nhà Lương, nhờ chinh phạt mà có công lớn, được

phong làm Sở Vương. Đến năm Bính Tý, niên hiệu Trinh Minh đời Mạt Đế ông mới dựng nước, lập châu quận. Ông trị vì mười bốn năm, thọ bảy mươi chín tuổi. Lôi Thị nói: Mã Sở chiếm Hồ Nam năm đời chủ trị vì năm mươi bảy năm.

* Thục Kiến: Họ Vương, tự là Quang Đồ, người Vũ Dương, Hứa châu, giúp nhà Đường có công, được phong làm Tây Bình Vương rồi tấn phong làm Thục Vương, sau có chí muốn làm vua. Chiêu Tông bị mưu sát, Thiếu Đế nhường ngôi cho nhà Lương. Quần thần than khóc thảm thiết, văn võ khuyên ông dựng nước. Ông bèn lập thành đô, lấy quốc hiệu là Thục, trị vì mười hai năm, thọ bảy mươi hai tuổi, đổi niên hiệu là Vũ Thành. Lôi Thị nói: Vương Kiến chiếm đất Thục, hai đời chủ, trị vì ba mươi lăm năm.

* Kinh Quý Hưng: Tự là Di Tôn, người Thiểm Thạch, Thiểm châu. Ông vốn tên là Lý Xương, thuở nhỏ làm gia đồng cho Lý Hộ ở Biện châu. Hồi ấy Lương Tổ trấn giữ Tuyên Vũ, Hộ vào dâng lễ vật, và được Lương Tổ nhận làm con nuôi, đổi thành họ Chu. Nhờ Hộ nên ông được gặp Lương Tổ, Lương Tổ lấy làm lạ cũng nhận ông làm con nuôi, và cũng được đổi họ Chu. Về sau ông được bái phong làm Tống Châu Thứ Sử. Nhờ phá được quân phòng ngự của Thanh Châu Tỷ Dĩnh Dương, nên ông được tấn phong làm Bột Hải Dương, lại đổi thành họ Cao. Thời Đường Trang, ông mở mang đất Thục, do đó có công được phong làm Nam Bình Vương. Người nước Ngô đốc thúc ông, và ông lập ra Kinh Nam, trị vì hai mươi năm, thọ năm mươi bốn tuổi. Lôi Thị nói: Quý Hưng chiếm Kinh Nam, năm đời chủ trị vì năm mươi bảy năm.

* Ngô Ác: Tự là Thừa Thiên, con trưởng của Mật. Mật bị bệnh, ra trấn giữ Tuyên châu, ông tiếp nối giữ Hoài Nam được một năm, thọ ba mươi tuổi, sau bị Ôn Hạo giết.

* Lăng Diễn: Tự là Hồng Nguyên, con thứ của Mật. Ôn Hạo giết Ác, ông liền lên ngôi, trị vì mười hai năm, đổi niên hiệu là Vũ Nguyên, thọ hai mươi tuổi ba. Em ông là Bạt lên nối ngôi.

* Mân Thẩm Tri: Họ Vương, tự là Tín Thông, người Cố Thỉ, Quang châu. Anh ông thờ nhà Đường được phong là Phước Châu Quán Sát. Anh ông mất, ông thay anh đi chinh phạt và lập công. Chiêu Tông phong ông làm Lang Da Vương. Đến Lương Tổ được bái phong làm Tri Thư Lệnh, phong làm Mân Vương, ông lập ra Phước Kiến, trị vì mười tám năm, thọ sáu mươi bốn tuổi. Lôi Thị nói: Vương Mân chiếm Phước Kiến, năm đời chủ, trị vì năm mươi lăm năm.

21. Duy Kính soạn Bảo Lâm Truyện: (Canh Ngọ)

Đầu-đà Duy Kính ở Nam nhạc sơn gom tập cơ duyên của những bậc Tông Sư xuất thế từ năm Quang Hóa về sau thành Tục Bảo Lâm Truyện.

Tân Mùi: Đổi niên hiệu là Càn Hóa.

* Nam Hán Ẩn: Họ Lưu, người Thượng Sái. Ông nội ông sinh sống ở An nhân, sau dời về Mân Trung, buôn bán vùng Nam Hải và lập nghiệp ở đây. Cha ông là Khiêm làm Quảng châu Nha tướng, phá giặc Hoàng Sào có công và được phong làm Châu Thứ sử. Sau đó cha ông mất. Người trong châu dâng biểu tiến cử Ẩn thay thế. Ông thờ nhà đường có công, Chiêu Tông phong ông làm Nam Hải Vương. Thiên Hựu năm thứ hai, phong ông làm An Nam Đô Hộ. Năm thứ ba, phong làm Nam Bình Vương. Nay nhà Lương lại phong ông làm Nam Hải Vương. Năm Trinh Minh thứ ba, ông mất thọ ba mươi tám tuổi. Lôi Thị nói: Nam Hán Ẩn chiếm Quảng châu, năm đời chủ trị vì sáu mươi bảy năm.

Nhâm Thân: Lương Tổ bệnh nặng. Trình Vương Hữu Khuê, Tá Thiên thứ sử Thái Châu không đi mà lại lén đến Tả Long Hổ Thống Quân Hàn Kình bàn mưu vào phục trong cấm cung. Bộc phu của Hữu Khuê là Phùng Đình Ngạc đâm chết vua tại long sàng, sửa chiếu cho Hữu Khuê nắm việc quân việc nước, phát tang xong liền lên ngôi. Hồi ấy Lương Tổ Ôn đi kinh lược vùng Tống hào bỗng gặp phụ nữ giữa đường, nhân đó sinh ra Dã Hợp. Hợp lên ngôi chưa đầy một năm thì bị Hữu Trinh phế xuống làm thường dân, và đổi niên hiệu là Nguyên Phụng.

22. Mạt Đế: (Quý dậu)

Mạt Đế tên là Hữu Trinh, còn có tên là Chấn, con thứ ba của Ôn. Nghe Hữu Khuê làm loạn liền đem binh thảo phạt và giết chết Hữu Khuê, sai Triệu Khí truyền quốc bảo đến đất Biện đón vương lên ngôi. Sau ông đổi tên là Hoàng, đóng đô ở đất Biện, vì đây là đất Tổ. Đường sai Hoàng Phủ Lân đánh diệt, ông ở ngôi mười năm, lấy lại niên hiệu là Càn Hóa.

Kỷ Hợi: Đổi niên hiệu là Trinh Minh.

Bính Tý: Bảy vạn quân Tấn đến thảo phạt. Liêu chủ A Bảo Cơ xưng đế, lập quốc hiệu là Đại. Khiết Đan đổi niên hiệu là Thiên Tán. Nước Liêu ra đời. (Sách sử Trung Quốc không thấy ghi chép, nên không có căn cứ để tra khảo. Vì vậy niên đại trong thời gian này khó mà biết

rõ). Cha ông là Cán Lý làm chức Di Ly Trung, giống như chức thứ sử của Trung Quốc. Sinh xong bỏ rơi ông, ông mạnh khỏe đa trí, có tài kinh lược, giỏi bắn cung. Sắt dày một tất mà ông bắn xuyên qua. Ban đêm ông ngủ thì mắt phát sáng, tả hữu đều khiếp sợ, các bộ lạc khác sợ mà khuất phục ông, ông có nước nhưng không an, đến năm Thiên Tộ bị nhà Kim diệt. Ông trị vì mười một năm.

23. Hòa thượng Bố Đại ở Minh châu:

Không ai biết tên họ Sư là gì, Sư tự xưng là Khế Thử. Hình dung Sư thấp, xấu xí, trán dồ, bụng phệ, nói năng vô định, ngủ nghỉ khắp nơi. Sư thường dùng cây gậy quảy một túi vải, vật dụng tùy thân đều cho cả vào trong ấy. Sư vào xóm làng, chợ búa thấy vật thì xem, có khi có cả mắm, cá ướp. Trước khi ăn, Sư lấy một ít cho vào bị vải, người ta gọi Sư là Trường Đinh Tử Bố Đại sư. Có lần Sư nằm trong tuyết, nhưng tuyết chẳng lấp thân, người ta rất lấy làm lạ. Có khi xin xong, Sư đem trả lại. Sư chỉ việc kiết hung cho người ta đều ứng nghiệm chẳng sai chạy. Trời sắp mưa, Sư mang giầy cỏ ướt mềm đi giữa đường. Gặp trời nắng, Sư kéo guốc gỗ lộp cộp, có khi trong chợ, có lúc trên cầu rồi chéo chân mà ngủ, cư dân thấy Sư làm thì biết trời nắng hay mưa.

Một hôm có vị Tăng đi trước mặt Sư, Sư vỗ vào lưng vị Tăng một cái, vị Tăng quay lại, Sư nói: "Cho ta một đồng". Vị tăng nói: "Nói được thì cho ông một đồng"! Sư liền buông túi vải xuống rồi chắp tay đứng.

Hòa thượng Bạch Lộc hỏi Sư:

- Thế nào là Bố Đại?

Sư liền đặt túi vải xuống.

- Thế nào là việc của Bố Đại?

Sư liền vác túi vải đi.

Hồi ấy Hòa thượng Bảo Phước hỏi Sư:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư liền buông túi vải xuống và chắp tay.

Bảo Phước hỏi:

Chỉ là như vậy hay có việc hướng thượng nào nữa?

Sư liền vác túi vải và đi.

Sư đứng ngả tư đường, có vị Tăng hỏi:

- Hòa thượng làm gì mà đứng đây?

Sư nói:

Đợi một người.

Tăng nói:

Đến rồi! Đến rồi!
Sư nói:
Ông không phải là người ấy.
Tăng hỏi:
Thế nào là người ấy?
Sư nói:
Cho ta một đồng.
Sư có bài ca rằng:

Chỉ tâm tâm này tâm là Phật
Mười phương thế giới vật tối linh
Diệu dụng dọc ngang thương hàm thức
Tất cả chẳng bằng tâm chân thật.
Vùn vụt tự tại chẳng tạo tác
Thong dong rốt cuộc người xuất gia
Nếu thấy đạo lớn ngay trước mắt
Chẳng thấy mảy may cũng thật kỳ!
Muôn pháp đâu khác, tâm đâu khác
Cần gì khổ nhọc tìm nghĩa kinh
Tâm vương vốn tự bặt tri kiến
Kẻ trí chỉ rõ Vô học địa.
Chẳng thánh, chẳng phàm là cái gì?
Giữa thánh với phàm chẳng hề chia
Tâm châu vô giá vốn viên tịnh
Dị tướng kia ồ! Hư vọng thôi.
Người hay hoằng đạo, đạo phân minh
Vô lượng thanh cao hợp đại tình
Quảng tích như lên đường cố quốc
Chớ lo muốn xứ chẳng tiếng tăm.

Sư lại có bài kệ rằng:

Một bát, cơm ngàn nhà
Một mình, muôn dặm xa,
Mắt xanh trông già trẻ
Hỏi đường mây trắng qua.

Tháng ba niên hiệu Minh Trinh thứ hai đời Lương, Sư sắp thị tịch, khi ấy Sư ngồi kiết già trên bàn đá ở Đông đường chùa Nhạc Lâm, nói kệ rằng:

Di-lặc thật Di-lặc
Phân ngàn trăm ức thân

Thường hay dạy người đời
Nhưng người đời chẳng biết.

Nói kệ xong, Sư an nhiên thị tịch. Sau đó, có người ở châu khác gặp Sư vẫn quảy túi vẫn đi như ngày nào, thế là tứ chúng đua nhau họa tượng Sư thờ cúng. Ngày nay toàn thân Sư vẫn còn tại Đông đường của chùa Nhạc Lâm.

Đinh Sửu: Hán Cung: Ban đầu có tên là Nham, con thứ của Ẩn, bị đẻ rơi ngoài đường. Ông cao bảy thước, nối nghiệp cha được tập phong làm Nam Hải Vương. Năm này ông dựng nước lấy quốc hiệu là Việt. Năm sau lại đổi quốc hiệu là Hán, trị vì ba mươi mốt năm, thọ năm mươi bốn tuổi. Chữ "Cung" là lấy nghĩa "Rồng bay trên trời xanh" trong Chu Dịch.

Mậu Dần: Thục Diễn: Tự là Hóa Nguyên, con thứ mười một của Kiến, mẹ ông là Từ Hiền Phi, nhờ được sủng ái nên ông được lập làm thái tử. Kiến mất, ông lên ngôi, ông hoang dâm phóng túng, giao chánh sự cho bọn hoạn quan. Ông đổi nên hiệu là Đại Quang, ở ngôi sáu năm, bị Quách Sùng Thao nhà Đường đánh diệt.

Canh Thìn: Ngô Bạc, con thứ tư của Mật, lên ngôi không đổi niên hiệu, trị vì mười bảy năm, thọ hai mươi tám tuổi, bị Nam Đường Thăng diệt.

Tân Tỵ: Đổi niên hiệu là Long Đức.

Quý Mùi: Hoàng thượng nghe binh của Lý Tự Nguyên đến bèn sai Hoàng Phủ Lân giết mình. Binh của Tự Nguyên vào thành, đất nước bị diệt vong.

Nhà Lương gồm hai đời chủ trị vì tổng cộng mười bảy năm, bị Lý Tồn Úc nhà Tống tiêu diệt.

* Hậu Đường: Họ Lý, Vương Thổ Đức đóng đô ở đất Biện, đất Lạc, rồi dời về Thái Nguyên. Lôi Thị nói: Vụ Khắc Dụng, Trang, Minh, Mẫn, Mạt bốn đời chủ trị vì mười lăm năm.

* Vũ Hoàng Đế Khắc Dụng: Thế hiệu là Chu Da, xuất thân từ dòng dõi Đột Quyết, tự hiệu là Sa Đà, lấy Chu Da làm họ, Liệt Khảo Chu Da Xích Tâm có công lớn với Từ châu, Ý Tông ban cho họ Lý, an định thiên hạ. Trang Tông lên ngôi, Thiên Hựu thứ năm ông mất, an táng ở địa phận Nhạn Môn.

24. Đường Trang Tông Lý Tồn Úc:

Lý Tồn Úc là đích tử của Thái Tổ, mẹ là Tào hậu. Ông là người giỏi võ, thiện chiến. Ông diệt nhà Lương rồi lên ngôi, trị vì từ Lương tổ

thứ hai đến Đồng Quang thứ ba, mất năm bốn mươi ba tuổi, an táng ở Hà nam, Ung lăng. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Đồng Quang.

Giáp Thân: Triều đình phong Lý Mậu Trinh làm Tần Vương, Cao Quý Hưng làm Nam Bình Vương.

25. Thiền sư Hưng Hóa Tồn Tưởng:

Vua hạ chiếu thỉnh Thiền sư Hưng Hóa Tồn Tưởng ở Ngụy Phủ vào triều. Vua hỏi Sư về yếu chỉ của Thiền, và ban cho Sư một con ngựa. Do không quen cỡi nên bị té và bị thương ở chân, năm sau thì Sư thị tịch.

Một hôm vua nói với Sư:

- Trẫm thâu Đại Lương, lấy được hạt minh châu vô giá, nhưng chưa có người đến trả giá.

Sư nói:

Xin bệ hạ cho xem thử châu!

Vua liền dùng tay vuốt từ đầu đến chân.

Sư nói:

Bảo châu của quân vương ai dám trả giá.

Sau khi Sư thị tịch, vua sắc phong Sư thụy là Quảng Tế Đại Sư, tháp hiệu là Thông Tế.

Có lần Sư hỏi tăng:

- Từ đâu đến?

Tăng thưa:

Từ tháp hội Thiền sư Thôi đến.

- Có đem được tiếng hét của Thiền sư Thôi đến không?

- Không đem được.

- Sao không theo Thiền sư Thôi đến?

Tăng liền hét. Sư bèn đánh. Sư dạy chúng: “Các ông chớ hét càn hét loạn, giả sử các ông hét được như Hưng Hóa bay đến trụ giữa trời đi nữa, cũng phải rơi xuống tắt thở, đợi Hưng Hóa tỉnh lại sẽ nói với các ông là chưa được. Vì sao? Bởi vì ta chưa hề để chân châu trong màn là tía cho các ông, thì hét loạn trong hư không làm gì?

Sư xét định người, thiền ngữ của Sư có ghi đủ trong Truyền Đăng.

Ất Dậu: Triều đình sai Châu Đức Uy bắt Lưu Thủ Quang đến Nhạn môn, sai Tồn Bá đâm tim lấy máu tế tổ, rồi chém Quang ở chợ.

* Ngô Bạc: Dựng chùa Thanh Lương ở thành Thạch Đầu, thỉnh Ngộ Không trụ trì.

* Tiền Thục: Đổi niên hiệu Hàm Khương rồi đến hàng, sai Mạnh Tri Tường trấn giữ đất Thục. Tiền Thục gồm hai đời chủ trị vì tổng cộng ba mươi lăm năm.

* Tiền Lưu: Được phong làm Ngô Việt Quốc Vương, nhưng vẫn thỉnh thị ý kiến quần thần, bá quan đều đồng ý.

* Mân Diên Hàn: Tự là Tử Dật, con trưởng của Thẩm Tri, Đồng Quang thứ tư, Trang Tông bị ngộ sát, ông dựng nước xưng vương, theo chánh sách của nhà Đường, ở ngôi một năm.

26. Minh Tông:

Minh Tông Lý Tự Nguyên lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiên Thành. Tự Nguyên vốn là dòng Di Địch, không có họ. Cha là Điện làm chức Nhạn Môn Bộ Tướng, sinh ra Tử Dật vốn là người tàn ác, Thái Tổ Khắc Dụng nhận làm con nuôi, ban cho họ Lý, tên là Tự Nguyên. Hồi ấy vua mới đến Nghiệp đô, quan quân thấy liền đồng thanh la to: “Xin lệnh công làm vua xứ Hà Bắc!”. Thạch Kính Đường, Khương Nghĩa Thành cũng đều khuyến cử Tự Nguyên. Ông bèn sai An Trọng Hối chuyển binh, thế quân rất mạnh. Tự Nguyên chiếm cứ đất Lương. Thời ấy, tùng mã trực đô chỉ ly sứ Quách Tùng Liêm không biết Mục Vương Tồn đã chết, lại muốn theo ông ấy làm loạn. Trang Tông lưu lạc, trúng tên và chết ở Phùng tiêu điện, bạn bè bèn nhặt nhạc cụ trong điện để thiêu thi thể ông. Đến khi Tự Nguyên lên ngôi, Nguyên bèn thu nhặt hài cốt Trang Tông tẫn liệm đàng hoàng, lúc ấy ông đã sáu mươi. Hằng đêm ông thường đốt hương cáo trời trong cung, mong Thánh nhân sớm ra đời làm người chủ cho muôn dân. Ông ở ngôi tám năm, sau bị bọn quần thần Chu Hoằng Chiêu giết chết, an táng ở Huy lăng.

* Mân Lân: Trước có tên là Diên Linh, con thứ của Thẩm Tri. Hồi ấy Diên Bẩm cùng với Lân mưu sát Hàn, rồi Bẩm suy tôn ông lên ngôi, và trở về Kiến châu. Lúc chia tay, Bẩm nói với ông: “Khéo nối chí trước, đừng phiền ta phải đến lần nữa”. Đến năm Trường Hưng thứ hai, Bẩm đánh nhau với Lân, bị Lân giết chết. Lân thích thờ quỷ thần, đạo sĩ Lưu Thủ Nguyên dùng dị đạo mê hoặc Lân, Kiến Bảo Hoàng hậu luôn ở trong cung nên không biết. Về sau ông bị Lý Phỏng giết. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Thiên Bảo.

Đinh Hợi: Liên chủ Đức Quang: Đức Quang tên là Diệu Khuất Chi, họ Lưu, con thứ hai của A Bảo Lâu. Ông sinh ra ở trướng của Nhạc Đông Nha (vốn là bộ lạc lớn). Lúc ấy có mây đen che kín trướng, ánh lửa sáng ngời, lại có âm thanh như tiếng sấm. Lớn lên, ông xuất chúng

lại có chí lớn, rất giỏi về cỡi ngựa bắn cung, bình định được hai nước Khuê, Bột Hải. Ông trị vì hai mươi mốt năm, ngay nơi bộ lạc ông ở, ông dựng chùa Thiên Hùng, trong chùa có tượng của Thái Tổ Khiết Đan. Ông đổi niên hiệu là Thiên Hiển, đại xá thiên hạ.

Kỷ Sửu: Kinh Tùng Hối: Tự là Tuân Thánh, con trưởng của Hưng, ở ngôi hai mươi mốt năm, thọ năm mươi tám tuổi.

Canh Dần: Đổi niên hiệu là Trường Hưng. Tần Vương Lý Mậu Trinh vào triều, bỏ pháp chế lập quốc.

* Sở Hy Thanh: Tự là Nhược Nột, con thứ của Ân, quyết đoán việc quân việc nước. Ân mất, ông nối ngôi.

Nhâm Thìn: Sở Hy Phạm: Tự là Tử Củ, con thứ tư của Ân. Ông có mười anh em, đích tử là Hy Chấn, là người rất nhân từ. Thanh và Phạm là hai anh em cùng mẹ, mẹ của Thanh là Viên thị, vốn có nhan sắc nên được lập trước, Hy Chấn thấy vậy nên bỏ nhà đi làm đạo sĩ. Thanh chết thì bị tuyệt tự. Phạm lên ngôi đổi niên hiệu là Ứng Thuận, ở ngôi mười lăm năm, thọ bốn chín tuổi.

* Mạnh Tri Tường: Năm này được phong làm Thục Vương. Lần đầu tiên vua lệnh cho khắc bản Cửu kinh (do Phùng Đạo Giam làm).

Thụy tượng Chiên-đàn lưu lạc hai mươi mốt năm lại trở về Hoài nam.

27. Thiền sư Tuệ Lăng ở Trường Khánh:

Năm này Thiền sư Tuệ Lăng Trường Khánh ở Phước châu thị tịch. Sư họ Tôn, con của Diêm Quan (quan coi về muối) ở Hàng châu. Thuở nhỏ, Sư vốn là người thuần hậu, đạm bạc. Năm mười ba tuổi, Sư xuất gia, thọ giới tại chùa Thông Huyền ở Tô châu, sau đó đi tham vấn khắp các thiền hội.

Niên hiệu Càn Phù thứ năm đời Đường, Sư vào Mân Trung yết kiến Tây Viện, thưa hỏi Linh Vân, nhưng vẫn còn ngưng trệ. Sư bèn đến Tuyết Phong. Sư hỏi:

- Con đường từ trước chư thánh truyền thọ đến thế nào, xin thầy khai thị!

Tuyết Phong im lặng. Sư lạy tạ lui ra. Tuyết Phong mỉm cười.

Hôm khác Tuyết Phong nói với Sư:

- Ta thường nói với Sư tăng, Nam sơn có một con ba ba mũi rắn, các ông phải khéo xem.

Sư đáp:

Hôm nay lại có người táng thân mất mạng.

Tuyết Phong im lặng.

Sư vào phương trượng tham vấn. Tuyết Phong hỏi:

- Làm gì thế?

Sư đáp:

- Hôm nay trời mát, làm việc tốt.

Từ đó thầy trò ứng đối chưa từng lệch lạc huyền chỉ. Sư thuật bài tụng:

Ngay trong vạn tượng hiện toàn thân
Chỉ người tự nhận mới thấy gần
Ngày xưa nhầm lẫn tìm quanh quẩn
Hôm nay thấy được tuyết trong lò.

Sư tới lui Tuyết Phong suốt hai mươi chín năm. Năm Thiên Hựu thứ ba, Sư nhận lời thỉnh của Tuyền Châu Thứ sử Vương Diên Bân đến trụ tại Ckiều Khánh. Sau đó Mân Soái thỉnh Sư về Tây viện của Phủ Trường Lạc. Tây viện được đặt tên là Trường khánh, hiệu của Sư là Siêu Giác Đại Sư.

Sư thượng đường giây lâu rồi bảo chúng: Có người biết nhau chăng? Nếu không biết nhau là lừa dối huynh đệ, như nay lại có việc gì? Chớ thấy bít lấp rồi cho là không có. Đó lại là việc trong nhà của ai? Ngay đây không chịu đảm đương còn đợi đến bao giờ? Nếu là kẻ lợi căn tham học, thì đừng vào trong ấy. Hiểu không? Ngày nay có nhóm người hành cước, trong tai đã đầy tràn rồi, giả sử có thu thập được điều gì nữa, có đáng là việc của người hành cước không?

Những lời khai thị của Sư được chép đủ trong Thuyền Đăng, Sư khai pháp ở hai nơi, đồ chúng tới một ngàn năm trăm người. Sư hoằng hóa ở Mân, Việt suốt hai mươi bảy năm. Sau, Sư thị tịch vào ngày mười bảy tháng năm niên hiệu Trường Hưng thứ ba, đời Đường, thọ bảy mươi chín tuổi tăng lạp sáu mươi hạ.

Quý Tỵ: Ngô Việt Tiền Truyền Quản: Tự là Văn Bảo, con trưởng của Tiền Lưu, theo cha chinh phạt mà có công lớn, được quần thần thỉnh lập lên được chín năm.

Mân: Đổi niên hiệu là Long Khải.

* Mẫn Đế: Tên là Tồn Hậu, con thứ sáu của Minh Đế. Minh Đế bị bệnh nặng, Tần Vương Trùng Vinh làm loạn bị Mạnh Hán Quỳnh chém chết. Tháng mười một hạ chiếu cho mời Tống Vương Tồn Hậu (ông còn có tên là Tùng Hậu) vào triều giữ việc trong Thiên Hùng Quân Phủ. Đế mất để tang kín sáu ngày, quần thần đón ông từ đất Nghiệp về và lên ngôi ngay trước linh cửu của Minh Đế. Năm Giáp Ngọ ông đổi niên

hiệu là Ứng Thuận. Ông nghe lời bọn Chu Hoằng Chiêu dời Lộ Vương Tồn Kha ra trấn giữ Hà đông, Lộ Vương không tuân mệnh, ông sai binh thảo phạt. Lộ Vương chỉnh đốn binh mã kéo về Đông. Đế chạy sang Ngụy châu rồi đến đất Vệ ở nhờ với thứ sử Ngọc Hoằng Chí. Lộ Vương vào yết kiến, Thái hậu lệnh cho ông lên ngôi, phế Mẫn Đế xuống làm Ngạc Vương, bắt Hoằng Chí dẫn Đế lên thẳng điện rồi ép uống thuốc độc, Mẫn Đế không chịu uống, Thái hậu ra lệnh thắt cổ cho ông chết. Về sau truy tặng ông thụy là Mẫn Đế. Ông ở ngôi được năm tháng.

Giáp Ngọ: Tháng tư đổi niên hiệu là Thanh Thái.

* Mạt Đế Tồn Kha: Con nuôi của Minh Tông, vốn là người Bình sơn, Trấn châu, họ Vương, gia thế rất nghèo. Mẹ ông là Ngụy thị. Khi Minh Tông làm Kỵ tướng, ngang qua Bình sơn nhặt được đứa bé tên A Tam chừng mười tuổi, và nhận làm con nuôi, đặt tên là Tồn Kha. Lớn lên ông cưỡi ngựa bắn cung rất giỏi, được phong làm Lộ Vương. Ông lên ngôi hai năm, bị Thạch Kính Đường cấu kết với Khiết Đan nắm hết quyền chánh. Cả nhà ông tự thiêu, ông thọ năm mươi mốt tuổi, ở ngôi hai năm.

* Thục Tri Mạnh Tường: Họ Mạnh, tự Bảo Dận, người Long cương, Kinh châu. Ông nội là Sát giữ chức Chiêu Nghĩa Tiết Mao, cha là Nhạc giữ chức Tư Châu Thứ Sử. Mẹ ông họ Vương, nằm mộng thấy mặt trời mặt trăng, rồi sinh ông ở Thái Nguyên. Về sau ông thờ nhà Đường được phong làm Thục Vương. Minh Tông mất, Tường bèn lập quốc hiệu là Thục, đổi niên hiệu là Minh Đức, ở ngôi một năm. Tháng sáu, ông bệnh bèn giao nước cho Sưởng.

28. Mở khoa khảo thí chư Tăng:

Tháng hai năm này, Công Đức Ty tâu: "Mỗi năm vào ngày sinh của vua, các châu phủ lập ra Giảng kinh khoa, Thiền định khoa, Trì niệm khoa, Văn chương nghị luận khoa để khảo thí chư Tăng Ni có khả năng hay không". Vua chuẩn tấu.

Ất Mùi: Hứa Vương: Con út của Minh Tông được Khiết Đan lập, không đầy một tháng thì bị hại.

* Thục Sưởng: Con thứ ba của Tri Tường, lúc nhỏ có tên là Tán. Tường mất, ông lên ngôi, không đổi niên hiệu, trị vì ba mươi mốt năm. Lôi Thị nói: Tri Tường, Hậu Thục hai chủ trị vì bốn mươi mốt năm.

29. Tấn Thạch Kính Đường:

Thạch Tấn, họ Thạch, Vương Kim Đức. Lôi Thị nói: Tấn Cao

Kính Đường, Thiếu Đế, Đan Chủ, hai họ, ba chủ trị vì mười một năm.

Bính Thân: Đổi niên hiệu là Thiên Phước.

* Cao Tổ Thạch Kính Đường: Người T6an Dương, cha Cảo Liệt Kê vốn xuất thân từ Tây Di. Từ Chu Da quy phục nhà Đường, ở tại Sơn Âm. Sau, ông theo Khắc Dụng chinh phạt lập công, làm đến chức Lạc Châu Thứ sử rồi sinh ra Đế. Đế họ Thạch, không hiểu vì nguyên nhân gì mà Minh Tông rất thương yêu ông đem con gái là Vĩnh Ninh công chúa gả cho ông,cho giữ chức Thái Nguyên Tiết Độ. Tông thất nhà Đường loạn, Mạt Đế sai Kính Đường ra trấn Thiên Bình, ông không đi, Đế đem binh thảo phạt. Thạch cùng bọn Tang Duy Hàn, Lưu Tri Viễn giả binh của Khiết Đan, Quang phá binh Đường, ông theo tiên phụ thờ Quang, nhân đó diệt nhà Đường, lập đàn lên ngôi, đổi niên hiệu là Trường Hưng, bảy năm sau, tức Thiên Phước năm đầu, tháng mười binh đến, Đế tự đốt thân. Tháng mười một Kính Đường vào Lạc Dương, trị vì bảy năm, thọ năm mươi mốt tuổi, an táng ở An lăng.

* Mân Sưởng: Con trưởng của Lân, tên là Kế Bằng, lên ngôi xong theo đạo, giết Lý Phỏng, đổi niên hiệu là Thông Văn, ở ngôi bốn năm, bị Diên Hy Tử giết.

Đinh Dậu: Mỗi năm nhà Tấn dùng ba mươi vạn vàng lụa dâng cho Đại Liêu.

* Nam Đường Thăng: Tự là Chánh Luân, người Từ châu, vốn rất nghèo. Cha tên là Vinh, nhà Đường loạn, chẳng biết ông chết vào lúc nào. Ông có người chị xuất gia làm ni, thường ra vào nhà của Từ Ôn, vì cùng họ với vợ của Từ Ôn. Thăng cao bảy thước, tính ôn hòa, về sau diệt Ngô Bạc rồi tự lập. Ông đổi niên hiệu là Thăng Nguyên, thọ năm mươi sáu tuổi, chiếm cứ Giang Nam. Lôi Thị nói: Lý Đường chiếm Kim Lăng ba đời chủ trị vì ba mươi chín năm.

Mậu Tuất: Thục đổi niên hiệu là Quảng Chánh. Đại Liêu đổi niên hiệu là Hội Đồng, quốc hiệu là Đại Liêu.

Canh Tý: Mân Diên Hy, con út của Thẩm Tri, sau khi lên ngôi ông đúc tiền lớn, lấy một đồng để thay mười đồng. Nhân lúc đi chơi về say, bọn Liên Trọng Ngô sai tráng sĩ là Mã Thượng giết chết. Ông ở ngôi bốn năm, đổi niên hiệu là Vĩnh Long. Đất Hán độ được mười một ngàn người xuất gia làm Tăng.

Tân Sửu: Ngô Việt Vương Tá tự là Hữu Lập, con của Quản, lên ngôi bảy năm, thọ hai mươi tuổi.

Nhâm Dần: Nam Hán Bân, lúc đầu có tên là Hồng Độ, con của Cung. Diệu Khu, Quy Đồ đều chết sớm, Bân lên ngôi được hai năm,

đổi niên hiệu là Quang Thiên. Về sau ông bị bọn Đạo Tường, Trần Tư Hồ giết chết.

Quý Mão: Nam Hán Thịnh, lúc đầu có tên là Hồng Hy giết Bân rồi tự lập, phong bọn Tư Hồ là công thần, đổi niên hiệu là Càn Hòa, ở ngôi hai mươi năm, do uống quá nhiều rượu mà chết, thọ ba mươi chín tuổi.

Giáp Thìn: Đổi niên hiệu là Khai Vận. Thiếu Đế Trọng Quý, cháu trai của Cao Tổ (Cao Tổ coi như con). Cao Tổ có sáu người con nhưng đều chết, cha Thiếu Đế là Kính Nho vốn là anh của Cao Tổ. Cha ông chết sớm, Cao Tổ nhận ông làm con, vì vậy nên được lập. Ba năm sau, bị Khiết Đan, Chủ Da, Hứu Đức Quang vượt sông vào đất Biện đánh úp. Đế chạy ra Hàng Phong, cõng Nghĩa Hầu gởi trong phủ của Hòa Long, không biết ông mất năm nào. Ông ở ngôi được ba năm.

Nhà Tấn gồm hai chủ, trị vì mười một năm.

* Nam Đường Cảnh: Con trưởng của Thăng, ở ngôi hai mươi bốn năm, đổi niên hiệu là Bảo Đại, thọ sáu mươi bốn tuổi.

Năm này hoàn thành bộ Cựu Đường Sử, do Lưu Hú soạn giao cho Ty Không Bình Chương Sự (trong này có ghi dị tích của Phật, Tổ).

30. Duyên khởi của việc đánh chuông để dứt khổ:

Ở huyện Thượng Nguyên, Giang Nam có một người chết giấc, ba ngày sau tỉnh lại, đến tâu với Đường chủ rằng: Tôi vào cõi âm, gặp Tiên đế, Tiên đế nói: "Những người bị giết nhầm ở gò Tống, Tề, cùng hơn ngàn hàng binh của Hòa Châu kêu oan, ta nhờ ông về nói với quân vương đang trị vì rằng, các chùa trong cả nước hãy đánh chuông chậm thêm nữa. Ta chịu khổ, chỉ khi nào nghe tiếng chuông mới được tạm nghỉ. Nếu nhà vua tạo một quả chuông làm phước cho ta thì càng tốt. Khi còn ở ngôi có lần ta đem tượng Thiên Vương bằng ngọc do nước Vu điền dâng cúng đặt dưới gối trái tượng Phật trong chùa Ngõa quan, việc ấy không hề ai biết. Nay ông đem vật đó làm chứng".

Đường chủ liền đến chùa Ngõa Quan xem, quả nhiên dưới gối tượng Phật có tượng Thiên Vương bằng ngọc. Nhà vua rơi lệ ngậm ngùi. Ông liền cho đúc một quả chuông tại chùa Thanh Lương và viết trên đó: "Kỳ siêu cho Liệt Tổ Khảo Cao Hoàng Đế mong thoát u đồ". Rồi Đường Chủ dựng tháp ở Tương Sơn an trí tượng ngọc ấy.

* Ân Diên Chánh: Con của Thẩm Tri. Diên Hy bạo ngược vô đạo, ông nhiều lần gởi thư can gián, Hy nổi giận sai Đổ Kiến Sùng đem binh đánh ông, nhưng bị ông đánh bại. Ông bèn lập Kiến châu, đổi quốc hiệu

là Ân, đổi niên hiệu là Thiên Đức, ở ngôi ba năm. Lôi Thị nói: Diên Chánh đổi quốc hiệu Ân, lập Kiến châu được ba năm.

31. Vua Liêu là Đức Quang ngự ở Biện cung:

Ất Tỵ: Khiết Đan giận Đế nên không dâng biểu, không làm tôi, rồi cử đại binh vào triều, Thiếu đế nghênh đón ông ở Đàn châu.

Bính Ngọ: Tháng giêng, Liêu chủ là Đức Quang vào đất Tấn. Không đầy một năm bắt dân phải bôi đen mặt mũi, Tổ Uy, Lý Thủ Chân, Tống Ngạn Quân đều hàng Khiết Đan. Trương Ngạn Trạch phá cửa ải xông vào, Thiếu Đế hoảng sợ, nghinh bái ở cung, Khiết Đan không thi lễ, mà sai tả hữu bắt trói Thiếu Đế. Ngạn Trạch chuyển thư của Liêu chủ bảo Thái hậu an ủi vua, giáng Tấn Đế xuống làm Phụ Nghĩa Hầu cho ở tại Hoàng long phủ, tức là Hòa long thành của Mộ Dung thị. Khiết Đan ngự ở Biện cung nhận lễ lạy của bá quan, dùng quốc cữu là Ma Lặc Túc Hàn ở lại giữ Biện cung. Đan cho rằng thiên thời đến nên phát binh qua Đại Lương, từ Bcạh Mã vượt sông, đuổi hết quan lại tới Thường sơn. Đến Loan thành thì bị binh người trong nước đem thây của Hồ Lâm mổ bụng rồi cho muối vào và gọi đó là "mắm vua".

* Hán: Họ Lưu, Vương Thủy Đức đóng đô ở đất Biện. Lôi Thị nói: Hán Tổ Tri Viễn, Ẩn Đế Thừa Hựu hai chủ trị vì bốn năm.

32. Hán Lưu Tri Viễn:

Cao Tổ Tri Viễn, về sau còn có tên là Cảo. Cha ông vốn là người thuộc bộ lạc Sa Đà di cư sang Thái Nguyên và sinh ông ở Tấn Dương. Vốn nghề nông, nhưng ông rất giỏi võ, về sau ông và Kính Đường cùng làm tướng thị vệ cho Minh Tông. Khi Thạch Tấn được lập ở Thái Nguyên, ông làm Thị Vệ Thân Quân Đô Ngu Hầu. Thiếu Đế tấn phong ông làm Thái Nguyên Vương. Khiết Đan vào kinh sư, Thiếu Đế bị bắt sống, ông bèn mưu đồ khởi nghĩa. Tháng hai ông lên ngôi ở Thái Nguyên tự xưng là Hán Vương đem binh vào đất Biện giết Hứa Ngọc cùng Thái phi, gồm thâu nhà Tấn. Mùa xuân năm thứ hai, ông mất, ở ngôi một năm. Năm này là niên hiệu Khai Vận thứ tư đời Tấn.

* Liêu Thế Tông: Tên là Lập, húy là Nguyễn Phiên, tự là Nguyên Dục, cháu của Thái Tổ, con của Đông Đan Vương Đột Dục. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Thiên Lộc, trị vì năm năm.

* Sở Hy Quảng: Tự là Đức Phi, em cùng mẹ với Phạm, lên ngôi được ba năm bị anh đem binh chinh phạt, ông thắt cổ tự vẫn.

Mậu Thân: Đổi niên hiệu là Càn Hựu.

* Ngô Việt Tông: Con của Lam, em của Tá, lên ngôi một năm bị Hồ Tiến Tư nghi kỵ phế xuống và cầm tù ở Nghĩa Hòa viện, Tư đón Thúc lên ngôi, dời Tông về Đông phủ.

Kỷ Dậu: Ẩn Đế Thừa Hựu: Cao tổ có hai người em là Sùng và Tín. Con của Sùng là Bân đều là hoạn quan. Ba người con của Cao Tổ là Thừa Huấn, Thừa Hựu và Thừa Huân. Đích tử của Huấn đã chết, các con ông còn nhỏ, nên Cao Tổ để Hựu nối ngôi, ông được tín nhiệm, nhưng xa lánh đại thần, lúc ấy ông mới mười tám tuổi. Hồi ấy bọn Lý Nghiệp kể tội ông ở điện Quảng Chánh, lại thêm Vương Chương, Dương Phân, Sử Hoằng Triệu lại sai người đi giết Quách Uy ở đất Nghiệp, Uy bèn đem binh vào cung, Đế xuất thành chạy đến thôn Nam Triệu bị Lịnh Nhân Quách Doãn Minh đâm chết, thọ hai mươi tuổi.

* Ngô Việt Vương Thúc: Em của Tá, tự Văn Đức do Hồ Tiến Tư lập lên, trị vì ba mươi năm.

* Kinh Bảo dung: Tự Đức Trường, con thứ ba của Hối, ở ngôi mười năm, thọ bốn mươi mốt tuổi.

* Sở Hy Ngạc: Anh của Quảng, giết Quảng rồi tự lập. Năm sau Ẩn Đế mất, kinh sư đại loạn, Ngạc bèn làm bề tôi cho Lý Cảnh và được phong làm Sở Vương. Ông giao việc chánh sự cho em là Hy Sùng, Sùng cũng làm bề tôi cho Cảnh. Cảnh sai Biên Hạo vào đất Sở, dời họ Mã về Kim Lăng.

33. Thiền sư Vân Môn Văn Yển:

Sư họ Trương, quê ở Gia Hưng, Cô Tô. Đầu tiên Sư đến tham học với Thiền sư Tung ở Mục châu. Tung vừa thấy Sư liền đóng cửa lại. Sư gõ cửa ba lần, Tung hỏi:

- Ai?

Sư đáp:

- Con.

- Có việc gì?

- Việc mình chưa rõ, xin thầy chỉ dạy.

Tung vừa mở chửa, Sư liền lách vào. Tung nắm Sư đứng lại bảo:

- Nói mau! Nói mau!

Sư nghĩ ngợi, Châu buông Sư ra nói:

- Kẻ vô dụng!

Từ đó Sư ngộ nhập. Tung bảo Sư đến yết kiến Tuyết Phong.

Sư đến trang sở của Tuyết Phong, gặp một vị Tăng đang lên núi. Sư nói với vị Tăng: "Ông lên núi yết kiến Hòa thượng, Hòa thượng

thượng đường, chúng vừa nhóm họp, ông ra nắm lấy cổ tay Hòa thượng và nói: Gả này! Trên cổ mang gông sao không cởi ra".

Vị tăng ấy làm đúng như lời Sư dạy. Tuyết Phong liền xuống tòa nắm đứng lại nói:

- Nói mau! Nói mau!

Vị tăng không đáp được. Tuyết Phong nói:

- Vừa rồi chẳng phải lời của ông!

Tăng thưa:

- Chính là lời của con.

Tuyết Phong gọi: Thị giả! Đem dây gậy lại đây!

Tăng liền thưa:

- Lúc nãy trong trang viện con gặp một Thượng tọa ở Chiết trung bảo con đến nói như vậy.

Tuyết Phong bảo:

- Đại chúng! Đến trang viện nghênh đón Thiện tri thức của năm trăm người lên!

Sư lên núi, vừa gặp Sư, Tuyết Phong liền hỏi:

- Do đâu đến được đất này?

Sư liền cúi đầu. Từ đó thầy trò khế hợp. Sư quyết trạch rất lâu, rồi đi tham vấn khắp nơi. Sau, Sư đến Quảng Trung, Thiền sư Linh Thọ Tri Thánh biết Sư sẽ đến liền dẫn chúng ra ngoài nghênh đón, thỉnh Sư làm Thủ tòa.

Linh Thọ tịch, viết thư để lại cho Quảng Chủ dặn phải thỉnh Sư kế thế trụ trì. Sư thượng đường, tăng hỏi:

- Thế nào là giáo pháp của một thời?

- Đáp một câu.

- Thế nào là pháp nhãn?

- Cùng khắp.

- Thế nào là nơi chư Phật xuất thân?

- Đi trên mặt nước Đông Sơn.

- Xin thầy chỉ cho đường vào!

- Ăn cháo ăn cơm.

- Thế nào là câu thấu suốt Pháp thân?

- Ẩn thân trong Bắc Đẩu.

- Thế nào là một câu chẳng hở môi miệng?

- Câm cái miệng chó lại!

- Thế nào là chuyện động mà không rơi vào giai cấp?

- Nam Đẩu bảy, Bắc Đẩu tám.

Sư nói: Lông mi bày trọn mười phương, lông mày thấu thẳng trời đất, dưới thấu đến suối vàng, núi Tu-di chặn lấp cổ họng ông, hiểu không? Nếu hiểu được thì can được hai nước Chiêm Ba và Tân La đánh nhau.

Sư lại nói: Đem hết đất trời đồng loạt để trên mi mắt các ông, các ông nghe nói được cái gì? Chẳng dám nhìn ông, tới lui thô tháo, hãy nắm lão tăng đánh cho một phen. Hãy thong thả mà xem kỹ là có hay là không, là cái đạo lý gì! Giả như nói rõ được, nếu gặp được nạp tăng cũng bị đập bể ống chân. Nếu ông là con người ấy có nghe nói nơi nào có lão túc xuất thế không? Đó lại là nhổ nước miếng lên mặt làm ô uế tai mắt ta. Nếu ông không phải là tay chân ấy, thì vừa nghe người ta cử liền đảm đương được, là đã rơi vào cơ thứ hai rồi.

Sư lại nói: Giả như gặp việc không trệ, đạt được danh thân, cú thân, tất cả pháp không, sơn hà đại địa là danh, danh cũng không nắm bắt được, làm thành viên mãn tánh hải Tam-muội đi nữa, vẫn là sóng gợn lăn tăn không gió. Nếu có quên cái biết, cái tỉnh giác, tỉnh giác tức Phật tánh; được mệnh danh là người vô sự, cũng cần phải biết có một con đường tất hướng thượng.

Sư nói tiếp: Khảy tay, ho hét, nhướng mày, chớp mắt, giơ kiền chùy, dựng Phất tử hay làm mọi động tác khác đều là vơ móc câu, nhặt dây cước. Hai chữ Phật pháp chưa từng nói được, nếu nói được tức là bôi phân trét phẩn.

Sư lại nói: Ánh sáng không xuyên qua, có hai loại bệnh. Thứ nhất, bất cứ nơi nào cũng không rõ được vật trước mắt. Thứ hai, thấu được tất cả các pháp không vẫn mập mờ giống như mọi vật gì đó, vậy cũng là ánh sáng chưa xuyên suốt. Lại nữa Pháp thân cũng có hai bệnh. Thứ nhất, đạt được Pháp thân, là pháp chấp không quên, cái thấy của mình vẫn còn, đó chỉ là ở bên cạnh Pháp thân. Thứ hai, giả như thấu được Pháp thân đi nữa, buông bỏ tức không được, phải xét kỹ xem có chút khí lực nào không, đó cũng là bệnh. Giả sử không mảy may âu lo đến càn khôn đại địa thì vẫn là câu chuyển ngữ, không thấy một sắc mới nêu được một nửa. Giả như được như vậy, cũng cần phải biết có thời tiết, có nêu lên hết.

Sư ở Linh Thọ rất lâu, sau đó qua ở Thiều Dương, Vân Môn. Quảng Chủ nhiều lần thỉnh Sư vào triều hỏi pháp, tôn kính Sư như thầy. Học chúng của Sư không dưới ngàn người. Lúc lâm chung Sư dâng biểu từ giã Quảng Chủ, thuyết giới cho đồ chúng rồi an nhiên thị tịch, dặn dựng tháp ở ngay phương trượng.

Mười bảy năm sau, tức Càn Đức năm thứ ba, Hàng Vũ Quân Tiết Độ ở Thôi Quan viện là Thiệu Trang mộng thấy Sư. Sư cầm Phất tử vẫy Thiệu Trang đến và nói: "Ông nói hộ ta rằng Tú Hoa Cung Sứ Đặc Tiến Lý Thác hãy tâu xin mở tháp, ta lâu nay bị nhốt trong tháp này, nay phải để ta ra ngoài một lát".

Lý Thác nghe vậy liền tâu với Quảng Chủ xin cho mở tháp. Quảng Chủ hạ chiếu đồng ý, sai Thiều Châu Thứ sử cùng đến Vân Môn mở tháp. Quả nhiên thấy nhan sắc Sư như người sống, râu tóc dài thêm ra. Lý Thác tâu rõ lại mọi việc, Quảng Chủ bèn thỉnh chân thân Sư vào cung cúng dường, hơn tháng sau mới thỉnh về lại tháp, ban cho Sư thụy là Đại Từ Khuông Chân Hoằng Minh Thiền sư. Đệ tử có Trừng Viễn là người nối pháp.

Canh Tuất: Tháng mười một, binh của Quách Uy đến, Hoàng thượng bị quân binh giết. Nhà Hán gồm hai chủ, trị vì bốn năm, bị Quách Uy soán ngôi.

34. Châu Quách Uy:

Họ Quách, Vương Thủy Đức gồm ba chủ, đóng đô ở đất Biện. Lôi Thị nói: Châu Tổ Quách Uy, Thế Tông, Cung Đế, ba chủ trị vì chín năm.

Tân Hợi: Thái Tổ Quách Uy, còn có tên là Quảng, người Đường sơn, Hình châu. Cha ông là Giản, thờ vua Tấn làm đến chức Thuận Châu Thứ sử. Thuở nhỏ ông mồ côi, nghèo khổ, rày đây mai đó. Năm mười tám tuổi, có sức mạnh dũng khí, từng giết người giữa đường. Lý Kế Thao tiếc cái dũng của ông nên tha chết. Về sau Hán Cao Tổ sai ông làm Khu Mật Sứ. Ẩn Đế nghe lời Lý Nghiệp sai người sang cung phụng Lý Nghiệp và ngầm đưa chiếu để giết ông. Ông liền khởi binh, ban đêm Ẩn chạy được bảy dặm thì binh lính tan vỡ, Ẩn về đến Huyền bắc môn, Lưu Thù đang giữ ở đây liền hỏi Ẩn: Tả hữu, binh mã ở đâu? Và bắn bọn tả hữu. Ẩn quay ngựa chạy về hướng Tây bắc, đến Triệu thôn thì bị Lệnh Nhân Quách Doãn Minh đâm chết. Ông đón con trai của Mân là Bân lên ngôi, nhưng đón chưa đến nơi thì binh sĩ bọn Phùng Đạo Suy tôn ông lên ngôi. Thái hậu phế Bân xuống làm Tương Âm Công, dùng ông làm người cai quản việc nước, ông nhận lời giáo huấn của Hán Thái hậu và lên ngôi, ông đem hết khí cụ trong cung Hán đập hết trước sân rồng, và hạ chiếu rằng, từ nay về sau những vật lòe lẹt không được mang vào cung. Nhiều lần ông răn dạy Tấn Vương rằng "Ta chết phải mặc áo giấy, tẫm liệm trong quan bằng đất". Tháng giêng năm Giáp

dần, ông mất, ở ngôi ba năm. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Quảng Thuận.

* Liêu Mục Tông Cảnh Phiên: Tên là Ngột Luật, con trưởng của Thái Tông. Tháng chín năm này Thế Tông Ngột Dục làm Yên Vương, bọn Thuật Quỹ giết ông ở Hỏa thần phiếm, Hà BắcTân châu, ông lên ngôi đổi niên hiệu là Ứng Lịch. Đến năm Mậu Thìn, tức Tống Thái Tổ niên hiệu Khai Bảo năm đầu, tháng chín ông bị đầu bếp giết chết dưới núi Hắc sơn, trị vì mười tám năm.

* Đông Hán Mân: Họ Lưu, em cùng mẹ với Hán Tổ, ban đầu ông có tên là Sùng làm Thái Nguyên Thủ. Càn Đức thứ tư, ông mất, ở ngôi ba năm.

Thế Tôn diệt độ được một ngàn chín trăm năm.

35. Thiền sư Tuệ Ngung ở Nam Viện: (Nhâm tý)

Năm này Thiền sư Tuệ Ngung ở Nam Viện, Nhữ châu thị tịch. Sư là người Hà Bắc, tiếp nối dòng pháp của Thiền sư Hưng Hóa Tồn Tưởng. Sư thượng đường dạy chúng: "Trên cục thịt đỏ vách cao ngàn nhận".

Có vị Tăng hỏi:

- Trên cục thịt đỏ vách cao ngàn nhận đâu không phải là lời của Hòa thượng?

- Phải.

Vị tăng ấy liền lật giường Thiền. Sư bảo:

- Con lừa mù, và đánh vị Tăng.

Sư lại nói:

- Các nơi chỉ đủ con mắt đồng thời cắn mổ mà không đủ cái dụng đồng thời cắn mổ!

Có vị Tăng hỏi ngay:

- Thế nào là cái dụng đồng thời cắn mổ?

Sư đáp:

- Cao thủ thiền lâm không cắn mổ, đồng thời ấy cũng mất.

Tăng thưa:

Đó vẫn chưa phải là điều con hỏi.

Sư hỏi:

- Thế ông hỏi điều gì?

Tăng đáp:

- Mất!

Sư liền đánh, tăng không chấp nhận.

Về sau trong pháp hội Vân Môn có hai vị Tăng nhắc lại nhân duyên này. Một vị nói: "Hồi ấy Nam Viện đánh gãy gã đó". Vị tăng kia nghe xong hốt nhiên đại ngộ, lúc này mới thấy rõ chỗ đáp của Nam Viện, vị Tăng liền quay về Nhữ châu tham cứu. Gặp phải lúc Sư đã tịch, tăng bèn hỏi Phong Huyệt. Phong Huyệt nhận ra ngay liền hỏi:

- Thượng tọa là kẻ hồi ấy hỏi Nam Viện "đồng thời cấn mổ" phải không?

Tăng đáp:

- Phải!

Huyệt hỏi:

- Vậy hiểu chưa?

- Hiểu rồi!

- Lúc ấy không hiểu thế nào?

- Lúc ấy con như người đi trong bóng đèn!

- Vậy là ông hiểu rồi!

Quý Sửu: Thụy Tượng Chiên-đàn từ đây xuống một trăm bảy mươi bảy năm ở tại Biện kinh. Cửu kinh khắc bản vừa xong và ấn hành.

36. Thế Tông:

Thế Tông tên là Vinh, tự là Mậu Tiên, cháu của Thái Tổ (Thái Tổ coi như con). Ông vốn họ Sài, người Đường Sơn. Ông là anh vợ của Thái Tổ nhưng giữ lễ như con. Sau ông theo bà cô được nuôi trong nhà Thái Tổ, và Thái Tổ nhận ông làm con. Ông làm quan đến chức Lễ châu Tiết độ sứ. Thái Tổ mất, bá quan để tang kín rồi đón ông lên ngôi trước linh cửu Thái Tổ. Uy ông chấn động Di hạ, đập bỏ rất nhiều chùa chiền. Ông mất năm ba mươi tuổi, an táng ở Khánh lăng, trị vì sáu năm. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Hiển Đức. Lúc này Triệu Khuôn Dận làm Túc Vệ Tướng.

* Đông Hán Thừa Câu: Con thứ của Mân, năm ngoái Mân chết, ông lên ngôi, lạy tăng Kế Hiển ở Ngũ Đài sơn phong làm Hồng Lô Khanh. Ông trị vì ba năm, không đổi niên hiệu.

37. Vua hạ chiếu phế bỏ Phật giáo, định chế Tăng tràng:

Tháng hai, vua hạ chiếu phế bỏ những chùa không được sắc tứ trong thiên hạ, cả thảy ba ngàn ba trăm ba mươi sáu ngôi, chỉ còn hai ngàn bảy trăm ngôi mà thôi; đem tượng đồng đúc tiền. Lúc ấy tượng đồng ở Trấn châu hiển linh lạ thường. Sĩ dân trong châu xin nộp tiền thay nhưng vua không chấp nhận. Đến khi đập lưng tượng, bọn lực sĩ

đều gãy tay mà chết, liền dừng lại nửa chừng.

Vua ra lệnh người xuất gia phải có sự chấp thuận của cha mẹ. Các quận mỗi năm đều phải định chế Tăng tràng. Những người đã chết hoặc hoàn tục cần phải gạch bỏ ngay, tăng tràng bắt đầu có từ đây.

Bính Thìn: Dựng thành của Đại Lương, dùng lịch của Khâm Thiên. Hạ chiếu mời ẩn sĩ ở Hoa Sơn là Trần Bác vào triều hỏi về thuật "Phi Thăng Hoàn Bạch". Bác đáp: "Thiên tử giàu có bốn biển không cần phải hỏi thuật". Nói rồi Trần Bác quay về núi.

Đinh Tỵ: Đông Hán đổi niên hiệu là Thiên Hội.

38. Thiền sư Thanh Lương Văn Ích:

Ngày mười bảy tháng bảy năm Hiển Đức thứ năm. Thiền sư Thanh Lương Văn Ích thị tịch. Giang Nam Quốc chủ đích thân đến thăm, mười lăm ngày sau, Sư tắm rửa, từ biệt chúng rồi an nhiên thị tịch. Tẫm liệm đã hai mươi mốt ngày nhưng sắc diện của Sư vẫn như người sống. Công Khanh Lý Kiến Huân cùng môn đồ mặc tang phục phụng toàn thân Sư dựng tháp. Quốc chủ ban Sư hiệu là Đại Pháp Nhãn Thiền Sư.

Sư họ Lỗ, quê ở Từ Hàng. Lúc đầu Sư tham cứu giáo môn, nghiên tầm Nho điển, sau du phương gặp Thiền sư La-hán Quế Lâm và đốn rõ đại sự, lập am tĩnh tu. Kế đó Sư đi khỏi Giang Nam đến Lâm Xuyên, Châu Mục thỉnh Sư trụ ở Sùng Thọ. Sư khai đường dạy chúng: "Các ông đã ở cả đây, sơn tăng không thể không nói, nay xin vì đại chúng cử lại một phương tiện của người xưa. Trân trọng!". Nói xong Sư xuống tòa.

Lúc ấy có vị Tăng bước ra lễ bái, Sư nói:

- Nào! Hỏi đi!

Tăng suy nghĩ định hỏi, Sư nói:

- Trưởng lão chưa khai đường, không có lời đáp.

Có vị Tăng từ Trường Khánh đến. Sư cử lại bài kệ của Trường khánh rồi hỏi:

- Thế nào là trong vạn tượng hiện toàn thân?

Tăng đưa lên một ngón tay, Sư hỏi:

- Hiểu thế nào mà muốn tranh biện?

Tăng thưa:

- Như tôn ý của Hòa thượng thì thế nào?

Sư nói:

- Gọi cái gì là vạn tượng?

- Người xưa không vạch vạn tượng!

- Trong vạn tượng hiện toàn thân, ông nói cái gì là vạch cùng

chẳng vạch!

Tăng hoát nhiên đại ngộ, thuật kệ rồi đầu thành đảnh lễ. Từ đó những người có tri giải khắp hội khác đều đua nhau đến Sư, và Sư bắt đầu ứng cơ tiếp vật. Sư dùng lời mầu nhiệm để kích bác, dần dần mọi người đều quy phục. Học chúng tham học thường không dưới ngàn người.

Sư thượng đường, đại chúng đứng giây lâu, Sư bèn nói: Thế này thì giải tán đi! Có Phật pháp hay không hãy nói thử xem? Nếu không còn đến đây làm gì? Nếu có thì nơi thành thị chỗ nhiều người tụ tập cũng có, cần gì phải đến đây? Các ông đã từng xem Hoàn Nguyên quán, Bách Môn Nghĩa Hải, Hoa Nghiêm luận, Niết-bàn kinh hay chưa? Những kinh sách ấy có loại thời tiết này không? Nếu có nêu ra thử xem! Nếu không thì những kinh luận ấy có những lời gì, có phải là thời tiết này không? Có thì nói mau ra! Bởi vậy những lời nhiệm mầu trệ trong đầu trong tâm, đều là môi trường của duyên lự. Thật tế ở ngay trước mắt, đổi thành danh tướng thì làm thế nào đổi được? Nếu đổi đi rồi thì làm sao trả về nguyên vị của nó? Có hiểu không? Chớ chỉ đọc tụng ngần ấy sách, có chỗ dụng nào không?”.

Không bao lâu đạo hạnh của Sư nổi tiếng ở Giang Biểu. Kim Lăng Quốc Chủ rất trọng đạo của Sư, thỉnh Sư về ở tại Báo Ân, ban hiệu là Tịnh Tuệ Thiền sư. Sau Sư về Thanh Lương, sớm tối khai pháp. Tăng chúng khắp nơi đều rất kính ngưỡng Sư. Những người mộ pháp ở những nước khác cũng vượt ngàn dặm đến cầu học. Đệ tử nối pháp có: Quốc sư Đức Thiều, Đại sư Giang Nam là Văn Toại, Quốc sư Cao Ly là Tuệ Cự, họ đều xiển hóa tông chỉ của Sư.

Sư thuận cơ tiếp vật, khai thông mở sáng cho họ, hễ nói đến Tam-muội của Cổ Đức, hoặc trình hiểu biết để thưa hỏi, Sư đều tùy bệnh cho thuốc, những người được ngộ nhập thật không kể xiết.

Về sau, Quốc sư Đức Thiều hoằng hóa ở Đông nam rất thịnh, từ đó lập nên Pháp nhãn tông chỉ.

39. Thiền sư Vĩnh Minh Đạo Tiềm:

Sư họ Vũ, quê ở phủ Hà Trung. Ban đầu Sư đến yết kiến Thiền sư Tịnh Tuệ ở Lâm Xuyên. Tịnh Tuệ thấy Sư lấy làm lạ, liền cho vào thất. Một hôm Tịnh Tuệ hỏi:

- Ngoài việc tham vấn, ông thấu tỏ kinh gì?

Sư đáp:

- Kinh Hoa Nghiêm.

- Tổng, biệt, đồng, dị, thành, hoại thuộc môn gì?

- Trong phẩm Thập Địa, nếu xét về lý thì tất cả pháp của thế, xuất thế gian đều có đủ Lục tướng.

- Cái không có Lục tướng không?

Sư mịt mờ không biết đáp. Tuệ nói:

- Ông hỏi lại ta xem!

Sư bèn hỏi:

- Cái không có Lục tướng không?

Tịnh Tuệ nói:

Rỗng rang!

Ngay đây Sư được khai ngộ, khôn xiết vui mừng, đảnh lễ Tịnh Tuệ. Tịnh Tuệ hỏi:

- Ông hiểu thế nào?

Sư đáp:

Rỗng rang!

Tịnh Tuệ thầm hứa khả.

Hôm khác nhân có thiện nam tín nữ vào viện, Tịnh Tuệ hỏi Sư:

- Trong Luật ghi: "Cách vách nhưng nghe tiếng vòng xuyến khua, cũng gọi là phá giới", thấy vàng bạc cùng màu sắc đồ trang sức khác, là pháp giới hay không phá giới?

Sư đáp:

Đó là con đường tốt nhất để vào.

Tịnh Tuệ nói:

Ngày sau ông sẽ có năm trăm đồ chúng, đồng thời vương hầu cũng rất kính trọng.

Sư đảnh lễ tạ từ Tịnh Tuệ, đến trụ trong một ngôi chùa xưa ở Cù châu, ngày ngày xem đại tạng. Trung Ý Vương thỉnh Sư vào phủ thọ Bồ-tát giới, ban thụy là Từ Hóa Định Tuệ Thiền sư, dựng Đại Già lam đặt tên là Tuệ Nhật Vĩnh Minh rồi thỉnh Sư trụ trì. Sư nói: "Ta muốn thỉnh tượng La-hán bằng đồng ở dưới tháp qua chùa mới để cúng dường". Vương nói: Được! Đêm qua tôi mộng thấy mười sáu Tôn giả xin theo Sư vào chùa, quả nhiên ứng hợp đến thế! Nhưng phải gia hiệu cho Sư thêm hai chữ Ứng Chân nữa vậy".

Sư chủ trì Đại đạo tràng ở Vĩnh Minh, thường có đến năm trăm người. Sư thượng đường dạy: "Phật pháp rõ ràng, tại sao các người lại không hiểu. Chư Thượng tọa muốn hỏi Phật pháp nhưng chỉ hỏi ông này ông nọ, muốn hiểu thế pháp thì phải tham cứu tòng lâm của Phật xưa, vô sự thì ngồi lâu".

Tăng hỏi:

Đạo lớn không khó, mượn lời để nêu đạo, vậy thế nào là lời để nêu đạo?

Sư đáp:

- Cấm kỵ chọn lựa!
- Thế nào là ánh sáng lành của mặt trời trí tuệ?
- Từ đây đi Báo Từ không xa.
- Làm thế nào tự mình nhận được đuốc sáng?
- Cứ thế! Đừng giao thiệp!

Mậu Ngọ: Mùa xuân, Đế muốn vượt Giang Nam, Đường Cảnh thất kinh sai Binh Bộ Trần Giác Phi dâng biểu cắt mười bốn châu ở Giang bắc, sai Châu Chánh Tường đến quy hàng.

* Kinh Bảo Úc: Tự là Tỉnh Cung, con thứ mười của Hối, ở ngôi bốn năm, thọ năm mươi chín tuổi.

Kỷ Mùi: Triệu Thái Tổ Quang Dận: Nhiều năm chinh phạt nên có công, làm đến chức Quy Đức Tiết Độ Sứ, Điện Tiền Đô Điểm Kiểm.

Tháng sáu Thế Tông chinh phạt phía Bắc, bị bệnh, mụt nhọt sau lưng vỡ ra và chết giữa đường.

* Cung Đế: Sùng Huấn con thứ tư của Thế Tông, bảy tuổi lên ngôi, sai Tống Thái Tổ Triệu Quang Dận đánh Hà Đông. Quân tình bỗng nhiên biến loạn, có lời phi báo: “Chẳng bằng phò Điểm Kiểm (Quang Dận) lên làm Thiên tử”. Do vậy lập Tống Tổ, giáng phong Cung Đế xuống làm Trịnh Vương. Ông ở ngôi một năm.

Nhà Châu gồm ba chủ, trị vì mười một năm.

■

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 18

Trụ Trì Đại Trung Tường Phù Thiền Tự ở Gia hưng Lộ, hiệu Hoa Đình Niệm Thường soạn.

1. Tống Thái Tổ:

Lôi Thị nói: Triều Tống gồm: Tổ, Tông, Chân, Nhân, Anh, Thần, Triết, Huy và Thiếu, cả thảy một trăm sáu mươi sáu năm. Tĩnh Khang thì dời về phía Bắc.

Canh Thân: Thái Tổ Huyền Lãng: Họ Triệu, Vương Hỏa Đức đóng đô ở đất Biện. Lúc đầu ông có tên là Quang Dận, là con thứ của Tuyên Tổ. Ông sinh ra ở Lạc Dương, là người giỏi võ, ngay thẳng, rộng rãi nhưng biết giữ mình. Chu Tổ cho ông làm Đông Tây Ban Chủ. Thế Tổ sai ông giữ chức Thân quân, rồi đến điện Tiền đô điểm kiểm. Cung Đế sai ông chinh phạt Hà Đông, tối dừng ngựa tại quán dịch Trần Kiều, quân tình bỗng nhiên biến loạn, mọi người đều suy tôn ông. Ngày bốn tháng giêng ông nhận ngôi. Tháng mười năm Bính tý, ông mất ở điện Vạn Tuế, an táng ở Vĩnh Xương lăng, thọ năm mươi tuổi. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Kiến Long. (Nước Liêu là năm Ứng Lịch thứ mười)

2. Vua xuống chiếu khắc một tạng kinh Phật:

Tháng mười hai năm này, vua hạ chiếu lập một ngôi chùa sắc tứ hiệu là Kiến Long ngay chiến địa dưới thành Dương châu, ban cho bốn khoảnh ruộng, đồng thời thỉnh Đạo Huy trụ trì. Trước đây, nhà Chu phế bỏ ba mươi ngàn ba trăm ngôi chùa, đập tượng đồng ở Trấn châu đúc tiền. Thế Tông đích thân đập ngực tượng, không đầy bốn năm sau, ông ấy bị ung bướu nơi ngực mà chết. Đế và Thái Tông chính mắt thấy việc này, nhân đó hỏi Thần tăng Ma Y:

- Thiên hạ lúc nào yên?

Ma Y đáp:

- Giáp Tý mới yên, nhưng cũng ngang bằng với cái họa hủy giáo

đời Tam Vũ. Đế thầm cho là đúng.

Sau khi lên ngôi, ông nhiều lần dựng chùa, mỗi năm độ tám ngàn Tăng (Trích từ Âu Dương Ngoại Truyện Sớ)

Tân Dậu: Hạ chiếu vào ngày sinh của vua, Tăng trong kinh sư và cả nước đều lên tòa chúc thọ cho vua. Từ đó lấy làm lệ thường hàng năm.

Nhâm Tuất: Hạ chiếu mỗi năm những người mới tập sự tu đọc được kinh Pháp Hoa bảy quyển, giao cho Từ Bộ Cấp Độ điệp.

* Kinh Cao Kế Xung: Tự là Thành Hòa, con của Dung, lên ngôi một năm rồi hàng Tống. Nam Đường Lý Dục lên ngôi.

Quý Hợi: Đổi niên hiệu là Càn Đức. Mộ Dung Diên Kiêu đánh kinh thắng, phong Xung làm Vũ Ninh Quân Tiết Độ.

* Giáp Tý sáu mươi mốt: Hạ chiếu cho Vương Toàn Bân đánh Thục. Ất Sửu quy hàng Tống.

Bính Dần: Đông Hán Kế Ân: Cha là Tiết Kiêu, Lưu Bân mến tài ông ấy nên gả con gái cho, và sinh ra Ân. Sau khi Kiêu mất, vợ lớn họ Hà sinh ra Nguyên, vợ chồng họ Hà chết, Thừa Câu lại không có con, Mân bèn giao hai đứa con này cho Câu làm con nuôi. Định Vương Thừa Câu chết, Ân kế vị. Tháng chín, ông bị Hầu Bá Vinh giết.

* Kế Nguyên: Họ Hà, cũng là con nuôi của Thừa Câu, em cùng mẹ với Ân. Quách Vô Vi, Hầu Bá Vinh đón ông lên ngôi. Ông lên ngôi đổi niên hiệu Quảng Vân, trị vì mười ba năm.

Đinh Mão: Tháng ba, năm vì sao tụ ở Sao khê. Phật giáo truyền sang Trung Quốc được chín trăm năm.

Mậu Thìn: Đổi niên hiệu Khai Bảo. Liêu Cảnh Tông húy là Minh Ký lên ngôi. Ông còn có tên là Hiền, con của Thế Tông, đổi niên hiệu là Bảo Ninh, trị vì mười lăm năm.

Kỷ Tỵ: Ngày mười sáu tháng hai tiết Trường Xuân, vua hạ chiếu nói: Chư tăng trong nước dâng biểu vào triều khảo thí Tam Học và hơn mười điều khác nữa. Ai thông suốt sẽ được ban Tử y, và được gọi là Thủ Biểu Tăng. Tể phụ, Thân vương, Giám ty, Thứ sử mỗi người tiến cử người mình biết. Riêng những người được tiến cử ở Tây Vệ ngay hôm nay phải vào triều. Những người trong môn hạ họ được gọi là Giản Tiền Sư Hiệu, vẫn được ban Tử y.

Tân Mùi: Hạ chiếu cho thành đô mỗi nơi tạo một tạng kinh Phật, chữ được mạ bằng bạc, vàng. Hồi ấy vào ngày hai mươi bảy tháng chín sai Binh Bộ Thị Lang Lưu Hy Cổ quản lý việc tạo kinh. Ngày mười một tháng sáu năm này lại sai tạo thêm một tạng kinh mạ chữ bằng vàng.

Nhâm Thân: Hạ chiếu khắc một tạng kinh. Cả thảy một trăm ba mươi ngàn bản. Phong Nam Hán Ngân Ân là Xá Hầu. Lại sai Đào Cốc xuống Tống Tề Khâu (vùng đất giữa Tống và Tề).

3. Quốc sư Đức Thiều thị tịch:

Sư họ Trần, quê ở Long Tuyền, Xử châu. Mẹ Sư nằm mộng thấy ánh sáng màu trắng chạm vào thân, nhân đó sinh ra Sư. Lúc Sư chào đời cũng có rất nhiều điềm lạ. Năm mười lăm tuổi, bỗng có một Phạm tăng khuyên Sư xuất gia. Năm Mười bảy tuổi, Sư xuất gia tại chùa Long Quy ở Xử châu. Năm Mười tám tuổi, thọ giới tại Khai Nguyên, Tín châu. Về sau, trong niên hiệu Khai Bình đời Lương, Sư bắt đầu du phương. Đầu tiên Sư đến yết kiến Thiền sư Đại Đồng trên Đầu Tử sơn, nhân đây tự tâm khai mở. Kế đó Sư yết kiến Long Nha Sơ Sơn, mỗi nơi đều có cơ duyên khác nhau. Sư tham vấn cả thảy năm mươi bốn tihện tri thức nhưng đều chưa kế hợp. Cuối cùng Sư đến Lâm Xuyên yết kiến Thiền sư Tịnh Tuệ Văn Ích. Vừa gặp, Văn Ích biết Sư là bậc pháp khí. Tại đây Sư tùy chúng, tham thiền.

Văn Ích thượng đường, có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là một giọt nước của Suối Tào?

Văn Ích đáp:

Là một giọt nước của Suối Tào!

Sư đứng bên tòa bỗng hoát nhiên đại ngộ, mọi thứ nghi tuệ xưa nay đều dứt sạch. Sư bèn đem chỗ liễu ngộ của mình trình lên Văn Ích. Văn Ích nói:

- Ngày sau ông sẽ làm thầy Quốc vương, làm rạng rỡ Tổ đạo, ta không bằng ông.

Từ đó mọi tông chỉ của nơi khác, những lý mầu từ cổ kim, Sư đều thông suốt chẳng mảy may ngưng trệ. Về sau, Sư lên Thiên Thai, thấy di tích của Thiền sư Trí Giả vẫn còn nguyên như cũ. Sư lại là người cùng họ với Trí Giả, nên thời bấy giờ người ta gọi Sư là hậu thân của Trí Giả.

Hồi Sư còn ở Bạch Sa, Ngô Việt Trung Ý Vương bị con của Quốc vương đầy đến Thai châu, Ý Vương ngưỡng mộ danh tiếng Sư, thường thỉnh Sư đến hỏi đạo. Sư nói với Ý Vương: "Ngày sau ông làm bá chủ chớ quên ân Phật".

Niên hiệu Càn Hựu năm đầu, đời Hán, Ý Vương lên nối ngôi, sai sứ đến đón Sư vào triều, lạy Sư làm thầy.

Có người muốn khôi phục lại toàn bộ giáo nghĩa của Tông Thiên

Thai, nên đã nhiều lần khẩn cầu với Sư rằng: “Giáo pháp của Trí Giả trải qua ngần ấy năm nay phần nhiều thất lạc hết. Hiện nay ở nước Tân La, giáo nghĩa ấy vẫn còn rất đủ. Nếu chẳng phải sức từ của Hòa thượng thì ai có thể làm được việc này!”.

Sư liền tâu với Trung Ý Vương. Ý Vương sai sứ đem lễ vật và thư của Sư đến Tân La sao lại toàn bộ giáo nghĩa ấy đem về. Đến nay những giáo nghĩa ấy vẫn còn lưu hành ở Giang Nam.

Sư khai đường, giảng pháp ở Bát-nhã, cả thảy mười hai hội, pháp ngữ của Sư còn đủ trong Truyền Đăng. Có lần Sư làm kệ dạy chúng:

Lên thẳng núi mầu
Chẳng phải nhân gian
Ngoài tâm không pháp
Thấy tỏ núi xanh.

Năm Tân Mùi, niên hiệu Khai Bảo, bốn ngọn núi trên Hoa đảnh bỗng nhiên rung động, phát ra âm thanh như tiếng sấm. Sư nói:

- Ta không còn ở nhân gian lâu nữa.

Tháng sáu năm sau có một ngôi sao lớn sa xuống đỉnh núi cỏ cây đều đổi thành màu trắng và Sư thị tịch ở ngọn núi Liên Hoa. Trước đó sư vẫn tham vấn như thường. Đến ngày mười tám, Sư nhóm chúng từ biệt, rồi ngồi kiết già thị tịch, thọ tám mươi hai tuổi, tăng lạp sáu mươi lăm hạ.

Quý Dậu: Hậu Chu: Cung đế Sùng Huấn mất.

4. Thiền sư Phong Huyệt Diên Chiểu:

Sư họ Lưu, quê ở Dư Hàng, húy là Diên Chiểu. Sinh vào tháng mười hai, năm Càn Ninh thứ ba, đời Đường. Thuở nhỏ sư đã là người lỗi lạc có chí khí anh tài. Sách vở ở đời Sư đều đọc đến nhưng không có ý kinh bang tế thế. Cha và anh cố ép sư đi thi làm quan. Một lần, Sư đến kinh đô nhưng rồi quay về ngay. Sư đến chùa Khai Nguyên xin xuất gia với Luật sư Trí Cung, sau đó thế phát thọ giới. Sư đi khắp các pháp hội, nghiền ngẫm bộ Pháp Hoa Huyền Nghĩa, tu tập chỉ quán định tuệ. Đêm nọ sư bỏ pháp hội, phát chí du phương tham vấn.

Sư đến Việt châu, yết kiến Thiền sư Cảnh Thanh nhưng cơ duyên không khế hợp. Sư đi về phía Bắc, đến Tương Miến và dừng lại ở Hoa nghiêm. Lúc bấy giờ có Tăng là Thủ Quách vừa từ pháp hội của Nam viện Ngung công đến. Thiền sư Hoa Nghiêm thăng tòa nói:

- Nếu là con cháu của Lâm Tế, Đức Sơn, Cao Đình, Đại Ngu, Điểu Khòa, Thuyền Tử thì không nên làm thế này thế nọ, mà phải một

mình đeo đao vào thẳng.

Quách liền bước ra khỏi chúng và hét. Hoa Nghiêm cũng hét, Quách hét tiếp, Hoa Nghiêm cũng hét tiếp. Quách lạy tạ Hoa Nghiêm xong, quay lại nói với đại chúng:

- Gã này một phen thất bại rồi.

Nói xong, Quách hét một tiếng rồi về chỗ.

Phong Huyệt lấy làm lạ, nhân đó kết bạn với Thủ Quách.

Nhân đó, Sư thầm khế ngộ yếu chỉ của Tam huyền, bèn than:

- Chỗ dụng của Lâm Tế như thế ư!

Quách bảo sư đến yết kiến Nam Viện.

Sư đến, Nam Viện liền hỏi:

- Vào cửa phải trình chủ, đầu đuôi thế nào thỉnh thầy phân chia.

Nam Viện vỗ đầu gối bên trái, Phong Huyệt liền hét. Nam Viện vỗ đầu gối bên phải, Sư cũng hét. Nam Viện hỏi:

- Vỗ bên trái một cái thì không nói, vỗ bên phải cái nữa thì làm sao?

Phong Huyệt nói:

- Mù.

Nam Viện liền cầm gậy. Sư cười nói:

- Đã mù lại thêm gậy đui, đập ngược lại Hòa thượng đi!

Nam Viện cất gậy nói:

- Hôm nay bị gã mặt vàng ở đất Chiết hãm hại.

Sư nói:

- Hòa thượng in tuồng ôm bát chẳng được lại nói dối là chẳng đói.

Nam Viện hỏi:

- Ông từng đến đây chưa?

- Là có ý gì?

- Muốn hỏi ông rõ ràng.

- Cũng đừng nên bỏ qua!

Sư liền lễ bái. Nam Viện vui vẻ bảo sư ngồi và hỏi:

- Ông giao du vời ai?

Sư thưa:

- Cùng nhập hạ với thị giả Quách ở Tương châu.

- Thật là gặp được Thiền lâm cao thủ.

Từ đó sư ở lại đây làm đệ tử, thong dong thọ học, trí chứng ngày một tăng. Nam Viện nói với sư:

- Ông nương nguyện lực đến gánh vác đại pháp không phải là

ngẫu nhiên.

Rồi Nam Viện hỏi Sư:

- Ông từng nghe, lúc lâm chung Lâm Tế nói gì không?

Sư thưa:

- Có nghe.

Nam Viện nói:

- Lâm Tế nói: "Không ngờ chánh pháp nhãn tạng bị diệt Tôn giả mất bên con lừa mù". Ông ấy bình sinh giống như sư tử, hễ gặp là giết người, đến lúc sắp mạng chung sao lại bó gối cong đuôi như vậy.

Sư thưa:

- Mật phó lâm chung, diệt là hoàn toàn do chủ.

- Tại sao Tam Thánh (Tuệ Nhiên) cũng chẳng nói?

Sư thưa:

- Đứa con đích thật được vào thất.

- Đâu giống kẻ kia dạo bên ngoài.

Nam Viện gật đầu hỏi tiếp:

- Bốn thứ liệu giản là liệu giản pháp gì?

- Phàm nói ra nếu không kẹt nơi phàm tình cũng rơi vào thánh giải, đó là bệnh lớn của người học. Bậc Tiên thánh xót thương họ nên mới lập bày phương tiện, cũng như lấy chốt tháo chốt.

- Thế nào là đoạt nhân chẳng đoạt cảnh?

- Cung vàng vừa thoát khỏi lò hồng
Bắn bể mặt sắt của Xà-lê.
(Tâm xuất hồng lô kim đàn tử
Sứu phá Xà-lê thiết diện môn)

- Thế nào là đoạt cảnh chẳng đoạt nhân?

- Cắt cỏ chợt chia toét đầu não
Mây cuồng vừa tụ bóng còn nguyên.
(Sô thảo sạ phân đầu não liệt
Loạn vân sơ trán ảnh do tồn)

- Thế nào là nhân cảnh đều đoạt?

- Nhẹ bước tiến lên cần gấp gấp
Nắm roi cầm ách chớ dần dà.
(Niếp túc tiến tiền tu cấp cấp
Tróc tiên đương ưởng mạc trì trì)

- Thế nào là nhân cảnh đều chẳng đoạt?

- Thường nhớ Giang Nam vào tháng ba
Chú cô hót rộn, trăm hoa ngát.

(Thướng ức Giang Nam tam ngoạt lý
Chú cô đề xứ bách hoa hương)

Nam Viện nói tiếp:

- Lâm Tế có ba câu, đương thời có người hỏi rằng: "Thế nào là câu thứ nhất?" Lâm Tế đáp: "Ấn tam yếu mở điểm son hẹp, chưa cho nghĩ nghị chủ khách còn".

Phong Huyệt nghe xong liền hét. Hỏi tiếp:

- Thế nào là câu thứ hai? Lâm Tế đáp: "Diệu giải đâu cho Vô Trước hỏi, bọt tan đâu dễ chặn dòng sông".

Phong Huyệt nói:

- Chưa hỏi đã sai rồi.

Hỏi tiếp:

- Thế nào là câu thứ ba? Lâm Tế đáp: "Chỉ xem tượng gỗ đùa trên gác, lôi kéo toàn nhờ người ở trong".

Phong Huyệt nói:

- Phá tan thì không kham nổi.

Thế là Nam Viện nghĩ dòng phái Lâm Tế chưa đoạn tuyệt, Sư là người quả nhiên không cô phụ ngầm ý phó thác hoằng hóa của Tiên sư. Sư dừng lại đây sáu năm, sau đó từ biệt Nam Viện ra đi.

Đời Đường, niên hiệu Trương Hưng năm thứ hai, Sư đến Nhữ Thủy, Sư thấy một ngôi nhà chỉ còn vài miếng tranh, kèo cột, Sư cảm thấy như mình đã từng bỏ nơi này ra đi. Sư hỏi một người cày ruộng đây là đâu.

Người cày ruộng đáp:

- Đây vốn là chùa Phong Huyệt ngày xưa, chùa này hoằng truyền luật, vật dụng trong chùa xưa kia, vào những năm đói người ta lấy hết rồi. Hiện nay chỉ còn tượng Phật, chuông trống mà thôi. Sư hỏi:

- Tôi có thể ở được không?

Người cày ruộng đáp:

- Được.

Thế rồi sư trụ lại ở đây. Ban ngày sư vào xóm làng xin ăn, ban đêm chỉ đốt nhựa thông. Một mình sư đã ở đây suốt bảy năm. Sau đàn việt sửa sang lại và nơi đây trở thành tòng lâm.

Đời Tấn, năm Thiên phước thứ hai, Mục Châu nghe danh của Sư, hết lòng ngưỡng. Ngày Thượng nguyên, Sư khai đường tiếp nối dòng pháp Nam Viện. Đời Hán năm Càn Hựu thứ hai, Châu Mục dời chùa về Trình châu, Sư tránh giặc nên cũng về ở đó. Sau Châu Mục dựng chùa ở Châu quận, cúng dường thực phẩm cho Sư. Giặc yên, bấy giờ Tống Thái

sư ở Nhữ châu cúng nhà của mình làm chùa, lấy tên là Tân tự, thỉnh sư về ở. Pháp hội của sư trùm khắp thiên hạ, người học từ xa lặn lội tìm đến. Sư thượng đường dạy:

- Tiên sư nói: "Muốn được thân gần chớ mang nghi vấn tới mà hỏi hiểu không. Câu hỏi ở trong câu đáp, câu đáp ở trong câu hỏi. Tuy là như vậy, nhưng có khi câu hỏi không nằm trong câu đáp, câu đáp không nằm trong câu hỏi. Nếu các ông toan nghĩ ngợi, lão tăng ở dưới gót chân các ông rồi. Hễ là người tham học có mắt sáng, gặp cơ duyên, phải thấy đại dụng trước mắt, chớ câu thúc mình trong tiểu tiết. Giả sử thốt được lời cũng vẫn còn kẹt trong cỏ, trói trong mê. Ngay lời nói tinh thông cũng chưa thoát khỏi giữa đường thấy loạn. Xem ra các ông đến nhằm nương người khác để hiểu. Sáng tối hai đường và các ông tất cả đều quét sạch, dạy thẳng. Các ông mỗi mỗi phải như sư tử gầm rống. Trước chúng phải có chứng cứ. Một tiếng rống như vách đá cao ngàn nhận, ai dám nhìn thẳng? Hễ đưa mắt nhìn liền đui mắt y".

Sư nói tiếp:

- Nếu lập mảy trần thì nước nhà hưng thịnh, lão già nhà quê sụp sống mũi; chẳng lập mảy trần thì nước nhà diệt vong, lão già nhà quê an ổn. Ngay đó thấy rõ Xà-lê không có phần. Lão tăng hoàn toàn chẳng biết gì ở đây cả. Lão tăng tức là Xà-lê, Xà-lê chẳng khác lão tăng. Hay tỏ ngộ được cũng là người trong thiên hạ mà hay mù cũng là người trong thiên hạ. Muốn biết Xà lê ư? Sư vỗ đầu gối trái nói: "Ở đây này! Muốn biết lão Tăng ư?" Sư vỗ đầu gối phải nói: "Ở chỗ này này".

Khi đó chẳng có người đương cơ. Đời Châu, niên hiệu Quảng Thuận năm đầu, vua sắc tứ chùa tên là Quảng Tuệ. Hai mươi hai năm sau, vào một buổi sáng tháng tám năm Khai Bảo thứ sáu đời Tống. Sư thăng tòa nói kệ:

Nương thời truyền đạo lợi quần sinh
Phương xa chẳng ngại tự vươn lên
Năm sau có gã như thế ấy
Ngày đốt hương thơm tối đốt đèn.

Đến ngày rằm, Sư ngồi kiết già thị tịch. Trước đó một ngày sư viết thư từ biệt đàn-việt. Sư thọ bảy mươi tám tuổi, tăng lạp năm mươi chín hạ. Đệ tử đắc pháp có Thiền sư Thủ Sơn Tỉnh Niệm ở Nhữ châu.

Giáp Tuất: Vua hạ chiếu sai bọn Tào Bân đánh Nam Đường. Liền đổi niên hiệu là Càn Hanh.

Ất Hợi: Tào Bân bắt sống Nam Đường chủ là Lý Dục đem về. Dục được phong làm Vi mệnh hầu, đất nước diệt xong.

5. Thiền sư Vĩnh Minh Trí Giác:

Sư họ Vương, húy là Diên Thọ, người Dư Hàng. Từ nhỏ sư đã quy tâm Phật thừa, tới tuổi trưởng thành sư không ăn mặn, ngày chỉ ăn một bữa, trì Pháp Hoa, chỉ hai tháng sau sư đã tụng thuộc làu, muông thú cảm động đến quỳ nghe kinh. Năm hai mươi tám tuổi, Sư làm Hoa Đình trấn tướng, theo Đại sư Thúy Nham về ở và hoằng hóa tại chùa Long sách. Bấy giờ, Ngô việt Văn Mục Vương biết Sư là người mến mộ đạo pháp, liền thể theo chí nguyện của Sư đồng ý để Sư xuất gia. Sư lễ Đại sư Thúy Nham làm thầy, chấp lao phục dịch, hầu như quên hẳn chức vị tướng soái của mình. Sư mặc áo không tơ lụa, ăn thì chẳng chú trọng đến vị ngon, chỉ ăn mặc sơ sài, đạm bạc qua ngày. Sau sư qua ngọn Thiên Trụ ở Thiên Thai và tu thiền định ở đây suốt ba tháng, đến nỗi chim yến đến làm tổ trên áo sư. Kế đó sư yết kiến Quốc sư Đức Thiều, Đức Thiều vừa gặp sư liền hứa khả, ngầm trao huyền chỉ và nói với sư rằng:

- Ông có duyên với Nguyên soái, ngày sau sẽ trùng hưng chùa tháp.

Hồi ấy, Sư trụ trên núi Tuyết Đậu ở Minh châu, học chúng đua nhau tìm đến. Sư thượng đường dạy:

- Ở chỗ Tuyết Đậu này nước lũ dâng cao ngàn tầm, không phút giây ngừng nghỉ, núi ấy cao muôn nhận không có chỗ đặt chân, các ông nhắm chỗ nào bước tới.

Lúc ấy có vị Tăng hỏi:

- Đường tắt của Tuyết Đậu làm cách nào đặt chân?

Sư đáp:

Bước bước hoa lạnh kết

Lời lời tan hoại băng.

Kiến Long năm đầu, Trung Ý Vương thỉnh sư trụ tại Tân tự trên núi Linh Ẩn làm đời thứ nhất. Năm sau lại thỉnh sư trụ ở đạo tràng Vĩnh minh làm đời thứ hai, nơi đây học chúng có đến hai ngàn người.

Một hôm có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là ý chỉ của Vĩnh Minh?

Sư đáp:

- Đốt thêm hương đi!

Tăng thưa:

- Dạ.

Sư dạy tiếp:

- Cứ thế! Đừng giao thiệp!

Sư có bài kệ rằng:

Muốn biết đạo Vĩnh Minh
Một hồ nước trước cửa
Trời soi sinh ánh sáng
Gió đến sóng lăn tăn.

Sư trụ trì Vĩnh Minh suốt mười lăm năm, độ được một ngàn bảy trăm đệ tử. Năm Khai bảo thứ bảy, Sư vào núi Thiên Thai, truyền giới cho hơn vạn người, thường thọ Bồ-tát giới với bảy chúng. Ban đêm sư cúng thí thức ăn cho quỷ thần, ban ngày sư phóng sinh các loài động vật, trong sáu thời sư thường dâng hoa, hành đạo. Đạo lực của sư ít ai sánh bằng.

Tác phẩm do sư trứ thuật gồm: Tông Cảnh Lục một trăm quyển, thi kệ phú vịnh cả thảy ngàn vạn lời. Quốc vương nước Cao Ly nghe được giáo pháp của sư liền sai sứ mang thư đến tỏ ý muốn làm đệ tử, đồng thời dâng cúng cho sư ca-sa đính sợi vàng, mấy hạt châu, một chậu đựng nước tắm bằng vàng v.v... Ngoài ra có ba mươi sáu vị Tăng Cao ly đến nghe sư giảng dạy, ghi chép những lời giảng thuyết của sư đem về nước, mỗi người hoằng hóa một phương.

Giờ Thìn ngày hai mươi sáu tháng mười hai năm Khai Bảo thứ tám, Sư đốt hương cáo biệt đại chúng rồi an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, tăng lạp bốn mươi hai hạ. Năm sau tứ chúng dựng tháp Sư ở núi Đại Từ, Tống Thái Tông sắc tứ nơi đây là Thọ Ninh thiền viện.

6. Ngô Việt Vương soạn bài tựa trong Tông Cảnh Lục:

Thiên hạ Đại nguyên soái Ngô việt quốc Vương Tiền Thúc soạn bài tựa trong Tông Cảnh Lục rằng:

"Tận tường thay! Ba điểm cốt lõi trong giáo pháp của nước ta, đó là làm cho vua tôi chân chánh, làm cho cha con thân thiết, làm cho nhân luân sâu dày. Nho là thầy của ta. Vắng lặng thay! Khoáng đạt thay! Không thể nghe nhìn được. Từ vi diệu lên thẳng hư vô nhằm dừng hẳn tiếng tăm, chế ngự ngoại cảnh. Vua mà thể nhập được thì nền thiện vững bền, dân mà thể nhập được thì nguồn phước vô cùng. Đây là thầy của đạo Nho.

Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, Tam minh, Bát giải thoát, từng phút tu tập, hằng ngày hành trì, một khi đã lên được thánh quả, thì vĩnh viễn thấu tỏ chân thường. Đó là tông chỉ của đạo Phật. Tự tâm mỗi người phải hành trì đủ ba giáo pháp ấy.

Tông Cảnh Lục là bộ sách do Thiền sư Trí Giác soạn gồm một

trăm quyển, chứa hết những lời nhiệm mầu. Những lời từ kim khẩu Đức Phật tuyên dương đều bàng bạc trong biển giác, không ngoài mục đích dẫn dắt hậu học. Sư là người có trí tuệ biện tài, diễn xướng vạn pháp, thấu tỏ nguồn tâm, sông thiền chảy tràn, mây tuệ che khắp. Mấy điều ấy đủ thấy nó bao la, không thể nào diễn tả hết được. Nhờ bài tựa nhỏ này, nhằm tán thán lưu hành".

7. Hậu Tự (lời bạt) trong Tông Cảnh Lục:

Tống Tả Triều mời Lang Thượng thư Lễ bộ viên ngoại lang hộ quân Dương Kiệt soạn lời bạt trong Tông Cảnh Lục rằng:

"Chân ngữ của chư Phật lấy tâm làm tông, chúng sinh tin đạo đều lấy tông làm gương. Cõi chúng sinh tức là cõi chư Phật; do mê nên làm chúng sinh. Tâm chư Phật tức là tâm chúng sinh, do ngộ mà thành chư Phật. Tâm như gương sáng muôn tượng đều in hình, Phật và chúng sinh giống như ảnh tượng. Niết-bàn sinh tử đều là giả danh. Thể của gương vắng lặng nhưng thường chiếu gương chiếu soi nhưng thường vắng lặng. Tâm, Phật, chúng sinh cả ba đều không sai biệt.

Thiền sư Vĩnh Minh Trí Giác Diên Thọ của nước Ngô Việt là người chứng Tối thượng thừa, tỏ Đệ nhất nghĩa, thấu suốt giáo điển, thâm đạt thiền tông, nghiêm trì Luật nghi làm lợi ích rộng khắp. Nhân đọc đến câu "Lời Phật lấy tâm làm tông" trong kinh Lăng-già ngài bèn soạn thuật bộ Lục này. Từ trong vô nghi mà khởi nghi, từ trong vô vấn mà lập vấn, thật là bậc Đại đạo sư cho những người không biết thưa thỉnh. Ngài lượm của báu trong long cung ban phát cho khắp quần sinh, mở toan cửa Phật tổ tiếp nhận hết hữu tình, mở mắt thấy ngay, muốn có liền đủ, nêu cao lòng tin đã nhanh lại chóng, gội sạch tà kiến, chỉ thẳng nguồn mầu. Đó gọi là lấy nhất tâm làm tông, soi vạn pháp làm gương. Nếu người lấy Phật làm gương thì thấy rõ giới định tuệ là cái gốc của muôn thiện. Trời, người, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Như lai đều từ đây lưu xuất. Tất cả thiện nhân đều tin thọ. Nếu lấy chúng sinh làm gương thì thấy rõ tham, sân, si là cái gốc của muôn ác. Tu la, bàng sinh, địa ngục, ngạ quỷ đều từ đây mà có. Tất cả kẻ ác không ai chẳng sợ. Thiện ác tuy khác nhau nhưng gốc vẫn không khác. Soi ngược vào tâm mình thì thấy rõ nó linh diệu sáng ngời vắng lặng bao la dung thông tất cả, vô vi, vô trụ, vô tu, vô chứng không mảy trần để nhiễm, không chút bụi để phủi, nó là cội nguồn của tất cả các pháp. Hồi ấy Ngô Việt Trung Ý Vương ghi chép rồi cất kỹ trong giáo tạng, đến khoảng niên hiệu Nguyên Phong, Hoàng đế Ngụy Đoan Hiến vương khắc bản và ban

phát cho những chùa nổi tiếng, bốn phương học giả ít gặp được bản luận này. Mùa hạ tháng sáu năm Nguyên Hựu, tôi lên đạo tràng Pháp Vân ở Đông đô mới gặp được tân bản (bản mới) ở Tiền Đường, bản này vô cùng tinh tường. Thế rồi người nước Ngô là Từ Tư Cung liền thỉnh Thiền sư Pháp Dũng, Vĩnh Lạc, Pháp Chân cùng tìm tòi hết các bộ Lục, tất cả kinh sách của Tam thừa, những lời giáo huấn của hiền thánh, nghiền ngẫm so sánh rồi hoàn thành bộ Lục này lưu bố khắp nơi. Bộ Lục này lợi ích vô cùng, Pháp Dũng biết tôi rất thích đọc bộ Lục này nhân đó nhờ tôi viết lời bạt.

8. Thái Tông: (Bính Tý)

Thái Tông tên là Cảnh, lúc đầu có tên là Khuông Nghĩa, con thứ ba của Tuyên Tông. Lúc Thái Tổ bị binh biến ở Trần Kiều, ông can gián anh mình chớ để quân lính cướp bóc, muôn dân nhờ đó yên ổn. Tháng ba năm Chí Đạo thứ ba, ông mất tại điện Van tuế, an táng ở Vĩnh Hy lăng, thọ năm mươi chín tuổi. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Thái Bình Hưng Quốc.

Năm này, vua hạ chiếu cho Tăng, Ni khảo thí kinh. Ngô Việt Trung Ý Vương Tiền Thúc quy phục nhà Tống. Tháng mười một có nhật thực.

9. Vua Soạn Bài Tựa Cho Tam tạng Thánh Giáo:

Vua soạn bài tựa cho Tam tạng Thánh giáo mới được dịch và tặng bài tựa này cho Thiên Trúc Tam tạng Pháp sư Thiên Tức Tai. Bài tựa ghi:

"Lớn thay! Giáo pháp của Phật ta! Giáo hóa quần mê, xiển dương tông tánh. Nó rộng lớn thâm sâu, người thông thái đâu thể rõ được ý chỉ; nó mầu nhiệm tinh vi, kẻ ngu hèn lẽ đâu đến được cội nguồn của nó! Nghĩa lý u huyền, chân không khó đoán, bao quát vạn tượng, dẫn dụ khôn cùng. Thống nhiếp đầu mối của muôn pháp, diễn xướng chánh giáo không giới hạn, tát cạn biển khổ cho bốn loài, lột tả lời huyền của ba tạng. Trời đất biến hóa trong âm dương, nhật nguyệt đầy vơi trong nóng lạnh. Lớn thì nói đến trong việc thiện ác, nhỏ thì ví với cát ven sông, vạn đầu mối của hàm linh không thể nào thuật lại hết. Nếu xét thấy vạn pháp như bóng theo hình, lìa lục tình để trường tồn, trải ngàn kiếp mà vẫn còn mãi; núi Tu-di nằm gọn trong hạt cải; Như lai thong dong trong vô biên; Đạt-ma từ Tây sang Đông truyền pháp, tuyên dương diệu lý, tùy cơ dẫn dắt. Bờ kia là Bồ-đề, sông ái là sinh diệt, hành đạo

ngay trong ngũ trược ác thế, cứu vớt ngay trong tam nghiệp khổ đạo. Kinh truyền lại cho đời vốn khôn cùng, đạo lưu lại cho nhân gian muôn thuở. Lời kinh trên Tyuết sơn như mắt sáng trên đài bạc, khí tượng của tháng năm xông tràn cả pháp giới. Vời vợi khó lường sâu xa khó gọi. Vì vậy mà đạo nhuần đến Thập thánh, đức bủa khắp Tam hiền. Đạo lớn khởi thủy từ đất trời, nguồn diệu phát sinh từ nhật nguyệt, thống nhiếp muôn hình vạn trạng, chiếu soi tăm tối ngu mê, dứt sạch thị phi xua tan tăm tối.

Pháp sư Thiên Tức Tai bên Tây Vực là người thường trì Tứ nhẫn, sớm tỏ Tam không, dịch lý mầu từ Phạm bối, nối thánh giáo cho trời người, mở tiếp nguồn huyền ứng thời hợp thế, trải ngũ thanh trong văn chương, diễn Tứ thỉ trong niêm luật, vời vợi bao la, ngời ngời sáng rõ. Bóng tối ngàn đời bỗng nhiên sáng lại, cửa huyền tỏ rạng; ánh sáng của quỹ phạm tô điểm pháp mầu, cõi tịnh dội vang, hữu tình lợi lạc cùng lên bờ giác chẳng chút khó khăn, cứu kẻ nhu nhược. Ngầm vận Từ bi thấm nhuần muôn vật, điều phục tham sân, khai mở kẻ ngu. Diễn Tiểu thừa thì Thanh văn hợp uy nghi, luận Đại thừa thì chánh giác lập được tánh. Hàm linh tỏ ngộ mà nhờ ân, tạng giáo đã vơi thì lại đầy, giáo hóa đường mê, dẫn dụ nhà lửa. Dù lập giáo này nhưng người không biết đến cũng không phải ít. Nhưng hễ nghĩ thiện thì phước lợi ngập tràn, hễ tạo ác nghiệp thì thắng duyên gãy đổ. Điều phục bốn chúng lập hạnh mười phương, rải mưa hoa trong bệ rồng, giữ hằng hà nơi cửa khuyết, núi cao vời vợi chẳng thể hoại, sông sâu hun hút chẳng thể tràn, vắng lặng trạm nhiên là trí tuệ thanh khiết viên minh; tánh không chẳng nhiễm là nhân duyên thật tướng giải thoát. Có thể lìa phiền não từ đất tâm, có thể nhận thanh lương từ vũ trụ. Trẫm thẹn vì không học rộng lý mầu của Thích điển, đâu dám buông lời để dạy bảo đời sau. Như ánh sáng của đèn đuốc đâu đủ sánh với mặt trời, như đem một bầu nước mà sánh với biển khơi, lẽ đâu có thể thấu tận vực sâu của nó".

Kỷ Mão: Bắc Hán hàng, được phong làm Bành Thành Công. Năm này đình chỉ việc khảo thí Tăng, Ni.

10. Tán Minh san định Đại Tống Tăng Truyện:

Sư họ Cao, tiên tổ là người Bột Hải, Sư sinh vào khoảng niên hiệu Thiên Hựu tại ngôi nhà ở Đức Thanh Kim Nga thuộc Ngô hưng. Sư xuất gia tại chùa Tường Phù đất Hàng châu. Sư tu tập theo Nam Sơn Luật, trước thuật Tỳ ni. Thời bấy giờ người ta gọi sư là Luật Hổ (Luật chủ). Sở học của sư ngày càng thâm sâu, tiếng tăm ngày một vang dội. Vũ Tông,

Túc Tông cùng các bậc vương công hoàng tộc đều rất kính trọng sư, phong sư làm Lưỡng Chiết Tăng Thống, tặng hiệu là Minh Nghĩa Tông Văn. Năm Hưng quốc thứ ba, Thái Tông nghe danh sư liền thỉnh vào điện Tư Phước, cả ngày hỏi đạo. Nhân đó vua đổi hiệu của sư là Thông Tuệ, xuống chiếu thỉnh sư san định lại Tống Cao Tăng Truyện gồm ba mươi quyển, đồng thời thỉnh sư soạn sự tích Thánh hiền của Tam giáo gồm một trăm quyển. Hồi ấy, Sư làm Bổ tả Nhai Tăng lục Giảng Kinh Thủ Tòa và Tri Sự Giáo Môn Tây Kinh, đến niên hiệu Hàm bình sư làm thêm chức Hữu Nhai Tăng Lục. Sư lại soạn Nội Điển tập gồm một trăm năm mươi quyển, Ngoại Học Tập gồm bốn mươi chín quyển. Nội Hàn Vương Vũ viết những bài tựa cho Văn tập, hết lời tán thán ngợi khen. Sư thị tịch năm Chí Đạo thứ hai, an táng ở đồi Long Tỉnh.

11. Vua hạ chiếu lập ra viện dịch kinh: (Nhâm ngọ)

Kha Ngạc ở Thư châu gặp một dị Tăng ở núi Vạn Tuế, vị Tăng dùng trượng chỉ vào gốc tùng bảo Ngạc đến đào, quả nhiên thấy một phiến đá quý có khắc chữ Triện, đó là lời sấm nói về vận nước lâu bền. Ngạc đem phiến đá vào kinh, vua hạ chiếu cất trong mật phủ.

Hôm khác Đại sĩ Bảo Chí hiện thân trong cấm cung, vua đích thân nghe Đại sĩ tâm tình và tiễn Đại sĩ đến Tế Chung sơn, truy tặng sư hiệu là Đạo Lâm Chân Giác Bồ-tát.

Năm này, vua xuống chiếu lập ra Viện Dịch Kinh Truyền Pháp ở Đông kinh, giống như đời Đường thuở trước. Tể Phụ làm người nhuận văn, đặt quan chia chức. Những vị Tăng của Tây Thiên, Trung Ấn Độ, Nhạ-lan-đà-la, Mật Lâm tự như Thiên Tức Tai, Pháp Thiên, Thi Hộ là những vị dịch kinh, vua là người viết lời tựa. Vua lại hạ chiếu cho thiếu niên trong nước xuất gia làm Tăng, không hạn định như phép chế của Hữu ty trước đây. Từ khi lên ngôi đến nay, vua đã cho phép hơn một trăm bảy mươi ngàn người xuất gia.

12. Triệu Phổ bị báo ứng:

Tháng năm năm này, vua giáng Tần vương Đình Mỹ xuống làm Bồi Lăng Huyện Công, cho ở tại Phòng châu. Có lần Hoàng thượng đem ý truyền quốc hỏi Triệu Phổ. Phổ nói:

- Thái Tổ đã nhầm lẫn, lẽ đâu bệ hạ lại nhầm nữa chăng! Đình Mỹ sở dĩ đắc tội là do Phổ này gây nên.

Lư Đa Tốn nắm quyền trong triều, thường gièm pha Triệu Phổ. Phổ rất ghét Tốn. Phổ vào triều tâu với vua rằng:

- Đa Tốn bảo, sau khi bệ hạ mất, thiên hạ sẽ về tay Ngụy vương, Ngụy vương lại trả về cho Tần vương. Bệ hạ không nên lập Thái tử.

Thế là Ngụy vương và Tần vương bị ghép vào tội đại nghịch, cho miễn tội chết, đuổi về làm dân thường, hai vương đều phải chịu hàm oan. Vua đày hai vương lên phía Nam sau đó giết chết. (Tần vương là Đức Phương, con út của Thái Tổ).

Một hôm, Triệu Phổ bỗng thấy trên không có một vòng lửa, có một con dê con đi trên đó, phía dưới có dòng chữ "Đây là tội của Phổ". Lát sau không thấy ánh sáng nữa. Phổ liền lâm bệnh, lập tức sai bọn Phương sĩ đến cầu cúng. Bọn này thấy trong đám khói có một thẻ bài màu đỏ, bên trong ghi chữ vàng. Trong ấy ghi "Ngụy vương Đình Mỹ cảm tạ rằng: Lời của Phổ không đáng tội. Đỗ Thái hậu có di chúc, Thừa tướng viết lời thề giấu trong hòm vàng để trong thạch thất, nhưng Phổ là người đầu tiên kiện cáo Đa Tốn, khiến chúa thượng giết một người em và một người cháu, lẽ đâu bảo rằng Phổ không có tội ư!". Lát sau Phổ chết.

Quý Mùi: Liêu Thánh Tông tên là Long Tự, lên ngôi đổi niên hiệu là Thống Hòa.

Giáp Thân: Đổi niên hiệu là Ung Hy. Vua hạ chiếu cho dựng tháp ở Tứ châu. Tháng mười vua phong ẩn sĩ Trần Đoàn hiệu Hy Di Tiên sinh, sau ông xin về Hoa sơn.

Ất Dậu: Tháng hai, vua hạ chiếu cấm không cho xây thêm tự quán.

13. Thiền sư Trừng Viễn ở viện Hương Lâm:

Sư sinh ra trong một nhà quan ở huyện Miên Trúc, Hán châu, Tây xuyên. Nối pháp của Thiền sư Vân Môn Văn Yển.

Hồi ấy, Sư trụ ở Thiên Vương viện trong chùa Nghinh Trường, huyện Đại Giang, Tây Xuyên. Thời ấy người ta gọi sư là Thủy Tinh cung.

Có vị Tăng hỏi:

- Vị ngon đề hồ tại sao biến thành độc dược?

- Giấy Đạo Giang.

- Lúc thấy sắc liền thấy tâm thì thế nào?

- Vừa rồi ở đâu đến?

- Lúc tâm cảnh đều quên thì thế nào?

- Mở mắt ngồi ngủ.

Sau sư về lại Hương Lâm. Có vị Tăng hỏi Sư:

- Ẩn thân trong Bắc đẩu, ý chỉ ấy thế nào?
- Trăng tựa vòng cung, mưa ít gió nhiều.
- Thế nào là một ngọn đèn trong nhà?
- Ba người làm chứng, con rùa thành ba ba.
- Thế nào là việc của Nạp tăng?
- Tháng chạp lửa thiêu núi.
- Đại chúng vân tập, thỉnh sư khai thị.
- Ba chẳng đợi hai.
- Thế nào là việc trong ngày của người học?
- Vừa vặn.
- Thế nào là huyền?
- Hôm nay đến, ngày mai đi.
- Thế nào là huyền trong huyền?
- Nằm dài trên giường.

Mậu Tý: Đổi niên hiệu Đoan Củng. Vua ban tên họ bổng lộc cho Tây Hạ Lý Kế, Triệu Bảo Trung Ngân làm Liêu Mật Ngũ Châu Sứ.

Canh Dần: Đổi niên hiệu Thuần Hóa. Vua xuống chiếu cho soan sự tích Thánh hiền Tam giáo. Tham chánh Tô Dịch làm người biên soạn; Tăng thống Tán Ninh, Đạo sĩ Hàn Đức Thuần đều tham dự.

14. Tôn giả Tự Nghiêm ở Nam An:

Sư họ Trịnh, húy là Tự Nghiêm, người Đông An, Tuyền châu. Năm mười một tuổi, Sư theo tăng Khế Duyên ở chùa Ngọa Tượng, Kiến Hưng xuất gia làm đồng tử. Mười bảy tuổi sư thọ giới, vân du đến Lô Lăng, yết kiến Tây Phong Kỳ Túc Vân Hoát. Hoát là cao đệ của Thiền sư Thanh Lương Trí Minh, là đích tôn của Vân Môn.

Thái Tông có lần mời sư vào cung, thỉnh sư ở trong ngự viên. Sư tu tập thiền định thời gian lâu, sau đó xin về núi. Sư dụng công tu tập năm năm, mật khế tâm pháp, sau sư từ giã nơi đây vượt qua sông Hoài nhân. Trong sông có con thuồng luồng thường hại những người qua sông. Sư đến, nói kệ và răn dạy. Thuồng luồng lập tức bỏ đi. Sư qua vùng núi Hoàng Dương muốn uống nước nhưng gặp phải suối cạn khô, Sư dùng trượng nện xuống đất, bỗng nhiên nước tuôn lên, già trẻ thấy thế xúm lại xem, họ chắp tay chào cho sư là thần. Thấy vậy, Sư bỏ đi.

Vùng núi Hoàng Thạch là nơi có nhiều rắn cọp, Sư đến ở đây sai khiến được cả rắn cọp. Bốn phương nghe danh sư thảy đều thất kinh, tranh nhau đến cung kính, phúng sự sư. Dân thấy trời không mưa nên đến cầu khẩn sư, tùy sở nguyện của họ, Sư đều làm ai nấy mãn nguyện.

Ai nấy đều họa tượng sư thờ, cúng tế cơm nước.

Chùa bên cạnh có vị Tăng chết, Sư không biết cần phải báo quan, lại đem thiêu. Quan đến bắt sư hỏi tội. Sư chẳng đáp mà lấy giấy viết bài kệ:

Tăng quê vô sự chết
Tăng quê vô sự thiêu
Hai pháp không sai khác
Đường Bồ-đề chẳng xa.

Nét bút ngang dọc ngoằn nghoèo như Đại triện, quan lại nổi giận cho sư điên khùng xem thường mình, bèn cởi y Tăng-già-lê của sư rồi phơi nắng sư. Sau khi được tha, Sư lấy vải trùm lên đầu. Quan bắt sư mặc đồ thế tục. Sư nói điều gì, người nghe chỉ tin một nửa, nhân đó sư im lặng suốt sáu năm.

Hồi ấy chùa và muôn dân mỗi năm phải nộp vải, gặp lúc quan lại đi thâu, Sư không chịu được liền bẻ thẻ bài, giật vải trong tay quan xin được miễn nộp. Quan lại là Trương Hoa, Âu Dương Trình nổi giận, bắt sư đến hỏi tội. Sư không đáp, quan lại cho sư là yêu ma giả mạo. Sư lấy giấy làm kệ:

Tất cả sức từ nhẫn
Đều do tâm ta sinh
Nếu vua quan bắt nhốt
Phật pháp chẳng lưu hành.

Từ đó sư nói năng trở lại. Sư vân du qua núi Bàn Cổ ở Nam khương. Trước đây Tôn giả Ba-lợi người Thiên Trúc từng ngang qua đây và có lời sấm ký rằng:

"Sau này sẽ có Bạch y Bồ-tát đến hoằng hóa tại núi này".

Sư ở đây ba năm, nơi này trở thành tòng lâm, dị tích của sư rất nhiều có chép đủ trong hành trạng của Sư. Vua nghe danh sư liền xuống chiếu thỉnh. Tể tướng Vương Khâm Nhược, Đại tham Triệu An Nhân trở xuống đều tặng thơ cho sư nhưng sư chẳng bao giờ xem tới, để đến nỗi bụi bám đầy.

Mồng sáu tháng giêng năm Tân Mão, niên hiệu Thuần Hóa, Sư nhóm chúng nói:

- Hôm nay ta đi, giờ đã đến lúc.

Nói xong, Sư nằm nghiêng bên phải thị tịch, thọ tám mươi hai tuổi, tăng lạp sáu mươi lăm hạ. Vua ban thụy là Định Quang Viên Ứng Thiền sư.

15. Thiền sư Tỉnh Niệm ở Thủ Sơn:

Sư họ Địch, người Lai châu, từ nhỏ xuất gia tại chùa Nam Thiền. Sư sống rất đơn giản, là người hiểu biết rất sâu, hành hạnh Đầu-đà, hằng ngày tụng Pháp Hoa. Tăng chúng tòng lâm rất kính phục Sư, gọi sư là Niệm Pháp Hoa. Sư đến pháp hội của Phong Huyệt tùy chúng tu tập. Mọi nghi ngờ về môn giáo sư đều thưa hỏi, chỉ có giáo Ngoại biệt truyền là sư không thưa hỏi. Phong Huyệt có lần nói với sư:

Ông là người hiểu biết được ngưỡng vọng, tông Lâm tế tới Huyệt này thì dứt rồi, thật đáng sợ! Ta xem kỹ dưới tòa, người kham lãnh đạo pháp không ai như ông”.

Một hôm Phong Huyệt thăng tòa nói:

- Thế Tôn dùng con mắt như sen xanh nhìn Ca-diếp, ngay lúc ấy nói được cái gì? Nếu nói không nói gì tức là vùi chôn tiên thánh.

Phong Huyệt nói chưa xong, Sư bỏ đi mất. Thị giả bước tới hỏi:

- Niệm Pháp Hoa không nói mà bỏ đi là sao vậy?

Phong Huyệt đáp:

- Gã lãnh hội rồi.

Hôm sau sư và Thượng tọa Chân cùng lên Phương trượng. Phong Huyệt hỏi Chân:

- Thế nào là Thế Tôn không nói?

Chân đáp:

- Tu hú kêu trên cây.

Phong Huyệt nói:

- Ông làm nhiều phước si để làm gì?

Phong Huyệt quay qua hỏi Sư:

- Ông thì thế nào?

Sư đáp:

- Đổi sắc nêu đường xưa.

- Không rớt núi, đúng cơ.

Phong Huyệt nói với Chân:

- Sao không xem lời ông ấy!

Hôm khác Phong Huyệt thăng tòa nhìn khắp đại chúng, Sư liền bỏ đi. Phong Huyệt liền về phương trượng.

Từ đó thanh danh của sư vang dội khắp nơi. Thủ Sơn là vùng đất hoàng nằm ngoài thành Nhữ châu, nhưng sư đã ở cả đời tại đây. Những người đến đây đều là nạp tử tinh luyện của tòng lâm, Sư đều nghiệm người rất kỹ, chỉ hơn hai mươi người ở lại đây. Thiên hạ nói đến pháp tịnh đứng đầu thiên hạ, đều chỉ Thủ Sơn.

Có lần sư hỏi Tăng:

- Việc gì chẳng nhờ người khác mà được, thử nói xem!

Tăng liền hét. Sư nói:

- Thiện thì như vậy, ác khởi thì làm gì?

Tăng lại hét. Sư nói:

- Hôm nay bỏ ngang thì không được.

Tăng nghĩ ngợi. Sư liền hét.

Có lần sư dạy chúng:

- Phật pháp chẳng có nhiều, chỉ là các ông tự tin chưa đến. Nếu các ông tự tin được thì ngàn thánh ra đời cũng chẳng làm gì các ông. Vì sao? Vì trước mặt ông không có chỗ mở miệng. Chỉ vì các ông chưa tự tin, hướng ngoại tìm cầu, cho nên dù Phật Thích-ca đến đây cũng sẽ cho các ông ăn ba mươi gậy. Tuy là như thế, sơ cơ hậu học dựa vào lý gì? Ta hỏi các ông, các ông đã được gì chưa?

Im lặng giây lâu, Sư nói tiếp:

- Nếu được vậy thì mới gọi là người rõ việc.

Sư từng bài Cương tông kệ rằng:

Ôi! Anh chàng vụng về
Khéo léo chẳng ai biết
Đánh phá cửa phụng lâm
Mang giầy đứng trên nước
Ôi! Cô gái giỏi giang
Ném thoi chẳng chịu dệt
Xem người ta đá gà
Con trâu cũng chẳng biết.

Ngày bốn tháng mười hai năm Thuần Hóa thứ ba, Sư làm bài kệ:

Ta nay tuổi hơn sáu mươi bảy
Già bệnh nương nhau cứ qua ngày
Năm nay ghi lại việc năm tới
Năm tới ghi lại việc năm nay.

Đúng vào mồng bốn tháng mười hai, Sư thăng tòa từ giã chúng, nói kệ:

Các ông dối lăng xăng
Lỗi gấp mấy sông hằng
Quan Âm chỉ Di-lặc
Văn-thù chẳng sao cả.

Giây lâu, Sư nói:

Thế giới màu bạc, sắc thân vàng

Tình với vô tình một tánh chân
Khi sáng tối sách thì không chiếu
Đến sau giờ Ngọ hiện toàn thân.

Quả nhiên sau giờ Ngọ, Sư an nhiên thị tịch. Đồ chúng dựng tháp tại Thủ Sơn. Thiền sư Thiện Chiêu ở Phần Dương là người kế thừa tông phong.

Ất Mùi: Đổi niên hiệu Chí Đạo. Vua ngự chế bài tựa trong Bí tạng. Tháng sáu, hạn định chùa chiền cho Tăng, Ni.

16. Chân Tông:

Chân Tông tên là Hằng, con thứ ba của Thái Tông. Ban đầu ông có tên là Đức Xương, sau đổi thành Nguyên Khản, tôn Hiên Viên làm Thánh tổ, tự hiệu là Hạo Thiên Ngọc Hoàng Thượng đế; truy phong Khổng Tử là Chí Thánh Văn Tuyên vương. Ông thọ năm mươi lăm tuổi, mất ở điện Diên Khánh, lên ngôi đổi niên hiệu là Hàm Bình.

17. Vua Soạn Bài Tựa Trong Kế Thánh Giáo:

Vua soạn bài tựa trong Kế Thánh Giáo và đem tặng cho Thiên Trúc Tam tạng Triệu Tán Đại Phu Thí Quang Lộc Khang Minh Giáo Đại sư Pháp Hiền. Trong ấy ghi:

"Cao Minh mở vận, tam thần đứng đầu (Nhật, Nguyệt, Tinh). Đất dày hình thành, vạn tượng từ đó nảy sinh. Bản chất của đục trong đã rõ ràng, mà ngọn nguồn của thiện ác càng tỏ rõ. Sau dùng văn vật dựng lập giáo môn. Dùng chánh điển khai hóa thế tục, công lao ích lợi đồng quy về lý. Thế rồi tượng pháp từ Tây truyền sang, chân đế truyền vào Trung Hạ, xuyên suốt ngàn đời, lý chân thật thật không cùng tận, bao quát chín châu, cửa ngõ diệu huyền thật không xét tận. Luận về vọng tưởng thì năm uẩn đều không, hiện thành chân tục thì mảy lông cũng viên mãn. Giáo pháp bao la như vậy, lẽ đâu thuật tiếp được chăng?

Hãy xem! Thái Tông hoàng đế, pháp tánh châu viên, nhân từ bủa khắp. Giáo hóa mọi rợ thì vạn bang quy tụ, vớt dân đen lên miền nhân thọ; sùng kính giáo pháp thì bốn biển theo về, cứu muôn dân lên đất giàu có; thấy Tôn kinh bát ngát, lập phương tiện để cứu kẻ trầm luân; biết pháp giới bao la, hành tinh tấn mà dẫn dắt người giải đãi. Thế nên, ngài chọn lời thâm thúy, giảo đính chân văn, thỉnh Cao tăng Thiên Trúc dịch lời Phật từ Phạm bối. Từ nét ngoằn ngoèo dịch thành chữ vàng, từ lời châu lại đặt thêm ngọc quý, khiến cho thánh thư nơi Long cung ngời sáng, Sa-môn non Thứu đều tán dương. Nhờ đó xuyên suốt cả Tam

thừa, viên dung khắp Tứ đế, thấu tận lời chân thật khổ không, hiển bày nghĩa tinh ròng bí mật. Luận tướng thì thảy là thật tướng, bàn không thì thấu tận lẽ không; lý Hoa nghiêm cùng khế hợp với qũy phạm, giáo Phật thừa thảy hợp với quy củ. Trẫm kế thừa nghiệp lớn, cung kính đạo mầu, thường canh cánh mà vỗ về muôn dân hằng đau đáu mà giữ lời tiên thánh, còn như ngọn nguồn thâm sâu của pháp Phật, trẫm vẫn chưa mấy tận tường, làm sao có thể dò xét!

Có Cao tăng dịch kinh của Tây Vực là Pháp Hiền khẩn thiết tâu trình, khổ tâm lao ý, muốn theo Hoàng đế trước đại xiển chân phong, truyền cao Phật tuệ, khôi phục Thánh điển mai một của Tiên vương, dựng lại kỷ cương gãy đổ của Phật đạo, muốn nêu cao công đức tận trời xanh, muốn mở rộng điển chương của thánh giáo nên thỉnh trẫm soạn bài tựa cho kế Thánh giáo.

Từ khi thánh tổ quy tiên, trẫm đau buồn khôn xiết, ngoài việc chánh sự chẳng muốn lưu tâm việc gì. Nay đã mãn tang để tâm lại lời u huyền, dù từ nhỏ được nuôi dạy cẩn thận nhưng hiềm nỗi tài trí thấp hèn thì làm sao thấu tận bến bờ của pháp giới, làm sao tỏ rõ ngõ ngách nơi cửa không. Nay chỉ lược nêu đại ý mong không phụ lòng mọi người. Một vũng nước đọng đâu thể sánh với sóng cao vút trời xanh; chiếc roi một thước làm sao đo được bóng của trời thẳm. Nây viết đôi dòng là mong ghi lại thánh ân".

18. Đạo Nguyên soạn Truyền Đăng Lục.

Giáp Thìn: Đổi niên hiệu là Cảnh Đức. Tăng Đông Ngô là Đạo Nguyên gom tập những cơ duyên của các bậc Tông sư kể từ niên hiệu Khai Bình về sau kết hợp Bảo lâm Thánh trụ v.v... soạn thành Truyền Đăng Lục ba mươi quyển. Sư dâng cho vua, vua xem xong hết lời tán thán, liền sai Hàn lâm Dương Ức v.v... khắc bản, đồng thời vua viết lời tựa và cho lưu hành.

Mậu Thân: Đổi niên hiệu là Đại trung Tường Phù. Tháng sáu Thiên thư (sách trời) giáng xuống núi Thái sơn.

19. Vua xuống chiếu cho các châu huyện dựng Thiên Khánh quán:

Kỷ Dậu: Vua xuống chiếu cho các châu huyện dựng Thiên Khánh quán. Trước đây Dương Lệ ngủ trong phủ của Tương vương, nằm mộng thấy mình đến một đại điện, thấy có vị chân nhân mặc vương phục tay cầm ngọc khuê quay mặt về Nam. Trước mặt ông có cái bàn đặt cuốn

sổ ghi tên họ. Lệ thấy tên mình ở đầu sổ, nhân đó lạy xin tha mạng. Vị chân nhân liền chỉ một người và nói:

- Đây là Hòa Thiên Tôn, ngày sau sẽ làm ông chủ của người.

Lệ liền hỏi, Thiên Tôn cười đáp:

- Cách đây bốn mươi năm, ông công thành, ta danh cũng hiển.

Lệ ghi nhớ kỹ lời ấy. Đến khi Lệ được sung vào làm trong phủ Tương vương, nhân đó nói với mọi người:

- Ta thấy dung mạo của Tương vương ngày nay, chính là Hòa Thiên Tôn.

Khi Hoàng thượng lên ngôi càng về sau càng thích những đạo thuật thần tiên của Đạo gia.

Quý Sửu: Liêu đổi niên hiệu là Khai Thái. Sau đổi lại là Đại Khiết Đan.

Giáp Dần: Thiên Trúc Tam tạng Thi Pháp Hộ dịch Phật Cát Tường kinh hai trăm quyển. Tham chánh Triệu An Nhân v.v... nhuận văn.

Ất Mão: Vua xuống chiếu hủy và san định kinh của Đạo giáo, Phật giáo. Khu mật Vương Khâm Nhược cho Hóa Hồ kinh là di tích của Cổ thánh nên không bỏ. Vua lại xuống chiếu cho Vương Khâm Nhược thẩm định lại La Thiên Tiếu Nghi mười quyển và cho lưu hành.

Đinh Tỵ: Đổi niên hiệu là Thiên Hy. Cấm dân bỏ cha mẹ đi làm Tăng, Đạo sĩ.

Kỷ Mùi: Tháng chín, vua triệu tập cả Phật giáo, Đạo giáo ở điện Đại An, tất cả hơn mười ba ngàn người, rồi mở trai nghi. Vua đích thân đến dự và ban cho phẩm vật.

Nhâm Tuất: Đổi niên hiệu là Càn Hưng. Tháng hai, vua mất. Liêu đổi niên hiệu là Thái Bình.

20. Pháp sư Trí Viên ở Cô Sơn:

Pháp sư Trí Viên, tự là Vô Ngoại, người Cô Sơn, Hàng châu tự hiệu là Trung Dung Tử hay Tiềm Phu. Sư họ Từ, sinh ở Tiền Đường, cha mẹ cho xuất gia, tám tuổi thọ giới. Đến năm hai mươi mốt tuổi, Sư nghe Pháp sư Phụng Tiên Nguyên Thanh truyền yếu chỉ Thiên Thai tam quán liền đến cầu học. Hai năm sau, Nguyên Thanh tịch, Sư bèn trụ ở Cô Sơn, T6ay Hồ, học chúng đông không kể xiết. Sư thường giao du với Xử Sĩ Lâm Hòa Tĩnh. Lúc này Vương Khâm Nhược đi vỗ yên dân chúng ở Tiền Đường liền sai sứ đến thỉnh sư cùng đi. Sư cười bảo với sứ giả:

- Ở Tiền Đường đã có một vị Tăng trụ đó rồi.

Từ nhỏ sư bị bệnh bướu nên người ta thường gọi sư là bệnh phu

(anh chàng bệnh). Sư giảng đạo ngâm nga chưa từng biết mệt. Sư dạy trước môn nhân:

- Sau khi ta mất, đừng chôn cất linh đình mà làm ta có tội, đừng dựng tháp mà khoa trương ta, đừng xin người khác làm bài minh mà khen suông ta, chỉ nên chắp hai miếng áo quan lại mà đem chôn, dựng miếng đá ghi tên họ, ngày, tháng mà thôi.

Đến lúc sư tịch, môn nhân làm đúng lời sư dặn, đục một phiến đá ngay nơi sư ở và an táng sư, không dựng nhà mồ. Bấy giờ là ngày mười bảy tháng hai niên hiệu Càn Hưng năm đầu, Sư thọ bốn mươi bảy tuổi.

Mười lăm năm sau, do mưa gió sạt núi, môn nhân mở quách sư xem thì thấy nhục thân không rã, móng tay tóc dài thêm ra, miệng mỉm cười lộ rõ hàm răng như ngọc kha. Môn nhân bèn thay y áo mới cho sư, đốt hương lễ lạy rồi an táng sư lần nữa.

Sùng Ninh năm thứ ba, vua ban sư thụy là Pháp Tuệ Đại sư. Những tác phẩm do sư trứ tác gồm Bát-nhã kinh, Di giáo kinh sớ mỗi loại hai quyển và những bộ kinh sớ như Thụy Ứng kinh, Bất Tư Nghì Pháp Môn kinh, Vô Lượng Nghĩa kinh, Phổ Hiền Hạnh Pháp kinh, Di đà kinh, Tứ Thập Nhị Chương kinh chú mỗi loại một quyển. Thủ-lăng-nghiêm kinh sớ mười quyển. Sư còn soạn Xiển nghĩa sao ba quyển (Thích thỉnh Quan Âm Sớ); Sách ẩn ký bốn quyển (Thích Quang Minh Cú); San Chánh Ký (Thích Quán Kinh Sớ); Biểu vi ký một quyển (Thích Quang Minh Huyền); Thùy Dụ ký mười quyển (Thích Tịnh Danh Lược Sớ); Phát Nguyên Cơ Yếu Ký hai quyển (Thích Niết-bàn Huyền); Bách Phi Sao một quyển (Thích Niết-bàn Sớ Kim Cang Thân Phẩm Bách Phi Chi Nghĩa); Tam Đức Chỉ Quy hai mươi quyển (Thích Niết-bàn Sớ); Hiển Tánh Lục bốn quyển (Thích Kim Cang); Phủ Hoa Sao hai quyển (Thích Khuê Phong Lan Bồn Sớ); Tây Tư Sao một quyển (Thích Tự Tạo Di-đà Sớ); Di Mưu Sao một quyển (Thích tự tạo tâm kinh sớ); Cốc Hưởng Sao năm quyển (Thích Tự Tạo Lăng-Nghiêm Sớ); Chiết trọng sao một quyển (Thích tự tạo Văn-thù Bát-Nhã Sớ (Đại luận gọi là Chiết Trọng Linh Khinh); Chánh Nghĩa một quyển (Thích Thập Bất Nhị Môn); Nhàn Cư Biên năm mươi mốt quyển (Thi Văn Tạp Trứ) tác phẩm nhân lúc rảnh rỗi sư dùng thơ văn làm phương tiện hành hóa hữu tình.

Quý Hợi: Nhân Tông tên là Chân, con thứ sáu của Chân Tông, ông theo di chiếu lên ngôi. Hồi ấy, Chân Tông về già mới có con, vừa sinh ra Nhân Tông cứ khóc ngày đêm, có một đạo nhân có thể làm ông nín, Chân Tông liền mời vào. Đạo nhân vừa vào liền nói "Nín ngay! Nín ngay! Sao không cười như lúc trước đi". Nhân Tông nghe vậy nín

ngay. Hồi ấy Chân Tông thường cầu tự, Thượng đế thấy vậy hỏi các tiên: "Ai xuống trần gian" nhưng chẳng ai đáp cả, chỉ có Xích Cước đại tiên cười một tiếng rồi xuống đầu thai. Trong cung ai nấy cũng rất thích Xích Cước, việc ấy quả đúng như vậy. Ông lên ngôi mười ba tuổi, Lưu Thái hậu buông rèm thính chính. Ông trị vì bốn mươi hai năm, thọ năm mươi bốn tuổi, an táng ở lăng Vĩnh Chiêu.

Đổi niên hiệu là Thiên thánh, dùng lịch Sùng Thiên.

21. Thiền sư Thiện Chiêu ở Phần Dương:

Giáp Tý tám mươi mốt. Năm này Thiền sư Thiện Chiêu ở Phần Dương thị tịch. Sư họ Du, người Thai Nguyên, bẩm tính thâm trầm, không ưa trau chuốt, có chí lớn, tất cả chữ nghĩa không phải thầy dạy nhưng sư đều thông hiểu. Năm mười bốn tuổn, cha mẹ đều qua đời, một thân côi cút, Sư chán ngán cảnh đời, thế phát xuất gia. Sau khi thọ Cụ túc, Sư quảy gói du phương. Đến bất cứ nơi nào sư cũng không ở lâu, không thích du sơn ngoạn thủy. Có người chê sư là người không có tâm hồn. Sư nghe vậy than:

"Ôi! Quê mùa đến thế ư! Ngày xưa tiên đức đi hành cước chính là vì nguồn tâm chưa tỏ muốn cầu người quyết trạch mà thôi chứ đâu phải vì du sơn ngoạn thủy".

Sư tham vấn bảy mươi mốt vị Lão túc, tất cả đều thấu tỏ gia phong của họ. Sư thích nhất là luận về Tào Động, Vân Môn vì phái này nổi tiếng thiên hạ. Sư yết kiến Thiền sư Triệt, Sư làm bài kệ Ngũ Vị trình lên:

Truy tìm ngũ vị tất phải biết
Mảy may manh động liền sai biệt
Kim cang xuyên hợp nào ai hiểu
Chỉ tiếng quát kia là tột bậc
Nhướng mắt ba cõi liền yên tĩnh
Rung linh lại khiến chín châu về
Ngay trong mầu nhiệm cũng nâng đỡ
Nghĩ nghị đao gươm mất nhưng oai.

Triệt vỗ tay khen hay, nhưng cuối cùng sư vẫn nghi con cháu Lâm Tế ắt còn chỗ đặc thù khác nữa nên sau cùng sư đến yết kiến Thủ Sơn. Sư hỏi:

- Bá Trượng cuốn chiếu, ý chỉ thế nào?

Thủ Sơn đáp:

- Áo rồng phất lên hiện toàn thể.

Sư hỏi: Ý thầy thế nào?

- Nơi tượng vương đi bặt dấu chân.

Ngay câu nói này sư đại ngộ, liền đảnh lễ. Sư nói:

Đầm biết ngàn xưa trăng rỗng lặng
Ba phen gạn lọc mới hay ra.

Có người hỏi Sư:

- Thấy đạo lý gì mà chấp nhận ngay vậy?

Sư đáp:

- Chính là chỗ ta buông thân mạng.

Sư ở đây hầu hạ rất lâu, sau đó từ biệt Thủ Sơn đến vùng Tương, Hành. Thái thú Trường Sa là Trương Mậu Tông đưa ra bốn ngôi chùa nổi tiếng mời sư chọn ở. Sư chỉ cười và ban đêm trốn đi. Sư về phía Bắc đến vùng Tương Miến và trụ ở Bạch Mã. Thái thú Lưu Xương nghe danh sư liền đến yết kiến đồng thời lấy làm tiếc vì gặp sư quá trễ. Lúc bấy giờ Động Sơn, Cốc ẩn pháp hội đều bỏ không, học chúng ngầm bàn giao phó cho Sư. Thái thú mời sư chọn. Sư khoát tay nói:

- Tôi là tăng cơm áo đi hoài, truyền tâm tông của Phật không phải là việc nhỏ.

Thái thú thỉnh sư tất cả tám lần nhưng sư vẫn nhất quyết từ chối.

Năm Thuần Hóa thứ tư, Thủ Sơn thị tịch. Tăng tục ở Tây Hà tất cả hơn ngàn người đồng tâm dâng thư nhờ Sa-môn Khế Thông đi nghinh thỉnh sư về trụ trì viện Thái tử tại chùa Thái bình ở Phần châu. Sư vẫn đóng cửa không tiếp. Thông xô cửa bước vào mắng lớn:

- Phật pháp là việc lớn, lui tìm yên tĩnh là tiểu tiết, Phong Huyệt lo nên có lời sấm ký sợ rằng tông phong lụi tàn, may có tiên sư chống đỡ, nay tiên sư đã quy tịnh, ông là người có sức sao không ra gánh vác đại pháp của Như Lai, nay là lúc nào ông còn ngủ yên ở đây?

Sư nghe xong hốt hoảng ngồi dậy nắm tay Khế Thông nói:

- Chẳng phải ông thì tôi không được nghe những lời này, hãy mau thu xếp tôi đi ngay.

Đến Phần châu, Sư ngày đêm tĩnh tọa, chẳng ra khỏi cửa, như thế đến ba mươi năm. Tăng tục trong thiên hạ đều rất ngưỡng vọng sư, họ không dám gọi tên mà chỉ gọi là Phần Châu. Phần châu là xứ lạnh, vì vậy sư miễn tham vấn ban đêm.

Một hôm bỗng có dị tăng chống tích đến nói với sư:

- Trong pháp hội có sáu vị đại sĩ, sao không thuyết pháp?

Nói xong, vị Tăng ấy bay bổng lên không và đi mất. Sư liền ngầm ghi một bài kệ:

Dị tăng chống tích vàng
Đến Phần Dương thỉnh pháp
Sáu người thành pháp khí
Khuyến thỉnh hãy xiển dương.

Lúc bấy giờ, Sở Viên Thủ Chi là Thượng tòa, vang danh khắp chốn tòng lâm. Long Đức Phủ Doãn, Lý Hầu đều là bạn cũ của Sư, nghe thanh danh sư muốn đến thăm hỏi. Họ sai sứ đến thỉnh ba lần nhưng sư không đi. Sứ giả trở về bị trách phạt. Sứ giả đến tiếp và thưa:

- Lần này thỉnh thầy phải cùng đi, nếu không tôi quyết chết tại đây.

Sư cười nói:

- Bệnh già đã đến, không thể ra khỏi viện được, mà nếu đi thì cũng phải kẻ trước người sau, làm sau đi cùng được.

Sứ giả thưa:

- Chỉ cần thầy đồng ý, còn đi trước hay sau tùy ý thầy chọn lựa.

Sư sai người dọn cơm, sắp xếp hành lý. Thu xếp xong, Sư nói:

- Ta đi trước đây!

Nói xong, sư chống đũa an nhiên thị tịch, hưởng thọ bảy mươi tám tuổi, hạ lạp sáu mươi lăm hạ.

22. Vua sắc tứ cho giáo bộ của Thiên Thai được nhập tạng:

Bính Dần: Thiên thanh thứ tư, vua sắc tứ cho Giáo bộ của Thiên Thai tông được nhập tạng. Thị giả Tư Ngộ ở chùa Thiên Trúc đốt thân để báo đền ân nước. Tư Ngộ người ở Tiền Đường hồi ấy Từ Vân Vũ Công muốn xin giáo nghĩa của Đại sư Trí Giả được nhập tạng. Văn Mục Vương Công bẩm báo với triều đình. Tư Ngộ nghe và nói:

- Đây là việc phi thường, kẻ hèn này xin được giúp sức.

Sư bèn thêu tượng Đại bi, tụng chú và phát nguyện:

"Nếu việc này thành, con xin tự đốt thân để báo đền ân nước".

Từ khi Vân Vũ Công mất, Sư càng tinh tấn tụng chú và trong năm này, sư nhận được chiếu của vua, thế là sư đã toại nguyện.

23. Thiền sư Cảnh ở Đại Dương:

Sư tên Cảnh Huyền, trong niên hiệu Tường Phù vì tránh quốc húy nên đổi tên là Cảnh Diên. Sư họ Trương, quê ở Giang Hạ, tổ tiên của sư vốn sinh sống tại Kim Lăng. Bác của sư là Sa-môn hiệu Trí Thông trụ trì chùa Sùng Hiếu, Sư xuất gia thế phát tại đây. Năm mười chín tuổi, Sư thọ đại giới. Một hôm sư nghe giảng kinh Viên Giác Liễu Nghĩa và

hỏi Giảng sư:

- Sao gọi là Viên Giác?

Giảng sư đáp:

- Viên lấy viên dung hữu lậu làm nghĩa, Giác có nghĩa thấu biết cùng tận chẳng sót.

Sư hỏi:

- Làm rỗng rang tất cả "có" "không", cái gì gọi là Viên giác?

Giảng sư nghe vậy than:

"Người này tuổi còn nhỏ mà hiểu biết cao tột như vậy, thấy biết của ta thật không sao sánh kịp, chẳng khác nào thức ăn thiu đặt trong bình bát báu, lẽ đâu xứng chăng!".

Trí Thông biết Sư là bậc pháp khí liền khuyên sư đi du phương. Đầu tiên sư đến Đỉnh châu yết kiến Lương Sơn Quán Công. Sư hỏi:

- Thế nào là vô tướng đạo tràng?

Quán Công chỉ bức tượng Quán Âm trên vách nói:

- Đây là bức tượng do Sĩ Xử họ Ngô vẽ.

Sư suy nghĩ định thưa, Quán Công nói ngay:

- Cái này là hữu tướng, thế nào là vô tướng?

Sư nghe xong hốt nhiên tỏ ngộ ý chỉ, liền đảnh lễ rồi đứng hầu. Quán Công hỏi:

- Sao không nói thử một câu?

Sư đáp:

- Nói thì không ngại, chỉ sợ vẫn là trên giấy mực.

Quán Công cười nói:

- Ngày sau, lời này sẽ được khắc trên bia.

Sư liền làm bài kệ dâng cho Quán Công, kệ rằng:

Con xưa sơ cơ học đạo mê
Vượt núi băng sông tìm tri kiến
Rốt cuộc chẳng thấu cổ thông kim
Nói đến vô tâm càng nghi nặng
Nhờ thầy chỉ rõ gương thời Tần
Thấy được lúc cha mẹ chưa sinh
Ngày nay thấu tỏ đâu còn chấp
Đêm thả gà đen mang tuyết bay.

Quán Công nghe xong khen:

- Tông Tào động đã có người phó thác.

Sư tự đứng ra gánh vác, cả chúng hội chẳng ai dám thừa đương. Từ đó thanh danh của sư chấn động một thời. Quán Công mất, Sư đến

trước tháp đảnh lễ ra đi. Đến Đại Dương, Sư yết kiến Thiền sư Kiên, Kiên vui vẻ nhường pháp hội thỉnh sư chủ trì. Sư nhận lãnh pháp hội.

Trong năm Hàm Bình, Sư dạy chúng:

- Các ông hãy rỗng rang tâm địa, hãy trân trọng, hãy vô sở đắc tâm, hãy bình thường tâm, hãy lìa tâm bỉ ngã được vậy mới mong nhập đạo. Vì thế mà Cổ đức nói:"Thả trâu xuống suối Đông, không tránh khỏi ăn lúa mạ nhà quan; dẫn trâu xuống suối Tây cũng không tránh khỏi ăn lúa mạ nhà quan, chi bằng tùy phần mà thọ dụng chút phần chớ có ngần ngại, miễn đừng lao nhọc lăng xăng."

Vậy làm thế nào để được tùy phần thọ dụng chút phần? Chỉ cần dứt sạch các pháp "có" "không", tình phàm thánh sạch thì thể bày chân thường, sự lý chẳng hai tức như như Phật. Nếu làm được như vậy thì pháp pháp không chỗ gá nương, đạo lớn bằng phẳng, chẳng bị muôn pháp trói buộc, tùy xứ triển chuyển khôn cùng, như vậy còn việc gì nữa.

Sư là người kỳ vĩ, uy nghiêm, uyên bác. Mỗi ngày sư chỉ ăn một bữa, luôn để tâm trong việc truyền trao, chẳng ra khỏi pháp hội, chẳng bao giờ ngả lưng, cứ thế suốt năm mươi năm. Sư thọ tám mươi lăm tuổi, tăng lạp sáu mươi mốt hạ. Sư thường than không có người có khả năng kế thừa, bèn đem tông chỉ của Tào Động truyền cho Pháp Viễn con của Tỉnh Công Diệp Huyện, bảo Viễn tìm bậc pháp khí truyền trao.

Ngày mười sáu tháng bảy năm Thiên Thánh thứ năm, Sư thăng tòa từ biệt chúng. Ba ngày sau, Sư viết bài kệ gởi cho Thị lang Vương Thự rằng:

Ta nay tám mươi lăm
Tu nhân đến thế này
Nếu hỏi ta về đâu
Tướng đảnh trọn khó thấy.

Viết xong, Sư thả bút và thị tịch.

24. Giảng Sư Tứ Minh Pháp Trí:

Năm Mậu Thìn, Pháp sư Tứ Minh Diên Khánh Pháp Trí thị tịch. Sau, vào mùa đông năm Nguyên Phong thứ ba, pháp tôn của ngài là Kế Trung thuật lại hành trạng của ngài. Kế Trung nhờ Tống Thanh Hiến Công Triệu Biện soạn văn bia ghi lại hạnh nghiệp của ngài. Trong ấy đại lược nói:

"Ngài tên là Tri Lễ, tự là Ước Ngôn, họ Kim, gia thế sinh sống tại Minh châu. Tướng mạo ngài đoan nghiêm kỳ vĩ, bản tính điềm đạm,

hiểu biết cao rộng. Hồi ấy cha mẹ ngài đến chùa lạy Phật cầu tự, đêm mộng thấy Thần tăng dẫn đứa bé đến giao cho và nói: Đây là La hầu la, con của Phật đấy".

Do đó sau khi sinh cha mẹ đặt tên cho ngài là Ước Ngôn. Ngài xuất gia từ nhỏ, mười lăm tuổi thế phát, thọ giới. Năm hai mươi tuổi, ngài theo Pháp sư Bảo Vân Nghĩa Thông học giáo quán của Thiên Thai. Học đến ngày thứ ba, thủ tòa dặn ngài:

- Thứ lớp của pháp giới ông phải kính cẩn nhớ lấy.

Ngài hỏi lại:

- Thế nào gọi là pháp giới?

Thủ tòa đáp:

- Đó là pháp môn đại tổng tướng viên dung vô ngại.

Ngài hỏi:

- Đã viên dung vô ngại thì làm gì có thứ lớp?

Thủ tòa im lặng không đáp. Hơn một tháng sau, Sư tự giảng tâm kinh, thính chúng thảy đều thất kinh, ai nấy cho rằng giáo pháp từ nay đã có người thừa đương. Ba năm sau ngài thay thế Pháp sư Nghĩa Thông diễn giảng, đủ thấy sở học của ngài thâm sâu đến mức nào. Sau ngài trụ trì Thừa Thiên, rồi dời về Diên Khánh, đạo pháp ngày càng hưng thịnh, học chúng đông không kể xiết. Quốc sư của Nhật Bản phái hai mươi tăng nhân sang cầu pháp yếu, nhân đó ngài truyền trao tường tận diệu chỉ của tông môn. Chân Tông từ lâu đã nghe danh tiếng ngài liền sai sứ đến chùa thỉnh ngài lập đạo tràng sám pháp. Vua đãi ngộ ngài rất hậu. Năm ấy trời đại hạn, ngài theo nghi thức Quang Minh Sám pháp của Sám chủ Tuân Thức để cầu mưa, quả nhiên hiệu nghiệm vô cùng. Những tác phẩm do ngài soạn thuật như Chỉ Yếu Sao, Diệu Tông Sao, Quán Âm Phẩm Biệt Hành, Quang Minh Ký, Đại Bi Sám Nghi đều lưu hành ở đời. Hàn lâm Học sĩ Dương Ức, phò mã Lý Tuân Úc cúng dường Tử y và ban hiệu cho ngài. Sau đó ngài lập đạo tràng Quang Minh Sám, tu tập được bảy ngày, ngài thuận duyên thị tịch. Ngày mồng năm tháng giêng năm Thiên thánh thứ sáu, ngài kiết già an nhiên thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi, tăng lạp năm mươi bốn hạ.

25. Pháp sư Trường Thủy Tử Truyền:

Ngài sinh trưởng ở Gia hòa. Ban đầu theo Pháp sư Hồng Mẫn học Lăng-nghiêm, đến đoạn "tướng động tĩnh rõ ràng chẳng sinh" ngài hoát nhiên tỏ ngộ. Ngài nghe đạo pháp của sư Tuệ Giác ở Lang Da nổi tiếng đương thời, liền tìm đến pháp hội của Tuệ Giác. Vào chùa xong, ngài

lên thẳng pháp đường và hỏi:

- Thanh tịnh rỗng rang sao bảo là bỗng sinh ra sơn hà đại địa?

Tuệ Giác lớn tiếng quát:

- Thanh tịnh rỗng rang sao bảo là bỗng sinh ra sơn hà đại địa?

Ngài hoát nhiên đại ngộ. Tuệ Giác nói với ngài:

- Tông của ông không hưng thịnh lâu dài, nên dốc sức truyền trì để báo ân chư Phật.

Ngài lãnh thọ lời ấy, sau trụ ở Trường Thủy, học chúng có đến ngàn người. Ngài dùng diệu chỉ của tông Hiền Thủ thuật Lăng-nghiêm kinh sớ mười quyển. Tác phẩm này còn lưu hành ở đời.

Nhâm Thân: Đổi niên hiệu là Minh Đạo. Liêu Chân Tông lên ngôi lấy hiệu là Hưng Tông, đổi niên hiệu là Cảnh Phước.

26. Sám chủ Từ Vân Tuân Thức:

Ngài họ Diệp, tự là Tri Bạch, người ở Ninh Hải, Thai châu. Mẹ ngài họ Vương, nhân thấy mình nuốt hạt minh châu, sau đó sinh ra ngài. Lớn lên, ngài không thích theo anh làm lái buôn mà trốn qua núi Đông Dịch xuất gia. Năm hai mươi tuổi, ngài đến Tòng lâm thọ đại giới, năm sau học luật với ngài Thủ Sơ. Ngài vào chùa Quốc thanh, đứng trước tượng Phổ Hiền đốt một ngón tay nguyện sẽ hoằng truyền giáo quán của Thiên Thai.

Năm Ung Hy, ngài đến yết kiến Đại sư Tứ Minh, lạy Tứ Minh làm thầy và học hỏi. Không bao lâu sau, kiến giải của ngài siêu quần xuất chúng. Trong ngày húy kỵ của Đại sư Trí Giả, ngài đốt liều trên đỉnh đầu nguyện sẽ trọn đời dốc sức hoằng truyền giáo quán, tu tập bốn môn Tam-muội.

Đầu năm Thuần Hóa, chúng thỉnh ngài trụ trì Bảo vân. Ngài giảng kinh thuyết pháp chưa từng ngơi nghỉ. Dấu tích linh dị của ngài có chép đủ trong hành trạng.

Ngày mười tám tháng mười, niên hiệu Minh Đạo năm đầu, ngài nhuốm bệnh nhưng chẳng dùng thuốc thang chỉ nói pháp và khuyên đồ chúng. Mười ngày sau, ngài sai thỉnh tượng Di-đà đến chứng minh trong giờ lâm chung. Đêm ấy, ngài kiết già an nhiên thị tịch. Thọ sáu mươi chín tuổi, tăng lạp năm mươi hạ.

Ngày mồng bốn, tháng hai năm sau. Đồ chúng nghinh thỉnh nhục thân ngài an táng dưới chân núi Nguyệt quế ở phía Đông chùa Bảo vân.

Quý Dậu: Độ ba ngàn Tăng, Ni. Liêu đổi niên hiệu là Trùng Hy.

Giáp Tuất: Đổi niên hiệu là Cảnh Hựu. Tháng sáu, vua hạ chiếu hủy bỏ chùa viện không có bảng hiệu (sắc tứ).

Bính Tý: Vua hạ chiếu chọn năm mươi đồng tử học tiếng Phạm.

27. Vua soạn bài tựa trong Quảng Đăng Lục:

Vua soạn bài tựa trong Quảng Đăng Lục và tặng cho Hộ quốc Tướng quân Tiết độ sứ Phò mã Đô úy Lý Tuân Úc. Trong ấy ghi:

“Đấng đại hùng xiển dương giáo pháp lấy thanh tịnh làm tông, từ bi cứu thế, cởi bỏ sự trói buộc của phiền não thống khổ, mở ra cửa ngõ phương tiện, an trụ nơi Tuyết sơn, đạo tràng khắp Tây Vực, lưu nhập trong triều đình, hoằng truyền khắp Đông độ. Những người đắc đạo ở xứ ấy, thật không đếm xiết, xứ này nhờ vậy mà đạo pháp xương minh. Dù ma ngũ ấm trá hình dối lừa, hoặc hiện thần thông, nhưng nhờ Đế Thích thường để tâm hộ trì khiến cho thật tướng không mảy may khiếm khuyết. Từ lúc truyền trao pháp nhãn, Tôn giả Cúc-đa ấn tâm, y của Phật không truyền xuống nữa. Đến khi Lục tổ đốn ngộ, Ngưu đầu phân dòng, nối tiếp ngàn ngọn đèn sáng mãi khôn cùng, kể từ đó đuốc tuệ rạng soi, mây pháp giăng tỏa, cùng học Phạm âm, chuyển dịch Hoa ngữ, mở toang cửa thiền, vạch ra đường giác. Người liễu đạt rốt cùng lìa niệm, người siêu xuất rốt cuộc quên nơm, tỏ ngộ được điều chưa thông, an trụ trong quả vị bất tư nghì. Nhiều đời Thánh đế minh vương thảy đều tín tâm thú hướng. Thái tổ ta thừa nghiệp lớn, vương pháp truyền mãi ở đời. Thái Tông ta lên ngôi cúng dường không biết bao diệu phẩm. Chân Tông Hoàng đế mật khế tâm Bồ-đề, nghiền ngẫm diệu chỉ của Thế Tôn, giáo pháp của Đấng Năng Nhân thấm nhuần khắp đại địa, tâm của người ngoại hộ hỷ xả đầy đủ. Trẫm nối muôn nghiệp, chăm sóc muôn dân như con, đưa muôn dân đến bến bờ giàu sang, phúc thọ; đặt họ trong kỷ cương, thờ phụng Thế Tôn, đắp xây nghiệp lớn. Tuy bàn thế sự quốc gia nhưng vẫn dẫn dắt họ đến bờ an lạc, dù kính phụng Phật kinh nhưng vẫn tuân theo đạo của Tiên đế. Như vậy lẽ nào còn có chỗ sơ suất ư?

Thiên Thánh Quảng Đăng Lục là tác phẩm do Hộ quốc tướng quân Tiết độ sứ Phò mã đô úy Lý Tuân Úc biên soạn. Tuân Úc là người có chức tước ở triều đình, có học vấn trong thiền môn, là người không cậy sang mà kiêu ngạo, biết đặt mình trong khoáng đạt, biết thuận thời lập chí tu thân, vốn thích tích chứa phước thiện, gội rửa sáu căn trong trần tình. Ông quy thú Tam thừa, gom tập ngữ lục chư tổ, mở rộng tông phong; chọn những cơ duyên khai hóa của bậc khai sĩ; gom những lời

ứng đối nhiệm mầu ở Tòng lâm cứu xét sự lý, biên tập hết trong tác phẩm này. Ông đã từng tấu bên bệ rồng, ân cần xin trẫm viết bài tựa. Trẫm thành thật tán dương nhưng chưa kịp hạ bút. Nghĩa là diệu chỉ của Đấng Bạt-già-phạm, thật là chỗ dựa cho sinh linh, gần hơn nữa là hoàng thân quốc thích. Trẫm không ngại tài hèn, tán thán ngợi khen, hạ bút ban bài tựa. Đề mục bộ Lục đâu phải đúng suông, đó cũng là nên tảng cho đế vương cứu tế muôn vật".

Bộ Lục này gồm ba mươi quyển.

Đinh Sửu: Tháng tư năm Cảnh Hựu thứ ba, vua ban bài tựa. Đến tháng bảy có mấy trăm ngôi sao từ hướng Tây nam bay xuống vách phía Đông, sáng rỡ như đuốc, chiếu thẳng xuống đất, một luồng khí đen cao hơn một trượng từ điện bay lên. Tháng mười hai, các châu như Định, Tương, Đại Tinh, Hân v.v... ở kinh sư đều động đất. Trong đó Đại châu và Tinh châu đều bị thiệt hại nhân dân, nhà cửa mà Hân châu là bị nặng nhất, đất đè chết hơn mười chín ngàn người. Nhân dân lâm vào cảnh màn trời chiếu đất. Từ đó có lúc động đất xé toạc cả suối, lửa từ dưới đất phun lên y như cát đen, kéo dài đến cả năm không dứt.

Mậu Dần: Đổi niên hiệu là Bảo Nguyên. Tháng mười hai năm này Nguyện Hạo tiếm hiệu là Đại Hạ, đổi niên hiệu là Đại Khánh.

Kỷ Mão: Mùa thu tháng tám, có lệnh cấm không cho nấu vàng để phết tượng Phật.

Canh Thìn: Tây Hạ vào kinh cướp phá.

Tân Tỵ: Mùa xuân tháng hai có mưa thuốc (nước là thuốc trị bệnh).

28. Thiền sư Từ Minh Sở Viên:

Ngày năm tháng giêng năm này, Thiền sư Từ Minh Sở Viên thị tịch. Sư họ Lý, sinh trưởng tại Thanh Tương, Kim châu. Thuở nhỏ vốn là thư sinh, năm hai mươi hai tuổi Sư đến chùa Ẩn Tích ở Tương Sơn, Thành Nam xin xuất gia. Mẹ sư là người đức hạnh, khuyên sư nên du phương. Sư dung mạo rất đẹp, lông mày dài, mắt sáng, cao ráo, học thức cao, nhưng bỗng nhiên xem thường phép tắc, Sư đến đâu cũng bị những bậc tôn túc quở trách, cho Sư là người không có oai nghi. Sư cười nói:

- Cú đạp của long tượng, sức lừa không kham nổi.

Có lần sư gói ghém đủ thứ tạp nhạp trong một cái rương rồi dùng gậy trúc quảy đi. Sư đến vùng Tương Miến kết bạn với Thủ Chi, Cốc Tuyền rồi cùng vào Phần Dương. Sư nghe đạo pháp ở Phần Dương nổi tiếng đứng đầu thiên hạ, liền quyết chí đến cầu pháp. Lúc bấy giờ,

triều đình đem binh vấn tội Hà Đông, Lô Trạch. Nơi nơi đều có quân binh trấn giữ nghiêm ngặt, rất nhiều người khuyên Sư không nên đi. Sư không nghe, liền vượt Đại Hà lên Thái Hành, thay đổi y phục như kẻ phục dịch, mạo xưng là quân trong hỏa đội. Sư dãi nắng dầm mưa đến được Long châu, rồi thẳng đến Phần Dương. Chiêu Công biết được hết lời ngợi khen Sư. Nhưng đã hai năm mà chẳng cho Sư vào thất thưa hỏi. Sư đến Chiêu Công (Thiện Chiêu) bày tỏ chí nguyện đều bị Thiện Chiêu mắng chửi thậm tệ hoặc chỉ nghe Thiền sư chê bai những vị khác, nếu có dạy bảo cũng toàn dùng những lời thế tục thô bỉ.

Một hôm, Sư trách:

- Từ ngày đến pháp hội đã mất hai năm rồi, chẳng được chỉ dạy, toàn làm tăng tưởng niệm thế tục trần lao, ngày tháng qua nhanh việc mình chẳng sáng, thật uổng công xuất gia...

Sư nói chưa hết, Thiện Chiêu trừng mắt nhìn sư mắng:

- Ngươi là kẻ ác tri thức dám chê trách ta.

Thiện Chiêu cầm trượng đuổi đánh. Sư toan la lớn cầu cứu, Thiện Chiêu liền bịt miệng Sư. Sư hoát nhiên đại ngộ, thưa:

- Mới biết đạo của Lâm Tế vượt ngoài thường tình.

Sư ở lại hầu hạ bảy năm. Sau đó từ biệt Thiện Chiêu đến y chỉ Đường Minh Tung Công. Kế đó đến yết kiến Đại Niên Dương Nội Hàn, sau đó lại đến yết kiến Lý Đô Úy. Cơ duyên hỏi đáp có ghi đủ trong hành trạng của Sư. Về sau, Sư qua trụ ở Hưng hóa, rồi tắm rửa từ biệt chúng, kiết già thị tịch, thọ năm mươi bốn tuổi, tăng lạp ba mươi hai hạ.

Quý Mùi: Tháng mười một, năm ngôi sao xuất hiện ở hướng Đông, Tư Thiên Giám tâu rằng đó là điềm trong nước đại an.

Giáp Thân: Tháng mười hai, Nguyên Hạo hạ chiếu cho Sách Hạo là Quốc chủ nhà Hạ và đổi tên là Nang Tiêu.

29. Thiền sư Dương Kỳ Phương Hội: (Bính Tuất)

Năm này, Thiền sư Dương Kỳ Phương Hội thị tịch. Sư họ Lãnh, quê ở Nghi Xuân, Viên châu. Thuở nhỏ, Sư thông minh, nhanh trí, ứng đối rất nhanh và hợp đạo lý. Lớn lên, Sư không thích theo nghiệp bút nghiên, mạo danh là thương thuế bị Chưởng Khóa Tối bắt tội, do không có chức vị nên bị phạt tội, đang đêm sư trốn đi, Sư đến Cửu Phong, Quận châu. Sư bàng hoàng như mình đã đi qua nơi này rồi, quyến luyến chẳng muốn rời xa. Sư liền xin thế phát xuất gia, ngày ngày xem kinh nghe pháp, tâm khai thần sáng, thường khiêm cung nhún nhường, tham

vấn các bậc lão túc. Hồi ấy, Từ Minh ở Nam Nguyên, Sư tận tâm hầu hạ. Đến khi Từ Minh dời qua Đạo Ngô, Thạch Sương, Sư tự xin làm chức Giám viện. Dù không phải ý của Từ Minh nhưng đại chúng đều ủng hộ Sư. Sư là người giỏi cả văn chương, thâm nhập nghĩa thú nhưng lúc nào cũng làm như người ngu dốt, chọc giận Từ Minh, Thiền giả các nơi biết được đều cho là phải.

Từ Minh ăn cơm xong thường lên núi đi kinh hành. Thiền giả đến tham vấn thường không biết đâu mà tìm. Sư biết Từ Minh chưa đi xa, liền đánh trống họp chúng. Từ Minh liền quay về trách sư:

- Tòng lâm nhỏ buổi chiều mà thăng tòa ư? Ông học đâu ra cái quy củ này?

Sư chậm rãi thưa:

- Phần Dương cho tham buổi tối lẽ đâu không đúng quy củ chăng. Từ Minh không bằng bên ấy là sao vậy? Nay Tòng lâm ngoài giờ tụng niệm xong thì vẫn được tham vấn, đó là lẽ đương nhiên thôi.

Sư từ biệt Từ Minh về lại Cửu Phong. Đạo tục huyện Bình thật đều thỉnh sư Trụ trì Dương Kỳ. Hồi ấy, Trưởng lão Cần Công ở Cửu Phong không biết sư. Nghe sư về ở Dương Kỳ, Cần Công thất kinh hỏi:

- Giám tự Phương Hội mà cũng biết thiền ư?

Sư nhận lời mời, vấn đáp xong. Sư nói:

- Còn hỏi gì nữa không? Thử bước ra vấn đáp đi! Hôm nay tánh mạng của Dương Kỳ này nằm trong tay các ông, phải một phen xô ngã được, vì sao như vậy? Đại trượng phu phải đối trước chúng mà quyết trạch, chớ có giấu kín im lặng như nước trong lòng đất, phải lắc mạnh hồ lô xem! Đại chúng hãy trắc nghiêm đi, có không! Nếu không thì Dương Kỳ này chẳng có chút lợi ích rồi.

Sư nói xong, xuống tòa. Cần Công liền nắm đứng lại nói:

- Hôm nay có một kẻ đồng tham.

Sư hỏi:

- Đồng tham việc gì?

- Dương Kỳ dẫn dắt, Cửu Phong nghiêng ngã.

- Vào lúc nào thì Dương Kỳ trước mắt, Cửu Phong ở trước mắt?

Cần Công không đáp được, bèn buông sư ra nói:

- Nói là đồng tham nhưng hóa ra không phải.

Từ đó danh tiếng của sư vang dội khắp nơi. Sư dạy chúng:

- Không thấy một pháp là lỗi lầm to.

Sư đưa trụ trượng lên nói:

- Xuyên thủng lỗ mũi ông già Thích-ca, làm sao nói được một câu

để thoát thân, đến chỗ có nước chẳng rửa nước, hãy nói một câu xem!

Giây lâu, Sư nói:

- Nhắm tới chớ đi đường dưới núi, được nghe vượn hú tiếng đoạn trường.

Năm Khánh Lịch thứ sáu, Sư dời qua trụ tại Vân Cái, Đàm Châu đem mạng mạch của Lâm Tế truyền cho Thủ Đoan.

Mậu Tý: Văn Lộ Công đánh phá Cụ Châu Vương Lang, do không giết chóc nên được kéo dài tuổi thọ đến chín mươi ba tuổi, địa vị của ông cao nhất trong hàng bề tôi.

30. Thiền sư Ngôn Pháp Hoa:

Không ai biết Sư từ đâu đến. Đầu tiên người ta gặp Sư tại thất Câu-lô trong chùa Cảnh Đức. Tướng mạo sư kỳ vĩ, nhìn chẳng nháy mắt, miệng thường nói "Thương thay! Thương thay!" nhưng chẳng ai hiểu Sư muốn nói gì. Tương truyền, do Sư trì tụng kinh Pháp Hoa nên người ta gọi sư là Ngôn Pháp Hoa. Sư thường vân du một mình, hay vào trong chợ búa, cứ vén áo lên mà đi, có khi đưa tay viết gì đó trong hư không, hoặc đứng im rất lâu. Sư thường giao du với bọn đồ tể, ăn uống chẳng cần chọn lựa, tăng tục thường xem Sư là ông tăng điên.

Thừa tướng Lã Hứa hỏi sư về đại ý Phật pháp. Sư đáp:

Xưa nay không một vật
Một vị trọn thành chân.

Có vị Tăng hỏi Sư:

- Trong đời có Phật không?

Sư đáp:

- Trong chùa có Văn-thù

- Sư là phàm hay thánh?

Sư giơ hai tay lên nói:

- Ta không trụ ở đây.

Chí Hòa năm thứ ba, Nhân Tông cảm thấy không vui vì chưa có người nối ngôi, thiên hạ lo lắng. Gián quan Phạm Trấn là người đầu tiên khởi xướng đại nghĩa, tìm chọn người hiền tài trong tông thất để sau này nối ngôi, còn kẻ khác cho đi nơi khác trấn giữ. Nếu không làm vậy thì Điển Túc Vệ Doãn Kinh Ấp là người đang được thiên hạ ngưỡng vọng, Tinh châu Thông Phán Tư Mã Quang cũng có ngỏ ý. Hiện có ba tấu sớ đã dâng, một tấu cho vua giữ, hai tấu còn lại giao cho Trung thư. Ban đêm, nhà vua đốt hương thầm khấn:

"Ngày mai, trẫm sửa sang điện đường, thiết trai thành tâm thỉnh

Pháp Hoa Đại sĩ, cúi xin Đại sĩ quang lâm, đừng từ chối.

Sáng sớm hôm sau, nhà vua mặc đạo phục đứng chờ. Ngay lúc ấy, thị vệ chạy đến bẩm:

- Pháp Hoa vào từ cửa bên phải đi thẳng vào tẩm điện, thị vệ ngăn không được.

Vua cười nói:

- Trẫm mời ông ta đến đấy.

Lát sau sư đến, lên thẳng ngự sàng ngồi kiết già. Thọ trai xong, Sư sắp đi, nhà vua thưa:

- Trẫm lo vì chưa có người kế vị, quần thần đều bàn ra bàn vào. Trẫm ngày đêm lo lắng không biết có ai để truyền ngôi không, xin Đại sĩ quyết đoán cho một phen.

Sư liền kéo giấy mực tới, viết liền đến mười mấy hàng hai chữ "Thập tam" rồi vứt bút và không nói gì cả. Ai nấy đều không hiểu sư muốn nói gì. Sau đó Anh Tông lên nối ngôi. Anh Tông là con thứ mười ba của Bộc An Ý Vương. Lúc bấy giờ, ai nấy mới hiểu ngày trước Sư muốn nói gì.

Ngày hai mươi ba tháng mười một năm Gia Hựu, Sư sắp tịch bèn nói với mọi người:

- Từ vô lượng kiếp đến nay, ta đã làm xong việc phân thân giáo hóa ở quốc độ Thệ-đa. Nay ta phải về Nam đây!

Nói xong, Sư nằm nghiêng bên phải mà tịch.

31. Lý Cấu để tâm đến sách Phật:

Kỷ Sửu: Tháng chín, Nùng Trí Cao làm loạn ở đất Quảng. Năm năm sau, Địch Thanh bình định giặc loạn.

Lý Cấu tự là Tần Bá, người Hu Giang, tự xưng là Đại nho từng viết sách ngầm ra sức bài xích Phật giáo. Hòa thượng Minh Giáo Tung liền dẫn những tác phẩm do mình viết gặp thẳng Lý Cấu để biện minh. Lúc này, Lý Cấu mới tỉnh ngộ và để tâm đến kinh điển. Lý Cấu bùi ngùi than:

"Bọn ta luận nghị vẫn chưa bằng một quyển tâm kinh. Giáo pháp của Phật lẽ đâu dễ dàng nhận biết được ư?. Tâm kinh chính do Đường Thái Tông hạ chiếu thỉnh Tam tạng Huyền Trang chuyển dịch, chỉ có năm mươi bốn câu, hai trăm sáu mươi bảy chữ mà thôi. Lời của Tần Bá nói, không phải là lời khẳng định, lẽ đâu có thể chỉ có như thế thôi sao?!

Uyển Văn Chánh Công dâng biểu tiến cử ông với vua. Trong cung

vốn thiếu chức quan Thái học, vua muốn ông giữ chức ấy để đọc sách, nhưng sau đó không lâu thì ông mất.

32. Thiền sư Pháp Viễn ở Phù Sơn:

Năm này Thiền sư Pháp Viễn ở Phù Sơn thị tịch. Sư họ Vương, người Trịnh phố. Mười chín tuổi, Sư đến Tinh châu yết kiến Thiền sư Tam Giao Tung Công cầu pháp xuất thế. Tung nói:

- Ông phải thế phát quy y Tam bảo trước đã, sau mới có thể nhận lãnh pháp yếu.

Sư hỏi:

- Pháp có tăng tục sao?

Tung đáp:

- Giống như ông thế này là tục, đâu được là Tăng. Vì Tăng thì mới có thể tiếp nối thọ mạng của Phật được.

Thế rồi sư thế phát thọ giới, yết kiến Phần Dương Chiêu Công; sau lại yết kiến Nhữ Hải Tỉnh Công và đều thọ nhận được thiền ý. Trong năm Thiên Gia, Sư đến Tương, Hán, Tùy, Trình. Sau đến Đại Dương, cơ phong khế hợp với Minh An Diên Công. Diên than:

- Ta già rồi, tông phong Tào Động rốt cuộc không người tiếp nối.

Thế rồi Diên Công đem hết sở đắc của mình tận tâm chỉ bày cho Sư. Sư nói:

- Thầy cứ trao y bát, con tìm người truyền trao lại. Thầy thấy thế nào?

Diên Công đồng ý, nói:

- Ngày sau nếu ông tìm được người thì hãy lấy kệ của ta nghiệm xét. Kệ rằng:

Cỏ trước núi Dương Quảng
Nhờ ông chờ giá cao
Giống khác trong cỏ rậm
Rễ linh bám chắc sâu.

Diên Công nói tiếp:

- Người đắc pháp phải ở ẩn trong chúng mười năm, sau mới ra xiển dương.

Sư lãnh thọ lễ tạ rồi đi. Sư đến y chỉ với Lang Da Giác Công. Ứng Thư Chi thỉnh sư thuyết pháp tại chùa Thái Bình Hưng Quốc, làm người kế thừa của Tỉnh Công. Kế đó sư đến trụ ở Cô Tế, Thiên bình, sau trụ ở Phù Sơn. Về già, Sư lui về ở ẩn tại Hội Thánh Nham. Nghi dung của sư rất đẹp, trán cao, mắt sáng, diện mạo như Vương tôn, uy phong lẫm

liệt. Hồi ấy Âu Dương Văn Trung Công nghe sư là người kỳ tài phóng khoáng bèn tìm đến thất thăm. Âu Dương rất lấy làm lạ khi gặp được sư, thấy sư đánh cờ với khách, Âu Dương thu lấy bàn cờ, rồi thỉnh sư lấy cờ làm đề tài thuyết pháp. Sư đánh trống họp chúng thăng tòa nói:

- Nếu luận về việc này cũng giống như hai người đánh cờ. Vì sao vậy? Bởi vì địch thủ biết rõ, xuống tay chẳng nhường nhịn. Nếu thoái năm tiến ba thì thông được một đường, như vậy mới tạm ổn, chỉ mở được cửa ngõ để sống sót, chứ chưa biết đoạt lấy cửa ải quân bình. Khí tiết mạnh mẽ và miệng cọp đều hiện rõ ràng. Sau khi phá được thế cờ thật uổng phí tài cao. Vì thế nên nói "Người mập dễ kiếm, kẻ ốm khó tìm". Suy nghĩ hành động thường thường đánh mất cái miên mật; tâm thô tháo thì thường thường xung đột, được nghỉ thì khoa trương tài cán, vọng nói thần tiên, thắng thua trong ván cờ chẳng hỏi đến. Vả lại, lúc trắng đen chưa phân định thì rơi vào chỗ nào?.

Giây lâu, Sư nói tiếp:

- Từ trước mười chín đường, biết bao người mê ngộ.

Văn Trung càng thêm tán thán. Bài kệ của sư lời lẽ sâu kín, ai nấy đều khâm phục tài khéo léo của Sư.

Sư lại làm bài Tam Giao Tung Công tán rằng:

Vàng ròng nấu thành vòng xuyến nhẫn
Ngọc trắng mài ra lược ngà voi
Đại bi giơ ngàn tay chẳng động
Không lời đồng tử mịt mờ than.

Sư lại làm bài minh An Huyền Công tán rằng:

Chó đen trâu trắng toát (lấp lánh)
Voi trắng đạp Côn lôn
Ở đây đều vô ngại
Ngựa gỗ hý trong lò.

Lúc mất Sư đã hơn bảy mươi tuổi, thường tự xưng mình là Sài Thạch Dã Nhân (người quê mùa).

33. Vua hạ chiếu mời Thiền sư Hoài Liên trụ trì Tịnh Nhân viện: (Canh Dần)

Tháng giêng năm Hoàng Hựu thứ hai, vua hạ chiếu thỉnh Thiền sư Đại Giác Hoài Liên trụ trì Tịnh Nhân viện ở Đông đô. Sư họ Trần, quê ở Chương châu, nối pháp Thiền sư Phòng Đàm Trừng Công. Có lần sư tọa thiền trong thất bỗng thấy con rắn vàng từ đất chui lên, phút chốc ẩn mất. Ai nấy đều cho đó là điềm lành. Sư từng làm Chưởng Ký Thất

(Trông coi việc ghi chép sổ sách) cho Viên Thông ở Lô Sơn. Hồi ấy, Nhân Tông nghe danh Thiền sư Viên Thông Cư Nột liền hạ chiếu thỉnh ngài trụ trì Tịnh Nhân viện, nhưng ngài lấy cớ mắt mình bị bệnh nên không đi. Vua hạ chiếu cho ngài kiếm người thay thế, ngài liền thỉnh sư đi. Trước đây Nhân Tông đọc Ngữ lục của Đầu Tử đến đoạn:

"Tăng hỏi: Thế nào là trâu trắng nơi đất trống? Đầu Tử liền hét".

Nhân đó Nhân Tông liền tỉnh ngộ, liền làm bộ Thích điển tụng mười bốn chương. Thiên đầu tiên, vua viết:

Nếu hỏi chủ nhân ông
Chân tịch hợp hư không
Ba đầu cùng sáu tay
Tháng chạp có gió xuân.

Về sau, vua đem tặng cho Sư. Sư họa rằng:

Nếu hỏi chủ nhân ông
Vắng lặng tợ vách không
Khi sấm sét vây đánh
Trời đất trọn an hòa.

Sư dâng cho vua. Đêm sau, vua đọc ngay và ban cho sư bình bát long não. Sư tạ ơn vua, đặt bình bát xuống và nói:

- Phật pháp dùng thứ hoại sắc, như bằng đất nung, bằng thiết mà thôi. Bát này không đúng pháp.

Nói xong, Sư đem đốt. Trung sứ về bẩm lại với vua. Vua nghe càng vui mừng. Sau đó, Sư dâng bài tụng xin về núi, Sư viết:

Sáu năm hoàng đạo ở kinh kỳ
Hai lần lên điện phụng thiên uy
Núi xanh ẩn tích còn gì thích
Hoằng pháp trọn rồi thần xin đi.

Vua họa lại rằng:

Phật, Tổ người người thấu thượng cơ
Thượng cơ trọn vẹn mới toàn uy
Núi xanh Bát-nhã như như thể
Nay thầy muốn nhắm chỗ nào đi?

Sư dâng bài tụng tạ rằng:

Trung sứ truyền chỉ cho xuất cung
Lại cho thần trụ ở cửa thiền
Núi xanh chắc hẳn còn ngàn việc
Đầu bạc ích gì đến muôn cơ

Sương móc tan rồi mới vắng lặng
Suối rừng thiền vị khổ mà vui
Thâm ân Thánh thượng như trời rộng
Mặc tình mây bạc lững lờ trôi.

Đến niên hiệu Trị Bình, Sư lại dâng sớ xin về núi. Sư dâng vua bài kệ rằng:

Ngàn cụm mây trôi vạn suối tuôn
Núi kia trọn kiếp phó thác tâm
Đời sau bệ hạ vô cương thọ
Hương mầu xông tỏa khắp triều trung.

Sau, Anh Tông lên ngôi, hạ chiếu:

“Thiền sư Đại Giác Hoài Liên thọ mệnh Tiên đế chấn tích đến hoàng cung, nhiều lần dâng sớ chân thành xin lui về rừng núi. Nay trẫm theo sở nguyện của Sư, thỉnh sư về tịnh tu, bất cứ nơi nào sư thích dựng am viện để ở đều được cả, thiền lâm trong khắp nước không được ép sư ở lại”.

Sư chống tích về Đông. Hàn lâm Tô Thức biết Sư đến Hàng châu liền gởi thư thăm hỏi thư ghi:

“Hoàng thượng sai tôi soạn văn bia nơi khuê các, tôi đã soạn xong, nhưng hiềm nỗi sở học quá kém thật không kham nổi, chẳng biết Sư có thể hạ bút trên bia đá được chăng? Mai này xin ý kiến, xin được cùng sư bàn tiếp”.

Ngày Sư rời kinh đô, Anh Tông ban chiếu do chính tay mình viết. Trong chiếu ghi “Tùy ý trụ trì, nếu có điều sơ xuất, mong Sư ghi thư chỉ bày, trẫm mong Sư nhập kinh lần nữa.”

Sư cầm chiếu chỉ đi và giấu kín. Đến lúc sư tịch, đồ chúng xem trong tráp mới thấy. Chiếu chỉ giờ đây đã ngã màu không còn rõ như xưa nữa.

Tân Mão: Thế Tôn diệt độ đã được hai ngàn năm.

34. Thiền sư Trùng Hiển Tuyết Đậu:

Sư họ Lý, tự là Ẩn Chi, quê ở Toại châu, sinh ngày tám tháng tư năm Thái Bình Hưng Quốc thứ năm. Thuở nhỏ sư rất thông minh, đọc sách liền tinh thông, hạ bút thì thành văn nhưng có chí quy y cửa Phật, cha mẹ sư không cản nổi. Sư xuất gia thọ giới với Đại sư Nhân Tiễn ở viện Phổ An, Ích châu. Sau sư đi khỏi đất Thục, vân du đến vùng Kinh trữ, nhiều năm làm tri khách cho Đại Dương.

Một hôm, Sư cùng khách luận về tông chỉ của Triệu Châu. Khách

nói:

- Thiền sư Pháp Nhãn từng gặp Giác Thiết Tuy ở Kim Lăng. Giác là thị giả của Triệu Châu, được xưng là Minh Nhãn. Pháp Nhãn hỏi: "Cây bách của Triệu Châu, ông còn nhớ nhân duyên này không?" Giác nói: "Tiên sư không nói vậy, chớ hủy báng Tiên sư". Pháp Nhãn nói: "Quả thật là sư tử trong hang chui ra". Giác Công không nói lời đó nhưng Pháp Nhãn thì bảo ông ấy nói. Ý chỉ ấy thế nào?

Sư đáp:

- Tông môn hưng suy lẽ đâu có một quy tắc nhất định sao!

Lúc ấy có một người khổ hạnh tên là Hàn Đại Bá dáng người gầy đang đứng hầu bên cạnh nghe vậy liền che miệng cười. Khách về, Sư kêu Bá đến hỏi:

- Ta nói chuyện với khách sao ông dám cười chê. Vậy ông cười việc gì?

Bá đáp:

- Tôi cười vì tri khách có mắt sáng nhưng không biết trạch pháp.

Sư hỏi:

- Có việc ấy sao?

Bá đáp bằng bài kệ:

Con thỏ chạy ngang qua đường cũ
Chim ưng vừa thấy bắt sống ngay
Chó săn ngày sau không linh tánh
Cứ nhắm gốc khô chỗ cũ tìm.

Sư nghe rất lấy làm lạ, từ đó kết bạn với Đại Bá. Sư vân du lên mạn Bắc đến ngọn tháp phía Bắc Phục châu. Tộ Công là người nối pháp Hương Lâm là cháu của Vân Môn trụ trì ở đây. Tộ Công cũng là người đất Thục, tri kiến cao vời, cơ phong không ai lường nổi. Sư cũng là người thông tuệ nên Tộ rất thích, vì vậy Tộ giữ sư lại đây năm năm. Tại đây sư đã lãnh hội hết đạo phong của Tộ Công đồng thời kết thân với Học sĩ Tằng Công Hội. Hai người cùng đi Hoài nam. Tằng hỏi Sư:

- Bây giờ Sư đi đâu?

Sư đáp:

- Đến Tiền Đường, vượt qua Tây hưng lên thẳng Thai Nhạn.

Tằng nói:

- Linh Ẩn là thánh địa trong thiên hạ, Thiền sư San là bạn cũ của tôi.

Và Tằng gởi thư tiến cử sư đến đạo tràng Linh Ẩn. Sư đến Linh Ẩn sống trà trộn trong chúng ba năm. Ngày nọ, Tằng Công phụng sứ

đến Triết giang vào Linh Ẩn hỏi thăm sư nhưng chẳng ai biết sư, vì thiền đường Linh Ẩn hồi ấy đến hơn ngàn người. Tằng Công liền nhờ quan kiểm đơn, may ra tìm vật tùy thân để nhận biết. Lúc ấy, Sư đến Tằng Công hỏi ngay:

- Thế lá thư ấy thầy gởi cho ai?

Sư bèn lôi lá thư trong tay áo ra và nói:

- Thành ý của ông tôi xin ghi nhận, nhưng tôi là người hành cước chứ không phải người đưa thư.

Tằng Công nghe vậy, cười vang. Từ đó Thiền sư San rất kính phục sư. Pháp tịch của Thiền sư Thúy Phong ở Ngô Trung hồi ấy không người kế thừa. Sư đứng ra nhận lãnh. Ngày khai pháp, Sư nhìn khắp đại chúng rồi nói:

- Nếu luận về bổn phận chỉ cần gặp nhau chẳng cần lên tòa cao thế này làm gì!

Nói rồi, Sư đưa ta vẽ ngang một đường và nói:

- Các ông hãy nhìn theo tay của Lão tăng, vô lượng cõi Phật đồng thời hiện tiền, mỗi người các ông phải xem kỹ, nếu ai chưa phân được bờ mé thì không tránh khỏi vấy bùn dính nước.

Nói xong, Sư lên tòa, lại nhìn khắp đại chúng và nói:

- Trời người đều tụ tập, cùng nêu tỏ việc gì? Lẽ đâu nên chia chủ khách cùng nhau hỏi đáp? Mau gánh vác tông thừa, mở rộng tông môn, uy đức tự tại, đạp trên kim cổ, nắn đứng càn khôn. Ngàn thánh chỉ nói "tự biết", năm thừa đâu thể kiến lập. Bởi vậy, nên nói: Trước tiếng mà tỏ ngộ vẫn còn mê cái thấy biết, dưới lời mà thức tỉnh vẫn còn muội với thức tình. Các ông muốn biết tướng chân thật không? Chỉ cần trên thì không còn dính mắc, dưới chẳng thấy có mình thì tự nhiên chân thường hiện tiền, mỗi mỗi vách đứng cao đến ngàn nhận có biện minh được hay không? Chưa biện thì biện lấy, chưa minh thì minh lấy, biện minh được rồi thì mới cắt đứt dòng sinh tử, cùng ngồi ngôi Phật, Tổ; diệu viên siêu ngộ chính là lúc này, mới báo nổi cái ân chưa báo, mới giúp giáo hóa cái vô vi.

Sau sư về trụ trì ở Tuyết Đậu, tông phong hưng thịnh nổi tiếng thiên hạ, học chúng đua nhau quy tụ. Người ta gọi sư là người trung hưng tông phong Vân Môn.

Một lần sư chống trượng kinh hành, đại chúng đều đắp y nghênh đón. Bất chợt Sư hỏi: Có người hỏi Vân Môn: "Khi cây đổ lá rụng thì thế nào"?Vân Môn đáp: "Thể bày sắc vàng."Đó là Vân Môn trả lời cho tăng hay giải thích cho tăng?

Có vị Thượng tọa thưa:

- Đợi gã ấy có chỗ tỉnh ngộ thì nói ngay!

Sư nhìn kỹ vị Tăng ấy và kinh ngạc thốt lên:

- Chẳng phải là Hàn Đại Bá đó ư? Bá đáp:

- Gã ấy mù rồi!

Thế rồi sư sai đánh trống nhóm chúng, nói:

- Thượng tòa của tông Tuyết Đậu ngày nay chính là đại Thiện tri thức Đại Dương Hàn Đại Bá năm xưa. Ông từng ẩn tích mai danh cũng là muốn phát huy tông phong. Xin hãy lên tòa này.

Bá liền lên tòa. Có vị Tăng hỏi:

- Khi kiếm chưa rút khỏi vỏ thì thế nào?

- Ánh sáng thần chém gãy sừng trâu.

- Sau khi ra khỏi vỏ thì thế nào?

- Ngàn binh dễ kiếm, một tướng khó tìm, một tướng quả thật khó tìm!

Nói xong, Sư liền xuống tòa, cả chúng hội đều thất kinh. Sư diễn xướng tông phong, diệu ngữ của sư lan khắp tòng lâm.

Ngày mười tháng sáu năm Hoàng Hựu thứ tư, Sư tắm rửa xong, y áo chỉnh tề và nằm nghiêng thị tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, tăng lạp năm mươi hạ. Đồ chúng dựng tháp ngay trong núi, đệ tử đắc pháp có Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài.

Giáp Ngọ: Đổi niên hiệu là Chí Hòa, phong Khổng Nguyện là Diễn Thánh Công.

35. Thiền sư Đạo Long ở Hoa nghiêm:

Không ai biết Sư sinh trưởng ở đâu. Đầu năm Chí Hòa, Sư vân du đến Kinh sư tá túc trong chùa Cảnh Phước. Ban ngày sư đi xem chơi khắp kinh thành. Lúc về đến chùa thường đánh hai tiếng trống. Giám tự quở trách hoài nhưng sư chẳng bỏ. Đêm nọ, Sư về chùa nhưng không vô mà nằm ngủ ngay trước chùa. Đêm ấy Nhân Tông nằm mộng thấy mình đến chùa Cảnh Phước gặp con rồng nằm cuộn tròn trên đất. Nhân Tông kinh hãi tỉnh giấc. Ngay đêm đó, vua liền sai Trung sứ đến chùa xem sao. Thì ra có vị Tăng không biết tên họ là gì nằm ngủ khò trươc chùa. Sứ đánh thức sư dậy. Sư hoảng sợ. Sứ hỏi tên họ rồi về bẩm báo. Vua hỏi và sứ thưa:

- Ông ấy tên là Đạo Long.

Vua vui mừng nói:

- Quả là điềm lành.

Sáng hôm sau, vua triệu sư vào điện hỏi về tông chỉ, Sư đối đáp tận tường. Vua càng hoan hỷ, hạ chỉ cho sư ở tại viện Thiệu Châu trong chùa Đại Tướng Quốc. Vương tôn, quan lại nghe nói đều tranh nhau đến yết kiến sư. Sư chưa kịp dậy súc miệng mà bên ngoài người đã đông nghẹt. Vua thường dùng thi kệ xướng họa với sư nhằm bày tỏ ý đạo. Có khi thỉnh sư vào cung thưa hỏi rồi giữ ở lại trong cung. Vua đãi ngộ sư rất hậu và ban cho Sư hiệu là Ứng Chế Minh Ngộ Thiền Sư.

Thuở nhỏ Sư thờ Thạch Môn Triệt Công, thọ pháp yếu với Động Sơn. Về sau, Sư yết kiến Quảng Tuệ Liên Công. Quảng Tuệ muốn thế phát cho sư, liền bảo sư đem ghế lại. Sư nhấc ghế lại, Quảng Tuệ nói:

- Đạo thì ta có bài thơ về cái ghế này, ông lắng nghe, và Tuệ đọc.

"Để xuống liền thăng bằng".

Về sau, nhân lúc sư kể lại công án mà sư đã tỏ ngộ ở Thạch Môn. Quảng Tuệ nói:

- Điều mà Thạch Môn muốn chỉ bày như thức ăn trăm vị nhưng không làm người ta no. Về sau có người đốt hương, không muốn ngần ngừ nên bị y đốt cháy.

Nhân đó sư ở lại nối pháp Quảng Tuệ. Tính tình sư khoang dung, nhân hậu, không ưa trách phạt, thường dùng lòng từ đối xử khắp mọi người. Sau, Sư kiết già thị tịch thọ hơn tám mươi tuổi. Trời nóng bức nhưng bảy ngày sau nhục thân Sư vẫn còn mềm. Đồ chúng dựng tháp sư ở phía Đông chùa này.

Ất Mùi: Con của Hưng Tông nước Liêu là Hồng Cơ Đạo Tông lên ngôi, đổi niên hiệu là Thanh Ninh, trị vì bốn mươi sáu năm.

Bính Thân: Niên hiệu Gia Hựu năm đầu.

36. Thiền sư Đàm Dĩnh ở Đạt quán:

Ngày một tháng giêng năm Gia Hựu thứ năm, Thiền sư Đạt quán Đàm Dĩnh thị tịch.

Sư họ Khâu, sinh trưởng ở Tiền Đường. Năm mười ba tuổi, Sư xuất gia tại chùa Long hưng. Sư vốn là bậc Đại tăng thanh cao, mẫn tuệ. Không sách gì mà Sư không đọc, văn chương thi phú vượt khỏi ngôn ngữ phàm trần. Năm mười chín tuổi, Sư đến Kinh sư. Lúc này, Âu Dương Văn Trung Công ở tại Trường An, Sư có đến chuyện trò với ông ấy. Đầu tiên sư yết kiến Thiền sư Đại Dương Minh An. Sư hỏi:

- Tào Đông lập ra Thiên chánh quân thần là muốn chỉ việc gì?

Minh An đáp:

- Việc khi cha mẹ chưa sinh.
- Làm sao thể hội?
- Nửa đêm thấy rõ, sáng ra chẳng thấy.

Sư mờ mịt bỏ đi. Sư đến Thạch Môn yết kiến Thiền sư Cốc Ẩn Uẩn Thông, thuật lại lời của Thiền sư Minh An. Rồi hỏi:

- Ý thầy thế nào?

Uẩn Thông đáp:

- Đại Dương không nói không được, ngặt vì miệng hẹp, nói mãi chưa chắc hết. Lão tăng thì không như vậy.

Sư hỏi:

- Thế nào là việc khi cha mẹ chưa sinh?

Uẩn Thông đáp:

- Cái lỗ đít (phẫn kính tử).

Sư hỏi:

- Thế nào là nửa đêm thấy rõ, sáng ra chẳng thấy?

Uẩn Thông đáp:

- Mèo ngủ dưới khóm Mẫu đơn.

Sư càng nghi, ngay hôm đó đến thưa hỏi nữa nhưng vẫn không tỏ ngộ. Sư tự thề:

"Ta phải dùng tính mạng để cứu xét việc này, nếu không hiểu được trọn không rời núi".

Một hôm chúng làm công tác. Uẩn Thông hỏi:

- Hôm nay chở củi phải không?

Sư đáp:

- Vâng! Chở củi.

Vân Môn có lần hỏi:

- Người chuyển củi hay củi chuyển? Ông hiểu thế nào?

Sư không đáp được. Uẩn Thông chống trượng trước tòa cười nói:

"Việc này như người học viết, bắt chước viết theo được là khéo, không viết được là vụng. Vì sao như vậy? Vì chưa quên pháp mà thôi. Nếu có pháp chấp hãy tự đoạn đi. Ngay khi viết phải quên tay, tay phải quên tâm thì mới viết được".

Ngay đó, Sư thầm khế hợp ý chỉ. Giây lâu sư hỏi:

- Thạch Đầu nói: "Chấp sự vốn là mê, khế lý chẳng phải ngộ" đã nói khế lý sao lại bảo chẳng phải ngộ?

Uẩn Thông nói:

- Ông lấy câu này làm thuốc hay làm bệnh?

Sư đáp:

- Làm thuốc.

Thông quở:

- Ông lấy bệnh làm thuốc mà được ư?

Sư đáp:

- Sự như cái hộp đậy kín, lý như tên bay thẳng, đã hay lại càng hay mà vẫn cho là bệnh, thì thật không rõ được. Mượn cái hay ấy mà đi, chỉ dừng lại khi rõ Sự lý mà thôi, ý chỉ Tổ sư tri thức không đến được, dẫn sự lý mà được chăng? Vì vậy Thế Tôn nói: "Lý chướng ngăn chánh tri kiến, sự chướng thì tiếp nối sinh tử".

Sư nghe xong bỗng nhiên tỉnh mộng. Liền hỏi:

- Làm sao thọ dụng?

- Lời nói chẳng lìa hang ổ, lẽ đâu ra được trói buộc?

Sư than:

- Vừa mở môi miệng, ý tứ đã rơi đều là cửa chết, không phải là đường sống.

Sư từ biệt Uẩn Thông sang Kinh sư, tá túc tại khuôn viên của Phò mã Đô úy Lý Đoan Nguyện, ngày đêm hỏi đạo. Hồi ấy, hầu hết công khanh đều đến nghe sư luận nghị. Sư tùy cơ khai ngộ. Lý Đoan Nguyện hỏi Sư:

- Rốt cuộc có địa ngục hay không?

Sư đáp:

- Chư Phật nhằm trong cái không mà nói có, mắt thấy hoa đốm trong hư không, Thái úy nhằm trong có mà tìm không tay bắt bóng trăng trong nước. Đáng cười thay! Trước mắt thấy lao ngục mà không tránh. Ngoài tâm tìm thiên đường mà cũng muốn tìm mà lại không biết vui sợ có trong tâm thì thiện ác có thành cảnh. Chỉ cần Thái úy liễu ngộ tự tâm thì tự nhiên không còn nhầm lẫn.

- Làm thế nào để liễu ngộ tâm?

- Chẳng suy nghĩ tư lường thiện ác.

- Sau khi chẳng suy lường thì tâm về đâu?

- Xin mời Thái úy về nhà.

Sư vân du về Đông, đầu tiên trụ ở ngọn Hương Lô thuộc Thư châu. Sau trụ ở Nhân Thánh Thái Bình ở Giản châu, rồi qua Tuyết Đậu. Kế đó, Sư trụ ở chùa Long Du trên Kim sơn.

Đêm giao thừa năm Gia Hựu thứ tư, Sư sai thị giả đem thư đến cho Học sĩ Điêu Cảnh Thuần ở Dương châu. Thư ghi:

"Sáng mai tôi đi không rảnh để gặp ông, hãy giữ mình".

Cảnh Thuần mở thư xem, thất kinh nói:

"Phải làm sao đây? Chỉ biết phúc thư tiễn biệt mà thôi!"

Ngay đêm ấy, có người hầu đến báo Dương châu cầm thư đến thuyền và sắp cập bến. Sư vui vẻ sai đánh trống thượng đường, rồi nói lại ngọn nguồn tông sư xuất thế, cảm tạ, tán thán thiền tăng khắp tòng lâm, khuyên đại chúng tinh tấn tu hành đừng giải đãi. Sư nói:

- Ta đi xong, phải kiếm người hiền đức giám tự, bổ nhiệm dưới tòa.

Đọc xong thư của Cảnh Thuần, đại chúng dìu sư lên phương trượng. Sư ngồi kiết già, khoác tay bảo chúng đứng ra xa, lát sau sư thị tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, tăng lạp năm mươi ba hạ.

Kỷ Hợi: Âu Dương Tu chỉnh sửa xong Đường Thư. Dương Tu soạn thêm Ngũ đại sử bảy mươi bốn quyển, lược bỏ hết những việc của Phật giáo, Đạo giáo đã được ghi trong Cựu Đường Sử. Tiếc thay!

Canh Tý: Tháng sáu, Thừa tướng Tằng Công Lượng dâng vua bộ Đường Thư mới chỉnh sửa gồm hai trăm năm mươi quyển.

37. Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài:

Sư họ Trần, người Lạc Thanh, Ôn châu. Gia đình sư vốn làm nghề đánh cá. Mẹ sư nằm mộng thấy ngôi sao rơi vào nhà, quét ra thì ánh sáng chiếu khắp nhà, nhân đó bà mang thai. Đến khi sinh sư, điềm lạ càng nhiều.

Thuở nhỏ, Sư ngồi sau đuôi thuyền theo cha đánh cá. Cá bắt được, cha sư giao cho Sư xâu lại. Sư không nỡ xâu mà lén thả cá xuống lại. Cha sư nổi giận la trách, đánh đòn. Hoặc dùng lời ngon ngọt khuyên nhưng sư cũng vậy.

Lớn lên, Sư vào Kinh sư trú tại chùa Cảnh Đức, nhân thi kinh mà được xuất gia. Thời bấy giờ, có Ngôn Pháp Hoa là người không ai lường biết được. Một lần gặp sư trong chợ Ngôn Pháp Hoa vỗ vào lưng sư nói:

- Lâm Tế, Đức Sơn.

Đầu tiên, Sư yết kiến Thiền sư Kim Loan nhưng không khế ngộ. Sau sư yết kiến Diệp Huyện Tỉnh Công vẫn không khế ngộ. Sư vân du về Đông, đến Động Đình Thúy Phong. Nhân lúc gánh nước, đòn gánh gãy và ngộ được ý chỉ. Trùng Hiển ấn khả, cho sư là bậc kỳ tài. Sư từ giã ra đi, qua thời gian lâu nhưng không có tin tức gì. Có vị Tăng từ Hoài thượng đến và nói:

- Hoài đã ra hoằng hóa ở Thiết Phật rồi.

Trùng Hiển bảo tăng ấy đọc lại bài pháp ngữ đầu tiên. Tăng

đọc:

Nhạn liệng trong không
Bóng chìm đáy nước
Nhạn không có ý để dấu
Nước không có tâm giữ hình.

Trùng Hiển ngợi khen, cho rằng quả thật như mình. Trùng Hiển sai người đến thăm dò rồi mới dám dùng lễ như môn nhân. Thiền giả các nơi đều khâm phục sở ngộ sâu xa của Sư. Từ Thiết Phật đến Thiên Y, Sư dời pháp tịch tất cả năm lần, toàn là nơi rừng hoang lạnh lẽo. Sư đến đều lập ra tự viện. Về già, do có bệnh nên sư cất am ở tại Sam sơn, Trì châu. Đệ tử sư là Trí Tài ở núi Phật nhật, Hàng châu thỉnh sư về đó lo liệu thuốc thang. Bữa nọ, Trí Tài đi Cô Tư chưa về. Sư nhắn Tài về gấp. Tài về đến, Sư từ biệt chúng. Tài hỏi Sư:

- Giờ tịch đến rồi, thế nào là việc rốt ráo?

Sư đưa nắm tay lên khai thị, rồi nằm xuống xô gối mà tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, tăng lạp bốn mươi sáu hạ. Đồ chúng an táng sư ở núi Phật Nhật. Trong niên hiệu Sùng Ninh, vua sắc phong sư thụy là Chấn Tông Đại sư.

38. Âu Dương Tu Hỏi Việc Lâm Chung:

Quý Mão: Ngày hai mươi tám tháng ba, vua mất.

Trước đây, Âu Dương Tu từng làm quan ở đất Lạc. Một hôm, ông dạo ở Tung sơn, rồi để kẻ hầu ở nhà, một mình tha thẩn đi dạo. Ông lên đến một ngôi chùa trên núi, cửa chùa làm toàn bằng trúc. Ông dừng lại trước điện, chợt thấy bên cạnh có một lão tăng đang xem kinh, ông hỏi gì vị Tăng ấy chẳng muốn trả lời. Dương Tu lấy làm lạ bèn hỏi:

- Đạo nhân ở núi này lâu chưa?

- Rất lâu.

- Tụng kinh gì?

- Kinh Pháp hoa.

- Ngày xưa, những bậc cao tăng đến lúc mất đều nói cười rồi mới mất. Nhờ đâu có được như vậy?

- Do sức định tuệ mà thôi.

- Ngay hiện tại làm vắng lặng "có, không" phải chăng?

Vị Tăng cười nói:

- Người xưa niệm niệm đều ở trong định tuệ, lâm chung làm sao loạn được. Người nay niệm niệm ở trong loạn, lâm chung làm sao định được.

Dương Tu nghe nói thất kinh, bất giác ông quỳ xuống thành tâm tạ tội vì đã từng viết văn phỉ báng.

39. Thiền sư Thiên Bát Trùng Nguyên:

Sư họ Tôn, sinh trưởng ở huyện Thiên Thừa, Thanh châu. Nối pháp Thiền sư Thiên Y. Lộ công Văn Ngạn Bác làm tướng ra trấn giữ Ngụy phủ đã thỉnh sư trụ trì chùa Thiên Bát. Mùa hạ năm này, Sư từ biệt Ngạn Bác rồi thị tịch. Lúc trà-tỳ, khói bay lên quần quyện thành xá-lợi. Ngạn Bác cầm bình cầu nguyện, luồng khói ấy bay vào bình hóa thành xá-lợi đầy cả bình. Từ đó Lộ Công dốc chí vào kinh điển.

40. Anh Tông:

Giáp Thìn: Đổi niên hiệu là Trị Bình.

Anh Tông tên là Thự, cháu của Thái Tổ, con của Bộc An Ý Vương Nhượng. Ban đầu ông có tên làTông Thật. Nhân Tông không có con, lập ông làm Hoàng tử, ban tên là Thự. Hàn Kỳ, Tư Mã Quang lập ông lên ngôi. Ông lên ngôi năm ba mươi ba tuổi, mất năm ba mươi bảy tuổi, trị vì bốn năm.

41. Thiền sư Vân Phông Văn Duyệt:

Sư họ Từ, sinh trưởng ở Nam Xương. Năm bảy tuổi, Sư xuất gia tại chùa Long Hưng. Hình dung sư thấp nhưng khôi ngô, uyên bác. Năm mười chín tuổi, Sư vân du đến Giang hoài yết kiến Đại Ngu Thủ Chi ở Quân châu. Sư thấy am viện của Thủ Chi hoang tàn vắng vẻ như nhà trọ. Từ khi dừng chân ở đây, Sư thấy Thủ Chi ngày ngày đi vào thành thị, tối về đóng cửa nằm yên, Sư cũng chẳng lưu tâm đến. Một hôm sư gói ghém đồ đạc đi nơi khác. Lúc sắp đi, trời bỗng mưa to giữ chân sư lại. Thủ Chi thăng tòa nói:

- Mọi người tụ tập ở đây ăn rau cải, mà một cọng cải cũng đọa địa ngục như tên bắn.

Nói xong, Thủ Chi xuống tòa. Sư thất kinh, ngay đêm ấy đến trượng thất. Thủ Chi hỏi:

- Ông đến cầu việc gì?

Sư thưa:

- Cầu tâm pháp của Phật.

- Pháp luân chẳng chuyển, thực luân chuyển trước. Hậu sinh còn sức đuổi theo thanh sắc, sao không đi xin ăn cho chúng? Ta chịu đói không được đâu rảnh để nói pháp cho ông.

Sư không dám trái lời, liền xin đi khất thực. Lúc sư trở về, Thủ Chi đã dời qua ở Thúy nham, Tây sơn. Sư lại qua đó y chỉ Thủ Chi. Đêm nọ, Sư đến trượng thất. Thủ Chi hỏi:

- Ông lại muốn cầu tâm pháp của Phật nữa chăng? Ông không nhớ ta vừa mới ở nơi am thất mục nát, mưa dột, lại gặp phải tuyết lạnh ư? Ta ngày đêm mong ông đến gánh nước thổi cơm cho đại chúng, ta chịu lạnh không nổi, lẽ đâu có thể nói pháp cho ông nghe chăng?

Sư lại không dám trái lời liền vào thành xin than đốt đem về. Lúc này pháp hội thiếu người làm Duy na. Đêm ấy, Sư đến trượng thất. Thủ Chi nói:

- Phật pháp chẳng sợ tan thân, pháp hội nay thiếu một chức, phiền ông làm giúp cho.

Sư không nói không rằng bỏ đi ra. Hôm sau, Thủ Chi đánh kiền chùy nhóm chúng. Sư có ý không vui, muốn lạy tạ Thủ Chi đi nơi khác. Sư nghĩ mình lao nhọc ngần ấy thời gian ở đây mà chẳng học được gì. Tâm giận Thủ Chi không sao buông được. Sư ngồi bệt xuống trước giàn úp thùng, giàn bỗng nhiên đổ sụp, thùng gầu từ trên giàn rơi xuống, Sư hốt nhiên khai ngộ chợt thấy ra chỗ dụng tâm của Thủ Chi trước đây. Sư liền đắp y chạy thẳng lên phương trượng. Thủ Chi đón sư cười nói:

- Duy na sướng thật! Việc lớn đã xong rồi.

Sư đảnh lễ, vui mừng đến toát mồ hôi, chẳng thốt được lời nào. Sư ở lại hầu hạ Thủ Chi tám năm. Thủ Chi mất, Sư vân du về Đông đến Tam Ngô. Những tòng lâm mà sư đến tăng chúng đều rất kính phục. Trong đó Thiền sư Trùng Hiển Tuyết Đậu càng đặc biệt tôn kính sư. Mỗi lần nhóm chúng thưa hỏi, Tuyết Đậu thường thiết riêng một sàng tòa cho Sư, đủ thấy Tuyết Đậu cung kính sư đến dường nào.

Nam Xương sai người đến thỉnh sư trụ trì Thúy Phong, sau Sư dời về Vân Phong. Ngày tám tháng bảy năm Gia Hựu thứ bảy, Sư thăng tòa từ biệt chúng:

Trụ thế sáu mươi sáu năm
Làm tăng năm mươi chín hạ
Nếu thiền giả hỏi ý chỉ
Lỗ mũi từ trên hướng xuống.

Nói xong sư an nhiên thị tịch. Đồ chúng trà tỳ lượm được xá-lợi ngũ sắc và dựng tháp phía Bắc Vũ khê.

Bính Ngọ: Tháng ba, sao Chổi xuất hiện ở phía Tây. Năm Canh Thân, sao Thần xuất hiện trong tông thất, lớn như mặt trăng, rộng hơn bảy thước. Năm Đinh Tỵ, sao Hôm xuất hiện gần sao Mão, lớn bằng sao

Thái bạch, rộng một trượng năm thước. Năm Nhâm Ngọ, sao Bột xuất hiện gần sao Tất lớn như mặt trăng, năm ngày sau thì lặn mất. Tháng giêng năm sau, vua mất tại điện Phước Ninh.

42. Vua hạ chiếu quy định số lượng chùa trong nhân gian:

Đinh Mùi: Vua hạ chiếu sắc tứ cho ba mươi ngôi chùa, tự viện trước đây do dân lập nên, đều lấy tên là Thọ thánh và xuống chiếu bảo tồn.

Phật giáo vào Trung Quốc đã một ngàn năm.

■

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 19

1. Tống Thần Tông:

Thần Tông tên là Húc, mẹ ông là Tuyên Nhân Thánh Liệt Hoàng hậu. Bà họ Cao, là cháu ngoại của Tào Thái hậu. Thuở nhỏ bà được nuôi chung với Anh Tông trong nhà Thái hậu, sau lấy Anh Tông và sinh ra ông. Khi Dĩnh Vương làm Thái tử thì ông liền lên ngôi, thọ ba mươi tám tuổi, mất ở điện Phước Ninh an táng ở lăng Vĩnh Dụ. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Hy Ninh (năm này có động đất lớn). Năm này chính là niên hiệu Hàm Ung thứ tư của nước Liêu (vua Kim là A Cốt Đả ra đời).

Tiền Công ở Tri Gián viện tâu:

- Gặp năm đói nên xuất quốc khố cứu tế, việc cứu tế giao cho Từ bộ đảm trách. Vua đồng ý.

2. Thiền sư Viên Thông Cư Nột:

Tân Hợi: Ngày mười sáu tháng ba năm này, Thiền sư Viên Thông Cư Nột thị tịch. Sư họ Kiểng, tự là Trung Mẫn, quê ở Trung Giang, Tử châu. Thuở nhỏ sư thông minh dị thường, thi thư đọc qua là thuộc lòng. Năm mười một tuổi, Sư xuất gia với Đại sư Nguyên Phưởng ở chùa Trúc Lâm thuộc huyện Thập Phương, Hán châu. Năm mười bảy tuổi, Sư thi kinh Pháp Hoa và được chính thức làm Tỳ-kheo. Sư thọ Cụ túc với Luật sư Dĩnh Chân. Đạo tràng giảng dạy của sư nổi tiếng vùng Lưỡng Xuyên, những vị cao niên đều đến đây tham học. Trong pháp hội của sư có một thiền giả từ phương Nam tới nói rằng Tổ đạo bao trùm thiên hạ, Mã Đại sư là người ở Thập Phương ứng với lời sấm ký của tổ Bát-nhã-đa-la. Những bậc giảng Kinh giảng Luận nổi tiếng ở đất Thục như Lượng Công mà còn bỏ chúng vào Tây Sơn ẩn tu, như Giám Công mà còn đốt hết sớ sao cho rằng một giọt nước có thấm gì so với bể cả.

Sư nghe thất kinh, giây lâu hỏi Thiền giả:

- Ông biết đạo của Tổ chăng?

Thiền giả đáp:

- Tôi không biết. Nếu ông muốn biết, sao không đi một chuyến thử xem!

Thế rồi, Sư rời khỏi đất Thục, sau đó vân du đến Lô sơn và đắc pháp với Thiền sư Vinh. Đại sư Thủ Trình ở Nam Xương thỉnh sư trụ trì Quy Tông, sau Sư dời về Viên Thông. Nhân Tông Hoàng đế nghe danh sư nên vào đầu niên hiệu Hoàng Hựu, vua hạ chiếu thỉnh sư trụ trì Tịnh Nhân viện trong kinh sư, nhưng sư lấy cớ mắt bị bệnh nên không đi. Vua hạ chiếu cho sư thỉnh người khác thay thế. Sư liền thỉnh Đại sư Hoài Liên. Hoài Liên là người tinh thông thiền học, là cánh tay phải của Sư. Hoài Liên nhận chiếu, kế đó đối đáp với vua về đại ý Phật pháp. Hoài Liên ứng đối rất hợp ý vua. Thiên hạ đều khen sư là người biết chọn người. Về già, Sư ẩn cư ở Bảo Tích nham. Sau đó không bệnh mà mất, thọ sáu mươi hai tuổi, tăng lạp bốn mươi lăm hạ.

3. Thiền sư Minh Giáo Khế Tung:

Sư họ Lý, tự là Trọng Linh, người Đàm Tân, Đằng châu. Sư xuất gia năm bảy tuổi. Sau khi thọ Đại giới, có lần sư đội tượng Quan Âm và niệm danh hiệu ngài mỗi ngày đến mười vạn biếng. Kinh, truyện, sử sách không thứ gì mà sư không tinh thông. Sư đắc pháp với Thiền sư Động Sơn Hiểu Thông.

Trong năm Minh Đạo, Tùng Dự Chương Tây Sơn Âu Dương Phưởng mượn sách của sư đem về đọc ở Phụng Thánh viện. Phưởng cho rằng Ngũ giới, Thập thiện của đạo Phật giống như Ngũ thường của đạo Nho và ông trước tác Thiên Nguyên Giáo. Thời bấy giờ, Âu Dương Văn Trung Công rất thích Hàn Xương Lê bài xích Phật giáo. Hu Giang Lý Thái Bá cũng là hạng ấy. Sư liền đem kiến giải của mình nghị luận ba lần với Thái Bá. Sư cho rằng Nho và Phật giáo có điểm tương đồng nhưng chống lại chủ thuyết của họ. Lý Thái Bá thích văn chương của Sư, đạo lý vừa cao vừa hay, nhân đó Thái Bá gởi thư cho Âu Dương, trong thư hết lời khen sư.

Về sau, Sư trụ ở Linh Ẩn, Hàng châu, soạn Chánh Tông Ký và định lại dòng phái của chư Tổ bằng họa đồ. Sư đem tác phẩm này trình cho vua. Đến phủ Khai Phong, Sư dâng biểu tấu cho Phủ doãn Vương Công Tố Trọng Nghĩa. Trong Nghĩa viết sớ tâu về triều rằng:

- Nay thần có vị Tăng là Khế Tung trụ trì chùa Linh Ẩn, Hàng châu đến phủ của thần trình tấu rằng việc truyền pháp Tổ tông trong thiền môn chưa được rõ ràng lắm. Những người sơ học của giáo môn ai nấy đều tin vào truyện ký, xưa nay tranh cãi cũng không ít. Bởi vậy,

tăng Khế Tung tra cứu lại Đại tạng. Nắm được ngọn nguồn Tổ tông trong thiền môn nhân đó lược bớt văn từ, chọn phần cốt yếu soạn thành Truyền Pháp Chánh Tông Ký mười hai quyển và một bức họa đồ về dòng pháp chư Tổ. Những chỗ nhầm lẫn trong Chánh Truyền Ký có phụ lục luôn ở đây soạn thành một bộ ba quyển. Nay thần dâng bệ hạ một phong thư, hoàn toàn không dám mong ân trạch, chỉ xin cho thần được trình tấu. Thần cũng đã từng để tâm đến Thích giáo, nay xem những gì mà tăng Khế Tung trước thuật đều không phải tự ý bày ra. Hơn nữa tác phẩm cũng rất tinh tường. Nhân lúc rảnh việc quân cơ, mong bệ hạ để mắt tới. Kết quả thế nào xin bệ hạ cho thánh ý. Nếu có việc gì hay xin cho Trung thư xét kỹ lại, biên nhập vào mục lục Đại tạng để làm tư liệu sau này".

Nhân Tông xem thư xong liền chuẩn tấu, rồi giao cho Trung thư, Thừa tướng Hàn Ngụy Công, Tham chánh Âu Dương Văn Trung Công cùng nhau xem xét, đem khảo chứng với kinh luận, quả nhiên không chút nhầm lẫn. Thời bấy giờ, cả triều đình đều tôn sư là Minh Giáo Đại sư và cho bộ sách Nhập tạng. Quan Trung thư tuyên thánh chỉ rằng:

"Nay chuẩn tấu việc Khai Phong Phủ Vương Tố tâu, tăng Khế Tung trụ trì chùa Linh Ẩn, Hàng châu soạn Truyền Chánh Pháp Tông Ký và phần phụ lục tất cả ba quyển, nay sắc lệnh cho nhập vào tạng kinh tại Truyền Pháp viện".

Truyền pháp viện kính báo.

Từ đó danh tiếng của sư vang dội khắp nước. Sau sư nhận lời thỉnh cầu của Sái Công Tương trụ trì Thủ Diên trên núi Phật Nhật. Ở đây được vài năm, Sư quay về tinh xá Vĩnh An ở Linh Ẩn. Hy Ninh năm thứ năm, Sư thị tịch. Lúc trà-tỳ, mắt, lưỡi và đồng tử của Sư không cháy, xương đỉnh đầu có mấy hạt châu ngũ sắc, xá-lợi của Sư màu trắng hồng sáng sạch và lớn như hạt đậu. Đồ chúng an táng Sư bên trái tinh xá Vĩnh An.

4. Thiền sư Thủ Đoan ở Bạch Vân:

Sư họ Cát, quê ở Hoành châu. Thuở nhỏ Sư rất giỏi bút nghiên nhưng không thích ở đời nên sư theo Úc Sơn chủ ở Trà Lăng xuất gia. Năm hai mươi tuổi, Sư đến yết kiến Thiền sư Ngung nhưng Thiền sư đã tịch. Dương Kỳ Phương Hội là người kế thế. Vừa gặp, Phương Hội đã lấy làm lạ. Mỗi lần đàm đạo thường đến tận chiều tối.

Một hôm, Phương Hội bỗng hỏi Sư:

- Thầy ông là ai?

Sư đáp:

- Úc Hòa thượng ở Trà Lăng.

- Ta nghe nói ông ấy qua suối tỉnh ngộ, có làm bài kệ rất hay. Ông có nhớ không?

Sư liền đọc:

Ta có một viên minh châu
Từ lâu vùi tại trần lao
Hôm nay bụi sạch phát sáng
Soi rõ núi sông muôn màu.

Phương Hội nghe xong, phá lên cười rồi bỏ đi. Sư ngạc nhiên hết nhìn trái rồi nhìn phải, suốt đêm không sao ngủ được. Sáng sớm hôm sau, Sư liền đến phương trượng hỏi lại việc đó. Hôm ấy nhằm ngày đầu năm, Phương Hội hỏi Sư:

- Ông có thấy mấy người hát rong hôm qua không?

Sư đáp:

- Thấy.

- Ông không bằng mấy gã kia.

Sư thất kinh hỏi:

- Sao thế?

- Mấy gã kia thích người ta cười, ông lại sợ người khác cười.

Ngay đây, Sư hoát nhiên đại ngộ. Sư từ giã Phương Hội đến Lô sơn. Thiền sư Viên Thông Cư Nột vừa gặp, biết mình không bằng sư nên cử sư trụ trì chùa Thừa Thiên ở Giang châu. Sau lại nhường pháp hội của mình cho sư ở. Còn mình dời qua Đông đường. Lúc ấy, Sư mới hai mươi tám tuổi. Sư thấy tiền bối nhường tòng lâm tốt cho mình nên tự trách mình không thôi. Từ đó sư nghiêm cẩn lãnh chúng lấy việc công làm trọng. Lúc này tông phong của sư lừng lẫy. Không bao lâu, Quận thú đến tinh xá của Viên Thông Cư Nột, Cư Nột nói ra tâm trạng chán cảnh u tịch của mình, Thái thú thất kinh đưa mắt nhìn sư, Sư chỉ cười cười, dạ dạ mà thôi. Hôm sau sư thăng tòa nói:

- Xưa Pháp Nhã có bài kệ:

Khó khó khó là dứt tình khó
Sạch trơn tròn sáng một hạt châu
Phương tiện dứt tình vẫn chưa phải
Trừ luôn phương tiện mới thong dong.

Đại chúng nói xem: Tình từ đâu sinh, làm sao dứt?

Sư hét một tiếng rồi xuống tòa khăn gói ra đi. Đại chúng thất kinh, níu giữ sư lại nhưng không được. Sư vượt sông, nhập hạ ở tinh xá của

Ngũ tổ. Ở Thư châu có ngôi chùa nhỏ tên là Pháp Hoa. Sư nghĩ người trụ trì chẳng khác chim trong lồng, đừng quên bay đi. Thư châu Thái thú nghe danh sư muốn được chiêm ngưỡng nên sai người mang thư đến thỉnh. Sư vui vẻ xách trượng đi liền. Lúc này Thiền giả đến đông không kể xiết, sĩ đại phu đều khâm phục tán thán sư. Sau đó sư về trụ ở Bạch Vân.

Một hôm, Sư thăng tòa nhìn khắp chúng nói:

- Trước lúc tiếng trống chưa đánh, trước khi sơn tăng lên tòa, giống như dáng dấp cổ Phật, nếu ai tìm được trong ấy thì có thể gọi là "Xưa Thích-ca không trước, nay Di-lặc không sau" mới cho phép ba tấc lưỡi nói ra. Vốn đã sai lầm thì phải biện được chỗ sai lầm ấy thì con mắt mới mong hoàn toàn cứu được.

Sư nói tiếp:

- Nay ta tha thiết nói với các ông, lúc các ông mở miệng chưa nói câu nào đã là nói rồi; lúc dở chân chưa đi bước nào đã là đi rồi. Vì sao cái lỗ mũi không thẳng? Vì hàng ngày thấy cái lỗ mũi bướng bỉnh, vì vậy mà không chịu buông tâm, ngày nay khuyên các ông hãy buông bỏ đi!

Ngừng giây lâu, Sư nói:

- Nhất!

Rồi xuống tòa. Môn phong của sư lừng lẫy như vậy.

Quý Sửu: Vua hạ chiếu trong ngày lễ tiết, cả nước đều độ tăng ni xuất gia.

5. Pháp sư Hoa Đình Tuệ Biện:

Sư họ Phó, tự là Nột Ông, hiệu là Hải Nguyệt người Hoa Đình. Sư xuất gia với Đại sư Phổ Chiếu. Hồi ấy, Sư du học ở Thiên Trúc. Đại sư Minh Trí vừa gặp sư liền biết Sư là bậc kỳ tài, vì vậy Minh Trí đem hết sở học giáo quán của mình truyền trao cho Sư. Minh Trí thấy mình sắp già yếu liền cử sư làm thủ tòa thay mình giảng dạy. tám năm sau, Minh Trí cử sư kế thừa Pháp chủ. Hàn Lâm Thẩm Cấu cai trị Hàng châu nổi tiếng là người có uy, ai gặp cũng phải phát khiếp nhưng sư gặp ông ta vẫn thản nhiên như không. Thẩm Cấu lấy làm lạ, từ đó tiến cử sư làm Đô tăng chánh. Thời bấy giờ, Tô Đông Pha làm Thông thú, có làm bài tựa tặng sư. Trong ấy ghi:

"Phật tăng ở Tiền Đường rất thịnh, đứng đầu thiên hạ, người đạo đức tài trí ở lẫn lộn với kẻ ngu hèn xảo trá, thật khó mà phân biệt. Vì vậy ngoài chức phó Tăng Chánh phải bổ nhiệm thêm một chức Tăng

Chánh. Những việc như ghi chép sổ sách, đón nhận khách tăng là việc của phó Tăng chánh trở xuống, nhưng sư đã gánh vác hết những việc lớn nhỏ ấy. Quả nhiên sự hiểu biết và việc làm của sư thật xuất chúng".

Sau khi lên làm Đô Tăng Chánh, những người lâu nay cai quản tự viện và pháp tịch bỏ trống đều được sư mời những bậc danh tăng tài năng ở các tự viện khác và những người tài giỏi dưới tòa mở một đạo tràng khảo thí trình độ cho họ. Sư đặt ra những lý luận quanh co khó biện để khảo chứng tài năng họ. Trong mười câu hỏi, người nào đáp được năm câu là trúng tuyển; ai đáp không đến ba câu thì rớt. Sau đó bổ nhiệm những người trúng tuyển này vào những tự viện chưa có trụ trì. Từ đó, tăng chúng khắp nơi đều rất ngưỡng vọng sư, họ đều lấy đó làm gương.

Sư giảng dạy hai mươi lăm năm. Học chúng có đến ngàn người. Về sau, do tuổi già sức yếu nên Sư về ở ẩn tại Thảo đường. Ngày mười bảy tháng bảy năm Hy Ninh thứ sáu, sáng sớm sư dậy tắm rửa xong, từ biệt đại chúng, ngồi kiết già chắp tay thị tịch. Trước lúc thị tịch, Sư dặn đồ chúng:

- Phải đợi Tô Đông Pha đến mới khâm liệm.

Bốn ngày sau, Đông Pha đến thấy sư ngồi kiết già như lúc còn sống, đỉnh đầu vẫn còn ấm. Đông Pha cung kính đảnh lễ sư rồi quay về.

Đinh Tỵ: Kinh quốc công Vương An Thạch tâu vua xin hiến ngôi nhà cũ của mình ở Kim Lăng làm chùa, thỉnh Đại sư Chân Tịnh Khắc Văn trụ trì. Vua ban tên chùa là Bảo Ninh.

Mậu Ngọ: Đổi niên hiệu là Nguyên Phong.

Canh Thân: Tháng hai, Từ Thánh Quang Hiến Thái hậu mất, vua thỉnh ngàn Pháp sư ở kinh thành, thiết trai cúng dường tại điện Khánh thọ.

Sửa sáu mươi bốn viện ở chùa Tướng Quốc thành Nhị thiền và Bát luật. Hạ chiếu thỉnh Thiền sư Tông Bản trụ trì Tuệ Lâm, đồng thời thỉnh sư vào điện Diên Hòa ứng đối Phật pháp.

6. Thiền sư Khánh Nhàn ở Kiết châu:

Tân Dậu: Sư họ Trát, người Phước châu. Nối pháp với Thiền sư Nam. Sư thị tịch trong năm này, lúc trà-tỳ khói quyện thành xá-lợi bao phủ hơn bốn mươi dặm. Tô Tử Do viết bài Minh.

Quý Hợi: Kinh thành dựng xong chùa Pháp Vân.

7. Thiền sư Nghĩa Thanh ở Thư châu:

Sư họ Lý, tên là Nghĩa Thanh, quê ở Thanh Đỗ. Lên bảy tuổi Sư đã tỏ ra thông tuệ khác thường, xuất gia tại chùa Diệu Tướng. Năm mười lăm tuổi nhân thi Pháp Hoa mà được độ làm đại tăng. Thầy của Sư bảo Sư học Bách Pháp Luận. Sư than:

"Con đường ba a-tăng-kỳ xa xôi, tự giam mình trong ấy nào có ích gì!"

Sư vào Lạc Dương nghe giảng Hoa Nghiêm suốt năm năm, quán xét lại văn tự, tất cả đều tinh thông, tất cả nghĩa lý sư đều thấu tận. Một lần nhân nghe đến câu kệ "Tức tâm tự tánh" của Bồ-tát Pháp Tuệ, Sư hốt nhiên tỉnh ngộ, nói:

- Pháp lìa văn tự, lẽ đâu giảng được ư!

Sư bỏ pháp hội, vân du đến Phù sơn.

Lúc này, Viên Giám Viễn Công lui về ở ẩn tại hội Thánh nham. Đêm nọ, Viên Giám mộng thấy mình nuôi một con chim Ưng rất hiếm. Viên Giám tỉnh giấc thì sư cũng vừa đến. Viên Giám cho rằng đây là điềm lành, Sư làm lễ ra mắt, Viên Giám nhận sư ở đây ba năm. Viên Giám hỏi Sư:

- Ngoại đạo hỏi Phật:"Lúc chẳng hỏi mà nói, chẳng hỏi chẳng nói thì thế nào?"Đức Thế Tôn im lặng, ông hiểu thế nào?

Sư toan mở miệng. Viên Giám liền nhoài người tới bụm miệng Sư. Ngay lúc ấy, Sư khai ngộ và đảnh lễ. Giám hỏi:

- Ông diệu ngộ lẽ huyền vi vhăng?

Sư đáp:

- Nếu có cũng phải mửa ra.

Lúc đó có vị thị giả đứng bên nói:

- Thanh Hoa- Nghiêm hôm nay như người bệnh được ra mồ hôi.

Sư liền quay lại nói:

- Ngậm cái miệng chó ông lại, ông thao thao ta muốn nôn mửa.

Sư ở lại hầu hạ Viên Giám ba năm. Giám đem y bát của Thiền sư Đại Dương giao phó cho sư và dặn:

- Ông thay ta tiếp nối tông phong Tào Động, ta trụ thế không bao lâu nữa, ông phải khéo hộ trì, không nên ở đây.

Sư bèn từ giã Viên Giám và xuống núi. Sư đến trụ tại chùa Tuệ-nhật trên Lô sơn ngày ngày xem Đại tạng. Hy Ninh năm thứ sáu, Sư quay về Long Thư. Tăng tục thỉnh sư trụ trì chùa Hải Hội trên núi Bạch Vân. Kể từ khi đắc pháp đến nay đã mấy mươi năm rồi. Đến năm Hy Ninh thứ tám, Sư dời qua núi Đầu tử. Đạo phong của sư mỗi ngày một

lan xa, thiền giả ngày càng nhiều, đệ tử ngày một đông, quả đúng như lời sấm ký trước đây.

Bình sinh, Sư không chứa vật dụng, chỉ ăn mặc sơ sài mà thôi. Hồi ấy Thiền sư Khai Sơn Từ Tế có lời kệ rằng:

Nếu tháp ta màu đỏ
Tức là ta tái sinh.

Người trong làng ngẫu nhiên tu sửa tháp của Sư, dùng màu mã não sơn phết tháp, sau đó không lâu thì Nghĩa Thanh đến chủ sự công việc trong viện. Trong núi vốn không có nước, chúng đều cho là bệnh, bỗng nhiên có dòng suối chảy từ trong vách núi ra, nước ngọt và trong mát vô cùng. Quận thú Hạ Công đặt tên suối này là Tái Lai tuyền.

Cuối tháng tư năm Nguyên Phong thứ sáu, Sư có chút bệnh liền gởi thư từ biệt Quận thú và chư đàn việt. Đến ngày bốn tháng năm, Sư tắm rửa rồi lên tòa từ biệt chúng. Sư viết bài kệ:

Trụ ở hai núi
Chẳng giúp được đạo
Các người trân trọng
Chẳng nên tìm kiếm.

Sư an nhiên thị tịch, đồ chúng trà-tỳ nhặt lấy linh cốt xá-lợi, dựng tháp phía sau am trên ngọn núi Tam Phong nằm phía Tây bắc chùa. Sư thọ năm mươi hai tuổi, tăng lạp ba mươi bảy hạ. Vô vi Tử Dương Kiệt làm bài tán trên chân dung sư rằng:

Một chiếc giầy, hai manh áo
Chim vàng kêu thảm, gà rừng bay
Nửa đêm lão bán dầu cười ngất
Đầu trắng sinh được con đầu đen.

Đệ tử đắc pháp có Thiền sư Đạo Khải.

8. Bài ký nói về pháp đường Chân Như ở Gia Hưng:

Tư Mã Quang tâu vua sách mình soạn xong, vua đặt tên sách là Tư Trị Thông Giám, vua đích thân viết lời tựa, rồi giao cho Tư chánh điện Học sĩ. Tư Mã Quang có lần viết bài ký cho Chân Như Hoa Nghiêm Pháp đường ở Tú Thủy rằng:

"Tháng tư, mùa hạ năm Nhâm thìn, tăng Thanh Biện đến phủ tôi báo rằng Thanh Biện là tăng ở Chân Như thảo đường thuộc Tú châu. Chân Như vốn đã có giảng đường nhưng chật hẹp không dung hết người học. Thanh Biện cùng Đồng Thuật, Tuệ Tông tu sửa và làm mới lại. Nay đã hoàn thành, Biện này đến xin lời văn của ông, khắc vào bia đá

để lưu truyền cho hậu học. “Tôi từ chối nói:” chữ nghĩa của Quang tôi không hay e rằng làm hư bia đá, hơn nữa bình sinh tôi không đọc sách Phật, không biết phải viết như thế nào, thầy nên mời người khác đi: “Thanh Biện nói:” Biện tôi không dám mời người khác nên phải nhờ đến ông, lẽ đâu ông lại chối từ sao! Tôi cố chối từ nhưng không được, bèn hỏi Biện: “Thầy đã là đường (nhà) rồi, ý thầy thế nào?

Biện nói:Thanh Biện đã là đường rồi nhưng muốn dặn dò người trong đường rằng: Hai ba người các ông, nếu có thể cứu xét rõ kinh điển của nhà Phật ta; còn nếu không được thì phải mời lấy tài năng của bốn phương, rồi tạ ơn họ vì mình bất tài. Sau đó dẫn chúng đến chùa Tinh Nghiêm đón Sa-môn Đạo Hoan và lạy ông ấy làm thầy.”

Biện lại dặn dò đồ chúng mình rằng: “Hai ba người đệ tử của ta từ nay về sau hãy đồng tâm hợp lực, cùng gánh vác trọng trách nơi thảo đường, nếu thiếu thầy thì phải mời thỉnh, được vậy thì đá vàng mới nêu danh, núi sông mới lưu dấu, mà tiếng tăm nơi giảng đường mới mong không dứt.” Tôi nói: Ý của thầy thì tốt rồi, nhưng Quang này tuy không đọc sách Phật nhưng cũng từng được nghe Phật cũng là con người. Phật vốn là người hiền bên Tây Vực, ông ấy là con người cần kiệm trong sạch ít ham muốn, Từ bi bác ái thương vật, cho nên chỉ mặc áo thô xấu, chỉ ăn toàn rau dưa, ở nơi hang núi đồng hoang, từ bỏ vợ con, vì vậy ông ấy thường tự chăm lo cho mình và rất sợ làm phiền người khác. Dù là cỏ cây côn trùng nhưng không dám giết, bởi vì ông muốn muôn vật đều được sống chứ không muốn chúng tàn hại lẫn nhau. Thế nên đạo của ông ấy chủ trương gội sạch bản thân, không để vật làm liên lụy, giống như học trò của Lăng Tử Trọng Tiêu Tiên của Trung Quốc gần đây.

Đức của Thánh nhân thì trùm khắp, đức của người hiền thì thiên lệch. Trùm khắp thì không đâu mà chẳng che chở, thế nhưng những kẻ thấp hèn vẫn không tránh khỏi bỏ gốc sai nguồn, huống gì là những người có đức thiên lệch. Bởi vậy người đời sau viết sách Phật càng cách xa thì càng dối trá đều phóng đại như những lời của thầy rồi phụ thêm vào, dùng những lời lẽ đao to búa lớn mà lừa dối nhằm làm kinh hãi người thế tục để thâu nhận học trò đông đúc trên đời. Tự mình muốn sung túc mà chẳng biết nhàm chán. Vì thế mặc một cái y đáng giá tới trăm đồng vàng. Không kể thêu thùa the lụa quá mức. Một bữa cơm có khi tốn cả vạn tiền, nếu không tổ chức yến tiệc lớn. Làm nhà to, làm đường cao để tự cung phụng bản thân, chí của Phật lẽ đâu lại như vậy chăng? Thiên hạ thờ Phật tất cả đều như vậy, mà nhất là người nước Ngô. Thầy đã là đường rồi thì nên đem thân mình làm sáng danh đạo

Phật. Đó mới là nghĩ sâu đến ngọn nguồn mà lại không phóng đãng với kẻ ngu muội, được vậy thì ngôi thảo đường này mới có ích, lẽ đâu là việc nhỏ chăng?”

9. Lý Bình Sơn nước Kim Luận về Phật pháp:

Lý Bình Sơn nước Kim nói:

“Tô Thức soạn mộ chí cho Tư Mã Quang có ghi: Ông không thích Phật, nói: “Cái tinh vi của đạo Phật không ngoài sách của ta, cái hư dối của đạo Phật, ta không tin”. Than ôi! Cái thông minh che lấp con người đến thế thì quá lắm rồi. Cái giống thì bảo rằng không ngoài sách của ta, cái khác thì cho rằng hư dối không tin. Đó đủ thấy tự mình ngăn lấp bản chất thông tuệ của mình vậy. Đạo của Thánh nhân tương thông như móc xích; tương hợp như dấu, ấn; cách mấy ngàn dặm nhưng như ở một nhà; kế thừa đến mấy vạn đời nhưng như cùng một pháp tịch. Thế nên Khổng Tử nói: “Tây phương có Thánh nhân chăng?”. Trang Tử nói: “Muôn đời sau gặp được bậc Đại thánh mà biết được kiến giải của họ là do sớm tối đã gặp được họ, điểm tinh vi ấy lẽ đâu lại không giống?” Liệt Tử nói: “Ngày xưa những bậc thần thánh trước tiên hiểu được quỷ thần ly mỵ, kế đó thông đạt nhân dân trong tám phương, sau cùng sống chung với chim muông cầm thú, nhờ biết tất cả tính chất của muôn vật cho nên hiểu được ngôn ngữ của mọi loài. Những lời giáo huấn của họ không sót một loài nào thì có gì hư dối đâu!” Khổng Tử là Thánh nhân trong loài người cho nên những gì tồn tại bên ngoài đất trời và bốn phương thì không bàn đến. Trâu Diễn, Liệt Ngự Khấu, Trang Chu là những kẻ sĩ vượt ngoài cõi người nên không có gì mà họ không bàn đến. Thế nhưng nhìn lại thì không bằng cái tầng tầng lớp lớp của sách Phật. Đó đều là những điều mà tai mắt không nghe nhìn đến được. Quang sở dĩ không tin là do không nghe nhìn được. Những điều mà không phải tai mắt nghe nhìn được, ta dám không tin ư? Quách Phác Nhật là người ghi chép giấy tờ cả mười năm trong Tấn thất, lẽ đâu nghi Phật ta không thể ghi những việc trong trăm vạn kiếp chăng? Thuật sĩ Tả Từ tàng hình ở Ngụy đô thân đồng như màu muôn vật, lẽ đâu nghi Phật ta không thể hóa trăm ngàn ức thân chăng? Trương Phòng dạo chơi trong quả bầu thì người ta tin rồi, lẽ đâu không tin trượng thất của Duy-ma-cật dung chứa đến ba vạn tòa, hay thuyết “Núi Tu-di nằm trong hạt cải” chăng? Giấc mộng của Chẩm Thượng ở Hàm Đan, người ta tin rồi, lẽ đâu không tin tháp của Phật Đa Bảo trụ đến năm mươi kiếp chăng? Hay không tin thuyết “Vượt qua tăng kỳ bằng lúc khảy móng tay” chăng? Nếu không

tin gì cả thì đâu biết Quang cũng đã từng nằm mộng? Chợp mắt lúc nào thì hớn hở lúc nấy. Núi sông xóm làng dày đặc mà còn kể được, con người vật dụng ở đâu mà chẳng có, cúi ngưỡng tới lui ngay trong ấy thì đã một đời rồi. Đó chỉ là cảnh tượng do thức thứ sáu của phàm phu phân biệt hiện khởi mà thôi, nhưng công năng đã như vậy, huống gì là Đại viên cảnh trí của Như Lai, Tam-muội không thật của Bồ-tát. Người học nên tự chấm dứt đi, đừng đeo bám những thứ hư danh ấy.

10. Trình Cảnh lập luận ghét khoa cử:

Trình Cảnh là môn nhân của Minh Đạo tiên sinh, Thần Tông vốn nghe danh ông và nhiều lần cho triệu kiến. Một hôm, nhân lúc ông cùng An Thạch bàn việc nhưng không hợp ý. An Thạch nói:

- Sở học của ông như lèo tường vách, nói thì được nhưng khó thực hành.

Cảnh nói:

- Sở học của Tham chánh như bắt gió.

Hồi ấy, Lý Định cho rằng sở học của ông là tân pháp, là dị luận đầu tiên, do vậy mà bị cách chức sau lại bị đày đến Nhữ châu. Khi vua lên ngôi triệu Định về làm chức Tông Chánh nhưng chưa kịp đi thì Định chết. Cảnh thường cùng em là Chu Đôn Tích luận về sở học. Từ đó ông tỏ ra chán ghét cái học theo kiểu khoa cử. Ông khẳng khái và lập chí cầu đạo, ông cho rằng Mạnh Kha chết thì cái học của Thánh nhân không còn lưu truyền nữa, và ông đã viết lời văn này như nhắc nhở mình. Ông viết:

"Đạo sở dĩ không sáng là vì dị đoan làm hại. Mối hại của ngày xưa cạn và dễ biết; mối hại của ngày nay sâu và khó lường. Ngày xưa, điều làm con người ta mê hoặc là do mê muội; ngày nay điều làm người ta mê hoặc là do cao minh. Tự cho mình thấu thần diệu, tỏ biến hóa nhưng không đủ để khai hóa vạn vật. Nói là châu biến khắp cả nhưng sự thật lại nằm ngoài luân lý. Tuy nói thấu chỗ thâm sâu, tận điều vi diệu nhưng rốt cuộc không vào được cái đạo của Nghiêu, Thuấn. Người học trong thiên hạ nếu không cạn cợt, ngưng trệ thì tất vào được chỗ này. Đạo mà không sáng thì các thuyết tà mỵ yêu dị đua nhau nổi lên làm mờ tai mắt muôn dân, nhận chìm thiên hạ trong nhơ uế. Những người tài cao học rộng thì chấp chặt theo cái thấy nghe, sống say chết mộng mà chẳng thấy phản tỉnh. Từ đó con đường chân chánh bị cỏ dại mọc đầy, cửa ngõ Thánh nhân bị lấp kín. Mở mang ra thì mới có thể vào đạo được. Điều quan trọng là phải biết dạy người ta biết nên dừng lại, thật

lòng muốn vỗ yên thiên hạ, quét sạch mọi thứ đối đáp đến khi tận cùng lý tánh mới thôi, phải làm một cách có thứ lớp như vậy. Cái bệnh của người học ngày nay là bỏ chỗ gần chạy tìm chỗ xa, đứng chỗ thấp mà dòm chỗ cao. Vì vậy cái tâm xem thường ngày càng to lớn nhưng chết đi mà chẳng được chút lợi ích gì".

11. Lý Bình Sơn nước Kim biện luận:

Cư sĩ Lý Bình Sơn nước Kim biện luận:

"Trình Cảnh luận sở học với Chu Đôn Tích rằng, đạo sở dĩ không sáng là vì dị đoan làm hại. Mối hại của ngày xưa cạn và dễ biết; mối hại của ngày nay sâu và khó lường. Ngày xưa, điều làm con người mê hoặc là do mê muội; ngày nay điều làm con người ta mê hoặc là do cao minh. Tự cho mình thấu thần diệu, tỏ biến hóa nhưng không đủ để khai hóa vạn vật. Nói là châu biến khắp cả nhưng sự thật thì nằm ngoài luân lý. Tuy nói thấu chỗ thâm sâu, tận điều vi diệu nhưng rốt cuộc không thể vào được cái đạo của Nghiêu, Thuấn. Người học trong thiên hạ nếu không cạn cợt, ngưng trệ thì tất vào được chỗ này."

Than ôi! Lời của bọn Nho gia bài xích Phật giáo, không có lời lẽ nào sâu cay và đau buốt như đây. Tôi đọc Chu Dịch, biết dị đoan không có gì làm lạ; đọc Trang Tử thấy dị đoan đều là niềm vui; đọc kinh Duy-ma biết những điều ấy không phải là dị đoan; đọc kinh Hoa Nghiêm mới biết chẳng hề có dị đoan nào cả. Trong Chu Dịch nói:"Đạo cùng tồn tại mà chẳng chống trái, dù ở ẩn hay ra làm quan, dù im lặng hay nói năng tuy khác đường nhưng cùng một đích đến, đồng loạt nhưng lại trăm ý, tuy có dị đoan thì cũng có gì lạ đâu".

Trang Tử nói:"Không thấy được khắp cả trời đất, người xưa thể nhập vào đạo thuật và chia ra cho thiên hạ, như mắt tai mũi miệng không hề thông nhau, như tra lê cam quýt chẳng cùng một vị, tuy không đủ cho khắp thiên hạ dùng nhưng có thể dùng cho thiên hạ. Quỷ quyệt quái dị, đạo thông làm một, bởi vậy dị đoan đều là niềm vui".

Kinh Duy-ma nói:"Bọn tà kiến ngoại đạo đều là thị giả của ta. Hàng Lục địa Bồ-tát có thể làm ma, hủy Phật báng pháp, nhưng không như bọn họ; đọa theo bọn Lục sư nhưng đều thọ dụng pháp thực nhưng không hề có dị đoan."

Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới nói:"Chư Thiện tri thức nhiều như a tăng kỳ đều tu hành đạo Bồ-tát trong vô lượng kiếp. Quốc Vương, Trưởng giả, Cư sĩ, Tăng Ni, Phụ nhân, đồng nữ, ngoại đạo, quỷ thần, Thiền sư, thầy thuốc cho đến người đốt hương đều là pháp môn.

Nêu sơ lược đến năm mươi ba loại. Như tâm tàn nhẫn của Vô Yếm Túc vương, lòng dâm đãng của Bà tu mật nữ, sự khắc khổ của Thắng Liệt tiên nhân, sự đùa giỡn của Tụ Sa đồng tử, sự quái dị của Đại thiên, sự u ám của Chủ Dạ đều là cửa ngõ đại giải thoát".

Trong pháp giới này không hề có việc dị đoan. Đạo không có xưa nay, mối hại lẽ nào có cạn sâu chăng. Chỉ sợ rằng người mê muội chưa hẳn đã mê muội, kẻ cao minh tự cho mình cao minh mà thôi. Tôi có lần bàn thử, ba Thánh nhân cùng ra đời trong thời nhà Chu, như mặt trời mặt răng và sao cùng xuất hiện ở Phù Tang, như sông Trường giang, Hoàng hà, Hoài hán cùng gặp nhau ở ngọn Vĩ Lư, không phải là việc ngẫu nhiên. Tâm của họ thì đồng nhưng dấu tích thì khác. Đạo của họ thì một nhưng giáo lại có ba. Khổng Tử là Thánh nhân trong loài người, trong khi dạy người, điều mà ông ấy sợ nhất là sợ muôn dân bị hoa mắt trước những chủ thuyết quá cao, như vậy thì hiểu rộng mà không có chỗ quy hướng. Bởi vậy Khổng Tử đúc kết lại bằng danh giáo. Lão Tử là Thánh nhân vượt ngoài loài người trong khi dạy đời. Điều mà ông ấy sợ nhất là sợ muôn dân mê muội trước những ngôn từ mầu nhiệm, như vậy thì sẽ bị ngăn lấp mà không có đường vào. Bởi vậy Lão Tử chỉ dạy dân bằng chân lý. Giáo lý của họ không hề khiếm khuyết, sở dĩ có sự chênh lệch là do học trò của họ phân tích một cách chi ly nhưng lại không hợp với chủ thuyết.

Kinh sách của nhà Phật ta truyền qua phía Đông thì không như vậy. Bao quát cả đất trời mà vẫn còn thừa, thể nhập trong cái nhỏ nhiệm mà không gián đoạn, mượn lời của muôn mộng để đùa với con người huyễn. Ngũ giới, Thập thiện mở con đường cho Trời, Người tại pháp hội trong vườn Lộc uyển; Tứ thiền, Bát định lập Thanh văn thừa dưới ngọn Linh thứu. Lục độ vạn hạnh nhằm trồng cái nhân Bồ-tát, Tam thân, Tứ trí nhằm kết quả Như Lai, lên ngôi Chánh giác chỉ trong một sát-na, độ chư hữu tình trong a-tăng-kỳ kiếp, biến khắp thời gian trong ba đời, trùm khắp không gian của mười phương; chuyển pháp luân trong khoảng khảy móng tay, lưu xuất kinh luận nhiều như cát bụi. Luật nghi lớp lớp đến tám vạn bốn ngàn; kinh luận hàng hàng, đơn phức mười hai loại. Âm bổ lễ kinh vốn trước đây vua chưa đặt ra, mở thẳng đạo học. Những lời huyền diệu của Thánh nhân đâu phải dễ bàn, đến khi giáo pháp lưu hành rộng khắp thì ai nấy cũng đều nhận lãnh được. Như cá bơi lội trong biển lớn, như chim chao liệng trong hư không, xông ướp vào da thịt như mùi hương Chiêm-bặc, thấm nhuần đến ruột gan như nước cam lộ. Văn chương bút nghiên tất cả đều là Du hý Tam-muội.

Đạo giáo Nho gia đều là đạo tràng của Bồ-tát. Các vị vua thông tuệ biện tài đều có chỗ đến đi. Đặc biệt là những việc trong đời khác chỉ do quên mất mà thôi. Huống gì sở học của họ Trình nằm ngoài sách Phật sao lại dùng để hủy báng.

Thương thay! Hơn nữa chữ chữ phải thật tâm dạy người nhưng mình vượt ngoài những lời ấy, dựa vào đó mà lừa dối người là kẻ ngu, tự lừa dối mình là kẻ cuồng.

Tiếc thay! Nói là cùng lý tận tánh nhưng đến lúc này mà trong lòng vẫn còn hơn thua thì quả thật bệnh đã nhập vào đến xương cốt rồi. Than ôi!

12. Triết Tông: (Bính Dần)

Triết Tông tên là Hú, con thứ sáu của Thần Tông, ban đầu là Diên An Quận vương. Khi Thần Tông bệnh nặng, bèn lập ông làm Thái tử. Có lần ông bị bệnh và gầy ốm, rất ghét quần thần nhìn mình ông khinh và giết họ, quả là ông vua bất nhân. Ông lên ngôi năm mười tuổi, Thái hậu họ Cao lâm triều thính chính, chín năm sau mới giao quyền lại cho ông. Ông thọ hai mươi lăm tuổi, an táng ở Vĩnh Thái lăng, ở ngôi mười lăm năm. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Nguyên Hựu.

13. Bài tựa Tiễn Kiển Củng Thần đi tham học với Thiền sư Chiếu Giác:

Vô Tận Trương Thương Anh viết bài tựa tiễn Vũ Sĩ Kiển Củng Thần tự là Dực Chi đi tham học với Thiền sư Chiếu Giác ở Lô sơn. Lời văn viết:

“Thành đô Đạo sĩ Kiển Dực Chi đến nói với tôi rằng, tôi xuất thân trong dòng danh gia vọng tộc, Tướng Quốc đương triều gả con gái cho tôi, tôi lấy vợ sinh con cũng như bao người khác. Nhân xem Đạo tạng thần tiên truyện ký mà tôi bỗng nhiên tỉnh ngộ. Trong lúc sức lực dồi dào, tinh thần minh mẫn, muôn âm thanh tràn vào tai tôi, muôn màu sắc làm hoa mắt tôi, mọi thứ ngon ngọt lấp đầy miệng tôi, mọi thứ hương thơm xông đầy mũi tôi, mọi thứ mượt dịu phủ đầy thân tôi, niềm vui nỗi buồn đầy trong ý tôi. Sáu thằng giặc này thừa lúc tôi sơ ý đã ngày đêm thân gần tôi chưa phút giây nào lơ lỏng. Một sớm hình dung tôi hao gầy, sức lực tôi suy giảm, tinh thần tôi tiều tụy, thần thái tôi mệt mỏi, tám ngọn gió lạnh nóng thổi tràn, trăm thứ tà mị lừa dối, âm hồn muốn chìm xuống, dương hồn muốn bay lên, thì sáu thằng giặc này không đứa nào chịu thay cho tôi cả. Thế nên nỗi thống khổ của thiên hạ tôi biết rất rõ.

Luyến ái nơi phòng the không ai hơn vợ mình, ân tình cốt nhục không ai hơn mẹ mình, Củng Thần tôi đều có cả nhưng rồi tạ từ mà đi, lấy việc khác mà lừa dối họ. Tôi đi xa cả trăm dặm, trôi nổi nơi Giang hạ, Bộc thủy, vượt ngàn dặm ra khỏi Đồ sơn, tham vấn Sầm Công ở Động phủ, chiêm bái thần nữ ở Từ quán, rồi dần dà đến Chử cung. Tôi vượt Cửu giang vào tận Lô sơn, dựng am tranh trong hang Cẩm tú, hú dài trên đỉnh Hương lô, vỗ bàn đá mà nghêu ngao, xuống suối sâu mà rửa cẳng, bởi vì thuật của tôi lấy tánh làm nền tảng, lấy mạng làm nơi gá nương, đầu là tạo tác cuối là vô vi. Trộm nghe tiên sinh cứu xét diệu chỉ "Ly vi", tận cùng nẻo về của dấu tích, trỗi khúc nhạc không dây đàn, cỡi trên lưng ngựa sắt. Thế nên tôi không ngại ngàn dặm đến đây yết kiến tiên sinh. Hãy thử nói tôi xem!

Tôi đáp: "Khí khái thay! Chí của ông! Làm được những việc khó làm, bỏ được những điều khó bỏ, tôi quả thật không bằng ông. Tôi vừa rồi miệng bị bệnh không thể trả lời ông. Tôi có người bạn vân du tên là Thường Tổng đang ở tại Đông Lâm, ắt sẽ giải quyết mọi mối nghi cho ông. Xin ông hãy đem lời tôi mà đến hỏi ông ấy".

Đinh Mão: Vua hạ chiếu sửa chùa Linh Phong trên núi Đại hồng làm thiền viện.

14. Tăng Thống Nghĩa Thiên ở Cao Ly:

Ngài họ Vương là con thứ tư của Văn Tông Nhân Hiếu vương nước Cao Ly. Ngài từ bỏ vinh hoa xuất gia, được phong làm Hựu Thế Tăng thống. Đầu năm Nguyên Hựu, ngài vào Trung Quốc hỏi đạo. Ngài dâng biểu xin được học giáo pháp của tông Hiền Thủ. Vua bảo Lưỡng Nhai cử người truyền pháp, trong đó có Thiền sư Giác Nghiêm Thành ở Đông kinh, nhưng Giác Nghiêm Thành tiến cử Pháp sư Huệ Nhơn Tịnh Nghuyên ở Tiền Đường thay mình. Vua sai Dương Kiệt tiễn Nghĩa Thiên đến thọ pháp với Pháp Sư Huệ Nhơn(Tịnh Nguyên) Khi ngài đến, các chùa đều đón rước, lo đủ cơm nước, nơi ăn chốn ở. Đầu tiên Ngài đến Kinh sư, triều đình liền phái Lễ bộ Tô Thức đến hội quán chuyện trò với ngài và dẫn ngài đến yết kiến Thiền sư Viên Chiếu bày tỏ ý nguyện của mình. Sau ngài đến Kim sơn, Phật Ấn ngồi nhận lễ, Dương Kiệt thất kinh, hỏi nguyên do. Phật ấn đáp:

- Nghĩa Thiên là tăng nơi khác đến, nếu làm như thế tục thì các nơi còn coi ra gì nữa, như vậy làm sao nêu tỏ phép tắc của Hoa Hạ ta.

Triều đình nghe được đều cho ngài là người biết lễ. Ngài đến Tuệ Nhân viện trì Hoa Nghiêm sớ sao cốt giải hết mối nghi, đọc đến một

năm thì xong. Thế rồi ngài nhận thấy văn nghĩa của tông Hoa Nghiêm khoáng đạt nên ngài hoằng truyền giáo nghĩa tông này. Đến khi gặp được Thiên Trúc Sa-môn Từ Biện, ngài hỏi về giáo quán Thiên Thai, kế đó ngài qua Phật Lũng lễ tháp của Đại sư Trí giả và nguyện:

"Xin học giáo quán của Từ Biện, trở về nước xiển dương, mong Đại sư thầm gia hộ.

Sau ngài gặp Linh Chi Đại Trí, Trí thuyết giới cho ngài nghe, nhân đó ngài xin học, đồng thời ghi chép lại đem về nước. Khi về, ngài để lại ba dịch phẩm Hoa Nghiêm tại Tuệ Nhân viện và lập riêng ra một nhà gác để cất giữ.

15. Pháp sư Tịnh Nguyên Ở Tấn Thủy, Hàng châu:

Mậu Thìn: Tháng mười một năm này, Pháp sư Tịnh Nguyên ở Tấn Thủy Hàng châu thị tịch. Ngài họ Dương, thọ học Hoa Nghiêm với sư Thừa Thiên ở Ngũ Đài. Thiên từng chú Kim sư tử chương, học Hợp luận ở Minh đàm, Hoành hải. Ngài về Nam, nghe giảng Lăng Nghiêm Viên Giác, Khởi tín luận ở Trường thủy. Học chúng bốn phương đều suy tôn ngài là bậc Thượng thủ về nghĩa học. Tăng chúng thỉnh ngài trụ trì Thanh Lương. Sau ngài qua đất Ngô ở tại Báo Ân Quan Âm. Hàng Thủ, Thẩm Văn Thông lập Hiền Thủ viện ở Tường phù rồi thỉnh ngài đến ở. Sau ngài qua Thanh trấn ở trong Mật Ấn Bảo Các với Hoa Đình Phổ Chiếu.

Tăng thống Nghĩa Thiên của Cao Ly đi bằng đường biển qua hỏi đạo, lạy ngài làm thầy. Hồi ấy Hoa Nghiêm sớ sao từ lâu đã bị mai một, nhân Nghĩa Thiên đến và khẩu tụng lại, nhờ đó được lưu hành khắp nơi.

Tả thừa Bồ Tông Mạnh đi vỗ yên dân chúng đất Hàng, khẩn thiết thỉnh cầu, tâu vua đổi Tuệ Nhân viện thành viện Giáo môn và thỉnh ngài trụ trì. Lúc ngài Nghĩa Thiên về nước có để lại đây ba dịch phẩm Hoa Nghiêm gồm một trăm tám mươi quyển và giao lại cho ngài (đời Tấn, Pháp sư Nghiêm Quán dịch sáu mươi quyền; đời Đường, ngài Thật-xoa-nan-đà dịch tám mươi quyển; đời Đường, nước Ô Trà dâng kinh, ngài Trừng Quán dịch bốn mươi quyển). Ngài dựng một gác cao và an trí kinh trên ấy. Thời bấy giờ người ta gọi ngài là Giáo chủ trung hưng giáo nghĩa. Chùa này do thờ kinh này nên người ta gọi là chùa Cao ly. Tháp ngài ở phía Tây bắc của chùa. Ngài thọ bảy mươi tám tuổi. Tiên thế của ngài là người Tấn thủy, vì vậy học giả đều lấy Tấn Thủy để gọi ngài.

16. Thiền sư Tán Nguyên ở Tưởng sơn:

Sư tự là Vạn Tông, người Nghĩa Ô Vụ châu, là cháu mấy đời của Song Lâm Phó Đại Sĩ. Sư xuất gia năm ba tuổi, bảy tuổi làm Đại tăng, tính sư điềm đạm, trầm tĩnh ít nói, nhìn vào chẳng khác kẻ quê mùa nhưng không có truyện ký gì mà sư không đọc, ngôn từ sư tuôn ra đều thanh cao thoát tục, đặc biệt rất ít viết lách. Năm mười lăm tuổi, Sư du phướng đến Thạch Sương yết kiến Thiền sư Từ Minh và ở lại đây giã gạo bửa của, như thế suốt mười năm. Từ Minh dời qua Nam Nhạc, Sư cũng qua theo. Đến khi Từ Minh tịch, Sư an táng Từ Minh ở Thạch Sương, tám năm sau sư đi. Tưởng Sơn Tâm Công kế thế Từ Minh. Tâm Công tịch sư kế thế pháp tịch.

Hồi ấy, Thư Vương xích mích với Đinh Thái Phu nhân, nên Vương vào núi đọc kinh, kết giao với sư rất thân thiện. Vương hỏi ý chỉ Tổ sư thế nào, Sư không đáp. Vương nài nỉ. Sư nói:

- Trí của ông có ba điều chướng nhưng ông có chí hướng đạo, một hai đời nay lại sợ thuần thục.

Vương thưa:

- Xin được nghe sư chỉ bảo.

Sư nói:

- Ông bẩm tính dõng mãnh, thế duyên sâu nặng, do bản tánh cương trực nên gặp phải không ít thế duyên, nhưng đều đem thân mình gánh vác trọng trách trong thiên hạ, ôm hoài bão kinh bang tế thế nhưng việc nhà rối tung là tâm chưa bình thường. Đem cái tâm chưa bình thường, nắm cái chí tế thế thì lúc nào mới có thể một niệm như muôn năm. Ông giận dữ nhiều, học vấn lại chuộng lý, đối với đạo đó là sở tri ngu, ấy là ba điều chướng. Hãy xem danh lợi như cạo bỏ râu tóc, ăn uống đạm bạc như khổ hạnh, đây là gần với đạo, hơn nữa phải dùng giáo thừa gội rửa trước mới được.

Thư Vương đảnh lễ nghe theo. Đầu năm Hy Ninh, Vương vào ứng đối với sư, từ đó đạo phong của sư chấn động thiên hạ. Tháng nào Vương cũng đến nhưng sư chưa từng mở mắt nhìn. Khách đến sư không phân biệt sang hèn, ngoài những câu hỏi thăm sức khỏe, Sư chẳng nói điều gì, nhắm mắt ngồi yên như nhập định, khách thấy vậy đi về.

Một lần sư ra khỏi thành, có một gã điên cầm dao chạy vào chùa đâm chết vị Tăng. Tả hữu chạy đi trả thù. Sư về, đi ngang qua chỗ để thi thể nhưng chẳng nhìn mà vào thẳng phương trượng ngồi thiền. Mọi người vây quanh mong sư giải quyết nhưng sư vẫn nhắm mắt ngồi yên, thấy vậy ai nấy lẳng lặng bỏ về, rốt cuộc chẳng hỏi được gì.

Đầu năm Nguyên Hựu, Sư nói:

- Ta muốn về Đông Ngô. Nói xong, Sư thị tịch. Vương Thư khóc than thống thiết, an táng sư ở Tưởng sơn.

17. Tô Lão Tuyền viết bài ký về viện Viên Giác: (Kỷ Tỵ)

Tô Lão Tuyền có lần viết bài ký về viện Viên Giác ở Bành châu. Trong ấy nói:

"Con người ta ở đâu tất có niềm vui ở đó. Ở thì phải vui, không vui thì không ở. Ở mà không vui, không vui nhưng không đi là tự dối mình, dối trời. Người quân tử thẹn vì ăn cơm người ta nhưng không có công cáng, thẹn vì mặc áo người ta nhưng chẳng giúp gì cho họ, bởi vậy ở nhưng không vui. Với ta chỉ còn nhả cơm cởi áo bỏ lại để trốn sự gièm pha của thiên hạ mà thôi. Trời cho ta hình hài nhưng bắt ta phải dùng tâm tiết chế. Hôm nay ta muốn đi Tần, ngày mai lại muốn đi Sở, trong thiên hạ ai cũng cấm ta. Bởi vậy ở mà không vui, không vui nhưng lại không muốn đi. Đó là tâm không tiết chế được thân, huống gì là chế ngự người khác.

Từ đời Đường đến nay, sĩ đại phu trong thiên hạ đua nhau bài xích Thích, Lão, bởi vậy học trò muốn cầu học với ta. Trong đám sĩ đại phu ấy thường cũng có người phản thầy mình rồi đến xin ta chứa chấp. Nhưng sĩ đại phu của ta lại thích người ta đến, ân cần tiếp đón họ, lạy bọn uống rượu ăn thịt như Linh Triệt, Văn Sướng để tự cắt đứt giáo pháp của mình. Than ôi! Về với cha mẹ như vậy, về với nhà cửa như thế mà ta vẫn chấp nhận bọn người phản thầy như vậy chăng? Cha mẹ không chịu quay về, nhà cửa không chịu quay về lại chạy theo bọn phản phúc, những kẻ ấy không thể đứng vững trong thiên hạ dù chỉ một ngày.

Truyện viết:

"Bề tôi không kết giao bên ngoài". Bởi vậy Quý Bố nổi tiếng là trung thần ở đất Sở, tuy chẳng bằng bậc tiên giác của Tiêu, Hàn nhưng so với những kẻ phò tá của Đinh Công thì hơn hẳn rồi. Tôi ở Kinh sư, Tăng Bảo Thông, người Bành Thành khẩn thiết đến cầu học với tôi. Lúc tôi đi Thục, nghe ông ấy từ Kinh sư về chỉ mặc áo vải, ăn rau dưa làm người mẫu mực cho học trò. Trong ngần ấy năm, viện Viên Giác rất thịnh ,Ngày nọ, vì muốn nêu tỏ tiếng tăm của viện và công đức của thầy tôi là Đại sư Bình Nhuận nên ông ấy mời tôi viết bài ký. Bảo Thông vốn là người không phản thầy đã làm tôi vui lây, bởi vậy tôi viết bài ký rằng: Tăng Bình Nhuận ở chùa Long Hưng, Bình Thành giảng Kinh Viên Giác rất đặc thù, bởi vậy đặt tên viện này là Viên Giác. Viện

này trước đây cỏ mọc um tùm, từ khi Bình Nhuận đến mới bắt đầu phát hoang dọn dẹp, lập ra điện đường, đã có hai vị Tăng kế thừa rồi mới đến Bảo Thông. Thông lại xây cất tiếp những tăng xá bên cạnh mới thành hình tự viện như thế này".

18. Ma Nạp tán của Tô Đông Pha:

Tô Thức do họa sĩ Long Đồ các mà biết Hàng châu.Ông tâu xin vua khơi thông Tây Hồ, lấy Tế sơn làm bờ. Người Hàng châu gọi ông là Tô Công Đề Thiệu Thánh năm thứ tư, ông bị đày đi Đam châu. Đến tháng sáu năm Nguyên Phù thứ ba mới từ hải ngoại về và ở tại Thường châu. Ngày ông đi Hoàng châu, ông có dựng ngôi nhà lấy tên là Đông pha Cư sĩ. Ông mất ngày hai mươi tám tháng bảy niên hiệu Tĩnh Quốc năm đầu. Triều đình phong ông làm Lang Đề Cử Thành Đô Ngũ Cục Quán. Ông từng viết bài Ma nạp tán cho Phật Ấn. Trong ấy ghi:"Đại sư Liễu Nguyên Phật Ấn đến Kinh sư, thiên tử nghe danh liền đem Ma nạp do Cao Ly triều cống cúng dường ngài. Có người thấy vậy khen: Ôi! Lành thay! Xưa nay chưa từng có".

Có lần ông cầm vạt y ấy lên, nhìn những đường ô dọc ngang rồi nói với Phật ấn:

- Đông đến Ngung Di, Tây đến Muội Cốc, Nam đến Giao Chỉ, Bắc tận U Đô, tất cả đều ở trong đường tơ của những lỗ kim này.

Phật Ấn vui vẻ cười nói:

- Lời của ông quê mùa quá rồi. Tôi nhìn bằng pháp nhãn thì mỗi mỗi lỗ kim có vô lượng thế giới. Mỗi một chúng sinh trong vô lượng thế giới đó đều có áo này nhiều như tất cả lỗ chân lông để mặc. Đường kim mũi chỉ đều là thế giới, cứ thế lần lượt xuyên qua tám mươi lần. Quang minh của Đức Phật ta chiếu ra, thánh đức của vua ta bủa ra giống như gom biển cả để trong giọt nước trên đầu sợi lông, như đem đại địa đổ trên đầu mũi kim thì Ngung Di, Muội Cốc, Giao Chỉ, U Đô nào có đủ thiếu gì đâu. Nên biết y Ma nạp này chẳng lớn chẳng nhỏ, chẳng ngắn chẳng dài, chẳng nặng chẳng nhẹ, chẳng mỏng chẳng dày, chẳng sắc chẳng không. Mọi vật trên thế gian co rúm nứt nẻ nhưng áo này không lạnh; đá nát vàng chảy nhưng áo này không nóng; ngũ trược tuôn tràn kiếp hỏa phừng phừng nhưng áo này chẳng hoại. Như vậy có phải suy nghĩ mông lung sinh tâm hạ liệt?

Tô Thức nghe xong, ngợi khen:

- Cất ở trong rương thì thấy áo mà không thấy sư, đem ra mặc thì thấy sư mà không thấy áo. Sư và áo chẳng phải một cũng chẳng phải

hai, ghé mắt nhìn vào thì thấy rõ chấy rận, tượng vương.

19. Thiền sư Viên Thông Pháp Tú:

Sư họ Tân, người Lũng Thành, Tần châu. Hồi ấy, mẹ sư mộng thấy vị Tăng gầy ốm, râu tóc bạc phơ vào nhà nói:

"Ta là Tăng trên núi Mạch tích".

Tỉnh dậy, bà biết mình mang thai.

Trước đây trên núi Mạch tích có một vị Tăng không rõ tên họ là gì, ngày ngày ông tụng Pháp Hoa. Kết giao với Lỗ Hòa thượng ở chùa Ứng Càn. Có lần ông muốn du phương với Lỗ Hòa thượng nhưng Lỗ Hòa thượng chê ông già. Ông nói:

- Ngày sau ngài phải tìm tôi ở dưới ngọn Thiết Cương phía trước sườn núi chỗ có rặng tre xanh. Lúc ấy, Lỗ Hòa thượng bỗng nghe nói có một đứa trẻ vừa sinh ngay nơi đó nên liền đến xem. Vừa thấy Lỗ Hòa thượng đứa bé liền cười. Lên ba tuổi, đứa bé ấy xin về chùa với Lỗ Hòa thượng, từ đó đứa bé lấy họ Lỗ. Đứa bé này chính là sư.

Năm mười chín tuổi, Sư thọ Cụ túc. Sư bẩm tính mẫn tuệ, thông minh xuất chúng, phong cách dị thường, tinh thông kinh luận, cơ phong chẳng ai lường nổi, nổi tiếng ở Kinh Lạc. Sư dựa vào Khuê Phong Sao để diễn bày vô lượng nghĩa, nhưng lấy làm tiếc vì cho rằng Khuê Phong học thiền. Sư chỉ trân trọng Hoa Nghiêm của Nguyên Công ở Bắc kinh nhưng rất tiếc vì Nguyên Công chẳng giảng. Sư nói:

"Giáo nêu tận ý Phật, người như Nguyên Công không nên chê giáo. Thiền không phải ý Phật, người như Khuê Phong chẳng nên học thiền. Nhưng ta không tin Đức Thế Tôn giáo ngoại biệt truyền cho Đại Ca-diếp."

Từ đó Sư giải tán hội giảng đi về phương Nam, nói với đồng học:

- Ta sẽ đập tan hang ổ, diệt sạch dòng giống bọn mạt sát để báo đáp ân Phật mới thôi.

Đầu tiên, Sư đến chùa Hộ Quốc ở Tùy châu đọc văn bia của Thiền sư Tịnh Quả. Văn bia ghi:

"Tăng hỏi Báo Từ:

- Thế nào là Phật tánh?

Báo Từ đáp:

- Ai không có?

Tăng lại hỏi Tịnh Quả. Quả đáp:

- Ai có?

Vị tăng nhân đó tỉnh ngộ."

Sư đọc xong, cười vang nói:

“Phật tánh còn dám nói có không, viện dẫn như vậy rồi nói nhân đó tỏ ngộ ư?”

Sư giận dữ phất tay áo đến Vô vi thiết phật yết kiến Thiền sư Nghĩa Hoài. Nghĩa Hoài tọa thiền nước mắt nước mũi chảy ướt cả y áo. Sư lấy làm lạ. Hoài lau nước mắt nước mũi hỏi Sư:

- Tọa chủ giảng Kinh gì?

Sư đáp:

- Hoa Nghiêm.

- Kinh ấy lấy gì làm tông?

- Lấy tâm làm tông.

- Tâm lấy gì làm tông?

Sư đáp không được. Nghĩa Hoài nói:

- Mảy may sai lệch đất trời xa vời.

Sư xét mình thấy có điều không phải bỗng nhiên kính phục Nghĩa Hoài vô cùng và nguyện ở lại đây tu học. Thời gian sau, Sư tỏ ngộ. Nghĩa Hoài vào đất Ngô, Sư cũng đi theo.

Sư mở hội xiển dương ở Tứ Diện đất Hoài. Ngoài việc cơm cháo qua ngày sư chưa từng nói điều gì. Sau sư đến Trường Lô, Tưởng Sơn, Thê hiền học chúng có đến ngàn người. Bấy giờ có Trưởng lão Toàn Tiêu đến và thăng tòa. Chúng chỉ đưa mắt nhìn và mỉm cười, chẳng ai đứng ra thưa hỏi. Khi ấy, Sư bước ra lễ bái và hỏi:

- Thế nào là người thật của Pháp Tú?

Toàn Tiêu cười nói:

- Tú mặt sắt mà không biết con người thật của mình ư?

Sư nói:

- Người trong cuộc mù mờ.

Cả chúng hội đều khâm phục chỗ liễu ngộ tâm pháp của Sư. Hồi ấy Ký quốc Đại Trường công chúa vừa dựng xong chùa Pháp Vân. Vua có chiếu thỉnh sư làm Tổ khai sơn. Ngày khai đường, Thần Tông sai Trung sứ đem hương thơm, y Ma nạp đến cúng đồng thời truyền lại lời vua. Đủ thấy vua vô cùng kính trọng. Hoàng đệ Kinh vương đến cung nghinh dưới tòa, sĩ đại phu ngày ngày hỏi đạo.

Lúc đó Tư Mã Quang, Phương Đăng Dung cho rằng pháp ta quá thịnh có ý muốn kinh doanh. Sư nói:

- Tướng công thông minh, hào kiệt hơn người, nếu chẳng nhờ Phật pháp thì làm gì được như vậy, thế mà nay ông muốn quên nguyện lực rồi chăng?

Từ đó họ không dám làm gì. Tháng tám năm Nguyên Hựu thứ năm, Sư nhuốm bệnh. Vua sai Ngự y đến xem. Ngự y xin xem mạch, Sư nhìn ngự y nói:

- Ông làm gì thế? Ta có bệnh ắt chết thôi. Nay chạy chữa cho khỏi là tham sống. Sống chết, mộng trong lúc bình sinh đâu thể chọn lựa được.

Nói xong, Sư khoát tay bảo Ngự y lui ra, rồi gọi thị giả vào thay áo. Sư ngồi ngay thẳng nói kệ và thị tịch. Thọ sáu mươi bốn tuổi, tăng lạp bốn mươi lăm hạ.

20. Thiền sư Thường Tổng ở Đông Lâm:

Sư họ Thi, người Vưu Khê, Kiến châu. Mẹ sư mộng thấy một người đàn ông dáng người cao ráo, sắc diện sáng chói, cầm ba cành phù dung trắng đưa cho bà, nhưng bà chỉ nắm được một cành, hai cành còn lại héo và rơi xuống đất. Tỉnh dậy bà biết mình mang thai. Sau bà sinh ba người con, hai đứa đầu không may mất sớm, Sư là đứa thứ ba. Năm mười một tuổi, Sư xuất gia với Pháp sư Văn Triệu ở chùa Bảo Vân. tám năm sau, Sư thế phát và đến chùa Đại Trung ở Kiến châu thọ Cụ túc với Luật sư Khế Ân.

Đầu tiên, Sư đến Cát châu yết kiến Hòa Sơn Thiền Trí Tài Công. Tài là người nổi tiếng, giữ sư lại nhưng sư không ở. Nghe đạo phong của Thiền sư Nam Công nổi danh nên sư đến y chỉ với Quy Tông. Sư ở đây rất lâu, không khế hội nên đi tiếp. Quy Tông thị tịch, Nam Công về Thạch Môn nam tháp, Sư cũng đi theo. Đến khi Nam Công từ Thạch Môn về Hoàng bá, Tích Thúy về Hoàng Long sư đều có mặt. Trong khoảng hai mươi năm, Sư đến đi tất cả bảy lần. Nam Công khen sư là người chịu khó nhất trong chúng, Sư thầm nhận lời mật ký này, quyết chí trung hưng tông phong của Tế Bắc.

Hồng châu Thái thú Vinh Công sửa sang lại Lặc Đàm rồi thỉnh sư trụ trì. Có người cho sư là Mã Tổ tái lai. Hồi ấy tăng tục tranh nhau đến yết kiến sư. Nguyên Phong năm thứ ba, vua hạ chiếu đổi Đông Lâm Luật viện ở Giang châu thành thiền viện. Quán văn điện Học sĩ Vương Công Thiều bổ đi Nam Xương muốn mời Bảo Giác Tâm Công đi cùng. Tâm Công bèn tiến cử Sư đi thay mình. Sư biết đường xa cách xa hơn ngàn dặm, phát hịch văn đến các quận may ra họ biết trước để chuẩn bị. Hịch văn phát ra ở Tân cam thì thâm sơn cùng cốc ai nấy đều ứng lệnh. Họ bảo nhau:

"Viễn Công từng sấm ký: Ta diệt độ bảy trăm năm sẽ có nhục

thân Đại sĩ đến thay đổi đạo tràng của ta. Nay quả nhiên phù hợp".

Tiếng tăm của sư lọt đến tai thiên tử. Thiên tử liền hạ chiếu thỉnh sư trụ ở Trí hải thiền viện trong chùa Tướng Quốc. Sư khăng khăng bảo mình người quê mùa già yếu không thể tuân mệnh. Thế nhưng các châu quận sai người đến thúc ép rất gấp, hơn nữa mọi người bảo nhau "Suối tuệ sắp cạn kiệt rồi".

Chỉ trong hai tháng khi nhận được chiếu chỉ, vua đã ban tặng sư một y Tăng-già-lê màu tía và ban hiệu là Quang Tuệ. Người ta lại kháo nhau "Suối tuệ phun nước lại rồi".

Năm Nguyên Hựu thứ ba, Từ Quốc Vương tâu xin, vua ban sư hiệu là Chiếu Giác Thiền Sư. Sư có duyên với tăng chúng, pháp hội của sư có đến bảy trăm người, đạo tràng hưng thịnh, những năm gần đây chưa có đạo tràng nào thịnh như thế này.

Tháng tám năm Nguyên Hựu thứ sáu, Sư nhuốm bệnh.

Ngày hai mươi lăm tháng chín, Sư tắm rửa xong ngồi ngay thẳng thị tịch.

Ngày tám tháng mười, tứ chúng thỉnh nhục thân sư an táng và dựng tháp ở phía Đông Nhạn môn. Sư thọ sáu mươi bảy tuổi, tăng lạp bốn mươi chín hạ.

21. Thiền sư Ngọc Tuyền Thừa Hạo:

Vô Tận Cư sĩ soạn bài minh trong tháp của Trưởng lão Ngọc Tuyền Thừa Hạo ở Kinh môn. Trong ấy đại lược ghi:

"Sư họ Vương, người ở trấn Sách Đầu, huyện Đan Lăng, My châu. Thiên thánh năm đầu, Sư xuất gia ở Đại lực viện với pháp danh là Thừa Hạo.

Minh Đạo năm thứ hai, Sư thế phát.

Cảnh Hựu năm đầu, Sư thọ Đại giới.

Khánh Lịch năm thứ hai, Sư du phương đến Phục châu yết kiến Thiền sư Bắc Tháp Tư Tịch, phát minh được tâm yếu, chứng đắc Du Hý Như Phong Đại Tự Tại Tam-muội. Sư từng lấy máu trên mũi trâu nghé viết danh hiệu của Lịch đại Tổ Sư rồi lạy mà nói:

"Chỉ có Văn-thù, Phổ Hiền mới sánh được với mấy người này".

Có lần sư viết cả lên trên giải áo, từ đó tăng chúng đều gọi sư là Hạo Bố Côn.

Lúc này Tuệ Nam ở Hoàng Long lập ra ba câu then chốt để tiếp người, rất ít có ai khế cơ. Sư sai một vị Tăng đến. Tuệ Nam hỏi vị Tăng:

- Tay ta đâu giống tay Phật.

Tăng đáp:

- Không giống.

- Chân ta đâu giống chân lừa.

- Đúng là không giống.

Tuệ Nam cười nói:

- Đây không phải là lời của ông, ai dạy ông đến đây?

Tăng kể thật mọi chuyện. Tuệ Nam nói:

- Xưa nay ta đã nghi gã này rồi.

Trong niên hiệu Hy Ninh, Sư đến Tương Dương làm thủ tòa cho Cốc Ẩn. Có vị Tăng đất Thục đến pháp hội sư, Sư rất mến mộ vị này Vị này. Tuy nhỏ tuổi nhưng có chí, nên sư thường chỉ dạy nâng đỡ. Vị Tăng bắt chước Sư cũng lấy máu mũi trâu nghé viết trên giải áo rồi đem phơi. Sư thấy liền hỏi:

- Áo ta tại sao lại ở đây?

Tăng đáp:

- Đây là áo của con.

- Ông có đạo lý gì mà dám làm như vậy?

Tăng lễ bái nói:

- Chỉ mong thầy hứa khả vì con quá mến mộ.

Sư nói:

- Đây đâu phải là chuyện đùa, nửa năm nữa ông sẽ thổ huyết mà chết.

Nửa năm sau, quả nhiên tăng bị thổ huyết mà chết ở Lộc môn sơn. Ai nấy đều rất lấy làm lạ.

Tháng tư, năm Nguyên Phong thứ hai, tôi phụng sứ đi Tây Nam hành sự. Nghe danh sư liền đến yết kiến. Tôi hỏi:

- Thầy nối pháp của ai?

Sư đáp:

- Bắc Tháp.

- Bắc Tháp có câu gì không?

- Ngặt nỗi ông ấy chẳng chịu nói với người khác.

Thế rồi tôi thỉnh sư trụ ở Đại Dương, Trình châu. Cốc Ẩn vui mừng nói:

- Thủ tòa của ta đã xuất thế.

Nói xong Cốc Ẩn nhóm họp tăng, tục thỉnh sư thăng tòa để mọi người nở mày nở mặt. Sư nói:

- Thừa Hạo ở Cốc Ẩn mười năm chưa từng uống của Cốc Ẩn một

giọt nước, ăn của Cốc Ẩn một hạt cơm. Nếu ông chưa từng đến Đại dương thì ta nói cho ông nghe.

Nói xong, Sư xách trụ trượng xuống tòa đi thẳng. Ở được vài tháng, kinh nam Lý Công Thẩm Ngôn, Chuyển vận sứ Tôn Công Cảnh Tu cùng thỉnh sư trụ ở Cảnh Đức thiền viện trong Ngọc Tuyền, Đương Dương. Cơ phong của sư chót vót, người học không hội nhập được. Trong pháp hội thiếu chức Thủ tòa, Duy na nói:

- Người nào từng làm tăng ở đây, hãy vì chỗ quy hướng cho chúng tăng, cứ theo thể thức các nơi mà thỉnh.

Sư nạt:

- Bày đặt! Bày đặt! Mạnh bát lang, Mạnh bát lang!

Một hôm sư đi ngang qua nhà bếp, thấy chúng đang làm bún ăn chiều. Sư hỏi:

- Có khách à?

- Cơm chiều cho tăng chúng.

Sư gọi tri sự đến và nói:

- Xưa ta tham thiền, gánh nước giã gạo cho người, nay mới được thành gạo làm bún nấu nướng để cúng dường chư Phật, Bồ-tát, La hán. Nào ngờ các ông ăn uống no rồi chẳng chịu để tâm tham học, nghĩ tưởng ra trăm thứ, năm vị thơm lừng. Giả sử có nấu ra nào là ruột lừa, xương dê, can ba ba cùng tám mươi bốn ngàn loài trùng khác thì mở mắt chạy theo cảnh, nhắm mắt chạy theo mộng mà không biết chủ lục phán quan, lược thừa Diêm quan đang theo dõi ông để ghi chép tội lột da xẻ thịt của ông trong sổ bộ, bắt ông phải chịu khổ ngay đây.

Bấy giờ đồ chúng không chịu nổi kham khổ nên gièm pha sư với huyện lệnh. Họ nói:

- Trưởng lão không có khả năng nắm chúng, từ trên xuống dưới kiểm thúc quá gắt gao.

Huyện lệnh triệu sư đến huyện đường, trách:

- Đại Thiện tri thức không chịu ngồi yên trong phương trượng, môn hạ ở Đông lang Tây lang đến đi bao nhiêu người?

Sư đáp:

- Đại Thông Trí Thắng Phật mười kiếp ngồi đạo tràng, Phật pháp chẳng hiện ra chẳng thành tựu Phật đạo. Ngài cho rằng ngồi là Phật ư? Hay ngồi là giết Phật?

Quan huyện mờ mịt càng tôn kính sư.

Con chó đang ở trong thất, có vị Tăng vào thưa hỏi. Sư nạt một tiếng con chó chạy ra ngoài. Sư nói:

- Con chó hiểu mà ông thì lại chẳng hiểu.

Mùa đông, chợ Ngọc Tuyền vô cùng đông đúc, dân chúng bốn phương đều đổ về đây. Sư vẽ một vòng tròn trên vách hành lang, nhìn mọi người rồi nói:

- Bán rẻ, bán rẻ!

Lát sau, Sư chùi vòng tròn nói:

- Tự mua đi! Tự mua đi.

Ngày đông chí, Sư thượng đường nói:

- Ngày qua tháng lại vẫn áo quần dơ dáy, chớ cười là ta không giặt, chỉ là không có người đến thay thôi.

Vương Đại Quán đến Kinh nam, hỏi Sư:

- Thế nào là Phật?

Sư đáp:

- Chặt gót chân!

Hỏi tiếp:

- Thế nào là Pháp?

- Nhấc đầu lên!

Sư có tướng đỉnh đầu cao, từng làm bài tán rằng:

Cháo ít ngồi sau
Giường hẹp nằm trước
Tai điếc ưa tiếng to
Mắt mờ thích chữ lớn.

Những lời ứng cơ đối đáp của sư ẩn hiển khó lường, đại loại đều như vậy.

Chùa Ngọc Tuyền rộng lớn nhưng rất bề bộn, các đời trụ trì trước đây đều cho rất khó trùng tu, xây dựng. Sư nói:

- Ta có duyên với núi mà không có duyên với tăng. Sửa chùa đời nay cho tăng chúng đời sau vậy.

Thế rồi sư phá bỏ pháp đường, phương trượng, tăng xá, lầu chuông, đài Di-lặc, miếu Quan Thánh và xây dựng mới lại, rồi nhờ tôi ghi lại toàn bộ sự việc này. Sư ở núi không dùng đến bút nghiên giấy mực, trong rương không có áo kép, chẳng có túi tiền.

Năm Nguyên Hựu thứ sáu, Sư sai người đến Giang Tây thưa:

"Già bệnh và chết, được Bá Trượng Túc thay thế thì tốt lắm rồi".

Tôi nghĩ sư có ý mời Túc nhưng Túc chẳng về.

Ngày hai mươi tám tháng mười hai, Sư thị tịch. Trước khi mất đồ chúng ép Sư nói kệ. Sư cười nói:

Ta tám mươi mốt tuổi
Bệnh chết khiêng thây đi
Trai tráng cùng gắng sức
Ba trăm sáu mươi ngày.

Lúc sư thị tịch, đất chấn động ba lần. Lúc ấy tôi vận tải quân lương đi Hoài Tây, lại có chiếu phải về làm Gián quan ở Kim Lăng nên không rõ việc sư mất.

Tháng mười năm này, tôi nhận được chiếu đi Hồng châu, đi đến Thái Bình bỗng Đức Hồng đến gặp, khóc nói với tôi:

"Thầy đã tịch rồi".

Đức Hồng về Mân Trung, nhận được tin báo liền chạy đến Ngọc tuyền thì sư đã được an táng dưới chân Đẩu sơn rồi. Đức Hồng dựng tháp ở Thỉ Tựu tự tưởng niệm tên sư, thần giao đạo khế chưa có ai như ông ấy. Bởi vậy dù xa ngàn dặm nhưng tôi vẫn đến ông ấy xin mấy lời để viết bài minh trên tháp. Tôi mến mộ vì Hồng không quên thầy mình, bèn truy tìm hết ngọn ngành rồi viết bài minh" (lược bớt phần văn bài minh).

22. Pháp sư Biện Tài Nguyên Tịnh:

Sư họ Từ, tự là Vô Tượng, người Ô Tiềm, Hàng châu. Có người khách đi ngang nhà sư nói:

"Nhà có khí lành xông lên, ắt sẽ sinh nam tử tuấn kiệt".

Lúc chào đời trên cánh tay trái của sư nổi lên những đường gân giống như đường ngang đường dọc của y ca-sa, tám mươi mốt ngày sau thì lặn hết. Ông nội của sư thấy lạ nói:"Sa-môn kiếp trước ắt phải để nó theo Phật, tám mươi mốt lẽ đâu là tuổi thọ chăng?"

Đến lúc sư thị tịch quả nhiên ứng hợp với con số này.

Năm mười tuổi, Sư xuất gia, mỗi lần thấy giảng tòa sư liền nói:

"Con nguyện lên tòa này thuyết pháp độ người".

Năm mười hai tuổi sư theo học với Từ Vân, không đầy mấy năm đã đứng đầu học chúng. Sau sư nghe Đại sư Minh Trí giảng Phương Tiện Ngũ Duyên trong Chỉ quán rằng:

"Tịnh Danh nói:- Đem một bữa ăn cúng thí cho tất cả. Trước cúng dường chư Phật và chư hiền thánh, sau đó mới ăn. Đây là phương tiện thứ nhất".

Sư hốt nhiên tỏ ngộ nói:- Ngày nay ta mới biết sắc, thanh, hương, vị, xúc vốn đầy đủ Đệ nhất nghĩa đế.

Nói rồi sư khóc thảm thiết. Từ đó sư nhận chân được thật tướng

các pháp, thay Minh Trí giảng thuyết suốt mười lăm năm.

Thái thú Hàng châu là Lã Trăn thỉnh sư trụ ở Đại bi các, Sư lập ra giới luật nghiêm khắc, đồ chúng rất sợ nhưng rất quý mến sư. Do Trăn tâu xin và sư được vua ban cho Tử y và hiệu là Biện Tài.

Năm Gia Hựu thứ bảy, Hàn lâm Thẩm Cấu đi phủ dụ Hàng châu, nói: Thượng Trúc vốn là đạo tràng Quán Âm, dân chúng ở đây niệm Phật, không phải thiền viện, rồi thỉnh sư trụ trì ở đây (năm này đổi thiền viện thành giáo viện). Sư phá núi, xây tăng xá, nhóm họp học chúng. Đạo tràng của sư rất thịnh nổi tiếng khắp Triết giang.

Đời Thần Tông, năm Hy Ninh thứ ba, Thái thú Hàng châu Tổ Vô Trạch bị cầm tù ở Túy Lý. Sư đúc chuông cầu nguyện giải nạn, rất may Trạch được tha, Sư đưa Trạch về ở Chân Như lan nhã. Sư lập ra yếu chỉ, đặt ra vấn đáp, thuật lại sự lý viên dung, phát minh ý chỉ sâu xa trong ý Tổ.

Niên hiệu Nguyên Phong năm đầu, có người trong sơn môn được triều đình hậu đãi, nhân đó ỷ quyền cậy thế đoạt luôn đạo tràng. Từ đó chúng cũng tan rã. Mấy năm sau triều đình biết được, từ đó giao quyền trụ trì lại cho Sư. Sư tập hợp đồ chúng trở lại.

Thanh Hiếu Triệu Công là người kết giao với sư, ông ấy từng làm bài tán tặng Sư:

Sư bỏ Thiên Trúc
Núi vắng quỷ khóc
Sư về Thiên Trúc
Đạo tràng thịnh lại.

Tô Đông Pha cũng gởi thơ tặng Sư:

Đạo nhân bỏ núi đi
Núi rừng nhuộm tang tóc
Mây trắng chẳng buồn trôi
Tùng xanh cũng sầu thảm
Chợt nghe đạo nhân về
Chim muông ca rộn núi.

Ba năm sau, Sư từ giã đi, đến trụ ở Long Tỉnh, Nam sơn. Quan dân tranh nhau đến dựng thất, từ đó nơi đây trở thành Già lam.

Năm thứ sáu, Thái thú Đặng Bá Ôn thỉnh sư trụ ở Nam bình. Năm sau sư về lại Long Tỉnh. Hồi ấy pháp tịnh ở Linh sơn bỏ không, Sư cung thỉnh chúng tăng trụ trì đạo tràng của sư tổ Từ Vân. Hơn tháng sau, trong định sư thấy một vị thần mặc áo giáp vàng quỳ trước sư nói:

- Sư không duyên nơi này, không nên ở đây lâu!

Nghe vậy, Sư về lại Long Tỉnh.

Năm Nguyên Hựu thứ tư, Tô Thức nhậm chức ở đất Hàng. Thức hỏi Sư:

- Trong núi này những người đạo hạnh như sư được mấy người?

Sư đáp:

- Sa-môn có nhiều mật hạnh đâu thể biết hết được.

Lúc sắp tịch, Sư vào phương trượng ngồi kiết già, từ giã tân khách, không nói năng ăn uống gì. Sau gọi trưởng liêu đến và nói:

- Tịnh nghiệp của ta sắp xong, nếu bảy ngày nữa không có trở ngại gì thì nguyện của ta thành tựu.

Bảy ngày sau, Sư nói kệ dặn chúng rồi nằm nghiêng bên phải thị tịch. Hôm ấy nhằm ngày ba mươi tháng chín năm Nguyên Hựu thứ sáu. Dựng tháp xong Đông Pha mời Tử Do viết bài minh.

23. Thiền sư Đạo Trăn Tịnh Nhân:

Sư họ Đới, tự là Bá Trường, người Cổ Điền, Phước châu. Từ nhỏ sư đã không ăn mặn, mười bốn tuổi sư đến Thượng Sinh viện tập tu khổ hạnh. Sáu năm sau sư thọ Đại giới. Sư xem luận Đại thừa, Tiểu thừa, bất giác để xuống nói:“Đây chỉ là những lời giảng nói về phương tiện mà thôi”.

Thế rồi sư ôm bát vân du đến Giang hoài, tham vấn rất nhiều Thiện tri thức và lãnh hội yếu chỉ với Phù Sơn Viễn Công. Pháp tịch của Thừa Thiên ở Giang châu bỏ không khiến cho sư rất buồn. Sư đến Đan Dương ở tại Nhân thánh viện. Một hôm đi trên bờ sông tìm thuyền, Sư tính thầm “Phải đến nơi mà hợp duyên với ta thôi”. Sư hỏi người chèo thuyền:

- Cho tôi đi Cang Vĩ được không?

Người chèo thuyền cười nói:

- Thầy muốn đi đâu, tôi vào Biện cang đây.

Sư đáp:

- Tôi đến Kinh sư.

Người chèo thuyền chở sư về phía Bắc.

Sư yết kiến Tịnh Nhân Đại Giác Liên Công, Liên Công sai sư làm Thủ tòa. Đến khi Liên Công về đất Ngô, chúng tăng thỉnh sư kế vị. Ngày khai pháp Anh Tông sai Trung sứ đem hương thơm, Tử y đến cúng dường. Tăng, tục bốn phương đều đổ về kinh sư, quan lại kẻ giàu ngày nào cũng chật cửa. Ngày nó, Sư đi Từ thánh thượng tiên, Thần Tông thỉnh sư vào Khánh thọ cung ứng đối. Vua rất hài lòng, bèn lập giảng

tòa để người người cùng vào thưa hỏi. Ai nấy đều khen, người như sư quả thật hiếm thấy, họ tán thưởng ngợi khen âm thanh vang rền cung điện. Vua ban thưởng cho sư rất hậu. Thần Tông bùi ngùi vì Phật pháp suy vi, danh tướng bị mai một nên cho xây dựng hai ngôi chùa Tuệ Lâm và Trí Hải rồi giao cho sư việc tuyển lựa tăng chúng. Những bậc lão túc nghe danh tiếng Sư đều tìm đến cầu học. Thần Tông thỉnh sư vào Phước Ninh điện thuyết pháp, vua nghĩ sư là người đức hạnh trong sạch hiếm thấy, nhân đó vua ban cho sư hiệu là Tịnh Chiếu Thiền sư.

Ngày mười bảy tháng tám năm Nguyên Hựu thứ tám, Sư nói trước với Tịnh Viên:

- Ba ngày nữa ta đi!

Ba ngày sau, Sư tắm rửa thay áo, nói kệ xong, kiết già thị tịch, thọ tám mươi tuổi, tăng lạp sáu mươi mốt hạ.

Sư bẩm tánh nhân từ, khiêm cung, thường tỏ ra mình là người không giỏi ăn nói. Ở phía Tây đô thành, học trò đến bốn mươi người, ba mươi năm sư chưa từng ra khỏi cửa. Sư sống rất giản dị, hai mươi năm chỉ mặc một bộ đồ, chỉ dùng vải tang quấn chân, không dùng vải dày. Sư nói:

- Chỉ phung phí mà thôi không phải là điều ta ham muốn.

Thế rồi sư lau sạch vách phía Tây của phương trượng, mời Văn Tự Khả vẽ lên đó một cây trúc. Sư nói với Dự Khả:

- Tôi muốn người ta thấy cây trúc này thì lòng sáng sạch, như vậy ông đã thay ta nói pháp rồi đó.

Một lần sư thuyết pháp trong cung Khánh Thọ, có tăng hỏi:

- Từ Thánh, tiên dạo chơi trong định rốt cuộc về đâu?

Sư đáp:

Nước chảy vốn trong biển
Trăng lặn chẳng lìa trời.

Vua nghe vô cùng hoan hỷ, càng kính trọng sư hơn. Hoàng Lỗ có bài tán trong bức chân dung của sư rằng:

Hổ kia không tuổi
Rồng nằm chẳng ca
Rừng khuya trăng lặn
Sáu phương mây mù
Núi xa làm rạng hồng gương mặt
Đi về chẳng hẹn với gió xuân
Ba mươi lăm năm miệt mài giảng thuyết
Đường Đông rộng mở lối Tây sang.

Giáp Tuất: Đổi niên hiệu Thiệu Thánh.

Ất Hợi: Liêu đổi niên hiệu Thọ Xương, chúa Hồng Cơ được gia hiệu là Thánh Văn Thần Võ Toàn Công Đại Lược Thông Nhân Hiếu Tuệ Thiên Hựu Hoàng Đế.

24. Thiền sư Trí hải Mộ Triết: (Ất Hợi)

Sư họ Văn, người Lâm xuyên. Họ Văn nghèo, Sư từ nhỏ lại mồ côi nên đã sớm theo Luật sư Vĩnh An Viên Giác ở Kiến Xương làm đồng tử, nhờ thi Luật mà được độ làm tăng. Con người sư giản dị, cương quyết, học thức cao xa, lấy thiền pháp làm sự nghiệp, bản thân nghiêm trì giới luật. Lúc Thiền sư Thúy Nham du phương sư đã biết Thúy Nham. Thúy Nham mến mộ sư vì sở trường sư hơn người. Người ta gọi sư là người tâm phúc của Thúy Nham. Thúy Nham đến đâu thường phạm quy củ, chúng tăng giận nhưng sư không chê cười. Sư cùng Thúy Nham vân du suốt hai mươi năm, dù ở chung nhưng sư chưa từng thất lễ. Thúy Nham trụ trì hai chùa, Sư âm thầm trợ giúp trở thành pháp tịch. Những người đến cầu học, Thúy Nham bảo họ đến yết kiến thị giả Triết rồi nói với mọi người:

- Ba mươi năm sau, Triết sẽ làm nên Phật sự lớn.

Thúy Nham tịch, Sư dựng tháp ở Tây Sơn, để tâm tang ba năm rồi đi. Sư theo Hoàng Bá vân du đến Tương Trung. Sư một y một bát vân du khắp nơi, đi ở đều làm mẫu mực cho tòng lâm. Tạ Sư Trực làm Thái thú ở Đàm châu nghe danh sư rất vui mừng nhưng không đến được. Pháp tịch ở chân núi Cối Nhạc bỏ không, Trực hết lòng cầu thỉnh sư làm chủ pháp tịch. Mấy tháng sau, đột nhiên sư qua Đại Quy, chúng đến ngàn người không người quản lý ai nấy tự tu học. Cơm chiều xong cho đệ tử vào hỏi đạo, gọi đây là vào thất. Cơm trưa xong thì nhóm hết chúng uống trà. Các nơi mỗi tháng giảng một kỳ, còn sư giảng không ngày nào nghỉ. Ngoài giờ tham thiền, Sư tự chấp lao phục dịch, khiến người ra lệnh ở bên cạnh mà như người qua đường. Sớm đốt hương, chiều đốt đèn, cứ thế sư làm trong mười bốn năm. Ban đêm sư lạy Phật, giữ thất trông coi việc đèn lửa, lúc mệt thì trải áo choàng đầu gối cỏ khô ngủ tạm ở Tam thánh đường. Ban đầu sư cón tắm, về già cả mười năm sư chẳng tắm rửa.

Thiện Thánh năm đầu, vua hạ chiếu thỉnh sư trụ ở Trí Hải thiền viện trong chùa Đại Tướng Quốc. Sĩ đại phu trong kinh sư mong muốn gặp một người phong cách cao vời, tòng lâm cho sư là người thích yên tĩnh sợ ồn ào nên không dám kéo nhau tới. Sư nhận chiếu vui vẻ dẫn

tăng đến thiền viện. Ngày mới đến, cả Kinh sư đều kéo tới xem, đến nỗi có người nói như Phật xuất thế. Viện thì hẹp mà tăng ngày càng đông, không đủ chỗ ngủ thì sư cùng chúng ngủ dưới đất. Có người bảo đừng nhận nữa. Sư nói:

- Tăng, Phật, Tổ từ đây mà ra; ngán Tăng, Phật, Tổ lẽ đâu có người truyền pháp mà lại ngán Phật, Tổ chăng. Sao ông lại nói điều chẳng lành như thế?

Hễ nghiệm người, Sư đều cử việc rửa bát của Triệu Châu, rồi hỏi:

- Thượng nhân hiểu thế nào?

Tăng định đáp thì sư bịt miệng tăng và nói:

- Thôi đi!

Từ đầu đến cuối sư chẳng hề thay đổi cơ phong. Ngày tám tháng mười năm sau, Sư không bệnh và thị tịch.

25. Thiền sư Vân Cư Nguyên Hựu:

Sư họ Vương, người Thượng Nhiêu, Tín châu. Năm mười ba tuổi, Sư theo Bát Sơn Thừa Thiên Sa-môn Tề Thạnh xuất gia. Năm hai mươi bốn tuổi, Sư thọ Đại giới. Lúc này Nam Công Thiền sư ở tại Hoàng bá. Sư đến y chỉ. Hơn mười năm, tài trí của sư đứng đầu học chúng, chúng không vui nhưng sư cũng chẳng buồn. Nam Công thị tịch, Sư vân du đến tương trung, dựng am ở nền cũ của Mã tổ trên Hành nhạc. Tăng chúng khắp nơi tìm đến, thanh danh sư chấn động cả Kinh, Sở. Tạ Sư Trực làm Thái thú Đàm châu. Muốn Luật học được hoằng truyền nơi rừng thiền đạo lâm, nên hết lòng thỉnh cầu sư làm đời thứ nhất. Sư vui vẻ nhận lời đến ngay. Sư đến, tăng, tục khắp thâm sơn cùng cốc ở đạo lâm đều kéo đến quy tụ, dựng tượng vô số, đạo tràng nổi tiếng khắp Tương Tây. Sư xây dựng đạo tràng lập ra Hư đường, Thiền đường để dung nạp người học bốn phương. Dân phu không dám đập tượng, Sư cày hết đem vất ra sông và nói:

- Xưa vốn không thành, nay lẽ đâu có hư hoại chăng? Pháp ta lẽ nào không còn phàm tình chỉ còn thánh giải chăng? năm thứ sáu, điện đài lầu các hoàn thành. Sư bỏ đi, vân du đến Lô sơn. Nam khương Thái thú Lục Công thỉnh sư ở chùa Ngọc Giản. Từ Vương nghe danh sư liền tâu vua, xin vua ban Tử y cho Sư. Sư làm kệ từ chối:

Tăng sáu mươi năm nay sắp già
Chẳng lợi không môn luống xuất gia
Chỉ xin Lễ bộ cấp độ điệp

Không phụ bần tăng nhận ca-sa.

Có người hỏi nguyên do, Sư đáp:

- Ân của nhân chủ, vật của Vương tôn chẳng dám chối từ nhưng đó chỉ là tiếng gần, chưa thể ngang bằng với thanh danh đạo pháp.

Vương An Thượng là em của Thư Vương hỏi đạo với sư và thỉnh sư ở Vân Cư. Sư nói:

- Đây chỉ vì muốn đem xương cốt này về an táng ở đỉnh núi mà thôi.

Nói rồi sư lên xe đi.

Sư không ưa tăng chúng các nơi mỗi người chết đều xây tháp. Sư nói:

- Núi sông có hạn, tăng chết thì vô cùng, ngày sau chắc không còn chỗ xây tháp.

Thế rồi sư mở núi xây dựng một tòa tháp ở phía Đông tháp Hoằng Giác và nói:

- Những người trụ trì để cho nhục thân không hoại, để xá-lợi không bị nắng mưa thì đặt hài cốt ở đây.

Phía Tây sư lại xây một tòa tháp và nói:

- Chư tăng tịch thì để hài cốt nơi này.

Đây gọi là Tam tháp.

Ngày bảy tháng bảy năm Thiệu Thánh thứ hai, ban đêm sư nhóm chúng nói kệ và thị tịch, thọ sáu mươi sáu tuổi, tăng lạp bốn mươi hai hạ.

Mậu dần: Đổi niên hiệu là Nguyên Phù. Tây Hạ đổi niên hiệu là Vĩnh An.

26. Thiền sư Phật Ấn Liễu Nguyên:

Sư họ Lâm, tự là Giác Lão, người Phù Lương, Nhiêu châu. Gia thế theo nghiệp Nho, ông nội và cha sư đều không làm quan. Năm hai tuổi, Sư đã ê a tụng Luận ngữ và thi của Bách gia. Lên năm tuổi sư đã tụng được ba ngàn bài. Lớn lên sư theo thầy học Ngũ kinh, tinh thông đại nghĩa. Nhân đọc kinh Thủ-lăng-nghiêm tại chùa Trúc Lâm, Sư thích nghĩa lý kinh này và bỏ sạch những gì đã học. Sư xin phép cha mẹ xuất gia để thoát sinh tử. Sư xuất gia với Sa-môn Nhật Dụng chùa Bảo Tích. Nhờ thi Pháp Hoa mà được thọ Cụ túc. Sư vân du đến Lô sơn yết kiến Khai Tiên Thiện Xiêm. Xiêm tự phụ cho mình là người từng trải, dẫn dắt hậu học. Sư vấn đáp với Xiêm liền khuất phục Xiêm ngay. Xiêm hết lời khen ngợi sư, lúc đó sư mới mười chín tuổi. Sư lại yết kiến Viên

Thông Cư Nột. Nột nói:

- Cốt cách giống như Tuyết Đậu, quả là hậu lai kiệt xuất.

Lúc này Đại sư Hoài Liên mới nhận chiếu vua, Cư Nột liền cho Sư vào thế chức thư ký của Hoài Liên. Pháp tịch của Thừa Thiên ở Giang châu bỏ không, Cư Nột muốn đưa sư đến chủ trì, quận thú có ý chê sư còn trẻ, Cư Nột nói:

- Liễu Nguyên tuổi tuy nhỏ nhưng có đức cao, dù muôn lão túc cũng không thể bắt bẽ được ông ấy.

Thế rồi sư làm người nối pháp của Khai Tiên, lúc này sư mới hai mươi tám tuổi. Sư từ Thừa Thiên dời qua Đẩu Phương đất Hoài, từ Lô sơn đến Khai Tiên Quy Tông, từ đất Giản đi Kim sơn tiêu sơn, từ Giang Tây qua Đại Ngưỡng, sau trụ ở Vân cư. Trong bốn mươi năm ấy sư dùng đức giáo hóa tăng, tục. Quan lại hiền sĩ kết giao với sư rất nhiều. Lúc này Đông Pha bị đày đến Hoàng châu đối diện với Lô sơn, Sư ở tại Quy Tông có làm thi phú thù tạc với ông, vui thú với núi rừng, sau đó sư về Kim sơn. Đông Pha được tha lúc về Đông Ngô ngang qua Đan Dương có gởi thư cho sư nói:

- Không cần xuống núi đón, hãy học cách tiếp người thượng đẳng của Triệu Châu.

Sư nhận thư liền đi đón. Đông Pha gặp sư, cười hỏi, Sư dùng kệ đáp

Triệu Châu ngày ấy thiếu khiêm nhường
Chẳng rời pháp hội gặp Triệu Vương
Đâu giống Kim Sơn vô lượng tướng
Đại thiên đều chỉ một chiếc giường.

Đông Pha vỗ tay khen hay, Sư có lần nói với chúng:

- Xưa Vân Môn thuyết pháp như mây như mưa nhưng không hề thích khi có người ghi lại lời mình. Hễ thấy ông ấy chửi đuổi đi và nói: "Có miệng sao không nói, trái lại ghi chép lời ta rồi ngày sau buôn bán ta". Nay trong thất đối cơ ghi lại đều giống Hương Lâm Minh Giáo lấy giấy làm y, nghe được gì ghi hết lại thì người học đời sau có những kẻ tìm tòi văn tự ngữ ngôn, đó chẳng khác thổi vào lưới mà muốn cho đầy. Như vậy không phải ngu thì cũng cuồng.

Thời ấy tòng lâm ở Triết giang vẫn còn cho văn tự là thiền và gọi đó là thưa hỏi. Bởi vậy sư lấy đó chấn chỉnh môn nhân.

Tăng thống Nghĩa Thiên người Cao Ly vượt biển đến Minh châu. Truyện ghi:

"Ngài bỏ ngôi vua xuất gia, dâng biểu xin đi khắp tòng lâm để hỏi

đạo học pháp. Vua có chiếu cho Dương Kiệt Thứ Công đến hội quán kết giao. Những chùa chiền ở đất Ngô mà ngài đi qua, họ đều tiếp đãi ngài tử tế, dùng lễ như vua tôi. Khi đến Kim sơn, Liễu Nguyên vẫn ngồi nhận lễ, Thứ Công thất kinh hỏi nguyên do. Liễu Nguyên đáp:

- Nghĩa Thiên là tăng nước ngoài, tăng đến tòng lâm quy củ vẫn giữ nguyên, đâu thể thay đổi.

Muôn họ xuất gia đều được gọi là Thích tử, đâu phải mua quyền cao chức trọng thì hỏi quý tánh làm gì! Thứ Công nói:

- Thấp nhỏ phải theo thời nên cầu tăng nơi khác, lẽ đâu cũng là ý của Giác Lão chăng?

Sư đáp:

- Không phải! Nhún mình theo thói tục thì các nơi còn xem ta ra gì, như vậy làm sao nêu rõ phép tắc của Hoa Hạ ta.

Triều đình nghe được đều cho sư là người biết lễ.

Lúc này Lý Công Bá vẽ chân dung cho Sư. Sư nói:

- Ông phải vẽ hình ta cười. Rồi sư làm bài tán rằng:

Lý Công Kỳ lân đá trên mây
Truyền được Vân Cư đạo thật này
Chẳng phải niêm hoa rõ việc lớn
An nhàn mở miệng cười ai đây
Nằm dưới vũng bùn trâu ngửi gió
Cây khô trong tuyết dễ tươi ngay
Rành rành trước mắt nhưng chẳng biết
Thân gặp thái nình tự tại thay!

Niên hiệu Nguyên Phù năm đầu ngày bốn tháng giêng, nghe khách nói có người ngộ được tâm mình. Sư khoan thai cười một tiếng rồi thị tịch. Sư sai người vẽ mình cười không phải chuyện ngẫu nhiên. Sư thọ sáu bảy tuổi, tăng lạp năm mươi hai hạ.

27. Thiền sư Viên Chiếu Tông Bản:

Sư họ Quản, húy là Tông Bản, người Vô Tích, Thường châu. Sư dung mạo uy nghiêm, nói năng lưu loát. Năm mươi chín tuổi sư theo Thiền sư Vĩnh An Đạo Thăng ở Thừa Thiên Tô châu làm công quả. Đạo Thăng là người rất được tăng chúng trọng vọng, người học quy tụ với ngài đông vô kể. Sư thường mặc đồ xấu rách, mặt mũi lem nhem, suốt ngày gánh nước giã gạo nấu cơm phục vụ cho chúng, ban đêm thì vào thất tham thiền. Đạo Thăng có lần hỏi Sư:

- Khổ công khổ hạnh phục vụ chúng tăng có lao nhọc không?

Sư đáp:

- Nếu bỏ một pháp thì không gọi là đầy đủ được, Bồ-tát thật sự mong muốn thân chứng ngay đời này, lẽ đâu dám cho là lao nhọc?

Đạo Thăng ngầm hứa khả. Mười năm sau sư thế phát thọ Cụ túc, chuyên tâm phục vụ tăng chúng ba năm nữa, rồi sư từ giã nơi đây, vân du hỏi đạo khắp nơi. Sư đến Trì Dương Cảnh Đức yết kiến Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài. Ngay nơi vấn đáp sư khế ngộ nhưng trong chúng không ai biết.

Có lần Sư làm thị giả nhưng cứ ưa ngủ, nằm ngáy khò khò, có người thấy liền mách với Nghĩa Hoài. Nghĩa Hoài cười nói:

- Ông ấy là người tinh tấn nhất trong nhà ta, ngày sau các ông phải nương tựa ông ta, chớ nói nhiều!

Đại chúng thất kinh. Sư lui về ở tại Thọ Thánh, Ngô Giang. Bộ sứ Lý Phục Khuê đêm nọ đến nói với sư Nghĩa Hoài:

- Pháp tịch của Thụy Quang bỏ không, xin thầy cho tăng đến chủ trì.

Nghĩa Hoài chỉ sư nói:

- Không còn ai hơn đạo nhân này.

Sư đến đạo tràng nhóm chúng đánh trống, trống rơi xuống đất lăn tròn phát ra âm thanh, đại chúng thất kinh lùi lại. Bỗng có một vị Tăng bước ra nói lớn:

- Đó là điềm đạo pháp của Hòa thượng chấn động đại địa.

Nói xong, vị Tăng ấy biến đâu mất. Từ đó pháp tịch của sư ngày càng hưng thịnh. Thái thú Vũ Lâm là Trần Tương thỉnh sư trụ trì một trong hai ngôi chùa Thừa Thiên và Hưng Giáo tùy sư chọn lựa, dân chúng Tô châu ai nấy đều ngăn không để sư đi. Tương lại thỉnh sư trụ trì chùa Tịnh Từ đồng thời sai người đem thư đến bảo dụ tăng, tục rằng:

"Chỉ mượn thầy ba năm để trồng phước cho xứ này, chứ không dám giữ lâu".

Sư chúm chím cười nói:

- Ai lại không muốn làm phước.

Chúng hiểu ý sư và để sư đi.

Năm Nguyên Phong thứ năm, Thần Tông Hoàng đế cho xây cất thêm sáu mươi bốn viện trong chùa Tướng Quốc, phân làm tám khu, hai khu dành cho Thiền, sáu khu dành cho luật. Trung úy Lương Tùng Chánh đảm trách việc này. Vua hạ chiếu mời sư trụ trì chùa Tuệ Lâm. Sư đến vua sai sứ tới thăm hỏi. Ba ngày sau, Vua truyền chiếu chỉ thỉnh sư ra trước chùa thuyết pháp cho quan dân. Hôm sau, vua thỉnh sư vào

điện Diên Hòa hỏi đạo. Vua mời ngồi, Sư khoanh chân ngồi kiết già; vua mời trà, Sư uống từng ngụm dài thản nhiên như không. Vua hỏi:

- Thầy xuất gia chùa nào?

Sư đáp:

- Vĩnh An Thừa Thiên.

Vua rất thích tính tình thẳng thắn của Sư, liền ban chỉ dụ thỉnh sư trung hưng thiền tông, dẫn dắt hậu học. Lúc ra về, vua nhìn theo sư và nói với tả hữu:

- Quả thât là vị Tăng đủ cả phước tuệ.

Triết Tông lên ngôi, liền thỉnh sư vào điện Phước Ninh thuyết pháp. Do sư là người được tiên đế kính trọng nên Triết Tông gặp sư không ngăn nổi xúc động. Sư lấy cớ già yếu xin về núi. Vua đồng ý để sư tự tại vân du, tất cả chùa viện không ai được ép sư trụ trì. Sư thăng tòa từ biệt chúng nói:

Vốn là khách không nhà
Nay tự tại vân du
Thuận buồm khua mái đẩy
Thuyền đến thẳng Dương châu.

Lúc ra khỏi thành đô, vương công đại thần đưa tiễn đông đến nỗi ngựa xe chật đường. Lúc chia tay, Sư dặn dò:

- Không nên vui đùa với năm tháng, già bệnh không hẹn ai cả, phải nỗ lực tu hành chớ giãi đãi, đó mới là thật sự vì nhau. Ai nấy đều cảm động rơi lệ, đủ thấy sư nhân từ, khéo khai hóa đến mức nào.

Tăng thống Nghĩa Thiên người Cao Ly vốn là vương tử phụng quốc mệnh sang Trung Quốc, nghe danh sư liền đến xin làm đệ tử. Sư hỏi sở đắc, Nghĩa Thiên đem kinh Hoa Nghiêm ra ứng đáp. Sư hỏi:

- Kinh Hoa Nghiêm là do Báo thân Phật thuyết, Hóa thân Phật thuyết hay Pháp thân Phật thuyết?

Nghĩa Thiên đáp:

- Do Pháp thân thuyết.

Sư hỏi:

- Pháp thân biến khắp pháp giới, lúc ấy thính chúng ngồi chỗ nào nghe?

Nghĩa Thiên mờ mịt càng kính phục sư hơn. Đạo pháp đến thời sư rất thịnh. Sư đóng thất tịnh cư ở Linh nham nhưng người học bốn phương vẫn đua nhau tìm đến.

Tháng mười hai năm Nguyên Phù thứ hai, Sư sắp thị tịch, tắm rửa xong sư nằm. Đệ tử vây quanh thưa:

- Hòa thượng đạo vang thiên hạ, ngày nay không thể không nói kệ!

Nói xong chúng bèn đỡ sư dậy. Sư trừng mắt nhìn chúng nói:

- Kẻ si! Ta ngày thường còn lười làm kệ, ngày nay các ông còn mong mỏi làm gì? Ngày thường ta muốn nằm thì nằm, ngày nay cần gì phải ngồi?

Sư giật bút viết:

- Hậu sự giao cho Thủ Vinh.

Sư ném bút nằm xuống như người ngủ say. Đồ chúng lay gọi thì ra sư tịch rồi. Môn nhân dựng tháp an táng sư trong núi. Sư thọ tám mươi tuổi, tăng lạp năm mươi hai hạ.

28. Thiền sư Hoàng Long Tổ Tâm: (Canh Thìn).

Sư họ Ổ, húy là Tổ Tâm, người Thỉ Hưng, Nam Hùng. Thuở nhỏ sư vốn là thư sinh nổi tiếng học giỏi. Năm mười chin tuổi bỗng nhiên bị mù, cha mẹ nguyện cho xuất gia, đột nhiên mắt sư sáng lại. Sư đến y chỉ Sa-môn Tuệ Toàn ở chùa Long Sơn. Năm sau thi kinh nhưng sư chỉ dâng toàn thơ nên được vua chấp nhận cho xuống tóc kế thừa Thọ Nghiệp viện mà chẳng thọ giới luật. Do gặp những việc không vừa ý nên sư bỏ chùa vào tòng lâm yết kiến Thiền sư Vân Phong Văn Duyệt. Sư ở lại đây ba năm, thấy đạo thiền chót vót nên sư từ giã Văn Duyệt đi. Văn Duyệt bảo:

- Hãy qua y chỉ Hoàng Bá Tuệ Nam.

Sư đến Hoàng Bá ở được bốn năm có biết đôi chút nhưng không phát cơ, lại từ giã về lại Vân Phong. Gặp phải Vân Phong thị tịch, Sư đến y chỉ Thạch Sương nhưng không tham vấn. Sư thử đọc Truyền đăng đến đoạn:

"Tăng hỏi Đa Phước:

- Thế nào là một bụi trúc của Đa Phước?

Phước đáp:

- Một cây hai cây nghiêng, ba cây bốn cây cong".

Sư bừng tỉnh nhận ra cách tiếp người của hai thầy mình. Sư liền trở về Hoàng Bá, vừa mới trải tọa cụ, Tuệ Nam nói:

- Ông vào nhà ta rồi!

Sư khôn xiết vui mừng nói ngay:

- Việc lớn hóa ra là vậy, Hòa thượng đâu cần phải dạy người khán thoại đầu, tính trăm phương ngàn kế dưới lời nói.

Tuệ Nam nói:

- Nếu ta không làm cho ông tìm tòi như vậy, đến chỗ không dụng tâm, ông tự thấy tự nhận tức là ta đã chôn vùi ông.

Sư thong dong tự tại sống trà trộn trong chúng, thường đến thưa hỏi về ngữ cú của Vân Môn. Tuệ Nam nói:

- Biết việc ấy rồi nên thôi, ông dùng công phu nhiều làm gì.

Sư thưa:

- Không phải, chỉ vì còn chút nghi vấn, nếu không đến chỗ vô học thì làm sao tới lui ngang dọc, xoay trời chuyển đất được.

Tuệ Nam chấp nhận. Sau đó Tuệ Nam chia tòa bảo sư tiếp nhận hậu học. Tuệ Nam về Hoàng Long rồi tịch, giao sư kế thừa pháp tịch. Sư trụ trì được mười hai năm nhưng tính sư thong dong không thích uốn mình theo việc, năm phen chối từ mới được nghỉ việc nhàn cư nhưng người học ngày một đông. Cảnh Ôn Tạ Sư Trực làm Thái thú Đàm châu thấy pháp tịch của Đại Quy không người, đến thỉnh ba lần nhưng sư đều từ chối không đi. Sư Trực lại dặn Giang Tây Chuyển vận Phán quan Bành Nhữ Lệ Khí tự thỉnh cầu vì vậy sư có ý không đi Trường sa. Sư nói:

- Mong được gặp Tạ Công chứ không mong nhận lãnh Đại Quy. Mã Tổ Bá Trượng về trước không có việc trụ trì, người học chỉ tìm đến những nơi vắng vẻ thanh nhàn mà thôi. Sau đó tuy có trụ trì, nhưng vua tôi tôn kính làm thầy trời người. Ngày nay thì không như vậy, cột mình trong phủ quan chẳng khác muôn dân có hộ khẩu, chỉ khiến người ta xếp hàng tung hô mà thôi. Việc như vậy lẽ đâu cũng làm lại?

Tạ Sư Trực nghe được, không dám lấy việc tự viện ép sư nữa, chỉ mong được gặp sư một lần.

Sư đến Trường sa, Sư Trực nguyện xin nghe giáo huấn, lời lẽ khoáng đạt rõ ràng như mặt trời treo giữa trời trong rất dễ nhận biết. Đại lược nói:

“Ba thừa, mười hai phần giáo giống như chỉ thức ăn cho người. Người ta chỉ thức ăn, còn ăn thì phải chính mình nếm lấy. Đã nếm được rồi thì biết ngay mùi vị ấy mặn lạt hay đắng cay. Tổ Đạt-ma từ Ấn Độ sang chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật giống y như vậy. Chân tánh nhờ nơi văn tự mà được hiển bày nhưng cốt là phải chính mình thấy được. Nếu thấy được rồi thì biết ngay trước mắt là chân hay vọng, là sống hay chết. Đã thấy được chân vọng sống chết, xem lại tất cả ngữ ngôn văn tự thì đều là lời nói để hiển bày, không hề có thật nghĩa. Như nay không biết bệnh ở chỗ nào, bệnh chính là chỗ thấy nghe hiểu biết. Do không thấy biết đến bến bờ như thật mà nhận cái thấy nghe hiểu

biết ấy làm sở kiến của mình, không hề biết được cái thấy nghe hiểu biết đó đều do tiền trần mà có phân biệt. Nếu không có cảnh giới tiền trần thì thấy nghe hiểu biết đó đồng với lông rùa sừng thỏ, không hề có chỗ nương gá".

Sư Trực đã được nghe những điều chưa từng nghe.

Sư sinh trưởng ở cực Nam, từ lâu đã có tâm hoằng pháp, gởi tâm nơi núi rừng. Gặp lúc mới được Thái Bình, Sư muốn đến Kinh sư vài năm. Phò mã Đô úy Vương Sằn cùng quan lại hết lòng lễ kính đón tiếp sư. Sư cất am bên ngoài Quốc môn, ít lâu sau sư về lại Lô sơn. Sư từng làm kệ:

Chẳng ở chùa triều Đường
Thích là tăng đất Tống
Sinh nhai ba vật chính
Cố cựu một cây hèo
Tùy duyên đi khất thực
Gặp núi mặc tình leo
Thấy nhau chớ mỉm cười
Chẳng phải Năng Lãnh Nam.

Đó đủ thấy phẩm hạnh cao vời của Sư. Về già sư càng dời am vào rừng sâu tuyệt duyên với hậu học, như thế suốt hai mươi năm. Đêm mười sáu tháng mười một năm Nguyên Phù thứ ba, Sư thị tịch, thọ bảy mươi sáu tuổi, tăng lạp năm mươi lăm hạ.

29. Huy Tông: (Tân Tỵ)

Huy Tông tên là Cát, con thứ mười ba của Thần Tông. Ban đầu, ông được phong làm Đoan vương. Thái hậu Hướng thị triệu tể tướng bàn bạc lập Đoan vương. Thừa tướng Chương Đôn nói:

- Đoan vương chỉ là kẻ lãng tử".

Đoan vương núp sau rèm nghe vậy liền nạt:

- Hãy để Thái hậu định đoạt.

Đoan vương bước ra, Đôn hoảng sợ vì mình sơ ý. Đoan vương lên ngôi, hoang dâm vô độ, ghét Trực Thượng Phù, sủng ái đạo sĩ Lâm Linh Tố. Do vô đạo nên ông bị giáng xuống làm Thiên Thủy Quận vương, thọ năm mươi lăm tuổi, trị vì hai mươi lăm năm, mất ở Ngũ Quốc thành. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Kiến Trung, Tĩnh Quốc.

* Liêu Thiên Tộ lên ngôi. Thiên Tộ húy là Diên Hy, cháu của Đạo, con của Tần vương Nguyên Cát. Ông hoang dâm xa xỉ, suốt ngày chỉ săn bắn. Nhữ Chân có con chim quý tên là Hải đông thanh móng

bằng ngọc, bắt ngỗng trời rất giỏi, một lần bay tới cả ngàn dặm. Năm đó vua ra lệnh muốn dân phải cống hiến hết của cải. Dân oán hận nổi lên làm phản.

Trong năm Chánh Hòa, Đồng Quán phan Liêu, họ hẹn với Nhữ Chân cùng đánh Liêu. Thiên Tộ chạy trốn đến Giáp sơn, bị bắt và giáng xuống làm Hải Tân vương đưa đến phía Đông Trường Bạch sơn dựng thành cho ông ở, sau đó thì Tộ mất.

* Nhữ Chân Thái Tổ A Cốt Đả: Về sau ông đổi tên là Mân, con trưởng của Thái sư Dương Cát; gia thế vốn là Tù trưởng, năm này ông khởi binh lập quốc.

30. Vua soạn bài tựa trong Tục Truyền Đăng:

Thiền sư Pháp Vân Phật Quốc Duy Bạch ở Đông kinh soạn xong Tục Truyền Đăng. Ngày mười lăm tháng tám năm này, Sư dâng cho vua xem xin vua viết lời tựa. Duy Bạch là người Tĩnh Giang, nối pháp với Thiền sư Viên Thông Pháp Tú. Lời văn trong bài tựa ghi:

"Xưa Phật Thích-ca Như lai xuất thế, nhận lời thọ ký của Phật Nhiên Đăng thác sinh trong nhà Tịnh Phạn vương. Lúc sinh ra, chấn động cả đất trời, như vậy cơ duyên của ngài cũng đã thấy rõ. Ngài dạo chơi cửa thành thấy nào là già chết, huyễn duyên từ đó vắng lặng. Đến khi mở đạo nơi Kê viên, diễn pháp trên non Thứu thì vô biên cõi nước đều hiện trên đầu sợi lông, đại thiên kinh điển đều tuôn xuất từ trong vi trần. Phía Tây thì tràn khắp Thiên Trúc, phía Đông thì bủa tới Chấn Đán. Biên tập thành kinh thì Thánh pháp một thời chỉ truyền cho A nan, niêm hoa vi tiếu thì chánh pháp nhãn tạng chỉ truyền cho Ca-diếp. Từ khi tổ Đạt-ma qua Đông đích thật làm Sơ tổ truyền đến sáu đời cho đến Tào Khê. Bấy giờ nguồn đạo nơi Song Lâm tỏa rạng, một giọt thấm nhuần cả núi sông. Từ Nam Nhạc Thanh Lương về sau chia thành năm tông, mỗi tông có một cách cơ phong ứng đối tiếp người. Tuy cách thức không giống nhau nhưng kết quy chỉ là một đều vùn vụt ứng cơ, tiếp người chớp nhoáng, lợi lạc quần sinh, khải ngộ hữu tình. Ngọn nguồn bao la chi nhánh khơi thông hai tông Vân Môn và Lâm Tế thịnh nhất trong thiên hạ.

Trẫm gánh vác mệnh trời, duy trì vận nước, vâng theo tổ nghiệp xây dựng chùa chiền trong khắp thiên hạ. Thái Tông xiển bí nghĩa ở Phu thiên, Chương Thánh truyền đăng nơi Cảnh Đức, Vĩnh Chiêu quảng bá ở Thiên thánh đều là diễn xương chân thừa, hợp sức giáo hóa để thành lối cai trị vô vi. Đối với những tiên đế trước đó nữa càng chuộng

Không tông.

Nguyên Phong thứ ba, xuống chiếu dựng hai khu thiền trong chùa Đại Tướng Quốc, mở Đông đường ở Tuệ Lâm, dựng Tây đường ở Trí hải. Năm Nhâm Tuất, Việt Quốc Đại Trường Công chúa và Tập Khánh quân Tiết độ quán sát Lưu Hậu, Phò mã Đô úy Trương Đôn cầu thỉnh, lại dựng Pháp Vân thiền tự ở phía Nam Quốc độ. Lúc này pháp tịch huy hoàng, tòng lâm cực thịnh. Những người thế phát xuất gia mến mộ thiền pháp đều vân tập ở Thượng đô. Nay Trương Đôn lạy xin cho Phật Quốc Thiền sư Duy Bạch trụ trì chùa này. Thiền sư là người cứu xét Tối thượng thừa, liễu ngộ Đệ nhất nghĩa, nhiều lần vào cấm cung, bao phen lên tòa giảng, tuyên dương diệu chỉ, ứng hợp bản hoài. Xưa Đức Thế Tôn nói kinh Hoa Nghiêm, phóng quang minh từ tướng lông trắng giữa chặn mày chiếu đến một vạn tám ngàn thế giới thế giới phương Đông, rồi Di-lặc thưa hỏi; Văn-thù quyết nghi bảo đó là Nhất Nguyệt Đăng Minh Phật, ánh quang minh ấy mầu nhiệm biết bao. Người trì kinh này là Diệu Quang Pháp sư, người chứng đắc được là Phổ Minh Như Lai. Ngày nay nối tiếp Thánh giả, đèn nối tiếp đèn, nguồn sáng tương tục, diệu nghĩa nối truyền từ đây. Biển giác lắng trong vốn hàm tàng trong mười phương, bọt nổi sinh diệt thì trầm luân trong ba cõi. Từ nơi gốc sáng vọng lập trần duyên, phát sinh thấy biết huyễn tướng, rồi luân chuyển trong sáu nẻo, thật xót xa thay! Nếu hồi quang phản chiếu phát tỏ nguồn chân quay về nguồn cội thì được ghi chép lại đủ. Tánh tông trực chỉ, tâm ấn đơn truyền chứng đắc trong nháy mắt, thổ lộ ngay trước lời, đưa tay lên thì nâng bổng thế giới Diệu Hỷ, khảy móng tay thì hiện ra lầu các trang nghiêm, thần thông diệu dụng quả thật không thể nghĩ bàn. Trẫm vui cùng tứ chúng kết chặt thắng duyên, cùng lìa bến mê đồng lên bờ giác, đó là chí nguyện của trẫm vậy".

Ngày mười lăm tháng tám, niên hiệu Kiến Trung Tĩnh Quốc năm đầu, vua ban lời tựa.

Nhâm Ngọ: Đổi niên hiệu là Sùng Ninh, đúc tiền lấy niên hiệu Sùng Ninh, hạ chiếu cho châu quận đều phải dựng chùa Sùng Ninh. Sau đổi thành Thiên Ninh để thay niên hiệu trước đó.

31. Thiền sư Ngũ Tổ Pháp Diễn ở Kỳ sơn: (Giáp Thân)

Năm này Thiền sư Ngũ Tổ Pháp Diễn ở Kỳ sơn thị tịch. Sư họ Đặng, người Ba tây, Miên châu. Sư xuất gia từ nhỏ, sau khi thọ Cụ túc, Sư đến pháp hội ở Thành đô học và nghiên cứu diệu nghĩa của Bách pháp, Duy thức. Nhưng khi xem đến áo nghĩa này, Sư đặt sách xuống

nói:

"Đè chặt phím đàn làm sao phát tiếng (câu nệ không biết quyền biến)."

Ngay hôm đó sư du phương. Sư đến nhiều nơi nhưng mối nghi vẫn chưa phá vỡ. Kế đó sư đến Phù sơn yết kiến Thiền sư Pháp Viễn, ở lại thời gian lâu nhưng vẫn không sáng tỏ được gì. Pháp Viễn nói:

- Ta già rồi! Ông đến y chỉ Thủ Đoan Bạch Vân đi, chớ có bỏ mất.

Sư vâng dạ rồi đi. Sư đến Bạch Vân, Thủ Đoan nói:

- Kẻ trôi nổi! Hãy đến đây đi!

Sư lạy tạ rồi nhập chúng. Một hôm, Sư nhắc lại việc vị Tăng hỏi Nam Tuyền về ngọc châu Ma-ni để thưa hỏi, Thủ Đoan liền nạt. Sư lãnh ngộ, toát mồ hôi liền dâng bài kệ trình ý:

Một mảnh ruộng hoang trước núi xanh
Vì nghĩa ân cần hỏi tổ tông
Mấy độ bán đi rồi mua lại
Vì thương tùng trúc dẫn gió lành.

Bạch Vân ấn khả nói:

- Việc lặt vặt trong nhà từ nay giao phó cho ông.

Có lần sư xoa tay, vị Tăng thấy sư xoa rất nhanh bèn hỏi:

- Đó là thần thông hay vốn như vậy?

Sư liền vén áo xoay tròn một vòng.

Thủ Đoan có lần dạy chúng:

"Người xưa hỏi:

- Như lấy gương đúc tượng, tượng thành gương ở chỗ nào?"

Chúng hội chẳng ai khế ngộ, Sư đang múa tay múa chân từ ngoài đi vào. Thủ Đoan hỏi lại sư, Sư bước thẳng tới hỏi thăm và nói:

- Cũng chẳng hơn nhau bao nhiêu!

Thủ Đoan cười nói:

- Phải là đạo nhân mới được!

Lần đầu sư trụ trì Tứ Diện, sau về lại Bạch Vân. Sư thượng đường nói:

- Mấy người các ông hễ thấy lão Hòa thượng động môi động miệng, dựng đứng phất tử thì liền cho là thắng giải, rồi đến lúc muông thú trên núi tụ tập lại lắc đầu vẫy đuôi thì các ông cho là nhàn hạ, mà không biết rằng tiếng rèm chẳng mất trước khi mưa, bóng chớp lóe rồi tiếp tiếng sấm.

Sư nói tiếp:

Ngộ rồi đồng chưa ngộ
Về nhà tìm đường cũ
Một chữ là một chữ
Một câu là một câu
Từ nhỏ chưa thoát thông
Hai tuổi đi chập chững
Nước lắng sinh hoa sen
Mỗi năm nở một lần.

Sư nói tiếp:

Gã nghèo bán tranh miếng
Kết thêm ba cân gai
Trăm ngàn năm đi bán
Nơi nào giữ chân được.

Trương Thừa tướng bảo sư là người có cách ứng cơ tiếp vật thẳng tắt, cao vót không ai đẽo gọt được. Đủ thấy cơ phong của sư siêu xuất dường nào.

Sư thọ hơn bốn mươi tuổi, về già sư qua Thái Bình rồi trụ ở Đông sơn. Ngày hai mươi lăm tháng sáu năm Sùng Ninh thứ ba, Sư thượng đường từ biệt chúng. Lúc này trong sơn môn có rất nhiều thợ thuyền, Sư đích thân đến đôn đốc họ làm việc và dặn họ:

- Các ông gắng làm việc, nghỉ ngơi đúng giờ giấc, ta không trở lại đây nữa.

Sư về phương trượng tắm rửa, cạo tóc. Sáng hôm sau nằm nghiêng bên phải thị tịch.

Ất Dậu: Nước Kim đưa Thụy tượng, răng Phật vào cung cúng dường.

Bính Tuất: Vua Kim hạ chiếu cho Phật giáo, nếu gặp kẻ nào vượt quá bổn phận, quấy phá chùa chiền phải trừ khử ngay. Tháng giêng năm này sao chổi xuất hiện ở hướng Tây, dài vắt ngang trời.

Đinh Hợi: Có Thiệu Tông Ích là dân ở quận Ngô Hưng mổ con trai bắt gặp một tượng La-hán liền đưa vào chùa Từ Cảm, sau đưa đến vùng Kiến Viêm, Hiến sứ Dương Ứng Thành do đùa giỡn nên tượng bị rơi xuống nước, có một người đánh cá vớt được và ông ấy dựng lầu để thờ.

32. Thiền sư Pháp Vân Thiện Bản:

Năm này, Thiền sư Đại Thông Thiện Bản ở Pháp Vân Đông đô thị tịch. Sư họ Đổng là hậu duệ của Hán Trọng Thư. Tổ tiên sư đều

sinh sống ở thôn Trọng Thư, Thái Khương. Ông nội tên Kỳ, cha tên Ôn đều làm quan ở đất Dĩnh, nhân đó lập nghiệp luôn ở đây. Hồi ấy mẹ sư không có con, bà đến trước tượng Phật cầu xin và thề:

"Nếu có con tất cho xuất gia".

Bà ăn chay và có mang. Sư có dung mạo tuấn tú, vừa được một tuổi thì cha mất, mẹ sư phải gởi sư đến nhà ông nội chú. Lớn lên sư học rộng hiểu nhiều, chí khí thanh cao. Mẹ mất, Sư đau đớn khôn cùng, không muốn làm quan, nhịn ăn học đạo, giam mình trong bút nghiên, ý chí kiên cường, trầm mặc hơn thư sinh, công khanh.

Năm Gia Hựu thứ tám, Sư đến Kinh đô, ghi tên ở viện Địa Tạng Hiển Thánh, thị đậu là Đại tăng. Thầy sư là Luật sư Viên Thành Tuệ Tiếp nói với mọi người:

- Ngày sau Thiện Bản sẽ nổi danh trong nước nên mới sinh vào đạo pháp của ta chăng.

Từ đó Viên Thành bảo sư học Tỳ ni và nghe giảng. Đêm nọ, Sư mộng thấy một đồng tử giống như Thiện Tài mà người ta vẽ, chấp tay và dẫn sư đi về phía Nam. Tỉnh dậy, Sư nói:

- Chư Phật, Bồ-tát gia hộ cho ta muốn ta về phía Nam thưa hỏi Thiện tri thức chăng?

Lúc này Thiền sư Viên Chiếu đang hoằng hóa ở Ngô Trung. Sư đến pháp tịch Thụy Quang ở Cô tô yết kiến Thiền sư Viên Chiếu. Viên Chiếu rất để tâm tới sư, Sư ngầm khế tông chỉ, ở lại hầu hạ năm năm, tiếp nhận hết quy củ kỷ cương, đạt được trí nghiên tầm sai biệt, tới lui tự tại vượt cả phép tắc tầm thường. Trong cả chúng hội không có người nào siêu xuất như sư. Viên Chiếu giữ sư lại có ý giao pháp tịch, đưa Quý Phụ qua thờ Viên Thông Pháp Tú, Pháp Tú ở tại Thê Hiền Lô Sơn. Tú là người tới lui tự tại, chẳng khác Tịch Tử ở Đông tự. Sư ra hoằng hóa ở Song Lâm, Vụ châu, sau dời về Tịnh Từ ở Hàng châu, kế thừa pháp tịch của Viên Chiếu.

Học chúng hơn ngàn người, thí chủ vẫn cung cấp đầy đủ. Đạo tràng ngày càng thịnh, thiền khách đều nghi là có chư Thiên trợ giúp. Thời bấy giờ người ta gọi Pháp Tú và sư là Đại Bản và Tiểu Bản.

Triết Tông nghe danh sư liền xuống chiếu thỉnh sư trụ trì chùa Pháp Vân ở Thượng đô, ban sư hiệu là Đại Thông. Sư lại kế thừa pháp tịch của Viên Thông. Đạo phong sư cao ngất, pháp hội uy nghiêm. Phong cách sư cao vời như thiên trụ, vượt khỏi muôn núi, nhưng lúc nào cũng hòa mình với tăng chúng, chưa từng lấy lời dối vật, lấy sắc dối người. Vương công, quan lại, tín thí đàn na đua nhau kéo đến. Sư ở đây

tám năm, sau đó dâng biểu xin về cất am ở Tây Hồ. Vua đồng ý cho đi. Sư về Đông, cất am trên Long sơn, những người mến mộ đức độ của sư ngày nào cũng đến, Sư đóng thất cắt bỏ thế duyên ngót mười năm, thiên hạ muốn gặp sư một lần nhưng không gặp được. Sư nắm chúng ba mươi năm, chưa từng vui cười, lúc ở ẩn rồi sư thường vỗ tay và cười. Có người hỏi nguyên do, Sư đáp:

- Không trang nghiêm làm sao dẫn chúng, xưa ta vì tòng lâm nên gắng gượng làm như vậy, chẳng phải là bản tánh vốn như thế.

Sư đi đến đâu hễ thấy tượng Phật Bồ-tát thì chỉ đứng hoặc đi mà không dám ngồi. Y Bồ Tắc thiết cơm đãi sư, trong mâm có món ăn tên gọi giống như cá, Sư không ăn. Tâm chân thành cung kính, phòng ngừa tội lỗi của sư đại loại như vậy. Tháng mười hai năm Đại quán thứ ba, sứ co ba ngón tay rồi nói với tả hữu:

- Chỉ còn ba ngày nữa thôi.

Ba ngày sau quả nhiên sư thị tịch. Lúc ấy có con chim rất lạ bay vòng trước sân kêu mấy tiếng rồi bay mất. Đồ chúng dựng tháp an táng sư trên núi. Sư thọ bảy mươi lăm tuổi, tăng lạp bốn mươi lăm hạ.

Canh Dần: Tháng năm, quan lại cấp độ điệp cho tăng ni. Tháng sáu, Trương Thương Anh làm Thừa tướng. Lúc đó trời đại hạn nhưng đêm ấy bỗng mưa to, vua viết hai chữ "Thương Lâm" và ban cho Thương Anh.

Tân Mão: Đổi niên hiệu là Chánh Hòa. Tháng tư, Trương Thương Anh nghỉ làm tướng. Vua hạ chiếu phá hủy chùa miếu trong kinh thành. Liêu đổi niên hiệu là Thiên Thánh.

33. Sái Kinh ăn thịt chim thuần bị báo mộng:

Nhâm Thìn: Năm này Sái Kinh Tấn Thái sư Sở Quốc Công rất thích ăn thịt chim Thuần, thường nuôi sẵn trong lồng để ăn thịt. Có lần Kinh nằm mộng thấy hơn ngàn con chim Thuần bay đến trước mặt ông tố cáo. Trong đó có một con bay đến trước miếu nói:

Ăn thóc trong kho ông
Để thịt dưới đũa ông
Một lần mấy trăm mạng
Sống chết mãi xoay vần
Xem ông thọ ngàn tuổi
Họa phước cùng gá nương.

Sái Kinh tỉnh mộng hoảng sợ vô cùng.

34. Tuệ Trì nhập định trong đại tho: (Quý Tỵ)

Tháng tư, gió lớn làm gãy đổ một cây đại thọ ở Gia châu, bên trong có một vị Tăng đang nhập định. Quan báo lại với vua, vua hạ chiếu cho chở đến kinh đô. Tháng tám, quan lại đưa vị Tăng ấy vào điện dịch kinh, Tam tạng Kim tổng trì dùng khánh vàng đánh lên. Vị tăng nghe tiếng khánh liền xuất định nói:

- Tôi là Tuệ Trì em của Pháp sư Tuệ Viễn ở Đông Lâm. Tôi đi Nga my nhân đó ngồi nhập định trong hốc cây.

Nhân đó Tam tạng hỏi:

- Nay thầy muốn đi đâu?

Tuệ Trì đáp:

- Đến Trần Lưu.

Nói xong sư nhập định tiếp. Huy Tông sai thợ thêu tượng ngài ban hành khắp thiên hạ, rồi viết bài tán.

35. Vua xa giá đến Ngọc Thanh Chiêu Dương cung:

Tháng tư năm này, Ngọc Thanh Chiêu Dương cung hoàn thành thỉnh tượng ngài Đạo An vào thờ xong, vua xa giá đến cung làm lễ. Năm thứ bảy vua đổi thành Ngọc Thanh Thần Tiêu cung. Lúc này Đạo giáo rất thịnh, đạo sĩ Từ Tri Thường được vua ban hiệu là Xúng Hư Tiên sinh, Từ Thủ Tín là Hư Tĩnh tiên sinh, Lưu Hỗn Khương là Bảo Chân Quán Diệu Xúng Hòa tiên sinh. Sau đó họ đều được ban tặng chức Thái trung Đại phu.

Tháng mười một, Tấn Đại Khuê, Chấp Nguyên Khuê ở Giao Thượng dẫn cả trăm đạo sĩ cầm nghi vệ đi trước dẫn đường, có đến hai mươi sáu đạo sĩ được thăng cấp. Tiên sinh, xử sĩ gồm tám chữ, sáu chữ, bốn chữ và hai chữ. Từ Quán Trung Đại phu đến cấp tướng Sĩ lang. Trọng Hòa lần đầu tiên được dựng đạo quán riêng. Từ Thái Hư Đại phu đến Kim Đàn Lang có tất cả mười sáu người. Từ Đồng Văn Thần, Trung Đại phu đến Định Công lang đều được vào điện Xúng Hòa để làm thị thần, được đến Ngưng thần điện để giảo đính kinh tất cả mười một người. Thị thần cùng đợi chiếu chỉ, họ kiểm tra sách vở rồi cùng soạn sửa, giảo đính kinh xong cùng cất giữ và đều được cấp bổng lộc.

Giáp Ngọ: Vua hạ chiếu thỉnh Thiền sư Phật Quả Khắc Cần trụ trì tại chùa Thiên Ninh ở Kinh đô. Vua ban cho Pháp sư Vĩnh Đạo hiệu là Bảo Giác, trụ trì viện Hương Tích ở Tả Nhai.

36. Nhữ Chân phản Liêu:

Năm này Nhữ Chân bắt đầu làm phản, vây hãm phủ Ninh Giang. Hồi ấy Liêu chủ Thiên Tộ thưởng phạt không công minh, đam mê tửu sắc, chỉ biết săn bắn. Nhữ Chân ở Đông bắc kết giao với Ngũ quốc. Phía Đông Ngũ quốc kéo tới biển Đông, nơi này sản sinh loài nhạn rất quý, từ biển Đông bay sang có tên là Hải đông thanh. Người nước Liêu rất thích nó, năm nào cũng mong nó bay sang. Nhữ Chân đến Ngũ quốc đánh nhau và có được chim nhạn ấy.

Mùa xuân năm thứ hai, Thiên Tộ đến Hỗn đồng giang câu cá và sinh Nhữ Chân ở nơi xa ngàn dặm này. Tộ cùng Tù trưởng uống rượu ca múa vui chơi, chỉ có A Cốt Đả không uống. Thiên Tộ nói với Khu mật sứ Tiêu Phụng Tiên:

- A Cốt Đả chí khí hào kiệt phải trừ khử đi.

Phụng Tiên nói:

- Giết ông ấy sẽ làm tổn hại đến việc giáo hóa muôn dân.

A Cốt Đả biết trước liền khởi binh thôn tính những bộ tộc láng giềng.

Mùa thu, ông hợp binh với các bộ tộc của Nhữ Chân tất cả hai ngàn binh mã đánh vào Ninh Giang châu ở Hỗn Đồng giang. Lúc này Thiên Tộ đang săn bắn ở Thu sơn, Khánh châu, sai Bột- hải Thứ sử Cao Tiên Trù đem binh thảo phạt. Trù bị Nhữ Chân đánh bại, Ninh Giang thất thủ. Có luồng khí đen dài vài trường từ Tề cung bay ra, bay hơn một dặm rồi rồi quần quyện ở Đàn Di.

Ất Mùi: Liêu Thiên Khánh năm thứ năm. Kim Thái tổ A Cốt Đả lên ngôi ngày một tháng giêng, đổi niên hiệu là Thâu quốc.

37. Thiền sư Tử Tâm Ngộ Tân:

Chánh Hòa năm thứ năm, Thiền sư Hoàng Long Tử Tâm thị tịch. Sư họ Vương, húy Ngộ Tân, người Khúc giang, Thiều châu. Sư dáng người cao lớn, mặt đen, dung mạo giống như vị Tăng Ấn Độ. Sư xuất gia tại viện Phật đà. Khí tiết xuất chúng cốt cách hơn người.

Đầu tiên, Sư đến yết kiến Thiền sư Tú Thiết Diện ở viện Thê hiền. Tú hỏi:

- Thượng tọa người xứ nào?

Sư đáp:

- Quảng nam Thiều châu.

- Từng đến Vân Môn chưa?

- Từng đến.

- Từng đến Linh Thọ chưa?

- Từng đến.

- Thế nào là cành nhánh Linh Thọ.

- Cành dài thì tự dài, cành ngắn thì tự ngắn.

Tú nói:

- Kẻ Man di xứ Quảng nam chớ nói lung tung.

Sư nói:

- Đến Bắc Ĺ chỉ vì chừng ấy.

Nói xong, Sư phủi áo đi ra. Tú thừa nhận nhưng sư không lưu ý.

Sư đến Hoàng Long yết kiến Thiền sư Bảo Giác, tuy cũng luận bàn nhưng không tỏ ngộ. Giác nói:

- Nếu tài năng chỉ chừng ấy, nói ăn đâu thể no bụng người được.

Sư quẫn trí không biết đáp tiếp, bình thản thưa:

- Con đến đây cung gãy tên hết, cúi mong Hòa thượng từ bi chỉ cho chỗ an lạc.

Giác nói:

- Một hạt bụi bay lên thì che khuất trời, một hạt cải rơi xuống thì lấp kín đất, chỗ an lạc chính là chỗ tối kỵ bao nhiêu thứ tạp nhạp của Thượng tọa, cần phải đập chết ngay cái tâm trộm từ vô lượng kiếp đến nay mới được.

Sư đi ra. Một hôm, Sư ngồi lặng lẽ dưới tấm bảng, gặp phải lúc Tri sự đánh hành giả, Sư nghe tiếng roi bỗng nhiên đại ngộ. Sư vui mừng đến nỗi quên cả mang giầy liền chạy đến phương trượng, vừa gặp Bảo Giác, Sư tự khen ngay:

- Điều mà thiên hạ học được, con nay đã tỏ ngộ rồi.

Bảo Giác cười nói:

- Tuyển Phật phải giáp khoa, làm sao cáng đáng nổi!

Từ đó sư có hiệu là ông già Tử Tâm, cạnh chỗ sư ở gọi là Tử Tâm thất, ý nói người đã tỏ ngộ.

Sư ở đây thời gian lâu, sau sư đến Tương Tây. Lúc này Thiền sư Mộ Triết lãnh chúng ở Nhạc Lộc. Sư đến ra mắt. Triết hỏi Sư:

- Là phàm hay là thánh.

Sư đáp:

- Phi phàm phi thánh.

- Là cái gì?

- Đưa mắt nhìn lên cao.

- Vậy còn núi Nam nổi mây, núi Bắc tuôn mưa thì thế nào?

Sư đáp:

- Là phàm là thánh.

Triết nói:

- Tại sao trên đầu mênh mang, dưới chân thênh thang?

Sư nhìn lên thất thốt ra tiếng hư hư.

Triết nói:

- Giết người mau lẹ.

Sư nói:

Dường như là vậy.

Nói xong, Sư phất áo đi ra. Lúc đầu sư ở Vân nham, sau dời qua Thúy nham. Ở Thúy nham vốn có Dâm từ. Người trong làng đến cầu khấn, cúng tế rượu thịt không lúc nào thiếu. Sư sai Tri sự đến đập miếu, Tri sự chối từ vì sợ chuốc họa. Sư nạt lớn:

- Nếu có họa, ta chịu.

Sư đích thân đến đập phá, bỗng thấy một con mãng xà to lớn nằm cuộn tròn trong miếu, ngóc đầu lên muốn mổ, Sư nạt, con rắn lặng lẽ bỏ đi. Sư về nghỉ và chẳng có chuyện gì xảy ra.

Không bao lâu, Sư về lại Vân nham dựng một gian thất cất kinh. Thái sử Hoàng Đình Kiên viết bài ký. Trong đó có khắc thêm những lời trong mộ chí của người thân vào bên cạnh văn bia. Sư thấy nổi giận mắng:

- Xem thường lăng tẩm không tránh khỏi họa.

Sư nói chưa dứt lời, bỗng làn điện chớp sáng cả thất, sấm sét đánh vào thất đập nát phần ghi văn bia thành tro bụi nhưng bài ký của viện tàng kinh vẫn còn nguyên.

Về già, Sư trụ ở Hoàng Long, người học đông vô kể. Sư mắc bệnh, lui về Hối đường. Đêm nó, tăng chúng đến thưa hỏi, Sư dựng đứng phất tử lên nói:

- Hãy xem xem! Phất tử bệnh hay Tử Tâm bệnh? Phất tử yên hay Tử Tâm yên? Phất tử đâm thủng Tử Tâm hay Tử Tâm đâm thủng phất tử? Ngay lúc ấy phải gọi là phất tử hay gọi là Tử Tâm? Phải gọi là Tử Tâm hay gọi là phất tử? Rốt cuộc phải gọi là cái gì?

Sư im lặng giây lâu nói tiếp:

Chớ đem phải quấy cùng ta biện
Phù sinh xuyên tạc chẳng can nhau.

Có vị Tăng hỏi câu sau cùng, Sư nói kệ:

Một câu sau cùng ấy
Phải dứt sạch đường tâm
Cửa sáu căn đã không
Muôn pháp không sinh diệt

Từ đây tỏ cội nguồn
Chẳng cần cầu giải thoát
Bình sinh ưa mắng người
Chỉ vì thường vui sống.

Tối ngày mười ba tháng mười hai lúc nửa đêm sư nói kệ, đến ngày mười lăm sư an nhiên thị tịch. Đồ chúng trà-tỳ thấy có xá-lợi ngũ sắc. Sư thọ bảy mươi hai tuổi, tăng lạp bốn mươi lăm hạ.

38. Luật Sư Linh Chi Nguyên Chiếu: (Bính thân)

Sư họ Đường, hiệu Nguyên Chiếu, tự là Trạm Nhiên, người Dư Hàng. Từ nhỏ sư xuất gia học Luật với Đông Tàng Tuệ Giám ở Tường Phù. Đến khi gặp ngài Thần Ngộ Khiêm Công giảng giáo quán Thiên thai, Sư nghiên cứu khắp tông, lấy Luật làm nền tảng. Sau theo ngài Quảng Từ thọ Bồ-tát giới. Sư trì giới nghiêm minh, Luật nghi đốn tiệm thảy đều hoàn hảo. Tông Nam sơn từ đây cực thịnh. Sư thường đắp y chống trượng ôm bát vào chợ khất thực. Dương Vô Vi có làm bài tán ngợi khen sư rằng:

Ôm bát đi, ôm bát về
Lời Phật luôn bốn uy nghi
Lúc mới vào làng không ai biết
Hư không chắc có quỷ thần tri.

Sư trụ trì bốn pháp tịch, về già trụ ở Linh Chi suốt ba mươi năm, đồ chúng thường đến mấy trăm. Có lần sư nói:

"Giáo hóa đời nay không gì hơn giảng thuyết, răn dạy hậu lai không gì hơn trứ thuật".

Sư soạn những bài ký như Tư Trì Tế Duyên Hạnh, Tông Ưng Pháp Trụ Pháp, Báo Ân và những bộ sớ nghĩa như Thập Lục Quán, Tiểu Di đà. Đồng thời san định Luật Nghi Bản Chi Viên tập gồm rất nhiều quyển. Sư tự gọi mình là An Nhẫn Tử, sai đồ chúng phúng tụng Phổ Hiền Hạnh Nguyện phẩm rồi ngồi kiết già thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi, tăng lạp năm mươi mốt hạ.

39. Đạo Sĩ Lâm Linh Tố dùng yêu thuật yêu sách vua:

Đạo sĩ Lâm Linh Tố, người Ôn châu rất giỏi dùng yêu thuật, học theo pháp của Lôi Công hay đi lại đây đó, thường vào những chùa viện ở sông Hoài sông Tứ xin ăn. Tăng chúng đối xử tệ với ông. Ông đến Sở châu đánh nhau với Tuệ Thế rồi bị giải lên quan phủ. Thối Thạch Trọng hỏi, Tố đối đáp rất lanh lợi. Sau đó Trọng thả ông ra và đưa về ở tại dịch

quán và hỏi ông về thuật nuốt lửa, phun lửa.

Tháng giêng năm thứ bảy, Trọng dẫn Tố vào kinh đô nhờ đạo sĩ Từ Tri Thường dẫn đến ra mắt Tể tướng Sái Kinh. Kinh dẫn Tố vào gặp vua. Linh Tố nói khoác rằng:

- Trên trời có Thần Tiêu Ngọc Thanh phủ do Trường Sinh Đế Quân nắm giữ, em ông ấy là Thanh Hoa Đế Quân, đều là con của Ngọc đế! Kế đó có Tả Nguyên Tiêu Bá và Thư Phạt Tiên sứ Chữ Tuệ tất cả hơn tám trăm quan lại. Tố nói: Vua là Trường Sinh Đại đế quân, Sái Kinh là Tả nguyên Tiên Bá, còn ta chính là Chử Tuệ.

Vua vui vẻ tin lời Tố, ban Tố làm Lâm kim Môn vũ khách, dựng Cung Thông chân để Tố ở. Vua tự gọi mình là Giáo Chủ Đạo Quân Hoàng đế.

Tháng hai, vua hạ chiếu đổi tên các chùa lớn trong nước thành Thần Tiêu Ngọc Thanh Vạn Thọ cung; đổi viện thành đạo quán, đắp tượng Trường Sinh Thanh Hoa Đế Quân; lập ra đạo học khoa. Sau đó không lâu tổ chức việc thi cử vào khoa này.

Tháng tư, vua hạ chiếu cho Đạo lục viện rằng:

"Trẫm là con đầu của Thượng đế, làm chức Thái tiêu Đế quân, thương xót Trung Hoa bị nạn giáo của bọn quân Di Địch nước Kim nên khẩn thiết xin thượng đế xuống trần làm nhân chủ, nhằm khiến thiên hạ trở về chánh đạo. Bọn khanh có thể dâng biểu yêu cầu. Trẫm là giáo chủ Đạo Quân Hoàng đế nên chỉ dùng những kinh sách của giáo này mà thôi. Họ Thích có sáu ngàn quyển kinh nội dung nói đến cái ác bàn đến cái tệ, ngôn từ chỉ toàn hủy báng Đạo giáo và Nho giáo. Trẫm lệnh cho quần thần ở gần Đạo lục viện phải xem xét lại kỹ và đem đốt hết đi".

40. Thiền sư Hoàng Long Duy Thanh:

Năm này Thiền sư Linh Nguyên ở núi Hoàng Long, phủ Long Hưng thị tịch. Sư họ Trần tên là Duy Thanh, người Vũ Ninh, Nam châu. Vừa để chỏm sư đã đi học. Mỗi ngày học thuộc cả ngàn lời, đối đáp lanh lẹ. Có một dị tăng ngang qua trường học gặp sư liền kéo tới nhìn kỹ, thất kinh nói:

- Trong đám cỏ hoang lại có thằng bé thế này ư!

Thế rồi vị Tăng đến xin cha mẹ Sư cho Sư xuất gia. Cha mẹ sư đồng ý. Sư xuất gia nghiêm trì giới luật, mười bảy tuổi thọ Cụ túc. Sư nghe bậc kỳ túc Pháp An ở Diên Ân viện là người liễu ngộ liền đến cầu học. Pháp An nói:

- Ông là thuyền pháp trong biển khổ, bình thường ta tiếp nhận người lẽ đâu hôm nay lại không nhưng Thiền sư Hoàng Long Tử Tâm mới là thầy của ông, ông đến đó ngay đừng chậm trễ.

Sư đến Hoàng Long, cùng tăng chúng làm việc nghỉ ngơi, hỏi đáp nhưng vẫn mờ mịt, chẳng biết chút manh mối gì. Đêm nọ, Sư đến trước tượng Phật và thề:

"Nếu con tỏ ngộ thì nguyện đem cả thân mạng đời này phụng trì chánh pháp, đời đời nỗ lực hoằng dương đại pháp".

Sư đọc diệu nghĩa, mệt thì tựa vách, xong đứng dậy đi kinh hành. Trong lúc bước đi sư làm rơi dép, Sư cúi xuống xỏ dép thì hoát nhiên đại ngộ. Sư đem sở ngộ của mình trình với Bảo Giác. Giác nói:

- Người từ duyên mà thể nhập thì không bao giờ còn thoái thất. Nhưng người mới chứng đắc pháp "không" thường thích thú khiến cho tán loạn, nên cần làm thị giả cho cơ duyên thuần thục.

Sư là người rất đặc thù, định tâm như băng tuyết mà học thức cũng cao vời. Long đồ Từ Hy Đức Chiếm, Thái sử Hoàng Đình Kiên đều kết bạn với sư. Khi thấy sư được Bảo Giác ấn khả, họ liền chọn đạo tràng cho sư ở.

Thừa tướng Trương Thương Anh lúc đó phụng chiếu đi sứ Giang Tây nghe danh sư, Thương Anh rất kính phục. Sau ông dùng lễ thỉnh sư về ở tại viện Quan Âm ở Hồng châu nhưng sư không đi. Mười năm sau Hoài nam sứ giả Chu Kinh Thế Xương thỉnh sự trụ ở Thái Bình, Thư châu. Sư hứa khả. Từ đó học chúng đua nhau tìm đến sư cầu học. Có lần sư nói với Tịch Âm:

"Người học ngày nay chưa thoát khỏi sinh tử, bệnh ở chỗ nào? Đó là do tâm trộm cắp chưa trừ mà thôi! Thế nhưng không phải lỗi ở họ mà là lỗi của thầy họ. Như Hán Cao đế giết Hàn Tín chết. Hàn Tín tuy chết nhưng tâm ông ta quả có chết không? Người học ngày xưa nói năng là giải thoát, vậy hiệu lực ở chỗ nào? chính là tâm trộm cắp đã chết. Nhưng đó là điều người học không thể tự làm được, mà đó là nhờ thầy của họ trui rèn những điều mật diệu. Như Lương Võ đế ngự ở đại điện gặp Hầu Cảnh mà chẳng hề biến sắc nhưng tâm của Hầu Cảnh đã khô kiệt hoàn toàn.

Các nơi nói ra đều là điều tốt đẹp. Nhưng điều quan trọng cũng giống như Triệu Xương vẽ hoa, đó chỉ là hoa vẽ chứ không phải hoa thật. Thiện xảo đại pháp cũng giống như vậy".

Ngày mười tám tháng chín năm Chánh Hòa thứ bảy, Sư dùng cơm xong rồi tắm rửa, cạo tóc, ngồi kiết già thị tịch.

41. Thiền sư Phật Giám Tuệ Cần:

Tháng mười một, Thiền sư Phật Giám Tuệ Cần ở viện Trí hải, Biện Kinh thị tịch. Sư họ Uông, người Thư châu.

Mậu Tuất: Đổi niên hiệu Trọng Hòa. Nước Kim đổi niên hiệu là Thiên Phụ, năm đầu.

42. Vua Nghe Lâm Linh Tố Giảng Kinh:

Tháng mười một, vua ngự đến cung Bảo Lục độ tất cả tám trăm người trong hội Ngọc Thanh Thần Tiêu bí lục. Họ đều là thiên thần giáng thế, khởi thủy từ Vương Lão Chí mà cao nhất là Lâm Linh Tố cùng cả chúng hội này. Tố lên tòa cao giảng Kinh, vua dựng trướng ngồi bên cạnh. Những điều Tố giảng chẳng có gì đặc sắc chỉ toàn là chuyện tào lao hài hước nhằm gây cười. Vua tôi cùng cười nghiêng ngả, chẳng có chút lễ nghi quân thần. Thời bấy giờ đạo sĩ có lương bổng. Mỗi một lần thiết trai thế này, họ thu về cả mấy mươi vạn. Mỗi một cung quán đều được cấp khoảng mấy ngàn khoảnh ruộng chỉ nhằm nuôi vợ con thê thiếp của bọn họ ở ngoài cung. Những người ấy cũng dùng keo xanh bôi tóc, mặc gấm lụa, ăn cao lương tất cả hơn hai vạn người. Mỗi pháp hội thế này tốn hao đến vài vạn tiền. Những kẻ bần cùng thấp kém phần nhiều cũng mua áo xanh khăn trùm đầu cải trang đến dự hội. Mỗi ngày ít nhất cũng có ba trăm người đến ăn không và nhận đồ cúng thí. Người ta gọi đây là Thiên Đạo hội.

Tháng mười một, có một ngôi sao to bằng mặt trời từ từ đi về hướng Nam và lặn mất. Ánh sáng của nó y như mặt trăng.

43. Đại Kim Lập Quốc:

Tháng mười hai Nhữ Chân A Cốt Đả xưng đế, lập quốc lấy hiệu là Đại Kim. Nhữ Chân vốn là Tù trưởng. Ở Tân La có người hiệu là Hoàng Nhan Thị. Hoàng Nhan vẫn là người Hán nên được xưng vương. Nhữ Chân đem con gái gả cho ông ta, sinh được hai con, con trưởng là Hồ Lai. Từ đó truyền được ba người, đến Dương Ca Đại sư rồi đến A Cốt Đả. Cốt Đả thân cao tám thước, diện mạo khôi ngô tuấn tú, ít nói ít cười, nóng giận thất thường nhưng có chí lớn. Dương Phó là người Liêu Đông khuyên Cốt Đả xưng đế. Do nước này sản sinh ra vàng nên lấy hiệu là Đại Kim. Ông sai người mời Thiên Tộ và yêu cầu phong tước cho Sách. Thiên Tộ sai sứ đem đủ áo mão, phong Sách làm Đông Hoài Hoàng đế.

44. Vua hạ chiếu sửa danh hiệu Phật, phá chùa Tăng:

Kỷ Hợi: Đổi niên hiệu Tuyên Hòa. Tây Hạ đổi niên hiệu là Nguyên Đức. Pháp sư Vĩnh Đạo ở viện Hương Tích Tả Nhai gởi thư can gián ở Lãnh biểu. Bọn giặc Mục Phương Lạp làm phản tiếm ngôi đổi niên hiệu là Vĩnh lạc, mùa đông năm Canh Tý bị diệt vong.

Tháng giêng, vua hạ chiếu sửa danh hiệu Phật thành đại Giác Kim Tiên, còn lại là tiên nhân Đại sĩ. Tăng được gọi là Đức sĩ, Hành nhân gọi là Đức đồng, đều phải đội mũ mặc áo Đạo giáo. Mũ đạo sĩ đều có dây tua, mũ đức sĩ thì không có, tất cả Pháp sự vẫn gọi tên như cũ thì bị bắt. Quần thần nào can gián đều bị đối xử bạo ngược và giết chết. Phong tục thế này đã thay đổi quá lắm rồi. Lại đổi chùa thành cung, đổi viện thành quán, sau sửa nữ quan thành nữ đạo, ni đổi thành nữ đức, cấm nấu đồng đúc tượng. Vua còn hạ chiếu đuổi hết đức sĩ trong nước ra khỏi bổn tự, không cho đem theo y bát vật dụng, rồi sai bọn đạo sĩ an tâm trụ trì.

Mùa hạ tháng năm, nước ở Đô thành dâng cao hơn mười trượng, trước đó mưa lớn trong mấy ngày. Trước huyện Khai Phong, có dân ở chợ sáng sớm dậy lau chùi giường sàng thấy có vật gì giống như con chó to ngồi xổm bên cạnh, nhìn kỹ thì hóa ra con rồng. Người ấy hoảng sợ la lên ù chạy, con rồng ấy liền bị quân lính quanh đấy vây bắt và làm thịt ăn. Dân trong thành đều họa tượng rồng đó, giống như con rồng mà người ta họa vẽ. Vảy màu xanh, toàn thân màu đen, đầu giống con lừa, nhưng hai mang tai giống như đầu cá có màu xanh lục, giữa đầu có sừng, cổ rất dài. Lúc đầu nó khoanh thành hai vòng, tiếng giống tiếng trâu. Mười ngày sau nước tràn tới. Vua hạ chiếu cho Lâm Linh Tố cầu nước rút nhưng không hiệu nghiệm. Có vị Tăng giáng hiện ở Tứ châu, vua sai ngài cầu nước rút. Đại sĩ lên thành, nước đột nhiên rút cạn. Vua mừng ban cho ngài là hiệu Cự Tế Đại sĩ. Sau khi con rồng giáng xuống, mỗi đêm đều có năm lần trống canh. Phía Tây bắc có luồng khí đỏ chia thành mấy mươi đường xông thẳng lên trời, phạm vào tử cung Bắc đẩu, thấy sao này dường như bị cách bởi một dải lụa đỏ. Lúc nó mới xông lên, tỏa ra đều có âm thanh, kế đó tuôn thẳng lên. Sau đó vài đêm, âm thanh càng lớn càng lúc càng chậm dần âm thanh càng dữ dội, luồng khí đỏ này xông ra hướng Tây bắc phân thành mấy trăm đường. Trong đó lại xuất hiện hai luồng khí đen và trắng nhưng khí đỏ vẫn nhiều hơn. Từ Tây bắc chợt xông thẳng qua Đông bắc, rồi kéo dài qua Đông nam, âm thanh của nó vẫn không dứt mãi đến sáng mới hết.

Tháng mười một mùa đông thả Lâm Linh Tố về Ôn châu và

giết.

Canh Tý: Tháng chín, vua hạ chiếu cho Đức sĩ của Phật giáo được nhận lại danh hiệu cũ của Tăng họ Thích, thâu tiền đổi độ điệp, bỏ lệnh cấm nấu đồng đúc tượng. Đại sư Bảo Giác về ở gần Quận đô.

Tân Sửu: Vua hạ chiếu lấy hết ruộng đất tài sản trước đây ban cho Thần tiêu cung trả lại hết cho chùa. Nước Liêu đổi niên hiệu Bảo Đại năm đầu.

Tháng giêng có nhật thực, trời bỗng xám xịt, trong ấy có một cái vòng vàng xoay vần, rồi đột nhiên phóng ra hình dáng giống mặt trời bên cạnh có màu xanh đen, giồng như sóng nước xoáy vòng vòng, gần tối thì hết. Lúc này giặc loạn họ Mục chưa trừ, muôn dân rất lo.

Ngày hai mươi lăm tháng ba vua hạ chiếu thỉnh Thiền sư Hoài Thâm ở Từ Thọ trụ trì viện Tuệ Lâm trong chùa Tướng Quốc. Sư họ Hạ người Thọ Xuân, nối pháp với Thiền sư Tín ở Trường Lô.

Tháng sáu có nhật thực, phát xuất từ kinh thành Lạc Dương, chợt có một vật khi như con người, lúc giống con chó, có màu đen, không nhìn rõ mi mắt. Ban đêm nó đi ra bắt con nít ăn thịt như vậy ba năm mới hết.

Nhâm Dần: Liêu Diên Hy và Nhữ Chân đánh nhau. Hy bị Chân đánh bại, Thượng kinh, Đông kinh bị vây hãm. Hy chạy sang nước Yên, Nhữ Chân đánh tiếp, Hy cùng hai con chạy đến sa mạc, theo Lạc dương vào Giáp sơn, lên ngôi lại ở nước Yên, nước Liêu từ đó bị chia cắt. Liêu đổi niên hiệu là Kiến Phước.

45. Truyện về Trương Vô Tận:

Năm này Thừa tướng Trương Vô Tận mất. Ông húy là Thương Anh, tự là Thiện Giác. Mười chín tuổi ông đến Xuân Vi vào nhà họ Hướng. Trước đó Hướng mộng thấy thần nhân đến báo "Sáng mai đón tướng công". Sáng sớm thì ông đến Hướng lấy làm lạ, ân cần hỏi thăm, mến phục đức hạnh ông, sau đó gả con gái cho ông. Thương Anh quả nhiên gặp may.

Ngày nọ, ông đến tăng xá, thấy người quét dọn nơi cất kinh, những bản Phạm giáp đều đóng bụi, ông bùi ngùi than:

"Sách của Thánh Khổng ta không bằng kinh giáo người Hồ."

Ban đêm ông ngồi trong thư phòng ngâm nga đến canh ba. Hướng thấy vậy hỏi:

- Khuya rồi sao không đi ngủ?

Ông đáp:

- Chính là đang viết Vô Phật Luận.

- Đã không Phật, dùng luận làm gì?

Ông nghi nghi lời này bèn thôi. Sau nhân thăm người bạn, ông thấy quyển kinh Phật liền hỏi:

- Sách gì vậy?

- Kinh Duy-ma.

Ông liền mở xem thử đến câu "Bệnh này không phải địa đại, cũng không lìa địa đại".

Ông than:

"Không ngờ phương khác mới có câu này".

Ông mượn hết bộ kinh đem về miệt mài đọc. Hướng nói:

- Đọc thuộc trước đi, sau mới có thể viết Vô Phật Luận được.

Từ đó ông để tâm đến thiền tông.

Nhân làm Đề phán ở Hà Đông, ông đến Phần Dương lễ tháp của Quốc sư Đại Đạt, đêm ấy ông mộng thấy Quốc sư từ tốn đón tiếp ông. Tỉnh dậy, ông liền đọc ngữ lục của Quốc sư. Đọc đến đoạn: "Quốc sư hỏi Mã Tổ về tâm ấn của Đạt-ma. Tổ nói:

- Đại đức đang ở trong chợ búa, hãy đi đi!

Quốc sư đi, Tổ cười gọi:

- Đại đức!

Quốc sư quay đầu lại, Tổ hỏi:

- Là cái gì?

Ông bỗng tỉnh ngộ làm bài kệ:

Là cái gì, theo cái gì
La hầu trước điện đèn là lửa
Không phải như Tổ gọi lại
Liền bị Thiện Tài nghịch phá
Gió Tỳ lam mạnh chín tầng cao
Cò trắng mắt mờ cá lội qua.

Năm Nguyên Hựu thứ sáu, ông phụng chiếu đi sứ Giang tả. Ông qua Đông Lâm yết kiến sư Chiếu Giác. Hai người đàm luận rất lâu, ông hỏi:

- Các vị ở Nam Xương có thể cùng ai đàm đạo?

Giác đáp:

- Đâu suất vui, Ngọc Khê mừng.

Tháng tám, ông đi Phần Ninh, thiền giả đều đón tiếp ông, ông mời họ đến Vân Nham thăng đường, ông có bài kệ:

Năm ông cơ duyên cùng một phương

Lanh lợi đều ẩn chứa bên trong
Sớm mai đăng đàn bày xem thử
Tiện xin cầm giáo đánh một phen.

Cuối cùng Duyệt đăng đàn, nhìn khắp chúng hội, ông rất vui mừng liền nhập định vào Nghĩ Bộc đình trong viện Đâu suất rồi hỏi:

- Đây là cái gì?

Duyệt đáp:

- Nghĩ Bộc đình.

Ông hỏi:

- Vặn xoay ống trúc nước chảy về đâu?

- Dâng ra trước mắt.

Ông suy nghĩ, Duyệt liền nói:

- Phật pháp không phải đạo lý này.

Đêm đó, đang nói chuyện, ông nói:

- Tôi xem cơ duyên của một ngàn bảy trăm tôn túc trong Truyền đăng chỉ nghi câu "nhấc bát" của Đức Sơn.

Duyệt nói:

- Nếu nghi câu "nhấc bát" còn lại đều là tâm nghĩ suy, ý tìm hiểu, vậy đâu từng đến được cảnh giới đại an lạc?

Ông tức giận bỏ về giường ngủ. Đến canh năm, lúc bước chân xuống giường vô tình đá lăn cái ống nhổ, bỗng nhiên tỉnh ngộ. Ông liền đến gõ cửa phòng Duyệt nói:

- Bắt được giặc rồi!

Duyệt hỏi:

- Giặc ở đâu?

Ông gõ cửa ba cái, Duyệt nói:

- Ngủ tiếp đi, sáng ngày gặp nhau.

Sáng sớm hôm sau, ông trình bài tụng:

Trống lặng chuông im nâng bát hồi
Đầu non bức bách tiếng như lôi
Quả nhiên chỉ được ba năm sống
Đâu phải gặp ai thọ ký cho.

Bấy giờ, Duyệt đốt hương giao phó cho ông bằng bài kệ:

Đến đi thong thả
Bước bước đều như
Sống trong thanh sắc
Chớ trệ có không
Một tâm chẳng khác

Muôn pháp đều đồng
Thôi phân thể dụng
Chớ lựa tinh thô
Ứng cơ chẳng ngại
Tiếp vật mặc tình
Tình thị phi sạch
Phàm thánh đều trừ
Ai được ai mất
Ai thân ai sơ
Nắm đầu làm đuôi
Chỉ thật làm giả
Giam thân cảnh ma
Trở gót trong mê
Rõ không thuận nghịch
Chẳng phạm công phu.

Duyệt dặn dò thêm:

- Tham thiền là mạng căn chẳng đoạn, nương lời nói sinh kiến giải, cách ấy ông đã tỏ ngộ sâu xa rồi. Thế nhưng những ma sự rất nhỏ nhiệm khiến con người không hay không biết đọa trong hạn hẹp thì ông nên tỉnh giác.

Trương Thương Anh nghe xong cảm kích vô cùng. Tháng mười một năm này, Duyệt quy tịch. Ông bái biệt Duyệt, sau đó không lâu ông lên Hửu Quỹ. Đêm ấy sao chổi lặn, hạn hán lâu ngày đêm ấy bỗng có mưa.

Đường Tử Tây có làm bài Nội Tiền Hành. Hồi ấy ai cũng thuộc. Bài thơ ấy viết:

Nội tiền xe ngựa dạt chẳng ra
Trong điện Văn Đức, Tuyên ma về
Tử Vi Thị lang bái làm tướng
Trung sứ thỉnh đến Văn xương đài
Đêm qua dưới cờ trời sáng tỏ
Rừng gươm bãi giáo cũng sạch không
Hôm sau hóa thành nguồn mưa ngọt
Nhà nhà phấn khởi có kỳ tài
Lễ nhạc Chu công chưa trỗi vội
Thân đi Diêu Tống cũng chẳng dơ
Năm ấy ta nghe họ bái tướng
Lúa thóc dân gian ba bốn tiền.

Năm sau tức tháng hai năm Tuyên Hòa, ông tâu vua, vua ban thụy hiệu là Chân Tịch, sai sứ cầm văn tế đến trước tháp Duyệt tế. Đại lược nói:

"Tôi mấy năm phụng chiếu đi sứ Giang Tây, làm Án bộ Tây an, rồi quen biết nhau trong núi Long An. Đêm đêm nắm tay trò chuyện, hiểu được việc lớn ngày sau, chánh tông phân định tỏ tường chỉ tiếc rằng gặp nhau quá muộn và thầy từ giã quá nhanh, tiếc thay gốc phước chưa bồi tuệ duyên không thắng nổi số mệnh. Vui vì đức của thầy không mai một, bởi vậy sau cùng rồi cũng có người để tâm hoằng dương. Tôi thỉnh xin với vua, vua gia ân ban thầy thụy là Chân Tịch Thiền sư. Than ôi! Chỉ tôi với thầy là thần giao đạo khế, nên chẳng dám quên tấm lòng nhiệt tình động viên của thầy lúc bình sinh. Dù sống chết cách xa vời vợi nhưng nhờ đặc ân của thiên tử may ra cùng gặp nhau. Ngưỡng mong giác linh thầy nhận lãnh vinh hạnh này".

Tháng mười một năm Tuyên Hòa thứ tư, Lê Minh Khẩu Chiếm dâng biểu, ông sai học trò chép lại, rồi làm bài kệ:

Thân huyễn rạng danh tám mốt năm
Sống trôi chết nổi mấy ai hay
Đập nát hư không về đây đó
Trâu sắt vào biển bặt tâm hơi.

Nói xong, ông cầm gối ném ra cửa, tiếng động như tiếng sấm vang. Nhìn lại thì ông đã quy tịch rồi.

Quý Mão: Kim đổi niên hiệu là Thiên Hội năm đầu. Thái Tông Ngô Khất Mãi lên ngôi đó chính là em Thái Tổ, do bọn Niêm Hãn, Cán, Ly Bất lập lên. Sau khi diệt Liêu, ông có ý thôn tính phía Nam. Ông lên ngôi Hoàng đế, hang núi đó được gọi là hội Ninh Phủ dùng làm kinh thành chính. Tại cấm đình, vua tận mắt nhìn thấy ánh sáng kiết tường, trong ánh sáng ấy hiện ra Phật, vua liền sai người họa lại hình tượng đem vào sân điện cúng dường, vua đích thân quét dọn, mỗi lần cúng cơm đều quỳ xuống dâng. Vua làm như vậy trong nhiều năm nhưng chưa từng giải đãi. Mỗi năm vua đều mở hội thiết trai cúng dường cả hơn vạn tăng.

Giáp Thìn: Lúc này Lưỡng kinh, Hà lộ, Tiết lộ, kinh sư liên tục xảy ra tai họa kỳ dị. Ở Đô thành có một người đàn ông bán trái cây mang thai rồi sinh con, người mẹ bất đắc dĩ này nuôi con không được, phải chuyền tay đến bảy người nuôi thằng bé mới thoát chết và ông trốn đi. Lại có một quan rượu tên là Phong Lạc Lâu, vợ của Tửu Bảo là họ Chu đã hơn bốn mươi tuổi bỗng sinh một đứa con gái râu chòm ria mép,

đứa bé chỉ cao bốn tấc hai, mặt mũi khôi ngô tuấn tú, giống như một nam tử. Vua hạ chiếu cho nó làm nữ đạo sĩ.

46. Thiền sư Giác Phạm Đức Hồng:

Năm này, bộ Thiền Lâm Tăng Bảo truyện soạn xong, do Sa-môn Đức Hồng soạn. Ngài họ Du, tự Giác Phạm. Lúc đầu có tên Tuệ Hồng, người Cao An. Ngài mồ côi từ nhỏ học hành rất giỏi, có tài viết văn, tính tình khiêm cung, giản dị. Năm mười ba tuổi ngài theo Thiền sư Tam Phong xuất gia, mười chín tuổi thi kinh ở Đông đô và được thế phát thọ Cụ túc, nghe Luật sư Tuyên Bí giảng Kinh Hoa Nghiêm. Ngày nọ, cảm thấy không vui, ngài quay về phụng sự Thiền sư Chân Tịnh Khắc Văn. Ngài ở đây bảy năm, tiếp nhận hết sở học của Khắc Văn, sau đó ngài vân du đến vùng Hồ, Tương. Kinh Châu Trương Thừa tướng nghe danh ngài liền thỉnh ngài truyền pháp ở chùa Thiên Ninh, Giáp sơn. Ngài làm hai bài thơ ngỏ ý từ chối, sau đó đến gặp Thừa tướng. Vừa gặp ngài, Trương Thừa tướng mừng rỡ khen:

"Quả là bậc kỳ tài đời nay".

Cấp sự trung Chu Ngạn phủ dụ Phủ châu, thỉnh ngài trụ trì chùaa Cảnh Đức ở phương Bắc. Được thời gian, ngài từ giã đi, sau đó ngài trụ trì chùa Thanh Lương ở phủ Giang Ninh. Tại đây ngài bị một cuồng tăng vu cáo nên bị bắt giam. Trương Thừa tướng đang làm việc trong triều cứu ngài ra và cho xuất gia làm Tăng lại. Ngài đổi tên là Đức Hồng. Thừa tướng nhiều lần dẫn ngài vào phủ cùng luận Phật pháp. Vua có chiếu ban ngài hiệu là Bảo Giác Viên Minh. Lúc này kẻ sang người hèn đua nhau tìm đến ngài cầu học, lạy ngài làm thầy. Ngài dự định đi trụ trì ở núi Hoàng Long thì gặp phải lúc Thừa tướng bỏ ngôi vị, vua có lệnh bắt giam hết những người qua lại với Thừa tướng. Thượng thư Lang Triệu Dương v.v... đều bị giáng chức. Ngài trốn ra đảo Hải nam. Ba năm sau vua ra lệnh ân xá, từ đó mới được tự do nhưng tên ngài vẫn còn trong hình bộ. Dù hình dung như Cư sĩ tại gia nhưng ngài vẫn nghiêm trì giới luật. Đi đến đâu trưởng lão đều ân cần đón tiếp, không ai dám thất lễ. Ngài có người bạn đồng môn ở Cốc sơn, vị này cùng những Sa-môn nối pháp khác ở nơi đồng đón ngài vào ở phương trượng. Từ đây người học lại quy tụ về với ngài. Thời bấy giờ, có luật cấm tăng sĩ không được giao du với thường dân, có bè có đảng nhưng ngài lại là người nhiều bạn bè lại rất giỏi văn chương, nếu phạm tội lại thì hết đường hối cải. Chỉ có Trương Thừa tướng và Thị lang Trâu Hạo, Hữu Sư Trần Huân là tận lực giúp ngài, đưa ngài về Đông đô. Có người cười chê bảo rằng đạo nhân

mà giao du với người quyền thế. Ngài cười nói:

- Vậy là ông chưa biết ý ta, đại thần trong sạch, hiểu biết thường gặp tai họa.

Đến đầu năm Tĩnh Khang mới bỏ lệnh cấm này. Người ta bảo rằng, do ngày trước ngài trái ý chúng tăng chạy theo văn nghĩa nên suýt chết mấy lần. Sau đó ngài nhận lại Tăng tịch. Ngài nghĩ cần phải thân cận những người được vua ân sủng để chỉ cho họ cách chấp chánh, ngài rất muốn thực hiện việc này nhưng công việc quá nhiều cuối cùng không làm được. Năm sau thì ngài mất, thế là chưa thỏa được ước nguyện, ai nấy đều lấy làm tiếc. Ngài thọ năm mươi tám tuổi, tăng lạp ba mươi chín hạ. Ngài trứ tác rất nhiều luận nội dung đều bổ khuyết chánh giáo.

Ất Tỵ: Kim: Niên hiệu Thiên Hội thứ ba. Nước Liêu, niên hiệu Bảo Đại thứ năm. Diên Hy chạy đến Giáp sơn, đại thần lập em ông là Thuần lên nắm giữ Yên kinh. Sau đó Thuần chết lại lập vợ của Thuần là Tiêu Thị lên nắm quyền chánh, đổi niên hiệu là Đức Hưng. Diên Hy nghe Thuần chết liền hạ chiếu tước bỏ quan tước của Thuần, đuổi Tiêu Thị về làm dân thường. Ban đầu Hy chạy đến Giáp sơn, sau vượt Dương Lãnh về Nam bị quân Kim bắt sống, được phong là Hải Tân vương. Được mấy năm rồi Hy chết ở Trường Bạch sơn. Nước Kim tiêu diệt nước Liêu. Nhà Liêu từ A Bảo Cơ đến Lương Trinh Minh năm thứ hai thì đổi niên hiệu là Thần Sách, đến Diên Hy năm Bảo Đại, Ất Tỵ này thì hết, tất cả chín người chủ trị vì hai trăm mười năm.

47. Vua xuống chiếu mời Pháp sư Vĩnh Đạo về kinh phục chế lại Tăng phục:

Tháng sáu sư phụng chỉ trụ trì Sùng Hóa thiền tự ở Chiêu Khánh. Tháng bảy vua ngự phê cho sư trụ trì viện Thích-ca ở chùa Hiển Thánh, Hữu nhai; ban cho sư hiệu là Bảo Giác Đại sư nhưng vẫn đi trụ trì. Sư họ Mao, húy là Vĩnh Đạo người Trầm Khâu, Đông Dĩnh. Từ nhỏ sư đã chán ngán cảnh đời theo Đại sư Giới Chân ở Nam La Hán viện, chùa Thừa Thiên học pháp xuất thế. Sau khi thọ Cụ túc sư đến kinh đô theo học Duy thức, Bách pháp và thấu tỏ luận này. Chánh Hòa năm thứ ba, Sư được tuyển vào trụ trì viện Hương Tích ở Hữu Nhai và được vua ban Tử y. Năm thứ năm, vua ban sư hiệu Bảo Giác Đại sư. Tuyên hòa năm đầu, vua đổi danh hiệu Phật, Sư cùng Luật sư Ngộ Minh, Tuệ Nhật ở Hoa Nghiêm khóc mà nói:

- Phật pháp đến nước này, may mắn được sống cũng chẳng khác gì chết.

Sư nhiều lần đến quan phủ dâng biểu trạng nói:

"Từ năm Vĩnh bình đời Hán, Phật pháp đã du nhập vào Trung Quốc, chỉ có thời Nguyên Ngụy, Vũ Văn, Chu Đường Hội Xương từng phế bỏ Phật giáo. Đất nước ta học theo Nghiêu noi theo Thuấn, Tam Vũ Đường chủ đâu đủ để học theo. Cho rằng Phật không phải là người Trung Quốc, muốn pháp Phật không tồn tại trong nước, đuổi Tăng sĩ về quê để làm nông, làm học trò. Tên gọi đức sĩ ấy dù có chết cũng không dám tuân theo lệnh vua".

Sáng hôm sau, Sư đến quỳ trước Tuyên Đức môn dâng tấu sớ rằng:

"Thần Vĩnh Đạo may mắn được sinh nơi Thần khảo ngầm phong, gặp phải lúc Bệ hạ ngự thế, Tam giáo thịnh vượng, muôn phương vô sự. Thần do bỏ nghiệp sĩ nông, cắt tóc đắp y giảng truyền kinh Phật, trợ giúp thời thánh, giáo hóa vô vi. Trộm nghĩ Thánh nhân của Tam giáo đều là dạy người để làm lành, chỉ vì học trò họ hiểu sai làm bậy đến nỗi khiến cho nhân chủ đương thời bị mê hoặc. Bởi từ Tam Hoàng Ngũ đế đến nay, cái thuần phác bị phát tán, đại đạo bị chôn vùi. Ở thời nhà Chu, Sử Nãi soạn sách đến năm ngàn lời, phát minh đạo đức, sẽ khiến cho dân nuôi người mạnh dưỡng kẻ yếu, từ kiệm vô vi, trở về cái thuần phác. Đạo nhà Chu suy vi, thế tục càng lắm kẻ giả nhân giả nghĩa nhưng dân chẳng ai theo.

Trọng Ni ra đời càng đề xướng đạo nhân nghĩa, sửa thi thư, định lại lễ nhạc để cứu cái tệ cho đời. Không may tiếp theo sau là thời chiến quốc, Xử Sĩ nói càn, cho nhân nghĩa là thứ gàn rỡ, họ nhìn đạo đức như thế nào? Nhà Hán dựng nghiệp nhưng vẫn là bá đạo tạp nhạp. Người giỏi như Hiếu Văn bàn Lễ nhạc thì khiêm nhường chưa mạnh dạn. Hiếu Vũ giỏi về binh, rành về võ nhưng trong nước khốn to, ngay lúc đó nếu không có giáo pháp của Phật giáo ta du nhập kịp thời thì e rằng đạo đức nhân nghĩa đã tiêu tan hết.

Sách của nhà Phật bao quát tinh thô, gồm thâu tất cả, huyền diệu sâu xa, thật khó mà lường, lại nói rõ về thiện ác báo ứng thông cả ba đời. Thân diệt nhưng thần không diệt, tích thiện hay tích ác đều tùy theo đó mà nhận chịu quả báo. Không đợi ban thưởng nhưng dân tự khuyên nhau, không đợi hình phạt nhưng dân tự hối cải, nó ngầm trợ giúp phép vua, có công với dân, lẽ đâu đó là ích lợi nhỏ?

Từ nhà Hán đến nay chỉ có Nguyên Ngụy Vũ Văn, Chu Đường Hội Xương từng hạ lệnh phế bỏ Phật giáo, còn lại hầu hết đế vương đều kính phụng. Như Nghệ Tổ Hoàng đế ta khi mới nhận ngôi từ nhà Chu

việc đầu tiên là chấn hưng Phật giáo. Nhiều lần cử tăng sang Tây Vực tìm cầu Phật pháp. Thái Tông Hoàng đế, lập ra dịch trường, sửa nơi cất kinh, soạn văn trong bí tàng, thuật bài tựa trong Thánh giáo. Chân Tông Hoàng đế soạn Pháp Âm tập, Sùng Thích Thị Luận. Nhân Tông Hoàng đế cung kính xem kinh tạng, miệt mài học Phạm ngữ, ngày ngày cùng xướng ngâm hỏi đáp tâm pháp với Đại sư Hoài Liên, giữ gìn lễ nghi của Anh Tổ Thần Khảo. Triết Tông Hoàng đế ngày ngày tại Chử cung thần khảo chẳng biết mệt, lúc nào cũng đọc tụng kinh Phật, cầu cho thánh nghiệp trường tồn khiến cho Phật đạo ta không mảy may ra khỏi chánh đạo, như vậy lẽ đâu không đủ để cho lịch đại Đế vương sùng phụng theo ư? Tuy gặp phải ba lần phế Phật của đời trước nhưng được khôi phục lại rất mau chóng. Những kẻ phế bỏ Phật giáo đều bị chuốc họa không kịp trở tay. Ai bàn mưu để rồi Bệ hạ không ngần ngại hạ lệnh phế bỏ Phật giáo như vậy? Thần thật lấy làm lo cho Bệ hạ. Phàm từ nhà Hán về sau, lịch đại Đế vương ấy chắc chắn không đủ nói với Bệ hạ. Thế nhưng Liệt thánh của bản triều ta lẽ đâu không đủ để Bệ hạ noi theo sao? Bệ hạ nếu muốn Đạo sĩ thịnh lên thì nên nghiêm khắc ra lệnh cho Kỳ sĩ ở quận huyện cùng Bệ hạ lật biểu tấu này mà xem thì không đầy mười ngày sau Đạo sĩ sẽ tự thịnh lên. Bệ hạ bỏ cách này không làm lại đi bức bách đồ chúng của Phật bỏ sở học của Phật nghe theo bọn Đạo sĩ. Truyện viết: Người dùng sức phục vụ người khác, chẳng phải trong lòng họ vui nhưng chân thành phục vụ. Bệ hạ đem những tăng nhân mà trong lòng họ không vui không chân thành kính phục này đẩy họ vào trong đám Đạo sĩ. Thần ngu muội cho rằng cái họa của Đạo sĩ khởi nguyên từ đây, chứ chưa thấy họ thịnh lên. Thần lạm học Phật pháp, ăn lúa gạo nhà Tống, không thể ung dung im lặng mãi, can gián mà bị bắt tội thần cũng cam lòng".

Tấu sớ dâng lên, vua nổi giận bắt sư giao cho cai ngục phủ Khai Phong, bắt phải thích vào mặt và đày sư đi Thung Lăng. Bọn lính giải sư đi nói:

- Đây đến đó cách xa vạn dặm, là nơi rừng thiêng nước độc, đạo nhân lại ăn chay không ăn quá ngọ, kể ra cũng thật khó, tốt nhất là cho ông ta ăn mặn đi.

Sư khẳng khái nói:

- Ta thà chết đói, chứ không bao giờ phạm giới cấm của Phật.

Đêm ấy, Thái thú Thung Lăng mộng thấy một Đức Phật bị thích vào mặt, lại đeo gông đứng dưới thềm. Sáng ra, ông đem việc này kể cho quan lại đồng liêu, thì mọi người đều nói hôm qua mình cũng mộng

thấy như vậy. Lát sau thì sư đến. Dung mạo chỉ hơi khác đôi chút, cả phủ đều thất kinh. Họ bàn nhau không để sư làm khổ sai, Sư từ chối vì cho rằng đó là lệnh của vua. Thái thú càng kính phục và miễn hết công việc cho Sư.

Sư lưu vong trong nhiều Châu, gặp lúc nhân dân bị bệnh dịch, Sư đào ao lấy nước chú nguyện, hễ ai uống vào bệnh khỏi ngay, từ đó quan lại để sư tự do đi lại.

Vua có chiếu mời sư về Lâm An khuyên sư làm tăng trở lại. Sư cố sức từ chối. Vua biết không thể dùng uy khuất phục được sư, liền ôn tồn nói:

- Tiên đế bị mê hoặc bởi những lời yêu dị, hủy nhục hình hài khanh, nay trẫm muốn xóa vết tích trên mặt khanh được chăng?

Sư đáp:

- Mực của Tiên hoàng rất quý không nỡ xóa đi.

Vua cười vang, vỗ lưng sư nói:

- Khanh quả là cứng đầu cứng cổ!

Vua ban cho sư tên là Pháp Đạo, thụy hiệu là Bảo Giác Viên Thông Pháp Tế Đại sư. Thỉnh sư trụ trì chùa Đại Trung Tường Phù. Mỗi lần nước có họa yêu nghiệt, vua đều thỉnh sư chú nguyện, mọi việc đều ứng nghiệm.

Năm Thiệu Hưng thứ hai, thể theo lời thỉnh cầu của Thái thú Giang châu, vua thỉnh sư trụ trì Đông Lâm ở Lô sơn. Năm sau, do bọn Đạo sĩ quen thói lại đứng trước Tăng chúng, Sư đến quan sở tại dâng sớ tâu rằng:

"Theo Sùng Ninh Đại quán hỏi Đạo sĩ Vương Tư Tức, Lâm Linh Tố v.v... rõ ràng lạm nhận phẩm vật, náo loạn triều cương, từ đó đạo sĩ ganh ghét chúng Tăng. Trộm nghĩ từ Tĩnh Khang đến nay, đạo sĩ quan lại đã đi thì đuổi luôn, nay thần xin theo phép chế cũ của tổ tông, xin Bệ hạ cho đặc ân cải chánh".

Lễ bộ bàn bạc lại việc trước kia và chỉ ân xá cho đạo sĩ ở Tuyên Đức môn, đạo sĩ còn lại đều làm Tăng sĩ. Lời tấu của sư được lấy làm mệnh lệnh.

Trước khi có loạn Tĩnh Khang, Sư cùng Luật sư Ngộ Minh thệ nguyện:

"Sẽ tạo ba ngàn hóa Phật để cầu phước cho quốc gia".

Lúc còn ở Tương Phù, hai người mới bàn dựng một nơi chứa kinh nhưng quân Kim lại vây hãm Lâm An, Ngộ Minh lên thuyền ra biển, Sư cũng nối gót theo sau. Đến bây giờ mới về lại Đông Lâm, khuyên tín thí

hoàn thành sở nguyện của mình.

Ngày hai mươi mốt tháng bảy năm Thiệu Hưng thứ mười bảy, Sư thị tịch tại Thiên Phật Các Tân tự. Hôm ấy trong đạo tràng có đến hơn một trăm Pháp sư nhân ngày Tự tứ đến yết kiến sư. Sư vẫn thăm hỏi như thường, rồi bỗng nói:

- Sự an nguy của pháp môn đều nhờ cậy các ông, ta phải đi đây!

Sư cầm bút viết kệ, rồi chắp tay thị tịch. Đồ chúng trà-tỳ, thâu lấy xá-lợi vô số. Đệ tử Bảo Hộ dựng tháp sư ở đầu nguồn nơi có chín dặm tùng. Sư thọ sáu mươi hai tuổi, tăng lạp bốn mươi bốn hạ. Ngụy quốc công Trương Tuấn soạn bài minh trên tháp.

Thiền sư Bắc Gian Cư Giản ở Tịnh Từ đến phúng điếu trước tháp. Bài điếu văn ghi:

"Người mà Mạnh Tử gọi là Đại trượng phu là người giàu sang nhưng không làm họ phóng túng, nghèo hèn không làm họ thay đổi, quyền uy không làm họ khuất phục. Ngài gởi mạng cho trùng kiến, gởi thân cho gió sương, chẳng phụng chiếu vua để đổi hiệu Đức sĩ, quyền uy có thể khuất phục ngài được chăng? Bị thích trên mặt rồi đày đi, làm tội đồ ở các châu, tại bến Cửu tử không ăn quá ngọ, ngâm nga giáo hóa, như vàng ra khỏi đá, nghèo hèn có thể làm ngài thay đổi chăng? Xóa tên gạch họ lại được như xưa, phong quan chia lộc đều ở lòng vua, vua nói:

- Thật đáng khâm phục! Ta xóa vết thích chữ trên mặt khanh. Ngài nghĩ đến Tiên đế nên không nỡ xóa đi. Vua nói:- Ông thật là cứng đầu cứng cổ.

Giàu sang có thể làm ngài phóng túng chăng? Lâm Linh Tố mượn y phục của Đạo sĩ gây họa tày trời, thay Tăng y thành y phục Hoàng lão, thiên hạ đều làm theo nếu không thì cũng lén trốn đi, chết khô nơi rừng sâu. Ngài thì noi theo lòng trung của Tỷ Can, may ra cũng còn có chỗ dựa trong muôn một, như bưng vật nặng đi trên bờ đê sóng cả ở Long môn. Thánh ân khoan hồng, không xử chết ngay, người người nổi lên chống đối, ta biết chỉ có ngài không chống cự. Nếu lòng nhân chưa thuần thục thì làm sao làm được những việc như vậy. Mong ngày sau, ngài tái sinh nguyện thấy được sự thành tựu của ngài. Kỳ vĩ siêu tuyệt, quả là việc của bậc đại trượng phu".

Cư Giản lạy hai lạy, đi nhiễu rồi đọc văn điếu:

Vết thích hết chăng?
Thân vững như đỉnh hề
Xóa đi thì chết

Vết thích xóa chăng
Ân như gió xuân hề
Không nỡ xóa đi
Nhẫn đi một niệm
Lâm cảnh bụi mờ
Lìa xa cung khuyết
Sinh linh lầm than
Tăng sĩ hiếm hoi
Lại đâu đủ xa mờ sao?
Đạo châu một bóng
Hỏi bờ cười ngất tỉnh ra
Trời trong đất lặng
Người người khuất phục
Chỉ mình ngài tin
Ẩn như nước mạnh
Hiển tợ thành cao
Sâu mọt Linh Tố
Bẻ cong kỷ cương
Dù phân trăm mảnh
Nỗi đau chưa nguôi
Cửu Lý trong mát
Thoát xác là nhà
Cỏ khô vào xuân
Bừng bừng tươi tỉnh
Hậu thế nào hay
Trong cõi Ta-bà
Vết trên trán hề
Nghi dung chói lọi
Thong dong mà đứng dậy hề
Khác nào phong cách Bá Di.

Bính Ngọ: Khâm Tông tên là Hoàn lên ngôi. Tháng giêng, Cán Ly Bất đánh vào kinh cướp vàng lụa rồi rút quân. Tháng mười hai Bất lại vây kinh thành hơn một tháng. Tháng tư năm sau, vua cùng Thượng hoàng, lục cung hoàng tộc dời về phương Bắc, ông lên ngôi đổi niên hiệu là Tĩnh Khang.

Phàm từ xưa, việc trong thế gian không gì lớn hơn sống chết. Nếu muốn thoát khỏi đều nhờ tu Lục độ vạn hạnh. Người mở rộng Lục độ vạn hạnh chỉ có Phật và Tổ. Những điều cốt lõi của Phật, Tổ đã được

các bậc tiên hiền gom tập thành sách lấy tên là Thông tải. Người mến mộ theo đó mà làm, được vậy thì ngay trong sinh tử mới mong thong dong tự tại, như thế lẽ đâu không tin sao!

Thánh triều Trấn Sóc Tướng quân Tổng binh Quan Vinh Lộc Đại Phu Đạn Đình Công Nguyệt Đình Trấn Giang Chu là người thể nhập sâu trong đạo Phật, Tổ ta; tin khó thoát sinh tử, nên ngoài việc chu cấp hàng ngày ông đều gây tạo thiện duyên. Ông từng dựng chùa Vĩnh Ninh ở Bảo Định, chùa Di-đà ở Tuyên Phủ cực kỳ trang nghiêm, đồng thời cúng dường tứ sự, đúc tượng, cúng dường hoa hương cùng vô số phẩm vật thượng diệu khác. Chi phí lên đến mấy ngàn vạn tiền. Ông lại in mười tạng Đại tạng kinh phân phát đến các chùa nhằm cúng dường, lưu hành, kết duyên với tăng chúng. Tôi ẩn cư tại Bạch Liên, Hưng Biện sơn thuộc đất Ngô, lúc tôi đến đạo tràng Vĩnh Ninh và gặp ông ở Tuyên Phủ.

Thiện nam tín nữ ở kinh đô trùng khắc bộ Thông Tải nhưng không đủ kinh phí, tôi đến ngỏ lời và ông hoan hỷ cúng dường kinh phí hoàn tất bộ sách này. Tôi xem nghĩa Thiện nam tín nữ ở kinh đô trùng khắc bộ Thông tải nhưng không đủ kinh phí, tôi đến ngỏ lời và ông hoan hỷ cúng dường kinh phí hoàn tất bộ sách này. Tôi xem nghĩa khí cao cả của ông, có thể gọi ông là người không quên những lời phó chúc của Phật làm rạng rỡ đạo pháp ta. Vì vậy tôi ghi lại mấy lời để người đời sau biết vậy.

(Tháng sáu năm Canh Tuất niên hiệu Tuyên Đức thứ năm, Vĩnh Ninh trụ sơn, Thích Đại Hải ghi.)

■

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 20

1. Nam Tống Cao Tông: (Đinh Mùi)

Nam Tống họ Triệu đóng đô ở Hàng châu. Bất Khinh nói:

- Cao, Hiếu, Quang, Ninh, Lý, Độ, Ấu chúa tất cả bảy đời trị vì tổng cộng một trăm ba mươi bốn năm.

Cao Tông tên là Cấu, mẹ là Vi Phi. Huy Tông nằm mộng thấy Ngô Việt Vũ Túc Tiền Vương vào nhà mình, sau đó sinh ra ông. Ông được phong làm Khang vương. Năm đầu Tĩnh Khang ông từng đi sứ sang doanh trại của Cán Ly Bất. Mùa đông năm này Cán Ly Bất lại đến, ông phụng chiếu cùng Cảnh Nam Trọng đi sứ lần nữa. Đến Tướng châu dân chúng cản đường xin ông về. Đến Tư châu Thái thú và dân chúng ở đây cũng ngăn ông lại. Thái thú Tướng châu cũng gởi thư nói với ông rằng người nước Kim mới sai kỵ binh đem phẩm vật đến chỗ của Khang vương. Ông bèn trở về Tướng châu dựng cờ kêu gọi binh Cần vương. Vua hạ chiếu cho Khang vương làm Đại Nguyên soái, Giang Bá Ngạn Tông Trạch làm phó soái lập tức dẫn binh vào đất Vệ. Ông cùng bàn bạc với Bá Ngạn rồi rời Tướng châu đi ra cửa Bắc, vượt sông đến Đại Danh thì nghe tin kinh thành bị vây hãm, ông xin tiến binh đến kinh thành. Bá Ngạn không cho mà khuyên ông đem binh về Đông Bình tìm đất an thân. Nam Trọng cũng cho là phải. Thái thú Hà giang Hoàng Tiềm Thiện cũng kéo binh đến cùng đóng ở Tế châu. Thám báo cho hay Trương Bang Xương đã được quân Kim lập rồi. Hai vua đi về phía Bắc. Bang Xương đón Nguyên Hựu Mạnh Hậu lên thính chính. Văn võ bá quan đều khuyên nên tiến cử Bang Xương. Mạnh Hậu hạ thư tiến lập Khang vương, rồi cáo với quan dân rằng:

"Nhà Hán bị nguy đến mười đời, Quang Vũ phải trung hưng."

Hiến Công có chín người con nay chỉ còn có Trùng Nhĩ. Nhĩ sai sứ đến dâng biểu, gặp phải lúc thư của Mạnh Hậu vừa đến, Bang Xương dập đầu khóc thảm xin chết. Sứ giả từ Hà Bắc tới tiến cử Khang vương rồi chắp tay nói:

- Xin ứng mệnh lên ngôi để cứu cha mẹ.

Ông khóc thảm lạy tạ, rồi ứng mệnh trời lên ngôi, đổi niên hiệu là Kiến Viêm năm đầu. (Nước Kim là năm Thiên Hội thứ năm).

Canh Tuất: Từ tháng giêng Hoàng thượng đến Giang tâm, đổi nơi này thành Long Tường, đổi Đông Hiên thành Dục Nhật. Đổi chỗ ở của Lâm Linh Tố thành Tư Phước Giáo tự. Tần Cối quay về. Nhận lệnh của Thát Lạt chủ trì việc giảng hòa.

Tháng mười hai, người nước Kim là Sách Lưu Dự lên làm vua lấy quốc hiệu là Tề, niên hiệu là Phụ Xương.

Tân Hợi: Thiệu Hưng năm đầu, Trương Tuấn ganh ghét người tài, giết Khúc Đoan, đất Thiểm Tây mất sạch.

Nước Kim nghênh đón Chiên đàn thụy tượng đến Yên kinh, dựng Thủy Lục hội trong bảy ngày đêm, an trí tượng ở chùa Mẫn Trung rồi cúng dường. Tượng được thờ ở đây mười hai năm.

Ất Mão: Kim Hy Tông lên ngôi. Ông tên là Đàn, nguyên có tên là Yết Thích, cháu đích tôn của Mã Thái Tổ, con của Tông Tuấn, trị vì mười bốn năm, sau bị Ngạn Lượng giết.

Tây Hạ: Niên hiệu Đại Đức năm đầu.

2. Pháp sư Tô đà thất lợi người Thiên Trúc:

Pháp sư Tô đà thất lợi người Thiên Trúc, từng lễ Văn-thù ở Ngũ đài, rất giỏi chú thuật, thần dị khôn lường, vua rất kính trọng. Thời bấy giờ Vũ sĩ Tiêu Chân Nhân cũng là Cao sĩ, phép thuật tinh thông nhưng đều bị sư khuất phục, thế là Tiêu lạy sư tôn làm thầy. Đường Quát Tướng công nước Kim từng khen Tiêu Chân Nhân:

- Kỳ thay! Sư tử!

Tô -đà -thất -lợi từ Tây Trúc sang, Sư thọ một trăm lẻ tám tuổi. Người sư trắng như tuyết, hai mang tai có sắc xanh biếc, tay dài, bên trong ẩn tàng nhân từ, bên ngoài hiển rõ uy nghiêm. Trong thời Mẫn Tông trời âm u nhiều ngày nhưng không mưa. Vua hạ chiếu thỉnh sư đăng đàn chú nguyện, rồng rơi xuống đất, màu nó giống như màu y sư mặc do Hậu phi tự tay may. Sư lấy của cải từ bên trong y này ra độ tăng dựng chùa. Mọi người nửa tin nửa ngờ. Phật đà ba lợi lấy cớ mượn đường đến lại Ngũ đài tham lễ. Nhìn thấy sư đội mũ Ngũ Phật cao vời chẳng khác Văn-thù, gương mặt như trăng tròn, sắc diện không đỏ cũng không sẫm. Tiêu Chân Nhân từ xa nhìn thấy liền quỳ xuống lễ lạy.

3. Thiền sư Viên Ngộ Khắc Cần:

Ngày năm tháng tám năm Thiệu Hưng thứ năm, Thiền sư Viên Ngộ thị tịch. Sư họ Lạc, húy Khắc Cần, tự Vô Trước, người Sùng Ninh, Bành châu. Sư đến viện Diệu Tịch nhân đó xuất gia thọ giới với Đại sư Tự Tỉnh. Sư vân du đến Thành đô, theo Đại sư Viên Minh Mẫn Hạnh học và nghiên tầm diệu nghĩa của kinh luận nhưng vẫn thấy chỗ này chưa đủ để mình nương cậy. Sư đến Chiếu Giác yết kiến Thắng Công hỏi về tâm pháp. Ở thời gian lâu, sau đó sư đến yết kiến Chân Như Triết Công có chút tỉnh ngộ. Lúc này Khánh tạng lãnh chúng, cho chúng thường xuyên thưa hỏi, Khánh rất rành tông chỉ của tông Tào Động. Sư theo Khánh và tiếp nhận hết cốt lõi của ông ấy. Sư từng yết kiến Đông Lâm Chiếu Giác, nên sau đó không lâu, Sư nói với Khánh:

- Đông Lâm cũng thường thôi.

Sư đến yết kiến Pháp Diễn ở Thái Bình. Sư cậy mình lanh lợi thường tranh biện với Diễn. Diễn nói:

- Thứ đó có thể đối đầu được với sinh tử được không? Ngày sau lúc tại nhà Niết-bàn chỉ có phát quang, ông tự nghiệm sẽ thấy.

Sư cho mình không hợp nên từ giã đi. Sư đến Định Tuệ ở Tô châu, bệnh tật suýt chết, nhớ lại ngày trước tham vấn tất cả đều vô nghiệm, chỉ có Pháp Diễn là không chê mình, gặp phải bệnh tật liên miên, ngay hôm đó sư khăn gói về lại Thái Bình. Diễn thấy sư về lại rất mừng nhận sư làm thị giả.

Một hôm Tào sứ Trần Quân vào núi hỏi đạo. Diễn đọc bài Tiểu Diễm thi rằng:

Kêu hoài tiểu ngọc nguyên vô sự
Chỉ cốt người tài nhận được thanh.
(Tần hô Tiểu ngọc nguyên vô sự
Chỉ yếu đàn lang nhận đắc thanh)

Sư đứng hầu, nghe xong hoát nhiên đại ngộ, liền thưa với Diễn. Diễn vặn hỏi, Sư đáp:

Ngày nay mới thật sạch cơ trước mắt. Diễn vui vẻ đáp:

- Tông ta đã có ông rồi. Từ nay ta không lo nữa!

Có lần sư đem việc này kể lại cho Phật Giám Tuệ Cần nghe. Cần không tin, Sư nói:

- Người xưa bảo:“Cao ly đập sắt lửa cháy bừng”. Tôi thì chỉ lên chót vót bảo hãy kiến lập ngữ, ngày nay quả nhiên như vậy.

Tuệ Cần ngạc nhiên không đáp. Lúc này Thiền sư Phật Nhãn còn trẻ, mỗi mỗi sư đều chỉ bảo, hai người về sau đều là bậc Đại triệt ngộ. Từ đó có câu:

"Dưới của của Diễn có hai Cần một Viễn".

Tiếng tăm ba người chấn động gần xa, tăng chúng gọi họ là ba hào kiệt.

Diễn dời về núi Ngũ Tổ, Sư lo việc chùa chiền. Lúc mới dựng Đông trù ngay giữa sân có cây gỗ quý. Diễn bảo:

- Cây này có làm trở ngại cũng không được đốn.

Sư đốn đi, Diễn nổi giận cầm gậy đuổi đánh sư, Sư chạy trốn, bỗng bừng tỉnh nói:

- Đây là dụng của Lâm Tế mà thôi.

Nói rồi sư đỡ gậy và nói:

- Thằng giặc! Ta biết được ngươi rồi!

Diễn cười vang rồi bỏ đi. Từ đó Diễn bảo sư phân tòa thuyết pháp. Đầu năm Sùng Ninh, Sư về đất Thục thăm mẹ già, giảng thuyết ở Chiêu giác, được ít lâu sư từ giã đi. Tại Kinh châu, Sư gặp Thừa tướng Trương Vô Tận, hai người cùng bàn diệu chỉ của Hoa Nghiêm. Sư tinh thông diệu chỉ, nói năng lưu loát, lời lẽ gãy gọn. Vộ Tận bất giác đứng dậy sư hỏi:

- Chân cảnh này so với chỉ thú tông môn thế nào?

Vô Tận đáp:

- Đương nhiên không khác.

Sư nói:

- Chẳng hề dính nhập.

Vô Tận có ý bất bình, Sư chậm rãi nói:

- Người xưa bảo: "Chẳng thấy chút sắc mới là bán đề, phải biết có toàn đề thời tiết, nếu thấu triệt được mới thấy cái dụng của Đức Sơn, Lâm Tế".

Vô Tận tỉnh ngộ nói:

- Vốn từng nghi những lời luyện vàng ròng của Tuyết Đậu, ngày nay mới biết ông ấy không có chỗ bám víu.

Sư từng làm bài tụng:

Đầu cửa gặp ngay cơn sấm sét
Châm ngay yếu huyệt bệnh khỏi ngay.

Không ngờ hợp ý Thừa tướng, Vô Tận vui vẻ nói:

- Cứ sợ Tổ đạo dần suy. Ngày nay có thể gọi là "Gặp nạp tăng thì ta bị trói".

Thứ sử Lễ châu thỉnh sư trụ ở Giáp Sơn. Sau đó không lâu sư qua ở tại Đạo Lâm, Tương Tây. Hồi ấy Đàm sư Châu Công nhân đề cử Lưu Trực Nhụ đến gặp sư, nhưng Nhụ tỏ ra không mấy tôn kính sư. Đến khi

thấy sư khai đường diễn xướng diệu tông, Nhụ mới thực sư kính phục.

Cuối năm Chánh Hòa, vua hạ chiếu thỉnh sư về trụ ở Tưởng Sơn, Kim Lăng, đạo pháp rất thịnh.

Tăng hỏi:

- Thế nào là thật tế lý địa?

Sư nói:

- Sao không nói đến chỗ trước khi hỏi?

- Chỗ trước khi hỏi làm sao nêu ra được?

- Phải theo đó mà đến.

- Nhanh quá khó gặp, phải hỏi một lần.

- Quên trước mất sau.

- Nếu luận việc này như đánh đá lửa xẹt, còn như lúc chưa gặp nhau thì thế nào?

Sư đáp:

- Ngoài ba ngàn dặm cũng gặp gã.

- Như vậy thì ngoài thanh sắc vẫn gặp được thầy?

Sư đáp:

- Xuyên thủng lỗ mũi.

- Trung thần chẳng sợ chết nên hay lập tiếng tăm trong đời, dũng sĩ chẳng tiếc sống nên hay làm việc lớn trong đời, chưa biết nạp tăng thì làm gì?

- Uy chấn trời đất chưa phải là vượt bên ngoài.

- Như vậy là ngồi lấp cả mười phương đứng cao đến ngàn nhận?

Sư nói:

- Xem tên.

Tăng hỏi:

- Chẳng rơi vào nhân quả, chẳng lầm nhân quả là giống hay khác?

Sư đáp:

- Hai cái vòng kim cang.

- Quy Sơn lay cửa ba lần rồi làm gì?

- Chẳng phải người cùng đường, tri âm chẳng kéo tới.

Sư có lần dạy chúng:

- Thế nào, thế nào là cùng sáng; chẳng thế nào, chẳng thế nào là cùng tối. Trong cái chẳng thế nào lại là cái thế nào, trong cái tối ngầm chứa cái sáng. Trong cái thế nào lại là cái chẳng thế nào, trong cái sáng ẩn chứa cái tối. Chỉ như đâm thủng không biết bao chỗ ngồi, dựng lập những việc trầy tay gãy kiếm như thế, vả lại gọi đó là làm cái gì?

Tới lúc ấy cao mà không trên, sâu mà không dưới, cùng tận bờ mé hư không, trong cực lân hư trần sạch rờ rỡ, đỏ phau phau. Đó là bình bát không đáy, cây gậy không ảnh. Trước núi Hùng Nhĩ, dưới ngọn Thiếu Lâm, lão Hồ chín năm lặng lẽ giữ những thứ đồ dùng ấy, trong tuyết sâu gặp kẻ tình quên ý dứt, lý sạch cái thấy tiêu, từ đó mới có một người thừa đương. Cùng sáng cùng tối, cùng thả cùng nhận là kiến lập, là bình thường rốt cuộc đều chưa dính nhập chỗ cực tắc? Vậy như thế nào là chỗ cực tắc? Chẻ đôi Hoa nhạc là trời thẳm, ra khỏi Hoàng hà róc rách trôi.

Trong năm Tuyên Hòa, vua hạ chiếu thỉnh sư ở Thiên Ninh. Thái thượng lúc này ở Khang Để, nhiều lần thỉnh sư đến giảng đạo. Sư nói kệ:

Rất giản rất dị
Rất tôn rất quý
Xưa nay ngàn Thánh đội trên đầu
Thế, xuất thế gian không lường nổi.

Lúc này Khâm Tông ở Đông cung, Sư đã nói lời sấm ký ấy trước với Thái Thượng. Niên hiệu Kiến Viêm năm đầu, Tể tướng Lý Bá Kỷ dâng biểu thỉnh sư trụ ở Kim Sơn. Vua xa giá đến Duy Dương, hạ chiếu thỉnh sư thưa hỏi về đạo pháp của Tây Trúc thế nào. Sư đáp:

- Bệ hạ dùng lòng hiếu trị vì thiên hạ, pháp của Tây Trúc lấy nhất tâm thống nhiếp ngàn muôn sai biệt. Chân tục tuy khác nhưng nhất tâm vẫn không hề thay đổi.

Thái Thượng rất vui, ban sư hiệu Viên Ngộ Thiền sư. Sư xin về núi Vân Cư sống hết tuổi già. Triều đình hậu đãi đưa tiễn sư đi. Năm sau, Sư đến Vân Cư, lại quay về đất Thục lần nữa. Thái sư Vương Bá Thiệu thỉnh sư trụ ở Chiêu Giác.

Ngày năm tháng tám Thiệu Hưng thứ năm, Sư quy tịch. Lúc sắp mất, thị giả bưng giấy mực đến xin kệ, Sư viết:

Thấu rồi vô công
Chẳng cần lưu kệ
Nhờ bày ứng duyên
Trân trọng! Trân trọng!

Sư ném bút thị tịch, thọ bảy mươi ba tuổi, tăng lạp năm mươi lăm hạ. Vua ban sư thụy là Chân Giác Thiền sư, tháp hiệu Tịch Chiếu.

Bính Thìn: Tháng năm, thâu tiền thay vì khỏi trả tiền thuế đinh. Huy Tông nghe tin dữ, tháng tư thì băng hà.

4. Thiền sư Thiệu Long ở Hổ khâu, Bình Giang:

Sư húy Thiệu Long, người huyện Hàm Sơn, Hòa châu. Sinh ra sư đã là người tuấn kiệt. chín tuổi xuất gia ở Phật Tuệ viện, sáu năm sau thì thế phát thọ giới. Năm năm sau sư khăn gói du phương, có chí phiêu bạt bốn phương cầu học. Đầu tiên sư đến Trường Lô yết kiến Thiền sư Tịch Chiếu. Trải qua thời gian tham học có chút ít tỉnh ngộ. Nhân đọc ngữ lục của Thiền sư Viên Ngộ Khắc Cần, Sư bất giác vỗ sách than:

"Nghĩ đến đồ chua thì chảy nước miếng, dù chưa nếm vào miệng, nuốt vào bao tử nhưng đã làm người ta thích thú rồi, chỉ hận là chưa được nghe ngài ho hen thôi".

Thế rồi, Sư muốn đến yết kiến Viên Ngộ.

Sư đến Bảo Phong yết kiến Thiền sư Trạm Đường. Đường hỏi:

- Thế nào là việc hành cước?

Sư vấn áo đưa ngực ra nói:

- Hòa thượng nghiệm xem.

Trạm Đường đánh, Sư nắm gậy nói:

- Chớ có đánh càn!

Trạm Đường cười vang. Sư ở lại đây hơn một năm rồi đến Hoàng Long yết kiến Thiền sư Tử Tâm.

Tâm hỏi:

- Ông là tăng gì?

Sư đáp:

- Tăng hành cước.

- Tăng ở thôn nào? Đi bằng lừa hay ngựa?

- Kẻ Man di Quảng nam nói cái gì? Sao không nói lớn một tí!

Tử Tâm vui vẻ nói:

- Cũng có chút khí khái của Nap tăng.

Sư liền hét rồi lui về tham đường. Sư ở đây được một hạ, Tử Tâm rất hứa khả. Mỗi lần gặp sư, Tử Tâm đều khen là người tái lai.

Cơ Phong của Tử Tâm vùn vụt, vượt hẳn các nơi khác, nếu chẳng phải bậc thượng căn thì không ai đương nổi. Thế nhưng đối với sư Tử Tâm thường tán thưởng, đại chúng đều khiếp sợ. Sau đó sư đến Giáp Sơn yết kiến Thiền sư Viên Ngộ. Lúc ngang qua núi Long Nha, Sư gặp Thiền sư Phát Tử Mật, Mật hậu đãi sư, hai người luận cổ bàn kim, đến chỗ nào đắc ý thì vỗ tay cười vang. Có lúc cứ như người điên, người ta bảo họ là Quy Sơn, Ngưỡng Sơn, Hàn Sơn, Thập Đắc của đời nay. Ở được ít lâu, Sư đến Giáp Sơn. Gặp lúc Viên Ngộ dời đạo tràng về Đạo Lâm, Sư cũng đi theo.

Một hôm sư vào thất, Viên Ngộ dẫn giáo môn nói với sư:

- Lúc tâm thấy, cái thấy ấy không phải là thấy của con mắt, cái thấy mà lìa cái thấy thì cái thấy con mắt không theo kịp.

Viên Ngộ đưa nắm tay lên hỏi:

- Ông thấy không?

Sư đáp:

- Thấy.

- Trên đầu lại đặt thêm đầu.

Sư nhân đây tỉnh ngộ. Viên Ngộ gạn lại:

- Ông thấy cái gì?

Sư đáp:

- Tre dầy chẳng ngại nước chảy qua. Viên Ngộ hứa khả. Từ đó sư hầu hạ Viên Ngộ như bóng với hình. Hai mươi năm sau, Sư đã triệt ngộ hết sở đắc của Viên Ngộ.

Sư xin Viên Ngộ về thăm song thân, rồi trụ ở chùa Bao thiền, sửa sang lại cảnh Ma da Hoàng hậu và Đao-lợi thiên cung. Sau đó sư được thỉnh trụ ở chùa Khai Thánh thuộc Thành Tây, tứ chúng quy tụ về đây vô số. Trong năm Kiến Viêm có loạn, giặc cướp nổi lên ở Hoài Thượng, Sư bèn đi về Nam. Quan dân ở Tuyên thành vốn khâm phục tài đức của Sư, liền dựng am dưới ngọn Đồng phong thỉnh sư hoằng hóa. Quận thú Thượng thư Lý Quang thỉnh sư trụ trì pháp tịch Chương Giáo, từ đây đạo pháp rất hưng thịnh. Bốn năm sau, Sư dời về Hổ Khâu. Lúc này Thiền sư Viên Ngộ cũng chưa có chỗ ở yên, trôi nổi ở Giáp Sơn cuối cùng về đất Thục. Những người đồng tham với sư hồi ấy cùng với lớp hậu học sau này vượt ngàn dặm tìm đến sư. Mỗi lần thăng tòa, Sư ung dung chỉ bày, ôn tồn giảng nói, hòa nhã với mọi người, Sư tùy căn cơ đều làm cho họ mãn nguyện. Vì vậy đạo pháp của Viên Ngộ lại được hoằng hóa rộng sang Đông nam. Các nơi đều bảo chẳng khác Viên Ngộ còn sống. Ở được ba năm, Sư có chút bệnh, thừa với chúng rằng:

- Phải cử đệ nhất tòa Tông Đạt đảm đương việc trong viện.

Chúng thưa hỏi việc trong cả quận sau này thế nào, Sư cầm bút viết bài kệ:

Không pháp để nói
Đó là thuyết pháp
Bởi vì Phật pháp
Không có lời thừa
Trân trọng!

Sư ném bút rồi tịch, nhằm ngày tám tháng năm Thiệu Hưng thứ

sáu, thọ sáu mươi tuổi, tăng lạp bốn mươi lăm hạ, tháp sư ở phía Nam núi.

Đinh Tỵ: Nước Kim phế Lưu Dự. Tề diệt vong.

Mậu Ngọ: Tần Cối làm Hữu tướng. Án Đôn lui ở ẩn nhưng lo lắng nói:

- Cối là tướng gian hùng.

Nước Kim niên hiệu Thiên Quyến năm đầu.

Kỷ Mùi: Vua hạ chiếu cho các châu quận dựng chùa Báo Ân, Quang Hiếu để hương hỏa tế tự Huy Tông.

Canh Thân: Tây Hạ, Nhân Tông Thát bạt Nhân Hiếu lên ngôi. Ông là con của Càn Thuận, lên ngôi đổi niên hiệu Đại Khánh.

Tân Dậu: Tần Cối, Trương Tuấn bàn mưu giết Nhạc Phi, Nhạc Vân. Trương Cửu Thành lên Kính Sơn gặp Đại Tuệ thăng tòa thuyết pháp. Tuệ nói trong nước có vị thần tay cầm cung, lúc này Tần Cối nắm quyền binh, cho Tuệ gièm pha triều đình nên đày Sư đi Hành Dương. Nước Kim đổi niên Hoàng thống.

Nhâm Tuất: Vua chia ruộng vạch bờ thâu thuế ruộng. Vi Thái hậu về nước Kim. Việc cấp độ điệp cho tăng ni bị đình lại.

Nước Kim:

Ngày sinh của Anh Điệu Thái tử, vua mời Đại sư Hải Tuệ dựng chùa tại Chử Khánh cạnh cung Thượng Kinh, phổ độ cả trăm vạn tăng ni, đại xá thiên hạ.

Quý Hợi: Vua Kim hạ chiếu thỉnh Thiền sư Hải Tuệ và Thanh Tuệ trụ trì chùa Chử khánh, nghênh đón Thụy tượng vào Tích khánh cung trong chùa này cúng dường.

Cảnh Đức Pháp Vân biên tập bộ Phiên Dịch Danh Nghĩa, Kinh Khê Châu Đôn Nghĩa viết bài tựa.

Giáp Tý sáu mươi bốn: Tây Hạ năm Nguyên Khánh năm đầu.

Ất Sửu: Hải Tuệ thị tịch, vua dẫn Hoàng hậu đi thâu xá-lợi, dựng tháp ở năm nơi, ban Sư thụy là Phật Giác Hựu Quốc Đại Thiền Sư.

Bính Dần: Tháng giêng, vua hạ chiếu phá Dâm từ. Tần Cối phân chia ruộng đất ở các nơi như Lưỡng triết, Tứ xuyên. Nước Kim lại ban cho Thanh Tuệ Phật Trí Hộ Quốc Đại sư hiệu là Quốc sư, ban cho Bảo tòa, Đại y kim tuyến cùng những vật dụng quý hiếm khác. Sư là người được nhà vua tôn kính nhất từ xưa đến nay. Vua và Hoàng hậu mỗi lần cung đón đều lạy sát chân sư.

Nước Kim và Mông Cổ nghị hòa. Mông Cổ tự xưng là Tổ Nguyên Hoàng đế.

5. Thiền sư Phật Trí Đoan Dụ:

Mậu Thìn: Thiền sư Phật trí Đoan Dụ thị tịch. Sư là hậu duệ của Ngộ Việt Tiền vương, nối pháp Thiền sư Viên Ngộ. Lúc đầu sư ở Đan Hà, Đặng châu rồi dời qua Hổ Khâu, kế đó qua Kính Sơn cất am trên Tú phong, Tây Hoa. Vua hạ chiếu thỉnh sư trụ trì ở Bảo ninh, Kiến khang, sau dời về Vạn thọ, rồi về Tây Thiền ở Sa Thọ sơn, Mân trung. Sau có chiếu thỉnh Sư về Linh Ẩn. Mùa thu năm đó lại đến trụ ở chùa Dục Vương thuộc Minh châu. Nối pháp của sư có Thiền sư Vĩnh An ở Tịnh Từ.

Kỷ Tỵ: Nước Kim, Hoàn Nhan Lượng lên ngôi. Ông là cháu của Thái Tổ, ban đầu có tên là Bột Liệt, giết chúa rồi tự lập, dời đô về đất Yên, sau đi Nam chinh đóng quân ở đất Biện rồi đi Giang Thượng bị các tù trưởng giết ở chùa Quy Sơn. Ông lên ngôi đổi niên hiệu Thiên Đức. Tây Hạ đổi niên hiệu Thiên Thạnh.

6. Thiền sư Mục Am Pháp Trung:

Năm Thiệu Hưng thứ mười chín, Thiền sư Mục Am Pháp Trung quy tịch. Sư họ Diêu, tên là Pháp Trung, người huyện Cận ở Tứ minh. Hồi ấy, mẹ sư mộng thấy Dị tăng xin vào ngủ nhờ, nhân đó bà mang thai. Lúc chào đời có dây lụa tía quấn quanh người sư. Từ nhỏ, Sư đã thích yên tĩnh, lớn lên sư xin cha mẹ đi xuất gia. Sư theo Đại sư Đạo Anh ở viện Sùng Giáo học kinh luận. Năm mười chín tuổi nhờ thi kinh mà được độ làm tăng. Sư đến pháp tịch nghe giảng, nghiên cứu giáo quán Thiên Thai, tinh thông số nghĩa, thành thử có chút tự phụ. Ngày nọ bỗng nhiên sư mến mộ thiền tông, bị thiền giả bắt bí nhân đó sư khởi nghi. Sư đến Thiền sư Giao ở Thiên Đồng cầu quyết nghi, dưới lời của Giao, Sư không khế cơ, Giao bảo sư đến tham vấn Tuyết Đậu ở Mân Trung, Sư đối đáp với Thiền sư Nhu nhưng vẫn không khế hội. Nghe Thiền sư Phật Nhãn đang ở tại Long Môn, Hoài Tây, Sư bèn đến ra mắt. Dọc đường sư vẫn không quên những điều nghi nan nhưng chưa được thông suốt. Bỗng gặp một cái xe xoay nước, phía trên có tấm biển ghi "Pháp luân thường chuyển", từ đó sư hốt nhiên đại ngộ, khối nghi tiêu tan, Sư liền làm bài tụng:

Chuyển đại pháp luân
Rành rành trước mắt
Hỏi thế nào nữa
Nước chảy đá mòn.

Sư vẽ vòng tròn trình cho Phật Nhãn, Nhãn hỏi:

- Trong ấy phải làm gì?

Sư đáp:

- Dưới khe nước thường chảy.

- Rốt cuộc thế nào?

- Nước chảy đá mòn.

Phật Nhãn bảo:

- Về tăng xá nghỉ đi, chớ nói ai biết, năm ngày nữa hãy tới đây, ta còn một câu muốn nói với ông.

Sư nói:

- Một câu này cũng không tiêu được.

Phật Nhãn nhéo bên má sư, Sư đảnh lễ. Sau sư từ giã Phật Nhãn, vượt Cửu giang lên Lô Khâu, Sư ngủ nghỉ dọc đường, làm bạn với rắn cọp. Gặp nơi cảnh vật u nhã, hễ đắc ý là sư ngụ lại. Một lần nằm ngủ dọc đường, Sư phát hiện bên cạnh có mấy gốc cây khô đã bị người ta đốt chỉ còn gần một thước, bên trong rỗng và sạch sẽ, Sư liền chui vào đó ở hơn mười ngày. Xa gần đồn đại, người ta đến xem rất đông. Sư không muốn người ta biết tông tích mình, chỉ để lại bài kệ:

Ai đem lửa Tam-muội chân không
Đốt cháy một gốc củi phiền não
Chỉ có gốc to nguyên chẳng động
Đâu còn cành nhánh vẫy phong trần.

Sư đến Lặc Đàm yết kiến Thiền sư Trạm Đường, hai bên cơ phong chớp nhoáng, Trạm Đường rất thán phục sư. Lúc này pháp tịch của Hoàng Long rất thịnh. Sư dự định kiết hạ ở đây nhằm bớt tiếp xúc nhưng Tử Tâm đạo mạo đức uy nên sư rất ít trổ tài.

Có một đêm, Sư cầm kiếm vào thẳng trong thất Tử Tâm nói:

- Nghe nói lão Hòa thượng không sợ sống chết phải không?

Tử Tâm định nói, Sư vung kiếm lên, Tử Tâm đưa cổ cho chém, Sư vất kiếm xuống đất múa hai tay rồi thoái lui.

Sư đến Tương Tây gặp Viên Ngộ ở Đạo Lâm, Viên Ngộ rất hứa khả. Sau đó sư đến Hành Nhạc rồi theo đường mòn đến bên phải Linh nham. Sư lấy làm lạ vì thấy mỏm đá có hình con trâu nằm, Sư dựng am bên cạnh lấy tên là Mục am. Sư ở đây hơn hai mươi năm, hình dung gầy ốm, đạm bạc qua ngày. Có lúc nhiều đêm không ngủ, có khi nhiều ngày không ăn, tóc dài cũng chẳng cạo, áo rách cũng chẳng thay. Thiền khách trong thiên hạ tôn xưng sư là người tận trụng với đạo pháp. Nạp tử bốn phương không chú trọng hình thức bên ngoài của Sư, sĩ phu nơi nơi nghe tiếng tăm sư đều rất ngưỡng mộ. Khu mật Liễu Trọng trước

đây trấn giữ Trường Sa thỉnh sư hoằng hóa, tứ chúng cũng rất mong nhưng sư chẳng đoái hoài gì tới. Lúc này pháp tịch ở Thắng Nghiệp bỏ không, Liễu Trọng có ý thỉnh sư đến chủ trì bèn nhờ Tăng chúng Thiền lâm thỉnh sư. Sư nghe tin ban đêm trốn đi. Họ đuổi theo sư đến Định Minh Lan nhã. Tăng chúng đánh trống khai đường rồi thỉnh sư thăng tòa. Tăng, tục đứng xếp hàng bái thỉnh sư. Sư bùi ngùi nói kệ:

Ôi! Ôi! Gã mặt vàng
Đem pháp trao vua tôi
Dưới rừng không tâm khách
Quan ép sai giết người
Xưa nghe lời này
Nay thấy việc này.

Sư xuống tòa quảy túi đến thẳng đạo tràng Thắng Nghiệp lãnh việc trụ trì. Cấp sự Phùng Tế Xuyên soạn bài sớ khai đường, trong ấy có đoạn ghi:

"Phật Nhãn xoa đầu mà ngộ pháp luân thường chuyển, trong thất Tử Tâm cầm kiếm tuệ múa theo".

Đương thời người ta ghi hết lại những việc thật của Sư. Về sau sư ra hoằng hóa, dùng thiền pháp hưng hóa giáo môn, chẳng phiền gì đến việc đi ở. Bởi vậy từ Thắng Nghiệp sư dời về Nam Mộc, Vân Cái, Công An, Đại Quy tất cả năm đạo tràng. Sau Lý Cát Phủ thỉnh sư đến Dự chương trụ tại Hoàng Long. Thái úy Hình Hiếu Dương cúng vàng để dựng một bảo tháp ở Hương Nguyên nằm phía Đông chùa. Vừa làm xong thì dãy núi sau phương trượng bỗng có hào quang trắng phóng ra, từng bầy chim thước bay qua kêu vang. Sư cười nói:

- Ta sắp đi rồi!

Sư cầm bút viết bài kệ:

Sáu mươi sáu năm
Dạo trong mộng huyễn
Ngâm nga đi về
Phủi tay đi mãi.

Viết xong sư nói với đồ chúng:

- Việc sau này nên nương theo quy củ của Thiền sư Linh Nguyên Duy Thanh. Nói xong sư nhắm mắt thị tịch.

Canh Ngọ: Nước Kim bỏ việc độ Tăng, Đạo.

Tăng thì Tăng thường trụ có ngày bị tuyệt diệt. Nay lệnh cho Hộ bộ hãy chọn lựa những người có học thức độ làm tăng.

Thế Tôn diệt độ hai ngàn một trăm năm.

7. Thiền sư Chân Hiết Thanh Liễu:

Thái Hoàng hậu Vi thị dựng Sùng Tiên Hiển thiền tự ở núi Cao Đình, Hàng châu. Vua có chiếu thỉnh Thiền sư Chân Hiết Thanh Liễu làm đời thứ nhất khai sơn. Không bao lâu, Sư quy tịch, tháp được dựng trong khuôn viên chùa. Sư họ Ung, người Tả Miên, nối pháp với Tử Thuần ở Đan Hà. Sư từng soạn bài ký nói về Vô Tận Đăng rằng:

"Đông bình đập vỡ gương đã hơn ba trăm năm rồi; Long Đàm thổi tắt đèn cũng hơn bốn trăm năm rồi. Con cháu đời sau mê mơ đối với chánh nhãn cho rằng gương đã vỡ, đèn đã tắt, thế nhưng đâu biết đi đứng nằm ngồi đều phóng đại quang minh, đó là đèn chưa từng tắt vậy. Thấy nghe hiểu biết đều soi thấu vạn tượng, đó là gương chưa từng vỡ. Đèn tuy không bóng nhưng hay chiếu sáng đêm trường sinh tử; gương tuy không đài nhưng hiện rõ ma hoặc sinh tử. Gương và đèn chiếu soi mà thường vắng lặng; sáng và soi huyễn huyễn đều như. Chiếu thì vô cùng nên gọi là Vô tận đăng; soi cũng vô cùng nên gọi là Vô tận cảnh. Việc hàng ngày chẳng mù mờ, rành rành ngay trước tâm mắt, chỉ vì chúng sinh mê mờ không biết nên mới có kinh giáo, mở bày phương tiện như huyễn. Ví như Đông, Tây, Nam, Bắc trên dưới và bốn phương phụ, ở chính giữa này đặt một ngọn đèn, bên ngoài đặt mười cái gương. Mười cái gương ấy dụ cho mười pháp giới, một ngọn đèn đó dụ cho chân tâm. Đứng về lý thì một chân tâm này không có gì khác biệt; đứng về sự thì mười pháp giới kia có vạn trạng. Như vậy thì ngoài lý không có sự, ngoài gương thì không có đèn. Tuy trong mỗi tấm gương đều có vô số ngọn đèn, vô số ngọn đèn ấy chỉ có một ngọn mà thôi. Trong sự sự có vô tận lý, vô tận lý ấy chỉ có một lý mà thôi. Do một lý hình thành sự sai biệt, cho nên sự sự ấy vô ngại. Do một ngọn đèn chiếu khắp các gương khác nhau nên mỗi cái gương đều dung nhiếp nhau. Một cái gương đứng im nhưng hay có khắp, dung khắp, nhiếp khắp, nhập khắp. Một sự chẳng hoại mà là đây, là kia, là một, là nhiều, chủ bạn dung thông trùng trùng vô tận.

Thương thay! Chúng sinh ở trong tất cả bụi mà chẳng biết mỗi hạt bụi đều là vô tận sát hải của Tỳ-lô-giá-na. Phổ Hiền chỉ ra một lỗ chân lông mà không biết mỗi một lỗ chân lông ấy đều hàm tàng sắc thân Tam-muội của chúng sinh. Như vậy thì tất cả chúng sinh hàng ngày làm bất cứ chuyện gì cũng đều ở trong lỗ chân lông của Phổ Hiền. Ở trong ánh quang minh của Tỳ lô đều ra vào trong lâu đài của Từ Thị, đều qua lại trên đầu kiếm nhọn của Văn-thù. Trong mỗi mỗi niệm đồng ra đời với chư Phật, đồng chứng Bồ-đề, đồng chuyển pháp luân rồi cùng nhập

diệt như gương với gương, như đèn với đèn. Bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào cũng đều dung nhiếp vô ngại. Bởi vậy mới nói đó là pháp môn giải thoát không thể nghĩ bàn, chẳng phải chúng sinh có đại tâm thì không đến cảnh giới này được. Có người hỏi:

- Thấy nghe hiểu biết, việc làm hàng ngày hiện nay rốt cuộc là đèn hay chẳng phải đèn, là gương hay chẳng phải là gương?

Đáp rằng:

Đèn gương, gương đèn vốn không khác
Sơn hà đại địa đốm trong mắt
Lá vàng rơi rơi đầy sân nọ
Một tiếng chày khua dội nhà ai".

Năm này đổi chùa Cô Sơn thành Diên Tường tứ thánh quán, dời tháp của Pháp sư Viên về an táng trên gò Mã Não ở Bắc Sơn.

8. Đại Tuệ dời về Mai Dương:

Quý Dậu: Kim đổi niên hiệu Trinh Nguyên. Tháng giêng Trương Đăng Sai Vương Trung đề xướng Toàn chân giáo. Ngày nay ở Mã khâu Lưu Hòa vẫn còn.

Giáp Tuất: Nước Tống: Tần Cối chuyên quyền, sĩ đại phu và những người tài năng đều bị Cối đày đi xa, những kẻ lòng dạ hẹp hòi không tên không tiếng nhưng nếu nói ra điều gì hợp ý Cối thì được làm quan ngay. Một nửa còn lại Cối cho là đồng bọn, hễ nói một lời chống đối đều bị đày đi chẳng khác nô lệ, họ đều bị tước hết chức vị, thâu hết tài sản cho về làm thường dân.

Ất Hợi: Bộ Vân Ngọa Kỷ Đàm và La Hồ Dã Lục hoàn thành, do Sa-môn Cảm Sơn Hiểu Oánh soạn. Sư tự là Trọng Ôn, nối pháp Thiền sư Đại Tuệ Tông Cảo.

Bính Tý: Tháng sáu ban ngày có sao rơi. Nước Kim đổi niên hiệu là Chánh Long năm đầu. Vua hạ chiếu cho Đại Tuệ làm tăng trở lại và trụ trì chùa A Dục Vương.

Đinh Sửu: Tháng tám, có chiếu cấp độ điệp cho tăng ni còn lại ở các lộ. Hoàng thượng nói:

- Trẫm chưa từng có ý tuyệt diệt Phật pháp, chỉ sợ tăng chúng đông thì không còn người cày cấy.

9. Thiền sư Hoằng Trí Chánh Giác:

Tháng mười, Thiền sư Hoằng Trí Chánh Giác ở chùa Thiên Đồng Minh châu thị tịch. Sư họ Lý, quê ở Thấp châu. Mẹ họ Triệu. Đêm sư

chào đời ánh sáng chiếu rực cả nhà, ai nấy rất lấy làm lạ. Lên bảy tuổi, mỗi ngày sư đọc sách đến vài ngàn lời, thông cả ngũ kinh. Gia đình đều sùng đạo nên bảo sư xuất gia. Sư theo Đại sư Bản Tông ở chùa Tịch Minh xuất gia. Thọ giới Cụ túc với Đại sư Trí Quỳnh ở chùa Từ Vân, Tấn châu. Năm mười tám tuổi, Sư du phương, hứa với ông nội rằng:“Nếu không sáng tỏ việc lớn thề không quay về”.

Sư đến đất Giáng, có người bảo ở đây không có thầy để sư nương cậy. Quan Ấp Doãn thấy sư tuấn tú, nhân đó đưa cây quạt đang cầm trong tay ra nói:

- Hãy cho ta một lời chuyển ngữ.

Sư liền cầm bút viết lên đó bài kệ, Ấp Doãn vui mừng liền xin đi theo. Sư vượt sông vào đất Lạc, yết kiến Đại sư Thành ở Nhữ Châu. Lúc này pháp tịch của Đan Hà Tử Thuần rất thịnh, Sư liền đến ra mắt Đan Hà. Đan Hà hỏi:

- Thế nào là chính mình từ không kiếp trước về trước?

Sư đáp:

Ếch nuốt ánh trăng dưới đáy giếng
Canh ba chẳng mượn bức rèm châu.

Đan Hà nói:

- Chưa được hãy nói lại!

Sư suy nghĩ, Đan Hà đánh một phất tử nói:

- Cứ nói không mượn.

Sư hốt nhiên tỏ ngộ, làm lễ. Đan Hà hỏi:

- Sao không nói một câu xem!

Sư thưa:

- Hôm nay con tiền mất tật mang.

Đan Hà nói:

- Chưa rảnh để đánh ông,. Hãy đi đi!

Lúc này sư đã hai mươi ba tuổi. Đan Hà lui về chùa Đại Thừaa ở Đường châu, Sư cũng đi theo. Năm Tuyên Hòa thứ hai, Đan Hà dời về Đồng Hồng, Sư làm người ghi chép sổ sách trong thất suốt ba năm. Lúc sư làm thủ tòa, Kim Túc Trí Tuyết Đậu Tông Bảo, Phước Ngộ Phụng Sơn Chiêu đều cùng sư tham vấn. Sau sư nhận pháp tịch ở Viên Thông chiếu Thiền sư và hoằng hóa. Lúc này Thiền sư Chân Hiết ở Trường Lô mời sư làm thủ tòa, chúng đông đến một ngàn bảy trăm người, thấy sư cầm phất tử giảng thuyết, đại chúng đều kính phục sư. Sư nối pháp Thiền sư Đan Hà, ra hoằng hóa ở Phổ Chiếu, Tứ châu. Chùa này trước đây bị lấy một nửa làm Thần Tiêu cung. Về sau vùng Lưỡng Hoài gặp

nạn đói, nhà trù trống không, ngày hai bữa chỉ ăn rau tạp, rồi đến ăn toàn lúa tẻ, tăng khố cũng chối từ không cấp phát lúa nữa. Sau đó tín thí kéo đến cúng dường vô kể. Huy Tông xa giá về Nam, Sư dẫn chúng ra đón tiếp, vua thấy tăng chúng đông đến hơn ngàn người, đạo tràng trang nghiêm rất nề nếp quy củ, trong lòng rất kính phục. Vua hạ chiếu thỉnh sư đến hỏi han và trả lại nửa phần chùa còn lại.

Đầu năm Kiến Viêm, Sư trụ ở Thái Bình, Thư châu. Sau dời qua viện Viên Thông Năng Nhân ở Giang châu. Bàn giao công việc để vân du đến Vân Cư yết kiến Thiền sư Viên Ngộ. Lúc này pháp tịch ở Trường Lô bỏ không, đại chúng ai nấy đều muốn thỉnh sư khai pháp. Viên Ngộ và An Định Quận vương cũng khuyên sư nên đi. Sư vào chùa không lâu thì gặp phải giặc cướp Lý Tại đến quấy nhiễu, Tăng chúng hoảng sợ giải tán hết chỉ còn mình sư vẫn ngồi yên trong thất, dùng lời lẽ khéo léo giáo hóa bọn giặc. Bọn Lý Tại khấu đầu lạy tạ vô cùng kính phục sư rồi rút lui. Chúng còn tặng sư bạc vàng để lo việc cơm áo cho Tăng chúng. Trường Lô nhờ đó mà được yên.

Năm Kiến Viêm thứ ba, Sư vượt Triết giang đến Minh châu lễ Quán Âm trên Bổ Đà sơn. Sư hoằng hóa ở chùa Thiên Đồng, tiếng tăm vang đến triều đình. Mọi người thấy sư đến liền ngầm báo với Quận soái thỉnh sư. Lúc đầu sư từ chối, Quận soái thỉnh cầu mãi, cuối cùng sư đồng ý. Không lâu, giặc cướp lại nổi lên quấy phá, tăng chúng giải tán chỉ còn mình sư. Bọn giặc kéo lên núi cao dò xét, thấy sư là lập tức rút lui, không hề cướp pháp mảy may nào. Ai nấy đều thán phục cho họ có thần trợ giúp sư.

Tháng chín vua có chiếu thỉnh sư trụ trì chùa Linh Ẩn Lúc sắp đi tứ chúng than khóc, muôn chim kêu bi thảm. Tháng mười vua có chiếu để sư về lại Thiên Đồng. Sư ở đây tất cả ba mươi năm. Chùa Thiên Đồng rất rộng đến mấy ngàn gian, Sư đều tu bổ sửa sang mới cả.

Tháng chín năm Thiệu Hưng thứ hai mươi bảy, Sư từ biệt Quận soái và đàn việt, ngày bảy tháng này sư về lại núi, vẫn sinh hoạt như thường, đến ngày tám sư tắm rửa, thay y áo, cầm viết viết thư cho Đại Tuệ, phó chúc việc hậu sự rồi viết bài kệ rằng:

Mộng huyễn hoa đốm
Sáu mươi bảy năm
Khói, chim trắng lặn
Nước thu in trời.

Sư ném bút quy tịch, vua ban sư thụy Hoằng Trí Thiền sư, tháp hiệu Diệu Quang.

Mậu Dần: tháng sáu, ban ngày có sao rơi. Tháng tám động đất. Vua hạ chiếu thỉnh Đại Tuệ ở chùa Dục vương về lại Kính sơn.

Kỷ Mão: Tháng bảy, Hàn Lâm Lý Đảo dâng vua sớ biểu của bá quan.

Canh Thìn: Tháng mười hai, Khâm Tông mất ở thành Ngũ quốc.

Tân Tỵ: Hạ chiếu cấp độ điệp cho Tăng Ni.

Nước Kim: Thế Tông lên ngôi. Thế Tông tên là Ung, Ban đầu tên là Bao, được phong làm Sở vương là cháu của Thái Tổ. Hải Lăng Vương Lượng trái lời thề đem binh đánh Nam, cho ông giữ thành. Nhân đó ông tự lập, đóng đô Yên Kinh. Ông nhân hậu từ tốn cần kiệm, không thích đánh nhau, trong nước yên ổn. Ông trị vì hai mươi chín năm, người ta gọi ông là Tiểu Nghiêu Thuấn. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Đại Định.

Phật giáo truyền sang Trung Quốc được một ngàn một trăm năm.

10. Hiếu Tông: (Nhâm Ngọ)

Hiếu Tông tên là Duệ. Ban đầu tên là Bá Tông, là cháu bảy đời của Thái Tổ. Mẹ ông họ Trương, sinh ông ở Tú châu, lúc sinh có điềm lành. Ông ở ngôi hai mươi bảy năm, thọ sáu mươi tám tuổi.

Nước Kim dời đô về Yên Kinh. Vua dựng Đại Khánh Thọ tự xong, hạ chiếu thỉnh Thiền sư Huyền Minh Khải Công làm đời thứ nhất khai sơn, lệnh cho Hoàng tử Yên Vương đem cúng hai vạn đồng và hai mươi khoảnh ruộng.

11. Thiền sư Ứng Am Đàm Hoa: (Quý Mùi)

Đổi niên hiệu Long Hưng năm đầu. Ngày mười ba tháng sáu năm này Thiền sư Ứng Am Đàm Hoa ở chùa Thiên Đồng quy tịch. Sư họ Giang, người Hoàng Mai, Ngạc châu. Vừa sinh, Sư đã tỏ ra là người kỳ đặc, mặt mũi khôi ngô. Từ nhỏ đã biết chán ngán thế duyên, quyết chí tìm cầu pháp vị, tế độ hữu tình. Năm mười bảy tuổi, Sư xuất gia ở chùa Đông thiền, năm sau thọ Cụ túc. Năm sau nữa sư du phương tham vấn. Đầu tiên Sư đến Tùy châu yết kiến Hòa thượng Thủy Nam Toại, lãnh hội được chút pháp vị. Kế đó sư đến Vân Cư, Thiền sư Viên Ngộ vừa gặp liền niềm nở hết lòng đôn đốc sư, rằng vì Phật pháp ta phải khổ công làm việc khó làm, bôn ba đây đó chỉ sợ tốn phí thời gian thôi. Lúc này Viên Ngộ vào đất Thục, bảo sư qua Tuyên châu yết kiến sư Chương Giáo Thiệu Long. Thiệu Long là môn đệ của Viên Ngộ. Thiệu Long dời qua Hổ Khâu, Sư đi theo, chưa đầy nửa năm sư đã thông triệt

được đại pháp, chợt thấy rõ chỗ giúp người của Viên Ngộ. Ở được thời gian, Sư từ biệt Thiệu Long đi du phương. Đầu tiên sư hoằng hóa ở Liên vân, Xử châu. Xử châu Thái thú dùng đại lễ thỉnh sư khai đường, thuyết pháp. Kế đó, Sư trụ ở chùa Minh ở quả, Cù châu; Đức chương ở Ngạc Châu; Báo Ân, Tiến Phước ở Nhiêu châu; Bảo lâm, Báo Ân ở Vụ châu; Đông Lâm ở Giang châu; Tưởng Sơn ở Kiến Khang; Vạn thọ ở phủ Bình Giang. Sau đó sư trụ ở Nam Khang và Quy Tông, cuối cùng trụ ở Thiên Đồng. Lần này là do Tăng, tục hết lòng thỉnh sư ở lại. Sư xiển dương đại pháp, khai mở cho người chưa ngộ, người học xa gần đều tìm đến sư đông không kể xiết. Đối với việc phổ thuyết, tiểu tham, vấn đáp, giám biện, sư đều ôn tồn, thong thả, khéo léo vô cùng với những người vào thất thì cơ phong chớp nhoáng, linh hoạt sâu xa. Lúc mới tỏ ngộ, Sư đã từng cùng Nguyên Bố Đại ở am này du phương, cùng đối cơ luận biện, sợ ngộ mỗi ngày một sâu. Từ khi dời am về Hộ Quốc, đến bây giờ hai người mới được gặp lại, họ vui mừng khôn xiết. Tuy am ấy không còn, nhưng đối với sư chẳng thể nào quên được, mà việc khai đường nối Pháp sư cũng luôn nhớ đến Hổ Khâu, thế nhưng sở đắc của sư hoàn toàn khác so với những người có tiếng tăm gần đây chỉ biết hướng dẫn người học cúng dường cầu phước. Tuy cũng trụ trì, cũng thuyết suông luống thọ, nhưng dù là vật nhỏ nhiệm nhất, Sư cũng xem xét rất kỹ, chưa từng có chút cẩu thả. Nếu không hợp ý mình thì dù mảy may sư cũng kiên quyết khước từ không bao giờ nhận. Sư từng tự sách tấn mình: “Nạp tăng ở viện này xem giày cỏ, dại gì như rắn tiếc hang sâu”. Sư thường khuyên răn đồ chúng chớ có buông lung, việc gì sư cũng làm gương cho họ. Lúc sắp quy tịch, Sư treo bảng không tiếp khách, nhập thất liên tục trong thời gian dài. Lúc sắp mệnh chung, có người xin kệ để từ biệt đàn việt. Sư nói:

- Ta từng cười chê việc làm ấy của các nơi, lẽ đâu nay ta lại làm với mình ư?

Mọi việc sau này trong tự viện sư cũng chẳng dặn dò gì rồi kiết già quy tịch, thọ sáu mươi mốt tuổi, tăng lạp bốn mươi ba hạ.

12. Thiền sư Kính Sơn Tông Cảo:

Năm này Thiền sư Kính Sơn Tông Cảo thị tịch. Sư họ Hề, người Ninh Quốc, Tuyên châu. Thuở nhỏ sư đã tỏ ra rất thông minh hào khí, mười ba tuổi mới vào học ở trường làng. Ngày nọ, Sư đùa nghịch với bạn bè, chẳng may ném nghiên trúng phải thầy giáo và bị phạt tiền rồi đuổi đi. Sư than:“Học sách thế gian đâu bằng nghiền ngẫm pháp xuất

thế”.

Sư xuất gia ở viện Tuệ Vân, Đông sơn. Trong năm Nguyên phong, viện này có đúc một tượng Thích-ca. Có một dị nhân là Đinh Sinh nói với Tăng chúng trong viện:

- Dựng tượng xong, mười hai năm sau sẽ xuất hiện một Đạo sư, làm đại hưng tông phái. Nếu tượng gặp nạn thì người ấy mới đến, nếu tượng bị hủy hoại thì người đó cũng sẽ gặp nạn.

Trong năm Sùng Ninh giặc cướp nổi lên, tăng chúng phải đào huyệt để giấu tượng. Lúc ấy sư cũng vừa đến. Sư lễ Tuệ Tề làm thầy, năm sau thì thế phát thọ Cụ túc. Từ đó trí tuệ và tài biện luận của sư hơn hẳn mọi người. Sư đọc ngữ lục của Vân Môn, cứ ngỡ mình đã đọc lâu rồi. Nghe lão túc Thiệu Trình nhiều năm y chỉ Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài. Sư nhiều lần đến yết kiến và nghe được diệu chỉ của Tuyết Đậu. Sư đến Bảo Phong yết kiến Thiền sư Trạm Đường Văn Chuẩn. Nhìn thấy sư có phong thái xuất cách, Chuẩn rất hứa khả, sai sư làm thị giả, chỉ sư con đường thẳng tắt để vào đạo. Sư thẳng thắn ứng cơ không hề khoan nhượng. Văn Chuẩn trách sư:

- Ông chưa từng ngộ, bệnh là do ý thức, nếu chạy theo cái thấy biết ấy, đó là sở tri chướng.

Lúc này Lý Bành Thương đã tham vấn rất lâu với Văn Chuẩn, lúc sư đi có nói với Bành Thương:

- Đạo phải ngộ ngay, cái vi diệu là ở chỗ tâm rỗng rang, thể nhập đạo không phải dựa vào sự thông minh, được vậy thì siêu việt cả thấy nghe.

Bành Thương tán thưởng:

- Đâu cần đọc Tứ khố thư mới gọi là học.

Từ đó sư vân du kết giao khắp nơi. Lúc Văn Chuẩn sắp thị tịch, Sư hỏi nên nương tựa ai, Văn Chuẩn bảo sư đến y chỉ Thiền sư Viên Ngộ Khắc Cần.

Sau sư đến Kinh Trữ gặp Thừa tướng Trương Vô Tận để xin bài minh trên tháp Văn Chuẩn. Vô Tận cũng là Thiền lâm cao thủ trong thiên hạ. Sư đến vẫn ung dung thong thả ứng đối với Vô Tận, Vô Tận hết lời khen sư và đặt tên am của sư là Diệu Hỷ, tự của sư là Đàm Hối. Sư về Bảo Phong lo liệu mọi sự xong, trở lại ra mắt Vô Tận và thong dong hỏi:

- Cư sĩ thấy thiền của ta thế nào?

Vô Tận đáp:

- Thiền của ông rất siêu cách.

- Tông Cảo tôi thật không dám nhận.

Vô Tận nói:

- Ông đi gặp Khắc Cần tất rõ thôi.

Sư rất cảm kích lời của Vô Tận, liền vân du đến vùng Tương, Hán. Sư gặp Thiền sư Vi ở Đại Dương. Vi ngầm trao cho sư tông chỉ của tông Tào Động, sau đó sư vân du đến Đông đô. Năm Tuyên Hòa thứ sáu, Thiền sư Viên Ngộ được vua hạ chiếu thỉnh về chùa Thiên Ninh ở Kinh đô, Sư vui mừng nói:

- Thật là trời giúp ta, gặp được vị này mới mong không cô phụ sự dẫn dắt của Trạm Đường và Trương Thừa tướng.

Sư đến Thiên Ninh nghe pháp yếu, lần này thì hoàn toàn khác hẳn với những gì sư được nghe trước đây, bỗng nhiên tâm sư có chỗ nương tựa. Sư đọc Tứ cú do Viên Ngộ cử:

"Tăng hỏi Vân Môn:

- Thế nào là chỗ chư Phật xuất thân?

Vân Môn đáp:

- Đông Sơn đi trên nước. Nếu có người hỏi Thiên Ninh thế nào thì trả lời với y rằng nguồn đạo từ phía Nam thổi qua điện các thì mát mẻ".

Ngay đó sư hốt nhiên đại ngộ, Viên Ngộ vui mừng dẫn sư về Trạch Mộc đường, đem nhân duyên sai biệt từ xưa đến nay ngầm tôi luyện thêm cho Sư.

Một hôm, Viên Ngộ đi phó trai tại nhà Cư sĩ Triệu Siêu Nhiên, Sư cũng đến dự. Bỗng nhiên Sư quên cầm đũa, Viên Ngộ nhìn sư rồi nói với Siêu Nhiên:

- Ông này đã tham được Hoàng dương mộc thiền rồi.

Sư bị chọc liền thừa thế hỏi Viên Ngộ:

- Từng nghe trước đây Hòa thượng có hỏi Ngũ Tổ phải không? Nay còn nhớ câu trả lời chăng?

Viên Ngộ đáp:

"Ta hỏi:- "Hữu cú vô cú như dây bìm leo cây là thế nào?"

Ngũ Tổ đáp:- "Tả cũng tả chẳng thành, vẽ cũng vẽ chẳng được."

Ta hỏi tiếp: "Khi cây đổ, bìm khô thì thế nào?"

Ngũ Tổ đáp: "Cùng nhau đến."

Sư hoát nhiên triệt ngộ được thứ tri kiến huyền diệu, Viên Ngộ hứa khả, sai sư làm việc ghi chép sổ sách và soạn bộ Lâm Tế Chánh tông ký. Sau sư nhận pháp tịch tiếp nhận Nạp tăng. Từ đó sư dùng

phương tiện thiện xảo ứng cơ tiếp vật, cơ phong như điện chớp chẳng cho nghĩ nghị, tòng lâm nườm nượp quy tụ về sư. Hữu thừa Lã Thuấn tâu vua, vua ban sư hiệu là Phật Nhật. Giặc cướp đến quấy phá, đòi phải cử mười danh tăng sang phía Bắc hoằng hóa, Sư cũng bị bắt đi. Đến nơi gặp được Thiên Trúc Mật Tam tạng. Ngày ngày hai người luận nghị, Mật rất kính phục sư. Sau đó sư được thả tự do, liền đi về Hổ khâu ở đất Ngô. Sư nghe Thiền sư Viên Ngộ đã dời về Vân Cư, Sư muốn đến thăm hỏi. Đi tới Kim Lăng, Sư gặp Đãi Chế Hàn Tử Thương hai bên đàm đạo, Thương rất vui bèn viết thư và nhờ sư đưa cho Khu Mật Từ Sư Xuyên. Thư viết:

"Vừa gặp được Diệu Hỷ biện tài trí tuệ vượt xa mọi người, lại có đề cập đến sự nghiệp của ông. Diệu Hỷ hết lời khen ông. Ông ấy quả là bậc Long tượng trong chúng tăng".

Sư đến Vân Cư làm thủ tòa, chê bai Phật, Tổ biện bác vô ngại, Viên Ngộ cũng phải nể phục. Gặp thời buổi nhiễu nhương, Sư lên phía Tây Vân Cư cất am trên nền chùa Vân Môn cũ trước đây rồi lấy tên là am Vân Môn. Sư ở đây hai mươi năm rồi xuống núi vân du đến Hồ tương, qua Ngưỡng sơn bất ngờ gặp Thiền sư Trúc Am Khuê, rồi cùng Khuê về lại Vân Môn. Sư soạn hơn trăm bài tụng cổ. Sau đó sư vân du đến Thất Mân, ngụ tại một đảo nhỏ ở Hải Thượng. Sư thương xót hậu học các nơi không hiểu gì về mặc chiếu, nhân đó sư soạn Biện Tà Chánh Thuyết để giải nguy cho họ. Tuyền Nam Cấp Sự Giang Công dựng am ở Tiểu Khê rồi thỉnh sư ở. Tăng, tục tranh nhau đến đây cầu học. Chỉ không đầy nửa năm đã có mấy mươi người sáng tỏ được đại sự. Trong những người này có Đỉnh Nhu Tư Nhạc, Di Quang Đạo Khiêm, Tuân Phác Ngộ Bản v.v...

Một hôm, tham chánh Lý Hán Lão nghe sư cử công án "Cây bá trước sân" mà tỉnh ngộ, Sư rất hứa khả. Đến lúc Lý Công sắp mất, có làm bài kệ gởi cho Di Quang, trong đó có câu "Đem hết pháp lực gánh vác Vân Môn". Lúc này sư ở ẩn, cắt tuyệt việc ứng thế. Viên Ngộ ở đất Thục nghe được liền bảo Thừa tướng Trương Đức Viễn:

- Thủ tòa Tông Cảo không ra hoằng hóa thì không thể mở mang đạo pháp Lâm Tế.

Thừa tướng liền về triều, gặp lúc pháp tịch ở Kính sơn bỏ không, ai nấy đều muốn thỉnh sư chủ trì, Sư chuyển ý đi ngay. Sư khai pháp ở phủ Lâm An, diễn xướng đạo của Viên Ngộ. Nói pháp xong, Thị lang Phùng Tế Xuyên hỏi:

- Thầy từng nói "Không làm loài sâu bọ thế này" Ngày nay vì sao

thua cuộc rồi?

Sư đáp:

- Khắp cả đại địa là Cảo thượng tòa này, ông làm sao thấy được?

Phùng Tế Xuyên không đáp. Sư ở Kính Sơn, Tăng, tục bốn phương đến cầu học đông vô kể, tăng chúng lên đến một ngàn bảy trăm người (việc sư thượng đường vấn đáp xin xem trong Đại tuệ ngữ lục) nhưng sư vẫn không hạn chế, dung nạp hết để họ tự sáng tỏ việc mình qua sự khai ngộ của Sư.

Lúc này Tăng chúng ở viện Tuệ Vân đã quên mất lời sấm ký của dị nhân Đinh Sinh mới đập tượng Thích-ca cũ đó để đúc lại tượng mới, đó là vào tháng năm năm Thiệu Hưng (Tân Dậu). Trong tháng này sư kết giao với Trương Cửu Thành soạn Phùng Dịch Biên bị đày đi Hành châu. Sư cùng Liêu Thông Trực, Lý Dịch kết am tranh, trồng rau, do viết văn bị tội nên phải biệt chúng. Sư bảo chúng giải tán trồng thuốc, khai núi Phước y. Lúc này sư cũng nhận chúng dạy đạo, đạo tràng cũng rất đông. Trong khi xiển dương cơ duyên của Cổ Đức, Sư phân thành ba quyển tên là Chánh Pháp Nhãn Tạng. Tiền tham chánh Lý Đại Phát lúc này ở tại Đạc tân, Hàn lâm Uông Ngạn Chương đi theo xa giá đến Linh Lăng đều nhiều lần gởi thư đến hỏi đạo. Vua không vui nên đày sư đến Mai châu. Đây là đất hoang lại có bệnh dịch, thuốc men lại không đủ, hơn trăm môn đồ cũng gói ghém lương thực đi theo sư. Qua sáu năm, môn đồ đã bị chết hơn một nửa, riêng sư không hề gì. Từ đó dân cư ở đây, những người được sư khai hóa họ thêu tượng sư, có người cúng tế cả cơm nước.

Mùa đông năm Ất Hợi, Mông Ân về Bắc. Mùa xuân năm sau, Sư được tha cho làm Tăng lại rồi nhận chiếu của vua trụ tại núi Dục vương ở Minh châu. Năm sau lại có chiếu cho sư trụ ở Kính Sơn. Nạp tăng trong thiên hạ lại đổ dồn về sư thịnh như ngày trước. Lúc này Hiếu Tông chưa lên ngôi nhưng vốn đã nghe danh sư, liền sai Đô giám trong cung đến núi hỏi đại ý Phật pháp. Sư thượng đường nói bài kệ:

Mở to mắt trí tuệ
Chiêu suốt cõi đại thiên
Đã làm vua trong pháp
Trong pháp được tự tại.

Sư làm tiếp bài tụng dâng vua rằng:

Đại căn đại khí đại sức lực
Gánh vác đại sự chẳng tầm thường
Trên đầu sợi lông thông tin tức

Khắp cõi ngời ngời chẳng dấu che.

Vua hết lời ngợi khen sư. Thời gian sau, Hiếu Tông lập phủ đệ, lại sai tri khách trong cung vào núi cúng dường năm trăm Tăng, thỉnh sư thuyết pháp. Vua tự tay viết tặng ba chữ Diệu Hỷ Am thật lớn và một bài tán ca ngợi sư rằng:

Sinh diệt chẳng diệt
Thường trụ chẳng trụ
Viên giác rỗng sáng
Tùy vật hiện khắp

Sư thượng đường nói kệ:

Mười phương pháp giới đến miệng người
Tất cả pháp giới chính là lưỡi
Chỉ nhờ miệng và đầu lưỡi này
Chúc vua trường thọ đến vô cùng
Trong ức vạn năm ban nguồn phước
Mênh mang như biển chẳng hề khô
Sư tử trong hang sinh sư tử
Phượng hoàng vỗ cánh khỏi Đan sơn
Ứng hiện điềm lành khắp chín châu
Côn trùng cây cỏ thảy hân hoan
Đảnh lễ muôn việc không lường nổi
Chẳng khác ngàn sao vây trăng ngời
Kệ tụng nhiệm mầu xưa nay diễn
Là lời chân thật nghĩa thâm sâu.

Về già, Sư vẫn gánh vác việc trong bổn tự. Mùa xuân năm Tân tỵ, Sư nhận chiếu lui về ở tại Minh Nguyệt đường. Nhưng việc hoằng hóa không vì tuổi già mà giảm sút. Hiếu Tông lên ngôi, ban sư hiệu là Đại Tuệ Thiền sư. Trong năm Long Hưng, trước ngày tự tứ một đêm, có một ngôi sao sa xuống phía Tây viện, ánh sáng chói lòa, phát tiếng như tiếng sấm. Sư có chút bệnh, ngày chín tháng tám môn đồ thăm hỏi, Sư khuyên họ hoằng đạo và chậm rãi dặn dò:

- Ngày mai ta mới đi.

Đến canh năm, Sư viết tấu sớ để lại, thị giả khăng khăng xin sư để kệ tụng, Sư viết bốn câu ném bút nằm xuống quy tịch, thọ bảy mươi lăm tuổi, môn đồ dựng tháp sư phía sau Minh Nguyệt đường.

Trong năm Thuần Hựu, Vưu Dục hiệu Nhị khanh ở Tấn Lăng từng chép lại lời của Đại Tuệ. Đâi Tuệ thuyết pháp sống động ngang dọc như Tôn Ngô dụng binh, lại mênh mông sâu xa không hề lường được,

mênh mang như nước biển cả. Cá rồng hễ uống vào đều được no đủ. Nay chỉ nêu ra hai tấc nói về thấy nghe trong lúc bình sinh của Sư. Chu Văn Công thuở niên thiếu không thích đọc sách đương thời, lần nọ nhân nghe một vị tôn túc nói về thiền, chỉ thẳng tâm ông, ông liền tỏ ngộ bản tâm linh diệu ngời ngời, lúc này ông mới mười tám tuổi. Ông giao du với Bình Sơn. Bình sơn là người thích lưu tâm trong khoa cử. Trong khi tìm tòi sách vở, Sơn chỉ gặp một bộ Đại Tuệ Ngữ lục này mà thôi. Đọc xong, năm sau Bình Sơn thi đỗ. Đó là nhờ bình sinh ông ấy vốn thâm hiểu thiền học, cốt cách siêu nhiên, vượt mọi cương tỏa, là bậc thượng căn lợi trí nhờ đó mà am hiểu hết.

Vưu Dục sớm được một người họ Phan mách bảo, nhân đó đọc bộ Ngữ lục này, đến già vẫn không dám buông sách. Sau đó ông qua trụ ở Thung Lăng. Trong năm Vĩnh Gia, Từ Cức Khanh Tuyên cũng bị đày đến đây, không bao lâu ông lại bị dời Tượng đài, ông ưu sầu than khóc. Dục trao cho ông bản Ngữ lục này, Từ Khanh đọc đi đọc lại nhiều lần, cả đêm không ngủ, hôm sau thì thanh thản lạ thường quên hết mọi sầu lo, so với hôm qua chẳng khác hai người. Từ Khanh liền tự tay sao lại một bản rồi mới trả cho Dục. Ba năm sau, Từ Khanh mất tại đây. Trước lúc lâm chung ông vẫn đi chơi với mọi người, không có bệnh, tắm rửa xong thì mất. Bộ sách nay linh nghiệm như thế, đó là điều mà chính mắt Dục thấy.

13. Thiền sư Đại Thiền Liễu Minh:

Vua hạ chiếu thỉnh Thiền sư Đại Thiền Liễu Minh ở Tưởng Sơn kế thế pháp tịch ở Kính Sơn. Sư họ Lục, người Tú châu, nối pháp Thiền sư Đại Tuệ tiếp tục hoằng hóa. Hòa vương đem trang viện ruộng đất ở Cô tễ cúng dường cho chúng tăng, mỗi năm thu hoạch đến hai vạn hộc, lúa gạo thường trụ nhờ đó rất sung túc.

14 Thiền sư Thạch Thất Tổ Tú:

Giáp Thân: Sa-môn Tổ Tú hiệu Thạch Thất soạn xong bộ Long Hưng Phật Vận Thông Luận và cho lưu hành.

Ất Dậu: Niên hiệu Càn Đạo năm đầu.

Bính Tuất: Vua hạ chiếu thỉnh Thiền sư Linh Ẩn Đạo Xương trụ trì chùa Tịnh Từ.

Mậu Tý: Ngày tám tháng tư, vua hạ chiếu mời Thiên Trúc Nhược Nột Giảng sư chọn năm mươi vị Tăng để đưa vào Nội quán đường tác pháp Kim quang Tam-muội cầu phước cho quốc gia.

Ngày một tháng mười vua Kim hạ chiếu cho Thiền sư Khải dựng Thanh An thiền tự ở Đông Kinh, độ năm trăm Tăng, tấu nhạc trong pháp hội.

15. Thiền sư Phổ Am Ấn Túc: (Kỷ Sửu)

Sư họ Dư, tên là Ấn Túc, người ở Nghi Xuân, Viên châu. Năm sáu tuổi, Sư mộng thấy một vị Tăng chỉ vào tim mình nói: "Ngày sau ông sẽ giác ngộ". Tỉnh dậy sư kể cho mẹ nghe, và ngay chỗ tim sư vẫn còn một chấm màu đỏ sáng lớn bằng trái anh đào. Nhân đó cha mẹ sư cho sư theo Hiền Công ở Viên Thọ Long xuất gia. Năm hai mươi bảy tuổi sư được thế phát, năm sau thì thọ Cụ túc. Sư dung mạo kỳ vĩ, thông minh lanh lợi, Hiền Công rất hứa khả, khuyên sư đọc Pháp Hoa. Sư nói:

Từng nghe diệu chỉ của chư Phật cốt là liễu ngộ nơi tâm, tới lui trong văn tự là việc vô ích.

Sư từ giã Hiền Công đến Hồ Tương yết kiến Đại Quy Mục Am Pháp Trung. Sư hỏi:

- Muôn pháp về một, một về chỗ nào?

Pháp Trung dựng đứng phất tử, Sư nhân đó tỏ ngộ. Sau sư về lại Thọ Nghiệp. Trong năm Thiệu Hưng có tăng tên Từ Hóa ở chùa bên cạnh thỉnh sư trụ trì chùa Vô Thường. Ngoài việc tự may vá, ngày hai bữa cháo cơm và thiền định ra sư chỉ đọc Hoa Nghiêm kinh luận. Một hôm chợt tỏ ngộ, toàn thân xuất mồ hôi. Sư vui mừng nói:

"Nay ta thân chứng cảnh giới Hoa Nghiêm rồi".

Sư làm bài kệ tụng:

Bóp chẳng co lại mở chẳng ra
Đâu cần Nam nhạc với Thiên Thai
Sáu căn đầu cửa không dùng đến
Nhận được Hồ tăng đến đất ta.

Từ đó về sau, Sư nói ra điều gì, dù động tĩnh ẩn hiển đều ứng hợp tự tâm. Một hôm có tăng là Đạo Tồn đội tuyết đi đến. Sư nhìn kỹ vui mừng nói:

- Đây quả bạn không mời mà đến.

Sư mời Đạo Tồn ngồi, hai bên cùng hỏi đáp, có khi sư cười có lúc sư hét. Đạo Tồn nói:

- Thầy là người tái lai, sau này không lâu sẽ đại hưng giáo pháp.

Đạo Tồn chỉ tay ra ngoài trời tuyết, viết bài tụng để lại rồi đi. Từ đó những người mộ đạo tìm đến sư rất đông. Sư tùy cơ thuyết pháp, có lúc làm kệ trao cho họ. Gặp những người bệnh tật, Sư bứt cỏ làm thuốc

cho họ uống, họ liền khỏi ngay. Hoặc có người bị bệnh truyền nhiễm chẳng ai tới lui, Sư làm bài tụng cho họ từ đó có người giao du. Đến như những việc cầu mưa cầu nắng, đốn cây thần, phá dâm từ tất cả đều linh nghiệm. Tiếp đó sư sửa sang mới lại đạo tràng. Có người hỏi:

- Thầy tu hạnh gì mà được như vậy?

Sư vẽ vào hư không hỏi:

- Hiểu không?

Đáp:

- Không hiểu.

Sư nói:

- Trên đó chẳng cần nói.

Cơ phong của sư đại loại như vậy.

Một hôm sư cầm bút viết bài tụng trên vách phía Tây phương trượng rằng:

Chợt mưa chợt tạnh khí tượng trong
Nam Bắc Đông Tây mây tầng tầng
Mất châu chẳng ngại người cướp được
Huyễn ứng quyền cơ giúp ông yên.

Sư dạy chúng tiếp:

- Chư Phật không rời đời cũng không có Niết-bàn, những người vào thất ta tất có thể khế chứng được việc này. Các ông phải khéo giữ gìn chớ có thoái thất.

Sư tắm rửa thay đồ rồi kiết già thị tịch. Bấy giờ là ngày hai mươi mốt tháng bảy năm Càn Đạo thứ năm. Sư thọ năm mươi lăm tuổi, tăng lạp hai mươi tám hạ. Đồ chúng trà-tỳ dựng tháp cho Sư.

16. Thiền sư Khánh Thọ Giáo Hanh:

Năm này Thiền sư Khánh Thọ Giáo Hanh thị tịch, đồ chúng dựng tháp sư ở Tung sơn. Bài văn trên tháp ghi:

"Sư họ Vương, húy là Giáo Hanh, hiệu là Hư Minh, Người Nhiệm Thành, Tế châu.

Trước đây có vị Tăng là Phước An ở chùa Từ Tế, Biện Kinh ở trong núi thuộc huyện Nhiệm Thành này khoảng một năm. Phước An đi chứng trai ở thôn Mang Sơn rồi dựa vào thân cây quy tịch và báo mộng với người con gái họ Phùng. Ông ấy từ ngôi chùa ở Bành thôn cưỡi ngựa trắng đến nói:

- Ta sinh vào nhà Vương Quang Đạo ở thôn Tây Trần.

Người con gái họ Phùng này kể lại cho mẹ nghe nhưng bà và con

gái đều mộng y như vậy. Sáng hôm sau họ đến nhà Quang Đạo thì mẹ sư là Lưu thị đêm ấy mộng thấy ngài Phước An đến xin tá túc. Ngay ngày hôm đó, Sư cũng vừa chào đời. Ngón tay cái bên phải của sư cứ co chặt, mở mắt nhìn nhưng không cười. Đồng môn của ngài Phước An là Phước Quảng, Phước Kiên hay tin liền đến xem thử. Vừa đến họ nói ngay:

- An huynh không sao chứ?

Sư nhìn kỹ giây lâu rồi mở ngón tay cái ra và cười. Sư thường nằm một mình trong nhà. Bữa nọ, mẹ sư nghe có người tụng Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật. Bà thất kinh nhìn vào nôi thì thấy miệng sư vẫn còn nhép nhép. Khi đó bà đem quyển kinh và ly rượu thử sư thì sư liền cầm lấy quyển kinh. Từ nhỏ đến lớn, Sư không ăn mặn. Hễ thấy tăng đi ngang qua nhà là sư vui vẻ đi theo sau. Vì vậy, bấy giờ ai cũng gọi sư là Phùng Sơn Chủ, trong thôn Mang Sơn vẫn còn bài bia khắc trên đá.

Năm bảy tuổi sư xuất gia, lạy Viên Công ở viện Sùng Giác trong châu này làm thầy. Năm mười ba tuổi, Sư thọ Cụ túc. Khổ Qua Thiên sinh gặp sư, nhìn kỹ sư rồi nói:

- Đứa bé này ngày sau dẫn dắt cả vạn tăng.

Mười lăm tuổi, Sư du phương, nghe pháp tịch của Thiền sư Phổ Chiếu Bảo Công ở Trịch châu rất thịnh muốn đến ra mắt. Sư đi từ Biện Lương, đêm ấy Bảo Công mộng thấy mây lành như hoa Phù cừ bằng vàng rơi lả tả xuống đất. Bảo Công nói với mọi người:

- Mười năm rồi ta không nằm mộng, đây là điềm lành gì?

Sáng sớm hôm sau, Sư đến. Chỉ có Bảo Công trong lòng rất lấy làm lạ. Sư sớm chiều tham vấn nhưng vẫn chưa có lối vào. Hôm sau, nhân có việc, Sư đi Tuy Dương phải vượt sông vào ban đêm. Lúc lên ngựa sư nhớ lại nhân duyên đánh bảng chợt tỉnh ngộ nhưng nghi tình chưa tan. Lúc sắp đến bến sông, bạn đồng hành là Đức Mãn thất kinh kêu lên:

- Sư huynh! Đây là bến sông.

Sư xuống ngựa buồn vui lẫn lộn đến rơi nước mắt. Trở về sư kể lại cho Bảo Công nghe. Bảo Công nói:

Đó là người nằm cứng đờ dường như muốn cựa quậy, thế vẫn chưa được.

Rồi Bảo Công hỏi:

- Ông từng xem công án của Nhật Diện Phật chưa?

Sư cười nói:

- Lúc nhỏ đã đọc rồi.

Bảo Công cười nói:

- Ta chỉ dạy người tham thiền của các nơi cao thấp thế nào, chỉ cần tham tiếp nhất định có chỗ vào.

Một hôm, Sư lên Vân đường tĩnh tọa, chợt nghe tiếng bảng, Sư hốt nhiên thân chứng, liền trình bài tụng:

Mặt trời, mặt trăng
Sao sa chấn động
Nếu còn hồ nghi
Bay trước mặt Tên.

Ôi!.

Bảo Công ấn khả, nói:

- Ta cứ chê ông làm không được.

Các nơi biết Sư đắc pháp liền khẩn cầu sư hoằng hóa. Sư cũng biết nhân duyên đã đến liền nhận lời thỉnh. Sư chủ trì năm đạo tràng gồm: Giới đàn ở Tung sơn, Vân Môn ở Thiều sơn, Phổ chiếu ở Trịnh châu, Đại Giác ở Lâm khê và Pháp vương ở Tung sơn.

Tả Thừa tướng Giáp Cốc là bề tôi thanh liêm thỉnh sư trụ ở Đàm Giá trong kinh đô. Sư quy ẩn ở Khuyết Môn, sau chống tích đến Phổ chiếu thuộc Tế Xuyên. Phía sau phương trượng có rừng cây tươi tốt, trong ấy có một gốc to cao hơn một trượng, bầy quạ nối nhau đến làm tổ. Tổ của chúng tính từ trên xuống tất cả mười hai cấp chẳng khác ngôi tháp. Mọi người đều chúc mừng rằng:

"Đạo pháp của Hòa thượng sắp hưng hóa chăng!

Không đầy mười mấy ngày sau, Sư phụng chiếu của vua trụ trì chùa Khánh Thọ. Ba năm sau, Sư lui về ở ẩn tại Khuyết Môn. Tri phủ Hà nam Quốc công Thạch Mạt Trọng Ôn thấy pháp tịch ở Thiếu Lâm bỏ trống liền thỉnh sư chủ trì. Ở được ít lâu sư cũng đi. Sư qua lại vùng Tung Sơn, Thiếu Lâm đến mấy năm, chợt thấy tứ đại suy nhược, liền nhập thất cắt dứt thế duyên. Đệ tử nối pháp là Hương Sơn Giang thỉnh sư về Tây Đường, Từ Vân Hải lại xin làm thị giả. Đến ngày mười tháng bảy năm Kỷ Mão năm Hưng Định, Sư bảo đồ chúng:

- Các ông mỗi người phải nỗ lực.

Và sư cầm bút viết bài kệ, trong đó có câu cuối là "Ôi! một hai ba bốn năm sáu bảy" rồi an nhiên quy tịch, thọ bảy mươi tuổi, tăng lạp năm mươi tám hạ. Đồ chúng trà-tỳ, ngọn lửa như hoa sen lúc nở lúc khép, răng và đồng tử của sư không cháy, xá-lợi vô số. Từ nhỏ trên trán sư có viên minh châu lúc này bỗng nhiên bay đâu mất. Đồ chúng thâu xá-lợi dựng tháp phụng thờ.

Canh Dần: Nước Kim, Thế Tông Chân Nghi Hoàng hậu xuất gia làm ni, bà dựng chùa Thùy Khánh độ cả trăm ni, cúng hai trăm khoảnh ruộng.

Tây Hạ: Niên hiệu Càn Hựu năm đầu.

17. Thiền sư Hạt Đường Tuệ Viễn: (Tân Mão)

Ngày hai mươi tháng giêng năm Càn Hựu thứ bảy, Thiền sư Linh Ẩn Hạt Đường Tuệ Viễn phụng chiếu đến gặp vua tại điện Tuyển Đức. Sư tâu:

- Thần sinh ở My Sơn, Tây Thục, du phương đến bốn mươi năm ở núi này. Từng nghe Bệ hạ lên ngôi đến nay ngày lo muôn việc, đạo vượt ngàn xưa, hộ trì giáo pháp, chẳng khác Long, thiên, đó gọi là lấy tâm Phật trị vì thiên hạ. Thần nối pháp của Thiền sư Viên Ngộ Phật Quả.

Vua hỏi:

- Viên Ngộ là người nào?

Sư đáp:

- Đó là thầy của thần, tên là Khắc Cần. Đó là tên mà lúc Thái thượng Hoàng đế xa giá đến Duy Dương ban cho.

Vua hỏi:

- Ta hận ngày xưa chẳng gặp ông ấy, còn Tông Cảo là người thế nào?

- Đồng xuất thân từ pháp hội Viên Ngộ như thần.

Vua mời sư ngồi rồi hỏi tiếp:

- Làm thế nào thoát khỏi sinh tử?

- Không liễu ngộ đạo lý Đại Thừa thì không thể thoát được.

- Thế nào là liễu ngộ?

- Tánh vốn sẵn có, chỉ vì năm tháng lấp vùi nên không liễu ngộ được.

- Sau khi liễu ngộ thì thế nào?

- Ngộ rồi mới biết. Điều mà bệ hạ hỏi và điều mà thần tâu đều không phải.

- Tất cả đều không phải là thế nào?

- Thoát thể hiện tiền, rõ ràng không có mảy may tướng trạng để thấy.

Vua vui mừng. Sư tâu tiếp:

- Cổ đức nói: Không có điều phải là Bồ-đề.

Vua hỏi:

- Tức tâm tức Phật là thế nào?

- Trước mắt không có pháp, bệ hạ gọi cái gì là tâm?

- Thế nào gọi là tâm?

Sư đứng thẳng chấp tay nói:

- Như thế này này.

Vua cười, rồi chậm rãi hỏi về cơ duyên của Đức Sơn, Lâm Tế, Sư trả lời đầy đủ. Sư tâu:

- Sau khi ngộ, ngàn câu vạn câu cho đến cả đại tạng giáo chỉ là một câu.

Vua hỏi:

- Là một câu gì?

- Lời hay không nói được.

- Có thể tham "chẳng cùng muôn pháp làm bạn" được chăng?

- Lão bàng hỏi đến câu này thì chấn động trời đất, dời núi lấp biển, vượt khỏi cổ kim, thoát khỏi thị phi, lìa ngôn thuyết, dứt nương tựa. Như Bệ hạ là bậc chí tôn chí quý, đại đạo vốn như vậy.

- Người đắc đạo là ai?

- Người học đạo, tùy khí lượng cạn sâu của họ mà nghiệm họ ngay nơi ý; kẻ khác đắc đạo cũng tự biết thời tiết. Người học Phật rất đông, cơ duyên cũng nhiều, chỉ sợ làm phiền bệ hạ không dám tâu hết.

Nói rồi, Sư tạ ơn vua bước xuống điện. Vua nói:

- Lần sau thầy phải đến đây luận tiếp.

Sư tâu:

- Thần xin ghi nhớ.

Ngày năm tháng giêng năm Ất Mùi, Sư quy tịch.

18. Vua soạn Nguyên Đạo Luận:

Vua soạn Nguyên Đạo luận, trong ấy ghi:

"Trẫm xem Nguyên đạo luận của Hàn Dũ, ông ấy cho rằng Phật, Lão dung hòa, Tam giáo nương nhau nhưng chưa biện ra được. Hơn nữa văn thì dài mà lý lại sâu. Luận về cách dụng tâm của Thánh nhân thì chưa rõ ràng. Vì sao vậy? Vì họ Thích chuyên nhất trong tánh mệnh, bỏ hình hài bên ngoài, chẳng đắm trước danh tướng, đối với việc đời chẳng mấy quan tâm, đâu có gì giống lễ nhạc nhân nghĩa nhưng họ Thích lại lập ra giới. Đó là không sát, không dâm, không trộm, không uống rượu, không nói dối. Phàm không sát là nhân, không dâm là lễ, không trộm là nghĩa, không uống rượu là trí, không nói dối là tín. Như vậy so với Trọng Ni có gì xa đâu? Phu Tử là Thánh nhân thong dong trong đạo, bởi

vậy ai chẳng có nhân nghĩa, nhưng làm thế nào để xứng danh? Ví như trời đất vận hành âm dương xoay chuyển chẳng hề có manh mối, lẽ đâu lại có sự khác nhau như xuân, hạ, thu, đông? Đó là do Thánh nhân tạm gọi như vậy, cũng giống như sự khác nhau giữa lễ nhạc, nhân nghĩa, bởi vì lập giáo trị thế không thể không như vậy.

Từ sự tạm gọi đó, ta suy lường rồi mong cầu thì đó là đạo. Vậy đạo là cội nguồn của nhân nghĩa, lễ nhạc. Nhân nghĩa, lễ nhạc cố nhiên là cái dụng của đạo. Dương Hùng bảo rằng Lão Tử vùi dập nhân nghĩa hủy diệt lễ nhạc. Nay lần tìm trong sách của Lão Tử thì ông ấy có ba điều đáng quý đó là nhân từ, cần kiệm và không dám làm gương cho thiên hạ (khiêm nhường).

Khổng Tử nói:"Ôn hòa, lương thiện, cung kính, cần kiệm, khiêm nhường. Trong đó chỉ có nhân từ là to lớn".

Nhân từ mà Lão Tử nói đâu không phải là cái to lớn của đức nhân đó sao. Nói không dám làm gương cho thiên hạ chẳng phải là cái to lớn của khiêm nhường đó sao. Đến như hiểu đạo rồi thì cùng ca ngợi nhau, điều đáng quý là chỗ trong sạch như một. Như vậy lẽ nào đi ngược lại Khổng Tử chăng? Chỉ vì hậu học mê muội Tam giáo có chấp rồi cho là khác.

Phàm Phật, Lão đều dứt niệm, vô vi, sửa thân, sửa tâm mà thôi. Khổng Tử dạy người trị thiên hạ so với họ không giống. Ví như đem cày bừa ra dệt vải, đem con thoi ra cày ruộng. Môn đệ đời sau bị mê hoặc rối tung, nên đánh mất lý này.

Có người hỏi: " Phải làm thế nào đây? Bỏ sự mê hoặc ấy ư?"Đáp rằng: Vì Phật thì tu tâm; Lão tử thì sửa thân; Nho đạo thì trị thế.

Rõ ràng là như vậy, chỉ có Thánh nhân mới có thể dung hòa với nhau. Đó là điều không thể không nói đến".

Có lần tại điện Tuyển Đức, vua làm bài tán về Quán Âm rồi tặng cho Thượng Trúc khắc vào trong đá. Bài tán ấy ghi:

"Lớn thay Đại sĩ, vốn tự viên dung, giảng thuyết chỉ bày, dẫn dắt thế nhân, sáng chiếu không hai, mắt từ nhìn khắp, hễ cảm liền ứng, mầu nhiệm vô cùng".

Nhâm Thìn: Tháng giêng vua xa giá đến Linh Ẩn. Ngày bảy tháng tám vua thỉnh Linh Ẩn, Kính Sơn, Thiên Trúc nhóm họp ở Nội quán đường để cúng trai tăng. Vua mời Linh Ẩn Tuệ Viễn vào Đông các, thỉnh sư ngồi rồi cùng luận bàn pháp yếu.

Ngày ba mươi tháng mười, vua ban Tuệ Viễn là Phật Hải Thiền sư.

Giáp Ngọ: Vua có chiếu ban cho nô tỳ trong cung hai vạn tiền, giao cho Thượng Trúc dựng Tàng điện, vua ban một tạng kinh, sai Hoàng Thái tử viết bốn chữ Pháp Luân Bảo Tạng trước Tàng điện.

Ất Mùi: Năm Thuần Hy, vua hạ chiếu ban Bạch Vân Đường ấn cho Thượng Trúc và Trực Chỉ Đường ấn cho Linh Ẩn.

19. Vua hạ chiếu cho giáo tông Thiên Thai nhập tạng:

Bính Thân: Vua hạ chỉ cho Phước châu Đông Thiền tự khắc giáo bộ của Thiên Thai tông cùng Đại tạng rồi lưu hành.

Canh Tý: Nước Kim năm Đại định thứ hai mươi, tháng giêng vua ban lệnh dựng Ngưỡng Sơn Lâu Ẩn Thiền tự, thỉnh Huyền Minh Khải Công khai sơn. Vua ban ruộng, mở đạo tràng độ mười ngàn tăng.

20. Pháp sư Đức Tạng Khả Quán: (Quý Mão)

Ngày mười chín tháng hai, năm Thuần Hy thứ chín, Sa-môn Khả Quán quy tịch. Sư họ Thích, tự là Nghi Ông, người Hòa Đình. Năm mười sáu tuổi sư thọ Cụ túc, theo học với ngài Nam Bình Tinh Vi. Nghe pháp hội của Trạch Khanh ở Xa khê nổi tiếng khắp Giang Triết nên sư đến đây cầu học. Một hôm nghe chúng Tăng cử xướng Bát-nhã tịch liêu, Sư hốt nhiên ngộ nhập chẳng khác nào uống thang thuốc hạ nhiệt. Ngọc Tuệ Giác Hữu ở Hành sơn bảo sư đến đọc chỉ yếu. Đọc đến sư cảm thấy giường sắt chưa phải là khổ, biến dịch chưa phải là đổi dời. Sư than:

"Ngữ ngôn văn tự đều là trấu cám mà thôi".

Đầu năm Kiến Viêm, sự trụ ở Gia Hòa Thọ Thánh, sau qua Đông Hồ Đức Tạng trụ ở Duyệt Thế đường bổ chú kinh Lăng-nghiêm. Kế đó sư dời qua Tường Phù, ở được hai năm. Vì bệnh nên sư lui về lại Nam Lâm, Đang Hồ. Đạo phong của sư cao vời không ai lường nổi. Sư thường nói:

"Gió qua rừng tùng, trăng trên đỉnh núi là y bát vô tận của ta".

Năm Càn Đạo thứ bảy, Thừa tướng Ngụy Kỷ ra trấn thủ Cô Tô thỉnh sư trụ trì Bắc Thiền.

Ngày chín, Sư vào pháp tịch, chỉ lên tòa nói:

Tấc tâm trong ngực tro đã lạnh
Ngàn việc trên đầu tuyết chưa tan
Già cả chỉ nên an nhàn bước
Việc gì phải leo tuốt trên cao.

Ngụy Công hết lời thán phục sư. Năm Thuần Hy thứ bảy, Hoàng tử Ngụy Vương làm Châu Mục Tứ Minh, dựng Nguyệt đường, gởi thư

tiến cử, thỉnh sư trụ trì Diên Khánh. Lúc này sư đã tám mươi chín tuổi. Đi đến nơi thì nghe Vương mất. Sư được thỉnh đến Thiên Trúc, Sư nói:

- Ý chỉ của vua còn đó, không lẽ lại chối từ.

Thế rồi sư đến Nam Hồ, tăng chúng thấy hành lý của sư vô cùng giản dị, ai nấy đều thán phục. Không đầy hai năm, Sư về lại Trúc am, Đang hồ. Sau, Sư không bệnh mà quy tịch, thọ chín mươi mốt tuổi. Đại Tuệ tịch trước sư hai mươi năm.

21. Vua chú giải kinh Viên Giác ban tặng Kính Sơn:

Quý Mão: Vua chú giải kinh Viên Giác. Tháng hai sai Trung sứ đem tặng cho Bảo Ấn trụ trì Kính Sơn khắc bản lưu hành.

Giáp Thìn: Nước Kim, tháng hai năm Đại định thứ hai mươi bốn, Đại Trường Công chúa cúng ba trăm vạn đồng dựng chùa Hạo Thiên. Lại cúng một trăm khoảnh ruộng, mỗi năm độ mười tám Tăng ni.

22. Vua Tống sai Vũ Văn Hư Trung đi sứ nước Kim:

Vua Tống sai Trí sĩ Hoàng môn thị lang Vũ Văn Hư Trung biệt hiệu là Long Khê Cư sĩ phụng chiếu đi sứ nước Kim. Vua hạ chỉ cho Lưu Sĩ Hàn Lâm nhận chiếu rồi cùng ông nghị luận. Ông dẫn giải sách Nho minh chứng lý Phật. Vua Kim tặng ông nhiều vàng lụa, ông nhận rồi ban phát cho người nghèo. Trước đây khi chưa có Thiêu Dược, nghi lễ của Kim triều do ông định chế ra. Ông thọ một trăm lẻ tám tuổi, về già không có bệnh, ngồi kiết già làm thi phú ngâm nga rồi mất.

Bài thơ ấy rằng:

Bỏ nước ra đi ngần ấy năm
Công tư toàn vẹn đều hân nhiên
Đương thời luận nghị không ai thắng
Bây giờ việc lớn lại có duyên
Muôn việc đã lo từ đời trước
Công danh để lại người trí truyền
Một mình chẳng bận đi hay đến
Tin chắc trong lòng có cõi riêng.

23. Quang Tông: (Canh tuất)

Quang Tông tên là Đôn, con thứ năm của Hiếu Tông, nhận ngôi ở Trần cung, tôn Hiếu Tông làm Thọ Hoàng, thọ bốn mươi bốn tuổi, trị vì năm năm. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Thiệu Hy.

Nước Kim: Chương Tông lên ngôi. Chương Tông tên là Cảnh, con

của Hiển Tông Duẩn Cung. Duẫn Cung chưa lên ngôi thì mất. Đế mới đưa Hoàng Thái Tôn lên ngôi. Ông đam mê tửu sắc nghiệp lớn của Đại Kim lụi tàn. Ông lên ngôi đổi niên hiệu là Minh Xương.

Tân Hợi: Đại triều Thái Tổ Thành Cát Tư Hoàng đế khởi binh.

24. Vương Hiếu Lễ nói về Ảnh Biểu Đồng Biểu:

Quý Sửu: Tháng mười hai năm này, Bố Y Vương Hiếu Lễ nói:

"Đông chí năm nay ảnh biểu sẽ ở vào ngày mười chín, còn Nguyên Lịch là ngày hai mươi, như vậy chậm hơn một ngày, xin đem đồng biểu mà ta đang sử dụng sửa lại rồi giao cho Thái sử Cục chiếu theo đó mà làm theo".

Nước Kim: Năm Minh Xương thứ tư, vua hạ chiếu thỉnh Trưởng lão Vạn Tùng thăng tòa thuyết giảng trong cấm thành. Vua đích thân đón tiếp. Được nghe những lời diệu pháp chưa từng nghe. Vua tỏ ngộ cảm kích vô cùng tự tay dâng cúng lụa là, đại tăng Kỳ Chi đến dưới tòa tiếp nhận. Hậu phi, vương tôn đều quỳ quanh dưới tòa, ai nấy đều đem những phẩm vật giá trị nhất của mình dâng cúng, lập hội thí lớn xưa chưa từng có. Cả ngày hôm đó mây lành giăng kín bầu trời. Năm đó muôn dân no đủ, ca hát vang trời. Hàng năm cứ mỗi lần mở hội cúng thí đều có điềm lành xuất hiện. Chương Tông xa giá đến Ngưỡng Sơn đất Yên, ngự bút làm thơ trong đó có câu:

Trong cõi sắc vàng hiện Đâu suất
Giữa đóa sen xanh hiện Phạm cung.

(Tháng mười, ông giết Doãn Đạo con thứ sáu của Thế Tông).

Giáp Dần: Tống Quang Tông nhường ngôi cho Thái tử, đó là Ninh Tông.

Nước Kim: Con của Doãn Đạo là Ái Vương Đại Biện. Tháng giêng năm này, cử binh Ngũ Quốc Thành làm phản, phải cầu viện binh của đại tiriều. Quân Kim nhiều lần thất bại, nước Kim bắt đầu diệt vong.

25. Thiền sư Ngạn Sung ở Tịnh từ:

Thiền sư Ngạn Sung ở Khẳng Đường Tịnh Từ, nối pháp Đông Lâm Vạn Am Ngạn Công. Sư họ Thạnh, người ở Ô Tiềm.

Thiền sư Ngọa Long Phá Am Tổ Tiên ở Quỳ Phủ. Sư họ Vương, quê ở Quảng An.

Thiền sư Si Tuyệt Đạo Xung ở Kính Sơn. Sư họ Tuân, quê ở Trường Giang, Vũ Tín.

26. Ninh Tông:

Ninh Tông tên là Khoáng, con trưởng của Quang Tông. Ban đầu ông được phong làm Gia vương. Hiếu Tông mất. Quang lại bệnh nặng, Tri khu mật viện sự Triệu Nhữ Ngu ngầm mở một cuộc họp nhằm lựa người nối ngôi. Tri Hiến Thánh Thái Hoàng thái hậu rất lo cho vận mệnh xã tắc. Thái hậu nói rõ việc này nhưng chưa tìm người cho xứng đáng. Bấy giờ Tri Các môn sự Hàn Sá Trụ vốn là tằng tôn của Kỳ, con của em gái Thái Hoàng thái hậu, Trụ nhân đó tâu rằng, Thái hoàng buông rèm thính chính, suy cử Gia Vương về cung lên ngôi. Gia Vương lên ngôi đổi niên hiệu là Khánh Nguyên.

Mồng một tháng ba năm đó có nhật thực, cầu vồng xuyên ngang mặt trời, sau đó thì mưa.

Bính Thìn: Kim đổi niên hiệu Thừa An. Ngày hai mươi ba tháng mười một đại xá thiên hạ, độ một ngàn tăng.

Đinh Tỵ: Nước Kim đại hạn, giặc cướp nổi lên ở Sơn Đông. Vua hạ chiếu thỉnh Vạn Tùng trụ trì Ngưỡng Sơn. Sư thăng tòa nói kệ:

Riêng dựng Liên cung, sửa Phạm cung
Cảnh Thánh huy hoàng, Thánh dạo chơi
Mưa nhiều nước lớn chim trôi nổi
Mây tan núi lặng cảnh sáng ngời
Thành Thang khôi phục nên nghiệp lớn
Lã Vọng buông câu dưới trăng ngời
Thử hỏi cảnh quang hay thời tiết
Cõi nước vàng ròng hoa quế rơi.

Canh Thân: Ái Vương hợp với Đại binh vây hãm Thượng đô nước Kim, bao vây Hòa long.

Tân Dậu: Tống đổi niên hiệu Gia Thái. Kim đổi niên hiệu Thái Hòa. Gia Luật Đức Thọ làm phản bị đánh thua chạy.

27. Thiền sư Linh Ẩn Sùng Nhạc:

Nhâm Tuất: Thiền sư Linh Ẩn Tùng Nguyên thị tịch. Sư họ Ngô, tên Sùng Nhạc, người Long Tuyền, Xử châu. Từ nhỏ, Sư đã tỏ ra phi phàm xuất chúng, sống chung với bọn trẻ nhưng không hề đùa nghịch. Lớn lên nghe được pháp xuất thế sư rất mến mộ. Năm hai mươi ba tuổi, Sư đến chùa Đại Minh thọ Ngũ giới và ở lại đây công quả quét tháp. Ban đầu sư đến yết kiến Linh Thạch Diệu Công, kế đó qua Kính sơn yết kiến Thiền sư Đại Tuệ Tông Cảo. Được thời gian, một hôm Đại Tuệ thượng đường khen ngợi Ứng Am Đàm Hoa ở Tưởng Sơn là người lanh

lợi. Sư nghe vậy liền đến Tưởng Sơn ngay trong đêm ấy. Sư đến, vào thất thưa hỏi nhưng không khế ngộ. Sư lui ra càng tự khuyến tấn mình hơn. Cả đêm đó, Sư tham công án "Con chó không có Phật tánh" hoát nhiên có sở đắc. Sư liền vào thất Ứng Am, Ứng Am cử "Thế Tôn có mật ngữ, Ca-diếp chẳng giấu che".

Sư nói:

- Ông Hòa thượng độn trí!

Ứng Am liền hét một tiếng. Từ đó sư cứ ngày đêm thưa hỏi. Ứng Am rất vui, cho sư là bậc pháp khí. Ứng Am thuyết kệ khuyến tấn mong sư sẽ là bậc rường cột trong đạo pháp.

Năm Long Hưng thứ hai, Sư mới được độ làm tăng tại tinh xá Bạch Liên thuộc Tây Hồ, Lâm An. Từ đó, Sư tham vấn khắp chư lão túc ở Triết giang nhưng vẫn chưa hợp ý. Sư vượt biển đặt chân đến Mân Trung, yết kiến Mộc Am Vĩnh Công ở Càn Nguyên. Một hôm sư giã từ Mộc Am. Am cử:

- Hữu cú vô cú như bìm leo cây.

Sư nói:

- Xé nát.

Mộc Am nói:

- Lang Da nói: "Hay! Một đống củi mục".

- Trên mũi tên lại thêm mũi nhọn.

Cứ thế hai người ứng đối nhiều lần. Mộc Am nói:

- Anh của ta buông lời, lão tăng không vượt qua được, nếu chưa được thì ngày sau nắm quyền trong tay, giúp người không được, nghiệm người cũng không xong.

Sư nói:

- Giúp người thì làm cho Bát địa phàm phu vào thẳng cảnh thánh đương nhiên là khó. Còn như nghiệm người thì cứ nhắm trước mặt gã mà đánh chẳng chờ gã mở miệng để biết được gân cốt của gã, thì có gì khó đâu.

Mộc Am đưa cánh tay lên nói:

- Ta nói rõ cho ông biết mở miệng không phải trên đầu lưỡi. Ngày sau ông sẽ tự biết.

Năm sau sư đến Tây Sơn, Cù châu yết kiến Mật Am, hỏi đâu đáp đó. Mật Am mỉm cười nói:

- Hoàng dương thiền.

Sư bám vào câu nói rõ ràng này đến quên ăn bỏ ngủ. Mật Am dời qua Tưởng Sơn, Hoa Tạng Kính Sơn đều đi theo. Nhân lúc Mật Am

đang ở trong thất hỏi vị Tăng bên cạnh: “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật”. Sư đứng hầu bên cạnh bỗng hoát nhiên đại ngộ và nói:

- Ngày nay mới hiểu được Mộc Am nói “mở miệng không phải trên đầu lưỡi”.

Từ đó cơ phong biện bác của sư ngang dọc chớp nhoáng, không ai đỡ kịp. Mật Am lại dời về Linh Ẩn nên bảo sư làm thủ tòa. Sư về hoằng hóa tại Trừng Chiếu, phủ Bình Giang, nối pháp Thiền sư Mật Am. Sau đó sư dời qua các pháp tịch như Quang Hiếu ở Giang châu, Dã Phụ ở Vô vi, Tiến Phước ở Nhiêu châu, Hương Sơn ở Minh châu, Hổ khâu ở Bình Giang.

Năm Khánh Nguyên thứ ba, pháp tịch ở Linh Ẩn bỏ không có chiếu thỉnh sư đến chủ trì. Sư ở đây sáu năm, đạo pháp hưng hóa, người đắc pháp rất đông nhưng sư lại có chí đi đây đó, vì vậy sư dâng biểu xin nghỉ trụ trì. Vua xem kỹ biết Sư thành khẩn nên đồng ý. Sư lui về ở ẩn tạo Đông am. Sư có chút bệnh nhưng vẫn duy trì việc hoằng hóa. Một hôm, bỗng nhiên sư viết thư từ biệt chư công khanh, để lại hai tắc nhằm nghiệm người. Đó là “Người có sức mạnh do nâng nặng nên nhấc chân không nổi” và “Mở miệng không phải trên đầu lưỡi”. Sau đó sư gởi thư giao phó mọi việc lại cho Quang Lục ở Hương sơn, Thiện Khai ở Vân Cư. Phó chúc đại pháp xong. Sư viết kệ:

Đến chẳng nơi đến
Đi chẳng nơi đi
Chuyển gấp cửa huyền
Tổ Phật chẳng mất.

Sư kiết già quy tịch nhằm ngày bốn tháng tám năm Gia Thái thứ hai, thọ bảy mươi mốt tuổi, tăng lạp bốn mươi hạ. Đồ chúng dựng tháp sư ở phía Bắc đầu ngọn Cao Phong.

Quý Hợi: Gia thái thứ ba, nước Kim lúc bấy giờ mới yên, lấy hiệu Tổ Đức vương thừa tiếp nhà Tống, bởi vì không kể nước Liêu.

28. Thiền sư Phật Chiếu Đức Quang: (Quý Hợi)

Sư họ Bành, húy Đức Quang, người Tân Dụ, Lâm Giang. Cha sư là Thuật, mẹ là Viên. Đêm nọ mộng thấy dị tăng vào nhà, bà thất kinh tỉnh giấc từ đó mang thai. Lúc ra đời, ông nội sư nói:

“Nhà ta nhiều đời tích đức mới sinh đứa trẻ này, sau tất làm rạng rỡ tổ tông”.

Nhân đó mới đặt tên sư là Đức Quang. Năm chín tuổi, giặc cướp

quấy phá sư phải trốn đến chùa Nhất Bình ở Viên châu. Tại đây có Đại sư Diệu Ứng Bá Hoa coi tướng rất giỏi, ông nói:

- Thằng bé này có đảnh tướng cao, xuất gia tất làm rường cột trong đạo pháp.

Năm mười tuổi, Sư mồ côi cả cha lẫn mẹ. Bá phụ là Tuần Bá mẫu là Vạn nuôi dạy sư. Năm hai mươi mốt tuổi, Sư nghe người ta tụng kinh Kim Cang hốt nhiên thông hiểu. Liền về xin Bá mẫu:

- Vừa rồi nghe tụng kinh, thân tâm hoan hỷ, muôn việc ở thế gian đều là như mộng huyễn.

Sư cố sức xin xuất gia, gia tộc không cản nổi sư. Sư bán hết của cải gia sản, lấy đủ tiền sắm vật dụng độ điệp, còn bao nhiêu giao hết cho gia tộc và theo Đại sư Túc Am ở Quang Hóa thiền viện xuất gia thế phát. Túc Am dẫn sư vào Mân Trung, ngụ ở Tây Thiền, Phước châu và nói với sư:

- Lần đi này chính là vì tìm chỗ nương tựa cho ông. Nguyệt Am Thiện Quả ở Đông Thiền là người có sở đắc, ông nên nương tựa với ông ấy, như vậy là báo đáp ta rồi.

Vừa gặp, Nguyệt Am hỏi ngay:

Chẳng rơi trong có không
Làm sao bày tin tức?

Sư đáp:

Chẳng rơi trong có không
Rõ ràng bày tin tức.

- Là tin tức gì?

Sư liền hét. Nguyệt Am nói:

- Chưa được, hãy nói lại.

Sư nói:

- Miệng con ngậm đầy cơm.

Nguyệt Am liền bảo sư nhập chúng. Lúc này hầu hết các bậc lão túc đều ở Mân Trung, như Phật Trạm Diệu Tâm Viên Giác là người mà tòng lâm trọng vọng. Sư tham vấn khắp năm mươi Thiện tri thức, cuối cùng đến Dục Vương yết kiến Thiền sư Đại Tuệ. Đại Tuệ cử:

- Gọi là cái nang tre thì phạm, không gọi là cái nang tre thì trái, không được nhằm lời này thừa đương, không được nhằm trong ý so đo. Nói! Nói mau!

Sư đáp:

- Trưởng lão chỉ cho như hạt ma, hạt thóc.

Đại Tuệ đáp:

- Ông là người thứ mấy?

Sư đáp:

- Hôm nay kẻ thua trận bị bắt là giặc.

Năm sau, trong ngày Phật Niết-bàn, Sư đang đảnh lễ, chợt nghĩ: "Pháp thân Phật thường trụ làm gì có sinh diệt?" Khi đầu chưa chạm đất thì sư hốt nhiên khế ngộ. Sư trình Đại Tuệ. Tuệ nói:

- Ông triệt ngộ rồi!

Đại Tuệ lại chủ trì Kính Sơn, có dẫn sư đến đây tùng hạ. Sư đến Tưởng Sơn thăm Ứng Am. Ứng Am hết lời khen ngợi sư và nói:

- Anh Quang hơn ta một cái đầu.

Ứng Am gởi thư cho Thị lang Lý Hạo nói:

"Đức Quang vừa mới được sư thúc Kính sơn ấn khả như hổ mọc thêm cánh".

Sư ở đây hơn một tháng rồi quay về. Đại Tuệ nói kệ phó pháp cho sư rằng:

Có đức tất phát sáng
Ánh sáng không gián đoạn
Danh và thật xứng hợp
Chẳng xanh vàng đỏ trắng.

Năm Đinh Hợi, niên hiệu Càn Đạo, Thị lang Lý Hạo được bổ đến Thiên Thai. Hạo và sư cùng luận đạo rất tương hợp và thỉnh sư trụ trì Hồng Phước. Sau đó sư dời về Thiên Ninh trong quận này. Học chúng đến quy tụ rất đông. Năm Thuần Hy thứ ba, vua thỉnh sư trụ trì chùa Linh Ẩn, sai Trung sứ đến dâng hương trong ngày khai đường, đủ thấy vua rất sủng ái sư. Mùa đông năm đó, vua thỉnh sư vào điện hỏi về đại ý Phật pháp, sư ứng đối vanh vách, vua rất hoan hỷ giữ sư lại Quán đường trong thành nội năm ngày, ban cho sư hai bài tụng và hiệu Phật Chiếu Thiền sư.

Vua hỏi:

- Thế Tôn vào núi tu hành sáu năm thì thành tựu, sự thành tựu ấy là việc gì?

Sư đáp:

- E rằng bệ hạ quên rồi!

Mùa đông năm thứ tư, vua hỏi sư về pháp giới của Hoa Nghiêm, Sư đáp ngắn gọn, vua vui mừng tự tay dọn dẹp thư phòng, đồng thời tán dương, khích lệ sư. Sư nhân đó viết và dâng vua bài Tông Môn Trực chỉ. Năm thứ bảy, pháp tịch ở Dục Vương bỏ không, Lộ Chương cũng cáo lão, sự được thỉnh về trụ trì. Vua lại hỏi sư về Tứ bệnh trong Viên giác.

Mùa đông lại thỉnh sư vào điện lần nữa.

Niên hiệu Thiệu Hy năm đầu, Hiếu Tông ngự ở cung Trùng Hoa mời sư đến luận đạo cả ngày. Năm thứ tư, vua hạ chiếu thỉnh sư trụ trì Kính sơn. Sư dâng biểu từ chối. Hiếu Tông nói:

- Là muốn thầy gặp ngay quận tướng thôi!

Vua cố thỉnh, Sư không nỡ từ chối. Tháng hai, vua mời sư vào cung Trùng Hoa, hai lần sư ứng cơ đối đáp, khiến vua đều rất hoan hỷ.

Mùa xuân, niên hiệu Khánh Nguyên năm đầu, Sư cáo lão về núi đến hai, ba lần vua đành phải đồng ý. Sư trụ ở Quán đường, vua thường xa giá đến thăm, ban cho sư một cỗ xe nhỏ, hơn hai mươi thị vệ. Mỗi lần vua đến thường cùng ngồi trên chiếu, hoặc cùng đứng, cùng đi với sư rất thân mật vui vẻ. Những ngự trát vua ban cho đều được khắc bằng ngọc. Những lời đối đáp với vua đều được ghi lại đầy đủ và được hạ chiếu khắc bản lưu hành. Mỗi lần vua cho mời đến đối đáp đều ban thưởng cho sư rất hậu, nào là vàng ngọc châu báu cùng những vật dụng tơ lụa khác có đến hơn ba vạn tiền, Sư khấu đầu ra sức chối từ, vua càng thúc ép. Những thứ đó sư nhận về chùa nhưng không dùng bừa bãi.

Hồi ấy Tư Lăng đến Cối Kế, vua có lệnh cho chùa được chứa của cải. Sư nghĩ tài sản ở Dục Vương rất ít, không đủ chu cấp chúng tăng. Sư bèn đem tất cả của cải mà vua ban cùng những vật báu do vương tôn trưởng giả cúng dường ra mua ruộng. Từ đó mỗi năm thu hoạch đến năm ngàn hộc thóc. Quốc sử Lục Du ghi lại việc này. Sư tự cất am ở, lấy tên là Đông am. Sư nhập thất tự vui, tiếp người không chán, lúc nào cũng cho người vào thất thưa hỏi.

Tháng ba năm Quý Hợi niên hiệu Gia Thái, Sư nói với đồ chúng:

- Thế duyên của ta sắp hết.

Đến ngày mười, Sư hỏi tả hữu:

- Hôm nay gần tới giữa tháng phải không?

Chúng đáp:

- Đúng vậy!

Hai ngày sau, Sư viết thư để lại cho hai mươi người thâm giao lúc bình sinh. Sáng sớm, Sư nhóm chúng từ biệt, toàn nói đến những yếu chỉ của pháp môn, không hề có nửa lời bàn việc khác. Sư tắm rửa thay áo, rồi viết:

"Tám mươi ba năm tội đầy trời". Sau cùng sư ân cần tận tình khuyến tấn môn đồ và kiết già thị tịch, tăng lạp sáu mươi hạ. Môn nhân dựng tháp sư phía sau am. Chúng Tăng xin vua ban thụy, vua ban cho sư thụy là Phổ Tuệ Tông Giác Đại Thiền sư, tháp hiệu Viên Chiếu.

29. Bài ký nói về Tử Vi Quán:

Giáp Tý: Năm Gia Thái thứ tư, Kim Quốc Học sĩ Nguyên Di Sơn dụ soạn bài ký về Tử Vi quán. Trong ấy ghi:

“Thái phu nhân của Đông Bình tả phó Nguyên soái Triệu Hầu đã già, bà xuất gia làm Toàn Chân Sư. Sư quê ở Vận châu. Phổ Tuệ Đại sư Trương Chí Cương ở tại am Động Thanh thuộc Quan thị. Lúc đầu am này rất chật hẹp, mới xin Khâu tôn sư đổi tên là Tử Vi quán. Triệu Hầu bèn dựng điện các, lập điện đường, trai đường, nhà trù, nhà kho trông rất hoàn bị để phụng dưỡng người thân của mình ở đây. Tháng chín năm Quý Tỵ tổ chức khánh thành, mời tôi ghi lại việc này. Tôi ghi:

“Quân tử ở ẩn và kẻ học đạo ngày xưa hầu hết đều ở núi rừng, ăn rau cỏ, uống nước khe, đến nỗi khô cả cổ, vàng cả mặt, thong dong ngoài trần thế, như những cao nhân ở Bồi ông, Hà thượng. Đời sau có kẻ dựa thế Hoàng Lão xếp mình vào hàng tiên. Từ Đào Ẩn Cư, Khấu Khiêm Chi đến nay phong tục này vẫn còn tồn tại. Đỗ Quang Đình ở đất Thục, vì Chu Linh Vương Thái tử Tấn làm vương mà lập ra thỉ tổ, đó là nối gót theo việc xưa mở ra một kỷ nguyên mới, tiến cử danh hiệu Sùng Ngọc Thần Quân kết hợp với danh hiệu Hỗn Nguyên Thượng Đức, đặt ra phẩm cấp, lập ra quy tắc gọi đó là quan phủ của thần tiên. Hoang đường khoác lác thật không nói hết. Trong hai, ba trăm năm mãi đến cuối năm Tuyên Chánh thì cái tệ này còn hơn cả bọn Hoàng Quan. Quan lại cấp cho họ tín lệnh, trong đó có chức Tán lang và Đại phu, theo cấp bậc mà nhận bỗng lộc chẳng khác chùa tỉnh. Phàm những điều cảnh tỉnh trong cõi âm, những điều mở mang cho phước về sau thì phải nhìn những gì mà Sa-môn đã có trước, rồi theo đó mà nêu ra. Ban đầu muốn cho cao nhưng cuối cùng bị cái cao ấy đè bẹp, ban đầu muốn làm quái lạ nhưng rốt cuộc bị cái quái lạ ấy nhận chìm. Đồ chúng của họ những người hiểu rộng hiểu nhiều cũng chán ngán bỏ đi. Bởi vậy những người tự vượt thoát thế gian chỉ còn gặp được một, hai người.

Từ năm Trinh Nguyên, Chánh Long đến nay lại có phái Toàn chân giáo, người Hàm Dương là Vương Trung Phu chủ xướng, họ Đàm, Mã, Khâu, Lưu phụ họa theo. Giáo này lấy thuyết nhàn tĩnh làm nền tảng, không có kiểu cầu cúng giả dối như Hoàng Quang, theo thuyết tham thiền mà không có cái khổ gò bó như Đầu đà, họ cày ruộng đào giếng, tự nuôi sống mình, nếu dư dật thì đem cho người khác. Thấy thế gian nhiễu nhương thì bừng tỉnh ngay. Bởi vậy những người dân quê chất phác hồ hởi làm theo. Nam đến Tế Hoài, Bắc đến Sóc Mạc, Tây kéo đến Tần, Đông kéo tới biển. Từ núi rừng đến thành thị nhà nhà nối

nhau, cứ trăm nhà thành một ngẫu, người truyền kẻ nhận không thể nào gián đoạn. Hoàng thượng cũng từng sợ xảy ra có sự biến loạn như bọn Trương Giác, Đẩu Mễ nên từng hạ lệnh cấm đoán. Đương thời văn võ bá quan có những người đứng ra chủ trương khôi phục trở lại, từ suy vi lại thịnh vượng như xưa.

Trong sáu bảy mươi năm lại đây vẫn không hề thay đổi. Sau lần biến loạn trong năm Trình Hựu, không còn chút kỷ cương văn chương, người dân ngây ngô chất phác không còn nơi quy hướng. Nếu luận về giáo thì chỉ còn Toàn Chân mà thôi. Người ở Hà sóc ngày nay bao lần bị trầm luân, không còn được thực hành đạo nhàn tĩnh, không còn được tu thiền định, trong số Sa-môn cũng có người chịu cảnh như vậy.

Cuối năm Tuyên Chánh, những việc chán ngán rồi bỏ ra đi không còn nữa huống gì là những người dựa vào Hoàng Lão xếp mình trong hàng tiên lẽ đâu lại còn sao.

Than ôi! Đạo của Đế vương sáng suốt trước đây, nền chánh trị hưng bang chỉ trong một ngày đã bị tiêu sạch. Còn như giáo này đã làm gì khiến người ta kính trọng phụng thờ? Lẽ đâu ngay trong lúc tranh giành cướp đoạt, trời đã đem đạo sáng suốt này lập giáo dùng những kẻ có tâm tranh danh đoạt lợi chăng? Vùi dập tam cương ngũ thường sắp bị mai một, điên đảo thác loạn, người và vật đều chỉ là một? Nếu không như vậy thì thịnh suy dài ngắn lẽ đâu tồn tại trong thời gian đó, mà cũng khó nói cho kỳ hết.

Hầu tên là Thiên Tích tự là Thọ Chi, là người sùng Nho trọng đạo, vượt ngoài thiên tích. Tuy ở trong quân trận nhưng lúc nào cũng đọc văn xem sử. Ông từng cùng Phụng Thiên Dương Hoán Nhiên đọc Tồ lai thạch quân ngôn giám. Còn như luận về Thích, Lão thì khẳng khái nói năng quyết không uốn mình theo phong tục. Xem tác phẩm ông ấy, đủ thấy ông hàm dưỡng chí khí mình đến mức nào”.

30. Minh Đạo Tập Thuyết của Cư sĩ Lý Bình Sơn:

Năm hai mươi chín tuổi, ông viết Phục tánh luận. Xem Phục tánh luận thì biết năm hai mươi chín tuổi ông đến tham vấn Thiền sư Dược Sơn rồi lui về viết sách. Ông vô cùng cảm thán, ngày nọ đến ra mắt sư Vạn Tùng bị một phen khích lệ, nhân đó ông quay về viết sách. Ông gom tập diệu lý sâu xa của ba Thánh nhân, cuối cùng kết quy về Phật, Tổ. Đạo học ở Giang tả được hưng hóa ở Y Xuyên, Côn Quý, có đến hơn mười nhà phụ xướng theo. Trong đó một, hai người am hiểu tinh tường về giáo lý của Phật, Lão rồi viết Minh Đạo Tập. Ăn trái dâu trong

vườn ta chứ chẳng gặp lời hay, ngửi trộm hương thơm từ những lời thánh triết, hỗ trợ phát huy cho thế điển, trang sức những lời không căn cứ rồi cho đó là Ngữ lục; xem thiền, tuệ như sự kính thành, hủy báng Thánh nhân làm mờ mắt điếc tai người học. Ôi! Dựa vào hư khí, cậy vào tình riêng, vừa khen vừa chê, vừa lấy vừa bỏ, còn như hậu học trong thiên hạ thì thế nào? Bình Sơn thương xót bọn họ nên viết Minh Đạo Tập Thuyết, nhằm mở mang thấy nghe của muôn đời, sửa thẳng tánh mệnh cho thiên hạ. Trương Vô Tận nói:"Đại Khổng Thánh thì không ai bằng Trang Chu".

Bình Sơn mở mang rộng ra, mênh mang vô bờ lẽ đâu không phải ngược lại với danh giáo? Ông ấy phát huy cái đạo sâu mầu mà Khổng thánh chưa nêu, nhờ nấc tháng ấy mà rồng lao đi vùn vụt đến chỗ của Phật ta. Trong năm thừa giáo mà ông ấy nói đến thì Tục đế của nhân thiên thừa làm nền tảng. Trương Vô Tận lại nói:"Tiểu Khổng Thánh thì không ai hơn Khổng An Quốc".

Chỉ rõ cái đạo của Nho gia rồi tự chê bỏ, phụ thêm những điều cốt lõi của Hàn, Âu. Nếu tính ra thì có tôn Khổng Thánh và Thích, Lão ngang bằng như ông? Những bậc tông tượng ở các nơi đều coi ông ấy là thượng khách. Chỉ rõ cái đạo của Nho gia rồi thẳng thắn luận bàn mà chẳng hề kiêng nể, bàn ngay chỉ thẳng không phải là vượt trội đó sao. Tôi thẹn vì diệu nghĩa của tông môn đường thất bao đời nên khẩn thiết đứng ra bảo chứng, quyết không phải là hạng thành kính một cách mù mờ. Như bảo rằng không phải, thì báo đáp chỉ là có danh mà không có thực.

Lúc sắp mệnh chung, Bình Sơn giao bộ sách này cho Kính Đỉnh Thần và dặn:

"Đây là tác phẩm sau cùng do ta viết, ông hãy cất kỹ, sẽ có người biết đọc đến nó".

Đỉnh Thần nghe tôi rất cần mua sách của Bình Sơn ông ấy không ngại vượt đường xa hơn ba ngàn dặm đến đất Yên dâng sách này cho Lão Sự Vạn Tùng để chuyển đến cho tôi. Tôi xem xong cảm động khóc đến mấy ngày. Xưa tôi từng gặp Minh Đạo tập nhưng rất bất bình, muốn phản bác những sai lầm trong sách ấy nhưng chưa rảnh để làm, không ngờ Bình Sơn đã làm việc ấy trước tôi. Tôi bèn viết bài tựa đầu sách nhằm chữa cái bệnh mờ mắt cho thư sinh ở Giang tả, mà Sĩ đại phu ở Trung nguyên nếu có ai bị bệnh này cũng có thuốc để chữa.

Ngày mười lăm, mùa đông năm Giáp Ngọ, thư sinh Trạm Nhiên Cư sĩ Di thứ Sở Tài tấn Khanh viết bài tựa.

Vu Tẩu (Tư Mã Quang) nói:

“Có người hỏi: “Thích, Lão có thủ không, “Đáp có”Hỏi: “ Thủ cái gì?”Họ Thích thủ cái không. Họ Lão thủ cái vô vi tự nhiên. Xả là không thủ, không thủ là cái tâm không hám lợi. Vô vi tự nhiên là thủ chỗ y cứ.”

Bình Sơn nói:

“Họ Thích nói đến không, bất không; họ Lão nói vô vi, vô bất vi, đó là lý tự nhiên không thể thủ, xả”.

Bởi vậy Trang tử nói:Không ích lợi hay tổn giảm đến cái thật của nó”. Bát-nhã thì nói:“Chẳng tăng chẳng giảm”.

Ông ấy đem cái tâm niệm yêu ghét, khởi cái thấy thị phi, lẽ đâu là người học theo đạo của Thích, Lão ư? Thủ cái tâm không hám lợi tức là đã hám lợi, thủ chỗ y cứ tức là hữu vi. Đó chẳng phải tự nhiên.

Hoàng Cừ (Tử Hậu) nói:“Nhà Phật đều cho rằng sống chết vần xoay, không đắc đạo thì không thoát khỏi và gọi đó là ngộ đạo. Từ khi thuyết này truyền mạnh vào Trung Quốc, dù bậc anh tài hào khí nhưng sinh ra cũng bị luống trong thấy nghe động tĩnh, lớn lên thì làm thầy cho đời kẻ sĩ sùng kính, rồi cứ mịt mờ bị lưu chuyển mà chẳng hay. Lại bảo rằng Thánh nhân có thể không tu vẫn đạt được, đạo lớn chẳng học nhưng biết được. Bởi không biết cái tâm của Thánh nhân nên nói chẳng cần tìm vết tích Thánh nhân; do chưa thấy cái chí của người quân tử nên nói chẳng cần tôn trọng văn chương của họ. Như vậy là không thấu tỏ nhân luân, không thấy rõ mọi vật. Việc sửa mình thì chợt có chợt không, cái đức vì vậy mà loạn, nói sàm nói gở, trên không có lễ để phòng kẻ dối lừa, dưới không có sở học để kê cứu kẻ dốt nát, dùng ngôn từ điêu ngoa tà đạo, cứ thế hồ hởi thịnh lên, đó đều phát xuất từ nhà Phật cả. Trong một ngàn năm trăm năm, tự mình chẳng đứng riêng chẳng sợ cái tính nhất, tự tin mình có tài năng hơn hẳn người khác, vậy mà có thể đứng thẳng trong ấy, cùng luận nghị về thị phi, cùng nói đến được mất ư?”

Bình Sơn nói:“Từ Khổng, Mạnh v.v... mất đi, Nho gia không bàn đến Đại đạo đã một ngàn năm trăm năm rồi, lẽ đâu do lỗi của nhà Phật? Mãi đến thời cận đại mới dùng đến sách Phật chỉnh định lại Lão, Trang cho đến bàn về thi, thư, đại dịch của họ Mạnh, lẽ đâu chẳng phải là cái đạo mà người quân tử tỏ ngộ cũng theo lối này mà thể nhập chăng? Họ Trương phản phúc làm cái việc bêu rếu ấy quả bất nhân quá lắm rồi. Lại cho rằng Thánh nhân không tu vẫn đạt được, đại đạo không học nhưng biết được, đạo của Phu Tử cũng thế ư? Ngôn từ điêu ngoa tà đạo

cũng đã thấy rõ quá rồi. Bảo rằng có tài năng hơn hẳn người khác, đó là cha con họ Vương, anh em họ Tô vậy. Kẻ làm chánh sự đã bị tâm sống chết xoay chuyển mất rồi".

Minh Đạo (Trình Cảnh) nói:"Cái học của nhà Phật chỉ là đem việc sống chết hù dọa người ta. Điều đáng ngạc nhiên là một ngàn năm lại đây chẳng có một người thức tỉnh. Đó là bị người ta hù dọa rồi. Thánh hiền lấy việc sống chết làm việc bổn phận nên không đáng sợ, bởi vậy không nói đến sống chết. Phật vì sợ sống chết nên luôn miệng nói hoài. Đó là tâm cầu lợi. Trên đã làm như vậy cho nên người học cũng dùng cái tâm cầu lợi mà tin theo. Trang Sinh nói: "Người chẳng hay thay đổi ý cũng như vậy". Dương, Mặc ngày nay đã không còn nên thuyết của Đạo gia rốt cuộc mối hại không lớn. Chỉ có sở học của nhà Phật thì ai ai cũng bàn đến, lan rộng hấp bầu trời nên mối hại thật khôn lường. Một ngàn bảy trăm người trong Truyền đăng dám nói không có một người đạt đạo? Có được một người hiểu được lý sống chết, phải tìm một thước vải lụa quấn đầu rồi chết, ắt không chịu mặc áo quần người Hồ, cắt tóc rồi chết".

Bình Sơn nói:"Thánh nhân vốn tìm về cái chết, biết thuyết sống chết lẽ đâu không bàn đến sống chết? Trình Tử không bàn đến sống chết cũng như trẻ con ban đêm không dám nói đến quỷ. Người bệnh sợ chết vì biết bệnh khó trị. Hại người để lợi mình là Dương Chu; lợi người mà hại mình là Mặc Địch. Người học đạo không những làm lợi cho mình mà còn có lợi cho người thì có gì hại đâu? Còn như Thánh nhân không có mảy may tâm cầu lợi, lẽ đâu không có cái tâm làm lợi cho người khác chăng? Bởi vậy, muôn vật đều được lợi, đó là thiên lý. Đạo của Thánh nhân có khi ẩn khi hiển, có lúc nói lúc nín, tuy khác đường nhưng đồng quy, dù trăm ý nhưng chỉ là một. Bởi vậy, đạo cùng tồn tại mà không chống trái. Trình Tử ắt muốn tung hoành một mình ở ngoài tám cõi xa xăm hoang vắng ấy chăng?"

Minh Đạo nói:"Cái học của Phật đại khái là làm tuyệt diệt luân thường nhân loại. Trên đời không thể chấp nhận lý này. Lại còn phải xuất thế. Xuất ở chỗ nào? Phép Phật cần phải xuất gia, phải ra khỏi kỷ cương của đời, người học chẳng qua cũng y như Phật, mà Phật là gã người Hồ lười biếng. Ông ấy vốn là con người chỉ biết có mình như cây khô trong rừng núi. Nếu chỉ như vậy thì chẳng qua trên đời ít đi một người, chứ sao lại phải thiếu hết. Rõ ràng không có chuyện ấy được. Ông ta nói kỷ cương của đời đó chỉ là những phép tắc trị thế, do ra sức hủy diệt không được nên ông ấy chỉ sống một cách bất đắc dĩ trong cái

vòng trung hiếu nhân nghĩa. Ông ấy chỉ hòa theo phép tắc trị thế ấy rồi tiêu diệt sạch, sau đó thực hành đạo. Như mắt tai miệng mũi của con người, đã có những khí chất ấy thì phải biết đến nó; còn thanh sắc ăn uống, mừng giận, sầu vui là lẽ tự nhiên của tánh, khi tuyệt diệt hết rồi thì chứng đắc thiên chân, rồi làm tan hoại thiên chân. Ông ấy còn nói: Nếu diệt sạch là Phật, trong thiên hạ không ai làm được như vậy".

Bình Sơn nói:"Than ôi! Họ Trình nghe trộm giáo tướng Tiểu thừa, rồi lại không tin chỉ đem thuyết ấy phản bác trở lại giáo lý nhà Phật mà không biết ý chỉ nhiệm mầu của Duy-ma, Hoa Nghiêm; nhận lầm La-hán là Phật mà không biết gốc ngọn thế nào. Từ đó lại ra sức bài bác, vậy thì làm sao biết được mật hạnh của Văn-thù, Phổ Hiền? Bậc Đại sĩ của Viên giáo biết chúng sinh vốn không nên độ thoát chúng sinh; biết quốc độ vốn tịnh nên trang nghiêm quốc độ, chứ không vì pháp thế gian mà chướng ngại pháp xuất thế; không vì pháp xuất thế mà hủy hoại pháp thế gian. Bởi vì pháp thế gian tức là pháp xuất thế gian vì pháp xuất thế tức là pháp thế gian. Tám muôn bốn ngàn trần lao phiền não tức là tám muôn bốn ngàn giải thoát thanh lương. Đâu chỉ có ba mươi ứng thân của Quán Âm, năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài? Chúng sinh niệm niệm thường có Phật thành Chánh giác, nhân giả chỉ tự sinh tâm phân biệt. Nếu không có ngã tướng nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng thì có ngại gì thân Cư sĩ, thân Trưởng giả, thân Tể quan đâu? Ta nghe nói trong những người hủy báng Phật có Minh Quyền Đại Bi Xiển Đề Nghịch Hạnh Ma, họ Trình lẽ đâu là người này chăng? Nếu không thì đó cũng không phải là lợi căn chúng sinh bị thế trí biện thông làm chướng ngại mà là kẻ mang đầy nghiệp báo vô gián, thương thay! Hết đường hối cải rồi".

Y Xuyên (Trình Tích) nói:"Nhà thiền nói về tánh cũng giống như để một vật dưới ánh mặt trời mà thôi. Khi ấy vuông tròn lớn nhỏ không đồng, còn muốn nghiêng cái này đổ qua cho cái kia. Thế nhưng để dưới ánh mặt trời thì làm sao chuyển động được. Người học của họ lại giỏi ngụy biện, nếu có ai hỏi về lý này thì họ nói: Ta vô tu vô chứng".

Bình Sơn nói:

"Những lời này phát nguồn từ việc Từ Huyền đọc nhầm kinh Lăng-nghiêm. Phật nói:"Cái biết của năm ấm như cái bình Tần già rỗng không dùng đề tha phương khất thực. Cái rỗng không ấy vốn không có xuất nhập, đó mới là thiền học. Ông ấy đâu biết Phật dùng ví dụ này để dụ cho thức tình hư vọng vốn không có đến đi. Còn Như lai tạng Diệu chân như tánh chính là mặt trời vốn không động tĩnh. Vô tu mà tu, vô

chứng mà chứng, chỉ cần diệt sạch thức tình thì đó là Như lai tạng Diệu chân như tánh, chứ không phải những lời ngụy biện".

Y Xuyên nói:"Có người cho rằng đạo của Phật là đúng, dấu tích hoằng hóa là sai nhưng ta thì công kích dấu tích ấy. Đạo ông ấy ta không biết, do không hợp với Tiên vương nên ta không muốn học, còn như hợp với Tiên vương thì học Lục kinh đủ rồi, cần gì phải đến Phật".

Bình Sơn nói:

"Ý của Y Xuyên là muốn quên sông hồ, ta thì bảo: Đâu bằng gom trăm sông mà đổ thẳng ra biển lớn thì mênh mông không bờ, muốn công kích chủ thuyết này chẳng qua cũng như những gì mà Hàn Tử nói thôi. Đạo nhân trong núi cũng đã đập tan được lời ông ta rồi. Những lời ấy còn ghi trong bài ký ở Nam Khang Quân, Khai Thiên Thiền Viện.

Y Xuyên nói: Xem kinh Hoa Nghiêm không bằng xem quẻ Cấn trong Bát Quái.

Bình Sơn đáp: Trình Sử dựa vào tác dụng dừng lại ngay chỗ phải dừng trong quẻ Cấn, rồi nghi họ Thích chỉ như tro lạnh, cây khô. Bởi vậy, chỉ thấy những lời cạn cợt mà đâu biết được diệu chỉ Viên giáo của Hoa Nghiêm. Một pháp nếu có cảnh giới Tỳ Lô rơi vào trần lao, vạn pháp mà không thì Phổ Hiền chẳng còn cảnh giới. Luận về thời gian thì năm mươi bảy Thánh vị chỉ trong khoảng khảy móng tay hiện rành rành như Hải Ấn, luận về không gian thì năm mươi ba pháp môn đều ở trên đầu sợi lông cùng dung hợp như Đế Võng. Đức Vân từng ngang qua Biệt Phong, Phổ Nhãn chẳng biết chánh vị, trong rừng Thệ-đa Ca-diếp chẳng nghe, ở lầu Di-lặc Thiện Tài thể nhập. Nếu không có những bộ kinh mầu nhiệm như thế thì người học đạo sẽ rơi vào hầm hữu vi, kẻ luận đạo mầu rơi trong vòng tà kiến. Như vậy thì thuyết "Nội thánh ngoại vương" của Lão Trang, ý "thượng đạt hạ học" của Khổng Mạnh đều bị bỏ đi rồi.

Y Xuyên nói: Người bận rộn nhất không ai bằng Thiền khách. Đi đứng nằm ngồi đều ở trong đạo thì lại càng bận hơn.

Bình Sơn đáp: Quân tử trọn ngày không trái lòng nhân cũng là bận rộn chăng? Nếu lấy chữ "kính" làm lẽ sống thì đương nhiên phải bận rộn.

Y Xuyên nói: Nhà Phật ấn chứng rất nực cười, lẽ đâu ta hiểu được lý này lại đi tin người khác?

Bình Sơn đáp: Tự ấn chứng rồi cho là được Thánh nhân truyền càng đáng nực cười hơn. Ta tuy tự hiểu, còn như người ta không tin thì sao?

Thượng Sái (Tạ Lương Tá) nói: Người học Phật muốn tránh khỏi luân hồi, đó là tâm tư lợi. Tâm này có hạn mà thái hư thì vô cùng, nếu tìm đầu mối của luân hồi thì bắt đầu ở chỗ nào? Nếu tìm kết cục của nó thì lúc nào mới bị cắt đứt? Hơn nữa người vật trong trời đất đều có số cả.

Bình Sơn đáp: Phật nói luân hồi, trong đó ái là cội rễ. Hễ có ái Ngã thì tất có ái Niết-bàn, mà không biết ái đúng là sinh tử, như vậy làm gì có lợi tâm? Tánh viên giác không tác không chỉ không sinh không diệt, vô thỉ vô chung không năng không sở lẽ đâu có gián đoạn? Bởi vậy chúng sinh xưa nay thành Phật, sinh tử Niết-bàn như giấc mộng đêm qua, người vật trong mộng lẽ đâu cũng có số chăng? Thượng Sái là người trong mộng nói những lời mộng, không biết tánh viên giác nhận lầm cho là thái hư, thương thay!

Thượng Sái nói: Con người ta lúc chết thì khí hết. Tôi hỏi Minh Đạo có quỷ thần không, thì Minh Đạo đáp: "Đạo mà không như vậy thì ai mà tin, đạo có như vậy thì thử đi tìm xem". Hoàng Cừ nói: Đó là diệu dụng của trời đất, trong ấy có diệu lý, ngay trong khoảng như có như không ấy phải quyết đoán mà trực nhận, không nên hồ đồ. Hễ muốn có thì liền có, muốn không thì liền không mới được, quỷ thần đầy dẫy trong hư không, lúc nào mà chẳng gặp, họ là diệu dụng trong trời đất. Tinh thần của tổ khảo cũng chính là tinh thần của chính mình. (tinh thần ở đây là linh hồn vô hình thiêng liêng).

Bình Sơn đáp: Lời của Minh Đạo lấy từ câu "Chưa thể thờ người làm sao thờ quỷ". Lời của Hoàng Cừ lấy từ câu "Tinh khí là vật, du hồn là biến", nhờ vậy mà biết được trạng thái của quỷ thần. Lời của Thượng Sái lấy từ câu "Thịnh thay! Đức của quỷ thần! Mênh mang như ở trên hư không, ở bên phải, bên trái". Ba người mỗi người hiểu được một khía cạnh của Thánh Nhân mà thôi, rốt cuộc rơi vào kiểu hoặc có hoặc không, như có như không, mỗi người không nên hồ đồ.

Tôi thấy lời của Thánh Nhân mỗi người đều có chủ ý của mình, đại loại: có sinh thì có tử, có khác thì có giống, không sinh thì không tử, không giống thì không khác. Con người là quỷ hữu hình, quỷ là con người vô hình. Hữu tâm thì có, vô tâm thì không. Thánh Nhân có tái sinh cũng không thay đổi được lời tôi nói.

Nguyên Thành (Lưu An Vương) nói: Lời của Khổng Tử và Phật tương quan nhau. Khổng Tử nói "Vô ý vô tất, vô cố vô ngã". Phật nói: "Vô ngã vô nhân, vô chúng sinh vô thọ giả". Nếu luận riêng từng người thì Khổng Tử lấy Tam cương Ngũ thường làm Đạo, bởi vậy khai thông

được đầu mối của sắc sắc không không, khiến người ta tự nhận thấy được. Tâm của Khổng Tử tức là tâm Phật. Nếu thiên hạ không có Tam Cương Ngũ Thường, thì họa loạn lại nổi lên, con người chẳng khác cầm thú xâu xé nhau, lẽ đâu đó là tâm Phật? Bởi vậy tâm của Nho, Thích, Lão đều như nhau, chỉ vì thi thiết giáo hóa có khác. Như quan của châu huyện không làm việc thì quận huyện đại loạn. Lạy Phật tụng kinh ngồi thiền mà cho là học Phật thì có đáng không?

Bình Sơn đáp: Lời của Nguyên Thành cố nhiên rất hay, nhưng tiếc rằng chưa từng gặp diệu chỉ viên giáo của Hoa Nghiêm. Trước tiên, Phật dùng Ngũ Giới, Thập Thiện mở ra Nhân Thừa, Thiên Thừa. Sau dùng Lục độ vạn hạnh hành Bồ-tát đạo. Tam Cương, Ngũ Thường đều nằm cả trong đó. Bởi vậy trong năm mươi ba lần tham vấn, Thiện Tài đã tham vấn vô số Tỳ-kheo. Quán Âm thị hiện ba mươi hai ứng thân, nào là hiện thân Tể quan, cư sĩ, trưởng giả... lẽ đâu lại chịu đem pháp xuất thế làm bại hoại pháp thế gian chăng! Lương Võ Đế xây chùa, độ tăng, giữ giới, xuất gia, từng bị Đạt-ma chê cười, Tôn giả Bạt-ma nói với Tống Văn Đế rằng vua học Phật không giống như dân thường, bớt hình phạt thì dân giàu, giảm tô thuế thì nước mạnh, trai giới như thế cũng không lớn lắm sao! Tiếc một mạng sống chim muông, giảm thức ăn được nửa ngày, là cách trai giới của dân thường, như vậy Nho sĩ học Phật là liều thuốc nhằm giữ vững lòng tin ở chính mình.

Nguyên Thành nói: Cái mà gọi là "Thiền" trong Lục Kinh cũng có đạo lý này, Phật chỉ thay đổi cách gọi, khi Đạt-ma từ Tây sang, từ này lan rộng, đến nay Phật pháp quả nhiên hư dối, chỉ nhận lầm sắc tướng. Nếu ông ấy không sang, thì Phật pháp đã bị hoại diệt từ lâu rồi. Lại nữa, những người thượng căn, thông minh phần nhiều ưa thuyết này, bởi vậy thuyết này lan rộng. Tôi đi Nam Thiên, dù hàng ngày đối với đạo Nho và lão tiên sinh rất được việc, nhưng cũng không thể cho là đối với việc này tôi không biết gì cả. Trong thế gian có việc gì lớn hơn sinh tử nữa không? Việc này chỉ có một vị, lý hợp với sinh tử, có thể nhìn thấy, bởi vậy đối với sang hèn họa phước đều xem nhẹ. Lão tiên sinh rất thông hiểu chỉ là không nói mà thôi, bởi việc này rất liên quan đến lợi hại, nếu thường bàn đến thì con người cho rằng bình sinh chỉ bàn Phật pháp, còn như Ngũ Kinh thì không hiểu gì về thuyết sinh tử, do đó hễ là Nho Sĩ thì không nên bàn đến, bởi đây là lãnh vực của Khổng Tử. Lại nữa kẻ hạ căn cho là tịch liêu, là khô héo mới là Phật pháp, còn như Tam Cương Ngũ Thường chẳng chịu để tâm đến. Hơn nữa, kẻ thấp trí hơn thì đam mê trong thuyết nhân quả báo ứng, chẳng

sửa mình làm việc, chánh giáo thác loạn, sinh linh lầm than, cái họa ấy thật không tả hết. Bởi vậy bình sinh tôi đâu từng nói, mà đó cũng là giới cấm của Lão tiên sinh.

Bình Sơn đáp: Những lời của Nguyên Thành đối với Phật đạo thì suy nghĩ thấu đáo, còn đối với Nho Đạo dường như chưa thấu đáo. Sách của Phật tinh vi mầu nhiệm sâu xa vô cùng, Phật đạo chưa hẳn hiểu hết, đó đều nhờ Nho gia mở mang ra. Đến nay thì sáng sủa rõ ràng rồi. Còn những chỗ bí mật thì không truyền nhưng hợp với sách của ta thì có người cho rằng trong Ngũ Kinh hồi đó không có đạo lý này, Thánh Nhân ta thật không biết có việc này, vậy việc lợi hại đâu phải nhỏ! Tôi muốn mở mang hết chỗ bí mật ấy để hậu thế trong thiên hạ đều biết rằng trong Lục Kinh có Thiền, Thánh nhân ta đã là Phật. Còn như lãnh vực của Khổng Tử cũng không lớn lắm sao! Họ cho tịch liêu khô héo là Phật pháp, theo nhân quả báo ứng mà bỏ bê mọi việc, đến nỗi làm thiên hạ loạn, đó thực ra là vì Nho gia không đọc đến sách ấy nên mới bị bọn họ lừa dối thôi. Nay Nho gia mở mang hết những bí mật đó, dùng những lời luận về hàng bại căn của Duy-ma, phá cái thiên kiến chấp không, đem những lời răn về thí thân trong Bát-nhã đạp đổ kẻ ngu chấp tướng được vậy thì trên không có cái họa của Tiêu Diễn, dưới không có sự nhầm lẫn của Vương Tấn. Dù luôn miệng mà bàn, soạn sách mà luận, lẽ đâu không nên chăng! Người học hãy suy cho kỹ!

Quy Sơn (Dương Thời Trung) nói: Những điều mà Thánh nhân cho là tầm thường thì Trang Chu khoa trương ra, như những lời chửi Phật mắng Tổ của Thiền gia. Chẳng hạn nói “đến đi tự tại” thì Tử Tư gọi đó là “không vào thì chẳng tự được”; “Người nuôi cho sống” thì Mạnh Tử gọi đó là “làm nhưng vô sự” mà thôi. Dẫn tới dẫn lui rốt cuộc chỉ là khoa trương thuyết ấy.

Bình Sơn đáp: Chỗ thấy của ông rất cao, biết được Thiền giả được việc với Phật thì biết được Trang Tử được việc với Thánh nhân rồi. Còn như nói: Dẫn tới dẫn lui rốt cuộc chỉ là khoa trương nhà Nho, nhưng nhà Nho lại ghét là vì sao vậy?

Quy Sơn nói: Chỗ thâm sâu giữa Nho và Phật hơn kém nhau rất xa. Thấy đạo của Nho gia rõ ràng thì đủ biết Phật thấp hơn. Người học ngày nay nói: Đạo của Nho gia thấp hơn, là rõ ràng chẳng biết đạo ta rộng lớn. Nhà Phật đã chẳng đọc sách Nho, nhà Nho lại tự khiêm nhường thì đạo nhân do đâu mà tỏ rõ?

Bình Sơn đáp: Chỗ hơn kém giữa Nho và Phật không chỉ do lỗi nhà Phật không đọc sách Nho mà cũng là cái bệnh của nhà Nho không

đọc sách Phật. Tôi đọc kinh Thủ-lăng-nghiêm, biết là Nho thấp hơn Phật. Lại đọc những kinh như A-hàm thì biết Phật dường như thấp hơn Nho. Đến khi đọc Hoa Nghiêm thì thấy hết Phật hết Nho, hết lớn hết nhỏ, hết cao hết thấp, có thể là Phật có thể là Nho, có thể thành lớn có thể thành nhỏ, còn mất đều tự tại.

Nam Hiên (Trương Thức) nói: Cái toàn thể của thiên mệnh lưu hành không gián đoạn, xuyên suốt cả xưa nay. Nó thông cả vạn vật nhưng người ta mê muội không biết, bản thân lý ấy đâu từng gián đoạn, mà Thánh nhân thấu tỏ, thì bản thân nó cũng chẳng có gì tăng thêm. Còn như cái thấy của họ Thích, thì cho rằng vạn vật đều do tâm ta phát khởi, đó là mê mờ với cái toàn thể vốn như vậy của Thái Cực, rồi trở lại tự tư tự lợi, ấy chỉ là tâm con người mà chẳng biết gì đến tâm của đạo.

Bình Sơn đáp: Điều mà ông gọi là cái toàn thể của Thiên mệnh thì họ Thích gọi đó là tâm. Lời ông nói hoàn toàn xuất từ Phật, Lão, không mảy may sai khác. Dù ông nghi vạn pháp không phải do tâm tạo ra, nhưng kết quy nó về Thái Cực nhưng không biết Thái Cực là vật gì. Như người cha ra đi, quên mất nhà mình, gặp con mình nhưng chẳng biết, như vậy có khác gì Lưu Nghi Đồng đâu! Đó là do dùng tình thức suy đoán, dù nói tâm của đạo nhưng chẳng biết đó là cái gì, trái lại còn cho Phật tự tư bị lòng người mê hoặc.

Hối Am (Chu Hy) nói: Tánh đương nhiên là không thể không động, nhưng không thứ gì nó chẳng có, có nhưng không thể không động. Không thứ gì nó chẳng có, lẽ đâu có thiếu? Cái bệnh của họ Thích là nhận lầm tinh thần hồn phách làm tánh. Quả như thấy tánh, thì chẳng thể cho đó là vọng kiến. Đã gọi là vọng kiến thì đâu thể nói tánh vốn không. Lập luận như vầy là không sáng tỏ, chỉ sợ rằng đó cũng là thấy nhưng không rõ ràng.

Bình Sơn đáp: Tính không có động tĩnh cũng không thiếu hay thành. Họ Thích có nói: "Người học đạo không nhận được cái thật, vì xưa nay nhận lầm thức và thần", vậy lẽ nào cho tinh thần hồn phách là tánh? Không thấy được tánh chân không thì gọi đó là vọng kiến. Thấy tánh không rồi, lẽ đâu đó là vọng kiến? Lúc tâm thấy thì cái thấy đó không phải là mắt thấy, vậy mà không rõ ràng ư? Chỉ sợ rằng, chưa rõ ràng chính là lời của Chu Tử, vì nó chưa sáng tỏ.

Hối Am nói: Bệnh nặng của người học thời nay là không biết thứ lớp căn bản thật học của Thánh Nhân mà lại đắm mình trong thuyết của Phật, Lão, nghĩ càn rằng ngoài trời đất muôn vật, ngoài việc đối nhân xử thế có một vật linh diệu rỗng rang không thể lường được. Cái tâm ấy

chơi vơi, cầu mong thấy được vật ấy dù một lần đã là rốt ráo, như vậy đâu không rơi vào bệnh này đó ư!

Bình Sơn đáp: Muôn vật trong trời đất, cách đối nhân xử thế đều là "hình nhi thượng" đều là "hình nhi hạ", ai bàn tới được? Chu Tử thật là lẩm cẩm! Quên khuấy lời ấy cho là thuyết của Phật, Lão. Tôi e rằng đạo của Phu Tử sắp tàn lụi rồi! Dù là như vậy nhưng không thể không biện. Phật nói: "Sắc tức là không", Lão Tử nói "đồng thì gọi đó là huyền", lẽ nào có vật khác chăng? Chu Tử chia chẻ thành hai, đó là rơi vào bệnh mà chẳng biết.

An Chánh Vong Thuyên nói: Quả báo được mất tuy ở trong cảnh giới mờ mịt nhưng chưa hẳn là không có người để tâm cứu xét. Thánh nhân là người càng để tâm đến việc này, lần tìm dấu tích, về điểm này nay không bàn đến. Chỉ có Thánh nhân là người vượt trên hình số rồi ứng dụng hình số, giao du với tạo vật, bậc hiền triết đều chưa thể vượt qua chặng đường này, nên hãy chờ cho quả báo đến. Đó là lời răn dạy rất lớn lao. Hơn nữa, hai nhà Nho, Thích kết quy gần giống nhau nhưng thi thiết giáo hóa khác nhau xa, bởi vậy công dụng khác hẳn. Dù vận dụng then chốt phân lập trời đất, nhưng rốt cuộc chẳng có gì làm kinh hãi ba Thánh nhân toàn đức, bởi khi họ lan tràn vào Trung Quốc, cũng như kẻ ngồi xe thì đi Việt, người đội mũ miện đi Hồ, rõ ràng không thích nghi. Nho gia chỉ dùng Hoàng Cực, kinh bang tế thế đó là bước lui mà không dấu vết vượt ngoài hình ra khỏi số, tại sao lại cam tâm theo cái học vô dụng?

Bình Sơn đáp: Luận đến đây thì thuyết của Nho Phật hợp thành một nhà. Công dụng khác nhau chỉ vì có khi ra giúp đời có khi lại ở ẩn, có lúc nói, lúc nín, từ đó người ta sinh phân biệt rồi cho là có giống có khác. Vì sao vậy? Đến thông đạt như Lưu Tử Huy, tinh thâm như Trương Cửu Thành, thông suốt như Lã Bá Cung, thuần chánh như Trương Kính Phù, Cao Khiết như Chu Nguyên Hối, họ đều là vĩ nhân của thời nay. Khi thấy được bản tâm rỗng rang sáng suốt rồi thì Tứ thông, Lục tịch, thiên biến vạn hóa, cái thấy biết ấy chỉ như sinh tử mộng huyễn, bôn ba để được giàu sang như phù vân, đó là học theo Thánh nhân nhưng chưa thấu đáo. Còn như bàn về Phật, Lão thì thật nhưng văn không thật. Dương phát huy thì âm giúp sức, bởi vẫn còn chút tâm ý. Khởi xướng tuyệt học của ngàn xưa, quét sạch bụi mờ cho hậu thế, lưu hành học thuyết ấy ở đời, cái thế của việc trị chánh không thể không làm như vậy. Như Hồ Diễn luôn miệng mắng chửi thì thật quá lắm rồi! Làm như vậy đâu không phải mặc áo trái của Tổ sư, đóng ngược ấn của Như

Lai đó ư? Điều quan trọng ở đây là phản bác, biện luận lại cho chính xác. Tôi sợ rằng hàng bạch diện thư sinh chẳng biết được tâm của các bậc tiền bối, cho những lời từ cửa miệng là thật. Nếu vậy thì đạo của ba Thánh nhân không phải là sự giáo hóa mà trở thành dị đoan. Sở học của Y Xuyên, ngày nay đã từ Giang Đông tràn lan lên phía Bắc. Kẻ sĩ phu lại dựa vào những học trò cao minh đều cam tâm chấp nhận. Tôi từng lui tới nơi ấy gần ba mươi năm, đã từng muốn chỉnh đốn lại việc này nhưng chưa rảnh. Nay nhân lúc đợi kỳ thi Hương, tôi khảo cứu kinh sách trong mấy mươi ngày, nhân lúc rảnh viết ra thiên luận nhỏ này, là mong dọn sạch phấn dậu cho ngôi nhà khoáng đạt, dẫn sông ngòi chảy về biển Thánh học. Đạo lan rộng, Nho truyền khắp, cùng vào pháp môn giải thoát. Giấy mực văn chương đều là thần thông du hý, hãy tự gội rửa tâm mình. Nếu truyền cho người thì hãy bừng bừng mà nổi giận, mờ mịt mà nghi ngờ, đau đáu mà tư duy, buông hết mà tỏ ngộ, sảng khoái mà vui cười, được vậy tất có người nói: Ôi, gã này thật đáng thương!

Tôi và những người quân tử sinh trong thời đại khác, không phải là người trong thời Nguyên Phong, Nguyên Hựu, cũng giống như nhà Nho, không phải là người của Hoàng Quan, Thích thị, bởi vậy dốc hết ruột gan khổ công đính chính. Đó cũng là vì muốn giáo học của ba Thánh nhân không đoạn tuyệt. Tôi cứ phân vân, đau như xé ruột, muốn đem chút công sức nhỏ nhoi của mình duy trì cả ba, giữ không cho ngã đổ. Nếu có người cậy đông công kích tôi, thì ngã đổ hết rồi! Thương thay! Dù rằng tôi biện luận không hay, sợ rằng đạo của ba Thánh nhân bị chia chẻ mà không nhất thống, đó cũng là bất đắc dĩ thôi. Như da bị mụt ghẻ, phải dùng thuốc mà đắp cho lành, như đất có hầm hố phải dùng đất mà lấp cho kín, lẽ đâu lại đi khoét thêm thịt, đào thêm hố ư?

Kẻ hèn này không bằng những quân tử khác, chỉ có một thiên này thôi, ngoài thiên này ra còn có những gì mà Minh Đạo Tập đã ghi, những gì mà chư quân tử đã viết như Đại Dịch, Thi, Thư, Trung Dung, Đại Học, Xuân Thu, Luận Ngữ, Mạnh Tử, Hiếu Kinh v.v... đều là sách tẩy rửa lòng ham muốn của con người, khai sáng thiên lý, dựng nên nghiệp bá, phò tá vương đạo. Ngoài việc phát tâm học trên văn tự chữ nghĩa, hằng ngày ứng dụng gội rửa tâm mình, việc sửa tánh phải lấy sự thành thật làm nền tảng, việc tu thân phải lấy sự cung kính làm cửa ngõ, đạo lớn tự khéo mà cầu, Thánh nhân tự học mà đến, tiếp nối tuyệt học của ngàn xưa, lập thành thuyết giáo một nhà.

Nho gia đời Tống đều không sánh kịp, Nho sĩ đời Đường, Hán cũng không sánh bằng. Vùn vụt thay! Đáng sánh vai với Mạnh Kha.

Lúc luận nghị cũng khôn ngoan công kích, ấy chỉ là cơ ngầm, đều là học trò của Tuân Khanh. Bởi vậy Nho sĩ đi trước thì xướng, Nho sĩ lớp sau thì họa, kiễng chân mà nhìn, bén gót mà theo, đời sau trong thiên hạ hầu như theo về hết. Có thể nói, đó là kẻ sĩ hào kiệt. Người học có chí với đạo trước tiên phải đọc sách của chư quân tử, mới biết kẻ hèn này từng dụng công trong ấy, mới thấy được tập sách của tôi. Còn như mượn cớ lấp miệng, làm ô danh sách của chư quân tử tức là lượm ngọc nát mà bỏ ngọc nguyên, chịu mắc nghẹn mà bỏ thức ăn, như vậy không những kẻ hèn này đắc tội với chư quân tử mà đó cũng chẳng phải là điều kẻ hèn này trông mong ở người học.

Minh Đạo Tập của các Nho sĩ gồm hai trăm mười bảy loại kiến giải, đều là mê chân bỏ mất tánh, chấp tướng trệ danh, dựng lập nguyên nhân cho việc đấu tránh, tạo thành hoặc nghiệp, đó đều là do không thấu đạt tính dung thông của pháp tánh. Cư sĩ Bình Sơn rất thấu tỏ diệu lý, thương họ mờ mịt khi đứng ngã ba đường, bởi vậy ông phân tích, biện luận nhằm cứu cái tệ cho hậu học. Giả sử Ma-cật, Tảo Bá tái thế cũng chẳng còn gì để thêm. Ở đây chỉ trích mười chín thiên, phụ lục vào phần sau của Thông Tải.

31. Bài ký nói về Sa-môn Hồng cáp la tất lợi:

Tam tạng Sa-môn Hồng cáp la tất lợi là người Mạt quang thát thuộc Bắc Thiên Trúc. Sư trụ ở núi Kê Túc, tụng mật ngữ của chư Phật, có đại thần lực, hay trị được bệnh, hàng phục thú dữ, hô phong hoán vũ. Sư bắt chước Hoàng Thống, cùng với em chú bác là Tam da tất lợi, cả thảy bảy người đồng sang Trung Quốc. Sư xin đến núi Thanh Lương lễ Bồ-tát Văn-thù, triều đình đồng ý. Sau khi đến Thanh Lương, Sư vân du tiếp, đến Linh Nham lễ tượng Quán Thế Âm. Sư nhiễu tượng cả ngàn vòng, mỗi một vòng đều đảnh lễ, mỗi lần lạy đều vô cùng cung kính. Cứ thế, Sư lễ lạy không ngày nào ngớt. Mỗi ngày Sư chỉ ăn một chén cơm. Lúc có khách cũng chén cơm ấy nhưng Sư chia vẫn đủ khắp, còn lại thì mình ăn, dù chỉ còn vài hạt, Sư vẫn kiết trai. Vừa đến Tế Nam, Sư dựng chùa Văn-thù Chân Dung, để Tam-ma-da trụ trì ở đây. Sau Sư đến đất Lệ dựng tiếp chùa Tam Học. Ngày hai mươi ba tháng tư năm Đại Định thứ năm, Sư thị tịch ở Tam Học, thọ sáu mươi ba tuổi, tăng lạp không rõ là bao nhiêu hạ.

32. Thiền sư Phật Quang Đạo Ngộ ở Trịnh châu:

Sư họ Quan, người Lan Châu, Thiểm Hữu. Vừa sinh, Sư đã có

răng, mười sáu tuổi Sư muốn xuất gia, nhưng cha mẹ không cho. Sư bèn tuyệt thực mấy ngày, cha mẹ đành phải đồng ý. Hai năm sau, Sư từ Lâm Thao về ngủ trọ tại Loan Tử điếm, đêm nọ, Sư mộng thấy Phạm tăng gọi mình dậy. Sư choàng dậy bỗng nghe ngựa hý, Sư hoát nhiên đại ngộ, về thẳng nhà mình, lòng vô cùng hoan hỷ, tự ngâm nga:

Ôi là lưới
Nào là lưới
Kín hư không
Chỉ một tấm.

Sư nói với mẹ: "Con nhặt được một vật". Người mẹ liền lục lọi khắp trong túi da của Sư nhưng không thấy, nên hỏi: "Là vật gì?". Sư đáp: "Vật mà từ vô thỉ đến nay con chưa hề thấy". Mẹ Sư chẳng tỉnh ngộ.

Ngày nọ, Sư muốn du phương, người trong làng tiễn Sư đi. Họ xin bài tụng. Sư viết cho, trong đó có câu: "Nước chảy tới biển, Hạc ra khỏi mây trời". Sư đến núi Hùng Nhĩ quả nhiên gặp được Thiền sư Bạch Vân Hải Công. Sư hỏi Hải Công sao không tìm người nối pháp. Hải cũng dùng bài tụng đáp, trong đó có câu: "Hoa chi lan rất đẹp, chỉ có ở Tây Tần", ngầm chỉ việc Sư đến.

Đêm ấy, Hải nghe hư không có người nói: Sáng mai đón Quách Tướng công. Sáng na Hải liền gọi tăng xếp hàng, sai cầm hương hoa đón đệ tử Quan Tây của ta, trước chùa dựng lễ nghi của Đường Quách Tử, hôm nay ông ta sẽ đến trụ trì. Sư đến, đối đáp liền khế hợp, Hải Công liền truyền y bát cho Sư.

Trước chùa từng có bọn giết người cướp của, dân đến báo với Sư, Sư gọi tăng chúng đuổi bắt và nói "Các ông chính là giặc". Đuổi đến sào huyệt, bọn cướp lạy xin tha mạng. Sư dạy dỗ chúng rồi thả. Từ đó đến mấy mươi năm sau, không ai nhặt của rơi trên đường. Người ta càng tin tiền thân Sư vốn là Phần Dương Vương. Năm Đại Định thứ hai mươi bốn, Bạch Vân thị tịch, Sư nối pháp khai đường. Sư thuyết giảng ở Phổ Chiếu, Trịnh châu, sau chấn tích đến Tam hương, Trúc các am. Lúc này Sư mặc đồ cư sĩ vân du ở Ngưu Hành. Lạc châu, không ai biết Sư là ai. Sư từng nói với mọi người: "Cho ta là phàm thì hãy tiến tới Thánh quả đi! Cho ta là Thánh, thì hãy nhầm tới Phàm quả đi! Cho ta chẳng phải là Thánh chẳng phải Phàm thì mới có chỗ bước đi trên đảnh Tỳ-lô".

Năm Thái Hòa thứ năm, Sư kiết hạ ở chùa Đại Thế tại Lâm Thao. Sư khai kinh Viên Giác, lên tòa bỗng nói: Pháp tịnh này chỉ còn một nửa!

Ngày mười hai tháng năm, Sư cho vãn tham. Sáng sớm hôm sau, Sư súc miệng xong, gọi thị giả đến và nói: "Ta bệnh, hãy đi tìm thuốc đi!". Thị giả ra chưa tới ngạch cửa thì Sư nằm xuống thị tịch. Trên nóc phương trượng có đám mây ngũ sắc, như bảo Cái, bên trong có ba cái màu hồng sáng như mặt trời. Sư thọ năm mươi lăm tuổi, tăng lạp ba mươi chín hạ.

33. Thiền sư Thọ Ni Vô Trước:

Sư họ Tô, húy Diệu Tổng, cha làm chức Trung đại phu, giống như Nam Từ Thừa Tướng Thật Đại Phu trước đây. Năm mười lăm tuổi, Sư chợt nghĩ: Thân ta sinh ra từ đâu? Chết về chỗ nào? Suy nghĩ giây lâu, đột nhiên Sư bừng tỉnh. Hồi ấy, bất đắc dĩ Sư mới đến nhà họ Hứa ở tận Tỳ Lăng, nhưng chẳng màng thế sự mà đặt chí trong không tông, lấy thiền tịch làm mục đích tiến tu. Lúc này Tuệ Nghiêm Viên Công nối pháp Thiền sư Viên Chiếu và ẩn cư tại Phổ Môn. Sư đến thưa hỏi pháp xuất thế, cơ duyên khế hợp. Sau, Sư yết kiến Quan Tây Trí Tịnh Thất Quang Chân Hiết Thanh Liễu, hỏi đáp như nước chảy, Thanh Liễu rất kính phục. Lúc này Phù Thọ Nguyên làm quan ở Gia Hòa, Đại Tuệ đến quận, Nguyên sắm sửa trai diên đến đón ngài. Sư ra đảnh lễ Đại Tuệ nhưng chẳng nói câu nào. Đại Tuệ lui về nói với quan Cấp sự Phùng Tế Xuyên: Hứa Ty Lý thấy thần thấy quỷ trong lầu các nhưng chưa gặp chính mình bị kìm kẹp, như chiếc thuyền chở vạn hộc bị rơi vào bãi cạn không thể chuyển động được.

Phùng nói: Việc ấy đâu dễ nói!

Tuệ nói: Nếu ông ấy quay đầu nhất định sẽ khác.

Hôm sau, tăng tục thỉnh Đại Tuệ thuyết pháp, Sư cũng đến tham dự. Đại Tuệ hết lời chỉ trích các nơi là hạng tà kiến dị giải. Thính chúng đều thất kinh chỉ riêng mình Sư bỗng nhiên hoan hỷ. Sau khi xuống tòa, Sư đến Đại Tuệ xin pháp hiệu, Đại Tuệ đặt Sư tên là Vô Trước, đồng thời nói bài kệ:

Hầu hết sơn tăng thích chửi người
Chưa từng chửi dính một riêng ai
Chỉ có Vô Trước chửi chẳng động
Chẳng khác dùi lăn trong thời Tần.

Đã chửi chẳng động, sao lại nói giống dùi lăn (kẻ vô dụng), người sáng mắt hãy biện xem!

Năm sau, Sư lên Kính Sơn theo chúng kiết hạ, Tế Xuyên cũng có ở đây. Đại Tuệ thượng đường, cử câu "Vì sao, chẳng vì sao, rốt cuộc

chẳng được” của Thạch Đầu. Tế Xuyên nói:

-Tôi hiểu được!

Tuệ bảo nêu ra, Tế Xuyên liền nói:

- Sao là được? Tô-lô-tát-bà-ha. Chẳng vì sao cũng chẳng được? Tất rị tát bà ha. Vì sao chẳng vì sao, rốt cuộc chẳng được? Tô-lô-tất-rị-tát-bà-ha.

Tuệ đem lời này nói lại với Sư, Sư nói:

- Người ta nói: Quách Tượng ghi chú cho Trang Tử, nay hóa ra Trang Tử ghi chú cho Quách Tượng.

Đại Tuệ tuy lấy làm lạ, nhưng im lặng không đoái hoài tới Sư, cốt là muốn cho Sư tự mình triệt phá. Một hôm vừa ngồi xuống, Sư hoát nhiên đại ngộ, thấy rõ dụng ý giúp người của Đại Tuệ. Bất giác Sư vỗ tay la lớn: “Thằng giặc! Thằng giặc!”, và trình bài tụng:

Bỗng dưng che kín lỗ mũi
Khéo léo băng tan ngói bể
Đạt-ma đâu cần đến đây
Nhị tổ lạy uổng ba lạy.

Sư lại hỏi: Thế nào? Thế nào? một đội giặc cỏ thua to!

Đại Tuệ cũng dùng bài kệ ấn chứng rằng:

Ông đã thấu tỏ ý Tổ sư
Một đao chặt chẳng thành hai khúc
Ứng cơ nhất nhất vì thiên chân
Thế, xuất thế gian chẳng thừa thiếu.
Ta làm kệ này ấn chứng ông
Tứ thánh Lục phàm đều kinh ngạc
Hồ tăng mắt xanh còn chưa hiểu.

Bấy giờ Vạn Am Ngạn Công làm thủ chúng, cùng một ngàn bảy trăm nạp tử khác đều làm kệ tiễn Sư về, đồng thời chúc mừng vì pháp môn đã có người chứng đắc. Phùng Tế Xuyên vẫn chưa tin, ông đi thuyền qua Vô Tích, hỏi Sư:

- Thạch Đầu lúc còn làm người chèo đò, có làm “Thất tử thoại” Kính Sơn xưng là Đạo nhân, Sư hiểu không? Hiểu như thế nào?

Sư đáp:

Những người trước đây tôi giao du đều là thật. Rồi Sư dùng kệ để chứng minh. Khi có tin Lễ bộ cấp tăng điệp cho Sư Vô Trước, và ban hiệu Vi Thí, Sư nói kệ thọ nhận, mong được thế phát đắp y, mới thỏa chí nguyện ban đầu của mình, đó là vào năm Nhâm Ngọ niên hiệu Thiệu Hưng.

Lúc này Trương An Quốc làm Thái Thú Ngô Môn, pháp tịch ở Tư Thọ bỏ không, An Quốc hết lòng thỉnh Sư đến. Sư khai đường ở chùa Vạn Thọ, dâng hương nối pháp Thiền sư Đại Tuệ. Những lời diễn thuyết của Sư có ghi đủ trong Ngữ Lục.

Ngày mười bốn tháng bảy năm Càn Đạo thứ sáu, Sư nhóm chúng nói kệ xong thì tịch, thọ bảy mươi sáu tuổi, nhục thân Sư được an táng phía Đông núi Quân Tướng, Vô Tích. Cuối tháng hai nhuần năm Canh Dần niên hiệu Thiệu Định, đồ chúng dời nhục thân về an táng Đông bắc Hổ Khâu thuộc Bình Giang, lấy tên am là Đạt Bản, dựng tháp phụng thờ.

Ất Sửu: Tống đổi niên hiệu Khai Hy. Nước Kim niên hiệu Thái Hòa thứ năm.

■

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 21

1. Đại Nguyên Thái Tổ Hoàng đế: (Ất sửu)

Thái Tổ ứng mệnh trời mở vận. Thánh Võ Hoàng Đế đánh Tây Hạ trong năm này. Năm sau hội họp chư hầu ở sông Oát nan, dựng cờ trắng ở Cửu Du, lấy hiệu là Thành Cát Tư Hoàng đế, đóng đô ở Hòa Lâm. Cứ xem Thánh nhân xuất thế, oai linh lẫy lừng, được trời bảo hộ, ứng mệnh mà lên ngôi cao, vượt trên kim cổ, như Phượng Hoàng trong trứng phá vỏ chui ra, từ đó vượt khỏi giống loài, cách xa đồng loại. Thái Tổ Hoàng đế ta ở ngôi Cửu Ngũ, vận nước lâu bền, thái bình mãi mãi, như trời đất trước sau như một.

Bính Dần: Tây Hạ: Thát-Bạt-Thất-Đô-Nhi-Hốt, tiểu tử của Càn Thuận, con của Nhân Hữu, cháu của Nhân Tông, lên ngôi vào tháng năm năm này, ở ngôi sáu năm.

Đinh Mão: Tống: Ngô Hi tiếm ngôi ở Thục, được ba mươi tám ngày thì bị An Bính giết chết.

Mậu Thìn: Tống đổi niên hiệu Gia Định. Thụy tượng đến lúc này đã được hai ngàn hai trăm năm.

Kỷ Tỵ: Nước Kim: Đông Hải Hầu lên ngôi đổi niên hiệu là Đại An. Ông tên là Duẫn Tế, con thứ bảy của Thế Tông. Chương Tông không có người nối ngôi, quần thần theo di chiếu lập ông lên ngôi. Sau, ông bị Hột Thạch Liệt Chấp Trung giết, ở ngôi bốn năm.

Canh Ngọ: Thụy tượng chiên-đàn đến nước Kim. Tháng mười năm thứ mười hai, vua nghinh tượng vào cấm đình ở Thượng kinh để cúng dường. Năm này bỏ khoa thi kinh.

Tân Mùi: Quốc hiệu Đại Mông Cổ ra đời. Tây Hạ: Thần Tông Thát Bạt Tu Phiên Kỳ lên ngôi, đổi niên hiệu Quang Định, nhà Hạ dấy đại binh, người nước Kim không đến cứu, từ đó họ hận và làm phản.

Nhâm Thân: Nước Kim đổi niên hiệu Trùng Khánh, đại binh đến Yên kinh.

Quý Dậu: An Nam Chủ Lý Long Cán mất, con là Hạo Sàm kế vị.

Nước này về sau bị Giang Nam Trần Nhật Chiếu lấy và truyền cho con là Uy Hoảng.

Nước Kim: Tuyên Tông, tên là Tuân, anh kế của Chương Tông. Chấp Trung giết Đông Hải Vương rồi lập ông. Ông lên ngôi tháng chín năm Chí Ninh năm đầu, ông đổi niên hiệu Trinh Hựu, ở ngôi mười hai năm. Tháng tám, đại binh đánh Yên Kinh.

2. Giảng Sư Bắc Phong Tông Ấn người Thiên Trúc:

Ngày tám tháng mười hai năm Gia Định thứ sáu, giảng sư Bắc Phong người Thiên Trúc thị tịch. Sư tên Tông Ấn, tự Nguyên Thật, họ Trần, con của Diêm Quan (quan coi về muối). Năm mười lăm tuổi, Sư thọ Cụ túc, yết kiến Trúc Am Quán Công, thấu tỏ yếu chỉ giáo quán. Những lời cốt yếu của chư Tổ Sư đều tụng cả ngàn lần. Tư Giáo Không thỉnh Sư làm thủ tòa, Sư từng soạn Tông Cực Luận, đủ sự đủ lý, nêu tỏ diệu chỉ Nhất tánh. Sư đặt ra chín vấn nạn, lấy Tông Cực làm nghĩa. Phụ Thông Thú Tô Tỷ xem Bất Nhị Môn, lời văn giản lược nhưng chẳng hiểu, sư bèn chỉ ra những điểm cốt yếu, Tỷ nghe hiểu ngay, nhân đó ông thỉnh Sư về ở Chánh Giác. Sư đến, gặp phải lúc bão táp mưa sa, Chánh Giác chỉ còn trơ chánh điện, Sư thà chết chớ không đi, gió mưa nhân đó cũng dứt. Không bao lâu, Tỷ được triệu về kinh, ông muốn Sư cùng đi bèn nói: “Sao Sư không về Tây cùng nhau hoằng hóa, ở Đông hai mươi bảy năm rồi, đến nay nên về lại Triết Hữu”.

Sư giảng Chỉ Quán, khiến học giả thâm hiểu, lìa được bệnh chấp danh chấp tướng. Họ vây quanh tòa cung kính thọ trì, Sư tối kỵ khi phải có nhiều Học trò, Sư ẩn cư trong am tranh của họ Mao ở Lôi Phong, nhưng người học vẫn đua nhau tìm đến. Họ Đỗ dựng Phổ Quang đạo tràng rồi thỉnh Sư chủ trì. Sư vừa giảng vừa Thiền, đạo pháp ngày càng thịnh. Gặp lúc Đức Tạng đến thỉnh, Sư nói: “Đất Tập học ấy cũng muốn báo đáp lâu rồi!”.

Sư nhiều lần dời về Siêu Quả, Viên Thông, Bắc Thiền, đạo đức và danh tiếng Sư vang khắp, chùa viện đạo tràng mọc lên cũng nhiều. Hải Không Anh từ giã Linh Sơn, Sư liền cử ngài thay mình. Vua hạ chiếu đồng ý, năm trăm học chúng đều cảm phục đạo hạnh của Sư, tôn Sư là người thay đổi mối tệ từ xưa. Ninh Tông nghe danh, liền triệu Sư vào cung hỏi đạo. Vua hoan hỷ ban Sư hiệu là Tuệ Hạnh Pháp sư. Để mở rộng pháp môn Chỉ Quán, vua thỉnh Sư hoằng hóa ở Ngô Trung. Sư đi đến Tùng giang, bảo đồ chúng: “Ta hóa duyên đến đây là xong!”. Nói xong Sư nằm nghiêng bên phải thị tịch.

Giáp Tuất: Tháng tư nước Kim dời đô về Biện Kinh, kết giao cầu hòa với Đại Quốc. Cẩm Soái Trương Trí nộp quận đầu hàng, sau lại làm phản, tự xưng là Liêu Tây Vương, đổi niên hiệu là Đại An. Kim thảo phạt bình định, diệt luôn Yên Kinh.

Ất Hợi: Tháng tám, Thế Tổ ra đời. Đại binh đánh phá Đồng Quan.

Bính Tý: Tháng hai có nhật thực, Xuyên Đông, Xuyên Tây có động đất, núi Thử Châu sụp.

Mậu Dần: Kim đổi niên hiệu Hưng Định. Tháng bảy có nhật thực, binh Kim xâm lấn Quang Châu, bọn Lý Ngọc chặn địch. Liên Thủy Cung Thủ Lý Toàn từ Bắc trở về, tức Lý Thiết Thương, vua hạ chiếu cho ông ta làm Đông Kinh Lộ Tổng Quản.

Canh Thìn: Thiên Tông Liên Đăng Lục hoàn thành.

Tân Tỵ: Tháng năm nước Kim có nhật thực.

Nhâm Ngọ: Đại binh từ Hồi Cốt đi đánh Tây Hạ.

Quý Mùi: Tháng chín, Tây Hạ Thát Bạt Đức Nhân lên ngôi, đổi niên hiệu Càn Định.

Nước Kim đổi niên hiệu Nguyên Quang. Tháng chín có nhật thực. Tống thực hành phép chia bờ ruộng, thâu thuế ruộng.

Ất Dậu: Tống Lý Tông Huyền lên ngôi, đổi niên hiệu là Bảo Khánh năm đầu. Lúc đầu ông tên là Dư Cử, con của Vinh Vương Hy Lô, cháu mười đời của Thái Tổ. Ninh Tông có nhiều con nhưng ông không nuôi mà nuôi con trong tông thất là Tuân và lập Tuân làm Thái tử, nhưng Tuân chết. Hồi ấy Hoàng Tùng Đệ Nghi Tĩnh Tuệ Vương Bính không có con, cũng từng nuôi con trong tông thất rồi đặt tên là Quý Hòa làm người nối dõi. Đến khi Thái tử Tuân mất bèn lập Quý Hòa làm Hoàng tử và đặt tên là Hoành, phong làm Tế Quốc Công. Hoành, Tuệ rất coi thường ông. Có lần ông ghét Sử Di Viễn chuyên quyền, nên nói: “Ngày sau không thể dung tha”. Di Viễn nghe được rất căm ghét ông, nên ngầm bàn mưu tính kế.

Thuở nhỏ Dư Cử đã là người không tốt, ông đang chơi đùa với lũ trẻ bỗng một mình leo lên tòa cao mà ngồi. Những người trưởng thượng chỉ ông rồi nói với lũ trẻ: Bọn bây chẳng bằng gã ấy, trông gã như là Đại Vương”. Bọn trẻ liền vây quanh ông lễ lạy, từ đó ông có tên là Triệu Đại Vương. Di Viễn lấy của cải, sắc đẹp mua chuộc ông, từng làm ông vừa lòng mà được tiến cử, rồi được đặt chỉ bổ làm quan. Sau khi Hoành làm con của Ninh Tông bèn cho Dư Cử làm Nghi Vương, sau đặt cho tên là Quý Thành, cho giữ chức Trừ Thiệu Châu Phòng Ngự Sứ.

Ninh Tông bệnh nặng, mới báo trong cung cho Quý Thành làm hoàng tử, đổi tên là Huyền, tuyên di chiếu lập ông lên ngôi, tiến cử Hoành làm Tế Dương Quận Vương, ra làm quan ở Ninh Quốc Phủ. Cung Thánh Dương Hậu thính chính, muôn việc đâu vào đấy sau đó hết buông rèm thính chính. Ông thọ sáu mươi mốt tuổi.

Nước Kim đổi Chánh Đại thành Thủ Tự, ông là con thứ ba của Tuyên Tông, tánh tình khoan dung nhân hậu, học rộng, ham đọc sách. Ông lên ngôi trong năm này. Đến năm Quý Tỵ, Quy Đức Phủ hết lương thực, tháng sáu ông chạy sang nước Sái. Tháng tám quân Nam bắc hợp sức đánh phá, tháng giêng năm Giáp Ngọ, ông nhường ngôi cho hậu chủ là Lân, rồi đóng cửa tự vẫn, đất nước diệt vong.

Bính Tuất: Tháng bảy, Tây Hạ Thát Bạt Đức Nhân mất. Thanh Bình Quận Vương kế vị, ở ngôi được một năm.

Đinh Hợi: Mùa xuân năm Bính Tuất, thái tử đến Tây Hạ. Chỉ một năm diệt xong thành này. Ngày hai mươi bảy tháng mười năm này, ông diệt nhà Hạ, lúc này đã sáu mươi tuổi rồi. Tây Hạ gồm mười hai chủ. Bắt đầu từ Kế Thiên khởi binh trong năm Nhâm Ngọ niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc, mãi đến năm Đinh Hợi niên hiệu Bảo Khánh thì đất nước diệt vong, trị vì cả thảy hai trăm bốn mươi sáu năm. Năm Giáp Tuất niên hiệu Cảnh Hựu, Nguyên Hạo tự tiếm ngôi, đế hiệu, là một? trăm chín mươi bốn năm.

Mậu Tý: Tống đổi niên hiệu Thiệu Định năm đầu.

Tân Mão: Thái Tông Hoàng Đế lên ngôi.

Nhâm Thìn: Bốn người con thứ của Thái Tổ thống lĩnh vương binh đánh phá Biện Kinh. Vua Kim phải chạy sang nước Sái. Bề tôi là Thôi Lập đầu hàng. Đại triều sai sứ đi Tống bàn mưu hợp sức đánh Kim.

Quý Tỵ: Kim đổi niên hiệu Thiên Hưng.

Giáp Ngọ: Tống đổi niên hiệu Đoan Bình năm đầu, tiêu diệt nước Kim. Nước Kim gồm chín chủ, trị vì một trăm hai mươi ba năm.

Ất Mùi: Ghi hộ khẩu cho dân ở Trung Nguyên. Nhà Tống: Sao Thiên Cẩu rơi xuống ở huyện Kim Đường, Hoài An Quân, tiếng rơi như ?sấm, người trong ba châu đều nghe. Họ đến xem thì thấy như đá màu hồng vỡ vụn, có người cho đó là điềm đánh nhau.

Bính Thân: Vua hạ chiếu nhóm họp quần thần, ban phát độ điệp. Thâu đất bốn phương hội họp con lại phân phát đất phong vương. Vua đích thân dẫn binh chinh phạt nước Hồi. Nước Hồi quy phục. Nhà Tống mất Tứ Xuyên.

Đinh Dậu: Tống đổi niên hiệu Gia Hy.

Kỷ Hợi: Vua hạ chiếu chỉ dụ Cao Ly. Tháng mười cầu vồng xuất hiện ở đất Tống.

Canh Tý: Nhà Tống: Kinh sư có động đất, khí trắng vắt ngang bầu trời, lại bị nạn hạn hán sâu bọ. Triết Giang, Phúc Kiến bị hạn, đô thành bỏ không, người đói giựt đồ ăn ngoài đường, trong chợ thì giết người để bán thịt, trời chưa tối nhưng đường xá vắng tanh.

Tân Sửu: Ngày ba tháng hai đại xá thiên hạ. Tống đổi niên hiệu Thuần Hựu.

Bính Ngọ: Định Tông Hoàng Đế lên ngôi.

Canh Tuất: Đại triều diệt Liêu Đông, Cao Ly.

3. Hiến Tông:

Tân Hợi: Hiến Tông Hoàng Đế lên ngôi. Thế Tôn diệt độ được hai ngàn hai trăm năm.

Quý Sửu: Tống đổi niên hiệu Bảo Hựu năm đầu. Đại binh đánh Xuyên Thục. Ghi hộ khẩu dân ở Liêu Đông. Tống bãi quan, thay độ điệp, thâu và đổi tiền giấy cũ đem đốt.

4. Đại sư Hải Vân Ấn Giản ở Khánh thọ:

Sư họ Tống, tên là Ấn Giản, người Lam Cốc, Ninh Viễn, Sơn Tây, hậu duệ của Vi Tử. Cha sư rất hiền lành được người trong làng kính phục, họ gọi ông là Hư Tĩnh Tiên Sinh. Mẹ Sư họ Vương, người Kim Nguyên. Thế Tổ của Sư phụng Phật không ra làm quan. Sư sinh ngày rằm tháng mười hai năm Nhâm Tuất niên hiệu Thái Hòa nhà Kim. Sư phẩm hạnh cao vời, từ nhỏ đã tỏ ra người thông tuệ. Năm bảy tuổi, cha Sư trao cho Sư bộ Hiếu Kinh Khai Tông Minh Nghĩa Chương. Sư hỏi: Khai là tông gì? Minh là nghĩa gì? Cha Sư nghe vậy thất kinh và rất lấy làm lạ, biết Sư không phải là người tầm thường. Ông dẫn Sư đến yết kiến Phó Giới Ngạn Công. Ngạn muốn biết căn khí Sư thế nào bèn trao cho Sư tập Thảo Am Ca. Sư đọc đến câu "Hoại và chẳng hoại chủ còn nguyên" thì Sư hỏi:

- Chủ ở đâu?

Ngạn vặn lại:

- Chủ nào?

- Là người lìa hoại chẳng hoại ấy!

- Đó là khách.

Sư đáp:

Chủ chứ!

Ngạn Công ngâm nga rồi thôi không hỏi nữa. Từ đó sư lạy Trung Quán Chiểu Công làm thầy. Năm tám tuổi Sư thọ Tam quy, Ngũ giới, Bát quan trai giới và Thập Thiện. Mới mười một tuổi, Sư được Dự Vương trao ân tứ cho thọ Cụ túc.

Thượng tọa Hồng Ngạn hỏi Sư:

Nay ông thọ đại giới rồi, vì sao vẫn còn là tiểu tăng?

Sư đáp:

Vì tăng nhỏ. Giới gọi là Đại, thử hỏi Thượng tọa giới già hay tiểu?

Ngạn đáp:

Ta thân thì già...

Ngạn nói chưa hết câu, Sư hét lớn: Thôi đừng sinh phân biệt!

Một hôm thượng tọa dạy một ông tăng đến vỗ vào lưng Sư một cái, đợi Sư quay đầu lại thì đưa nắm tay lên. Ông tăng theo lời dạy vỗ vào lưng Sư, Sư liền đưa nắm đấm lên. Tăng trở về thuật lại cho thượng tọa, thượng tọa rất lấy làm lạ.

Năm mười hai tuổi, Trung Quán cho phép Sư đi tham vấn và dặn Sư: Điều mà ông muốn là văn tự ngữ ngôn mà thôi, hãy dừng lại đi! Chỉ khi nào thân tâm như cây khô, tro lạnh thì lúc ấy mới hết. Công dụng thuần thục, ngộ hiểu chân thật, một phen sống mái mà còn hơi thừa, đến lúc đó hoát nhiên nhận ra, mới gặp được ta.

Sư lắng nghe nhận lãnh, từ đó tu tập thiền định. Một hôm Sư dìu Trung Quán đi, Quán hỏi:

- Thiền sư Pháp Đăng nói: Hãy xem ai nấy bận rộn, vả lại nhờ sức ai. Ông hiểu thế nào?

Sư kéo tay Trung Quán một cái. Quán nói:

- Đây là hồ tinh ở đồng hoang!

Sư dạ dạ. Quán nói: Giới phải biệt tham!

Năm Sư mười ba tuổi, lúc này Thành Cát Tư Hoàng đế chinh phạt thiên hạ, Sư ở tại Ninh Viễn là nơi bị vây hãm. Sư là một trong số người bị dẫn đến trước mặt Hoàng đế. Đế bảo Sư búi tóc, Sư đáp: Nếu theo phép nước thì mất tướng tăng, mong được giữ hình tướng cũ.

Từ đó tăng mới có hình dung khác người thế tục. Năm Sư mười tám tuổi, Thiên binh lại đến thảo phạt, Thái sư, Quốc vương dẫn binh vây lấy Lam Thành. Tứ chúng đều giải tán lánh nạn. Sư vẫn ở lại hầu hạ Trung Quán. Quán nói:

"Ta gần kề cái chết, ông giàu sang lại sống thọ, nay là lúc đá ngọc đều tan nát, ông hãy trốn đi đi!".

Sư khóc nói:

Nhân quả không sai chạy, sống chết đều có số đâu thể xa thầy để tìm sự an ổn được? Giả sử trốn thoát cũng đâu phải là tấm lòng của kẻ nhân từ!

Quán thấy Sư thành thật, nên dặn Sư rằng: "Ông có nhân duyên lớn với vùng Sóc Mô, ta với ông cùng đi về Bắc!".

Hôm sau, cả thành quy hàng. Thanh Lạc Nguyên Soái Sử Công Thiên Trạch, Nghĩa Châu Nguyên Soái Lý Công Thất Ca thấy Sư khí phách phi thường, bèn hỏi:

- Ông là người gì?

Sư đáp:

Tôi là Sa-môn.

Sử công hỏi:

- Ăn thịt không?

- Thịt gì?

- Thịt người!

Sư nói:

- Người không phải thú, hổ báo còn không ăn thịt nhau, huống gì con người!

Sử nói:

Ngày nay sống trong vòng binh đao, ông có thể không bị thương tổn chăng?

Sư nói: Ắt phải nhờ các ông bên ngoài che chở!

Sử công rất vui. Lý nguyên soái hỏi Sư:

- Ông là tăng, chẳng hay là tăng thiền hay tăng giáo?

Sư đáp:

Thiền giáo là cánh lông của tăng, như quốc gia dùng người ắt phải đủ quan văn quan võ.

Lý hỏi:

- Như vậy cũng được, nhưng ông trụ bên nào?

Sư đáp:

- Chẳng trụ bên nào cả.

- Ông là người gì?

- Thầy của Phật!

Sư nói tiếp:

Thầy tôi là Trung Quán cũng ở đây.

Hai nguyên soái thấy Sư tuổi tuy nhỏ nhưng chẳng sợ sệt, ứng đối trôi chảy, nên liền cùng Sư đến gặp Trung Quán. Hai người chăm chú

nghe Trung Quán chỉ dạy, vô cùng vui mừng nói: “Quả nhiên là cha nào con nấy!”. Thế rồi hai người lạy Trung Quán làm thầy, kết bạn thâm giao với Sư. Quốc Vương cấp kẻ hầu người hạ cho Trung Quán và Sư. Thành Cát Tư Hoàng đế chở Trung Quán đi Hoàng Độc bằng xa giá, Sư đích thân hầu hạ, lo việc cơm nước, đi hết năm mới đến được Xích Thành. Đế mời Sư ở tại nhà của Lang Trung Trương Công. Sứ thần Thái Tốc Bất Hoa và Ma Lại phụng thánh chỉ của Thành Cát Tư Hoàng đế đàm đạo với Ma Hoa Lý Quốc Vương, họ cho người đến nói: Lão trưởng lão, Tiểu trưởng lão, đích thật là người tiên tri. Bấy giờ Quốc vương phụng chiếu ân tứ và thỉnh hai thầy trò Sư trụ ở Hưng An Hương Truyền Viện. Quốc vương ban Trung Quán hiệu Từ Vân Chánh Giác Đại Sư, Sư hiệu là Tịch Chiếu Anh Ngộ Đại sư, mọi nhu cầu vật chất đều do quan cấp. Tên gọi Tiểu Trưởng lão phát xuất từ đó.

Năm Sư mười chín tuổi, Trung Quán sắp thị tịch, có Đạo sĩ Dương Chí Thận đến xin bài tụng, Trung Quán sai Sư cầm bút viết thay cho mình. kệ rằng:

Bảy mươi ba năm như điện chớp
Sắp đi mở một lối cho ông
Trâu đất bay ngang Đông Hải đến
Cả trời và người tìm chẳng thấy.

Đạo sĩ hỏi:

- Lúc nào thầy đi?

Trung Quán đáp:

- Ba ngày nữa!

Lúc bấy giờ là ngày hai mươi bảy tháng năm, đến ngày một tháng sáu quả nhiên ngài không bệnh mà tịch. Sư khóc thương kính tiếc, trà-tỳ thâu xá-lợi, dựng tháp ở Tây bắc phủ này cúng dường. Sư đem hết những gì mà thầy mình có ra thiết trai cúng dường, còn mình thì đi khất thực và giữ tháp. Đêm nọ, Sư nghe trên không trung có tiếng gọi mình, Sư hoát nhiên tỉnh ngộ, và dời về ở Tam Phong Đạo Viện. Lại nghe có người bảo: Việc lớn sắp xong, hãy đi đừng kẹt ở đây. Sáng sớm hôm sau, Sư quảy trượng đi đến đất Yên, ngang qua Tùng Phố bỗng gặp mưa, Sư vào tá túc trong hang núi, nhân đánh đá lấy lửa mà Sư đại ngộ. Sư sờ mặt mình nói: Ngày nay mới biết mày ngang mũi dọc, tin chắc đạo trong thiên hạ, lão Hòa thượng nói chẳng sai.

Hôm sau, Sư đến Cảnh Châu yết kiến Bản Vô Huyền Hòa thượng. Huyền hỏi:

- Ông từ đâu đến đây?

- Mây tụ hang sâu.
- Định đi đâu?
- Trăng soi rừng tùng.

Huyền gật đầu nói:

Mạnh Bát Lang! Hãy đi đi!

Sư vâng dạ rồi đi. Sư qua Tuân Châu gặp nho sĩ Trương Tử Chân, Chân hỏi:

- Thượng nhân sao không ở yên một nơi?

Sư đáp:

Trong sông không có cá phải ra chợ bắt.

Trước đây, lúc Trung Quán sắp tịch, Sư hỏi Trung Quán: Con phải nương vào ai để thấu tỏ việc lớn? Quán dặn Sư: Chúc mừng người tám mươi tuổi (chúc thọ). Sau khi đến đất Yên, Sư đến chùa Đại Khánh Thọ thì hiểu ra lời dặn ấy. Thế là Sư liền đến yết kiến Trung Hòa Lão Nhân Chương Công. Trước đó một đêm, Trung Hòa mộng thấy một Dị tăng xách trượng đi thẳng vào phương trượng lên tòa Sư tử ngồi. Sáng ra, Trung Hòa bảo tri khách: Hôm nay nếu có ai đến sớm, phải bảo gã đến gặp lão tăng. Đến tối thì Sư tới, tri khách dẫn Sư lên gặp. Trung Hòa cười nói: Nạp tử này là người mà đêm qua ta mộng thấy. Sư liền hỏi:

- Con không đến mà đến làm sao gặp nhau?

Khánh Thọ đáp:

Tham phải thật tham, ngộ phải thật ngộ, chớ có nói càn!

Sư nói:

Con nhân đánh lửa mà phá nghi, mới biết mày ngang mũi dọc.

Thọ nói:

- Đó là chỗ riêng!
- Làm sao tỏ rõ?
- Răng chỉ toàn là xương, tai là da hai bên.
- Lẽ đâu cũng riêng?

Thọ đáp:

- Sai!

Sư hét lớn:

Giặc cỏ thua to!

Thọ không nói nữa. Hôm khác Thọ cử “Hai thủ tòa của Lâm Tế cùng hét, tăng hỏi Lâm Tế: Có chủ khách không? Lâm Tế đáp: Chủ khách rõ ràng.”. Rồi Thọ hỏi Sư:

- Ông hiểu thế nào?

Sư đáp:

Đập vỡ kính thời Tần, mài nhọn chùy thượng cổ, rồng bay ngoài Tiêu Hán, nhọc đánh nữa làm gì.

Thọ nói:

- Ông chỉ được Cơ mà không được Dụng.

Sư liền lật thiền sàng, Thọ nói:

- Vui ở giữa đường, rốt cuộc chưa tới nhà.

Sư đưa nắm tay lên nói:

Tinh linh ngàn năm hồ mị hoang
Hôm nay khám phá chẳng giá trị.

Thọ đánh một phất tử nói:

- Ông chỉ được Dụng mà không được Thể.

Sư bước tới nói:

Núi xanh toàn sắc lạnh
Trăng soi một suối mây.

Thọ nói:

- Ông chỉ được Thể mà không được Trí.

Sư nói:

Nước chảy Tây sang Đông
Hoa rơi chẳng ngược hướng.

Thọ nói:

- Ông tuy giỏi Ngữ ngôn Tam-muội, nhưng vẫn chưa có chỗ giao tiếp.

Sư đưa nắm đấm và vỗ tay một cái. Lúc ấy tượng thất bị chấn động.

Thọ nói:

- Phải thế! Phải thế!

Sư phất áo đi ra. Hôm sau Thọ sai Sư làm thư ký. Từ đó Trung Hòa dùng vô số cửa ngõ hướng thượng, cốt lõi sai biệt vấn biện để nghiệm Sư. Sư dùng biện tài vô ngại ứng đối lưu loát. Sức liễu ngộ của Sư sâu xa siêu việt hẳn những người trước đó. Một hôm Khánh Thọ nói với Sư:

- Nay ông đã đến được đất đại an lạc, phải khéo giữ gìn. Ta có chánh pháp nhãn tạng của Như Lai, Niết-bàn diệu tâm của Tổ sư, nay mật trao cho ông, ông chớ để mai một.

Sư bịt tai đi ra. Thọ liền đem y và bài tụng trao cho Sư. Bài tụng rằng:

Đất trời đồng cội đâu hề sai
Trong nhà ngoài ngõ thảy gặp người

Nay ta giao phó không vương ấn
Muôn pháp rỡ ràng thảy nhất như.

Sư ra hoằng hóa, trụ ở Nhân Trí thuộc Hưng châu, sau dời về Hưng Quốc, Hưng An, Vĩnh Khánh ở Khải Dương, cho đến chùa Đại Khánh Thọ đều là theo lời mời của Thái sư, Quốc vương và các trọng thần. Trong thất, Sư thường dùng "Tứ Vô Y Ngữ" để nghiệm người học (có ghi trong hành trạng của Sư). Tháng mười một năm Tân Mão, Sư nhận được ân tứ của Hợp Hãn Hoàng Đế tùy ý đi lại. Một hôm Sư gặp mấy vị Tăng dưới hành lang, Sư hỏi vị Tăng thứ nhất:

- Đi đâu?

Tăng đáp

- Ngắm hoa!

Sư liền đánh. Sư hỏi vị Tăng thứ hai:

- Đi đâu?

Tăng đáp:

-Lễ Phật!

Sư cũng đánh. Sư hỏi tăng thứ ba:

- Đi đâu?

Tăng đáp:

- Đi đâu!

Sư cũng đánh. Sư hỏi tăng thứ tư:

- Đi đâu?

Tăng không đáp. Sư cũng đánh. Sư hỏi tăng thứ năm:

- Đi đâu?

Tăng đáp:

- Đi tìm Hòa thượng!

- Tìm ông ta làm gì?

- Đánh cho một trận!

- Đem cái gì đến đánh?

- Chẳng đem gậy đến mà đánh!

Sư đánh ông tăng liền bốn cái, nói:

- Đây là gã đánh suông!

Mọi người đều bỏ chạy, Sư gọi:

- Các vị thượng tọa!

Mấy ông tăng quay đầu lại, Sư hỏi:

- Là cái gì?

Năm Ất Mùi, triều đình sai Trát Hốt Đốc Thị Độc tuyển chọn tăng đạo thi kinh. Trưởng lão Vạn Tùng than: 'Từ khi thay đổi quốc triều tới

nay, Sa-môn bỏ bê nơi giảng thuyết, người xem kinh đọc luận lại càng ít". Thế rồi Vạn Tùng cùng các bậc lão túc của Thiền, Giáo thỉnh Sư chủ trì việc này. Sư ung dung đáp: Các vị phải nhân cơ hội này khích lệ tăng chúng học và ứng thí kinh điển. Chúa thượng ắt có thâm ý. Ta thấy Sa-môn ngày nay ít giữ gìn giới luật, học cũng không thật lòng, ngày càng cách xa đạo. Bởi vậy Thiên, Long không hỗ trợ mà sai khiến triều đình mở hội thi kinh này. Tam bảo gia hộ thì ắt không phụ thánh chiếu.

Sau khi gặp những sứ giả của vua, mọi việc sắp đặt theo cách thức thế nào họ đều cùng bàn bạc với Sư. Thừa tướng Hạ Lý sai Hốt Đô Hộ Đại quan nhân đến nói với Sư rằng:

- Nay phụng thánh chỉ, sai quan lại giám sát việc thi kinh, người nào biết chữ thì cho làm Tăng, người không biết chữ thì cho hoàn tục.

Sư nói:

- Sơn tăng chưa từng xem kinh, một chữ cũng không biết.

Thừa tướng hỏi:

- Đã không biết chữ làm thế nào làm được Trưởng lão?

Sư hỏi:

- Nay đại quan nhân có biết chữ không?

Khi đó chư hầu ở biên cương đều có mặt ở đó, nghe Sư hỏi, ai nấy đều sửng sốt. Thừa tướng hỏi:

- Kết cuộc là thế nào?

Sư đáp:

- Nếu ai thấu tỏ việc này thì thông tỏ Phật pháp. Phải biết rằng thế gian pháp tức là Phật pháp, tình đạo lẽ đâu khác tình người? Người xưa cũng lắm kẻ xuất thân từ buôn bán, lập đại công danh trong đời, nêu danh trong sử sách, tiếng tăm lừng lẫy ngàn năm, huống gì ngày nay thiên tử anh minh trị vì như mặt trời mặt trăng soi sáng. Việc khảo thí tăng đạo, chẳng hạn cũng có người đồng niên, đâu phải bậc hiền lương mới đáng là bậc khoa cử của quốc gia! Vả lại, phải chăm làm muôn thiện, kính phụng Tam bảo, vâng với mệnh trời làm hưng thịnh vận nước, việc lấy hay bỏ đối với Sa-môn chúng tôi đâu có gì đáng nói!

Thừa tướng đem việc này nói lại với Đại quan nhân và tâu với Hoàng Đế. Nhờ đó tuy cũng thi kinh nhưng không đuổi Sa-môn hoàn tục. Thái Tổ hoàng đế nhân từ hạ thánh chỉ cho phép chúng tăng tu học như cũ.

Năm Bính Thân, quan Hữu ty muốn đóng dấu lên tay mọi người để dễ nhận biết. Sư ra sức can Hát Đô Hộ Đại Quan nhân rằng: Con

người không phải trâu ngựa, họ đều đã quy phục quốc triều. Thiên hạ rộng lớn, bốn biển bao la, giả sử họ có trốn chạy cũng không biết chạy đi đâu, lẽ đâu ta lại đóng dấu họ như đóng dấu trâu ngựa chăng?

Từ đó việc đóng dấu để nhận biết này không thi hành. Hồi đó, hậu duệ của Khổng Tử là Tập Phong Diễn Thánh Công Nguyên Thố vượt sông về khôi phục lại nơi thờ tự của Khổng Tử ở Khúc Phụ. Lúc ấy, ông ta cầm thư của Đông Bình Nghiêm Công đến gặp Sư, Sư đem việc của Tập Phong nói với Đại quan nhân. Sư nói: "Khổng Tử rất giỏi về văn hóa học thuật, ông dùng cái đạo đại trung chí chánh, dùng lễ giáo Tam cương Ngũ thường, cội nguồn của tánh mệnh họa phước, dùng đạo của vua tôi cha con vợ chồng để trị quốc tề gia bình thiên hạ. Nền tảng của tấm lòng ngay thẳng, ý nghĩa chân thành ấy từ Khổng Tử đến Tập Phong Diễn Thánh Công cả thảy năm mươi mốt đời. Bao đời Đế Vương đều cho họ thừa tập tế tự, việc ấy chưa hề có sai sót nhỏ".

Đại quan nhân nghe vậy rất kính tín, từ đó nghe theo lời Sư, phục chức cho Tập Phong để kế thừa việc tế tự. Sư lại nhờ Ngạn Mạnh Tương truyền đạo của Khổng Tử khiến cho con cháu ông ta không dứt. Đồng thời cũng nói hộ cho những nho sĩ, người học theo Châu Khổng, và họ đều được miễn thuế sai dịch, khiến họ càng gắng sức với đạo làm rạng rỡ nước nhà.

Tháng giêng năm Đinh Dậu, Thái Tổ hoàng đế, Nhị Hoàng Hậu ban cho Sư hiệu là Quang Thiên Trấn Quốc Đại Sĩ. Mùa đông năm Kỷ Hợi, Sư ra hoằng hóa tiếp, và trụ trì chùa Đại Khánh Thọ. Năm Nhâm Dần, Hộ Tất Liệt Đại Vương thỉnh Sư vào Vương phủ hỏi về đại ý Phật pháp. Ban đầu Sư dùng giáo lý nhân quả của trời người, rồi dùng vô số pháp yếu để khai mở bản tâm cho Vương. Vương sinh tín tâm cầu thọ Bồ-đề tâm giới. Khi ấy Bỉnh Trung Thư Ký là Thị Lang Lưu Thái Bảo hỏi Sư:

- Trong Phật pháp có cách làm yên ổn thiên hạ không?

Sư đáp:

- Bao hàm pháp giới, dưỡng dục bốn loài, việc này có đầy đủ trong Phật pháp. Bốn đại châu này chẳng khác một vài vi trần trong đại địa, huống gì là một Tứ hải! Nếu luận về xã tắc an nguy, việc này đều ở trong sự vui buồn của muôn dân. Muôn dân vui buồn, xã tắc an nguy đều nằm ở trong việc trị nước, nằm ở mệnh trời. Dù ở trời hay người đều chẳng lìa tâm, mà con người không biết giữa trời và người khác hay là giống? Pháp lưu hành ở đâu? Bởi vậy mới phân ra trời và người. Pháp của Phật Thích-ca ta nếu luận trong triều đình thì đã nói rõ trong Vương

Pháp Chánh Luận Phẩm. Lý rõ ràng như vậy, chẳng khó chẳng dễ, chỉ sợ vương không thể làm hết thôi! Hơn nữa, Vương phải tìm những bậc đại hiền danh nho trong thiên hạ hỏi những việc trị loạn hưng vong từ xưa đến nay, tất nghe được những điều hay.

Vương lại hỏi:

- Trong Tam giáo, giáo nào cao nhất, pháp nào hơn hết, người nào trên hết?

Sư đáp:

- Trong các Thánh nhân, Đức Phật ta trên hết, trong các pháp, Phật pháp là hơn hết, trong loài người Tăng là người không dối trá. Bởi vậy trong Tam giáo thì Phật giáo đứng đầu, là mẫu mực của xưa nay.

Từ đó Thái hậu tuân theo Thánh chỉ của Tổ Hoàng cho Tăng đứng trước, Tiên nhân không được ở trên tăng. Vương dùng gấm lụa châu ngọc và Đại y may bằng sợi vàng dâng cúng cho Sư. Vương cố giữ Sư lại nhưng Sư ra sức chối từ. Lúc chia tay Vương hỏi:

- Từ nay xa cách, làm thế nào thọ trì Phật pháp?

Sư đáp:

- Tín đâu khó sinh, thiện tâm khó phát, nay đã phát sinh, cốt phải giữ gìn, chuyên tâm đừng quên, mới thọ Bồ-đề, tâm giới chưa thấy, có lỗi với Tam bảo, thường nghĩ đến bá tánh, khéo vỗ cho dân yên, thưởng phạt cho công bằng, làm quan phải vô tư, thâu nhận người hiền, nghe lời can gián, bất cứ lúc nào cũng dùng phương tiện, đó đều là Phật pháp.

Sau khi Sư đi, có một thiếu niên xấu đến gièm pha nói xấu, cho rằng Phật pháp không đáng tin. Vương nghe vậy liền gọi người ấy lại, dùng lời của bậc đại nhân giáo huấn, rồi dùng hình pháp bắt tội. Có người thưa lại với Sư, Sư quay lại dạy Vương rằng: Gương sáng trên đài, kẻ xấu người gian tự hiện; kiếm thần trong tay, thưởng phạt phải vô tư, nếu chánh niệm hiện tiền thì giết bọn tà kiến ngoại ma là đáng, nhưng Vương phải có lòng nhân từ khoan dung mới được.

Vương nghe vậy càng kính phục Sư. Năm Giáp Thìn, Hộ Tất Liệt Đại Vương cúng cho Sư cái nón đính ngọc. Năm Ất Tỵ, Sư phụng chiếu của Thái Hoàng hậu đến cầu phúc cho xã tắc ở Ngũ đài. Năm Bính Ngọ, Sư phụng chiếu của Thái Hoàng hậu đi tiếp, nhưng giữa đường gặp phải gió to nên quay lại, kế đó Sư nhận chiếu được về đất Yên. Năm Đinh Mùi, Quý Điền Hoàng đế lên ngôi, hạ chiếu thỉnh Sư thống lãnh tăng chúng. Vua ban cho Sư vạn lượng bạch kim. Sư mở đại pháp hội ở chùa Hạo Thiên cầu phước cho xã tắc. Thái tử Hợp Lại Sát thỉnh Sư vào Hòa Lâm mời Sư trụ ở Thái Bình Hưng Quốc Thiền tự, vô cùng tôn kính Sư.

Năm Tân Hợi, Mông Ca Hoàng đế lên ngôi, hạ chiếu ban thưởng và thỉnh Sư thống lãnh Tăng chúng, cho miễn hết sai dịch, làm đúng phép chế cũ. Tháng giêng năm Bính Thìn, Sư phụng Thánh chỉ dựng pháp hội ở chùa Hạo Thiên, ngày mồng hai Sư bị trúng phong ngay trong pháp hội, và bị chứng liệt nửa người. Đến mùa hạ bệnh mới khỏi đôi chút. Lúc đó Húc Uy Liệt Đại Vương sai sứ Mông Cổ là Vạn Tuyên đem trụ trượng bằng vàng, y ca-sa đính vàng và Thánh chỉ đến cúng cho Sư và cầu pháp ngữ. Tháng bảy, Sư nhóm họp các bậc trưởng lão, giao phó lại mọi việc, Sư viết kệ xong rồi nói: "Các ông chớ ầm ĩ, ta muốn yên nghỉ". Thị giả liền cấp tốc gọi người chủ sự đến, Sư nằm nghiêng bên phải an nhiên quy tịch, lúc ấy là ngày mồng bốn tháng mười một, thọ năm mươi sáu tuổi. Đồ chúng trà-tỳ thâu vô số xá-lợi, theo Thánh chỉ của Hốt Tất Liệt Đại Vương dựng tháp Sư bên cạnh chùa Đại Khánh Thọ, Vương ban Sư thụy là Phật Nhật Viên Minh Đại Sư. Sư thuộc đời thứ mười sáu dòng phái Lâm Tế.

Mậu Ngọ: Vua hạ chiếu cho Tăng, Đạo phân tích biện luận Hóa Hồ Kinh. Hoàng thượng đại giá nam chinh.

Kỷ Mùi: Tháng chín, đại binh từ Hử Hoàng Châu vượt sông chinh phạt Tống, bắt họ cống nộp hàng năm rồi rút binh. Hoàng thượng mất ở Điếu Ngư Sơn, Tống đổi niên hiệu Khai Khánh năm đầu.

5. Thế tổ:

Canh Thân: Đại Nguyên Thế Tổ Thánh Đức Thần Công Văn Võ Hoàng đế lên ngôi. Ông sửa sang cơ nghiệp, cai trị thiên hạ, dung hòa bốn biển, vạn bang đều triều cống. Ông lập ra pháp độ, điều chỉnh kỷ cương làm thành phép tắc cho con cháu muôn đời. Ông nhân từ độ lượng, tin sâu nhân quả, không dạy mà ai cũng tin, không nói mà ai cũng làm. Đức của bậc Thánh quân rộng lớn bao la, thật không nói hết.

Tống đổi niên hiệu Cảnh Định năm đầu. Đại triều sai Xích Kinh Thông đi giảng hòa. Ngày mười chín tháng năm đổi niên hiệu Trung Thống. Ngày hai mươi bảy, đại xá thiên hạ, phổ độ Tăng Ni.

Tân Dậu: Thi hành phép chế Trung Thống, Bình Chương Vương dâng biểu tấu. Lập Khai bình phủ thành ra Thượng đô. Tống mua ruộng công, bắt đầu từ đất Triết.

Giáp Tý sáu mươi sáu: Chí Nguyên năm đầu, Thành Yên dựng đô, ngày mười sáu tháng tám đổi niên hiệu, đại xá thiên hạ, mở hội độ tăng, vua hạ chiếu thỉnh Quốc sư Ban-di-đạt-phát-tư-bát thăng tòa, truyền trao Bí mật giới.

6. Vua bái phong Lưu Bỉnh Trung chức Thái bảo Tham lãnh Trung Thư tỉnh sự:

Tháng tám năm này, bái phong Quang Lộc Đại Phu Thái Bảo Tham Lãnh Trung Thư Tỉnh Sự. Trường Sinh Thiên Khí Lực Lý Hoàng Đế hạ Thánh chỉ: Lưu Bỉnh Trung chí khí ngay thẳng, học vấn uyên thâm, tuy ẩn mình trong không môn, nhưng vẫn để tâm trong Thánh đạo. Lúc trẫm chưa lên ngôi, khanh thật là khách quý, hơn hai mươi năm được nghe những lời luận nghị sáng suốt. Ra đi phương xa, vượt qua vạn dặm, khanh cũng theo hầu nhờ kế mà được an. Trước không có chánh danh thì lấy gì thu phục lòng người, nên nay phải nâng cao địa vị của Sư để quản lý việc chánh sự, đặc phong chức Quang Lộc Đại Phu Thái Bảo Tham Lãnh Trung Tỉnh Sự. Khanh hãy gắng giúp trẫm, lấy mình làm gương mới được. Coi kẻ lười người siêng trong sớm chiều, xét lẽ phải điều quấy trong nghị luận. Nếu có đề xuất việc gì cho phép khanh tự ý quyết đoán, dựa vào công trạng, ban thưởng xứng đáng (kính trọng nhận việc này. Tháng tám năm Trung Thống thứ năm).

Ất Sửu: Tống đổi niên hiệu Hàm Thuần năm đầu. Độ Tông lên ngôi. Ban đầu ông có tên là Mạnh Khải, là con của Phước Vương Dư Nhuế, con nuôi của Lý Tông. Lý Tông có nhiều con nhưng không nuôi mà nuôi Mạnh Khải trong cung, đổi tên là Tư, sau lại đổi tên là Cơ rồi lập làm Hoàng tử, phong làm Trung Vương, sau lại phong Phó quân, đổi tên là Duệ.

Bính Dần: Phật giáo truyền sang Đông độ được một ngàn hai trăm năm.

Mậu Thìn: Đại binh vây Tương dương, lúc này Lã Văn Hoán cấp báo, Tống sai Cao Liên, Phạm Văn Hổ tiếp viện. Đại binh chiếm nơi hiểm yếu, Liên Châu Tráp không liên lạc được. Tháng mười, đất Tống có nhật thực.

Kỷ Tỵ: Đế Sư Phát tư-ba soạn xong chữ Mông Cổ, tháng hai cho lưu hành khắp nước.

Canh Ngọ: Lập ra Thượng Thư Lục Bộ. Tống bị đại hạn. Chí Nguyên năm thứ bảy, vua hạ chiếu thỉnh Đảm Ba Kim Cang Thượng Sư trụ trì chùa Nhân Vương, phổ độ Tăng Ni.

7. Bài tựa nói về Đế sư thuyết Yết-ma Nghi Quỹ:

Đại Nguyên Đế sư Bí sô Phát tư ba thuyết Căn Bản Hữu Bộ Xuất Gia Thọ Cận Viên Yết Ma Nghi Quỹ, và tự viết bài tựa rằng: Vận may của Thiệm-bộ đến Tứ Phật Thích-ca Văn Như Lai để lại giáo huấn lợi

lạc hữu tình. Đại Nguyên ngự thế, chủ thứ năm thuận trời thuật đạo nhân nghĩa văn võ. Thái Quang Hiếu Hoàng Đế lên ngôi, thiên tư thông tuệ, tin sâu nội điển, khiến cho vạn bang đồng quy một mối. Dù cưu mang khắp cả mà sự cực thịnh cũng vô cùng, đến Chi na hoằng pháp nhưng với mình vẫn không nghỉ, là muốn từ Phật truyền thừa, thầy trò kế thế đến nay vẫn vậy. Chánh Giới Nghi Quỹ là hạnh lành ròng rặc khiến ai nấy đều thường giữ tịnh giới chuyên tu ba nghiệp, hằng giữ bốn uy nghi. Đây thật là yếu chỉ sáng suốt mà Thánh hoàng khuông chánh Phật pháp. Xưa Đức Thiện Thệ nói kinh Thanh Văn Thượng Giáo Nhất Thiết Hữu Bộ Biệt Giải Thoát cho chúng trời người, dựa vào đây nhặt góp những gì chưa được khiến cho nó được. Luật Nghi phương tiện, Yết-ma Nghi Quỹ là tổng tập của Thánh Quang Đức Sư. Ban đầu từ Thiên Trúc dần dần đến Tây Phiên, từ đó có Đổng Đạt Ngũ Minh Pháp Vương Đại sĩ Tát tư ca ban để đạt tên là Phổ Văn Thượng Tác Bí-sô Phát Tư Ba là pháp chủ của giáo pháp ta. Đại Nguyên Đế sư đạo đức cao vời, dấu tích khó biết. Ngài trao Nghi Quỹ này, truyền bá ở Trung nguyên, khiến cho Tỳ-kheo làu thông Tam tạng trụ nơi tư quán mà diễn thuyết chánh bản. Người phiên dịch lại giỏi văn tự của ba nước biện tài lại vô ngại, lại nhờ Hàn Lâm trong cả nước hoằng truyền không mệt mỏi. Người dịch ra Hoa ngữ có duyên với Bắc Đình Đô Hộ Phủ, lại giỏi cả hai ngôn ngữ, văn pháp lại tinh thông. Tăng sĩ tôn túc ở các lộ phối hợp với Thai tát lỵ đô Thông Ký hàn lâm học sĩ An Tạng dùng ngôn ngữ của các nước để hoằng truyền, phụng chiếu dịch thành nghi thức. Bài tựa do Đế sư tự viết. Tất cả tinh hoa nhờ biên tập mà hiện, ngọn ngành tinh thô nhờ đây mà thấy rõ. Mùa đông năm Canh Ngọ niên hiệu Chí Nguyên thứ bảy, đến hai ngày sau thì viết xong lời tựa.

Tân Mùi: Tháng mười một bắt đầu có quốc hiệu Đại Nguyên, dựng trường học Mông Cổ, nhà Tống bị nạn đói.

Quý Dậu: Hạ chiếu dụ hàng Lã Văn Hoán. Tháng hai, đại binh đánh phá Phàn Thành, Lã Văn Hoán đem Tương Dương ra hàng.

Giáp Tuất: Vua lệnh cho Thừa tướng Bá Ngạn đánh Tống. Tháng ba, vua Tống mất, Thái tử lên ngôi lúc bốn tuổi.

8. Văn bia nói về Lưu Thái Bảo Thần đạo:

Tháng tám năm này, Quang Lộc đại phu Thái Bảo được tặng hiệu Thái Phó Nghi Đồng Tam Ty Văn Trinh Lưu Công chết. Hàn lâm học sĩ gia nghị đại phu Tri Chế Cáo kiêm Tu quốc sử Vương Bàn Phụng chiếu soạn bài minh bài tựa trong Thần Đạo bia. Trong ấy ghi: Cày ruộng ở

đất Sần không phải là nơi cầu tiến, thế mà Y Doãn làm đến chức A Hoành (Tể tướng); câu cá ở sông Vị không phải là nơi khéo làm quan thế mà Thái Công làm đến chức Tể phụ. Trương Lương đời Hán đặt chí với Xích Công nhưng Cao Tổ có được ông ta phụ giúp mà làm nên Đế nghiệp, Lý Bí đời Đường từ nhỏ thích Tiên thuật nhưng Túc Tông nhờ ông ấy giúp sức mà trung hưng Vương nghiệp. Đó là bởi vì kẻ sĩ trong thiên hạ, chỉ những người tự trọng mới làm nên như vậy, còn những kẻ tự khinh ắt không phải là kỳ sĩ. Bởi vậy, những minh quân ngày xưa chọn kẻ sĩ không phải vì họ đẹp đẽ làm vui mắt, dễ thân gần mà quý họ ở chỗ có chí khí cao xa thanh liêm mà người khác khó làm được. Thánh Thiên tử dùng Thái Bảo Lưu Công là vì ông tà là người biết xét rõ muôn việc, tư chất thanh liêm, mến mộ giáo pháp không tịch, coi giàu sang như mây nổi, xem công danh tợ mộng huyễn, chưa từng mảy may để vinh lợi quấy động lòng mình. Thánh Thiên tử lần đầu tiên gặp ông liền ân cần mời đón, tiếp đãi như tâm phúc của mình, thân nhau như cá với nước. Ông ấy có mưu sâu kế kín, dù là bậc lão túc thân cận, cao sang, nhưng có điều gì không thông đều cùng ông bàn bạc quyết định. Đức tính chân thành, thông tuệ; chí khí tận trung của ông, so với Tể Phục ở sông Vị, A Hoành ở Thương Ba dù không cùng thời nhưng rất hợp ý.

Ông húy là Bỉnh Trung, tự Trọng Hối, quê ở thôn Lưu Lý, Thụy châu, tổ tiên ông đều làm quan to hiển đạt. Đời nhà Kim, tằng tổ của ông từng giữ chức Hình Châu Tiết Độ Phó Sứ, hết làm quan ông ấy lui về ở ẩn, lập nghiệp ở đất Hình. Bởi vậy từ ông nội của ông về sau đều định cư ở Hình Châu. Ông nội ông húy là Trạch, bản tính phong lưu, dân làng rất kính trọng. Cha ông húy là Nhuận làm quan trong triều giữ chức Hình Châu Lục Sự và Đề Lĩnh của hai huyện Cự Lộc, Nội Khâu, rất được vua mến mộ ân sủng. Ông hình dung tuấn tú, chí khí thanh cao, không ưa luồn cúi, dù gia cảnh túng thiếu. Năm mười bảy tuổi, ông làm chức Hình đài tiết độ sứ phủ lệnh sử để nuôi mẹ già. Ông mẫn tiệp thanh cao, cựu thần đương triều rất nể phục tài năng của ông.

Một hôm, nhân lúc đọc sách, như có điều gì không thỏa ý, ông ném bút than: Nhà ta nhiều đời làm quan, nay ta cũng lại vùi mình trong chức quan bút mực này sao? Trượng phu không nên đặt mình trong thế tục, phải cầu pháp xuất thế thôi!

Thế rồi ông bỏ quan đi ở ẩn trong hang núi tại Vũ An sơn, ăn rau mặc lá hàm dưỡng ý chí. Thiền sư Hư Chiếu ở chùa Thiên Ninh nghe vậy liền sai người mời ông đến, thế phát độ làm tăng. Do ông biết kinh thư, giỏi về chữ nghĩa nên Hư Chiếu sai ông làm chức thư ký. Sau ông

vân du đến Vân Trung ở tại chùa Nam Đường, lại gặp phải lúc Thiền sư Hải Vân được mời về Bắc. Hải Vân đi ngang qua Vân Trung nghe tiếng ông là người học rộng đa tài liền tìm đến gặp. Gặp xong, Hải Vân rủ ông cùng đi. Ông không thích đi, Hải Vân nài nỉ mãi, bất đắc dĩ ông đồng ý. Đến xong, ông yết kiến Hoàng thượng ở Tiềm Để. Vừa gặp ông ứng đối rất hợp ý vua, từ đó vua nhiều lần triệu ông đến vấn đáp. Đến khi Hải Vân về Nam, ông khẩn cầu xin về chịu tang. Hoàng thượng ban cho ông trăm lượng vàng ròng, và sai sứ tiễn đến Hình châu. Ông lo liệu việc tang, đắp mộ ở Cổ thôn, an táng ông bà nội, cha mẹ. Mãn tang ông lại được triệu về Hòa clâm. Ông dâng thư đệ trình hơn mười điều về những việc cần làm cho bá tánh, cả thảy hơn vạn lời, cái chính là việc nhân chủ phải che chở cho muôn dân. Hoàng thượng vui vẻ làm theo. Năm Giáp Dần, ông theo vua đi Vân Nam. Năm Kỷ Mùi ông theo vua đi đánh Tống, vượt sông Tể vây lấy Ngạc châu. Vua là người uy phong quyết đoán, mỗi khi lâm chiến, thường không ai địch nổi, mà trong lòng rất nhân ái. Ông thường khuyên vua nên lấy đức hiếu sinh trong trời đất làm đức của mình, nhà Phật lấy lòng từ bi cứu vớt làm tâm, dùng phương tiện cứu giúp che chở. Những người được cứu sống thật không đếm hết. Mùa xuân năm Canh Thân, Hoàng thượng chánh thức lên ngôi, sáng lập triều nghi, lập ra quan vị, đổi niên hiệu, tất cả những gì cần làm lúc đó đều do ông đề xuất quyết định. Tháng tám năm Trung Thống thứ năm, đổi niên hiệu là Chí Nguyên năm đầu, hàn lâm học sĩ làm theo Thánh chỉ, Vương Ngạc tâu: “Thư Ký Lưu Bỉnh Trung tận trung với triều đình trong nhiều năm, cống hiến mưu sâu cho triều đình, an định kế lớn cho xã tắc, tận trung tận lực, đáng được ân thưởng. Nay Thánh thượng ngự thế, muôn vật nhờ ơn, Bỉnh Trung vẫn còn mặc áo vải, bỏ tước hiệu, sống đạm bạc giữ chí mình, đó là điều thần áy náy. Nay Thánh thượng nên chính thức ban áo mão, phong tước vị cho ông ấy, được vậy thỏa lòng mong muốn của mọi người”.

Hoàng thượng xem xong, vui mừng ưng chuẩn. Ngay hôm đó, vua sai Hữu ty sắm đủ lễ nghi trao ông chức Quang lộc đại phu, tước vị là Thái Bảo Tham Lãnh Trung Thư Tỉnh Sự, và tuyển chọn con gái thứ của Thị giảng học sĩ Đậu Mặc cho làm vợ ông, ban nhà ở tại Phụng tiên phường, rồi cấp cho kẻ hầu người hạ. Nhưng ông vẫn ăn chay, cả ngày ngồi tỉnh tọa, so với trước đây chẳng chút giải đãi.

Chí Nguyên năm thứ mười một, ông hộ giá đến Thượng đô trụ trong tinh xá ở Nam Bình sơn. Đêm mồng tám năm Nhâm Tuất, ông ngồi ngay không bệnh mà mất, hưởng thọ năm mươi chín tuổi. Vua

nghe tin khóc than thảm thiết, nói với quần thần: "Hơn ba mươi năm Bỉnh Trung cần mẫn thận trọng chẳng ngại nguy nan, việc phải hay trái ông ta cũng nói thẳng, lại giỏi về âm dương thuật số đoán biết mọi việc vô cùng hiệu nghiệm, chỉ có trẫm biết, còn người khác ông ấy không cho nghe trước".

Vua sai Lễ bộ thị lang Triệu Bỉnh Ôn lo việc tang đưa về Đại đô. Mùa đông năm Nhâm Thân an táng rồi xây mộ. Mọi chi phí đều do triều đình gánh vác. Tháng giêng năm thứ mười hai vua hạ chiếu tặng ông là Thái Phó Nghi Đồng Tam Tỵ Hạ Thái Thường Nghị, thụy là Văn Trinh, rồi sai hàn lâm học sĩ Vương Bàn soạn văn bia. Bia ghi: "Thần là Bàn kính vâng Liệt Thánh kế thừa của quốc gia. Phàm bề tôi đem võ công an định họa loạn, khiến cho rồng cuộn báo chạy, nhạn bay hổ nhìn, công cao đức cả thì phải nêu tên trong sử sách, họa tượng nơi miếu đình, không làm không được. Còn như phụ giúp Thánh thiên tử mở nền văn minh thịnh trị, lập nền tảng thái bình, làm rạng rỡ triều cương thì chỉ có Thái phó Lưu Công là người đứng đầu. Thánh Thiên tử khi mới lên ngôi, kẻ sĩ không ngại đường xa dãi nắng dầm sương, thường có lời cầu thỉnh mong được vua dùng, chỉ có ông là người không mong như vậy. Ông lặng lẽ an nhàn, mỗi lúc vua hỏi han, liền suy tiến những người ở Nam châu đều là những sứ giả giỏi giang, đều được trưng dụng. Từ đó cung cờ phất phới, xe ngựa dập dìu, thật là kẻ sĩ lão nho thục đức kỳ tài đa năng, thế nhưng vẫn ăn chay nằm đất không lúc nào lơi lỏng đến nay đã ba mươi năm. Mở mang phủ tỉnh, phân bố quận huyện, khen cách đổi mới, có công an dân đều là những người mà lúc bình sinh ông ấy tiến cử. Thấy biết của ông thật cao xa, chỉ bàn ở góc độ này thôi cũng đủ thấy ông nhìn xa trông rộng biết dường nào!

Từ nhỏ ông rất hiếu học, đến già vẫn không thoái chí. Ông thông hiểu âm luật, rành về toán số, giỏi về âm dương, thiên văn địa lý. Những sách như Lục Nhân Độn Giáp, kinh Dịch, Tượng Số, sách vở của Thiệu Thị Hoàng Cực ông đều biết khắp. Hồi ấy Đinh Thái Phu Nhân rất lo. Ông ốm o gầy yếu, mặc một chiếc áo hồ cừu rách nhưng vẫn để chí trong ba tạng. Đến khi Lục Sự công mất, thân tuy xuất gia, nhưng ông vẫn nhịn ăn nhịn uống, hình dung tiều tụy, giữ đúng lễ nghi, tống táng cha mình mà không hề có chút sơ suất. Về già ông mới có vợ nhưng không con, nuôi Lan Chương làm người nối dõi. Em ông là Bỉnh Thứ nay giữ chức Thuận Thiên Lộ Tổng Quản.

Thần là Bàn kính cẩn dựa theo hành trạng do Trung Thư Tả Thừa Trương Văn Khiêm soạn, theo thứ lớp của công trạng ông mà làm bài

minh rằng:

Năm đời Đại Nguyên, vận thánh hưng long
Lại có dị nhân, giúp đời khương thái
Chẳng ngồi quan phủ, chẳng tới sân triều
Áo vải ăn chay, để tâm thiền tịnh
Lo cho xã tắc, tận lực trung lương.
Chỉ bày thành bại, khai mở âm dương
Sâu xa rõ ràng, quỷ thần khó lượng.
Nâng mặt trời lên, chiếu soi muôn hướng
Muôn phương ngưỡng vọng, trăm họ an vui
Sân bày ngọc lụa, đường bủa thang thuyền
Triều nghi nghiêm chỉnh, chững chạc uy nghiêm
Người hiền tìm đến, kẻ trí theo về
Đồng dựng nghiệp lớn, ai nấy hân hoan.
Xã tắc an định, dòng thánh rỡ ràng
Trọng người hào kiệt, kính bậc vương hầu.
Dựng lập Hoàng gia, xứng công Nguyên triều
Lương, Bình giúp Hán; Phòng, Đỗ giúp Đường
Ông vẫn khiêm nhường, lại càng tỏ rõ.
Thấy giỏi liền tiến, thấy tài liền cử
Trên bờ cách trở, liền làm cầu đường
Dưới nước gặp nguy; cho buồm, mái đẩy.
Lạnh: cho áo kép; nóng: tặng áo đơn
Đói thì cho cơm, no thì mời sửa
Đào Lý trong sân, xán lạn tươi tốt
Họ cảm đức ngài, ghi lòng tạc dạ
Ông ban thứ gì, chẳng hề để bụng
Nhân nghĩa như ông, phải thọ dài nữa
Cớ sao mới đó, đã vội quy tiên?
Thành Yên dòng Nam, suối Lô đất Bắc
Thành đẹp âm u, vì ông lâm biệt
Đất yên suối lặng, tùng bá tiêu điều
Đá nát tùng khô, tiếng thơm truyền mãi.

Vua truy tặng hiệu Nghi Đồng Tam Ty Thái Phó thụy là Văn Trinh.

9. Vua hạ chiếu ban cho Thái Bảo thụy là Văn Trinh:

Thánh chỉ của Trường Sinh Thiên Khí Lực Lý Đại Phước Ấm Hộ

Trợ Lý Hoàng đế viết: Bề tôi đem trung hiếu thờ vua, tận trung thành thật phụng sự. Vua lấy lễ nghĩa đãi ngộ bề tôi, hằng yêu mến trước sau như một. Khanh mất rồi ta ngỡ như còn sống. Cố Quang Lộc Đại Phu Thái Bảo Lưu Bỉnh Trung sở học vượt trời người, hiểu biết xuyên suốt kim cổ, nổi bậc nhưng sâu xa, an tĩnh không khoa trương. Xưa, hầu chúa thượng nhiều lần cống hiến mưu cao, ba lần gặp gỡ khẩn thiết dâng thư vạn lời, chỉ vì muốn đem cả thiên hạ đặt vào đất an khương, khuyên bậc nhân chủ đừng nên lạm sát. Trẫm kính phục mà noi theo, khanh tận tâm mà giúp sức. Có được một người như khanh thật hợp tâm của trẫm, mà cũng chỉ mình trẫm hiểu được ý của khanh. Mọi việc đều hiệu nghiệm, chẳng có tâm mong cầu, vẹn toàn ngót ba mươi năm. Chẳng tránh nguy nan, khẩn thiết dâng mấy trăm tấu biểu, đều có lý có tình, là đạo lý an định trăm họ, khéo léo gánh vác việc người xưa, ai bảo rằng trời xanh bất công khi tặng một người như vậy? Nói đến đây, ngày nào mới quên được! Chỉ có tôn quý của Di phụ, chứ nào có mộ phần của Tuyền Quynh! Là thọ mạng hiển vinh, là thềm hoa nhất phẩm, tặng khanh áo quan để bước lên ngôi vị Tam Hòe. Lại gia phong hiệu, nêu tỏ công cao, mong anh linh khanh chứng biết cho tấc lòng ưu ái của trẫm. Truy tặng hiệu Nghi Đồng Tam Ty Thái Phó thụy là Văn Trinh. Khâm thử! (Tháng giêng năm Chí Nguyên thứ mười hai).

Ất Hợi: Chí Nguyên thứ mười hai, vua hạ chiếu dụ các châu huyện mới lập nên ở Lưỡng hoài. Tống đổi niên hiệu Đức Hựu. Ấu chúa là Thấp lên ngôi. Thấp con của Độ, mẹ là Toàn hậu, Tạ hoàng thái hậu lâm triều. Rằm tháng sáu, đất Tống hết nhật thực.

Bính Tý: Thiên binh Đại Nguyên tiến vào, cả nước đều quy phục. Ngày mười tám tháng ba, Tạ thái hoàng hậu, Toàn hậu phong ấu chúa làm Danh Quốc Công. Toàn hậu làm ni trong chùa Chánh trí. Trước đây, Trần Nghi Trung, Trương Thế Kiệt theo Ích Vương, Vệ Vương đi Vĩnh gia, gặp được Tô Lưu Nghĩa rồi cùng mưu tính phục hưng cơ nghiệp. Tháng năm, Ích Vương lên ngôi ở Phước Châu, đổi niên hiệu Cảnh Viêm. Tháng mười một, thế lực Vương rất mạnh, nên dẫn binh vây Tam Sơn. Nghi Trung theo hai vương về Nam, tháng mười hai thì đến Quảng châu.

Vua hạ chiếu vỗ an quân dân quy phục. Ngày mười một tháng chín đại xá thiên hạ.

Nhà Tống gồm mười sáu chủ trị vì tổng cộng ba trăm mười bảy năm thì hết.

Đinh Sửu: Tháng mười hai, đại binh vây Quảng châu, Nghi Trung

phò hai vương đến Triệu Khánh phủ.

Vua sai Doanh Quốc Công đến Tư Ma Lộ học Phạm Thư và kinh chữ Tây Phiên. Vua dựng chùa Đại Thánh, Vạn An.

Mậu Dần: Mồng một tháng giêng năm thứ mười lăm mở hội trai tăng, đại xá thiên hạ. Ngọc Tuyền... cả thảy năm người đều được ân xá. Tháng ba, Nghi Trung phò Ích Vương theo đường biển vài lại Quảng châu. Rằm tháng tư thì Vương mất. Ngày mười bảy, Vệ Vương lên ngôi ở Võng Châu, đổi niên hiệu Tường Hưng. Tháng sáu, Thế Kiệt phò Vệ Vương đến Nhai Sơn. Tháng giêng năm sau đại binh đánh Nhai Sơn. Tháng tám, Nghi Trung vào Chiêm Thành đến nước Lạc hạc.

Canh Thìn: Tháng hai năm thứ mười bảy, Nghi Trung phò Vệ Vương từ Lạc hạc qua Chiêm thành rồi trở về. Tháng tư, họ lại đến Nhai Sơn. Trương Thế Kiệt mất không lâu, Quảng Đông, Quảng Tây đều quy về một mối. Tháng sáu soạn xong lịch mới lấy tên là Thọ Thời, năm sau mới cho lưu hành.

10. Hành trạng của Đế sư Phát Tư Bát:

Đại Nguyên Đế sư Phát tư bát thị tịch trong năm này. Hàn lâm học sĩ Vương Bàn v.v... phụng chiếu soạn hành trạng rằng: Hoàng Thiên Chi Hạ Nhất Nhân Chi Thượng Khai Giáo Tuyên Văn Phụ Trị Đại Thánh Chí Đức Phổ Giác Chân Trí Hựu Quốc Như Ý Đại Bảo Pháp Vương Tây Thiên Phật Tử Đại Nguyên Đế sư Ban di đát bạt tư phát đế sư là người nước Thổ Ba. Lúc chào đời có nhiều điểm lạ, ghi đủ trong gia phả. Hồi ấy nước Thổ Ba có Quốc sư Thiền Đát La Khất Đáp có uy thần lớn, truyền thừa nhiều đời. Quốc Vương và tôn túc đương thời rất tôn kính ngài. Ngài truyền mười bảy đời thì đến Tát Sư Gia Oa, tức bá phụ của Sư. Sư lạy bá phụ làm thầy, được mật truyền mười hai ngàn lời Bí Mật Già Đà. Sư đọc qua liền thuộc. Bảy tuổi Sư giảng pháp, biện bác ngang dọc, nhưng vẫn chưa mãn nguyện, nên Sư tiếp tục tham học khắp chư Lão Túc, rành lẽ diệu huyền, làu thông ba tạng. Năm Quý Sửu, Sư được mười lăm tuổi, lúc này Thế Tổ Hoàng đế Long Đức chưa lên ngôi. Sư biết vua có chân mệnh đế vương nên liền đến Vương phủ. Thế Tổ, Hoàng thân, Đông Cung đều thọ giới pháp rất kính trọng Sư. Năm Mậu Ngọ, Sư hai mươi tuổi, lúc này Tăng và Đạo Sĩ đính chính Hóa Hồ Kinh, Hiến Tông Hoàng đế thỉnh Sư kiểm nghiệm đúng sai. Sư hỏi, Đạo sĩ không đáp được, do đó bỏ luôn học thuyết này, Hoàng thượng rất vui. Năm Canh Thân, Sư hai mươi hai tuổi, Thế Tổ Hoàng đế lên ngôi, lấy niên hiệu là Trung Thống, tôn Sư làm Quốc sư, trao cho ấn ngọc, làm

pháp chủ ở Trung Nguyên, thống lãnh giáo môn trong thiên hạ. Sư cáo từ vua về Tây, nhưng chưa đầy một tháng vua lại triệu sư đến. Năm Canh Ngọ, Sư ba mươi mốt tuổi, lúc này là năm Chí Nguyên thứ bảy, vua hạ chiếu chế ra quốc tự Đại Nguyên. Sư một mình vận dụng mẫu chữ và soạn xong, vua hạ chiếu cho lưu hành, các tỉnh quận huyện đều làm theo và trở thành điển chương của một thời. Sư được gia phong hiệu Đế Sư Đại Bảo Pháp Vương, lại được vua ban cho ấn ngọc thống lãnh Phật giáo các nước, sau Sư lại xin về Tây. Năm Giáp Tuất, Sư ba mươi sáu tuổi, bấy giờ là năm Chí Nguyên thứ mười một, hoàng thượng sai sứ triệu Sư đến giữ Sư ở kinh cả năm. Vương Công, Tể Tướng, quan dân đồng loạt rời thành lập đàn hương lớn mở hội cúng to, dùng hương hoa tràng phan, bảo cái, lễ nhạc xếp hàng nghênh đón Sư. Những đường xá mà Sư đi qua, họ đều kết dây Ngũ sắc treo đầy hai bên đường, dân chúng chiêm ngưỡng lễ lạy y như Phật xuất thế. Lúc ấy lại có Thiên binh bay ngang qua Trường giang nối thành một dải, dù chủ thánh tôi hiền chiêu cảm nhưng cũng nhờ uy lực của Sư ngầm trợ giúp. Sư giảng thuyết Khí Thế Giới v.v... trong Chương Sở Tri Luận cho Chân Kim Hoàng Thái tử nghe. Sau đó Sư ra sức xin về Tây. Hoàng thượng cố ép không được. Năm Canh Thìn, Sư bốn mươi hai tuổi, bấy giờ là ngày hai mươi hai tháng mười một năm Chí Nguyên thứ mười bảy. Sư thị tịch, Hoàng thượng nghe tin vô cùng thương tiếc. Nhớ ân đức xưa, vua liền cho xây tháp lớn tại kinh thành an trí chân thân xá-lợi.

11. Thánh chỉ cho Tăng Đạo biện luận:

Ngày hai mươi tháng mười năm Chí Nguyên thứ mười tám có chiếu cho Tăng và Đạo biện luận. Thánh chỉ của Trường Sinh Thiên Khí Lực Lý Đại Phước Ấm Hộ Trợ Lý Hoàng Đế cho các quan như Trung thư tỉnh sự khu mật viện, Ngự sử đài tùy lộ, Tuyên úy ty, Án sát ty, Đạt lỗ hoa xích quản dân quan, Quản quân trạm nhân tượng... cùng các vị Tiên sinh ai nấy đều tới trước nhận thánh chỉ của Mông Kha Hoàng Đế. Năm Mậu Ngọ, Đạo sĩ, Hòa thượng phải phân tích lý giải Phật pháp. Đạo sĩ thua và có mười bảy giáo đầu Đạo sĩ thế phát làm Hòa thượng, phải đem Hóa Hồ Kinh cùng những khắc bản khác do Đạo sĩ ngụy tạo đốt hết. Văn bia trong các Quán Viện ở các lộ và tám mươi mốt Hóa đồ được khắc bản ấy cũng bị đốt. Ngày nay còn lại Đạo gì Đô Công Đức Sứ Ty phải bẩm tấu. Đạo Sĩ các lộ đem giấu những ấn bản kinh văn lẽ ra phải bị đốt, gồm có các nơi như Bảo định, Chân định, Thái nguyên, Bình dương, Hà trung phủ, Tam tổ Sư Am, Đầu quan tây...

vẫn còn những bản Đạo Tạng kinh, những giáo đầu giám sát việc này gồm Trương Bình Chương, Trương Tả Thừa Tiêu, Thượng Thư Tuyền Tổng thống, Hốt Đô Vu Tư, những học sĩ ở Hàn lâm viện Trung Thư Tỉnh, Khách Tỉnh, Sử Đô Lỗ Tỉnh, Tuyên Sứ Thiêm Tốc; những trưởng lão giảng chủ như: Đinh Uyên Tăng Lục, Chân Tạng Tăng Phán; những tiên sinh Đạo sĩ như: Trương Thiên Sư Kỳ Chân Nhân, Lý Chân Nhân, Đỗ Chân Nhân, các đạo sĩ này cùng hội họp ở Trường Xuân Cung để phân định chọn lựa. Nay Trương Bình Chương... cùng bẩm báo, nhà của những đạo sĩ này có cất kinh, trừ Đạo Đức Kinh là Chân thật kinh do Lão Tử viết, còn lại đều do người đời sau ngụy tạo. Trong ấy phần nhiều thóa mạ Phật giáo, ăn cắp lời Phật, lại thêm vào những sách như âm dương, y dược, chư tử rồi thay tên đổi họ truyện chú sai lầm đánh mất sự thật, ngụy tạo đặt bừa ra phù chú cho người ta đeo để kinh doanh vụ lợi. Còn nữa những chuyện như vợ chồng hòa hợp như uyên ương, con cháu nối dòng hay tuyệt tự, nam thọ nữ trinh, dối gạt muôn dân đâu phải một kế, đó chẳng qua là ham hố tài lợi, dụ dỗ nữ nhân. Trong ấy lại dạy người ta đừng nhìn ngọc bội phù chú ở cánh tay, nam có tướng làm vua, nữ có mạng làm hậu phi, vào nước không chìm, vào lửa không cháy, đao kiếm không thể làm thương tổn. Đến khi sai Trương Thiên Sư Kỳ Chân nhân, Lý Chân nhân, Đỗ Chân nhân thử vào trong lửa thì họ đều khóc xin tha mạng, tự nhận là ngụy tạo không dám thí nghiệm. Nay ngoại trừ Đạo Đức Kinh của Lão Tử ra, các lộ nếu có những thứ kinh văn ấn bản do Đạo giáo ngụy tạo hoang đường đều phải đem đốt hết. Hơn nữa, theo Kỳ Chân Nhân, Lý Chân Nhân, Đỗ Chân Nhân bẩm báo, xét trong Đạo tạng kinh, ngoại trừ Đạo Đức Kinh của Lão Tử ra, còn lại đều là chữ nghĩa không thật do người đời sau nặn bóp ra, họ tình nguyện đốt hết, ta đây cũng không ngần ngại chuẩn tấu. Từ nay về sau, Đạo sĩ phải dựa vào Đạo Đức Kinh do Lão Tử viết ra mà tu hành, nếu người nào thích kinh Phật thì cho làm Hòa thượng, còn như không thích làm tăng thì cưới vợ làm dân. Trừ Đạo Đức Kinh ra những kinh văn và ấn bản hoang đường ngụy tạo trong Đạo Tạng Kinh đều phải đốt hết. Nay sai Thích giáo Tuyền Tổng Thống Trung Thư Tỉnh Khách Tỉnh Sứ Đô Lỗ ở các lộ đi trước, ngày nào Thánh chỉ tới, bất kể là quan gì, đạo sĩ, đạo cô, tú tài, quân dân, thợ thuyền nào cũng phải gom hết tất cả kinh văn của Đạo gia tại nơi mình ở, Đạt Lỗ Hoa Xích Quản Dân Quan phải gắng sức tận tâm gom nhặt cho kỳ hết, giao cho Sai nha kiểm tra rồi cùng các quan đem ra thiêu hủy, tám mươi mốt Hóa đồ được vẽ viết và thờ trong Quán viện cũng phải đem đốt hết, rồi tuyên dụ dân

chúng rằng, nếu kẻ nào còn giấu những lời hoang đường bịa đặt, những bài văn hủy báng Phật giáo, ăn cắp lời Phật, mưu toan vụ lợi, dụ dỗ nữ nhân, những thứ chữ nghĩa dối gạt trăm họ bằng bùa bằng chú và những bản kinh nhỏ của Đạo gia, nếu quan lại sở tại không hết sức truy tìm, thì tội đồng với kẻ cất giấu. Những sách như Y dược, chư tử ở nhân gian đều có bản riêng nên không nằm trong lệnh cấm này. Khâm thử! Ngày hai mươi tháng mười hai năm Chí Nguyên thứ mười tám.

Nhâm Ngọ: Chí Nguyên thứ mười chín, tháng tám vua ban cái chết cho Văn Thiên Tường, lúc này ông ta đã bốn mươi bảy tuổi. Ngày sáu tháng giêng năm Giáp Thân, đại xá thiên hạ.

Ất Dậu: Chí Nguyên thứ hai mươi hai, tháng mười hai, An Đồng Thừa Tướng được phục chức.

12. Văn bia nói về việc đốt Đạo Tạng Kinh ở Châu huyện:

Vua hạ Thánh chỉ đốt Đạo Tạng kinh ngụy tạo ở các lộ. Hàn Lâm Viện Đường Phương, Dương Văn Hữu, Vương Cấu, Triệu Dư, Lý Khiêm, Diêm Phục, Lý Chú, Lý Giám, Vương Bàn phụng chiếu soạn. Chánh Phụng Đại Phu Khu Mật Phó Sứ Trương Đĩnh, phụng chiếu viết. Quang Lộc Đại Phu Trung Thư Tả Thừa Tướng giám tu Quốc sử Gia Luật chú phụng chiếu đóng dấu ấn triện.

Ngày ba tháng ba năm Chí Nguyên thứ hai mươi mốt, vua hạ chiếu sai Tư Đức Đại Phu Tổng Chế Viện Sứ Kiêm Lĩnh Công Đức Sứ Tư Sử Trương Ca Dụ Hàn Lâm Viện. Năm Mậu Ngọ, Tăng Đạo biện luận, đến ngày hai mươi tháng mười năm Chí Nguyên thứ mười tám, đốt xong Đạo Tạng Kinh ngụy tạo. Việc này đáng ghi vào bia. Bọn thần là Giám... kính cẩn dựa vào sự tích mà Thích Tổng Thống Hợp Thai Tát Lỵ biên soạn, trong ấy ghi: Xưa, thời Hiến Tông Hoàng Đế, Đạo gia cho lưu hành một cuốn sách đó là Lão Quân Hóa Hồ Thành Phật Kinh và tám mươi mốt Hóa đồ, rồi cho in ấn truyền bá. Sách ấy lời lẽ bỉ lậu, vọng ngôn, nội dung khinh miệt Phật giáo, đề cao tôn giáo mình. Đại sư Lan Ma người Kế Tân nhóm họp các Trưởng lão Thiếu lâm tại cung Phước Dụ, đem việc này bẩm báo lên vua. Lúc này Hoàng thượng chưa lên ngôi, Hiến Tông hạ chiếu chỉ cho Tăng, Đạo hai nhà cùng đến trước vua để luận biện. Hai bên giao ước, Đạo thắng thì Tăng phải đội mão của họ mà làm Đạo sĩ, Tăng thắng thì Đạo sĩ phải cạo đầu làm Tăng.

Tăng hỏi Đạo: Sách của ông nói về việc Hóa Hồ thành Phật, vậy nghĩa là gì?

Đạo đáp: Phật là Giác (biết): tức là biết trời, biết đất, biết âm, biết

dương, biết nhân, biết nghĩa.

Tăng nói: Rõ ràng không đúng. Giác ở đây là Tự giác, Giác tha, Giác hạnh viên mãn. Ba tánh giác ấy viên minh, nên gọi là Phật đà, lẽ nào chỉ có biết trời đất, âm dương, nhân nghĩa thôi sao!

Lúc đó Hoàng thượng nói riêng với Thị thần: Ta cũng đã biết Nhân Nghĩa là lời của Khổng Tử, bảo Phật biết Nhân biết Nghĩa quả thật sai lầm.

Đạo sĩ lại dâng lên rất nhiều sách như Sử Ký v.v... muốn đưa ra nhiều thuyết may ra thắng cuộc. Đế Sư Đạt Phát Hợp Sư Bát hỏi: Đó là sách gì?

Đạo đáp: Sách của Đế Vương đời trước.

Vua hỏi: Hôm nay biện luận về giáo pháp, ông lôi những thứ ấy ra để làm gì?

Đế Sư hỏi luôn: Thiên Trúc ta cũng có sách này, ông nghe đến chưa?

Đạo đáp: Chưa.

Đế Sư nói: Nay ta đọc cho ông nghe bài kệ ngợi khen Phật của Quốc vương Tần-bà-la. Kệ rằng:

Trên trời dưới đất chẳng bằng Phật
Thế giới mười phương cũng không bằng
Ta thấy tất cả thế gian này
Hết thảy không ai được như Phật.

Lúc nói lời này, Lão Tử đang ở đâu?

Đạo sĩ không đáp được. Đế Sư hỏi tiếp:

- Sử ký của ông có thuyết Hóa Hồ không?

Đạo Sĩ đáp:

- Không.

- Lão Tử truyền kinh gì?

- Đạo Đức Kinh.

- Còn kinh gì nữa không?

- Không.

- Trong Đạo Đức Kinh có nói về Hóa Hồ không?

- Không.

- Trong Sử ký không có, trong Đạo Đức Kinh cũng không rõ ràng là bịa đặt.

Đạo sĩ thua cuộc, Thượng Thư Diêu Khu nói: Đạo sĩ thua, Hoàng thượng nên xử phạt y như giao ước.

Vua sai cận thần Thoát Hoan dẫn Đạo sĩ Phàn Chí Ứng... cả thảy

mười bảy người đến chùa Long Quang cạo đầu làm Tăng, đốt bốn mươi lăm bộ kinh ngụy tạo, hai trăm ba mươi bảy ngôi tự viện mà bọn Đạo sĩ chiếm lấy, bây giờ phải hoàn trả hết lại. Đề Điểm vốn là Kiết Tường Viện là một trong những nơi mà Đạo sĩ Cam Chí Tuyền chiếm lấy, họ lấy luôn không trả. Tháng tư mùa Hạ năm Chí Nguyên thứ mười bảy, chúng tăng lại tố cáo rằng bọn Đạo sĩ ở Trường Xuân Cung mưu hại Tăng Lục Quảng Uyên, chúng tụ tập đồ đảng cầm gậy đuổi đánh Tăng chúng, phóng hỏa đốt nhà kho rồi vu cáo cho Quảng Uyên sai Tăng chúng đốt, lại còn nói phao lên rằng Tăng chúng đã đốt hơn ba ngàn chín trăm thạch lúa, cùng những vật dụng khác. Việc này giao cho Trung Thư Tỉnh phân giải thật hư, Cam Chí Tuyền, Vương Chí Chân kêu oan. Vua hạ chiếu sai Khu Mật Phó Sứ Bột la cùng các đại thần phúc án, nhưng vẫn không có manh mối nào khác, Chí Tuyền, Chí Chân bị giết, mười người khác bị xẻo tai cắt mũi rồi đày đi, rồi điều tra số thóc, những lời vu khống mà họ đổ cho Tăng chúng. Còn như Kinh do Đạo gia ngụy tạo vẫn còn, có người bẩm báo lên Hoàng thái tử. Tháng chín năm thứ mười tám Đô Công Đức Sứ ty Thoát Nhân Tiểu Diễn Xích tâu: Những bản kinh, Hóa đồ ngụy tạo của Đạo gia mà năm ngoái có lệnh đốt, phần nhiều vẫn còn bị giấu chưa đốt. Các kinh sách của Đạo giáo đều có nội dung phỉ báng Phật giáo, ăn cắp lời Phật, cần phải làm rõ. Lúc bấy giờ Hoàng thượng sai Khu Mật Phó Sứ và Tiền trung Thư Tả Thừa Văn Khiêm, Bí thư giám Hữu Trực, Thích Giáo Tổng Thống Hợp Đài Tát Ly, Thái Thường Khanh Hốt Đô Vu Tư, Trung Thư Tỉnh Khánh Tỉnh Sứ Đô Lỗ, Tăng Lục ở kinh đô, chư Tăng của Thiền giáo và chúng thần tập trung tại Vô Cực điện trong Trường Xuân Cung, cùng Chánh Nhất Thiên Sư Trương Tông Diễn, Toàn Chân Chưởng Giáo Kỳ Chí Thành, Đại Đạo Chưởng Giáo Lý Đức Hòa, Đỗ Phước Xuân, cùng chư đạo lưu, khảo chứng hư thật, đối chiếu cả mười ngày, dù đến cả ngàn cuốn nhưng đều xem xét tường tận. Trừ hai thiên Đạo Đức Kinh do Lão Tử soạn, những sách còn lại đều do bọn Trương Đạo Lăng đời Hán, Khấu Khiêm Chi đời Hậu Ngụy; Ngô Quân, Đỗ Quang Đình đời Đường, Vương Khâm Nhược đời Tống soạn ra rồi giảng thuyết. Nội dung bịa đặt hư dối, không có căn cứ, thoá mạ Phật giáo, tự đề cao mình, lại lấy những lời Phật cho là lời mình nói ra. Mượn âm dương thuật số để mở đạo, cậy Chư Tử Y dược để khoa trương, thường là thay tên đổi hiệu, chú thích sai lầm, làm mất sự thật. Lại làm ra bùa chú bắt người khác đeo để kinh doanh vụ lợi. Lại những chuyện như con cháu nối dòng, vợ chồng hòa hợp như uyên ương, dùng những việc ấy kích động thói dâm

loạn, nhận của đút lót. Đến như dạy người đừng nhìn bùa chú ở cánh tay thì nam có tướng làm vua, nữ có mạng phi hậu, xuống nước không chìm, vào lửa không cháy, đao kiếm chẳng làm tổn thương... sách ấy tạp nhạp bậy bạ đến thế, lại còn truyền cho đồ đệ để dối gạt ngu dân. Trừ Đạo Đức Kinh ra, đều phải đốt sạch. Bọn thần cùng kính tấu.

Hoàng thượng nói: Kinh văn của Đạo gia truyền bá bậy bạ đã lâu lắm rồi, nếu đem đốt ngay thì bọn ấy chưa hẳn tâm phục. Họ nói xuống nước không chìm, vào lửa không cháy, nay hãy đem điều này ra thí nghiệm, đợi đến khi không hiệu nghiệm đốt đi cũng chưa muộn.

Thế rồi vua sai Khu Mật Phó Sứ Bột La, Thủ Ty Đồ Hòa Lễ, Hoắc Tôn... nói với bọn Trường Tông Diễn, Kỳ Chí Thành, Lý Đức Hòa, Đỗ Phước Xuân, mỗi người hãy chọn ra một người đeo bùa chú rồi xuống nước vào lửa để thí nghiệm pháp thuật. Bốn người họ tâu: Đó đều là những lời bịa đặt, bọn thần vào lửa ắt cháy ra tro, thật không dám thử. Chỉ xin đốt hết Đạo tạng kinh, mong tha chết chúng thần.

Hoàng thượng chuẩn tấu, hạ chiếu kinh sách của Đạo gia trong thiên hạ chỉ giữ lại hai thiên Đạo Đức Kinh, những thứ chữ nghĩa còn lại và tám mươi mốt Hóa đồ đều phải đốt hết, ai cất giấu sẽ trị tội. Những sách Chư Tử, Y dược đang lưu hành không nằm trong lệnh cấm. Từ nay về sau, Đạo gia chỉ được lưu hành và tu theo kinh của Lão Tử. Nếu ai mến mộ Phật pháp thì cho cạo đầu làm Tăng, ai không thích thì cho về làm dân thường.

Tháng mười, vua nhóm họp bá quan tại chùa Mẫn Trung, đốt các kinh sách ngụy tạo của Đạo giáo, sai sứ đến các lộ bảo quan lại thi hành mệnh lệnh. Bọn thần là Bàn được nghe: Lão Tử thực thi đạo, lấy thanh tịnh làm tông, lấy vô vi làm gốc, lấy khiêm cung để sửa mình, lấy nhún nhường để tiếp người, không hề có việc tham lam hiếu thắng. Ngọn ngành phân phái sau này lạm dụng bịa đặt, khuếch đại khoa trương thành trăm dối trá. Thanh tịnh một khi thay đổi thì thành ô uế, vô vi một khi biến chất thì thành đủ điều. Như Văn Thành, Ngũ Lợi đời Hán cố sức cầu Tiên, dối gạt đặt điều như nói đem sách quý cho trâu ăn thì sẽ được vàng ròng. Một khi bại lộ, liền bị Vũ Đế giết. Đồ đảng của Tam Trương (ba gã họ Trương) dùng ma đạo mê hoặc mọi người, làm loạn thiên hạ, bị Hoàng Phủ Tung, Tào Ngụy tiêu diệt. Vương Phù đời Tống lúc ở cung Thượng Thanh Bảo Lục gian dâm với nữ đạo sĩ, Lâm Linh Tố tự xưng là Thần Tiêu Tử Phủ Tiên Khanh, cầu nước lũ không được, đều bị Huy Tông giết, chạy trốn rồi chết. Đến cuối đời Kim lại có Ma Bị tiên sinh, Thiết Liệp Lý dùng gian mưu hiểm kế ra vào nhà giàu,

làm việc dâm ô, đều bị giết chết. Từ xưa đến nay, những hạng người ấy, không sao kể xiết. Truy tìm nguồn gốc của họa loạn, đầu mối của trộm cướp đều là bọn mượn bùa chú để làm kỳ lạ giáo mình, cậy kinh giả để làm sửng sốt thế tục, phóng túng điêu ngoa, ngụy tạo bên ngoài để thoá mạ Thánh giáo, ăn cắp nội điển, vốn đã trái với giới cấm không tranh giành, không trộm cướp của Lão Tử, đến khi bị gia hình thì oan nghiệt ấy do chính họ tự chuốc lấy, đã vậy mà còn đổ tội cho ai! Vả lại, giáo pháp nhà Phật rộng sâu thù thắng, giáo pháp khác không thể nào mò tới được, cả trăm ngàn đời nay, Thánh đế minh quân thảy đều tôn sùng. Đông đến Phù Tang, Tây tới Muội Cốc, tận chân trời góc biển núi sông đại địa, côn trùng cỏ cây, thái noãn thấp hóa, hữu tình vô tình trăm ngàn vạn loại nảy nở sống chết trong trời đất này đều nhờ sự chở che của Phật. Bởi vậy trên trời dưới đất chỉ có Phật là bậc chí tôn, vượt khỏi tất cả hữu hình, đạt đến cảnh giới vô ngại, trí trùm ba cõi, thần tỏa muôn phương, ơn khắp cả đại thiên, công tràn cả vũ trụ. Đức Phật lớn lao, đại lược như vậy. Thuyền từ hễ đến, gặp nạn cứu ngay, mưa pháp đổ xuống muôn vật thấm nhuần. Phật xót thương chúng sinh trầm luân trong biển khổ, lặn hụp trong bến mê, trôi lăn nhiều đời, luân hồi muôn kiếp, nên muốn chúng sinh bỏ Phàm về Thánh, rũ tệ sùng chân, bởi thế Thần quang phá cửa mờ tối, Chánh giác chỉ lối vô sinh, Đức Phật nhân từ đại lược như vậy, chứ làm gì có mưu cuồng, làm gì có đố kỵ, dù có phá hủy đến tận xương, nhưng nguồn sáng vẫn chảy tràn, bản thể viên thành mà không hề có lỗi nhỏ. Thí như người mù hủy hoại mặt trời mặt trăng, thì nào có thương tổn gì đến nguồn sáng của nó. Con ếch ngồi đáy giếng chê biển sông là nhỏ, nhưng nào có tổn hại gì đến cái mênh mông của biển sông! Như vậy đủ thấy, họ chẳng biết lượng sức!

Thánh thiên tử biết vượt Tứ đế, mến mộ Tam thừa, tham chân không vô hình, truyền tâm ấn pháp vương. Bởi vậy lễ rất tôn kính, quy hướng chân thành, sửa trăm ngụy về theo chân, dạy quần tà về nẻo chánh, thế mà không khoan dung, nghiêm khắc ư! Huống gì bút mực khuyến gian tà, yêu thuật làm loạn thế, tha thì nương tay kẻ cuồng, khuyến khích thì phóng túng bọn ngu, nếu không làm cuộc thay đổi lớn thì tà thuyết lộng hành, ma đạo dối người, nếu vậy thì đời sau họa loạn đến mức nào! Huống gì lý trong thiên hạ có thiện có ác, có chánh có tà, có chân có ngụy, thường hỗn tạp mà tồn tại, tạp nhạp mà lưu hành. Nếu không nhờ tư chất của bậc Thánh quân, tâm tánh của bậc thượng trí, tuệ vượt phàm tình, chiếu soi vạn loại, thì hồng tía lẫn lộn màu đỏ, tạp nhạp trở thành thanh cao, như vậy ai còn phân biệt được! Từ đó mà

xét, Thánh thiên tử khuông phò chánh giáo, trung hưng đại pháp, công lớn biết dường nào! So với chư Thánh chẳng gì hơn nữa! Nhờ đó mở mang tai mắt cho hàm linh, dọn sạch gai góc cho chánh lộ, khiến ánh sáng Bát-nhã mãi chiếu soi vô lượng kiếp, tràn ngập hằng sa thế giới, làm cho thọ mạng của Thánh đế vô biên, phước lợi của minh quân vô lượng, vận nước lâu bền đến vạn ức năm sau. Công lao như vậy đâu thể nói hết!

Bọn thần là Bàn... cung kính ghi lại, truyền đến đời sau, để cho những người muốn học đạo Lão Tử cần phải dè chừng.

Bài tựa trong Đại Nguyên Chí Nguyên Biện Ngụy Lục Tùy Hàm. Hàn Lâm Trực Học sĩ Phụng Huấn Đại Phu Tri Chế Cáo Đồng Tu Quốc sử Trương Bá Thuần soạn. Trời không che riêng, đất không chở riêng, mặt trời mặt trăng không soi riêng, đó cũng là nguyên nhân để viết Biện Ngụy Lục. Thánh triều vận lớn, nối trời lập nước, bàn đạo trị dân, lấy tâm Phật dưỡng dục muôn phương, đem chánh pháp chở che bốn biển. Mạnh Xuân năm Tân Mão niên hiệu Chí Nguyên, Đại Vân Phong Trưởng Lão Mại Kiết Tường kính vâng mệnh lệnh của Hoàng đế soạn thuật Chí Nguyên Biện Ngụy Lục, trình lên Hoàng thượng phê chuẩn lưu hành, nhập tạng lưu thông, đó là nguyên do.

Trong năm Ất Mão, bọn Đạo sĩ Khâu Xử Cơ, Lý Chí Thường phá hủy miếu của Phu Tử ở Thiên Thành, Tây Kinh làm Văn Thành quán, đập phá tượng Thích-ca bằng bạch ngọc, bảo tháp xá-lợi Quan Âm, âm mưu chiếm bốn trăm tám mươi hai ngôi tự viện, Vương Phù ngụy tạo tám mươi mốt Hóa đồ của Lão Tử, mê hoặc quần thần. Bấy giờ Thiếu Lâm Dụ Trưởng Lão thống lãnh chư Tăng đến cửa cung, trần tấu rằng: Tiên triều Mông Kha Hoàng Đế có khẩu dụ cho Tăng, Đạo lên điện làm rõ Hóa Hồ Kinh là thật hay giả, Thánh thượng lâm triều chứng kiến. Bọn Lý Chí Thường nói năng lệch lạc, nghĩa lý sai lầm. Các quan phụng chỉ đốt kinh ngụy tạo, buộc mười bảy Đạo sĩ bỏ Đạo làm tăng, hoàn trả ba mươi bảy ngôi tự viện, ngoài việc chiếm chùa ra, chúng còn làm rất nhiều việc tệ hại.

Mùa thu năm Đinh Tỵ, Thiếu Lâm kiện tấu tiếp, lại được phụng chiếu đốt Đạo kinh lần nữa, và hoàn trả hai trăm ba mươi bảy ngôi chùa cho Tăng chúng. Từ năm Ất Mão đến năm Tân Dậu cả thảy chín năm, bọn đạo sĩ trốn thoát vẫn không chừa thói dối trá, chúng vẫn làm mưa làm gió ở những nơi chúng trốn làm kinh hãi cả Thánh thượng. Bởi vậy, mùa đông năm Chí Nguyên thứ mười tám, quan lại kính vâng khẩu dụ của vua ban hành khắp thiên hạ, trừ Đạo Đức Kinh ra, tất cả những

thứ kinh văn hoang đường của Đạo giáo đều phải đốt sạch. Đạo sĩ nào thích kinh Phật thì cho làm tăng, kẻ nào không thích thì cho lấy vợ về làm dân thường. Lúc này, Giang Nam Thích Giáo Đô Tổng Thống Vĩnh Phước Dương Đại sư Liên Chân Giai hoằng hóa Phật pháp rất thịnh. Từ mùa xuân năm Chí Nguyên thứ hai mươi hai, đến mùa xuân năm thứ hai mươi bốn, chỉ trong ba năm mà đã khôi phục hơn ba mươi ngôi tự viện. Như: Tứ Thánh quán vốn là Cô Sơn tự. Bọn đạo sĩ như Hồ Đề Điểm... cải tà quy chánh, bỏ Đạo làm Tăng đến bảy tám trăm người, họ đều treo áo mũ trên xà nhà ở Thượng Vĩnh Phước đế sư điện. Bởi vậy kinh sách ở núi Nam Nhạc nhiều đến như vậy, nhưng gặp phải việc ngụy tạo này, có lần phải đem ra khảo chứng lại hết.

Từ khi Phật giáo từ phía Tây truyền sang, Hán Minh Đế cung nghinh hai ngài Ma-đằng và Trúc Pháp Lan ở Lạc Dương, bọn Đạo sĩ ở Ngũ Nhạc như Chử Thiện Tín liền dâng biểu hủy báng Phật pháp. Lúc ấy vua cho đắp đàn rồi đem kinh của hai bên ra đốt. Kinh của Đạo giáo đều cháy thành tro, kinh của Phật giáo phát sáng, chẳng hề hư hoại. Tôn giả phi thân lên hư không, hiện mười tám tướng biến hóa. Loài cáo đâu thể sánh với sư tử, ngọn đèn đâu thể sánh với mặt trời mặt trăng! Đạo sĩ bỏ đạo làm Tăng không sao đếm hết. Như: Khấu Khiêm Chi dối gạt, Thôi Hạo mê hoặc Ngụy Thái Võ nhưng rồi Hạo chết, cả tộc bị tru di. Đàm Mô Tối khuất phục Khương Bân, Bân bị đày đến Mã Ấp. Tề Đàm Hiển làm Lục Tu Tĩnh phải xấu hổ. Đời Đường niên hiệu Tổng Chương năm đầu, Pháp Minh vạch rõ Hóa Hồ Kinh là ngụy tạo. Vua ra lệnh truy xét gom thu hết Hóa Hồ Kinh trong thiên hạ đem ra đốt. Từ xưa đến nay, biết bao đời Đế vương đều có pháp lệnh, như vậy dám bảo là qua loa ư? Đức Thế Tôn xem chúng sinh trong ba cõi như con một, quay lưng với bậc Đại giác là con quay lưng với cha mình. Con quay lưng với cha là tự mình mê mờ với tánh sáng. Bậc thầy như Lão Tử, trong hai thiên Đạo Đức Kinh, ông ấy lấy cái thanh nhàn đạm bạc, tuyệt giao với đời, bỏ luôn ngôi Thánh làm tông, ẩn cư để thực hiện chí khí của mình, lặng lẽ vô vi. Nay học trò ông ấy mượn danh thầy mình kết bè kết đảng, mặc áo đội mũ, dựng cao cung quán để cầu lợi dưỡng, lẽ nào đó là dụng tâm của Lão Tử? Huống gì Lão Tử từng nói: “Nói giỏi phải tỏ ra mình ấp úng, quá khéo hãy tỏ ra mình vụng về. Đã nói thì chẳng tốt, hễ tốt thì chẳng cần nói, chớ kiêu căng, chớ sát phạt, bao quát cao Nhất làm mô phạm cho Thiên hạ”. Nhưng chiếm lấy tự viện, ăn cắp kinh điển rồi ngụy tạo thành Hóa Hồ là tỏ ra vụng về, ấp úng, là giỏi chẳng cần nói đó sao? Tôn Lão Tử làm thầy mà lại trái với lời dạy, đó cũng chính là

trái với lý tưởng mình tôn sùng. Nếu là người thật tâm thờ Lão Tử làm thầy thì không bao giờ làm như vậy, mà lội ngược dòng tìm ra nguồn cội. Mặc dù Kỳ Lân ở chung với muôn thú, Phượng Hoàng trà trộn với chim muông, Lan Tuệ chen trong cỏ Huân cỏ Du, Chiên-đàn trộn lẫn với bùn hôi, nhưng trên đời chưa từng có người bỏ điềm may phượng hoàng kỳ lân, hương thơm của lan tuệ, chiên đàn, nhận lấy thú thường muôn thú chim muông, cái hôi hám của huân, du, đất thối. Lòng người lý trời yêu ghét như nhau, thế tại sao chưa rõ vàng thau thế nào, lại cam tâm làm những chuyện dối trá không thật như vậy? Lại còn uốn nắn từ chương, khinh khi Đại Giác, phỉ báng bậc Chí Tôn, không sợ trầm luân trong Tam đồ.

Biện Ngụy Lục này là giáo pháp chánh danh, nghĩa lý sâu xa, vấn nạn rõ ràng, lẫy lừng như chống sức mạnh lên trời xanh, bằng phẳng như đi trên đường chánh của Vương đạo, ngăn ngừa để đời sau không còn kẻ chết chìm trong nước cuốn, đó là mục đích tối thượng của bộ sách này.

Bởi có giả nên cần phải biện, không có ngụy thì chẳng biện làm gì, không phải là khéo biện đó ư! Mở rộng bốn biện tài vô ngại, là ân đức của Mại Trưởng lão. Người nói không có tội, người nghe đủ để răn, bởi vậy Hoàng thượng ta có lời vàng dặn dò: Như năm ngón đều từ bàn tay mọc ra, cửa Phật là bàn tay, giáo khác đều là ngón. Lời của nhà vua như tơ, ảnh hưởng ra như sợi lớn, sáng hơn mặt trời mặt trăng, vững hơn cả vàng đá, là gương sáng cho muôn đời, như vậy bộ Lục này lẽ đâu vô bổ!

13. Bài tựa trong Biện Ngụy Lục:

Từng nghe, Ngũ vận chưa hình thành thì không có tên gọi cho người vật, Tam tài lập rồi mới bắt đầu có tôn ti, mới phân ra Hục hào mới họa thành Bát quái. Trong ấy lại có thư, Khế nhất định lại huấn chương, có chân chim, mai rùa, sợi vàng, chữ ngọc. Trăm nhà đều khác vết, muôn quyển chẳng đồng nhau. Dù lý xét đến tinh vi, lời sâu đến cốt lõi, bao tình quát tánh, chưa ra khỏi nước nhà, gom đầu kết cuối đâu chỉ ở trong nước thôi. Huống gì Pháp thân vô tướng cao siêu hơn cả tượng đế, chân đế tuyệt xướng vượt cả nghĩ bàn, anh tài xuất chúng đời đâu mấy người.

Trưởng lão Như Ý, họ Diên, người đất Thái Nguyên, gia thế nhiều đời làm quan, nhiều lần thay nhà đổi quận, nhân đó mới định cư. Năm chín tuổi, Sư thế phát theo thầy cầu học. Ngọc ra khỏi rừng gai, giá trị

của nó càng vượt trội, quế sinh nơi hang sâu, mùi hương theo gió càng lan xa. Sư bên trong thì thấu tỏ uyên áo của Ba tạng, bên ngoài thì thông đạt ngọn nguồn của Cửu Lưu, nổi tiếng khắp Trung Hoa, thanh danh vang khắp chốn. Vận dụng biện tài bẩm sinh, thi thiết tài năng tuyệt thế, lời văn tao nhã như gấm nhung, khẩu khí bừng bừng như sóng dậy. Châu ngọc của Ban, Mã chưa hẳn sánh ngang; văn chương của Cố, Lục chưa chắc đuổi kịp. Đến như sở học của Trang Sinh, Mặc Sinh, sử sách của Hoàng Lão, Lý Lão; những áng văn như Tam Thanh Báng Đạo, những bộ Lục như Thập Dị Cửu Mê, những bí thuật như Hỗn Nguyên Ẩn Nguyệt, những lễ nghi như Linh Bảo Xích Thư, Sư đều nằm lòng, rõ như trong lòng bàn tay. Thêm vào đó, Sư tham năm phái thiền, đọc khắp các thư tịch, đã có kỳ tài lại giỏi về viết lách, ngoài phương diện vận dụng tư duy, lại càng hấp dẫn vô cùng. Thu phục quần tà thì công lớn như Khổng Thạch, nâng đỡ Lý ngay thì đức tợ Tiện Thi, bởi vậy tài năng hơn cả An, Viễn; Sở học vượt hẳn Sinh, Dung. Thật là rồng kình trong biển giác, rường cột của Phật môn. Còn bọn Toàn Chân Đạo Sĩ như Khâu Xử Cơ, Lý Chí Thường, Sử Chí Kính, Lệnh Hồ Chương... sở học cạn cợt, hiểu biết qua loa, dùng lời thô bỉ bài xích chánh pháp, trải chiếu đánh trống hòng sánh ngang với sấm sét, khiến cho hạng trung căn hạ căn đều sinh tà kiến. Phụng mệnh lên ngôi, thánh minh Hoàng đế phát tâm đại bi, thương bọn điếc đui rơi vào đường hiểm, nên ra sắc lệnh viết bộ sách này, nhằm vẫy tung biển pháp đạp từ chương kia. Bích Kê kia đã giỏi lại đuổi mau, Hoàng Mã kia đã hay lại thắng thế, như lửa lò lớn đốt chảy cả vây cánh, sức nóng mặt trời làm tan chảy giá băng, ai thắng ai thua ngay đây thấy rõ, tạm nương sức từ, phá vỡ ma quân.

Ngày hai mươi tháng mười năm Chí Nguyên mười tám lại vâng phụng Thánh chỉ của Tiên đế đốt hết những bản kinh ngụy tạo trong thiên hạ, từ đó mặt trời Phật pháp lại được sáng soi ở Bích hán, vầng mây chánh pháp lại trùm khắp Diêm Phù. Những văn thơ chú giải mà Đại sư Như Ý trứ tác dưới đây, trong đó Tứ Kinh Tự, Hàn Văn Biệt Truyện, Tánh Hải Phú... đã lưu hành trong đời. Bộ luận này gồm năm quyển hơn hai trăm tờ, xét tận ngọn nguồn của Thích, Lão; phân rõ hơn kém của chánh tà, người xướng thì cao, người họa thì thấp, quả thật hổ thẹn vô cùng! Tôi văn từ quê mùa, sở học không thấu, xem lời vàng ngọc của luận này, kính sự che chở lớn lao của nhà vua, chẳng ngại vụng tay viết lời dẫn nhập, là mong dây leo cậy nhờ ngọc khuê ngọc chương, ngõ hầu những thức giả cao minh tận tường chỉ dạy.

Trụ Trì Đại Vân Phong, Tập Tổ Sa-môn Tuyết Khê Dã Lão Quý

Kiết Tường.

14. Mười bốn chương trong Ngụy Biện Lục: (1 → 8)

Đại Đô Đạo Giả trụ trì Vân Phong Thiền Tự hiệu Như Ý Tường Mại Trưởng lão phụng chiếu soạn Biện Ngụy Lục năm quyển. Trong ấy đại lược nói:

Ngụy thứ nhất: Dối lập ra Thiên Tôn: Ngụy đặt ra rằng, đạo là cha mẹ của vạn hóa, là cực tôn của tự nhiên, ở trong cái u huyền vi diệu này mà sinh cái rỗng rang. Rỗng rang là Chân Nhất, khí của Chân Nhất sau khi hóa sinh trải qua chín mươi chín vạn ức chín mươi chín vạn năm rồi hóa sinh ra Thượng Tam Khí. Tam khí này cách nhau chín mươi chín vạn ức chín mươi chín vạn năm. Tam khí này kết thành đức, cùng sinh ra vô thượng, đó là Hư Hoàng Thiên Tôn. Lại trải qua ngần ấy năm, sinh ra Trung Tam Khí, nó kết thành đức rồi sinh ra Huyền Lão, tức Nguyên Thỉ Thiên Tôn. Lại trải qua ngần ấy năm nữa, sinh ra Hạ Tam Khí, kết hợp thành đức sinh ra Thái Thượng, tức Thái Thượng Đạo Quân. Từ đó về sau một khí lại sinh ra Tam Khí, mỗi khí cách nhau tám mươi mốt vạn ức tám mươi mốt vạn năm, nó kết hợp thành đức, sinh ra Lý Lão Quân. Dù bốn thánh lần lượt ra đời nhưng ai nấy không giống nên gọi là Độc Hóa. Sau khi sinh ra Lão Quân mới sinh ra Ngũ Vận, tức Thái Dịch, Thái Sơ, Thái Thỉ, Thái Tổ, Thái Cực. Lão Quân là tổ của hỗn độn, là cha mẹ của trời đất, bởi vậy hay phân chia trong đục, khai mở đất trời.

Biện rằng: Từng nghe, văn của Long Đồ Điểu Triện, điển của Quy Thư Khoa Đẩu, ký của Ngọc Bản Ngọc Điệp, thư của Kim Đằng Kim Quỹ, chương của Tần Hán Ngụy Tấn, giản của Tống Tề Lương Trần rồi những ký sự, ký sử, trực bút, trực ngôn đều không thấy tên của Hư Hoàng, không nghe đến hiệu của Nguyên Thỉ, lẽ đâu lại có chuyện tay cầm ngọc khuê, thân mặc áo vàng, trán xõa tóc trắng, đầu đội kim quan, biệt hiệu Thiên Tôn, đứng đầu cả Tam Thanh, độc xưng là giáo chủ, ngự trị trong cung Cửu Hoa? Giả sử có cái tên Thiên Tôn cũng đều là ăn cắp lời Phật. Xưa nay người ta tôn xưng Phật là bậc Thiên Tôn, chẳng dính dấp gì đến việc của Đạo Quân. Trộm danh xưng đẹp của người khác rồi tự cho mình tôn nghiêm để lấy lòng tin của bao người thì dối trá hết chỗ nói. Xét trong Liệt Tử và Dịch Câu Lệnh Quyết, đều ghi: Trước khi trời đất chưa sinh, có Thái Dịch, Thái Sơ, Thái Thỉ, Thái Tố và Thái Cực. Các học thuyết đều nói: Thái Dịch: Chưa hiện khí, Thái Sơ: Bắt đầu hiện khí, Thái Thỉ: Bắt đầu hiện hình, Thái Tố: Bắt đầu hiện chất, Thái Cực: Hình và chất có đủ nhưng còn lẫn lộn chưa

phân. Sai Thái Cực mới sinh ra Lưỡng Nghi, gọi đó là trời và đất. Phàm tên gọi do sự thật sinh, sự thật nhờ tên gọi mà khởi, tên gọi và sự thật có rồi thì đạo đó mới lưu hành. Trước Thái Dịch vốn bằng phẳng rỗng rang, mênh mênh mang mang, vốn không âm thanh hình tướng, cớ sao lại dựng càn chín khí, sinh bậy ra bốn người, trên cái không thật sinh ra cái không thật, chẳng khác nào gõ vào hư không để tìm tiếng, trong cái giả tạo nổi lên cái giả tạo chẳng khác đuổi bóng mà tìm dấu chân, lẽ nào không nghĩ tới? Đã đặt ra tên thì phải có thân, đã dựng ra thân thì phải có họ. Thử hỏi, Hư Hoàng, Nguyên Thỉ do ai sinh ra? Vốn mang họ gì? Cư trú tại đâu? Nếu có gốc gác thì được ghi trong sách nào? Nếu không gốc gác tức là bịa đặt. Lại, trước cái rỗng rang, vốn không có năm tháng, nay dựng lên ngần ấy năm đủ thấy lại càng giả dối. Bởi vì số mục có từ đời Phục Hy, năm tháng có từ Hoàng Đế, lấy cái bây giờ đặt ra để cho xưa kia thì thật là điên đảo quá lắm! Vả lại Tam Tôn kia là hữu hình hay vô hình? Nếu hữu hình thì không nằm trong Thái Dịch, như vậy phải do cha mẹ sinh, phải có năm tháng ngày giờ, nơi sinh tên họ. Đoạn trước nói: Tam khí kết thành đức rồi sinh, như vậy khí sinh ra khí, không khác với khí, tại sao lại có hình hài, tên gọi? Nếu là vô hình thì không có tên họ, địa vị. Đến lần hóa sinh thứ bảy thì nói: Ngày hai tháng chín niên hiệu Thượng Hoàng năm đầu, Lão Quân xuất du ở Tây hà, gặp được Nguyên Thỉ Thiên Tôn ngồi trên xe ngọc tám cảnh, cỡi con rồng đen chín màu, bầy tiên tùy tùng, tay cầm phan hoa, Sư tử Hạc trắng ca hát râm rang, cùng hội họp ở Tây Hà. Thiên Tôn trao cho Lão Quân Đỗng Huyền Ngọc Phù. Người đó là ai? Tìm tới tìm lui đều không nguồn gốc. Như vậy đủ biết dối trá khôn cùng, hữu danh vô thực, đục băng xơi tuyết, uổng phí từ chương, núi sông chẳng dung, đất bằng chẳng nhận, bọn ngu mê khéo che đậy, thật đâu đáng tin! Lão Quân là Trụ Sử của Suy Chu, khoác lác cho mình là Tổ tông của hỗn độn, tránh loạn nhà Chu chạy qua Hàm Quan rồi nói dối mình là cha mẹ của trời đất. Lời mình thốt ra hoàn toàn mâu thuẫn, như tên và bao tên chống nhau, bịt tai nghe trộm tiếng linh, muốn giấu lại càng lộ. Chương Đạo Đức ghi: Ta có ba cái đáng quý, do quý nên giữ nó. Một là nhân từ, hai là cần kiệm, ba là không dám làm gương cho thiên hạ. Lão Quân dâng vợ con cho Hồ Vương rồi cùng Hồ binh đánh nhau, có gì là nhân từ? Ngồi trên xe ngọc, ở trong cửa vàng, mặc áo Ly La chín màu, được che bởi cái lọng có hạc nằm, chín đạo hào quang có gì là cần kiệm? Sinh chẳng có nguyên nhân, khởi từ lúc vô thỉ, ở trước muôn đạo, làm tổ của nguyên khí, biết khi hỗn độn chưa chia, thấy khi chưa phân trong đục,

làm thầy Đế vương làm mẹ trời đất, có gì là “không dám làm gương cho thiên hạ” đâu?

Liêu Dương Cao Hiến, tự là Trọng Thường vào Bạch hạc quán ở Đông kinh, nhìn thấy tượng Tam Thanh rồi chỉ tượng bên phải hỏi người giữ Đạo quán:

- Đây là tượng gì?

Đáp:

- Tượng Lão Quân.

- Người đời nào?

- Đời Chu Định Vương.

Hiến chỉ tượng bên trái rồi hỏi:

- Đây là tượng gì?

Đáp:

- Tượng Đạo Quân.

- Người đời nào?

Người giữ quán mịt mờ chẳng biết đáp. Hiến chỉ tượng ở giữa nói: “Nguyên Thỉ Thiên Tôn này ắt thừa rồi!”. Người ta nghe được truyền cho nhau, thành ra chuyện cười.

Ngụy thứ hai: Sáng lập kiếp vận niên hiệu sai lầm.

Trong hóa thứ ba này ghi: Bắt đầu là khí của Thái Hư, khí này chống đối nhau, qua lại loạn xạ. Qua trăm ức vạn khí như vậy, sau đó khí này chậm dần, nó lưu hành qua lại, đó là khí tự nhiên. Đây dụ cho Phong Luân chuyển vận khi thế giới vừa mới hình thành mà kinh Phật nói đến. Khí này có có tên là Di La Vạn Phạn. Lại trải qua chín vạn chín ngàn chín trăm chín mươi chín ức (99.999) khí như vậy, sau đó nó kết hợp với khí kiết tường hình thành một Thánh nhân, có tên là Nguyên Thỉ Thiên Vương, đồng thời sinh ra Ngũ Lão làm chủ Ngũ Hành. Kiếp này tên là Diên Khang, niên hiệu là Long Hán. Lại trải qua ngần ấy khí nữa mới sinh ra Đạo Quân, lúc này kiếp tên là Xích Minh, niên hiệu cũng là Xích Minh, đồng thời sinh ra Cửu Lão, chia thành Cửu Thiên. Lại trải qua ngần ấy khí nữa, mới sinh ra Lão Quân, kiếp này tên là Thanh Vận, niên hiệu là Thượng Hoàng. Lúc này sinh ra Bát Công, sau lập thành Ngũ Vận là Thái Dịch, Thái Sơ... Lão Quân lấy hai khí âm dương kết hợp lại thành hỗn độn, rồi phân chia thành trời đất, vạn vật bắt đầu hình thành.

Biện rằng: Từng nghe Chí của Ban Cố Luật Lịch, Thư của Sử Ký Thiên Quan, Đế niên của Hoàng Phủ Mật, Đế Kỷ của Đào Ẩn Cư, chứ chưa nghe nói trước Ngũ Vận đã có niên hiệu. Trong Tam khí giả

lập tên kiếp. Đã nói trong đục chưa phân hình thì lúc đó chỉ là một khí lẫn lộn, chứ làm gì có Lão Quân, Nguyên Thỉ, Ngũ Lão, Cửu Thiên? Dù ăn cắp danh từ "kiếp" của nhà Phật nhưng lại không hiểu vận số thành hoại. Kiếp tiếng Phạm là Kiếp-ba, Hán dịch là Thời Phần. Thời tuy có dài ngắn, nhưng đều là tên của kiếp. Nhầm lẫn tiếng Phạm, mê lầm thể tướng, khi Phật giáo chưa đến thì chữ kiếp chỉ có nghĩa là giết, giết giặc. Bởi vậy trong Thuyết Văn, Hữu Thận ghi rằng: "Cầm binh khí đâm người thì gọi là kiếp". Lại ghi: "Tướng Lỗ là Tào Mạt uy hiếp Hoàn Công trên đàn rồi yêu cầu chiếm đất". Như vậy, bức đoạt người ta thì gọi là kiếp, chứ làm gì có nói là kiếp vận! Dẫn chứng như vậy đủ thấy họ ăn cắp từ chương. Hễ đã có tên có địa vị, thì tất có niên hiệu, nhờ đó mà thống trị muôn phương, chỉnh đốn bốn biển, hòa đồng chín châu, quy về một lối. Thiên tử chí tôn mở ra niên hiệu, nếu không có tên họ địa vị thì không dám lập. Khổng Tử dù San Thư định Lễ, lập ra vua tôi, nhưng do không có địa vị tôn quý nên chỉ được gọi là Tố Vương. Đến như Lão Đam là quan lại của nhà Chu, ở vào hàng bề tôi, nhưng lại đi ăn cắp hiệu Đế vương, dựng càn lên niên hiệu sao! Huống gì trước thời Hiên Hoàng vốn không có niên hiệu (bề tôi Hoàng đế là Đại Nhiêu bắt đầu lập ra Giáp Tý), thời Hán Vũ mới lập ra niên hiệu (Vũ Đế mới bắt đầu lập niên hiệu), lấy xưa nêu xưa quả là nguy rồi! Có người hỏi: Lão tử sinh trước trời đất lập riêng niên hiệu, có gì sai trái? Đáp rằng: Đã ở trên trời đất, tức là trước Thái Dịch, thế giới chưa hình thành, vua tôi chưa có mặt, vẫn mịt mờ vắng lặng, chỉ một khối hỗn mang lập ra niên hiệu để thống lãnh ai? Đó đủ biết, họ lấy cắp từ ý: "Phật Trang Nghiêm, Hiền kiếp tinh tú". Rồi lập thành nào là Diên Khang, Xích Minh, Thanh Vận. Bên kia nói rõ ba đời, bổn này gom thành một lúc, chẳng khác hơn rợ Khương trên núi ăn cắp áo mão nhà vua, mê hoặc mọi người, lẫn lộn tôn ti. Đoạn sau lại nói Lão Tử tự là Quang Minh, sinh ở Thiên cương, Lý cốc, vậy phải sau Tam Hoàng, thì sao Lão Tử lấy hai khí âm dương kết thành hỗn độn rồi chia thành trời đất được? Đầu đuôi trái ngược đủ thấy quá bậy bạ!

Ngụy thứ ba: Mở chia ba cõi.

Hóa thứ năm này ghi: Khi trời đất hình thành, Thái Thượng Lão Quân là tổ tông của hỗn độn, là cha mẹ của trời đất, nên hay phân bố đục trong, mở mang trời đất, vận huyền Nguyên Thỉ ba khí mà thành trời. Thượng là Tam Thanh Tam Cảnh, tức Thỉ khí làm Ngọc Thanh Cảnh, Nguyên khí làm Thượng Thanh Cảnh, Huyền khí làm Thái Thanh Cảnh. Lại nữa khí của Tam Thanh mỗi khí lại sinh ra Tam khí, hợp

thành Cửu khí làm thành Cửu thiên.

1. Uất đan thiên.
2. Thượng thần thọ vô lượng thọ thiên.
3. Phạm la tu diên thiên.
4. Tịch nhiên đâu thuật thiên.
5. Ba la ni mật bất kiều lạc thiên.
6. Đỗng huyền hóa ứng thanh thiên.
7. Linh hóa phạm phụ thiên.
8. Cao hư thanh minh thiên.
9. Vô tưởng vô ái thiên.

Chín cõi trời này, mỗi cõi sinh Tam khí, mỗi khí hình thành một cõi trời, cả thảy là hai mươi bảy cõi trời, cộng với chín cõi này thành ba mươi sáu cõi, vậy Tam giới, Tứ dân, Thượng Cực Tam Thanh đó là số lượng. Sáu Thiên dưới cùng là Dục giới:

1. Thái hoàng thiên
2. Thái minh thiên.
3. Thanh minh thiên.
4. Huyền thai thiên.
5. Huyền minh thiên.
6. Thất diệu thiên.

Mười tám cõi trời kế tiếp là Sắc giới:

1. Hư vô thiên.
2. Thái cực thiên.
3. Xích minh thiên.
4. Vinh hoa thiên.
5. Diệu lãng thiên.
6. Hoàng già thiên.
7. Linh minh thiên.
8. Đoan tĩnh thiên.
9. Quang minh thiên.
10. Cực dao thiên.
11. Nguyên tái thiên.
12. Thái an thiên.
13. Cực phong thiên.
14. Thỉ hoàng thiên.
15. Thái hoàng thiên.
16. Vô tư thiên.
17. Nguyễn lạc thiên.

18. Đàm thệ thiên.

Bốn cõi kế nữa là Vô sắc giới:

1. Tiêu khánh thiên.
2. Nguyên đồng thiên.
3. Diệu thành thiên.
4. Cấm thượng thiên.

Hai mươi tám cõi này gọi là Tam giới, trên lại có bốn cõi trời gọi là Chủng nhân thiên:

1. Thường dung thiên.
2. Ngọc long thiên.
3. Phạn độ thiên.
4. Giá dịch thiên.

Bốn cõi trời này vượt khỏi Tam giới. Lại nữa, ba cõi trời trên là Tam thanh cảnh:

1. Thái xích thiên.
2. Trùng dư thiên.
3. Thanh vi thiên.

Trên cùng gọi là Đại la thiên, nó bao quát hết cõi trời, cao nhất không còn cõi nào trên nó, Huyền Đô Ngọc Kinh trấn giữ chỗ này, là nơi Tam Tôn ở. Lại nữa trong Thái Tiêu Ẩn Thư ghi: Đại Đạo Quân trị vì năm mươi lăm năm ở trên núi Ngọc kinh, trong cõi trời Trùng vô cực đại la, có thất bảo huyền đài, có rừng vàng ghế ngọc, có kim đồng ngọc nữ hầu hạ, ở tại cõi trời Tam thập tam bên ngoài Tam giới.

Biện rằng: Rõ ràng như Thư của Xà Khu (Phục Hy), Ngưu Thủ (Viêm Đế), Điển của Long Sư (Thái), Phượng Kỷ (Thiếu Hạo); Cáo của Đàm Thiên (Trâu Diễn), Luận Thiên (Hoàng Liễu); Đồ của Quát Địa (Địa Chí), Dư Địa (Địa Đồ), Tinh kinh của họ Cam, Linh Hiến của Trương Hoành đều không nói đến hiệu của Tam Thanh, lại càng không nghe đến tên của Đại La. Đó đều là dựa vào Kinh Phật sửa đầu thay đuôi, lượm danh tướng người ta đặt để gán ghép vào sách mình. Hơn nữa, ngọn ngành của Đạo giáo có từ thời Hoàng Đế, rồi Lão Tử, Quyên Tử, Liệt Tử, Trang Chu, quan võ quan văn phân thành Đạo giáo. Nhưng các ông ấy không hề nói đến việc của trời, chỉ có trong Linh Bảo Kinh do Trương Đạo Lăng viết mới nói đến ba mươi hai cõi trời, bắt chước thần chú của Phật rồi làm ra Mật ngôn, từ đó về sau sách của Đạo giáo cùng nhau nói đến. Thân rỗng bò lan chỉ lừa dối kẻ ngu. Khi Phật giáo chưa đến tại sao không nói? Kinh Phật lưu hành mới bắt đầu đề xướng từ này. Làm rõ ra, thì Tu Tĩnh thêm thắt, Tam Trương xiển hóa bừa,

trộm đầu trộm đuôi có gì đáng tin!

Nhĩ Nhã lập ra Tứ hiệu để quy ước Tứ thời. Thái Huyền nói đến Cửu Thiên để làm phép tắc cho Cửu Hữu, không giống như Đạo gia thêm càn số mục. Trời vốn là thể cố định làm gì có ít nhiều? Nay mỗi thuyết lại không giống chứng tỏ là bịa đặt. Xét trong kinh Phật, Tam giới là do ba nghiệp chiêu cảm, tổng cộng có hai mươi tám cõi trời. Dục giới có sáu cõi, Sắc giới mười tám cõi, Vô sắc giới bốn cõi. Do có đủ món dục thù thắng vi diệu nên gọi là Dục giới. Do hình sắc thù thắng nên gọi là Sắc giới. Do căn thức không còn nên gọi là Vô Sắc giới. Vượt khỏi ba cõi này thì gọi là ra khỏi sinh tử, xả thân phần đoạn trong hậu thân, dứt tuyệt hình hài tên gọi, không còn nơi gá nương, lẽ đâu lại có Cảnh Huyền Đô, núi Ngọc kinh, rồi có kim đồng ngọc nữ muôn thứ hỗn tạp thế ư? Lại còn đem xe vàng trướng ngọc để trang sức, đủ thấy bịa đặt không đúng sự thật. Thử hỏi, tam giới của Đạo sĩ từ đâu mà có? Do công gì cảm nên? Giải thích tên gọi, biện về hình tướng toàn không biết được. Hơn nữa cái rốt ráo của Đạo là lên trời. Bảo Linh u huyền cũng chỉ là hóa thành chim muông, khó thoát tứ tướng, đâu ra Ngũ Suy, theo sóng nghiệp mà trầm luân, tùy sinh tử mà lưu chuyển, phóng túng nghiệp thức mang mang, tích chứa nguồn khổ bát ngát, đi mãi không về, thật đáng ngậm ngùi, Uất-đầu-lam-phất là một minh chứng.

Ngụy thứ tư: Đời nào cũng làm thầy Đế Vương.

Hóa mười một này ghi: Lão Quân là người trong thời của Phục Hy, hiệu là Uất Hoa Tử, nói Nguyên Dương Kinh, dạy Phục Hy lập Nhân Luân, họa Bát Quái. Trong thời Chúc Dung, ông có hiệu là Quảng Thọ Tử, nói Án Ma Thông Tinh Kinh, dạy người ta mài cây lấy lửa, đúc đồ làm vật dụng. Trong thời Thần Nông ông có hiệu là Đại Thành Tử, nói Thái Ất Huyền Tinh Kinh, dạy người ta trồng ngũ cốc, hái trộn các loài thuốc. Trong thời Hoàng Đế ông có hiệu là Quảng Thành Tử, dạy người ta cái đạo giữ thần an tĩnh. Trong đời Thiếu Hạo, ông có hiệu là Tùy Ứng Tử, nói Tại Kính Kinh, lấy chánh đạo làm lý, chia ra cửu hộ để thống lãnh trăm quan. Trong thời Chuyên Húc, ông có hiệu là Xích Tinh Tử, nói những lời mầu nhiệm. Trong thời Đế Cốc ông có hiệu là Lục Đồ Tử, nói Hoàng Đình Kinh. Trong thời Đế Nghiêu, ông có hiệu là Vụ Thành Tử, nói Tuyên Hóa Kinh. Trong thời Đế Thuấn, ông có hiệu là Doãn Thọ Tử, nói Thông Huyền Kinh gồm bảy mươi quyển, Đạo Đức Kinh tám ngàn hai trăm quyển. Trong thời Hạ Vũ, ông có hiệu là Chân Hành Tử, nói Nguyên Thỉ Kinh sáu mươi quyển. Trong đời Ân Thương ông có hiệu là Tích Tắc Tử, nói Trường Sinh Kinh hai mươi quyển.

Trong thời Chu Văn Vương ông có hiệu là Tiếp Ấp Tử, nói Xích Tinh Kinh, dạy đạo nhân nghĩa, hiếu kính. Còn nói các vua thời thượng cổ đều thọ học với Lão Tử, về sau lại tạo tác ra muôn vật.

Biện rằng: Phàm Hiếu và Thánh danh vị không đồng, người xưa người nay xuất xứ khác hẳn. Trang Chu nói: Sau vạn năm gặp một Đại Thánh vẫn như sáng tối được gặp, đủ thấy Thánh nhân ra đời ứng hợp điềm lành, đúng với ngàn năm, hợp vận đúng thời, siêu xuất tiêu biểu, vượt xa người thường. Bởi vậy nên được Đế vương tôn làm thầy, Chư hầu đều kính lễ. Vạn năm gặp được một lần vẫn tưởng như sớm tối, lẽ đâu đời nào cũng xuất hiện?

Lý Nhĩ là kẻ sĩ lui về ở ẩn, Sử ký gọi là Quân Tử ở ẩn. Ông chạy loạn qua cửa ải, mất ở Hòe Lý, an táng ở Trụ hạ. Ông vốn là bề tôi, địa vị không hơn nhà vua, thanh danh không hơn Tể tướng, làm sao lên được địa vị Thánh nhân làm thầy Đế vương? Bịa đặt không đúng lừa dối mọi người. Đống đất nhỏ mà muốn cao bằng núi Tung núi Hoa, ai chịu phục? Vũng nước nhỏ mà muốn bằng biển cả thì quả thật khó tin! Lẽ đâu sau khi mở mang trong vòng hơn vạn ức năm ấy, chẳng có người nào giúp đời mà chỉ có một mình Lão Tử làm thầy Đế vương thôi sao? Tam Phần, Ngũ Điển, Bát Sách, Cửu Khâu, Xuân Thu của Khổng Tử, Quốc Ngữ của Khâu Minh, Dị Thuyết của Bách Gia, Tạp Đàm của Cửu Lưu không hề nói đến Lão Tử làm thầy. Đó chỉ là bọn Đạo Sĩ vô tri đời sau này bịa đặt mà thôi, họ muốn Lão Tử cao nhất trong muôn Thánh. Cái đẹp thì vẫn đẹp, dối trá vẫn là dối trá. Hơn nữa, Phục Hy, Thần Nông đều có Thánh đức; Hiên Hoàng Nghiêu Thuấn đều được tôn xưng là minh quân. Có người từ nhỏ đã biết nói, có người sinh ra là biết diệu đạo, lẽ nào phải nhờ Lão Tử dạy cho, rồi sau mới tạo ra muôn vật? Huống gì Thư Truyện đã ghi, Cổ Thư đã nói rõ: Toại Nhân mài lửa, Phục Hy họa Bát Quái, Viêm Đế gieo trồng, Nữ Oa chế ra rui kèo, Hoàng Đế làm ra cung thất, Hiên Mạo chế ra Hàm Trì, Chuyên Húc đặt ra Lục Anh, vua Nghiêu có Đại Chương, vua Thuấn có Đại Thiều, rồi chế ra cờ vây, vua Vũ có Đại Hạ, vua Thang có Đại Hoán, Văn Vương có Tích Ung, Vũ Vương có Hạ Vũ, Ông Cổn làm ra thành quách, Xi Vưu chế ra binh khí, Kỳ Bá chế ra y thuật, kinh mạch, Linh Luân làm ra Luật, Lệ Thủ làm ra Toán, Dung Thành làm ra Lịch, Đại Nhiêu lập ra Giáp Tý, Hề Trọng làm ra xe, Tao Hồ làm ra y, Bá Dư chế ra xiêm, Ư Tắc làm ra giày, Cung Cổ làm ghe thuyền, Cự Huy chế ra cung, Di Mâu làm ra tên, Hoàng Ung Phụ làm ra chày cối, Mạnh Trang Tử làm ra cưa, Triệu Vũ Linh Vương làm ra giày ủng, Tô Uy Công làm ra sáo, Bạo Tân làm

ra Huân, cháu của Hậu Tắc là Thúc Quân làm ra cày, Mông Điềm chế ra bút, Sái Luân làm ra giấy, Hạ Côn Ngô thị làm ra ngói. Những thứ đó đều có chủ cả, các sách đều nói rõ, tại sao tự phụ xem đó là vật do mình làm ra? Lại nữa, Chu Dịch, Hệ Từ do Khổng Tử thuật nói về việc chế tạo của Đế Vương xưa kia. Như nói: Bao Hy thị làm vua thiên hạ, xem hiện tượng trên trời, xét muôn người dưới đất, gần thì giữ mình, xa thì giữ vật, bắt đầu họa Bát Quái để thông đức của thần minh, để thấu tình của vạn vật, làm ra thắt gút, chế ra lưới mành để bắt cá ngoài khơi. Thần Nông thị làm ra cày bừa để làm lợi ích thiên hạ, ban ngày họp chợ để trao đổi vật dụng. Đến như Hoàng Đế, Nghiêu Thuấn chế ra xiêm y mà thiên hạ thịnh trị, vì muốn giữ lấy càn khôn. Nêu ra ngần ấy tạo vật, chủ nhân mà không hề nói Lão Tử làm ra. Trộm công người khác làm tài của mình, hư danh tự cao, quân tử cũng không nỡ.

Lại nói, vào thời vua Nghiêu, Lão Tử là Vụ Thành Tử. Xét trong Hậu Hán Ứng Thiệu Phong Tục Thông ghi: Đông Phương Sóc là Thái Bạch Tinh Tinh. Trong thời Hoàng Đế ông là Phong Hậu, trong thời vua Nghiêu, ông là Vụ Thành Tử. Trong thời nhà Chu, ông là Lão Đam, trong thời Việt, ông là Phạm Lãi, ở Tề ông là Si Tử. Như vậy rõ ràng Vụ Thành Tử chính là Đông Phương Sóc chứ chẳng liên can gì đến Lão Tử cả, tại sao thêm thắt ngụy tạo tôn Lão Tử là thầy loài người? Xét Lỗ Ai Công hỏi Tử Hạ: Ngũ Đế, Tam Hoàng đều có thầy không? Tử Hạ đáp: Có, thần nghe, Hoàng Đế học với Thái Chân, Chuyên Húc học với Lục Đồ, Đế Cốc học với Xích Tùng Tử, vua Nghiêu học với Doãn Thọ, vua Thuấn học với Vụ Thành Phụ, vua Vũ học với Tây Vương Quốc, vua Thang học với Uy Tử Bá, Văn Vương học với Giảo Thời Tử Tư, Vũ Vương học với Quách Chánh, Chu Công học với Thái Công Lã Vọng. Những người vừa nêu, có ghi rất rõ. Còn như nói Lão Tử đời nào cũng làm thầy Đế vương, thì thật là điên cuồng dối trá quá lắm! Xảo ngôn đến thế là cùng! Vả lại, Lão Tử làm quan dưới thời Suy Chu, sử sách ghi rất rõ. Vốn là bề tôi lại làm thầy của Đế vương thời thượng cổ, mặc áo đội mão sao lại điên cuồng đến thế?

Đoạn trước nói: Các vua thời thượng cổ đều thọ học với Lão Tử. Như vậy Kiệt Trụ bất nhân, U Lệ vô đạo, Tần Vương hung bạo, Vương Mãng soán nghịch, cũng do Lão Tử dạy, nếu vậy thì Lão Tử là đầu đảng của bọn phản nghịch, thầy của bọn phản loạn. Bất trung bất hiếu là do Lão Tử gây ra, bất nhân bất nghĩa là do Lão Tử cầm đầu, như vậy làm thầy người khác, không thấy xấu hổ ư! Lại nói, Lão Quân đời nào cũng làm thầy, nhưng từ Tần Hán đến nhà Kim sao chẳng một lần có

mặt? Nay đã không thì xưa là dối, hơn nữa Hán Văn Đế khiêm cung cần kiệm, Hiếu Vũ Đế là bậc anh minh, Hiếu Minh Đế thấu cái tình của Lễ Nhạc, Hiếu Chương Đế hơn cả cái đạo nho nhã, Ngụy Văn Đế phong lưu khoáng đạt, Tấn Thế Tổ thấu đạt nghĩa nhân, Tống Văn Đế trị yên thiên hạ, Lương Võ Đế văn võ song toàn, Tùy Cao Tổ dung hòa bốn biển, Đường Thái Tông thống nhất sử sách, lúc này chẳng đợi Lão Tử giáo hóa như đều là tiếng vàng thanh ngọc. Đủ thấy Đạo sĩ thật khéo vẽ vời, uổng phí từ chương, chỉ có thể dối gạt kẻ quê mùa, chứ đối với kẻ sĩ thông đạt khó ai tin theo. Mô Mẫu bôi phấn càng khiến người ta chê cười, Lân Nữ bắt chước càng làm người ta coi rẻ.

Ngụy thứ năm: Lão Tử lập ra Linh Bảo Tam Đổng.

Hóa chín này ghi: Ngày một tháng ba năm Trung Hoàng nguyên niên, Thái Thượng Lão Quân ngự tạo Ngọc Thanh Thiên, Kim Khuyết Thượng Cung soạn tập Linh Thiên, đó là Bảo Kinh ba trăm quyển, Phù Đồ bảy ngàn chương, Ngọc Quyết chín ngàn thiên. Trong thời Thượng Tam Hoàng, Lão Quân ra đời làm Vạn Thiên Pháp sư, còn có hiệu là Huyền Trung Pháp sư, trong năm Long Hán nguyên niên ông trao cho Thượng Tam Hoàng bộ Đổng Chân Kinh mười hai bộ, đem đạo Vô Cực dạy nhân gian, lúc này con người thọ chín vạn tuổi. Trong thời Trung Tam Hoàng, ông có hiệu là Hữu Cổ Tiên Sinh, trong năm Xích Minh nguyên niên, ông trao cho Trung Tam Hoàng bộ Đổng Huyền Kinh mười hai bộ, đem cái đạo Vô thượng Chánh nhân giáo hóa nhân gian, lúc này con người thọ sáu vạn tuổi. Trong thời Hạ Tam Hoàng, ông ra đời làm thầy với hiệu là Kim Khuyết Đế Quân, năm Khai Hoàng nguyên niên, ông trao cho Hạ Tam Hoàng bộ Đổng Thần Kinh mười hai bộ, đem đạo Thái Bình giáo hóa nhân gian, lúc này con người thọ một vạn tám ngàn tuổi. Đổng Chân, Đổng Huyền, Đổng Thần mỗi loại mười hai bộ, tổng cộng là ba mươi sáu bộ Tôn Kinh.

Biện rằng: Phàm Trọng Ni nhập mộng, đạo Thập Dực mới bắt đầu tuyên dương; Bá Dương qua ải, giáo Nhị Thiên mới bắt đầu xiển hóa. Hữu danh là đầu mối của vạn vật, Vô danh là khởi nguyên của trời đất. Hỗn mang hay mà lại đồng huyền, phân chia vụng nhưng lại nhất trí. Cốc Thần chẳng chết, Cửu Thị Trường Sinh, chiết phục giải nguy, tự biết khiêm nhường, đó là ý chỉ của Lão thị, giáo điển còn lại đều là sách giả. Chế ngự kẻ ngu, chí chuộng khoa trương, cắt xén lời Phật thay tên đổi hình, bắt chước Tam Giới lập ra Tam Thanh, mô phỏng Tam Đại dựng lên Tam Đổng, uổng phí giấy mực, lòe loẹt ngôn từ, vì sao biết được? Vì đời Hán, Trương Đạo Lăng soạn Linh Bảo Kinh; Vương Ban

soạn ra Đổng Huyền Kinh. Đời Ngô, Cát Hiếu soạn ra Thượng Thanh Kinh. Đời Tấn, Vương Phù soạn Minh Uy Hóa Hồ Kinh; Bào Tĩnh soạn Tam Hoàng Kinh, sau đổi thành Tam Thanh Kinh. Đời Tề, Trần Hiển Minh soạn Lục Thập Tứ Chân Bộ Hư Kinh. Đời Lương, Đào Hoằng Cảnh soạn Thái Hư Kinh. Cuối đời Tùy, Phụ Tuệ Tường sửa Niết-bàn thành Trường an Kinh, về sau bị phát giác và Tường bị giết. Trong Hiếu Đạo Luận của ngàu Chân Loan ghi: "Đạo gia chú thích bậy bạ ba trăm năm mươi quyển của Chư Tử làm thành Đạo kinh". Như vậy rõ ràng, đời đời xuyên tạc, người người bịa đặt. Cắt xén lời Phật làm sách Đạo gia, có lúc nói Tiên trong động bay qua, có khi bảo Lão Tử tái hiện, muôn hiền chẳng thấy, chỉ Đạo sĩ biết, coi thường quân vương, chẳng sợ phép nước. Bởi vậy, Đường Lâm Pháp sư nói với Thái Tông Hoàng Đế: "Nếu căn cứ rạch ròi, bàn kỹ Đạo gia, thì chỉ có hai thiên Đạo Đức. Đem so với thời Hán Minh, chỉ hơn bảy trăm quyển, theo thuyết Thần Tiên của Cát Hồng thì chỉ có một ngàn, theo Tổng Mục do Tu Tĩnh dâng lên, thì nhiều hơn trước chín mươi quyển. Lại kiểm tra trong Huyền Đô Mục Lục, thì càng nhiều hơn, trước sau không đồng, rõ ràng người đời sau soạn càng chế bừa, thêm chương thêm quyển". Dựa vào kinh Phật rồi thay đầu đổi đuôi. Có khi họ nói, nó từ trên núi xuất hiện, thế là liền hô hào có Tiên trong động bay đến, tại sao chỉ có bọn họ biết, còn bậc hiền tài không thấy, điển tịch không ghi, sử sách không chép, thử hỏi những bộ kinh mà Đạo sĩ đem ra sau này là do Lão Tử nói riêng cho họ nghe, hay là Thiên Tôn nói lại? Nếu là nói lại, thì phải có ngày giờ, thầy trò truyền trao. Nói vào năm nào? Tháng nào? Nơi nào? Thời nào? Nếu nói trên trời thì ai truyền xuống? Nếu nói ở Tây Vực thì ai dịch ra? Nếu đủ chứng cứ thì nên cho lưu hành, còn như bịa đặt thì phải đốt hết.

Lại nữa đời Hán đời Tấn, Tăng được gọi là Đạo sĩ. Khấu Khiêm đắc ý mạo nhận tên này, nay lại gọi là Pháp sư, thì thật điêu ngoa hết mức! Danh từ Pháp sư vốn xuất phát từ kinh Phật, vạn quyển trăm nhà đều không có từ này. Hơn nữa ông thầy vì pháp thì gọi là Pháp sư. Pháp tức là Sư, nên gọi là Pháp sư. Chẳng biết danh nghĩa, vọng đặt cho mình. Xét từ Hiền kiếp đến nay, có ba vị Phật ra đời. Đức Phật đầu tiên ra đời, lúc ấy con người thọ sáu vạn tuổi. Lúc Đức Phật thứ hai ra đời con người thọ bốn vạn tuổi. Lúc Đức Phật thứ ba ra đời, con người thọ hai vạn tuổi, sao dám đổi thành Tam Hoàng, bịa ra số tuổi bằng y như vậy? Lại nữa, đoạn trước nói: Trong Thượng Tam Khí có niên hiệu Long Hán, Xích Minh. Lúc này Ngũ Vận còn không có, chỉ là Nhất Khí lẽ đâu lại có vua như Tam Hoàng, số mạng mà con người sống thọ? Đời

Thượng Cổ, giả sử có Ngũ Long, Tứ Tánh, Cửu Đầu, Thập Kỷ thì cũng không có niên hiệu do Tam Hoàng kiến lập. Thử hỏi: Long Hán, Xích Minh, Thượng Hoàng, Khai Hoàng là niên hiệu của vua nào? Nếu nói có thật, sao sử sách không ghi? Còn như không thật, thì đừng nên vọng lập. Xét cả hai thuyết đều không có chứng cứ. Lại nữa trước thời Phục Hy, văn tự chưa có, thì làm sao có được thiên Tam Đổng Linh Bảo? Lại nữa, mười hai bộ vốn bắt nguồn từ kinh Phật, giáo lý cả một thời đại được chia thành mười hai bộ. Bọn Đạo gia giả danh nghĩa còn chẳng biết sao dám tự cho là kinh sách của mình? Như mài ngọc đẹp đem làm ngói vỡ, dù có công lao nhưng bị kẻ trí chê cười!

Ngụy thứ sáu: Du hóa Cửu Thiên:

Hóa này ghi: Lúc này ở trong Thanh Dương đại hội, Lão Quân dẫn theo Doãn Hỷ Nhiễm. Nhiễm bay lên không, đến cõi trời thứ nhất gặp Ba Lợi Thiên đế, ngồi xe Cửu Quang Nguyên Linh, che bảo cái Thất Nguyên Giao Thần, dựng cờ Ngũ Sắc Nhiếp Ma, chín vạn Kim Đồng Ngọc Nữ nghênh đón Lão Quân vào Bát Đại Hữu Cung để hỏi về đạo tự nhiên. Các cõi trời như: Ma Di Thiên, Sở Bảo Thiên, Hóa Ứng Thiên, Bất Kiều Lạc Thiên, Đâu Xuất Thiên, Phiền Diên Thiên, Thiền Thiện Thiên, Uất Đan Thiên, Tùy Xứ Thiên. Các vua này đều dẫn Kim Đồng Ngọc Nữ ra nghênh đón Lão Quân, hỏi pháp yếu. Đế quân đến thiên cung nào, nơi ấy đều bày soạn Quỳnh tương, Bích Lễ, Đan Dịch, Lưu Huân, Lan Tu, Bát Triệt, Linh Chi, Trân quả để dâng.

Biện rằng: Xưa, khi Thế Tôn ta mới thành Chánh giác, chẳng lìa đạo thọ mà đến các cõi trời. Một thân chẳng phân nhưng có mặt khắp cả. Tức nhiều mà một, tức một mà nhiều, giống như mặt trăng qua lại trên không, in bóng trong mọi dòng nước; cơn giận nổi lên, mọi lỗ chân lông đều dựng đứng, lớn nhỏ chu toàn, xa gần không cách, vô tâm bỗng ứng, đâu chỉ có Cửu Thiên. Bá Dương là quan của nhà Chu, Doãn Hỷ làm quan giữ ải Hàm Cốc, thân ở địa vị thấp, khó bằng bậc Thánh, muốn tỏ rõ cái đức của mình, nên khéo trộm cắp, quỷ thần không biết nhưng con người hay, không phải khéo tay, lìa dục mà có, an nhàn trong thiền định cảm được thần thông, Lão Tử đã không có công này làm sao bay được lên trời. Xưa Liệt Tử ở đất Trịnh quên cả vợ con, chẳng phân tai mắt, an nhàn dứt nơi nương gá, tâm thần vắng lặng quên thân, xương thịt đều tan, sau đó thân mình như lá úa theo gió bay đi, từ đông sang tây cả vạn dặm, chỉ giây lát đi khắp sau đó trở về. Nhưng Trang Chu chê rằng: Thế vẫn còn chậm. Còn như Lão Nhĩ, không dứt vợ con (Con Lão Tử tên là Tông, con của Tông tên là Chú, con của Chú tên là Quan,

thờ Ngụy Văn Hầu), chưa thoát hình hài, qua ải thì đi xe chở lương, nói kinh thì chỉ toàn bày cái khổ của thân, lẽ đâu bay được lên trời, vượt qua sương móc, cỡi hạc đằng vân chăng? Bắt chước Mâu-ni rồi cho nình thù thắng. Hơn nữa, nhờ bố thí mà được đại phước, nhờ giữ giới mà được sinh thiên, ông ấy còn chưa hiểu căn nguyên làm sao nói pháp cho trời được! Dục giới có sáu cõi, bịa đặt thành chín trời. Thuần nam trong Sơ thiền thì bảo là Ngọc Nữ, bày cái giả trương cái ngụy, khéo nói dị đoan. Vả lại, sơ thiền trở lên lấy Thiền duyên làm thức ăn, định sinh hỷ lạc xoả niệm thanh tịnh, lẽ đâu lại dùng Quỳnh Tương, Bích Lễ, Lan Tu, Bát Triệt chăng? Cho rằng trên trời giống như trần gian còn thèm mùi thơm của rượu thịt, còn giành thức ăn ô uế của cá tôm, chẳng khác Si, Đam, ăn chuột bảo là giống Phượng Hoàng, nghe trộm không thật, bảo là mình nói, dựng muôn điều gở, nói toàn điều quái, có đáng tin không?

Ngụy thứ bảy: Ăn cắp kinh giáo của Phật.

Hóa ba mươi này ghi: Hồ Vương thấy ở Thái Thượng đồ chúng quá nhiều nghi là quỷ mị, liền chất củi đốt. Ngọn lửa xông thẳng lên trời, Lão Quân thân phóng quang minh, đứng trong ngọn lửa, nói Kim Quang Minh Kinh cho Vương nghe. Hồ Vương càng nổi giận, bắt ông bỏ vào lò lửa đốt ba ngày. Từ trong vạc nước sôi ấy, bỗng hiện ra hoa sen, Lão Quân ngồi trên hoa nói Kinh Niết-bàn. Lại còn nói, Lão Quân sai Doãn Hỷ làm Phật, làm thầy Hồ Vương để Hồ Vương sám hối tội ngũ nghịch, thập ác của ba nghiệp sáu căn, rồi ông giảng thuyết Ngũ Giới, Thập Thiện và Tứ Thập Nhị Chương Kinh.

Biện rằng: Phàm Kỳ lân giao đấu thì mặt trời mặt trăng bị khuyết, cá Kình cá Nhi chết thì sao chổi xuất hiện. Núi đồng lỡ thì hội thề ra đời, tro cây Gia mất thì ánh sáng mặt trăng mất. Bởi con đường cảm ứng giao nhau, tướng của cơ giáo khế hợp. Lòng người khát ngưỡng thì mưa pháp trào tuôn, dội tình trần kia, mở ngu muội nọ. Vì vậy Khổng Tử nói: Không phẫn hận thì không mở mang, không tấm tức thì không phát tiết. Đây muốn nói: Đợi hỏi rồi mới nói. Huống gì Thánh nhân lập giáo, quyền biến vô cùng, lẽ đâu làm người ta nổi giận tự đâm đầu xuống nước, đâm thân vào lửa? Hoàn toàn không chút thương tâm, gắng gượng nói với họ, đâu biết đi dối về thật đó ư! Đẽo gọt từ chương, uốn nắn tên kinh, đã nói ngồi trên lửa nói kinh Kim Quang Minh, ngồi trên hoa sen nói kinh Liên Hoa, vậy là Đạo Đức Kinh chắc là ngồi bên đường mà diễn thuyết, ba bộ Đỗng Huyền ắt ngồi trong hang nước mà nói. Nếu không phải vậy thì giải thích thế nào? Hơn nữa kinh Kim Quang Minh

tánh tướng đều bày, kinh Pháp Hoa phá Quyền về Thật, kinh Niết-bàn nói Phật tánh thấu căn nguyên, nghe trộm nói càn, chỉ do miệng phàm tục thì có khó gì, không lừa nổi thượng trí, chỉ dối gạt bọn ngu mê. Lại nữa kinh ấy đã do Lão Tử nói thì Đạo sĩ phải dựa vào đó mà học, Phật đâu phải kết hợp khí làm Đạo chuyên tụng Linh Bảo, thử hỏi ba bộ kinh ấy nói về nghĩa gì? Đạo tạng đã chẳng cất chứa, Đạo sĩ lại chẳng hiểu nghĩa, ăn cắp lý mầu của bậc đại Thánh làm thành lẽ hay của Lão Quân, chỉnh sửa cho hợp với Niết-bàn chẳng khác ăn trộm trâu, giống như người mù vào lầm hầm vàng, dù được của báu nhưng chẳng biết dùng vào việc gì. Lại còn nói: Sám hối ba nghiệp, ngày tháng ăn chay, nếu thế thì Đạo sĩ phải am hiểu, nay hỏi Sám hối là ngôn ngữ gì? Sám hối ấy là Sự sám hối hay Lý sám hối? Đứng về Công Đức Môn mà diệt tội hay nghịch sinh tử tâm mà diệt tội? Tâm năng sám có bao nhiêu loại? Tội sở sám đặt vào chỗ nào? hai chữ sám hối vẫn còn chưa biết, thì tam nghiệp, lục căn, ngũ nghịch, thập ác, phép tắc làm thiện, ngày tháng ăn chay, quyết không thể hiểu được. Nếu do Lão Tử nói thì Đạo Sĩ phải biết rõ, thế nhưng một chữ cũng không biết, đủ thấy họ ăn cắp lời Phật, vọng ngôn nói bừa, giống như kẻ cắp bị chủ phát giác, thế mà vẫn không thừa nhận, ra sức biện bạch, đến khi đốt kinh đốt sách mới đâm ra xấu hổ. Quân tử biết hối trước thì không đến nỗi này.

Ngụy thứ tám: Lão Quân kết khí thành chữ.

Hóa tám này ghi: Trong Thánh Kỷ Kinh chép: Trong năm Long Hán, Thái Thượng Lão Quân theo Nguyên Thỉ Thiên Tôn ở nước Trung Ương Đại Phước Đường nói Linh Bảo Thập Bộ Diệu Kinh, nói pháp độ người. Lại ở trong nước Đông cực Đại Phù Lê nói pháp độ người, dùng Tử bút viết kinh tại rừng Không Thanh. Lại ở địa phận Nam Cực Thiền Ly dùng lửa luyện Chân Văn, bỗng phát sáng rồi hiện ra chữ. Lại ở trong thế giới Tây Cực Vệ La, nước Bắc Cực Uất Đan đều nói pháp độ người. Lão Quân dùng tinh khí của Ngũ Phương kết thành chữ báu, vuông vức một trượng, tám góc có đuôi, hình giống vệt mây, trạng như chim bay, dùng lập văn chương. Lại nói: Điển Tịch từ ta mà có, sử kinh từ ta mà ra.

Biện rằng: Chữ viết của Phu Tử vốn có từ thời thượng cổ. Phục Hy thị làm vua thiên hạ mới vẽ Bát quái, tạo ra Thư, Khế để thay thế nền chánh trị thắt gút. Từ đó văn chương sử sách ra đời. Nhờ đó mà có văn chương của Thanh Khâu Tử Phủ, Tam Hoàng khắc thạch, có chữ viết của Lục Kiểm Hoàng Thằng, Lục Giáp Linh Phỉ. Về sau có Thương Hiệt dựa vào đó sáng chế thêm. Đại Triện có từ Sử Trụ, Tiểu Triện có

từ Lý Tư, Sái Ung sáng chế ra Phi Bạch, Trình Mạc thay đổi Lệ Thư. Bát Thể của Tần Thư, Lục hình của Hán tự, như nấu vàng đắp vàng, như bủa mây buông sương, Sái Diệp Long Trảo, Ngạn Thể Pha Thư đều theo xưa mà phát triển, theo thời mà cải chế, lẽ đâu mượn Chân khí kết thành? Do Lão Tử truyền lại? Chà đạp tài năng người khác, khoe khoang đức độ của mình, không thấy thẹn với người mắt sáng, không xấu hổ với kẻ thanh tao. Đoạn trên nói: Long Hán có từ khí ban đầu, lúc đó làm gì có Lão Tử? Lại Tử Bút Thư Lâm, rõ ràng sau thời Mông Điềm. Dẫn nay trích xưa khinh người hiền tu. Khổng An Quốc nói: Sách của Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế gọi là Tam Phần, nghĩa là Đại đạo. Sách của Thiếu Hạo, Chuyên Húc, Cao Tân, Đường Ngu gọi là Ngũ Điển, nghĩa là Thường Đạo. Kinh Dịch do Tam Thánh an định, kinh thi do quần hào nói ra, Xuân Thu do Khổng Tử chỉnh sửa, kinh Lễ do Chu Công soạn định, Nhĩ Nhã do Chu Công biên tập, Quốc Ngữ do Khâu Minh soạn thuật, Thích Danh của Lưu Hy, Thuyết Tự của Hứa Thận, Quảng Nhã của Bì Thương, Châu Tùng của Quế Uyển, Ngọc Thiên của Cố Dã Vương, Thiết Vận của Lục Pháp Ngôn, đều có nguồn gốc, chẳng dính dấp đến Lão Đam, nhưng ông ta lại cho rằng Phần Điển do mình làm ra, kinh Tịch do mình mà có. Hoàng đường, dối trá, đùa cợt Thánh hiền chẳng khác Tương Như Thượng Lâm Thuyết, Lô Quất Hạ Phục. Dương Hùng Cam Tuyền Phú, Ngọc Thọ Đông Thanh nghe thì thấy vẻ đẹp mênh mông, kỳ thật thì mờ mịt không gốc gác, dẫn toàn tên nước giả lập, cắt xén sách người khác. Đại Phước Đường đổi thành Đại Đường, Đông Phù Lê vốn là Phù Tang rồi bắt chước đặt ra, Nam Thiền Lê lại đổi chữ Lê rồi lấy tên mới, Tây Vệ La vốn lấy cắp từ Ca-duy-la-vệ, lấy tên ở Uất-đơn-việt ở phương Bắc. Mười châu chẳng có, thần dị cũng không, địa lý không ghi, bỏ hình danh nhiều xứ, nêu càn năm nơi, nhưng không nơi nào có thật. Bịt tai nghe trộm tiếng linh (giả điếc) là ngầm chỉ việc này chăng!

■

PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TẢI

QUYỂN 22

1. BIỆN NGỤY LỤC: (9 → 14)

Ngụy thứ chín: Làm Trụ Hạ Sử dưới thời Chu Văn Vương.

Hóa mười chín này ghi: Thời Chu Văn Vương, Lão Quân là Tiếp Ấp Tử. Lúc này vua Trụ hoang dâm, thiên hạ lầm than, ông bèn cỡi xe Phi Tiêu, Phong Bá đi trước, Bành Tổ theo sau, ngự xuống phía Bắc Pha sơn, Tây Bá đón ông rồi phong làm Thủ Tàng Lại. Võ Vương diệt nhà Thương, đổi ông giữ chức Trụ Hạ Sử (Ngự Sử), ông soạn Xích Tinh Kinh, dạy Văn Vương đạo nhân nghĩa. Ông soạn Tuyền Ki Kinh, trao cho Chu Công. Thời Thành Vương, Khương Vương ông đều làm Trụ Hạ Sử. Thời Chiêu Vương, có điềm khí đen, Lão Quân đem Bát Thiên Ẩn Văn trao cho Chiêu Vương, vương không dùng nên sau gặp nạn chết chìm.

Biện rằng: Từng nghe, Kỷ của Ngũ Đầu Ngũ Long; Thư của Trùng Đồng, Tứ Nhũ; Văn của Kim Tần, Hỏa Hán; Điển của Hoàng Ngụy, Bách Tấn, chứ không nghe Văn Vương thờ Lão Tử làm thầy, đem Tuyền Ki dạy cho Chu Công, mà chỉ nghe nói Văn Vương tôn Thái Công làm thầy, Vũ Vương thờ Cơ Đán làm thầy, muôn sách đều ghi đủ, các tiên Nho đều nói, tại sao làm trái với Bách Gia, chỉ khoa trương con mắt của mình, loạn tâm cuồng xướng làm hoa mắt sinh linh? Phàm muốn làm Thánh nhân, cốt phải chân thật, chớ có lộng ngôn khiến người đời cười chê. Xét trong Sử ký, Biệt truyện thì Lão Tử sinh trong thời Định Vương, tiếp theo Khổng Tử, sao lại vọng cho là sinh trong thời Tây Bá? Đã là Thánh nhân, thấy Trụ hoang dâm phải cố sức khuyên can, sửa lỗi cho vua, đằng này cỡi xe nương gió cao chạy xa bay. Làm bề tôi trung mà như vậy chăng! Ngày xưa qua ải dẫn theo Từ Giáp, ngồi xe chở lương, ngày nay thì ngồi xe Phi Tiêu, Phong Bá đi trước, Bành Tổ theo sau, sao lại tự cao quá đỗi đến thế! Huống gì lúc đó Bành Tổ đã chết, Phong Bá chẳng chịu đi trước! Văn Vương từ Lưu Công đến nay, đời đời tích chứa nhân nghĩa, lấy cái đẹp hoằng hóa khắp Giang Hán,

nhân từ bủa khắp núi sông, nào có đợi Xích Tinh ấy chỉ dạy! Chu Công chế Lễ làm nhạc, thống trị thiên hạ, lập Kim Đằng để tỏ rõ lời thề, chế Chu Lễ để lưu truyền phép tắc, lẽ nào đợi đến lời dạy trong Tuyền Ki chăng? Chiêu Vương được tôn xưng là minh quân, sử sách không nói đến chuyện khí đen, sửa bậy điềm lành cầu vồng trắng rồi cho là luồng khí đen, trao cho Ẩn Văn, lại dựng lên thuyết của Mạnh Lãng.

Đoạn trước nói: "Lão Quân làm Cửu Thiên Giáo Chủ Kim Khuyết Đế Quân, đội mão thất diệu, mặc áo cửu sắc, đi ngọc xa bát cảnh, cỡi thần long ngũ sắc, ở trong Kim khuyết ngồi dưới trướng ngọc, Tiên đồng hầu bên trái, Ngọc nữ hầu bên phải, muôn thánh tùy tùng, Thiên linh nối gót." Lão Tử có địa vị cao sang như vậy, sao không chịu ở, lại đi làm chức Thủ Tàng, uốn mình làm bề tôi, hầu hạ bên vua, đứng ở thềm điện, sớm chào tối viếng, cầm hốt làm quan, bỏ nơi cao sang, tìm chốn hẻo lánh, trên trái dưới nghịch, thật quá nực cười! Còn cái tên Tiếp Ấp, sách nhà Chu không thấy ghi, Kim Khuyến Đế Quân cũng do bọn Đạo sĩ bịa đặt, hữu danh vô thực, ai dám tin theo! Bắt gió tìm bóng, theo chớp tìm cội là muốn chỉ đây chăng? Lại còn nói do Chiêu Vương không tin nên bị nạn thuồng luồng lật thuyền.

Tâu xin Vua đích thân ra biển cầu tiên vượt qua sóng hiểm mong gặp thần tiên, chỉ dạy theo cái danh hoang tưởng mà không nhìn lại lòng ham muốn của mình, bỏ thân nơi sa mạc, vùi thây trong bụng cá kình. Hán Vũ thích tiên, nên thân mặc áo của Đạo sĩ, miệng uống sương móc trời sa, phóng túng quỷ thuyết của Loan Đại, tin theo tà thuật của Thiếu Quân, rồi đi vào Mậu Lăng rốt cùng chẳng chút lợi lạc. Ngụy Thái Võ tin thuyết của Khấu Khiêm Chi, dựng Tĩnh Luân Thiên Cung, vắt cạn sức người, sau bị báo ứng mà chết. Chu Vũ Đế, miệng uống đan dược, mình mặc áo vàng, phát bệnh ở Tấn Dương, cấm khẩu rồi chết. Đường Vũ Tông thờ Triệu Quy Chân làm thầy, uống thuốc Kim đan, chưa hết năm Hội Xương bị bệnh mà chết. Gần đây, Tống Thượng Hoàng tin Lâm Linh Tố vân du ở cung trăng, tụng kinh Thái Cực, đeo kiếm trừ tà, rồi tan nhà mất nước, bỏ mạng ở Đông hàn. Những vị vua đó đều thành tâm một tí mong sống ngàn năm, nhưng càng chuốc thêm họa, không mảy may công hiệu. Chê cười nạn thuồng luồng lật thuyền, chẳng phải cũng là tìm tội người khác đó chăng? Làm cho người may gặp nạn, thì người quân tử không làm.

Ngụy thứ 10: Lão Tử giáng sinh, trước sau bất nhất.

Trong Hóa thứ nhất ghi: Lão Tử sinh trước Ngũ Vận. Hóa thứ hai ghi: Lão Tử sinh trong Tam Khí. Hóa thứ sáu ghi: Lão Quân họ Lý, húy

Hoằng Nguyên Diệu Linh, tự Quang Minh, sinh giờ Mão ngày ba tháng chín năm Canh Thìn niên hiệu Thượng Hòa thứ bảy. Lúc đầu được nuôi ở Lý Cốc, núi Thiên Cương, Linh Kính ở nước Ngọc Huyền, phương Bắc. Đêm mà Huyền Linh Thánh Mẫu sinh ra ông, có ba mặt trời xuất hiện ở hướng Đông, có chín con rồng phun nước, có Nguyệt phi tung hoa, có Nhật đồng tung lụa. Năm năm tuổi ông đã thể nhập đạo ngưng chân, năm hai mươi tuổi có dung mạo tuấn tú, bỏ nhà bỏ cha mẹ cất bước phong trần. Sau cảm được Nguyên Thỉ xuống chỉ dạy, trao cho Uất Nghi Thái Chương Thái Đổng Chân Kinh, Tử Vi Thiên đế Ngọc Thanh Quân đem Quỳnh dư (xe báu) xuống đón ông, tặng Đan Tỷ Phù Thư làm Thượng Thanh Kim Khuyết, sau làm Thánh Đế Quân, nắm giữ mười trời cùng thần tiên trong sông biển. Hóa thứ mười một ghi: Ngày một tháng bảy năm Thanh Trược nguyên niên, Lão Quân thác thai trong Huyền Thân Ngọc Tinh, hạ phàm làm Thái Nguyên ngọc nữ đến một ngàn ba trăm năm, hiệu là Vô Thượng Lão Tử, còn gọi là Đại Thiên Pháp Vương. Hóa thứ mười hai ghi: Năm Thanh Hán nguyên niên Lão Quân gởi thân trong Thiên Phi Huyền ngọc nữ tám mươi mốt năm, hiệu là Cao Thượng Lão Tử. Hóa thứ mười ba ghi: Ngày chín tháng chín, Giáp Ngọ năm Thanh Hán nguyên niên, Lão Quân giáng làm Nguyên Tố Ngọc nữ bảy mươi ba năm, hiệu là Cửu Linh Lão Tử. Hóa thứ mười ghi: Tháng Canh Ngọ, năm Canh Dần đời Ân thứ mười tám, vua Vương Dương Giáp, Lão Tử vào miệng của Huyền Diệu Ngọc nữ tám mươi mốt năm, đến ngày mười lăm tháng Giêng năm Canh Dần Vũ Đinh thứ chín, Thánh Mẫu mở nách bên trái đưa tay vịn cây lý, thì ông chào đời. Vừa sinh xong ông liền đi chín bước, mỗi bước sinh hoa sen, có chín con rồng phun nước. Ông có đủ bảy mươi hai tướng, tám mươi mốt vẻ đẹp, tay trái chỉ lên trời, tay phải chỉ xuống đất nói: "Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn, ta sẽ xiển dương đạo pháp vô thượng, phổ độ tất cả". Lại còn nói: Lý Long Phi nhờ tu mà sinh được Đạo Chân, vợ ông là Thiên Thủy Doãn Thị, ở tại làng Lại, ngủ ngày mộng thấy Thái Thượng từ trên trời đi xuống hóa thành trái huyền châu, bà nuốt vào và có mang, tám mươi mốt năm sinh một người đầu bạc đặt tên là Lão Tử, sinh dưới cây Lý, lấy họ là Lý.

Biện rằng: Phàm sao chạy thẳng Sao Mão là điềm lành của Văn Mạng, ánh chớp vây lấy sao là điềm lành của Hiên Hoàng, cầu vồng đâm thẳng xuống Hoa Chữ là lúc Thiếu Hạo Ứng kỳ, sao vây mặt trăng là điềm lành ứng hiện của Chuyên Húc, Rồng đen ảm đạm là điềm của Đế Nghiêu, Mây dồn u ám là điềm của Hán Tổ, như vậy những điềm

thần dị của Thánh nhân, sử sách đều ghi rõ, chứ chưa nghe Lão Tử lúc sinh ra có ba mặt trời cùng xuất hiện, đi vòng chín bước, có Nguyệt phi tung hoa, Nhật đồng tung lụa, lại còn sao rơi như mưa, lại có nhật thực. Xuân thu ghi việc này cho là việc lạ. Nếu Lý Nhĩ có những điềm lành như vậy tại sao Khổng Tử không ghi? Những việc như Lỗ Dương vung kính đẩy lui mặt trời, Hoài Nam Tử cũng có ghi việc này. Cảnh Công khéo nói mà đẩy lui Sao Huỳnh, Nhị Sư vung kiếm thì nước suối tuôn ra, Đam Cung lạy giếng thì nước phun lên, nếu có điềm lạ thì sử sách đều khen hay, việc của Lão Tử không thấy ghi, rõ ràng là việc không thật. Dựa vào đức lớn người khác để làm cái thần kỳ của mình. Thánh nhân hiện tướng dù có nhiều cách, nhưng thác hóa đản sinh không có hai lần. Trăm ức hóa thân của Thế Tôn chỉ trong tức thời liền có khắp đại thiên thế giới, hóa duyên xong rồi liền nhập Niết-bàn. Lão Tử đời nào cũng giáng sinh, thật là dối lừa quá mức! Vốn là Lý Nhĩ, sửa lại tên húy là Lý Bá Dương rồi gọi là Quang Minh, giấu đi tên thật thêm vào hiệu đẹp. Sử ký, Chân văn, chẳng thấy ghi chữ nào, Đạo thư ngụy thuyết bịa đặt trăm loại. Hai Hóa trước nói: Sinh trước Thái Dịch. Mười Hóa sau thì nói sinh sau Phục Hy, trên cái giả dựng cái ngụy, mê hoặc người sau. Đoạn trước nói: Lão Tử năm tuổi đã thú hướng, hai mươi thì nhập đạo. Đoạn sau nói: Tám mươi mốt tuổi mới sinh, đầu đã bạc trắng. Vốn tự mâu thuẫn đâu cần đợi ai công kích. Làng Lại ở Hào Châu quả không dám nhận, nước Ngọc Huyền phía Bắc cũng bịa đặt luôn. Đam Nhĩ bạc đầu mà dám nói có bảy mươi hai tướng tốt. Tư thông rồi mang thai mà dối rằng đi vòng chín bước, lấy điềm lành của họ Thích cho là điều lạ của họ Lão, đem mùi hôi của cỏ huân cỏ Du làm loạn hương lan hương chỉ. Bắc Huyền Ngọc Quốc núi sông không thấy ghi, Thiên Cương Lý Cốc, làng xóm chẳng ai hay. Vương Kiệm Bách Gia (Thái Úy Vương Kiệm có gia phả Bách Gia) không nghe đến tên Ngọc nữ vốn lạ họ gì, chắc là tộc họ huyền diệu nên ít nghe nhắc tới! Tìm trong bài tựa bộ Đạo Sĩ Giả Thiện Tường Cao Đạo Truyện thấy có ghi: “Bá Dương xuất thân từ họ Cơ nhà Chu”. Đã nói xuất thân từ họ Cơ nhà Chu thì Lão Tử không có mặt trong nhà Thương, đủ biết thời Dương Giáp không có Lý Nhĩ, đến thời Suy Chu mới thấy có Lão Đam. Hồ Tằng có bài thơ:

Bảy nước đánh nhau loạn không tha
Bốn biển không ai được ở nhà
Lão thị muốn đi sang Thiên Trúc
Liền dẫn Từ Giáp vượt Lưu sa.

Rõ ràng ông ấy ở vào cuối đời Chu. Ông ấy chạy loạn đến đất

Tần, mất và được chôn ở Hòe Lý, Tần Dật đến viếng khóc ba tiếng rồi đi. Đó là bằng chứng đích xác, không còn nghi ngờ gì nữa. Sử Ký Bản Truyện không ghi việc ông mất. Trong Hóa Hồ Lãng ghi: "Qua Lưu Sa". Thế mà lại đem điềm lành của Phật đản sinh trà trộn chung với chuyện Lão Tử qua ải. Dù khéo trộn giỏi biện nhưng ai tin? Trong Đôn Hoàng Thực Lục ghi: Chu Hoàn Vương năm thứ hai mươi chín, vua dạo ở sân đình cùng quần thần đối luận cổ kim. Vua hỏi:

- Cha của Lão Đam là người thế nào?

Thiên Thủy Thái Thú Sách Tuy đáp: xuông hàng Cha Lão Đam họ Hàn, tên Kiền, tự Nguyên Ty, dân nghèo gù lưng, lúc còn trong bụng mẹ đã không có tai, mù một mắt, cô độc đi xin ăn. Năm sáu mươi hai tuổi ông ta vẫn chưa có vợ. Ông ta tư thông với người con gái họ Ích Thọ tên là Tinh Phu vốn con bà già nuôi heo ở làng trên và Tinh Phu mang thai. Năm ông tám mươi mốt tuổi mới sinh Lão Tử. Sinh ra đầu Lão Tử đã bạc trắng, nên đặt tên là Lão Quân. Đây là việc có thật, nhưng không mấy nhã nhặn nên không lưu truyền. Trộm tài năng người khác muốn khoa trương họ Lão là Thánh, chẳng khác nhà có cây chổi cùn đáng giá ngàn vàng, việc này có ai tin không!

Ngụy thứ mười một: Ba lần làm Phật.

Hóa thứ ba mươi bốn ghi: Lão Quân bảo Hồ Vương: Ta sai đệ tử ta làm Phật, ngươi phải thờ nó làm thầy. Nói xong, ông sai Doãn Hỷ biến thân làm Phật, làm thầy người Hồ. Lại sai chế ra Tang Môn, trao cho pháp Phù Đồ, nói Kinh Tứ Thập Nhị Chương. Trong ấy lại nói: Lão Quân đến thành Xá-vệ tự hóa thành Phật ngồi trên tòa bảy báu, thân cao trăm ngàn vạn trượng, đầy cả hư không. Lại nói: Lão Quân muốn chỉnh đốn lại Phật giáo, nên vào năm Chu Trang Vương thứ chín, từ trên Phạm thiên ông sai Phiền Đà Vương vốn là đệ tử của Lão Quân thừa ánh sáng mặt trăng xuống thác sinh trong thai của Ma-gia phu nhân ở Thiên Trúc. Đến mồng tám tháng tư năm thứ mười, giáng sinh từ hông bên phải của phu nhân, sau vào Tuyết sơn tu hành sáu năm, đạo thành bằng Phật-đà, lấy hiệu là Mạt Mâu-ni. Đến Khuông Vương năm thứ tư hết hoằng hóa, Thái Thượng triệu về bảo Dịch Thiên làm Thiện Tuệ Tiên Nhân.

Biện rằng: Phàm gốc sâu thì quả tốt, nguồn xa thì dòng dài, hổ gầm thì gió nổi, rồng hú thì mây sinh. Lợi ích của Thánh nhân đều có nguồn sâu. Xưa trồng nhân lành thì nay hưởng quả tốt. Phật Thế Tôn ta trong ba vô số kiếp tích góp công hạnh, không bỏ Lục độ mà cầu Bồ-đề, bỏ thân mạng như cát sông Hằng, bỏ quốc thành bằng vô số vi trần,

trang nghiêm thế giới, độ thoát chúng sinh, sau được Nhiên Đăng thọ ký, bổ vào ngôi Ca-diếp, hạ sinh xuống Trung Ấn, thác sinh vào vương cung, đi vòng bảy bước, chỉ trời đất mà lập ngôn, ba mươi hai tướng lấn cả trời trăng sáng rỡ, bốn vua nâng gót ra khỏi phàm trần, sáu năm tu hành viên thành Chánh Giác, hiện thân trong trăm ức cõi nước, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, truyền diệu pháp cho trời người, hàng ngoại Đạo ở Song Thọ, hóa duyên hoàn tất về lại vô vi, ứng vật hợp thời thị hiện như vậy, đâu đợi Lão Tử bảo Doãn Hỷ hóa thân? Đạp công lớn người khác khoe là mình vượt trội? Phật sinh trong thời Chu Chiêu Vương, Lão Tử sinh trong thời Định Vương, cách nhau đến mười bảy đời vua, xa hơn ba trăm năm, hoằng hóa đã khắp cùng thiên hạ, giáo pháp đã xuống tận Long cung, nhà nhà kính ngưỡng cái phong cách nhân từ, khắp nước đều tuân theo phép tắc họ Thích, lẽ nào phải nhờ Lý Nhĩ chỉnh lại, Phiền Đà tái sinh chăng? Chắp đầu vá đuôi lừa gạt kẻ ngu, ngày xưa qua ải, dẫn theo Từ Giáp cùng đi chứ làm gì có trời người hộ vệ! Cỡi xe vận lương chứ làm gì có tòa bảy báu! Trán rộng tai dài chớ nào có thân cao muôn trượng! Quỷ quyệt khôn lường khinh Hiền dối Thánh. Cá Côn hóa thành chim Bằng, là lẽ tự nhiên; rắn thoát xác thành Trĩ, chẳng đợi công ai, đó là lý tự nhiên của vạn vật. Âm dương chiêu cảm, đúng lúc thì phát, chẳng do ai khiến mới được như vậy.

Lão Tử vốn là người phàm, thân làm bề tôi, đâu thể sinh khác thần thánh, lại sai Doãn Hỷ làm Phật! Mê muội tâm linh, mờ mắt người khác, trái lễ khinh Thánh, chuốc họa cày lưỡi. Thiện Tuệ Tiên nhân, sắp lên Bát địa gặp Phật Nhiên Đăng thọ ký vô sinh, đó là hiệu xưa của Thế Tôn ta. Sau khi thành Phật, công thành quả mãn, hóa duyên đã xong liền nhập Niết-bàn, chuyển thần qua cảnh thường lạc mãi trong cảnh giới vô vi, đâu thể làm Phật xong rồi lại làm Thiện Tuệ Tiên Nhân? Lấy sau đắp trước nhầm lẫn hoàn toàn, lấy cắp không đúng, phá tai mắt người. Trên trời tuy vui nhưng rốt cuộc vẫn luân hồi, không trách khỏi họa hoạn tam tai, khó ra khỏi cái khổ Ngũ suy. Thánh nhân vượt khỏi sinh tử, khổ vui không còn, siêu việt Tam giới, độc hành trong Lục trần, chứ làm sao về lại cõi trời, vào lại trần lao! Làm ô tạp Thánh nhân ta, khinh mạn Đại giác ta, người này chẳng khác những kẻ bỏ cả nhà cao cửa rộng, nhận lấy nhà tranh rách nát, bỏ cái tôn nghiêm của Thiên tử, nhận lấy cái thấp hèn của nô bộc, ngươi vui sướng với cái vinh cao sang, ta hổ thẹn với cái nhục phẩn đất. Đại thần nhà Tùy là Sở Quốc Công Dương Tố có lần đi ngang qua Lâu Quán, thấy trên tường có vẽ bức họa, ông hỏi Đạo sĩ:

- Đây là bức họa gì?

Đạo sĩ đáp:

- Bức họa Lão Tử hóa Hồ thành Phật.

Dương Tố nói:

Tôi nghe nói: Lão Tử giáo hóa người Hồ, người Hồ không nghe theo, Lão Tử biến mình làm Phật, người Hồ mới chịu nghe. Vậy thì Phật hay giáo hóa người Hồ chứ Đạo đâu giáo hóa được! Sao lại bảo Lão Tử Hóa Hồ!

Đạo sĩ không đáp được. Hay thay lời của Dương Tố! Bởi vậy người ta thường nói với nhau. Nếu người Hồ không biết có Phật trước thì lẽ nào chịu để Phật giáo hóa! Từ đó mà xét thì Ấn Độ đã có Phật trước rồi, nhưng nay lại nói: Doãn Hỷ làm Phật, Lão Tử giáo hóa, đó là khinh chúng ta quá mức!

Ngụy thứ 12: Mạo danh, giả Thánh.

Hóa thứ bốn mươi tám ghi: Thương Thái Tể hỏi Phu Tử:

- Phu Tử là Thánh nhân chăng?

Khổng Tử đáp:

- Thánh thì Khâu này không dám, Khâu này chỉ là người học rộng biết nhiều thôi.

- Tam Vương là Thánh nhân chăng?

- Tam Vương là người khéo tín nhiệm kẻ trí dũng, còn Thánh hay không, Khâu này không biết.

- Ngũ Đế là Thánh nhân chăng?

- Ngũ Đế là người khéo tín nhiệm kẻ nhân nghĩa, còn Thánh hay không, Khâu này không biết.

- Tam Hoàng là Thánh nhân chăng?

- Tam Hoàng là người khéo nắm nhân thời, còn Thánh hay không, Khâu này không biết.

Thái Tể thất kinh hỏi: Vậy ai là Thánh?

Khổng Tử đổi sắc diện đáp: Khâu tôi nghe Tây phương có Thánh nhân, không trị mà thiên hạ không loạn, không nói nhưng ai nấy đều tin, không giáo hóa nhưng ai nấy tự làm. Mênh mang thay! Dân không ai được vậy. Khâu tôi nghi ông ta là Thánh nhân.

Sử ký kinh ghi: Khổng Tử ở tại đất Lỗ, Lão thị ở trong triều Chu, từ Lỗ nhìn qua Lạc Dương của nhà Chu, thì Chu ở hướng Tây. Bởi vậy muốn chỉ Lão Tử là Thánh nhân Tây phương. Lúc Khổng Tử đi vấn lễ, đã có Do Long từng ca ngợi rồi, do đó Thánh nhân ở đây là chỉ cho Lão Tử.

Biện rằng: Phàm tự khoe khoang tự tâng bốc là hạnh xấu của đàn bà, chẳng kiêu căng chẳng trách phạt là nết đẹp của Thánh nhân. Bởi vậy, vua Thuấn đề cao công của vua Vũ lại ân thưởng cho ông ấy mà không tranh công, Khổng Tử khen Mạnh Chi Phản nhưng Phản nhường vinh hoa sống đời đạm bạc, việc đó ghi đủ trong Trọng Ni Thiên của Liệt Tử. Xưa nay đều nói, đó là Phu Tử suy tôn Phật là Thánh nhân Tây phương, (Đường Lâm Pháp sư dâng biểu cho Thái Tông, Trương Thừa Tướng soạn Hộ Pháp Luận đều trích dẫn đoạn văn "Phật là Thánh nhân Tây Phương" này), chứ chưa nghe Lão Tử ở Chu, Khổng Tử ở Lỗ, nên chỉ Lão Tử là Thánh nhân Tây phương. Ăn cắp tên giả mạo Thánh là khinh ta quá đỗi! Kẻ mạo nhận Thánh nhân là bất nhân, người nói trái đạo lý là vô trí. Hơn nữa Tổ của Đạo giáo phát xuất từ Hoàng đế, đâu liên can đến Lão Tử. Lão Tử làm thầy Dung Thành Tử diễn nói năm ngàn lời, giả sử nói là Thánh đi nữa cũng đâu thể hơn Hiên Viên. Đến như Tam Hoàng, Ngũ Đế, Khổng Tử còn không suy tôn là Thánh mà trái lại chỉ Lão Tử là Thánh nhân. Không phải quá sai lầm ư! Đức Thế Tôn ta công tròn vạn hạnh, quả chứng thập thân, phóng quang đến khắp sát trần, phân thân cùng khắp sa giới, không thể đem việc người mà lường được, không thể dựa vào xứ sở mà tìm cầu, thật là bậc đại sư của ba cõi, là cha lành của bốn loài, độc tôn ở cõi trần là pháp vương trong muôn vương, là bậc độc tôn xuất thế, là đại thánh trong ngàn thánh. Bởi vậy, nên hay nâng cao nguồn giác, lưu bố đến vạn bang. Còn như Chu Công chế Lễ làm Nhạc, Khổng Tử thuật Dịch định Thi, văn chương như Bốc Yển, ngôn ngữ tựa Đoan Mộc, biện bác như Mã Thiên, thông thái như Cát Hồng, luận huyền như Phụ Tự, thần hóa cỡ Tả Từ cũng chỉ tới lui trong đất nước, nói năng chưa vượt phương xa, chỉ có thể làm người cao minh trong đời lành, chứ khó làm nên bậc Thánh xuất thế. Đất Thánh của Thiên Trúc là nơi ngàn Hiền quy tụ, chư Phật quá khứ đều sinh ở đây. Hán thư của Phạm Hoa có chép: "Đất ấy rộng bằng Trung Thổ, đèn ngọc sáng soi, là nơi Linh Thánh xuống tụ tập, Hiền tài xuống đản sinh. Bởi vậy đất này từ xưa, bậc Hiền tài lúc nào cũng có". Trong Lão Tử Tây Thăng kinh chép: "Văn ĐạoTrúc Càn (nay đổi là Khai Đạo Trúc Càn) có Cổ Hoàng Tiên Sinh, giỏi nhập vô vi, chẳng đầu chẳng cuối, vĩnh tồn mãi mãi, bởi vậy nên đi về Tây".

Trong Cổ Bản Hóa Hồ Kinh ghi: "Ta sinh sao muộn thế, Niết-bàn sao sớm vậy, không gặp Thích-ca Văn, trong lòng ưu tư mãi". Đó là Lão Tử muốn chỉ đến Đức Phật là Thánh nhân Tây Phương.

"Lại nữa, Hoàng đế nằm mộng thấy mình đến nước Hoa Tư, nước

này ở phía Tây Cam Châu". Vương Thiệu chú thích: Đây chỉ cho Thiên Trúc ở phía Tây. Thời Chu Mạc Vương, nghe Phương Tây có Thánh nhân ra đời, vua rất lo sợ liền sai Tháo Phụ đi xe tám tuấn mã Hoa Lưu lên thẳng Côn Lôn ở hướng Tây, thấy mặt trời lặn thì yểm khí tượng ấy. Sau đó có Hóa nhân từ hướng Tây sang, người này có thể úp trời lật đất, sức thần khôn lường, thiên biến vạn hóa, không thể cùng tận, Mục Vương tôn kính ông ấy như Thần, dựng Trung Thiên Đài cho ông ấy ở. Hóa nhân dẫn Mục Vương đi thần du, chỉ trong chốc lát, tưởng đã mấy năm.

Lại nữa, Mục Vương năm thứ năm mươi hai, Như Lai diệt độ, hướng Tây xuất hiện một cầu vồng trắng mười hai đường, xuyên suốt từ Nam sang Bắc, mấy đêm không tan. Vương hỏi Thái Sử Hỗ Đa:

- Đó là điềm gì?

Hỗ Đa đáp:

- Tây Phương có Đại Thánh nhân xuất hiện tướng suy rồi!

Mục Vương vui mừng nói:

- Trẫm thường lo sợ ông ta, nay thì hết lo rồi.

Đó đủ thấy Thánh Địa Trúc Càn là nơi Thánh nhân ở, bởi vậy được Hiền vương về Tây cầu tìm, Hóa nhân từ Đông sang.

Lại nữa, Trương Khiêm phụng sứ đi Tây, đến xứ Đại Hạ, nghe phía Nam Tuyết sơn có nước Thân Độc, dân ở đây thờ Phù Đồ, không sát phạt, cỡi voi ra trận. Thân Độc tức Ấn Độ bây giờ. Đủ thấy phong tục nhân từ được ghi rõ trong sách sử nhà Hán. Những điều vừa trích dẫn đều chỉ Ấn Độ là Tây Phương. Phật sinh ở đó, cho nên muốn chỉ Phật là Thánh nhân Tây Phương, lẽ đâu lại nói Lạc Dương là Tây Phương? Lão Tử là Thánh nhân ư?

Lại nói: "Trước Khổng Tử từng có Do Long ngợi khen, nên Thánh đức ở đây chỉ cho Lão Tử". Ý đoạn này muốn đem việc Khổng Tử có lần đến hỏi Lễ, rồi cho Khổng Tử là đệ tử của Lão Tử. Khổng Tử nói: Ta không có ông thầy cố định, người chuộng cái thiện là thầy ta. Ba người cùng đi ắt có người là thầy ta. Bởi vậy, Khổng Tử học đàn ở Sư Tương, hỏi nhạc ở Tránh Hoàng, hỏi Quan ở Đàm Tử, vào Thái miếu mỗi mỗi việc đều hỏi để biết. Có người hỏi về trồng lúa, ông đáp ta không bằng nhà nông chuyên nghiệp. Có người hỏi về trồng rau, ông đáp: Ta không bằng người trồng rau lâu năm. Đủ thấy Khổng Tử thật lòng tiếp nhận cái tốt, canh cánh với đạo, lẽ đâu chỉ dạy một việc liền cho mình là thầy người ta? Bởi vì lúc đó Lão Tử làm chức Thủ Tàng, nắm lễ điển của nhà Chu nên Khổng Tử mới hỏi ông ấy. Nếu cho rằng

hỏi Lễ thì liền làm thầy Khổng Tử, thì nhà nông và người trồng rau kia cũng là thầy của Khổng Tử sao? Đương nhiên là không phải! Mua danh dối đời, cầu làm thầy người khác, người quân tử không bao giờ làm!

Ngụy thứ 13: Hợp khí làm đạo.

Hóa thứ mười ba ghi: Ngày mười hai tháng bảy năm Chu Chiêu Vương thứ hai mươi ba, Lão Tử đến Hàm Quan. Doãn Hỷ gặp xong liền mời ông ta về nhà mình. Ông ta nói Đạo Đức Kinh hai thiên hơn năm trăm lời. Doãn Hỷ khấu đầu xin nhận pháp yếu. Lão Quân nói: Hay lắm! Thế rồi Lão Quân giảng giải yếu chỉ trong Đạo Đức Kinh rằng: Đạo nghĩa là Niết-bàn. Niết-bàn là Thiên đức. Lý ở trong đầu người, khí tía đi dần xuống cho đến đan điền, đó gọi là Đổ, nghĩa là Tỳ. Tỳ là Trung Hoàng Thái Nhất khí vàng quanh co trong vòng của Lý. Mẹ của vạn vật là Đan điền. Đan điền là Huyền tẫn, ở dưới Nguyên Trung. Trong một đêm, một hơi đi xuống rồi đi lên ba vòng, cùng phát sinh nhưng tên gọi khác nhau, chỉ cho tinh một là tinh, hai là mồ hôi, ba là máu, bốn là chất nhờn, bởi vậy nên nói “khác tên” là thế. Huyền rồi lại huyền là mồ hôi bên trái bên phải. Cửa ngõ muôn diệu, đạo khả đạo tức là sáng ăn đồ ngon. Phi thường đạo tức chiều thành phân. Đó là dựa theo Trương Đạo Lăng mà giải nghĩa, Đạo Lăng cũng nói như vậy. Có, không cùng sinh là miệng và bụng; khó, dễ cùng thành là tinh và khí. Đó là pháp yếu mà Lão Tử truyền cho Doãn Hỷ. Ông ấy còn trao cho Doãn Hỷ bộ Thần Đan Kinh, Kim Dịch Kinh và khẩu quyết của Bát Luyện Cửu Hoàn Đan Phục Hỏa. Phương pháp ấy là:

Kim Dịch, Hoàn Đan Tiên Hoa truyền
Bay cao tận mây lên thấu trời
Khí đỏ khí vàng thành giây lát
Sẽ có thư hùng chia hạt châu
Có thể biến ngay đến Hàng Trù
Linh đồng Ngọc nữ là chồng ta
Ra vào không ngại cùng trời hợp
Chân tính ngưng tụ khéo nổi chìm
Ông nên trân kính ắt đến chơi.

Lão Tử lại trao tên của Cửu Đan và bài ca:

Tròn mười lăm tấc một phân
Miệng ba hai, môi hai tấc
Dài hai thước, mỏng dày đều
Bụng ba, ngồi thẳng buông hơi
Âm ở trên, dương chạy dưới

Đầu đuôi, văn ở giữa võ
Đầu bảy mươi, cuối mười ngày
Trong hai trăm, khéo quân bình
Lửa âm trắng vàng sinh chì
Hai dòng hợp lại giúp người
Ông ở trong cung an mãi
Đến đi chẳng ra khỏi cửa.

Biện rằng: Phàm Đạo quý ở chỗ thanh tịnh, đức chuộng cái vô vi, bên trong giữ điềm đạm, bên ngoài tỏ khiêm cung, chẳng dựa đạo này dị lập đa đoan, chỉ lấy điều khí vận công cho là tu dưỡng, đánh mất thuần túy của đạo đức, làm trái cửa mầu của tự nhiên, dối trá xảo ngôn lại thêm xuyên tạc, giữ đan điền là chí đạo, mím hai môi là trùng huyền, xấu xa thô kệch lừa dối mọi người. Bọn Vương Kiều, Tiện Môn chẳng ưa cách này, bọn Bạch Thạch Xích Tùng chẳng theo đạo ấy. Đan kinh luyện Quyết nhiều năm chẳng thấy, uống cháo ăn cỏ, chưa từng thấy lâu. Chu Vũ uống linh đan đến nỗi câm ngọng, Đường Võ uống Đan dược mà phải mất sớm, lừa dối không biết bao hiền lương, chẳng vui ở trời được một bữa. Nếu chân quyết của Đạo đức, cực lý nếu chỉ chừng này, thì văn còn trong Đạo tạng cũng chẳng đáng quý. Nay Đạo sĩ lại bày ra thuật hèn, hoặc phò chim Loan rồi làm loạn sử sách, lại ham uống đêm; hoặc đuổi tà giết quỷ lừa người trừ hung; hoặc xây tường vòng mà tự giữ, đó là tọa trì; hoặc tiếc ngôn từ rồi không làm, đó là im ngu; hoặc nói gấu dẫn chim muốn ngang hàng với Bành Tổ; hoặc uống khí dưỡng thần muốn sống lâu như rùa hạc; hoặc vận tinh lên não rồi bảo là quán hà xa; hoặc giữ đan điền để mạnh bên trong rồi cho là bảo dưỡng; hoặc hợp khí làm thành đạo, cha con loạn dâm; hoặc đoạt tinh hút thần, nam nữ hỗn tạp. Nghiến răng bảo là trống trời, nuốt nước bọt bảo là suối ngọt, gọi nam căn là Kim thái, chỉ mong mạnh mẽ; gọi nữ khiếu là ngọc hộ là che giấu tên xấu, gọi đồng nữ là Chân nhân, gọi giao cấu là long hổ, trẻ con bé gái tới lò luyện thủy ngân đan sa; đó gọi là mở mệnh môn, ôm chân nhân; trẻ con về thì long hổ giỡn, ba năm bảy chín thiên la địa võng. Bởi vậy trong Hoàng thư của Trương Đạo Lăng ghi: “Nam nữ có cách hòa hợp, ba năm bảy chín là con đường giao tiếp. Muốn thông chân quyết đều ở đan điền. Đan điền là cửa ngọc, rất ư cấm kỵ không cho bài tiết trong đạo lộ. Đạo lộ là hậu môn.”

Lại nữa, trong Đạo gia Nội Triêu Luật ghi: “Dạy nam nữ đến ngày mồng một, ngày rằm, sáng sớm thầy vào phòng riêng, hãy tới thầy mà lập công đức, âm dương đều tiến, ngày đêm sáu thời phải lập công

đức, không được bỏ mất thứ tự hầu hạ, không được ham ngoại đạo bỏ mất cái đạo dâng hiến cho người trong đạo, không được đổi trước xếp sau làm mất thứ tự, cũng không được chê xấu ưa đẹp. Trong ấy còn nói: Ngày mồng một, ngày rằm hầu thầy ở phòng riêng, tình ý thân nhau, nam nữ giao tiếp, khiến bốn mắt hai ta trên dưới ngang bằng, hai miệng hai lưỡi, hai bên đối nhau, âm dương đã tiếp thì tinh khí liền thông. Bởi vậy Lão Tử nói: Thầy ta dạy ta Kim Đan Kinh, khiến ta chuyên tâm dưỡng ngọc hành (dương vật đàn ông), ba năm bảy chín về âm tinh, hô hấp ngọc trì (âm hộ) vào huyền minh, hành đạo bình đẳng lên thái thanh, nghĩa bài ca Quyết đều như vậy". Cứ thế đú đởn bảo là chân tu, chẳng nhớ lời dạy về nguồn trình mệnh, chỉ làm thuật tà hợp khí bậy bạ, lấy đó cầu đạo chà đạp nhân luân, lại muốn thăng hoa trọn đời chẳng được, lấy đó diệt tội tội chẳng hề mất, lấy đó trừ họa họa chẳng thoái lui, lấy đó cầu phước phước chẳng thấy có, lấy đó xuất gia gia chưa hề xuất, chẳng khác nào nấu cát mà mong thành cơm, uổng phí công lao, tìm hình thật trong gương rốt cuộc chẳng được. Than ôi! Bỏ hạt châu dưới cổ con Ly long mà lượm ngói gạch, ôm cái vạc quý giá mà thèm trấu cám, tự lầm, làm mê lầm người khác, chết chìm trong biển khổ, Thương thay! Thương thay!

Ngụy thứ 14: Ăn cắp thần hóa của Phật.

Hóa thứ bốn mươi hai ghi: Lão Tử vào nước Ma-kiệt hiện tướng hy hữu để giáo hóa vua nước này. Ông lập ra Phật giáo, ông có tên là Thanh Tịnh Phật, hiệu là Mạt Ma-ni. Ông đến nước Xá-vệ, tự hóa làm Phật, từ trên trời đi xuống, trời người theo hầu, hiện thân cao trăm ngàn vạn trượng. Ông lại đến nước Kế Tân hàng phục Hồ Vương và Vương tử, lửa đốt không cháy, nước nhận không chìm, vạc dầu nung không tan, trăm vạn lính Hồ cầm cung tên kiếm kích, ông đồng loạt xô ngã, xẹt tám đường chớp, tiếng vang như sấm, người ngựa té nhào, lại hóa ra Quách Tiên sinh ẩn đầu trong hư không. Ông lại đến nước Điều Chi, tay nâng núi lớn. Ông đến Câu-tát-la hàng phục chín mươi sáu phái ngoại đạo. Ông đến nước Ca-di-la tay trái cầm mặt trời, tay phải nắm mặt trăng, rồi giấu ở trong đầu, trời đất tối tăm, núi bay đá nát, nước biển chảy ngược, núi sông bay bổng trên không. Ông đến Vu-điền, tại núi Nam cử chỉ dạy Hồ Vương, sai Doãn Hỷ làm người vàng (Phật), thân cao một trượng sáu, cổ đeo hào quang, chân đạp hoa sen, từ hư không bước xuống, bái lạy Lão Quân. Ông bảo Hồ Vương: Người này là đệ tử ta sẽ làm thầy ông. Ông để lại bát thần để hỷ được pháp vị. Ông lại đến thành Tỳ-ma, đất biến màu vàng, ông phóng thần quang chín màu

chiếu khắp trần sa nước, cõi nước liền có Xích Liên Chân Nhân, Trung Hoàng Trượng Nhân, Thái Nhất Chân Quân, Cửu Cung Lục Đinh, Bát Quái Thần Quân, Thanh Long Bạch Hổ, Ngọc nữ tung hoa, cỡi mây đi đến. Lão Quân ngồi tòa bảy báu, đốt trăm thứ hương, tấu đủ nhạc trời, lại có Đế vương Phi hậu của hơn tám mươi nước đều đến nghe pháp. Ông để Doãn Hỷ ở lại làm Phật và để bát ở lại thành Tỳ-ma rồi bay lên trời. Lão Quân còn hàng phục con rồng độc lớn ở Thông Lãnh, đi khắp Thiên Trúc, ở núi Kỳ-xà ngồi dưới gốc cây, hóa ra tòa ngọc nói pháp cho vua nghe, lại độ hai ngàn năm trăm Sa-môn cho thọ giới luật. Trong hóa thứ sáu mươi sáu ghi: Chùa ở thành Tỳ-ma nước Vu-điền là nơi Lão Quân hóa Hồ thành Phật, trong ấy còn trụ đá ghi lại việc này, Thánh nhân Đông Phương là Lão Quân đến giáo hóa nước ta, phía dưới còn ghi cầu học, luận nghị để chứng minh sự tích này.

Biện rằng: Xét Hậu Hán Tây Vực Truyện, Tam Quốc Chí, Ngụy Tùy Thư, Tây Vực Chí đều ghi: Tây Thiên Ngũ Ấn có Thánh tích của Phật, dù tràng hay trụ đá đều khắc việc này, chứ không nói đến Lão Quân từng để tên tuổi ở đây. Ban đầu Trương Khiên đi Tây mới truyền danh từ Phù Đồ, mãi đến ngày nay, quốc sứ đi lại cả đến trăm người đều không thấy thuyết Lão Quân Tây Hóa. Cổ Cốc Hoàng Đế chinh Tây đến tận biển, nơi mà ông đến chỉ có Tăng Phật. Đi gần đến biển Tây bắc, ông gặp một nước, tháp Phật trong thành dày đặc như rừng, quốc vương nước ấy cũng làm Hòa thượng. Lại nữa, Vương Huyền Sách đời đường phụng chiếu đi Tây, ông đến nước Ma-kiệt-đà, núi Kỳ-xà-quật và nơi Phật thành đạo, đều thuật lại bài Minh trên bia, tán thán sự giáo hóa nhiệm mầu của Phật, chứ chưa nghe nói có việc của Lão Quân (những bài Minh tán thán đó còn trong Vương Huyền Sách Truyện). Lại nữa, Trạm Nhiên Cư sĩ hộ giá theo Thái Tổ chinh Tây đến Vu-điền và nước Khả-phất-sa, vượt Thiên Sơn, qua Tuyết Lãnh, phong hóa đều ghi rõ nhưng chưa nghe nói có việc của Lão Tử. Đến nay thân đệ của Hu Liệt Đại Vương Hoàng Đế trấn thủ Tây Vực, phía Tây Tuyết Sơn, sứ giả đi về, qua lại không dứt. Ông ấy bỏ công tìm hỏi việc của Lão Quân, nhưng họ đều nói không nghe nói đến. Như vậy, những việc thần dị của Lão Tử chỉ là ngụy tạo trong Đạo thư, đã không phải là chứng tích chung thì có gì đáng tin!

3. Vua hạ chiếu cấm những phẩm kinh trong Đạo tạng:

Phụng theo Thánh chỉ cấm những bản kinh trong Đạo tạng dưới đây, ai thấy phải thu ngay:

Hóa Hồ Kinh (Vương Phù soạn), Do Long Truyện, Thánh Kỷ Kinh, Tây Thăng Kinh, Xuất Tắc Kinh, Cửu Thiên Kinh, Xích Thư Kinh, Thượng Thanh Kinh, Nam Đẩu Kinh, Ngọc Vĩ Kinh, Kỷ Thắng Phú, Biện Tiên Luận (Lương Quảng soạn), Căn Tà Luận, Tam Phá Luận (người Tề là Trương Dung đổi họ khác), Minh Chân Biện Ngụy Luận (Ngô Quân soạn), Thái Thượng Thực Lục, Thập Sơn Luận, Thanh Dương Cung Ký, Huyền Cửu Nội Truyện, Đế Vương Sư Lục, Tam Thiên Liệt Ký, Thập Di Cửu Mê Luận (Phó Dịch Lã Huyền Khanh soạn), Lịch Đại Ứng Hiện Đồ, Phật Đạo Tiên Hậu Luận, Khâm Đạo Minh Chứng Luận (Đường Viên Bán Thiên soạn), Phụ Chánh Trừ Tà Luận (Ngô Quân soạn), Tịch Tà Quy Chánh Luận (Đỗ Quang Đình soạn), Thập Nhị Hư Vô Kinh, Tàng Thiên Ẩn Nguyệt Kinh, Xích Họa Độ Mạng Kinh, Lâu Quán Tiên Sinh Nội Truyện, Báng Đạo Thích Kinh (Lâm Linh Tố, Đỗ Quang Đình soạn ra để phá Đại Tạng Kinh), Tam Giáo Căn Nguyên Đồ (Kim Thiên Trường Quán Lý Đại Phương Soạn), Lịch Đại Đế Vương Sùng Đạo Ký, Cao Thượng Lão Tử Nội Truyện, Linh Bảo Nhị Thập Tứ Sinh Kinh, Hỗn Nguyên Sinh Tam Thanh Kinh, Ngũ Công Vấn Hư Vô Kinh, Hỗn Nguyên Hoàng Đế Thực Lục.

4. Đốt tạng kinh của Đạo giáo:

Vua hạ Thánh chỉ cho chùa Đại Mẫn Trung ở Đại Đô phải đốt những bản kinh ngụy tạo trong Đạo tạng. Trừ Đạo Đức Kinh ra còn lại phải đốt hết. Vua lệnh cho Trưởng lão Lâm Tuyền Luân trụ trì Báo Ân Thiền tự ở Đại đô châm lửa. Trưởng lão tạ ân xong niêm hương nguyện:

Thiên tử nhân từ thương chúng sinh
Sợ đọa tam đồ hố tà kiến
Việc này không mảy may thiên lệch
Cốt muốn thực hư được rõ ràng.

Bởi vậy đạo Thánh soi vô tư, thiên cơ khó lường, xưa nay nhờ đức, dám chẳng báo ân! Nén hương này xin thành tâm cầu chúc: Thế chủ Đại Nguyên, đương kim Hoàng thượng, Thánh thể vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế. Phục nguyện: Kim luân và Pháp luân đồng chuyển, phước vượt ba kỳ; Thuấn nhật và Phật nhật cùng soi, thọ lâu ức kiếp.

Tiếp đó Trưởng Lão cầm lửa và đọc tiếp: Nhớ xưa năm này, Hoàng thượng từng nhờ lửa dữ mà biện rõ gian tà, Đại Nguyên Thiên tử tiếp nối triều cương, đỡ chánh xô tà, ai nấy đều biết. Than ôi! Đạo giáo ngầm đục kinh Phật, từ xưa đến nay dối trá đặt điều, ăn cắp văn từ kinh

Phật, cắt xét tên mục huyền văn, phỉ báng Như Lai, chà đạp tiên thánh, ngôn từ xú uế há đáng tin ư? Cuồng ngôn loạn ngữ thật không nói hết! Đầu tiên là Trương Lăng soạn bừa, không tuân lời huyền của Lão thị, dối tạo Tiêu Thư, biên soạn Linh Bảo, nói dối rằng từ hư không rơi xuống, khoác lác rằng do Thái thượng truyền trao. Dùng quỷ phép của Tam Trương để dối gạt người ngu, bày Thần Phù Ngũ Vận để lừa phỉnh đàn bà. Từ đó mà xét, Cát Hiếu Tiên dối nêu yếu diệu, Đào Hồng Cảnh ngụy thuật từ chương, Đỗ Quang Đình thật khéo ăn cắp, chẳng khác giặc cướp, Lục Tu Tĩnh ngoài tốt trong hèn giống y thuyết khách. Nếu không phải ăn đắng nuốt cay, lẽ đâu chịu nói dài nói ngắn! Bào Tĩnh bị giết thật đáng, Vương Phù chuốc họa tày trời; Phó Dịch Khương Bân, không khỏi chép càn, Trương Sinh Tiêu Bối đâu đủ bàn luận, Khấu Khiêm Chi miệng lưỡi điêu ngoa, hại người lợi mình; Lâm Linh Tố âm mưu quỷ quyệt, nước mất nhà tan. Chê người tài đức ắt chịu nhục một lúc, diệt người hiền lương tất mang họa ba đời. Nhân quả không sai, báo ứng rõ ràng. Than ôi! Thương cho Pháp Lâm chẳng may gặp phải gièm pha, ôi Đạo Thế dù tài sinh cũng khó làm. Khiến cho Thích tử thương tâm. May thay Hoàng Thiên thấy rõ.

Cung duy: Thế chủ Đại Nguyên Thánh Minh Hoàng đế bệ hạ ta, dẫn chính tề tà, bỏ ngụy giữ chân, sợ chúng sinh đọa mãi trong bến mê, khiến trăm họ đều lên bờ giác, rửa oan đã xong, cảm tạ Hoàng ân, dù chẻ xương đập tủy cũng khó báo ơn này, nên nay dùng lửa này vẽ một vòng tròn. Chư nhân giả: Như Tam Động Linh Văn kia có thể chứng Hỏa quang Tam-muội này không? Nếu được ngay đây liền được. Nhà có kinh Bắc Đẩu, luống dạy người ta chẳng an, nếu không như vậy, thì từ sau lửa tàn khói bay, cuốn họ đến nơi tìm gặp Thiên Tôn để mau gặp mặt.

Ngày hai mươi tháng mười năm Chí Nguyên mười tám, Trưởng lão Lâm Tuyền trụ trì Báo Ân Thiền tự ở Đại Đô phụng chiếu phóng hỏa.

5. Những vị Tăng, Đạo trì luận:

Những vị Trưởng lão biện luận với bọn Đạo sĩ gồm mười bảy người:

- Yên Kinh có:

Trưởng lão Tùng Siêu chùa Viên Phước.

Trưởng lão Đức Hanh chùa Phụng Phước.

Trưởng lão Tùng Luân viện Dược Sư.

Trưởng lão Viên Dận chùa Pháp bảo.

Tăng Thống Chí Ôn chùa Tư Thánh

Trưởng lão Minh Luật phủ Đại Danh.

- Tô châu gồm:

Trưởng lão Bản Liên núi Cam Tuyền.

Trưởng lão Đạo Vân chùa Thượng Phương.

- Loan châu có: Trưởng lão Tường Mại chùa Khai Giác.
- Bắc kinh có: Giảng chủ Liễu Tuân chùa Truyền Giáo.
- Đại Danh phủ có: Giảng chủ Khánh Quy chùa Pháp Hoa.
- Long Môn huyện có: Kháng Giảng Chủ Hành Dục.
- Đại Đô có: Giảng chủ Đạo Thọ chùa Diên Thọ, Luật chủ Tương Duệ chùa Ngưỡng Sơn, Giảng chủ Thiện Lãng chùa Tư Phước.
- Giáng châu có: Duy Thức Giảng chủ Tổ Khuê, Giảng chủ Nguyên Nhất ở Thục châu.

Những vị còn lại trong luận này đã nói đến.

Đinh Hợi: Tháng hai nhuần, vua hạ chiếu lưu hành Chí Nguyên Sao.

Mậu Tý: Ngày hai mươi mốt tháng giêng đại xá thiên hạ.

6. Giang Nam Thiền Giáo Đăng Đối Lục:

Ngày mười chín tháng giêng năm Chí Nguyên thứ hai mươi lăm, Giang Hoài Thích Giáo Đô Tổng Thống Dương Liễn Chân Ca soạn tập bộ Giang Nam Thiền Giáo Triêu Cận Đăng Đối, và dâng vua xem. Thượng Trúc bước ra, vua hỏi:

- Thầy giảng kinh gì?
- Kinh Pháp Hoa.

Vua hỏi:

- Tiên Lâm giảng kinh gì?

Lâm đáp:

- Bách Pháp Luận.

Nói xong Lâm lui về chỗ ngồi rồi đem việc của Hòa thượng Kính Sơn Vân Phong hỏi:

Thiền lấy gì làm Tông?

Thượng Trúc đáp:

- Thiền là tịnh trí diệu viên, thể vốn không tịch, không phải dùng thấy nghe hiểu biết mà biết được, không phải dùng suy nghĩ phân biệt mà hiểu được.

Vua bảo nói lại lần nữa, Sư nói:

Tông của Thiền bắt đầu từ hai mươi tám Tổ Tây Thiên, sáu Tổ Đông Độ. Từ Ca-diếp truyền cho A-nan, A-nan truyền cho Thương-na-hòa-tu, Thương-na-hòa-tu truyền cho Ưu-ba-cúc-đa, cứ thế lần lượt truyền xuống đến Tổ hai mươi tám là Bồ-đề Đạt-ma. Bồ-đề Đạt-ma là Sơ tổ của Đông độ. Sau khi đắc pháp, Tổ phá hết sáu tông tà, nhìn sang nước Chấn Đán phía Đông thấy ở đó có căn khí Đại thừa, nên Tổ liền đi thuyền sang. Gặp Lương Hoàng (Lương Võ Đế) cơ phong không khế hợp, thế là Tổ cỡi cành lau vượt sông, đến núi Thiếu lâm ngồi xoay mặt vào vách suốt chín năm. Sau khi gặp Nhị tổ Thần Quang chặt tay, đứng trong tuyết, Tổ hỏi:

- Ông cầu việc gì?

Thần Quang đáp:

- Tâm con chưa an, xin thầy an tâm cho.

Tổ nói:

- Đem tâm ra đây ta an cho.

Quang nói:

- Con tìm hoài chẳng được.

Tổ nói:

- Vậy ta đã an tâm cho ông rồi đó!

Thế rồi Quang được truyền tâm pháp. Thần Quang truyền cho Tam tổ, Tam tổ truyền cho Tứ tổ, Tứ tổ truyền cho Ngũ tổ. Ngũ tổ vốn là ông lão trồng tùng (Tài Tùng Đạo giả). Tứ tổ nói với ông:

- Ông nay tuổi đã cao, nếu đầu thai lại, ta sẽ ráng sống chờ ông.

Nghe vậy, Ngũ tổ liền đến bến sông nọ, gặp người con gái mới hỏi xin ngủ nhờ rồi thác thai luôn, đó là đứa trẻ không có họ ở huyện Hoàng mai. Về sau Tứ tổ truyền pháp cho đứa trẻ đó làm Ngũ tổ. Pháp Tịnh Hoàng mai có bảy trăm Cao tăng chỉ mình thượng tọa Thần Tú làm Thủ tòa. Tổ thấy cơ duyên truyền y pháp đã đến bèn sai mỗi người hãy làm một bài kệ. Thần Tú liền viết bài kệ của mình lên vách chánh điện rằng:

Thân là cây Bồ-đề
Tâm như đài gương sáng
Phải siêng năng lau chùi
Chớ để bụi trần bám.

Ngũ tổ nói: Bài kệ này cũng chưa thấy tánh, bởi vì còn trệ trên danh tướng, chưa thoát khỏi trí giải, còn trong học địa.

Vua truyền chỉ cho Sư kể lại mọi chuyện, Sư kể xong tâu tiếp: Lúc này Lư hành giả ở tại nhà trù giã gạo cho chúng. Ngũ tổ vốn biết

Lư hành giả đã vào được cửa giác ngộ. Lư hành giả vốn không biết chữ, ngài bèn nhờ người viết bài kệ mình lên vách bên cạnh bài kệ của Thần Tú rằng:

Bồ-đề vốn không cây
Gương sáng cũng không đài
Xưa nay không một vật
Bụi trần bám ở đâu?

Ngũ tổ giảng giải: Bài kệ của họ Lư đã đạt đến "xưa nay không một vật" tức là đã sạch không hết các hữu, thấu triệt cội nguồn vạn pháp.

Vào nửa đêm hôm đó Ngũ tổ mật truyền y pháp cho Lư hành giả. Họ Lư nhận y bát xong liền trốn đi ngay trong đêm đó. Khi ngài chạy đến núi Đại Dữu bị Thượng tọa Minh truy đuổi kịp. Ngài liền đặt y bát trên một tảng đá nói: "Đâu thể dùng sức mà giành được!". Minh đến dùng hết thần lực của mình nhưng vẫn không nhích nổi bát. Minh liền nói: "Tôi vốn vì pháp đến đây chứ không phải vì y". Lục tổ bước ra nói: "Không nghĩ thiện không nghĩ ác, ngay lúc ấy cái gì là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?".

Tuệ Minh ngay đó liền đại ngộ. Thần Tú về Hà Bắc tự xưng là Lục tổ, nhưng tri giải vẫn còn, vì trệ trên danh tướng, nên liệt vào Tướng tông, bởi vậy giáo tông thịnh hành ở Tây bắc. Tuệ Năng truyền pháp ở Tào Khê, bởi vậy Thiền rất thịnh ở Đông nam. Từ đó người ta gọi là Nam Năng Bắc Tú. Đó là lý do của sự phân chia Thiền và Giáo.

Tào Khê truyền cho Nam Nhạc Hoài Nhượng, Hoài Nhượng vốn là phân thân của Quán Âm Đại sĩ. Hoài Nhượng truyền cho Mã tổ, đó là "Ngựa câu đạp giết người thiên hạ", Mã Tổ truyền cho Bá Trượng. Lúc Bá Trượng đứng hầu, Mã Tổ cử công án treo phất tử, rồi hét một tiếng, Mã Tổ ngay đó đại ngộ, đến ba ngày sau vẫn còn ù tai. Bách Trượng kể lại việc này cho Hoàng Bá, Hoàng Bá bất giác lè lưỡi, ngay đây Bá Trượng thông suốt diệu dụng của tiếng hét. Về sau, Lâm Tế đến Hoàng Bá, ba lần hỏi "Đại Ý Phật Pháp" thì ba lần đều ăn cả thảy sáu mươi gậy. Sau, trong pháp hội của Đại Ngu, Lâm Tế kể lại việc này rồi hỏi "Lỗi ở chỗ nào?". Đại Ngu nói: Hoàng Bá đã tận tâm hết lòng vì ông như vậy, ông còn tìm lỗi nữa ư!".

Lâm Tế nghe xong hoát nhiên đại ngộ, liền nhằm hông Đại Ngu thoi ba cái. Đại Ngu nói: "Thầy ông là Hoàng Bá chẳng liên can gì đến ta!".

Lâm Tế quay về Hoàng Bá liền đánh ba bạt tai. Từ đó lưu thông

câu kệ “Lâm Tế vào cửa liền hét”. Đó là lý do phát sinh câu kệ.

Còn câu “Gậy của Đức Sơn” là câu chuyện về Chu Kim Cang.

Vua hỏi:

- Chuyện Chu Kim Cang là thế nào?

Sư tâu:

- Đức Sơn vốn là họ Chu, là tòa chủ giảng kinh Kim Cang. Ông ấy chở một xe đầy sớ sao đi về phương Nam hòng muốn đập tan sào huyệt của bọn ma đạo, lúc ấy ông khí khái hào hùng. Giữa đường Đức Sơn gặp bà lão bán bánh bột, ông muốn mua vài cái điểm tâm. Bà lão bán bánh nói: Ngài là tòa chủ giảng kinh Kim Cang trong kinh có một đoạn, già hỏi nếu ngài trả lời được thì cho ăn không, khỏi trả tiền. Bà lão hỏi: “Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc, trong ba tâm này ngài muốn điểm tâm nào?”

Tòa chủ không đáp được. Bởi vậy người xưa nói: “Giả như giảng được ngàn kinh luận, cơ đến một câu thật khó thay”. Đó đủ thấy, khi chưa thấu tỏ cội nguồn vạn pháp thì dẫu chở đầy một xe sớ sao cũng là vô dụng. Sau Đức Sơn yết kiến Long Đàm, Sư đứng hầu tới khuya bèn xin về. Bên ngoài trời tối đen, Đàm bèn đưa sư cây đuốc, Đức Sơn vừa đưa tay lấy, Đàm thổi tắt ngay. Đức Sơn hốt nhiên đại ngộ. Hôm sau Sư nói với chúng: “Biện luận lý mầu đến đâu đi nữa, cũng như bỏ một sợi lông vào hư không, tinh thông thế pháp đến đâu đi nữa chẳng khác nhỏ một giọt nước vào biển cả, từ đó cứ thế mà ăn gậy. Phật đến cũng đánh, Tổ đến cũng đánh, ở đây không có gì khác”.

Sợ người sau trệ trên danh tướng, cho nên hễ hỏi điều gì đến chỗ sâu xa nhất Sư liền đánh. Đó là câu chuyện về câu kệ “Gậy của Đức Sơn”. Bởi vậy người ta nói: “Đức Sơn vào cửa liền phang gậy, Lâm Tế vào cửa liền hét”. Do đó ăn gậy và hét đâu phải bày suông cho vui.

Sư tâu tiếp:

- Thần không dám tâu nhiều, sợ làm nhọc Thánh thể.

Vua nói:

- Cứ nói, đừng sợ, hơn nữa đây đâu phải chuyện mua bán gian lận.

Sư tâu:

- Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni lúc đản sinh đi vòng bảy bước, mắt nhìn bốn phương, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất nói: “Trên trời dưới đất chỉ ta độc tôn”. Độc tôn ở đây không phải là cái tôn quý của ngôi vị Kim Luân Vương mà độc tôn ở đây là ngã, là đạo, là pháp, là tâm. Trong bốn mươi chín năm, hơn ba trăm hội, những pháp được tuyên

thuyết đều quán cơ hợp giáo. Giống như một trận mưa tuôn khắp, muôn loài cỏ cây tùy theo giống loại lớn nhỏ hấp thụ rồi sinh trưởng. Sau cùng Phật nói: Bắt đầu từ vườn Lộc dã, cuối cùng là sông Bạt-đề trong suốt hành trình ấy ta chưa từng nói một chữ. Thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, vì sao lại nói không nói một chữ? Đó là vì sợ người đời sau trệ trên danh tướng, chẳng lìa trí giải bởi vậy chẳng nói một chữ, nhưng rõ ràng thường nói, vì thuyết mà vô thuyết thì gọi là chân thật thuyết. Lại nữa trong pháp hội Linh Sơn trước trăm vạn chúng tăng, Phật đưa một cành hoa lên khai thị đại chúng, chỉ có ngài Ca-diếp đổi sắc mỉm cười. Thế Tôn nói: “Ta có chánh pháp nhãn tạng Niết-bàn diệu tâm nay giao phó cho Ma-ha Ca-diếp”. Đó gọi là biệt truyền ngoài giáo, truyền trao tâm này, ấn chứng pháp này. Đạt-ma từ Tây sang, chẳng lập văn tự, chỉ thấy tâm người thẳng tánh thành Phật, cũng là truyền trao tâm này, ấn chứng pháp này.

Vua hỏi:

- Giảng chủ xem Giáo ngoại biệt truyền mà Trưởng lão này nói là đúng hay sai?

Thượng Trúc bước ra đáp:

- Đúng, đúng!

Tiên Lâm bước ra nói:

- Chúng sinh phương Đông đa phần nói khoác, bởi vậy Đạt-ma từ Tây sang chẳng lập văn tự, vì sợ rằng những kẻ lanh lợi nói khoát rồi đắm trước ngữ ngôn văn tự, cho nên mới có việc “chỉ thẳng”.

Vua mời Trưởng lão và Tiên Lâm ngồi, hai người tạ ân xong, ngồi xuống. Vua bảo:

- Hãy luận nghị!

Tiên Lâm hỏi:

- Bắt đầu từ vườn Lộc dã, cuối cùng là sông Bạt-đề, trong suốt hành trình ấy chưa từng nói một chữ, không nói chữ nào thì hơn năm ngàn quyển kinh ấy từ đâu mà có?

Trưởng lão đáp:

- Giáo pháp trong một thời ấy như ngón tay chỉ mặt trăng, phải biết rằng, cái muốn nói đến đó, rốt cuộc không phải mặt trăng.

Lâm hỏi:

- Thiền tông của ông có bao nhiêu người đắc pháp?

- Phật Tổ từ xưa, Hòa thượng đời nay trong thiên hạ nhiều như cát sông Hằng không sao đếm hết.

- Hiện nay có ai?

- Đang bay qua trước mặt.

- Ở chỗ nào?

- Trong điện Hàm Nguyên lại đi tìm Trường An.

Lâm không đáp được. Vua sai Tuyền Tổng Thống hỏi Lâm, Giảng chủ ấy nói vậy có ý nghĩa gì?

Lâm đáp:

- Hỏi Thiền tông của ông ta có bao nhiêu người chứng đắc, ông ta nói, nhiều như cát sông Hằng.

Vua nói:

- Ông ta là Giảng chủ, chẳng nhìn lại mặt mũi lại đi nói những chuyện viễn vông!

Lâm hỏi:

- Thế nào là Thiền?

- Sư lấy tay vẽ một vòng tròn.

Lâm hỏi:

- Làm sao động chân tay?

Trưởng lão đáp:

- Chỉ cái vòng này đã chui không qua, nói gì đến ngàn kinh vạn luận.

Lâm đáp không được.

Vua nói:

- Ta cũng biết đó là pháp thượng thừa, người chứng đắc pháp ấy xuống nước không chìm vào lửa không cháy, nay bảo ông ngồi vào trong vạc dầu sôi, ông dám ngồi không?

Trưởng lão đáp:

- Không dám tuân thánh chỉ.

- Vì sao không dám?

- Đó là thần thông Tam-muội, trong pháp này của tôi không có việc như vậy.

Vua hỏi:

- Thế nào là không hơn thua?

Lâm nói:

- Nói không dám tức là thua rồi!

Sư chê Lâm: Không sao, hiểu càng tốt.

Lâm không đáp được. Thể theo ý vua, Sư tâu tiếp: Thiền và giáo vốn là một thể. Thiền là tâm của Phật, Giáo là lời nói của Phật, nhân lời nói của Phật mà thấy được tâm của Phật. Thí như trăm ngàn con sông đều chảy về biển, đến biển rồi thì không có vị nào khác. Lại như

vạn vạn tuế Hoàng đế ta gồm thâu núi sông, nhất thống thiên hạ, bốn Di trăm Man tùy phương mà đến, từ bên ngoài Thuận Thành Môn mà vào, lên được bệ rồng, diện kiến Long nhan, như vậy mới gọi là vào đến nhà. Còn như giáo chỉ là dựa vào ngữ ngôn văn tự, chưa thấu đến huyền chỉ, vẫn còn là người ngoài Thuận Thành Môn, đó chưa thể gọi là vào được nhà.

Vua vô cùng vui mừng, đứng dậy phất áo, Sư tạ ơn rồi xuống điện, vua mời Sư về hậu điện làm cơm đãi Sư.

Kỷ Sửu: Tháng giêng, tổng kê hộ khẩu. Tháng chín năm Canh Dần đại xá thiên hạ.

Tân Mão: Ngày hai mươi ba tháng năm vua hạ chiếu đổi Án Sát Ty thành Túc Chánh Liêm Phỏng Ty.

Quý Tỵ: Ngày hai mươi hai tháng mười đại xá thiên hạ.

7. Thiền sư Vân Phong Diệu Cao ở Kính sơn:

Chí Nguyên năm thứ ba mươi, Hòa thượng Kính Sơn Vân Phong ở Hàng châu thị tịch. Sư tên là Diệu Cao, người Trường Khê, Phước châu. Cha Sư húy là Đỉnh, gia thế theo Nho học. Mẹ Sư họ Nguyễn, đêm nọ bà mộng thấy một đứa trẻ chắp tay ngồi giữa hoa sen trong ao bà đưa tay bồng, đột nhiên tỉnh mộng và sinh ra Sư, nhân đó bà đặt tên Sư là Mộng Trì. Sư hình dung tuấn tú, ham học và đọc sách, lại rất thích kinh điển, quyết tâm xin cha mẹ xuất gia. Cha mẹ Sư thấy điềm mộng như vậy, nên cũng không cấm cản. Sư theo Vân Mộng Trạch Công ở Ngô Trung thọ cụ túc, quyết tâm cầu đạo. Đầu tiên Sư tham vấn Si Tuyệt Xúng. Xúng nói: Thằng bé này nói có đầu có đuôi, là pháp khí trong tông ta.

Sau Sư yết kiến Vô Chuẩn ở Kính sơn, Chuẩn rất yêu mến, cho Sư làm Thị giả. Sư than: Ở yên thế này thì bại hoại thanh danh, ta không thể không tham vấn chư Lão túc các nơi!

Sư đến Dục Vương yết kiến Yển Khê, xin vào thất hầu, giữ chức Thủ Khố. Một hôm Yển Khê cử: “Ví như con trâu chui qua cửa sổ, đầu sừng bốn chân đều qua lọt, vì sao cái đuôi qua không lọt”. Ngay đây Sư hoát nhiên tỉnh ngộ, nói: “Kình nuốt sạch nước biển, Sương hiện cành san hô”. Yển Khê hứa khả.

Lúc Sư về Nam Bình, Yển Khê dẫn Sư đi, sau Sư trụ trì ở Đại Lô Nam Hưng làm người kế thừa chính thống. Sau Sư dời qua Bảo An Giang Âm, giáo pháp lan đến Trung Lựu xuyên, Hà sơn. Học chúng 4 phương kéo đến vô kể, cả ba tăng đường đều chật cứng. Pháp tịnh ở

Tưởng Sơn bỏ không, tăng chúng Thiền Lâm bàn bạc cho rằng không ai thay thế được Sư, rồi triều đình hạ chiếu thỉnh chủ trì, Sư vâng chiếu. Mười ba năm sau, pháp hội của Sư lên đến năm trăm người. Năm Ất Hợi niên hiệu Đức Hựu, đạo tràng bị binh biến, đám quân sĩ có người ép Sư phải đưa vàng cho chúng, Sư nói: "Ở đây chỉ có chùa có Tăng, không có vàng cho ngươi." Chúng cầm đao định chém Sư. Sư đưa cổ ra nói: "Muốn giết cứ giết", đầu ta đâu phải đá cho người mài dao".

Sư khảng khái ung dung, chẳng chút sợ sệt, đám quân sĩ cảm động vất dao bỏ đi. Thừa Thướng Bá Nhan Công thấy vậy càng kính phục Sư. Ông bán trăm con bò mua lương thực cúng dường cho năm trăm chúng, chùa nhờ đó qua cơn khốn khó. Ngạn Công còn dạy các tướng: "Người ấy không phải người thường, các ngươi nên tiếp đãi chu đáo". Nhờ đó chùa cũng được an ổn. Niên hiệu Chí Nguyên năm Canh Thìn, Song Kính đến thỉnh Sư hai ba phen, Sư điều từ chối, Sư làm trùng tu lại ngôi chùa xưa đã hoang phế hơn mười năm. Sư tận lực trùng tu, đồng thời quyên góp tự làm tăng đường, liêu chúng. Không đầy mười năm nơi đây được trùng tu chẳng khác trước kia. Mùa xuân năm Mậu Tý, ma sự nổi lên, học chúng giáo môn phỉ báng Thiền Tông. Sư nghe được, than: Đây là việc lớn trong Tông môn, ta cần phải nhẫn chịu để giành lại.

Sư dẫn hai, ba người đồng môn của mình lên thẳng kinh đô, vua hạ chiếu cho triệu tập tăng chúng của Thiền và Giáo để biện luận. Vua hỏi:

- Thiền lấy gì làm Tông?

Sư đáp:

- Trí thanh tịnh vi diệu viên mãn, thể nói vốn rỗng rang, vắng lặng, không phải dùng thấy nghe hiểu biết, suy nghĩ phân biệt mà đạt được. Vua hỏi hai, ba lần, Sư đều lấy cơ duyên của hai mươi tám Tổ Tây Thiên, sáu Tổ Đông Độ, chư Tổ Đạt-ma, Nam năng Bắc tú, cơ duyên hét, đánh gậy của Lâm Tế, Đức Sơn... đại để cho rằng Giáo là lời nói của Phật, Thiền là tâm của Phật, Chánh pháp Nhãn Tạng Niết-bàn diệu tâm, thú hướng tới tối thượng thừa không gì hơn Thiền. Sư biện minh dẫn dụ đến hơn hai ngàn lời. Vua hạ chiếu mời Sư ra biện luận với Tiên Lâm, học chúng của Giáo môn cũng luận tới bàn lui, chưa ai ngã ngủ. Lâm hỏi:

- Thiền Tông có mấy người đắc pháp?

Sư đáp:

- Phật Tổ từ trước, Hòa thượng trong thiên hạ thời nay như cát sông Hằng không sao đếm hết.

Lâm hỏi:

- Hiện nay có ai?

Sư đáp:

- Trong điện Hàm Nguyên lại đi tìm Trường An.

- Thế nào là Thiền?

- Sư vẽ một vòng tròn. Lâm chẳng hiểu. Sư nói:

- Chỉ cái vòng tròn nay còn chui không qua, nói làm gì đến ngàn kinh vạn luận.

Lâm hết cách ứng đối. Vua rất mừng. Từ đó tăng chúng cũng hết phỉ báng, Thiền Tông lại thịnh như xưa.

Sư cáo từ vua xin về Nam. Sư dạy chúng: Lúc ta mai danh trong hang sâu, ẩn tính trong núi rừng, không nghĩ rằng mặt trời chiếu khắp nơi, khó tránh phải ra hoằng hóa.

Sư nói tiếp: “Trùm kín mặt mày muôn việc xong, lúc này Sơn tăng đều chẳng hiểu”.

Pháp hội Kính Sơn đã chu toàn, cơ duyên cũng đã hết, Sư nói với đồ chúng: “Ta mắc nợ núi này nên đến đây trả nợ”. Thế rồi Sư tận lực trùng tu, đào quanh bờ điện làm ao, tăng đường liêu chúng đều xây dựng trên địa thế rất đẹp, năm năm sau thì công việc hoàn thành.

Đầu tháng sáu năm Quý Tỵ, lúc Tiểu Tham, Sư khuyến tấn người học, đến ngày mười bảy, Sư viết kệ để lại rồi an nhiên thị tịch. Sư sinh ngày mười bảy tháng hai năm Ất Mão niên hiệu Gia Định, thọ bảy mươi lăm tuổi, tăng lạp năm mươi chín hạ. Đồ chúng an táng Sư ở Cư đỉnh am, phía Tây chùa.

Giáp Ngọ: Chí Nguyên thứ ba mươi mốt, hoàng thượng mất.

8. Thế Tổ hoằng truyền giáo pháp: (100 ĐOẠN).

Thế Tổ hoàng đế lúc chưa lên ngôi, xuất binh chinh phạt các nước phía Tây, lấy đức hiếu sinh làm trọng bị lạc đường gặp một vị Tăng khai thị rồi thọ ký. Từ đó ông nổi tiếng thiên hạ, thống lãnh vạn bang, hoằng truyền Mật thừa tôn kính Tam bảo.

Lúc Đế chưa lên ngôi sai Trung Thư Ký tìm cầu linh diệu của Lục Đinh, cầu tìm cái đạo trị quốc, xuất binh chinh phạt Giang Nam, Thư Ký tâu: “Rồng đã đến lúc bay rồi, nên mau về triều thôi!” Hoàng thượng làm theo, từ đó có được thiên hạ.

- Đế hỏi Đế Sư: “Thí thực rất ít làm sao cho đủ vô lượng chúng sinh trong chốn u minh?” Đế Sư đáp: “Sức thần chú Phật pháp, như hạt châu trong Ẩm Mã.”

- Đế nghinh Thụy Tượng Chiên đàn vào nội cung, an trí trong vạn Tuế Sơn Nhân Trí Điện làm vật báu của đương thời.

- Đế có lần hỏi Đế Sư: "Sửa chùa dựng tháp có công đức gì?"

Đế Sư đáp: "Phước trùm cả đại thiên". Từ đó Đế dựng chùa Nhân Vương Hộ Quốc để trấn giữ nước non.

- Đế sai Đế Sư thiết trai xong, trời bỗng mưa xuống hoa vàng, rơi mãi không dứt. Đế hỏi: "Vì sao có điềm lành này?"Đế Sư nói: "Hoa tâm của bệ hạ đã phát, trời mưa hoa vàng để tán dương."

- Đế sai Thừa tướng Bá Ngạn đánh chiếm Giang Nam, nhưng không thắng, mới hỏi Đảm Ba Đại sư: Hộ thần vì sao không giúp sức? Đảm Ba tâu: Người không sai thì không đi, Phật không thỉnh thì không nói: Đế liền cầu thỉnh, không đầy một ngày thì nhà Tống quy hàng.

- Định Quang Phật tháp bỗng phóng hào quang. Đế sai mở ra xem, bên trong có xá-lợi, sáng chói cả mắt. Từ đó Đế trùng kiến bảo tháp.

- Tăng đất Thục là Nguyên Nhất sang Tây Thiên và về lại triều, Đế hỏi: "Tây Thiên có Phật không?" Nguyên Nhất đáp: "Minh Chủ Đông Độ ngày hôm nay, không khác Tất-đạt-đa Tây Thiên."

- Nguyên Nhất đục ngọc của Tây Thiên thành tượng Phật bằng Ngọc thạch dâng Đế. Đế an trí ở Vạn Sơn cúng dường.

- Nguyên Nhất đem kinh của Thiên Trúc dâng Đế, Đế an trí trong hòm thất bảo, vô cùng kính ngưỡng.

- Trung Thư Ký là bậc anh kiệt trong chúng tăng, Đế sai ông lấy đạo Tam Kỳ (Tùy Thân) mà phụ chánh, rồi ban lệnh, Đế rất tín nhiệm ông, phong ông chức Thái Bảo.

- Nguyên Nhất từ Tây Thiên về có đem theo bình bát bằng thiết của Phật về và dâng cho Đế, Đế vui mừng xem như của báu, an trí bát trong Trấn Khố Tàng.

- Đế và Đế Sư đang ngồi, hai vị Tăng Nguyên Nhất và Nguyên Kháng đứng hầu bên cạnh, Đế nói: Sao không thể hiện Du Hý Tam-muội? Kháng cho Nhất còn trẻ nên nói:

- Cứ theo thứ lớp từ nhỏ đến lớn.

Nguyên Nhất liền nói:

Hải Thanh thân rất nhỏ
Thiên Nga mình rất lớn
Hải Thanh bay lên trời
Thiên Nga phải hoảng sợ.

Nguyên Kháng nói:

Trư Đồn thân rất nhỏ

Tượng Vương mình rất lớn
Voi thấy heo xem thường
Ném lên cõi đại thiên.

Đế Sư nói:

Ta lấy cõi đại thiên
Hóa thành một cái vạc
Nấu bốn con vật kia
Lớn nhỏ đều tan chảy.

Đế nghe vậy rất vui.

- Đế hỏi Nguyên Nhất: "Vì sao đồ chúng của Khổng, Lão quá ít? Đồ chúng của Như Lai quá nhiều? " Nhất đáp: "Giàu chê ngàn người ít, nghèo than một người nhiều."

- Đế hỏi Giản Đàn Chủ: "Nơi nào có Phật?" Giản đáp: "Sống chết nằm trong tay, đất trời lòng bàn tay."

- Đế hỏi Hòa thượng Di-đà: Hòa thượng ở đâu? Sư đáp: "Ở trong quốc độ của nhà vua." Đế nói: "Vậy thì lúc nào cũng được thấy Di-đà."

- Đế hỏi Nguyên Nhất: Hòa thượng còn vướng thế duyên không? Nhất đáp: Không biết pháp nên phạm, biết pháp rồi liền không.

- Đế hỏi Đế Sư: "Trong Tăng chúng có ai thông việc xưa nay không?" Lúc đó Hữu Nhân Hòa thượng đáp: "Pháp từ Hán Minh Đế đến nay thì dùng lửa thiêu để phân biệt thật giả". Đế hỏi: "Việc xưa nay không hỏi nữa, còn dùng lửa để phân biệt thật giả về sau thì thế nào?" Nhân đáp: "Nhà vua có tâm hộ pháp, kinh này làm sao bị thiêu hủy được!" Vua rất vui.

- Đế sinh Thái Tử, liền mời Hải Vân Quốc sư đến xoa đầu đặt tên, Quốc sư tâu: "Tôn quý nhất thế gian, không gì hơn Chân Kim."

- Đế sai Đông Cung lập đàn cúng thí, Đế Sư tác pháp Sám Hối, Đế Sư nói: "Chúng sinh độ thoát hết, từ nguyện Nhân Vương sâu".

- Đế lập đại hội Truyền giới, khắp nơi đều phóng quang, Đế hỏi Đế Sư: "Ánh sáng này từ đâu tới?" Đế Sư đáp: "Con đường cảm ứng gặp nhau, ánh sáng của Phật liền hiện."

- Đế sai Hoàng Hậu nương nương đến chùa Trấn quốc hành hương. Hoàng hậu hỏi Tăng chúng: "Khắp nơi phóng quang, ở đây sao không có?" Bà vừa nói xong trên tháp Định Quang bỗng phóng hào quang chiếu sáng khắp trời, cả ngày mới hết.

- Đế sai cung nữ đi nhiễu quanh Đế Sư, Đế hỏi: "Thầy có động tâm không?" Đế Sư đáp: "Dù thấy ở trước mắt, đâu can hệ lão tăng!"

Đế nghe vậy vô cùng vui mừng.

- Đế hỏi Uyên Tổng Thống: "Thầy còn quyến thuộc không?" Uyên đáp: "Cả ngày chẳng hề lìa." Đế hỏi: "Còn uống rượu ăn thịt không?" Uyên đáp: "Bình bát thường vấy mùi tanh hôi." Đế khen: "Quả là người thật lòng!"

- Xây mới lại kinh thành, quan giám sát việc xây dựng bàn nên đập tháp của Quốc sư "Hải Vân, hai bên bàn xong tâu Đế xin đập tháp. Đế nói: Hải Vân là cao tăng nên xây thành bọc xung quanh tháp, cái đức quý trọng tăng ngàn xưa vẫn không mòn".

- Một hôm Đế nói: "Thụy tượng Chiên-đàn là Phật bảo đời nay, phải xây chùa lớn an trí, ngõ hầu tất cả nhân dân đều được chiêm ngưỡng lễ bái, thế rồi Đế dựng chùa Đại Thánh Thọ, Vạn An.

- Đế sai viết Tạng Kinh bằng chữ mạ vàng, nhưng tranh tượng ở bìa vẫn chưa biết vẽ gì, Đế nói: "Kinh này do Phật Thích-ca thuyết chỉ nên vẽ người thuyết kinh thôi, mong rằng người đọc biết được nguồn gốc của nó".

- Đế hạ chiếu trong khắp thiên hạ, mỗi năm phải mở đại hội cúng thí, độ tăng đọc Đại Tạng kinh. Các nơi đều có điềm lành hào quang phát ra, nhiều vô số kể.

- Đế hạ chiếu mời những Đại đức giảng kinh Hoa Nghiêm mở đại hội giảng kinh tại chùa lớn trong kinh thành để nêu tỏ cái giàu có của Như Lai.

- Đế mở đại hội, bảy nơi phóng hào quang biểu thị bảy huyền chỉ trong pháp hội Hoa Nghiêm.

- Đế hỏi các quan: "Mỗi ngày có ai không phóng dật không?" Các quan không ai đáp. Đế bèn lấy trong tay áo ra xâu chuỗi hạt, thế là trong ngoài trăm quan đều hướng thiện.

- Đức Thế Tôn trụ thế bảy mươi chín năm, vào năm bảy mươi chín tuổi, Đế nói: "Trẫm thọ bằng Phật, không bị chết yểu rồi."

- Đế triệu mười cao tăng vào điện cúng dường. Đế ngồi im bất động, các vị đại đức cũng im lặng, Đế nói: "Đây là công đức chân thật."

- Đế triệu chư tăng vào đại nội tụng kinh hành hương, Thị thần tâu: "Tăng phần nhiều là người không biết chữ." Đế nói: "Chỉ dạy họ thư thả, lau bỏ bụi trần, cũng có công đức rồi."

- Những Thiền Tăng cặn bã vác gậy để răn mình, gặp Đế, Đế hỏi: "Dùng gậy này làm gì?" Họ đáp: "Thân có lỗi dùng gậy để trách phạt." Đế nói: "Lỗi là do tâm, đánh thân có ích gì, nếu như trách thân

đâu bằng trách tâm.”

- Đế gặp những Tăng có lỗi, không bắt chịu vương pháp mà sai họ đọc kinh sám hối.

- Đế mời Đông Xương Đại sư giảng dạy, Đế rất hài lòng ban cho Sư trụ tượng bằng ngọc quý.

- Đế bình định nhà Tống xong, nhưng nơi đó Phật giáo chưa lưu thông, Đế chọn ba mươi vị Tăng tài giỏi trong thiên hạ đưa qua đó để thuyết pháp lợi sinh, từ đó Phật giáo phía Nam rất thịnh.

- Đế dựng chùa Đại Thánh Thọ, Vạn An, rồi sai cung thủ bắn ra bốn phương bốn mũi tên để làm lộ giới.

- Trong đại nội của Đế đều dùng Chân ngôn Phạm tự trang trí, để biểu thị rằng đi đứng nằm ngồi chẳng xa rời Phật pháp.

- Đế ban cho người giảng pháp Tăng y màu hồng, xem người giảng pháp như Phật.

- Tăng đất Thục là Viên Chứng gặp Đế, Đế hỏi: “Thầy học được những gì?” Chứng đáp: “Từ nhỏ thông hiểu Tam Kỳ, lớn lên học Phật thừa.” Đế nghe rất vui, ban cho Sư một đỉnh trầm ngọc bích, sai Sư lo việc hương hỏa.

- Lúc rỗi việc chánh sự, Đế tự mình cúng thí, cầm chuỗi hạt và tụng niệm.

- Đế dựng xong chùa Đại Thánh Thọ-Vạn An, Đông đường Tây đường đều muốn đúc tượng Phật, quan giám sát việc xây dựng tâu lên, Đế nói: “Không cần đúc Phật đất, cần Phật sống trụ thôi.”

- Đế thống lãnh binh mã chinh phạt phía Bắc, hộ thần hiện thân trước quân trận, giặc tự rút lui.

- Đại sư Quảng Tế từng ở trong cung rất lâu, siêng năng tụng kinh lễ Phật, Đế rất ngợi khen ban thưởng rất hậu, Đế tặng Sư tượng Phật từng phóng hào quang để Sư thờ phụng cúng dường.

- Đế hỏi thầy coi tướng về núi sông, thầy tướng đáp: “Thiện ác đều do núi sông làm chủ.” Đế hỏi: “Thái Hành Sơn thế nào?” Đáp: “Sản sinh bọn gian tham trộm cướp.” Đế hỏi: “Tại sao Phu Tử sinh ra ở đó? Đế triệu tăng Viên Chứng đến và hỏi: Người này nói về núi sông như vậy đúng không?” Chứng đáp: “Dùng chính sách thiện mà trị thiên hạ thì thiên hạ đều thiện, nói về núi sông như vậy thần là Tăng không hiểu. Đế nghe vậy vô cùng vui mừng.

- Xá-la-tát Trương Đại sư phát chí xuất gia, Đế theo lời cầu xin thế phát cho làm Tăng, ban cho Sư xâu chuỗi hạt thất bảo, khuyên ông hằng ngày gắng tu tập.

- Đế triệu Viên Chứng vào hỏi về thuật Lục Thần. Đế nói: "Cắt tóc sợ rằng không linh nghiệm!" Chứng tâu: "sáu vị này tức là thần trời, đất, mặt trời, mặt trăng, nước và thần lửa. Trong Bồ-đề đạo tràng ai nấy đều làm kệ tán dương Phật, được pháp môn đại giải thoát. Họ là người hộ vệ kính cẩn trong pháp hội Hoa Nghiêm. Tăng và người làm việc minh bạch thì Thần đều cung kính làm theo, cắt tóc đâu can hệ gì." Đế nghe cho là phải.

- Đế triệu tăng Nguyên Nhất biện luận với Đạo sĩ, Nguyên Nhất công kích bọn họ là những người ăn cắp lời dạy của Khổng, Lão. Đế rất vui.

- Đế hỏi tăng: "Răng Phật thật hay giả?", Tăng không đáp được. Đế nói: "Thật giả tự biết lấy, các ngươi chớ hiểu lầm".

- Đế sai tăng tụng kinh Vô Lượng Thọ Vương Đà-la-ni, ai tụng được thì ban thưởng gấm lụa.

- Đế triệu Đông Cung đến hỏi: "Hải Vân là thầy ngươi, ngươi ở đất Thánh ấy phải gắng tu sửa". Từ đó Đông Cung xây mới lại ngôi đại tự Khánh Thọ.

- Đế xuất cung đi săn ở Nam Hoa Viên và nói: "Nơi này cần phải dựng chùa viện." Đoàn Tướng y lệnh xây dựng, vua đi săn trở về thì chùa cũng vừa làm xong.

- Đế hiển chánh xô tà, lệnh rằng ngoài Đạo Đức Kinh ra, văn sách còn lại đều phải đốt hết, để chấm dứt sự bịa đặt của Đạo giáo. Tể Tướng tâu: "Trong lúc kiểm định lại Đạo Tạng Kinh, gặp bài thơ của Mã Tương rằng:

Cây nối biển xanh nước tiếp mây
Xưa có Lão Quân đời Ân Chu
Người nói thị phi đều chưa định
Ngoài năm ngàn lời chẳng viết gì."

Bài thơ rất hợp ý Đế, Đế vui mừng, ra lệnh đốt hết.

- Đế ban khẩu dụ, triệu Hạo Thiên giảng chủ đến nói: "Thay Trẫm ở đời, thật tâm thúc liễu đồ chúng xét tỏ Phật pháp đừng để giảm mất."

- Đạo tràng Phổ Hiền ở Nga My thiếu Đại Tạng Kinh, Đế sai Trương Đại sư gấp rút chở đến, thế là Phật pháp lưu hành, phước tràn cả Tây Thục.

- Đạo Sĩ ở Thượng Đô tâu: "Muốn phân định chánh tà với Phật giáo." Đế hỏi: "Thắng thua thưởng phạt thế nào?" Đạo sĩ đáp: "Thua thì bị chặt đầu. Đế nói: Không được! Nếu thua thì thế phát làm Tăng."

- Tống chủ nhường ngôi, để tâm học Phật tu hành. Đế rất vui liền cho thế phát làm Tăng bảo.

- Trưởng lão Thánh An Bảo nghinh Thụy tượng vào cung, trong lòng không vui, Đế hỏi: “Đây là Phật của Hoàng gia, sao thầy lại không vui. Lúc đưa về Đế ban tặng ba mươi hai đĩnh bạch kim biểu thị ba mươi hai tướng hảo.

- Tống Thái hậu thế phát làm ni, tụng kinh tu hành, Đế rất kính trọng cúng dường tứ sự.

- Đế triệu hai cung nhân nhà Tống đến cho thế phát làm ni, Đế nói: Nay là người của Tam bảo!” Rồi cho họ về núi học Phật tu hành, đồng thời chu cấp y áo, lương thực.

- Đế mở Vô Giá Hội, hạ chiếu cho Tín Giảng Chủ giảng về Tổng Thánh danh mục. Đế nói: “Đã gọi là Vô giá, sao lại có số mục.” Tống chủ xuất gia làm Tăng.

- Đế sai người qua Tây Thiên khảo cứu Đại thừa nhằm làm sáng tỏ thêm Phật lý.

- Đế dùng vàng làm đất, sai Tăng, Nho viết một Đại Tạng kinh rồi an trí trong hòm thất bảo lưu truyền cho muôn đời sau.

- Đế mở Đại giới đàn truyền giới, Tỵ Sứ Trưởng là Sứ giả trong Tăng chúng ngộ nhận rằng mình cũng nhận bát, Đế nạt: Đã là đệ tử Phật, ai lại có thể làm chủ sự trong việc truyền y bát của Thiên Trúc như thế?

- Đế lấy thức ăn ngon đổ đầy bình bát, kẻ hầu người hạ đến cả ngàn người, Đế ban mỗi người một hạt, là mong cho ai nấy đều nhận lãnh được pháp vị thiền duyệt thực trong bát của Như Lai.

- Đế đến Hương sơn, lưng chừng núi có con suối, Đế hỏi tăng chúng nước suối có đủ cho tăng chúng dùng không, Tăng đáp: “Mỗi ngày cung cấp cho ngàn vị nhưng chảy mãi không cạn”. Vua ban cho một đĩnh bạch kim bảo xây sân và mái che, đủ thấy vua quý trọng ích lợi con suối biết bao.

- Trấn khố nhà Tống có gốc Chiên-đàn vuông vức hơn một trượng, Đế nói: “Trấn khố không có ích, nên đem gỗ Chiên-đàn ấy đục thành tượng Phật để lợi ích trời người.”

- Đế xa giá thăm ruộng lúa trên Hương sơn, lúc vừa chín tới, tả hữu đi theo hơn vạn người, Đế khuyên dạy họ: Đây là tài sản của Tam bảo, một hạt cũng không ai được lấy.

- Tăng chúng nghênh đón Đế từ xa. Đế nói: “Chúng Tăng ngày trước ba lần hạ chiếu vẫn không chịu đi, chúng tăng ngày nay từ xa đã

nghênh đón.” Tăng lặng thinh.

- Đế mở đại hội, tiếng tăm của Phật, Xà-lê càng vang dội, Đế nói: “Âm thanh của Phật vang dội thế này, có không biết bao chúng sinh phát sinh thiện tâm”, và vua ban cho một đĩnh bạch kim.

- Chùa Hoằng Pháp là nơi có những bản kinh lâu đời, Đế sai các sơn tăng đại đức giảo đính sửa sai, khắc mới hoàn toàn bổ túc thêm rồi cho lưu hành.

- Một hôm Đế nói: “Ba người hộ pháp đã đi hai người rồi, chỉ còn mình Trẫm, ngày nay Phật pháp càng ngày càng thịnh.”

- Đế mời Dật Lâm Thượng Sư dịch Dược Sư Đãn Pháp Nghi Quỹ nhằm làm tiêu tai ương của tám khổ, tăng thọ mạng vô lượng cho muôn dân.

- Đế mở đại hội mười vạn tăng, mời mười vị nói pháp cho Đế nghe và Đế ban cho mười đĩnh bạch kim, mười cây trụ trượng nạm ngọc.

- Ngoại ban triều cống xá-lợi của Phật, Đế nói: “Không nên để một mình Trẫm hưởng phước mà hãy dựng một cửa tháp thật cao ở Nam Thành Chương Nghĩa Môn để kẻ qua người lại đều được chiêm bái.

- Đế mời Cao tăng đính chính lại Đại Tạng, phân ra Tiểu thừa, Đại Thừa, để nêu danh thơm của Phật trong khắp thiên hạ.

- Đế thống nhất thiên hạ, các nước ngoại bang đều quy phục, Đế sai in ba mươi sáu tạng kinh, sai sứ phân phát đến các nước, nhằm để mọi người được nhìn thấy mặt trời trí tuệ của Phật.

- Đế nói với Đế Sư: Cách Phật đã xa, giới của Tăng khiếm khuyết nay hãy chọn cao tăng ở các lộ, ban cho họ Đại y rồi truyền thọ Tát-bà-đa Bộ Đại Giới.

- Đế nói: Bồ-tát Giới Bản chỉ để hiểu, những gì Pháp sư giảng đều được truyền trao. Thế rồi Đế in một ngàn bộ lưu hành khắp nơi, để cho chúng sinh trong đại địa đều phụng trì Bảo Giới của Như Lai.

- Đế hỏi Giản Đàn chủ: “Nơi nào là ruộng phước tối thượng?” Giản đáp: “Thanh Lương”. Đế nói: “Đúng là cảnh giới chân thật của Phật,” Và Đế cho xây năm ngôi đại tự để làm ruộng phước cho đời.

- Đế đốc xuất thợ xây chùa trên Ngũ Đài, nơi đây có suối nhưng không có nước. Ngày khởi công, Đoàn Trương men theo suối tìm nước, bỗng nhiên nước tuôn ra, dùng hoài chẳng hết.

- Các quan tâu: “Tăng ni trong thiên hạ xếp vào như dân thường”. Đế hỏi: “Hộ dân bao nhiêu?” Phủ khố bao nhiêu? Quan tâu: “Không biết.” Đế nói: “Phụ Tướng (Tể Tướng) giúp đạo cốt phải dụng tâm, việc này không được mà vội cho tăng nhân là người cầu an hưởng lộc”. Từ

đó việc này chấm dứt.

- Đế nghe nghĩa của năm giáo, hỏi: “Đốn giáo cho tức tâm là Phật, cảnh giới chư Phật, phàm phu không tu làm thế nào đến được?”

- Đế thấy kinh giáo của Tăng Tây Vực và kinh giáo của Tăng đất Hán âm vận không đồng nên nghi nghĩa khác nhau, liền mời Tăng của hai xứ biện luận, kết quả chẳng chút sai khác. Đế nói: “Mối nghi trệ lâu nay, ngày nay khai thông rồi.”

- Đế lấy Phật giáo làm tâm, rất ghét kinh Hóa Hồ ngụy tạo, mấy đời nay đoạn trừ nhưng vẫn chưa hết, Đế nghiêm khắc truyền lệnh cho thiên hạ đều phải đem đốt sạch.

- Bảo tháp an trí xá-lợi chân thân Như Lai trong các chùa, hiện có mười chín nơi, Đế đều ban tiền bạc, gấm lụa để chư tăng trùng tu làm đẹp lại, đồng thời mở hội lớn cúng dường tháp.

- Đế có lần nói với quần thần: “Trẫm đem cái chân tâm bản giác không hai trị vì quốc gia thiên hạ. Như Hải Đông Thanh bắt con thiên nga, vì tâm không hai vậy.”

- Đến ngày trai giới, Đế lấy bình bát Phật ở Nam Thiên Trúc đổ đầy thức ăn trân tu mỹ vị, rồi lặng lẽ quán tâm, rộng tu cúng dường.

- Từ khi Đế lên làm Thiên Tử, hai thứ thuế điền sản của khắp tự viện trong nước Đế đều cho miễn thuế, nhằm để Tăng chúng an tâm mà tu hành.

- Tất cả cây cối trong núi rừng thuộc về tự viện, Đế khẩu dụ cho thiên hạ nghiêm cấm không ai được chặt phá, để làm đẹp cảnh giới của Phật Như Lai.

- Đối với những vị Tăng hoàn tục, Đế đều khẩu dụ cho họ làm người nắm giữ giáo môn hộ trì Phật pháp.

- Quan lại tâu rằng: “Có những tăng nhân làm việc như thế tục, nên đối xử họ như dân thường”. Đế trách phạt bằng cách sai họ tu sửa chùa viện để ngăn chặn bớt lỗi lầm.

- Đế thống lãnh thiên hạ, ban Thánh Chỉ nói: “Tất cả tăng nhân bất luận phạm phải lỗi gì nay được xá miễn, phải tuân theo giáo pháp của Phật Thích-ca mà hành trì.”

- Thừa Tướng A Hợp Ma tâu: “Tăng ni trong thiên hạ phần nhiều là người lạm dụng, ai tinh thông Phật pháp thì cho làm tăng, ai không nghe không biết thì đuổi về thế tục.” Đại sư Đảm Ba hỏi: “Nhiều người chúc thọ là tốt hay nhiều người nổi giận là tốt?” Đế đáp: “Nhiều người chúc thọ là tốt.” Từ đó việc này chấm dứt.

- Linh cửu của Đế khi ngang qua điện Tuyên Đức, bỗng hiện một

luồng hào quang tròn lớn sáng khắp đất trời, tăng tục trong nước đều chiêm ngưỡng lễ lạy, đó là biểu thị tác dụng thị hiện của chư Phật xưa vậy (Trăm đoạn này trích từ Hoằng Giáo Tập).

Đại sư Niệm Thường tán thán: Kinh Hoa Nghiêm chép: Bồ-tát trụ ở Sơ địa làm công đức lớn, Vương dùng pháp giáo hóa chúng sinh, tâm từ không tổn hại, thống lãnh Diêm-phù-đề, hạnh giáo hóa tròn đầy, đều khiến trụ đại xả, thành tựu trí tuệ Phật, nếu hay rộng phân biệt, ức kiếp chẳng thể hết.

Nay xem trong Hoằng Giáo Tập có chép Thế Tổ Hoàng Đế Thật Lục hơn một trăm thiên, từng chữ từng chữ, mỗi câu mỗi câu đều lấy việc hoằng truyền giáo pháp làm trách nhiệm của chính mình. Như có đoạn nói: "Trẫm đem cái chân tâm bản giác không hai trị vì quốc gia thiên hạ, như xem Hải Đông Thanh bắt Thiên Nga, vì tâm không hai vậy." Từ đó mà nói, ngoài việc chánh sự vua chẳng lìa niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng. Nếu không phải bậc Đại Thánh từ bi nhớ nghĩ đến việc giáo hóa cho quần sinh, thì ai làm được như vậy! Giả sử Đường Ngu tái thế, cũng không làm gì khác hơn. Than ôi! Viên mãn thay! Nay kính phụ lục vào đây để người sau thấy rõ.

9. Thành Tông: (Ất Mùi).

Thành Tông Hoàn Giả Đốc Khâm Minh Quảng Hiếu Hoàng Đế lên ngôi. Ông lên ngôi ngày mười bốn tháng tư năm Giáp Ngọ, ngày mười lăm đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu Nguyên Trinh năm đầu.

Đinh Dậu: Ngày hai mươi bảy tháng hai đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu là Đại Đức.

Kỷ Hợi: Tháng giêng sai Sứ đi thăm hỏi đời sống của muôn dân.

Nhâm Dần: Ngày ba tháng ba đại xá thiên hạ.

10. Quốc sư Chân Giác Văn Tài ở Ngũ Đài:

Ngày một tháng chín năm Đại Đức thứ sáu, Quốc sư Chân Giác trụ trì chùa Vạn Thánh Hựu Quốc ở Ngũ Đài sơn thị tịch. Sư họ Dương, húy Văn Tài, tự Trọng Hoa. Tiên tổ Sư là người Hoằng Nông, từ Cao Tằng về sau đời nào cũng làm quan, cha Sư là Tĩnh Nghĩa làm chức Chủ Bạ Thanh Thủy ở cuối đời nhà Kim, rồi lập nghiệp ở đó. Từ nhỏ Sư mồ côi cha, thờ mẹ rất có hiếu. Đối với sử sách, không sách nào mà Sư không đọc, lại rất thông suốt nghĩa lý, bởi vậy Sư lấy đó mà giữ mình, hạ bút thành văn, ngôn từ gãy gọn, tao nhã chẳng khác những tác gia thời xưa, nhưng thường tỏ ra trầm tĩnh như người chưa từng đọc sách.

Còn như khi tiếp xúc nói năng với quân tử học thức thì ngôn từ lưu loát, biện việc rõ ràng, tường tận mọi lý. Sư ra vào trong kinh sử mênh mang như dòng chảy sông Hán không ai lường nổi, Sư giảng giải kinh luận, nghĩa lý vượt khỏi ngôn từ, không khăng khăng chấp chặt vào danh số. Có lần Sư nói: Học quý là ở chỗ coi trọng tông thú, tinh thông ngôn ngữ để nắm được ý, dùng ý thẩm định chí mới được, ngôn ngữ văn tự chỉ là loại cặn bã, chứ có mùi vị gì khác đâu! Họ ưa đắm văn tự, thích mùi trấu cám, rong đuổi suông tri kiến, cho nhớ nghĩ hỏi đáp là hiểu nhiều rồi, mà không biết đó là chia chẻ các hiểu biết, xuyên tạc cái thấy, càng mù mờ nhiều lối, không thể ngầm thể nhập đạo, chỉ nghe họ nói liền cho là đủ, cho là nghe xong thì làm sao có thể khai mở tuệ nhãn cho người khác.

Tác phẩm của Sư gồm: Huyền Đàn Tường Lược năm quyển, Triệu Luận Lược Sớ ba quyển, Tuệ Đăng Tập hai quyển đều là những tác phẩm bên trong thì y cứ kinh Phật, bên ngoài dẫn dụ Nho Lão, ngôn từ chân chất không hoa hòe, giản đơn mà đặc sắc, cốt nhắm đến liễu đạt mà thôi.

Sư ẩn cư mười hai năm, cất thất trồng tùng, định sống như vậy đến cuối đời, thế nhưng hạnh tu và đức độ của Sư vang khắp. Dù ẩn mình như vậy, nhưng đạo của Sư ngày càng rạng rỡ. Người ta tôn kính Sư, không gọi đích danh mà chỉ gọi Sư là Tùng Đường. Phật giáo phát triển khởi nguyên từ chùa Bạch Mã ở Lạc Dương, vì vậy người ta gọi đây là Thích Nguyên (ngọn nguồn của Phật giáo). Tông chủ nơi này tịch, vua hạ chiếu thỉnh Sư kế thế.

Có lần Thế Tổ thấy phong cảnh ở Ngũ Đài tuyệt đẹp nên muốn dựng chùa, thế nhưng sở nguyện của vua không thành. Thành Tông lên ngôi, và ông hoàn thành ước nguyện của Tiên đế, vua đặt tên là chùa Đại Vạn Thánh Hựu Quốc Tự. Đây là ngôi đại tự trên ngọn núi nổi tiếng, nếu không phải người được muôn dân ngưỡng vọng thì không thể trụ trì. Vua hạ chiếu bảo Đế Sư Ca-la-tư-ba tìm người như thế trụ trì. Lúc này Sư cũng vừa từ Lạc Dương đến yết kiến Đế sư. Đế sư hoan hỷ nói: Chùa Hộ Quốc đã có người rồi!

Vua hạ chiếu cho Sư làm Thích Nguyên Tông chủ cùng trụ trì Chùa Hộ Quốc. Sư gặp Đế Sư và từ chối rằng: Tôi đâu có đức gì mà dám nhận ân sủng của Hoàng thượng, ở Bạch Mã đã là quá khả năng rồi, tôi làm sao trụ trì thêm Hộ Quốc nữa, xin Đế Sư chọn người có đức để họ trụ trì, mong Đế Sư tâu với Hoàng thượng thành ý này của tôi.

Đế sư không đồng ý nói: Đây là mệnh lệnh của Hoàng thượng.

Hoàng thượng rất lưu tâm cân nhắc kỹ rồi, chẳng phải thầy thì ai trụ trì được! Đó cũng là thành ý của tôi, thầy hãy gắng giúp cho.

Sư trụ trì hơn một năm, năm Đại Đức thứ sáu, Sư định đi Lạc Dương, Đạo Chân Định tru trì chùa này. Sư có chút bệnh, thị tịch ngày một tháng chín, thọ sáu mươi hai tuổi, đồ chúng trà-tỳ, thâu hơn trăm hạt xá-lợi, an táng Sư dưới chân núi Đông sơn trên Ngũ Đài.

Quý Mão: Ngày mười sáu tháng ba vua hạ chiếu đặt ra mười hai chương làm điều lệ định tội kẻ giặc, đồng thời tăng lương tháng cho bá quan bằng lúa thóc ở ruộng công. Ngày sáu tháng tám Bình dương ở Thái Nguyên có động đất.

11. Đảm-ba Kim Cang Thượng sư:

Năm Đại Đức thứ bảy, Đảm-ba Kim Cang Thượng Sư thị tịch. Sư tên là Công Gia Cát Thích Tư, Hán dịch là Phổ Hỷ Danh Văn. Còn có tên là Đảm-ba, Hán dịch là Vi Diệu, người ở Tây Phiên, Đột Cam Tư Đán Ma. Từ nhỏ Sư mồ côi, sống với cha kế, nghe kinh mà nín khóc. Biết Sư là người phi phàm, ông cho Sư đến hầu hạ Pháp Vương Thượng Sư. Pháp Vương đem Phạm chú thử Sư, Sư đọc vanh vách. Pháp Vương nói: “Đứa bé này vốn thông minh nhiều đời, ngày sau ắt làm lợi ích cho chúng sinh.” Năm mười hai tuổi, Sư thọ cụ túc, từ đó những thứ như kinh khoa, Khốc Thức, Đàn Pháp, Minh Phương, Sư đều tinh thông. Năm hai mươi bốn tuổi, Sư diễn giảng Đại Hỷ Lạc Bản Tục... tứ chúng đều hoan hỷ khâm phục. Đế Sư sai Sư đến Tây Thiên Trúc học Phạm kinh với Cổ Đạt-ma Thất lợi, Sư tiếp nhận trọn vẹn sở học của thầy. Hồi ấy, lúc Thế Tổ chưa lên ngôi, nghe nói ở phía Tây có một vị đại đức tinh thông triết lý, ông mong được diện kiến, bèn đến Tây kinh sai sứ đến hỏi thăm Quách Đan Đại Vương, Vương nói với sứ giả: Thầy ấy tịch rồi, còn người cháu tên là Phát-tư-ba (Hán dịch là Thánh Thọ) năm nay mới mười sáu tuổi, rất tinh thông Phật pháp, cứ mời đến hỏi đáp thử. Sư đến kinh đô, mười ngày sau lại xin về Tây. Hoàng thượng hỏi:

- Phật pháp của thầy so với chú mình thế nào?

Sư đáp:

- Phật pháp của chú như nước biển cả, những gì tôi tiếp nhận được chỉ như lấy ngón tay chấm nước đưa lên môi nếm thôi.

Sư và vua hỏi đáp rất ăn ý, vua vui vẻ nói:

Thầy tuy ít tuổi nhưng chủng tánh phi phàm, xin hãy ở lại đây để trẫm cầu giới pháp. Sau đó vua lạy Sư làm thầy. Sư vào Trung Quốc, vua mời Sư trụ ở Thọ Ninh, Ngũ Đài. Năm Nhâm Thân, Sư đến kinh

đô, vương công đều đến xin thọ diệu giới. Khi thiên binh vây đánh Nam hạ, dân trong thành Tương cầu cúng Chân Võ, thần giáng bút viết: "Có thần đen lớn, lãnh binh từ Tây bắc sang, ta nên tránh đi." Lúc bấy giờ cả thành chỉ biết nhìn gió mà tránh, binh không đâm giết được. Đến khi phá được Thường châu, người ta thấy có rất nhiều Thần đen ra vào nơi cửa, dân chẳng biết nguyên do, đó đích thật là Ma-ha Cát Thích Thần (Hán dịch là Đại Hắc). Bởi Tổ phụ bảy đời của Sư thờ vị thần này rất kính cẩn, hễ cầu liền ứng nghiệm, đây là bằng chứng Sư trợ giúp nước nhà. Năm Ất Hợi, Sư tâu việc này với vua, vua cho dựng miếu Thần ở phía Bắc đất Trác, nguy nga tráng lệ, tượng thần uy nghiêm. Hễ gặp hạn hán, bệnh tật sâu bọ, dân đến cầu đều ứng nghiệm. Năm Tân Tỵ, Sư nhặt được Đạo Tạng Hóa Hồ Kinh và tám mươi mốt Hóa đồ, đều là thứ huyễn hoặc bịa đặt, Sư than: "Dùng tà mê hoặc chánh thế này thì quá lắm!". Sư tâu lên vua, vua hạ chiếu mời chư đại đức của Thiền giáo và bọn Hàn Lâm Thừa Chế cùng đến cung Trường Xuân biện chứng. Vua hạ chiếu cho các lộ rằng: "Trừ Đạo Đức Kinh ra, các bản văn ngụy tạo khác đều phải đốt sạch." Đến năm Nhâm Ngọ, Sư cố sức xin về Tây, vua không cản Sư được.

Hồi đó Tương Ca thọ giới với Sư, kế thừa chức Quốc sư, trong đám môn nhân phần nhiều cho Ca là người tự tung tự tác, Sư trách cứ nhưng Ca vẫn không chừa, từ đó Sư cấm không cho ông ấy làm Đế Sư. Đến khi lên được ngôi tướng, Ca sợ Sư là người thẳng thắn, tâu thẳng lên vua, nên trước tiên Ca đến vua dùng lời khéo léo ca tụng Sư, nhờ vậy mà vua mời làm Quốc sư.

Ban đầu Sư đến Mân Tung, kế đó đi Tây Hạ, rồi đến Lâm Thao, người đến cầu pháp rất đông, không bao lâu bọn quyền thần gièm pha bảo Sư phải quay về bản quốc. Sư về cố hương, đạm bạc qua ngày. Năm Kỷ Sửu, Tương Ca-sai sứ truyền chiếu chỉ thỉnh Sư về lại kinh đô, mời Sư ở lại chùa Thánh An. Tháng tư sư vào cung nhận chiếu đi trụ trì ở Triều châu, Sư vui vẻ dẫn thị giả Tích Giám Tạng sắm sửa ngựa xe ngay hôm đó về Nam. Ra khỏi cửa thành bỗng mưa gió sấm chớp nổi lên mù trời. Từ đất Biện, Sư vượt sông vào đến Mân Quảng. Sư đến đâu truyền giới pháp ở đó. Tháng tám, Sư đến Triều Dương, trụ ở chùa Khai Nguyên. Lúc này khu sứ Nguyệt Đích Mê Thất phụng chiếu Nam chinh. Hồi ấy Thất không biết Phật pháp, vợ ông bị bệnh lạ, thầy thuốc đều bó tay. Thất nghe tiếng Sư liền tìm đến xin Sư trị bệnh. Sư đến nhà ông ta lấy hết những tượng đồng cốt kia đốt hết, rồi cầm chuỗi hạt cầu nguyện, người bệnh đột nhiên tỉnh dậy khóc nói: "Tôi nằm mơ thấy một

người hình dung đen xấu dẫn tôi đi". Thất ở trong quân trận nghe vợ mình hết bệnh khôn xiết vui mừng, rồi đánh thắng giặc. Từ đó ông dốc tâm hộ trì Phật pháp.

Sư nói với môn nhân: Triều châu là nơi Đại Điên và Hàn Tử đàm đạo, nên xây chùa để lợi ích chúng sinh. Khi tìm được nền cũ của chùa Tịnh clạc ở thành Nam rồi, dự định xin vật liệu, nhưng chưa biết tính sao. Chùa này trước đây có con sông, nhưng đã cạn từ lâu. Tháng năm năm Canh Dần bỗng có mưa to, nước sông lại chảy xiết có vô số loại gỗ quý không biết từ đâu theo dòng nước trôi đến. Ai nấy đều thất kinh, cho rằng do quỷ thần vận chuyển tới. Khu sứ đứng ra đốc công xây dựng. Chùa hoàn thành, Sư tự tay đắp tượng Phật, cúng dường cả vạn tăng để cầu phước cho chùa. Có lần Sư nói với Tích Giám Tạng: "Không lâu nữa ta đi nơi khác nên gấp rút hoàn thành ngôi chùa này". Sau đó Sư về lại kinh đô. Vua ban cho chùa hai mươi khoảnh ruộng, sắc tứ là Bảo Tích Tự. Ít lâu sau có chiếu mời Sư về lại, Tương Ca đã bị giết. Mùa hạ năm Quý Tỵ, Hoàng thượng bệnh nặng, triệu sư vào cung dựng đạo tràng Quán Âm Sư Tử Hống, bảy ngày sau vua hết bệnh. Vua ban cho Sư năm mươi đĩnh bạch kim rồi hỏi về những gì Tương Ca gièm pha Sư là có hay không, Sư đem những việc trong lúc nghiệp đời trước trả lời, trăm quan thảy đều thất kinh. Vua nói với Sư: "Ngày trước thầy khuyên trẫm dựng chùa ở Ngũ Đài, nay ta sai bọn Thị Thần Bá Ngạn, Ty Thiên Giám Tô Hòa Khanh đến xem địa thế, vẽ địa hình lại, đem về thầy xem." Sư nói: "Đây không phải là việc nhỏ, Bệ hạ phát tâm thì chùa ắt thành". Sau đó không lâu, vua băng hà. Tháng tư năm Giáp Ngọ, Thành Tông Hoàng Đế kế ngôi, liền sai Sứ mời Sư đến. Sư đến vấn an vua xong, tâu: "Xưa, lúc Thành Cát Tư Hoàng Đế lập quốc, đất đai chưa rộng, nhưng vẫn không lấy thuế lương của Tăng nhân, Đạo sĩ. Ngày nay bốn biển nhất thống, vạn bang triều cống, lẽ đâu vì chút lợi mà bỏ mất pháp chế, nếu bỏ được thuế ấy thì bệ hạ thân an, chí vững, lại ngõ hầu họ siêng năng tu hành để báo quốc." Vua nói: "Thầy hãy bàn bạc với Thừa tướng Hoàn Trạch." Sư tâu: "Việc này phải bàn với Trung Thư Tỉnh Sự, nếu bệ hạ không đồng ý thì bàn bạc có ích gì." Vua im lặng một lúc rồi nói: "Sáng sớm ngày mai đến trước tượng Thích-ca xá-lợi trong Đại An các cùng bàn việc tốt này, thầy phải đến sớm."

Sáng hôm sau, Sư vào nội các ngồi sau Đế Sư, sai Tất Xà Xích Lãng tuyên Thánh chỉ. Vua quay sang hỏi Sư: "Nay đã miễn thuế cho Hòa thượng rồi, thầy hoan hỷ không? "Sư đứng dậy tạ ơn nói: "Tăng nhân trong thiên hạ đều nhận lãnh Thánh ân."

Tháng tư năm Ất Mùi, niên hiệu Nguyên Trinh, Sư phụng chiếu trụ trì Chùa Đại Hộ Quốc Nhân Vương.Vua sai Thái Phủ sắm, đủ xe cộ, lễ nghi, bá quan đều theo hộ tống. Chùa này do Chiêu Duệ Thuận Thánh hoàng hậu lập nên, nó trang nghiêm lộng lẫy chẳng khác khu vườn trong thiên cung dời xuống trần gian. Năm này vua sai Sứ mời Sư đến hỏi: “Quân mã Hải Đô xâm lấn bờ cõi Tây Phiên, thầy có thể dùng Phật sự hàng phục họ chăng?” Sư đáp: “Chỉ cần cầu Ma la Cát Thích, thì tự nhiên hiệu nghiệm. Vua hỏi: “Lập đàn ở đâu?” Sư đáp: “Ở Ung Sơn thuộc Tây bắc Cao Lương Hà có ngôi chùa, nơi đó yên tĩnh, làm Pháp sự thích hợp.”

Vua sai Tỉnh Phủ cung cấp vật dụng cần thiết, và giữ gìn cẩn mật. Vua nói với Thừa Tướng Đáp Thất Man, Thượng Thân Nhiễm Thần Hàn rằng: “Việc này dụng tâm như thế nào? Những gì Sư lý hội được là việc Sư nên làm, vậy trẫm cũng lý hội được”. Thế rồi Sư dựng Mạn-noa-la, y pháp mà tác quán. Không lâu có tin báo về. Vua vui mừng khôn xiết. Tháng hai năm Nhâm Dần, vua xa giá đến Liễu Lâm rồi ngã bệnh, vua sai sứ mời Sư đến nói: “Thầy còn nhớ trẫm thì xin đến ngay cho”. Sư đến nơi, vào điện đường tu Quán pháp bảy ngày bảy đêm thì vua khỏi bệnh. Vua hạ chiếu cho khắp chùa trong nước đọc Tạng Kinh. Rồi ban cho hương, lụa... đồng thời đại xá thiên hạ. Vua nói: “Nhờ Thầy giữ gìn mà trẫm nay thân thể an khang.”Nói rồi, vua cởi thẻ bài thất bảo trên cổ cúng cho Sư. Hoàng hậu cũng cởi xâu bảo châu anh lạc dâng cúng cho Sư, đồng thời còn dâng cúng nào là xe trướng thượng hạng, lừa ngựa, bạch ngọc, yên roi nạm vàng, hoàng kim bạch kim mỗi thứ một đĩnh, cùng mười tám cây lụa quý, lại có Ngự tiền hiệu úy, quân lính đi trước dẫn đường. Ngày hai mươi bốn tháng ba, vua tuần du lên phía Bắc, sai Sư ngồi xe voi đi trước xa giá, khi ngang qua Long môn ở Vân châu, Sư nói với đồ chúng: “Nơi đây là đất rồng đóng đô, có khi nổi mưa to gió lớn; lật nhào xe cộ, các ông nên Mật trì thần chú mà đợi. “Đến tối quả nhiên sấm chớp nổi lên, bốn phương đều chấn động chỉ có đoàn người đi không hề hấn gì. Đến Thượng đô, cận thần đều cảm tạ Sư nói: “Tai họa ở Long môn nhờ Sư mà an ổn”.

Mùa hạ năm Quý Mão, Sư có chút bệnh, vua sai ngự y đến xem bệnh, Sư cười nói: “Sắc thân có hạn, thuốc làm sao giữ được!”. Ngày mười tám tháng năm, Sư hỏi thị giả: “Bây giờ là lúc nào?” Thị giả đáp: “Đang đúng ngọ”. Sư nghiêm sắc mặt, ngồi quay mặt về Tây thị tịch. Vua nghe Sư mất thương đau vô cùng, ban trầm hương Chiên-đàn cùng các loại hương quý khác tẩm liệm rồi đưa đến Thượng đô, dựng tháp

trà-tỳ trong chùa Khánh An. Vua và tứ chúng vô cùng thương tiếc Sư. Ngày hai mươi chín tháng này, vua sai Thừa Tướng Đáp Thất Man mở xem nhục thân thế nào, thấy xương đỉnh đầu của Sư không cháy, có vô số xá-lợi, kết thành miếng chẳng khác thảm bằng giạ. Đồ chúng tâu lên, vua càng tán thán sai đem lưu trữ trong Đại đô, sắm sửa lễ nghi, cử nhạc nghênh đón xá-lợi về an táng tại tháp Khánh An trong chùa Nhân Vương. Sư thọ bảy mươi bốn tuổi, tăng lạp sáu mươi hai hạ. Mật giáo ở Tây Thiên tôn Đại Trì Kim Cang là Thỉ Tổ, đến đời Sư lại càng hưng thịnh, bởi vậy Sư có hiệu là Kim Cang Thượng Sư.

12. Vũ Tông:

Mậu Thân: Vũ Tông Khúc Luật Nhân Tuệ Tuyên Hiếu Hoàng Đế lên ngôi, đổi niên hiệu Chí Đại, ngày hai mươi lăm tháng mười một đại xá thiên hạ.

Thụy tượng chiên-đàn đã trụ được hai ngàn ba trăm năm.

Kỷ Dậu: Cho ra đời loại giấy bạc Chí Đại. Tháng mười vua hạ chiếu cho đúc tiền Đại Nguyên Thông Bảo và tiền nhỏ Chí Đại Thông Bảo. Ngày mười bảy tháng mười, đại xá thiên hạ.

13. Vua ban sắc lệnh soạn bài ký nói về Lâm Tế Chánh Tông:

Năm Chí Đại thứ hai, Nội Hàn Triệu Mạnh Phủ phụng chiếu soạn văn bia nói về Lâm Tế Chánh Tông. Trong ấy ghi: Phật pháp dùng Đại trí tuệ phá tất cả có, dùng Đại Viên giác nhiếp tất cả không, dùng đại từ bi độ tất cả chúng sinh, khởi nguyên từ không nói năng đến không gì chẳng nói, không gì chẳng nói nhưng lại chẳng nói gì. Phàm đạo không nói năng thì không truyền được, truyền thì không dùng lời nói, bởi vậy đạo vượt ngoài ngôn ngữ. Đó là Thượng thừa tối thượng của Phật pháp, như đốt củi lấy lửa, củi cháy hết nhưng lửa truyền không dứt. Vì vậy Thế Tôn niêm hoa, Ca-diếp mỉm cười. Trong tích tắc ấy siêu nhiên trực nhận, vậy đâu thể dùng ngôn ngữ cầu mà được! Từ Ma-ha Ca-diếp truyền xuống hai mươi tám đời thì đến Bồ-đề Đạt-ma. Khi mới vào Trung Quốc, ngài ở chùa Thiếu lâm trên Tung sơn, ngồi xoay mặt vào vách suốt chín năm. Đạt-ma truyền xuống sáu đời thì đến Tuệ Năng, Tuệ Năng truyền xuống mười đời thì đến Lâm Tế. Lâm Tế sinh ở Tào châu, du học ở Giang Hữu, thờ Hoàng Bá, hỏi đại ý Phật pháp, Hoàng Bá liền đánh. Cứ thế ba lần hỏi, cả ba lần đều ăn gậy. Ngài từ giã Hoàng Bá qua tham học với Đại Ngu, nói: "Chẳng biết lỗi ở chỗ nào? Đại Ngu nói:" "Hoàng Bá đã hết lòng giải khốn cho ông vậy, mà ông

còn tìm lỗi nữa ư!”. Ngay lời này Sư hoát nhiên đại ngộ, về Trấn Châu dựng thất ở phía trên sông Hô Đà, nay là viện Lâm Tế, nhân đó có hiệu là Lâm Tế Đại sư. Đối với đạo, Sư đạt tới đại cứu cánh. Từ Lâm Tế trở lên đến chư Phật, từ chư Phật trở xuống đến Lâm Tế, Thánh trước Thánh sau không hề gián đoạn. Chỉ thẳng dạy người, cơ phong vùn vụt, học giả mà nghe thì đoạn sạch thấy biết, trong ngoài đều không còn chỗ nương tựa. Từ ngài Tuệ Năng về sau, Thiền tông chia thành năm dòng, nhưng chỉ có ngài được gọi là chánh tông. Đời thứ nhất truyền cho Hưng Hóa Tồn Trưởng, đời thứ hai truyền xuống Nam Viện Ngung Công, đời thứ ba truyền cho Phong Huyệt Diên Chiểu, đời thứ 4 truyền cho Thủ Sơn Tỉnh Niệm, đời thứ năm là Ngũ Tổ Pháp Diễn, Pháp Diễn truyền cho Thiên Mục Tế Công, Tế Công truyền cho Lại Ngưu Hòa Công, Hòa Công truyền cho Trúc Lâm Bảo Công, Bảo Công truyền cho Trúc Lâm An Công, An Công truyền cho Hải Vân Đại Tông Sư Giản Công. Hải Vân tánh hợp với đạo, tâm khế với pháp, nhỏ thì không gì chẳng thể nhập, lớn thì không gì chẳng gồm thâu. Ngài trụ viện Lâm Tế, tiếp nối tổ nghiệp khuôn chánh mối đạo, Phật pháp lúc này cực kỳ hưng hóa. Khi Tế Tổ Thánh Đức Thần Công Văn Võ Hoàng Đế chưa lên ngôi, Đế quên mình là bậc chí tôn, thỉnh ngài đến hỏi pháp yếu, dù vua thường không thấu hiểu hết ý tứ của ngài, nhưng vua vẫn lấy tâm từ ái không giết hại làm nền tảng. Đệ tử lớn của ngài có hai người là Khả Am Lãng Công và Trách Am Hoàn Công. Lãng Công độ Tất Am Mãn Công và Thái Phó Lưu Văn Trinh. Hoàn Công độ Tây Vân Đại Tông Sư An Công. Sư thấy Văn Trinh là người túc trí lanh lợi nên sai ông theo phụng sự Thế Tổ hoàng đế. Lúc này vua tôi cùng hoạch định kế sách vỗ yên thiên hạ, công sâu đức dày đứng đầu là Nguyên Nguyên, cuối cùng ông ấy là bề tôi có công lớn, đó đều nhờ ngài dạy bảo thành tài. Năm Nguyên Trinh năm đầu, Thành Tông hạ chiếu thỉnh Tây Vân trụ trì chùa Đại Khánh Thọ ở Đại Đô, rồi vua hỏi pháp yếu, trải qua ba triều, khai mở đạo huyền, nhập trí chư Phật, biện biệt Tam thừa, rõ ràng minh bạch. Từ đó đạo của Lâm Tế càng thịnh hành rộng khắp. Nay Hoàng đế vâng mệnh Tổ Vũ, sáng tỏ diệu tâm, khắc ngọn làm ấn, ban cho Tây Vân, đó là ấn Lâm Tế Chánh Tông, gia phong ngài chức Vinh Lộc Đại Phu Tư Không, chủ trì việc của Tông Lâm Tế, xuống chiếu dựng bia ở viện Lâm Tế, sai thần là Mạnh Phủ soạn văn bia để xiển dương mối đạo của Phật, Tổ, để muôn đời bất hủ. Thần là Mạnh Phủ đã trình bày thứ lớp truyền thọ, nay xin làm bài minh:

Phật có chánh pháp, tâm giác minh diệu

Truyền hai tám đời, rồi đến Thiếu Lâm
Vòi vọi Thiếu Lâm, làm thầy Chấn Đán
Khiến cho giống Phật, chẳng bị đoạn đứt
Truyền xuống mười đời, thì đến Lâm Tế
Nguồn đạo thẳng bằng, chỉ bày khai thị
Đời thứ mười sáu, là ngài Hải Vân
Ngồi đạo tràng Tổ, nối tiếp mạng mạch
Chỉ Thế Tổ ta, gánh vác mệnh trời
Uy vang chín châu, phụng Phật kính tín
Nghe danh tiếng ngài, như Hiền Thánh xưa
Chỉ nói một lời, khế nhập Thánh ý
Nhân từ không sát, lợi ích bao la
Lạm đại đệ tử, tả hữu của vua
Đến ngài Tây Vân, tiếp nối đạo nghiệp
Ngồi tòa Sư Tử, diễn thuyết cho chúng
Người nghe tán dương, kẻ tin nô nức
Người chứng như báu, người ngộ như không
Nay Thánh Hoàng Đế, khế sâu đạo mầu
Rằng Lâm Tế Tông, chỉ thầy tiếp nối
Tức tâm là Phật, hợp thời hợp thế
Truyền chẳng dùng lời, mà dùng tâm nhận
Hoàng đế vạn thọ, chánh pháp mãi truyền
Để người đời sau, biết rõ nguồn cội.

14. Văn bia nói về Khất Đài Tát Lý:

Vua sắc tứ văn bia của Khất Đài Tát Lý Thần Đạo, Triệu Tử Ngang soạn văn bia. Trong ấy nói: "Thái Tổ hoàng đế sau khi thọ mệnh trời, bình định các nước phía Tây bắc thu phục Hồi Cát, Tối Cương, Tối Tiên, rồi hạ chiếu cho chủ nước ấy là Hoàng tử thứ năm tên Xích Đô Hộ kết nghĩa anh em với các hoàng tử khác, ân sủng khắp các nước. Từ đó bất kể kẻ hiền tài nào cũng đều bắt chước triều đình ta. Trong năm Chí Nguyên, Đại Đức, bề tôi trị vì không phải là người có công đánh thành phá lũy, không có cái dũng của kẻ chém tướng giựt cờ nhưng đạo gồm cả Nho Thính, học vượt cả trời người, coi mình là kẻ tâm phúc của Thiên tử, đảm trách việc sống còn của muôn dân chỉ có Triệu Quốc Văn Định Công mà thôi. Ngày nay, lúc Hoàng đế lâm triều được bảy năm, mới thực hành theo điển tịch của Bao Tuất, rồi ban tặng Tổ phụ của ông tước quan, phong công lao, năm sau lại ban cho bia mộ, sai thần

là Mạnh Phủ soạn văn bia. Khi Thế Tổ còn, ông giữ chức Bình Chương Chánh Sự, Thần giữ chức Binh Bộ Thượng Lang Trung, Việt Tẩu Tỉnh Thát Thức Công là bạn cũ của ông, nhiều lần cùng ông bàn bạc chánh sự, biết rõ về ông, nên không dám coi thường Thánh chỉ.

Ông húy là Khất Đài Tát Lý, từ nhỏ theo học Phật pháp với Trí Toàn Mạt Lợi Khả Ngô Pha Địa Sa, ông tinh thông biện luận, ai nấy đều suy tôn ông, vua ban ông chức Thuần Thành Thủ Chánh Công Thần Thái Bảo Nghi Đồng Tam Ty Thượng Trụ Quốc, và truy phong làm Triệu Quốc Công, ban thụy là Thông Mẫn. Ông lại theo Quốc sư Tư Bát học về Mật thừa, không đầy vài tháng đã học thông suốt, lại học Hán ngữ và ngôn ngữ của các nước khác. Thế Tổ biết ông là người tài nên bảo ông học sách Hán ngữ, ông vâng lời, từ đó thông suốt các kinh tịch Bách gia. Các sách như âm dương, lịch số, đồ sấm, phương kỹ ông đều tinh thông. Lúc Quốc sư về Tây có dẫn ông theo. Hơn năm sau, ông xin về. Sư tiễn ông đi và nói: "Sở học của ông, không phải là đệ tử Phật, ta không dám để ông lạy làm thầy, ông gắng mà phụng sự minh quân."

Hai người bịn rịn chia tay. Ông về đến triều mới biết Sư đã nhờ Thượng Thư tiến cử ông rồi. Dụ Tông nghe danh ông liền triệu vào cung, cho ông hầu hạ và làm văn thư. Mùa đông năm Chí Nguyên thứ hai mươi, có hai vị Tăng từ Tây Vực sang, tự nói mình biết Thiên tượng. Hoàng thượng triệu những người thông biết thiên tượng cùng họ biện luận nhưng biện không lại. Thoát Liệt nói ông có thể biện hơn, vua liền sai người triệu ông đến biện luận, hai vị Tăng liền bái phục vì không bằng ông. Hoàng thượng rất vui. Mùa hạ năm sau, Trạc Triêu Liệt Đại Phu Tả Thị Nghi phụng chiếu dựng Tập Hiền Quán, vua sai ông chủ trì. Ông xin tiến cử Tư Đồ Tản Lý Man chủ trì, rồi vua cho ông giữ chức Trung Thuận Đại Phu Tập Hiền quán Học Sĩ kiêm Thái Sử Viện Sự. Mùa hạ năm sau, ông đổi qua chức Gia Nghị Đại Phu. Mùa xuân năm sau, ông lại giữ chức Tập Hiền Đại Học Sĩ Trung Phụng Đại Phu. Mùa xuân năm sau, ông được phong làm Tư Đức Đại Phu Thượng Thư Hữu Thừa và kiêm Thái Sử Viện Sự. Mùa đông ông được phong Vinh Lộc Đại Phu Bình Chương Chánh Sự kiêm Tập Hiền Đại Học Sĩ Thái sử Viện Sứ. Năm thứ hai mươi tám, ông xin nghỉ bớt chức tước, chỉ làm Tập Hiền Đại Học Sĩ.Năm thứ ba mươi tám, ông lại lãnh thêm chức Thái Sử Viện Sự. Từ khi bắt đầu làm quan đến nay, ông đã tám lần đổi chức, nay giữ thêm chức kiêm Tả Thị Nghi Phụng Ngự. Năm sau, Thế Tổ băng hà, Dụ Tông hoàng hậu sai ông thống lãnh các quan trong Hàn Lâm Tập Hiền Thái Thường Lễ, chuẩn bị chu đáo lễ nghi đón Thành

Tông Hoàng Đế lên ngôi. Mùa xuân năm sau do có công nên vua gia phong ông làm Tư Đồ. Đại Đức năm thứ ba lại bái phong ông làm Bình Chương Chánh Sự. Mùa xuân năm thứ mười một, Thành Tông băng hà, ông thương khóc thành bệnh. Ngày mười bảy tháng tám, ông mất ở Phát Tường Lý Để trong Đại Đô thọ sáu mươi ba tuổi, an táng tại Tử Nguyên, Nam Cương, thành Tây.

15. Thiền sư Hoa Nghiêm Chí Ôn ở Thượng đô:

Vua sắc tứ bài minh trên tháp của Thiền sư Phật Quốc Phổ An Chí Ôn. Thị Thư Khuê Chương Các Ngu soạn văn bia. Trong ấy ghi: Sư húy Chí Ôn, tự Kỳ Ngọc, còn có hiệu Toàn Nhất, họ Xích, người Hình Châu. Thuở nhỏ đã thông minh dị thường. Lên sáu tuổi, mẹ Sư dẫn Sư đến thôn Bàng Mã gặp Hòa thượng Tịch Chiếu ở viện Tịnh Độ, Tịch Chiếu nói: Ông lẽ đâu làm họ Thích chăng! Sư thầm nhận. Gặp lúc Tịch Chiếu tránh loạn về ở ẩn tại Liêu Tây, Sư lạy đệ tử của Tịch Chiếu là Biện Am Nột Công và được thế phát. Lúc này Vô Hoàn Phú Công chủ trì viện Tịnh Độ, dạy chúng rất nghiêm, Sư vẫn thuận theo. Năm Canh Dần, Vô Hoàn khai pháp ở Vạn Thọ, Sư cùng mười tăng khác qua phụ giúp. Vạn Tùng Mỗ Công dùng tông chỉ của Thanh Châu Biện Công để khai mở pháp yếu. Vạn Tùng là người rất thoáng trong thiền môn, bốn phương đều kính trọng. Khi gặp Vạn Tùng Sư, mới biết ông ấy tài khí hơn người, tuy chúng ta không ưa mấy, nhưng ông ấy là người học rộng nghe nhiều biện tài vô ngại, sách của Bách Gia Chư Tử, ông đều thông suốt lại giỏi chữ Thảo, thư pháp rất căn bản. Năm mười sáu tuổi, Sư làm thị giả Vạn Tùng. Tất cả kệ tụng pháp ngữ của Vạn Tùng chỉ cần nghe qua Sư đều thông hiểu, thấu đạt pháp yếu. Vạn Tùng thường cho thị giả thay mình ứng đối. Sư ứng đối lanh lẹ, không ai địch nổi, người đương thời ai nấy rất ngưỡng vọng Sư.

Cố Thái Bảo Lưu Văn Trinh Công lớn hơn Sư một tuổi, thiếu thời hai người rất thân nhau. Lưu Công chán đời nên để tâm học đạo, Sư khuyên ông ta nên làm Tăng, cùng tham học với Bảo Thắng Minh Công ở Tây Kinh. Sau đó bị Thế Tổ biết, vua đưa ông vào triều cho làm mưu thần. Lưu Công tiến cử Sư với vua, vua mời Sư đến nói năng hợp ý, vua rất vui, bảo Sư làm quan, Sư không nhận nói: "Phật pháp lưu hành khắp thiên hạ đó là ước mong của Thần, giàu có không phải là điều thần mong muốn". Vua giữ Sư trong cung, hết lời khen ngợi Sư. Sư ở ba năm thì xin về, vua ban cho Sư vàng bạc, vật dụng hàng ngày, không sao kể hết. Lúc này Hiến Tông Hoàng Đế thỉnh Hải Vân chủ trì nền Phật giáo,

hạ chiếu mở đại giới đàn truyền giới, Sư tuân chỉ thông báo khắp trong nước rồi phụ giúp Hải Vân hoàn thành Phật sự.

Thế Tổ chinh phạt Vân Nam trở về, Lưu Công tâu xin vua ban cho Sư hiệu là Phật Quốc Phổ An Đại Thiền sư, thống lãnh mọi việc của Tăng Ni trong Hà Nam, Nam Kinh... năm lộ thuộc Quan Tây, Thái Nguyên Phủ Lộ và các Châu như: Hình, Lạc, Tư, Hoài, Mạnh Châu. Vua khắc ấn rồi ban cho Sư, Sư hết lòng hộ trì Phật pháp, phàm ruộng đất, tự viện của Tăng chúng bị bọn nhà giàu và giáo phái khác chiếm lấy, Sư đều cố sức đòi lại. Sư vân du khắp nơi thỏa mãn chí hướng cầu học của mình mới chịu dừng bước. Trong đám môn nhân Sư thường khuyên đồ chúng ít nghỉ ngơi, đừng giải đãi. Cuối đời Hiến Tông, Tăng và Đạo sĩ nổi lên tranh giành, ai nấy đều đem lời không thật kích bác lẫn nhau. Vua hạ chiếu cho tập trung tại Hòa Lâm biện luận để phân biệt thật giả. Sư theo các vị Đại Đức ở chùa Thiếu Lâm đến biện luận với Đạo Sĩ. Bọn Đạo sĩ biện không lại, và đã có mười bảy người thế phát làm Tăng, lấy cả trăm ngàn cung quán của Đạo sĩ. Trong năm Trung Thống, Phật giáo rất thịnh, Tăng chúng đều nhờ cậy và rất biết ơn công lao của Sư, nhưng Sư xin nộp ấn từ quan. Tiền bạc do vua ban hằng năm, Sư dùng để tu bổ chùa viện, còn bản thân vẫn sống đạm bạc như xưa. Ngày hai mươi hai tháng năm năm Đinh Mão niên hiệu Chí Nguyên, Sư có chút bệnh rồi nằm nghiêng bên phải đầu hướng về Tây, thị tịch tại chùa Thiên Cung ở Hoàng Châu. Trời nóng bức nhưng sắc diện của Sư vẫn như người sống, lại có mùi hương lạ toả ra suốt ba ngày. Lúc trà-tỳ, quả tim, lưỡi, răng của Sư không cháy, dân chúng đào sâu đến mấy thước vẫn còn thấy xá-lợi. Sư thọ năm mươi mốt tuổi, tăng lạp bốn mươi chín hạ.

Thần nghe Thái Tổ hoàng đế đức độ như trời, khéo dùng kẻ hào kiệt. Từ khi chưa lên ngôi đến lúc gồm thâu bốn biển, người tài trong thiên hạ, lớn nhỏ đều theo về, bởi đủ những bậc kỳ tài nên nghiệp lớn thịnh vượng. Vòi vọi thay! Hào hùng thay! Từ Tam Đại trở xuống hết thảy các bậc đế vương chưa ai sánh kịp. Họ Thích lấy tịch diệt làm tông, mà những người tài giỏi, văn chương biện luận như Ôn Công cũng đâu phải là hạng tầm thường. Thần mạo muội nêu bày để biểu dương ông ấy để thấy rằng vương đạo hưng thịnh, bởi những người như thế. Bài Minh rằng:

Chỉ Thế Hoàng xưa, mở mang bình định
Lập ra bờ cõi, có cung có thành
Nhìn về phương Đông, suối ngọt đất tốt

Muôn loài đến đậu, xây tường dựng nền
Lập đền nhân nghĩa, tên là Long Quang
Cầm quyền cai trị, Tăng có anh tài
Khí phách ngang trời, luận như mưa gió
Ngang dọc tới lui, chẳng dám khinh ta
Việc làm Thế Hoàng, lưu danh sử sách
Thấy biết thong dong, vượt ngoài tạp nhạp
Chuyên cần làm thiện, chăn dắt dân lành
Báo đức khôn cùng, như Hộc bay cao
Dòng Thích đông đúc, thọ giáo an túc
Ai dám ngăn chia, vào chủ ra nô
Thiên tử có lệnh, giữ chân bỏ ngụy
Ta đuổi ta theo, hàng phục tất cả
Từ Yên đến Triệu, đến tận Thiểm Quan
Ruộng ta nhà ta, đều về như cũ
Một đời Thế Hoàng, lợi dân đâu nhỏ
Mà họ Thích ta, chấn hưng không dứt
Thời thầy Long Quang, mai danh ẩn tích
Để tâm vào việc, soạn sách làm thơ
Thơ nêu tông phong, sách bày nhàn hạ
Thuật đủ mọi việc, đáng bỏ bỏ ngay
Danh tăng đương thời, cho đến công khanh
Đều thuật hành trạng, ngài đi đột ngột
Thọ tám mươi năm, vẫn như còn đó
Ai biết biểu dương, bảy đời kế tự
Nêu danh nghĩa cử, Thiên Tử vui mừng
Sử thần ca ngợi, để mãi khắc ghi.

Canh Tuất: Tháng giêng, cho dùng tiền cũ của những triều trước. Ngày mười tám tháng mười đại xá thiên hạ.

Đại sư Lỗ Quốc Trung Vũ Vương Mộc Hoa Lê thân cao bảy thước, đầu cọp, râu hùm, mặt đen, có nhiều mưu lược, hùng dũng nổi tiếng một thời. Ông và Bát Nhĩ Thuật, Bát Nhĩ Hốt, Xích Lão Ôn đều là người trung dũng phò tá Thái Tổ, thời bấy giờ người ta gọi họ là Xuyết Lý Ban Khúc Luật, theo tiếng Hán có nghĩa là Tứ Kiệt. Thái Tử thân hành qua đông Ấn Độ, Thiết Môn Quan Thị Vệ thấy một con thú hình nai, đuôi ngựa, màu xanh, có một sừng, biết nói tiếng người. Nó nói: Ông nên sớm lui binh về. Vua lấy làm lạ hỏi Gia Luật Tấn Khanh Sở Tài, Tài tâu: Con thú này tên là Giác Đoan, mỗi ngày đi mười tám ngàn dặm,

biết nói bốn ngôn ngữ của Man Di, đó là điềm nó ghét giết người, bởi vậy trời sai nó xuống báo với bệ hạ, mong bệ hạ thuận lòng trời tha mạng cho muôn dân các nước này đi, đó quả thật là phước lớn vô cương của bệ hạ. Ngay hôm đó vua truyền chỉ hồi kinh.

Tân Hợi: Ngày năm tháng giêng, thể theo hai mươi ba tháng mười một năm trước là ngày Giao Kỷ nên đại xá thiên hạ. Ngày mười tám tháng ba, vua lên ngôi đại xá thiên hạ, ban gấm vóc cho người già. Tháng tư cấm sử dụng tiền đồng mới và cũ, cùng loại tiền Đại ngân sao.

16. Luận về việc cách bỏ Tăng, Đạo nha môn:

Luận rằng: Kỳ vọng ngũ vị để tiến tu, chuyển Nhị Y mà thành đạo quả là Bồ-tát Thượng Thừa. Chuyên tu Tứ Hướng mà chứng thành Tam Sinh Bách Kiếp (ba đời trăm kiếp) tỏ rõ danh hiệu là Duyên giác Thanh văn. Phẩm vị của Thánh Hiền trong giáo môn trình bày rất rõ. Chỉ riêng tỏ ngộ tự tâm Nhập tri kiến Phật thì ngàn thánh còn không làm, làm gì có giai cấp. Phật giáo du hóa đến đông độ hơn ba trăm năm mươi năm, Hậu Ngụy Tôn Sa-môn Pháp Quả ở Triệu quận làm người quản lý tất cả Sa-môn, cùng dường vẫn chưa thấy đủ lại còn phong cho quan phẩm đó là chức Phụ Quốc Nghi Thành Tử Trung Tín Hầu, rồi sau phong tước là An Thành. Việc phong quan khởi nguyên từ đó. Nhà Lương phong cho Tuệ Siêu chức Thọ Quang Điện Học Sĩ, nhà Hậu Chu lựa chọn những người có tài học vấn ưu việt trong Tăng, Đạo, bổ sung vào Thông Đạo Quán Học Sĩ, nhưng phải thay đổi sắc phục. Đời Tùy phong Ngạn Tông làm Phiên Kinh Quán Học Sĩ. Đường Trung Tông năm Thần Long thứ hai, xây chùa Thánh Thiện xong, vua gia phong Tuệ Phạm, Tuệ Trân, Pháp Tạng, Đại Hạnh, Hội Tịch, Nguyên Bích, Nhân Phương, Sùng Tiên, Tiến Quốc cả thảy chín người quan hàm Ngũ Phẩm và Triêu Tán Đại Phu, bởi họ có công lao đắp tượng sửa chùa. Sau đó, vua gia phong Tuệ Phạm làm Chánh Nghĩa Đại Phu Thượng Dung Quận Công, phong cho trụ trì đến chức Ngân Thanh Quang Lộc đại phu. Bổng lộc, phòng ốc của họ giống như quan chức. Huyền Tông giải toả được nỗi lo trong lòng thì Tăng Thanh Nhuận được phong quan Tam Phẩm; chữa lành bệnh cho Ninh Vương, Tăng được ban cho Phi Bào; Đại Tông gia phong cho Bất Không Tam tạng chức Khai phủ Nghi Đồng Tam Ty Tiêu Quốc Công, thực ấp ba ngàn hộ, nhưng ngài cố từ không nhận và nói: “Tôi dùng pháp cứu đời, chứ không có ý liều mình lạm nhận quan tước”. Bởi vậy trong việc phong quan, chỉ có Bất Không

là người cao vời nhất. Hai triều Tống, Kim, phong tục Nam Bắc tuy khác nhưng việc phong quan tước cho họ Thích vẫn còn ghi rõ trong sử sách, nhưng việc vẫn tuân theo luật quan, ban cho ấn tín thì chưa được nghe. Đến khi Hoàng Nguyên Thế Tổ hoàng đế ta thống nhất thiên hạ, đặt ra phép tắc, nảy ra sáng kiến cho rằng lấy tục áp đặt cho Tăng cũng đâu đánh mất sự sùng kính, nên khẩu dụ khắp thiên hạ, lập ra Tuyên Chánh Viện, Tăng Lục, Tăng Chánh, Đô Cương Ty ban cho ấn tín, bổ đi các lộ chủ trì giáo môn, hộ trì việc giảng pháp, đó là nhờ Thiên Tử anh minh không cô phụ di huấn của Phật. Thế nhưng bọn buôn quan bán tước, bẻ bất tài hám tước, lợi dụng lòng tốt của vua để tự nâng mình lên, bôn ba luồn cúi, sống ô nhục chẳng biết thẹn, lấy việc ra vào nơi ồn ào, tới lui nơi kiện cáo cho là đắc chí, chưa được thì không ngán, đến nỗi như Nang Gia Ba Tăng Lục lấy giỏ hốt tiền của Sơn tăng mà cho là không trái với luật hạnh. Có thể nói đó là trùng trong thân Sư Tử vậy. Lúc Nhân Tông Hoàng Đế còn ở Trữ Cung tận mắt thấy cái tệ này, liền giáng chỉ trừ Tuyên Chánh viện ra, còn lại phải thay đổi hết. Việc làm này cũng là không cô phụ lời phó chúc trên Linh Sơn. Than ôi! Triều đình mà còn phong quan phong tước, thì tăng nhân còn tranh giành quan vị, quan vị mà chưa thỏa thì lòng tham vẫn chưa đầy, dù không nuôi dưỡng vợ con, quỳ lạy quân thân, nhưng có khác gì Chức nữ Thất Tương dắt trâu mang ách đâu! Biết rõ như vậy nên không nhận, cao sáng thay! Tam tạng Bất Không! Có công lớn với giáo pháp nhưng vẫn hổ thẹn với sự lạm dụng, nay tại sao người ta lại nói muốn lạm dụng danh nghĩa?

17. Nhân Tông:

Nhâm Tý: Nhân Tông Văn Anh Vũ Chương Hoàng Đế, ngày hai mươi chín tháng mười, ông lên ngôi, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu Hoàng Khánh.

Quý Sửu: Ngày mười tám tháng mười vua hạ chiếu cho khoa thi dùng nghĩa kinh chọn kẻ sĩ.

Giáp Dần: Ngày hai mươi hai tháng giêng, đổi niên hiệu Diên Hựu, đại xá thiên hạ. Tháng mười một, sai sứ đi kinh lý thuế ruộng ở Giang Tây, Giang Triết, Hồ Quảng.

18. Tam tạng Pháp sư Sa-la-ba:

Tam tạng Pháp sư Hoằng Giáo Phật Trí thị tịch. Sư họ là Tích Ninh, húy là Sa-la-ba Quán Chiếu, thờ Thượng Sư Trước Lật Xích học Phật pháp, rất giỏi phiên dịch, lại liễu đạt pháp yếu Bí mật. Thế Tổ

hoàng đế có lần thọ giáo với Đế Sư Phát Tư Ba, mời Sư đến thông dịch. Sư dùng ngôn từ sáng tỏ rất hợp ý vua. Vua ban cho Sư hiệu là Đại Biện Quảng Trí Pháp sư. Dân ở Hà Tây tôn kính Sư không dám gọi đích danh mà chỉ gọi họ, đến như đệ tử cũng đều gọi Sư là Tịnh Ninh Pháp sư Gia, đủ thấy ai nấy tôn kính Sư đến mức nào. Sư có bốn anh em, Sư là người nhỏ nhất. Lúc còn để chỏm đã theo Đế Sư Phát Tư Ba xuống tóc làm tăng, học pháp Quán Đảnh của chư bộ. Thời bấy giờ có họa sĩ Thích Ôn Bốc rất giỏi về pháp yếu Mật Thừa của Diễm Man Đức Ca, là người nổi tiếng đương thời, Đế Sư sai Sư đến thọ học với ông. Ôn Bốc thấy Sư là người kỳ tài học thức uyên bác, người thường không sánh kịp nên đem bí yếu truyền cho Sư. Vì vậy Vương công đại nhân, tất cả những ai muốn học pháp này đều đến lễ Sư làm thầy và thọ học. Đế Sư Ca La Tư Ba Cán Tức Lý thấy Sư có tài nên tiến cử Sư với Thế Tổ. Vua hạ chiếu mời Sư dịch các bí yếu truyền cho đời. Thời bấy giờ Tăng Ty tuy thịnh nhưng cũng lắm kẻ bê tha, quan lại sở tại đã không có tài năng khiến cho chánh pháp vang danh thiên hạ, trái lại họ là mối hại của chư Tăng. Loài trùng độc bám vào mụt ghẻ tuy muốn trừ khử nhưng đâu thể diệt sạch, mà tệ hại nhất là vùng Giang Nam. Từ lâu triều đình đã cho tuyển chọn người tài năng là muốn chỉnh đốn mối hại này. Họ thưa với Đế Sư, ai nấy đều nói trong ngàn muôn người như vậy lẽ đâu không có người tài năng? Mà người biết thời chắc chắn không ai tài giỏi hơn Sư. Thế rồi vua hạ chiếu cho Sư giữ chức Thích Giáo Tổng Thống các vùng như Giang Triết... Sư đến giải quyết mọi phiền toái bằng tấm lòng khoan dung, quãng đại, dân ở đây từ đó được yên. Sau Sư đổi qua giữ chức Thích Giáo Tổng Thống các vùng Phước kiến... do bản tánh ngay thẳng, nên thường không tránh khỏi không hợp ý người khác. Sư nói: Thiên hạ còn không có việc gì huống gì giáo môn! Mọi sự là do chúng ta ngu mê tự gây phiền toái mà thôi. Phàm đặt ra nhiều chức quan thì chuyện phiền toái càng lắm, nay chư tăng thấy rắc rối là do lắm chuyện phiền toái, quan chức quá nhiều. Mười con dê mà chín người chăn thì sự phiền phức làm sao kể hết. Sư kiến nghị nên bãi bỏ quan chức của chư Tăng. Sư tâu lên vua, vua hạ chiếu bãi bỏ quan Sở của các lộ, ai nấy đều khen Sư là người cao kiến. Khi được mời làm quan Sư liền mai danh ẩn tích chốn núi rừng, dựng thất trồng cây, sống vậy đến cuối đời. Đến năm Đại Trung, Hoàng Thái Tử sai người đến mời Sư vào Kinh Sư, hạ chiếu phong Sư làm Quang Lộc Đại Phu Tư Đồ. Nhân Tông Hoàng Đế lúc chưa lên ngôi, từng hỏi pháp ở Sư, biết Sư là người hiền tài, nên sau khi lên ngôi, vua càng đãi ngộ Sư hơn. Vua hạ chiếu chu cấp vật dụng

và thỉnh Sư trụ trì chùa Khánh Thọ, và hạ chiếu cho ấn bản lưu hành tất cả những dịch phẩm của Sư. Thuở nhỏ, Sư đã là bậc dĩnh ngộ, ngôn ngữ các nước khác dù không học nhưng Sư nói thông suốt. Từ lúc còn nhỏ ai nấy cho rằng ngày sau Sư tất thành người xuất chúng, đến lớn quả nhiên. Sư nổi tiếng ở đời, làm đến chức Tam công. Đã có tài đức, lại gặp được thời, ấy là nhờ trước đây tụng đọc kinh Phật, thông tỏ nghĩa lý, thấu hiểu tận tường đến chỗ sâu xa. Con người của Sư thích người hiền, mến người tài, lại rất biết dùng người, đàm luận thì chỉ mới nói ra, Sư đã thấu tỏ hơn một nửa. Bởi vậy, tất cả những gì Sư thành đạt đều nhờ học hỏi mà có, vì vậy những người tài năng đều theo Sư thọ học, Sư giao du đối xử nhau như thầy bạn.

Ngày năm tháng mười năm Diên Hựu năm đầu, Sư mất, thọ năm mươi sáu tuổi. lúc mới bị bệnh, vua ban cho Sư vạn đồng tiền Trung Thống Sao để chạy thầy chạy thuốc, đến nỗi Thái Úy Thẩm Vương không khỏi đố kỵ. Đến khi Sư tịch, vua lại ban cho vạn tiền để lo việc chôn cất, sai Sứ đưa nhục thân Sư về cố hương an táng. Môn nhân đệ tử cùng nhau dựng tháp, Thọ An Sơn Vân Lộc Hồng Công soạn bài minh rằng: Phật pháp được hoằng truyền ắt nhờ phiên dịch, bởi vậy dịch từ Phạm sang Hán, dù dịch chẳng theo danh vật, hay chỉ lấy nghĩa thôi, ắt phải là người bác thông kinh luận, giỏi cả hai ngôn ngữ, thì mới làm được. bởi vậy ngài Đạo An từng nói: "Phiên dịch những lời nhiệm mầu, năm phần đánh mất đi ba, cũng đã là khó lắm rồi, bởi vậy không phải người tài năng thì không thể nào làm được". Vì thế trong mười khoa được lưu truyền, phiên dịch đứng đầu, đâu không phải là phiên dịch là công việc khó làm, công lao lớn nhất đó sao!

Tôi từng cùng các vị ở Kinh ấp phụng chiếu vua giảo đính lại tạng điển, xem khắp các nhà phiên dịch từ xưa đến nay, dịch kinh như La-thập đời Tần, dịch Luận như Huyền Trang đời Đường, cả thảy đến mấy mươi dịch gia, có thể nói là từ xưa đạo ta đã không gián đoạn rồi. Ngoài ra có bản nghĩa còn mù mờ, có bản văn từ còn lủng củng. Nghĩa mù mờ là do người dịch chưa hiểu thấu câu văn, văn từ lủng củng là lỗi của người nhuận sắc. Nghĩ lại lời của An Công, đủ thấy tài cao ngất như thế mà vẫn gọi là không dễ, người dịch ngày nay có cho là dễ không? Từ cuối thời tượng pháp đến nay, dịch trường mãi bỏ không, người có khả năng lại ít, trong lúc người vật điêu tàn thế này có gặp được một người như Sư chăng? Xem những dịch phẩm của Sư đủ thấy Sư là người tài năng biết bao!

19. Luận sư Phổ Giác Anh Biện ở Tần châu:

Pháp sư Phổ Giác ở Tần Châu thị tịch. Từ sau đời Tùy Đường, người truyền bá Phật giáo, ai nấy đều theo chủ thuyết của mình, từ đó chia thành ba tông. Từ cửa ngõ chánh quán quán Giả mà ngộ Không, quán Không mà đạt Trung, thể nhập Thật Tướng là Tông Thiên Thai. Gom duyên vào Thật, ngay Tục mà sáng tỏ Chân là Tông Hiền Thủ. Thấu tận kiếp số của vạn hữu, làm sáng tỏ đạo huyền Nhất Tánh, có và không khác biệt nhưng đồng quy về Trung Đạo, đó là Tông Từ Ân. Sư là người của Tông Từ Ân. Sư họ Triệu, húy là Anh Biện, từ nhỏ đã xuống tóc làm điệu, đến tuổi trưởng thành thọ giới Cụ túc. Năm hai mươi lăm tuổi Sư đắc pháp với Bá Lâm Đàm Công và làm tòa chủ. Sư thọ sáu mươi tám tuổi, tăng lạp sáu mươi mốt hạ. Tháng sáu năm Canh Tuất niên hiệu Diên Hựu năm đầu, Sư thị tịch tại chùa Cảnh phước. Trong đêm thị tịch bỗng có ánh sáng lạ, đó là điểm biểu trưng kỳ tích vượt ngoài hỏa táng. Cũng vào ngày tháng này, đồ chúng dựng tháp Sư sau chùa Phổ Giác. Tánh tình Sư chân thật, thuần phác, như ngọc đẹp hàm tàng cái chân thật, dù chẳng cần trau chuốt nhưng người ta tự kính mến. Đến hạng vũ phu ngang ngược cũng đều tôn kính Sư. Có thể nói trong thời không có Phật, Sư đủ đức hạnh làm Phật. Hễ có bao nhiêu tiền, Sư đều dùng để dựng chùa, sống thanh đạm giữ đạo, bởi vậy quân tử rất đề cao phong cách của Sư.

Ất Mão: Tháng ba, vua sai Sứ đi phủ dụ, thăm hỏi đời sống muôn dân. Bình định giặc loạn ở Ninh đô. Ngày hai mươi bảy tháng mười một, thấy sao lu mờ, vua đại xá thiên hạ.

Bính Thìn: Vua lạy Công Ca La Cổ La Tư Giám Tạng Ban Tạng Bốc Tôn làm Quốc sư.

20. Bài ký nói về việc vua ban sắc lệnh dựng Thụy Tượng điện:

Vua ban sắc lệnh dựng điện thờ Thụy Tượng Chiên đàn. Hàn Lâm Thừa Chỉ Trình Cự Phu soạn bài ký. Trong ấy ghi: Từng nghe, Đạo không có hình, người soạn kinh Dịch tất nặn ra hình dung. Pháp vốn đều không, người độ thế tạm bày ra sắc tướng. Nghĩa là: Như chỉ hư không làm gương, chẳng bằng lấy gương dụ cho hư không; ngay nơi cây chỉ ra gió, để khi biết gió rồi thì quên cây. Bởi vậy nơi Song lâm phó chúc xá-lợi, theo Phàm Thánh mà phân riêng ra. Dấu chân Thiên Bức vân du, suốt cổ kim nhưng thường tại, không phải bày thần thông trong cảnh huyễn, mà thật khai phương tiện trong bến mê. Đó gọi là từ nơi chính mình mà thể nhập vào tâm, tức tâm mà tức Phật. Thụy tượng Chiên-

đàn là chân tượng của Phật. Nó giống như muôn hình in bóng xuống dòng nước không mảy may sai khác, như luồng ánh sáng xuyên qua khe hở, nhất nhất đều viên, lẽ đâu chọn đất an trí? Bởi vậy tùy duyên mà ứng. Nhìn rừng mai mà ngăn cơn khát, tất thảy đều thấm nhuần, thả lá trúc để gởi lòng về, ai cũng chở nổi. Chỉ có Thánh Thiên tử ta, đạo vượt Tiên Thánh, lòng từ ngang với Giác Hoàng, cầu mong ngày tháng vui hoài, thường nương đất Phật, mong ngóng năm tháng của Như Lai, ngồi nhìn trời người, bèn sai Tập hiền đại học sĩ Lý Thuật cùng với các vị tôn túc của Thiền giáo kê cứu lại ngọn ngành, và nói: Thích-ca Như Lai là Thái tử của Tịnh Phạn Vương. Ngài sinh ngày tám tháng tư năm Giáp Dần, đó là đời Chu Chiêu Vương thứ hai mươi bốn. Sinh được bảy ngày thì Phật mẫu Ma-da phu nhân vãng sinh lên Đao-lợi. Đến năm thứ bốn mươi hai, Thái tử bỏ ngôi vị xuất gia tu hành. Năm Quý Mùi, Mục vương thứ ba, ngài thành đạo. Năm Tân Mão thứ tám, muốn báo ân mẹ nên ngài lên Đao-lợi thiên thuyết pháp cho mẹ. Ưu-điền Vương từ lâu không được chiêm ngưỡng Phật, muốn chiêm ngưỡng nhưng không biết làm sao, bèn khắc Chiên-đàn làm tượng. Tôn giả Mục-kiền-liên sợ có điều thất thố, nên Tôn giả vận dụng thần lực đưa ba mươi hai người thợ lên Đao-lợi để họ nhìn kỹ tướng hảo của Phật. Cứ thế lên xuống ba lần bức tượng mới hoàn thành. Quốc vương thần dân thờ bức tượng y như Phật thật. Đến khi Đức Phật từ Đao-lợi thiên về lại nhân gian, Vương dẫn quần thần muôn dân đi nghênh đón Phật. Bức tượng bỗng bay lên hư không khấu đầu đảnh lễ trước Phật. Đức Phật xoa đầu thọ ký bức tượng rằng: Sau khi ta diệt độ một ngàn năm, ông hãy qua nước Chấn Đán làm lợi ích trời người. Kể từ đó bức tượng này có mặt ở Tây độ một ngàn hai trăm tám mươi lăm năm, ở Quy Tư sáu mươi tám năm, ở Lương Châu mười bốn năm, ở Trường An mười bảy năm, ở Giang Nam một trăm bảy mươi ba năm, ở Hoài nam ba trăm sáu mươi bảy năm, sau lại đến Giang nam hai mươi mốt năm, ở Biện lương một trăm bảy mươi bảy năm, sau trôi dạt về phía Bắc ở Yên kinh, an trí mười hai năm tại chùa Thánh An ngày nay, rồi trôi dạt lên phương Bắc, an trụ trong chùa Đại Trữ Khánh ở Thượng Kinh hai mươi năm, rồi về Nam, an trí trong nội điện ở Yên Cung năm mươi bốn năm. Tháng ba năm Đinh Sửu đời Đại Nguyên, Yên Cung bị cháy, Thượng Thư Thạch Mạt Công nghinh tượng về lại chùa Thánh An, đến nay đã năm mươi chín năm. Vào năm Ất Hợi niên hiệu Chí Nguyên thứ mười hai Thế Tổ hoàng đế sai Đại thần Bột La... cùng tứ chúng đến chuẩn bị đủ lễ nghi, xe tượng, kỹ nhạc, nghinh tượng về Nhân Trí điện tại Vạn Thọ sơn. Năm Đinh Sửu xây chùa Đại

Thánh Vạn An, đến năm Kỷ Sửu năm thứ hai mươi sáu lại nghinh tượng từ Nhân Trí điện về thờ ở hậu điện của chùa này. Thế Tổ đích thân đến làm Phật sự. Kể từ khi vua Ưu-điền tạc tượng đến khi vua hạ chiếu soạn văn bia tức năm Bính Thìn năm Diên Hựu thứ ba, tổng cộng hai ngàn ba trăm lẻ bảy năm. Ôi! Trong bốn biển lớn, bỗng nhiên gió nghiệp ngừng thổi, trong khoảng khảy móng tay chẳng ngờ Hiền kiếp qua mất, hàm linh ở Gia Hưng từ đây an ổn. Thế rồi Tập hiền đại học sĩ thần là Hạo đem những gì mình thuật dâng lên vua, vua hạ chiếu giao cho thần là Cự Phu viết lời ký. Phu kính cẩn phụng chiếu, viết rằng: Thánh nhân đời xưa dạy dân báo ân cội nguồn, đạo tuy sâu xa nhưng vẫn ở trong lễ nghi tế tự. Miếu là cội nguồn hay là chủ, tế là con cháu còn gọi là Thần Thi. Đời sau muốn tạo ra tượng nhưng không biết gốc gác từ đâu. Từ đó mà xét, gốc gác của nó từ phong tục bên Tây Vực. Nếu Phật đã là bậc tôn quý của thế gian và xuất thế gian thì đâu đợi phải thuật lời, tán thán. Thế nhưng muốn biết Phật sở dĩ là Phật chắc chắn không nằm trong sắc tướng, huống gì việc này tương tợ như sắc tướng. Nhưng nếu không từ nơi cái tương tợ này mà cầu thì sẽ không biết nương vào đâu và chắc chắn tâm không biết quy hướng nơi nào. Bởi vậy Pháp thân không có tướng, ắt phải mượn tướng để nêu bày cái thật. Chí đạo không có lời, ắt phải nhờ ngôn từ mà hiển bày cái mầu nhiệm. Nếu trong cái thô thiển mà vẫn khư khư chẳng đoái hoài tới thì bước tiến ắt không trông mong gì được. Bệ hạ khảo sát phép tắc của trăm vương, so sánh cái sâu mầu của vạn lời, trên thì thuần hiếu, dưới thì nhân từ, hậu đãi thiên hạ, không ai chẳng nhờ ân, đến như nhân từ làm thiện phụ giúp chánh giáo cũng đều thuận theo lòng người mà làm, chứ không vì cầu phước cho thân tộc trong cung. Phàm đá vàng là vật cứng chắc nhưng chưa hẳn lâu bền, nay một khúc gỗ mà tồn tại lâu dài đến thế, chư Phật bảo hộ cố nhiên rất chu toàn cộng với sức người gìn giữ, đủ biết đâu phải công lao của một người. Ôi! Nó trôi dạt cả hai ngàn năm rồi đến tay bệ hạ, từ đó khai mở đức âm, hoàn thành đại nghiệp, vùn vụt tiến tới, sự cai trị sáng suốt từ đây mới hưng long. Việc ấy dù vượt ngoài điển tịch tế tự, nhưng vẫn phải dùng mấy lời này thuật lại. Nhờ vậy việc giáo hóa dần dần cùng khắp, vậy mà không thịnh ư! Ghi tại ngôi Già Lam ở Lạc Dương, văn từ thật hổ thẹn với Đổng Sử, tụng Vô Lượng Thọ Phật ở Tây phương, cùng cầu bền lâu như vua Nghiêu, Chân Như khó lường, chỉ biết vui suông trong dòng Thánh. Kính ghi.

21. Chiếu nói về gia phong hiệu cho Thiền sư Phổ Am:

Năm này vua gia phong hiệu cho Thiền sư Phổ Am. Chiếu chỉ ghi: Thượng Thiên Quyến Mệnh Hoàng Đế Thánh Chỉ, trẫm nghe nhà Phật lấy rỗng rang vắng lặng làm Tông, vậy phàm là người học noi theo, lẽ đâu muốn đặt ra danh hiệu tôn xưng cách khác cho rằng chỉ bày đời sau trong thiên hạ chăng? Nhưng đất nước không có việc này thì không biết phải làm gì để nêu cao những vị đức cao thường vui với đạo. Từ khi lên ngôi đến nay, Trẫm nghe Phổ Am Tịch Cảm Diệu Tế Chân Giác Chiêu Huống Đại Đức Tuệ Khánh Thiền sư ở chùa Thiền Từ Hóa, núi Nam Tuyền, lộ Viên châu là người nối dòng Lâm Tế, vượt trên cảnh giới Hoa Nghiêm, đức soi đương thời, ân vượt muôn phương, đạo ngài thật tôn quý, trẫm bày tỏ lòng mình vô cùng mến mộ, nhiều lần ban cho Đại thụy, chỉ có tên tháp là chưa gia phong, nay gia phong tháp Định quang là tháp Định Quang Linh Thụy. Quan có trách nhiệm phải thi hành ngay.

Đinh Tỵ: Ngày mười tháng giêng đại xá thiên hạ. Xuống chiếu gia phong Đông Lâm Tuệ Viễn Pháp sư hiệu là Diệu Giác Tịch Quang Hoằng Biện Đại sư.

22. Giảng sư Đức Khiêm ở Sùng Ân, Kinh đô:

Giảng chủ Phước Nghiêm Đức Khiêm ở Sùng Ân, kinh đô thị tịch. Sư họ Dương, húy Đức Khiêm, người Định Bình, Ninh châu. Từ nhỏ Sư rất siêng năng, thường theo chư tăng đọc kinh sách Phật. Lớn lên Sư chu du khắp các châu như: Tần, Lạc, Biện và Nhữ châu, tham vấn các bậc tiên đức, học đạo Sa-môn. Sau Sư vượt sông đi lên phía Bắc, đi khắp các nơi như: Tề, Ngụy, Yên và đất Triệu. Đầu tiên Sư theo Phần Châu Ninh Công học Bát-nhã, theo Nguyên Châu Trung Công học Thụy Ứng, sau theo Hảo Trù Tiên Công học U Tán, theo Càn Lăng Nhất Công học Viên Giác. Sau cùng Sư học Duy Thức, Câu-xá Luận... với Thiểm Châu Sách Công, học Thủ-lăng-nghiêm, Tứ Phần Luật Sớ với Dương Hạ Văn Công, cả thảy sáu bộ kinh, bốn bộ Luận, một bộ Luật văn từ đều rộng, ý chỉ sâu xa, nêu bày diệu lý trong Tam tạng, nhưng Sư đều đem hiểu biết Phật pháp ra lý giải nghĩa lý. Những vị nào nổi tiếng dù ở xa bao nhiêu Sư cũng đều đến tham học và gần gũi họ, lên thẳng pháp đường hùng hồn vấn đáp. Bởi vậy dù tuổi chưa đến ba mươi, nhưng Sư đã vang danh đương thời. Sau đó Sư đến kinh Sư học Tông Hoa Nghiêm viên đốn với môn nhân của Cố Đại Tư Đồ Vạn An Đàn Chủ là ngài Giản Công. Giản thấy Sư là người học rộng tài cao, nên rất quý mến. Lúc đầu, Sư phụng chiếu ở tại chùa Vạn Ninh, sau lại phụng chiếu ở tại chùa

Sùng Ân. Chùa Vạn Ninh do Thành Tông xây dựng, chùa Sùng Ân do Vũ Tông xây cất. Sư ở hai chùa lớn này cả thảy mười hai năm. Đức độ của Sư vang khắp triều đình, thanh danh chấn động bốn phương. Trước đây Sư từng lấy việc hiển vinh, được vua sủng ái, cho là đắc chí muốn đổi ra làm quan. Có lần Sư nói với mọi người: "Người mặc áo phước điền, nổi danh trong trần thế, nếu không thấy hổ thẹn "sớm nghe đạo, chiều chết" là được rồi. Còn luyến tiếc những thứ khác làm gì!" Từ đó Sư về ở lại chùa quan, thọ ân hưởng vinh, nhưng Sư nghĩ Phật đạo phải ẩn mình mới thanh cao, vì vậy Sư nhường trụ trì lại cho đệ tử mình, lui về ở ẩn nơi thâm sơn cùng cốc, tuyệt giao với muôn duyên, một mình một thất an vui với đạo. Ngày hai mươi tám tháng giêng năm Diên Hựu thứ tư Sư tịch tại nơi ẩn cư, thọ năm mươi mốt tuổi, tăng lạp bốn mươi ba hạ. Tể tướng tâu lên vua, Hoàng thái hậu ban cho năm ngàn quan tiền để lo chôn cất, hạ lệnh cho quan hữu ty chuẩn bị đủ lễ nghi, triệu tập chư Tăng khắp trong kinh kỳ cầm tràng phan, trỗi nhạc nghênh đón nhục thân Sư. Sau khi hỏa thiêu thâu đến mấy mươi hạt xá-lợi, đồ chúng dựng tháp Sư phía Nam Nam thành.

23. Luật sư Phổ Khánh Pháp Văn ở Kinh thành:

Luật Sư Thật Tướng Viên Minh Quang Giáo ở chùa Đại Phổ Khánh trong kinh thành thị tịch. Sư họ Nghiêm, húy Pháp Văn, người Thiểm Tây. Xét trong Tánh Thị Lược thì Nghiêm và Trang đều là họ Can là hậu duệ của Sở Trang Vương, lấy tên thụy làm họ, vì tránh tên húy của Hán Minh Đế nên đổi thành họ Nghiêm. Năm bảy tuổi Sư theo học với Thiền Đức Huy Công, mười lăm tuổi thế phát làm Tăng, hai mươi tuổi thọ Đại Giới. Thế rồi Sư vân du đến Biện, Nhữ, Hà, Lạc Châu đi khắp hội giảng nghiên cứu về giáo thừa. Sư theo Đại Đức Ôn Công học Pháp Hoa, Bát-nhã, Duy Thức, Nhân Minh và Tứ Phần Luật. Ôn Công thấy Sư là người thấu tỏ đạo mầu, có thể chấn hưng tông mình nên phó thác việc hoằng pháp cho Sư. Sư từng ở trước tượng Phật đốt tay để biểu thị lòng thành, chích máu viết kinh để chứng tỏ tâm coi trọng chánh pháp. Từ đó Sư ẩn cư trên Ngũ Đài, sáu năm không ra khỏi núi. Tạng giáo cả thảy năm ngàn quyển, Sư đọc đi đọc lại đến ba lần, cứ thế tiến tu đạo nghiệp, tuy Ẩn cư nhưng danh tiếng Sư vang khắp. Đế Sư rất mến phục, mời Sư giảng thuyết Bát-nhã, truyền trao diệu lý của Nhân Minh. Nhân đó Đế Sư quay lại nói với đồ chúng: Ai bảo rằng đất Hán lại có vị Tăng thế này!

Những người trong Tam Phụ (Quan Sư, quan Bảo, quan Thừa)

đều khuyên Sư soạn sách để xiển dương. Sư làm việc cần mẫn nhưng vẫn nhớ đến cố hương, bởi vậy Sư xin về Trường An. Trong nghĩa thầy trò, Sư giữ lễ đệ tử coi thầy mình như vua như cha, mệnh lệnh của cha của, thầy nào dám không vâng theo, huống gì quê hương của cha mẹ, ân nghĩa của xóm làng có thể quên chăng? Thế rồi Sư kháng chỉ đi về Tây. Về đến nơi, dân làng đổ ra hô lớn: “Người trong làng ta từ nay được thầy chỉ dạy rồi!”. Sau đó An Tây Vương hạ chỉ thỉnh Sư trụ trì chùa Nghĩa Thiện ở Thành Nam, đây là nơi thần tăng Đỗ Thuận thời Sơ Đường lưu dấu. Pháp hội diễn giảng ở bốn nơi Phân, Kỳ, Kinh, Vị không dứt, người học đổ về đến hơn ngàn người. Thiên Tử nghe được, liền triệu Sư vào cung hạ chiếu cho Sư trụ trì Đại Nguyên Giáo Tự, phong Sư chức Vinh Lộc Đại Phu Đại Tư Đồ. Sau đó không lâu, vua hạ chiếu cho Sư trụ trì Chùa Đại Phổ Khánh, gia phong chức Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty Đại Tư Đồ Ngân Chương Nhất Phẩm, ban cho Kim Thứ Giới Bản đời Liêu, ai cầu giới pháp đều do Sư truyền trao. Vương Công đại thần đều ngưỡng vọng phong cách cao vời của Sư giống như điềm lành sao sáng, Phượng Hoàng ở đời thịnh trị. Ngày hai mươi bốn tháng ba năm Diên Hựu thứ tư, Sư kiết già thị tịch. Vua nghe tin, xót thương khôn nguôi, ban cho vạn quan tiền để tống táng, hạ chiếu cho Đại Thần giám sát lễ tang, quan Hữu Tư phải sắm đủ lễ nghi, cờ xí, phan lọng để nghênh đón. Sư thọ năm mươi tám tuổi, tăng lạp bốn mươi ba hạ, môn nhân đệ tử dựng tháp an trí di cốt xá-lợi.

24. Tam tạng Pháp sư Đạt Ích Ba:

Mậu Ngọ: Tam tạng Hựu Thánh Quốc sư Đạt Ích Ba thị tịch. Phật pháp lưu truyền vào Trung Quốc đã lâu, giáo của ba thừa tràn ngập chín châu, Phật đạo rất thịnh. Trong đời Đường Tống mới nghe đến giáo pháp Bí Mật, kinh điển tuy có nhưng vẫn chưa lưu hành trong đời. khi mới lập quốc, giáo pháp này mới thịnh hành ở trời Tây. Trong năm Thống Nguyên, Thiên Tử thấy Pháp sư Đại Tát Tư Ca là người giỏi đạo của Thánh Nhân, nên tôn ngài làm Đế Sư. Từ đó, giáo pháp Bí Mật soi sáng khắp trời, lan tràn bốn biển, những người tinh thông pháp này đều được trọng vọng trong triều, được tôn kính mến mộ khác xa thế tục. Bởi vậy Phật giáo từ lâu đã có khắp ở Tề, Lỗ. Quốc sư tên là Đạt Ích Ba, xuất gia từ nhỏ, làm Đế Sư suốt mười ba năm, vua ra thì đi theo, vua vào thì hầu hạ, nghe tả hữu bàn bạc, xem đạo đức nơi kẻ trước người sau, huân tập lâu ngày, thành người cao đẹp. Phàm Luật Luận của Đại thừa Tiểu thừa, cùng kinh điển của Bí Mật đến mười mấy bộ, nhưng Sư nghe

rồi khẩu truyền, mắt nhìn rồi khai thị, nắm được điểm kết quy của lý, nơi thú hướng của hạnh. Đế Sư về Tây, vua tiễn tới Lâm Thao, nhưng do gắng công theo hầu lâu ngày, giờ đây không chịu nổi gió sương, nên Sư phải lưu trú ở Lâm Thao suốt mười chín năm. Sư theo Đại sĩ Xước Tư Cát Ngoạn Bốc kiểm chứng những gì đã nghe, lãnh thọ những điều chưa truyền. Sư gắng công dùi mài và từ đó nghĩa càng tinh thâm, đạo càng sáng tỏ. Bởi vậy thanh danh vang dội Lưỡng Kinh, đạo phong chấn động ba triều, thờ hai Thánh quân, cần mẫn hơn mười hai năm, theo xa giá tới lui hai kinh đô, dù nắng sớm mưa chiều, nhưng lúc nào cũng có mặt trong cung khuyết. Đến khi Vũ Tông lên ngôi, vua thỉnh Sư ở Xuân Vi, đối xử thân thiết như ngày nào chưa lên Đế vị, ban cho Sư ngàn vạn ân sủng. Lúc Sư còn ở Lâm thao, người nước Tần thỉnh Sư trụ trì chùa Cổ Phật, đến lúc này Sư xin quy ẩn, vua liền cấp tiền bạc xây dựng lớn lại chùa này cho Sư an hưởng tuổi già. Nhưng không lâu, Thái hậu hạ chiếu thỉnh Sư về Lưỡng Cung, hậu đãi càng hơn trước, ban cho Sư ấn vàng đai ngọc, gia phong hiệu Hoằng Pháp Phổ Tế Tam tạng Đại sư. Ngày mười sáu tháng tám năm Diên Hựu thứ năm, Sư quy tịch tại Kinh sư, thọ bảy mươi ba tuổi. Hoàng thượng nghe tin, khóc thương nhiều ngày. Lưỡng Cung chu cấp tiền bạc lo việc an táng, hoàng thái tử sai sứ đến điếu, vua lệnh cho Hữu ty sắm đủ lễ nghi tiễn Sư đến ngoài Đô Môn, ban thụy là Hựu Thánh Quốc sư, cấp cho ngựa xe đưa nhục thân Sư quy táng tại Thành Kỷ.

Tháng sáu năm này lập lại Hành Tuyên chánh viện, Tham Dụng Thường tuyển chọn quan chức.

Kỷ Mùi: Vua ban lệnh dựng chùa Đại Vĩnh Phước. Ngày một tháng giêng có nhật thực.

25. Giảng sư Bảo Tập Diệu Văn ở Kinh sư:

Giảng chủ Diệu Văn ở chùa Đại Bảo Tập trong kinh sư quy tịch. Sư họ Tôn, húy Diệu Văn, người Úy châu. Năm chín tuổi, Sư xuất gia, 18 tuổi thế phát đi tham học. Sư vượt Vân, Sóc; vân du đến Yên, Triệu. Năm hai mươi mốt tuổi Sư thọ Tỳ-kheo giới, đến Kinh sư theo Đại Đức Minh Công học giáo pháp Viên Đốn, ẩn mình trong chúng suốt nhiều năm. Năm ba mươi hai tuổi, do chúng tăng ân cần cầu thỉnh, Sư đành xuất đầu lộ diện, đắp đại y, đứng vào hàng truyền pháp. Con người của Sư hàm dưỡng đạo phong, không muốn mau thành danh, không vội mong thành đạt, đại loại như thế. Năm bốn mươi tám tuổi, Sư trụ trì Vân Tuyền ở Kế châu. Sư chi dùng cần kiệm, người già đều mến mộ đức độ

của Sư, người trẻ đều nghiêm trì giáo pháp của Sư, bởi vậy đại chúng an hòa, chùa viện thịnh trị. Giả sử kho đụn còn dư lúa thóc, gặp năm mất mùa, Sư đều đem ban phát cho dân nghèo. Dân chúng Kế Châu hết lời ca ngợi Sư. Thế Tổ nghe danh Sư liền cho triệu vào cung, rồi quay nói với Thị Thần: "Đây là vị Tăng phước đức!", rồi thỉnh Sư trụ trì chùa Bảo Tập. Lúc này Thiền học điêu tàn, giáo thừa rất thịnh, hai tông Tánh Tướng đều cùng Đại thừa truyền bá khắp nơi. Người theo Tướng tông bị kẹt trong danh số, trệ ở nhiều đường, mang tình chấp sâu nặng, lầm diệu chỉ viên đốn. Sư mở rộng Phương Đẳng, xiển dương Viên Tông khiến cho những người chấp chặt văn tự lấy đó tẩy trừ tình trần, dung thông tịch chiếu, vì thế bậc long tượng đều đổ dồn về Sư, tranh nhau nương tựa cỗ xe Nhất Thừa. Tuổi đã tám mươi, nhận thấy sức mình không kham nổi, Sư bèn giao việc chùa cho chúng đệ tử, lui về ở ẩn chuyên tâm niệm Phật Tam-muội. Năm Diên Hựu thứ sáu, Sư quy tịch, thọ tám mươi ba tuổi, ngày sắp mệnh chung, Sư bảo đệ tử đồng thanh niệm Phật, rồi Sư ngồi dậy bắt ấn Tam-muội, ngồi kiết già an nhiên quy tịch. Môn nhân dựng tháp Sư bên ngoài Bình Tắc môn.

Canh Thân: Mồng một tháng giêng có nhật thực.

26. Anh Tông:

Tân Dậu: Ngày mười một tháng ba, Anh Tông Cách Kiên Hoàng Đế lên ngôi, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu Chí Trị, hạ chiếu cho các lộ dựng điện thờ Đế Sư, truy phong Đế Sư thụy là: Hoàng Thiên Chi Hạ, Nhất Nhân Chi Thượng Khai Giáo Tuyên Văn Phụ Trị Đại Thánh Chí Đức Phổ Giác Chân Trí Hựu Quốc Như Ý Đại Bảo Pháp Vương Tây Thiên Phật Tử Đại Nguyên Đế Sư Ban Di Đát Bạt Tư Phát.

27. Văn bia nói về chiếu của vua cho các châu huyện dựng điện thờ Đế Sư:

Năm này, vua ban sắc lệnh soạn văn bia trong điện thờ Đế Sư. Quang Lộc Đại Phu Đại Tư Đồ Đại Vĩnh Phước Tự trụ trì Thích Nguyên Tông Chủ, hiệu Pháp Hồng phụng chiếu soạn, Hàn lâm Học sĩ Triệu Mạch Phủ viết, Tham Nghị Trung Thư Tỉnh Sự Nguyên Minh Thiện ấn triện:

Từ xưa các đế vương thiên hạ đều có thầy. Đạo ấy sở dĩ tồn tại là do không phải thường. Bởi vậy, Triệu tôn Đồ Trừng làm thầy, Tần tôn La-thập làm thầy. Hai bậc quân vương sở dĩ tôn hai vị ấy làm thầy vì trí của họ đủ để mưu toan việc nước, ngôn từ đủ để hưng thịnh quốc

gia, đức đủ làm mẫu mực cho đời, đạo đủ để an định trời đất cổ xúy việc giáo hóa. Vì thế mà hai vua tôn kính thờ họ làm thầy, chứ không phải dùng cái khéo léo mà được. Hoàng Nguyên mở vận, Bắc Thiên phủ trùm Khu Hạ, Thế Tổ hoàng đế, nhờ cái uy của thần vũ mà được kỳ tích thống nhất muôn phương. Còn như xóa bỏ tham tàn chém giết, đưa sinh linh lên bến bờ nhân thọ, thì không ai bằng họ Thích. Bởi vậy vua chúa tôn sùng Phật giáo, lấy Phật giáo làm nền tảng để giáo hóa muôn dân. Đế Sư Bạt Tư Phát là người liễu đạt đạo của Thánh Nhân, khuất phục được bậc Vạn Thừa, tận lễ tôn kính, tuyên dương yếu chỉ đại đạo, ban bố chính sách nhân từ, vì vậy đức vang bốn biển, ân nhuần muôn phương, các nước tận hải đảo xa xôi núi non hiểm trở đều quy phục, Man Di Mọi Rợ đều về nghe lệnh. Man Di cống hiến bạch trĩ, các nơi dâng hiến phẩm vật, đâu phải chỉ do tiền triều đặt ra pháp chế như vậy, mà cái chính là nhờ nền chính trị hưng long, nhân từ bủa khắp, người nắm quyền sáng suốt, kẻ phụ chánh tài giỏi mà được như vậy. Thế nhưng mở mang mệnh trời, điều chỉnh vương pháp, thật ra nhờ sự trợ giúp của Đế Sư. Hoàng thượng lại càng sáng suốt anh minh, ứng mệnh trời cai trị, thấy pháp tịch lâu ngày bỏ không, mối đạo sắp tàn, nên cho con nuôi của Đế Sư là Công Ca Lộc Lỗ Tư Giám Tán thế tập ngôi vị Đế Sư duy trì đạo pháp, đem hết ngũ phước đương thời cầu nguyện cho nước nhà.

Tăng Cao Sa Thích Ba ở Hà Tây kiến nghị với triều đình rằng, Khổng Tử có công san định soạn thuật văn giáo, nên được người đời thờ tự cúng tế, nhằm nêu cao đức của Đế Sư là Thánh Sư tiêu biểu, ông chế ra chữ, viết thành sách nhằm mở mang nền chánh sự văn trị, nhờ đó mà Thánh Quân để tâm trong việc thay đổi cách giáo hóa. Công của ông ấy lớn mà lại cao xa, nhưng chưa được phong hiệu, lập miếu thờ. Đó lẽ đâu là cái đạo trọng đức báo công của nước nhà chăng! Đại thần tâu việc này lên vua, vua hạ chiếu cho các quận trong nước lập miếu thờ ông, bốn mùa cúng tế.

Đế Sư Tát Tư Ca họ Khoản. Ông nội là Đoá Lật Xích, đương thời phò tá vua là Bá Tây Hải. Từ đó hơn mười đời sau, dòng họ Sư đều lấy đức học làm mẫu mực cho đất nước. Năm tám tuổi, Sư đọc thuộc mấy mươi vạn lời kinh Phật, lại hay thấu tỏ được diệu nghĩa, người trong nước tôn Sư là Thánh, bởi vậy Sư có hiệu là Bạt Tư Phát. Lớn lên Sư học thông Ngũ Minh, bởi vậy lại có hiệu là Ban Di Đát. Những người theo Sư cầu học, bè bạn học hỏi nơi Sư có đến mấy mươi người đều nổi tiếng đương thời. Bởi vậy sở học của Sư thâm sâu vô bờ, tác phẩm Sư soạn

thuật, từ ngữ thanh tao nghĩa lý cao vời, chẳng khác kinh Phật. Người trong nước truyền nhau đọc tụng, xem như vật báu. Phàm người thông minh thường giãi đãi trong việc học rộng, người cao sang thường hổ thẹn khi phải hỏi kẻ dưới, tài cao chức trọng thì kiêu căng khinh người, đó là lẽ thường của con người. Sư nhờ cái trí sáng bẩm sinh mà làm thầy Thiên tử, có thể nói Sư vừa thông minh lại vừa cao sang. Nhưng lại là người không chán học rộng, học hỏi quên mình, nghe ai có điều hay gì thì không ngại vượt ngàn dặm đến cầu học, dù là kẻ cố chấp hẹp hòi, nhưng nếu họ có điều đáng học thì Sư không bao giờ bỏ qua. Có cái tài tuyệt thế nhưng chẳng cậy tài cao, ở ngôi vị Đế Sư nhưng chẳng xem trọng chức vị, mà ngược lại Sư chăm chăm hành trọng, canh cánh dạy người, chỉ sợ đức của mình không đủ, đạo của mình không rộng, chưa từng cậy cái đa tài, thông minh mà làm thỏa mãn trước thanh sắc. Sư rộng rãi như hang trống, lặng lẽ như vực sâu, cao xa như mây trời, trọng nghĩa như đồi núi, nếu chẳng phải là người có đức cao thì ai làm được như vậy. Đạo của Sư trải khắp, đức của Sư lan xa, giống như mặt trời sáng rỡ giữa hư không, không nơi nào chẳng sáng, như hơi ấm chan hòa mọi vật, không vật gì chẳng thấm nhuần, Sư cao tợ trời xanh, không thể nào với tới được. Sư bao la như biển, không thuyền bè nào vượt qua. Chẳng nói nhưng dân tin, chẳng khuyên nhưng người theo, những gì đã qua đi thì đổi thay, những gì còn tồn tại thì rất linh diệu, không phải là bậc Chí Thánh ngang trời thì ai làm được như vậy! Bởi vậy Thiên tử noi theo cái đạo tôn công chuộng đức của trời đất, viết điển tịch của Đế vương, tôn trọng lễ nghi tế tự báo ân. Đế chạm hình rùa, cột khắc hình ly, chạm bài tụng này càng thêm chứng tỏ tôn quý vô cùng. Hồng tôi đem tài hèn phụng thừa Thánh chiếu làm bài minh rằng:

Phật đạo rộng sâu, như biển không bờ
Vút tận trời cao, dưỡng nuôi vạn vật
Đấng chí Thánh kia, quên cả thân mình
Toan lo muôn việc, giúp vua giúp nước
Hoàng Tổ lẫy lừng, từ thuở sơ khai
Định yên bờ Nam, công vượt trời đất
Trời ban đại trí, ngang bằng Hậu ta
Thuần phong tục kia, khiến đầy nhân nghĩa
Suối mát tuôn tràn, sóng vượt phương xa
Thuyền thông đường bằng, vạn bang quy phục
Muôn chim vỗ cánh, đua nhau tụ hội
Phép cấm kẻ ngu, khiến cho ngay thẳng

Vũ phu ngang ngược, dân quê ngây ngô
Dùng đức dạy họ, chỉnh đốn thuần phong
Mặt trăng thường hiện, mặt trời thường lên
Duy đạo của Sư, chẳng ai không học
Thanh liêm đạm bạc, người đời cúng tế
Dung mạo kỳ vĩ, người đời ngưỡng vọng
Cao tựa núi non, sâu như sông biển
Khắc bài minh này, muôn đời chẳng quên.

28. Giảng sư Phổ Minh Liễu Tánh ở Ngũ Đài:

Giảng chủ Hoằng Giáo Đại sư Liễu Tánh chùa Đại Phổ Ninh ở Ngũ Đài sơn quy tịch. Sư họ Võ, húy Liễu Tánh, hiệu Đại Lâm. Ngày xưa, sinh sống nơi nào thì vua ban họ nơi ấy, tổ tiên Sư được vua ban đất và ban cho họ Mạng. Tiên tổ của Sư không ai biết rành về dòng tộc, nhưng xét ngọn nguồn của họ Mạng này vốn là họ Võ, hậu duệ dòng họ này sinh sống ở đất Tống, là hậu duệ của Tống Võ Công, rồi lấy tên Thụy làm họ. Thuở nhỏ Sư rất ham học, bản tánh thông tuệ do trời ban cho. Sư theo Kỳ Đức An Công xuất gia làm tăng. Sau khi thọ Cụ túc, Sư đi khắp hội giảng, tìm tòi kinh luận, nghiên cứu lý mầu. Ban đầu nhờ Quốc sư Chân Giác khai ngộ sơ tâm, sau đó Sư đi chu du đến các châu như Quan, Thiểm, Hà, Lạc; rồi qua Biện, Nhữ, Đường, Đặng rồi đến Tương Hán tìm cái sâu xa, đọc lý thù thắng để mở rộng thú hướng của mình. Sư đến đâu đều học hỏi đến đấy. Những vị thầy mà Sư thưa hỏi yếu lý của đạo mầu như: Bá Lâm Đàm Công, Quan Phủ Hoài Công, Nam Dương Tư Công đều là người nổi tiếng về nghĩa học. Lúc Sư quay về lại đến yết kiến Đại sư Chân Giác ở Lũng Chỉ, nhìn thấy tường cao nhà rộng, Sư nói: Diệu lý của Phật pháp lẽ đâu ở đây chăng? Sau đó Sư theo Chân Giác đến Ngũ Đài. Chân Giác tịch, Sư vân du đến Yên, Kế, ẩn tích nơi cung khuyết nhà Ngụy, an nhàn như sống trên sông nước, hầu như quên mọi thế duyên, nhưng đức độ cao cả của Sư không sao giấu kín được. Thanh danh vang khắp tùng lâm, tiếng tăm đã lọt đến Cửu trùng (trong triều). Gặp lúc chùa Vạn Ninh vừa xây xong, vua thỉnh Sư đến ở đó. Trong năm Chí Đại, Thái hậu dựng chùa ở Đài sơn, đó là chùa Phổ Ninh, đây là ngôi chùa nổi tiếng trong thiên hạ, nếu chọn trụ trì mà không phải là người được trọng vọng trong nước, thì không thể gánh vác nổi, bởi vậy nên Thái hậu thỉnh Sư trụ trì. Ở trụ trì hơn mười năm thì tịch.

Bản tính Sư cương trực, có chút tự phụ, không bao giờ uốn mình

theo thế sự để vừa lòng người. Tuy ở chùa quan, nhưng Sư không hề bước chân đến những nhà quyền quý. Có người cho Sư thiếu hòa khí, Sư đáp: "Tôi chỉ là ông Tỳ-kheo cỏn con như hạt cải, Thiên tử không cho tôi nhỏ mà cho tôi ở chùa to, tôi một lòng cần mẫn chưa hề giải đãi, là mong báo ân cho đất nước mà thôi, thì còn cầu gì nữa! Tôi làm vậy tất có những lời dị nghị chia rẻ, ấy rõ ràng cũng như đám ruồi xanh vây lấy mùi hôi, bởi vậy lời tôi nói chẳng ai theo, đạo tôi chẳng ai làm, xỏ giày ra đi, thì đi đến đâu mà chẳng hợp đạo!

Lúc này đất nước tôn trọng tăng Tây Vực, nên đồ chúng họ rất thịnh, ra vào cửa quan, nối gót Vương Công, đội mũ cao có đính lông đỏ, phơi phới mà sống, các bậc tiếng khác ai nấy đều rất lễ kính họ. Có người đánh khánh dẫn đường, có người vén y sờ chân, đụng đầu vào nhau gọi đó là nhiếp thọ. Sư gặp chỉ vái dài mà thôi. Có người cho Sư xấc láo, Sư đáp: "Tôi mà xấc láo người khác ư? Tôi nghe quân tử mến người bằng lẽ, lẽ đâu lại uốn cong khí tiết của mình đi chọn địa vị để mang nhục sao! Hơn nữa ta ở trong Đạo, họ còn cầu gì nữa! Họ vì có thế lực rồi tự cho mình to lớn, tỏ ra xấc xược, nếu ta luồn cúi họ thì không a dua cũng là xiểm nịnh, lẽ đâu có những người quân tử lại đi làm cái việc a dua xu nịnh ấy chăng!"

Thiện tri thức đều tán dương khí phách của Sư, họ cho giống như Phật Ấn Nguyên Công gặp Vương Tử nước Cao Ly. Có thể nói Sư là người biết thời cuộc lại giữ đúng lễ. Ngày ba tháng chín năm Chí Trị năm đầu, Sư quy tịch ở chùa Phổ Ninh. Sau khi hỏa táng, thâu vô số xá-lợi, để tử dựng tháp Sư ở đồi cao trong Trúc Lâm.

29. Giảng sư Phổ An Bảo Nghiêm ở Ngọc sơn:

Nhâm Tuất: Cố Vinh Lộc Đại Phu Tư Đồ trụ trì chùa Phổ An, núi Đại Ngọc, hiệu Huyễn Đường Bảo Nghiêm Giảng Chủ thị tịch. Sư họ Khương, húy Bảo Nghiêm, tự Sĩ Uy, hiệu Huyễn Đường, người ở Thành Kỷ. Cha Sư thấy cảnh loạn lạc chết chóc nên bỏ tục xuất gia. Nhà có sáu anh em, Sư là con út. Thuở nhỏ Sư đã có chí vân du, không thích cảnh sống thế tục. Sư cùng người anh tên Kim thế phát xuất gia, cầu pháp xuất thế. Hễ nghe những bậc danh đức diễn giảng ở đâu, Sư đều đến nghe và hỏi đạo. Có lần Sư nói: Học mà không suy nghĩ, suy nghĩ mà không học là điều mà người quân tử ưu tư. Thông được chủ thuyết mà không thông được Tông là học mà không suy nghĩ, lẽ nào được gọi là người liễu đạt? Huống gì cái học chữ nghĩa là chấp chặt hình tướng, lầm lẫn đa đoan, thì làm sao đến được biển đồng quy, tới được lý u

huyền của viên đốn! Nghe họ giảng nói mình phải biện luận, xem cái gì họ chưa đạt được, nhắm vào đó mà học hỏi để mở mang thú hướng làm lợi ích cho cái suy nghĩ của mình. Sở dĩ họ thấu tỏ được là nhờ nắm bắt rồi, lại đau đáu tư duy, bởi vậy những điều họ giảng nói có Tông sâu xa, có lý sáng tỏ.

Về sau Sư kế thừa Quốc sư Chân Giác truyền bá giáo pháp Tông Hiền Thủ. Sở học của Sư cao vời, kiến giải lại sáng tỏ, tâm tánh lại vắng lặng như nước đóng băng, sáng như gương sáng, người vật đều in hình, hiện rõ mồn một. Có được thiên tư cao vời, đức độ sáng trong phần lớn cũng nhờ thầy bạn chỉ dẫn, tôi luyện mà được. Khi Chân Giác phụng chiếu trụ trì chùa Đại Bạch Mã, thì Sư cùng với Kim theo thầy đến sông Lạc và ở tại chùa Đại Vạn Thánh Hựu Quốc. Sau đó Sư theo thầy đến Đài sơn, Chân Giác thị tịch, Sư nhận chiếu kế thế thầy mình. Sau cùng, Thái hậu hạ chiếu thỉnh Sư trụ trì chùa Đại phổ Am, hạ chiếu cho Kim kế thế chức vị của Sư trụ trì chùa Hựu Thánh. Tháng bảy năm Chí Trị thứ hai, Sư quy tịch, thọ năm mươi mốt tuổi. Vua hạ chiếu cho Kim trụ trì chùa Phổ An, Kim an táng Sư ở Đông Phong cốc, dựng tháp thờ và tế tự.

30. Quốc sư Thiên Mục Trung Phong Minh Bản:

Quý Hợi: Ngày mười bốn tháng tám năm Chí Trị thứ ba, Quốc sư Trung Phong ở núi Thiên Mục thị tịch. Vua sắc phong Sư thụy là Phổ Ứng Quốc sư, tháp hiệu Pháp Vân. Khuê Chương Học Sĩ Ngu Tập phụng chiếu soạn bài minh. Trong ấy ghi: Núi Thiên mục có hang Sư tử là nơi Thiền sư Cao Phong Diệu ở, ngài lập ra Tử quan (cửa chết) để biện quyết việc lớn đời mình. Những người tham học thấy ngài quá quyết liệt nên thoái lui cũng rất nhiều, chỉ còn được một người tên Bản đó là Hòa thượng Trung Phong.

Lúc Sư chào đời có điềm lạ, lúc nhỏ nô đùa nhưng đều làm Phật sự. Lớn lên Sư đọc kinh giáo, đốt ngón tay cúng dường tỏ rõ tâm cầu Phật tha thiết. Ngày đêm Sư tinh tấn, mệt mỏi thì đập đầu vào cột để cảnh tỉnh, quyết làm được mới thôi. Đến khi vào Tử quan ngầm tìm tâm yếu, tụng kinh Kim Cang đến đoạn “Gánh vác A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề của Như Lai” thì Sư hoát nhiên khai ngộ. Sư tự thấy sở chứng chưa rốt ráo, nên tinh tấn cần khổ tham học không mỏi mệt. Mãi đến khi nhìn dòng suối chảy thì Sư mới đại ngộ, nhưng Sư vẫn giấu kín. Từ đó Sư thuyết pháp vô ngại. Cao Phong giao phó việc hoằng hóa cho Sư, ngài viết kệ phó chúc cho Sư rằng:

Tướng ta chẳng nghĩ bàn
Phật tổ đâu thể thấy
Chỉ cho kẻ bất tiếu
Thấy được nửa bên mũi.

Việc truyền thọ xác thật đến như vậy. Sư viết rất nhiều sách, đều được lưu hành ở đời. Nhân Tông Hoàng đế nghe danh Sư cho người đến thỉnh, nhưng Sư không đi. Vua may ca-sa viền vàng ban tặng Sư, ban thụy là Phật Từ Viên Chiếu Quảng Tuệ Thiền sư, ban viện Sư tử hiệu là Chánh Tông Thiền Tự.

Sư họ Tôn, húy Minh Bản, người Tiền Đường, sinh năm Quý Hợi niên hiệu Cảnh Định đời Tống, thọ sáu mươi mốt tuổi, tăng lạp ba mươi lăm hạ, đồ chúng an táng Sư tại ngọn phía Đông trên đỉnh núi này.

Tháng tư năm này, Doanh Quốc Công Hợp Tôn mất ở Hà Tây. Vua hạ chiếu cho Tăng Nho viết Tạng Kinh mạ vàng. Ngày bốn tháng tám, Hoàng thượng mất.

Giáp Tý: Đổi niên hiệu Thái Định.

Đinh Mão: Đế Sư Công Ca La thị tịch vào tháng mười.

Mậu Thìn: Ngày mười bốn tháng chín, vua lên ngôi, đổi niên hiệu Trí Hòa thành Thiên Lịch năm đầu. Vua lạy Công Ca La Diệc Trung Nội Tư Giám Tang Ban Tang Bốc Văn Quốc Công làm thầy. Năm này bãi bỏ Tuyên Chánh Viện, lập ra mười sáu quảng giáo Tổng Quản Phủ để quản lý chúng Tăng.

Kỷ Tỵ: Vua ban sắc lệnh dựng Chùa Sùng Hy Vạn Thọ Tự ở Tưởng sơn.

Canh Ngọ: Đổi niên hiệu Chí Thuận năm đầu. Vua hạ chiếu đổi Kiến Khang thành Tập Khánh Lộ, hạ sắc lệnh dựng Chùa Long tường tập khánh tự.

Nhâm Thân: Tháng chín, Diệc Liễn Chân Ban Hoàng đế lên ngôi.

31. Tỳ-kheo-ni Xá-lam-lam ở chùa Diệu Thiện, Đại đô:

Trong năm này Tỳ-kheo-ni Xá-lam-lam Bát Cáp Thạch, trụ trì chùa Diệu Thiện ở Đại đô quy tịch. Sư húy là Xá-lam-lam, người Cao Xương. Đất này là thuộc địa của Bắc đình, rất thích Phật pháp vì vậy có rất nhiều người xuất gia. Thái Tổ Hoàng đế thân chinh lên mạn Bắc, Quốc Vương xứ này dẫn các bộ lạc quy hàng. Vua mến nghĩa của ông ta bèn phong ông làm Quốc quân của các nước ấy, đối xử như con rể. Hải Đô có loạn, người trong nước phải chạy lên phía Nam, lúc ấy Sư

mới tám tuổi theo cha mẹ đến kinh sư, vào hầu hạ trong cung của Chân Ý Thuận Thánh hoàng hậu. Hoàng hậu thấy Sư thông minh nên rất yêu mến. Đời Thành Tông, Sư hầu Hoàng thái hậu ở Tây kinh. Do lâu ngày siêng năng hầu hạ, nên vua ban đặc ân cho Sư lạy Đế Sư Ca La Tư Ba Cán Tức Nhi làm thầy, thế phát cho làm ni. Mọi thứ vật dụng đều do quan chu cấp. Do cần mẫn hầu hạ trong cung nên Sư tuy xuất gia nhưng vẫn được cấp hưởng bổng lộc. Vũ Tông lên ngôi, Nhân Tông dùng Thái đệ coi việc nước, Sư vẫn sớm tối bên cạnh Thái hậu, Sư nói ra điều gì Thái hậu chấp nhận, Sư can gián điều gì, Thái hậu cũng nghe, bởi vậy Thái hậu quý mến Sư như con cháu mình. Trong từ Phi Chủ, ngoài đến Vương Công đều tôn kính Sư như thầy mình, họ tôn xưng Sư là Bát Cáp Thạch. Người phương Bắc gọi Bát Cáp Thạch cũng giống như người Hán tôn xưng là thầy. Đời Nhân Tông, Sư thấy mình tuổi gần xế bóng, nghĩ mình ra vào trong cung hầu hạ hơn mấy mươi năm, trải qua bốn triều, hầu hạ ba Thái hậu, ân sủng vinh hoa, thế đã thỏa nguyện rồi, Sư nhiều lần xin ra ngoài cung ẩn cư tu tập, cầu chí đạo để báo đáp hoàng ân, nhưng Thái hậu không đồng ý. Sư vẫn cố sức cầu xin. Cuối cùng Thái hậu cho Sư ở chùa Diệu Thiện để tiện việc vào cung mỗi khi bà muốn gặp. Thái hậu ban cho Sư không biết bao nhiêu phẩm vật. Sư dùng số của cải này dựng chùa ở kinh sư, lấy tên là Diệu Thiện. Sau, Sư dựng tiếp chùa ở Đài Sơn lấy tên là Phổ Minh, mỗi chùa đều an trí một bộ Tạng Kinh. Sư còn làm rất nhiều Phật sự khác như dùng vàng ròng viết tám ngàn bài tụng trong kinh Bát-nhã, hơn mười bộ Ngũ Hộ Đà-la-ni bằng chữ Phiên; Hoa Nghiêm, Lăng-nghiêm bằng chữ Hán; Pháp Hoa Kim Quang Minh v.v.. bằng chữ Úy Nguyên. Sư còn trùng tu chùa Long Tuyền ở Tây sơn, dựng lầu các trong ao sen, trong năm ngôi đại tự ở Thổ Phiên như Cao Xương Quốc Chiên-đàn Phật Tự, Kinh Sư Vạn An Tự... Sư đều cung cấp tiền của để lo việc hương khói. Sư lại may đến mấy trăm y ca-sa cúng dường cho chư tăng các nước Phiên, Hán. Việc sao chép y kinh tạng đã phải chi phí đến mấy vạn lượng vàng, việc dựng chùa bố thí cúng dường đã lên đến mấy vạn quan tiền. Có bao nhiêu tiền của Sư đều phân tán bố thí mà không tham tiếc. Việc tích phước cho đời sau ắt đến được Phật địa, là điều con người ít ai lường được. Anh Tông lên ngôi, thấy Sư là người có chí khí thanh cao lui về ẩn tu, nên vua thường đến thăm. Mỗi lần đến đều khen Sư là người hiền, kết làm tri kỷ. Văn Tông lên ngôi, Hoàng thái hậu đang ở trong cung hiện nay là Hoàng Tỷ Lỗ Quốc Thái Trưởng công chúa, yêu mến kính trọng Sư như huynh đệ, rất tôn kính Sư. Ngày hai mươi mốt tháng hai năm

Chí Thuận thứ ba, Sư quy tịch, thọ sáu mươi bốn tuổi, an táng phía Nam Nam thành. Vua ban Sư hiệu là Chân Tịnh Diệu Tuệ Đại Sư.

32. Luật sư Đại Đức Văn ở Lâm Đàn:

Sư họ Trương, húy Tuệ Văn, người Yển Vũ, Quy Đức. Thuở nhỏ, Sư theo bậc Kỳ túc Cang Công xuất gia. Năm hai mươi tuổi, Sư thọ Cụ túc, theo đại đức Ôn Công thọ Bồ-tát giới, nối pháp với Đàn chủ Ân Công. Từ đó hạnh nghiệp và đạo đức của Sư vang khắp, người học tìm về mỗi ngày một đông. Phật dạy, phàm làm Tỳ-kheo dù tiết tháo cao xa không thiếu, nhưng tế hạnh cũng phải cẩn mật, không đúng pháp thì không mặc, không đúng thời thì không ăn, đi đứng nằm ngồi đều phải có phép tắc, bởi vậy nên lấy giới ngăn ngừa cái sa đọa, phòng ngừa tâm phóng dật. Sư trai giới đã nghiêm mà giữ giới cũng rất cẩn mật. Hễ gà gáy là dậy tĩnh tọa chờ đến trời sáng. Tinh tấn chuyên ròng, trọn ngày nghĩ đến Phật, dù đi lỡ đường, tá túc ở nhà trọ nhưng chưa bao giờ lìa ba y một bát. Giới hạnh rất cao nhưng Sư không bao giờ tỏ ra kiêu ngạo; tiết tháo vươn xa nhưng không bao giờ tỏ ra cầu cạnh. Bởi vậy Sư nói điều gì mọi người đều tin, Sư làm việc gì ai ai cũng kính. Trong vùng Lưỡng hà, cựu ấp ở Tam quán, những người được Sư giáo hóa đến hơn vạn, tăng tục dẫn nhau đến cầu giới pháp nối nhau không dứt. Chỉ nghe một lời chỉ dạy, ai nấy đều hân hoan. Sư thuyết pháp hơn mấy mươi năm, đăng đàn truyền giới hơn bốn mươi hội, đại thần tiếp đãi Sư vô cùng tôn kính. Ngày hai mươi tháng mười một năm Chí Thuận thứ ba, Sư quy tịch, thọ bảy mươi ba tuổi.

Quý Dậu: Ngày tám tháng sáu đương kim Hoàng thượng lên ngôi, đổi niên hiệu Nguyên Thống năm đầu, lạy thỉnh Công Ca Nhi Giám Tang Ban Tang Bốc làm Đế Sư.

+ Thụy tượng chiên-đàn tính từ năm Canh Dần đời Chu Mục Vương đến Nguyên Thống năm đầu là hai ngàn ba trăm hai mươi bốn năm.

+ Thế Tôn diệt độ tính từ năm Nhâm Thân đời Chu Mục Vương đến Nguyên Thống năm đầu là hai ngàn hai trăm tám mươi hai năm.

+ Phật giáo truyền sang Trung Quốc tính từ năm Mậu Thìn đời Đông Hán Minh Đế đến Nguyên Thống năm đầu là một ngàn hai trăm sáu mươi sáu năm.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 181

THÍCH THỊ KÊ CỔ LƯỢC

SỐ 2037
(QUYỂN 1)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2037

THÍCH THỊ KÊ CỔ LƯỢC

Biên Tập: Thích Giác Ngạn, Hiệu Bảo Châu

QUYỂN 1

BÀI TỰA

Ở Ngô Hưng có đại Tỳ-kheo Bảo Châu Ngạn Công là người học rộng, thông cả cổ kim, từng khảo cứu những việc thật của họ Thích khoảng vài ngàn năm lại đây. Khảo cứu suốt một năm, dựa vào Quốc Vỹ Ngài viết thành một cuốn sách lấy tên là Kê Cổ Thủ Giám. Sau đó, Ngài thấy chưa hoàn bị, dựa vào đó viết rộng ra nữa, lấy tên là Kê Cổ Lược. Tháng chín, mùa Thu năm Chí Chánh năm thứ tư, Thái Nguyên Lưu Nghiêu Phụ cầm sách này đến xin tôi viết cho bài tựa giới thiệu cuốn sách. Nhân đó tôi được đọc cuốn sách này. Từ khi có Phật đến nay, phàm hành nghiệp, xuất xứ của các bậc danh sư đại đức, sự hưng vong chùa tháp, Tăng chúng nhiều hay ít đều được ghi đủ trong đây. Phát xuất từ nội điển, bên cạnh đó tham cứu sử sách, truyện ký, cho nên những việc được ghi chép trong đây rất rõ ràng, có căn cứ, chẳng khác nào trải qua nhiều đời rồi nay mới được gặp lại những lời lẽ khuyến tấn trong đó. Năm tháng trước sau cứu xét tận tường, không hề thiếu sót, có thể nói, cuốn sách này vừa hoàn bị lại rõ ràng, tỉ mỉ. Nhưng gọi là "lược", thì thật ra Bảo Châu khiêm cung mà gọi như vậy. Trộm nghĩ giáo pháp của Đức Phật từ nước Ấn Độ xa xôi vạn dặm truyền đến Trung Quốc, mỗi ngày một thịnh, gốc rễ của nó ăn sâu không thể nào lay chuyển được, nguyên nhân là do đâu? Lẽ đâu không phải đời nay

đã có người đứng ra chống đỡ, vun trồng giáo phái ấy đó sao! Còn như những người được ghi chép trong đây, thường thường đều là những bậc anh tài kiệt xuất, tự trọng, khiêm cung, có địa vị cao quý, khiến cho quốc vương, công khanh, đại phu mến mộ, tôn kính, đua nhau đến lễ lạy không lúc nào ngớt. Như vậy, công lao chống đỡ, vun trồng của họ như thế nào? Đó cũng là lý do để Ngài gom tập, soạn thuật lại, nêu cao những người ấy.

Trong truyện ký ghi: "Đạo không đồng thì không cùng mưu toan", sách nhà Phật không phải là sở học của tôi, mà tôi đặc biệt được hiểu rộng nghe nhiều đều là nhờ dụng tâm dụng công vào trong đó. Đạo tuy không đồng nhưng không thể không viết bài tựa. Ôi! Đọc cuốn sách này mới thấy giáo pháp nhà Phật hưng thịnh biết bao! Biết được những con người chống đỡ vun trồng kia quả là có duyên may mắn.

Trung Sơn Lý Hoàn viết bài tựa.

Ngày Giáp thân, tháng ba, năm Quý Sửu, đời Đại Minh, niên hiệu Gia Tĩnh, chùa Thiên Vương, hậu học Sa-môn Xương Phúc khắc lại.

Tôi! Từng đọc qua sách của Tam giáo, đạo dù không đồng nhưng lý chỉ có một. Tùng Giang Nam Thiền Bảo Châu Ngạn Công là người bác thông kim cổ, khảo cứu truyện ký, đem ngọn nguồn xuất xứ của họ thích biên tập thành một cuốn sách, gồm bốn quyển, lấy tên là Kê Cổ Lược. Phàm hai chữ Kê Cổ này phát xuất từ thời Đường Ngu, đến nay vẫn còn chuộng, tôi cung kính giữ gìn như vật báu. Được xem Bảo Châu đem từ trong sử xưa đặt tên cho bộ sách của mình, thuật đủ ý của Phật Tổ từ Tây sang, mênh mông bát ngát, có ngọn có nguồn, ôi! Nếu không phải là người thông đạt nghĩa lý uyên áo của nhà Phật, có tuệ giải xuất chúng, thì làm sao làm được như vậy! Người học đời sau, nếu lấy tấc lòng Bảo Châu làm tấc lòng của mình thì lo gì không đến được cảnh giới "thấy tánh thành Phật!"

Ngày lành tháng tư năm Ất Mùi niên hiệu Chí Chánh, Lạc Dương, Thôi Tư Thành kính đề.

BÀI TỰA TRONG KÊ CỔ LƯỢC

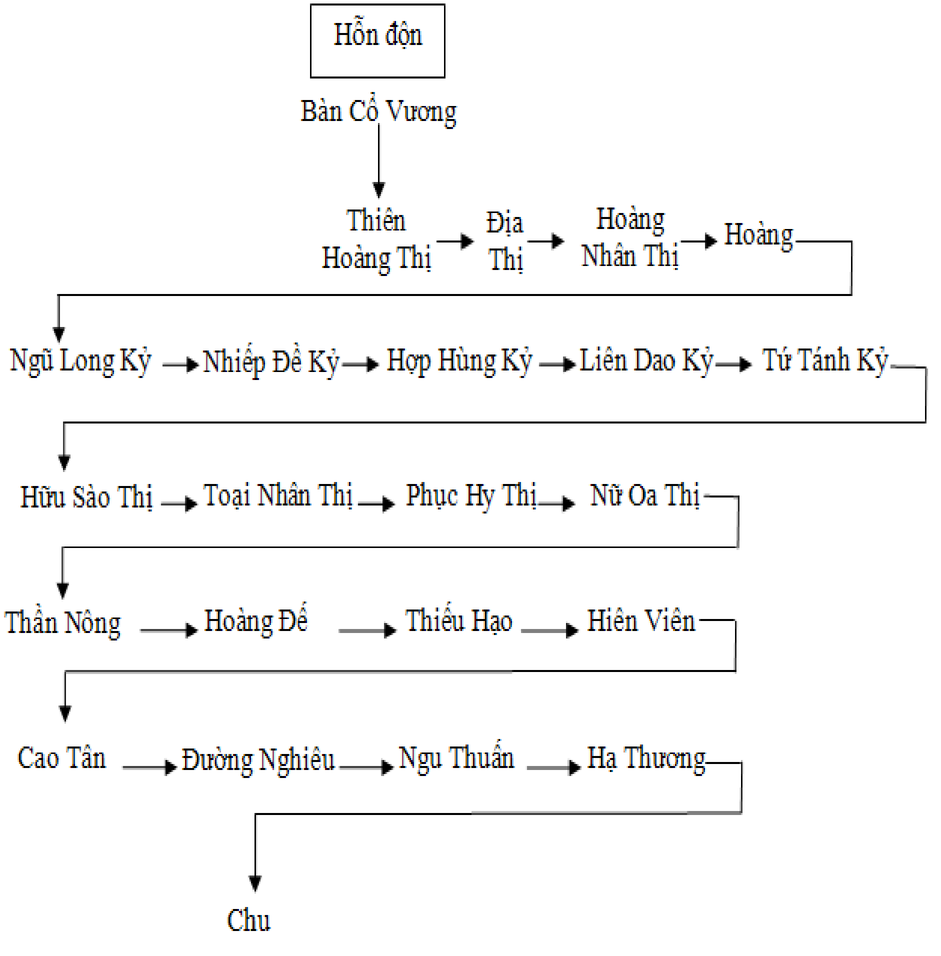
Thầy tôi là người nối tiếp pháp tịch của Chư Hòa Thượng từ xưa đến nay, trụ trì chùa Hải Triều cả thảy hai mươi bốn năm, chịu bao thăng trầm, hưng phế, hoằng dương Tông phong, người học bốn phương quy tụ về không lúc nào ngớt. Năm Nhâm Tý niên hiệu Hàm Phong, thầy tôi buông bỏ mọi việc lui về tịnh tu, giao phó mọi việc lại cho Thanh Đạo tôi. Thấy mình phước nghiệp bạc mỏng, không đủ khả năng gánh vác trọng trách này, hơn nữa, trong những năm Đinh, Canh, Tân gặp phải họa hoạn, chùa bị thiêu cháy, năm Giáp Tý niên hiệu Đồng Trị năm thứ ba, Thanh Đạo tôi về lại chùa cũ, dựng am hóa duyên. Nghĩ lại công hạnh kém cỏi của mình mà hổ thẹn với sự tín tâm cúng dường của đàn na thí chủ. Thế nên, tôi liền khôi phục lại chùa chiền, dựng thêm Thiền đường để thiền khách vân du có chỗ nghỉ chân. Thanh Đạo tôi không dám khoe khoang công cán của mình, mà đó chỉ là muốn ngầm kế tiếp công lao gây dựng của thầy mình mà thôi. Tôi lại nghĩ, Tăng chúng đông đúc, sớm tối tịnh tu nhưng chẳng có kinh điển, chẳng khác nào đi đêm mà lại bị tắt đuốc, như vậy làm sao thấy tổ tông chỉ? Nhưng cả thảy mười đạo tràng ở Triết Trung, Ngũ Sơn đều có đủ Long tạng do vua phân phát, nhưng rồi cũng bị hỏa hoạn thiêu sạch chẳng còn bản nào. Năm Tân Tỵ, niên hiệu Quang Tự, tôi phát tâm về Bắc dâng thư, may mắn được vua ưng chuẩn, được vua ban chiếu tặng cho Long Tạng Toàn Bộ. Tôi dùng lễ nghi thỉnh về, dựng lầu mà cất giữ, làm bảo vật trong sơn môn. Lúc này Thanh Đạo tôi tuổi đã bảy mươi rồi, nhưng vẫn ngu độn như xưa. Bởi vậy tôi lui về ở viện riêng nhằm kế thừa di ý của thầy tôi. Nghĩ lại chân ngôn mật ngữ của tiên thánh thật là kinh truyện của nhà Nho; Cảnh Đức, Truyền Đăng, Cao Tăng, Thánh Tăng Liệt Truyện những sách như Phật Tổ Thông Tải thật là sử giám của nhà Nho; Danh Hiền Ngữ Lục Tiên Sớ thật là tánh tướng của nhà Nho, Thiền tông Tiệm Đốn là thể dụng của nhà Nho, Tứ Thập Nhị Chương Kinh và Triệt thượng Triệt hạ trong Trung Dung có cùng công dụng. Nếu không chuyên tâm suy tìm thì làm sao thể nhập Thượng thừa!

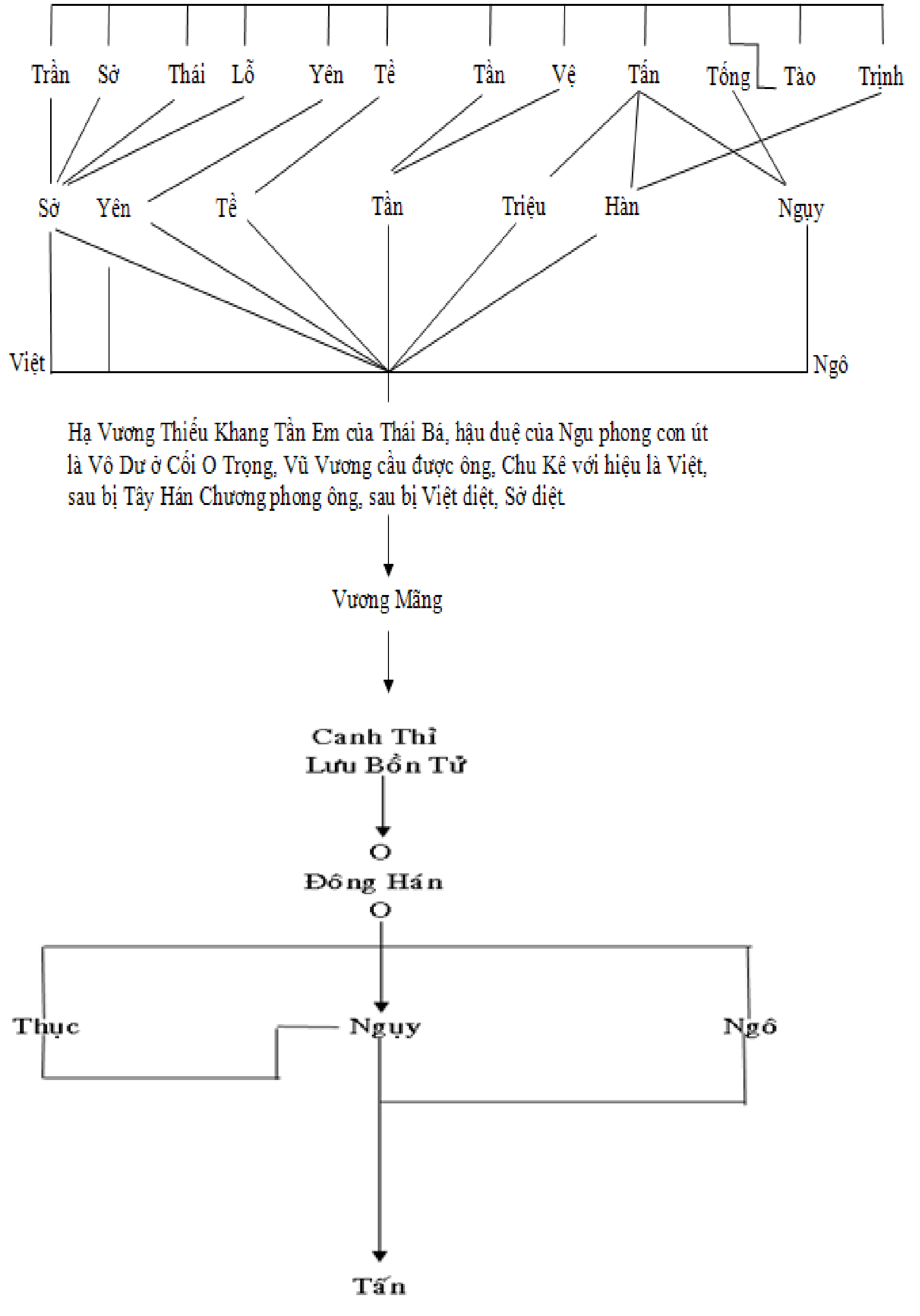
Đầu năm Chí Chánh, Thiền sư Giác Ngạn soạn Thích Thị Kê Cổ Lược bốn quyển, thật là bộ sách lớn của nhà Phật ta, là bảo vật của chúng ta, được đưa vào Tứ Khố Toàn Thư. Nhưng ngoài đời thì thiếu bộ sách này, người học đời sau chẳng biết dựa vào đâu để tra cứu. Quyển sách này là Bảo tạng của Tăng chúng, về sau được phụ lục Minh Tăng Đại Văn Tục Lược ba quyển, nhưng tiếc rằng nó đã bị lược bỏ quá

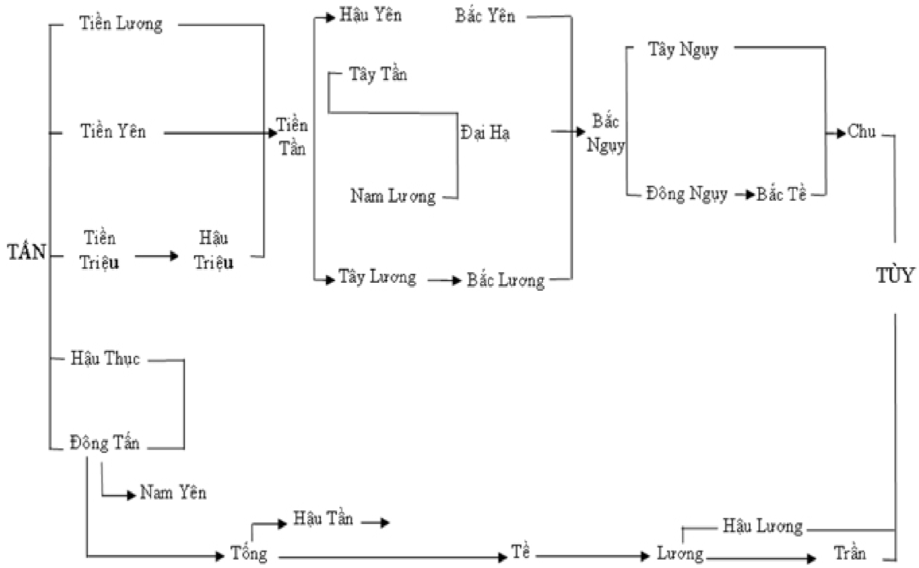
nhiều, may nhờ có bộ trong Lâu Tạng Bản gồm tám ngàn quyển của người họ Đinh ở Tiền Đường, tôi đem ra đọc kỹ, so sánh rồi đối chiếu cổ thư đính chính lại chứ không viết thêm, sau đó giao lại nguyên bản cho người họ Đinh ấy. Tôi kính nêu ra đây để làm chứng cứ, chú thích tường tận rồi cho lưu hành, nhằm giúp người học sau này dễ dàng tra cứu. Một người không học như Thanh Đạo tôi mà cũng được nêu danh ở cuối quyển sách này thì thật là may mắn vậy.

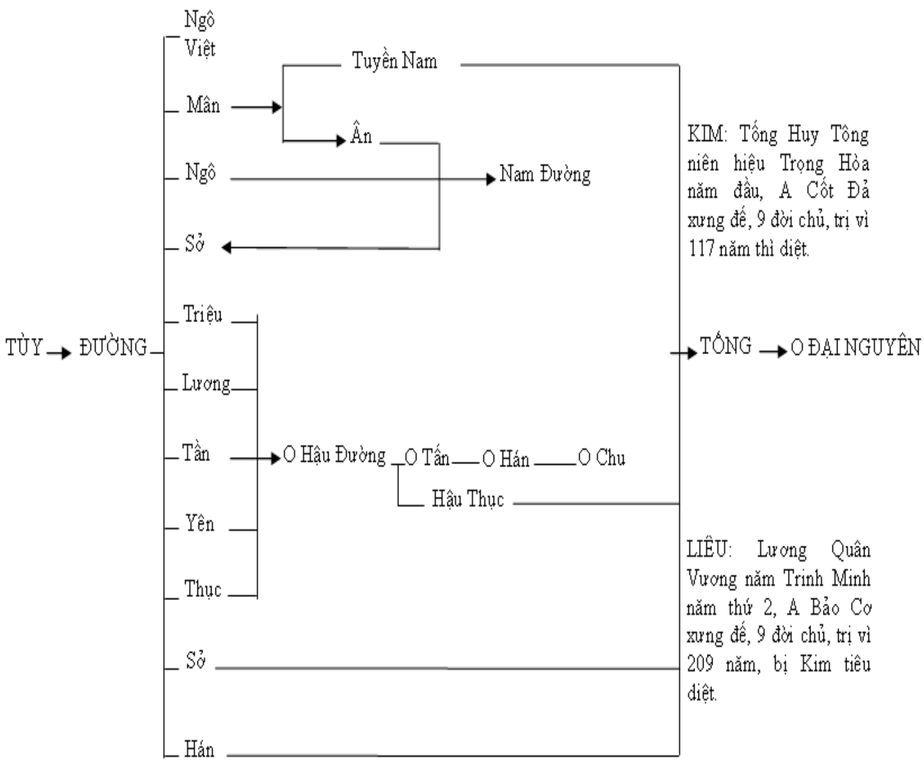
Ngày tám tháng tư năm Bính Tuất niên hiệu Quang Tự năm thứ mười hai, Đạo Thanh kính ghi.

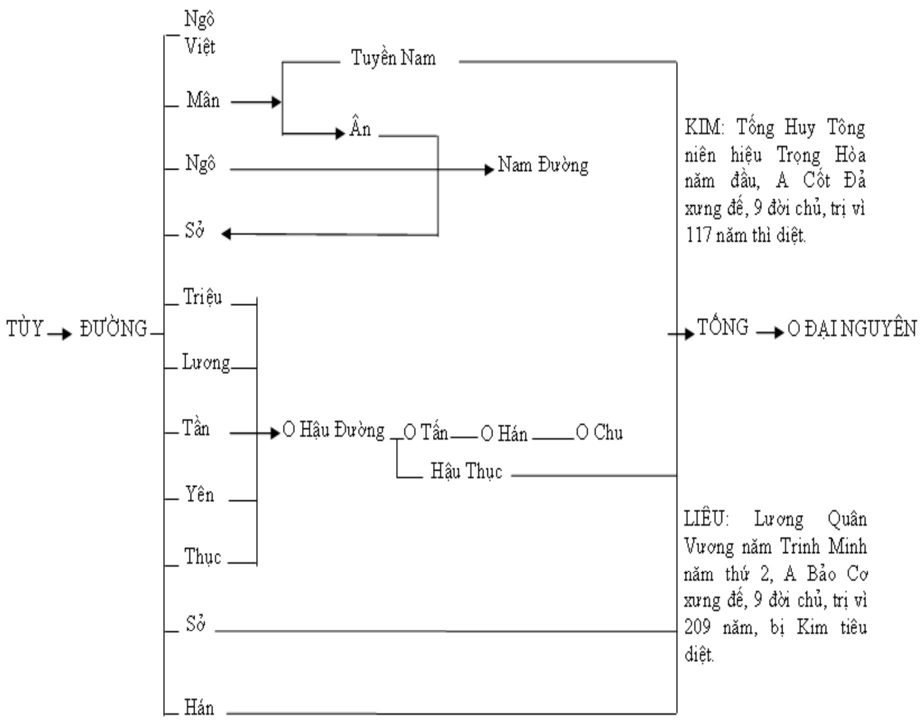
Đồ hình triều đại các nước

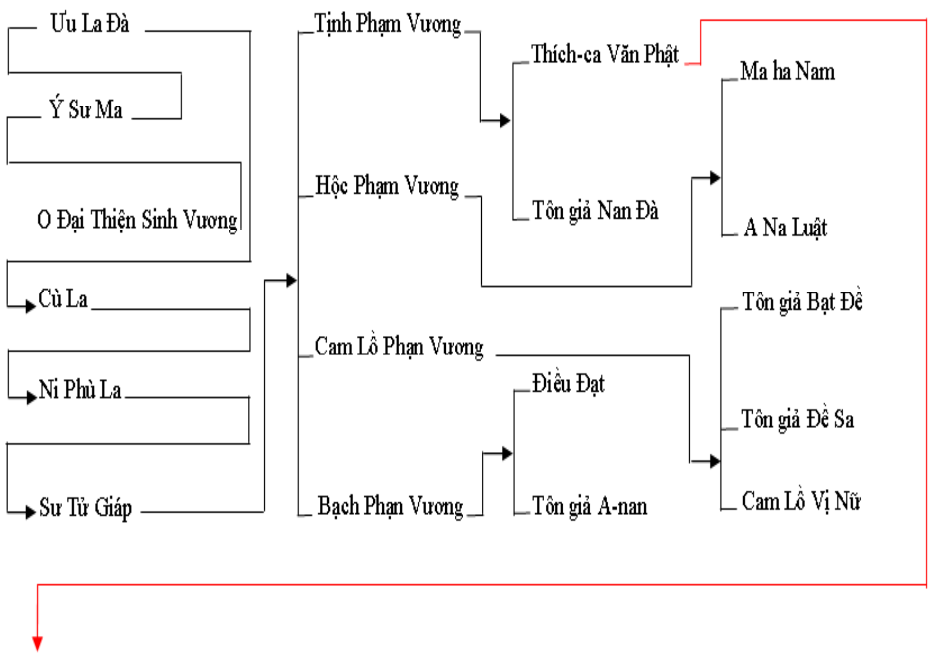



Trần
Sở
Thái
Lỗ
Yên
Tề
Tần
Vệ
Tấn
Tống
Tào
Trịnh
Sở
Yên
Tề
Tần
Triệu
Hàn
Ngụy
Việt
Ngô
Hạ Vương Thiếu Khang Tần Em của Thái Bá, hậu duệ của Ngu phong con út là Vô Dư ở Cối O Trọng, Vũ Vương cầu được ông, Chu Kê với hiệu là Việt, sau bị Tây Hán Chương phong ông, sau bị Việt diệt, Sở diệt
Vương Mãng
Canh Thỉ
Lưu Bồn Tử
O
Đông Hán
O
Thục
Ngụy
Ngô
Tấn


TẤN
Tiền Lương
Tiền Yên
Tiền Triệu
Hậu Triệu
Hậu Thục
Đông Tấn
Nam Yên
Tiền Tần
Hậu Yên
Bắc Yên
Tây Tần
Đại Hạ
Nam Lương
Tây Lương
Bắc Lương
Bắc Ngụy
Tây Ngụy
Đông Ngụy
Bắc Tề
Chu
TÙY
Hậu Tần
Tống
Tề
Lương
Hậu Lương
Trần


TÙY
ĐƯỜNG
Ngô Việt
Mân
Tuyền Nam
Ân
Ngô
Nam Đường
Sở
Triệu
Lương
Tần
O Hậu Đường
O Tấn
O Hán
O Chu
Hậu Thục
Yên
Thục
Sở
Hán
TỐNG
O ĐẠI NGUYÊN
KIM: Tống Huy Tông niên hiệu Trọng Hòa năm đầu, A Cốt Đả xưng đế, 9 đời chủ, trị vì 117 năm thì diệt.
LIÊU: Lương Quân Vương năm Trinh Minh năm thứ 2, A Bảo Cơ xưng đế, 9 đời chủ, trị vì 209 năm, bị Kim tiêu diệt.


Ngô Việt
Mân
Ngô
Sở
Triệu
Lương
Tần
Yên
Thục
Sở
Hán
TÙY
ĐƯỜNG
Tuyền Nam
Ân
Nam Đường
O Hậu Đường
O Tấn
O Hán
O Chu
Hậu Thục
KIM: Tống Huy Tông niên hiệu Trọng Hòa năm đầu, A Cốt Đả xưng đế, 9 đời chủ, trị vì 117 năm thì diệt.
TỐNG
O ĐẠI NGUYÊN
LIÊU: Lương Quân Vương năm Trinh Minh năm thứ 2, A Bảo Cơ xưng đế, 9 đời chủ, trị vì 209 năm, bị Kim tiêu diệt.


Ưu La Đà
Ý Sư Ma
O Đại Thiện Sinh Vương
Cù La
Ni Phù La
Sư Tử Giáp
Tịnh Phạm Vương
Hộc Phạm Vương
Cam Lồ Phạn Vương
Bạch Phạn Vương
Thích-ca Văn Phật
Tôn giả Nan Đà
Điều Đạt
Tôn giả A-nan
Ma ha Nam
A Na Luật
Tôn giả Bạt Đề
Tôn giả Đề Sa
Cam Lồ Vị Nữ

Tổ thứ

1. Tôn giả Ma Ha Ca-diếp
2. Tôn giả A-nan
3. Tôn giả Thương-na-hòa-tu
4. Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa
5. Tôn giả Đề-đa-ca
6. Tôn giả Di Già Ca
7. Tôn giả Bà-tu-mật
8. Tôn giả Phật Đà Nan Đề
9. Tôn giả Phục Đà Mật-đa
10. Hiếp Tôn giả
11. Tôn giả Phú Na Dạ Xa
12. Đại Sĩ Mã Minh
13. Đại Sĩ Ca-tỳ-la
14. Đại Sĩ Long Thọ
15. Đại Sĩ Ca Na Đề Bá
16. Đại Sĩ La Hầu La Đa
17. Đại Sĩ Tăng Ca Nan Đề
18. Đại Sĩ Già Da Xá Đa
19. Đại Sĩ Cưu Ma La Đa
20. Đại Sĩ Xá Dạ Đa
21. Đại Sĩ Bà Tu Bàn Đậu
22. Đại Sĩ Ma Na La
23. Đại Sĩ Hạc Lặc Na
24. Tôn giả Sư Tử
25. Tôn giả Bà Xá Tư Đa
26. Tôn giả Bất-như-mật-đa
27. Tôn giả Bát Nhã Đa La
28. Tôn giả Bồ-đề Đạt Ma
29. Tôn giả Tuệ Kha (Tổ năm thứ hai của Đông độ)
30. Tôn giả Tăng Xán (Tổ năm thứ ba của Đông độ)
31. Tôn giả Đạo Tín (Tổ năm thứ tư của Đông độ)
32. Tôn giả Hoãng Nhẫn (Tổ năm thứ 5 của Đông độ)
33. Tôn giả Tuệ Năng (Tổ năm thứ 6 của Đông độ)


Đại Quy Trung
Phổ Am Ẩn Túc
Ứng Am Đàm Hoa
Mật Am Hàm Kiệt
Linh Ẩn Sùng Nhạc
Thiên Đồng Toàn
Dục Vương Đức Quang
Đông Lâm Đạo Ngạn
Đại Thiền Liễu Minh
Thiền tông bắt đầu
phân ra 05 tông
Triệu Châu Tùng Thẩm
Phần Dương Thiện Chiêu
Thạch Sương Sở Viên
Dương Kỳ Phương Hội
Bạch Vân Phủ Đoan
Ngũ Tổ Pháp Diễn
Lang Da Thiện Giác
Phật Nhãn Thanh Viễn
Phật Quả Khắc Cần
Phật Giám Tuệ Cần
Hổ Khâu Thiệu Long
Đại Tuệ Tông Cảo
Mã Tổ Đạo Nhất
Nam Tuyền Phổ Nguyện
Bách Trượng Hoài Hải
Hoàng Bá Hy Vận
O Đại Quy Linh Hựu
Ngưỡng Sơn Tuệ Tịch
Nam Tháp Quang Dũng
O Lâm Tế Nghĩa Huyền
Hưng Hóa Tồn Tưởng
Nam Viện Tuệ Ngung
Phong Huyệt Diên Chiểu
Thủ Sơn Tỉnh Niệm
Long Đàm Sùng Tín
Đức Sơn Tuyên Giám
Tuyết Phong Nghĩa Tồn
O Vân Môn Văn Yển
Ba Lăng Hạo Giám
Song Tuyền Sư Khoan
Huyền Sa Sư Bị
La Hán Quế Sâm
O Pháp Nhãn Văn Ích
Thiên Thai Đức Thiều
Vĩnh Minh Đạo Tiềm
Vĩnh Minh Diên Thọ
Nam Nhạc Hoài Nhượng
Thanh Nguyên Hành Tư
Thạch Đầu Hy Thiên
Thiên Hoàng Đạo Ngộ
Dược Sơn Duy Nghiễm
Ban Tử Đức Thành
Giáp Sơn Thiện Hội
Thượng Lam Siêu
Vân Nham Đàm Thạnh
O Động Lương Sơn Giới
Tào Sơn Bảo Tịnh
Lộc Môn Xử Chân

THÍCH THỊ KÊ CỔ LƯỢC

- Ô Trình Chức lý, Bảo Tướng Tỳ-kheo Thính Giác Ngạn hiệu Bảo Châu biên tập chỉnh sửa.

- Tam Hoàng

- Thái Hạo Bào Hy Thị

Họ Phong, lấy Mộc Đức làm hiệu vua, đóng đô ở Uyển Khâu, người thượng cổ săn bắt cầm thú, ăn thịt, mặc vỏ cây, nhưng cũng khó kiếm đủ. Thái Hạo dạy dân làm lưới, làm bẫy, khai ruộng, đánh cá, nuôi dưỡng súc vật, lại dạy dân dùng thú vật cúng tế thần, nên ông có tên là Bào Hy Thị. Đời sau gọi là Phục Hy Thị. Bắt đầu họa ra Bát Quái, đặt ra thư, khế, từ đó có văn từ, sổ sách. Dùng Long Kỷ làm quan, ở ngôi một trăm mười sáu năm. Kinh Dịch ghi: Phục Hy đẽo gỗ làm thuyền, vót cây làm chèo. Cầm Tháo nói: Phục Hy chế đàn, để sửa thân sửa tánh, trở về lại cái Thiên Chân. Thông Lịch ghi: Phục Hy làm ra loại đàn hai mươi lăm dây, đặt ra lễ nghi dựng vợ gả chồng. Trong Đồ Kinh ghi: Bao Thị sinh ở huyện Thành Kỷ, Tần châu, Củng Xương lộ, Thiểm Tây. Mẹ tên Hoa Tư, người Vũ cống, Ung châu. Ở Tấn Ninh lộ, Hà Trung phủ, Tước châu còn cái đài Phục Ngưu, là nơi Phục Hy, Phục Ngưu từng cỡi ngựa ngang qua. Mộ của Nữ Oa vẫn còn ở Ký châu. Tại Hoài Tây, Lô châu còn ngôi miếu cổ Nữ Oa.

Nữ Oa thị, Cộng Cộng thị, Đại Đình thị, Bá Hoàng thị, Trung Hoàng thị, Lật Lục thị, Ly Liên thị, Hách Tư thị, Tôn Lô thị, Hỗn Độn thị, Hạo Anh thị, Chu Tương thị, Cát Thiên thị, Âm Khương thị, Vô Hoài thị.

Tháng hai năm Nguyên Hựu năm thứ năm, đời Tống Triết Tông, Gia Cát Thâm Thiệu Vận Đồ nói: Mười lăm họ trên cả thảy mười bảy ngàn bảy trăm tám mươi bảy năm.

Xã Tắc Thần: Phong Tục Thông ghi: Con của họ Cung Công tên là Tu, thích đi chơi xa, những nơi thuyền xe đến được, những nơi đi bộ đến được ông đều đi khắp, nên thờ ông làm Xã Thần, Tả Truyện ghi: Cung Công thị có con tên là Câu Long thị, bình định được nước và đất

nên thờ làm Xã Thần. Trong Lễ Ký ghi: Họ Cung Công làm Bá chín châu, con ông là Hậu Thổ bình định chín châu, nên được thờ làm Xã Thần. Lại nữa, Lệ Sơn thị có được thiên hạ, con ông ấy là Trụ có tài trồng ngũ cốc, nên được làm Tắc Thần. Sái Ung Độc Đoán ghi: Nhà Chu bỏ việc trồng bách cốc, lấy Tắc làm thứ đứng đầu nên có tên là Tắc. Ông thần bỏ nhà Chu là Hậu Tắc.

- Viêm Đế Thần Nông Thị.

Họ Khương, nối tiếp Phục Hy thị, Vương Hỏa Đức đóng đô ở đất Lỗ, nay là Đông Bình lộ, Vũ Cống, Duyện châu. Lúc này con người ăn rau sống, uống nước lã, ăn trái cây, thịt muông thú, bệnh tật nhiều. Viêm đế tìm những vật ăn được rồi dạy họ đốt lửa nướng ăn. Bấy giờ trời mưa xuống thóc lúa, nên ông dạy dân gieo trồng ngũ cốc, làm ra đồ đựng, búa rìu, cày bừa để khai khẩn đất hoang. Ngũ cốc được mùa, nên người ta gọi ông là Thần Nông thị. Lại nữa, ông từng dùng trăm thứ cỏ chữa bệnh, mỗi ngày gặp phải bảy mươi thứ độc, một người nuôi dưỡng không xuể, nên ban ngày họp chợ để trao đổi vật này vật kia, dùng Hỏa Kỷ làm chức quan, ở ngôi một trăm hai mươi năm. Hoàn Đàm Tân Luận ghi: Thần Nông thị dát đồng làm đàn, bện dây làm dây đàn để thông đức của thần minh. Quảng Nhã ghi: Đàn của Thần Nông thị dài ba thước sáu tấc, trên có năm dây, là Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ. Chu Văn Vương thêm hai dây nữa là Thiếu Cung và Thiếu Thương.

Đế Thừa, Đế Lâm, Đế Minh, Đế Tuyên, Đế Lý, Đế Ai, Đế Du, Đế Cương, tám đế trên đều mang họ Thần Nông, ở ngôi cả thảy năm trăm mười năm, cuối cùng chư hầu đánh nhau, quy về Hoàng Đế.

- Hoàng Đế Hữu Hùng Thị

Họ Công Tôn, tên Hiên Viên con của Hữu Hùng Quốc quân Thiếu Điển. Thần Nông thị làm Thiên Tử, chư hầu đánh chiếm nhau, Thần Nông không đánh được, chư hầu xâm lăng, kẻ cường bạo nhất chỉ có Xi Vưu. Hiên Viên tu đức chỉnh quân đánh nhau với Viêm Đế và thắng trận, ông bắt sống Xi Vưu và giết chết ở Trác Lộc (nay là Đại Đô Lộ, Trấc châu, Phạm Dương), bấy giờ chủ hầu đều quy phục Hiên Viên, suy tôn ông lên làm Thiên Tử thay Thần Nông thị. Năm Đinh Hợi, Hoàng Đế năm đầu mới lập ra phép độ, thiên hạ không thuận thì đem binh chinh phạt. Đất đai bấy giờ, Đông kéo đến biển, Tây đến Không Đông (nay là Cam Túc tỉnh, Túc Châu lộ, Ung châu), nam dài đến biển, Bắc đến Huân Chúc. Lập ấp ở gò Cự Lộc, sau dời về khắp nơi. Dùng Binh Sư làm Doanh vệ, dùng Vân Kỳ làm chức quan, có đềm lành Thổ Đức, cử Phong Hậu, Lực Mục, Khuyển Sơn, kê thường, Tiên Đại, Hồng Đấc

là Lục tướng, đất trời thịnh trị, có thần minh đến. Đến nhận bản đồ sông núi, xem hiện tượng mặt trời, trăng, sao, từ đó mới có chức quan xem thiên văn. Lại sai Đại Nhiêu xem vận hành của Ngũ hành, lập ra Đẩu Cương, từ đó đặt ra Giáp tý. Sai Dung Thành làm lịch, Lệ Thủ soạn toán số, Linh Luân đặt ra luật Lữ, sai Xa Khu xem thiên văn khí tượng, những việc này do Dung Thành nắm quyền quản lý. Lấy văn chương phân biệt sang hèn, làm xe, thuyền để đến những nơi không đến được. Vẽ lại đất đai, phân chia thành châu, nước rộng trăm dặm, có đến ngàn khu. Lập tám nhà là một tỉnh, một tỉnh là một lân, ba lân là một bằng, ba bằng là một lý, năm lý là một ấp, mười ấp là một đô mười đô là một sư, mười sư là một châu. Lại đặt ra tả, hữu Đại giám để giám sát vạn quốc. Đặt ra lễ phong thiền, làm nhạc hàm Trì, các nước man di xa xôi đều về triều cống. Hoàng Đế có hai mươi lăm người con, mười bốn người có họ, có mười hai người là họ Cơ, Dậu, Kỳ, Dĩ, Đằng, Châm, Nhậm, Tuân, Hy, Cật, Huyền, Hưu. Con dòng chánh có hai người là Huyền Hiêu và Xương Ý đều được làm chư hầu. Hoàng Đế mất, người ta cho rằng thành tiên. Đế ở ngôi một trăm mười năm. Hoàng phủ Thụy ghi: Hoàng Đế sinh ở Thọ Khâu, Tần Châu, Củng Xương Lộ, Thiểm Tây, mộ ở Kiều Sơn, Ninh Châu. Nơi mà Hoàng Đế thăng thiên là Đỉnh Hồ (nay là Triết Đông, Xủ châu, Tiên Uận, Sơn Dương). Mộ Xi Vưu cao bảy trượng (nay thuộc Đông Bình lộ, Hám, Hương), dân thường cúng ông vào tháng mười, có luồng khí đỏ xông lên, giống như lụa mỏng, dân gọi đó là cớ của Xi Vưu.

Dịch Càn Tạc Độ ghi: Xưa Toại Nhân thị xem Đẩu Cực để định, lập phương hướng. Bào Hy Nhân họa ra Bát Quái. Hoàng Đế lên ngôi, sai Đại Nhiêu lập ra Giáp tý. Dung Thành là lịch số, thuyết ngũ hành, Cửu Cung từ đó mà có, nên trong thuyết quái ghi: Dương số có chín, lập đạo trời thì gọi là Âm và Dương. Âm hai, dương một thì trời có ba. Cách lập đạo đất thì nhu và cương. Như hai, cương một thì đát cũng có ba. Cách lập đạo người thì nhân và nghĩa. Nghĩa hai, nhân một thì người cũng có ba. Ba lần ba là chín, âm dương bao hàm nhau mà thành vạn vật.

Chỉ Nam xa: Khi Hoàng Đế và Xi Vưu đánh nhau, Xi Vưu làm sương mù, quân sĩ đếu lạc đường, Hoàng Đế mới chế ra Chỉ Nam xa đề định hướng bắt sống Xi Vưu rồi giết.

Nước Hữu Hùng, nay là Hà Nam, Tân Trịnh.

*** NGŨ ĐẾ:**

- Thiếu Hạo Kim Thiên Thị.

Họ Dĩ, con Hoàng Đế, tự Thanh Dương. Vương Kim Đức đóng đô ở Cùng Tang (nay là Khúc Phụ, Duyện Châu, tế Ninh Lộ), có điềm lành Phương hoàng, nhân đó dùng Điểu Kỷ là chức quan, ở ngôi tám mươi bốn năm, thọ một trăm tuổi.

- Chuyên Húc Cao Dương Trị

Con của Xương Ý, cháu của Hoàng Đế. Vương Thùy Đức đóng đô ở Đế Khâu (nay là Đông Xương lộ, Bộc châu). Ông sinh tám người con tài giỏi, gọi là Bát Khải. Thiếu Hạo Thụy suy vong, nhân dân nổi loạn, dân chiếm nơi thờ tự, cúng tế lung tung. Đế bình định loạn Cửu Lê, người thần đều có ranh giới không xâm phạm nữa. Ông làm lịch lấy Mạnh Xuân làm tháng đầu, cho nên ai nấy đều theo lịch của ông.

Đất đai rất rộng, Đông đến Bàn Mộc, Tây đến Lưu Sa, Nam đến Giao Chỉ, Bắc đến U Lăng (nay là Yên Kinh), ông ở ngôi bảy mươi tám năm. Trong Hải Ngoại kinh ghi: Trong biển đông có ngọn núi nổi tiếng tên là Độ Tác, tên núi có cây đào lớn, tỏa rộng ba ngàn dặm. Trong địa lý chí ghi: Lưu Xa ở Cam Châu Lộ. Trương Dịch quận, Cam Túc Tỉnh.

- Đế Khốc Cao Tân thị.

Con của Kiêu Cực, tằng tôn của Hoàng Đế, Vương Mộc Đức đóng đô ở Tây Hao (nay là huyện Uyển Sử, Hà Nam). Đế sinh ra đã thông minh xuất chúng, tự đặt tên cho mình, thuận với đạo trời, biết rõ ý dân, có nhân có uy, có huệ có tín, lấy của cải trời đất, tiêu dùng rất cần kiệm, phủ dụ muôn dân, lấy lợi mà dạy ho. Theo ngày tháng mà đón tiếp họ, thấy quỷ thần mà kính thờ họ, mặt trời mặt trăng chiếu tỏ, mưa thuận gió hòa, ai nấy đều quy phục. Ông sinh tám người con tài giỏi, gọi là Bát Nguyên. Ông ở ngôi bảy mươi lăm năm, thọ một trăm lẻ năm tuổi, an táng ở Thu Sơn, Khai châu, Đại Danh Lộ ngày nay. Con ông nối ngôi chín năm nhưng không có tài nên nhường ngôi cho Đường Hầu.

- Đế Nghiêu Đào Đường thị

Con của Đế Khốc, em của Chí, Chí phong Nghiêu là Đào Hầu, cải phong thành họ Đường, nên gọi là Đào Đường thị, họ Y kỳ Nghiêu sau đó nhận ngôi từ ông Chí. Vương Hỏa Đức đóng đô ở Bình Dương (nay là Tấn Ninh, Ký châu). Ông không cắt cỏ tranh, đắp đất lên ba thước gọi là Đình Minh Giáp, nơi sân sinh loại cỏ lấy tên là Minh Giáp. Mội ngày nó sinh một lá, đến ngày mười lăm thì đủ. Qua ngày mười sáu nó rụng một lá, đến ngày hai mươi thì rụng hết. Tháng thiếu thì nó rụng hai lá cuối cùng, sau đó sanh lại rồi rụng lại. Vua sống giản dị, giảm nhẹ

thuế dịch. Bấy giờ có Đại Phong, Khiết Du, Phong Hào, Tu Xà là những kẻ hại dân, Đế sai ông Nghệ bắt Đại Phong ở đầm Thanh Khâu, giết Khiết Du, chém Tu Xà ở Động Đình, bắt sống Phong Hào ở Tang Lâm, tứ đó an ổn. Năm đó gặp nạn hồng thủy, Tứ Nhạc đều cử ông Cổn (cha ông Vũ) trị thủy suốt chín năm nhưng không thành công. Con của Đế là Đan Chu bất tài, ông ông tìm người hiếu đức để nhường ngôi, quần thần đều suy cử ông Thuấn. Đế gả hai con gái cho Thuấn, trải qua các kỳ thử thách rồi nhận ông ở Đại Lộc, gió thét mưa gào sấm vang chớp động nhưng ông chẳng sợ, và ông nhận ngôi, hai mươi tám năm sau thì Đế mất. Nghiêu cùng Thuấn trị vì cả thảy chín mươi tám năm. Ông thọ một trăm năm mươi tám tuổi. Nghiêu làm ra nhạc là Đại Chương. Thuấn nhường cho con ông Nghiêu là Đan Chu vùng Hà Nam nhưng thiên hạ, những người làm quan không theo Đan Chu mà về hết với ông Thuấn. Ông Thuấn lên ngôi Thiên Tử. Trong Thư Nghiêu Điển gọi ông là Phóng Huân. Sái Thị Trầm giải thích rằng: Phóng Huân là nói chung đức độ và sự nghiệp của vua Nghiêu.

- Đế Thuấn Hữu Ngu thị

Tên là Trùng Hoa, tự là Đô Quân, cháu tám đời của Hoàng Đế. Hoàng Đế sinh Xương Ý, Xương Ý sinh Chuyên Húc, Chuyên Húc sinh Cùng Thiền, Cùng Thiền sinh Khang Kính, Khang Kính sinh Cú Mang, Cú Mang sinh Kiêu Ngưu, Kiêu Ngưu sinh Đốc tẩu, Đốc Tẩu sinh ra Thuấn. Ông họ Diêu, mất mẹ, mẹ kế sinh ra Tượng, cha mẹ Tượng đều muốn giết ông. Ông tận hiếu thờ cha mẹ, kính nhường em mình. Ông cày ruộng ở Lich Sơn, bắt cá ở Lôi Trạch, làm thợ ở Hà Tân, nơi ông ở thành làng xóm, hai năm sau thì thành Ấp, ba năm sau thì thành Đô, năm hai mươi tuổi đức hiếu vang khắp, ba mươi tuổi vua Nghiêu đem hai con gái của mình gả cho ông. Lúc sắp nhường ngôi, Thuấn tiến cử con của cao Tân Thị là Bát Khải và Bát Nguyên. Khải làm chủ Hậu Thổ, Nguyên đem Ngũ giáo dạy khắp bốn phương.

Bấy giờ Nghiêu Bảo Thuấn nhiếp chánh. Đến Hồng thị có người con bất tài tên là Hỗn Độn .Thiếu Hạo thị có con bất tài tên là Cùng Kỳ. Cung Côn thị, Hiên Viên thị có con bất tài Đào Ngột và Cổn. Tấn Vân thị có con bất tài tên là Thao Thiết. Đây gọi là bốn kẻ hung bạo, làm quan dưới triều vua Nghiêu, nhưng Nghiêu chưa trừ họ được. Thuấn đuổi hết bốn người rồi cử ông Vũ trị thủy. Thuấn nhận ngôi từ Nghiêu, trị vì hai mươi tám năm. Nghiêu mất, ông lên ngôi Thiên Tử. Lấy Thổ Đức làm vương hiệu, đóng đô ở Bồ Phản (nay là Hà Trung, Tấn Ninh). Ông đàn Ngũ huyền cầm, ngâm Phong Nam Thi, xem thiên văn, địa lý

để sửa sang chánh sự. Sửa lại lịch sồ nhuần dư thành năm chế nhạc Cửu thiều. Dân sứ Miêu trái mệnh, ông đem đức của mình đi phủ dụ ở Lưỡng Giai suốt bảy mươi ngày. Họ Hữu nghiêu, con của Lai Cách là Thương Quân vốn bất tài, vua Thuấn cử ông Vũ lên thay mình trị vì. Ông ở ngôi năm mươi năm, tuần thú lên phía Nam và mất ở Thương Ngô (nay là Quảng Tây, Ngô châu lộ, Thương Ngô, Kinh châu) thọ một trăm mười tuổi. Ông Vũ nhường Dương thành cho con ông Thuấn là Thương Quân nhưng muôn dân không theo Thương Quân mà về hết với ông Vũ. Ông Vũ lên ngôi Thiên Tử, lấy quốc hiệu là Hạ. Ông Thuấn muốn chế ra đồ bằng nhựa nhưng quần thần can gián nên thôi.

Thụy Đản (điềm lành); sao lớn như cầu vồng rơi xuống. Hoa Chữ là người nữ tiết hạnh, cảm điềm lanh này mà sinh Thiếu Hạo. Lại có ngôi sao lớn như cầu vồng nầy rơi xuống vào nữ căn mà sinh ra Chuyên Đế. Mẹ ông Thuấn cảm điềm cầu vồng lớn mà sinh ra ông Thuấn.

Truớc Thiếu Hạo, hiệu của vua là tượng trưng cho đức, từ Chuyên Húc về sau hiệu ấy đặt theo tên. Còn như Cao Dương, Cao Tân là gọi theo tên đất mà họ khai phá.

Tống thần Tông năm Nguyên Phong năm thứ ba, bí thứ Thừa Lưu Thứ, tự Đạo Nguyên soạn Ngoại Ký, có ghi: Lục kinh chỉ có Xuân thu và Thoán Tượng, văn ngôn, Thuyết phong, Tự quái, Tạp quái trong kinh dịch là do Trọng ni viết, thi thư mà Trọng Ni san dịch đều không nói đến Tam Hoàng, Ngũ Đế, Tam Vương. Trong Dịch Hạ Hệ ghi: Xưa Bao Hy thị là vua thiên hạ, Bao Hy Thị mất Thần Nông thị lên thay, Thần Nông thị mất, Hoàng Đế Nghiêu, Thuấn lên thay. Kế thừa có Vương nhưng không nói là ba hay năm. Có thuyết cho rằng từ Bao Hy đến Thuấn là Ngũ Đế. Khổng tử chưa từng nói nên người học không thể dựa vào hiểu biết suy đoàn của mình rồi lập luận. Quảng tử nói: Rõ được cái Nhất là Hoàng, thấy rõ Đạo là Đế, thông đức thì gọi là Vương, mưu tính binh thư gọi là Bá.

Khổng Dĩnh Đạt nói: sách Quảng Tử có lẽ người đời sau chép lại chứ không phải nguyên bản. Trang tử, Liệt tử đều là chuyện ngụ ngôn hoang đường. Học giả Tần, Hán đều dựa vào văn từ ấy rồi bàn luận, đua nhau đặt ra Tam Hoàng, Ngũ Đế mà không biết xưa không có những người đó. Trọng Ni cũng chưa từng nói có tam Hoàng, Ngũ Đế.

Lương Vũ Đế cho Phục Hy, Thần Nông, Toại Nhân là Tam Hoàng; Hoàng Đế, Thiếu Hạo, Đế Chí, Đế Nghiêu là Ngũ Đế. Ông Thuấn không thuộc Tam vương làm thành tứ Đại, điều này không có lý. Bao đời này cứ rối tung, chẳng ai biết định luận thế nào. Thái sử Công nói:

học giả ai cũng nói đến Ngũ Đế, nhưng Thượng thư chỉ ghi ông Nghiêu, đến nay Bách gia vẫn gọi là Hoàng Đế, lời lẽ ấy cũng thật khó chấp nhân, những người bát học cũng khó định đoạt. Khổng Tử có ghi việc Tể Dư hỏi đức của Ngũ Đế và danh tánh của Đế, nhà nho có khi không chép việc này. Tôi từng đi khắp nơi, Tây đến Đông, Bắc đến Trác Lộc, Đông đến biển, Nam đến Giang Hoài, những nơi đó các, trưởng lão đều nói đến Hoàng Đế, Nghiêu, thuấn, rõ ràng phong hóa khác nhau. Tóm lại, cũng không ngoài cổ văn. Tác Ẩn nói: Cổ văn là hai bộ sách Đế Đức và Đế Hệ. Lời của Thánh nhân, ông có thể xem trong Xuân Thu, Quốc Ngữ sẽ thấy rõ Đế Đức Đế Hệ tánh của Ngũ Đế. Nếu ta khảo cứu kỷ thì những điều vừa nêu là có thật. Sách này thiếu, thì thường ta thấy có ghi trong thuyết khác, nếu không phải người hiếu học, tư duy kỹ, tâm biết được ý thì khó tránh khỏi là người ít nghe thấy cạn. Tôi thảo luận chọn lựa những lời đáng tin cậy nhất viết vào trang đầu trong Bản Kỷ.

NHÀ HẠ:

Đế Vũ, Vương Khải, Thái Khang, Trọng Khang, Vương Tương, Thiếu Khang, Vương Trữ, Vương Hòe, Vương Mang, Vương Tiết, Bất Giáng, Vương Quynh, Vương Cần, Vương Khổng Giáp, Vương Cao, Vương Phát, Lý Quý (Kiệt).

Đế Vũ: Họ Tử, cháu Hoàng Đế. Chuyên Húc sinh ông Cổn, Ông Cổn sinh ông Vũ. Trong thời vua Nghiêu, nạn nước lớn ngập trời, Nghiêu sai Cồn trị thủy nhưng không thành và bị chết. Thuấn lên ngôi mới đưa ông Vũ nối nghiệp cha mình. Ông lao tâm khổ trí, ở ngoài nhà mười ba năm, đi ngang qua cửa mà không ghé vào nhà. Đất liền thì đi xe, dưới nước thì đi thuyền, đất bùn thì dùng khiêu, leo núi thì dùng gậy. Đi đến đâu cũng có phương tiện dùng, vượt núi vượt sông đều thuận tiện, nhờ vậy nạn nước lớn mới hết, chín châu vui mừng, bốn phương an định.

Bấy giờ Nghiêu báo cho ông Huyền Khuê để chứng tỏ sự thành công của ông. Thuấn lên ngôi, sai Vũ làm Tư không, lo liệu mọi việc. Trời ba cho ông Hồng Phạm Cửu Trì, phép thường nhân luân, rồi lại ban cho sách, rùa thần chở văn trên lưng, số ấy đến chín, Vũ nhân đó lập ra năm thứ tự, hình thành chín loại. Con ông Thuấn là Thương Quân vốn bất tài, Thuấn tiến cử Vũ với trời để thay ngôi vị của mình. Thuấn mất, muôn dân không về với Thương Quân mà quy thuận ông Vũ, vì vậy, ông Vũ lên ngôi Thiên Tử, lấy quốc hiệu là Hạ. Vương Kim Đức đóng đô ở đất Hàn, nay là Dương Định, Quân châu, Biện Lương. Đất Dự vẫn còn họ Hữu Ngu lấy tháng dần làm tháng đầy năm, mười tấc

là một thước, chuộng màu đen, vật tế cũng màu đen, lấy màu đen làm huy hiệu, soạn nhạc Đại Hạ. Nói đại Hạ là ý muốn nói đến đức của đại Nghiêu, Thuấn. Treo chuông, trống, khánh, linh, trống cơm để đãi kẻ sĩ bốn phương và nói, người dạy đạo cho quả nhân thì đánh trống, dạy nghĩa thì đánh chuông, chỉ việc thì đánh linh, chỉ nỗi lo thì đánh khánh, muốn kiện tụng thì đánh trống cơm. Hồi ấy, Thuấn chia thiên hạ thành mười hai châu. Ông Vũ chia lại còn chín châu. Người chủ thiên hạ được phép dùng đồng đúc Cửu Đỉnh để tượng trưng cho chín châu. Xưa Hoàng Đế làm ra xe, Thiếu Hạo cho trâu kéo, Hề Trọng thì cho ngựa kéo. Vũ Sai, Hề Trọng chế ra xe, cắm thêm cờ xí, dải lụa để phân biệt tôn ti, đẳng cấp. Xưa có thứ rượu ngọt, đến thời ông Vũ, có Nghi Địch nấu rượu, Vũ uống khen ngon, từ đấy cấm Nghi Địch nấu rượu rằng, đời sau sẽ có người vì rượu mà mất nước. Vũ tín dùng Cao Đào, lợi ích cho chính sự, ông lấy con gái họ Đồ Sơn rồi sinh ông Khải. Vua Vũ tuần thư lên phía nam hội họp chư hầu ở Đồ Sơn, nhân lời minh thệ của Đường Ngu, có vạn nước đến triều cống ngọc, lụa. Ông lại đến Cối Kê, Phòng Phong thị đến trễ, Vũ giết Phòng Phong, sổ sách giao lại cho con cháu. Vua Vũ từng tiến cử Ích, bảy năm thì mất, ở ngôi chín năm, thọ một trăm tuổi. Ông Ích nhường ngôi cho Kỳ Sơn, muôn dân không theo ông Ích mà về với ông Khải. Khải bèn lên ngôi Thiên Tử. Chữ Văn Mệnh theo Sái Trầm giải thích đó là Vũ cống, ý nói thanh giáo của ông Vũ truyền khắp Đông, Tây, Nam.

Rùa thần xuất hiện ở đất Lạc, nay là Mạnh Tân thuộc Mạnh Châu, Hoài Mạnh lộ, Sơn Tây đạo, Hà Đông. Đây cũng là nơi mà lúc Chu Vũ Vương đánh trận đã họp quân ăn thề.

Nước của Đồ Sơn thị là Ký châu, nay là Cối Kê, Lâm Hào phủ, An Phong lộ, Hoài Tây bây giờ là Thiêu Hưng lộ, Việt châu, Chiết Đông đạo. Cối Kê cũng là nơi vua Vũ mất.

Khiêu: Theo Mạnh Khang chú thích, hình như cái sọt dùng đi trên bùn. Gậy ở đây làm bằng sắt, giống như cái chùng đầu dài nữa tất, đặt ở dưới dép, khi leo núi không trượt.

Vương Khải: Con ông Vũ, mẹ là con gái Đồ Sơn thị, ở ngôi mười năm thì mất.

Thái Khang: Con ông Khải, tính vốn phóng túng, ưa săn bắn ở đất Lạc, cả một trăm ngày chẳng về. Dân khốn đốn, Hữu Cùng, Hậu Nghệ chặn ngang cửa sông không cho về, năm người em của ông làm bài ca oán thán ông, những bài ấy vẫn còn. Ông ở ngôi ba mươi năm, mất nước, chẳng về được. Hậu Nghệ lập em Thái Khang là Trọng Khang

lên ngôi.

Trọng Khang: Em Thái Khang, do Hậu Nghệ lập. Ông nhu nhược, thiếu nghĩa, hoang dâm, chánh sự rơi vào tay Hậu Nghệ, ông ở ngôi mười bốn năm.

Vương Tương: Con của Trọng Khang, bị Nghệ đuổi đi, mất nước, cư ngụ ở Thương Khâu, nay là Quy Đức, Hà Nam, Phũ Lộ. Ở nhờ người cùng họ là Châm Quán, Châm Tầm. Nghệ tự lập lấy hiệu là Hữu Cùng, tự dời về Cùng Thạch, từ dân nhà Hạ lên năm quyền chánh nhà Hạ. Nghệ không lo muôn dân, ham săn bắn, không dùng người tài, nghe lời sàm tấu của Bá Minh. Con ông là Hàn Trác, trong thì nịnh hót, ngòai thì hối lộ, lừa dối muôn dân, gạt cả cha mình. Nghệ đi săn, muôn dân bắt Nghệ rồi nướng chín bắt con ông ăn. Con ông không nỡ ăn nên bị giết ở Cùng Môn. Nghệ ở ngôi tám năm. Hàn trác theo tông thất của Nghệ, không đổi hiệu Hữu Cùng. Trác sinh ra Kiêu và Ế. Trác sai Kiêu giết Châm Quán và Châm Tầm, diệt Hạ vương Tương. Tương hậu là con gái Quốc quân Hữu Nhưng mới có mang liền trốn về họ Hữu Nhưng và sinh ra Thiếu Khang. Trác để Liêu ở Đát Quá và Đề Ế ở đất Qua. Thiếu Khang trưởng thành làm Nhưng Mục Chánh. Kiêu tìm Thiếu Khang, Khang phải trốn sang Hữu Ngu làm Bào Chánh. Ngu quân gả hai con gái mình cho Khang, rồi cho lập Ấp ở Chư Luân, có ruộng một thành, có binh một lữ (năm trăm người). Ông bố đức thu phục dân nhà Hạ, bề tôi Hữu Hạ nói: Hãy theo họ Hữu Cách, thâu dân lại còn của hai nước mà diệt Trác. Rồi Thiếu Khang lên ngôi, sai bề tôi là Nhữ Ngãi giết Kiêu ở đất Quá, sai con là Lý Trữ giết Ế ở đất Qua, Hữu Cùng thị diệt vong. Trác ở ngôi ba mươi hai năm.

Sử ký Tư mã Trinh Tác Ẩn nói: Tả truyện, Ngụy Trang Tử nói: "Sau khi Đế Tương bị soán ngôi và giết chết, trong thời gian đó có họ Nghệ, họ Trác trị vì ba mươi năm, nhưng kỷ này rốt cuộc không nói đến, mà chỉ nói vắn tắt rằng, Đế Tương mất, Thiếu Khang nối ngôi, đó là quá tóm lược". Đế Tương ở ngôi hai mươi tám năm.

Thiếu Khang: Con của Đế Tương, ông diệt Trác, dời về quận cũ, khôi phục cơ nghiệp của vua Vũ. Nhà Hạ được phục hưng, muôn dân an lạc. Ông ở ngôi hai mươi mốt năm.

Nước Việt: Thiếu Khang phong con út là Vô Dư ở Cối Kê, lấy hiệu là Việt. Tứ đó đến hai mươi đời sau, vào thời Chu Kính Vương Câu Tiễn xưng vương, rồi đánh nhau và bị thua ở Tuy Lý. sau Việt diệt Ngô, Ngô thua ở Phù Tiêu. Câu Tiễn dùng bọn bề tôi là Phạm Lãi, Đại Phu Chủng, Chu Nguyên Vương năm thứ ba, Việt diệt nước Ngô. Về sau

Việt bị Sở thôn tính.

Thế Gia của Câu Tiễn: Sử ký ghi: Hạ hậu đế Thiếu Khang phong con thứ ở Cối Kê để lo việc tế tự vua Vũ. Ông cắt tóc vẽ hình, mặc vỏ cây, ăn rau rừng mà lập Ấp tế tự. Hơn mười đời sau thì đến Duẫn Thường. Thời Duẫn Thường từng đánh nhau với Ngô Vương Hạp Lư từ đó gây oán. Duẫn Thường mất, con là Câu Tiễn nối nghiệp, đó là Việt Vương. Năm đó, Ngô Vương Hạp Lư nghe Duẫn Thường chết liền khởi binh đánh Việt. Việt Vương Câu Tiễn phục kích quân Ngô, quân Ngô bị bại ở Tuy Lý, Ngô Vương Hạp Lư bị bắn trọng thương. (Đỗ Dự nói: Phía Nam huyện Gia Hưng, Ngô quận có thành Tuy Lý). Hạp Lư sắp chết dặn con là Phù Sai đừng bao giờ quên mối thù nước Việt. Năm thứ ba, Câu Tiễn nghe Ngô Vương Phù Sai ngày đêm luyện binh để báo thù Việt,Việt Vương muốn phát binh trước khi quân Ngô chưa đến, Phạm Lãi can: Không được! Thần nghe binh là thứ hung bạo, đánh là ngược với đức, tranh giành là hạ sách, âm mưu ngược với thích dùng hung bạo, đem thân vào nơi nguy là điều tiên đế từng cấm, nếu đi tất bất lợi. Việt Vương nói: Ý ta đã quyết rồi! Và Việt Vương kéo quân đi. Ngô Vương nghe tin liền phát binh đón đánh quân Việt, Việt bại ở Phù Tiêu. (Đỗ Dự nói: Phù Tiêu ở Tiêu Sơn, Thái Hồ, Hồ huyện, Ngô quận). Việt Vương đem tân binh năm ngàn người chạy lánh ở Cối Kê. (Đỗ Dự nói: Trên núi Cối Kê). Ngô Vương đuổi theo, vây bắt. Việt Vương bảo Phạm Lãi: Ta không nghe lời ông nên lâm vào cảnh này, bây giờ phải làm sao? Phạm Lãi đáp: Hễ đầy thì cho trời (Vi Chiêu nói: Chưa đến thời thì đừng gượng làm, việc chưa chắc thì đừng gượng thành). Phải dùng lời lẽ khiêm cung, lễ vật hậu hỉ mà tạ tội ông ấy, nếu không được thì phải đem thân ra hầu hạ.

Câu Tiễn đồng ý, liền sai Đại Chủng đi sứ sang Ngô. Chủng đi bằng gối, dập đầu nói: “Xuân Vương diệt bề tôi câu Tiễn, Tiễn sai bồi thần là Chủng tôi dám xin kẻ chấp sự cho Câu Tiễn làm bề tôi, còn vợ thì làm thiếp”. Ngô Vương định đồng ý, Tử Tử can Ngô Vương rằng: “Trời đem Việt ban cho Ngô, Đại Vương chớ đồng ý ”. Chủng đem việc này báo lại cho Câu Tiễn. Câu Tiễn muốn giết vợ con, đốt của cải xua quân đánh một trận cho đến chết. Chủng can Câu Tiễn rằng: “Ngô Thái tể là Phĩ tham lam, nên dùng lợi đi dụ ông ta trước”. Thế rồi, Câu Tiễn đem gái đẹp, của báu đem dâng cho Thái tể Phỉ. Phỉ nhận và dẫn Chủng đến yết kiến Ngô Vương. Chủng dập đầu nói: Mong Đại Vương xá tội cho Câu Tiễn, xin nộp hết của cải, chẳng may không được chấp nhận, Câu Tiễn nay chỉ còn cách giết chết vợ con, đốt hết của cải, xua

hết năm ngàn người quyết một trận đến chết mà thôi". Phỉ nói với Ngô Vương: "Việt đã quy phục làm bề tôi, nếu ta xá tội thì có lợi cho đất nước". Ngô Vương định đồng ý, Tử Tử bước ra can rằng: "Ngày nay không diệt Việt, ngày sau tất hối hận. Câu Tiễn là hiền quân, Chủng, Lãi là bề tôi giỏi, nếu nộp nước thì sẽ làm loạn". Ngô Vương không nghe, cuối cùng tha nước Việt dẫn quân về. Câu Tiễn bị vây khốn ở Cối Kê, bùi ngùi than: "Rốt cuộc ta chết ở đây chăng!". Chủng đáp: "Vua Thang bị nhốt ở Hạ Đài, Văn vương bị tù ở Dữu Lý, Tấn Trùng Nhĩ chạy sang đất Địch, Tề Tiểu Bá trốn đến đất Cử, cuối cùng đều làm vương bá. Từ đó mà xét, đây không phải là phước đó ư?". Ngô đã tha Việt, Việt Vương Câu Tiễn nộp nước, rồi khổ thân lao tứ, thường để túi mật cạnh chỗ ngồi, nằm ngồi đều nhìn túi mật, ngậm đắng nuốt cay, nói; "Ngươi dám quên nỗi nhục ở Cối Kê ư! ". Ông đi cày, vợ thì dệt vải, ăn thì không ăn thịt, mặc thì không mặc áo kép, khiêm cung với người hiền, hậu đãi tân khách, cứu giúp kẻ nghèo cùng, thăm viếng người bệnh chết, cùng lao nhọc với trăm họ. Việt Vương muốn sai Phạm Lãi nắm quyền chánh, Lãi đáp: "Việc binh giáp thì Chủng không bằng Lãi, còn như giữ vững nước nhà, thâu gồm trăm họ thì Lãi này không bằng Chủng". Thế rồi, Việt Vương giao chánh sự cho đại phu Chủng, sai Phạm Lãi và đại phu Thạch Kê qua làm con tin cho Ngô. Câu Tiễn từ Cối Kê về nước được bảy năm, vỗ an dân chúng, dân chúng muốn báo thù Ngô, đại phu Phùng Đồng can: Nước mới lưu vang, nay cần phải lo liệu mọi mặt thì Ngô tất sợ, hễ sợ tất gặp khó khăn, hơn nữa muốn bắt con thứu, con quạ thì cần phải dấu mình. Nay quân Ngô cùng Tề, Tấn có oán sâu với Sở, Việt, họ nổi tiếng thiên hạ nhưng kỳ thật là mối hại cho Chu thất, đức ít mà công nhiều tất kiêu căng, kế sách của nước Việt ta ngày nay là không gì hơn hết là kết giao với Tề, thân gần với Sở, dựa vào nước Tấn, hậu đãi với nước Ngô. Chí của Ngô mà rộng thì tất khinh chiến, ta liên kết sức mạnh của ba nước mà đánh, Việt ta thừa sức mạnh ấy thì có thể tiêu diệt Ngô được. Câu Tiễn nói: Rất hay!

Hai năm sau, Ngô Vương định đánh Tề, Tử Tư can rằng: Không nên! Thần nghe, Câu Tiễn ăn không chọn vị, cùng khổ vui với trăm họ, con người này không chết tất là mối lo của đất nước. Ngô có chứng bệnh của Việt ăn thấu trong tim gan, còn Tề chỉ là ung nhọt bên ngoài của Ngô thôi. Xin Đại Vương hãy tha Tề mà đánh Việt trước". Ngô Vương không nghe, dẫn binh đánh Tề. Ngô Vương đánh bại Tề ở Ngãi Lăng, giao nước Tề cho Tử Tư. Tử Tư nói: Giao mà Đại Vương không vui! Ngô Vương nổi giận, Tử Tư muốn tự sát, Ngô Vương nghe, ngăn lại.

Đại phu Chủng nói: Thần thấy chánh sự của Ngô Vương hùng mạnh, không tin hãy cho vay lúa, thử xem có nước nào không dám vay chăng! Ngô Vương định làm thử, Tử Tư can không cho, nhưng Ngô Vương vẫn làm, nước Việt mừng thầm. Tử Tư nói: "Đại Vương không nghe lời can gián, thì ba năm nữa nước Ngô sẽ trở thành gò hoang".

Thái tể Phỉ nghe vậy nhiều lần tranh luận với Tử Tư về nước Việt, nhân đó nói xấu Tử Tư rằng: "Ngũ Viên bề ngoài trung thành nhưng kỳ thực chỉ chịu nhục, cha anh còn không đóai hoài tới, lẽ đâu đoái hoài Đại Vương. Trước đây Vương muốn đánh Tề. Viên ra sức can ngăn mà có công nhưng trái lại oán Đại Vương không làm vừa lòng Ngũ Viên thì Viên tức làm loạn".

Phỉ và Phùng đồng cùng sàm tấu với Ngô Vương, Vương mới không nghe Tử Tư nữa, mà sai Tử Tư qua Tề ở. Ngô Vương nghe Tử Tư nói mình là con nuôi của Bào thị, thì nổi giận nói: "Ngũ Viên quả khinh ta, muốn làm phản!". Ngô Vương sai người đưa Tử Tư cây kiếm thép bảo hãy tự sát. Tử Tư cười lớn nói: Cho ta làm cha làm bá thì ta còn chỗ đứng, còn muốn chia cho ta nửa nước Ngô thì ta không thèm nhận, thế mà nay lại nghe gièm pha mà giết ta. Than ôi! Than ôi! Một ngừơi thì không thể đúng vững được!". Tử Tư dặn sứ giả: "Hãy móc mắt ta treo ở cửa Đông nước Ngô để ta nhìn thấy binh nước Việt kéo vào!".

Bấy giờ, Ngô Vương tín dùng Phỉ, trị chánh được ba năm. Câu tiễn triệu Phạm Lãi về và nói: "Ngô đã giết Tử Tư, chỉ còn bọn dua nịnh, nên đánh được chăng?" Lãi đáp: "Chưa thể!". Mùa Xuân năm sau, Ngô Vương hội họp chư hầu ở Hoàng Trì, tinh binh nước Ngô đều đi theo Ngô Vương, trong nước chỉ còn người già yếu, cho Thái tử ở lại trông coi. Câu Tiễn lại hỏi Phạm Lãi, Lãi đáp; "Đánh được!".

Câu Tiễn liền đem hai ngàn tập lưu (tinh binh), bốn vạn giáo sĩ, sáu ngàn quân tử, một ngàn Chư Ngự đánh Ngô. (Vi Chiêu nói: Quân tử là những người có chí, có hạnh mà vua thân gần. Ngô gọi họ là tư lương, Tề gọi là Sĩ. Ngu Phiên nói: Quân tử là những người được vua nuôi dưỡng như con mình). Quân Ngô bại trân, Tiễn giết Ngô Thái tử. Binh lính cấp báo Ngô Vương. Lúc này Ngô Vương đang hội họp chư hầu ở Hoàng Trì, vì sợ thiên hạ biết chuyện nên giấu kín. Ngô Vương minh thệ ở Hoàng Trì xong, bèn sai người đem lễ vật hậu hỉ sang Việt xin cầu hòa. Việt cũng còn tự lo cho mình chưa thể diệt Ngô, nên cho Ngô cầu hòa. Bốn năm sau, Việt lại đánh Ngô. Binh sĩ của Ngô đều chết sạch ở Tề Tấn, và Việt đại phá Ngô, rồi vây khốn Ngô suốt ba năm. Quân Ngô thua rồi, Việt Vương vây hãm Ngô Vương trên núi Cô tô. Ngô Vương

sai Công Tôn Hùng (Đại phu nước Ngô) cởi trần, đi bằng gối đến nước Việt xin cầu hòa và nói: "Cô thần Phù Sai xin phơi ruột gan mình, trước đây từng đắc tội ở Cối Kê, Phù Sai không dám trái lệnh, xin được cầu hòa với quân vương, về làm bề tôi. Còn như nay quân vương động binh mà giết Cô thần thì Cô thần chỉ còn biết nghe mệnh, cũng muốn làm như quân vương lúc bị vây ở Cối Kê. Nay quân Vương xá tội cho Cô thần được chăng?

Câu Tiễn không nỡ đánh, có ý cho cầu hòa, Phạm Lãi nói: "Việc ở Cối Kê là trời đem Việt cho Ngô nhưng Ngô không lấy, còn ngày nay trời đem Ngô cho Việt, lẽ đâu Việt làm trái mệnh trời chăng? Vả lại quân vương sớm tối chịu nhục không phải vì muốn báo thù Ngô đó chăng? Lo liệu trong hai mươi hai năm, nay một sớm lại có thể vất đi chăng? Hơn nữa trời cho mà không lấy tức đắt tội với trời, việc đốn cây mới xảy ra không xa lẽ đâu Đại Vương quên mối nguy ở Cối Kê rồi sao?

Câu Tiễn nói: Ta cũng muốn nghe lời ông, nhưng ta không nỡ khi nhìn thấy sứ giả ấy!

Phạm Lãi liền nói với ba quân: "Đại Vương đã giao chánh sự cho kẻ chấp sự Lãi này rồi, sứ giả hãy đi đi, không sẽ bắt tội". Sứ giả nước Ngô khóc mà đi. Câu Tiễn rất thương, bèn cho người nói với Ngô Vương: Ta để vương làm chủ trăm họ tại Dũng Đông (nay là Đông Hải, Trung châu).

Ngô Vương tạ ơn nói: "Ta già rồi, không thể hầu hạ quân vương được". Nói rồi Ngô Vương tự sát và che kín mặt mình nói: "Ta không còn mặt mũi nào nhìn thấy Tử Tư".

Việt Vương cho người an táng Ngô Vương, giết Thái tể Phỉ. Câu Tiễn bình định nước Ngô xong, đưa binh lên mạn Bắc, vượt sông Hoài cùng hội họp với Tề Tấn tại Từ châu, triều cống nhà Chu. Chu Nguyên vương sai người đem tặng cho Câu Tiễn thịt tế và phong là bá. Lúc này, binh nước Việt hoành hành ở phía Đông Giang hoài, chư hầu đến tặng vật gọi Việt Vương là Bá vương. Phạm Lãi thấy vậy đi qua tề, để thư lại cho đại phu Chủng, ghi rằng: Chim Phỉ hết thì cất cung tất, con thỏ ranh chết thì nướng chó săn, Việt Vương là con chim mổ dài cổ, có thể chịu chung hoạn nạn mà không muốn người khác cùng vui với mình, sao ông không đi?

Chủng đọc thư, cáo bệnh không lâm triều. Có người gièm pha rằng Chủng muốn làm phản. Việt Vương bèn tặng kiếm cho Chủng và nói: Ông dạy cho quả nhân bảy cách đánh Ngô, quả nhân chỉ dùng ba

cách đã đánh bại Ngô rồi, bốn cách còn lại ở nơi ông. Ông hãy vì ta đi thử kế sách ấy ở tiên vương đi". Chủng tự sát. Câu Tiễn chết. Con là Vương Thạch kế nghiệp. Truyền được năm đời đến Vương Vô Cương. Vô Cương đánh Sở, Sở Uy Viên đánh Việt, giết Vương Vô Cương, đất nước diệt vong.

Vương Trữ: Con của Thiếu Khang, ở ngôi mười bảy năm.

Vương Hòe: Con của trữ, ở ngôi hai mươi sáu năm.

Vương Mang: Con của Hoè, ở ngôi mười tám năm. Sách Ẩn nói: Mang âm là Vong, sinh ở đất Trâu nên đọc âm là Mang.

Vương Tiết: Con của Mang, sáu loại man di phục tùng, bắt đầu thêm tước, thêm lệnh, ở ngôi mười bảy năm.

Vương Bất Giáng: Con của tiết, ở ngôi năm mươi chín năm.

Vương Quynh: Em của Bất Giáng, ở ngôi hai mươi hai năm.

Vương Cần: Con của Quynh, ở ngôi hai mươi hai năm.

Vương Khổng Giáp: Con của Cần, không lo tu đức, chư hầu nổi lên làm phản, ở ngôi ba mươi hai năm.

Vương Cao: Con Khổng Giáp, ở ngôi mười một năm.

Vương Phát: Con của Cao, ở ngôi mười ba năm.

Vương Lý Quý: Con của Phát, tức là ông Kiệt. Từ Khổng Giáp đến nay chư hầu luôn làm phản, Kiệt bạo ngược vô đạo, trăm họ oán thán. Kiệt đánh Hữu Thi thị cưới con gái của họ này là Muội Hỷ, rất sủng ái Muội Hỷ. Kiệt tự cậy mệnh trời, chỉ mặt trời nói: "Mặt trời mất thì ta mới mất".

Quan Long, Phùng Hoàng, Đồ Trần can gián đều bị Kiệt giết. Ông Thang sai người đến khóc họ, Kiệt nổi giận cầm tù ông Thang ở Hạ Đài, sau đó thả ra. Ông Thang tu đức, chư hầu nể phục. Kiệt khởi binh Cửu Di đánh ông Thang, binh Cửu Di không đến, Y Doãn phò ông Thang đánh Kiệt ở Minh Điều (nay là Tấn Ninh lộ, Giải Châu). Kiệt thua trận chạy sang nước Tam Tung. Thang đuổi đánh tiếp, Kiệt chạy đến Nam Sào thì chết. Kiệt ở ngôi năm mươi mốt năm, nhà Hạ diệt vong.

Nhà Hạ gồm mười bảy chủ, trị vì tổng cộng bốn trăm ba mươi hai năm, thiên hạ quay về nhà Thương (Sử ký ghi là bốn trăm bảy mươi tám năm).

Theo Chu Lễ, từ Nghiêu về trước chưa có quận huyện. Vua Thuấn tuần thú ngũ Nhạc mới thấy có tên châu. Thượng thư Vũ Cống đến nay mới đặt ra châu. Thời Xuân Thu, huyện lớn, quận nhỏ, quận thuộc về huyện. Từ Hán Cao đến nay, cho huyện thuộc về quận. Sử sách ghi rõ: "Vũ đi khắp chín châu, Tần thôn tín trăm quận".

NHÀ THƯƠNG:

Đế Thang, Ngoại Bích, Trọng Nhâm, Thái Giáp, Ốc Đinh, Đại Canh, Tiểu Giáp, Ung Ty, Thái Đức, Trọng Đinh, Ngoại Nhâm, Hà Đản Giáp, Ất Tổ, Tổ Tân, Ốc Giáp, Tổ Đinh, Nam Canh, Dương Giáp, Bàn Canh, Tiểu Tân, Tiểu Ất, Vũ Đinh, Tổ Canh, Tổ Giáp, Lẫm Tân, Canh Đinh, Vũ Ất, Thái Đinh, Đế Ất, Thọ Tân (trụ).

Đế Thang: Hậu duệ của Hoàng Đế. Hồi ấy thứ phi của Đề Khốc là bà Giản Địch thấy trứng chim đen rơi bèn nhặt lấy nuốt vào và sinh ra ông Khế. Ông Khế thờ Đường Ngu là chức Tư Đồ, có công dạy dân, được phong ở đất Thương, ban họ là Tử thị, ông Khế sinh Chiêu Minh, Chiêu Minh sinh Tương Thổ, tương Thổ sinh Xương Nhược, Xương Nhược sinh Tào Ngữ, Tào Ngữ sinh Ông Minh, Minh sinh ông Chấn, Chấn sinh ông Vi, Vi sinh Báo Đinh, Báo Đinh sinh Báo Ất, Báo Ất sinh Báo Nính, Báo Bính sinh Chủ Nhâm, Chủ Nhâm sinh Chủ Quý, Chủ Quý sinh Thiên Ất, đó là Thành Thang. Ông làm Hạ Phương Bá, Cát Bá không tế tự chăm lo dân, Thang mới chinh phạt Bá. Bấy giờ Y Doãn cày ruộng ở Hữu Tân, Thang sai người đem vàng lụa đến mời ông, nhân đó Doãn bảo Thang đánh nhà Hạ để cứu dân. Thang tiến cử Y Doãn với Kiệt, Kiệt không dùng, Y Doãn về lại với Thang. Bề tôi giỏi của Kiệt là Phí Xương cũng về với Thang.

Thành Thang đi đường gặp người giăng kín lưới bốn mặt, ông mở hết ba mặt rồi khấn rằng: "Đức ông Thang thương đến loài cầm thú". Bởi vậy hơn bốn mươi nước quy phục ông Thang. Kiệt làm bạc nhược muôn dân, Y Doãn làm tướng cùng Thang đánh Kiệt. Phí Xương làm quan ngự đánh Kiệt ở Minh Điều, quân Kiệt thua to. Chư hầu cùng hội họp, Thang nhường ngôi cho chư hầu và nói: Chỉ có người có đạo trong thiên hạ mới ngồi vị thí này, mới trị nước an dân. Ông nhường ba lần, chư hầu đều suy cử ông, cuối cùng ông Thang lên ngôi Thiên Tử. Vương Hải Đức đóng đô ở đất Bạc (nay là huyện Yển Sư, Hà Nam). Ông trừ vua Kiệt bạo ngược. Dùng đức trị dân, dân vui mừng, xa gần đều quy phục. Ông đổi Chánh Sóc, tứ nhà Hạ về trước đếu lấy tháng Dần làm tháng giêng. Vua Thang thay đổi luật này, ông lấy tháng Sửu làm tháng giêng, mười hai tấc là một thước, chuộng màu trắng, vật cúng tế đều dùng màu trắng, lấy màu trắng làm huy hiệu, đội mũ cao, mặc lụa the, đặt ra hai tướng, cho Y Doãn và Trọng Hủy giữ chức. Ông làm Nhạc lấy tên là Đại Hộ, ở ngôi mười ba năm, thọ một trăm tuổi. Thái tử Thái Đinh mất sớm, con thứ là Ngoại Bính lên nối ngôi.

Ngoại Bính: Con thứ của ông Thang. Ở ngôi hai năm.

(Ở sử khảo cứu Y Doãn sinh ở Không Tang, nay Biện Lương lộ, Trần Lưu còn thành cũ Không Tang).

Trọng Nhâm: Em Ngoại Bính, ở ngôi bốn năm.

Thái Giáp: Con của Thái tử Thái Đinh. Sau khi lên ngôi, Giáp u mê thiếu đức, làm đảo lộn phép tắc vua Thang, Y Doãn phóng thích ông ở Đồng Cung để hối lỗi. Y Doãn nhiếp chính, lo liệu mọi việc, tiếp đãi chư hầu. Giáp ở Đồng Cung ba năm biết ăn năn, tu nhân tích đức. Y Doãn mang áo bào đến đón ông về lại đất Bạc. Giáp càng tu đức, chư hầu đều theo về. Ông chăm lo muôn dân, không dám coi thường kẻ lớn người nhỏ, ông có hiệu là Thái Tông, ở ngôi ba mươi ba năm.

Ốc Đinh: Con Thái Giáp, ở ngôi hai mươi chín năm.

Thái Canh: Em Ốc Đinh, ở ngôi hai mươi lăm năm.

Tiểu Giáp: Con Thái Canh, ở ngôi ba mươi sáu năm.

Ung Tỵ: Em Tiểu Giáp, đạo nhà Thương suy, chư hầu có nước không quy phục, ông ở ngôi mười bốn năm.

Thái Tuất: Em Ung Tỵ, cử Y Trắc làm Tể tướng, đất Bạc lại có Tường Tang Cốc sinh ra buổi sáng đến chiều đã cao to, Thái Tuất hỏi Y Trắc, Trắc đáp: Yêu mị không thắng người có đức. Chánh sự của nhà vua có điểm khiếm khuyết chăng? Bấy giờ Thái Tuất chỉnh đốn lại chính sự của tiên vương, làm sáng tỏ cái đạo nuôi dưỡng người già, sớm tối thăm hỏi, thăm bệnh điếu tang, ba ngày sau Tường Tang Cốc khô chết. Ba năm sau, khắp nơi tụ về lại, cả thảy bảy mươi sáu nước. Có những bề tôi giỏi như Vu Hàm, Thần Hổ cùng phụ chánh, đạo nhà Thương khôi phục trở lại. Ông có hiệu là Trung Tông, ở ngôi bảy mươi lăm năm.

Trọng Đinh: Con Thái Tuất, kinh đô đất Bạc bị nạn do sông rạch nên ông dời đô về đất Hiêu. Lam Di nổi loạn, Trọng Đinh chinh phạt, ông ở ngôi mười hai năm.

(Hiêu Lâm là Ngao vốn là tên núi, còn gọi là Thương. Ngao Thương nằm ở Biện Hương lộ, Trịnh châu, Hồng Cẩu).

Ngoại Nhân: Em Trọng Đinh, ở ngôi năm.

Hà Đản Giáp: Em Ngoại Nhân, đất Hiêu bị nạn sông ngòi, ông dời đô về đất Tương, ở ngôi mười năm, nhà Thương lại suy.

(Tương thuộc Hà Đông, Sơn Tây đạo, Chương Đức lộ. Xưa là tên quận của Tương châu. Ở huyện Nội Hoàng, Cối châu, Đại Danh lộ, Ký châu có thành do Hà Đản Giáp xây, nó nằm giữa Đại Danh Châu và Sung Ký châu).

Tổ Ất: Con của Hà Đản Giáp. Tương châu bị nạn sông ngòi, ông

dời đô về đất Cảnh, đạo nhà Thương lại hưng, ông ở ngôi mười chín năm. Đất nam nay thuộc cký vực, Cổ Bồ châu, Hà Trung phủ, Tấn Ninh lộ.

Tổ Tân: Con Tổ Ất, ở ngôi mười sáu năm.

Ốc Giáp: Em Tổ Tân, ở ngôi hai mươi năm.

Tổ Đinh: Con Tổ Tân, ở ngôi ba mươi mốt năm.

Nam Canh: Con Ốc Giáp, ở ngôi hai mươi chín năm.

Dương Giáp: Em Nam Canh, từ Trọng Đinh đến nay, con và em giành ngôi, chín châu loạn, chư hầu không triều kiến, nhà Thương lại suy, ông ở ngôi tám năm.

Bàn Canh: Em Dương Giáp, đạo nhà Thương suy vong, lại gặp phải nạn sông ngòi, ông dời đô về lại đất Bạc, thần dân oán vì dời đô. Bàn Canh viết thư cáo dụ họ, thực hành chánh trị của vua Thang, đạo nhà Thương hưng lại, ông ở ngôi hai mươi chín năm, đổi quốc hiệu Thương thành nhà Ân.

Tiểu Tân: Em Bàn Canh, đạo Ân lại suy, ở ngôi hai mươi hai năm.

Tiểu Ất: Em Tiểu Tân, lúc còn làm Thái tử, biết rõ nổi gian nan của muôn dân, ông ở ngôi hai mươi mốt năm.

Vũ Đinh: Con của Tiểu Ất, để tang ba năm chẳng nói, mộng thấy Thượng đế bưng cho bát cháo ngon, ông bèn vẽ hình rồi tìm khắp trong thiên hạ, tìm được Phó Thuyết ở bản Trúc, phong Thuyết là Tể tướng, sáu nước man di tóc dài đến triều cống, sửa sang chánh sự ngót ba năm, từ đó phong tục dần dần giống dân Định Vũ. Quỷ Phương vô đạo, ông chinh phạt, ba năm mới diệt được, đạo nhà Ân lại thịnh, ông có hiệu là Cao Tông, ở ngôi năm mươi chín năm.

Quỷ Phương: Tức Khất Đan, là giống người ở Tiên Ty, Tiên Ty là tên một nước ở rợ Địch phía Bắc, ở phía Nam Hoàng Thủy, phía Bắc Hoàng Giang. Ở Tần Hán thì gọi là Hung nô, đời Tùy Đường thì gọi là Độc Quyết, nhà Hạ thì gọi là Huân Chúc, nhà Thương thì gọi là Quỷ Phương, nhà Chu thì gọi là Hiểm Duẫn.

Tổ Canh: Con Vũ Đinh, ở ngôi mười bảy năm.

Tổ Giáp: Em Tổ Canh, nhà Ân lại suy, ở ngôi mười bảy năm.

Lẫm Tân: Con thứ Tổ Giáp, ở ngôi sáu năm.

Canh Đinh: Con thứ Tổ Giáp, ở ngôi hai mươi ba năm.

Vũ Ất: Con của Canh Đinh, lúc này sợ phía Đông lớn mạnh chia sông phân núi, ông ở ngôi năm, ông đi săn ở Hà Vị bị sét đánh chết. Ông đời đô về Triều ca, nay là Ký Vực, Vệ Huy lộ, Sơn Tây.

Thái Đinh: Con Vũ Ất, ở ngôi mười bốn năm. Lúc này Chu Công Quý đánh và tiêu diệt rợ Nhung rợ Khương, Thái Đinh sai Công Quý là Mục sư, ông này là Vương Quý, tổ nhà Chu.

Đế Ất: Con Thái Đinh, nhà Ân càng suy, ở ngôi bốn mười bảy năm. Thiếp của Đế Ất có con, con trưởng là Vi Tử Khải, con thứ là Trung Diễn, con út là Thọ Đức Trụ. Mẹ Trụ là Hoàng hậu, lúc này Trụ còn nhỏ, Đế Ất và hậu muốn lập Khải làm Thái tử, Thái sư dựa vào phép tắc cãi lại rằng: “Vợ chánh có con thì không thể lập con vợ thứ”. Do đó mà lập Trụ.

Thọ Đức: Tức Trụ, có tên là Tân, con của Đế Ất, đóng đô ở Triều Ca, nhà Hán gọi là Ân Đô, nằm ở Mục Giả, nay là Ký châu, Vệ Huy lộ, Sơn Tây. Trụ đánh Hữu Tô thị, bắt được con gái họ này là Đát Kỷ, Trụ rất sủng ái, Kỷ nói gì ông đều nghe theo. Tỷ Can can gián bị Trụ giết. Trụ bắt đầu làm ra đũa ngà voi. Ky Tử than: “Ông ấy làm đũa ngà voi, tức không nhiều bằng đồ nung, rồi sẽ làm ly bằng ngọc, bằng sừng tê giác. Ly ngọc, đũa ngà tức không nhiều như cỏ thục, cỏ hoắc, áo quần ngắn cũng sẽ bị bỏ nơi nhà tranh, như vậy phải là áo gấm mới hợp nơi nhà rộng, đài cao cửu trùng, tìm khắp trong thiên hạ không đủ, châu báu khắp nơi sẽ được ngựa xe chở tới, từ đó ta sợ mình cũng sẽ chết”. Trụ dùng Chu Hầu Xương, và Cửu Hầu, Ngạc Hầu làm Tam công. Cửu Hầu dâng con gái cho Trụ, do thất lễ nên Trụ không ưa và giết rồi muối mắm gởi cho Cửu Hầu. Ngạc Hầu tranh giành, cuối cùng bị giết. Chu Hầu nghe, oán trách Trụ. Sùng Hầu Hổ đem việc này gièm pha với Trụ, Trụ cầm tù Chu Hầu Xương ở Dữu Ký. Hoành Yểu, Tán Nghi sinh lo sợ, liền đem gái đẹp của họ Hữu Tân, ngựa lạ của Ly Nhung, ngựa tứ của Hữu Hùng cùng vô số châu ngọc khác, thông qua Phí Trọng để dâng cho Trụ. Trụ rất ưng ý xá tội Xương, trao Xương chức Tây Bá, ban cho cung tên, búa Việt, sai Tây Bá thay mình chinh phạt. Tây Bá thực hành chính sách khoan dung, chư hầu đều theo về Xương. Nhận chức tây Bá chín năm thì mất. Hai năm sau, con của Xương là Phát hội họp chư hầu ở Mạnh Tân để đánh Trụ. Trụ thua trận, liền lên Lộc Đài, ôm châu ngọc, áo quần nhảy vào hầm lửa tự tử. Trụ ở ngôi ba mươi bốn năm, nhà Ân diệt vong.

Nhà Thương gồm ba mươi chủ, trị vì tổng cộng sáu trăm hai mươi tám năm, thiên hạ quy phục nhà Chu.

NHÀ CHU:

Lưu Thứ Châu Ngoại Kỷ ghi: Tiên Tổ của Văn Vương Vũ Vương là Hậu Đắc, tên là Khí. Mẹ ông là con gái họ Thai, tên là Khương Nguyên làm nguyên phi của Đế Khốc. Bà đạp phải dấu chân người khổng lồ nhân đó có thai và sinh ra ông. Vì cho là điềm lành nên bà đem con bỏ trong hẻm núi, nhưng trâu ngựa chẳng đạp chết mà tha bỏ vào rừng. Rồi nhiều người dời ông, có người thả ông trong kênh, chim bay đến dùng cánh che chở ông. Khương Nguyên cho đó là thần, bèn nhận về nuôi dưỡng. Do ông bị bỏ rơi nên bà đặt tên là Khí. Ông thích nghề nông, ưa trồng trọt, dân thấy đều làm theo. Đế Nghiêu biết được, cử ông làm Nông sư, thiên hạ ấm no, ông có công được phong ở đất Thai, hiệu là Hậu Tắc, có họ khác là họ Cơ. Hậu tắc mất, bất Truất nối ngôi, Bất Truất mất, Cúc nối ngôi. Cúc mất, Công Lưu nối ngôi. Công Lưu tuy ở trong xứ Nhung Địch nhưng lại tu chỉnh cơ nghiệp Hậu Tắc, trăm họ đều hân mộ về với ông, được ông che chở, đạo nhà Chu hưng thịnh thật ra từ đó. Hồi ay, Công Lưu mất, con là Khánh tiết lập quốc ở đất Bân (nay là Phật châu, Thiểm Tây). Khánh Tiết mất, con là Hoàng Bộc nối ngôi. Hoàng Bộc mất, con là Khương Phất nối ngôi. Khương Phất mất, con là Hủy Du nối ngôi. Hủy Dumất, con là Công Phi nối ngôi. Công Phi mất, con là Cao Ngữ nối ngôi. Cao Ngữ mất, Á Ngữ nối ngôi, Á Ngữ mất, con là Công Thúc Tổ nối ngôi. Công Thúc Tổ con là Cổ Công Đản Phụ nối ngôi. Cổ Công Đản Phụ lại tu chỉnh cơ nghiệp của Hậu Tắc, Công Lưu. Ông tích đức làm việc nghĩa, cả nước đều ủng hộ ông. Huân Chúc, Nhung Địch đánh, Cổ Công bỏ đất Bân, vượt sông Tất đến Lương Sơn, dừng dưới chân núi Kỳ Sơn (đó là Phù Phong, nay là Phong Tường phủ, Thiểm Tây). Già trẻ đất Bân đều kéo hết về với Cổ Công, ở dưới chân núi. (Hoàng Phủ Thụy nói: Dựng ấp ở đất Chu, nên mới đổi quốc hiệu là Chu).

Con trưởng của Cổ Công là Thái Bá, con thứ là Ngu Trọng, bà phi Đại Khương sinh con út là Quý Lịch. Quý Lịch lấy Thái Nhậm, Thái Nhậm là người đức hạnh, tài giỏi. Thái Nhậm sinh con là Xương. Xương sinh ra có điềm lành, Thái Bá, Ngu Trọng biết Cổ Công muốn lập Quý Lịch để truyền cho Xương, nên hai người trốn đếm Kinh Man, vẽ thân cắt tóc để nhường ngôi cho Quý Lịch. Cổ Công mất, con là Quý Lịch lên ngôi. Quý Lịch chuộng nhân nghĩa, chư hầu đều quy phục. Vương quý mất, con là Xương nối ngôi (Tây Bá).

Tây Bá Xương (Văn Xương), Vũ Vương, Thành Vương, Khang Vương, Chiêu Vương, Mục Vương, Can Vương, U Vương, Bình Vương,

Hoàn Vương, Trang Vương, Hy Vương, Huệ Vương, Tương Vương, Khoảnh Vương, Khuôn Vương, Định Vương, Giản Vương, Linh Vương, Cảnh Vương (Diệu Vương), Kính Vương, Nguyên Vương, Trịnh Định Vương (Lương Sinh Tư Vương), Khảo Vương, Uy Liệt Vương, An Vương, Liệt Vương, Hiển Vương, Thận Tịnh Vương, Noãn Vương.

Văn Vương: Họ Cơ tên Xương, nhận mệnh nhà Ân nhận chức Tây Bá, được chín năm thì mất, thọ chín mươi bảy tuổi, hậu duệ của Cao Tân thị Bá Di, Thúc Tề con của Cô Trúc quân, nhường ngôi, không làm quan, nghe Tây Bá là người thích nuôi dưỡng người già nên hai ông theo về. Những người như: Thái Điên, Hoành Yểu, Tán Nghi Sinh, Chúc Tử, Tân Giáp cũng đều theo về. Lúc này, Lã Vọng ngoài tám mươi tuổi, ngồi câu cá ở sông Vị, Tây Bá đi săn, đón ông về làm Thái Công. Ngu Nhuế tranh giành ruộng đất với Tây Bá. Tây Bá vào, gặp người cày ruộng thì nhường bờ, gặp người đi đường thì nhường lối, Nhuế hổ thẹn rút lui, đem hết đất ruộng giành được nhường hết cho Tây Bá. Chư hầu ở Hán Nam nghe vậy, kéo đến quy phục hơn bốn mươi nước. Tây Bá mất, con là Phát lên nối ngôi.

Nước Cô Trúc quân, nay thuộc Liêu Tây, Tức Triều Tiên nơi mà nhà Chu phong cho Ky Tử, thuộc Cổ Túc Thận, Lệ Liêu Dương tỉnh.

Vũ Vương: Tên là Phát, con của Tây Bá Xương. Sau khi lên ngôi, Tôn Thái công Vọng làm Thầy, em là Chu Công Đán làm phụ chánh. Triệu Công Thích, Tất Công làm Tả hữu Đông Quán. Vũ Vương họp binh ở Mạnh Tân (nay là Hoài Mạnh lộ, Mạnh châu), có đến tám trăm chư hầu không hẹn mà đến, họ đều nói: “Trụ thật đáng đánh”. Vũ Vương nói: “Chưa được!” và đem binh về. Hai năm sau, Trụ càng bạo ngược, giết Vương Tử Tỷ Can, cầm tù Ky Tử. Anh của Trụ là Vi Tử ôm của cải chạy về nhà Chu. Bấy giờ Vũ Vương báo khắp chư hầu rằng; Ân có tội nặng không thể không đánh. Và ông đem quân về Đông đánh Trụ. Tháng mười hai mậu ngọ, ba quân đều vượt Mạnh Tân, chư hầu đều hội họp ở Trần Sư, Mục Dã (tức kinh đô của Trụ, nay là Hà Đông, Sơn Tây đạo, Vệ Huy lộ). Trụ phát bảy mươi vạn dân binh đánh lại Vũ vương. Binh lính vất giáo không đánh, hàng ngũ tan rã. Trụ liền chạy lên Lộc Đài, ôm châu ngọc nhảy vào lửa tự sát. Vũ vương chặt đầu Trụ treo trên cờ Đại Bạch. Bấy giờ chư hầu đều suy tôn Vũ Vương là Thiên Tử. Năm Kỷ mão tức Vũ Vương năm đầu, dẹp yên nhà Ân, sai em là Quản Thúc Tiên, Sái Thúc Độ cùng con của Trụ là Vũ Canh cai trị số dân còn lại của nhà Ân. Sai Triệu Công Thích tha Ky Tử, Tất Công thả trăm họ bị cầm tù, để biểu lộ sự khoan dung. Sai Nam Cung Quát phân

tán hết của cải ở Lộc Đài, phát lúa gạo ở Cự Kiều (nay là Quảng Bình lộ) để cứu giúp dân nghèo, kẻ yếu đuối, nô lệ. Sai Hoành Yểu phong mộ cho Tỷ Can (ở Vệ Huy lộ, Dung Thành), sai Tông Chúc khoản đãi, tế tự ba quân, rồi Vũ Vương bãi binh về Tây. Vũ Vương nhớ nghĩ công lao của Tiên Thánh, nên tán dương và phong con cháu Thần Nông ở đất Tiêu, phong con cháu Hoàng Đế ở đất Chúc, phong con cháu đế nghiêu ở đất Tô (Lệ, U châu). Phong con cháu đế Thuấn ở đất Trần, phong con cháu Đại Vũ ở đất Kỷ, phong tước cho công thần, mưu sĩ. Phong thượng phụ ở Doanh Khâu đó là đất Tề, phong Chu Công ở Khúc Phụ, đó là Lỗ; phong Triệu Công ở đất Tô đó là Bắc Yên, phong Tất Công Cao ở đất Tất, phong em là Thúc Tiên ở đất Quản, Thúc Độ ở đất Sái; Thúc Chấn Đạt ở Tàu; Thúc Vũ ở đất Thành, Thúc Sử ở đất Hoắc; Khang Thúc ở đất Vệ; Nhiễm, Quý Tái đều còn nhỏ chưa được phong. Vũ vương lập ra bảy mươi mốt nước, phong nước cho anh em gồm mười lăm người, họ Cơ là bốn mươi người, đổi chánh Sóc. Lấy tháng Tý làm tháng giêng, chuộng màu xanh, mặc áo đội mũ miệng. Vương Mộc Đức đóng đô ở đất Cảo, Vũ Vương hỏi Ky Tử, theo đạo trời làm ra Hồng Phạm (tên thiên của sách Thượng thư), phong Ky Tử ở Triều Tiên, nhưng Ky Tử không chịu làm bề tôi. Những người còn lại theo năm thứ tự đều được phong. Vũ Vương yên định ở Lạc Ấp, thả ngựa lên núi Hoa Sơn, thả trâu xuống đồng Đào Lâm (Hà Nam phủ lộ, Thiểm Tây ngày nay). Xếp giáo cất gươm, giải tán binh mã. Hai năm sau, Vũ Vương bệnh nặng, Chu công lập đàn, cáo với Thái Vương, Vương Quý, Văn Vương xin chết thay Vũ Vương. Vũ Vương dời đô về đất Cao, miếu Văn Vương ở tại đất Phong (nay là An Tây, Thiểm Tây lộ). Vũ Vương làm nhạc lấy tên là Đại Vũ, ông ở ngôi bảy năm, thọ chín mươi ba tuổi.

Hồi ấy vua Thuấn mở ra mười hai châu, phía Nam và Bắc của Ký Châu quá rộng nên chia phần đất phía Bắc của nước Yên là U châu. Nhà Hạ nhà Ân gom U châu vào Ký châu. Chu Tương Vương năm hai mươi tám, Bắc Yên Bá Triêu Tấn xưng Bắc yên và từ đó có Nam Yên. Con cháu vua Nghiêu ở Bắc Yên, họ Cơ ở Bắc yên là con cháu Triệu Công, họ Cật ở Nam Yên là con cháu bà phi của Hậu Tắc.

Kinh Thi: đầu tiên, vua Trụ nhà Ân sai Tây Bá Xương cai quản các nước phía Nam, chư hầu ở Giang Hán, Nhữ Bàng lập ấp ở đất Phong. Tây Bá sai Kỳ lập bang ở đất của Chu Triệu, đó là vùng đất trù phú của Chu Công Đán và Triệu Công Thích. Đến khi Vũ Vương bình định thiên hạ, ông đi tuần thú, rồi ghi chép hết những thứ thơ văn của chư hầu để xem phongtục của muôn dân. Ông cảm nhận được cái đức của

Chu Công, Triệu Công dạy dân rất hay, nên dặn dò Thái sư hãy chia đất và lập nước cho hai người. Đó là Chu Nam quốc phong và Triệu nam quốc phong. Chu Công làm nhạc, sử dụng trong xóm làng rồi rộng ra đến cả nước.

Trong thời Văn Vương, Kinh Thi có ba mươi sáu thiên.

Chu Nam: Có mười một thiên: Quan Tuy, Cát Đàm, Quyển Nhĩ, Cù Mộc, Chung Tư, Đáo Yểu, Thố Trí, Phù Dĩ, Hán Quãng, Nhữ Phần, Lân Chi Chỉ.

Thiệu Nam: có mười hai thiên: Thước Sào. Thái Phồn, Thảo Trùng, Thái Tần, Hành Lộ, Cao Dương, Ân Kỳ Lôi, Tiêu Hữu Mai, Tiểu Tinh, Gianh Hữu Phiếm, Dã Hữu Tử, Khuân Sô Ngu.

Tiểu Nhã: Có tám thiên: Lộc Minh, Tứ MẪu, Hoàng Hoàng Gải, Hoa Phạt, Thủy Thiên Bảo, Thái Vi, Xuất Xa, Xoa Đỗ.

Đại Nhã: có năm thiên: Vực Bốc, Tư Tề, Hoàng Hỷ, Linh Đài, Hạn Lộc.

Thời Vũ Vương, kinh Thi có sáu thiên:

Thiệu Nam: có hai thiên: Can Đường, Hà Bỉ Nùng Hỉ.

Tiểu Nhả: có bốn thiên: Ngư Lệ, Nam Cai, Bạch Hoa, Hoa Thử.

Tụng: có bốn thiên: Thờ Mại, Hoàn, Lãi, Ban.

Nước trần: Hồ Công Mãn là hậu duệ của Đế Thuấn, cháu của Ngu Mạc, con Át Phụ. Vũ Vương diệt nhà Ân đem Nguyên Nữ Thái Cơ gả cho ông và phong ông ở đất Trần, ban cho họ Quy, đó là Quy Đản. Nước Trần (nay là Biện Lương lộ, Trần châu) từ Mãn đến năm đời sau là Thận Công không tra cứu niên đại được. Con của Thận Công Ngữ Thành là U Công lên ngôi sau đó có ghi niên đại. Nước Trần gồm hai mươi bốn vua, trị vì tổng cộng sáu trăm bốn mươi lăm năm, bắt đầu từ Vũ Vương năm đầu Kỷ Mão, kết thúc năm Kính Vương bốn mươi hai, Quý Hợi.

Chu: Cộng Hòa năm đầu. Trần: U Công Ninh năm thứ 14	Cộng hòa năm thứ 11 Hy Công Hiếu năm đầu	Tuyên Vương năm thứ 33 Võ Công Linh năm đầu
U Vương năm thứ Di Công Thuyết năm đầu	U Vương năm thứ 5 Bình Công Tiếp năm đầu.	Bình Vương năm thứ 17 Văn Công Ngữ năm đầu

Bình Vương năm thứ 23 Hoàn Công Bào năm đầu	Hoàn Vương năm thứ 14 Lệ Công Đà năm đầu	Hoàn Vương năm năm thứ 24 Lợi Công năm đầu, Trang Công năm đầu
Trang Vương năm thứ 5 Tuyên Công Xử Cửu năm đầu	Tương Vương năm thứ 5 Mục Công Ai năm đầu	Tương Vương năm, năm thứ 21 Cung Công Sóc năm đầu
Khoảnh Vương năm thứ 6 Linh Công Bình Quốc năm đầu	Định Vương năm thứ 9 Thành Công Ngô năm đầu	Linh Vương năm thứ 4 Ai Công Nhược năm đầu
Cảnh Vương năm thứ 36 Tuệ Công Ngô năm đầu	Kính Vương năm thứ 15 Hoài Công Liễu năm đầu	Kính Vương năm thứ 19 Mẫn Công Việt năm đầu
Kính Vương năm thứ 42 Trần bị Sở diệt		

NƯỚC TỀ:

Thái Công Vọng sinh ở Ký châu, tiên tổ vốn là con cháu Thần Nông thị, từng làm Tứ Nhạc Bá giúp vua Vũ trị thủy có công, được ban cho họ Khương, phong ở đất Lã. Đến Thái Công Vọng là thầy của Văn Vương, Vũ Vương, hiệu là Thượng Phụ, được phong ở Tề, lập đô ở Doanh Khâu (nay là Sơn (Đông, Ích Đô lộ, Cổ Thanh châu). Vũ Vương nói với Thái Công: “Ngũ Hầu, Cửu Bá ông đều được chinh phạt”. Từ đó nước Tề được mệnh danh là một nước chinh phạt hàng đầu. Từ Thượng Phụ đến đời năm thứ bảy là Hiến Công thì không tra cứu được niên đại. Con của Hiến Công là Vũ Công lên ngôi, lúc này mới ghi niên đại. Bắt đầu từ Vũ Vương năm đầu Kỷ Mão, đến An Vương năm năm thứ hai mươi ba Nhâm Dần. Khang Công mất ở Hải Thượng, nước rơi vào tay họ Điền. Tần Thủy Hoàng năm hai mươi sáu Canh Thìn, Vương Kiến hàng Tần. Nước Trần gồm ba mươi mốt chủ, trị vì bảy trăm bốn mươi

bốn năm.

Hồi ấy cháu mười một đời của Trần Kính Trọng tên là Hoàn chạy sang Tề vào năm Chu Huệ Vương năm thứ năm, đổi họ Trần thành họ Điền, đến đời năm thứ năm sinh ra Hoàn Tử, lúc này mới có tiếng tăm ở Tề. Ba đời sau, Thành Tử nắm được chánh sự của Tề. Điền Thường sinh Tương Tử Bàn, Bàn Sinh Trang Tử Bạch, Bạch sinh Thái Công Hòa, Hòa làm tướng nước Tề. Tề Khang công đam mê tửu sắc, không lo chánh sự. An Vương năm thứ mười một Điền Hòa đưa Khang Công về Hải Thượng cho giữ một thành để tế tự tiên tổ.

An Vương năm thứ mười ba, Điền Hòa gặp Nguỵ Văn Hầu, nước Sở, nước Vệ tại Trược Trạch xin làm chư hầu. Nguỵ Văn Hầu xin với vua và Chu hầu, vua đồng ý. Năm thứ mười sáu, vua sai Hòa làm Hầu. Năm năm thứ mười bảy, Hòa Mất, con là Hoàng Công Ngọ lên nối ngôi. Năm năm thứ hai mươi ba, Tề Khang Công mất ở Hải Thượng, Khang Công không có con, họ Điền thôn tính nước Tề, năm này Hoàn Công Ngọ cũng mất, con là Uy Vương Điền Tề lên ngôi, họ Điền sát nhập Tề vào những nước thời chiến Quốc.

Chu: Cộng Hòa năm đầu Vũ Công Thọ năm thứ 10	Tuyên Vương năm thứ 4 Lệ Công Vô Kỵ năm đầu	Tuyên Vương năm thứ 13 Văn Công Xích năm đầu
Tuyên Công năm thứ 25 Thành Công Thuyết năm đầu	Tuyên Vương năm thứ 34 Trang Công Cấu năm đầu	Bình Vương năm thứ 41 Hy Công Lộc Phụ năm đầu
Hoàn Vương năm thứ 23 Tương Công Chư Nhi năm đầu	Trang Vương năm năm thứ 12 Hoàn Công Tiểu Bạch năm đầu	Huệ Vương năm thứ 10 Tề được làm Hầu
Tương Vương năm thứ 10 Hiếu Công Chiêu năm đầu	Tương Vương năm năm thứ 12 Chiêu Công Phan năm đầu	Khuông Vương năm đầu Ý Công Thương Nhân năm đầu

Khuông Vương năm thứ 5 Tuệ Công Nguyên năm đầu	Định Vương năm thứ 9 Khoảnh Công Vô Dã năm đầu	Giản Vương năm thứ 5 Linh Công Hoàn năm đầu
Linh Vương năm thứ 19 Trang Công Quang năm đầu	Linh Vương năm thứ 25 Cảnh Công Xử Cửu năn đầu	Kính Vương năm thứ 31 Nhụ Tử Trà năm đầu
Kính Vương năm thứ 32 Điệu Công Dương Vị năm đầu	Kính Vương năm thứ 36 Giản Công Nhân năm đầu	Kính Vương năm thứ 40 Bình Công Vụ năm đầu
Trịnh Định Vương 14 Tuyên Công Tính năm đầu	Uy Liệt Vương năm thứ 22 Khang Công Thải năm đầu	An Vương năm thứ 11, Điền Hòa dời Khang Công về Hải Thượng
An Vương năm thứ 13 Điền Hòa xin làm chư hầu	An Vương năm thứ 16, Vương sai Thái công Điền Hào làm chư hầu	An Vương năm thứ 17, Hòa mất, Hoàn Công Ngọ năm đầu
An Vương năm thứ 24 Tề Uy Vương Điền Tề năm đầu	Hiển Vương năm thứ 37 Tuyên Vương năm đầu	Noãn Vương năm thứ 2 Mẫn Vương năm đầu
Noãn Vương năm thứ 32 Tương Vương Pháp Chương năm đầu.	Noãn Vương năm thứ 51 Vương kiến năm đầu	Tần Thủy Hoàng năm thứ 26 Vương kiến hàng Tần, đất nước bị diệt vong

Hiển Vương năm thứ bốn mươi ba, Tề Tuyên Vương tôn Mạnh Kha làm thượng Khanh. Noãn Vương năm thứ mười bảy, Tần xin Mạnh Thường Quân Điền Văn của Tề làm tướng, sau đó không dung mà cầm tù đến chết. Noãn Vương năm thứ hai mươi chín, Tề Mẫn vương diệt Tống, muốn thôn tính Đông Chu, Tây Chu rồi lên làm Thiên Tử. Yên Chiêu Vương bàn mưu đánh Tề, chư hầu sợ bản tính bạo ngược của Tề Vương nên tranh nhau cùng bàn mưu. Noãn Vương năm thứ ba mươi mốt, Yên Phong Nhạc Nghi là Thượng Tướng quân, cùng lính của Tần, Nhụy, Hàn, Triệu đánh Tề. Quân Tề thua to, Tề Vương chạy đến đất Cử, ở sai Náo Xỉ giết Tề Vương. Noãn Vương năm thứ ba mươi hai, Tề Vương chết, bề tôi là Vương Tôn, Giả Tương Dư lập con của Mẫn Vương là Pháp Chương lên ngôi, đó là Tương Vương. Bảo cử năm thứ ba mươi sáu Tề Điền Đan Hỏa Ngưu Khôi phục lại Tề. Thỉ Hoàng năm năm thứ hai mươi sáu, Tần đánh Tề, Tề Vương Kiến hàng Tần. Tần đưa Kiến về đất Cung bỏ đói đến chết. Họ Điền nước Tề trị vì một trăm tám mươi hai năm, cộng với lúc Thượng Phụ mới được phong thì cả thảy chín trăm hai mươi sáu năm.

Nước Lỗ: Chu Công Đán, con Văn Vương, em Vũ Vương, giúp Vũ Vương diệt nhà Ân, được phong ở đất Lỗ, đóng đô ở đất Phụ (nay là Sơn Đông, Tế Nam lộ, Duyện châu). Chu Công Lưu giúp Vũ Vương có công, con ông là Bá Cầm được chia đất phong nước, đến con Hiến Công là Thận Công Tỵ mới ghi chép niên đại. Bắt đầu từ Vũ Vương năm đầu Kỹ Mão, kết thúc vào Tần Hiếu Văn Vương năm đầu Tân Hợi, gồm ba mươi bốn vua, trị vì cả thảy tám trăm bảy mươi ba năm, sau bị Sở Khảo Liệt Vương diệt, giáng Khoảnh Công xuống làm gia nhân.

Chu: Cộng Hòa Năm đầu Thận Công Tỵ năm thứ 7	Tuyên Vương năm thứ 11 Vũ Công Ngao năm đầu	Tuyên Vương năm thứ 13 Y Công Hý năm đầu
Tuyên Vương năm năm thứ 22 Bá Ngự tự lập	Tuyên Vương năm thứ 33 Hiếu Công xứng năm đầu	Bình Vương năm thứ 3 Huệ Công Bất Hoàng năm đầu

Bình Vương năm thứ 49 Ẩn Công Tức Thỉ năm đầu	Hoàn Vương năm thứ 9. Hoàn Công Duẫn năm đầu	Trang Vương năm thứ 4. Trang Công Đồng năm đầu
Huệ Vương năm thứ 16 Mẫn Công Khai năm đầu	Huệ Vương năm năm thứ 18 Hy Công Giáp năm đầu	Tương Vương năm thứ 26 Văn Công Hưng năm đầu
Khuông Vương năm thứ 5. Tuyên Công Thỏa năm đầu	Định Vương năm thứ 17 Thành Công Hắc Quảng năm đầu	Giản Vương năm thứ 14 Tương Công Ngọ năm đầu
Cảnh Vương năm thứ 4 Chiêu Công Tự năm đầu	Kính Vương năm thứ 11 Định Công Tống năm đầu	Kính Vương năm thứ 26 Ai Công Tương năm đầu
Khảo Vương năm thứ 11 Nguyên Công Gia năm đầu	Uy Liệt Vương năm thứ 17 Mục Công Diễn năm đầu	An Vương năm thứ 26 Cung Công Phấn năm đầu
Hiển Vương năm thứ 15 Khang Công Mao năm đầu	Hiển Vương năm thứ 24 Cảnh Công Yển năm đầu	Thận Tĩnh Vương năm thứ 5 Bình Công Lữ năm đầu
Noãn Vương năm thứ 19 Mẫn Công Giá năm đầu	Noãn Vương năm thứ 42 Khoảnh Công năm đầu	Tần Hiếu Văn Vương năm đầu, Lỗ diệt vong.

TAM HOÀN:

Huệ Vương năm thứ mười bốn, Lỗ Trang Công lập thúc Tôn thị.

Huệ Vương năm thứ mười bảy, Lỗ Mẫn Công lập Mạnh Tôn thị

Huệ Vương năm thứ ba mươi, Lỗ Huy Công lập Quý Tôn thị.

Bắc Yên: Triệu Công thích: Em của Vũ Vương, Vũ vương diệt nhà Ân, phong ông ở Bắc Yên (Tô châu, Ký châu), lúc này từ đất Thiểm về phía Tây do Triệu Công cai quản. Ông xét đóan mọi việc, chăm lo muôn dân, ông mất muôn dân đều thương tiếc. Ông từng bàn việc dưới gốc cây Cam Đường, dân kính trọng ông không dám chặt cây ấy mà làm Cam Đường thi để ca ngợi ông. Triệu Công truyền xuống đời năm thứ chín thì không thể tra cứu niên đại. Huệ Hầu lên ngôi, sau đó mới ghi niên đại. Bắt đầu từ Vũ Vương năm đầu Kỷ Mão, đến Hiển Vương năm thứ ba mươi sáu thì sát nhập vào Chiến Quốc. Chu Cộng Hòa năm đầu tức Huệ Hầu năm đầu.

Tuyên Vương năm thứ 2 Hy Hầu năm đầu	Tuyên Vương năm năm thứ 28 Khoảnh Hầu năm đầu	Bình Vương năm thứ 5 Ai Hầu năm đầu
Bình Vương năm thứ 7 Cận Hầu năm đầu	Bình Vương năm thứ 43 Mục Hầu năm đầu	Hoàn Vương năm thứ 10 Tuyên Hầu năm đầu
Hoàn Vương năm thứ 23 Hoàn Hầu năm đầu	Trang Vương năm thứ 7 Trang Công năm đầu	Khoảnh Vương năm thứ 2 Trương Công năm đầu
Định Vương năm thứ 6 Tuyên Công năm đầu	Định Vương năm thứ 21 Chiêu Công năm đầu	Giản Vương năm thứ 12 Vũ Công năm đầu
Linh Vương năm năm thứ 18 Văn Công năm đầu	Linh Vương năm thứ 24 Y Công năm đầu	Cảnh Vương năm thứ 6 Tuệ Công năm đầu
Cảnh Vương năm thứ 10 Điệu Công năm đầu	Cảnh Vương năm thứ 17 Cung Công năm đầu	Cảnh Vương năm thứ 22 Bình Công năm đầu

Kính Vương năm thứ 16 Giản Công năm đầu	Kính Vương năm thứ 28 Hiến Công năm đầu	Trinh Định Vương năm thứ 5 Khảo Công năm đầu
Trinh Định Vương năm thứ 20 Thành Công năm đầu	Khảo vương năm thứ 8 Mẫn Công năm đầu	Liệt Vương năm thứ 4 Hy Công năm đầu
Liệt Vương năm thứ 7 Hoàn Công năm đầu	Hiển Vương năm thứ 8 Văn Công năm đầu	Hiển Vương năm thứ 34 Văn Công mất
Hiển Vương năm thứ 37 Dịch Vương năm đầu	Thận Tĩnh Vương năm đầu Khoái Vương năm đầu	Noãn Vương năm thứ 4 Chiêu Vương Bình năm đầu
Noãn Vương năm thứ 36 Huệ Vương năm đầu	Noãn Vương năm thứ 44 Vũ Thành Vương năm đầu	Noãn Vương năm thứ 59 Hiếu Vương năm đầu
Tần Chiêu Tương Vương năm thứ 53 Hỷ Vương năm đầu	Thỉ Hoàng năm thứ 25 Yên diệt vong	

Hiển Vương năm thứ ba mươi bốn, Yên Văn Công mất, trị vì tổng cộng bảy trăm chín mươi năm, tứ đó về sau sát nhập vào Chiến Quốc. Hiển Vương thứ bốn mươi sáu, Yên xưng vương. Noãn Vương năm thứ ba tức Yên Vương Khoái thứ mười. Khoái nhường nước cho tướng của mình là Tử Chi, bảo Chi là Vương, dân Yên đánh Tử Chi, nước đại loạn. Tề Vương đánh Yên, bắt Tử Chi đem muối, giết yên Vương Khoái, người nước Yên cùng lập Thái tử Bình lên ngôi, đó là Chiêu Vương. Chiêu Vương dựng đài, đặt ngàn lượng vàng lên đó để mưu cầu kẻ sĩ

trong thiên hạ. Lúc này Quách Quỷ mới ra ứng thí. Tần Thủy Hoàng năm năm thứ hai mươi lăm, Tần bắt sống Yên Vương Hy, đất nước diệt vong. Yên sát nhập vào Chiến Quốc. Nước Yên tồn tại cả thảy một trăm lẻ sáu năm, cộng với lúc mới được phong là tám trăm chín mươi sáu năm.

Nước Sái: Thúc Độ là con của Văn Vương, Vũ Vương phong cho ông và sai ông giúp Vũ Canh (con của Trụ Vương). Ông cùng Quả Thúc gièm pha làm loạn, Chu Công giúp Thành Vương, phóng thích Thúc Độ ở đất Quách Lân mong ông tu tỉnh, sau phong ông ở đất Sái. (nay là Biện Lương lộ, Nhữ Ninh có Cổ Sái châu và Dự châu). Từ Thúc Độ đến đời năm thứ năm là Lệ Hầu thì không thể tra cứu niên đại, đến con của Lệ Hầu là Vũ Hầu lên ngôi mới ghi niên đại. Bắt đầu từ Vũ Vương năm đầu Kỷ Mão, kết thúc vào Trinh Định Vương năm thứ hai mươi hai Giáp Ngọ, gồm hai mươi lăm đời vua, trị vì sáu trăm bảy mươi sáu năm, sau bị Sở Huệ Vương diệt.

Chu: Cộng Hòa năm đầu Vũ Hầu năm thứ 23	Cộng Hòa năm thứ 5 Định Hầu năm đầu	Tuyên Vương năm thứ 19 Hy Hầu Sở Sự năm đầu
Bình Vương năm thứ 10 Cung Hầu dư năm đầu	Bình Vương năm thứ 12 Đới Hầu năm đầu	Bình Vương năm thứ 22 Tuyên Hầu Khải Phụ năm đầu
Hoàn Vương năm thứ 6 Hoàn Hầu Phong Nhân năm đầu	Trang Vương năm thứ 3 Ai Hầu Hiến Vũ năm đầu	Huệ Vương năm thứ 3 Mục Hầu Phán năm đầu
Tương Vương năm thứ 7 Trang Vương Điền Ngưu năm đầu	Khuông Vương năm thứ 2 Văn Hầu Thân năm đầu	Định Vương năm thứ 16 Cảnh Hầu Đồng năm đầu
Cảnh Vương năm thứ 3 Tương Hầu Ban năm đầu	Cảnh Vương năm thứ 16 Bình Hầu Lô năm đầu	Cảnh Vương năm thứ 24 Điệu Hầu Đông Xỉ năm đầu

Kính Vương năm thứ 2 Chiêu Hầu Giáp năm đầu	Kính Vương năm thứ 30 Thành Hầu Sóc năm đầu	Trinh Định Vương Năm thứ 13 Thanh Hầu Sản năm đầu
Trinh Định Vương Năm thứ 17 Nguyên Hầu Tề năm đầu	Trinh Định Vương Năm thứ 22 Sái diệt vong	

Trang Vương năm thứ mười lăm, Sái Ai Hầu bị Sở bắt sống, ông ở Tại Sở chín năm thì chết.

Nước Tào: Thúc Chấn Đạt, con của Văn Vương, Vũ Vương phong ông ở đất Tào (Tế Ninh lộ, Tào châu). đến đời năm thứ năm là Hiếu Bá thì không thể tra cứu niên đại. Con Hiếu Bá là Di Bá lên ngôi, sau đó mới ghi. Bắt đầu từ Vũ Vương năm đầu Kỷ Mão, kết thúc năm Kính vương năm thứ ba mươi ba Giáp dần, gồm hai mươi lăm vua, trị vì tổng cộng sáu trăm ba mươi sáu năm, sau bị Tống Cảnh Công diệt.

Chu: Cộng Hòa Năm đầu Hy Bà Hỷ năm thứ 24	Cộng Hòa năm thứ 8 U Bá Cường năm đầu	Tuyên Vương năm thứ 3 Đới Bá Tô năm đầu
Tuyên Vương năm thứ 33 Huệ Bá năm đầu	Bình Vương năm năm thứ 12 Mục Công Vũ năm đầu	Bình Vương năm thứ 15 Hoàn Công Chung Sinh năm đầu
Hoàn Công năm thứ 19 Trang Công Xạ Cô năm đầu	Huệ Vương năm thứ 7 Hy Công Di năm đầu	Huệ Vương năm thứ 16 Chiêu Công Ban năm đầu
Huệ Vương năm thứ 25 Cung Công Tương năm đầu	Khoảnh Vương năm đầu Văn Công Thọ năm đầu	Định Vương năm thứ 13 Tuyên Công Lô năm đầu

Giản Vương năm thứ 9 Thành Công Phụ Sô năm đầu	Linh Vương năm năm thứ 18 Vũ Công Thắng năm đầu	Cảnh Vương năm năm thứ 18 Bình Công Tu năm đầu
Cảnh Vương năm thứ 22 Điệu Công Ngọ năm đầu	Kính Vương năm thứ 6 Thanh Công Dã năm đầu	Kính Vương năm thứ 11 Ẩn Công Thông năm đầu
Kính Vương năm thứ 15 Tĩnh Công Lộ năm đầu	Kính Vương năm thứ 19 Tào Bá Dương năm đầu	Kính Vương năm thứ 33 Nước Tào diệt vong.

NƯỚC NGÔ:

Là con cháu của Ngu Trọng em của Thái Bá. Hồi ấy Cổ Công Đản Phụ có ba người con, con trưởng là Thái Bá, con thứ là Ngu Trọng, con út là Quý Lịch (Vương Quý). Quý Lịch sinh ra ông Xương (Văn Xương), xương sinh ra có điềm lành, Thái Bá, Ngu Trọng biết Cổ Công muốn lập Quý Lịch để truyền cho Xương nên hai người trấn đến kinh Man, vẽ thân cắt tóc để nhường nước cho Quý Lịch, đó là Câu Ngô, hiện là Ngô Thái Bá. Thái Bá không có con, Ngu Trọng sinh ra Quý Giản, Giản sinh ra Thúc Đạt, Thúc Đạt sinh ra Chu Chương. Vũ Vương diệt nhà Ân bèn tìm con cháu của ông và gặp được Chu Chương lúc này đã làm vua nước Ngô (nay là Triết Tây đạo, Bình Nãi lộ, Dương châu). Đến đời năm thứ mười ba là Khứ Tề thì không thể tra cứu niên đại. Con của Khứ Tề là Thọ Mộng lên ngôi nước Ngô mới xưng vương và ghi niên đại.

Bắt đầu từ Vũ Vương năm đầu Kỷ Mão, kết thúc năm Nguyên Vương năm thứ ba Mậu Thìn, gồm hai mươi vua, trị vì tổng cộng sáu trăm năm mươi năm, sau bị Việt Vương Câu Tiễn diệt.

Chu: Giản Vương năm đầu Thọ Mộng năm đầu	Linh Vương năm thứ 11 Chu Phàn năm đầu	Linh Vương năm thứ 25 Dư Tế năm đầu

Cảnh Vương năm đầu Dư Muội năm đầu	Cảnh Vương năm thứ 19 Vương Liêu năm đầu	Kính Vương năm thứ 6 Hạp Lư Quang năm đầu
Kính Vương năm thứ 25 Phù Sai năm đầu	Nguyên Vương năm thứ 3 Nước bị Việt diệt	

Thọ Mộng (còn có tên là Thái), Chư Phàn (còn có tên là Ất), Dư Muội (còn có tên là Di Muội), Hạp Lư (còn có tên là Quang), Vương Liêu là con năm thứ ba của Thọ Mộng, con của Dư Muội là Châu Vu, hiệu là Vương Liêu bị Chuyên Chư giết. Thọ Mộng có ba người con, con trưởng là Chư Phàn, con thứ là Dư Tế, con út là Dư Muội. Hạp Lư là Con trưởng của Chư Phàn.

Thành Vương: Tên là Tụng, con của Vũ Vương, lên ngôi năm mười ba tuổi, Chu Công làm Tể tướng nhiếp chánh, năm đầu (Bính Tuất). Quản Thúc, Sái Thúc, Hoắc Thúc đều là con của Văn Vương, họ nói phao lên rằng, Chu Công sẽ là mối hại lớn của đứa cháu đích tôn (chỉ Thành Vương). Vũ Canh cũng hùa theo làm phản. Chu Công làm tờ cáo, phụng mệnh vua thảo phạt họ, phóng thích Sái Thúc ở Quách Lân, giáng Hoắc Thúc xuống làm dân thường, phía đông nhờ đó được yên. Năm thứ sáu, Chu Công làm nhạc lấy tên là Chước, ý nói hay tiếp nhận các đạo của tiên tổ. Lại làm nhạc lấy tên là Vũ, là muốn biểu dương Võ công của Vũ Vương. Đầu năm năm thứ bảy, Vũ Vương lập ấp ở Cảo Kinh, gọi là Tông Chu, đó là Tây Đô Tướng Doanh Thành Chu, dựng đô ở Lạc Ấp nhưng không có kết quả, đến Thành Vương thực hiện chí của Vũ Vương định đỉnh ở Giáp Nhục. Tháng hai, ông sai Triệu Công đi dựng nhà trước, tháng ba Chu Công đến Lạc Hưng khởi công đắp đất, đó là Vương Thành hay Đông Đô, phía nam tiếp giáp Lạc Thủy, phía Bắc kéo đến Giáp sơn. Chu Công lại dựng thành Chu, Thành vương ở Lạc Ấp, dời số dân thừa của nhà Ân về Thành Chu, sau lại về Tây Đô. Tháng mười hai, Chu Công giao lại chánh sự cho Thành Vương. Thành vương ở ngôi ba mươi bảy năm, trong đó Chu Công nhiếp chánh bảy năm.

Thực Hóa (tiền tệ trao đổi): Trong thời Ngu, Hạ, Thương tiền tệ

có ba lọai, hoặc màu vàng, hoặc màu trắng, hoặc màu đỏ, hoặc dùng tiền, hoặc dùng vải, hoặc dùng đao, hoặc dùng mai rùa. Đến Thái Công Vọng mới lập ra Cửu Phủ Viên pháp, tiền tròn ở giữa vuông, nặng nhẹ khác nhau. Vải lụa rộng hai thước hai tất là một bức, dài bốn trượng là một thất (tấm), bởi vậy hàng hóa quý như vàng, bén như dao, lưu thông như suối, rộng khắp như vải, bó lại như lụa.

Thi: Thời Thành Vương, Nhã và Tụng gồm năm mươi thiên.

Tiểu Nhã: có mười thiên: Đường Lệ, Sùng Khâu, Do Cạnh, Nam Sơn, Hữu Đài, Tinh Tinh Giả Nga, Đồng Cung, Liêu Tiêu, Trạm Lộ, Nam Hữu, Gia Ngư, Do Nghi.

Đại Nhã: có mười ba thiên: Văn Vương, Đại Minh, Miêu Hạ, Vũ Sinh Dân, Hành Vi, Văn Vương, Hữu Thanh, Ký Túy, Phù Ê, Ban Nhạc, Công Lưu, Đổng Chước, Quyển A.

Tụng: có hai mươi bảy thiên: Thanh Miếu, Duy Thanh, Liệt Văn, Thiên Tác, Ngã Tướng, Chấp Cạnh, Tư Văn, Thần Công, Y Hy, Chấn Lộ, Phong Niên, Hữu Cổ, Tải Kiến, Hữu Khách, Phỏng Lạc, Kính Chi, Tiểu Bí, Tải Sam, Lương Cử, Ty Y, Mẩn Dư, Tiểu Tử, Hạo Thiên, Hữu Thành Mệnh, Duy Thiên Chi Mệnh, Tiềm Ung, Vũ Chước.

Bân Quốc Phong: Chu Công ở phía Đông nhớ đến Công Lưu ở nước Bân lo lắng dân tình nên ông ghi lại chí của mình trong Bân Quốc Biến Phong làm thành bảy thiên gồm: Thất Ngoạt, Si Hào, Đông Sơn, Phá Phủ, Phạt Kha, Cửu Vực, Lang Bạt.

NƯỚC TẤN:

Thúc Ngu là em của Văn Vương. Lúc năm tuổi, Văn Vương vót lá cây đồng làm ngọc khuê và nói đùa: “Ta dùng cái này phong cho mày”. Sử Dật nghe vậy xin chọn ngày để phong, Văn Vương nói: “Ta chỉ nói đùa với nó thôi”. Sữ Dật nói: “Thiên Tử không có nói chơi!”. Chu Công đành phải làm theo, phong Thúc Ngu ở thành cũ của vua Nghiêu, đó là Đường Hầu, đóng đô ở đất Dực. Con Thúc Ngu là Tiếp đổi Đường thành Tấn. Đóng đô ở huyện Bình tấn (nay là Dực Ninh lộ, tức Đại Nguyên lộ, xưa là Tinh châu, nay là Ký châu).

Đến Chiêu Hầu phong em của Văn Hầu là Thành Sư ở Khúc Ốc, lấy hiệu là Hoàn Thúc. Đến Cảnh Công dời về Tân Điền (Giáng Ấp) đó là Khúc Yểu vốn là đất Giáng củ. Nhà Tấn từ Thúc Ngu đến Lệ Hầu Phúc cả năm đời không thể tra cứu niên đại. Con Lệ Hầu là Tĩnh lên ngôi sau đó mới ghi. Bắt đầu từ Thành Vương năm thứ năm Canh Dần, kết thúc năm An Vương năm thứ hai mươi sáu Ất Tỵ, cả thảy ba mươi

tám vua, trị vì bảy trăm bốn mươi sáu năm.

Ngụy, Hân, Triệu cùng phế Tấn Tĩnh Công xuống làm gia nhân, chia ba đất nước. Khúc Ốc Thúc sinh ra Trang Bá, Trang Bá sinh Vũ Công. Vũ Công tiếp tục làm vua Khúc Ốc, đất nước hưng thịnh, thường có chí tiêu diệt nước Tấn. Năm Huệ Vương năm thứ hai, Vũ Công đánh và tiêu diệt Tấn, lúc này sứ giả của Thiên Tử đang ở tại nước Tấn, Cố Đại phu nhờ sứ giả xin mệnh Thiên Tử cho mình, sứ giả của Thiên Tử thỉnh mệnh Thiên Tử dùm ông ta, sứ của Vương được gọi là Phụ, Thiên Tử sai Khúc Ốc Vũ Công nhận quân và làm tấn hầu, Hoàn Thúc là con của Tấn Mục Công.

Hai huyện Khúc Ốc và Dực Thành thuộc Giáng Châu, hai huyện Văn Hỷ và An Ấp thuộc Giải châu, đều thuộc về Tấn Ninh lộ, tức Bình Dương lộ, xưa là Tấn châu, nay là Ký châu.

Chu: Cộng Hòa năm đầu Tĩnh Công Nghi Cữu năm năm thứ 18	Cộng Hòa năm thứ 2 Y Hầu Tư Đồ năm đầu	Tuyên Vương năm thứ 6 Hiến Hầu Tịch năm đầu
Tuyên Vương năm thứ 17 Mục Hầu Phí Sinh năm đầu	Tuyên Vương năm thứ 44 Thương Thúc năm đầu	U Vương năm thứ 2 Văn Hầu Cừu năm đầu
Bình Vương năm thứ 26 Chiêu Hầu Bá năm đầu	Bình Vương năm thứ 32 Hiếu Hấu Bình năm đầu	Bình Vương năm thứ 48 Ngạc Hầu Khước năm đầu
Hoàn Vương năm thứ 3 Ai Hầu Quang năm đầu	Hoàn Vương năm thứ 11 Tiểu Tử Hầu năm đầu	Hoàn Vương năm thứ 16 Hầu Mân năm đầu
Huệ Vương năm đầu Hiến Công Thuyết Chư năm đầu	Tương Vương năm thứ 2 Tuệ Công Di Ngô năm đầu	Tương Vương năm thứ 15 Hoài Công Ngữ năm đầu

Tương Vương năm thứ 16 Văn Công Trùng Nhĩ xưng bá	Tương Vương năm thứ 35 Tương Công Hoan năm đầu	Tương Vương năm thứ 32 Tương Công Đề năm đầu
Định Vương năm đầu Thành Công Hắc Đồn năm đầu	Định Vương năm thứ 8 Cảnh Công Nhu năm đầu	Giản Vương năm thứ 6 Lệ Công Thọ Mạng năm đầu
Giản vương năm thứ 14 Điệu Công Chu năm đầu	Linh Vương năm thứ 15 Bình Công Bưu năm đầu	Cảnh Vương năm thứ 14 Chiêu Công Di năm đầu
Cảnh Vương năm thứ 21 Khoảnh Công Khứ Tật năm đầu	Kính Vương năm thứ 9 Định Công Ngọ năm đầu	Nguyên Vương năm thứ 3 Xuất Công Tạc năm đầu
Trịnh Định vương năm thứ 13 Ai Công Kiêu năm đầu	Khảo Vương năm thứ 4 U Công Liễu năm đầu	Uy Liệt Vương năm thứ 7 Liệt Công Thượng năm đầu
An Vương năm thứ 10 Khảo Công Khoảnh năm đầu	An Vương năm thứ 25 Tĩnh Công Câu Tửu năm đầu	An Vương năm thứ 26 Đất nước diệt vong

Nước Tấn có Lục Khanh là Trí thị, Triệu thị, Hàn thị, Ngụy thị, Phạm thị, Trung Hành thị, sáu họ này lớn mạnh, Tấn Hầu yếu kém không chế ngự nổi. Trịnh Định Vương năm thứ mười một, Trí thị cùng Hàn, Triệu, Ngụy liên kết diệt Phạm thị, Trung Hành thị rồi phân chia đất đai. Trịnh Định Vương năm thứ mười hai, Tấn Hầu nổi giận vì Tứ Khanh ấy kiêu ngạo, bạo ngược nên bàn với Tề, Lỗ cùng đánh họ. Tứ Khanh đánh trả, Tấn Hầu chạy đến đất Tề và chết ở đó, đó là Xuất Công. Nước Tấn lập Ai Công làm vua. Trịnh Định Vương năm thứ mười ba, Trí thị lại liên kết với Hàn, Ngụy cùng đánh Triệu, đánh đến ba năm nhưng không diệt được Triệu. Triệu bèn liên kết với Hàn, Ngụy cùng

đánh Trí Bá, họ diệt Trí Bá và phân chia đất đai.

Nước Tống: Vũ Vương năm đầu phong con thứ của Trụ Vương nhà Ân là Vũ Canh cai trị nhà Ân. Sau đó Canh làm phản và bị giết. Chu Công về Đông, Thành Vương phong cho con cháu Đế Ất nhà Ân là Vi Tử để thay nhà Ân, sau đổi thành nước Tống. Vẫn dùng lễ nhạc nhà Ân, chỉ là khách nhà Chu mà không chịu làm bề tôi, dựng đô ở Thiên Phủ (nay là Bái Lương lộ, Quy Đức phủ, Dự châu). Tứ Vi Tử đến Lệ Công Phụ không thể tra cứu niên đại. Con Lệ Công là Hy Công lên ngôi sau đó mới ghi. Bắt đầu từ Thành Vương năm thứ hai Đinh Hợi, kết thúc năm Noãn Vương năm thứ hai mươi chín Ất Hợi. Vương Yển vô đạo bị Tề, Ngụy, Sở liên kết nhau đánh diệt. Tống gồm ba mươi hai vua, trị vì tám trăm ba mươi chín năm.

Chu: Cộng Hòa năm đầu Hy Công năm năm thứ 18	Cộng Hòa năm thứ 2 Tuệ Quang Chu năm đầu	Tuyên Hòa năm thứ 28 Ai Công năm đầu
Tuyên Vương năm thứ 29 Đối Công năm đầu	Bình Vương năm thứ 6 Vũ Công Tư Không năm đầu	Bình Vương năm thứ 24 Mục Công Hòa năm đầu
Bình Vương năm thứ 43 Mục Công Hòa năm đầu	Bình Vương năm thứ 43 Mục Công Hòa năm đầu	Hoàn Vương năm thứ 10 Trang Công Phùng năm đầu
Trang Vương năm thứ 6 Mẫn Công Tiệp năm đầu	Trang Vương năm thứ 15 Du giết Mẫn Công rồi tự lập	Hy Vương năm đầu Hoàn Công Ngự Thuyết giết Du
Tương Vương năm thứ 2 Tương Công Tư Phụ năm đầu	Tương Vương năm thứ 16 Thành Công Vương Thần năm đầu	Tương Vương năm thứ 33 Chiêu Công Xử Cửu năm đầu
Khuông Vương năm thứ 2 Văn Công Bào Cách năm đầu	Định Vương năm thứ 19 Cung Công Hà năm đầu	Giản Vương năm thứ 11 Bình Công Thành năm đầu

Cảnh Vương năm thứ 14 Nguyên Công Tá năm đầu	Kính Vương năm thứ 4 Cảnh Công Đầu Mạn năm đầu	Trinh Định Vương năm đầu Chiêu Công Đặc năm đầu
Uy Liệt Vương năm thứ 23 Điệu Công Cấu Do năm đầu	An Vương năm thứ 7 Hưu Công Do năm đầu	Liệt Vương năm thứ 4 Tích Công Tích Binh năm đầu
Hiểu Vương năm thứ 41 Lệ Vương Yển năm đầu	Noãn Vương năm thứ 29 Đất nước diệt vong	

Thi; Thương Tụng gồm năm thiên: Na Tự Thành Thang, Liệt Tổ Tự Trung Tông, Huyền Điểu Tự Cao Tông, Trường Phát Thái Đế, Ân Vũ Tự Cao Tông. Trong Nghiêm Sán Thi Chú ghi: Vi Tử là con cháu nhà Thương, cho nên lễ nhạc của nhà Thương đều tồn tại ở đất Tống. Truyền tới đời năm thứ bảy là Đới Công, lúc này lễ nhạc bị mai một,nhưng không phải là lỗi của Đới Công. Từ Đới Công trở lên, từ Vi Tử trở xuống trong khoảng thời gian này do người đến ngày càng ít. Có người tên là Chánh Khảo Phủ tìm được mười hai thiên Thương Tụng ở Thái sư nhà Chu. Lễ nhạc của nhà Tống tuy bị phế hoại nhưng Chánh Khảo Phụ lại tìm nó được từ nhà Chu, bởi vậy lễ nhạc nhà Thương tuy mất ở nhà Tống nhưng lại được từ nhà Chu. Nhà Chu dùng nhạc của sáu đời, nhạc chương cố nhiên là còn, nhờ vậy mà có được Thương tụng. Nhưng mười hai thiên Thương tụng này đến nay chỉ còn năm thiên, vì lúc sau định kinh Thi người ta lại bỏ mất hết bảy thiên.

Nước Vệ: Sau khi Chu Công đánh Quản, Sái, ông đem nửa số dân nhà Ân phong cho Khang Thúc ở đất Vệ (nay là Sơn Tây, Vệ Huy lộ, xưa là Vệ Châu, Ký châu). Đến đời năm thứ bảy là Khoảnh Hầu thì không tra cứu được niên đại. Con Khoảnh Vương là Hy Hầu lên ngôi sau đó mới ghi. Bắt đầu từ Thành Vương năm thứ 2 Đinh Hợi, kết thúc vào Tần Nhị Thế năm đầu Nhâm Thìn, gồm bốn mươi mốt chủ, trị vì chín trăm lẻ sáu năm.

Trong thời Hý Công, dân Địch xâm lấn nước Vệ, Ý Công bỏ nước mà chạy. Đới Công lên ngôi phải ở đồng hoang Tề ấp. Tề Hoàn Công

đánh Nhung Địch lấy thành Sở Khâu phong cho ông, Vệ Văn Công dời đô về Sở Khâu, bởi vậy nước Vệ sở dĩ hưng thịnh đều nhờ Tề Hoàn Công.

Chu: Cộng Hòa năm đầu. Hy Hầu năm thứ 14	Tuyên Vương năm thứ 16 Vũ Công hòa năm đầu	Bình Vương năm thứ 14 Trang Công Dương năm đầu
Bình Vương năm thứ 37 Hoàn Công Hoàn năm đầu	Hoàn Vương năm đầu Châu Hu năm đầu	Hoàn Vương năm thứ 2 Tuyên Công Tấn năm đầu
Hoàn Vương năm thứ 21 Huệ Vương Sóc năm đầu	Trang Vương năm thứ 9 Vệ Tuệ Công năm thứ 12	Huệ Vương năm thứ 9 Y Công Xích năm đầu
Huệ Vương năm thứ 17 Đới Công Thân năm đầu	Huệ Vương năm năm thứ 18 Văn Công Duệ năm đầu	Tương Vương năm năm thứ 18 Thành Công Trịnh năm đầu
Đinh Vương năm thứ 8 Mục Công Ngao năm đầu	Định Vương năm thứ 19 Định Công Tàng năm đầu	Giản Vương năm thứ 10 Hiến Công Diễn năm đầu
Linh Vương năm thứ 14 Thương Công Thu năm đầu	Cảnh Vương năm thứ 2 Tưởng Công Ác năm đầu	Cảnh Vương năm thứ 11 Linh Công Nguyên năm đầu

Kính Vương năm thứ 28 Xuất Công Triếp năm đầu	Kính Vương năm thứ 40 Trang Công Băng Hội năm đầu	Kính Vương năm thứ 43 Hầu Khởi năm đầu
Trinh Định Vương năm đầu Điệu Công Mặc năm đầu	Trinh Định Vương Năm thứ 17 Kính Công Phất năm đầu	Khảo vương năm thứ 10 Chiêu Công Củ năm đầu
Uy Liệt Vương năm đầu Tương Công năm đầu	Uy Liệt Vương năm năm thứ 12 Thận Công Đồi năm đầu	Liệt Vương năm thứ 4 Thanh Công Huấn năm đầu
Hiển vương năm thứ 8 Thành Hầu Tốc năm đầu	Hiển Vương năm thứ 22 Vệ Phế Hầu theo Tam Tấn	Hiển Vương năm thứ 34 Bình Hầu năm đầu
Hiển Vương năm thứ 45 Tự phế rồi lập Tự Quân	Noãn Vương năm thứ 33 Hoài Quân năm đầu	Noãn Vương năm thứ 33 Hoài Quân năm đầu
Tần Phỉ Hoàng năm năm thứ 18 Quân Giác năm đầu	Tần Nhị Thế năm đầu, diệt nước Vệ, phế Giác làm thường dân	

Nước Sở: con cháu của Hiên Viên, vốn ở tại Man Kinh là Quân Trưởng. Đời nhà Chu mới có Hùng Chúc thờ Văn Vương. Thời Thành Vương, cháu ông là Hùng Dịch được phong ở Sở, ban cho họ Phỉ, đó là Sở Tử (nay là kinh Hồ Bắc đạo, Giang Lăng lộ, xưa là Kinh châu, vốn là một trong chín châu do Vũ lập, về sau Hán Quan Vũ khởi binh ở Lộc Lâm Sơn, chính là chỗ này). Từ Hùng Dịch đến đời năm thứ chín là Hùng Diên không thể tra cứu niên đại. Con Hùng Diên là Hùng Dũng lên ngôi sau đó mới ghi. Bắt đầu từ Thành Vương đến Uy Liệt Vương năm thứ ba mươi bốn thì Điệu Vương lên ngôi, trị vì tổng cộng bảy trăm mười lăm năm sau đó sát nhập vào Chiến Quốc. Noãn Vương năm thứ mười sáu, Tần đánh Sở cướp lấy Hoài Vương. Năm thứ mười tám,

Hoài Vương lưu vong trở về, Tần đuổi đánh bắt được, Hoài Vương mất ở Tần. Noãn Vương năm thứ năm mươi ba, Sở khảo Liệt Vương Khấu năm đầu, Sở dời đô về Thọ Xuân (nay là Hoài Tây, An Phong Lộ). Tần Chiêu Tương Vương năm thứ năm mươi bốn, Sở dời về Cự Dương. Từ Điệu Vương năm đầu đến Thủy Hoàng năm thứ hai mươi bốn, Sở tồn tại được một trăm bảy mươi chín năm.

Chu: Cộng Hòa năm đầu Hùng Dũng năm đầu	Cộng Hòa năm thứ 5 Hùng Nghiêm năm đầu	Tuyên Vương năm thứ 3 Hùng Sương năm đầu
Tuyên Vương năm đầu Hùng Trù năm đầu	Tuyên Vương năm thứ 29 Hùng Ngạc năm đầu	Tuyên Vương năm thứ 38 Nhược Ngao Hùng Nghi năm đầu
Bình Vương năm thứ 8 Tiêu Ngao Hùng Khảm năm đầu	Bình Vương năm thứ 14 Bân Vị Hùng Tuân năm đầu	Bình Vương năm thứ 31, Vũ Vương Hùng Thông xưng vương
Trang Vương năm thứ 8 Văn Vương Hùng Ty năm đầu	Huệ Vương năm đầu Đổ Ngao Hùng Gian năm đầu	Huệ Vương năm thứ 6 Thành Vương Hùng Hỗn năm đầu
Tương Vương năm thứ 27 Mục Vương thương Thần năm đầu	Khoảnh Vương năm thứ 6 Trang Lữ Vương năm đầu	Định Vương năm thứ 17 Cung Vương Thẩm năm đầu
Linh Vương năm thứ 13 Khang Vương Chiêu năm đầu	Cảnh Vương năm đầu Giáp Ngao Hào năm đầu	Cảnh Vương năm thứ 5 Linh Vương Kiền năm đầu

Cảnh Vương năm thứ 7 Bình Vương tật Khí năm đầu	Kính Vương năm thứ 5 Chiêu Vương Trân năm đầu	Kính Vương năm thứ 31 Huệ Vương Chương năm đầu
Khảo Vương năm thứ 10 Giảo Vương Trung năm đầu	Uy Liệt Vương năm thứ 19 Thanh Vương Đương năm đầu	Uy Liệt Vương năm thứ 24 Điễu Vượng năm đầu, sáp nhập Chiến quốc.
Uy Liệt Vương năm thứ 24 Điễu Vượng năm đầu, sáp nhập Chiến quốc.	Liệt Vương năm thứ 7 Tuyên Vương năm đầu	Hiển Vương năm thứ 30 Uy Vương năm đầu
Hiển Vương 41 Hoài Vương năm đầu	Noãn Vương năm thứ 17 Tương Vương năm đầu	Noãn Vương năm thứ 53 Khảo Liệt Vương Khấu năm đầu
Tần Thủy Hoàng năm thứ 10 U Vương năm đầu	Thỉ Hoàng năm thứ 20 Vương Phục Sô năm đầu	Thỉ Hoàng năm thứ 24 Đất nước diệt vong

Khang Vương: Tên là Chiêu, con của Thành Vương, ông sửa sang cơ nghệp của Văn Vương,Vũ Vương, thiên hạ thái bình, không dùng hình phạt, ông ở ngôi hai mươi sáu năm.

Chiêu Vương: Tên là Hà, con của Khang Vương, vương đạo suy vi, nước Sở không triều cống, ông bèn chinh phạt phía Nam, người trong nước dùng thuyền cho ông đi, đến giữa dòng keo chảy ra, ông và Sái công đều bị chết, ông ở ngôi năm mươi mốt năm.

Thích-ca Mâu-ni Phật: Theo Minh Giáo Đại Sư Chánh Tông ghi: Khi trời đất mới thay đổi, Diêm-phù châu mới có vị vua ra đời tên là Đại Nhân. Đại Nhân chết, các vua nối nhau trị vì, xưa nay không làm sao kể hết. Đời sau có vị vua tên là Đại Thiện Sinh, Đại Thiện Sinh sinh

ra Ý-sư-ma, Ý-sư-ma sinh ra Ưu-la-đà, Ưu-la-đà sinh ra Cù-la, Cù-la sinh ra Ni-phù-la, Ni-phù-la sinh ra Sư Tử Giáp, Sư Tử Giáp sinh ra Tịnh Phạn Vương. Nhưng cả bảy đời vua này chỉ có Ý Sư Ma và Tịnh Phạn Vương được gọi là Thánh vương. Đức Như Lai được sinh ra từ Tịnh Phạn Thánh vương này. Trong tiền kiếp, Đức Như Lai gặp Phật Nhiên Đăng tại Liên Hoa đại thành, Phật Nhiên Đăng thọ ký ngài rằng: Về sau ông sẽ thành Phật như ta, với hiệu là Thích-ca Mâu-ni. Trong vô số kiếp nữa ông sẽ gặp Phật Ca-diếp ra đời, ông hành Bồ-tát hạnh mà thành đạo, được sinh lên Đâu-suất-đà thiên, ở vào ngôi bổ xứ với hiệu là Hộ Minh Đại Sĩ. Đến khi thời vận thích hợp, Đại sĩ sẽ sinh trong nhà Tịnh Phạn Vương, Chân chuyển luân trong Diêm-phù-đề, nước Ca-tỳ-la. Lúc ấy ông bỏ thân mạng cõi trời, cỡi voi trắng theo ánh sáng mặt trời giáng thần thác thai từ hông bên phải của Ma-da phu nhân. Đến lúc sắp sinh, Ma-da đi ngang dưới cây Vô ưu trong vườn thượng uyển, gặp lúc loài hoa này vừa nở, phu nhân bèn đưa tay lên hái, ngay lúc ấy Thánh tử đản sinh từ hông bên phải của bà. Rồng thần xuất hiện phun nước tắm ngài, đất nổi sen vàng đỡ lấy thân ngài. Thánh tử đi bốn phương mỗi phương bảy bước, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất nói: Bốn phương trên dưới chỉ ta tôn quý nhất. Nhà vua ẵm ngài vào cáo với thiên miếu, tượng thần liền đứngg cả dậy để lễ Ngài. Vua đưa Ngài về cung điện triệu tập hết người tài giỏi đến, trong số đó có một người tên là Tát-bà-tất-đạt tương đối lớn tuổi. Ông này làm thầy Ngài, dạy cho ngài những sách vở của thế gian. Sau đó không lâu, vua lập ngài làm Thái tử, gả công chúa Đại Khiết Thanh cho ngài. Tuy cũng cưới vợ như người thế gian nhưng ngài không có tâm phàm tục. Nhờ duyên đời trước, ngài chỉ vào bụng vợ mình và nói: Sáu năm sau, nàng sẽ sinh một đứa con trai.

Ngày nọ, Ngài sai người hầu đánh xe ngựa ra thành dạo chơi. Đi hết bốn cửa thành, nhưng những gì ngài gặp chỉ là già, bệnh, chết và một vị Sa-môn. Ngài cảm kích Sa-môn, nhân đó ý nguyện xuất gia càng dõng mãnh. Lúc này Thái tử tròn mười chín tuổi. Đêm mồng tám tháng hai, Ngài cỡi ngựa ra cửa Bắc, đến núi Đàn-đặc, nghỉ chân một lát trong rừng rồi Ngài cởi bỏ áo mão, tự dùng kiếm báu đeo bên mình cắt tóc và thề rằng: "Nguyện cho tất cả chúng sinh đều cắt đức phiền não này". Tịnh Cư thiên hóa làm người trao Tăng-già-lê cho Thái tử, nhờ vậy ngài có pháp phục để mặc. Ngài tiến sâu vào nơi vắng vẻ trong núi và tá túc tại Di-lâu bảo sơn. Ngài đến lạy A-lam già-lam học Bất dụng xứ định. Ba năm sau, Ngài đến Uất-đầu-lam học Phi phi tưởng định. Ba năm sau nữa, Ngài đến núi Tượng đầu cùng tu tập khổ hạnh với những ngoại đạo

khác, mỗi ngày chỉ ăn một hạt gạo hoặc mè. Tu tập sáu năm, lúc này Ngài thấy không còn tâm ý, không còn thọ nhận, tạo tác, nhưng ngoại đạo cũng thay đổi. Thánh nhân bèn tự suy nghĩ: Khổ hạnh này không phải là đích thực giải thoát, ta phải nhận thức ăn, sau đó mới thành Phật". Thế rồi Ngài xuống sông Ni liên tắm rửa, nhận bát sữa của một người con gái chăn bò. Sau đó Ngài đến dưới cội Tất-bát-la, Thiên đế hóa làm người đem cỏ Kiết tường đến trải làm chiếu cho Ngài ngồi. Đêm mồng bảy tháng hai (nhà Chu lấy tháng Tý làm tháng giêng, tháng Sửu làm tháng hai, nhà Hán lấy tháng Dần, Sửu làm tháng mười hai), Ngài nhập vào chánh định Tam-muội. Ngày mồng tám, lúc sao mai vừa mọc, Ngài hoát nhiên đại ngộ, thành Đẳng Chánh Giác, ngồi tòa Kim cang. Thiên đế lạy Ngài làm thầy, thỉnh Ngài chuyển pháp luân. Trước đây có năm anh em Kiều-trần-như từng theo hầu Ngài trong núi, Ngài đến đó độ họ trước tiên, bởi vậy Ngài vào vườn Lộc dã diễn thuyết pháp Tứ đế. Từ đó những người chứng đắc đạo quả có đến ức người. Ngài một mình đến nước Ma-kiệt-đề giáo hóa ba anh em Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp. Lúc đó quốc chủ Bình-sa vương dâng cúng rừng trúc của mình cho Ngài dựng tịnh xá, và thỉnh Phật đến đó cư ngụ. Không bao lâu, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên ở Vương xá thành cũng đều theo Ngài tu tập. Ngài nói: "Hai người sắp đến ấy sẽ là đệ tử Thượng thủ của ta". Thế rồi Ngài độ hai người. Hồi ấy Đại Ca-diếp đã vào núi tu tập thiền định, lúc này Ca-diếp cũng đến Trúc lâm tịnh xá. Như Lai đứng dậy đón tiếp và nói với đại chúng: "Sau khi ta diệt độ, giáo pháp tồn tại trên đời sáu vạn năm đều nhờ sức của người này". Lúc này Như Lai đã thành đạo được sáu năm rồi. Sau đó vua cha đón Ngài về cung, nhìn thấy Ngài, quốc vương Tịnh Phạn vô cùng vui mừng. Vua triệu tập thân tộc lại, có đến năm trăm quý tử trong dòng tộc theo Ngài xuất gia. Lúc về cung, con Ngài là La-hầu-la ra đảnh lễ Ngài, Ngài trao y ca-sa cho La-hầu-la và nói với đại chúng: "Đứa bé này chính là Như Lai". Dùng lời đó để giải mối nghi của mọi người. Về sau, lúc sắp thị tịch, Phật nói với Ma-ha Ca-diếp: "Ta đem chánh pháp vi diệu Pháp nhãn thanh tịnh, Niết-bàn diệu tâm thật tướng vô tướng giao phó cho ông, ông phải khéo giữ gìn". Đồng thời Phật thọ ký A-nan là người kế thừa tiếp theo, hoằng truyền khiến không đoạn dứt và Phật nói kệ:

Pháp là pháp, không pháp
Pháp không pháp cũng pháp
Nay trao pháp không pháp
Pháp pháp đâu từng pháp.

Nói kệ xong, Phật bảo Ca-diếp: "Nay ta cùng đem kim lũ Tăng-già-lê giao phó cho ông, đợi đến khi bổ xứ Từ Thị Phật xuất thế ông hãy trao lại cho Đức Phật ấy, ông phải khéo giữ gìn y này". Đại Ca-diếp cung kính đón nhận lời Phật.

Một hôm, Thế Tôn qua thành Câu-thi-na, cạnh cây Sa-la song thọ, Ngài muốn nhập Niết-bàn. Lúc ấy, Trưởng giả Thuần-đà khẩn thiết xin được cúng dường. Nhân đó Như Lai diễn thuyết đại pháp độ Tu-bạt-đà-la, rồi Ngài nằm nghiêng bên phải an nhiên thị tịnh. Kim thân Ngài được an trí trong kim quan đợi Ca-diếp đến. Sau đó Ngài dùng lửa Tam-muội thiêu thân. Lửa tàn, vô số xá-lợi chói sáng cả trời đất. Trời, người, thần, rồng cùng chia xá-lợi đem về xây tháp.

Trong Chánh Tông ký lại ghi: Tra cứu theo niên đại thì Như Lai đản sinh vào ngày tám tháng tư năm Giáp Dần niên hiệu Chu Chiêu Vương năm thứ chín. Ngài xuất gia ngày tám tháng hai năm Nhâm Thân đời Chiêu Vương năm thứ hai mươi bảy[1]. Ngài diệt độ vào ngày mười lăm tháng hai năm Nhâm Thân đời Mục Vương năm thứ ba mươi sáu. Ngài diệt độ được một ngàn không trăm mười bảy năm. Đến năm Đinh Mão niên hiệu Hán Hiếu Minh Đế niên hiệu Vĩnh Bình thứ mười, Phật giáo mới lưu nhập vào Hoa Hạ. Ôi! Như Lai thị hiện như thế gian thọ bảy mươi chín tuổi, bốn mươi chín năm dùng Chánh pháp giáo hóa hữu tình, nhưng những người được độ không sao đếm hết. Nếu sự đản sinh, nhập diệt, xuất gia, thành đạo của Như Lai đều nằm trong niên đại của Chiêu Vương, Mục Vương, nhưng từ Chu Vũ Vương đến Lệ Vương đều không có niên đại, đến Tuyên Vương mới có niên đại. Trong Cựu Phổ ghi: Chiêu Vương năm thứ chín, năm thứ hai mươi bảy, năm thứ ba mươi ba, Mục Vương năm thứ ba mươi sáu, có người cho rằng không đúng. Tôi từng tranh luận việc này, vì vậy tôi khảo "cứu "Tam Đợi"Thế Biểu ba của Thái sử Công thì thấy bài tựa trong ấy ghi: Tôi đọc Điệp Ký, từ Hoàng Đế đến nay đều có niên đại, xét lịch, phổ, điệp trong ấy có cả sự truyền thừa của ngũ Đức, cổ văn đều có sự khác nhau, Phu tử không bàn năm thứ tự năm tháng, lẽ đâu mà không thật!" Từ đó mà xét, Tam đại về trước thật ra không phải là không có niên đại. Bởi Thái sử Công dùng Thượng thư của Khổng Tử làm chuẩn mực cho nên không ghi niên đại, mà soạn ra thế biểu. Trong thế biểu bình rằng: Việc phó pháp cho Đại Ca-diếp xảy ra lúc nào? Lấy gì làm minh chứng? Đáp: Trong hội Niết-bàn, Như Lai bảo các Tỳ-kheo: Các ông không nên nói như vậy, chánh pháp vô thượng mà ta có ấy, nay ta giao phó cả cho Ma-ha Ca-

1 Ngài thành đạo vào năm Mậu Dần đời Chiêu Vương năm thứ ba mươi ba

diếp, Ca-diếp sẽ là nơi nương tựa lớn cho các ông". Đó là minh chứng (kinh Niết-bàn, quyển năm thứ hai). Trong Chánh Tông ký lại bình rằng: Hai bộ sách của Bảo Lâm và Truyền Đăng đều ghi lúc nhập diệt của các tổ Thiên Trúc, rất trùng hợp với niên đại Chu, Tần của Hoa Hạ. Nhưng từ Chu Tuyên Vương về trước chưa có niên đại, hơn nữa, Hoa Hạ và Thiên Trúc cách nhau cả hơn vạn dặm, người này diệt độ có khi đã hơn ngàn năm rồi, sự việc rất mơ hồ, tôi sợ rằng đó là dịch lại chỉ mang tính tương đối chứ chưa hẳn đó là đích xác, nên lược mất năm tháng niên đại mà chỉ ghi lại đời Đế vương lúc đó mà thôi. Chỉ có Phật Thích-ca, Bồ-đề Đạt-ma, cùng chư tổ sáu đời của Trung Quốc nhập diệt lúc nào đều có thể tra cứu ra, vì được ghi chép đầy đủ.

Truyền Pháp Chánh Tông ký do Thiền sư Phật Nhật Khế Tung người Hàng châu soạn vào đời Tống. Sư họ Lý, người Đàm Tân, Đằng châu, Quảng Tây đạo. Sư bảy tuổi xuất gia, thờ thầy là Sa-môn Đông Sơn. Năm mười ba tuổi, Sư được thọ Cụ túc, mười chín tuổi sư du phương đến vùng Nguyên, Tương, qua vùng Hành, Nhạc, yết kiến Thiền Sư Thần Đỉnh Ân. Khi đối đáp với Sư, Ân nói những lời khác lạ nhưng Sư không khế ngộ. Sư vân du đến Viên Quân, được Động Sơn Hiểu Thông ấn khả. Sư tham vấn khắp Thiện tri thức, ban đêm Sư lạy tượng Quán Âm niệm đủ hơn mười vạn biến mới đi ngủ. Kinh sách thư tịch của thế gian Sư không học, nhưng Sư đã soạn bộ Nguyên Giáo đến hơn mười vạn lời, bàn rõ về cái đạo nhất quán giữa Phật giáo và Nho giáo, chống lại chủ trương bài xích Phật giáo của các nhà Nho như Hàn Dũ...Về sau, Sư ở tại Linh Ẩn Vĩnh An Lan Nhã thuộc Hàng châu, soạn Thiền môn Định Tổ Đồ, truyền pháp Chánh Tông Ký và những bộ sách khác có đến vạn lời rồi dâng cho Nhân Tông Hoàng Đế, thông qua sự tiến cử của Khai Phong phủ. Ngày mười tám tháng ba năm Gia Hựu năm thứ bảy, Nhân Tông hạ chiếu cho Truyền Pháp viện biên tập những tác phẩm của Sư vào Tạng, ân sủng Sư và ban cho Sư hiệu là Minh Giáo đại Sư. Tể tướng Hàn Kỳ Đại Sâm Âu Dương Tu lạy Sư làm thầy. Dương Tu nói: "Không ngờ trong chúng Tăng lại có một người tài giỏi như thế nầy!".

Sau đó, Sư về ở tại Vĩnh An, ngày bốn tháng sáu năm Thần Tông Hy Ninh năm thứ năm, Sư viết kệ:

Đêm sau lúc trăng mọc
Nay ta vui độc hành
Chẳng học lão Đại Mai
Tham theo tiếng loài sóc.

Đến nửa đêm thì Sư thị tịch, lúc trà-tỳ có năm nơi không cháy là đỉnh đầu, tai, lưỡi, đồng chân và xâu chuỗi. Xương đỉnh đầu có xá-lợi màu hồng trắng sáng sạch. Mồng tám tháng đó, tăng tục đem những phần không cháy an táng bên trái Vĩnh An Lan Nhã. Sư thọ sáu mươi sáu tuổi, tăng lạp năm mươi ba hạ. (Hãy xem hành trạng của Sư do Thượng thư đồn điền viên ngoại lang Trần Thuấn Du soạn). Sư tự là Trọng Linh, hiệu là Tiềm Tử, nối pháp Thiền sư Động Sơn Hiểu Thông, Thông nối pháp Văn-thù Giám Chân, Chân nối pháp Đức Sơn Tông Mật, Mật nối pháp Văn Môn Văn Yển.

+ Đức Phật Thính-ca Mâu-ni là Phật thứ bốn trong Hiền kiếp.

+ Năm Tỳ-kheo gồm: Kiều-trần-như, Át-bệ, Bạt-đề, Thập Lực Ca-diếp, Ma-nam, Câu-lợi. Có bài tụng rằng:

Át-bệ, Bạt-đề và Câu-lợi
Cả thảy ba người thuộc họ cha
Trần-như, Thập Lục thuộc họ mẹ
Khi chuyển pháp luân độ trước tiên.

+ Ba anh em Ca-diếp gồm: Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Già-da Ca-diếp, Na-đề Ca-diếp chứ không phải Đại Ca-diếp. Đồ chúng của họ gồm một ngàn người. Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên mỗi người có một trăm đồ chúng. Trưởng giả Da-xá vv... cả thảy năm mươi người nữa, đó là chúng thường theo Phật. Ở trước mỗi bộ kinh đều nói đại chúng gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị chính là những vị này. Trong kinh chỉ nêu số lớn nên lược bỏ bớt năm người.

+ Thế Tôn đưa cành hoa lên, Ca-diếp mỉm cười được rút ra từ Đại Phạm vương Vấn Phật Quyết Nghi Kinh. Trong kinh ghi: Đức Phật ở trong núi Linh thứu, Đại Phạm Thiên vương cúng dường Phật cành hoa Ba-la màu vàng sáng. Thế Tôn đưa cành hoa lên trước chúng, cả trăm vạn trời người đều mờ mịt chẳng hiểu, chỉ có ngài Ca-diếp phá nhan mỉm cười, Thế Tôn nói: "Ta có chánh pháp nhãn tạng Niết-bàn diệu tâm, nay giao phó cho Ca-diếp." (hãy xem trong Tống Thần Tông năm Hy Ninh thứ mười, truyện Thừa Tướng Vương Kinh Quốc Công)

+ Kết tập pháp tạng (xem phần hành trạng của ngài Ca-diếp)

+ Pháp Tứ đế gồm: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

1. Khổ đế: Riêng có hai mươi lăm hữu, chung thì có sáu đường sinh tử.

2. Tập đế: Tức kiến hoặc, tư hoặc, hay còn gọi là kiến tu, tứ trụ, nhiễm ô vô tri, thủ tướng hoặc, chi mạt vô minh, thông hoặc, giới nội hoặc, tên gọi tuy bất đồng nhưng chỉ là kiến hoặc, tư hoặc mà thôi.

3. Diệt đế: Trước Diệt khổ, Tập hiển bày Chân lý. Diệt này là Chân diệt chứ không phải Chân đế.

4. Đạo đế: Tóm lược thì có Giới, Định, Tuệ, rộng ra thì có ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, gồm bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Chánh đạo.

Trong Tứ đế lại chia ra thế gian và xuất thế gian. Hai Đế trước là nhân quả của thế gian, quả là Khổ, nhân của Tập. Hai Đế sau là nhân quả xuất thế gian, quả là Diệt, nhân là Đạo. Nhưng vì sao thế gian và xuất thế gian đều nêu quả trước nhân sau? Vì hàng Thanh văn độn căn, biết Khổ, đoạn Tập, ham quả mà tu nhân nên phải diễn thuyết như vậy.

+ Mục Vương: Tên là Mãn, con của Chiêu Vương, ở ngôi năm mươi lăm năm thọ một trăm lẻ năm tuổi. Từ Di làm loạn, thống lảnh Cửu Di đánh Tông thất nhà Chu, khi chạy đến Hà Thượng, Mục Vương sợ cùng đường nên ban lệnh cho Từ làm chư hầu phía Đông. Từ tử xưng Vương. Từ tử họ Doanh, đất đai vuông vức năm trăm dặm. Từ thi hành nhân nghĩa, nhặt được cung tên màu son, tự cho là được điềm lành trời ban, nên tự xưng là Yển Vương, có đến ba mươi sáu nước trên lục địa của ông đến triều cống. Mục Vương đi tuần phía Tây, ham vui đến nổi quên trở về, nghe Từ tử chiếm ngôi, ông sai Tạo Phụ làm Ngự sử rồi dẫn quân về để cứu cái loạn Yển Vương, sai Sở đánh Từ, Từ tử chạy về Bắc đến Bành thành (nay là thành Thanh Duyện, Từ châu), có đến vạn dân chạy theo ông. Mục Vương đem thành Triệu phong cho Tạo Phụ. Dòng họ này từ đây đổi thành họ Triệu.

+ Cộng Vương: Tên là Ế Hỗ, con của Mục Vương, ở ngôi mười năm.

+ Ý Vương: Tên là Hy, con của Cộng Vương, Ông dời đô về Hòe Lý, Sử kí ghi: Vương có thi, nhưng nay thì không có, vì thất lạc. Ông ở ngôi hai mươi lăm năm. Hòe Lý, nay là Ung Thành, thuộc huyện Hưng Bình, An Tây lộ, Thiểm Tây, là nơi an táng Lão tử.

+ Thi: Tề Thái Công truyền đến đời năm thứ năm là Ai Công, Ai Công hoang dâm, Ý Vương sai thiêu sống ông ta. Biến Phong của Tề bắt đầu làm ra năm thiên: Kê Minh, Hoàn Trứ, Đông Phương Chi Nhật, Đông Phương Vị Minh.

+ Hiếu Vương: Tên là Tích Phương, em của Ý Vương, hồi đó có thi, đến nay không còn vì thất lạc, ông ở ngôi mười lăm năm.

TỔ THỨ NHẤT CỦA TÂY THIÊN: TÔN GIẢ MA HẠ CA DIẾP

Ngài họ Bà-la-môn, người nước Ma-kiệt-đề, cha là Ẩm Trạch, mẹ là Hương Chí, vừa sinh ra đã có thân thể màu vàng ròng. Ban đầu ngài có tên là Ca-diếp-ba, Hán dịch là Ẩm Quang, bởi màu vàng trên thân thể ngài chói sáng vượt hẳn mọi ánh sáng khác. Ngài khẩn cầu cha mẹ xuất gia, làm Sa-môn vào núi tu hạnh Đầu-đà, lúc ấy trong hư không có người nói với ngài: "Phật đã ra đời, hãy đến đó lạy Phật làm thầy".

Tôn giả đến Trúc lâm tinh xá, hết lòng cung kính, Như Lai chia cho ngài nửa tòa bảo ngài ngồi, lúc ấy cả chúng hội đều kinh ngạc, hỏi vì sao mà có việc này. Nhân đó Như Lai diễn nói túc duyên của ngài cho chúng hội nghe, để ai nấy không còn hoài nghi, rồi Phật nói pháp cho Tôn giả, nghe xong Tôn giả chứng đắc đạo quả, đó là nhờ Ngài có đức thù thắng tích tụ trong nhiều đời, lại thêm trí tuệ cao xa. Như Lai từng nói: Đại Từ đại Bi, tứ thiền Tam-muội vô lượng công đức mà ta vốn có, ta dùng để tự trang nghiêm ấy, Tỳ-kheo Ca-diếp cũng có đầy đủ như vậy. Một hôm, Phật đem chánh pháp giao cho ngài, dặn dò ngài hãy trao truyền đừng để đoạn dứt. Phật lại trao kim lũ ca-sa cho ngài dặn ngài hãy trao lại cho Phật Di-lặc. Đến khi Như Lai nhập Niết-bàn, ngài còn đang ở trong núi Kỳ-xà-quật. Lúc ấy đất rung chuyển, quang minh chói sáng, ngài dùng Thiên nhãn thấy biết và nói với chúng hội: Phật Niết-bàn rồi! Than ôi! Con mắt Chánh pháp nhắm rồi! Thế gian vắng ngắt!

Ngài cùng đồ chúng đến thành Câu-thi-na, khi đến được rừng Sa-la song thọ thì kim thân Như Lai đã được an trí trong kim quan. Tôn giả quá xúc động, nên cảm được đôi chân Như Lai thò ra ngoài kim quan để an ủi lòng thương cảm của ngài. Sau đó ngài dùng Chiên-đàn, Bạch điệp (gạo trắng) tẩm liệm và trà-tỳ. Bảy ngày sau, Ca-diếp nói với năm trăm La-hán, bảo họ hãy đi triệu tập tất cả La-hán trong mười phương cùng đến rừng Sa-la ở Vương xá thành. Mùa An Cư năm ấy, đúng vào ngày rằm, ngài kết tập Tam tạng, Xà Vương mỗi ngày cúng dường cơm nước cho ngàn người, suốt ba tháng an cư như vậy.

Lúc này Ca-diếp bảo chư Tỳ-kheo: Phật đã trà-tỳ xong, kim cang xá-lợi hãy để trời người phụng thờ nhằm làm ruộng phước cho họ, Tỳ-kheo chúng ta hãy lo kiến tập pháp tạng nhằm làm ngọn đèn sáng cho đời sau. Thế rồi ngài vận thần thông bay lên đỉnh núi Tu-di mà nói kệ rằng:

Đệ tử Như Lai
Chớ vội Niết-bàn

Người được thần thông
Hãy đến kết tập.

Ngài đánh chuông vàng, tiếng kệ theo chuông vang đi khắp nơi, nhờ vậy ứng chân La-hán đều vân tập ở núi Tất-bát-la. Chỉ riêng Tôn giả A-nan vì chưa sạch lậu nghiệp nên không được tham dự, cả đêm phải đứng ngoài cửa. Đêm ấy Tôn giả tư duy và đến sáng thì chứng đắc đạo quả, bèn gõ cửa nói với Ca-diếp, Ca-diếp bảo: “Nếu như ông có thần thông thì hãy theo lỗ khóa mà vào”. A-nan làm đúng như lời mà vào pháp hội, cùng chư vị La-hán kết tập. Cả pháp hội đều hỏi, trong ba tạng nên kết tập tạng nào trước.Ca-diếp đáp nên kết tập Kinh tạng trước, và nói với chư Thánh giả rằng: Tỳ-kheo A-nan là người có đại trí tuệ, đa văn tổng trì, thường theo Như Lai, Phạm hạnh thanh tịnh. Phật pháp mà ông ấy nghe được như nước đổ vào bình chẳng rơi một giọt. Phật từng ngợi khen ông ấy là người thông minh bậc nhất, nên thỉnh Tôn giả A-nan kết tập kinh tạng. Đại chúng im lặng, Ca-diếp bảo A-nan: Nay ông hãy tuyên thuyết pháp nhãn!

A-nan nhận lời, quan sát tâm đại chúng rồi nói kệ rằng:

Chư quyến thuộc Tỳ-kheo
Xa Phật chẳng trang nghiêm
Giống như trong hư không
Không trăng, chỉ muôn sao.

Nói xong, Tôn giả đảnh lễ chúng Tăng rồi lên tòa tuyên thuyết rằng: “Chính tôi được nghe, thuở ấy Phật ở tại... nói kinh ...”cho đến “trời người... kính lạy phụng hành.”

Bấy giờ Ca-diếp hỏi chư Tỳ-kheo: A-nan tuyên thuyết có nhầm lẫn không? Chúng hội đáp: “Chẳng khác Thế Tôn nói”. Sau đó ngài bảo Tôn giả Ưu-ba-ly kết tập Luật tạng, lại bảo A-nan kết tập A-tỳ-đàm Đạt-ma tạng, còn các bộ khác thì bảo Ca-Chiên-diên kết tập. Rồi tôn giả ca diếp liền, nhập Nguyện trí Tam-muội quán sát ba tạng đã kết tập, quả nhiên chẳng có chút nhầm lẫn. Nhưng Tôn giả chỉ trụ thế bốn mươi lăm năm, kết tập pháp tạng cuối cùng cũng hoàn tất, thuyết pháp độ người cũng vô lượng, ngài tự nghĩ mình đã già yếu, nên ngài vào núi Kê túc nhập định chờ Phật Di-lặc ra đời, vì vậy ngài bảo A-nan: Xưa, trước lúc nhập Niết-bàn, Như Lai đem Chánh pháp nhãn tạng giao phó cho ta, nay ta sắp nhập diệt, nên ta giao phó lại cho ông, ông phải khéo giữ gìn chớ để đoạn dứt, và Tôn giả nói kệ rằng:

Pháp, pháp, pháp xưa nay
Không pháp, không phi pháp

Vì sao trong một pháp
Có pháp có phi pháp.

A-nan đảnh lễ tiếp nhận. Tôn giả nhập định trong núi nhằm đời Chu Hiếu Vương (Theo Chánh Tông Kí).

+ Di Vương: Tên là Tiếp, con của Hiếu Vương, lễ nghi suy đồi, ông xuống khỏi ngai để tiếp chư hầu, nhưng chư hầu vẫn không thuần phục. Ông sai Quắc Công thống lĩnh Lục Sư đánh rợ Nhung ở Thái Nguyên, đuổi đánh tới Du Tuyền, bắt được cả ngàn chiến mã. Ông ở ngôi mười sáu năm, thọ sáu mươi tuổi.

+ Thi: Vệ Khang Thúc truyền đến đời năm thứ bảy là Khoảnh Hầu thì chánh sự suy vong, Vệ Phong bắt đầu thay đổi, Thi có một thiên đó là Tỳ Bá Chu.

TỔ THỨ HAI: TÔN GIẢ A-NAN:

Ngài thuộc dòng Sát-đế-lợi, người Vương xá thành, cha là Bạch Phạn Vương, Ngài là em chú bác của Phật. Ban đầu ngài có tên là A-nan-đà, Hán dịch là Khánh Hỷ, hay Hoan Hỷ. Trong đêm Như Lai thành đạo thì ngài cũng vừa chào đời, cả vương gia vui mừng nên đặt tên ngài như thế. A-nan theo Phật xuất gia, là người học rộng nghe nhiều, trí tuệ vô ngại. Thế Tôn cho ngài là người tổng trì bậc nhất, có công đức lớn, thọ trì pháp tạng, chẳng khác nước chảy vào bình, bởi vậy sai ngài làm thị giả. Đến lúc sắp nhập Niết-bàn, ngài đến sông Hằng tự nghĩ: "Những đệ tử được độ trước đây bây giờ phải đến vân tập." Lát sau có năm trăm La-hán từ trên không đi xuống, trong đó có hai La-hán là Thương-na-hòa-tu và Mạt-điền-để-ca. Tôn giả biết hai người đó đều là bậc pháp khí, ngài nói: Xưa Như Lai đem Chánh pháp nhãn tạng giao phó cho Đại Ca-diếp, Ca-diếp nhập định thì giao phó cho ta, nay ta sắp thị tịch nên ta truyền lại cho các ông. Các ông hãy theo lời ta dạy và nghe ta nói kệ:

Xưa nay truyền hữu pháp
Truyền rồi nói không pháp
Mỗi người phải tự ngộ
Ngộ rồi không không pháp.

Ngài lại bảo Thương-na-hòa-tu: Ông phải khéo hoằng hóa, hộ trì Chánh pháp chớ để đoạn dứt và ngài bảo Mạt-điền-để-ca: Xưa Phật thọ kí rằng: "Khi Phật diệt độ năm trăm năm sẽ có ông là người tuyên dương Đại pháp ở nước Kế Tân, sau này ông hãy qua đó mà xiển dương Chánh pháp." Nói xong ngài bay bổng lên hư không, hiện mười tám

tướng biến hóa, nhập Phong phấn tấn Tam-muội tự đốt thân rồi phân chia xá-lợi, một phần cho quốc vương Tỳ-xá-ly, một phần cho quốc vương A-xà-thế. Mỗi nơi đều dựng tháp báu cúng dường. Bấy giờ nhằm đời Chu Di Vương.

+ Mười tám tướng biến hóa, được trích từ Văn Cú Bổ Chú Chương:

1. Hông phải ra nước.	2. Hông trái ra lửa.
3. Hông trái ra nước.	4. Hông phải ra lửa.
5. Thân trên ra nước.	6. Thân dưới ra lửa.
7. Thân dưới ra nước.	8. Thân trên ra lửa.
9. Đi trên đất như nước.	
11. Ẩn hư không thì hiện trên đất.	12. Ẩn trên đất thì hiện trên hư không.
13. Đi trong hư không.	14. Đứng trong hư không.
15. Ngồi trong hư không	6. Nằm trong hư không
17. Trong không hiện thân lớn	18. Từ lớn hiện thành nhỏ.

+ ***Lệ Vương:*** Tên là Hồ, con của Di Vương, ông bạo ngược, muôn dân không chịu xiết, ông lên ngôi ba năm thì dân làm phản, ông chạy đến đất Trệ. Chu Công, Thiệu Công thấy Thái tử Tĩnh còn nhỏ, nên hai người hợp sức cùng giải quyết triều chánh, đó là năm Cộng Hòa. Lệ Vương mất ở đất Trệ, ông ở ngôi mười bốn năm.

+ ***Thi:*** Vương gặp biến mới làm ra Nhã. Đại nhã có năm thiên: Dân Lao, Bản Đãng Ức Tang Nhu.

- Trần Phong bắt đầu thay đổi, U Công có hai thiên: Uyển Khâu, Đông Môn Chi.

- Cối Phong bắt đầu thay đổi, có bốn thiên: Cao Cừu, Tố Quan, Thấp Hữu Trành, Sở Phỉ Phong.

+ Cộng Hòa: Chu Công, Thiệu Công cùng nắm quốc sự, đến năm thứ mười bốn Lệ Vương mất ở đất Trệ, Thái tử Tĩnh được nuôi trong nhà của Thiệu Công cũng đã lớn, hai tướng cùng lập Tĩnh lên ngôi, đó là Tuyên Vương.

+ Bảo tháp Xá-lợi của Phật Thích-ca: Quốc vương A-dục ở Đông Thiên Trúc nghiền bảy báu thành hạt nhỏ làm tám vạn bốn ngàn bảo

tháp, thâu hết Xá-lợi của Thế Tôn được cất giữ ở Long cung và Tây Vực đặt hết vào những tháp đó, thỉnh Tôn giả Da-xá phóng quang, sai quỷ Tiệp Tật theo tám vạn bốn ngàn đạo hào quang ấy đặt hết vào số tháp trong khắp Ta-bà. Nước Chấn Đán có mười chín nơi, đến đời Tây Tấn Vũ Đế năm Thái Khang năm thứ ba, có người tên Lưu-tát-ha bị bệnh chết, hồn vào cõi U minh gặp một Phạm tăng, vị Tăng bảo ông ta hãy đến tháp của A-dục ở Cối kê[2] sám hối thì sẽ được sống lại (khi sống lại) ông xuất gia tên là Tuệ lại đến Cối Kê Đạt tìm nhưng không thấy. Đêm nọ bỗng nghe dưới đất có tiếng chuông, Đạt thành kính đảnh lễ nơi ấy suốt ba ngày, đột nhiên một bảo tháp từ đất nổi lên, cao một thước bốn tấc, rộng bảy tấc, có đủ tượng Phật. Tuệ Đạt thấy tháp càng tinh tấn lễ sám, chiêm ngưỡng Thánh tượng.Tháp Xá-lợi của Phật ở Quảng Lợi Thiền tự thuộc núi A-dục Vương ở Minh châu ngày nay chính là tháp ấy. Lúc Dục Vương tạo tháp nhằm niên hiệu Cộng Hòa của Chu Lệ Vương (trích từ A-dục Vương Sơn Tháp Truyện)

+ Tuyên Vương: Tên là Tĩnh, con của Lệ Vương. Chu Công, Thiệu Công phụ chánh sửa sang chánh sự, noi theo di phong của Văn, Vũ, Thành, Khang. Ông sai Thiệu Công đánh rợ Di ở Bình Hoài, đãi ngộ Bá Trọng, Sơn Phủ, vỗ yên thiên hạ, sửa sang chánh sự, dùng đức dạy và tiến cử người hiền, cả nước đều hưởng ứng, chư hầu lại phục tùng nhà Chu, đạo nhà Chu được trung hưng, Doãn Cát Phu làm Thi ca ngợi ông. Ông ở ngôi bốn mươi sáu năm.

- Thi: thi của Tuyên Vương có hai mươi thiên.

Tiểu Nhã: gồm mười bốn thiên: Lục Nguyệt, Thái Kỷ, Xa Công, Kiết Nhật, Hồng Nhạn, Đình Liêu, Miện Thủy, Hạc Minh, Kỳ Phụ, Bạch Câu, Hoàng Điểu, Ngã Hành Kỳ Dã, Tư Vu, Vô Dương.

Đại Nhã: gồm sáu thiên: Vân Hán, Tung Cao, Chửng Dân, Hàn Dịch, Giang Hán, Thường Vũ.

+ Vệ Quốc Phong: Võ Công một thiên: Dung Bá Chu.

+ Trần Phong: Ly Công ba thiên: Hành Môn, Đông Môn Chi Trì, Đông Môn Chi Dương.

+ Nước Trịnh: Tuyên Vương năm năm thứ hai mươi hai, ông phong cho em là Hữu ở đất Trịnh (nay là Biện Lương lộ, Trịnh châu, thuộc Vinh Dương, Dự châu, ban đầu là nước của Quản Thúc). Trịnh gồm hai mươi hai chủ, trị vì tổng cộng bốn trăm ba mươi hai năm, sau bị Hàn tiêu diệt.

---

2. Sám hối sẽ được sống lại. Ông làm theo và xuất gia tên là Tuệ Đạt. Ông đến Cối kê...

Chu: Tuyên Vương năm năm thứ 22 Hoàn Công Hữu năm đầu	Bình Vương năm đầu Vũ Công Quật Đột năm đầu	Bình Vương năm thứ 28 Trang Công Ngụ Sinh năm đầu
Hoàn Vương năm thứ 20 Lệ Công Đột năm đầu	Trang Vương năm đầu Chiêu Công Hốt năm đầu	Trang Vương năm thứ 3 Tử Điệp năm đầu
Huệ Vương năm thứ 5 Văn Công Tiệp năm đầu	Tương Vương năm thứ 25 Mục Công Lan năm đầu	Định Vương năm thứ 2 Linh Công Di năm đầu
Định Vương năm thứ 3 Tương Công Kiên năm đầu	Định vương năm thứ 21 Điệu Công Phí năm đầu	Giản Vương năm thứ 2 Thành Công Du năm đầu
Giản Vương năm thứ 14 Hy Công Huy năm đầu	Linh Vương năm thứ 7 Giản Công Gia năm đầu	Cảnh Vương năm thứ 16 Định Công Ninh năm đầu
Kính Vương năm thứ 7 Hiến Công năm đầu	Kính Vương năm thứ 20 Thanh Công Thắng năm đầu	Trinh Định Vương Năm thứ 7 Ai Công Định năm đầu
Trinh Định Vương Năm thứ 15 Cung Công Sửu năm đầu	Uy Liệt Vương năm thứ 3 U Công Dĩ năm đầu	Uy Liệt Vương năm thứ 4 Nho Công Đãi năm đầu
An Vương năm thứ 7 Khang Vương Ất năm đầu	Liệt Vương năm đầu là Trịnh Khang Vương năm thứ 20, Trịnh bị Hàn diệt	

Nước Tần: Họ Doanh, tiên tổ xuất thân từ Cao Dương thị, con cháu của Chuyên Đế, con của Nhữ Tu là Đại Nghiệp sanh ra Bá Ế tức Đại Phí. Phí giúp Vũ bình định được nạn nước, đất, sau lại có Tạo Phụ thờ Mục Vương, được ân sủng và phong ở đất Triệu (nay là Tần châu, Củng Xương lộ, Thiễm Tây. Thành ở Ung châu vốn là đất của Tây Nhung). Đại Phí truyền đến đời năm thứ mười chín thì sinh Phi Tử, chăn ngựa cho Hiếu Vương, về sau được phong Ấp. Doanh Tần làm Phụ Dung đến Tần Trọng được Tuyên Vương sai làm Đại Phu, lúc này mới có ngựa, xe, lễ, nhạc. Cháu Tần Trọng là Tương Công gặp phải thời U Vương bị Tây Nhung đánh bại, Bình Vương về Đông, ông đem binh tướng cứu viện, có công với nhà Chu, Bình Vương năm đầu ông được ban đất, mới cho làm chư hầu. Bình Vương năm thứ sáu, Tần Văn Công đóng đô ở Lũng châu, lúc này mới được Hiếu Vương ban Ấp. Noãn Vương năm thứ chín, tức Chiêu Tương Vương năm đầu. Tần gồm ba mươi vua, trị vì năm trăm sáu mươi ba năm. Chiêu Tương Vương thôn tính nhà Chu, Noãn Vương mất.

+ Tần Phong thay đổi mới có Thi gồm một thiên: Xa Lân Mỹ Tần Trọng.

Chu: Cộng Hòa năm đầu Tần Trọng năm thứ 4	Tuyên Vương năm thứ 7 Trang Công năm đầu	U Vương năm thứ 5 Tương Công năm đầu
Bình Vương năm thứ 6 Văn Công năm đầu	Hoàn Vương năm thứ 5 Minh Công năm đầu	Hoàn Vương năm thứ 17 Xuất Tử năm đầu
Hoàn Vương năm thứ 23 Vũ Công năm đầu	Huệ Vương năm thứ 2 Tuyên Công năm đầu	Huệ Vương năm thứ 14 Thành Công năm đầu
Huệ Vương năm năm thứ 18 Mục Công Nhậm Giáp năm đầu	Tương Vương năm thứ 32 Khang Công năm đầu	Khuông Vương năm thứ 5 Cung Công Hòa năm đầu

Định Vương năm thứ 4 Hoàn Công năm đầu	Giản Vương năm thứ 10 Cảnh Công Hậu năm đầu	Cảnh Công năm thứ 9 Ai Công năm đầu
Kính Vương năm thứ 20 Tuệ Công năm đầu	Kính vương năm thứ 30 Điệu Công năm đầu	Nguyên Vương năm đầu Lệ Cung Công năm đầu
Trinh Định Vương năm thứ 27 Tháo Công năm đầu	Khảo Vương năm thứ 13 Hoài Công năm đầu	Uy Liệt Vương năm thứ 2 Linh Công năm đầu
Uy Liệt Vương năm năm thứ 12 Giản Công Điệu Tử năm đầu	An Vương năm thứ 2 Tuệ Công năm đầu	An Vương năm thứ 16 Linh Công năm đầu
An Vương năm năm thứ 18 Hiến Công năm đầu	Hiển Công năm thứ 5 Hiến Công đánh bại quân Tấn	Hiển Vương năm thứ 8 Hiều Công năm đầu
Hiển Vương năm thứ 32 Tuệ văn Vương năm đầu	Noãn Vương năm thứ 5 Vũ Vương năm đầu	Noãn Vương năm thứ 9 Chiêu Tương Vương năm đầu

Hiển Vương năm thứ mười chín, Tần Thương Ưởng dựng kí khuyết Cung Đình ở Hàm Dương rồi dời đô về đó, gom các làng nhỏ lại thành huyện, huyện đặt dưới lệnh thừa, gồm ba mươi mốt huyện, bỏ phép tỉnh điền mở phép thiên mạch (bờ theo hướng Đông Tây, Nam Bắc) định lại đấu, thùng, hộc, cân cán, thước tấc. Hiển Vương năm thứ ba mươi, Tần sát nhập vào Chiến Quốc. Hiển Vương năm thứ bốn mươi lăm, Tần Tuệ

Văn Vương đổi năm thứ mười bốn thành năm đầu. Noãn Vương năm thứ năm mươi chín tức Tần Chiêu Tương Vương năm thứ, Tần thôn tính nhà Chu, dời luôn Cửu Đỉnh (Tây Chu diệt vong)

TỔ THỨ BA: TÔN GIẢ THƯƠNG NA HÒA TU.

Ngài còn có tên là Xá-na-bà-tư, thuộc dòng dõi Tỳ-xá-đa, người nước Ma-đột-la, cha là Lâm Thắng, mẹ là Kiều-xà-da. Ngài ở trong thai nhi sáu năm mới chào đời. Tiếng Phạm là Thương-nặc-ca, Hán dịch là Tự Nhiên Phục, đó là loại cỏ rất đẹp có chín nhánh ở Tây Vực, nếu có Thánh nhân xuất thế thì loại cỏ này sẽ mọc ở đất sạch, lúc Ngài chào đời, loại cỏ này xuất hiện. Ngài trì pháp hoằng hóa, sau đến nước Tra-lợi, được Ưu-ba-cúc-đa theo hầu. Tổ hỏi:

- Ông được bao nhiêu tuổi?

Cúc-đa đáp:

- Con mười bảy tuổi.

- Thân ông mười bảy hay tánh ông mười bảy?

Cúc-đa hỏi lại:

- Tóc thầy đã bạc, vậy tóc bạc hay tâm bạc?

- Tóc ta bạc, không phải tâm ta bạc.

- Cũng vậy, thân con mười bảy chứ không phải tánh con mười bảy.

Ba năm sau, Tôn giả thế phát và cho Cúc-đa thọ cụ túc, rồi ngài truyền trao chánh pháp và nói kệ rằng:

Phi pháp cũng phi tâm
Không tâm cũng không pháp
Khi nói tâm pháp ấy
Pháp ấy phi tâm pháp.

Truyền pháp xong, Tôn giả ẩn tu trên núi Nam Tượng Bạch ở nước Kế Tân. Về sau, từ trong Tam-muội, Ngài thấy năm trăm đồ chúng đệ tử của Cúc-đa thường hay giải đãi. Ngài đến nơi, hiện Long phấn tấn Tam-muội điều phục họ và nói kệ rằng:

Thông đạt không đây kia
Chí thành không hay dở
Người trừ tâm khinh mạn
Mau chứng A-la-hán.

Năm trăm Tỳ-kheo nghe xong, thực hành đúng như vậy. Tôn giả hiện mười tám tướng biến hóa dùng Hỏa quang Tam-muội đốt thân. Tôn giả Cúc-đa thâu lấy xá-lợi an táng ở núi Phạm-ca-la. Bấy giờ nhằm

đời Chu TuyênVương (theo ChánhTông Ký)

+ U Vương: Tên là Cung Niết, con của Tuyên Vương. Ông sủng ái Bao Tự, nghe lời dèm pha của Quắc Thạch Phụ, phế Thân hậu, đày Thái tử Nghi Cửu ở đất Thân. Đưa Bao Tự lên làm hậu, Bao Tự sinh ra Tử Dư, U Vương tin yêu Bao Tự. Lính Tây Nhung giết ông ở Ky Sơn, bắt sống Bao Tự, ông ở ngôi mười một năm. Quắc Công lập Tử Dư nhưng muôn dân không thuận, chưa đầy một năm thì Tấn Văn Hầu giết Dư, đó là Huề Vương, chư hầu đến đất Thân đón Thái tử Nghi Cửu về làm vua, đó là Bình Vương (năm tháng ở trên thuộc trước Xuân Thu).

+ Thi: Thi của U Vương gồm:

- Tiểu Nhã: có bốn mươi ba thiên: Tiết Nam Sơn, Chánh Nguyệt, Thập Nguyệt, Chi Giao, Vũ Vô Chánh Tiểu, Mân Tiểu, Uyển Tiểu, Biện Xảo Ngôn, Hà Nhân Tư Hạng, Bá Cốc Phong, Liêu Nga, Tứ Nguyệt, Bắc Sơn, Vô Tướng, Đại Xa, Tiểu Minh, Cổ Chung, Sở Tỳ, Tín Nam Sơn, Phủ Điền, Đại Điền, Chiêm Bỉ, Lạc Hỷ, Thường Thường Giả Hoa, Tang Hổ, Uyên Ương,Phả Biện, Xa Khiên, Thanh Thằng, Tân Chi Sơ Diên, Ngư Tảo, Thái Phục, Giốc Công, Uyển Liễu, Đô Nhân Sĩ, Thái Lục, Thử Miêu, Thấp Tang, Bạch Hoa, Miên Man, Hồ Diệp, Tiệm Tiệm Chi Thạch, Điều Chi Hoa, Hà Thảo Bất Hoàng.

- Đại Nhã có hai thiên: Chiêm Ấn, Thiệu Mân.

+ Bình Vương: Tên là Nghi Cửu, con của U Vương, ở ngôi năm mươi mốt năm. Sau khi U Vương bị hại, ông dời về Phong Cảo để tránh loạn Nhung địch, nhưng không ở được, nên phải dời về Lạc Ấp. Vương thất suy vi, chẳng ai thi hành hiệu lệnh, quyền chánh về tay Phương Bá, Tề, Sở, Tần, Tấn ngày một hùng mạnh.

+ Thi: Thi của Bình Vương, Hoàn Vương, Trang Vương có tổng cộng mười thiên đều là Quốc Phong chê vua. Bình Vương có sáu thiên: Mạnh Ly Quân Tử, Vu Dịch Quân Tử, Dương Dương, Dương Chi Thủy, Trung Cốc Hữu, Thôi Cát Lũy. Hoàn Vương có ba thiên: Thố Viên, Thái Cát, Đại Xa. Trang Vương có một thiên: Khâu Trung Hữu Ma.

+ Vệ Phong: có bốn thiên: Kỳ Á, Lục Y, Khảo Bàn, Thạc Nhân.

+ Trịnh Phong bắt đầu thay đổi, có một thiên: Truy Tố.

+ Đường Phong: tức Tấn bảy thiên: Sơn Hữu Khu, Dương Chi Thủy, Tiêu Liêu, Trù Mâu, Lâm Đỗ, Dạng Cừu, Y Vu.

+ Tần Phong: bốn thiên: xe sắt bốn ngựa là khen Thương công, mới nhận mệnh làm chư hầu đã có ruộng vườn muôn thú (Tứ Thiết, Tiểu Nhung, Kiêm Gia, Chung Nam)

TỔ THỨ TƯ: TÔN GIẢ ƯU BA CÚC ĐA

Ngài thuộc dòng Thủ-đà, người nước Trá-lợi, cha là Thiện Ý. Năm mười bảy tuổi, ngài xuất gia, hai mươi tuổi thì chứng quả, đi khắp nơi hoằng hóa làm cho cung ma chấn động. Ma Ba-tuần đợi Ngài nhập định, lén đem dải mũ cột vào cổ ngài. Tổ xuất định biết Ma đến quấy phá, Ngài bèn đem thây chết của người, chó và rắn hóa thành tràng hoa đáp lễ lại ma Ba-tuần. Ba-tuần đeo vào, hôi thối không chịu nổi, dùng hết thần lực nhưng cởi không ra, bèn chạy lên Phạm thiên cầu cứu. Phạm vương nói: Đó là do đệ tử của Đấng Thập Lực làm ra, ta không thể gỡ ra được. Ông phải quy tâm với Tôn giả. Ba-tuần làm theo, bấy giờ Phạm vương nói kệ rằng:

Nếu ngã xuống đất
Từ đất đứng dậy
Lìa đất muốn dậy
Trọn không thể được.

Ma Ba-tuần liền khẩn thiết phát lồ sám hối, Tôn giả bảo: Ông hãy tự xướng "Quy y Tam bảo" đi! Ma vương chắp tay xướng: "Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng." Tràng hoa liền rơi xuống đất, Ba-tuần vui mừng quá đỗi, đảnh lễ nói kệ rằng:

Cúi lạy đấng Tam-muội
Đệ tử Thánh Thập Lực
Con nay nguyện quay đầu
Không làm kẻ thấp kém.

Ba-tuần đảnh lễ ngài rồi đi. Mỗi lần độ được một đệ tử, Tôn giả dùng một thẻ tre để vào ngôi nhà đá. Ngôi nhà này dài mười tám khủy tay, rộng mười hai khủy tay, nhưng thẻ tre đầy ắp. Tôn giả phó thác cho Đề-đa-ca và nói kệ:

Tâm từ xưa tới nay
Bản tâm chẳng có pháp
Có pháp có bản tâm
Chẳng tâm chẳng bản pháp.

Phó pháp xong, Tôn giả bay bổng lên hư không, hiện mười tám tướng biến hóa, rồi về lại bản tòa kiết già mà tịch. Đề-đa-ca lấy thẻ tre trong ngôi nhà ấy làm vật trà-tỳ ngài, thâu xá-lợi dựng tháp cúng dường. Bấy giờ nhằm đời Chu Bình Vương. Ngày nay trụ trì gọi Phương trượng là Trù thất chính là vậy.

+ Thập Lực gồm:

1. Thị xứ phi xứ lực.

2. Tri nghiệp lực.
3. Tam-muội lực.
4. Tri căn lực.
5. Tri dục lực.
6. Tri tánh lực.
7. Chí đạo lực.
8. Túc mệnh lực.
9. Thiên nhãn lực.
10. Vô lậu lực.

+ Xuân Thu: là sử nước Lỗ, Khổng Tử soạn Xuân Thu. Bắt đầu từ Lỗ Ẩn Công năm đầu, tức Chu Bình vương thứ bốn mươi chín, Khổng Tử cho rằng, Bình Vương là vua đầu tiên của đông Chu, còn Ẩn Công là vua hiền nhường nước, vì vậy ông ghi chép từ đó, nhằm ngụ ý khen chê thưởng phạt để khuông chánh phép tắc của một vị vua (Theo Lưu Thứ ngoại kỷ).

+ Hoàn Vương: Tên là Lâm, cháu của Bình Vương. Thái tử Tiết chết sớm nên lập ông. Ông ở ngôi hai mươi ba năm. Hồi ấy Bình Vương dời về Đông, Tấn Trịnh đều đến giúp, chư hầu đều phục tùng, Vương cướp chánh sự của Trịnh Bá, Trịnh không phục, Vương bèn đánhTrịnh, nhưng quân tổn Vương bại, từ đó uy lệnh của Thái tử mất hiệu lực.

+ Thi: Vương Quốc Phong ba thiên (xem trong Bình Vương)

+ Vệ Phong: Châu Hu, Tuyên Công, Huệ Công, có hai mươi sáu thiên.

- Vệ gồm: Trúc Can, Bá Hề, Hữu Hồ, Bồng Lan, Hà Quảng.

- Bắc gồm: Yên Yên Nhật Nguyệt, Chung Phong, Kính Cổ, Khải Phong, Hùng Trĩ, Bào Hữu Khổ Diệp, Cốc Phong, Thức Vi, Mao Khâu, Giản Hề, Tuyền Thủy, Bắc Môn, Bắc Phong, Tĩnh Nữ, Tân Đài, Nhị Tử Thừa Chu.

- Dung: gồm: Quân Tử Giai Lão, Tường Hữu Tỳ Tang Trung, Thuần Chi Bôn Bôn.

- Ngụy Phong: bảy thiên: Cát Lũ, Phần Tự Như, Viên Hữu Đào, Trắc Hỗ, Thập Mẫu Chi Gian, Phạt Đàn, Thạc Thử.

Bắc và Dung nằm trong Vệ.

+ Trang Vương: Tên là Đà, con của Hoàn Vương, ở ngôi mười lăm năm.

- Thi: Vương Quốc Phong một thiên (xem trong Bình Vương)

- Tề Phong: Tương Công sáu thiên: Nam Sơn, Phủ Điền, Lô Kiêm, Tệ Tấn, Tải Trì, Y Ta.

- Trịnh Phong: sáu thiên: Tướng Trọng Tử Thúc Vu-điền, Dạng Cừu, Tuân Đại Lộ, Nhữ Viết, Kê Minh. Lại có hai thiên là Khiên Thường và Thấu Vị.

TỔ THỨ NĂM: TÔN GIẢ ĐỀ DA CA:

Ngài người nước Ma-già-đà, không rõ họ gì, ban đầu có tên là Hướng Chúng. Tiếng Phạm là Đề-đa-ca, Hán dịch là Thông Chân Lượng. Hồi ấy Hướng Chúng theo Tôn giả Cúc-đa cầu xuất gia. Cúc-đa hỏi ngài:

- Thân ông xuất gia hay tâm ông xuất gia?

Hướng Chúng đáp:

- Con đến xuất gia chẳng vì thân tâm.

- Không vì thân tâm thì ai xuất gia?

- Phàm người xuất gia thì không ngã, ngã sở, do không có ngã, ngã Sở nên tâm không sinh diệt, tâm không sinh diệt đó là Thường đạo. Chư Phật cũng Thường, tâm không hình tướng, thể nó cũng vậy.

Cúc-đa nói: Lúc ông đại ngộ thì tâm tư thông đạt, ông nên nương tựa Phật Pháp Tăng nối tiếp giống Thánh.

Nói rồi, Tôn giả thế phát, truyền Cụ túc giới cho ngài, đặt tên là Đề-đa-ca và truyền đại pháp cho ngài. Đề-đa-ca đắc pháp xong, hoằng hóa đến Trung Ấn. Trong nước này có tám ngàn đại tiên, người đứng đầu tên là Di-già-ca. Tiên chúng kéo đến đảnh lễ ngài xin xuất gia, tám ngàn đại tiên đều theo Di-già-ca xin xuất gia, Tôn giả hứa khả, xuống tóc trao ca-sa cho họ. Tôn giả nói với Di-già-ca: Xưa Như Lai đem đại Pháp nhãn mật phó cho Đại Ca-diếp, cứ thế lần lượt truyền đến ta, nay ta giao phó cho ông, ông phải truyền trì chớ để đoạn dứt, nghe ta nói kệ:

Thông đạt pháp bản tâm
Không pháp không phi pháp
Ngộ rồi đồng chưa ngộ
Không tâm cũng không pháp.

Nói kệ xong Tôn giả bay lên không, hiện mười tám tướng biến hóa, dùng Hỏa quang Tam-muội tự đốt thân. Di-già-ca và đồ chúng thâu lấy xá-lợi dựng tháp ở núi Bàn-trà mà cúng dường. Bấy giờ nhằm đời Chu Trang Vương.

+ Ly Vương: Tên là Hồ Tề, con của Trang Vương, ở ngôi năm. Lúc này Tề Hoàn Công mới xưng bá, hội họp chư hầu, thân làm Minh chủ, Quản Trọng lo chánh sự, với hiệu là Trọng Phụ. Ông không cho

bốn thứ dân ở lẫn lộn, chia nước thành hai mươi mốt làng, sửa sang nội chánh, củng cố quân lệnh, chỉnh đốn giá gạo muối.

- Thi: Đường Phong tức Tấn Phong Vũ Công hai thiên: Vô Y, Hữu Trượng Chi Đỗ.

- Trịnh Phong: mười một thiên: Hữu Nữ Đồng Xa, Sơn Hữu Phù Tô, Thác Hề, Giảo Đồng Phong, Đông Môn Chi Thiện, Phong Vũ, Xuất Ký Đông Môn, Tử Câm, Dương Chi Thủy, Dã Hữu Mạn Thảo.

+ Huệ Vương: Tên là Lãng, con của Ly Vương, ông ở ngôi hai mươi lăm năm. Ban đầu Trang Vương yêu mến cho con út là Tử Đồi, muốn lập Đồi làm Thái tử nhưng không được. Huệ Vương năm thứ hai, mùa Thu, Biên Bá Ngũ Đại Phu oán Huệ Vương mới triệu Yên, Vệ đánh nhà Chu. Vương chạy khỏi đất Ôn, đến ở tại Trịnh. Yên, Vệ cùng chư Đại Phu lập Đồi làm Vương. Đến năm thứ tư, Trịnh Bá, Quắc Công thống lãnh binh sĩ đánh Vương Thành giết Tử Đồi và Ngũ Đại Phu, đưa Huệ Vương về lại nhà Chu. Năm năm thứ hai mươi bốn, Huệ Vương mất, Tương Vương không dám phát tang vì sợ Thúc Đới, ông cáo nạn với Tề, năm năm thứ hai mươi lăm, chư hầu cùng bàn về Vương thất, yên định rồi sau đó mới phát tang.

+ Thi:

- Đường Phong hai thiên: Định Chi Phương Trung, Tải Trì.

- Trịnh Phong một thiên: Thanh Nhân.

- Tào Phong một thiên: Phù Du.

- Vệ Phong hai thiên: Định Chi Phương Trung, Tải Trì.

+ Lỗ Tụng: Lỗ Hy Công ở ngôi ba mươi ba năm, lúc này cháu của Quý là Hành Phụ xin mệnh nhà Chu và Sử Khắc làm Tụng gồm bốn thiên nhằm ngợi khen Hy Công, đó là Quynh Hữu Tất, Phán Thủy, Muộn Cung, Sử Khắc, Sử Khắc là sử quan nước Lỗ.

+ Tương Vương: Tên là Trịnh con của Huệ Vương, ở ngôi bốn mươi bốn năm. Hồi đó con út của Huệ Vương là Thúc Đới được ân sủng, Tuệ hậu muốn lập Đới nhưng không được, lúc này Thúc Đới muốn đem Nhung, định đánh nhà Chu, Vương biết, muốn giết Thúc Đới, Thúc Đới chạy đến Tề. Năm đầu, Tề Hoàn Công hội họp chư hầu ở Quỳ Khâu (nay là Biện Lương lộ, Ung châu). Năm thứ tám Vương đem nạn này báo với Tề, Tề Hoàn Công sai chư hầu giúp nhà Chu. Tương Vương năm thứ chín, Tề Hoàn Công mất, năm năm thứ mười bảy, người rợ định đem Thúc Đới về đánh nhà Chu, Tương Vương chạy đến Trịnh. Rợ lập Thúc Đới làm Vương. Bấy giờ, Tấn Văn Công vừa lánh nạn Ly Cơ

trở về, Tương Vương báo gấp với Tấn. Tấn Văn Công thống lãnh chư hầu đánh nhà Chu, giết Thúc Đới đưa Tương Vương về. Vương ban cho Văn Công làm Hầu Bá.

Thi: Vệ Phong Văn Công có ba thiên: Đế Công, Tương Thủ, Vu Mao

Lại có một thiên là Mộc Qua ca ngợi Tề Hoàn Công.

- Trần Phong: Tuyên Công có hai thiên: Phòng Hữu Thước Sào, Nguyệt Xuất

- Tần Phong: Mục Công có một thiên: Hoàng Điểu. Khang Công có bốn thiên: Thần Phong, Vô Y, Vị Dương, Quyền Dư

TỔ THỨ SÁU: TÔN GIẢ DI GIÀ CA

Ngài người Trung Ấn, không rõ thuộc dòng họ gì. Một hôm ngài đến Bắc Thiên Trúc, khi ngang qua chợ ngài gặp một người tay cầm bình rượu đón ngài và hỏi:

- Tôn giả từ nơi nào đến? Muốn đi đâu?

Ngài đáp:

- Ta từ tự tâm đến, muốn về nơi không xứ sở.

- Ngài biết vật gì trong tay tôi không?

- Đó là cái bình dơ nhưng đựng đồ sạch

- Tôn giả biết tôi không?

- Ta thì chẳng biết, biết thì chẳng phải là ta.

Ngài lại bảo:

- Ông thử nói tên họ của mình xem!

Người ấy liền đọc bài kệ rằng:

Nay tôi sinh nước này
Lại nhớ về thuở xưa
Vốn họ Phả-la-đọa
Tên là Bà-tu-mật.

Tôn giả nhận và xuống tóc cho Tu-mật rồi truyền đủ giới tướng, sau đó ngài nói với Tu-mật: "Ta nay già rồi, sắp vào Niết-bàn, nay ta đem Chánh pháp nhãn tạng của Như Lai giao phó cho ông, ông phải gắng truyền trao chớ để đoạn dứt, nghe ta nói kệ:

Không tâm, không thể được
Nói được chẳng phải pháp
Nếu rõ tâm phi tâm
Mới hiểu tâm tâm pháp.

Nói kệ xong, Tôn giả nhập Sư tử phấn tấn Tam-muội, bay bổng

lên hư không, cao bằng bảy cây Đa-la, sau đó ngài về lại bản tòa tự dùng lửa đốt thân. Bà-tu-mật thu lấy xá-lợi đặt trong hòm bảy báu, xây tháp đặt ở tầng cao nhất mà cúng dường. Bấy giờ nhằm đời Chu Tương Vương. (Theo Chánh Tông ký).

+ Khoảnh Vương: Tên là Nhâm Thần, con của Tương Vương, ở ngôi sáu năm.

+ Thi:

- Tào Phong: Cung Công có ba thiên: Hầu Nhân, Mân Chu, Na Tuyền.

- Trần Phong: Linh Công có hai thiên: Chu Lâm, Trạch Bi.

+ Khuông Vương: Tên là Ban, con của Khoảnh Vương, ở ngôí hai mươi mốt năm.

+ Định Vương: Tên là Du, con của Khuông Vương, ở ngôi hai mươi mốt năm.

+ Lão Tử: Họ Lý, tên Đam, tự Bá Dương, tên thụy là Nhiễm. Ông sinh ở thôn Thúc Nhân, làng Lại, huyện Khổ, quận Trần thuộc nước Sở vào ngày mười bốn tháng chín năm Đinh Tỵ niên hiệu Định Vương năm thứ ba. Lúc này Thế Tôn đã diệt độ ba trăm bốn mươi sáu năm rồi. Năm Kỷ Mão, Giản Vương năm thứ tư, Bá Vương được hai mươi ba tuổi, ông làm quan nhà Chu giữ chức Thủ tàng Lại. Năm thứ mười ba, ông giữ chức Trụ Hạ Sử mãi đến năm thứ năm mươi bốn, lúc này người ta bảo ông là quan ở ẩn. Kính Vương năm đầu, Nhâm ngọ, Lão Tử được tám mươi sáu tuổi, ông bỏ nhà Chu cùng Tán Quan lệnh Doãn Hỷ về Tây đến Lưu Sa, sau đó ông mất ở quận Phù Phong, an táng ở Hòe Lý. (nay là huyện Hưng Bình, An Tây lộ, Thiểm Tây).

TỔ THỨ BẢY: TÔN GIẢ BÀ TU MẬT.

Ngài họ Phả-la-đọa, người Bắc Thiên Trúc, gặp được tổ Di-già-ca, xuất gia được truyền pháp rồi hoằng hóa đến nước Ca-ma-la. Bỗng có một Trí giả đến trước ngài tự xưng mình tên Phật-đà Nan-đề, hôm nay quyết xin luận nghị. Tu-mật bảo: Này Nhân giả! Luận thì chẳng phải nghĩa, nghĩa thì chẳng phải luận, nếu cứ nghĩ đến luận nghĩa thì trọn chẳng phải nghĩa luận.

Nan-đề biết ngài là người luận nghĩa xuất chúng bèn cầu xuất gia. Tôn giả Tu-mật đặc biệt dạy Nan-đề Tứ quả Thánh nhân rồi truyền trao Cụ túc giới. Sau đó không lâu, ngài bảo Nan-đề: Nay ta đem chánh pháp Nhãn tạng của Như Lai giao phó cho ông, ông gắng truyền trao, cẩn thận đừng để gián đoạn, nghe ta nói kệ:

Tâm đồng cõi hư không
Ngang bằng hư không pháp
Khi chứng được hư không
Không pháp, không phi pháp.

Nói kệ xong, ngài bay lên không, hiện mười tám tướng biến hóa, rồi nhập Từ tâm Tam-muội. Lúc ấy Phạm vương, Đế Thích cùng chúng các cõi trời đều đến đảnh lễ và nói kệ rằng:

Trong Thánh tổ Hiền kiếp
Ngài là Tổ năm thứ bảy
Tôn giả thương xót con
Xin diễn nói Phật địa.

Ngài xuất định dạy họ rằng: "Pháp mà ta chứng đắc không phải có, nếu các ông muốn biết Phật địa (quả Phật) cần phải lìa có, không." Nói xong ngài lại nhập định, hiện tướng Niết-bàn, Nan-đề dựng tháp bảy báu ngay nơi pháp tòa ấy để an táng toàn thân ngài. Bấy giờ nhằm đời Chu Định Vương. Cách thức an táng toàn thân của chư tổ phát xuất từ đây.

+ Giản Vương: Tên là Di, em của Định Vương, ở ngôi hai mươi bảy năm.

+ Linh Vương: Tên là Tiết Tâm, con của Giản Vương, ở ngôi hai mươi bảy năm.

+ Khổng Tử: Ông sinh ngày Canh Tý tháng mười một năm Canh Tuất đời Linh Vương năm năm thứ hai mươi mốt tại làng Bình, ấp Trâu, nước Lỗ. Mẹ ông là Nhan thị cầu khấn ở Ni Khâu mà sinh ra ông, nhân đó đặt tên ông là Khâu, tự Trọng Ni. Lúc ông ra đời, Thế Tôn đã nhập diệt bốn trăm năm rồi. Ông mất năm Nhâm Tuất đời Kính Vương năm thứ bốn mươi mốt, thọ bảy mươi ba tuổi, an táng ở Khúc Phụ, nước Lỗ (nay là Tế Ninh lộ, Duyện châu, núi Ni Khâu tiếp giáp huyện Tứ Thủy của Duyện châu).

+ Cảnh Vương: Tên là Quý, con của Linh Vương, ở ngôi hai mươi lăm năm. Năm ông mười tám tuổi, Thái tử Thánh chết, Vương muốn lập con út là Tử Triêu, nhưng chưa lập thì vương mất. Tướng nhà Chu là Đan Kỳ, Lưu Địch lập lập con thứ của vương là Mãnh lên làm vương, Tử Triều nhờ các công thần có công đã bãi quan đuổi Lưu tử, Lưu tử chạy đến đất Dương, Đan tử đưa Tử Mãnh về Trang Cung, tay chân của Tử Triêu ban đêm sai người đến bắt Mãnh đem về, Đan tử bỏ chạy. Tay chân của Tử Triêu chở Vương Mãnh đuổi theo Đan tử. Người nước Tấn đem binh đón Vương Mãnh về Vương thành, sau đó Mảnh chết đó là

Điệu Vương. Chư đại phu đưa em cùng mẹ của Vương Mãnh là Cái lên làm Vương, đó là Kính Vương (xem trong Kính Vương để biết thêm về Tử Triêu)

TỔ THỨ TÁM: TÔN GIẢ PHẬT ĐÀ NAN ĐỀ

Ngài họ Cù-đàm, người nước Ca-ma-la. Đầu ngài có nhục kế, biện tài vô ngại. Hồi ấy ngài gặp Tôn giả Bà-tu-mật rồi xuất gia, đắc đạo, hoằng hóa đến nước Đề-già, độ đệ tử là Phật-đà Mật-đa, giao phó pháp nhãn và nói bài kệ:

Hư không không trong ngoài
Tâm pháp cũng như vậy
Nếu liễu đạt hư không
Là đạt lý chân như.

Bấy giờ Tôn giả hiện thần biến rồi về lại bản tòa an nhiên thị tịch. Toàn chúng dựng bảo tháp, an táng thân ngài. Bấy giờ nhằm đời Chu Cảnh Vương.

+ Kính Vương: Tên là Cái, con của Cảnh Vương, ở ngôi bốn mươi ba năm. Trong năm đầu, Chu đại phu Doãn thị lập Tử Triêu làm Vương, Vương vào thành Chu, từ đó gọi Vương thành là Tây Chu, thành Chu là Đông Chu. Năm thứ mười sáu bọn Tử Triêu làm loạn, Vương vchạy sang Tấn. Năm năm thứ mười bảy, Tấn Hầu đem binh đưa ông về, đón vào vương thành (năm tháng này trong thời Xuân Thu)

TỔ THỨ CHÍN: TÔN GIẢ PHỤC ĐÀ MẬT ĐA.

Ngài thuộc dòng họ Tỳ-xá-la, người nước Đề-già. Tổ năm thứ tám hoằng hóa đến nhà ngài, cha ngài là trưởng giả ra đảnh lễ tổ và hỏi tổ cần gì. Tôn giả Nan-đề nói:

- Ta cần một Thị giả.

Trưởng giả nói:

Tôi có đứa con tên là Phục-đà Mật-đa, nay đã năm mươi tuổi, nhưng nó chưa từng nói một lời, chưa từng đi nữa bước.

Tổ bảo:

Người mà ông nói đích thực là đệ tử của ta.

Phục-đà nghe vậy liền đứng dậy đảnh lễ và nói bài kệ:

Cha mẹ chẳng phải thân
Ai là người thân nhất
Chư Phật chẳng phải đạo
Ai là bậc chí đạo.

Tổ đáp:

Lời ông cùng tâm thân
Cha mẹ đâu thể sánh
Hạnh ông hợp với đạo
Chư Phật chính là tâm
Ngoại cầu Phật có tướng
Đâu có giống với ông
Muốn biết bản tâm ông
Chẳng hợp cũng chẳng lìa.

Phục-đà nghe bài kệ xong đi bảy bước. Tổ nói:

Người này bi nguyện rộng lớn, nghĩ đến tình cảm cha mẹ khó lìa, nên chẳng nói, chẳng đi.

Trưởng giả liền cho ngài xuất gia. Tổ truyền Cụ túc giới và giao phó pháp nhãn cho ngài. Sau khi đắc pháp, ngài hoằng hóa đến Trung Ấn và truyền pháp cho Hiếp Tôn giả và nói bài kệ:

Chân lý vốn không tên
Nhân tên bài chân lý
Nhận được pháp chân thật
Chẳng chân cũng chẳng ngụy.

Truyền pháp xong, ngài nhập Diệt tận Tam-muội và vào Niết-bàn. Đồ chúng dùng dầu thơm chiên-đàn trà-tỳ thân thể của ngài, thâu lấy xá-lợi dựng tháp tại chùa Na-lan-đà. Bấy giờ nhằm đời Chu Kính Vương.

+ Nguyên Vương: Tên là Nhân, con của Kính Vương, ở ngôi tám năm.

+ Trinh Định Vương: Tên là Giới, con của Nguyên Vương, ở ngôi hai mươi tám năm. Con là Khứ Tật lên ngôi, đó là Ai Vương. Được ba tháng thì em là Thúc soán ngôi, giết ông rồi tự lập, đó là Tư Vương. Được năm tháng thì em út là Ngỗi đánh giết Tư Vương rồi tự lập, đó là Khảo Vương.

Năm Tân Mão, tức Trinh Định Vương năm thứ mười chín, Thế Tôn diệt độ đã năm trăm năm. Em của Bồ-tát Vô Trước là Bồ-tát Thiên Thân vốn chuộng Tiểu thừa, ngài soạn năm trăm Bộ luận, sau đó Thiên Thân khế ngộ Đại thừa, ngài lại tạo năm trăm bộ luận Đại thừa, nên ngài có hiệu là Thiên Bộ Luận Sư.

TỔ THỨ MƯỜI: HIẾP TÔN GIẢ

Ngài tục danh là Nan Sinh, người Trung Ấn, ngài ở trong thai đến

sáu mươi năm. Cha ngài là Trưởng giả Hương Cái. Ngài xuất gia, theo hầu tổ năm thứ chín, chẳng hề ngủ nghỉ, chưa từng đặt lưng dính chiếu, bởi vậy người ta gọi ngài là Hiếp Tôn giả.

Ngài hoằng hóa đến nước Hoa Thị, nghỉ tạm dưới gốc đại thọ và nói với đồ chúng: "Khi nào đất này biến thành màu vàng sẽ có Thánh nhân đến đây dự hội".Ngài nói dứt lời, đất bỗng hóa thành màu vàng, có con của một trưởng giả, tên là Phú-na-dạ-xa chắp tay dừng trước ngài và nói bài kệ:

Thầy ngồi nơi đất vàng
Thường nói nghĩa chân thật
Ánh sáng chiếu qua con
Khiến con nhập Chánh định.

Tôn giả liền độ xuất gia và truyền Cụ túc giới cho Dạ-xa, rồi ngài đem Chánh pháp nhãn tạng của Như Lai giao phó cho Dạ-xa và nói bài kệ rằng:

Chân thể vốn sẵn chân
Từ chân nói lý có
Chứng được pháp chân chân
Không đi cũng chẳng dừng.

Truyền pháp xong, Tôn giả hiện thần thông biến hóa, nhập Niết-bàn, tự dùng lửa đốt thân. Bốn chúng dùng túi vải đựng đầy xá-lợi dựng tháp khắp nơi cúng dường. Bấy giờ nhằm đời Trinh Định Vương.

+ Khảo Vương: Tên là Ngỗi, con của Trinh Định Vương, ở ngôi mười lăm năm thì mất. Khảo Vương phong cho em ở Hà nam, đó là Hoàn Công để tiếp nối quan chức nhà Chu. Hoàn công mất, con là Uy Công lên thay. Uy công mất, con là Tuệ Công lên thay. Ông phong cho con út của mình ở đất Củng để phụng thờ vương (Từ Quảng nói phong cho con của Tuệ công) với hiệu là Đông Chu Tuệ Công. Đến thời Noãn Vương, Đông Chu và Tây Chu phân đất mà cai trị. Noãn Vương dời đô về Tây Chu, Tây Chu là đất của Vũ Công (Từ Quảng nói: Tây Chu vốn là con trưởng của Tuệ Công)

+ Uy Liệt Vương:

Tên là Ngọ, con của Khảo Vương, ở ngôi hai mươi bốn năm. Năm năm thứ hai mươi ba, Cửu Đỉnh chấn động, Vương sai Tấn Đại Phu, Ngụy Tư, Triệu Tịnh, Hàn Kiền làm chư hầu.

+ Nước Ngụy: Con cháu của Tất Công Cao, cùng họ với nhà Chu. Tất Vạn thờ Tấn Hiến Công, Hiến công diệt Ngụy rồi phong cho Vạn làm Ngụy Đại phu. Đến Hoàn Tử, thì Tử cùng Triệu, Hàn đồng diệt Trí

Bá rồi chia ba đất đai. Đến Văn Hầu Tư thì Tư dùng Bốc Tử Hạ, Điền Tử Phương làm quân sư, đóng đô ở An Ấp. Năm Hiển Vương năm thứ hai mươi chín, Tần phá quân Ngụy, bắt sống Ngụy Công tử Ấn, Ngụy Huệ Vương Thứ, bảo phải dâng đất Hà Tây cho Tần để cầu hòa, bỏ An Ấp dời đô về Đại Lương (nay là Tiểu Lương).

Chu: Uy Liệt Vương năm thứ 23 Văn Hầu Tư năm thứ 22	An Vương năm thứ 16 Vũ Vương năm đầu	Liệt Vương năm thứ 6 Huệ Vương năm đầu
Hiểu Vương năm thứ 35 Huệ Vương năm đầu	Thận Tĩnh Vương năm thứ 3 Tương Vương năm đầu	Noãn Vương năm thứ 20 Chiêu Vương năm đầu
Noãn Vương năm thứ 39 An Ly Vương năm đầu	Tần Thủy Hoàng năm thứ 5 Cảnh Mẫn Vương Tăng năm đầu	Thỉ Hoàng năm thứ 20 Vương Giả năm đầu
Thỉ Hoàng năm thứ 21 Đất nước diệt vong		

Tần Chiêu Tương Vương năm thứ năm mươi hai, Ngụy giao nước cho Tần để chịu mệnh, Thỉ Hoàng năm năm thứ hai mươi mốt, Tần diệt Ngụy. Ngụy gồm tám chủ, trị vì tổng cộng một trăm bảy mươi chín năm.

Nước Triệu: Cùng một ông tổ với Tần, Phi Liêm Tử là em của vua Trụ, cháu năm đời của Quý Thắng là Tạo Phụ, thờ Mục Vương. Đến thời U Vương, con của Chu đại phu Triệu Yên Phụ là Thúc Đới bỏ Chu qua Tấn, thờ Tấn Văn Công, lập ra họ Triệu ở đất Tấn. Năm đời sau là đến Triệu Túc, bảy đời sau là đến Giản Tử Ưởng sinh ra Tương Tử Vô Tuất, cùng Ngụy, Hàn diệt trí Bá.Tương Tử mất, cháu là Hoán lên thay. Hoán sinh ra Tịch, nhận Vương mệnh làm chư hầu (nay là

Triệu châu tiếp giáp Yên Nam Hà đạo, Chân Định lộ) Noãn Vương năm thứ tám, Triệu Vũ, Linh Vương thay đổi Hồ phục, cỡi ngựa, bắn tên, bốn phía đều gặp nạn. Noãn Vương năm thứ mười sáu, Triệu Vương tự xưng Chủ Phụ. Noãn Vương năm năm thứ mười bảy tức Triệu Huệ Văn Vương năm đầu, ông phong em là Thắng làm Bình Nguyên Quân. Noãn Vương năm thứ ba mươi hai, Triệu Vương được ngọc bích của họ Hòa nước Sở. Nước Triệu gồm mười một vua, trị vì một trăm tám mươi hai năm. Tần Thủy Hoàng năm năm thứ hai mươi lăm, Tần diệt Triệu. Đại Ngọc Gia là trưởng tử của Điệu Tương Vương, anh của U Mục Vương, sau khi Tần bắt sống vua Triệu, Gia Vương bèn tự lập, về sau bị Tần diệt. (Uất châu nay thuộc Trương Đô lộ)

Chu: Uy Liệt Vương năm thứ 23 Liệt Hầu Tịch năm đầu	An Vương năm thứ 3 Vũ Hầu năm đầu	An Vương năm thứ 16 Kính Hầu năm đầu
Liệt vương năm thứ 2 Thành Hầu Chủng năm đầu	Hiển Vương năm thứ 20 Túc Hầu năm đầu	Hiển Vương năm thứ 44 Vũ Linh Vương năm đầu
Noãn Vương năm thứ 17 Tuệ Văn Vương Hướng năm đầu	Noãn Vương năm thứ 50 Hiếu Thành Vương Đan năm đầu	Tần Thủy Hoàng Đế năm đầu Điệu Tương Vương năm đầu
Thỉ Hoàng năm năm thứ 12 U Mục Vương Thiên năm đầu	Thỉ Hoàng năm thứ 20 Đại Vương Gia năm đầu	Thỉ Hoàng năm thứ 25 Tần diệt Triệu

Nước Hàn: Cùng họ với nhà Chu. Khúc Ốc Trang Ba có người em là Hàn Vạn, cháu Vạn là Giản làm Định Bá sinh ra Tử Dư, Dư thờ Tấn được phong là Hàn Vũ Tử. Đến đời năm thứ ba là Hàn Hiến Tử Quyết mới lấy họ Hàn làm chức Tấn khanh. Tử Quyết đến đời năm thứ

sáu là Khang Tử, Khang Tử cùng Triệu, Ngụy tiêu diệt Trí Bá. Khang Tử xuống hai đời nữa là đến Kiền mới nhận Vương mệnh làm chư hầu, nước ở Dĩnh Xương phủ. Chu Liệt Vương năm đầu, Hàn diệt Trịnh rồi dời đô về đó (nay là Biện Lương lộ, Trịnh châu). Chu Hiển vương thứ bốn mươi sáu, Hàn xưng Vương. Noãn Vương năm đầu, Hàn đem Thái tử làm con tin ở Tần. Tần Thủy Hoàng năm thứ mười bốn, Hàn Vương dâng đất cho Tần, xin làm Phiên Thần. Hàn Công Tử là Hàn Phi kết hôn với Tần. Đến Tần Thủy Hoàng năm thứ mười bảy thì Tần diệt Hàn. Hàn gồm mười một vua, trị vì một trăm bảy mươi bốn năm.

Chu: Uy Liệt Vương năm thứ 23 Cảnh Hầu Kiền năm đầu	An Vương năm thứ 3 Liệt Vương Thủ năm đầu	An Vương năm thứ 16 Văn Hầu năm đầu
An Vương năm thứ 26 Ai Hầu năm đầu	Liệt Vương năm thứ 6 Ý Hầu năm đầu	Hiển Vương năm năm thứ 11 Chiêu Hầu năm đầu
Hiển Vương năm thứ 37 Tuệ Hầu năm đầu	Hiển Vương năm thứ 46 Hàn xưng Vương	Noãn Vương năm thứ 4 Tương Vương Thương năm đầu
Noãn Vương năm thứ 20 Hy vương năm đầu	Noãn Vương năm thứ 43 Hoàn Huệ Vương năm đầu	Tần Thủy Hoàng Đế năm thứ 9 Vương An năm đầu
Thỉ Hoàng năm thứ 17 Hàn diệt vong		

+ *An Vương:* Tên là Kiêu, con của Uy Liệt Vương, ở ngôi hai mươi sáu năm.

TỔ THỨ MƯỜI MỘT: TÔN GIẢ PHÚ NA DẠ NA:

Ngài thuộc họ Cù-đàm, người nước Hoa Thị, cha là Bảo Thân. Sau khi đắc pháp với Hiếp Tôn giả, ngài hoằng hóa đến nước Ba-la-nại. Bấy giờ có Đại sĩ Mã Minh quy y và xin ngài xuất gia. Tổ nói với đại chúng: Vị Đại sĩ này xưa kia là quốc vương Tỳ-xá-lợi. Trong nước ấy có một số người trần truồng như ngựa. Nhà vua thương cảm hóa thân thành tằm nhả tơ, những người ấy nhờ đó mà có áo quần để mặc. Về sau, nhà vua ấy mất và thác sinh trong vùng Trung Ấn. Lúc ấy ông sinh, loài ngựa cảm kích hý vang, nhân đó ông có tên là Mã Minh.

Lúc ấy Đại sĩ nói kệ an ủi những người kia rằng:

Ta thấy ông không áo
Lòng sinh tâm bảo dưỡng
Hóa thân thành kén tằm
Để tế độ kẻ khác.

Sau đó Tổ nói với Đại sĩ: “Như Lai thọ ký rằng, sau khi ta diệt độ sáu trăm năm, sẽ có một Hiền giả tên là Mã Minh ở tại thành Ba-la-nại xô dẹp các thứ tà đạo, độ người vô lượng, kế thừa giáo pháp của ta.”, chính là lúc này vậy. Tôn giả nói với Mã Minh: Đại pháp nhãn tạng của Như Lai nay ta giao phó cho ông, nghe ta nói kệ:

Mê ngộ như ẩn hiển
Sáng tối chẳng rời nhau
Nay trao pháp ẩn hiển
Không một cũng chẳng hai.

Truyền pháp xong, ngài hóa hiện thần thông rồi an nhiên thị tịch, đồ chúng dựng bảo tháp an táng chân thân ngài. Bấy giờ nhằm đời Chu An Vương (theo Chánh Tông Ký)

+ Liệt Vương: Tên là Hỷ, con của An Vương, ở ngôi bảy năm.

+ Hiển Vương: Tên là Biển, con của Liệt Vương, ở ngôi bốn mươi tám năm. Trong năm năm thứ bảy, từ Hà Sơn về Đông có sáu nước hùng mạnh, vùng Hoài Tứ có hơn mười nước nhỏ nữa, Sở, Ngụy tiếp giáp Tần, Ngụy xây Trường thành. Từ Tân Lạc của Trịnh về Bắc có Thượng Đô, Sở có Hán Trung, phía Nam có Ba Kiềm Trung, đều đãi ngộ Di Địch, riêng Tần đuổi đi hết không cho họ hội thề với người Trung Nguyên. Mạnh Kha nước Trâu yết kiến Ngụy Huệ Vương, Vương nói: “Ông không ngại ngàn dặm đến đây, ắt có điều gì làm lợi cho nước ta chăng?” Mạnh Tử đáp: “Nhà vua cần gì phải nói đến lợi, nhân nghĩa là đủ lắm rồi.”

Hồi ấy, Mạnh Tử thờ cháu Khổng Tử là Tử Tư làm thầy, Mạnh Tử

có lần hỏi: Cách trị dân phải làm gì trước. Tử Tư đáp: "Trước hết phải làm lợi cho họ." Mạnh Tử nói: Quân Tử dạy dân cốt dùng nhân nghĩa mà thôi, cần gì nói đến lợi. Tử Tư đáp: Dùng nhân nghĩa cốt nhiên là làm lợi cho họ rồi. Trên mà bất nhân thì dưới không theo, trên bất nghĩa thì dưới lừa dối, đó là cái lớn của bất lợi. Bởi vậy kinh Dịch nói: Lợi là nghĩa và hòa, lợi là để an thân, tôn trọng đức, đó là cái lớn của lợi.

Tống Thừa Tướng Tư mã Ôn Quốc Công Quang nói: Lời của Tử Tư, Mạnh Tử giống nhau. Phàm chỉ có người nhân thì mới biết cái lợi của nhân nghĩa, còn kẻ bất nhân thì không biết. Bởi vậy, Mạnh Tử trả lời Lương Vương là chỉ thẳng nhân nghĩa mà không đề cập đến lợi, cho nên ta thấy mỗi người nói mỗi khác.

Hiển Vương năm thứ ba mươi hai, Mạnh Kha làm Ngụy Khanh, năm thứ 43 ông làm Tề Thượng Khanh (ở Duyện Châu, Khúc Phụ có mộ của Mạnh Kha). Tháng tư năm thứ bốn mươi bốn Tần bắt đầu xưng Vương, năm thứ bốn mươi sáu, Hàn, Yên đều xưng Vương. Triệu Vũ Linh Vương chỉ nói: "Không có thật đức mà dám ở vào danh vị ấy ư?" và ông sai người trong nước chỉ gọi mình là Quân. Năm thứ bốn mươi tám, Tề phong cho Điền Anh ở đất Tiết với hiệu là Tỉnh Quách Quân. Điền Anh có hơn bốn mươi người con, con của người tiện thiếp tên là Văn. Văn là người lỗi lạc túc trí nhiều mưu, tân khách đều xin Tỉnh Công lập Văn làm người kế thừa. Tỉnh Quách Quân mất, Văn kế thừa làm Tiết công, đó là Mạnh Thường Quân.

TỔ THỨ MƯỜI HAI: MÃ MINH ĐẠI SĨ .

Ngài sinh trưởng tại nước Ba-la-nại. Ngài còn có tên là Công Thắng, bởi ngài đã có công đức từ kiếp trước, hơn nữa công đức hữu vi, vô vi của ngài thảy đều tối thắng bậc nhất, nên có hiệu là Công Thắng. Sau khi đắc pháp, ngài hoằng hóa đến nước Hoa Thị. Bấy giờ có ma tên là Ca-tỳ-ma-la cùng ba ngàn quyến thuộc, hiện các thần biến trước ngài. Tổ hỏi:

- Ngươi vận dụng hết thần lực, hóa được tánh biển chăng?

Ma hỏi:

- Thế nào là tánh biển?

- Núi sông đại địa đều nương tánh ấy mà an lập, Tam-muội, lục thông cũng từ tánh ấy mà lưu xuất.

Ca-tỳ-ma-la nghe vậy lại càng thắc mắc, thưa hỏi. Ma biết lý của Tổ thù thắng liền phát khởi tín tâm, dẫn ba ngàn đồ chúng đều xin thế phát xuất gia. Tổ liền triệu tập năm trăm La-hán đến truyền Cụ túc

giới, nhân đó Đại sĩ tạo luận, rồi bảo Ca-tỳ-ma-la: Đại pháp nhãn tạng của Như Lai nay ta giao phó cho ông, nghe ta nói kệ:

Ẩn hiện vốn pháp này
Sáng tối nguyên chẳng hai
Nay truyền pháp liễu ngộ
Chẳng lấy cũng chẳng lìa.

Phó pháp xong, ngài nhập Long phấn tấn Tam-muội, toàn thân bay bổng lên không, sáng chói như mặt trời, rồi về lại bản tòa an nhiên thị tịch. Bốn chúng đem chân thể ngài an táng trong Long tháp. Bấy giờ nhằm đời Chu Hiển Vương.(Theo Chánh Tông ký).

+ Thận Tỉnh Vương:Tên là Định, con của Hiển Vương, ở ngôi bảy năm.

+ Noãn Vương: Tên là Diên, con của Thận Tỉnh Vương, ở ngôi năm mươi chín năm. Đông Chu, Tây Chu phân đất cai trị, bị chư hầu xâm lấn. Noãn Vương năm thứ năm mươi chín, tức Tần Chiêu Tương Vương năm thứ năm mươi mốt, tướng Tần là Cù đánh Hàn, đánh Triệu. Noãn Vương sợ liền bội ước với Tần, liên kết với chư hầu, đem hết binh tinh nhuệ vượt Y Khuyết đánh Tần khiến Dương Thành tắt nghẽn. Tần sai tướng quân Cù đánh Tây Chu. Noãn Vương đến dập đầu trước Tần, dâng hết ba mươi sáu ấp của mình, Tần nhận hết rồi đưa Noãn Vương về lại nhà Chu, Noãn Vương mất năm đó. (Năm tháng ở trên sau thời Xuân Thu).

Nhà Chu gồm ba mươi sáu vua, trị vì tám trăm sáu mươi bảy năm, thiên hạ về tay nhà Tần.

TỔ THỨ MƯỜI BA: CA TỲ MA LA:

Ngài sinh trưởng tại nước Hoa Thị, không rõ thuộc dòng họ gì, ban đầu làm ngoại đạo rất giỏi huyễn thuật, có ba ngàn đồ chúng, lại rành về dị luận. Sau khi đắc pháp với Mã Minh Đạo sĩ, ngài hoằng hóa đến Tây Ấn. Trong nước đó có Thái tử Vân Tự Tại thỉnh ngài vào cung cúng dường. Tổ không hứa khả. Thái tử nói: “Phía Bắc thành này có một hang núi lớn, ngài có thể đến đó tu tập thiền định.” Tổ đồng ý. Đi được vài dặm, ngài gặp một con rắn lớn, Tổ truyền Tam quy cho nó, con rắn liền bò đến hang núi.

Cách đó mười dặm về phía Bắc có một cây đại thọ che chở năm trăm con rồng lớn. Người đứng đầu nơi ấy tên là Long Thọ, thường thuyết pháp cho rồng nghe. Tổ đến, Long Thọ nghinh đón nói: Nơi thâm sơn vắng vẻ, là chỗ ở của rồng rắn, Đại đức là người chí tôn đến đây

làm gì cho nhọc công.

Tổ nói: Ta không phải là bậc chí tôn, đến đây để học theo Hiền giả. Long Thọ nghĩ thầm: ông thầy này không biết đã được quyết định tánh, đạo nhãn đã sáng chưa? Là Đại thánh kế thừa chân tông ta chăng?

Tổ nói: Tuy ông nói thầm trong lòng nhưng ta biết cả rồi.

Long Thọ nghe xong sám hối, tạ lỗi, cầu xin xuất gia. Tổ liền hứa khả. Sau đó không lâu, ngài nói với Long Thọ: Nay ta đem Đại pháp nhãn tạng của Như Lai giao phó cho ông, nghe ta nói kệ:

Pháp chẳng ẩn chẳng hiển
Nói là chân thật tế
Ngộ pháp ẩn hiển này
Chẳng ngu cũng chẳng trí.

Phó pháp xong, ngài hiện thần thông biến hóa, tự dùng lửa đốt thân, Long Thọ thâu lấy xá-lợi ngũ sắc dựng tháp an táng. Bấy giờ nhằm đời Chu Noãn Vương (Theo Chánh Tông ký)

+ Nước Tần: Họ Doanh, Thủy Đức Vương, đóng đô ở Hàm Dương (An Tây Vương). Cháu Chuyên Húc tên là Nữ Tu ngồi dệt bỗng có trứng của con chim đen rơi xuống, bà nuốt vào và sinh ra Đại Nghiệp, Đại Nghiệp sinh ra Đại Phí, Phí cùng vua Vũ định yên nạn nước, đất, được vua Thuấn ban cho họ Doanh. Tần gồm: Chiêu Tương Vương, Hiếu Văn Vương, Trang Tương Vương, Thỉ Hoàng Đế, Nhị Thế, Tử Anh.

+ Chiêu Tương Vương: Tên là Tắc, còn có tên là Hà, em cùng mẹ với Tần Vũ Vương, con của Huệ Văn Vương, năm mươi mốt, thôn tính nhà Chu dời luôn Cửu Đỉnh, ông ở ngôi năm mươi sáu năm.

+ Hiếu Văn Vương: Tên là Mậu, con Chiêu Tương Vương, ở ngôi ba tháng thì mất.

+ Trang Tương Vương: Tên là Sở, con Hiếu Văn Vương, ở ngôi bốn năm. Năm đầu, vua của Đông Chu cùng chư hầu bàn mưu đánh Tần, Tần sai tướng quốc Lã Bất Vi thống lãnh binh tướng đánh lại, Đông Chu diệt vong, Tần phong tướng quốc làm Văn Tín hầu.

+ Thủy Hoàng Đế: Tên là Chánh, con Trang Tương Vương, ở ngôi mười ba năm, quốc sự đều uỷ thác cho Văn Tín Hầu, gọi Tín Hầu là Trọng Phụ. Thỉ Hoàng năm thứ hai, có bảy nước hùng mạnh trong thiên hạ, trong đó có ba nước ở gần Nhung Địch. Từ đất Lũng lên phía Tây có rợ Nhung như: Miên Chư, Côn Phụng, Định Nguyên, phía Bắc Kỳ Lương, Kinh Tất có rợ Nhung Nghĩa Cừ, Đại Tảo Ô Thị, Cu Diễn; phía Bắc nước Triệu có rợ Nhung Lâm Hồ, Lâu Phiền, phía Bắc nước Yên có rợ Nhung Đông Hồ, rợ Nhung chia ra ở khắp khe, hang. Đầu

tiên, Tần diệt Nghĩa Cừ bắt đầu từ Lũng Tây, Bắc Địa, Thượng Đô, xây trường thành để chống rợ Hồ. Triệu Vũ Linh Vương phá Lâm Hồ, Lâu Phiền ở phía Bắc, xây dựng trường thành thay thế ranh giới từ núi Tịnh Ấm xuống đến Cao Khuyết, đặt Vân Trung, Nhạn Môn đại quận. Nước Yên phá rợ Đông Hồ đuổi xa hơn ngàn dặm, xây Trường thành từ Tạo Dương đến Tương Bình, đặt Thượng Cốc, Ngư Dương, Hữu Bắc, Bình Liêu, Đông quận để chống rợ Hồ. Đến cuối thời Chiến quốc, Hung Nô bắt đầu lớn mạnh. Năm năm thứ hai mươi sáu, Tần Thủy Hoàng bắt đầu thôn tính thiên hạ. Thỉ Hoàng tự cho mình đức bằng Tam Hoàng, công hơn Ngũ Đế nên xưng là Hoàng Đế, bỏ tên thụy vì cho rằng đó là từ của kẻ dưới nói với người trên, sai làm lệnh chế, gọi đó là chiếu, tự xưng mình là Trẫm và nói: Trẫm là Thỉ Hoàng Đế (Hoàng Đế đầu tiên) để tiện tính đếm đến đời năm thứ hai, năm thứ ba, cho đến muôn đời con cháu sau này. Ông theo vận, lấy Thủy Đức làm hiệu Vương. Trong thời Tề Uy Tuyên Vương, Trâu Diễn luận và viết ngọn nguồn Ngũ Đức, người nước Tề tâu lên ông, Thủy Hoàng chọn lọc và dùng thuyết này, và đổi niên hiệu, bắt triều cống, đều bắt đầu từ mồng một tháng mười. Y phục, cờ tiết, cờ mao đều chuộng màu đen, số đếm lấy số sáu làm chuẩn, đổi tháng mười hai thành Gia Bình, chia thiên hạ thành ba mươi sáu quận, đó là: Tam Xuyên, Hà Đông, Nam Dương, Nam Quận, Cửu Giang, Chướng Quận, Cối Kê, Dĩnh Xuyên, Nương Quận, Tứ Thủy, Tiết Quận, Đông Quận, Lang Da, Tề Quận, Thượng Cốc, Ngư Dương, Hữu Bắc, Bình Liêu, Tây Liêu, Đông Đại Quận, Cự Lộc, Hàm Đan, Thượng Đảng, Thái Nghuyên, Vân Trung, Cửu Nguyên, Nhạn Môn, Thượng Quận, Lũng Tây, Bắc Địa, Hán Trung, Ba Quận, Thục Quận, Kiềm Trung, Trường Sa. Tất cả có ba mươi lăm quận nhưng sử sách ghi ba mươi sáu quận. Quận đặt dưới Thủ Úy Giám, thâu binh khí trong thiên hạtụ tập ở Hàm Dương, khóa lại bằng mười hai người có trang bị binh khí. Năm thứ ba mươi bốn, Thừa Tướng Lý Tư dâng thư bảo rằng: “Sử quan không phải là người nước Tần, nên những gì họ ghi chép nên đốt hết. Nếu gặp Thi, Thư, Ngữ đều đem vất ở chợ vì cho rằng đó là lời xưa không phải lời nay. Những sách không bị đốt gồm sách thuốc, bói toán, trồng trọt, nhưng muốn học phải được các quan lại dạy cho.” Thỉ Hoàng đồng ý.

Hầu sĩ, Lô sĩ thấy vậy dắt nhau bỏ trốn, Thủy Hoàng nổi giận sai người bắt đến tra hỏi, tất cả học trò đều bị liên lụy, Thủy Hoàng sai dẫn hơn bốn trăm sáu mươi người tội phạm này chôn sống ở Hàm Dương. Tháng mười, mùa Đông năm thứ ba mươi sáu, Thỉ Hoàng xuất

du, Tả Thừa Tướng Lý Tư cùng con út Thủy Hoàng là Hồ Lợi xin đi theo. Đến bến Bình Nguyên, ông phát bệnh. Tháng bảy năm Bính Dần, Thủy Hoàng mất ở Sa Khâu, Bình Đài, ở ngôi ba mươi bảy năm, thọ năm mươi tuổi. Trung Xa phủ lệnh lo việc tang ma. Triệu Cao cùng Lý Tư trá di chiếu lập Hồ Lợi làm Thái tử, đưa Thỉ Hoàng về Hàm Dương rồi mới phát tang, đưa Hồ Lợi lên ngôi, tháng chín an táng Thỉ Hoàng ở chân núi Ly Sơn.

TỔ THỨ MƯỜI BỐN: LONG THỌ ĐẠI SĨ

Ngài còn có tên là Long Thắng, sinh trưởng tại Tây Thiên Trúc. Sau khi đắc pháp, ngài hoằng hóa đến Nam Ấn. Dân chúng nước này hầu hết sùng bái phước nghiệp. Ngài thuyết pháp, nhưng bọn họ bảo nhau; Con người chỉ có phước nghiệp là bậc nhất thế gian ông chỉ nói suông Phật tánh chứ có thấy ai được đâu.

Tổ bảo:

Các ông muốn thấy Phật tánh, trước tiên phải dẹp bỏ ngã mạn.

Người kia hỏi:

- Phật tánh lớn hay nhỏ?

Tổ bảo:

Nó chẳng lớn chẳng nhỏ, chẳng rộng chẳng hẹp, không phước không báo, chẳng chết chẳng sống.

Bọn họ nghe lý thù thắng, ai nấy chuyển tâm. Trong số đó có một người con của trưởng giả, tên là Ca-na-đề-bà, Đề-bà và số người ấy đều muốn xuất gia. Tổ thế phát rồi thỉnh Thánh chúng truyền Cụ túc giới cho họ. Trước đây, nước này có hơn năm ngàn ngoại đạo đều biết làm huyễn thuật, ai nầy đều kính ngưỡng họ. Ngài đến giáo hóa khiến tất cả đều quy y Tam bảo. Nhân đó, ngài soạn Đại Trí Độ Luận, Trung Luận, Thập Nhị Môn Luận lưu truyền cho hậu thế. Tất cả có hơn ngàn vạn bài kệ đều là phương tiện khai mở Chánh pháp, nhằm ứng cơ mà diễn bày. Sau, ngài nói với Ca-na-đề-bà: Như Lai đem Đại pháp nhãn tạng truyền cho Ca-diếp, cứ thế lần lượt truyền đến ta, nay ta giao phó cho ông, nghe ta nói kệ:

Để rõ pháp ẩn hiện
Mới nói lý giải thoát
Với pháp, tâm chẳng chứng
Không giận cũng không vui.

Phó pháp xong, Tôn giả nhập Nguyệt luân Tam-muội, hiện đủ thần biến rồi về lại bản tòa an nhiên nhập diệt. Ca-na-đề-bà cùng bốn

chúng dựng bảo tháp an trí chân thân ngài. Bấy giờ nhằm đời tần Thủy Hoàng Đế. (Theo Chánh Tông ký).

+ Tần Nhị Thế: Tên là Hồ Hợi, con út của Tần Thủy Hoàng, mùa thu năm đầu, Trần Thắng ở Dương Thành, Ngô Quảng ở Dương Hạ cùng khởi binh ở Hoài Tây, Hạng Lương ở Hạ Tương Cận Châu khởi binh ở đất Ngô, người Địch là Điền Đam khởi binh ở Tề. Thắng và Quảng giả xưng là Đại Sở, Thắng tự lập làm tướng quân, Quảng làm đô úy rồi cùng vào chiếm đất Trần. Phụ lão ở đất Trần xin lập Thắng làm Sở Vương. Tháng chín, Lưu Quý khởi binh ở đất Bái, đó là Bái công. Hào kiệt trong thiên hạ đều đứng lên muốn đứng sau sáu nước. Hạng Lương là con của Sở tướng Hạng Yên, Hạng Tỉnh (Vũ) là con người anh của Lương. Năm thứ hai, Triệu Cao hại Lý Tư chết, Nhị Thế đưa Cao lên làm Thừa Tướng, Bái Công càng đánh dữ. Hạng Lương triệu hết các tướng khác đến đất Tiết để mưu sự. Lúc này có Phạm Tăng người đất Sào, tuổi đã bảy mươi, Tăng khuyên Hạng Lương nên đứng sau Sở, cầu cho được cháu của Sở Hoài Vương là Tâm, tháng sáu Lương lập Tâm làm Sở Vương, theo nguyện vọng của dân. Năm thứ ba, Quan Đông đều làm phản. Triệu Cao sợ Nhị Thế nổi giận giết mình, nên cáo bệnh không vào chầu, ngầm bàn mưu với con rể là Hàm Dương lệnh Diêm Lạc thay vua, đưa Vương Tử Anh lên thay thế. Lạc dẫn hơn ngàn quan binhvào cung Vọng Di. Nhị Thế nói: “Ta chỉ mong được làm Vương trong một quận”, Lạc không đồng ý. Nhị Thế lại nói: “Ta chỉ mong làm Vạn Hồ Hầu”, Lạc cũng không cho. Nhị Thế nói: “hãy để ta và vợ con làm dân đen, còn nhường hết cho công tử.” Diêm Lạc nói: “Thần nhận mệnh của Thừa Tướng, vì thiên hạ mà phải giết túc hạ”, Lạc cho binh tiến vào, Nhị Thế liền tự sát. Triệu Cao liền triệu hết đại thần, công tử đến nói: Tần vốn là nước của Vương, Thủy Hoàng làm chủ nên xưng đế, nay sáu nước lại tự lập, đất Tần ngày càng hẹp, làm đế chỉ là danh suông chi bằng cứ làm Vương như thuở trước. Thế rồi Cao lập con Phù Tô (Phù Tô là cố Thái tử của Thỉ Hoàng) là Tử Anh làm Tần Vương, sai Tử Anh trai giới rồi ra miếu nhận Ngọc tỷ. Tử Anh bàn với hai con Nhị Thế: Thừa Tướng Cao giết Nhị Thế, sợ quần thần giết chết mình nên giả nghĩa lập ta. Ta giả bệnh không đi, Thừa Tướng ắt đến đây, hễ đến thì ta giết.

Quả nhiênTriệu Cao đến, Tử Anh đâm chết Triệu Cao ở cung trai giới, tru di luôn ba họ. Tử Anh lên ngôi được bốn mươi sáu ngày, tháng mười, Bái Công đến Bá Thượng, Tử Anh đầu hàng.

+ Nhị Thế năm đầu (Nhâm Thìn)

Ngụy Vương Cữu năm đầu	Ngụy Vương Vũ Thần năm đầu	Tề Vương Điền Đam năm đầu
Sở:Ẩn Vương Trần Thắng	Yên Vương Hàn Quảng năm đầu. Nhà Hán năm thứ 5, Hán diệt Yên	

+ Năm thứ 2: (Quý Tỵ)

Ngụy Vương Chước năm đầu Hán năm thứ 2, tháng chín diệt Ngụy	Triệu Vương Hiết năm đầu Hán năm thứ ba, Hán diệt Triệu	Tề Vương Điền tá năm đầu Hán năm thứ 4, Hán diệt tề
Tháng 06,Hạng Lương lập cháu Sở Hoài Vương là Tâm làm Sở Vương	Hàn Vương Thành	

+ Nhị Thế năm thứ ba, tức nhà Hán năm đầu.

Hàn Vương Trịnh Xương Hán năm thứ ba, Hán diệt Hàn	

+ Tử Anh: Con của Phù Tô, ở ngôi bốn mươi sáu ngày. Tháng mười, Bái Công vào Bá Thượng, Tử Anh mặc đồ trắng, đi ngựa trắng đến đưa cổ chịu tội, trao hết Ngọc tỷ, ấn tiết của Hoàng Đế, quỳ ở bên đường, Bái Công vào Hàm Dương.

Nhà Tần từ Chiêu Tương Vương đến Tử Anh cả thảy năm mươi năm, thiên hạ về tay nhà Hán.

+ Tây Hán: Gồm Cao Tổ, Huệ Đế, Lã Hậu, Văn Đế, Cảnh Đế, Vũ Đế, Chiêu Đế, Xương Ấp Vương, Tuyên Đế, Nguyên Đế, Thành Đế, Ai Đế, Bình Đế, Nhụ Tử Anh.

Họ Lưu, lấy Hỏa Đức làm hiệu Vương, đóng đô ở Trường An (nay là An Tây lộ, Kinh Triệu tức Hàm Dương của Tần, Cao Tổ đổi thành Trường An). Ban đầu Hán dùng chính sách nhà Tần lấy tháng mười làm tháng giêng, đến Vũ Đế, Thái Sơ năm đầu mới dùng chính sách nhà Hạ lấy tháng Dần làm tháng giêng. Nhà Hán năm thứ năm, thiên hạ mới yên định. Lâu Kính đóng quân ở Lũng Tây đi ngang qua Lạc Dương, nhờ Ngu tướng quân gặp hoàng thượng và nói rằng: Đất Tần có núi che chở, có sông uốn quanh, bốn phía đều kiên cố, nên đóng quân ở đó."

Hoàng thượng hỏi quần thần, Trương Lương nói: "Lâu Kính nói rất đúng". Ngay hôm sau, ông xa giá đến Tây Đô Trường An, Bái phong Lâu Kính làm Lang Trung, ban cho Kính họ Lưu.

+ Cao Tổ: Húy là Bang, tự Quý Bái, người Trung Dương, Phong Ấp, từng làm Tứ Thượng đình trưởng cho nhà Tần. Ông dẫn tội phạm đến Ly Sơn, phần đông bọn chúng chết dọc đường, thấy vậy ông thả hết rồi một mình trốn đến đất Bái. Tần Nhị Thế năm đầu, phụ lão ở đất Bái lập ông làm Bái công, bọn Tiêu Hà, Tào Tham thu nhận hơn ba ngàn con em rồi dẫn theo ông. Tháng mười, Tần Nhị Thế năm thứ ba, ông vào Quang Trung trước, đến Bá Thượng, Tử Anh nhà Tần ra hàng. Mấy ngày sau, Hạng Vũ đánh phá Hàm Dương, giết Tần Vương, Tử Anh chết, đốt cung thất nhà Tần, dân Tần rất thất vọng. Hạng Vũ đưa Sở Hoài Vương Tâm lên làm Nghĩa Đế, đóng đô ở đất Lâm (nay là Quế Dương ấp, Kinh châu), phân chia thiên hạ, nắm giữ các tướng, Vũ tự lập làm Tây Sở Bá Vương, đóng đô ở Bành Thành (Hà Nam Phủ lộ, Từ Châu), lập Bái công làm Hán Vương, đóng đô ở Nam Trịnh (nay là Thiểm Tây, Hưng Nguyên lộ, Hán Trung quận), chia đôi Quang Trung, sai tướng Tần đầu hàng là Chương Hàm... cả thảy ba người chặn giữ con đường của Hán Vương. Hán Vương nổi giận muốn đánh Hạng Vũ, nhưng Chu Bột, Quán Anh, Phàn Cối đều khuyên, Tiêu Hà cũng can gián, nên Hán Vương bèn dựng nước xưng nhà Hán năm đầu, dùng Hà làm Thừa Tướng, bái Hàn Tín làm đại tướng rồi dẫn binh đánh úp thành Ung. Ung Vương, Chương Hàm bỏ chạy, Tắc Vương Hân, Trạch Vương Ế đều ra hàng, dâng đất là Vị Nam, Hà Thượng, Thượng Đô. Tháng mười, nhà Hán năm thứ hai, Hạng Vương ngầm sai Cửu Giang Vương Loan Bố đánh và giết Nghĩa Đế ở Giang Trung. Hán vương vượt Bình Âm đến Lạc Dương.

Tam Lão Đổng công ở Tân Thành đón ông lại và nói: Người thuận đức thì hưng vượng, kẻ nghịch đức thì phải chết, vô cớ mà xuất binh thì việc tất không thành. Hạng Vũ vô đạo đánh giết chủ mình, Đại Vương

nên thống lãnh ba quân, để tang cho Nghĩa Đế, báo với chư hầu mà đánh Vũ.

Thế rồi, Hán Vương phát tang cho Nghĩa Đế, báo với chư hầu. Triệu Vương Trần Dư đem binh đến giúp Hán Vương. Hạng Vương biết nhà Hán ở phía Đông nhưng vẫn muốn phá Tề xong rồi mới đánh hán. Hán Vương lấy lý do đó thống lãnh hơn năm mươi sáu vạn binh của chư hầu mà đánh Sở, Hán Vương tiến vào Bành Thành, Hạng Vương nghe tin, tự mình dẫn hai vạn tinh binh đến Bành Thành, phá tan quân Hán, vây Hán Vương đến ba lớp. Lúc ấy bỗng gió lớn nổi lên quật ngã cây, sập nhà, trời đất bỗng tối om, quân Sở đại loạn, Hán Vương nhân cơ hội ấy dẫn mấy mươi kỵ binh phá vòng vây chạy trốn. Hạng Vũ bắt hết binh tướng của Hán Vương. Lúc Thái công cha Hán Vương, Lã hậu đi tìm Hán Vương, lại gặp phải quân Sở, Hạng Vương bắt họ cho ở trong quân trận để làm con tin. Nhà Hán năm thứ tư, Hán Vương sai Hầu Công qua gặp Hạng Vương để xin Thái Công về, Hạng Vũ bèn giao ước với nhà Hán chia đôi thiên hạ. Từ Hồng Cấu về Tây là của Hán, từ Hồng Cấu về Đông là của Sở. Tháng chín, Sở đưa Thái Công, Lã hậu sang Hán, rồi dẫn quân về Đông. Hán Vương muốn về Tây, nhưng Trần Bình, Trương Lương nói: Nhà Hán có hơn nửa thiên hạ, binh thì lại bị Sở cướp mất, đây là lúc nguy khốn, nay thả lỏng đừng đánh đó gọi là "nuôi hổ để tự chuốc họa". Hán Vương nghe theo. Tháng mười, mùa Đông năm thứ năm, Hán Vương đuổi Hạng Vương đến Cố Lăng (nay là Biện Lương lộ, Nhữ Ninh phủ, Quang châu). Tháng mười hai, Hạng Vương đến Cai Hạ, ban đêm nghe quân Hán ở bốn phía ca bài ca nước Sở, Hạng Bá phá vòng vây chạy đến Ô Giang (nay là Hoài Tây, Hòa Châu). Đình Trưởng ở Ô Giang chèo thuyền đợi Hạng Vương, Hạng Vương cười nói: Trời đã giết ta, ta còn qua sông làm gì! Vả lại, Tịch này cùng tám ngàn anh em Giang Đông vượt sông về Tây, nay chỉ còn mình ta trở về, giả sử những bậc cha anh ở Giang Đông thương ta mà tôn ta làm Vương, nhưng ta còn mặt mũi nào mà nhìn họ. Dù cho họ không nói ra, nhưng Tịch này lẽ đâu không thấy hỗ thẹn trong lòng ư!

Hạng Vương tự vẫn. Hán Vương lên ngôi Hoàng Đế ở phía Nam Phiếm Thủy, tôn vương hậu làm Hoàng hậu, Thái tử thì gọi là hoàng Thái tử. Mùa Hạ năm thứ sáu, tôn Thái công làm Thái Thượng hoàng, thiên hạ yên định, ông sai Tiêu Hà sắp đặt luật lệnh sai Hàn Tín chỉnh đốn quân pháp, sai Trương Thương định lại chương trình (Chương: Chương thuật lịch số, trình là cân cán, thước tấc, hộc đấu. Các nhà làm lịch hễ đồng một ngày mồng một thì gọi là Chương, mười chín năm bảy lần nhuần thì

được một Chương. Trình là những thứ như xưng, thạch, trình, Thư, đây là chuẩn mực để cân đong đo đếm. Văn Trung Tử, Hiếu Tuyên gọi chương trình là thật, ý nói pháp lệnh là chuẩn mực để hình thành chương. Thúc Tôn Thông chế ra lễ nghi, Lục Giả làm tân ngữ, phong công thần làm liệt hầu, khắc ấn, lập thệ, đan thư, thiết khế, kim quỹ, thạch thất, cất trong tông miếu. Trong lời thề có ghi: "Cho dù Hoàng hà khô cạn, Thái sơn thành bụi, vận nước mãi trường tồn đến con cháu đời sau." Ông ở ngôi mười hai năm, thọ năm mươi ba tuổi.

+ Tuệ Đế: Tên là Doanh, Thái tử của Cao Tổ, ở ngôi bảy năm, thọ hai mươi bốn tuổi.

+ Lã Hậu: Họ Lã, húy là Trĩ, mẹ của Huệ Đế. Huệ Đế chết, Thái hậu lập con của mỹ nữ ở hậu cung làm Thái tử rồi cho làm vua, Thái hậu lâm triều thính chính. Đến năm thứ tư, Thiếu Đế biết và ngăn cản, Thái hậu liền giam Thiếu Đế ở Vĩnh Hạng, lập Hoàng Trung Vương Nghĩa làm đế, đổi tên ông là Hoằng nhưng không đổi năm, vì Thái hậu cai trị thiên hạ, đến Văn Đế lên ngôi, nhưng cũng bị giết ở đất Để. Tháng bảy, năm thứ tám, Thái hậu mất, thọ bảy mươi hai tuổi, ở ngôi tám năm. Lã Lộc, Lã Sản muốn làm phản, Thái úy Chu Bột vv... giết họ Lã, Đại thần cùng bàn tính, sai người triệu Đại Vương đến rồi giao ngọc tỷ Thiên Tử cho ông, Đại Vương năm lần từ chối, cuối cùng cũng lên ngôi Thiên Tử.

+ Văn Đế: Tên là Hoàn, con năm thứ ba của Cao Tổ, được phong làm Đại Vương. Sau khi giết họ Lã, Chu Bột và Trần Bình sai người đón ông đến Trường An, ông ở ngôi hai mươi ba năm, thọ bốn mươi sáu tuổi. Ông bỏ nhục hình cốt hành khoan dung, thân mặc vải thô, màn trướng không thêu hoa văn, an táng chỉ dùng áo quan đất nung, không dùng vàng, bạc, đồng, thiếc, trang sức, chôn ở núi nên không xây mộ phần, ông chuyên dùng đức giáo hóa dân, cả nước giàu có, bãi bỏ mấy trăm nhà ngục, rất ít khi dùng đến hình nặng.

TỔ THỨ MƯỜI LĂM: DA95I SĨ CA NA ĐỀ BÀ

Ngài họ Tỳ-xá-la, sinh trưởng tại Nam Ấn. Ngài yết kiến Long Thọ, Long Thọ sai người đặt bát nước đầy trước tòa, Đề-bà liền lấy cây kim thả vào đó, thầy trò vui vẻ khế hội. Sau khi đắc pháp, ngài hoằng hóa đến nước Ca-tỳ-la. Nước này có trưởng giả tên là Phạm Ma Tịnh Đức, trong vườn nhà ông bỗng sinh một loại nấm, ông nhổ ăn mãi nhưng càng nhổ nấm càng nhiều.

Ngài đến nhà trưởng giả, trưởng giả hỏi nguyên do, ngài đáp:

"Nhà ông từng cúng dường cho một Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo ấy đạo nhãn chưa sáng, luống nhận của tín thí, nên chịu quả báo làm cây nấm". Ngài liền nói bài kệ:

Vào đạo chẳng thông lý
Thọ thân đền tín thí
Khi ông tám mốt tuổi
Cây này thôi sinh nấm.

Đến năm trưởng giả tám mươi mốt tuổi, cây đó quả nhiên không mọc nấm nữa. Trưởng giả cho đứa con năm thứ hai là La-hầu-la-đa theo ngài xuất gia, ngài nhận. Ngài hành hóa đến thành Ba-liên-phất, ở đây có bọn ngoại đạo làm lu mờ Phật pháp, ngài giáo hóa ngoại đạo. Có người không phục, đặt ra trăm ngàn vấn nạn, ngài dùng vô ngại biện tài chiết phục tất cả, từ đó nhiều lần luận nghị, tạo Bách Luận. Giáo hóa xong, ngài phó pháp cho La-hầu-la-đa và nói kệ rằng:

Xưa đối người truyền pháp
Diễn nói lý giải thoát
Với pháp thật không chứng
Không cuối cũng không đầu.

Sau đó, ngài nhập Phấn tấn Tam-muội, thân phóng tám luồng hào quang rồi nhập diệt, đồ chúng dựng tháp an táng chân thân ngài. Bấy giờ nhằm đời Hán Văn Đế. (Theo Chánh Tông ký)

+ Cảnh Đế: Tên là Khải, Thái tử của Văn Đế, ở ngôi mười bảy năm, thọ bốn mươi tám tuổi. Ông thấy hình phạt đánh bằng roi có năm trăm, ba trăm roi thì quá nặng, nhân đó ông bỏ hình pháp này, theo nghiệp Văn Đế thay đổi phong tục, muôn dân thuần hậu. Nhà Chu có Thành, Khang; nhà Hán có Văn, Cảnh.

+ Vũ Đế: Tên là Triệt, con của Cảnh Đế, ở ngôi năm mươi bốn năm, thọ bảy mươi mốt tuổi. Ông bãi bỏ biểu chương của Bách Gia, theo Lục kinh, mở thái học, sửa tế giao tự, định lại âm luật, làm thi nhạc, dựng phong, thiền lễ tế trăm thần, sau khi nối nghiệp nhà Chu. Hiệu lệnh, văn chương đều rõ ràng. Ông hòa nhã, thích học thuật Nho gia. Thừa Tướng Đậu Anh, Thái úy Điền Phần, ngự sử đại phu Triệu Oản xin lập Minh đường để tiếp đãi chư hầu. Ông tiến cử thầy mình là Thân Công lúc này hơn tám mươi tuổi làm Thái Trung đại phu, ông ở nơi Lỗ Để (nhà tiếp kiến chư hầu), làm việc ở Minh đường, tuần thú, đổi lệnh, thay đổi sắc phục. Ông chiêu mộ hiền sĩ khắp bốn phương. Trang Trợ, là người đến giúp trước, sau có Chu Mãi Thần ở đất Ngô, Ngô Khâu Thọ Vương ở đất Triệu,Tư mã Tương Như ở Thục, Đông Phương Sóc ở Bình Nguyên, Mục

Cao ở đất Ngô, Chung Quân ở Tế Nam, họ đều là kẻ Tả hữu của ông. Ngày Đông Chí tháng mười một năm Thái sơn, năm đầu ông sai Tư mã Thiên soạn Hán Thái Sơ Lịch lấy tháng Dần làm tháng Giêng khởi đầu của một năm, chuộng màu vàng, số thì dùng số năm, vẫn dùng binh dụng võ, ngoài thì khai hóa bốn rợ Di, cho đến thu thuế rượu định thuế muối, thuế sắt, đúc bạch kim, chế tiền da. Lúc này vua có niên hiệu, đây là việc mà các Đế Vương từ xưa chưa từng có. Ông lên ngôi lấy niên hiệu là Kiến Nguyên năm đầu. Kiến Nguyên có sáu năm, Nguyên Quang có sáu năm, Nguyên Sóc có sáu năm, Nguyên Thú có sáu năm, Nguyên Đỉnh có sáu năm, Nguyên Phong có sáu năm, Thái Sơ có sáu năm, Thiên Hán có bốn năm, Thái Thỉ có bốn năm, Chinh Hòa có bốn năm, Hậu Nguyên có hai năm.

TỔ THỨ MƯỜI SÁU: ĐẠI SĨ LA HẦU LA ĐA

Ngài sinh trưởng tại nước Ca-tỳ-la, hoằng hóa đến thành Thất-la-phiệt, ngài nói với đồ chúng: "Ở đây sẽ có Thánh giả tiếp nối ngôi vị Tổ." Khi đến hang đá bên sông Kim, ngài thấy Tăng-già Nan-đề đang tọa thiền nhập định. Đợi đến hai mươi mốt ngày sau, Nan-đề mới xuất định, ngài hỏi Nan-đề:

- Thân ông định hay tâm ông định?

Nan-đề đáp:

- Thân tâm đều định.

- Thân tâm đều định thì vật gì ra vào?

- Tuy có ra vào nhưng chẳng mất tướng định, như vàng trong giếng thể nó thường vắng lặng.

- Dù vàng ở trong giếng hay ra khỏi giếng thì vàng vẫn không động tĩnh, vậy vật gì ra vào?

- Nói "vàng không động tĩnh thì vật gì ra vào" rõ ràng vàng có ra vào, chẳng phải động tĩnh.

Ngài hỏi:

- Nếu vàng ở trong giếng thì vật gì ra? Nếu vàng ra khỏi giếng thì vật gì ở trong giếng?

Cứ thế hai người hỏi qua đáp lại, Nan-đề hoát nhiên tỏ ngộ cầu xuất gia. Ngài dùng tay phải nâng bình bát vàng lên đến Phạm Cung, lấy cơm thơm trên ấy chia đều cho đại chúng, đại chúng đều thấy cơm mình có đất, ngài bảo Nan-đề phân tòa rồi cùng ăn, đại chúng thấy vậy nghi hoặc, ý cho rằng thầy trò hỗn tạp, không phân thứ lớp. Ngài biết đại chúng sinh nghi nên nói: Các ông không ăn được là do cái tâm nghi

ngờ ấy. Người đang cùng ngồi một tòa với ta chính là Ta-la Vương Như Lai trong quá khứ. Ông ấy muốn ứng cơ giáo hóa nên giáng thế.

Nan-đề biết mọi người sinh tâm ngã mạn, nên nói: Sau khi Như Lai diệt độ, con người không tin chắc, chính niệm mai một chẳng tin chân như, chỉ thích thần lực.

Nói xong, Nan-đề thọc tay phải vào lòng đất, đến lớp Kim cang luân, lấy nước ngon ngọt nơi ấy đựng trong bình lưu ly đem về cho chúng hội. Đại chúng thấy vậy liền kính phục đảnh lễ sám hối. Bấy giờ tổ truyền trao pháp nhãn cho Nan-đề và nói kệ:

Nơi pháp thật không chứng
Chẳng giữ cũng chẳng lìa
Chẳng có tướng có, không
Trong ngoài nương đâu khởi.

Phó pháp xong, ngài an nhiên quy tịch. Bốn chúng dựng tháp an táng toàn thân ngài. Bấy giờ nhằm đời tiền Hán Vũ Đế.

+ Chiêu Đế: Tên là Phất Lăng, con của Vũ Đế, ở ngôi mười ba năm, thọ hai mươi hai tuổi. Đại Tư mã đại tướng Quân Hoắc Quang, Xạ Kỵ tướng quân Thái Bộc Kim Nhật Đan, Tả tướng quân Thượng Quan Kiệt nhận di lệnh của Vũ Đế làm phụ chánh. Trăm họ no đủ, tiến cử người hiền lương, học rộng, bãi bỏ thuế rượu. Niên hiệu Thỉ Nguyên năm đầu, ông sai Vương Bình vv... cầm ấn tiết đi khắp các quận trong nước hỏi thăm dân tình, có ai oán thán quan lại không. Thỉ Nguyên có sáu năm, Nguyên Phụng có sáu năm, Nguyên Bình có một năm.

TỔ THỨ MƯỜI BẢY: ĐẠI SĨ TĂNG GIÀ NAN ĐỀ

Ngài là con của vua Bảo Trang Nghiêm ở thành Thất-la-phiệt, vừa sinh ra ngài đã biết nói, thường khen ngợi việc Phật. Năm mười bảy tuổi, ngài dùng kệ xin cha mẹ xuất gia rằng:

Cúi đầu lễ cha lành
Cung kính lạy từ mẫu
Nay con muốn xuất gia
Xin xót thương hứa khả.

Cha mẹ ngài đồng ý cho xuất gia nhưng phải ở trong cung, đồng thời mời Sa-môn Thiền-lợi-đa vào cung dạy Phật pháp cho ngài. Năm mười chín tuổi, ngài từ bỏ vương cung vào hang đá Đại Nghiêm bên sông Kim nhập định. Mười năm sau, sau khi đắc pháp với Tôn giả La-đa, ngài hành hóa đến nước Ma-đề. Khi đến dưới núi, ngài thấy đồng tử tay cầm một cái gương tròn đi thẳng đến trước ngài, Tổ hỏi:

- Ông bao nhiêu tuổi?

- Trăm tuổi

- Ông bé thế này sao trăm tuổi được?

- Tôi chẳng cần biết, đúng trăm tuổi là được.

- Ông có căn lành không?

- Phật nói: Nếu người sống trăm tuổi chẳng hiểu cơ duyên chư Phật không bằng sống một ngày mà thấu tỏ tột cùng.

- Trong tay ông cầm vật gì, hãy đưa ta xem!

Đồng tử đáp:

Gương tròn lớn chư Phật
Trong ngoài không vết dơ
Hai người cùng được thấy
Tâm mắt thảy như nhau.

Cha mẹ đứa bé thấy con mình đối đáp như vậy liền cho xuất gia, Tổ nhận, truyền trao Cụ túc giới và đặt tên là Già-da-xà-đa.

Một hôm, gió thổi linh treo trên điện Phật phát ra tiếng, Tổ hỏi:

- Linh kêu hay gió kêu?

Xá-đa đáp:

- Chẳng phải gió kêu, linh kêu mà là tâm con kêu.

- Tâm là cái gì?

- Thảy đều vắng lặng.

Tổ nói:

Lành thay! Lành thay! Người thừa kế đạo ta, chẳng phải ông thì còn ai nữa.

Tổ liền phó pháp cho Xá-đa và nói bài kệ:

Đất tâm vốn không sinh
Do đất theo duyên khởi
Duyên, giống chẳng ngại nhau
Hoa, trái cũng như thế.

Phó pháp xong, ngài đưa tay phải nắm lấy cành cây mà tịch. Đồ chúng bàn nên đưa toàn thân ngài lên vùng đất cao an táng, nhưng sức lực ngần ấy người vẫn không nhấc nổi, nên đồ chúng trà-tỳ ngài dưới tàng cây ấy, thâu lấy xá-lợi rồi dựng tháp. Bấy giờ nhằm đời Hán Chiêu Đế (theo Chánh Tông ký)

+ Xương Ấp Vương: Tên là Hạ, con của Ai Vương, cháu của Vũ Đế. Tháng tư niên hiệu Nguyên Bình năm đầu, Chiêu Đế mất, Đế không có con, Đại tướng quân Hoắc Quang cùng quần thần bàn nhau lập ông. Ông vốn ngông cuồng, phóng túng, tháng sáu ông nhận ngọc

tỷ làm Hoàng Đế, tôn Hoàng hậu là Hoàng Thái hậu. Ông chẳng nghe lời can gián, ở ngôi được hai mươi bảy ngày. Hoàng Thái hậu hạ chiếu phế ông đưa về Xương Ấp Để, đón tằng tôn của Vũ Đế là Bệnh Dĩ trong dân gian về lập ông làm người thừa kế Chiêu Đế. Bệnh Dĩ còn có tên là Tuân.

+ Tuyên Đế: Tên là Tuân, ban đầu có tên là Bệnh Dĩ. Thái tử Cứ của Vũ Đế sinh ra Sử Hoàng Tôn, Sử Hoàng Tôn sinh ra Tuân, vậy ông là tằng tôn của Vũ Đế. Ông lên ngôi năm mười tám tuổi, ở ngôi hai mươi lăm năm, thọ bốn mươi ba tuổi. Ông lớn lên từ dân gian nên hiểu được nỗi thống khổ của họ. Sau khi đại tướng quân Hoắc Quang mất, ông mới nắm chính sự, dùng Ngụy tướng là Bình Cát làm tướng văn; Hoàng Bá, Cung Toại Đổng làm Thái thú, hối lộ tất bị phạt, quan lại phải xưng chức vị, dân an cư lập nghiệp, niên hiệu Địa Tiết năm thứ ba, Thừa Tướng Vi Hiền cáo lão về quê, ông là người làm Thừa Tướng đầu tiên. Năm Ngũ Phụng năm thứ tư, đại tư nông trung thừa Cảnh Thọ Xương tâu nên đặt Thường Bình thương, lúa rẻ thì tăng giá, cốt làm lợi cho nhà nông, lúa đắt thì giảm giá để muôn dân dễ mua, ông phong Thọ Xương tước quan nội hầu. Niên hiệu Cam Lộ năm thứ ba, ông dùng khách của Nhung địch làm kẻ Tả hữu rồi vẽ hình người ấy treo ở Kỳ Lân Các. Cứ theo hình trạng, đặt cho quan tước,tên gọi, chỉ có Hoắc Quang là không ghi tên mà ghi: Đại Tư mã tướng quân Bát Lục Hầu tánh Hoắc thị. Tiếp theo đó là Trương An thế, Hàn Tăng, Triệu Doãn Quốc, Ngụy Tương, Bình Cát, Đỗ Diên Niên, Lưu Đức, Lương Khâu Ha, Tiêu Vọng Chi, Tô Vũ cả thảy mười một người đều là bề tôi có công, đương thời biết tên, làm như vậy nhằm nêu cao và khen ngợi họ, xếp họ vào những bậc phụ tá trung hưng, coi họ ngang hàng với Phương Thúc, Triệu Hổ, Trọng Sơn Phủ. Ông hạ chiếu cho Nho gia giảng điểm dị đồng của ngũ kinh, Tiêu Vọng Chi vv... cùng được luận nghị. Vua đích thân lâm triều giải quyết chính sự, lập Lương Khâu lên thay Đại Tiểu Hạ Hầu Thượng thư Cốc Lương Xuân Thu bác sĩ. Hoàng Long năm đầu ông mất. Niên hiệu Bản Thỉ có bốn năm, Địa Tiết có năm, Nguyên Khang có bốn năm, Thần Tước có bốn năm, Ngũ Phụng có bốn năm, Cam Lộ có bốn năm, Hoàng Long một năm. Đông Hán Quang Vũ năm Kiến Vũ năm thứ mười chín, truy tôn Tuyên Đế hiệu Trung Tông.

+ Nguyên Đế: Tên là Thích, con của Tuyên Đế, ở ngôi mười sáu năm, thọ bốn mươi ba tuổi. Ban Bưu Tán nói: Anh em ngoại tổ của thần là thị trung của Nguyên Đế nói với thần rằng: “Nguyên Đế nhiều tài nghệ, rành thư sử, từ nhỏ thích đạo Nho, lên ngôi dùng Nho sinh, giao

chánh sự cho họ, hoàng thượng chỉ lo văn nghĩa, lúc nào cũng nhàn hạ, Đế khoan dung, khiêm cung với kẻ dưới, hiệu lệnh ôn hòa có cốt cách của người xưa.” Tháng năm Cánh Ninh năm đầu, ông mất. Niên hiệu Sơ Nguyên có năm, Vĩnh Quang có năm, Kiến Chiêu có năm, Cánh Ninh một năm.

+ Thành Đế: Tên là Ngao, Thái tử của Nguyên Đế, ở ngôi hai mươi sáu năm, thọ bốn mươi lăm tuổi. Kiến Thỉ năm đầu, ông phong Cửu Vương Sùng làm An Thành Hầu, ban tặng Đàm Thương, lập Căn Phùng Thì làm Quan Nội Hầu. Họ Vương chuyên quyền, Ngũ Hầu kiêu ngạo tác oai tác quái. Vĩnh Thỉ năm đầu, ông phong Vương Mãng làm Tân Đô Hầu. Tháng mười một niên hiệu Tuy Hòa năm đầu đại Tư mã Vương Căn tiến cử Mãng thay mình và Mãng giữ chức đại Tư mã, lúc này Mãng mới hai mươi tám tuổi. Mãng hạ mình, bỏ tiền ra giao du với kẻ sĩ để mua danh. Tháng ba năm Tuy Hòa năm thứ hai, Đế mất. Niên hiệu Kiến Thỉ có bốn năm, Hà Bình có bốn năm, Dương Sóc có bốn năm, Hồng Gia có bốn năm, Vĩnh Thỉ có bốn năm, Nguyên Diên có bốn năm, Tuy Hòa có hai năm.

TỔ THỨ MƯỜI TÁM: ĐẠI SĨ GIÀ DA XÁ ĐA

Ngài thuộc họ Uất-đầu-lam, sinh trưởng tại nước Ma-đề, cha là Thiên Cái, mẹ là Phương Thánh mang thai chỉ bảy ngày là sinh ngài. Thuở nhỏ, ngài hay cầm gương đi chơi, gặp Tôn giả Nan-đề và được độ làm Tăng. Ngài hành hóa đến nước Đại nguyệt thị, vào nhà một Bà-la-môn, chủ nhà là Cưu-ma-la-đa ba mươi tuổi theo học Phạm chí. Vừa thấy ngài, liền hỏi:

- Đây là đồ chúng của ai?

Tổ đáp:

- Là đệ tử của Phật

La-đa vừa nghe tên Phật thì trong lòng vô cùng kinh sợ liền chạy vào nhà đóng chặt cửa. Tổ đứng đợi giây lâu rồi gõ cửa, La-đa từ trong nói vọng ra:

- Nhà này không có người!

Ngài hỏi:

Người trả lời “không có người” ấy là ai?

La-đa nghe vậy biết ngài không phải người thường bèn mở cửa Tổ vào nhà. Tổ chỉ vào dưới xà nhà nơi con chó ban đêm hay nằm ngủ rồi nói với La-đa: Cha ông chôn vàng ở chỗ này, nay ông ấy làm chó nằm đó giữ.

La-đa liền đào lên, quả nhiên có vàng, và La-đa phát được Túc Mạng trí, thành tâm xin xuất gia. Tổ hứa khả và truyền trao Cụ túc giới, sau Tổ đem pháp nhãn giao phó cho La-đa và nói kệ:

Có giống có đất tâm
Nhờ duyên sẽ nẩy mầm
Với duyên chẳng hề ngại
Hiện thời, sinh chẳng sinh.

Phó pháp xong, ngài bay lên không, hiện mười tám tướng biến hóa, dùng lửa tự đốt thân. Bốn chúng thâu Xá-lợi, dựng tháp cúng dường. Bấy giờ nhằm đời Tiền Hán Thành Đế. (Theo Chánh Tông ký)

+ Ai Đế: Tên là Hân, cháu Nguyên Đế, em Thành Đế, con của Định Đào Cộng Vương, ông ở ngôi sáu năm, thọ hai mươi lăm tuổi. Ông nhiều lần giết đại thần vì muốn tỏ rõ uy người chủ, Vương Mãng giả bệnh cáo từ nên được miễn. Ông mất, không có con, Nguyên Hậu Triệu Vương Mãng làm Đại Tư mã, đón Trung Sơn Vương Khản lập làm Đế. Niên hiệu Kiến Bình có bốn năm, Nguyên Thọ có hai năm.

+ Bình Đế: Tên là Khản, cháu Nguyên Đế, con của Trung Sơn Vương Cơ, ông ở ngôi năm, lên ngôi lúc chín tuổi, Thái hậu lâm triều thính chính, đại Tư mã Vương Mãng nắm chính sự. Nguyên Thỉ năm đầu, ông ban cho Mãng hiệu An Hán Công. Mùa hạ năm thứ tư, gia phong An Hán Công làm Tể Hành. Tháng năm thứ năm, ban cho An Hán Công Vương Mãng Cửu Tích, nắm giữ việc của Thiên Tử. Tháng mười hai, mùa Đông, nhân ngày sinh của Đế, Mãng dâng rượu và bỏ thuốc độc trong ấy. Đế uống vào bị bệnh, Mãng giả bộ cầm roi đến trước Thái Trị (nơi Tông Miếu) xin chịu tội, nguyện chết thay, giấu ấn lệnh, di chiếu trong hòm đem đặt trước điện, lệnh bá quan không ai được lên tiếng. Năm Bính Ngọ, ông mất, thọ mười bốn tuổi. Niên hiệu Nguyên Thỉ có năm.

Cửu Tích gồm:

1. Xa mã (xe ngựa).
2. Y phục.
3. Nhạc tắc.
4. Chu hộ (nhà son).
5. Nạp bệ.
6. Hổ bôn (dũng sĩ).
7. Phủ việt.
8. Cung Thỉ (cung tên).
9. Cự sưởng (rượu men uất kim).

+ Nhụ Tử Anh: Huyền tôn của Tuyên Đế, lên ngôi năm hai tuổi. Quan Hữu Ty tâu: Vũ Công Trường Mạnh Thông đào giếng gặp tảng đá trắng, trên tròn dưới vuông, trên có ghi dòng chữ son rằng: Báo cho An Hán Công Mãng làm Hoàng Đế, bắt đầu nhận ngôi trong ngày này.”. Thái hậu nổi giận nhưng không làm gì được Mãng. Giống như Chu công phụ chánh, nhưng Mãng bắt dân xưng là bề tôi, lễ nghi của Mãng chẳng khác Thiên Tử. Tháng năm đầu, Đế hạ chiếu cho Mãng xưng là Giả Hoàng Đế, nhiếp chính ba năm. Niên hiệu Sơ Thỉ năm đầu, Mãng lên ngôi Thiên Tử, an định thiên hạ, lấy hiệu là Tân, lấy tháng mười hai năm đó làm tháng giêng năm sau. Lúc này Nhụ Tử chưa lên ngôi Hoàng Đế, ngọc tỷ được giấu trong cung Trường lạc. Khi lên ngôi, Mãng xin lấy ngọc tỷ, Thái hậu không chịu đưa, Mãng sai An Dương Hầu Thuấn ra chiếu chỉ ép Thái hậu, Thái hậu ném ngọc tỷ xuống đất. Mãng ra chiếu giáng Nhụ Tử làm Định An Công. Sơ Thỉ năm đầu, Vương Mãng soán ngôi.

Nhà Hán gồm mười bốn vua, trị vì hai trăm mười bốn năm.

+ Tân Thất: Vương Mãng, tự Cự Khanh, người ở Nguyên Thành, là em của Hiếu Nguyên Hoàng hậu, con của Vương Mạn. Sau khi chiếm ngôi nhà Hán, ông phong Thái hoàng Thái hậu họ Vương làm Tân Thất Văn Mẫu, bỏ hiệu nhà Hán. Mãng cậy thế lừa dối muôn dân, coi thường pháp nước, tội ác chồng chất. Muôn dân khởi bing giết Mãng. Binh nhà Hán suy tôn Lưu Huyền làm đế. Tam phụ hào kiệt cùng giết Mãng. Mãng soán ngôi mười bốn năm (Tam Phụ gồm: Kinh Triệu, Tả Phùng Dực (Đồng châu), Hữu Phùng Phong (Phụng Tường phủ). Năm Kiến Quốc có năm, Thiên Phụng có sáu năm, Địa Hoàng có ba năm.

+ Canh Thỉ: Họ Lưu, tên Huyền, tự Thánh Công, là tằng tôn của Thung Lăng Đới Hầu. Ông lên ngôi dùng Lưu Tú (Quang Vũ) làm Tư Lệ Hiệu Úy, sau lập làm Tiêu Vương. Bọn Xích Mi vào ải, lập Lưu Bồn Tử lên ngôi, Canh Thỉ chết. Canh Thỉ ở ngôi hai năm. Hậu Hán Quang Vũ, niên hiệu Kiến Vũ năm đầu, Vũ hạ chiếu phong Huyền làm Hoài Dương Vương.

+ Lưu Bồn Tử: Hậu duệ của Thành Dương Cảnh Vương Chương. Cuối thời Vương Mãng, Phàn Sùng khởi binh ở đất Cử, quân của Sùng loạn chiến với quân của Mãng, Sùng sai lính kẻ mi màu đỏ trà trộn vào phá tan quân Mãng. Canh Thỉ năm thứ hai, đưa Bồn Tử làm Thiên Tử. Hậu Hán Kiến Vũ năm thứ ba, ông đầu hàng Quang Vũ, Quang Vũ phong Bồn Tử làm Triệu Vương lang trung. Ông bị bệnh mù mắt. Tân Thất đến Canh Thỉ tồn tại cả thảy mười sáu năm, vận nước sau đó về

lại nhà Hán.

Quý Mùi: Canh Thỉ năm đầu Vương Mãng diệt	Lương Vương Lưu Vĩnh chiếm cứ Tuy Dương xưng Đế năm đầu	Hoài Nam Vương Lý Hiến chiếm Cửu Thành xưng Đế năm đầu.
Giáp Thân: Canh năm Thỉ năm thứ 2	Lưu Vĩnh năm thứ 2	Lý Hiến năm thứ 2
Thành Công Tôn Thuật chiếm Thành Đô xưng đế, Long Hưng năm đầu	Ninh Sóc Vương Ngỗi Hiêu chiếm cứ Tần Châu	Đông Hán Quang Vũ-Kiến Vũ năm đầu
Lưu Vĩnh năm thứ 3	Lý Hiến năm thứ 3	Long Hưng năm thứ 2
Ngỗi Hiêu		

+ Lưu Vĩnh: Lương Vương Lưu Vĩnh chiếm cứ Tuy Dương xưng Đế, Đông Hán Quang Vũ năm Kiến Vũ năm thứ tư, Mậu Tý, tức Lưu Can năm đầu, năm sau tức Kỷ Sửu bị nhà Hán diệt.

+ Lý Hiến: Hoài Nam Vương Lý Hiến chiếm cứ chín thành xưng Đế, đến Canh Dần tức Quang Vũ Kiến Vũ năm thứ sáu bị Hán diệt.

+ Công Tôn Thuật: Chiếm cứ Thành đô xưng Đế, bắt đầu năm Giáp Thân kết thúc năm Bính Thân, Kiến Vũ năm thứ mười hai bị Hán diệt.

+ Ngỗi Hiêu: Ninh Sóc Vương Ngỗi Hiêu, do Công Tôn Thuật lập, ông chiếm cứ Tần châu, bắt đầu năm Giáp Thân kết thúc năm Giáp Ngọ. Hán Kiến Vũ thứ mười tức Ngỗi Thuần năm đầu bị Quang Vũ diệt.

+ Lô Phương: Chiếm cứ An Định lấy hiệu Hán rồi xưng Đế, bắt đầu năm Ất Dậu là năm đầu, Đông Hán Kiến Vũ năm thứ mười sáu đầu hàng Quang Vũ.

+ Bành Sủng: Ngư Dương Thú chiếm cứ Đàn châu, Tô châu, xưng là Yên Vương, bắt đầu từ Kiến Vũ Đinh Hợi, kết thúc Kiến Vũ năm thứ năm Kỷ Sửu, bị Quang Vũ diệt.

+ Trương Bộ: Tề Vương, Đông Hán Kiến Vũ năm thứ ba, Lưu Vĩnh lập ông, Kiến Vũ năm thứ năm Kỷ Sửu, bị Quang Vũ diệt.

TỔ THỨ MƯỜI CHÍN: ĐẠI SĨ CƯU MA LA ĐA

Ngài là con một Bà-la-môn ở nước Đại Nguyệt Thị. Sau khi đắc pháp ngài hành hóa đến nước Trung Thiên Trúc. Ở đây có Đại sĩ Xà-dạ-đa hỏi ngài: Nhà con cha mẹ đều kính tín Tam bảo nhưng sao gặp phải nhiều bệnh hoạn, làm việc gì cũng không được như ý. Còn nhà hàng xóm từ lâu làm nghề đồ tể nhưng thân thể khỏe mạnh làm việc gì cũng thành đạt, như vậy người kia có được may mắn gì, còn con sao lại bất hạnh đến vậy?

Ngài đáp: Việc ấy có gì đáng nghi, vả lại quả báo thiện ác thông cả ba đời. Con người ta chỉ thấy người nhân nghĩa chết sớm kẻ bạo ngược sống lâu, kẻ ngỗ nghịch được an lành, người nhân nghĩa chịu tai ương liền cho rằng không có nhân quả, chẳng có tội phước, nhưng không biết nhân quả theo nhau như bóng với hình không mảy may sai chạy, dù trải qua trăm ngàn vạn kiếp cũng không hề mất. Phật nói nghiệp thông cả ba đời, cho nên thiện nghiệp mà ta tạo tác đời trước thì đời nay chịu quả báo, đời nay nếu làm việc bất thiện thì tương lai gánh chịu quả báo. Có người tuy đời nay làm việc thiện nhưng cũng chẳng được phước vì quả báo của đời trước vượt trội, đời nay tuy làm ác nhưng không mắc phải tai ương vì thiện nghiệp đời trước vượt trội. Nếu thấy đời nay không được phước báo lại chỉ làm ác thì tương lai càng đọa vào ác thú. Nếu đời này được phước báo lại chăm làm việc thiện thì đời sau càng sinh vào nẻo lành. Lại nữa, đời trước làm thiện đức ấy mới được một nửa, sau đó chuyển tâm làm ác, đến đời này hưởng phước rồi chịu họa sau, đời này làm ác ấy mới được một nửa, sau đó chuyển tâm làm việc thiện, đến đời sau chịu họa trước sau đó mới hưởng phước. Nay quả báo thiện ác của nhà ông và nhà hàng xóm khác nhau là do nghiệp đời trước nên mới như vậy, lẽ đâu ông chỉ dựa vào một đời mà cầu phước ư!

Xà-dạ-đa nghe xong, mối nghi dứt sạch. Ngài nói: Ông tuy tin ba nghiệp nhưng thấy rõ nghiệp từ hoặc sinh ra, hoặc từ thức mà có, thức nương vào bất giác, bất giác lại nương vào tâm, tâm vốn thanh tịnh, không sinh không diệt, không tạo tác, không báo ứng, không hơn thua, nó vắng lặng như thế, linh diệu như thế. Nếu ông có thể nhập được pháp môn này thì có thể đồng với chư Phật. Tất cả thiện ác, hữu vi vô vi đều như mộng huyễn.

Xà-dạ-đa nghe xong, lĩnh hội ý chỉ, liền phát túc tuệ, khẩn cầu xuất gia. Sau khi truyền Cụ túc cho Xà-dạ-đa, ngài nói: Ông phải gắng tiếp nối việc hành hóa, rồi ngài phó pháp và nói kệ:

Trên tánh vốn không sinh

Với người cầu: Nói sinh
Với pháp đã vô đắc
Lo gì thông chẳng thông.

Ngài nói tiếp: Đây là kệ của Diệu Âm Như Lai nói ra khi thấy được bản tánh thanh tịnh, ông truyền trao cho hậu học. Nói xong ngài ngồi trên tòa lấy tay vuốt mặt, mặt ngài như sen hồng, phóng đại quang minh chiếu khắp bốn chúng rồi an nhiên nhập diệt. Xà-dạ-đa dựng tháp cúng dường. Bấy giờ nhằm đời Tân Thất Vương Mãng. (theo Chánh Tông ký)

+ Đông Hán: Đóng đô ở Lạc Dương, nay là Hà Nam Phủ lộ, gồm Quang Vũ, Minh Đế, Chương Đế, Hòa Đế, Thương Đế, An Đế, Bắc Hương Hầu, Thuận Đế, Xung Đế, Chất Đế, Hoàn Đế, Linh Đế, Hiến Đế.

- Thế Tổ Quang Vũ Hoàng Đế: Húy là Tú, tự Văn Thúc, người Nam Dương, là cháu bảy đời của Hán Cảnh Đế, hậu duệ của Trường Sa Vương Phát, con của Nam Đốn Lệnh Lưu Khâm. Canh Thỉ năm đầu, ông làm Thiên tướng quân nắm giữ việc của Đại Tư mã. Canh Thỉ năm thứ hai, ông được lập làm Tiêu Vương, đánh giặc Đồng Mã, dân chúng Quan Tây gọi ông là Đồng Mã Đế. Hồi đó, Quang Vũ khởi binh ở núi Lục Lâm (nay là Giang Lăng lộ, Kinh Môn, Kinh châu, Hồ Bắc đạo) năm Ất Dậu, các tướng bàn nhau tôn xưng danh hiệu, ông ba lần từ chối. Ba quân đi đến Nam Bình, các tướng lại ra sức nài ép, Cảnh Thuần nói: Không có địa vị, danh hiệu chính đáng, thì Sĩ đại phu mất hy vọng mà bỏ đi thì khó mà tập hợp lại được. Đi đến đất Cảo (Kinh triệu), ông sai Hữu Ty đắp đàn ở bờ Ngũ Thành, đình Thiên Thu, phía nam đất Cảo, tháng sáu ông lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Kiến Vũ, đại xá thiên hạ. Ông ở ngôi ba mươi ba năm, thọ sáu mươi hai tuổi ông lấy đức khoan dung nhân hậu đãi ngộ bậc hào kiệt, năm thứ mười sáu ông thống nhất thiên hạ, chuyên cần chăm dân, bảo dưỡng công thần, tôn sùng Nho giáo, trăm họ yên vui, mở thái học, chỉnh văn giáo, không phải việc cần kíp thì không dùng binh, thăm hỏi ẩn sĩ để họ thấy mình không phải là khách. Niên hiệu Kiến Vũ có ba mươi mốt năm, Trung Nguyên có hai năm. Năm Kiến Vũ năm thứ hai mươi bảy, Thế Tôn diệt độ đã một ngàn năm.

+ Hiển Tông Minh Hoàng Đế: Tên là Trang, con năm thứ tư của Quang Vũ, ông tuân theo pháp độ của Quang Vũ, gia đình hậu, phi không được tham dự chánh sự, ông bảo dưỡng Tam Lão, Ngũ Canh (những người làm quan có tuổi tác cao) ở Tích Ung. Đến như học trò ở

Vũ Lâm đều thông thuộc cả Hiếu Kinh. Văn giáo rất thịnh, hiệu lệnh rõ ràng. Năm Vĩnh Bình năm thứ ba, ông cho họa tượng công thần có công trung hưng, gồm hai mươi tám tướng rồi treo ở Vân Đài nam Cung, thêm vào đó có Vương Thường, Lý Thông, Đậu Dung, Trác Mậu cả thảy ba mươi hai người, riêng Mã Viện vì là cha của Tiêu Phòng nên không được họa. Năm Vĩnh Bình năm thứ tư, Đông Bình Vương Thương vào triều kiến, Đế hỏi:

- Ông ở nhà thấy việc gì vui nhất?

Thương đáp:

Làm thiện là vui nhất.

Đế khen:

Lời này rất hay, có thể giữ được nước.

Hai mươi tướng gồm: Đầu tiên là Đặng Vũ, kế đó là Phùng Thành, Ngô Hán, Vương Lương, Giả Phục, Trần Tuấn, Cảnh Yểm, Đỗ Mậu, Khấu Tuân, Phó Tuấn, Sầm Bành, Kiên Đàm, Phùng Dị, Vương Bá, Chu Hựu, Nhậm Quang, Sái Tuân, Lý Trung, Cảnh Đan, Vạn Tu, Sái Diên, Phỉ Đồng, Diêu Kỳ, Lưu Thực, Cảnh Thuần, Tang Cung, Mã Vũ, Lưu Long. Niên hiệu Vĩnh Bình có mười tám năm.

+ Phật giáo bắt đầu du nhập vào Đông độ: Năm Vĩnh Bình năm thứ bảy, Đế nằm mộng thấy người vàng cao lớn, cổ có ánh sáng, bay đến điện đường. Sáng ra, Đế hỏi quần thần, thái học văn nhân Phó Nghị tâu: Thời Chu Chiêu Vương, ở Tây Vực có Phật xuất thế, ông ấy cao một trượng sáu thước, toàn thân màu vàng, người mà Bệ hạ thấy chắc hẳn là ông ấy chăng?

Bác sĩ Vương Tuân tra trong Chu Thư Dị Ký, trong ấy cũng ghi như vậy. Đế liền sai Trung Lang Thái Âm, Bác Sĩ Tần Cảnh vv... cả thảy mười tám người đi sứ sang Tây Vực tìm cầu Phật pháp. Nhóm người ấy đến nước Nguyệt Thị (giáp giới Thiên Trúc) gặp được Phạm tăng Nhiếp-ma-đằng và Trúc Pháp Lan đang chở kinh và tượng Phật sang Chấn Đán, thế là họ cùng về. (Đó là vào năm Vĩnh Bình thứ mười) Ma-đằng vào nước, dâng kinh tượng, Đế mừng rỡ, mời ngài ở tại Hồng Lô tự. Pháp Lan cũng đi chung nhưng đến sau. Đế liền lập một ngôi chùa bên ngoài Ung Môn Thành Tây để hai ngài ở. Do có con ngựa trắng chở kinh sang, nên ông đặt tên chùa là Bạch Mã. Năm Vĩnh Bình năm thứ mười bốn, bọn đạo sĩ ở Ngũ Nhạc như Phí Thúc Nha, Chử Thiện Tín gây oán, bài xích cho rằng kinh Phật hư dối. Hai ngài tâu với Đế rằng: Phật tôi xuất hiện trong đời, pháp Phật nước lửa không thể hoại được, xin thử nghiệm với đạo sĩ.

Đế sai bọn Thúc Nha đem hết kỳ kinh bí quyết của mình và kinh tượng do Sa-môn chở đến ra nổi lửa đốt. Ngày rằm tháng giêng châm lửa, nhưng kinh của Sa-môn vẫn y nguyên không cháy, Đạo sĩ cúi đầu khâm phục, Đế càng lấy làm lạ. Từ đó Ma Đằng và Pháp Lan học Hán ngữ, sau đó dịch năm bộ: Tứ Thập Nhị Chương, Thập Địa Đoạn Kiết, Phật Bản Sinh, Pháp Hải Tạng, Phật Bản Hạnh. Có lần Đế đến chùa, hai ngài hỏi: Phía Đông chùa là hội quán gì?

Đế nói: Xưa có gò đất vô cớ nổi lên để lại dấu tích như vậy, ban đêm phát ánh sáng lạ, dân bảo đó là mả Thánh, rồi họ thờ cúng và nghi là thần của Lạc Dương.

Ma-đằng nói: Căn cứ trong Kim Tàng Thuyên bên Thiên Trúc có ghi: "A-dục Vương an trí Xá-lợi của Như Lai đến tám vạn bốn ngàn nơi rải rác khắp thiên hạ, riêng địa phận của Chi Na Chấn Đán có mười chín nơi, đây là một trong số đó." Vua nghe thất kinh liền xa giá đến mả Thánh, hai ngài cùng đến lễ lạy. Bỗng có luồng ánh sáng hình tròn xuất hiện trên gò mả ba thân hiện ra trong hào quang, thị vệ đều hô vạn tuế. Đế vui mừng nói: Nếu chẳng gặp hai Đại sĩ thì làm sao biết được Thánh nhân để lại điềm lành này.

Đế hạ chiếu xây tháp ngay đó, dưới sự chỉ dẫn của hai ngài, tháp được xây chín tầng, cao hai trăm thước. Năm sau, hào quang lại xuất hiện, lại thấy cánh tay sắc vàng thò ra trên đỉnh tháp dài hơn một thước, tay như lưu ly, hương trời xông ngát. Đế xa giá đến lễ lạy chiêm ngưỡng. Ánh sáng cứ vòng quanh theo chân ông từ giờ Ngọ đến giờ Thân mới hết. Lúc này em của Đế là Sở Vương Anh thích kinh Phật nên ăn chay, giữ giới, từng dùng lụa thêu kinh. Đế trở về, thiết trai ở Tang Môn (xem Hán Thư, và Tam Bảo kỷ). Vĩnh Bình năm thứ mười sáu, Nhiếp Ma Đằng thị tịch, Trúc Pháp Lan một mình dịch năm bộ kinh gồm mười ba quyển. Đế ở ngôi mười tám năm, thọ bốn mươi tám tuổi, ông mất vào tháng tám năm Vĩnh Bình năm thứ mười tám (theo Bản kỷ).

TỔ THỨ HAI MƯƠI: ĐẠI SĨ XÀ DẠ ĐA

Ngài sinh trưởng tại Trung Thiên Trúc, sau khi đắc pháp, ngài hành hóa đến thành La-duyệt, ở đó có luận sư nổi tiếng tên là Bà-tu-bàn-đầu, thường ăn một bữa, chưa từng nằm, sáu thời lạy Phật, thanh tịnh không mong cầu, ngài muốn đến độ người ấy. Ngài đến khai thị, Bàn-đầu phát được Vô lậu trí, nhớ lại bảy kiếp về trước liền thưa với ngài : con sinh trong nước An Lạc, thì về già tu sắp chứng quả, lúc gặp Bồ-tát Đại Quang Minh, mới đem gậy dựng vào vách lễ lạy Bồ-tát,

không ngờ dựng gậy trượng ngay trước mặt Phật trên vách, phạm tội đại ngã mạn, mất đi hai quả, nay gặp được thầy, xin thầy từ bi chỉ dạy. Ngài nói: Từ lâu ông đã trồng gốc đức, sẽ kế thừa tông ta, nghe ta nói kệ:

Nói ra hợp vô sinh
Đồng với tánh pháp giới
Nếu hiểu được như thế
Thông đạt cả sự lý.

Phó pháp xong, ngài lộn ngược người rồi thị tịnh, đồ chúng trà-tỳ rồi thâu xá-lợi dựng tháp. Bấy giờ nhằm đời Hậu Hán Minh Đế.

+ Túc Tông Chương Đế: Tên là Thản, Thái tử của Minh Đế, ông khoan dung nhân hậu, bỏ hình phạt thảm khốc, thương dân hết mực, ra lệnh cấp dưỡng thai nhi, hết lòng vì đạo hiếu, ông bình dị thanh tao, muôn dân đều an vui. Ông ở ngôi mười ba năm, thọ ba mươi ba tuổi. Tháng giêng năm Nguyên Hòa năm thứ hai, ông hạ chiếu rằng: Muôn dân người nào sinh con chưa đầy ba tuổi, và những người đang mang thai đều được cấp dưỡng ba hộc lúa để bồi bổ cho thai nhi, những người có chồng chưa đầy một năm cũng được cấp dưỡng. Năm Ất Sửu, ông cày ruộng ở Định Đào rồi vào thăm đền thờ Khổng Tử và bảy mươi hai đệ tử ông ta tại làng Khuyết. Ông trỗi nhạc Lục Đại, hội họp con cháu họ Khổng, nam nữ từ hai mươi tuổi trở lên cả thảy sáu mươi hai người. Đế hỏi Khổng Hy: Hôm nay hội họp thế này tông thất của khanh có vinh hiển không? Hy đáp: Thần nghe Minh Vương, Thánh chủ thảy đều tôn sư trọng đạo, nay Bệ hạ dời gót ngọc đến nơi nghèo hèn thế này đã là tôn trọng Tiên sư tăng huy Thánh đức, còn như vinh hiển thì Thần thật không dám nhận.

Đế cười vang nói: “Không phải con cháu Thánh nhân thì đâu thể nói được những lời như vậy.” Đế phong Hy làm Lang Trung. Niên hiệu Kiến Sơ có tám năm, Nguyên Hòa hai năm, Chương Hòa hai năm.

+ Hòa Đế: Tên là Triệu, con năm thứ tư của Chương Đế, ông ở ngôi mười bảy năm, thọ hai mươi bảy tuổi, Đậu Thái hậu lâm triều, phong anh là Hiến làm thị trung. Năm Vĩnh Nguyên năm thứ tư, cha con anh em của bà đầy cả triều đình, dòng họ chuyên quyền. Đế sai trung thường thị Trịnh Chúng bàn mưu giết Hiến, hoạn quan lộng quyền phát xuất từ đây. Niên hiệu Vĩnh Nguyên có mười sáu năm, Nguyên Hưng một năm.

+ Thương Đế: Tên là Long, con út của Hòa Đế, ông sinh tháng mười hai niên hiệu Nguyên Hưng năm đầu, được một trăm ngày thì Hòa Đế mất. Ông lên ngôi Đặng Thái hậu lâm triều, Đặng Chất làm xa kỵ

tướng quân, đổi niên hiệu Diên Bình. Tháng tám, ông mất, Thái hậu đón con của Thanh Hà Vương Khánh là Hựu làm người thừa kế Hòa Đế và lập làm Hoàng Đế. Niên hiệu Diên Bình có một năm.

+ Cung Tông An Đế: Tên là Hựu, ở ngôi mười chín năm, Thái hậu lâm triều. Tháng ba Kiến Quang năm đầu Hoàng Thái hậu Đặng thị mất, tất cả người của họ Đặng đều thôi làm quan về lại quê cũ, Chất thì tự sát, ông bắt đầu nắm chính sự. Bọn họan quan Giang Kinh, Phàn Phong và Nhũ mẫu Vương Thánh, Diêm hậu đặt điều vu khống dèm pha Thái tử. Tháng 09, phế Hoàng Thái tử Bảo xuống làm Tế Âm Vương. Tháng ba, năm Diên Quang năm thứ tư, Đế mất, thọ ba mươi ba tuổi. Niên hiệu Vĩnh Sơ bảy năm, Nguyên Sơ sáu năm, Vĩnh Ninh một năm, Kiến Quang một năm, Diên Quang bốn năm.

TỔ THỨ HAI MƯƠI MỐT: ĐẠI SĨ BA TU BÀN ĐẦU

Ngài họ Tỳ-xá-khư, người ở thành La-duyệt, cha là Quang Cái, mẹ là Nghiêm Nhất. Năm mươi một tuổi, ngài lạy La-hán Quang Độ xuất gia, thọ giới. Sau gặp Đại sĩ Xà-dạ-đa, Dạ-đa khai thị, ngài phát tuệ và được phó pháp. Ngài hành hóa đến nước Na-đề, vua nước này tên là Thường Tự Tại, con thứ của nhà vua tên là Ma-noa-la, vua cho xuất gia. Tổ nói: Lành thay! Đại Vương! Nay cho con xuất gia!

Ngài thế phát, truyền Cụ túc giới, phó pháp cho Ma-noa-la và nói bài kệ:

Bọt huyễn đồng vô ngại
Tại sao chẳng liễu ngộ
Ngay trong ấy đạt pháp
Chẳng xưa cũng chẳng nay.

Phó pháp xong, ngài bay lên không, cao đến nửa do-tuần, ngồi yên trên ấy. Bốn chúng ngước lên thỉnh ngài xuống lại. Ngài hạ xuống, ngồi kiết già mà thị tịch. Bốn chúng trà-tỳ thâu xá-lợi dựng tháp. Bấy giờ nhằm đời Hậu Hán An Đế (theo Chánh Tông ký)

+ Bắc Hương Hầu: Tên là Ý, con của Tế Bắc Huệ Vương. Tháng ba năm Diên Quang năm thứ tư, Hoàng hậu của An Đế là Diêm hậu lập ông, Hoàng hậu lâm triều. Tháng mười, Bắc Hương Hầu mất, tháng mười một, Trung Thường Thị Tôn Trình, Vương Khang cả thảy mười chín người chém bọn Giang Kinh, đón Tế Âm Vương Bảo lên ngôi Hoàng Đế, lúc này Bảo mười hai tuổi.

+ Thuận Đế: Tên là Bảo, Thái tử của An Đế, sai khi lên ngôi vua, ông sai thị ngự sử cầm ấn tiết đến bắt Diêm Hiển và em ông ta là Diệu

Yến rồi giết, đưa Thái hậu vào lãnh cung, phong bọn Tôn Trình làm Liệt hầu, đó là thập cửu hầu, lập Hoàng hậu Lương thị, ông ở ngôi mười chín năm, thọ ba mươi tuổi. Niên hiệu Vĩnh Kiến sáu năm, Dương Gia bốn năm, Vĩnh hòa sáu năm, Hán An hai năm, Kiến Khang một năm.

+ Chánh Nhất Đạo Giáo: Năm Vĩnh Hòa năm thứ sáu, ở Hạc Minh Sơn, Sùng Khánh châu, Thành Đô lộ, Tứ Xuyên Tây đạo có Đạo sĩ Trương Đạo Lăng, tự hiệu là Thiên Sư làm thuật Phù thủy tiếu lục, soạn Đạo thư hai mươi bốn quyển, trăm họ đều theo cầu đạo này. Đạo Lăng chết, truyền cho con là Hành. Hành chết truyền cho con là Lỗ, đạo này thịnh hành ở đời, đạo sĩ lập đàn cầu cúng phát xuất từ đây, rồi truyền mãi đến bây giờ, thiên hạ đều quy ngưỡng đó là Chánh Nhất Giáo.

+ Xung Đế: Tên là Bính, con của Thuận Đế, tháng tám niên hiệu Kiến Khang năm đầu ông lên ngôi, Thái hậu Lương thị lâm triều. Tháng giêng niên hiệu Vĩnh Gia năm đầu, ông mất, ở ngôi một năm, thọ ba tuổi. Niên hiệu Vĩnh Gia có một năm.

+ Chất Đế: Tên là Toản, huyền tôn của Chương Đế. Hồi ấy, Xung Đế mất, Thái hậu Lương thị đưa Thanh Hà Vương Toán và con của Bột Hải Hiếu Vương Hồng là Toản về kinh Sư. Thanh Hà Vương lúc đó hơn hai mươi tuổi, bản tính nghiêm khắc, xử sự đúng phép, thái úy Lý Cố muốn lập ông nhưng đại tướng quân Lương Dực không chịu, Dực bàn mưu với Thái hậu đưa Toản về nước và lập Toản làm Hoàng Đế, lúc đó mới tám tuổi nhưng rất thông minh. Có lần ông gặp Dực và gọi: Bạt Hỗ tướng quân! (Tướng quân bướng bỉnh), Dực rất ghét, tháng sáu, Dực sai Tả hữu chuốc thuốc độc trong thức ăn, Đế trúng độc, đau đớn cùng cực rồi chết. Ông ở ngôi một năm, thọ chín tuổi, niên hiệu Bản Sơ có một năm.

+ Hoàn Đế: Tên là Chí, tằng tôn của Chương Đế, lên ngôi lúc mười lăm tuổi, Thái hậu vẫn lâm triều, bà lập Hoàng hậu vốn là em của Thái hậu. Ông ở ngôi hai mươi mốt năm, thọ ba mươi sáu tuổi. Tháng giêng niên hiệu Hòa Bình năm đầu, Thái hậu xuống chiếu giao quyền chánh cho ông. Tháng hai Thái hậu mất. Năm Diên Hy năm thứ hai, Lương Dực đã nắm chánh sự gần hai mươi năm, bủa uy khắp trong ngoài, Thiên Tử chỉ biết khoanh tay bất bình, ông gọi trung thường thị Đan Siêu, Từ Hoàng, Hoàng môn Lệnh Cụ Viện, Tiểu Hoàng Môn Sử Tả Quan, Đường Hành cùng bàn mưu giết Dực, bắt sạch nhà họ Lương, trăm họ vui mừng, phong Đan Siêu, Từ Hoàng... cả thảy năm người làm Huyện hầu, người ta thường gọi là ngũ hầu. Niên hiệu Kiến Hòa ba

năm, Hòa Bình một năm, Nguyên Gia hai năm, Vĩnh Hưng hai năm, Vĩnh Thọ ba năm, Diên Hy chín năm, Vĩnh Khang một năm.

Năm Kiến Hòa năm thứ hai, Sa-môn nước Nguyệt Thị ở Tây Vực là Chi-lâu-ca-sấm, còn gọi là Chi-sấm đến Lạc Dương, ngài dịch kinh Phật cả thảy hai mươi mốt bộ, sáu mươi ba quyển.

Năm Vĩnh Hưng năm thứ hai, Đế đúc tháp và tượng Lão Tử bằng vàng ròng, trên lại dùng trăm thứ của báu trang sức, rồi để trong cung cúng tế, và người đời dùng vàng bạc làm tượng Phật xuất phát từ đó. (theo Tam Bảo kỷ).

TỔ THỨ HAI MƯƠI HAI: ĐẠI SĨ MA NGA LA

Ngài là con Thường Tự Tại vương nước Na-đề. Năm ba mươi tuổi, ngài gặp Đại sĩ Bà-tu-bàn-đầu, được xuất gia, truyền pháp. Sau đó ngài hành hóa đến Tây Ấn. Quốc vương nước này thuộc dòng tộc Cù-đàm, tên Đắc Độ, từ lâu siêng năng tinh tấn tu tập Phật thừa. Một hôm, bỗng một tháp nhỏ hiện lên ngay chổ vua tu hành, tháp cao một thước bốn tấc, có màu xanh sẫm, không ai nhích nổi. Vua liền triệu tập ba chúng: Phạm hạnh, Thiền quán, và Chú thuật lại hỏi nguyên do nhưng không ai đáp được. Lúc ấy ngài nói với nhà vua: Tháp này là tháp xá-lợi của Phật do A-dục vương làm ra, bốn mặt đều có hình. Mặt trước là Thi-tỳ Vương, người từng cắt đùi mình làm thịt cho chim ưng ăn để cứu bồ câu; mặt sau là Từ Lực Vương, người từng đốt thân làm đèn; mặt trái là Thái tử Tát-đỏa người từng lao xuống vực để bố thí thân cho hổ; mặt phải là Nguyệt Quang Vương, người từng bố thí cái đầu quý báu của mình. Bốn mặt đều là dấu tích của sự tu hành trong kiếp trước của Phật Thích-ca, nay nhà vua có phước duyên nên tháp này mới hiện ở đây.

Nói xong, ngài bưng tháp lên, Tự Tại Vương thấy vậy liền truyền ngôi cho Thái tử rồi theo ngài xuất gia, đó là Tỳ-kheo Đắc Độ.

Ngài đến nước Nguyệt Thị, thọ nhận sự cúng dường của quốc vương Bảo Ấn và Tôn giả Hạc-lặc-na. Hạc-lặc-na hỏi ngài:

Con có duyên gì mà bầy hạc thường theo làm bạn? Ngài đáp: Ông từng làm Tỳ-kheo đi phó hội ở Long cung, chúng đệ tử của ông đều muốn đi theo, ông quán sát năm trăm người đó không có người nào thọ nhận nổi sự cúng dường thượng diệu. Lúc đó họ nói: "Thầy thường nói pháp vật thực bình đẳng thế nào thì pháp cũng bình đẳng thế ấy, nay làm không đúng thì có gì sáng suốt đâu!" Nghe vậy ông đành dẫn cả bọn họ cùng đi. Chúng đệ tử của ông phước mỏng đức ít nên đọa trong loài có cánh đã năm kiếp rồi, nay mới chuyển thân làm hạc.

Hạc-lặc-na hỏi:

Có phương tiện gì để họ giải thoát không?

Ngài đáp:

Ta có pháp bảo vô thượng ông nên lắng nghe, nhận lãnh mà giáo hóa đời sau, rồi ngài nói kệ:

Tâm theo muôn cảnh chuyển
Nơi chuyển thật thâm sâu
Theo dòng nhận được tánh
Không mừng cũng không lo.

Lúc ấy bầy hạc nghe kệ xong vỗ cánh kêu vang rồi bay mất. Ngài kiết già an nhiên thị tịnh. Hạc-lặc-na cùng vua Bảo Ấn trà-tỳ ngài, thâu lấy xá-lợi dựng tháp cúng dường. Bấy giờ nhằm đời Hậu Hán Hoàn Đế (theo Chánh Tông ký).

+ Linh Đế: Tên là Hoằng, huyền tôn của Chương Đế, tằng tôn của Hà Gian Hiếu Vương, Đậu Thái hậu lập ông lúc mười hai tuổi. Lúc này Trần Phiên nhiều thế lực, nhũ mẫu của ông là Triệu Nhiêu cùng bọn thể nữ, Thượng thư trung thường thị Tào Tiết, Vương Phủ vv... gièm pha Thái hậu, bốn phương trượt loạn. Ông ở ngôi hai mươi hai năm, thọ ba mươi bốn tuổi. Niên hiệu Kiến Ninh bốn năm, Hy Bình bốn năm, Quang Hòa sáu năm, Trung Bình sáu năm.

Năm Quang Hòa năm thứ ba, Đế sai Trung Sứ đến chùa Phật Tháp ở Lạc Dương thiết trai cúng dường, treo lục, tung hoa, đốt hương, đốt đèn cúng dường.

+ Nguồn gốc chùa tháp ở Giang Hoài: Sa-môn nước An Tức tên là An Thanh, tự Thế Cao vốn là thế tử đương vị nhưng ngài nhường ngôi cho Thúc phụ rồi xuất gia. Thời Hoàn Đế, năm Kiến Hòa năm thứ hai, ngài đến Lạc Dương dịch hai mươi chín bộ kinh, tổng cộng một trăm bảy mươi sáu quyển. Năm Kiến Ninh năm thứ tư, ngài theo thuyền đến đất Cung thuộc Lô Sơn thuyền ghé vào đình miếu, vị thần trong miếu có khả năng nổi gió cho thuyền bè qua lại. Lúc này chủ thuyền đem lễ vật đến cúng. Thần miếu nói: “Trên thuyền có Sa-môn, nên mời đến đây!”. Ngài đến, Thần nói:

Khi xưa tôi cùng ông xuất gia học đạo, tôi ưa bố thí nhưng đa sân nên chịu quả báo thân hình cực xấu. Nhà tôi ở hồ này, trong một ngàn dặm quanh đây là địa hạt của tôi, một mai chết đi, ắt đọa địa ngục, tôi có một số lụa mềm và một ít của cải, thầy hãy lập tháp cầu phước giúp tôi sinh vào đường lành.

Thần khóc lạy, ngài đồng ý. Ngài từ tốn nói:

Ông hãy hiện hình để ta xem khổ sở thế nào.

Thần nói:

Hình tôi xấu xí, thật không dám hiện

Ngài nói:

Ông cứ hiện ta xem!

Thế rồi thần thò đầu trong trướng, thì ra là mãng xà to lớn. Mãng xà đau khổ gào khóc lệ chảy như mưa. An Thế Cao đem số của cải ấy đến Dự Chương dựng chùa Thái An. Chùa tháp ở Giang Hoài phát xuất từ đó. Thần miếu về báo mộng rằng: Tôi đã sinh vào đường lành rồi.

Sau đó, người ta thấy trong đầm ở Sơn Tây xác con mãng xà đã chết, dài đến mấy dặm, hiện nay ở huyện Tầm Dương có thôn Đại Xà là vậy.

Niên hiệu Trung Bình năm đầu, giặc Hoàng Cân (Khăn Vàng) bị diệt. (Xưa là người Cự Lộc, nay thuộc Thuận Đức lộ). Trương Giác dùng yêu thuật dạy dỗ mọi người, lấy hiệu là Thái Bình Đạo, dùng phép phù thủy trị bệnh, ai nấy đều tôn thờ ông. Em của Giác chu du khắp bốn phương quy tụ đến mấy mươi vạn người. Dân trong tám châu như: Thanh, Từ, U, Ký, Kinh, Dương, Duyện, Dự đều hưởng ứng hết lòng. Giác có tất cả ba mươi sáu phương [3](*phương nhỏ có sáu đến bảy ngàn người. Đệ tử của Giác là Đường Chu gởi thư báo Giác biết triều đình hạ chiếu đuổi bắt bọn Giác. Giác liền lệnh cho các phương đồng loạt nổi lên làm phản, bọn họ đều chít khăn vàng để làm hiệu nhận biết nhau, bởi vậy người đương thời gọi họ là giặc khăn vàng. Chỉ trong mười ngày cả thiên hạ đều hưởng ứng, kinh sư chấn động. Đế phát tinh binh trong nước, sai Trung lang tướng Lô Thực thảo phạt họ. Lúc đang đánh, hoạn quan dèm pha Thực, Đế hạ chiếu cho Hoàng Phủ Tung đánh Giác. Tung đại chiến với em của Giác là Lương, Tung đại phá giặc Hoàng Cân chém đầu Lương. Giác bị bệnh chết trước, Tung sai người đào mồ lên chém đầu rồi đưa thủ cấp về bêu tại Kinh sư.

+ Thiếu Đế: Tên là Biện, con của Linh Đế, tháng tư năm Trung Bình năm thứ sáu, Linh Đế mất, ông lên ngôi, lúc này mới mười bốn tuổi, Hà Thái hậu lâm triều thính chính. Ông phong em là Hiệp làm Trần Lưu Vương. Hoạn quan Kiển Thạc muốn giết đại tướng quân Hà Tiến để lập Hiệp, trung quân hiệu úy Viên Thiệu nhân đó khuyên Hà Tiến nên giết hết bọn hoạn quan. Tiến tâu với Thái hậu, Thái hậu không nghe. Thiệu lại nói: Nên dẫn mãnh tướng của bốn phương vào, sai họ dẫn binh vào kinh thành để ép Thái hậu, Tiến nghe theo. Tinh châu mục Đổng Trác

3. Phương giống như tướng quân. Phương lớn có hơn vạn người…

được tin liền dẫn binh vào. Trung thường thị Trương Nhượng, Đoàn Khuê giả chiếu của Thái hậu triệu Tiến vào cung rồi chém Tiến ở trước điện Gia Đức. Viên Thiệu, Hà Miêu nghe tin Tiến bị giết liền dẫn binh đóng dưới cửa khuyết Chu Tước và bắt được bọn Triệu Trung đem giết, có hơn hai ngàn hoạn quan bị giết. Nhượng và Khuê cướp Thiếu Đế chạy đến Tiểu Bình Tân. Nhượng, Khuê bị đuổi gấp liền nhảy xuống sông tự tử. Đỗng Trác ép Thái hậu phế Thiếu Đế làm Hoằng Nông Vương, ông ở ngôi một trăm tám mươi ngày. Trác lập em ông là Trần Lưu Vương Hiệp, giết Hà Thái hậu, Trác tự xưng là tướng quốc. Thiếu Đế lên ngôi vào tháng tư năm Trung Bình năm thứ sáu đời Linh Đế, ông đổi niên hiệu Vĩnh Hán, sau đổi thành Quang Hy, rồi Chiêu Ninh, cuối cùng lấy lại niên hiệu Trung Bình. Tháng mười, năm thứ sáu, ông bị phế truất.

+ Hiến Đế: Tên là Hiệp, con giữa của Linh Đế, Đổng Trác ép ông về Trường An, thiêu hủy tông miếu ở Lạc Dương. Tháng giêng niên hiệu Sơ Bình năm đầu, các châu quận ở Quan Đông đều khởi binh tiêu diệt Trác, họ suy tôn Bột Hải Thái thú Viên Thiệu làm minh chủ. Điển Quân hiệu úy Tào Tháo, Trường sa Thái thú Tôn Kiên cùng khởi binh đánh Trác. Lúc này Tôn Kiên khởi binh ở Giang Triết, Viên Thiệu chiếm cứ U châu, Tinh châu, Lưu Chương cát cứ Thục Hán, Đổng Trác giết người không gớm tay, muôn dân muốn hết đường sống. Năm Sơ Bình năm thứ ba, Tư Đồ Vương Doãn, tư lệ hiệu úy Hoàng Uyển vv... ngầm bàn mưu giết Trác. Trung lang tướng Lữ Bố có sức mạnh hơn người, Trác thường dùng Bố hộ vệ mình. Vương Doãn nhân đó báo với Bố về ý định giết Trác, Bố đồng ý. Tháng tư, Đế vừa khỏi bệnh liền triệu tập quần thần ở điện Vị Ương, Trác mặc triều phục cỡi xe đi vào, Bố liền cầm xà mâu đâm Trác rồi xua quân vào chém. Trăm họ vui mừng, ca hát đầy đường. Niên hiệu Kiến An năm đầu, Tào Tháo đón Hiến Đế về Hứa Đô (nay là Biện Lương lộ, Hứa Châu), Tháo làm Tư không, Lưu Bị làm Dự châu Thứ sử, khắp nơi trong nước đều khởi binh. Năm Kiến An năm thứ hai, Viên Thuật xưng Đế ở Thọ Xuân (nay là Hoài Tây, An Phong lộ). Kiến An năm thứ mười tám, tháng năm, Đế phong Tháo làm Ngụy Công, ban cho Cửu Tích. Tháng bảy, Ngụy bắt đầu xây dựng xã tắc tông miếu. Tháng mười một, Ngụy đặt ra Thượng thư, thị trung, lục khanh. Năm thứ mười chín, Lưu Bị vây Thành Đô, Lưu Chương mở thành ra hàng. Tháng mười hai, năm Kiến An năm thứ hai mươi mốt, Ngụy công Tào Tháo về đất Nghiệp (nay là Sơn Tây, Chương Đức lộ). Tháng năm, Đế phong Tháo tước Vương. Năm năm thứ hai mươi hai, Đế hạ chiếu cho Ngụy vương Tào Tháo lập tinh kỳ của Thiên Tử, ra vào đều có người đi

trước dẹp đường, mũ có mười hai tua dải, đi bằng xe sáu ngựa cáng xe mạ màu vàng, lập ra phó quân của năm thời, Tháo lập con là Phi làm Thái tử. Tháng bảy năm Kiến An năm thứ hai mươi bốn Kỷ Hợi, Lưu Bị tự xưng Hán Trung Vương, Tào Tháo phong Tôn Quyền làm phiêu kỵ tướng quân Giả Tiết, lãnh chức Kinh châu mục, được phong làm Nam Xương hầu. Tháng giêng năm Canh Tý, Tháo đến Lạc Dương và mất ở đó, thọ sáu mươi sáu tuổi, Thái tử Phi lên kế vương vị, lấy niên hiệu Diên Khang, tháng mười một, nhận ngôi nhà Hán, đổi niên hiệu Hoàng Sơ, phong Hán Đế làm Sơn Dương Công. Ông ở ngôi ba mươi năm, thọ năm mươi bốn tuổi, mất năm Ngụy Minh Đế, Thanh Lonh năm thứ hai, thụy là Hiếu Hiến Hoàng Đế. Niên hiệu Sơ Bình bốn năm, Hưng Bình hai năm, Kiến An hai mươi bốn năm.

+ Dịch Kinh: Từ năm Vĩnh Bình đến cuối năm Kiến An, mười hai vị cả tăng lẫn tục dịch được hai trăm chín mươi ba bộ Kinh Luật, tổng cộng ba trăm chín mươi lăm quyển (Theo Khai Nguyên Thích Giáo Lục).

Nhà Hán gồm mười ba vua, trị vì cả thảy một trăm chín mươi lăm năm rồi nhường ngôi cho nhà Ngụy. Thiên hạ bị chia làm ba.

+ Lý Hoặc: Năm Hưng Bình năm thứ hai, người ta không rõ họ tên ông là gì, đời gọi ông là Mâu Tử. Ông lánh đời ở ẩn, viết Lý Hoặc Luận, đặt ra vấn đáp, cả thảy ba mươi bảy thiên, được chép trong Hoằng Minh Tập của Luật sư Tăng Hựu đời Lương. Nay chỉ lược nêu tám thiên vì muốn lược bớt văn cú.

Hỏi: Do đâu mà gọi là Phật? Phật là thế nào?

Đáp: Phật nghĩa là Giác, cũng như nói thần Tam Hoàng, Thánh Ngũ Đế.

Hỏi: Kinh Phật rất nhiều, nay tôi muốn được lý chính yếu bỏ cái dư thừa, ông cứ nói thẳng chẳng cần quanh co.

Đáp: Không được! Phàm mặt trời, mặt trăng đều sáng nhưng chiếu soi không đồng, hai mươi tám vì sao mỗi sao đều có chủ, trăm thứ cỏ thuốc cùng sinh nhưng mỗi thứ trị mỗi bệnh, áo Hồ cừu để chống lạnh, áo vải sợi để chống nóng, ghe, xe tuy khác nhưng đều dùng để đi lại. Khổng Tử không cho Ngũ Kinh là hoàn bị nên soạn thêm Xuân Thu, Hiếu Kinh là muốn mở rộng đạo thuật, thu phục lòng người. Kinh Phật tuy nhiều nhưng kết quy chỉ là một, thí như bảy loại điển tịch dù khác nhau nhưng cái quan trọng là đạo đức nhân nghĩa cũng chỉ là một. Sở dĩ nói về Hiếu nhiều là tùy thuận với người hành đạo Hiếu mà nói. Như Tử Trương Tử Du cùng hỏi đạo Hiếu, nhưng Trọng Ni trả lời mỗi người

một khác, đó là đánh vào điểm yếu của họ, chớ làm gì có bỏ.

Hỏi: Phật có ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, đâu không quá kỳ dị so với người thường, sợ rằng nói quá lời chứ không phải sự thật.

Đáp: Ngạn ngữ có câu: Thấy thì ít mà lấy làm lạ thì nhiều, thấy lạc đà mà bảo là ngực gù lưng. Lông mày vua Nghiêu có tám màu, mắt vua Thuấn có hai đồng tử, Cao Đào ăn thì mổ như chim, Văn Vương có bốn vú, tai vua Vũ có ba lỗ, Chu Công lưng gù, Phục Hy có mũi rồng, Trọng Ni có tướng phản vũ (đỉnh lõm), Lão Tử giữa trán nhô cao, mắt sâu, mũi có hai cây trụ, tay nắm mười tiền, chân kẹp mười tiền, đó không phải là kỳ dị với con người đó sao, tướng tốt của Phật có gì phải nghi.

Hỏi: Hiếu Kinh nói: Thân thể, tóc tai do cha mẹ cho, phận làm con đâu dám hủy hoại. Tăng tử trước khi mất mới dang chân dang tay, nay Sa-môn cạo đầu, đâu không trái với lời dạy của Thánh nhân, đâu hợp với đạo của người con có hiếu!

Đáp: Hiếu Kinh nói: Tiên Vương có đức cao đạo sâu, mà Thái Bá lại cắt tóc vẽ thân, tự làm theo phong tục của Ngô Việt, trái với đạo nghĩa coi trọng thân thể, tóc tai, nhưng Khổng Tử lại khen ông ấy, lại bảo rằng ông ta là người chí đức. Trọng Ni không vì việc cắt tóc mà chê ông ấy. Dự Nhượng nuốt than, sơn thân; Nhiếp Chính rạch mặt, hủy hình; Bá Cơ giẫm lửa; Cao Hành hủy mặt mày, người quân tử mạnh dạn chết vì nghĩa, chẳng nghe ai chê họ hủy thân, chết uổng.

Hỏi: Phàm người có phước không gì hơn có con nối dõi, kẻ bất hiếu thì không gì hơn không người kế tự, Sa-môn bỏ vợ con, vất của cải, trọn đời không lấy vợ, đâu không phải trái với phước hạnh, hiếu hạnh?

Đáp: Hứa Do ở trong tổ chim trên cây; Bá Di, Thúc Tề chết đói trên núi Thủ Dương, nhưng Khổng Tử khen họ là hiền sĩ, cầu nhân thì được nhân là vậy, chẳng nghe ai chê họ là người không có con nối dõi, chẳng có của tiêu xài.

Hỏi: Đạo Phât nói: Con người chết rồi, đầu thai trở lại, tôi không tin việc ấy có thật!

Đáp: Con người sắp chết, gia quyến họ ngẩng cổ lên nóc nhà mà gọi họ, họ chết rồi thì gọi ai?

- Gọi hồn phách của họ!
- Thần thức trở lại thì họ sống, không trở lại thì thần thức đi đâu?
- Thành quỷ thần!

Mâu Tử nói: Thế đủ biết quỷ thần không diệt, chỉ có thân ta tự

tan hoại mà thôi. Thân giống như gốc là của ngũ cốc, thần hồn giống như trái hạt của ngũ cốc, gốc lá có sinh có tử, trái hạt lẻ đâu cũng tận diệt ư?

Hỏi: Vì đạo cũng chết, không vì đạo cũng chết, có gì khác nhau đâu?

Đáp: Đó gọi là: "Không có điều tốt của một ngày lại muốn cái hay cả đời" là thế. Người có đạo dù cũng chết nhưng thần thức về nơi an lạc, kẻ làm ác cũng chết nhưng thần thức phải chịu tai ương. Kẻ ngu thì mê mờ với việc đã thành, người trí thì biết trước những gì chưa manh nha chẳng khác nào trắng sánh với đen, sao lại không khác?

Hỏi: Khổng Tử nói: Chưa thể thờ người làm sao thờ quỷ? Chưa biết sống làm sao biết chết? Đó là điều thánh nhân ghi lại. Nay nhà Phật chưa gì đã nói đến chuyện sống chết, việc quỷ thần, e rằng không phải lời của Thánh triết!

Đáp: Như lời ông nói, đó gọi là chỉ thấy bên ngoài mà không thấy bên trong, Khổng Tử cho rằng Tử Lộ không hỏi ngọn ngành là muốn khỏa lấp đó thôi. Hiếu Kinh nói: Lập ra tông miếu là để thờ cúng, tế tự Xuân Thu là theo mùa mà nhớ. Lại nói: yêu kính sự sống, xót thương việc chết, đó chẳng phải là dạy con người thờ quỷ thần, biết sống chết đó sao! Chu Công thỉnh mệnh cho Vũ Vương rằng: "Vả lại đa tài đa nghệ, hay thờ quỷ thần, thì nên làm gì?" Vậy con đường sống chết mà kinh Phật nói đến đâu chẳng phải là chuyện này!

TỔ THỨ HAI MƯƠI BA: ĐẠI SĨ HẠC LẶC ĐA

Ngài thuộc dòng dõi Bà-la-môn, người nước Nguyệt Thị, cha là Thiên Thắng, mẹ là Kim Quang. Năm hai mươi hai tuổi ngài xuất gia, ba mươi tuổi gặp được Tôn giả Ma-noa-la và đắc pháp. Ngài hành hóa đến Trung Ấn, thuyết pháp choquốc vương này, quốc vương vui mừng quy kính ngài. Hồi ấy, đệ tử Thượng thủ của ngài tên là Long Tử, nhưng Long Tử chết sớm. Anh Long Tử tên là Sư Tử đến quy y ngài và đắc pháp. Một hôm ngài chỉ hướng Đông bắc và hỏi đồ chúng:

- Đó là khí tượng gì?

Chúng không đáp, Sư Tử nói:

Con thấy luồng khí như cầu vồng trắng, lại có năm luồng khí đen bắc ngang trong ấy.

Ngài nói:

Sau khi ta diệt độ năm trăm năm, nước Bắc Thiên Trúc xảy ra đại nạn, liên lụy đến ông, ta sắp diệt rồi, nay ta đem pháp nhãn giao phó

cho ông, ông phải giữ gìn. Ông đến nước đó ắt phải gặp nạn, cần phải cẩn thận phó pháp sớm đi, chớ để đoạn dứt, nghe ta nói kệ:

Khi nhận được tâm tánh
Chẳng nói chẳng nghĩ bàn
Rõ ràng vô khả đắc
Lúc được chớ nói biết.

Phó pháp xong, ngài bay lên không, hiện mười tám tướng biến hóa, sau về lại bản tòa an nhiên thị tịch. Bốn chúng trà-tỳ phân chia xá-lợi, ai nấy cũng muốn dựng tháp cúng dường. Đại sĩ hiển linh nói kệ:

Một pháp tất cả pháp
Một pháp nhiếp tất cả
Thân ta chẳng có không
Sao phân tất cả tháp.

Bốn chúng liền hợp lại dựng một tháp rồi cúng dường. Bấy giờ nhằm đời Hậu Hán Hiến Đế (Theo Chánh Tông ký)

+ Tam quốc:

- Ngụy: * Văn Đế, niên hiệu Hoàng Sơ bảy năm.

Minh Đế, niên hiệu Thái Hòa sáu năm, Thanh Long bốn năm, Cảng Sơ ba năm.

* Thiệu Lăng Lệ Công, niên hiệu Chánh Thỉ chín năm, Gia Bình năm.

* Cao Quý Hương Công, niên hiệu Chánh Nguyên ba năm, Cam Lộ bốn năm.

* Nguyên Đế, niên hiệu Cảnh Nguyên bốn năm, Hàm Hy một năm.

Họ Tào, vương hiệu là Thổ Đức, đóng đô ở đất Nghiệp, xưa là Tương châu, nay là Hà Đông, Sơn Tây đạo, Chương Đức lộ, sau dời đô về Lạc Dương. Vũ Vương Tháo tự Mạnh Đức, người Sơn Đông, Bái Quốc Tiếu, cha là Tung làm quan đến chức Thái úy, ông nội là Đằng làm Trung thường thị của Hán Linh Đế. Tung là con nuôi của Đằng. Cuối thời nhà Hán, Tháo làm Đông quận Thái thú. Đổng Trác làm loạn ở Quan Trung, Tháo đón Hán Đế về Hứa châu, nay là Biện Lương lộ. Sau Hán Đế phong Tháo làm Ngụy Vương, con Tháo là Tào Phi làm Thái tử. Hán Đế năm Kiến An năm thứ hai mươi bốn, Kỷ Hợi, năm sau tức tháng giêng Canh Tý, Ngụy Vương Tào Tháo từ đất Nghiệp về Lạc Dương và mất ở đó. Lúc này Thái tử Phi ở đất Nghiệp và lên ngôi Vương, đổi niên hiệu Kiến Khang. Tháng mười một, Phi nhận ngôi nhà Hán và lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Hoàng Sơ, đại xá thiên hạ,

lấy quốc hiệu là Ngụy, truy tôn cha là Tháo làm Vũ Hoàng Đế, miếu hiệu là Thái Tổ, đổi tướng quốc là Tư Đồ, ngự sử đại phu là Tư Không. Ngụy gồm năm chủ trị vì bốn mươi lăm năm.

+ Thục: * Tiên Chủ, niên hiệu Chương Vũ hai năm.

* Hậu Chủ niên hiệu Kiến Hưng mười lăm năm, Diên Hy hai mươi năm, Cảnh Diệu năm, Viêm Hưng một năm.

Họ Lưu, tên Bị, tự Huyền Đức, hậu duệ của Hán Trung Sơn Tĩnh Vương Thắng, đóng đô ở Thành Đô (Tứ Xuyên Tây đạo). Ngụy Văn Đế năm Hoàng Sơ năm thứ hai, Bị lên ngôi Hoàng Đế ở phía nam Tây Vũ Đảm, Thành Đô, lấy niên hiệu Chương Vũ, ở ngôi ba năm, thọ sáu mươi ba tuổi. Hậu Chủ ở ngôi bốn mươi năm, cả hai trị vì tổng cộng bốn mươi hai năm.

+ Ngô: Quyền ở ngôi ba mươi năm, niên hiệu Hoàng Vũ bảy năm, Hoàng Long hai năm, Gia Hòa sáu năm, Xích Ô mười ba năm, Thái Nguyên một năm.

- Lượng ở ngôi sáu năm, niên hiệu Kiến Hưng hai năm, Ngũ Phụng hai năm, Thái Bình ba năm.

- Hưu ở ngôi sáu năm, niên hiệu Vĩnh An sáu năm.

- Hạo ở ngôi mười bảy năm, niên hiệu Thiên Hưng một năm, Cam Lộ một năm, Bảo Đỉnh ba năm, Kiến Hành ba năm, Phụng Hoàng ba năm, Thiên Sách một năm, Thiên Tỷ một năm, Thiên Kỷ bốn năm.

Họ Tôn, tên Quyền, tự Trọng Mưu, con của Kiên, em của Sách. Ngụy Văn Đế, Hoàng Sơ năm thứ hai, Ngụy Bái phong Quyền làm Ngô Vương, gia tặng Cửu Tích. Từ Công An, Quyền dời đô về đất Ngạc, sau đổi Ngạc thành Vũ Xương (nay là Giang Nam, Hồ Đắc đạo, Vũ Xương lộ). Năm Nhâm Dần, ông lấy niên hiệu Hoàng Vũ. Tháng tư năm Kỷ Dậu, Quyền lên ngôi Hoàng Đế, đại xá thiên hạ, đổi niên hiệu Hoàng Long. Tháng chín, ông dời đô về Kiến Nghiệp (nay là Giang Đông đạo, Kiến Giang lộ, xưa là Thăng châu), lập con là Hòa làm Thái tử. Lỗ Vương Bá bàn mưu đưa Thái tử đi để mình lên thay. Quyền nổi giận phế Hòa làm dân thường, ban cho Bá phải chết, lập con út là Lượng làm Thái tử. Mùa Đông năm Ất Dậu, [Hạo] dời đô về Vũ Xương, tháng mười hai năm Đinh Hợi ông lại dời đô về Kiến Nghiệp. Năm Canh Tý, tức Tấn Vũ Đế niên hiệu Thái Khang năm đầu, tháng hai, Tấn đánh Ngô, Hạo ra hàng thần phục, tháng tư, Tấn Đế hạ chiếu ban cho Hạo tước Quy Mệnh Hầu. Nước Ngô gồm bốn chủ, trị vì tổng cộng năm mươi chín năm.

+ Ngụy Văn Đế: Tên là Phi, Thái tử của Vũ Đế. Tháng giêng

năm Canh Tý ông nối ngôi nhà Ngụy, lấy niên hiệu Diên Khang. Tháng mười một, ông nhận ngôi nhà Hán, lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Hoàng Sơ. Niên hiệu Hoàng Sơ có bảy năm.

Canh Tý: Ngụy, niên hiệu Hoàng Sơ năm đầu	Thục: Họ Lưu	Ngô: Họ Tôn
Tân Sửu: Hoàng Sơ năm thứ 2	Bị lên ngôi Hoàng Đế, niên hiệu Chương Vũ năm đầu	Ngụy phong Quyền làm Ngô Vương gia tặng Cửu Tích,Quyền ở ngôi ba mươi năm.
Nhâm Dần: Hoàng Sơ năm thứ 3	Chương Vũ năm thứ 2	Hoàng Vũ năm đầu
Quý Mão: Hoàng Sơ năm thứ 4	Tháng tư Tiên Chủ mất, con là Thiện lên ngôi, niên hiệu Kiến Hưng năm đầu	Hoàng Vũ năm thứ 2.

+ Thục: Tháng tư năm Chương Vũ năm thứ ba, tiên chủ Lưu Bị mất ở Vĩnh An, Thừa Tướng Gia Cát Lượng đưa linh cửu về Thành Đô, ông thụy là Chiêu Liệt. Tháng năm, Thái tử Thiện lên ngôi Hoàng Đế đổi niên hiệu là Kiến Hưng.

+ Ngô: Năm Hoàng Vũ năm thứ hai, Ưu-bà-tắc Chi Khiêm tự Cung Minh người nước Nguyệt Thị, Tây Vực đến Lạc Ấp. Khiêm là người đọc khắp điển tịch, hình dung đen gầy,mắt nhiều tròng trắng, đồng tử màu vàng, thời bấy giờ người ta gọi ông: "Gã họ Chi mắt vàng, thân hình tuy nhỏ nhưng là cái túi trí tuệ". Khi đất Tích rơi vào tay nước Ngô, Ngô chủ gặp ông rất vui, phong ông làm Bác sĩ. Ông dịch một trăm hai mươi chín bộ kinh, gồm một trăm năm mươi hai quyển. Khiêm thọ học với Chi Lượng, Lượng tự là Kỷ Minh, thọ học với Chi Sấm. Người đương thời nói, kẻ biết rộng trong thiên hạ, không ai hơn ba người họ Chi này.

Giáp Thìn: Hoàng Sơ năm thứ 5	Lưu Thiện: Kiến Hưng năm thứ 2	Tôn Quyền: Hoàng Vũ năm thứ 3
Ất Tỵ: Hoàng Sơ năm thứ 6	Kiến Hưng năm thứ 3	Hoàng Vũ năm thứ 4.

+Ngụy: Trần Tư Vương Tào Thực: tự là Tử Kiến, con giữa của Vũ Đế, mười tuổi ông đọc thuộc lòng hơn mười vạn lời trong Thi Thư, rất giỏi văn chương. Mỗi lần đọc kinh Phật, ông không ngớt ngợi khen, cho kinh Phật là tông cao nhất trong đại đạo. Ông đọc bằng bảy thanh, âm hưởng thăng trầm khúc chiết, người đời đều bắt chước giọng đọc của ông. Ông vân du lên Ngư Sơn, nghe trong núi có thứ âm thanh dị thường, thoang thoảng, dịu dàng uyển chuyển, ông liền mô phỏng âm thanh đó soạn ra Phạm Tán. Ngày nay trong pháp sự có điệu Ngư Sơn Phạm, đó là âm điệu do ông truyền lại. (Hoằng Minh tập)

Bính Ngọ: Hoàng Sơ năm thứ 7	Kiến Hưng năm thứ 4	Hoàng Vũ năm thứ 5

+ Ngụy: Bình Nguyên Vương Duệ, con của Văn Đế, do Chân Thái hậu sinh ra. Quách hậu không có con, Đế sai bà nuôi dưỡng Duệ.Chân phu nhân bị giết khi chưa lập con nối nghiệp. Năm Hoàng Sơ năm thứ bảy, Đế và Bình Nguyên Vương Duệ đi săn, gặp hai mẹ con một con nai, Đế bắn chết con mẹ rồi sai Duệ bắn con con. Duệ khóc nói: “Bệ hạ đã giết mẹ nó, thần không nỡ giết thêm con của nó.” Đế nghe vậy buông cung tên bùi ngùi thương cảm. Tháng 05 Đế bệnh nặng, bèn lập Duệ làm Thái tử. Năm Bính Thìn, Đế triệu Tào Chân, Trần Quần, Tư mã đến bảo họ nhận di chiếu làm phụ chánh. Năm Đinh Tỵ, Đế mất, thọ bốn mươi sáu tuổi.

+ Ngụy Minh Đế: Tên là Duệ, Thái tử của Văn Đế. Tháng năm Hoàng Sơ năm thứ bảy, ông lên ngôi. Niên hiệu Thái hòa sáu năm, Thanh Long bảy năm, Cảnh Sơ ba năm.

Đinh Mùi: Ngụy Thái Hòa năm đầu	Thục: Kiến Hưng năm thứ 5	Ngô: Hoàng Vũ năm thứ 6
Mậu Thân: Thái Hòa năm thứ 2	Kiến Hưng năm thứ 6	Hoàng Vũ năm thứ 7
Kỷ Dậu: Thái Hòa năm thứ 3	Kiến Hưng năm thứ 7	Tháng tư Ngô Quyền lên ngôi Hoàng Đế, Hoàng Long năm đầu dời đô về Kiến Nghiệp

Canh Tuất: Thái Hòa năm thứ 4	Kiến Hưng năm thứ 8	Hoàng Long năm thứ 2
Tân Hợi: Thái Hòa năm thứ 5	Kiến Hưng năm thứ 9	Hoàng Long năm thứ 3
Nhâm Tý: Thái Hòa năm thứ 6	Kiến Hưng năm thứ 10	Gia Hòa năm đầu
Quý Sửu: Thanh Long năm đầu	Kiến Hưng năm thứ 11	Gia Hòa năm thứ 2
Giáp Dần: Thanh Long năm thứ hai, tháng 02, Hán Sơn Dương Công mất thụy là Hiếu Hiến Hoàng Đế	Kiến Hưng năm thứ mười hai, tháng 02, Gia cát Lượng mất	Gia Hòa năm thứ 3
Ất Mão: Thanh Long năm thứ 3	Kiến Hưng năm thứ 13	Gia Hòa năm thứ 4
Bính Thìn: Thanh Long năm thứ 4	Kiến Hưng năm thứ 14	Gia Hòa năm thứ 5

+ Ngụy: Thanh Long năm thứ tư, Đế hạ chiếu cho Công Khanh mỗi người tiến cử một người có đủ tài đức. Tư mã ý tiến cử Duyện châu Thứ sử Vương Sưởng. Sưởng là người cẩn trọng nổi tiếng, con của ông anh là Mặc và Trầm, con của ông là Hỗn và Thâm, ông từng gửi thư răn dạy những người ấy rằng: Ta lấy bốn điều làm danh nghĩa là muốn cho các ông đoái đến danh, nhớ tới nghĩa, không dám vượt qua. Phàm vật gì mau thành thì mau mất, thành tựu chậm thì kết cục tốt. Hoa cỏ buổi sáng tốt tươi, đến chiều rơi rụng, tùng bách sum xuê đông đến chẳng tàn, bởi vậy người quân tử thường dè chừng với người ở cửa khuyết,

lấy sở đoản làm sở trường, lấy khiêm cung làm thỏa chí, lấy thế yếu làm thế mạnh, không thỏa mãn cái đẹp. Phàm khen chê là gốc của yêu ghét, là đầu mối của họa phước. Khổng Tử nói: "Với người, ta có khen ai chê ai đâu!" Bậc Thánh nhân đức độ kia mà còn như vậy huống gì bọn dung tục mà lại coi thường, khen chê sao! Nếu có người chê ta, thì ta phải lui về mà tìm điều đó nơi chính mình, nếu ta có điều đáng chê thì lời họ nói là đúng (nếu ta không có điều gì đáng chê thì lời họ nói là sai), chẳng cần oán họ làm gì vì nói sai chẳng hại gì đến mình, thì cần gì phải gây oán với họ. Ngạn ngữ nói: "Chống lạnh không gì hơn coi trọng áo hồ cừu, ngăn hủy báng không gì hơn tự sửa mình" Điều ấy quả nhiên đúng.

Đinh Tỵ: Ngụy, Cảnh Sơ năm đầu Ngụy đổi chánh sóc của Thục	Kiến Hưng năm thứ 15	Ngô: Gia Hòa năm thứ 6

+ Ngụy: Tháng giêng, niên hiệu Cảnh Sơ năm đầu, ở huyện Sơn Trì người ta nói có rồng vàng hiện, cao đường hưng thịnh, vì Ngụy có được thổ đức nên mới có điềm lành rồng vàng hiện, nên đổi chánh sóc, thay sắc phục để chánh sự thêm sáng suốt, thay đổi phong tục cho muôn dân. Đế làm theo lời bàn này. Tháng ba, Đế hạ chiếu thay đổi niên hiệu, lấy tháng đó làm tháng tư, đổi sắc phục ra màu vàng, vật cúng tế dùng màu trắng, đó là theo Địa chánh, lại sai đổi lịch Thái Hòa thành lịch Cảnh Sơ, năm thứ ba lại lấy tháng dần làm tháng giêng.

Mậu Ngọ: Cảnh Sơ năm thứ 2	Diên Hy năm đầu	Xích Ô năm đầu
Kỷ Mùi: Cảnh Sơ năm thứ ba, Đế mất, lấy tháng Dần làm tháng giêng.	Diên Hy năm thứ 2	Xích Ô năm thứ 2

+ Ngụy: Tháng giêng năm Cảnh Sơ năm thứ ba, Đế tự tay viết chiếu triệu Tư mã ý đến đất Cấp, Đế cầm tay ông ta nói: Ta đem việc sau này giao cho ông, ông cùng Tào Sảng hãy giúp Thiếu tử. Đế chỉ Tề Vương Phương và nói với Tư mã Ý: chính là người này.

Hôm đó, Đế lập Tề Vương làm hoàng Thái tử, rồi ông mất, thọ

ba mươi sáu tuổi. Tháng giêng, Thái tử lên ngôi, năm đó mới tám tuổi. Ông gia phong Tào Sảng, Tư mã Ý làm thị trung Đô đốc trung ngoại chư quân, nắm việc Thượng thư. Tinh châu Thứ sử Tất Quỹ và Đặng Dương, Quý Thắng, Hà Yến, Đinh Mật đều là người tài, Tào Sảng phụ chánh, bọn họ giúp sức. Hà yếu vv... sai Sảng phát chiếu truyền Tư mã Ý làm Thái phó, bên ngoài thì dùng danh hiệu để đề cao ông ta, bên trong là muốn Thượng thư tâu mọi việc trước tiên phải đến thưa với mình. Tháng hai, Đế đưa Tư mã Ý làm Thái phó, em của Sảng là Hy làm Trung lĩnh quân, các người em còn lại của ông đều được phong làm Liệt Hầu, bọn họ theo hầu, được ân sủng không ai sánh bằng. Tháng bảy Đế mới chính thức lâm triều, tháng mười hai, ông hạ chiếu lấy tháng Dần làm tháng Giêng.

+ Ngụy Thiệu Lăng Lệ Công: Tên là Phương, con nuôi của Minh Đế, được lập làm Thái tử, lên ngôi lúc tám tuổi, đại tướng quân Tào Sảng chuyên quyền khuynh loát bốn phương. Năm Chánh Thỉ năm thứ tám, đại tướng quân Sảng dùng mưu của Hà Yến, Đặng Dương, Đimh Mật đưa Thái hậu về Vĩnh Ninh Cung, Thái phó Tư mã Ý không cản được, rồi hiềm khích với Sảng. Ý cáo bệnh không tham dự chánh sự. Tháng giêng niên hiệu Gia Bình năm đầu, Đế yết kiến Cao Bình Lăng, đại tướng quân Sảng cùng em là Trung lĩnh quân Hy, vũ vệ tướng quân Huấn vv... đều đi theo Thái phó Mã Ý. Hoàng Thái hậu ra lệnh đóng hết cửa thành, sai lính chiếm cứ Vũ Khố nhận hết binh dẫn ra đóng ở Phù Kiều Lạc Thủy, triệu Tư Đồ Cao Nhu nắm việc của đại tướng quân chiếm dinh của Sảng, thái bộc Dương Quán nắm việc của Trung lĩnh Quân chiếm dinh của Hy, nhân đó bà tâu với Đế về tội ác của Sảng. Sảng đưa Đế về cung, anh em của Sảng đều về nhà. Ý phát binh lính Lạc Dương đến vây nhà Sảng, Hữu Ty tâu: “Sảng và bọn Hà Yến, Đặng Dương, Đinh Mật, Tất Quỹ, Quý Thắng âm mưu phản nghịch, phải thâu hết chức tước của bọn Sảng, do đại nghịch vô đạo phải tru di ba họ” Tháng tám năm Gia Bình năm thứ ba, Thái phó Tư mã Ý mất, Đế hạ chiếu cho con ông ta là Sư làm phủ quân đại tướng quân, nắm việc của Thượng thư. Niên hiệu Chánh Thỉ chín năm, Gia Bình năm.

Canh Thân: Thiệu Lăng Lệ Công ở ngôi mười lăm năm, Chánh Thỉ năm đầu.	Diên Hy năm thứ 3	Xích Ô năm thứ 3

Tân Dậu: Chánh Thỉ năm thứ 2	Diên Hy năm thứ 4	Xích Ô năm thứ 4

+ Ngô: Năm Xích Ô năm thứ tư, Tam Tạng Khương Tăng Hội người nước Khương Cư đến đất Ngô, dựng am tranh, lập tượng hành đạo. Người nước Ngô lần đầu tiên thấy Sa-môn nên hoảng sợ, lấy làm lạ. Hữu Ty tâu lên, Tôn Quyền nói: Đây có phải là di phong của Phật đạo mà Hán Minh Đế mộng thấy chăng? Quyền triệu ngài vào hỏi, Tăng Hội đáp: "Đại Sư Như Lai đã diệt độ cả ngàn năm, nhưng linh cốt xá-lợi vẫn thần diệu vô cùng. Xưa A-dục Vương đem xá-lợi ấy lập tám vạn bốn ngàn tháp đó là vết tích giáo hóa của Phật." Quyền cho ngài lừa mình, nên nói: "Nếu được xá-lợi sẽ dựng tháp ngay, nếu là không thật thì ông sẽ bị quốc pháp gia hình".

Hội xin kì hạn bảy ngày nhưng không ứng nghiệm, lại xin thêm mười bốn ngày nữa nhưng vẫn không hiệu nghiệm. Quyền nói: "Phải gia hình ông thôi!" Tăng Hội niệm thầm: "Đức Phật chân từ lẽ đâu trái với ước nguyện ta chăng!". Ngài lại xin thêm bảy ngày nữa. Năm hồi trống (trống canh năm) vừa dứt, bỗng nghe đàn cầm đàn sắt khua vang, ngài đứng dậy nhìn vào bình, ánh sáng phát ra tua tủa. Sáng hôm sau ngài dâng cho Quyền, Quyền cùng công khanh xúm đến xem rồi thốt lên: "Quả là điềm lành hiếm có trong đời!". Tăng Hội lại nói: "Uy thần của xá-lợi tất cả thế gian đều không hủy hoại được."Quyền sai lực sĩ cầm chùy nện, chùy nát vụn mà quang minh xá-lợi vẫn y nguyên. Quyền liền cho dựng tháp ở Phật Đà Lý thuộc Kiến Nghiệp rồi xây chùa thỉnh Tăng Hội ở, lấy tên chùa là Kiến Sơ, chùa tháp ở Giang Nam khởi nguyên từ đó. Khương Tăng Hội vốn là con trưởng của đại Thừa Tướng nước Khương Cư (Hoằng Minh Tập).

+ Ngô Vương: Tôn Quyền hỏi Thái phó Hám Trạch:

Phật giáo du nhập Trung Quốc vào năm nào của nhà Hán? Vì sao không du nhập đến phía Đông? Trạch đáp:

Năm Vĩnh Bình, Phật giáo du nhập vào, tính đến năm Xích Ô năm thứ tư thì đã một trăm bảy mươi năm rồi. Năm Vĩnh Bình năm thứ mười bốn, bọn đạo sĩ ở ngũ nhạc như Chử Thiện Tín vv... xin đấu phép với Tăng của Tây Vực, lúc ấy Thiện Tín dối trá, nên xấu hỗ mà chết, đồ chúng ông ta đem thây ông ta an táng ở Nam Nhạc. Hễ là người Trung Quốc đều không được phép xuất gia, không có người hoằng truyền, hơn nữa thời thế ly loạn, nên mãi đến nay Phật pháp mới đến được nước

ta.

Quyền hỏi:

Khổng Tử đặt ra đạo thuật, điển huấn, giáo hóa người đời sau, Lão Trang tu thân, tự vui nơi núi rừng, giữ tâm đạm bạc, còn thờ Phật làm gì?

Trạch đáp:

Khổng giáo, Lão giáo theo trời chế pháp nên chẳng dám trái ý trời, Phật giáo thì chư Thiên phụng thờ chẳng dám trái với Phật. Từ đó mà xét, thì ngài thấy rõ hơn thua (Trích từ Tông Bính Minh Phật Luận trong Hoằng Minh Tập).

Hám Trạch tự là Đức Nhuận, người Sơn Âm, Cối Kê. Ông rất hiếu học, nhà nghèo nên hay đi viết thuê cho người ta lấy tiền ăn học. Những gì viết cho họ xong, ông đều thuộc làu, nhờ đó ông biết khắp sử sách. Ngu Phiên gặp ông bất giác khen: "Trò Hám là người ngay thẳng, hào kiệt, đáng làm môn hạ của Trọng Thư, Tử Vân vậy." Hám Trạch làm quan đến chức Thái tử Thái phó. (Ngô Chí)

Nhâm Tuất: Ngụy Chánh Thỉ năm thứ 3	Thục: Diên Hy năm thứ 5	Ngô: Xích Ô năm thứ 5
Quý Hợi: Chánh Thỉ năm thứ 4	Diên Hy năm thứ 6	Xích Ô năm thứ 6
Giáp Tý: Chánh Thỉ năm thứ 5	Diên Hy năm thứ 7	Xích Ô năm thứ 7
Ất Sửu: Chánh Thỉ năm thứ 6	Diên Hy năm thứ 8	Xích Ô năm thứ 8
Bính Dần: Chánh Thỉ năm thứ 7	Diên Hy năm thứ 9	Xích Ô năm thứ 9
Đinh Mão: Chánh Thỉ năm thứ 8	Diên Hy năm thứ 10	Xích Ô năm thứ 10
Mậu Thìn: Chánh Thỉ năm thứ 9	Diên Hy năm thứ 11	Xích Ô năm thứ 11
Kỷ Tỵ: Gia Bình năm đầu	Diên Hy năm thứ 12	Xích Ô năm thứ 12
Canh Ngọ: Gia Bình năm thứ 2	Diên Hy năm thứ 13	Xích Ô năm thứ 13

+ Giới Luật: Nhà Ngụy năm Gia Bình năm thứ hai, Thiên Trúc Sa-môn Đàm-kha Ca-la (Hán dịch Pháp Thời) đến Lạc Dương dịch Tăng-kỳ Giới Bản. Lúc này Tỳ-kheo chỉ thế phát chứ chưa có Luật nghi. Ca-la là người đầu tiên đưa ra giới bản lấy đó ngăn ngừa tâm làm phép tắc hằng ngày. Lúc này, Phạm tăng ở Tây Vực là Đàm-vô-đức cũng đem Tứ Phần Luật đến Lạc Dương. Ca-la thỉnh Đàm-vô-đức vv... lập pháp yết-ma. Lại có Sa-môn nước An Tức là Đàm Đế cũng đến Lạc Dương, Đàm Đế cũng là người giỏi luật học, thế rồi các ngài cùng dịch Giới kinh một quyển. Từ đó lưu thông giới luật, đạo pháp hưng thịnh, giới pháp của Trung Quốc khởi nguyên từ đây (Theo Tứ Chi Thông Luận Giới Luật nghi Quỹ).

Tân Mùi: Ngụy: Gia Bình năm thứ ba, Tư mã Ý mất	Thục: Diên Hy năm thứ 14	Ngô: Thái Nguyên năm đầu
Nhâm Thân: Gia Bình năm thứ 4	Diên Hy năm thứ 15	Tháng tư Ngô Vương mất, con là Lượng lên ngôi, niên hiệu Kiến Hưng năm đầu
Quý Dậu: Gia Bình năm thứ 5	Diên Hy năm thứ 16	Kiến Hưng năm đầu

TỔ THỨ HAI MƯƠI BỐN: TÔN GIẢ SƯ TỬ

Ngài thuộc dòng dõi Bà-la-môn, sinh trưởng tại Trung Ấn, thuở nhỏ theo Bà-la Tăng xuất gia tu thiền định. Sau đó ngài thờ Đại sĩ Hạc-lặc-na và đắc pháp. Sau khi được huyền ký, ngài đi đến nước khác. Ngài hành hóa đến nước Kế Tân, nước này trước đây có Sa-môn tên là Bà-lê-ca chuyên tu tập thiền quán Tiểu thừa. Môn đồ của Lê-ca học theo thầy phân làm năm chúng là Thiền định, Tri kiến, Chấp tướng, Xả tướng, và Trì bất ngữ (Tịnh khẩu). Thế nhưng họ cứ tranh nhau ai cũng muốn hơn, Tôn giả đến chỉ bày cho họ. Đầu tiên ngài nói với chúng Tịnh khẩu: “Phật dạy, phải siêng diễn giảng Bát-nhã, nay ông tịnh khẩu chẳng phải trái với lời Phật đó sao!” Kế đến ngài nói với chúng Xả tướng: “Phật dạy phải đầy đủ uy nghi, Phạm hạnh trong sạch, sao lại xả tướng.” Tiếp đó, ngài nói với chúng Chấp tướng: “Cõi Phật thanh tịnh,

tự tại không chấp trước, sao ông lại chấp tướng?" Tiếp theo ngài nói với chúng Tri kiến: "Tri kiến chư Phật đâu nắm bắt được, pháp ấy vi diệu thấy nghe không với tới được, vô vi vô tướng lẽ đâu thầy biết được sao!" Môn đồ của bốn chúng đó đều quy phục, chỉ riêng chúng Thiền quán, người cầm đầu tên là Đạt-ma-đạt vốn rất hiểu biết, chúng khác đều kính phục, nghe bốn chúng ấy đều khuất phục, Đạt-ma-đạt không chịu được liền đến tìm ngài để cùng vấn nạn.

Ngài hỏi:

Nhân giả tập định sao lại đến đây, mà đã đến đây thì đâu từng tập định?

Đạt-ma-đạt đáp:

Tôi đến đây nhưng tâm chẳng loạn, định tùy người tập lẽ đâu ở tại xứ sở.

- Nhân giả đến thì đến cái tập ấy cũng đến, đã không xứ sở lẽ đâu lại do người tập!

- Định tập người chứ không phải người tập định, tôi dù tới lui nhưng định ấy vẫn thường tập.

- Người chẳng tập định mà là định tập người vậy lúc ông đến đây thì định đó tập ai?

- Như Minh châu sáng sạch, trong ngoài không tỳ vết, nếu tập định thông đạt thì cũng như vậy.

- Định nếu thông đạt thì giống Minh châu, nhưng nay tôi thấy nhân giả không giống Minh châu.

- Châu kia sáng sạch trong suốt, trong ngoài đều định, tâm tôi không loạn thì cũng như hạt châu kia.

- Hạt châu kia không có trong ngoài, nhân giả làm sao định được? Vật dơ chẳng dao động, định này chẳng phải sạch.

Đạt-ma-đạt đuối lý, bèn lạy ngài nói:

Con lâu nay học đạo hóa uổng công vô ích, nếu không nghe được những lời này thì đâu được sáng tỏ, xin Tôn giả hãy cho con lạy ngài làm thầy.

Ngài nói:

Thiền định của chư Phật không có sở đắc, đường giác của chư Phật không có sở chứng, không đắc không chứng mới là chân thật giải thoát, gây nhân hưởng quả là nghiệp báo của thế gian, nhưng trong pháp này chẳng giống như vậy, nếu ông tu tập thiền định sẽ thấy rõ.

Đạt-ma-đạt vui vẻ lắng nghe, sau khi nhiếp phục cả năm chúng danh tiếng của ngài vang xa.

Nước này có trưởng giả có đứa con tên là Tư-đa, tuổi đã hai mươi nhưng thường nắm chặt tay trái, cha của Tư-đa dẫn con đến xin ngài chữa bệnh. Ngài bảo Tư-đa:

- Trả hạt châu lại cho ta!

Đứa bé liền xòe tay trao châu cho ngài. Trưởng giả mừng rỡ liền cho con xuất gia. Ngài thâu nhận, thế phát rồi truyền Cụ túc, do có túc duyên đời trước, nên ngài đặt tên đứa bé là Bà-xá-tư-đa.

Ngài nói với Tư-đa: Ta sẽ gặp nạn ở nước này, nay ta già rồi lẽ đâu lại trốn tránh, nay đem Đại pháp nhãn tạng của Như Lai giao phó cho ông, ông gắng giữ gìn, tận tâm truyền thọ, nếu ai nghi ngờ thì hãy đưa Tăng-già-lê này của ta ra để làm tin, nghe ta nói kệ:

Ngay lúc nói tri kiến
Tri kiến đều là tâm
Tâm ấy là tri kiến
Tri kiến tức hiện nay.

Bà-xá-tư-đa nhận y pháp xong đi ngay hôm đó, rồi chẳng biết ở nơi nào. Nước này quả nhiên có hai anh em, người anh là Ma-mục-đa, người em là Đô-lạc-già từng ở ẩn trên núi học phép ngoại đạo. Ngày nọ, Đô-lạc-già nói với anh: “Chúng ta lén vào vương cung làm phép giết vua cướp nước” Thế rồi họ giả làm tăng, nhưng việc không thành bị quan quân bắt sống. Lính báo rằng Sa-môn làm phản, nhà vua nổi giận quát: “Ta vốn trọng Phật, sao các ngươi lại làm việc đại nghịch?” Vua ra lệnh giết Sa-môn, và Di-la-quật Vương tự tay cầm kiếm đến trước ngài hỏi:

- Thầy chứng pháp vô tướng chưa?
- Đã được.
- Có sợ sống chết không?
- Đã lìa sống chết, có gì mà sợ!
- Không sợ thì cho ta cái đầu được không?
- Thân này còn chẳng phải của tôi thì tiếc gì cái đầu.

Quốc vương liền chém ngài. Đầu Tôn giả rơi xuống, bỗng có dòng sữa trắng phun lên cao hơn một trượng, cánh tay phải của nhà vua tự nhiên đứt lìa, vua bệnh bảy ngày thì chết. Lúc ông mới phát bệnh, Thái tử Quang Thủ chiêu mộ khắp lực sĩ đến lạy tạ sám hối cho cha. Lúc này có vị tiên từ núi Tượng bạch đến nói với Thái tử: Đó là oan trái đời trước, Thái tử không nên lo buồn. Thái tử giải được mối lo, dựng tháp an táng di hài của ngài ngay nơi bị hại. Bấy giờ nhằm đời Ngụy Thiệu Lệ Công Tề Vương Phương.

+ Ngụy: Ông ở ngôi mười bốn năm, ông bàn với Tả hữu giết Tư mã Sư nhưng không thành. Tháng chín năm Giáp Tuất, đại tướng quân Mã Sư bàn mưu phế truất ông, triệu tập quần thần lại bàn bạc rồi tâu với Thái hậu thu hết ấn tín đưa ông đến đất Tề, sai Quách Chi vào cung thưa lại Thái hậu giao hết ấn tiết của Tề Vương, dựng cung ở Hà Nội, đón con của Đông Hải Vương là Mao lập làm Vương đến khi Tấn nhận ngôi từ Ngụy, mới phong Tề Vương làm Thiệu Lăng Công. Ông mất năm Thái Thỉ thứ mười, đời Tấn, thụy là Lệ, thọ bốn mươi ba tuổi.

+ Ngụy Cao Quý Hương Công

Tên là Mao, con của Đông Hải Vương Lâm, cháu của Văn Đế. Tháng chín năm Giáp Tuất Tư mã Sư đón ông về và lập làm Đế. Tháng giêng năm Chánh Nguyên năm thứ hai, Tư mã Sư mất ở Hứa Xương. Tháng hai ông hạ chiếu cho em là Chiêu làm đại tướng quân nắm việc Thượng thư. Tháng tư niên hiệu Cam Lộ năm đầu, Đế ban cho đại tướng quân Chiêu y phục mũ miện, xích tích (giày của vua mang). Tháng năm thứ ba, Đế hạ chiếu cho Tư mã Chiêu làm tướng quốc, phong làm Tấn Công, ban cho Cửu Tích, Chiêu nhường không nhận. Tháng giêng năm Cam Lộ năm thứ tư, rồng vàng lại xuất hiện ở trong giếng Ninh Lăng. Đế nói:” Rồng là đức của quân vương, trên thì không ở trời, dưới thì không ở đất lại chui vào trong giếng quả không phải điềm may”. Đế làm Tiềm long thi để tự vui, Tư mã Chiêu thấy vậy rất ghét. Ông ở ngôi bảy năm, niên hiệu Chánh Nguyên hai năm, Cam Lộ năm, ông mất tháng năm.

Giáp Tuất: Ngụy: Chánh Nguyên năm đầu, tháng chín đổi niên hiệu	Thục: Diên Hy năm thứ 17	Ngô: Ngũ Phụng năm đầu
Ất Hợi: Chánh Nguyên năm thứ hai, tháng giêng Tư mã Sư mất	Diên Hy năm thứ 18	Ngũ Phụng năm thứ 2
Bính Tý: Cam Lộ năm đầu	Diên Hy năm thứ 19	Thái Bình năm đầu
Đinh Sửu: Cam Lộ năm thứ hai	Diên Hy năm thứ 20	Thái Bình năm thứ 2

Ngụy: Châu Sĩ Hành người Hứa châu (nay thuộc Biện Lương lộ, Dĩnh Xuyên) bỏ tục xuất gia, là Sa-môn đầu tiên của đất Hán. Ngài hành đạo, giảng kinh ở Lạc Dương, là người giảng kinh đầu tiên của đất Hán. Trong kinh có chỗ nào nghi ngờ, ngài qua thẳng Tây Vực tìm Phạm bản để đối chiếu.

Mậu Dần: Cam Lộ năm thứ 3	Thục: Cảnh Diệu năm đầu	Ngô: Cảnh Đế Hưu, con năm thứ sáu của Quyền, năm Vĩnh An năm đầu

Ngô: Ngô chủ Tôn Lượng, con út của Quyền, chín tuổi lên ngôi,ở ngôi sáu năm. Ông là người thông minh, kỳ vĩ, Tôn Lâm sợ ông không dám triều kiến, Lượng cùng Toàn Thượng bàn mưu giết Lâm, việc bị tiết lộ. Tháng chín, ban đêm Lâm đem quân vây cung, phế Lượng làm Cối Kê Vương, đón Lang Da Vương Hưu lên ngôi. Lâm lại có lời oán, nhân lúc yến tiệc hội họp cuối năm, Hưu lại giết Lâm rồi tru di ba họ, Hưu lên làm Cảnh Đế, ở ngôi sáu năm.

Kỷ Mão: Ngụy: Cam Lộ năm thứ 4	Thục: Cảnh Diệu năm thứ 2	Ngô: Vĩnh An năm thứ 2

Ngụy: Tháng giêng năm Canh Thìn, Đế thấy quyền uy ngày một bị mất, không nén nổi oán giận, tháng năm, ông triệu thị trung Vương Trầm, Thượng thư Vương Kinh, tán kỵ thường thị Vương Nghiệp đến và nói với họ: Lòng dạ của Tư mã Chiêu ai nấy đều biết, ta không thể ngồi yên chịu nhục nữa, hôm nay ta cùng các khanh tự đem binh ra ngoài thảo phạt nó.

Vương Kinh nói: Xưa Lỗ Chiêu công không chịu nhục họ Quý, nên thua chạy mất nước, bị thiên hạ chê cười, nay quyền hành nằm trong tay hắn đã lâu rồi, Bệ hạ gấp gáp như thế này e rằng muốn trừ bệnh lại chuốc thêm bệnh, tai họa khò lường mong bệ hạ xét kỹ.

Đế cởi hoàng bào vất xuống đất nói: Ý ta đã quyết! Đế cầm kiếm lên xe, dẫn hết bọn túc vệ thị tùng, kẻ hầu trong điện rầm rộ ra đi. Trung hộ quân Giả Sung từ ngoài vào đón đánh Đế ở Nam Khuyết. Thái tử xá nhân Thành Tế hỏi Sung: Việc gấp thế này, phải làm sao đây?

Sung nói: Tư mã Công nuôi bọn ông chính vì ngày này. Tế liền cầm kích đâm chết Đế ngay dưới xe, Đế thọ hai mươi tuổi. Chiêu vào điện triệu hết quần thần đến bàn bạc. Thượng thư tả bộc xạ Trần Thái không đến, Chiêu sai cậu là Thượng thư Tuân Nghỉ triệu ông đến. Thái vào thấy cảnh tượng ấy khóc thảm, Chiêu cũng khóc nói với ông: "Huyền bá khanh sao lại đối xử với ta như vậy". Thái nói: "Chỉ có chém Giả Sung may ra có thể tạ lỗi cùng thiên hạ. Chiêu im lặng giây lâu nói: "Khanh có thể khoan dung một chút được không?" Thái nói: "Thái này chỉ biết như vậy chứ không biết khoan dung hơn nữa Chiêu không làm theo, mà nói: "Thái hậu hạ lệnh kể tội Cao Quý Hương Công phế xuống làm thường dân, bắt Vương Kinh và gia quyến giao cho đình úy." Vương lạy tạ mẹ, mẹ ông vui vẻ cười và nói: "Con người ai chẳng chết, chỉ sợ chết không được như ý mà thôi, ngày nay ta cùng chịu mệnh có gì phải hận".

Bọn Thái phó Tư mã Phu xin dùng vương lễ an táng cho Cao Quý Hương Công, Thái hậu đồng ý, sai trung hộ quân Tư mã Viêm đón con của Yên Vương Vũ là Thường Đạo Hương Công Hoàng ở đất Nghiệp về làm người thừa kế Minh Đế. Tháng sáu, Thái hậu hạ chiếu cho Thường Đạo Hương Công đổi tên là Hoán rồi lên ngôi Hoàng Đế, lúc bấy giờ ông mới mười lăm tuổi.

+ Ngụy Nguyên Đế: Tên là Hoán, cháu Vũ Đế, ở ngôi năm, nhường ngôi cho Tấn, Tấn phong ông làm Trần Lưu Vương, dựng cung ở đất Nghiệp, đến Tuệ Đế, Thái An năm đầu thì ông mất, thọ năm mươi tám tuổi, thụy là Ngụy Nguyên Hoàng Đế. Niên hiệu Cảnh Nguyên bốn năm, Thành Hy một năm.

Canh Thìn: Ngụy, tháng sáu đổi niên hiệu Cảnh Nguyên năm đầu	Thục: Cảnh Diệu năm thứ 3	Ngô: Vĩnh An năm thứ 3
Tân Tỵ: Cảnh Nguyên năm thứ 2	Cảnh Diệu năm thứ 4	Vĩnh An năm thứ 4
Nhâm Ngọ: Cảnh Nguyên năm thứ 3	Cảnh Diệu năm thứ 5	Vĩnh An năm thứ 5

+ Kê Khang ở Tiếu quận là người rất giỏi văn chương, thích bàn Trang, Lão, lại chuộng hiệp khách kỳ dị. Ông cùng Trần Lưu Viện Tịch, anh Tịch là Tử Hàm, Hà Nội Sơn Đào, Hà Nam Hướng Tú, Lang Da Vương Mậu, Bái nhân Lưu Linh kết nhau làm bạn, đời gọi là Trúc Lâm Thất Hiền.

Quý Mùi: Ngụy chia Ích Châu làm Lương Châu, Cảnh Nguyên năm thứ tư	Thục: Đổi Viêm Hưng năm đầu, hậu chủ Lưu Thiện hàng Ngụy, phong làm Phù Phong Vương	Ngô: Vĩnh An Năm thứ 6
Giáp Thân: Hàm Hy năm đầu		Tháng 5, Ngô chủ Tôn Hưu mất, Hạo lên thay, nguyên Hưng năm đầu

Ngô: Tháng năm Vĩnh An năm thứ bảy, Hưu mất, thuy là Cảnh Hoàng Đế. Thừa Tướng Bộc Dương và tả tướng quân Trương Bố nói với Chu Thái hậu không lập con của Hưu là Loan mà lập Hạo. Hạo là con Hòa, Hòa là Thái tử của Quyền. Hạo lên ngôi đổi niên hiệu Nguyên Hưng.

Sa-môn Tây Vực đến Ngụy dịch kinh gồm sáu người: Đàm-kha-ca-la, Đàm-vô-đức, Khương Tăng Khải, Chi Cương Lương Tiếp, Chi Cương Lương Lâu, dịch cả thảy mười hai bộ Kinh Luật.

Ngụy: Tháng ba niên hiệu Hàm Hy năm đầu, tấn phong Tấn Công Chiêu tước Văn Vương, tháng năm truy phong Thuấn Dương Văn Tuyên Hầu Tư mã Ý làm Tấn Tuyên Vương, Trung Vũ Hầu Tư mã Sư làm cảnh vương. Tháng năm Ất Dậu gia phong Thế tử của Văn Vương làm Thái tử. Tháng tám Văn Vương Tư mã Chiêu mất. Thái tử kế vị tướng quốc Tấn Vương, tháng mười hai đế nhường ngôi cho Tấn Vương.

Nhà Ngụy gồm năm chủ, trị vì bốn mươi lăm năm, thiên hạ về tay nhà Tấn.

+ Tấn: Họ Tư mã, người Hà Nội, nhiều đời nắm chánh sự nhà Ngụy rồi nhận ngôi nhà Ngụy. Vương Kim Đức, đóng đô ở Thượng Lạc gọi là Tây tấn, sau dời về Kiến Khang gọi là Đông Tấn.

Tây Tấn gồm: Vũ Đế, Tuệ Đế, Hoài Đế, Mẫn Đế.

+ Vũ Hoàng Đế: Tên Viêm, tự An Thế, con của Văn Đế Chiêu,

nhận ngôi nhà Ngụy lên ngôi Hoàng Đế, phong Ngụy đế làm Trần Lưu Vương, truy tôn Tấn Tuyên Vương Mã Ý làm Cao Tổ Tuyên Hoàng Đế (Ý tự là Trọng Đạt), Cảnh Vương Sư làm Thế Tông Cảnh Hoàng Đế (Sư tự là Tử Nguyên) con trưởng của Tuyên đế, thọ bốn mươi tám tuổi, truy tôn Văn Vương Chiêu làm Thái Tổ Văn Hoàng Đế (Chiêu tự là Tử Thượng) em cùng mẹ với cảnh đế, thọ năm mươi lăm tuổi. Vũ đế ở ngôi hai mươi lăm năm, thọ năm mươi lăm tuổi. Niên hiệu Thái Thỉ mười năm, Hàm Ninh năm, Thái Khang mười năm.

Ất Dậu: Tấn: Thái Thỉ năm đầu, Đế sùng kính Phật, dựng nhiều Già-lam	Ngô: Cam Lộ năm đầu, dời đô về Vũ Xương

+ Ngô chủ Tôn Hạo vừa lên ngôi liền ra lệnh phá hết miếu thần, chùa viện, bá quan can: “Tiên đế cảm điềm lành nên dựng chùa, bệ hạ không nên phá.” Hạo sai Trương Dục đến gạn hỏi Khương Tăng Hội, Hội dùng ngôn từ gãy gọn, lý luận sắc bén, Dục không khuất phục Hội được liền về thưa với Hạo, rằng Hội là người tài cao học rộng, Hạo triệu Tăng Hội đến, hỏi:

Phật nói đến thiện ác báo ứng, ông có thể nói ta nghe được chăng?

Tăng Hội đáp:

Minh chủ dùng hiếu từ trị dân, thì quạ đỏ liệng giữa trời cao, già trẻ đều thấy, dùng nhân đức nuôi dưỡng muôn vật thì suối ngọt chảy tràn, cỏ cây xanh tốt. Làm lành có báo ứng, làm ác cũng như vậy. Thế nên làm ác với kẻ khuất mặt thì quỷ thần tru diệt, làm ác với muôn dân thì con người giết chết. Kinh Dịch nói: “Tích Thiện thì vui mãi.” Kinh Thi nói: “Cầu phước không ngừng.” Dù là lời đáng làm phép tắc của Nho gia, nhưng cũng chính là lời giáo huấn sáng suốt của nhà Phật.

Hạo nói:

Vậy thì Chu, Khổng đã sáng suốt rồi, dùng đến Phật làm gì?

Hội đáp:

Chu, Khổng không muốn nói sâu xa hơn, nên nêu sơ lược bằng chứng tích như vậy. Phật giáo không dừng lại chỗ cạn cợt đó, nên chỉ bày tận tường điều cốt yếu, hai chủ thuyết đều thiện, Thánh nhân chỉ sợ rằng điều thiện không nhiều, bệ hạ vì sao lại ghét điều thiện?

Hạo không trả lời được liền cho bãi triều. Hạo bị bệnh, liền thỉnh

Hội đến thuyết pháp, sám hối tội lỗi, Hội giảng bày đạo huyền và truyền ngũ giới cho ông ta. Lát sau Hạo khỏi bệnh ngay. Từ đó Hạo thờ Tăng Hội làm thầy, tu bổ chùa tháp (Pháp Uyển Châu Lâm).

Bính Tuất: Thái Thỉ Năm thứ 2	Ngô: Bảo Đỉnh năm đầu

+ Bồ-tát Đôn Hoàng: Sa-môn Đàm-ma-la-sát người nước Nguyệt Thị đến Lạc Dương. (Trúc Đàm-ma-la-sát, Hán dịch là Pháp Hộ). Pháp Hộ học và nghiên cứu và tinh thông đạo thuật của ba mươi sáu nước. Ngài chở Phạm bản Bà-la-môn kinh từ Thiên Trúc đến Ngọc Môn, nhân đó ở lại Đôn Hoàng, người ta gọi ngài là Đôn Hoàng Bồ-tát. Đầu tiên ngài dịch Pháp Hoa kinh, chính là bộ Chánh Pháp Hoa Kinh. Sau ngài đến Lạc ấp rồi Giang Tả. Đời Tấn Hoài Đế, trong năm Vĩnh Gia, ngài ở đâu thì dịch kinh ở đó, chưa từng ngưng nghỉ. Lúc này Ưu-bà-tắc Nhiếp Thừa Viễn ghi chép phụ giúp ngài gần bốn trăm quyển. Thừa Viễn mất, con là Đạo Chân theo lời dặn dò của cha cũng theo ghi chép giúp ngài. Đạo Chân còn tự dịch hơn sáu mươi quyển. Lúc này, Sa-môn nước Tấn như: Thích Pháp Cự, Chi Mẫn Độ, và Ưu-bà-tắc Vệ Sĩ Độ v.v... cùng dịch rất nhiều kinh. Ngoài ra, Cự và Lập còn tham duyệt chỉnh sửa những điểm dị đồng trong dịch phẩm rồi biên tập theo từng bộ loại, cả thảy hơn một trăm bốn mươi quyển. Lại có Sa-môn Cương Lương Lâu Chí, An Pháp Khâm, Trúc Thúc Lan, Bạch Pháp Tổ, Chi Pháp Độ mỗi người dịch rất nhiều kinh khác. Bởi vậy từ đời Tấn đến nay, việc phiên dịch ngày càng hưng thịnh. Giáo tướng lưu hành rộng rãi ở quốc độ này phải kể đến công lao to lớn của Pháp Hộ. Pháp Hộ dịch cả thảy một trăm bảy mươi lăm bộ. Đến Tấn Mẫn Đế, niên hiệu Kiến Hưng năm đầu mới chấm dứt sự nghiệp phiên dịch. Pháp Hộ từng dựng Già-lam ở Đôn Hoàng (nay là Sa Châu lộ, Cam Túc, xưa là đất Lưu Sa thuộc Ung châu). Ngài tinh tấn hành đạo, nhà Tần xây trường thành, phía Tây không vượt quá Lâm Thao, như vậy là chưa có vùng đất này. Nhà Hán có quận Đôn Hoàng, Dương Quan, Ngọc Môn Quan, Thủy Khuê đều thuộc Đôn Hoàng. Hán Vũ Đế từng được ngựa quý ở bờ sông thuộc Đôn Hoàng.

Đinh Hợi: Tấn: Thái Thỉ năm thứ 3	Ngô: Bảo Đỉnh năm thứ hai, dời đô về Kiến Nghiệp
Mậu Tý: Thái Thỉ năm thứ 4	Bảo Đỉnh năm thứ 3

Kỷ Sửu: Thái Thỉ năm thứ 5	Kiến Hành năm đầu
Canh Dần: Thái Thỉ năm thứ 6	Kiến Hành năm thứ 2
Tân Mão: Thái Thỉ năm thứ 7	Kiến Hành năm thứ 3
Nhâm Thìn: Thái Thỉ năm thứ 8	Phụng Hòang năm đầu
Quý Tỵ: Thái Thỉ năm thứ 9	Phụng Hòang năm thứ 2
Giáp Ngọ: Thái Thỉ năm thứ 10	Phụng Hòang năm thứ 3
Ất Mùi: Hàm Ninh năm đầu	Thiên Sách năm đầu
Bính Thân: Hàm Ninh năm thứ 2	Thiên Tỷ năm đầu
Đinh Dậu: Hàm Ninh năm thứ 3	Thiên Kỷ năm đầu
Mậu Tuất: Hàm Ninh năm thứ 4	Thiên Kỷ năm thứ 2
Kỷ Hợi: Hàm Ninh năm thứ 5	Tôn Hạo: Thiên Kỷ năm thứ 3
Canh Tý: Thái Khang năm đầu, tháng tư Tấn diệt Ngô	Thiên Kỷ năm thứ tư, tháng tư đất nước diệt vong.

Tháng tư, Tôn Hạo hàng Tấn, được phong tước Quy Mệnh Hầu. Ngô gồm bốn chủ, Trị vì năm mươi chín năm. Có bốn tăng tục dịch kinh, cả thảy một trăm tám mươi chín bộ, bốn trăm mười bảy quyển. (theo Dịch ký).

Tháng chín năm này, Pháp sư Khương Tăng Hội quy tịch. Ngài dịch mười bốn bộ kinh, ba mươi quyển. (theo bản truyện)

Năm Tân Sửu tức Thái Khang năm thứ hai, năm Nhâm Dần tức Thái Khang năm thứ ba. Năm này xá-lợi của Thế Tôn xuất hiện ở Minh châu (nay là Triết Đông đạo, Khánh Nguyên lộ), ngày nay ở A-dục Vương Sơn, Quảng Lợi Thiền tự (lần đầu tiên xá-lợi xuất hiện là vào năm Cộng Hòa đời Chu). Quý Mão tức Thái Khang năm thứ tư, Giáp Thìn tức Thái Khang năm thứ năm, Bính Ngọ tức Thái Khang năm thứ bảy. Đinh Mùi tức Thái Khang năm thứ tám, Mậu Thân tức Thái Khang năm thứ chín.

+ Châu Sĩ Hành: Ngụy Cao Quý Hương Công năm Cam Lộ năm thứ hai, ngài đọc kinh giảng đạo, nếu có nghi vấn liền đến Tây Vực tìm Phạm Bản để minh chứng, đối chiếu. Năm Đinh Mùi ngài tìm được Phạm Bản nước Vu-điền định đem về thì chúng Tiểu thừa ở Vu-điền tâu với quốc vương nước đó rằng: “Người Hán muốn đem sách của Bà-la-môn đến làm loạn chánh điển, nếu vua không cấm thì sẽ bị người Hán lừa dối”.

Sĩ Hành khẳng khái nói: “Đây là kinh Phật! Sĩ Hành xin được đốt để chứng minh là kinh thật”. Quốc vương chất củi châm đốt, lửa tàn nhưng kinh vẫn còn, quang minh tỏa rạng, ai nấy thất kinh. Quốc vương liền giúp ngài đưa về Lạc Dương. Sĩ Hành đến Hứa Xương. Hai năm sau, Tôn giả Vô-xoa-la người Vu-điền dịch Phóng Quang Bát-nhã kinh ba mươi quyển, chính là quyển Phạm Bản đó. Năm Kỷ Dậu tức Thái Khang thứ mười.

+ Tuệ Đế: Tên là Chung, tự Chánh Độ, con năm thứ hai của Vũ Đế. Thái Thỉ năm thứ hai, Đế lập ông làm Thái tử, ông vốn ngu đần nhưng được mẹ là Hoàng hậu Dương Thị bảo bọc, Vũ Đế thấy Hoàng Tôn Duật là người thông minh nhưng không nỡ phế ông. Vũ Đế mất, ông lên ngôi tôn Dương Hoàng hậu làm Hoàng Thái hậu, lập bà phi họ Giả làm Hoàng hậu. Tháng tám, lập Quảng Lăng Vương Duật làm Hoàng Thái tử. Đến năm Bính Dần niên hiệu Quang Hy năm đầu, tháng mười một, ông bị chuốc độc chết, ở ngôi mười bảy năm, thọ bốn mươi tám tuổi, ông dựng chùa Hưng thánh ở Lạc Hạ, thường cúng cả ngàn tăng. Niên Hiệu Vĩnh Hy một năm, Nguyên Khang chín năm, Vĩnh Khang một năm, Vĩnh Ninh một năm, Đại An hai năm, Vĩnh Hưng hai năm, Quang Hy một năm.

Tháng tư năm Canh Tuất, Vĩnh Khang năm đầu Vũ Đế mất, ông lên ngôi đổi niên hiệu. Tháng giêng năm Tân Hợi, Nguyên Khang năm đầu, ông đổi niên hiệu Vĩnh Bình, sau lại đổi thành Nguyên Khang. Hoàng hậu Giả thị là người nham hiểm đa quyền không chịu trọn đạo đàn bà hầu hạ Thái hậu mà muốn tham dự triều chánh, nhưng bị Thái phó Dương Tuấn kiềm chế. Tháng hai, bà ngầm bàn mưu với điện trung lang Mạnh Quán, Lý Triệu giết Tuấn rồi tru di ba họ, có đến mấy ngàn người bị giết. Bà sửa chiếu, đưa Thái hậu về Vĩnh Ninh cung (sau Thái hậu chết ở Kim Dung thành) đưa con Tuyên Đế là Nhữ Nam Vương Lượng làm Thái Tể, cùng Thái Bảo Vệ Quán nắm việc Thượng thư. Chấp chánh xong, Quán ghét vệ tướng quân Sở Vương Vỹ (em của Đế) vì Vỹ là kẻ ngang ngạnh hiếu sát, Quán bãi chức tước quyền đuổi Vỹ về Sở, Vỹ oán hận. Tháng sáu, Hoàng hậu sai Đế tự tay hạ chiếu ban thưởng cho Vỹ, cách chức Lượng và Quán, Vỹ bèn sai bản quân sửa chiếu bắt Lượng và Quán đem chém. Thái tử thiếu phó Trương Hoa sai Đổng Mãnh nói với Hoàng hậu rằng, nên lấy tội chuyên quyền giết người ấy mà giết Vỹ đi, Hoàng hậu cũng muốn giết Vỹ. Hoa tâu lại Đế, Đế sai điện trung tướng quân Vương Cung ban tặng cho Vỹ ngựa xe cờ tiết, rồi nói với mọi người: “Sở Vương sửa chiếu, chớ có nghe theo!”

Mọi người thấy vậy bỏ gậy chạy theo bắt Vỹ đưa xuống đình úy chém, lúc này họ Giả chuyên quyền trong triều.

Năm Bính Thìn, Nguyên Khang năm thứ sáu, Sa-môn Kỳ Vực người Tây Trúc đến Giao Quảng, sau đó đến Tương Dương. Lúc ngài đến Lạc Dương, thấy Tỳ-kheo ăn mặc xa hoa bèn nói: "Quá trái giới luật, không đúng lời Phật".

Thái thú Đằng Vĩnh Văn bị liệt hai chân cả năm nay không thể đi đứng, Văn xin ngài trị bệnh. Kỳ Vực dùng nước sạch, nhành dương phất lên chân Văn ba lần, Đằng liền đứng dậy đi được. Ngài biết thời thế sắp loạn nên cáo từ về Thiên Trúc. Có vị Tăng xin ngài chỉ dạy, ngài sai tập họp Tăng chúng lên tòa rồi nói:

Giữ miệng nhiếp thân, ý
Cẩn thận chớ làm ác
Tu hành tất cả thiện
Như vậy độ được đời.

Nói đến đó ngài im lặng. Muôn dân có đến mấy trăm người đón đường thỉnh ngài dùng cơm trưa, ngài đều hứa cả. Hôm sau ngài phân thân đi khắp, nhà nào ngài cũng đến, chủ nhà hết sức vui mừng. Đến khi ra Lạc Nam, ngài đi thong thả mà chẳng ai đuổi kịp. Ngài lấy gậy vẽ trên đất rồi nói: "Bí quyết là ở chỗ này!" Hôm đó có người đi Trường An gặp ngài ở ngay chùa lớn, lại có người lái buôn là Hồ Thấp Đăng đêm ấy gặp ngài tá túc ở Lưu Sa. (theo bản truyện)

Năm Kỷ Mùi, Nguyên Khang năm thứ chín, Giả Hoàng hậu bàn mưu phế Thái tử Duật, đưa em rể của Đế là Thành Đô Vương Dĩnh trấn giữ đất Nghiệp, cháu của em Tuyên Đế là Hà Gian Vương Ngung trấn giữ Quan Trung. Tháng giêng năm Canh Thân, Vĩnh Khang năm đầu, Giả Hoàng hậu giết Thái tử Duật ở Hứa Xương. Tháng tư, Triệu Vương Luân (con năm thứ chín của Tuyên Đế) và Tôn Tú bàn mưu đánh phạt Giả Hoàng hậu, phế bà xuống làm dân thường, chém Giả Mật, Luân ngầm bàn với Tú soán ngôi. Trước hết họ trừ khử những kẻ được vọng trọng trong triều, đồng thời báo thù oan trái ngày trước, họ bắt bọn Trương Hoa, Bùi Ngôi, Giải Hệ đem chém. Luân sửa chiếu ban cho Giả Hoàng hậu phải chết, phong cố Thái tử Duật thụy là Mẫn Hoài. Tháng tám, vì mối hận ngày trước, Tôn Tú giết chết Thạch Sùng, rồi gia phong cho Luân làm tướng quốc, ban cho cửu tích.

Tháng giêng năm Tân Dậu, Vĩnh Ninh năm đầu, tướng quốc Luân sai tán kỵ thường thị Nghĩa Dương Vương Uy bức ép cướp lấy ngọc tỷ của Đế, bảo phải nhường ngôi cho Luân. Luân làm đúng nghi lễ, xa giá

vào cung lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu Kiến Thỉ, cho Đế ra ở tại Kim dung thành. Em Tuệ Đế là Tề Vương Quýnh, Thành Đô Vương Dĩnh, Hà Gian Vương Ngung, Thường Sơn Vương Ngãi, vào tháng tư họ khởi binh đánh Luân, chém bọn Tôn Tú ở Trung Thư Tỉnh, đón Đế ở Kim Dung thành về lại. Đế ban cho Luân phải chết, đồng thời cầm tù luôn con của Luân là Phô. Tháng sáu, Đế hạ chiếu cho Tề Vương Quýnh làm đại Tư mã gia phong cho cửu tích. Thường Sơn Vương được cải phong làm Trường Sa Vương. Năm Nhâm Tuất niên hiệu Đại An năm đầu, Tề Vũ Mẫn Vương Quýnh sau khi đắc chí tỏ ra kiêu ngạo, chuyên quyền, quan dân đều thất vọng. Chủ bạ Cố Vinh, Đông Tào Duyện, Trương Hàn đều lo có họa, đến khi gặp gió thu mát mẻ, Hàn nhớ lại thuở hàn vi ăn canh rau, gạo hẩm, cá mòi nên than: Đời người quý ở chỗ thỏa chí, giàu sang mà làm gì!" Rồi ông dẫn Vinh đi uống rượu chẳng đoái hoài gì đến việc trong phủ. Hà Gian Vương Ngung dâng biểu kể tội của Quýnh và đem mười vạn binh, kết hợp với Thành Đô Vương Dĩnh, Tân Dã Vương Hâm, Phạm Dương Vương Hao, hội họp ở Lạc Dương xin Trường Sa Vương Ngãi phế Quýnh cho về phủ đệ, đưa Dĩnh thay Quýnh làm phụ chánh. Ngung liền khởi binh, dẫn bọn Trương Phương đến thẳng Lạc Dương, sai sứ đi đón Dĩnh. Tháng mười hai, Ngung dâng biểu đến, Quýnh thất kinh. Trương Phương dẫn hai vạn binh đến Tân An, xin Trường Sa Vương Ngãi cho đánh Quýnh. Ngãi dẫn hơn một trăm Tả hữu vào cung đóng hết cửa thành, đưa Thiên Tử đi, đánh vào phủ đại Tư mã. Ngãi đánh liên tiếp ba ngày, quân Quýnh đại bại. Đại Tư mã Trương Sử, Triệu Uyên bắt Quýnh đem ra hàng. Quýnh bị dẫn ra trước điện, Đế thấy thương muốn cho ông con đường sống, nhưng Ngãi nạt Tả hữu bảo dẫn Quýnh ra chém ở ngoài Xương Hạp Môn, đồng đảng của Quýnh đều bị tru di ba họ. Trường Sa Vương Ngãi dù ở trong triều, nhưng mọi việc từ trong ra ngoài ông đều lo liệu hết. Ông bàn với đại tướng quân Dĩnh, Dĩnh tiến cử Tôn Tuệ làm Tham tướng, Lục Vân làm Hữu Tư mã. Năm này Trần Lưu Vương mất, ban thụy là Ngụy Nguyên Hoàng Đế.

Quý Hợi: Đại An năm thứ 2	Thành Lý đặt niên hiệu Kiến Sơ năm đầu	Tiền Lương Trương Quỹ	Mộ Dung Hội bắt đầu ra làm quan	Đại: Thát Bạt làm quan, sau này gọi là Chiêu Đế

Đại tướng quân Dĩnh cậy công kiêu ngạo, xa xỉ phung phí còn hơn Tề Vương Quýnh. Lúc này Dĩnh ghét Trường Sa Vương Ngãi vì Ngãi ở trong triều không để ông ta thỏa chí của mình. Tháng tám, Dĩnh và Hà Gian Vương Ngung cùng dâng biểu tố giác Ngãi chuyên quyền trong triều rồi khởi binh giết Ngãi. Ngung dùng Trương Phương làm Đô đốc, dẫn binh từ Hàm Đông kéo đến Lạc Dương, dùng Bình Nguyên nội sử Lục Cơ làm tiền tướng quân đôn đốc quân của Thạch Siêu theo hướng Nam tiến về Lạc Dương, đóng binh ở Hà Kiều. Đế lại hạ chiếu cho Ngãi làm Thái úy Đô đốc thống lãnh cả quân trong ngoài để chế ngự bọn họ. Tháng mười thái úy Ngãi làm theo mệnh Đế đánh nhau với Lục Cơ ở Kiến Xuân Môn, quân của Cơ đại bại chạy đến khe Thất Lý, người chết nhiều đến nỗi nước không chảy được. Thạch Siêu chạy trốn, Dĩnh bắt Cơ đem chém, rồi cùng em ông ta là Lục Vân, Trương Phương vây hãm kinh sư.

Giáp Tý: Tấn: Vĩnh Hưng năm đầu	Hán: Lưu Uyên Chiếm Bình Dương, Nguyên Hy năm đầu	Thành Duy lên ngôi Vương ở Thành Đô. Kiến Hưng năm Đầu
Tiền Lương Trương Quỹ	Mộ Dung Hội	Đại: Thát Bạt năm thứ 10

+ Trường Sa Lệ Vương Ngãi nhiều lần đánh nhau với đại tướng quân Dĩnh. Thánh giêng, Đông Hải Vương Việt (cháu của em Tuyên Đế) lo việc không cứu được bèn ngầm cùng với các tướng trong điện ban đêm bắt Ngãi đưa đi tỉnh khác rồi bẩm báo với Đế. Đế hạ chiếu bãi chức quan đưa Ngãi về Kim Dung thành. Việt muốn giết Ngãi để yên lòng dân bèn sai người mật báo với Trương Phương, Phương bắt Ngãi đến doanh của mình rồi giết. Đại tướng quân Dĩnh vào kinh sư, sau ra trấn giữ đất Nghiệp. Đế hạ chiếu cho Dĩnh làm Thừa Tướng, gia phong Đông Hải Vương Việt chức Thượng thư lệnh. Dĩnh dâng biểu xin cho Lô Chí làm trung thư giám trông coi việc ở phủ Thừa Tướng. Hà Gian Vương Ngung ra trấn giữ Trường An. Tháng hai, Thừa Tướng Dĩnh dâng biểu xin phế Hoàng hậu Dương Thị và nhốt ở Kim Thành, phế hoàng Thái tử Đàm làm Thanh Hà Vương. Đế hạ chiếu cho Dĩnh làm hoàng thái đệ, xe cộ, y phục Dĩnh đều dời hết về đất Nghiệp. Dĩnh ngày càng xa xỉ, chỉ trọng dụng kẻ mình yêu mến, muôn dân quá thất vọng. Tư không Đông Hải Vương Việt và cố tướng Hữu vệ tướng quân

Trần Chẩn cùng bàn mưu đánh Dĩnh. Hà Gian Vương Ngung sai Trương Phương trấn giữ Lạc Dương, Dĩnh chống đối, từ đó Ngung, Dĩnh có mối hiềm khích. Tháng bảy, phục chức lại cho Hoàng hậu Dương Thị và Thái tử Đàm. Năm Kỷ Hợi, bọn Việt làm theo Đế đem binh đánh Dĩnh, Dĩnh sai Thạch Siêu đem năm vạn binh mã chống trả. Quân của Đế bại trận ở Thang Âm, trăm quan theo hầu chạy tứ tán, thị trung Kê Thiệu mặc triều phục xuống ngựa leo lên xa giá đem thân che chở Đế, quân của Dĩnh chém Thiệu, máu Thiệu ướt cả áo của Đế, Đế rớt xuống xe làm rớt cả ngọc tỷ. Đế đến đất Nghiệp ở tại doanh của Dĩnh, tư không Việt chạy xuống Hạ Phì. Tháng tám, lại phế Thái tử Đàm và Dương Hoàng hậu. Em của tư không Việt là đông doanh Công Đằng cùng Vương Tuấn hợp binh đánh Dĩnh. Đại tướng Vương Bân đánh tan quân Dĩnh, đất Nghiệp náo loạn, trăm quân chạy trốn, sĩ tốt tan rã. Lô Chí khuyên Dĩnh nên đưa Đế về Lạc Dương. Tướng của Ngung là Trương Phương kéo binh đến chuyên quyền triều chánh, thái đệ Dĩnh chẳng hề biết, bọn Trương Phương từ lâu chiếm cứ nơi này, binh sĩ cướp phá, dân tình loạn lạc. Tháng mười một, Trương Phương cướp Đế rồi dời đô về Trường An, quân dân đua nhau đến quốc khố cướp của. Toàn bộ của cải tích góp từ Ngụy Tấn đến nay đều bị mất sạch. Đế vào Trường An, phục chức lại cho Hoàng hậu, hạ chiếu cho thái đệ Dĩnh về lại phủ đệ của Thành Đô Vương, lập Dự Chương Vương Sí làm Hoàng thái đệ. Đế có cả thảy hai mươi lăm anh em, nay chỉ còn Dĩnh, Sí và Ngô Vương Yến. Yến tài đức không bằng người, Sí là người thông minh hiếu học, bởi vậy Thái tể Ngung lập ông (theo Đế kỷ).

Ất Sửu: Tấn Vĩnh Hưng năm thứ 2	Hán: Nguyên Hy năm thứ 2	Thành: Kiến Hưng năm thứ 2	Tiền Lương: Trương Quỹ
Mộ Dung Hội	Đại		

+ Đông Hải trung úy Lưu Hiệp thấy Trương Phương cướp Đế dời đô bèn khuyên Tư không Việt đem binh đánh Phương. Tháng bảy, Việt truyền hịch đến các trấn ở Sơn Đông rằng: “Muốn thống lãnh nghĩa quân đón Thiên Tử về lại đô cũ”. Bấy giờ Phạm Dương Vương Hao, Vương Tuấn vv... suy tôn Việt làm minh chủ. Tuấn sai tướng của mình là Kỳ Hoằng thống suất quân của Đột Kỵ, Tiên Ty, Ô Hoàn làm tiên phong cho Việt. Thái tể Ngung hoảng sợ, liền chém đầu Trương Phương

nộp cho Việt.

Bính Dần: Tấn Quang Hy năm đầu	Hán: Nguyên Hy năm thứ 3	Đại: Thành Hùng lên ngôi Hoàng Đế, Yến Bình năm đầu	Tiền Lương Trương Quỹ
Mộ Dung Hội	Đại		

+ Tháng năm, bọn Kỳ Hoằng theo hướng tây vào Quan Trung, thái tể Ngung một mình một ngựa trốn vào núi Thái Bạch. Bọn Hoằng vào Trường An đưa Đế về lại Lạc Dương. Tư Không Việt làm Thái phó nắm việc Thượng thư. Phạm Dương Vương Hao trấn giữ đất nghiệp, Nam Dương Vương Mô trấn giữ Hứa Xương, Vương Tuấn làm U Châu Thứ sử, Dĩnh bị Lưu Dư giết, Ngung bị Nam Dương Vương giết. Tháng mười một, Đế mất.

+ Hoài Đế: Tên là Sí, tự Phong Độ, con năm thứ hai mươi lăm của Vũ Đế. Vĩnh Hưng năm đầu, ông được lập làm hoàng thái đệ. Tháng mười một, niên hiệu Quang Hy năm đầu, Tuệ Đế mất, hoàng thái đệ lên ngôi Hoàng Đế. Vĩnh Gia năm thứ năm, ông bị binh Hán bắt, dời ông và ngọc tỷ về Bình Dương (Nay là Tấn Ninh lộ, Ký Châu). Hán chủ là Thông Phong Đế làm đặc tiến tả quang lộc đại phu Bình A Công. Năm Nhâm Thân, lại phong ông là Cối Kê quận công. Năm Quý Dậu, tháng hai ông bị hại, thọ ba mươi tuổi. Niên hiệu Vĩnh Gia có sáu năm.

Đinh Mão: Tấn Vĩnh Gia năm đầu	Hán: Lưu Uyên, Nguyên Hy năm thứ 4	Đại Thành: Hùng, Yến Bình năm thứ 2	Tiền Lương Trương Quỹ	Mộ Dung Hội
Đại: Thát Bạt				
Mậu Thìn: Vĩnh Gia năm thứ 2	Hán: Lưu Uyên lên ngôi Hoàng Đế, Vĩnh Phụng năm đầu	Yến Bình năm thứ 3	Tiền Lương	
Đại				

Kỷ Tỵ: Vĩnh Gia năm thứ 3	Hà Thụy năm đầu	Yến Bình năm thứ 4	Tiền Lương	
Đại				
Canh Ngọ: Vĩnh Gia năm thứ 4	Tháng bảy Uyên mất, con là Thông lên ngôi, Quang Hưng năm đầu	Yến Bình năm thứ 5	Tiền Lương	
Đại: Ỷ Lô ở Đất Đại rồi xưng công, sau tôn ông là Mục Đế				
Tân Mùi: Vĩnh Gia Năm thứ 5. Quân Hán bắt Đế	Hán: Lưu Thông, Gia Bình năm đầu	Đại Thành, Ngọc Hành năm đầu	Tiền Lương	
Đại Công				
Nhâm Thân: Bản Kỷ ghi: Vĩnh Gia thứ 06	Gia Bình năm thứ 2	Ngọc Hành năm thứ 2	Tiền Lương	
Đại Công				

+ Mẫn Đế: Tên là Nghiệp, tự Ngạn Kỳ, con của Ngô Vương Yến, cháu của Vũ Đế. Lạc Dương thất thủ. Hoài Đế lưu lạc ở dân gian, bọn Tuân Tổ đưa ông lên làm Thái tử, dựng Hành Đài ở Trường An rồi lập ra xã tắc. Tháng hai năm Quý Dậu, Hoài Đế bị hại. Tháng 4, tin dữ đến Trường An, quần thần đưa ông lên ngôi, đổi niên hiệu Kiến Hưng. Tháng chín năm thứ tư, Hán đại Tư mã Lưu Diệu vây Trường An. Tháng mười một, Đế nói với quần thần: "Nay nguy khốn thế này phải chịu nhục ra hàng để muôn dân được sống." Quần thần gào khóc, níu xe,

cầm tay Đế. Lưu Diệu sai Tông Sưởng đưa Đế về cung. Năm Đinh Dậu, Diệu dời Đế và công khanh trở xuống về doanh của mình, năm Tân Sửu đưa họ đến Bình Dương. Hán chủ Lưu Thông cho Đế làm Quang Lộc đại phu, phong tước Hoài An Hầu. Tháng mười hai năm Đinh Sửu, ông bị hại, thọ mười tám tuổi.Ông dựng hai chùa Thông Linh và Bạch Mã ở Trường An. Niên hiệu Kiến Hưng có bốn năm.

Quý Dậu: Tấn Kiến Hưng năm đầu	Hán: Gia Bình năm thứ 3	Đại Thành: Ngọc Hành năm thứ 3	Tiền Lương Trương Quỹ	Mộ Dung Hội
Đại Công				

Tháng ba, có hai tượng Phật bằng đá lênh đênh trên biển trôi vào cửa khẩu Hỗ Độc, Tùng Giang đất Ngô. Thầy cúng, sĩ dân đua nhau đến vớt, bỗng gió sóng nổi lên ầm ầm. Quan huyện Chu Ưng vốn là người chánh tín Phật pháp, ông đến vớt tượng lên thuyền, tượng bỗng nhẹ như lông chim, phía sau hai tượng có đề: Ca-diếp và Duy-vệ. Ông đem tượng an trí tại chùa Thông Huyền (nay là chùa Khai Nguyên ở Bình Giang Lộ). Lương Giản Văn Hoàng Đế có làm bài ký tán thán (theo văn bia ở chùa này).

Giáp Tuất: Tấn Kiến Hưng năm thứ 2	Gia Bình năm thứ 4	Ngọc Hành năm thứ 4	Tiền Lương	
Đại Công				
Ất Hợi: Kiến Hưng năm thứ 3	Hán bái Thạch Lặc làm Thiểm Bá, niên hiệu Kiến Nguyên năm đầu	Ngọc Hành năm thứ 5	Tiền Lương	
Đại Công				

Bính Tý: Tấn, Kiến Hưng năm thứ tư, quân hán bắt Đế	Hán: Lưu Thông Lân Nguyễn năm đầu	Đại Thành Lý Ngọc Hành năm thứ 6	Tiền Lương Trương Phật Soán ngôi	Mộ Dung Hội
Đại Công: Thát Bạt				

Thời Tây Tấn, cả Tăng lẫn tục có mười hai người dịch kinh, dịch tổng cộng sáu trăm quyển Kinh Luật, dựng một trăm tám mươi ngôi chùa, độ ba ngàn bảy Tăng ni.

Nhà Tấn gồm bốn vua, trị vì năm mươi hai năm, dời đô về Kiến Nghiệp. ban đầu là Kiến Nghiệp, sau tránh tên húy của Mẫn Đế nên đổi lại Kiến Khang. Những nước ở xen lẫn miền Trung hạ cùng thời với Tấn Ngụy có ghi trong phần Giáp Tý thuộc Khai Hoành Lịch, Nhiễm Ngụy không nằm trong mười sáu nước.

Hán Lưu Uyên: Triệu Lưu Diệu (xem trong Đông Tấn Thành Đế, năm Hàm Hòa năm thứ ba)

Tiền Lương Trương Quỹ (xem Đông Tấn Vũ Đế, Thái Nguyên năm đầu)

Thành Lý Đặc, sau đổi thành Hán (xem Đông Tấn Mục Đế, Vĩnh Hòa năm thứ ba)

Hậu Triệu Thạnh Lặc (xem Đông Tấn Mục Đế, Vĩnh Hòa năm thứ năm)

Tiền Yên Mộ Dung Hội, bắt đầu từ Tuệ Đế năm Đại An năm thứ hai ra làm quan (xem Đông Tấn Phế Đế, Thái Hòa năm thứ năm)

Tiền Tần họ Phù (xem Đông Tấn Vũ Đế, Thái Nguyên năm thứ mười chín)

Hậu Tần họ Diêu (xem Đông Tấn An Đế, Nghĩa Hy năm thứ mười ba)

Hậu Lương Lã Quang (xem Đông Tấn An Đế, Long An năm thứ năm)

Tây Tần khuất phục Quốc Nhân (xem Tống Văn Đế, Nguyên gia năm thứ năm)

Hậu Yên Mộ Dung Thùy (Xem Đông Tấn An Đế, Nghĩa Hy năm thứ ba)

Nam Lương Ngốc Phát Ô Cô (Xem Đông Tấn An Đế, Nghĩa Hy

năm thứ mười)

Tây Lương Lý Cảo (xem Tống Vũ Đế, Vĩnh Sơ năm thứ ba)

Bắc Lương Thư Cừ Mông Tốn (xem Tống Văn Đế, Nguyên Gia năm thứ mười sáu)

Đại Hạ Hách Liên Bột Bột (xem Đông Tấn An Đế, Nghĩa Hy năm thứ hai)

Bắc Yên Phùng Bạt (xem Tống Văn Đế, Nguyên Gia năm thứ mười ba)

Nam Yên Mộ Dung Đức (xem Đông Tấn An Đế, Nghĩa Hy năm thứ năm)

Sau khi Nguyên Ngụy chia thành Đông, Tây, Đông Ngụy nhường ngôi cho Tề, Chu diệt Tề. Tây Ngụy nhường ngôi cho Chu, Chu nhường ngôi cho Tùy.

■